

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TÂY TẠNG TỰ - BÌNH DƯƠNG

KINH LĂNG NGHIÊM TÔNG THÔNG

大佛頂
如來密因修證了義
諸菩薩萬行首楞嚴經宗通



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
PHẬT LỊCH : 2546 - 2002

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam

Tây Tạng Tự - Bình Dương

KINH
LĂNG NGHIÊM
TÔNG THÔNG
TRỌN BỘ

Dịch giả:

THUBTEN OSALL LAMA - NHÃN TẾ THIỀN SƯ

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
ẤN BẢN LẦN THỨ HAI - PHẬT LỊCH: 2546-2002

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
Lời Nói Đầu	8
.....	10
TIỀU SỬ NGÀI THUBTEN OSALL LAMA (NHÃN TẾ THIỀN SƯ)	11
PHẦN THỨ NHẤT: PHẦN TỰA.....	14
DUYÊN KHỞI CỦA KINH LĂNG NGHIÊM TÔNG THÔNG	14
Quyển 1	18
ĐẠI PHẬT ĐẢNH, NHƯ LAI MẬT NHÂN, TU CHỨNG LIỄU NGHĨA, CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH, KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TÔNG THÔNG	18
Tựa Chung	28
DUYÊN KHỞI CỦA KINH	39
PHẦN THỨ HAI: PHẦN CHÁNH TÔNG	54
CHƯƠNG I: CHỈ BÀY CHÂN TÂM.....	54
MỤC MỘT: GẠN HỎI CÁI TÂM	54
I. NGUYÊN DO CỦA THƯỜNG TRỤ VÀ LƯU CHUYỀN	54
II. CHẮP TÂM Ở TRONG THÂN	61
III. CHẮP TÂM Ở NGOÀI THÂN	68
IV. CHẮP TÂM NÚP SAU CON MẮT	71
V. CHẮP NHẮM MẮT THẤY TỐI LÀ THẤY BÊN TRONG THÂN	76
VI. CHẮP TÂM HỢP VỚI CHỖ NÀO THÌ LIỀN CÓ Ở CHỖ ẤY	79
VII. CHẮP TÂM Ở CHẶNG GIỮA	83
VIII. CHẮP TÂM KHÔNG DÍNH DÁNG VÀO ĐÂU TẤT CẢ	86
MỤC HAI: CHỈ RÕ TÁNH THẤY	89
I. CẦU ĐI ĐẾN CHỖ CHÂN THẬT	89
II. PHÓNG QUANG NÊU RA TÁNH THẤY VIÊN MÃN SÁNG SUỐT	90
III. HAI THỨ CĂN BẢN	92
IV. NƯƠNG CÁI THẤY, GẠN HỎI CÁI TÂM	96
V. CHỈ RÕ TÍNH THẤY KHÔNG PHẢI LÀ CON MẮT	104
VI. Ý NGHĨA CHỦ VÀ KHÁCH	121
Chú thích q1	132
Quyển 2	142
VII. CHỈ TÁNH THẤY KHÔNG SANH DIỆT	142
VIII. CHỈ CHỖ ĐIỀN ĐẢO	151
IX. LỰA BỎ TÂM PHAN DUYÊN ĐỂ CHỈ TÁNH THẤY KHÔNG THỂ TRẢ VỀ ĐÂU	161
X. LỰA RIÊNG TRẦN CẢNH ĐỂ NÊU RA TÁNH THẤY	172
MỤC BA: PHẬT NÊU RA TÁNH THẤY NGOÀI CÁC NGHĨA “PHẢI” VÀ “CHẶNG PHẢI”	189

I. NGHI TÁNH THẤY HIỆN Ở TRƯỚC MẮT	189
II. CHỈ RA KHÔNG CÓ CÁI GÌ TỨC LÀ CÁI THẤY	191
III. CHỈ RA KHÔNG CÓ CÁI GÌ RA NGOÀI TÁNH THẤY	192
IV. NGÀI VĂN THÙ KÍNH XIN PHẬT PHÁT MINH HAI THỨ	199
V. TÁNH THẤY KHÔNG CÓ PHẢI HAY CHẲNG PHẢI	202
MỤC BỐN: PHÁ NHỮNG THUYẾT NHÂN DUYÊN, TỰ NHIÊN	213
I. NGHI TÂM TÍNH TỰ NHIÊN NHƯ THẦN NGÃ	213
II. CHỈ RA KHÔNG PHẢI LÀ TỰ NHIÊN	216
III. NGHI LÀ NHÂN DUYÊN	218
IV. TÁNH THẤY KHÔNG PHẢI LÀ NHÂN DUYÊN, RỜI CÁC DANH, TƯỚNG ..	219
V. BÁC NHÂN DUYÊN, TỰ NHIÊN	223
VI. CHỈ THẲNG TÁNH THẤY	225
MỤC NĂM: CHỈ RA CÁI VỌNG THẤY	230
I. XIN CHỈ DẠY TÁNH THẤY CHẲNG DO THẤY	230
II. CHỈ RA HAI THỨ VỌNG THẤY	232
MỤC SÁU: CHỈ RÕ Ý NGHĨA TÁNH THẤY KHÔNG PHẢI LÀ CÁI THẤY, VIÊN MÃN BỒ ĐỀ	244
MỤC BẢY: TÓM THU VỀ NHƯ LAI TẶNG	260
I. TÓM THU	260
A. THU SẮC ÂM	264
B. THU THỌ ÂM	270
C. THU TƯỞNG ÂM	272
D. THU HÀNH ÂM	275
E. THU THỨC ÂM	277
Chú thích q2	280
Quyển 3	284
F. THU SÁU NHẬP	284
G. THU MUỒI HAI XỨ	302
H. THU MUỒI TÁM GIỚI	319
I. THU BẢY ĐẠI	342
II. ĐỒN NGỘ PHÁP THÂN VÀ PHÁT NGUYỆN	378
Chú thích q3	404
Quyển 4	406
MỤC TÁM: CHỈ RÕ CĂN NGUYÊN HƯ VỌNG VÀ TÁNH GIÁC TOÀN VẸN	406
I. ÔNG MÃN TỪ TRÌNH BÀY CHỖ NGHI	406
II. VÔ MINH ĐẦU TIÊN	409
III. NGUYÊN NHÂN VỌNG THẤY CÓ THỂ GIỚI	415
IV. CHỈ RÕ GIÁC CHẲNG SANH MÊ	430
V. CHỈ CÁC ĐẠI CÓ THỂ TƯỞNG DUNG	434
VI. CHỈ TÁNH DIỆU MINH LÀ NHƯ LAI TẶNG, RỜI CẢ HAI NGHĨA “PHI” VÀ “TÚC”	440
CHỈ MÊ VỌNG KHÔNG CÓ NHÂN, HẾT MÊ LÀ BỒ ĐỀ	451

VII. LẠI PHÁ XÍCH NHÂN DUYÊN, TỰ NHIÊN	461
A. XƯA NAY KHÔNG VỌNG.....	461
B. ĐƯA VÀO BỒ ĐỀ	466
MỤC CHÍNH: CHỈ NGHĨA QUYẾT ĐỊNH.....	472
I. CÁC PHÉP TU HÀNH SAU KHI ĐỒN NGỘ, PHÁT BỒ ĐỀ TÂM	472
II. TÂM NHÂN ĐỊA	477
A. XÉT RÕ GỐC RỄ PHIỀN NÃO	493
B. ĐÁNH CHUÔNG ĐỀ THÊ HIỆN TÍNH THƯỜNG.....	524
1. NGHI CĂN TÁNH KHÔNG CÓ TỰ THÊ.....	524
2. CHỈ BÀY TÁNH NGHE LÀ THƯỜNG TRỰ.....	527
Chú Thích q4.....	534
Quyển 5	537
CHƯƠNG II: NUỐNG CHỖ NGỘ MÀ TU	537
MỤC MỘT: NÊU RA CÁI CĂN ĐỀ CHỈ CHỖ MÊ	537
I. XIN KHAI THỊ CÁCH CỎI NÚT	537
II. MƯỜI PHƯƠNG NHƯ LAI ĐỒNG MỘT LỜI CHỈ THỊ: SÁU CĂN LÀ ĐẦU NÚT SANH TỬ VÀ NIẾT BÀN	539
III. THẤY RÕ TÁNH CỦA MỐI NÚT ĐỀ TỨC THỜI GIẢI THOÁT	541
IV. KỆ TỤNG.....	545
MỤC HAI: CỘT KHĂN ĐỀ CHỈ MUỐI NÚT VÀ CÁCH MỞ	561
I. CỘT NÚT	561
II. CÁCH MỞ NÚT.....	566
MỤC BA: HỎI ĐẠI CHỨNG VỀ VIÊN THÔNG.....	573
I. VIÊN THÔNG VỀ THANH TRẦN	575
II. VIÊN THÔNG VỀ SẮC TRẦN.....	580
III. VIÊN THÔNG VỀ HƯƠNG TRẦN	583
IV. VIÊN THÔNG VỀ VỊ TRẦN.....	586
V. VIÊN THÔNG VỀ XÚC TRẦN	589
VI. VIÊN THÔNG VỀ PHÁP TRẦN	592
VII. VIÊN THÔNG VỀ NHÃN CĂN	595
VIII. VIÊN THÔNG VỀ TỶ CĂN.....	599
IX. VIÊN THÔNG VỀ THIỆT CĂN	600
X. VIÊN THÔNG VỀ THÂN CĂN	602
XI. VIÊN THÔNG VỀ Ý CĂN.....	606
XII. VIÊN THÔNG VỀ NHÃN THỨC	609
XIII. VIÊN THÔNG VỀ NHĨ THỨC	612
XIV. VIÊN THÔNG VỀ TỶ THỨC	615
XV. VIÊN THÔNG VỀ THIỆT THỨC.....	618
XVI. VIÊN THÔNG VỀ THÂN THỨC	621
XVII. VIÊN THÔNG VỀ Ý THỨC.....	625
XVIII. VIÊN THÔNG VỀ HỎA ĐẠI.....	628
XIX. VIÊN THÔNG VỀ ĐỊA ĐẠI	631
XX. VIÊN THÔNG VỀ THỦY ĐẠI	634
XXI. VIÊN THÔNG VỀ PHONG ĐẠI	642

XXII. VIÊN THÔNG VỀ KHÔNG ĐẠI	647
XXIII. VIÊN THÔNG VỀ THỨC ĐẠI	651
XXIV. VIÊN THÔNG VỀ KIẾN ĐẠI	655
Chú Thích q5.....	661
Quyển 6	664
MỤC BỐN: VIÊN THÔNG VỀ NHĨ CĂN	664
I. DIỆU LỰC VÔ TÁC THÀNH TỰU BA MƯƠI HAI ỨNG THÂN.....	667
II. BỐN CÔNG ĐỨC VÔ ÚY	730
MỤC NĂM: CHỈ PHÁP VIÊN TU	762
I. PHÓNG HÀO QUANG, HIỆN ĐÌỀM LÀNH	762
II. PHẬT BẢO NGÀI VĂN THÙ CHỌN CĂN VIÊN THÔNG	765
III. LỰA RA NHỮNG CĂN KHÔNG VIÊN	766
IV. NHĨ CĂN VIÊN THÔNG HƠN HẾT	806
PHỤ LỤC	849
Chú thích q6.....	853
Quyển 7	856
CHƯƠNG III: PHẬT KHAI THỊ VỀ MẶT GIÁO	856
I. KHAI THỊ ĐẠO TRÀNG TU CHỨNG	859
II. TUYÊN THUYẾT THẦN CHÚ	864
III. KHAI THỊ ĐÂY LÀ TÂM CHÚ CỦA MƯỜI PHƯƠNG NHƯ LAI	874
IV. SỨC CỦA THẦN CHÚ LÀM TIÊU NGHIỆP CHƯỚNG TẠO PHƯỚC ĐỨC, SỐNG CHÂN THƯỜNG	878
V. CHÚ LÀ PHƯỚC ĐỨC NHƯ Ý CHO MÌNH VÀ CHO CẢ NƯỚC, BẢO HỘ CHO NGƯỜI SƠ HỌC	883
VI. CÁC THẦN HỘ PHÁP PHÁT NGUYỆN BẢO HỘ RỘNG RÃI	886
CHƯƠNG IV: KHAI THỊ CÁC ĐỊA VỊ TU CHỨNG	890
MỤC MỘT: KHAI THỊ HAI CÁI NHÂN ĐIỀN ĐẢO VÀ BA MÓN TIỆM THÚ	890
I. ÔNG ANAN XIN KHAI THỊ NHỮNG DANH MỤC, THỨ BẬC TU HÀNH	890
II. KHAI THỊ HAI CÁI NHÂN ĐIỀN ĐẢO	892
Chú Thích q7.....	919
Quyển 8	920
III. KHAI THỊ BA TIỆM THỨ TU TẬP	920
MỤC HAI: AN LẬP CÁC THÁNH VỊ	932
I. CÀN HUỆ ĐỊA	932
II. THẬP TÍN	933
III. THẬP TRỤ	952
IV. THẬP HẠNH	971
V. THẬP HỒI HƯỚNG	991
VI. TỨ GIA HẠNH	1010
VII. THẬP ĐỊA	1019
VIII. ĐẲNG GIÁC VÀ DIỆU GIÁC	1038

MỤC BA: CHỈ DẠY TÊN KINH.....	1048
CHƯƠNG V: PHÂN BIỆT CÁC NGHIỆP QUẢ TẠO THÀNH TAM GIỚI. CHỈ RÕ CÁC CẢNH GIỚI TU CHỨNG VÀ CÁC CHƯỚNG NGẠI	1060
.....
I. HỎI VỀ SỰ SANH KHỞI VÀ NHÂN QUẢ CỦA LỤC ĐẠO.....	1060
II. KHAI THỊ VỀ PHẬN TRONG, PHẬN NGOÀI CỦA CHÚNG SANH	1065
III. CHỈ RA MƯỜI TẬP NHÂN VÀ SÁU GIAO BÁO	1071
IV. KHÔNG TU THEO CHÁNH GIÁC: THÀNH CÁC THỨ TIÊN.....	1103
V. CÁC CỐI TRÒI.....	1109
A. DỤC GIỚI	1109
Chú thích q8.....	1113
Quyển 9	1116
B. SẮC GIỚI	1116
C. VÔ SẮC GIỚI.....	1128
D. BỐN GIÓNG A TU LA	1134
VI. KHAI THỊ SỰ HƯ VỌNG CỦA BẨY LOÀI ĐỂ KHUYÊN TU CHÂN CHÁNH	1137
VII. PHÂN BIỆT CÁC ẨM MA.....	1141
A. NGUYÊN DO KHỎI CÁC MA SỰ	1141
B. PHẠM VI CỦA SẮC ẨM	1147
C. PHẠM VI CỦA THỌ ẨM.....	1155
D. PHẠM VI CỦA TƯỞNG ẨM	1165
Quyển 10	1184
E. PHẠM VI CỦA HÀNH ẨM.....	1184
F. PHẠM VI CỦA THỨC ẨM	1226
VIII. SANH TỬ LÀ VỌNG TƯỞNG NĂM ẨM MÀ CÓ, LÝ TUY ĐỒN NGỘ, SỰ PHẢI TIỆM TRỪ	1268
PHẦN THỨ BA: PHẦN LUU THÔNG.....	1293
I. ĐƯỢC PHƯỚC, TIÊU TỘI HƠN CẢ.....	1293
II. TRỪ MA HƠN CẢ.....	1297
III. LUU THÔNG CHUNG	1299

Lời Nói Đầu

Bộ kinh Lăng Nghiêm Tông Thông này được Ngài Thubten Osall Lama, tức Nhẫn Tế Thiền Sư, Đức Sơ Tổ khai sơn Tây Tạng Tự, dịch và chú thích thêm từ bản Hán văn sang Việt văn vào năm 1944, đến năm 1950 thì hoàn tất.

Nay, với mong muốn để nhiều người có cơ hội được đọc bộ kinh này, vì muốn được sự liễu ngộ Phật Đạo mà không đọc đến bộ kinh Lăng Nghiêm Tông Thông thì khó bèle được mĩ mãn. Nên chúng tôi, chúng đệ tử Tây Tạng Tự đời thứ ba, sau khi được sự chấp thuận của Thầy Bổn Sư, Hòa Thượng Thượng Tịch Hạ Chiếu, Nhị Tổ Tây Tạng Tự, đã biên tập lại bản dịch của Đức Sơ Tổ Thubten Osall Lama theo ngữ văn đương thời.

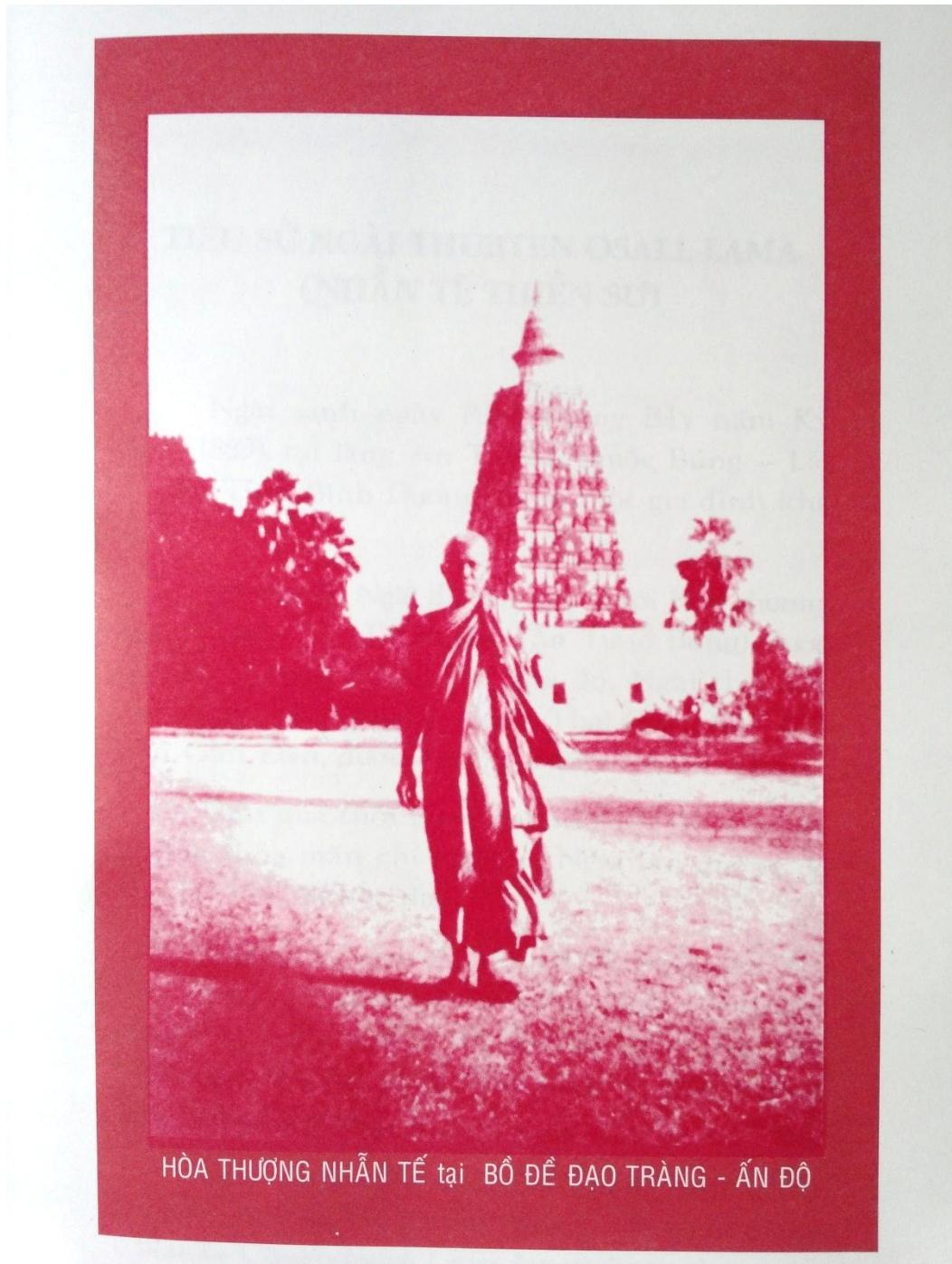
Trong công tác biên tập này, chúng tôi xin biết ơn chư Tôn Đức đã dịch kinh Lăng Nghiêm và các kinh khác sang Việt văn. Nhờ công trình của quý vị mà chúng tôi có được những danh từ chính xác, những chỉ dẫn bổ ích hỗ trợ cho công việc vốn khó khăn và quá sức chúng tôi.

Chúng tôi xin sám hối với chư Tổ và quý độc giả về những lỗi lầm ắt có trong việc giản lược một số chú thích và biên tập lại bản dịch nguyên được Ngài Thubten Osall Lama trong Định, Huệ viết ra. Nguõng mong nhận được những chỉ giáo quý báu của các bậc thiêng tri thức.

Lần tái bản này, chúng tôi đã hiệu đính những sơ suất do không trực tiếp quản lý khâu đánh máy và chế bản trong ấn bản lần thứ nhất. Chúng tôi xin cáo lỗi cùng quý độc giả và kính mong nhận được sự góp ý của quý vị.

Nguyễn đem công đức này, hướng về khắp tất cả, đệ tử và chúng sanh đều tròn thành Phật Đạo.

Chúng đệ tử đời thứ ba Tây Tạng Tự.



HÒA THƯỢNG NHÃN TẾ tại BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG - ẤN ĐỘ

TIỀU SỬ NGÀI THUBTEN OSALL LAMA (NHÃN TẾ THIỀN SƯ)

Ngài sanh ngày Rằm tháng Bảy năm Kỷ Sửu (1889), tại làng An Thạnh thuộc Búng - Lái Thiêu Tỉnh Bình Dương, trong một gia đình khá giả.

Từ thơ ấu Ngài đã thọ quy y với Hòa Thượng trụ trì Chùa Sắc Tú Thiên Tôn Tự (ở Búng), được đặt pháp danh Nhẫn Tế. Sau đó, Ngài thọ giới cụ túc với Hòa Thượng Thiên Thai (ở Bà Rịa) làm chủ Giới Đàn, được đặt pháp hiệu Minh Tịnh.

Trải qua thời gian, phần lớn là tự tu, thấy không thỏa mãn chí nguyện, Ngài lên đường đi Ấn Độ tầm sư học đạo.

Tháng Tư năm Ất Hợi (1935), Ngài đến Ấn Độ. Trong thời gian trên đất Ấn, Ngài tùy thuận phong tục, đắp y theo xứ Sri Lan-ka. Ở Ấn Độ, Ngài cũng không thấy thỏa mãn, lại muốn sang Tây Tạng học hỏi.

Ngài được một vị Lama pháp danh Gava Samden, từ Tây Tạng sang cùng ba đệ tử là Lama Chamba Choundouss, Lama Ise và Lama Isessqua Ấn Độ rước Ngài về Tây Tạng. Do được thông báo, nên qua các trạm dẫn vào Tây Tạng Ngài đều được nghinh tiếp rất niềm nở và trọng đại.

Ngài đến Lhasa vào tháng Sáu năm 1936.

Tại Tây Tạng, Ngài cầu pháp với Lama Nhiếp Chính và dự cuộc thi tuyển toàn quốc, chỉ có hai người được tuyển chọn

ứng thí: một người Tây Tạng và người còn lại là Ngài, người Việt Nam. Khi đoạn dây chỉ bện màu đỏ thắt quanh cổ Ngài xiết lại, Ngài vẫn bình thản nhìn. Chỉ có Ngài qua được cuộc khảo thí.

Sau một trăm ngày ở Tây Tạng, Ngài được Đại Thượng Toạ Lama Nhiếp Chính ngự ý ban cho pháp danh THUBTEN OSALL LAMA và ân chứng sở đắc Pháp Giáo Ngoại Biệt Truyền, Bất Lập Văn Tự, Trực Chỉ Chơn Tâm Kiến Tánh Lập Địa Thành Phật tại triều đình nước Tây Tạng.

Ngài trở về Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1937.

Cuộc hành trình cùng các hình ảnh được Ngài ghi chép cẩn thận trong nhật ký còn lưu lại tại Chùa Tây Tạng - Bình Dương.

Về Việt Nam, Ngài lập Chùa Thiên Chơn (ở Búng - Lái Thiêu). Sau đó, lại xây dựng Chùa Tây Tạng hiện nay tại Bình Dương.

Ngài thị tịch ngày 17 tháng 5 năm 1951 (Tân Mão) tại Chùa Tây Tạng, thọ 63 tuổi.

Vị kế thế Ngài là Hoà Thượng Thượng Tịch Hạ Chiếu hiện trụ trì Chùa Tây Tạng - Bình Dương.

**ĐẠI PHẬT ĐÀNH NHƯ LAI MẬT NHÂN TU CHÚNG
LIỄU NHĨA CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG
NGHIÊM KINH TÔNG THÔNG**

Đời Đường:

Ngài Bát Lạt Mật Đế, Sa môn xứ Thiên Trúc, dịch. Ngài Di
Già Thích Ca, Sa môn xứ Ô Trường, dịch ngũ. Trần Chánh
Nghị Đại Phu Phòng Dung, Bồ tát giới đệ tử chép.

Đời Minh:

Bồ tát giới đệ tử Tiền Phụng Huân Đại Phu, Lễ Bộ Từ Tế
Thanh Sử Tư Viên Ngoại Lang, Nam Nhạc Tăng Phụng Nghi
tông thông.

Việt dịch:

Thubten Osall Lama - Nhẫn Tế Thiên Sư

Thực hiện:

Chúng đệ tử Đời Thứ Ba Tây Tạng Tự

Thực hiện:

Chúng đệ tử Đời Thứ Ba Tây Tạng Tự

ẤN BẢN LẦN THỨ HAI

2546 – 2002

PHẦN THỨ NHẤT: PHẦN TỰA

DUYÊN KHỞI CỦA KINH LĂNG NGHIÊM TÔNG THÔNG

Đề tựa: Núi Nam Nhạc, Quan Trương Kim Giản tên là Tăng Phụng Nghi, Thuần Trung Phụ.

Xưa, Ngài Thiên Thai Trí Giả theo học Đạo thiền sư Huệ Tư ở núi Nam Nhạc, đắc Pháp Hoa Tam Muội, thấy được pháp hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Từ đó xem Kinh, Luật hoát nhiên thông suốt. Đến khi Ngài giải thích ý nghĩa sáu căn trong sạch trong kinh Pháp Hoa thì trầm ngâm rất lâu. Có một vị tăng người Ân nói với Ngài: “Chỉ có kinh Thủ Lăng Nghiêm là nói rõ ràng công đức của sáu căn, đủ để y chứng”. Từ đó, Ngài Trí Giả khao khát ngưỡng mộ. Suốt mười sáu năm, mỗi sáng tối hướng về phương Tây lạy bái. Ở phía trái chùa Thiên Thai ở núi Nam Nhạc vẫn còn Đài Kinh. Sau Ngài hơn một trăm năm, kinh Lăng Nghiêm mới vào Trung Quốc. Kinh do Tể Tướng Phòng Dung ghi chép, văn tự tao nhã, bởi thế các bậc học sĩ đại phu đều tụng kinh này. Tôi từng ba lần đến Bá Kinh Đài, lần nào cũng bồi hồi chẳng muốn về, thầm than: “Người xưa ngưỡng mộ kinh này hơn mười mấy năm mà chẳng được thấy. Nay Lăng Nghiêm bày đầy thì người ta lại chẳng hề xem! Tại sao thế?”. Nhơn đó, tôi bèn phát tâm viết

bộ Lăng Nghiêm lên đá, thuê thợ chạm rồi xếp thành một tòa thạch thất, khiến người đến viếng Bá Kinh Đài sẽ đọc được mà đều nói: Kinh đã đến đây rồi! Như thế vì Ngài Trí Giả mà bổ sung cho một sự thiếu sót. Vừa cầm bút định viết, chợt nghĩ: chỗ ta viết đây là chữ, chẳng phải là nghĩa vậy! Ngài Trí Giả mong bộ Kinh này đến đây là mong người người hiểu nghĩa của Kinh. Như Ngài Huyền Sa Sư Bị, nhân đọc Lăng Nghiêm mà phát minh tâm yếu, đó là thâm nhập vào nghĩa vậy. Cho đến thiền sư Linh Nham An, Trường Thủy Tuyền, Trúc Am Khuê, Hoàng Long Nam, Thiệu Long An Dân... đều do Lăng Nghiêm mà ngộ. Như vậy là các Ngài đã không có phụ sự truyền sang của bộ kinh này. Nếu theo văn mà giải nghĩa, chú thích câu chữ, đến mấy mươi nhà mà nghĩa kinh càng ngày càng xa, đó là lỗi làm do chẳng cầu ở tâm mình. Nếu tỏ ngộ tự tâm, thì tuy là kinh này chưa đến, mà chỗ y giáo lập nghĩa của Ngài Trí Giả, mỗi mỗi đều hợp với Lăng Nghiêm. Không ngộ được tự tâm, tuy là có kinh Lăng Nghiêm trước mặt, thì cũng như kinh ở tại Ân vậy. Tức là kinh điển đầy nhà mà nào có ích! Việc nhà của các thiền sư là quét sạch văn tự kiến giải cho là chẳng đủ để sùng thượng, thật có lý lầm thay! Nhưng khi tiếp dẫn hàng sơ cơ, xuất lời thở khí, lời lẽ ý tú thật tọ Lăng Nghiêm. Cho đến sự phát minh hướng thượng, chứng nhập Bồ Đề, thì cùng với hai mươi lăm chỗ chứng viên thông, cơ duyên không khác. Tức là chẳng tung Lăng Nghiêm, mà Lăng Nghiêm đã sẵn đủ hiện giờ. Tức là Lăng Nghiêm chưa đến cõi này, mà cõi này chẳng phải là chưa có Lăng Nghiêm.

Tôi chẳng biết tự lượng sức, góp khắp lời của Tông Môn, phối hợp vào kinh văn. Hoặc để thầm hợp, hoặc để cùng thấy, hoặc suy rộng ý kinh, hoặc bày tỏ chõ chưa bày tỏ. Tôi cũng không ngờ mình làm nổi. Trong khoảng trời đất làm sao có được thứ nghị luận này. Âu cũng do túc nguyện nhiều đời vậy.

Đây là tôi nhờ các vị Lão Túc để làm rõ nghĩa kinh chứ chẳng phải tự do tôi, và lấy Thiền Tông để soi sáng kinh chớ chẳng phải lấy văn tự kiến giải mà giảng. Bèn đặt tên là Tông Thông [01]. Tông Thông cùng với Thuyết Thông. Phải tự đắc Bản Tâm thì mới cùng với các bậc Lão Túc mặc áo gặp nhau. Chẳng những một hội Lăng Nghiêm nghiêm nhiên chưa tan, mà Ngài Trí Giả đến nay cũng vẫn còn đó.

Bài văn tán ngợi rằng:

*"Sáu vạn ba ngàn lời mười trang
Giáo, Hạnh, Lý; Không, Giả, Trung Quán
Viên thông Hoa tang Tín Hạnh giải
Chứng rồi Định Huệ xứt Niết Bàn
Phá vọng hiển chân, Chân Nhất thật
Phản văn nung ấm, ấm tiêu tan
Tôi lỗi vô minh mười phương ngực
Tôi ấy băng tiêu, tọa Phật tràng."*

Nam mô Lăng Nghiêm Hội Thượng Chư Phật, Chư Đại Bồ Tát, Chư Thánh Hiền Tăng.

01.Tông Thuyết cu thông, nghĩa là đạo lý nói ra đều là tự tại suốt thông. Có câu: Tông Thông là Thuyết Thông vậy. Phép thiền (thiền môn) từ khi được tỏ ngộ thấu đáo, nói rằng

Tông Thông; nói pháp tự tại (không còn trở ngại), nói rằng Thuyết Thông.

Có câu: Tông Thuyết cu thông làm bậc Đại Tông Sư.

Tổ Đinh Sư Văn Thất nói: Tổ Thanh Lương nói rằng Tông Thông là tự mình tu hành. Thuyết Thông chỉ bậc chưa tò ngộ.

Kinh lăng Già: Phật dạy Ông Đại Huệ: Tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát có hai giống thông tướng. Gọi là Tông Thông, Thuyết Thông.

Đông Chú nói: Tông ấy là gốc của Đạo. Thuyết ấy là dấu tích của pháp giáo.

Chứng Đạo Ca nói: Tông cũng thông, Thuyết cũng thông. Định Huệ tròn sáng, chẳng trệ nơi không.

Quyển 1

**ĐẠI PHẬT ĐÁNH, NHƯ LAI MẬT NHÂN, TU CHỨNG
LIỄU NGHĨA, CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH, KINH THỦ
LĂNG NGHIÊM TÔNG THÔNG.**

Đời Đường, Ngài Bát Lạt Mật Đế, sa môn xứ Thiên Trúc, dịch; Ngài Di Già Thích Ca, Sa môn xứ Ô Trường, dịch ngữ. Trần Chánh Nghị Đại Phu Phòng Dung, Bồ Tát Giới đệ tử chép.

Đời Minh, Bồ Tát Giới đệ tử Tiền Phụng Huấn Đại Phu, Lễ Bộ Từ Tế Thanh Sử Tư Viên Ngoại Lang, Nam Nhạc Tăng Phụng Nghi, Tông Thông.

Thông rằng: Kinh này tại sao lại đặt tên là “Đại Phật Đánh, Như Lai Mật Nhân, Tu Chứng Liễu Nghĩa, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh, Thủ Lăng Nghiêm”? Kinh chép: “Khi ấy, Đức Văn Thủ Sư Lợi Pháp Vương Tử từ trong đại chúng, rời khỏi chỗ ngồi, đánh lê chân Phật mà thưa rằng: “Phải gọi kinh này tên gì? Tôi cùng với chúng sanh làm thế nào phụng trì?”

Phật dạy Ngài Văn Thủ Sư Lợi rằng: “Kinh này tên Đại Phật Đánh, Tát Đát Đa Bát Đát Ra (Bạch Tán Cái), ấn báu vô thượng, Hải Nhãm trong sạch của mười phương Như Lai. Cũng gọi là cứu hộ người thân, độ thoát A Nan, và Tánh Tỳ kheo ni

ở trong hội này, đắc tâm Bồ Đề, bước vào biển Biển Trí. Cũng gọi là “Như Lai Mật Nhān, Tu Chứng Liễu Nghĩa”. Cũng gọi là “Đại Phương Quảng, Diệu Liên Hoa Vương, Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni chú”. Cũng gọi là “Quán Đánh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh, Thủ Lăng Nghiêm”. Ông nên thọ trì”.

Đoạn kinh trên gồm nhiều nghĩa, chỉ cần ba chữ “Đại Phật Đánh” là bao gồm hết. Bởi vì Phật Đánh thần chú, tức là mười phương Phật Mẫu Đà La Ni chú, tức là Quán Đánh Chương Cú, tức là độ thoát Anan và Tỳ kheo ni Tánh, do đó khởi lập lại. Chú này là “Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra”, dịch là “Đại Bạch Tán Cái”, là cái Lọng Trắng Lớn Che Trùm. Ròng trắng phau trong sạch, trùm che hết thảy, nên gọi là lớn. Đại Phật Đánh thần chú này, chẳng thể nghĩ bàn, mới gọi là Nhān Địa Bí Mật (01) của Như Lai, cái Liễu Nghĩa của Tu Chứng. Vạn Hạnh của Bồ Tát do đây mà sān đú, nên cả thảy rốt ráo bền chắc vậy. Pháp có thể tiệm mà không thể đốn, thì không thể gọi là Đại. Có thể đốn mà không thể viên, thì cũng không gọi là Đại (lớn) được. Nay nói là Mật, là Liễu, tức là đã gồm nghĩa Đốn. Nói là Tu Chứng, nói là Vạn Hạnh là ngầm nghĩa Viên. Duy cái pháp môn Viên Đốn (02) này, cùng với Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh và Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, không khác. Từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng cho đến Diệu Giác là đã bao gồm trong Hoa Nghiêm; còn Nhī Căn Viên Thông trọn cùng phẩm Phổ Môn tương ứng. Gồm đủ chỉ thú của hai bộ kinh trên, kinh Lăng Nghiêm thật rộng lớn biết bao!

Chưa ngộ, thì chuyền *cái chǎng có sanh diệt* thành ra *cái sanh diệt*, tức chǎng phải liễu nghĩa. Ngộ rồi, thì chuyền *cái sanh diệt* thành ra *cái chǎng có sanh diệt*, tức là nghĩa “*hết thảy rốt ráo kiên cố*”. Cho nên, một đường đi lên (03), không ngộ thì không được. Thế thì chú và ngộ liên quan thế nào, ngộ và chú quan hệ với nhau ra sao, mà đều cũng gọi là Đại Phật Đánh? Chú không thể nghĩ bàn, ngộ cũng không thể nghĩ bàn. Chú tức là cảnh giới của ngộ, ngộ tức là cảnh giới của chú. Đây là chỗ “Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ tuyệt”, thấy do lìa cái thấy, thì cái thấy là siêu việt. Cho nên giữ cái Phật Đánh, lìa cái tướng thấy của mình là vậy. Các dòng giống của Phật Đánh, một phen vượt lên nhập thẳng vào, đó là pháp môn cực tôn cực quý vậy. Hiệp Luận đặt tên là Tôn Đánh vì lẽ này.

Có vị tăng hỏi Ngài Hoàng Bá rằng: “Vô Biên Thân Bồ Tát (04) vì sao chẳng thấy Đánh Tướng của Như Lai?”

Ngài Bá đáp: “Thật không thể thấy. Vì sao thế? Vô Biên Thân Bồ Tát tức là Như Lai, không thể trở lại thấy. Chỉ cần ông không tạo ra cái Phật kiến thì không rơi vào Phật biên. Không tạo ra cái thấy chúng sanh thì không lạc vào giới hạn chúng sanh. Không gây ra cái thấy có thì không lạc vào giới hạn của cái có. Không tạo ra cái thấy không thì không rơi vào giới hạn của cái không. Không tạo ra cái thấy của phàm phu thì không rơi vào giới hạn của phàm phu. Không tạo ra cái thấy của Thánh thì không rơi vào giới hạn của Thánh. Chỉ Không tất cả mọi cái thấy, tức là Vô Biên Thân. Nếu có chỗ thấy, tức là ngoại đạo. Ngoại đạo thì ham các cái thấy. Bồ Tát nơi mọi cái thấy mà chẳng động. Như Lai là nghĩa Như của tất

cả các pháp, nên nói “*Di Lặc cũng là Như*” (05). Như tức là không có sanh ra, Như tức là không có diệt mất. Như tức là không có thấy, Như tức là không có nghe. *Đánh* tức là Viên (tròn), cũng không có cái thấy viên, nên chẳng rơi vào biên giới của viên. Bởi thế, thân Phật là vô vi, không rơi vào giới hạn. Tạm lấy hư không làm thí dụ. Tròn đầy như hư không rộng lớn, không thiếu không dư. Hãy nhàn nhã vô sự, chớ gắng gượng biện biệt cảnh giới giác ngộ, biện biệt thì thành thức”.

Lại có vị tăng hỏi Tô Bách Trượng: “Bồ Tát Vô Biên Thân không thấy Đánh Tướng của Như Lai là vì sao?”

Tô Trượng rằng: “Vì gây ra cái thấy hữu biên, cái thấy vô biên, nên chẳng thấy được đánh tướng Như Lai. Chỉ như bây giờ đây trọn không có cả thấy cái thấy hữu vô, cũng không phải là không có cái thấy, thì đó là thấy đánh tướng”.

Xem hai vị Tôn Túc nói ra nghĩa Phật Đánh, thật như viên ngọc tròn lăn trên bàn. Nếu biết chỗ ấy mới cho là trên cửa đánh, có được *con mắt lẻ* (06). Đã nói là Như Lai Mật Nhân, tức chẳng cậy mượn sự tu chứng. Lại nói *tu chứng liễu nghĩa* (07) là để phân biệt với *chẳng có liễu nghĩa* (08) vậy. Như Lai, ấy là nói về quả vậy. Kinh Kim Cang: “Nếu có người nói “Như Lai có đến, có đi, có ngồi, có nằm”, thì người ấy chẳng hiểu nghĩa chỗ ta nói. Vì sao thế? Như Lai là không từ chỗ nào đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai”. “Đến không từ chỗ nào, đi không về đâu”, quả là vật gì? Thế mới gọi là mật vậy. Phật Đánh Thần Chú là mật ngữ của Như Lai, thì hai

cái mật (mật ngũ và Như Lai) đó không phải là hai. Lấy cái mật này làm nhân, tức lấy cái mật ấy đắc quả. Như đóa bông sen, nhân quả đồng thời sẵn đủ. Dùng cái này mà tu, thì tu mà không tu. Dùng cái này để chứng, thì chứng mà không chứng. Kinh nói “*Nào mượn sự cực nhọc tu chứng*”, đây tức là ý chỉ của Liễu Nghĩa. Nếu không được như thế là vì chưa liễu ngộ vậy.

Xưa, Huệ Minh đuổi kịp Đức Lục Tổ để dành y bát.

Tổ dạy: “Ông đã vì Pháp mà đến, hãy an dùng các duyên, không sanh một niệm, ta sẽ vì ông mà nói”.

Ông Huệ Minh im lặng hồi lâu, Tổ nói: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, ngay khi ấy, là Bản Lai Diện Mục (09) của Minh Thượng Tọa”.

Ông Huệ Minh nghe xong, đại ngộ.

Lại hỏi: “Ngoài lời mật, ý mật ấy, còn cái ý mật nào không?”

Tổ đáp: “Đã nói cùng ông, tức chẳng phải mật. Nếu ông soi trở lại, thì mật ở tại bên ông”.

Thầy Minh thưa: “Tôi mặc dầu ở Huỳnh Mai, mà thật chưa tò ngộ được mặt mũi của mình. Nay nhờ ơn chỉ bày, như người uống nước, lạnh nóng tự biết. Nay hành giả tức là thầy của tôi vậy”.

Tổ dạy: “Ông đã như vậy, thì nay tôi và ông cùng một thầy Huỳnh Mai. Hãy khéo tự hộ trì”.

Ngài Hoài Nhượng ban đầu ra mắt Đức Trung Sơn An thiền sư, hỏi: “Thế nào là ý Tổ Sư từ phương Tây (10) đến?”

Tổ An nói: “Sao không hỏi cái ý của chính ông?”

Ngài bèn hỏi: “Thế nào là ý của chính mình?”

Tổ Sơn đáp: “Cần quán xét cái mật nhiệm tạo nên cái dụng”.

Hỏi: “Như thế nào là cái mật nhiệm tạo nên cái dụng?”

Tổ Sơn dùng mắt mờ, nhắm chỉ bày đó.

Sư Nhượng không lãnh hội được. Tổ Sơn bèn bảo Ngài ra mắt Đức Lục Tổ.

Tổ hỏi: “Từ đâu đến?”

Sư Nhượng đáp: “Tung Sơn”.

Tổ hỏi: “Vật gì đó? Đến thế nào?”

Sư chẳng đáp được.

Trải qua tám năm, mới bạch với Tổ rằng: “Tôi đã có chỗ am hiểu”.

Tổ hỏi: “Như thế nào?”

Ngài đáp: “Nói giống như một vật là chẳng trúng!”

Tổ hỏi: “Lại có thể tu chứng chẳng?”

Đáp rằng: “Tu chứng thì chẳng phải là không, mà ô nhiễm thì chẳng thể được”.

Tổ rằng: “Hay lắm! Cái chǎng có ô nhiễm áy, là chõ hộ niệm của chư Phật. Ông đã y vậy, ta cũng y vậy”.

Như hai vị Tôn Túc áy, khé hợp sâu xa cái mật ý, được tu chứng liễu nghĩa vậy.

Sau, có vị sư hỏi Tổ Bách Trượng: “Trước đến giờ, chư Tổ đều có mật ngữ trao truyền cho nhau là thế nào?”

Tổ đáp: “Không có lời mật. Như Lai không có bí mật tạng. Chỉ như bây giờ soi tỏ ý nghĩa cho rõ ràng, tìm kiếm hình tướng, rõ là bất khả đắc, đó là mật ngữ. Từ bậc Tu Đà Hoàn (Nhập Lưu) trở lên cho đến Thập Địa, bất quá chỉ có Chữ và Lời (Ngữ Cú), còn là thuộc về pháp trần cầu hết thảy. Chỉ có lời nói, còn trọn cả đều nằm trong phiền não. Chỉ có lời nói, còn trọn cả đều thuộc về bất liễu nghĩa. Chỉ có lời nói, tức chǎng được chấp nhận vậy. Liễu nghĩa giáo đều chǎng phải là gì hết thảy (Phi), thì còn tìm kiếm mật ngữ nào?”

Theo chõ thấy của Tổ Bách Trượng, thì một chữ mật cũng phải mửa ra luôn, liễu nghĩa giáo cũng chǎng lập, mới có thể gọi là hướng lên ngàn Phật Đảnh mà đi.

Các vị Bồ Tát muôn hạnh chưa lìa tu chứng thì sao lại gọi là “Hết thảy rốt ráo kiên cố”? Sở dĩ như vậy vì các Bồ Tát chưa tới địa vị quán đảnh, phải có tu, có chứng. Đến địa vị quán đảnh rồi, tức là siêu nhập đồng đẳng bậc Diệu Giác, thì có cái gì tu chứng? Các hành tuy vô thường, nhưng từ trong Diệu Giác lưu xuất ra tất cả sự pháp, đương xứ tịch diệt, nên gọi là *rốt ráo kiên cố*.

Kinh nói “Có cái Tam Ma Địa (11) (Chánh Định), gọi là Đại Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm Vương, sẵn đủ muôn hạnh. Mười phương Như Lai do một cửa này mà siêu xuất, đây là con đường Diệu Trang Nghiêm”. Tam Ma Đề này là Đại Định Thủ Lăng Nghiêm, lối Diệu Trang Nghiêm sẵn đủ muôn hạnh, chẳng phải rời lìa muôn hạnh mà riêng có cái gọi là định. Tất cả đều định, nên gọi là tất cả sự rốt ráo kiên cố. Đức Phó Đại Sĩ, ngày thì kinh doanh gây tạo, đêm thì hành Đạo. Thấy Đức Thích Ca, Đức Kim Túc, Đức Định Quang ba vị Phật phóng quang phủ lên mình Ngài. Đại Sĩ mới nói: “Ta được Định Thủ Lăng Nghiêm”. Thuở đó, kinh này chưa đến mà tên định đã nêu, lạ lùng thay.

Tứ Tổ Đạo Tín (12) dạy Ngài Lại Dung ở núi Ngưu Đầu rằng: “Trăm ngàn pháp môn đều quy về tâm, hằng sa diệu đức gồm tại nguồn tâm. Tất cả giới môn, định môn, huệ môn, thần thông biến hóa đều tự sẵn đủ, chẳng rời tâm ông. Hết thấy phiền não, nghiệp chướng xưa nay rỗng rang vắng lặng. Hết thấy nhân quả đều như mộng huyễn. Chẳng có ba cõi để lìa, không có Bồ Đề nào để tìm cầu. Người cùng chẳng phải người, tánh tướng bình đẳng. Đại đạo rỗng suốt, tuyệt nghĩ, tuyệt lo. Cái pháp như thế, ông nay đã được, tuyệt không thiếu hụt, cùng Phật không khác, nào có pháp nào khác nữa. Ông chỉ mặc dù tự tại, chớ khởi quán hạnh, cũng chẳng lóng tâm, chẳng khởi tham sân, chẳng giữ lo buồn, thênh thang vô ngại, mặc ý dọc ngang. Chẳng làm các điều thiện, không gây các điều ác. Đi, đứng, nằm, ngồi, chạm mắt gấp duyên, thấy đều là diệu dụng của Phật. Vui sướng không lo nêng gọi là Phật”.

Được nghe thế, Ngài Lại Dung mở ra một chi phái, gọi là Quán Đánh Chương Cú.

Ngài Pháp Nhãm dạy: “Tu hành trải qua ba đời sáu chục kiếp, bốn đời một trăm kiếp hay tăng kỳ kiếp cho đến thành quả mà cỗ nhơn còn nói là chẳng bằng một niệm duyên khởi Vô Sanh, siêu quá hàng Tam thừa quyền học”. Nên chi nói rằng: Gảy móng tay mà viên thành tám vạn pháp môn, trong sát na dứt hết ba a tăng kỳ kiếp. Trong Thiền Tông quả có chuyện kỳ đặc đó, há phải vạn hạnh đầy đủ, rồi sau mới đắc định Thủ Lăng Nghiêm ư?

Kinh là thường đạo vậy. Cuốn Thuyết Văn Giải Tự viết: “Dệt vải có sợi dọc (kinh), sợi ngang (vī): sợi dọc thì thường hằng, mà sợi ngang thì thay đổi. Kinh này do Ngài Long Thọ ở dưới Long Cung mặc tụng đem lên. Vua Ngũ Thiên (13) trân trọng giữ kín chẳng có truyền ra. Há chẳng biết rằng quyền kinh này người người săn có, đâu có ai không! Thế mới là thường đạo, nào phải là bí mật”.

Có vị tăng hỏi Ngài Thủ Sơn: “Tất cả chư Phật đều do kinh này mà có ra. Thế nào là kinh này?”

Tổ Sơn đáp: “Nói nhỏ! Nói nhỏ!”

Vị tăng hỏi: “Thọ trì thế nào?”

Tổ Sơn rằng: “Chẳng nhiễm ô”.

Ngài Đầu Tử (14) tụng rằng:

“*Nước chảy Côn Luân, núi nổi mây
Người đến, tiểu ngư chẳng có hay*

*Nếu biết núi cao, sông tràn nước
Ất chẳng quăng rìu với bở dây”.*

(Thủy xuất Côn Luân, sơn khởi vân
Điếu nhân, tiều phụ muội lai nhân
Chỉ tri hồng lăng, nham loan khoát
Bất khẳng phao ty khí phụ cân)

Tô Dược Sơn bình thường không cho người ta xem kinh. Có lần tự Ngài xem kinh. Một vị tăng hỏi: “Hòa Thượng bình thường không cho người xem kinh, sao Hòa Thượng lại xem?”

Tô Sơn rằng: “Ta chỉ cần che mắt”.

Vị tăng hỏi: “Tôi bắt chước Hòa Thượng được không?”

Tô Sơn nói: “Ông muốn xem thì phải suốt qua tấm da trâu (15) đã”.

Cho nên, rõ được chỗ che mắt này, thì mới được cái diệu của sự thọ trì. Mà có xuyên thủng mới chẳng nhiễm ô vậy.

Tựa Chung

Kinh: Như thế, tôi được nghe, một thời Phật ở Tịnh xá Kỳ Hoàn, thành Thất La Phiệt, cùng với chúng Đại Tỳ kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là bậc Vô Lậu (16) Đại A La Hán.

Thông rằng: Tất cả các kinh đều mở đầu bằng “*Như thị ngã văn nhất thời*”. Đây là Đức Anan tuân theo ý chỉ của Đức Phật, kết tập các kinh, trước xương sáu chữ này, giải tan mọi nghi ngờ. Như thị, như thị ấy là chỉ có thể tự tin lấy, không cần ngôn thuyết. Nếu hiểu được cái Pháp như thị, là chỗ phó chúc bí mật của Phật Tổ, tức là những lời lòng vòng sau này, đều là lời cước chúa thêm vây.

Có vị tăng vào tham lễ quốc sư Huệ Trung, sư hỏi: “Làm sự nghiệp gì?”

Tăng đáp: “Giảng kinh Kim Cang”.

Sư hỏi: “Hai chữ đầu hết là cái gì?”

Đáp: “Như thị”.

Sư hỏi: “Đó là cái gì?”

Tăng không đáp được.

Sư bảo: “Than ôi! Vậy thì lấy gì mà giảng kinh?”

Lại còn thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tôn (17) hỏi một vị tòa chủ: “Hai chữ Như Thị là tất cả khoa văn, vậy thì bản văn là làm sao?”

Vị tòa chủ (18) không đáp được.

Đức Ngũ Vân đáp thay rằng: “Lại chia làm ba đoạn rồi”.

Hãy nói chỗ Đức Ngũ Vân mở lời, là khoa văn hay là bản văn?

Chữ *Tỳ Kheo* có ba nghĩa: Khát Sĩ; là Phá Ác; là Bố Ma (làm cho ma sợ). Chữ *A La Hán* cũng có ba nghĩa là Ứng Cúng, là Sát tặc (giết giặc), là Vô Sanh. Đại là để phân với tiểu. Lậu cũng có ba loại: vô minh lậu, dục lậu và hữu lậu.

Kinh nói “Ông thường nghe trong Luật của Ta có ba nghĩa quyết định tu hành, đó là nghiệp tâm làm Giới, do Giới sanh Định, nhờ Định phát Huệ. Đó là ba môn Vô Lậu Học. Cấm răn (Giới) tức là không lọt ra cái ham muốn dâm dục (Dục Lậu), yên tĩnh (Định) át không có phiền não (Hữu Lậu), sáng tâm (Huệ) át không có vô minh phiền não”. Ba môn Vô Lậu này gọi là nghĩa quyết định. Tựa hồ lấy Huệ làm chỗ cực tặc. Nên Đức Động Sơn nói với Ngài Tào Sơn rằng: “Ở thời mạt pháp, người ta phần nhiều là huệ khô khan (Càn Huệ) (19). Để phân biệt thiệt hay giả, thì có ba loại rỉ chảy (sấm lậu): Một là, Kiến (20) sấm lậu: chưa lìa phàm phu, sa vào trong biển độc. Hai là, Tình sấm lậu: vướng mắc vào thuận nghịch, chỗ thấy không được quân bình. Ba là, Ngũ sấm lậu: cứu xét chỗ huyền diệu mà mắt đi tông chỉ, sau trước cơ trí

đều mê muội tối tăm, trí dơ lưu chuyển. Đối với ba loại này, thầy phải nêu biết”.

Trong cái Càn Huệ, lại chia làm ba thứ này, nếu không có con mắt pháp phân biệt thì không thể chiêu phá. Do đó, bậc A La Hán hồi hướng về Đại Thừa, hẳn phải tư duy quán xét lời dạy của Ngài Động Sơn, thì mới đầy đủ cái nghĩa Vô Lậu vậy.

Kinh: Các vị Phật Tử trụ trì, khéo vượt lên các hưu. Ở các quốc độ, thành tựu uy nghi. Theo Phật chuyển pháp luân, kham lanh xứng đáng di chúc của Phật. Nghiêm tịnh giới luật để mở rộng khuôn phép cho ba cõi. Hiện thân vô số, cứu thoát chúng sanh, tột đời vị lai, khỏi các trần ràng buộc.

Thông rằng: Trụ Trì là cái Giác Tánh Thường Trụ (hẳng còn), hay nắm giữ (trì) vạn pháp. Đoạn kinh này chỉ mười mấy chữ, thật bao quát hết ý chỉ của cả bộ kinh. Nói rằng “Khéo vượt lên các hưu”, tức là ngũ ấm, lục nhập, mười hai xứ, mười tám giới, cho đến bảy đại đều chẳng có thể làm chướng ngại, thì nghĩa “Phá Vọng” đã đầy đủ hết. Nói rằng “Thành tựu uy nghi”, tức là dựng lập đạo tràng, ba món tiệm thứ. Năm mươi lăm địa vị, tức là con đường Bồ Đề, thì nghĩa “Hiển chọn” đã đầy đủ. Nói rằng “Diệu kham di chúc” thì hai mươi lăm pháp môn viên thông đều chứng Tự Tánh, đồng kham thọ ký thành Phật, mà cái tông chỉ “Kiến Tánh” tự còn. Nói rằng “Mở rộng khuôn phép trong ba cõi”, thì bộ kinh này phù trì giới luật, dặn dò cẩn thận bốn cấm giới, Thập Thiện và chín loại Định để nêu rõ quy tắc cho ba cõi. Ngài Anan thị hiện dâm sự

để mở đầu bộ kinh là cũng vì vậy. Nói “*Üng thân vô lượng*”, là dạy các vị Bồ Tát và A La Hán hiện thân trong đời mạt pháp, hóa làm đủ thứ hình dạng, cứu vớt các chúng sanh luân hồi vậy. Vì phòng ngừa cho chúng sanh đời mạt pháp khỏi các ma sự, “Siêu khói các trần ràng buộc”, chúng đến chỗ viên thông. Thật là lời dặn dò khuôn mẫu sau chót của Như Lai vậy.

Ngài Phong Huyệt Chiếu thiền sư có lời dạy rằng: “Nếu lập một mảy trần (21), dẫu nước nhà đang hưng thịnh, lão quê này cũng buồn rầu. Không lập một mảy trần, dẫu nước nhà sụp đổ, lão quê này cũng vui ca”.

Ngài Tuyết Đậu dựng cây trụ trượng lên mà nói: “Lại còn có vị tăng cùng sống cùng chết nào không?”, ý chổ lập trần là ở đó.

Tụng rằng:

“*Lão tăng dạy dỗ chẳng nhường mày.
Mong cho nhà nước vững nền ngay.
Mưu thân dũng tướng giờ đâu tá.
Vạn dặm gió trong, chỉ tự hay.*”

Ngài Tuyết Đậu ở trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp. Ngài Thiên Đồng ở nơi thực tướng chẳng thọ một mảy trần. Hai Pháp song hành bình đẳng, cùng một chỗ xuất ra.

Tụng rằng:

“*Sông Vị trắng trong thả nhẹ câu
Nào giống Di Tê chết đói đâu*

*Chỉ tại mảy trần sanh lắm vẻ
Nghiệp tốt, danh cao, khó bỏ thay”.*

Lại còn Tô Trường Khánh nói rằng: “Mọi chuyện giống như ngày nay là bởi Lão Hò (Đức Đạt Mại) có chõ cho người ta ngưỡng vọng”.

Tô Bửu Phước nói: “Mọi sự giống như ngày nay là vì Lão Hò tuyệt hết mọi chõ cho người ta ngưỡng vọng”.

Ngài Thiên Đồng dạy thêm: “Giàu, ngàn miệng ăn vẫn cho là ít. Nghèo, một thân này vẫn hận là nhiều”.

Xét chõ khai thị của các vị Tôn Túc, tất cả đều vì người, nào có khác với tâm cứu độ chúng sanh đời sau của Phật, Tô. Nên sao chép lại để làm cái pháp Trụ Trì (còn hoài).

Kinh: Các vị là: Đại Trí Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Si La, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, Ưu Ba Ni Sa Đà làm Thượng thủ. Lại có vô số các vị Bích Chi Vô Học và sơ tâm đồng đến chõ Phật giảng đạo. Nhằm ngày các vị Tỳ Kheo mãn hạ Tự Tú, các vị Bồ Tát từ mười phương đến, xin Phật giải quyết nghi hoặc, kính vâng Đức Từ Nghiêm, thỉnh cầu nghĩa thâm mật.

Đức Như Lai trải pháp tọa, ngồi khoan thai, vì cả pháp hội mà tỏ bày cái mật nhiệm sâu xa. Chúng hội trong sạch, được việc chưa từng có.

Thông rằng: Đây là nói về chõ bắt đầu của kinh. Nói là các vị Bồ Tát thỉnh cầu mật nghĩa, mà chẳng có nói cái gì là mật. Nói đức Phật tỏ bày cái thâm áo, mà chẳng nói cái gì là

thâm áo, thì làm sao chúng hội thanh tịnh lại được chõ chưa từng có?

Xưa, Đức Thé Tôn một hôm lên tòa pháp. Đức Văn Thủ bạch chùy rằng: “Hãy xem rõ Pháp Vương Pháp. Pháp Vương Pháp như thế (24)”.

Đức Thé Tôn bèn xuống pháp tòa.

Tổ Thiên Đồng tụng:

*“Một đoạn của nhà có thấy không
Miên man trời đất chạy thoi nhanh
Gầm cổ dệt thành, bao Xuân sắc
Ngại gì tiết lộ bởi Đông Quân.” (25)*

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Thánh chúng đương nhiên ắt hiểu ngay
Pháp Vương, Pháp Lệnh chẳng như đây
Hội này mà có Thiền gia khách
Văn Thủ nào phải hạ một chùy”.*

Nếu đối với chõ Đức Thé Tôn lên tòa yên ngồi mà đã rõ thông tin tức, mới thật diệu khé cái áo mật, mà chẳng cần nhò đến lời lẽ phiền phức vậy.

Hàng Bích Chi, còn có hạng sơ phát tâm là học trò của hàng Bích Chi.

“Hưu Hạ Tự Tứ” là trong Luật có dạy ba ngày ra Hạ là Mười Bốn, Mười Lăm và Mười Sáu tháng Bảy.

Kinh: Tiếng của Phật hòa nhã như tiếng chim Ca Lăng Tân Già, vang khắp mười phương. Hằng sa Bồ Tát đến chốn đạo tràng, có Ngài Văn Thủ Sư Lợi làm Thượng Thủ.

Thông rằng: Chim Ca Lăng Tân Già khi còn trong trứng đã đủ tiếng hay, các loài chim khác không so sánh kịp. Thí dụ cho Đốn Giáo vào ngay dòng giống Phật, không cần mượn tu tập, Tam Thừa không bì kịp. Phật dùng âm thanh này để dạy cho hàng căn cơ đốn ngộ.

Thuở xưa, có lần Ngài Mục Kiền Liên muốn cùng tột âm thanh của Phật, dùng hết thần lực, đi qua hằng sa cõi, đến một cõi Phật có Báo Thân rất lớn. Ngài chống trượng đi trên miệng bát cơm của chư vị cõi đó. Các đệ tử ở đây đều thưa với đức Phật cõi đó: “Tại sao lại có loại trùng giống hệt con người?”

Đức Phật kia đáp: “Đó là Mục Kiền Liên, đệ tử của Phật Thích Ca ở cõi Ta Bà. Chớ thấy hình vóc nhỏ nhoi mà xem thường!” Rồi đức Phật hỏi Ngài Mục Kiền Liên đến đây làm gì.

Ngài trả lời là muốn cùng tột âm thanh của Phật.

Đức Phật dạy: “Âm thanh của Phật vô tận, ông không thể cùng tột được đâu”.

Ngài Mục Kiền Liên bèn trở về.

Nên nói “Khắp hết mười phương” là đúng vậy.

Hằng sa Bồ Tát mỗi mỗi đều có chỗ ở, như những cõi kể trong kinh Hoa Nghiêm, vũ trụ vô cùng, chỗ nào mà chẳng

phải là trụ xứ của Bồ Tát? Nay nghe âm thanh Phật, các Bồ Tát đi đến với Phật.

Văn Thù tức là Diệu Đức, để bày tỏ cái thiệt trí. Mở bày đốn giáo thì đúng là cơ của Ngài, nên Ngài làm Thượng thủ.

Xưa, Ngài Vô Trước Văn Hỷ thiền sư đến động Kim Cương ở núi Ngũ Đài chiêm bái Đức Văn Thù. Ngài gặp một ông già đang dắt trâu đi và mời Ngài vào chùa.

Ông già gọi: “Sa di!” Thì có một đồng tử ứng tiếng dạ, chạy ra tiếp. Ông già thả trâu đi, dắt thiền sư lên nhà khách. Nhà cửa đều chói lọi ánh vàng. Ông già ngồi lên giường, chỉ một cái đôn gấm mời Ngài ngồi.

Ông nói: “Ông từ đâu tới?”

Sư Văn Hỷ đáp: “Phương Nam”.

Ông hỏi: “Phật Pháp ở phương Nam trụ trì thế nào?”

Sư đáp: “Đời mạt Pháp các Tỳ Kheo ít phụng trì giới luật”.

Ông hỏi: “Chúng nhiều ít?”

Sư đáp: “Hoặc ba trăm, hoặc năm trăm”.

Sư Văn Hỷ trả lại hỏi: “Phật pháp ở đây trụ trì thế nào?”

Ông già trả lời: “Rồng rắn lẩn lộn, phàm thánh ở chung”.

Sư hỏi: “Chúng nhiều ít?”

Ông đáp: “Trước ba ba, sau ba ba (26)”. Ông kêu đồng tử đem trà và váng sữa (27) lại. Sư dùng xong, tâm ý thông suốt.

Ông già cầm chén pha lê lên hỏi: “Phương Nam có thứ này không?”

Sư đáp: “Không có”.

Ông hỏi: “Bình thường lấy gì uống trà?”

Sư không đáp được.

(Tiếc thay! Đang khi ấy chỉ nên đáp nát nghiên cái chén pha lê!)

Văn Hỷ thấy trời đã tối, bèn hỏi ông ở lại một đêm được chăng.

Ông già nói: “Ông còn cái tâm chấp không thể ở lại”.

Sư nói: “Tôi đâu có tâm câu chấp”.

Ông già hỏi: “Ông đã thọ giới chưa?”

Sư đáp: “Thọ giới đã lâu”.

Ông già nói: “Nếu không có cái tâm chấp, thì thọ giới để làm gì?”

Sư cáo từ. Ông già bảo đồng tử tiễn Ngài về.

Ngài hỏi đồng tử: “Trước ba ba, sau ba ba là nhiều ít?”

Đồng tử gọi lớn: “Đại Đức!”

Sư ứng tiếng dạ.

Đồng tử nói: “Đó là nhiều ít?”.

Sư Hỷ lại hỏi: “Đây là chỗ nào?”

Đáp rằng: “Đây là động Kim Cương, chùa Bát Nhã”.

Sư Văn Hỷ mới tỉnh ngộ ra rằng ông già tức là Văn Thủ vậy. Không thể ra mắt trở lại được nữa, bèn cúi đầu trước đồng tử, xin một lời nói để từ biệt.

Đồng tử đọc bài kệ:

*"Trên mặt không sân: đồ cúng dường
Trong miệng không sân: xuất diệu hương
Trong tâm không sân là chau báu
Không dơ, không nhiễm tức chân thường".*

Nói xong, cả người lẩn chùa đều ẩn mất.

Thầy Hỷ sau tham học với Tổ Ngưỡng Sơn, chóng ngộ tâm khế, giữ chức Ðiển Tòa (28). Khi nấu ăn, Ðức Văn Thủ thường hiện hình trên nồi cháo. Sư Văn Hỷ lấy cái đũa tre quậy cháo đánh mà nói rằng: “Văn Thủ tự mặc Văn Thủ. Văn Hỷ tự mặc Văn Hỷ”.

Ðức Văn Thủ bèn nói bài kệ:

*“Bầu đắng rẽ cũng đắng,
Dưa ngọt tận cuồng ngọt
Tu hành ba đại kiếp
Lại bị lão tăng từ (chối) ”.*

Thâu đến Trong Áy (29) lại còn nói có tâm câu chấp nữa ư?

Tổ Tuyết Ðậu tụng rằng:

*“Ngàn đinh nhấp nhô một màu lam
Ai là Văn Thù để đổi đàm
Nực cười Thanh Lương (30) nhiều ít chúng
Trước ba ba sau cũng ba ba”.*

Chỗ này mà thấu thoát (31) được mới cho gặp mặt Đức Văn Thù.

DUYÊN KHỎI CỦA KINH

Kinh: Khi ấy, vua Ba Tư Nặc nhân ngày kỵ (giỗ) phụ vương, mở tiệc chay mời Phật thọ trai. Tự Ngài đứng nơi cung dịch nghinh rước Đức Như Lai, dọn bày các món ăn quý báu, rồi thân đến rước Phật và các vị Đại Bồ Tát. Trong thành lại có các trưởng giả, cư sĩ cùng dự lễ trai tăng chờ Phật đến chứng minh. Phật khiến Ngài Văn Thủ phân lãnh các vị Bồ Tát và A La Hán đi đến nhà các trai chủ.

Duy có Ông Anan trước đã nhận lời mời riêng, đi xa chưa về, không kịp dự hàng tăng chúng. Ông về một mình, không có Thượng tọa hay A xà lê cùng đi, và ngày ấy cũng không được ai cúng dường. Lúc bấy giờ, ông mang bình bát vào trong một thành, trên đường đi tuần tự khát thực. Ban đầu, trong lòng cầu được một người bố thí tối hậu để làm trai chủ, không kể sang hèn, đều hành tâm Từ bình đẳng. Phát tâm viễn thành cho tất cả chúng sanh được vô lượng công đức.

Ông Anan đã biết đức Phật quở ông Tu Bồ Đề và Ông Đại Ca Diếp làm bậc A La Hán, mà tâm chẳng bình đẳng. Ông kính vâng lời khai thị của Phật, lìa thoát mọi nghi báng. Đi đến bên thành, thong thả vào cửa, nghiêm chỉnh oai nghi, kính giữ phép hóa trai.

Thông rằng: Vua Ba Tư Nặc cùng các vị trưởng giả, cư sĩ đồng thời cùng dự lễ Trai Tăng, sao ân cần như vậy? Vì công

đức trai tăng rất lợi ích. Phật có thuyết cho Ông Cấp Cô Độc về quả báo của bố thí: hoặc là bố thí nhiều mà quả báo ít, hoặc là bố thí ít mà quả báo nhiều. Cúng dường cho ngàn vị Phật, không bằng cúng dường cho một vị Tịnh Hạnh. Cho đến cúng dường trăm ngàn vị Phật không bằng cúng dường cho một Đạo Nhân Vô Tâm.

Kinh Bốn Mươi Hai Chương nói rằng: “Phật dạy: cho một trăm người ác ăn không bằng cho một người thiện ăn. Cho một ngàn người thiện ăn không bằng cho một người giữ Ngũ Giới ăn. Cho một vạn người giữ Ngũ Giới ăn không bằng cúng dường một vị Tu Đà Hoàn. Cúng dường một trăm vạn vị Tu Đà Hoàn không bằng cúng dường một vị Tư Đà Hảm. Cúng dường một ngàn vạn vị Tư Đà Hảm không bằng cúng dường một vị A Na Hảm. Cúng dường một úc vị A Na Hảm không bằng cúng dường một vị A La Hán. Cúng dường mười úc vị A La Hán không bằng cúng dường một vị Bích Chi Phật. Cúng dường một trăm úc vị Bích Chi Phật không bằng cúng dường ba đời Chư Phật. Cúng dường ngàn úc ba đời Chư Phật không bằng cúng dường cho một vị không niệm, không trụ, không tu, không chứng”.

Đại lược hai đoạn trên tương đồng với nhau.

Có vị sư hỏi Tổ Lạc Phổ (32): “Cúng dường trăm ngàn vị Phật chẳng bằng cúng dường một vị đạo nhân không tâm (Vô Tâm). Trăm ngàn chư Phật có lỗi gì? Người đạo nhân Vô Tâm có đức gì?”.

Tô đáp: “Một mảnh mây trăng qua trước hang. Biết bao chim chóc lạc ồ về”.

Ngài Đơn Hà (33) tụng rằng:

“*Thập Đắc bơ thò không tỏ hiểu
Hàn Sơn (34) uể oải chẳng biết về
Trước tiếng một câu viên âm đẹp
Ngoài vật ba núi mảnh trăng soi*”.

(Thập Đắc số dung phi giác hiểu
Hàn Sơn lại đọa bất tư quy
Thanh tiền nhất cú viên âm mĩ
Vật ngoại tam sơn phiến nguyệt quy).

Câu ba: Viên Âm là tiếng vọng trải khắp màu nhiệm, thuộc ẩn.

Câu bốn là hiển.

Đây là riêng tụng về đạo nhân Vô Tâm đó vậy.

Ông Cam Chi hành giả một ngày kia vào chõ Ngài Nam Tuyên (35) bày trai cúng, gặp Tô Huỳnh Bá làm Thủ tòa (36). Ông xin được bố thí tiền của (37).

Tô Bá nói: “Tài thí và pháp thí đều không sai biệt”.

Ông Cam Chi nói: “Nói thế nào để tiêu được cái của cúng của tôi?” Bèn ra về.

Một lát, lại trở vào, nói: “Xin được thí tài”.

Tổ Bá nói: “Tài thí và pháp thí đều không sai biệt”.

Ông Cam Chi bèn dâng cúng.

Lại một ngày nọ, ông vào chùa dọn cháo, xin Tổ Nam Tuyền tụng niệm cho. Tổ Tuyền mới bạch chùy (38), nói: “Xin đại chúng vì chồn, trâu già mà niệm *Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa*”.

Ông Cam Chi bèn phất tay áo đi ra.

Dùng cháo xong, Tổ Tuyền hỏi thày Điện tòa (39): “Hành giả đâu rồi?”

Đáp: “Liền khi nãy đi rồi”.

Tổ Tuyền bèn đập nát cái nồi.

Ngài Sớ Sơn (40) tụng rằng:

*“Một mình bày cháo khoe anh tuấn
Nào hay Vương Lão lại phong lưu
Đập tan nồi cháo bày vụng xấu
Chồn với trâu già một lượt thâu”.*

Như Ông Cam Chi mới đáng gọi là có thể cúng dường đạo nhân Vô Tâm vậy.

Hành khất có năm nghĩa: một là, trong chúng bình đẳng, ngoài không thấy tướng giàu nghèo. Hai là, rời cái tâm tham lam kiêu mạn ngã theo điều lợi. Ba là, có sức Đại Định, chẳng có sợ các độc dữ của nhà gái dâm. Bốn là, lìa bỏ sự nghi ghét của phàm phu. Năm là, phá chõ phân biệt của Nhị Thừa. Đức Duy Ma Cật nói rằng: “Nơi ăn mà bình đẳng, thì nơi pháp

cũng bình đẳng. Chẳng luận sang hèn, dơ sạch đều chứng Bồ Đề. Đó là viên thành vô lượng công đức của tất cả chúng sanh”. Ông Tu Bồ Đề thì bỏ nghèo theo giàu. Ông Đại Ca Diếp thì bỏ giàu theo nghèo. Thế túc là lòng Từ chẳng quân bình, chẳng gọi là lòng Từ bình đẳng. Nhưng khi Ông Anan trong tâm vừa khởi niệm như thế, là đã rơi vào ý thức phân biệt, bèn thuộc về cái kế sanh nhai của nhà quý, nên ma mới có cơ hội.

Làm sao sánh được với sự hành khất như thế này: thuở trước, có vị Hòa Thượng, thường dùng gậy quẩy một cái bao bố với cái nệm rách. Bao nhiêu đồ dùng đều bỏ hết ráo trong cái bao ấy. Vào chợ búa xóm làng, thấy vật gì thì xin. Hoặc thịt chua cá mặn, vừa lấy thì bỏ vào miệng, còn lại thì bỏ trong bao. Đời ấy người ta gọi là Trường Đinh Tử. Một hôm, có vị tăng đi trước mặt, Sư bèn vỗ vào lưng, vị tăng quay đầu lại.

Sư nói: “Cho ta một đồng tiền”.

Tăng nói: “Nói được thì cho ông một đồng tiền”.

Sư bỏ cái bao bố xuống, khoanh tay mà đứng sững.

Lại một ngày nọ, Ngài đứng ở chợ. Có vị tăng hỏi: “Hòa Thượng tại Trong Ấy (Trong Giá Lý) làm cái gì?”

Ngài đáp: “Đồng với *con người*”.

Tăng rằng: “Đến rồi vậy, đến rồi vậy”.

Ngài nói: “Ông chẳng phải là *con người* ấy đâu”.

Tăng hỏi: “Thế nào là *con người* đó?”

Ngài đáp: “Cho ta một đồng tiền!”

Ngài có bài kệ:

*“Một bát cơm ngàn nhà
Cô thân muôn dặm xa
Mắt xanh, người ít thấy
Mây trắng hỏi đường qua”.*

(Nhất bát thiên gia phan
Cô thân vạn lý du
Thanh mục đỗ nhân thiên
Vấn lộ bạch vân đầu).

Nếu khé hợp được chỗ ấy, có thể nói là được nghi thức của Chư Phật vậy.

Một hôm, đức Phật bảo Anan: “Đã đến giờ, ông nên vào thành đi trì bát (Ôm giữ bát).

Anan vâng lời. Thέ Tôn nói: “Ông đã ôm giữ bát thì phải y theo nghi thức của bảy vị Phật đời quá khứ”.

Ông Anan mới hỏi: “Như thế nào là nghi thức của bảy vị Phật đời quá khứ”

Thέ Tôn gọi lớn: “Anan!”.

Ông Anan ứng dạ.

Thέ Tôn rắng: “Ôm bát đi!”

Ôi, nếu Ông Anan sớm hiểu chỗ này, thì đâu có việc Ma Đăng Già!

Kinh: Khi đi khát thực, Ông Anan đi qua nhà người dâm nữ Ma Đăng Già, bị phép huyền thuật của cô ta, là tà chủ Ta Tỳ Ca La của ngoại đạo, bắt vào giường riêng dựa kè vuốt ve làm cho ông gần phá giới thể.

Đức Như Lai biết Ông Anan mắc phải dâm thuật, dùng trai xong liền trở về. Vua cùng đại thần, trưởng giả cư sĩ đều đi theo Phật, mong được nghe pháp yếu.

Khi ấy, trên đỉnh Thế Tôn phóng ra ánh sáng rực rỡ vô úy, trong hào quang hiện ra tòa sen báu nghìn cánh, trên có Hóa Thân của Phật ngồi kiết già, tuyên thuyết thần chú khiến Ngài Văn Thủ Sư Lợi đem chú này đến giúp đỡ, tiêu diệt tà chủ rồi đưa Ông Anan và nàng Ma Đăng Già về chỗ của Phật.

Thông rằng: Bộ Hiệp Luận nói: “Đức Phật thương xót chúng sanh bị trôi lăn trong tam giới đều do mắc vào dục”. Trong các thứ dục, chỉ có cái dâm dục là nặng hơn hết, nên bộ kinh này mở đầu bằng việc cô Ma Đăng Già. Để nhấn mạnh là nếu bị chìm đắm vào đó là một hoạn nạn lớn, mà diệt trừ được lại là một lợi ích lớn. Ví như chăn dê thì đánh ở sau, nên hễ có cơ hội là răn nhủ cẩn thận.

“Có vị Tỳ Kheo ni tên là Bảo Hương, thọ Bồ Tát giới mà lại lén làm chuyện dâm, lại nói xẳng rằng dâm dục chẳng phải giết hại hay trộm cắp nên chẳng có sự trả nghiệp. Liền từ nũ cǎn sanh ra ngọn lửa lớn rồi dần dần thiêu luôn cả cơ thể, đọa vào Vô Gián địa ngục.

“Còn Ngài Ô Sắc Ma thì nghe Phật dạy rằng người đà dâm như đống lửa lớn, nên tu mà hóa tánh đâm thành Hỏa Quang Tam Muội, chứng quả A La Hán. Ngài nói rằng: “Các phiền não đã tiêu, sanh ra ngọn lửa quý báu, lên bậc Vô Thượng Giác”.

“Ôi! Vô Thượng Giác là địa vị Phật mà nhờ quán sát đâm tánh thì có thể lên được! Địa ngục Vô Gián là đường dữ mà vì theo chuyện đâm nên đang còn sống mà đã bị đọa vào. Luận về mười loại tập nhân thì đâm tập đứng đầu. Nói là đâm tập đứng đầu vì đó là sự giao tiếp, phát sinh từ sự cọ xát, nên có ngọn lửa rất mạnh phát ra ở bên trong. Có nên Phật bảo sự hành đâm gọi là lửa dục. Sau mới đến những tội tham lam, kiêu mạn. Trong Bộ Luật, nói về ba Nghĩa Quyết Định Tu Hành, đó là nghiệp tâm làm Giới, nhân Giới sanh Định, nhân Định sanh Huệ, gọi là ba Vô Lậu Học (43). Sự đoạn trừ Sát, Đạo, Dâm, Vọng thì kinh này nói đoạn đâm trước hết.

“Lại nữa, Quán Thế Âm Bồ Tát tự kể về ba mươi hai Ứng Thân thuyết pháp của Ngài, nói rằng: “Phạm Thiên Vương nhờ dục tâm được minh ngộ mà cùng với Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn đồng gọi là Giải Thoát (44), còn hai mươi tám hạng kia chỉ có tên thành tựu mà thôi”. Lại năm thứ mùi cay (ngũ vị tân) là thứ làm phát đâm, tăng oán giận nên dạy lập ba món tiệm thứ để đoạn trừ, gọi là tăng tiến đệ nhất. Lại dạy rằng phải quán sát đâm dục hơn cả rắn độc, nếu thành tựu được cấm giới thì với con mắt thịt của cha mẹ sinh ra có thể thấy suốt cả mười phương”.

Đó là gấp cơ hội thì dặn dò kỹ lưỡng vậy. Bộ Luận này quả đã uốn nắn cho ngay ngắn toàn thể mạch lạc của kinh, dặn dò kỹ lưỡng, tỏ liễu sâu xa chỗ mở dạy của bộ kinh mà lấy việc dứt lìa cái dâm dục làm đầu, khiến cho người ta sợ hãi đến dựng tóc gáy, lạnh xương sống. Tuy nhiên, người chứng Thật Trí, thì thấy tất cả thanh, sắc đều như huyền như mộng, việc dũ kia chẳng có bóng dáng nào cả ở trong ấy.

Kinh Bốn Mươi Hai Chương nói “Người nhiều ái dục như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, tất phải bị cháy tay”. Thiên Thần dâng Ngọc Nữ để thử Phật, muốn xem đạo ý Ngài ra sao. Phật nói: “Cái bao da chứa đồ dơ kia đến đây làm gì. Hãy đi đi! Ta chẳng dùng đến”. Vị Thiên Thần rất kính trọng, thưa hỏi ý đạo. Phật dạy cho, liền đắc quả Tu Đà Hoàn.

Lại còn Kinh Duy Ma Cật có đoạn: “Ông Xá Lợi Phất hỏi Thiên nữ: “Sao cô chẳng chuyển thân nữ?”

“Thiên nữ đáp: “Từ mười hai năm nay, tôi tìm cầu hình tướng người nữ mà chẳng thể được. Vậy thì phải chuyển cái gì? Ví như một nhà huyền thuật, tạo ra một người nữ huyền. Như có người hỏi cô ấy: “Sao cô không chuyển thân nữ đi?” Người ấy hỏi có đúng không?”

“Xá Lợi Phất trả lời: “Không đúng! Huyền không có tướng nhất định, thì có gì mà chuyển”.

“Thiên nữ nói: “Tất cả Chư Phật cũng lại như thế. Hết thấy đều không có định tướng, tại sao lại hỏi không chuyển thân nữ?”

“Liền đó, thiên nữ dùng thần thông biến Ông Xá Lợi Phất thành thiên nữ và thiên nữ thì hóa thân thành như Xá Lợi Phất; rồi hỏi rằng: “Sao ông chẳng chuyển thân nữ?”

“Ông Xá Lợi Phất trong hình tướng thân nữ đáp rằng: “Không hiểu sao tôi lại biến thành thân nữ?”

“Thiên nữ nói: “Nếu Ông Xá Lợi Phất có thể chuyển thân nữ này, thì hết thảy người nữ cũng có thể chuyển. Như Xá Lợi Phất chẳng phải là người nữ mà lại hiện thân nữ, tất cả người nữ lại cũng như thế, tuy hiện thân nữ mà chẳng phải là người nữ. Thế nên, đức Phật nói rằng: “Tất cả các pháp chẳng phải nam, chẳng phải nữ”.

“Thiên nữ liền thu lại thần lực, Ông Xá Lợi Phất trở lại như cũ.

“Thiên nữ bảo: “Này, Ông Xá Lợi Phất, sắc tướng thân nữ bây giờ ở đâu?”

“Xá Lợi Phất nói: “Sắc tướng thân nữ không có ở đâu mà không đâu chẳng có”.

“Thiên nữ nói: “Tất cả các pháp lại cũng như thế, không có ở đâu mà không đâu chẳng có”.

Ôi! Thần lực của thiên nữ có thể chuyển Ông Xá Lợi Phất, còn chú Tiên Phạm Thiên chẳng thể hủy phá giới thể của Ông Anan. Nghĩa hai đoạn kinh có thể so sánh cho rõ ràng vậy.

Kinh: Anan thấy Phật, cúi lạy buồn khóc, căm hận mình từ vô thủy đến nay một bèn nghe rộng nhở nhiều, chưa toàn đạo lực. Tha thiết xin Phật dạy cho những pháp Xa Ma Tha (Chỉ),

Tam Ma (Quán), Thiên Na (Thiền, Chỉ Quán Viên Tu) vi diệu, là những phương tiện tu hành đầu tiên nhờ đó mười phương Như Lai đắc thành Bồ Đề.

Lúc ấy, lại có hằng sa Bồ Tát, Đại A La Hán và Bích Chi Phật, từ mười phương đến, thảy đều mong nghe lời Phật dạy, lui về chỗ ngồi, yên lặng lãnh thọ Thánh chỉ.

Thông rằng: Ông Anan phát ra lời hỏi đây, là cái xương sống của toàn bộ kinh. Từ đầu đến cuối, Thế Tôn trả lời không bỏ sót chỗ nào. “*Xa Ma Tha*” gọi là Chí Tịnh (yên lặng cùng tốt), là Không Quán. “*Tam Ma Bát Đề*” gọi là Lực Dụng Biến Hóa (Như Huyền), là Giả Quán. “*Thiền Na*” là Tịch Diệt, nghĩa là chẳng giữ cái huyền hóa cũng chẳng trụ tướng tịnh, tức là Trung Quán. Kinh Viên Giác nói: “Tịch tĩnh Xa Ma Tha, như kính soi muôn tượng. Như Huyền Tam Ma Đề, như mầm giống dần dần tăng trưởng. Thiên Na là Tịch Diệt, như tiếng vang trong chuông. Ba loại diệu Pháp Môn gọi là Giác Tùy Thuận, nhờ chúng mà mười phương Như Lai cùng chư Đại Bồ Tát được thành đạo. Viên chứng được cả ba thứ là rốt ráo Niết Bàn”.

Ông Anan một bèle nghe nhiều học rộng, chứ nếu vẫn tu tập ba pháp môn này thì đâu còn phải hỏi. Nay ông bị huyền thuật át là trước đây các công phu quán hạnh, thiền định đều chẳng được gì, nên mới nghĩ mười phương Như Lai hẳn phải có điều vi diệu về các thứ này. Xét một chữ “*Diệu*”, tự hồ phảng phát thoảng thấy: nào phải mượn đến sự tu hành khó nhọc lao khổ!

Chỉ vì chẳng biết cái phương tiện ban đầu hết là do ngộ nhập đó vậy.

Kinh Viên Giác cũng có nói “Chỉ trừ bậc Đốn Giác, thì không theo pháp môn”. Vốn có một pháp môn đốn ngộ, chỉ lấy việc Thấy Tánh (Kiến Tánh) làm Tông. Cho nên, nếu thấy được Tánh, thì vô tâm đối với Chỉ, Quán mà Chỉ Quán tự có sẵn. Không thấy Tánh, tuy hằng ngày có tu Chỉ Quán cũng khó địch với cảnh ma. Chỉ có “*Thấy Tánh*” mới được “*Diệu*” vậy. Đoạn kinh sau có nói đến *Diệu Minh Chân Tâm*, *Biển Diệu Trang Nghiêm*, *Diệu Minh Minh Diệu*... đều để trả lời cho ý nghĩa của chữ Diệu, mà chấm dứt bằng bài kệ:

*“Gọi đó: Diệu Liên Hoa
 Kim Cương Vương, Bảo Giác
 Như huyền Tam Ma Đè
 Khẩy tay, vượt Vô Học
 Pháp này là Vô Thượng
 Một đường trực nhập Niết Bàn
 Của mười phương chư Phật”.*

Pháp Đốn Ngộ này, chẳng phải các loại chỉ quán, thiền định tầm thường có thể so sánh.

Thuở xưa, Ngài Tuyết Phong ba lần tham yết Tổ Đầu Tử (47), chín lần thưa hỏi Tổ Động Sơn (48), cũng đã là bậc đa văn. Kế thế Tổ Đức Sơn rồi, cùng Tổ Nham Đầu đến núi Ngao Sơn ở Lê Châu. Gặp lúc tuyết rơi, Tổ Đầu mỗi ngày chỉ lo ngủ, còn Ngài Tuyết Phong cứ một mạch tọa thiền.

Một hôm, Ngài kêu lớn rằng: “Sư huynh, Sư huynh! Dậy đi chó!”

Tô Nham Đầu rằng: “Làm cái gì?”

Ngài đáp: “Đời này chẳng lo xong thì gấp cái lão Văn Thúy ấy sẽ bị lão trói đáy. Ngày nay đã đến đây, vậy mà chỉ lo ngủ”.

Tô Nham Đầu hét to: “Cây cột phuón, ngủ đi! Hằng ngày cứ ngồi như ông Thổ Địa trong làng rồi sau này đi làm nam nữ ma my nhà người!”

Ngài tự chỉ vào ngực mà nói: “Tôi đây trong cái ấy chưa yên, chẳng dám tự đối mình”.

Tô Nham Đầu nói: “Tôi sắp nói rằng ngày sau ông sẽ hướng lên đỉnh núi trơ trụi trên tảng đá két thảo am, xiển dương đại giáo, sao ông lại nói như thế?”

Ngài nói: “Tôi ở trong ấy quả thật không yên”.

Tô Nham Đầu (49) nói: “Nếu ông thật như thế, thì cứ theo chõ thấy của ông, mỗi mỗi nói ra hết đi. Đúng, tôi sẽ chứng minh cho. Không đúng, tôi sửa sang đẽo gọt cho”.

Ngài nói: “Mới đầu, tôi đến tham yết Ngài Giám Quan (50), nghe buổi giảng nêu lên cái nghĩa sắc không, bèn có chõ vào”.

Tô Nham Đầu nói: “Chuyện ấy đã ba mươi năm rồi, rất kỵ nêu lại!”

Ngài nói: “Lại thấy bài kệ của Tô Động Sơn:

*“Rất kỵ tìm nơi khác
Mỗi mỗi càng cách xa
Y nay chính là ta
Ta giờ chẳng phải y”.*

(Thiết kỵ tùng tha mích
Điều điều dữ ngã sơ
Cù kim chính thị ngã
Ngã kim bất thị cù).

Tô Nham Đầu nói: “Nếu cho là như thế thì tự cứu cũng chẳng xong”.

Ngài lại nói: “Sau đến hỏi Ngài Đức Sơn (51): “Việc xưa nay trong Tông Thừa người tu học có được phần nào chẳng?” Tô Đức Sơn đánh cho một gậy, mà rằng: “Nói gì vậy?” Khi ấy, tôi như thùng vỡ đáy”.

Tô Nham Đầu hét to: “Ông há chẳng nghe nói, “Từ cửa mà vào ắt chẳng phải là cửa báu nhà mình”, sao?”

Ngài hỏi: “Ngày sau như thế nào mới phải?”

Tô Nham Đầu đáp: “Ngày sau mà muốn hoằng dương đại giáo, mỗi mỗi đều từ trong ngực mình tuôn ra. Ngày sau hãy cùng ta mà trùm trời trùm đất đi”.

Ngài Tuyết Phong nghe xong đại ngộ, bèn làm lễ, mừng rõ la lên rằng: “Sư huynh ơi, hôm nay mới đúng là Ngao Sơn (52) thành đạo”.

Kỳ diệu thay, kỳ diệu thay. Đâu phải cứ một bè ngồi thiền
mà có được thứ thoại đâu này!

PHẦN THỨ HAI: PHẦN CHÁNH TÔNG

CHƯƠNG I: CHỈ BÀY CHÂN TÂM

MỤC MỘT: GẠN HỎI CÁI TÂM

I. NGUYÊN DO CỦA THƯỜNG TRỰ VÀ LUU CHUYÊN.

Kinh: Phật bảo Ông Anan: “Ông với Ta đồng phái, tình như anh em ruột. Khi ông mới phát tâm, thì ở trong Phật Pháp, thấy tướng tốt gì mà bỏ được những ân ái sâu nặng của thế gian?”

Ông Anan bạch Phật: “Tôi thấy ba mươi hai tướng của Như Lai tốt đẹp lạ thường, hình thể sáng suốt như ngọc lưu ly. Thường tự suy nghĩ: tướng ấy không thể do dục ái sanh ra. Vì sao? Thứ dâm dục nhơ nhớp, tanh hôi kết cấu, máu mủ xen lộn, làm sao sanh được thân vàng chói trong sạch sáng ngời như vậy, nên tôi khao khát ngưỡng mộ xuống tóc mà theo Phật”.

Thông rằng: Ông Anan nhờ có cái suy nghĩ này làm gốc rễ cho tâm đạo ban đầu, nên khi gặp huyền thuật, chẳng có quá đỗi hoa mắt mê loạn, dù đã vào nhà dâm mà chưa phá hủy giới thể. Nhưng chỉ lấy ba mươi hai tướng tốt mà thấy Như Lai, không khỏi dùng sắc mà thấy, lấy tiếng mà cầu, nên còn trong tà giải, đối với chân Pháp Thân của Phật còn xa xôi lắm. Thiền sư Tùy Châu Pháp Vi thượng đường (53) rằng: “Cái Pháp

Thân không có hình tướng, chẳng thể dùng âm thanh tìm cầu. Diệu đạo tuyệt hết lời nói, đâu phải lấy văn tự mà hiểu. Cho dù siêu Phật, vượt Tổ vẫn còn rơi vào thèm bức. Dù cho có nói diệu, bàn huyền rốt cuộc cũng treo môi răng. Cần phải: chỗ công đức chẳng hưởng chút công lao, hình ảnh vết tích chẳng còn lưu lại; *cây khô hang lạnh* (54) rốt thảy vô tri; người huyền ngựa gỗ, tình thức đều không. Chừng ấy mới thông tay vào chợ, chuyền thân loài khác. Không thấy đạo, thì: “Nơi đất vô lậu nào ở được. Đành về cát lạnh khói sương nằm”.

Đối với chỗ này tò hiểu thì nào phải đợi thấy cái thân vàng chói trong sạch mới gọi là Như Lai ư?

Kinh: Phật dạy: “Lành thay, Anan! Các ông phải biết: tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, sống chết nối nhau, đều do không biết cái Chân Tâm thường trụ (55), thể tánh vốn trong sạch sáng suốt, mà lại dùng các vọng tưởng. Các tưởng này chẳng chân thật, nên mới có sự chuyển động trôi lăn.

Thông rằng: Ông Anan ân cần, tha thiết thưa hỏi pháp môn vi diệu Xa Ma Tha, Tam Ma, Thiền Na là những phương tiện ban đầu nhờ đó mười phương Như Lai đắc thành Chánh Giác. Chính là muốn biết cái Chân Tâm thường trụ, tánh thể trong sạch sáng suốt, là cái bản thể bất diệt không bị xoay chuyển luân hồi. Ông đã nói “*Tưởng ấy chẳng phải do ái dục sanh ra*”, là đã hiểu rõ rằng dục ái nhơ nhớp, vọng tưởng tạp loạn chính là cái gốc rễ sanh tử từ vô thủy đến giờ. Cho nên Phật mới khen rằng “Lành thay!” Cái Chân Tâm thường trụ, vốn không sanh ra và diệt mất. Vừa khởi vọng tưởng liền nhập

luân hồi. Không phải chỉ có dục ái nồng nàn, nghiệp dữ đã mang đều chẳng phải chơn, mà bậc Thanh Văn, Duyên Giác chưa hết lòng chấp trước thì cũng đều là vọng. Vọng tưởng hết sạch thì tánh thể sáng suốt, vốn tự vô sanh, làm sao mà có luân chuyển. Toàn cả bộ kinh đều phát minh ý chỉ này. Cho nên, biết cái Chân Tâm thường trụ, tức là thấy tánh, thấy tánh thì vô sự vậy.

Ngài Linh Vân (56) thượng đường dạy: “Hỡi các nhân giả, hễ có dài có ngắn là chẳng có thường. Hãy xem bốn mùa hoa cỏ, hoa nở lá rơi. Xưa nay trời người bảy nẻo, đất nước gió lửa, thành hoại chuyển vần, nhân quả nối nhau, ba đường ác khổ, mảy lông cộng tóc chưa từng thêm bớt, chỉ có cái gốc thần thức là thường còn. Hạng thượng căn gấp bạn lành soi sáng, ngay đây là giải thoát, trước mắt là đạo tràng. Bậc trung, bậc hạ si mê ám độn, chẳng soi suốt được, mê chìm trong ba cõi, luân chuyển tử sinh. Đức Thích Tôn vì họ, tất cả Trời người, mà dạy dỗ chứng minh, tỏ bày con đường vô thượng. Các ông lại am hiểu chẳng?”

Có vị tăng hỏi: “Làm sao để ra khỏi sanh lão bệnh tử?”

Ngài đáp:

“*Núi xanh nguyên chẳng động
Mặc tình mây qua lại*”.

(Thanh sơn nguyên bất động
Phù vân nhậm khứ lai).

Câu này đủ để chú thích đoạn kinh trên. Không thể thêm bớt một chữ.

Kinh: “Nay ông muốn học đạo Bồ Đề Vô Thượng, phát minh Chơn Tánh thì phải lấy Tâm Ngay Thắng (Trực Tâm) mà trả lời chỗ Ta hỏi. Mười phương Như Lai đồng một con đường mà ra khỏi sanh tử đều là bởi Tâm Ngay Thắng. Tâm mà nói là ngay thắng, tức là từ địa vị đầu tiên cho đến cuối cùng, suốt trong khoảng giữa, cứ như thế, một mực không có những tướng quanh co.

Thông rằng: Hiệp Luận nói: “Ở đây, đặc biệt nói là *Chân Phát Minh Tánh*, vậy thì cũng có *Vọng Phát Minh Tánh* sao? Có chứ. Làm sao để phân biệt? Đáp: Vô tâm tùy mặc xoay vần mà khắp biết, vốn màu nhiệm sáng soi mà hằng vắng lặng, ấy là chân phát minh tánh”. Chỗ nói “*Mười phương Như Lai đều cùng một đường mà ra khỏi sanh tử đều do trực tâm*” là thế. Còn nghịch với thời tiết, bỏ lỡ nhân duyên, lấy vọng tưởng mà gắng gượng hiểu biết, là vọng phát minh tánh. Chỗ nói “*Dùng các vọng tưởng, vọng tưởng này chẳng chân thật nên có luân hồi*” chính là thế. Vốn là một thế, nhưng bởi vì không có tự tánh, không có thời gian, nên tùy chỗ dùng mà có sai khác đó thôi. Tùy mặc xoay vần, hằng hằng vắng lặng mà hay biết, át hợp với bốn tánh (57) nhiệm màu. Nghịch thời lỡ duyên mà biết, át hợp với trần cảnh hư vọng.

Ngài Mã Minh (58) dạy: “Cái bốn tánh vốn trong sạch, bởi vì vô minh bất giác mà hiện ra tướng tâm ô nhiễm. Tuy có tâm ô nhiễm, bốn tánh vẫn thường sáng suốt trong sạch. Cái

tướng của tâm ô nhiễm là vô minh đang hiện hành. Còn bốn tánh sáng sạch là cái trí thể bất động”.

Có vị tăng hỏi Tô Vân Am: “Luận Tạp Hoa nói: Cái vô minh đang hiện hành tức là Như Lai Bát Động Trí. Điều này thật khó tin, làm sao hiểu được?”

Khi ấy có một đồng tử đang quét đất.

Tô Am bèn gọi. Đồng tử quay đầu lại.

Tô Am nói: “Chẳng phải là Bát Động Trí đó sao?”

Lại hỏi: “Cái Phật Tánh của ngươi như thế nào?”

Đồng tử nhìn qua trái, qua phải, như không vậy rồi bỏ đi.

Tô Am nói: “Chẳng phải là vô minh hiện hành đó sao?”

Chân phát minh tánh ấy, như ánh sáng của hạt minh châu, thường tự soi hạt châu. Đức Khổng Tử dạy “Không nghĩ quấy”, là cũng gần giống vậy. Còn vọng phát minh tánh thì ví như phương Đông trời sắp sáng, trong khoảng lờ mờ, có chút bóng sắc. Kinh Dịch nói “Chỗ mờ tối hôn tạp mà sáng”, là gần giống vậy.

Kinh: “Anan, nay Ta hỏi ông: “Đương khi ông do ba mươi hai tướng của Như Lai mà phát tâm thì ông lấy cái gì mà thấy và cái gì ưa thích?”

Thông rằng: Đây là chỗ từ từ dẫn dụ trước hết của Thế Tôn. Đức Thế Tôn há chẳng biết rằng “Sự thấy thuộc về con mắt, ưa thích thuộc về cái tâm” hay sao? Nhưng cái “thấy có” đó, là cái thấy về hình tướng hữu vi. Cái “Có chỗ ưa thích” ấy,

là cái ưa về hình tướng hữu vi. Nên hỏi ai thấy, ai yêu, cốt để Anan ngay lúc ấy nhận ra và nắm lấy con người thực xưa nay của mình vậy. Nếu có thể hồi quang phản chiếu, tìm câu cái thấy ấy, chợt hiểu bất khả đắc, hết thấy ưa muôn vốn chưa từng có gốc rễ, tức thì nhập ngay vào Định Thủ Lăng Nghiêm. Thế chẳng khoái sao? Về sau, nhà Thiền hay dùng cái cơ chốt này.

Có nhà sư hỏi Tô Bách Trượng (59): “Như sao là Phật?”

Tô Trượng hỏi: “Ông đó là ai?”

Đáp: “Tôi đây vậy”.

Tô Trượng rằng: “Ông biết cái tôi đó chẳng?”

Đáp: “Rõ ràng vậy”.

Tô Trượng bèn dựng đứng cây phất tử (60) lên, rằng: “Ông lại thấy chẳng?”

Đáp: “Thấy”.

Tô Trượng bèn chẳng thốt lời nào.

Chỗ hỏi của vị tăng là Phật, mà Tô Trượng lại chẳng nói gì đến Phật, chỉ ở chỗ thấy của vị tăng mà nhắc nhở. Một tắc này, rõ ràng bày tỏ được cái khuôn mẫu của Lăng Nghiêm.

Kinh: Anan bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, sự ưa thích đó là dùng cái tâm và con mắt của tôi. Do mắt thấy tướng tốt của Như Lai, tâm sinh ưa thích, nên tôi phát tâm nguyện lìa bỏ sanh tử”.

Phật bảo Ông Anan: “Như chỗ ông nói, thật do tâm và con mắt mà có ưa thích. Nếu không biết tâm và mắt ở đâu, thì chẳng dẹp được trần lao. Ví như bậc quốc vương bị giặc xâm lăng, phát binh đánh dẹp, thì binh ấy cần nhất phải biết chỗ ở của kẻ giặc. Khiến ông bị luân hồi, thì tâm và mắt là thủ phạm. Nay ta hỏi ông: “Tâm và mắt ấy hiện ở chỗ nào?”

Thông rằng: Chỗ hỏi của Thế Tôn là riêng tò vè chỗ Hướng Thượng Nhất Lộ (61). Nói “*Lấy cái gì mà thấy, lấy ai ưa thích*”, rõ ràng là chỉ thăng mặt trăng. Chỗ đáp của Ông Anan chưa rời khỏi thường tình, chỉ biết hợp theo trần mà chẳng biết hợp với giác. Xoay lưng lại với giác mà hiệp theo trần, là lỗi của ai? Sáu giác (sáu căn) làm môi giới, tự cướp lấy của báu nhà mình. Cho nên, chỗ Ông Anan nói “Tâm và Mắt”, chỉ là Căn và Thức, lôi kéo theo trần lao, lưu chuyển cùng sanh tử. Cái Thường Trụ Chân Tâm (62) như vua trong nước, vì bị giặc xâm lấn, nên vốn trong sạch mà gọi là dơ, vốn sáng soi mà gọi là mờ ám. Tâm và mắt thật là lũ giặc của Chân Tánh vậy. Do đó, phải thấu đến cùng sào huyệt của chúng mà diệt trừ. Nghịch dòng trôi lăn, giữ tròn Chân Tánh, lục dụng (sáu thức) chẳng hiện hành, mà phát ra sự sáng rõ trong sạch vốn có, sáu căn đồng dùng thay lẩn cho nhau, con mắt thịt do cha mẹ sanh ra thấy suốt mười phương, thì còn đâu các lỗi bị lưu chuyển nữa!

Thiền sư Tử Hồ Tung có đêm la lớn: “Có cướp! Có cướp!”

Đệ tử choàng dậy tranh nhau đuổi bắt. Ngài chụp lại một người, nói rằng: “Bắt được một tên rồi”.

Người đệ tử ấy nói: “Không phải đâu, chính là tôi đây”.

Ngài buông ra nói rằng: “Chính là (Thị tức thị) thì phải rồi. Chỉ bởi vì chẳng chịu nhận lấy đó thôi!”

Cho nên, nếu chịu nhận lấy thì giặc cướp tức là con cái. Chẳng thể kham lấy, con cái trở lại làm giặc. Đoạn thuyết thoại này đối với chuyện vị quốc vương đem binh trừ giặc, thật là một phen hý lộng, riêng cho bậc có mắt đó thôi.

II. CHẤP TÂM Ở TRONG THÂN

Kinh: Ông Anan bạch với Phật: “Thưa Thế Tôn, tất cả mười loài chúng sanh ở thế gian đều cho cái thức tâm hay biết là ở trong thân. Thiết nghĩ, thì con mắt như hoa sen xanh của Như Lai cũng ở trên mặt Phật. Nay tôi thấy con mắt vật chất của tôi cũng ở trên mặt tôi. Như vậy thì cái thức tâm thật ở trong thân”.

Phật bảo Ông Anan: “Hiện nay ông ngồi trong giảng đường của Như Lai. Ông hãy xem rùng Kỳ Đà ở đâu?”

- Thưa Thế Tôn, giảng đường cao lớn thanh tịnh này ở trong vườn Cấp Cô Độc, còn rùng Kỳ Đà hiện thật ở ngoài giảng đường.

- Anan, nay ông ở trong giảng đường, thì ông thấy cái gì trước tiên?

- Thưa Thế Tôn, tôi ở trong giảng đường, trước hết là thấy Như Lai, sau đó là đại chúng, rồi nhìn ra ngoài thấy vườn rừng.

- A Nan, do đâu ông thấy được vườn rừng?

- Thưa Thế Tôn, do các cửa giảng đường mở rộng, nên tôi ở trong này mà thấy được ra ngoài xa.

Thông rằng: Phù căn tú Trần (64) cũng giống như sáu căn, đây chỉ về nhẫn căn mà thôi. Đất, nước, lửa, gió: Tánh chúng xưa nay vốn trong sạch; mà tướng của đất, nước, lửa, gió mỗi mỗi đều dao động như bụi băm, gọi là Trần. Khi sáu căn tạo thành thì nương theo tú Trần này: sáu căn chìm vào trong, bốn đại trôi nổi ở bên ngoài, cho nên gọi là phù căn tú Trần. Với cả mười loài, thức tâm đều ở trong, mắt ở trên mặt thì không nói cũng biết rồi. Con mắt của Như Lai ở trên mặt, nhưng không dám xác quyết thức tâm là ở trong, vì Như Lai đã rời lìa cái thức rồi, vì cái Pháp Thân thì tròn đầy không có trong hay ngoài vậy. Anan nói ra thật đắn đo, mà người dịch cũng cẩn thận. Thế Tôn muốn bày rõ cái nghĩa “*Tâm chẳng ở trong*”, nên trước hết lấy giảng đường, rừng vườn, cửa nẻo làm ví dụ. Giảng đường ví như trong thân, vườn rừng ví như ngoại vật, cửa nẻo ví như lục căn. Nếu Ông Anan là người tò suýt, thấy được con người đích thực của Anan, vốn chẳng thuộc giảng đường, chẳng thuộc vườn rừng, chẳng thuộc cửa nẻo, thì ông sẽ đến đi tự tại, không làm gì có trong có ngoài. Nếu chấp chặt tâm này, làm lạc cho là ở trong sắc thân, lấy tạng phủ làm nhà nhốt kín, lấy sáu căn làm cửa nẻo, ôm lấy ngoại cảnh làm

vườn rừng, rồi nghĩ rằng ngoài những thứ đó thì không có chỗ an thân. Một mai, nhà hư cửa nát, cảnh đồi, cái thấy tiêu vong, thì còn chỗ nào để an được. Thê Tôn tuy nương theo chỗ bình thường biện biệt thứ tự trong ngoài, cũng chỉ rõ ràng sắc thân vốn như huyền, chẳng phải là chỗ để bám chấp được. Như giảng đường, cửa cái, cửa sổ đồi với ta chẳng có tương can gì.

Ngài Trí Huy Thiền sư trước khi tịch có bài kệ:

*“Ta có một căn nhà
Xây lợp bởi mẹ cha
Tám mươi năm lui tới
Gần đây rõ sắp hoại
Sớm liệu dời nơi khác
Nào có chuyện ghét thương
Đợi lúc kia sập nát
Đây kia không ngăn ngại”.*

(Ngã hữu nhất gian xá
Phụ mẫu vị tu cái
Vãng lai bát thập niên
Cận lai giác tồn hoài
Tảo nghị di biệt xứ
Sự thiệp hữu tắng ái
Đãi tha tội hủy thời
Bỉ thử vô phòng ngại).

Rồi ngồi kiết già mà đi. Đó là thương ghét đều quên, đến đi không trở ngại, cái năng kiến (tâm và mắt) đã tiêu vong thì còn nói gì đến chuyện trong ngoài nữa.

Kinh: Khi ấy, Đức Thế Tôn ở giữa đại chúng, đưa cánh tay sắc vàng xoa đầu Ông Anan, dạy ông và đại chúng rằng: “Có pháp Tam Ma Đè, tên là Đại Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm Vương, gồm đủ muôn hạnh. Mười phương Như Lai, đều do một pháp môn là con đường diệu trang nghiêm ấy mà siêu xuất. Nay ông hãy nghĩ kỹ!”

Ông Anan đánh lễ, kính vâng lời Phật dạy.

Thông rằng: Một pháp môn siêu xuất này rõ ràng chỉ ra con đường đốn ngộ cốt ở chỗ chuyển thức thành trí. Tinh thuần dùng Kim Cang Càn Huệ mới có thể nói là con đường đạo chân thật. Sau này, trong kinh có nói: “Diệu Pháp này, vô lượng Chư Phật trong hằng sa kiếp đời quá khứ, nhờ khai ngộ cái tâm này mà được đạo vô thượng. Thức ấm tận hết, thì ngay đây các căn của ông có thể dùng thay cho nhau được (tai có thể thấy mắt có thể nghe). Từ trong chỗ dùng thay nhau đó mà có thể thấu vào Kim Cang Càn Huệ của Bồ Tát. Cái tâm thuần nhất tròn sáng ở trong phát chiếu ra, như ngọc lưu ly trong sạch, ngậm mặt trăng quý báu ở trong. Như vậy rồi vượt lên hàng Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hành, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh Tâm, đến chỗ tu hành của Kim Cang Thập Địa Bồ Tát, đến địa vị Đẳng Giác Tròn Sáng, nhập vào cái Biển Trang Nghiêm Mầu Nhiệm của Như Lai, tròn đầy cái đạo, quy về trong cái vô sở đắc”.

Đầu đuôi ứng nhau, tất lấy việc siêu xuất thức ấm làm cái quy tắc rốt ráo. Đức Thế Tôn thấu suốt rằng sự tiếp nối nhau của sanh tử thế gian chỉ là sự tiếp nối nhau của mỗi mỗi vọng tưởng, mê mờ chẳng hề biết quay trở lại. Thức ấm hết ráo, đó là Chân Tâm Thường Trụ, hiện bày trước mắt, thể tánh trong sạch sáng soi, cùng Phật không khác. Cho nên, phá được thức ấm, tức nhập đốn môn. Ông Anan tuy thông minh học rộng, rốt cuộc chẳng ra khỏi thức tình phân biệt. Thức tình chưa trừ, chỉ là ở chỗ “Có đắc”. Mà chứng Bồ Đề, chỉ ở tại chỗ “Không đắc”. Cho nên, phần sau của kinh, nơi bày chỗ hiển bày cái Tâm, Ông Anan mỗi mỗi cứ lấy chỗ “Có đắc” mà tự trói, còn Thế Tôn thì thấy thấy đều lấy chỗ “Không đắc” mà quét sạch. Kinh Lăng Già nói: “Có tướng để đắc là thức, không có tướng để đắc là trí”. Đây thật là Đốn Môn liền chứng Bồ Đề vậy.

Đức Nhị Tổ Thần Quang (67), chặt tay trước mặt Sơ Tổ Đạt Ma cầu xin pháp môn an tâm.

Tổ nói: “Đem cái tâm lại đây ta an cho!”

Ngài Thần Quang thưa: “Tìm hết tâm rồi, rốt là không thể đắc (68)!”

Sơ Tổ nói: “Ta an tâm cho ông rồi đó”.

Nếu Ông Anan có thể tin được bày chỗ trưng bày tâm đều bất khả đắc, thì y bát đâu có riêng truyền cho Ông Ca Diếp!

Kinh: Phật bảo Ông Anan: “Như lời ông nói: Ở giảng đường, do cửa mở rộng nên ông thấy được vườn rừng ở xa.

Liệu có chúng sanh nào ở trong giảng đường, không thấy Như Lai mà lại thấy được ngoài giảng đường không?”

Ông Anan thưa: “Thưa Thé Tôn, ở trong giảng đường không thấy Như Lai mà lại thấy được rùng suối bên ngoài, thật không có lẽ đó”.

Phật dạy: “Anan, ông cũng như thế. Cái tâm linh của ông, hết thấy đều rõ biết. Nếu hiện nay cái tâm rõ biết đó của ông thật ở trong thân, thì trước hết nó phải rõ biết trong thân thể. Vậy có chúng sanh nào, trước thấy bên trong thân rồi sau mới thấy những vật ở bên ngoài không? Dầu không thấy được tim, gan, tì, vị nhưng móng tay mọc, tóc dài ra, gân chuyển, mạch nhảy, đúng ra phải rõ, sao lại không biết? Đã không biết bên trong, làm sao biết được bên ngoài? Vậy nên biết rằng ông nói cái tâm hay rõ biết đó trụ ở thân, không có lẽ nào như vậy”.

Thông rằng: Do mắt thấy mà tâm biết, chẳng rời căn trần, do bởi phía trong mà biết phía ngoài, đó là cái thấy bình thường thế tục. Đức Thé Tôn bèn ở nơi cái thấy thường tình mà bác bỏ rằng “Đã không biết phía trong làm sao ở phía trong?” Tuy người có trí cũng phải khuất phục bởi lý luận này. Thật ra, tim gan tì vị, không gì mà chẳng biết rõ. Móng tóc gân mạch, không gì mà chẳng hay. Nếu không hay biết, thì hóa ra chỉ là một vật ủ lì vậy sao?

Ngài Phó Đại Sĩ (69) có bài kệ:

“Đêm đêm ôm Phật ngủ
Sáng sáng cùng Phật dậy
Đứng ngồi vẫn theo nhau

*Nói nín đồng vừa vắn
Mây tơ chǎng lìa nhau
Tương tự như hình, bóng
Muốn biết chõ Phật ở
Lời nói âm thanh đó”.*

(Dạ dạ bảo Phật miên
Triệu triêu hoàn cọng khởi
Khởi tọa trấn tương túy
Ngũ mặc đồng cư chỉ
Túng hào bất tương ly
Như thân ảnh tương tự
Dục thức Phật khứ xứ
Chỉ giá ngũ thanh thị).

Theo lời nói này đây, thì nói rằng “Cái tâm rõ biết ở trong thân” cũng chǎng phải là không đúng!

Ngài Văn Môn (70) nói rằng: “Luận Bảo Tạng nói “Trong trời đất, giữa vũ trụ, có một vật báu, ẩn tại non hình (thân thể). Cầm lồng đèn hướng vào trong Phật điện, đem ba cửa đến để trên lồng đèn, để làm gì?”

Ngài tự thay thế mà nói: “Theo vật, ý dời”.

Lại nói: “Mây nỗi sấm động”.

Ngài Tuyết Đậu (71) tụng rằng:

*Xem đi,
Bến cỗ ai kia nắm cần câu*

*Mây trùng trùng, nước mên mông
Trăng sáng, bông lau, anh tự thấy!.*

Đoạn công án này nói cái *Năng Tri Tỏ Biết* và cái *Bốn Giác Tròn Sáng* rất dễ lẩn lộn, cũng tương tự như trăng sáng và bông lau, nên cần soi xét phân biệt. Nếu soi xét phân biệt ra được, thì không chỉ lồng đèn và lộ trụ (72), mà còn đốn triệt được Tâm Tông của Tổ Vân Môn, và cái vật báu trong thân cũng cùng với Tăng Triệu (73) khé hợp. Đâu phải là bọn ma my tinh hồn giốn cợt tầm thường có thể mượn lời mà nói được.

III. CHẤP TÂM Ở NGOÀI THÂN

Kinh: Ông Anan cúi đầu bạch Phật: “Tôi nghe lời Phật dạy như vậy, mới rõ tâm tôi thật ở ngoài thân. Tại sao như thế? Ví như đèn thắp trong phòng, trước hết phải chiếu trong phòng, sau mới do cửa chiếu sáng ngoài sân. Tất cả chúng sanh không thấy bên trong thân mà chỉ thấy bên ngoài, cũng như ngọn đèn, để ở ngoài phòng, không thể chiếu sáng trong phòng. Nghĩa ấy rõ ràng, chắc là không làm, chưa biết có đúng với liễu nghĩa của Phật hay không?”

Phật bảo Ông Anan: “Vừa rồi, các Tỳ Kheo theo Ta đi khát thực trong thành Thất La Phiệt, nay đã về rừng Kỳ Đà. Ta đã thọ trai rồi, giờ ông hãy xem trong chúng Tỳ Kheo, khi một người ăn thì các người khác có no không?”

Ông Anan bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, không. Vì rằng các Tỳ Kheo tuy là A La Hán nhưng thân xác khác nhau, làm sao một người ăn mà các vị kia no được”.

Phật bảo Ông Anan: “Nếu cái tâm tỏ hiểu, thấy biết của ông thật riêng ở ngoài thân, thì thân và tâm ở ngoài nhau, chẳng dính líu gì với nhau. Vậy thì cái gì tâm biết thì thân không thể hay, cái gì thân hay thì tâm không thể biết. Nay Ta đưa tay nhu nhuyễn lên cho ông xem, khi mắt ông thấy thì tâm ông có phân biệt không?”

Ông Anan bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, đúng vậy”.

Phật bảo Ông Anan: “Nếu thân và tâm cùng hay biết một lúc thì làm sao tâm lại ở ngoài thân? Vậy, phải biết rằng ông nói cái tâm rõ biết trụ ở ngoài thân, thật không thể có điều ấy”.

Thông rằng: Chỗ thấy của Ông Anan chưa chân thật nên không tránh khỏi việc theo lời mà sanh ra sự hiểu biết. Cái tri giải sanh ra theo lời nói ấy chính là chỗ ở của thức tình. Đức Thế Tôn cốt nhở dứt cái thức căn nênn mỗi mỗi đều chặt bỏ, khiến cho Ông Anan không có chỗ để bám víu. Đấy mới thật là giống như quốc vương đi dẹp giặc, biết chỗ của giặc mà diệt trừ.

Ông Anan cho rằng cái tâm ở ngoài thân, là đúng với chỗ hiểu nghĩa của Phật, chẳng phải là không có kiến thức đâu. Bởi vì cái tâm ấy, ngầm ẩn nơi trời thì là trời, ngầm ẩn nơi đất bèn là đất, cùng khắp vũ trụ, rộng trải nhiều đời, chứ đâu phải ràng buộc mãi trong một thân này. Thế nên ông mới nói “Tỉnh ngộ biết cái tâm tôi thật ở ngoài thân”. Lại thêm “Nghĩa ấy rõ ràng, chắc là không lầm”.

Đức Thế Tôn lấy ví dụ “*Người khác ăn tất chẳng phải ta no*”, để chỉ rằng nếu cái tâm ở ngoài thì có quan hệ gì đến thân

ta. Cái thân mạng là hình tướng, nên ăn chẳng thể tương thông, làm sao người này ăn người kia no được. Còn cái tri giác là thần nhiệm, trong ngoài nào có trổ ngại được. Chỉ vì Ông Anan chấp chặt “*Tâm ở ngoài*”, như một vật sáng, chỉ chiếu bên ngoài mà không thể chiếu bên trong. Thế thì ngoài thân là tâm, còn trong thân chẳng phải là tâm sao! Nếu tâm ở ngoài thân, thì thân không thể biết: như người khác ăn, ta chẳng thấy no. Nhưng mắt thấy cái gì, tâm liền phân biệt ngay cái ấy, thế thì cái tâm ấy lại chẳng thường ở trong ư? Cho nên nói ở ngoài là sai lầm.

Ngài Tào Sơn (74) một hôm nghe tiếng chuông, bèn nói: “Ôi chà, ôi chà!”

Có nhà sư hỏi: “Hòa Thượng làm sao thế?”

Ngài bảo: “Đánh trúng tâm ta”.

Nhà sư không có chỗ đối lại.

Ngài Ngũ Tỷ Giới nói thay rằng: “Làm tâm của thằng giặc hoảng hồn (75)!”

Ngài Phó Đại Sĩ có bài kệ:

*“Xóm làng các Phật, tại thế giới
 Bốn biển núi sông, sanh đầy khắp
 Phật với chúng sanh đồng một Thể
 Chúng sanh là giả danh của Phật
 Như cần thấy Phật: xem ba quận
 Rừng ruộng, nhà vườn, ở khắp nơi
 Hoặc ở không trung bay quanh quẩn*

Hoặc cho sông núi tiếng vang lừng
 Hoặc kết bạn bè đi khắp xứ
 Hoặc lại cô đơn bước một mình
 Hoặc khiến ban ngày xuôi ngược chạy
 Hoặc khiến ban đêm đi gác canh
 Hoặc đen, hoặc đỏ, rồi hoặc trắng
 Hoặc tía, hoặc hồng với vàng, xanh
 Hoặc to hoặc nhỏ mà mới dường
 Hoặc trẻ hoặc già lúc xưa sanh
 Hoặc có cây đàn trên lồng cánh
 Hoặc mang đèn đóm ở thắt lưng
 Hoặc giữa hư không bay loạn xạ
 Hoặc sanh cây cỏ mặc tung hoành
 Hoặc vô ngôn hạnh mà ra cửa
 Hoặc vào hang đất tạm ký sanh
 Hoặc xoi lỗ cây làm quê quán
 Hoặc kết cỏ cây làm thành, ố
 Hoặc dệt võng lưới làm đường thôn
 Hoặc nằm đất đá làm thèm ốc
 Chư Phật Bồ Tát đều như thế
 Cái ấy tên là Xá Vệ thành”.

Nơi này mà khé chúng (76) thì nói cái tâm Giác Liễu Năng Tri trụ ở ngoài thân cũng không phải là chẳng trúng vậy!

IV. CHẤP TÂM NÚP SAU CON MẮT

Kinh: Ông Anan bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, như lời Phật dạy: vì không thấy bên trong thân, nên tâm không ở trong thân. Vì thân và tâm cùng biết một lần, không thể rời nhau nên tâm

không riêng ở ngoài thân được. Nay tôi suy nghĩ, biết tâm ở một chỗ!”

Phật bảo: “Chỗ ấy ở đâu?”

Ông Anan bạch Phật: “Cái tâm hay biết ấy đã không biết bên trong mà lại thấy bên ngoài. Theo như tôi xét nghĩ, thì nó nấp sau con mắt. Ví như có người lấy chén lưu ly úp vào hai con mắt, con mắt tuy là có vật úp vào nhưng không bị trở ngại, con mắt ấy vừa thấy thì liền phân biệt được ngay. Cái tâm hay biết của tôi không thấy bên trong là vì tâm ấy ở nơi con mắt; nhưng lại thấy bên ngoài rõ ràng không ngăn ngại, vì tâm nấp sau con mắt”.

Phật bảo Ông Anan: “Theo chỗ ông nói: tâm nấp sau con mắt như con mắt nấp sau chén lưu ly. Vậy thì người kia đang khi lấy chén lưu ly úp vào hai mắt, trông thấy núi sông thì có trông thấy chén lưu ly không?”

- Thưa Thế Tôn, đúng thế, người ấy đương khi lấy chén lưu ly úp vào hai con mắt thật có thấy chén lưu ly.

Phật bảo Ông Anan: “Nếu tâm ông nấp sau con mắt như con mắt nấp sau chén lưu ly, thì khi trông thấy núi sông sao không trông thấy con mắt? Nếu thấy con mắt, thì con mắt cũng là ngoại cảnh, không thể mắt liền thấy mà tâm liền biết được. Nếu không thấy được con mắt, thì sao lại nói rằng tâm nấp sau con mắt như con mắt nấp sau chén lưu ly? Vậy, nên biết rằng ông nói cái tâm hay biết nấp sau con mắt như con mắt nấp sau chén lưu ly, thật không đúng vậy”.

Thông rằng: Luận Bát Thức Quy Củ nói “*Kẻ ngu khó phân biệt được căn và thức*”. Vậy thì căn và thức khó phân biệt từ xưa rồi. Nếu nói căn chẳng phải là thức thì căn tự là căn, thức tự là thức. Thức thường thấy cái căn. Nếu nói căn tức là thức, thì người chết kia, con mắt cũng hiện còn, tại sao chẳng thấy. Cho nên biết rằng năm căn chỉ là vật sắc trong suốt soi cảnh vật mà thôi, còn thức thì hiểu biết phân biệt. Chúng tử và hiện hành của hai thứ huân tập chẳng giống nhau. Năm căn tức là sắc pháp, là tướng phần của thức thứ tám, đủ cả hai nghĩa *Chấp* (Giữ) và *Thọ* (Lãnh), có tánh vô ký và trống sạch suốt. Năm thức thuộc về tâm pháp, tức là kiến phần của thức thứ tám, đủ cả ba tánh (thiện, ác, vô ký), hay hiểu biết rõ ràng gọi là tánh cảnh thuộc về hiện lượng, nên Luận nói “Tánh cảnh, hiện lượng thông ba tánh”. Đến thức thứ sáu mới có phân biệt, thuộc về tỷ lượng (so sánh, suy lường), phi lượng (biết lầm lạc). Đây là chỗ phân biệt giữa căn và thức.

Ông Anan nói rằng “Căn ấy vừa thấy liền phân biệt ngay” là đúng. Nhưng nói tiếp “Cái tâm nấp ở trong căn như chén lưu ly úp lên mắt”, thì sai. Vì, nếu quả như khi chén lưu ly úp lên mắt, thì mắt thấy núi sông cũng thấy được chén lưu ly, cũng thế, tâm khi thấy núi sông, cũng phải thấy con mắt. Nay tâm chẳng thấy con mắt, tức là rõ ràng tâm chẳng phải ngầm ẩn trong con mắt. Ví dụ để so sánh của ông chẳng chân thật, chính thuộc phi lượng. Xét chỗ chỉ bày của Ông Anan thì cái tâm tri giác chỉ là sáu thức phân biệt vậy. Sáu thức này do đâu khởi ra? Đó là do sự truyền tống, chuyển đưa của thức thứ bảy và do sự hàm tàng, chứa giữ của thức thứ tám. Dầu cho sự

phân biệt dễ bỏ, mà hành ám khó trù. Đầu cho hành ám dễ tiêu, mà chủng tử khó chuyển hóa.

Nay đối với sáu thức phân biệt mà Ông Anan còn chưa biết chỗ ở của chúng, huống hò lại biết được cái thức thứ bảy và thức thứ tám? Chỗ ở còn không biết, nói gì đến chuyện đem binh đi đánh dẹp?

Kinh này mới đầu phá hang ô của sáu thức, nên mới có bảy chỗ trung bảy của tâm. Sau cùng công kích các cơ quan đầu não của thức thứ tám, cho đến lúc thức ám hết sạch. Đây là đại lược việc chuyển thức thành trí. Văn sau của kinh nói rằng “Tuy để được sáu tiêu (79) hết, dường còn chưa mất cái một (80)”. Đến khi một, sáu đều tiêu, rồi không chỗ dựa, mới nhìn lại cái đoạn “Nắp trong con mắt giống như lấy chén lưu ly mà úp” này, lại không phát ra một tiếng cười lớn hay sao! Tuy nhiên, nếu khéo thí dụ, thì không gì mà chẳng được!.

Xưa, Trung Âp Hồng (81) thiền sư, có Ngài Ngưỡng Sơn đến tạ ơn truyền giới, xong rồi hỏi rằng: “Cái nghĩa Phật Tánh như thế nào?”

Tô Âp đáp: “Tôi sẽ nói một ví dụ cho ông: giống như cái nhà có sáu cửa sổ, trong ấy có nhốt một con khỉ lớn, ở ngoài có con khỉ lớn kêu rằng: “Đười ươi”, thì con ở trong liền ứng đáp. Y vậy, cả sáu cửa đồng kêu vang, đồng ứng đáp”.

Ngài Ngưỡng Sơn (82) lẽ tạ rồi đứng lên thưa rằng: “Nhờ ơn Hòa Thượng thí dụ, không gì chẳng rõ. Lại còn có một sự: nếu con khỉ ở trong mê ngủ, con khỉ lớn ở ngoài muốn cùng gắp nhau, thì làm sao?”

Tổ Áp bước xuống khỏi chỗ ngồi, nắm tay Ngài Ngưỡng Sơn nhảy múa mà nói: “Đười ươi cùng ông gặp nhau rồi đó. Ví như con tò vò làm tổ trên lông nheo con muỗi, hướng về ngã tư đường mà hô hoán rằng: “Đất rộng người thưa, tương phùng ấy ít”.

Tổ Vân Cư (83) Tích nói rằng: “Khi ấy mà Trung Áp không được một lời nói ấy của Ngưỡng Sơn, thì làm gì có Trung Áp!”

Tổ Trung Thọ Trù nói: “Có người nào định được đạo lý này chẳng? Nếu định chẳng được thì chỉ là kẻ bắt tay chân của tinh hồn làm trò hý lộng. Nghĩa Phật Tánh ở tại chỗ nào?”

Thiền sư Huyền Giác (84) nói: “Nếu chẳng phải là Ngưỡng Sơn, làm sao được thấy Trung Áp. Hãy nói đâu là chỗ Ngưỡng Sơn được gặp Trung Áp?”

Tổ Thiên Đồng tụng rằng:

*Nhà tuyết ngũ vùi năm sấp hết
Cửa rêu đêm chẳng mở, thâm u
Vườn rừng khô lạnh xem biến đổi
Gió xuân thổi dậy luật Đồng Khôi (85).*

Bài tụng này rõ ràng ca ngợi chỗ ngủ của Ngài Ngưỡng Sơn, chẳng đọa vào sự khô chết. Đó tức là chỗ Ngài Trung Áp và Ngưỡng Sơn gặp nhau, quả là cái cảnh giới một, sáu điều tiêu, nhưng cái chuyện “Vườn rừng biến thái như luật Đồng Khôi” với lại “Tay chân tinh hồn” thì khác nhau biết bao!

V. CHẤP NHẮM MẮT THÁY TỐI LÀ THÁY BÊN TRONG THÂN

Kinh: Ông Anan bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, nay tôi lại nghĩ như vậy: trong thân thể chúng sanh này, tặng phủ ở bên trong, khiếu huyệt ở ngoài, có tặng thì tối, có khiếu thì sáng. Nay tôi trả lời với Phật rằng: mở mắt thấy sáng, gọi là thấy bên ngoài. Nhắm mắt thấy tối, gọi là thấy bên trong. Nghĩa ấy thế nào?”

Phật bảo Ông Anan: “Đương khi ông nhắm mắt thấy tối, thì cái cảnh tối ấy là đối với con mắt hay không đối với con mắt”. Nếu đối với mắt thì cái tối ở trước mắt sao lại thành ở trong thân? Còn cái tối đó thành ở trong thân thì khi ở trong phòng tối, không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng hay của đèn, thì cái gì ở trong nhà tối đó đều là phủ tặng của ông hết hay sao? Còn nếu cái tối không đối với mắt, thì làm sao thành ra có thấy? Nếu cho rằng rời cái thấy sáng bên ngoài thì thành ra cái thấy tối đối với bên trong, nhắm mắt thấy tối gọi là thấy bên trong thân, thì khi mở mắt thấy sáng sao lại không thấy cái mặt? Nếu không thấy cái mặt thì cái thấy tối đối với bên trong cũng không thành được. Còn như thấy được cái mặt, thì cái tâm hay biết ấy và con mắt đều ở giữa hư không, sao lại thành ở trong thân được? Nếu tâm và con mắt ở giữa hư không thì tất nhiên không phải là thân thể của ông, vì không lẽ hiện nay Như Lai thấy mặt ông cũng là thân của ông hay sao? Và như thế thì con mắt của ông đã biết mà thân của ông lại chẳng biết. Thế là theo lời nói chấp trước của ông, thân và mắt ở riêng như thế đều có tánh biết, thì ông lại có hai tánh biết, rồi chính

một thân ông sẽ thành hai đức Phật hay sao? Vậy, phải biết rằng ông nói thấy tối gọi là thấy bên trong thân, thật không có lẽ ấy”.

Thông rằng: Ông Anan chỉ vì nghi vướng vào lời nói “Chẳng thể thấy bên trong” mà sanh ra bao nhiêu là suy đoán. “Nấp sau con mắt” đã chẳng phải, thì “Cái thấy tối xoay vào trong” lại đúng hay sao? Cái “*Thấy tối*” này lại càng suy ra nhiều suy tính hơn. Ông Anan tuy chưa tỏ lời mà Đức Thế Tôn mỗi mỗi đem ra phá sạch. Ban đầu là hỏi cái cảnh tối đó là đối với mắt hay không đối với mắt. Nếu đối với mắt thì thành cảnh ở ngoài, còn nếu không đối với mắt thì chẳng thấy được, thì cái tối đó không thể gọi là ở trong vậy. Đã cho là cái thấy của “năng kiến” là do nhìn trở lại chứ không nhờ con mắt, thì nếu nhắm mắt nhìn vào trong thấy tối, át mở mắt quay lại nhìn cũng có thể thấy mặt. Mặt không thấy được, làm sao thấy được cái tối, vậy thì cái thấy ấy không thể thấy bên trong. Nếu lại dùng tâm thức im lặng suy xét, đây là tặng phủ, đây là mặt mày, mà gọi là cái thấy, thì cái tâm nhẫn ấy, chẳng phải ở tại hư không sao?

Nếu cho là tâm, mắt vốn ở tại hư không, có thể thấy mặt mày của mình, thì thân của Như Lai cũng là thân của ông sao? Nếu cho rằng cái thấy của Như Lai là cái thấy của ông, thân Như Lai là thân của ông thì một thân Anan có thể thành hai vị Phật sao?

Từ cái chõ “*Thấy bên trong*” này mà sanh ra bao nhiêu là suy tính. Cái “*Thấy đối với bên trong*” đã chẳng thể thành, thì

thấy tối không thể gọi là “*Thấy bên trong*” được. Tuy nhiên, cái nǎng kiến ấy nó vốn tự tối, vậy thì ai thấy đó?

Ngài Văn Môn hạ lời: “Người người tự có quang minh cả. Khi xem chẳng thấy, tối thui thui. Thế nào là quang minh của người người?”

Tự trả lời thay rằng: “Kho bếp ba cửa”.

Lại nói: “Việc tốt chẳng bằng không”.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

“*Tự chiếu bày độc sáng
Vì ông thông một đường
Hoa tàn cây không bóng
Khi xem ai chẳng thấy
Thấy, chẳng thấy
Cõi ngược trâu, hè, vào Phật điện*”.

(Tự chiếu liệt cô minh
Vi quân thông nhất tuyến
Hoa tạ thụ vô ảnh
Khán thời thùy bất kiến
Kiến bất kiến
Đảo ky ngưu hè nhập Phật điện).

Nếu hiểu được chỗ “Cõi ngược trâu vào Phật điện”, thì nói “Thấy tối tức là thấy bên trong” cũng không phải là không đúng!

VI. CHẤP TÂM HỢP VỚI CHỖ NÀO THÌ LIỀN CÓ Ở CHỖ ÁY

Kinh: Ông Anan bạch Phật: “Tôi thường nghe Phật chỉ dạy từ chúng: Do tâm sanh nên thấy thấy pháp sanh. Do pháp sanh nên thấy thấy tâm sanh”. Nay tôi suy nghĩ thì cái thể suy nghĩ đó thật là tâm tánh của tôi, hễ hợp với chỗ nào thì tâm liền có ở chỗ đó, chứ không phải ở trong, ở ngoài hay ở chặng giữa”.

Phật bảo Ông Anan: “Nay ông nói rằng: Do pháp sanh nên các thứ tâm sanh, hễ hợp với chỗ nào thì tâm liền có ở chỗ đó. Cái tâm áy nếu không có tự thể thì không thể hợp được, chứ nếu không có tự thể mà vẫn hợp được thì giới thứ mười chín cùng trần thứ bảy hợp lại được hay sao? Nghĩa áy không đúng.

“Còn nếu có tự thể thì khi ông lấy tay tự gãi thân ông, cái tâm biết gãi của ông ở trong thân ra hay từ ngoài vào? Nếu từ trong thân ra, thì phải thấy trong thân. Còn nếu từ ngoài vào, thì trước hết phải thấy cái mặt”.

Ông Anan bạch Phật: “Thấy là con Mắt, còn tâm thì Biết chứ không Thấy như con Mắt, nói tâm thấy là không đúng nghĩa”.

Phật dạy: “Nếu con mắt thấy được, thì khi ông ở trong phòng, cái cửa có thấy được không? Lại những người chết rồi vẫn còn con mắt, lẽ ra phải thấy được vật, mà nếu thấy được vật thì sao gọi là chết?

“Anan, lại nếu cái tâm hay biết của ông phải có tự thể thì có một thể hay có nhiều thể? Nay tâm ở nơi thân ông, thể ấy cùng khắp cả mình hay không cùng khắp? Nếu tâm có một thể thì ông lấy tay gãi một chi, lẽ ra cả tứ chi đều biết, mà nếu đều biết thì lại không biết gãi ở chỗ nào. Nếu biết chỗ gãi thì cái thuyết một thể của ông tự nhiên không thành. Nếu như có nhiều thể thì thành ra nhiều người, còn biết cái thể nào là thể của ông. Nếu cái thể ấy là cùng khắp thì lại như trước kia, không biết được chỗ gãi. Còn nếu như không cùng khắp thì khi ông chạm trên đầu, đồng thời cũng chạm dưới chân, hẽ đầu có biết, lẽ ra chân phải không biết, nhưng hiện nay ông lại không phải như thế”.

“Vậy, nên biết rằng “Hễ hợp với chỗ nào, tâm liền ở chỗ đó”, thật không có lẽ ấy”.

Thông rằng: Chạm đầu: đầu biết, chạm chân: chân biết, há chẳng phải là “Hễ hợp với chỗ nào, tâm liền tùy có ở chỗ đó” hay sao? Nhưng nếu thế thì ở chỗ không hợp, thì tâm hoàn toàn không có. Đó chẳng phải là tà kiến “Đoạn, Thường” hay sao? Đức Thế Tôn hẵn không vô cớ trách rầy chuyện này.

Chỉ ở nơi một chữ “*Hợp*” mà biện rõ chỗ sai lầm. *Hợp* tức phải là có tự thể. Nếu không có tự thể, nghĩa *Hợp* không thành. Cũng như không có trần thứ bảy, tất không có giới thứ mười chín. Còn nếu có tự thể, thì thể này đã chẳng phải từ ngoài vào, lại cũng chẳng phải từ trong ra. Cái tâm thể ấy là một thể hay nhiều thể? Ở nơi thân con người, nó là thể biến khắp hay là thể không biến khắp? Lấy tay gãi một chi, thì cái

biết tùy do gãi mà có, nếu cái biết ấy là một thể thì phải ở khắp nơi, còn nếu là nhiều thể thì thành ra nhiều người! Cái biết ấy nếu có ở khắp nơi thì khi gãi không rõ chỗ gãi; còn nếu không ở khắp nơi thì khi gãi lại có chỗ không biết. Có bốn điều trên đều chẳng phải, tức là cái tự thể không định được, vậy do đâu mà *hợp*? Nói là “*Tùy chỗ mà hợp*” ấy, thì hợp với một thể ư? Hợp với nhiều thể ư? Hợp với thể biến khắp ư? Hợp với thể chẳng biến khắp ư? Hợp với kia thì bỏ đây, hợp với đây thì bỏ kia. Vả chẳng phải một, chẳng phải nhiều, chẳng phải khắp, chẳng phải không khắp, mà cuối cùng chẳng có thể hợp. Đã không thể hợp, làm sao thấy “*Cái tùy theo mà có*?”

Đức Thế Tôn tuy biện biệt cái sai lầm của thuyết “Hết hợp với chỗ nào, tâm liền tùy có ở chỗ đó”, nhưng cũng chỉ bày cái diệu mầu của Chân Tâm vô thể. Vô thể ắt vô hiệp, tâm cảnh chẳng đến nhau, ngay đây giải thoát (86), vốn tự vô sanh. Thế thì làm sao nói được “Pháp sanh thì thấy thấy tâm sanh”? “Tâm sanh thì thấy thấy pháp sanh” cùng với ý chỉ “Tam Giới Duy Tâm” không khác, nên không cần phải biện luận. “Pháp sanh thì thấy thấy tâm sanh” thì tâm vốn vô sanh, nhân cảnh mà có soi chiếu, cũng tự là không bệnh.

Nhưng Ông Anan dẫn lời dạy của Phật để chứng minh là “Hợp với chỗ nào, tâm liền có ở chỗ đó”, thì ấy là cái tâm theo sóng đuổi sóng, chẳng phải cái tâm hiện cảnh mà tịch diệt vậy. Nên ngộ được cái tâm vô thể thì sự hiện cảnh không làm ngăn ngại, nên duyên khởi mà vô sanh là vậy.

Có nhà sư hỏi Tô Giáp Sơn (87): “Khi dẹp tràn thấy Phật thì sao?”

Tô Sơn rằng: “Chính liền vung kiếm! Nếu không vung kiếm, ngư ông nghỉ ồ!”

Nhà sư đem hỏi Tô Thạch Sương (88): “Dẹp tràn thấy Phật thì như thế nào?”

Tô Sương đáp: “Hắn không quốc độ, chỗ nào gặp hắn?”

Nhà sư trở về nói lại y vậy cho Tô Giáp Sơn.

Tô Sơn thương đường nói rằng: “Cái bày vẽ của môn đình (89) chẳng như lão tăng. Thấu lý, luận sâu còn cách Thạch Sương trăm bước!”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*Phất thanh kiếm lớn tẩy binh oai
Dẹp loạn công đầu ấy là ai?
Một sóm, khí tràn thanh (trong) bốn biển
Rủ y (áo), trời đất tự vô vi.*

Ngài Đơn Hà tụng rằng:

*Một câu khế lý, ngọc reo vang
Nội ngoại long lanh, mắt lạnh tràn
Cõi Vô Lâu ấy dừng chẳng được
Trong bóng trăng hoa khó thấy thay!*

Một tắc này đây, “Dẹp tràn thấy Phật”, mà tự mình còn chẳng thấy, huống là hợp với tràn mà tìm Phật, tìm Giác thì thật là quá sức điên đảo! Tuy nhiên, một mặt trăng hiện khắp

tất cả mặt nước. Tất cả mặt trăng dưới nước thu nhiếp vào một mặt trăng. Thì sự “*Tùy chỗ mà hợp*” lo gì chẳng có!

VII. CHẤP TÂM Ở CHẶNG GIỮA

Kinh: Ông Anan bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, trong khi Phật nói thực tướng với các vị Pháp Vương Tử như Ngài Văn Thủ, Thế Tôn cũng nói rằng “Tâm không ở trong, cũng không ở ngoài”. Theo tôi suy nghĩ: tâm ở trong thân, sao lại không thấy bên trong; tâm ở bên ngoài thân thì thân và tâm sao lại không cùng biết. Không biết bên trong nên tâm không thể ở bên trong. Thân và tâm cùng biết nên nói tâm ở ngoài là không đúng lý. Nay thân và tâm cùng biết, lại không thấy bên trong thân, nên tâm phải ở chặng giữa!”

Phật bảo Ông Anan: “Ông nói “Ở chặng giữa”, thì cái giữa ấy chắc không lẩn lộn và không phải không có chỗ. Nay ông nhận định cái giữa ấy chỗ nào, ở nơi cảnh hay ở nơi thân? Nếu ở nơi thân mà ở một bên thì không phải là ở giữa, còn nếu ở giữa thân thì cũng là ở trong thân rồi. Nếu cái giữa ấy ở nơi cảnh thì có thể nêu ra được hay không nêu ra được? Không nêu ra được thì cũng như không có, còn nếu nêu ra được thì lại không định được. Vì sao? Ví như có người lấy một cây nêu, nêu một chỗ làm cái giữa, thì phương Đông nhìn qua, cái nêu lại ở phương Tây, phương Nam lại thấy thành phương Bắc. Cái giữa nêu ra đã lẩn lộn thì tâm phải tạp loạn”.

Ông Anan bạch Phật: “Cái giữa của tôi nói chẳng phải là hai thứ ấy. Như Đức Thế Tôn đã nói: Nhã căn duyên nơi sắc

trần sanh ra nhãnh thức. Nhãnh căn có phân biệt, sắc trần vô tri, nhãnh thức sanh ở giữa thì tâm ở tại đó”.

Phật dạy: “Nếu tâm ông ở giữa căn và trần, thì cái thể của tâm ấy gồm cả hai bên hay không gồm cả hai bên? Nếu gồm cả hai bên thì vật và tâm thể xen lộn, vật thì vô tri khác với tâm thể tỏ biết, thành ra hai bên đối địch lẫn nhau, lấy cái gì làm cái ở giữa? Gồm cả hai cũng không được, vì như thế thì chẳng phải là biết hay không biết, tức là không có thể tánh, lấy cái gì làm cái tướng ở giữa?

“Vậy, nên biết rằng ông nói cái tâm là ở chặng giữa, thật không có lẽ ấy”.

Thông rằng: Đến đây, Ông Anan mới bày tỏ ra là thức sanh ở chính giữa. Nói rằng sáu thức phân biệt ở giữa căn và trần, so với cái thuyết núp trong con mắt thì có căn cứ hơn. Nhưng chỗ gọi là ở giữa đó, đã không ở trong lại chẳng ở ngoài, chỉ do căn và cảnh giao nhau, từ giữa đó mà có cái thức phân biệt, bèn cho là tâm. Thật ra, không biết rằng ba thứ căn, trần, thức nương nhau mà thành lập, như những cảnh lau gác lênh nhau, vốn không có tự tánh. Nay xác định nó mà nói là ở giữa, vậy nếu cái giữa đó có vị trí thì gồm cả căn và trần hay không gồm? Nếu gồm, thì căn biết mà trần lại vô tri, sự đối địch lập ra mà cái ở giữa không thành. Nếu không gồm, thì chẳng phải biết, chẳng phải không biết, không có tự thể nên cái ở giữa cũng không thành. Vậy cái giữa ở đâu? Nên nói tâm ở chặng giữa là sai vậy.

Nếu luận về Chân Tâm, thì cũng gồm cả hai, cũng chẳng gồm cả hai. Sao gọi là gồm cả hai? Trong Như Lai Tạng, vốn có đủ cả kiến phần và tướng phần. Như sau này, kinh nói: Tánh của Sắc là Chân Không (90), Tánh Không là Chân Sắc, thế thì làm sao có sự lộn xộn, tạp loạn được. Sao gọi là không gồm cả hai? Vì, đó là cái linh quang độc sáng, vượt khỏi căn Trần, thì căn không có chỗ gặp, nào từng không thể tánh sao? Như tin được rằng cái tâm này chẳng phải biết cũng chẳng phải không biết, vốn không tự tánh, cũng không có cái tướng ở chính giữa, mới biết rõ sâu xa *cái chính giữa* là ra sao.

Vị quốc vương xứ Đông Ân sau khi thỉnh Tô Thủ Hai Mươi Bảy là Ngài Bát Nhã Đa La thọ trai xong, bèn hỏi rằng: “Mọi người đều chuyền (91) kinh, chỉ có thầy tại sao không chuyền?”

Tô đáp: “Bần đạo thở vào chẳng ở trong âm, giới; thở ra chẳng dính dáng với các duyên. Thường chuyền kinh ấy trăm ngàn vạn ức quyển, chứ chẳng phải một hai quyển đâu!” Vua bèn lê bái.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Trâu mây giõn nguyệt sáng miên man
Ngựa gỗ chơi xuân chẳng buộc ràng
Dưới mày ngọc lạnh xanh đôi mắt
Nào phùng da bò (92) mới khán kinh”.*

Lại tụng tiếp:

*“Rõ ràng tâm siêu muôn kiếp trống
 Anh hùng ra sức phá vòng vây
 Trời nhiệm lời yêu chuyển linh cơ
 Hàn Sơn quên mất đường xưa lại
 Thập Đắc song song nắm tay về”.*

Đây là thói nhà (93) của Tổ Sư, chẳng lập hai bên, không an trụ trung đạo, đạo lớn rỗng suốt nhiệm màu, chân tông không bám chấp, chính là Thứ Nhất. Cho nên, đó chẳng phải là chỗ sáu thức, căn và trần đến được. Như hai Ngài Hàn Sơn, Thập Đắc: đi, đến tự tại, thong dong, nhàn nhã, trong lòng dạ tuyệt không còn một mảy tơ tình thức, đủ để cùng Tổ Thứ Hai Mươi Bảy tương kiến.

VIII. CHÂP TÂM KHÔNG DÍNH DÁNG VÀO ĐÂU TẤT CẢ

Kinh: Ông Anan bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, trước đây, tôi thấy Phật với bốn đại đệ tử là Đại Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Phú Lâu Na và Xá Lợi Phất cùng chuyển Pháp luân, Phật thường dạy: cái tâm tánh hiểu biết phân biệt cũng chẳng ở trong, cũng chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở chính giữa, đều không ở chỗ nào cả, tất cả không dính bám, tạm gọi là tâm. Nay tôi không dính bám, thì gọi là tâm chẳng?”

Phật bảo Ông Anan: “Ông nói “Cái tâm tánh hiểu biết phân biệt đều không ở đâu tất cả”. Vậy các vật tượng thế gian như hư không và các loài dưới nước, trên đất, bay, chạy, nghĩa là tất cả sự vật mà ông cho là không dính bám đó, là có hay không có? Không có, thì đồng với lông rùa sừng thỏ, có gì để gọi là không dính bám? Đã có cái không dính bám thì không

thể gọi là không. Không có tướng thì tức là không, chẳng phải không mà lại có tướng. Có tướng thì có chỗ ở, làm sao lại không dính bám được?

Vậy, nên biết rằng ông nói cái không dính bám vào đâu tất cả là tâm hiểu biết, thật không có lẽ đó”.

Thông rằng: *Cái không dính bám* của Ông Anan dẫn ra đó, chưa từng chẳng phải. Nhưng hiểu cho rõ hai chữ “*Tất cả*”, thì cái “*vô trước*” ấy là đối với cảnh mà có. Cảnh mà có thì có vô trước, còn cả hai đều không có, thì hóa ra đoạn diệt! Nói sao cũng mâu thuẫn. Nếu tất cả vật tượng đều không có, thì còn có chỗ nào nữa để mà không dính bám? Mà đã có *cái không dính bám* thì vật tượng không thể nói là không có! Nếu không có *tướng không dính bám*, thì mới có thể nói là không có tất cả vật tượng. Có *sự không dính bám*, tức là có *tướng* rồi. Có *tướng* không dính bám, tức là có tâm ở đó rồi. Tâm đó ở chỗ *không dính bám* thì sao lại gọi là “*Đều không ở chỗ nào cả*”? Tâm đã có chỗ ở thì sao lại nói là “*Không dính bám*”? Trước thì ở nơi cái năng để làm rõ cái sở, chẳng thể gọi là không có. Tiếp sau, là dùng cái sở để làm rõ cái năng; cái tướng đã có ắt phải có cái hiện hữu, nên cái nghĩa vô trước không thành được.

Xưa, Nghiêm Dương tôn giả hỏi Tô Triệu Châu (94): “Một vật chẳng có đem lại thì như thế nào?”

Tô Châu rằng: “Buông bỏ đi”.

Ông Nghiêm rằng: “Một vật chẳng có đem lại, thì buông bỏ cái gì?”

Tô Châu nói rằng: “Thế thì vác lên mà đi!”

Tôn giả nghe xong, đại ngộ.

Ngài Hoàng Long (95) tụng rằng:

“*Một vật chẳng mang lại
Hai vai vác chẳng nổi
Vừa nghe, rõ lỗi mình
Trong lòng vui không xiết
Độc ác đã quên rồi
Rắn cọp là tri kỷ
Rỗng rang ngàn trăm năm
Gió mát chưa ngừng thổi*”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“*Chẳng ngờ té hạnh trước trao tay
Từ rõ lòng quê, hẹn gõ đầu
Phá thoát, ngang lưng rìu cán mục
Rửa trong (sạch) phàm cốt, với tiên chơi*”.

Bài tụng này thì *vô trước* cũng không, nên tự do, tự tại. Phần nhiều đều ở nơi cảnh, thì thấy có *vô trước*, lìa cảnh tức là không *vô trước*. Ở nơi tánh thấy *vô trước*, thì cái *vô trước* đó tức là tự tánh. Đầu còn chỉ một cái ý *vô trước*, bèn là hỏng hết vậy.

MỤC HAI: CHỈ RÕ TÁNH THÁY

I. CẦU ĐI ĐẾN CHỖ CHÂN THẬT

Kinh: Bấy giờ, Ông Anan ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo phải, đầu gối phải chấm đất, chắp tay cung kính mà bạch Phật rằng: “Tôi là em nhỏ nhất của Như Lai, nhờ Phật thương yêu, nay tuy đã xuất gia, còn ỷ lại nơi lòng thương của Phật. Vì thế, học rộng nghe nhiều mà chưa được quả Vô Lậu, không chiết phục nổi chú Ta Tỳ La, theo chỗ nó chuyển mà chìm nơi nhà dâm. Nguyên do vì không biết đường đến nơi Chân Tế (Phật Tánh Tự Tâm). Cầu xin Thế Tôn Đại Từ thương xót, chỉ bày cho chúng tôi con đường Chánh Định, cũng khiến cho những kẻ không tin trừ bỏ ác kiến”.

Thưa như vậy xong, rạp cả mình xuống đất, cùng tất cả đại chúng hết lòng mong nghe lời Phật dạy.

Thông rằng: Xét chỗ thấy của Anan lúc ấy dường chưa thể đè bẹp thức tình để đến chỗ trong lặng không dao động, chỉ vì chưa được Vô Lậu (hết phiền não). Mới đầu thì cho cái tâm giác liễu năng tri là có vật, nên mới nói “Ở trong, ở ngoài, ở nơi căn”. Đến khi đã biết là chẳng phải vật, nhưng còn cho là có thức, nên mới nói là “Tùy chỗ hiệp mà có”, “Thức sanh ở chẳng giữa”. Đến lúc cái tri, cái thức đều tiêu hết, rồi mới tin là “Chẳng có dính bám” (vô trước). Nhưng đã có cái ý “không dính bám” thì cũng đã dính bám rồi vậy. Nhưng tất cả không có dính bám mới chỉ đoạn trừ được cái Thức Thứ Bảy, chứ

chưa đến cái địa vị lặng lẽ. Mà dù có đến được địa vị lặng lẽ, thì vẫn còn ngồi trong hang ổ của Thức Thú Tám, chõ ngoại đạo gọi là Minh Đé (97). Nếu con đường tu Định chỉ là phương tiện bờ mé của việc chuyển thức thành trí, mà thánh giải còn tuyệt chủng dung chú niệm, huống gì là lại bám lấy phàm tình để bị kéo lôi? Cho nên, tình phàm ý thánh đều hết, thì Chân Thường hiển lộ, mới gọi là Chân Tế. Thấu suốt Chân Tế mới không bị dâm thuật chuyển đảo. Chẳng phải chỉ tự mình hiểu biết hắn hoi đầy đủ chõ Tịch Tịnh (98) mà còn giúp cho hết thảy phàm phu chưa đủ lòng tin phá trừ được ác kiến vậy.

Ngài Đoan Sư Tử đọc Lăng Nghiêm có bài tụng:

*“Bảy chõ bảy Tâm, tâm chẳng thỏa
Ngơ ngác Anan không liếc tới
Hiện mà bảy được, thấy vô tâm
Áy chính trong bùn rửa đất cục”.*

Có thể nói là bậc có con mắt đầy đủ.

II. PHÓNG QUANG NÊU RA TÁNH THÁY VIÊN MÃN SÁNG SUỐT

Kinh: Bấy giờ từ mặt Đức Thé Tôn phóng ra các thứ hào quang, ánh sáng rực rỡ như trăm nghìn mặt trời. Khắp các thế giới của chư Phật, sáu thứ chấn động. Các cõi nước nhiều như vi trần của mười phương hiện ra trong một lúc. Oai thần của Phật khiến các thế giới hợp lại thành một thế giới. Trong thế

giới này, tất cả các vị Bồ Tát hiện có đều an trụ ở nước mình chấp tay nghe lời Phật dạy.

Thông rằng: Phóng quang động địa, xưa cho là cảnh giới không thể nghĩ bàn, nhưng cũng có thể hiểu được. Các đạo gia, tinh thần đầy đủ, vững chắc, thì trong đêm tối, mắt vẫn có sáng tỏ mà không vật gì chẳng thấy. Huống hồ Đức Thế Tôn nhiều kiếp thành tựu, thì hào quang chẳng có chói lọi rực rỡ sao? Hạng cầu đảo vận động nguyên khí có thể kêu mây mưa xuống, huống là Pháp Thân thanh tịnh của Thế Tôn không bờ không bến thì khắp các thế giới của chư Phật chẳng chấn động sao? Thế Tôn dựng cây cờ pháp lớn, tất trước tiên phải có chỗ tọa bàng. Chỗ nói là “*Khiến tất cả các thế giới hợp lại thành một cõi*” là đã ẩn cái ý *hội vọng quy chơn* vậy. Nếu là hạng thượng căn (99) lợi trí thì thấy ánh sáng như thế, nhìn sự việc như thế, liền được Bổn Tâm, chứng Vô Sanh Nhẫn.

Thiền sư Viên Chiếu (100) lên tòa giảng, nói rằng: “Hãy xem! Ánh sáng tốt lành rực rỡ, chiếu sáng cả Đại Thiên thế giới. Trăm ức vi tràn cõi nước, trăm ức đại hải, trăm ức núi Tu Di, trăm ức mặt trời, mặt trăng, trăm ức bốn châu thiên hạ, cho đến cõi Phật vi tràn đều ở trong ánh sáng phát hiện ra cùng một lúc. Các nhân giả! Có thấy chẳng? Nếu thấy được, thì chính các ông đang tự thân ở trong ánh sáng tốt lành ấy. Không thấy được, đừng nói là ánh sáng tốt lành chẳng có chiếu soi. Hãy tham!”

Ai ai cũng đều có ánh sáng này. Vì sao Tổ Viên Chiếu thấy còn mọi người chẳng thấy? Đó là ngộ với chẳng ngộ vậy.

Pháp tánh vốn khắp cả, vọng trán chẳng ngăn cách được. Cái trí cảnh vốn tròn đầy, thức tình nào ngăn ngại được. Nếu ngộ tự tâm, bèn biết hết thảy, đây đều là việc trong nhà.

III. HAI THỨ CĂN BẢN

Kinh: Phật bảo Ông Anan: “Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay, đủ thứ điên đảo, mầm giống nghiệp tự nhóm lại như chùm quả ác xoa. Những người tu hành không thành được Bồ Đề Vô Thượng, đến nỗi riêng thành Thanh Văn, Duyên Giác hoặc thành ngoại đạo, chư Thiên, Ma Vương, hay bà con quyền thuộc của Ma. Tất cả đều do không biết hai loại căn bản, lầm lộn tu tập, cũng như nấu cát mà muốn thành món ngon, dầu trải qua số kiếp nhiều như bụi, rót cũng chẳng được.

“Thế nào là hai loại căn bản? Anan, một là, cội gốc (căn bản) của sanh tử vô thủy. Tức là ông hiện giờ và các chúng sanh dùng cái tâm bám níu theo duyên (tâm phan duyên) mà làm tự tánh. Hai là, cái thể bản lai thanh tịnh Bồ Đề Niết Bàn vô thủy. Tức là cái Chân Tâm vốn sáng soi của ông hiện giờ, hay sanh các duyên nhưng ông lại duyên theo các tướng duyên đó mà bỏ quên nó. Vì các chúng sanh bỏ quên cái vốn tự sáng này nên tuy trọn ngày sử dụng nó mà chẳng tự biết, uổng oan lạc vào sáu nẻo.

Thông rằng: Bảy chỗ bày cái tâm, đều là chẳng phải, vì dùng tâm phan duyên làm tự tánh.

Ông Anan cũng biết cái tâm này chưa được vô lậu, không chiết phục nỗi chú Ta Tỳ La, mà còn bị nó chuyền. Ông nói: “Nguyên do là vì không biết chỗ vào Chân Tế, là cũng đã lờ

mờ trộm thấy cái thể trong sạch của Bồ Đề Niết Bàn (Niết Bàn là Tịch Diệt), nên xin Phật chỉ bày. Do đó, Thế Tôn phân tích rõ ràng mà dạy cho. Trước, Phật đã dạy: Dùng các vọng tưởng, các tưởng này chẳng chân thật, nên mới bị luân chuyển. Điều đó, ở đây Ngài dạy: Dùng tâm phan duyên mà làm tự tánh, đó là cái gốc rễ của sanh tử từ vô thủy đến nay vậy. Trước, Phật dạy: Đều chẳng biết cái chơn tâm chẳng sanh chẳng diệt, tánh nó chẳng ô nhiễm, thể nó vốn sáng suốt. Tức ở đây là: Bồ Đề Niết Bàn, vốn thể nó trong sạch, đó là gốc rễ chẳng sanh chẳng diệt xưa nay vậy.

Xoay chuyển nơi sống chết: Hoặc, Nghiệp, Khổ ba thứ này sanh ra, đồng nhau tụ hợp giống như chùm trái ác xoa. Không những Thiên Ma, ngoại đạo chắc chắn ở trong luân hồi, mà ngay cả Thanh Văn Duyên Giác tu tập làm lộn, đều gọi là điên đảo.

Tại sao thế? Vì lấy sanh diệt làm nhân địa tu hành vậy. Mà cái nguyên minh vốn sáng soi, sinh ra các duyên thì vốn tự chẳng sanh chẳng diệt, chỉ vì duyên theo cái sở mà bỏ quên nó.

Như đoạn sau, kinh nói rằng “Tánh nguyên minh ấy chiếu mà sanh ra cái sở. Cái sở đã riêng lập thì tánh chiếu soi bị bỏ quên”, thì ý chỉ cũng giống đoạn này. Đây tức là nguyên do sanh ra các vọng tưởng, mà đã lạc vào vọng tưởng, bèn mất đi bản tánh. Quên mất cái nguồn gốc sáng suốt này, nên rơi vào các nẻo, mà không thành Bồ Đề Vô Thượng.

Có vị khách làm Thượng Thơ ra mắt Tổ Trưởng Sa.

Tô Sa gọi: “Thượng Thơ!”

Vị này lên tiếng dạ.

Tô Sa nói: “Đã chẳng phải là bốn mạng Thượng Thơ đó sao?”

Thượng Thơ rằng: “Chẳng thể lìa bỏ. Nhưng nay vừa đối diện, lại riêng có chủ nhân thứ hai rồi”.

Tô Sa nói: “Gọi Thượng Thơ là Chí Tôn được không?

Nói rằng: “Như thế, suốt cả khi không đối, đã không phải là chủ nhân của đệ tử sao?”

Tô Sa nói: “Chẳng phải chỉ khi đối hay không đối, mà từ đời vô thủy đến nay, đó là cái căn bản sanh tử của ông vậy”.

Lại tung rằng:

*“Cái người học đạo chẳng biết chân
Chỉ bởi xưa nay nhận thức thần
Gốc rẽ tử sanh, từ vô thủy
Kẻ si lại gọi Bốn Lai Nhơn”.*

(Học đạo chi nhơn bất thức chơn
Chỉ vị tung lai nhân thức thần
Vô thủy kiếp lai sanh tử bốn
Si nhơn hoán tác Bốn Lai Nhơn).

Như vậy thì chủ nhơn xưa nay, do đâu mà biết???

Phẩm Xuất Hiện của kinh Tạp Hoa nói: “Phật tử, không có chúng sanh nào mà không vốn đủ Trí Huệ Như Lai, chỉ vì bám giữ lấy vọng tưởng đên đảo mà chẳng chứng (101) được. Nếu lìa vọng tưởng, thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí, tự hiển bày trước mắt”.

Ngài Thiên Đồng tụng:

*“Trời che đất chở, nên khôi, thành hòn
 Khắp pháp giới nhưng không bờ mé
 Chè lân hư mà không ở trong
 Nuốt trọn huyền vi
 Nào phân sau, trước.
 Phật, Tổ đến đây trả nghiệp miệng
 Hỏi lấy Nam Tuyền, Vương Lão Sư (102)
 Người người ăn chỉ rau, một cọng”.*

Đã là chuyện ai ai cũng có, sao chẳng thể cùng chứng Bồ Đề mà đến nỗi riêng thành Thanh Văn, Duyên Giác?

Kinh Viên Giác nói: “Tất cả chúng sanh vọng thấy có lưu chuyền. Chán ghét lưu chuyền, lại vọng thấy có Niết Bàn. Do vậy mà chẳng nhập vào cái Giác vốn trong sạch. Chẳng phải Giác cản chống lại người-nhập. Vì, chỉ có người-nhập, chẳng phải cái Giác có sự nhập”.

Nhưng, biết chọn giữ lấy cái căn bản không sanh không diệt, ngoài sự đại triệt ngộ, thì không thể.

IV. NUƯƠNG CÁI THẤY, GẠN HỎI CÁI TÂM.

Kinh: “Anan, nay ông muốn biết đường tu Xa Ma Tha, nguyện ra khỏi sống chết, thì Ta lại hỏi ông. Liền đó, Như Lai đưa cánh tay kim sắc lên, co năm ngón lại, bảo Ông Anan: “Ông có thấy không?”

Ông Anan đáp: “Có thấy”.

Phật bảo: “Ông thấy cái gì?”

Anan trả lời: “Tôi thấy Như Lai đưa tay lên, co ngón thành nắm tay sáng ngời, sáng chói tâm và mắt của tôi”.

Phật hỏi: “Ông lấy cái gì mà thấy?”

Anan trả lời: “Tôi và đại chúng đều lấy con mắt mà thấy”.

Phật bảo Ông Anan: “Nay ông trả lời: Như Lai co ngón tay làm thành nắm tay sáng ngời, chói tâm và con mắt của ông. Con mắt ông thì thấy, còn ông lấy cái gì làm tâm đối với nắm tay chói sáng của Ta?”

Ông Anan thưa: “Nay Như Lai gạn hỏi tâm ở chỗ nào, mà tôi thì lấy tâm suy nghĩ xét tìm. Tức là cái năng biết suy nghĩ đó, tôi lấy nó làm tâm”.

Phật bảo: “Ôi, Anan! Cái đó chẳng phải là Tâm ông đâu”.

Ông Anan hoảng hốt rời chỗ ngồi, đứng dậy chắp tay mà thưa rằng: “Cái ấy không phải là tâm tôi thì gọi là cái gì?”

Phật bảo Ông Anan: “Đó là cái tưởng tạo nên các tướng hư vọng của tiền tràn, nó làm mê làm chân tánh của ông. Do từ

vô thủy cho đến nay, ông nhận tên giặc đó làm con, mất đi cái vốn là thường hằng (nguyên thường) của ông nên phải chịu luân hồi”.

Thông rằng: Đây là lần dẫn dụ từng bước lần thứ hai của Thế Tôn. Ngài hỏi “Ông nay có thấy không?” Anan đáp “Thấy”. Chỉ ở chỗ này mà đột nhiên tinh ngộ, bèn thấy bản tánh nguyên minh, chẳng cho phép luận bàn, chẳng đợi chỗ xếp đặt. Bồ Đề Niết Bàn vốn tự đầy đủ, vừa mồng khởi phân biệt đã lọt vào tỷ lượng (103), bị buộc vào sự sai sứ của sáu thức, chìm sâu vào trí thức, bỏ mất Chân Tánh xa lăm vậy. Cho nên Phật mới quở rằng “Cái đó chẳng phải là tâm của ông”. Nếu trong khi bị quở, rỗng rang mà tự mất bặt, bỗng nhiên hồi quang, thì ngay liền đó là bốn giác tự tại. Chứ sao lại nói “Rời cái hay biết (giác tri) đó, thì hoàn toàn không có gì”? Cái giác tri đó, đối đai với trần tướng trước mắt mà có phân biệt, trần mắt thì không có nữa, nên gọi là “Cái tướng hư vọng bám chấp lấy tướng”. Còn cái bốn giác thì chẳng nương theo trần mà sanh diệt theo, nên mới gọi là chân tánh. Nhưng chân tánh chỉ có một mà thôi. Vì cái giác tri này che đậy cái bốn giác trước mắt, nên cái giác tri ấy thật là tên giặc của bốn giác. Nếu nhận cái giác tri đó làm tự tâm, tức là nhận giặc cướp làm con, bỏ cái chẳng sanh diệt mà ôm lấy cái sanh diệt, thì sự luân chuyển còn nghi ngờ gì. Tuy nhiên, lìa cái giác tri hay biết này mà tìm riêng cái bốn giác ở nơi khác, lại không thể được.

Ngài Thiên Đồng nêu sơ lược rằng: “Nếu cái hay suy nghĩ đó là tâm của ông, tức là nhận giặc làm con!”

Ngài Tu Sơn Chủ nói: “Nếu cái hay suy nghĩ đó chẳng phải là tâm của ông, tức là nhận giặc làm con!”

Ngài Thiên Đồng đưa ra rằng: “Như giờ hãy xét là con, là giặc: mua nón vừa đầu, ăn cá bỏ xương”.

Bèn như Thiên Đồng, lại chọn lựa không?

Đức Lục Tổ (104) dạy: “Phàm phu túc là Phật, phiền não túc là Bồ Đề. Niệm trước mê là phàm phu, niệm sau ngộ là Phật. Niệm trước bám cảnh là phiền não, niệm sau liìa cảnh, túc là Bồ Đề”. Điều này cũng như nói lật sấp lật ngửa cũng là bàn tay vậy.

Ngài Vĩnh Gia nói: “Thật tánh của vô minh túc là Phật tánh. Huyền hóa không thân túc Pháp thân”. Quả là tò suối cái cửa Bất Nhị vậy.

Kinh: Ông Anan bạch Phật: “Thưa Thé Tôn, tôi là em yêu của Phật, vì lòng mến mộ Phật nên tôi xuất gia. Tâm tôi nào phải chỉ cúng dường Như Lai, mà còn khắp trải hằng sa quốc độ, thửa sự Chư Phật và các thiện trí thức. Phát đại dũng mãnh làm tất cả những pháp sự khó làm, đều dùng cái tâm này. Đầu cho hủy báng Chánh Pháp, đời đời lui sụt cǎn lành, cũng bởi cái tâm này.

“Nay Phật phát minh cái này chẳng phải là tâm, tôi bèn không có tâm, giống như gỗ đá. Lìa cái giác tri này, rốt chặng còn gì nữa. Tại sao Như Lai nói cái ấy không phải là tâm? Tôi thật kinh sợ. Cùng với đại chúng đây, không ai là không nghĩ hoặc. Xin Phật rủ lòng từ bi, chỉ bày cho người chưa ngộ”.

Thông rằng: Ông Anan tình thức và sở kiến khô kiệt, mới nói là “Không có tâm”, giống như gỗ đá. Chỗ này chính là nên thừa thọ đam đương, thì đỡ được biết bao tâm lực. Sá gì một cái giác tri mà cứ ôm giữ lấy, sao chẳng chịu bỏ quách.

Xưa, thầy Đại Lãng, mới đầu đến tham vấn Đức Mã Tô.

Ngài hỏi: “Đến đây cầu gì?”

Đáp: “Cầu tri kiến phật”.

Tô nói rằng: “Phật không có tri kiến, tri kiến (105) là Ma. Ông từ đâu tới?”

Bạch rằng: “Từ Nam Nhạc (106) đến”.

Tô nói rằng: “Ông từ Nam Nhạc đến, mà chưa biết tâm yêu của Tào Khê (107). Ông mau trở về đó, chẳng nên đi nơi khác”.

Thầy Lãng trở về Tô Thạch Đầu, bạch hỏi: “Thế nào là Phật?”

Tô Thạch Đầu (108) nói rằng: “Người không có Phật tánh”.

Thầy Lãng nói rằng: “Các loài cua quậy, bay nhảy lại ra làm sao?”

Tô Đầu nói: “Các loài cua quậy, bay nhảy đều có Phật tánh”.

Bạch rằng: “Huệ Lãng này vì sao không có?”

Tô Đầu nói: “Vì ông không chịu nhận lãnh”.

Thầy Huệ Lãng nghe xong, tin nhập.

Về sau, hễ có người học đạo đi đến, đều nói rằng: “Đi đi! Người không có Phật tánh”.

Sự tiếp cơ dạy dỗ đại khái như thế. Há đâu phải lìa cái giác tri là không có gì nữa sao?

Kinh: Khi ấy, Thế Tôn khai thị cho Ông Anan và đại chúng, muốn cho được vô sanh pháp nhẫn. Nơi tòa sư tử xoa đầu Ông Anan mà nói: “Như Lai thường nói: các pháp sanh ra đều duy tâm hiện. Tất cả nhân quả, thế giới, vi trần đều do tâm mà thành thế. Anan, như trong các thế giới, hết thảy sự vật hiện có, cả đến ngọn cỏ, lá cây, sợi dây, thắt nút....tìm hỏi nguồn gốc thì đều có thể tánh. Ngay cả hư không còn có tên, có tướng, huống là cái Chân Tâm sáng suốt, trong sạch, nhiệm màu, tánh của hết thảy tâm mà lại không có tự thể sao?

“Nếu ông quyết chấp cái phân biệt giác quan, hiểu biết là tâm thì cái tâm ấy phải rời hành tướng của các trần: sắc, hương, vị, xúc, pháp... riêng có toàn tính. Chứ như hiện nay, ông vâng nghe pháp âm của Ta, đó là nhân cái tiếng mà có phân biệt: dầu cho có diệt hết tất cả cái thấy, nghe, hay, biết, bên trong giữ lấy trống rỗng u nhàn, thì đó cũng còn là sự phân biệt bóng dáng pháp trần (109) mà thôi.

“Ta không bảo ông chấp cái ấy không phải là tâm, nhưng ông phải chính nơi tâm ông, suy xét chín chắn. Nếu rời tiền trần mà có tánh phân biệt, thì đó mới là Chân Tâm của ông. Còn nếu cái tánh phân biệt mà lìa tiền trần không có tự thể, thì nó chỉ là sự phân biệt bóng dáng tiền trần. Tiền trần không

thường trụ, vậy khi chúng biến diệt, thì cái tâm nương vào tiền tràn ấy cũng đồng như lông rùa sừng thỏ, ắt Pháp thân của ông cũng đồng với đoạn diệt. Còn gì để chứng vô sanh pháp nhẫn?”

Thông rằng: Chỗ các pháp sanh ra, là độc chỉ do tâm biến hiện, như bóng hình trùng trùng đều độc chỉ trong cái gương hiện bày ra. Sáu tràn như hình, cái phân biệt (thức tâm) như bóng. Bóng nhờ hình mà có, tâm thức nhờ cái tràn mà có. Cái này đây ắt là sự phân biệt bóng đáng tiền tràn (110). Dao động thuộc về tiền tràn, yên tĩnh thuộc về pháp tràn. Cho nên, ở trong giữ cái trống rỗng u nhàn thì tuy không có bóng đáng tiền tràn nhưng vẫn còn cái bóng đáng trống rỗng u nhàn, đó còn là sự phân biệt bóng đáng của pháp tràn.

Cái chấp ấy là cái thức, mà chẳng phải là cái bốn giác chân tâm thường trụ. Chân tâm thường trụ lìa khỏi tất cả phân biệt, như cái gương lớn tròn sang (111) lìa khỏi cả hai thứ động (sáu tràn) và tĩnh (thức). Cái tâm này vốn tự không nhiễm, nên nói là tĩnh, nhiễm mà chẳng nhiễm, nên nói là diệu tĩnh. Tất cả nhân quả, thế giới nhiều như vi tràn, nhân nó mà lập thành, nó cũng là cái bốn tánh của vọng tâm tạo thành chín cõi (112). Nên nói là cái tánh của cả thảy tâm. Nếu thấy tâm này, thì lìa phân biệt mà an trụ tự tánh, đó là cái tự tánh không tùy theo phân biệt mà hoặc có hoặc không. Sắc lìa thức phân biệt như tràn lìa bóng, liền là bản thể của gương, Thể của gương không theo bóng của tràn mà sanh mà diệt. Nếu chấp cái giác tri phân biệt làm tự tánh, tức là chấp bóng làm gương vậy. Cái hay biết phân biệt đó, đối với tràn thì có, lìa tràn thì

không, như bóng trong gương, vốn không tự thể, rốt là đoạn diệt, như thế làm sao chứng vô sanh? Cho nên, phải biết cái tâm tự có bản thể, chẳng phải đoạn diệt.

Đoạn trước, Phật quở “Cái đó chẳng phải là tâm ông”, vì cái chõ Ông Anan nhìn nhận chỉ là cái tâm đoạn diệt giả dối, chẳng phải là cái tâm xưa nay chân thật vậy. Chứ đâu phải thật không có tâm ư?

Tô Huyền Sa (113) Sư Bị thượng đường rằng: “Hiện có một thuyết cho là: linh linh, sáng sáng là cái trí tánh linh đài, hay thấy, hay nghe, hướng vào trong miếng ruộng-thân ngũ uẩn làm chủ tể. Đó là kẻ dối gạt lớn của thiện trí thức, biết chẳng? Ta nay hỏi các ông, nếu nhận cái linh linh sáng sáng đó là cái chân thật của các ông, thì tại sao khi ngủ mê, lại chẳng còn là sáng sáng linh linh nữa? Nếu lúc ngủ mê chẳng có thì tại sao lại có cái lúc sáng sáng, linh linh? Có hiểu chẳng? Cái đó gọi là nhận giặc làm con, là căn bản của sanh tử, tập khí duyên ra vọng tưởng. Các ông muốn biết căn do ư? Ta nói cho nghe: Cái sáng sáng linh linh chỉ do tiền tràn sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà có phân biệt, rồi nói bậy đó là cái sáng sáng linh linh. Nếu không tiền tràn, thì cái sáng linh linh này của các ông, cũng như lông rùa sừng thỏ.”

“Này các ông, cái chân thật ở tại chõ nào? Nay các ông muốn thoát khỏi cái chủ tể của ruộng-thân ngũ uẩn, chỉ cần biết nắm lấy cái thể kim cang bí mật của các ông. Cỗ nhân hướng về các ông mà nói: Trọn thành Chánh Biến, khắp đầy pháp giới. Nay ta chút phần vì các ông, người trí có thể qua thí

dụ mà hiểu được. Các ông có thấy mặt trời của Nam Diêm Phù Đè không? Cái chỗ sinh sống của người đời: làm lụng, kinh doanh, nuôi sống sinh mạng, đủ thứ tâm hành, không gì chẳng nhờ ánh sáng mặt trời mà thành lập. Vậy mà cái thể của mặt trời có chẳng bấy nhiêu tâm hành? Vậy mà có chỗ nào mà không cùng khắp?"

"Muốn biết cái thể kim cang, cũng phải nhìn như thế. Chỉ như hiện đây, núi sông, đất rộng, mười phương cõi nước, sắc không, sáng tối, cho đến thân tâm các ông, không có cái gì mà chẳng trọn nhờ cái oai quang viên thành ấy của các ông mà hiển bày. Ngay đến Trời, người, chúng sanh, nghiệp báo, hữu tình, vô tình không có cái gì chẳng trọn nhờ cái oai quang của các ông. Cho đến chư Phật, thành đạo, thành quả, tiếp vật lợi sanh, không gì mà chẳng trọn nhờ oai quang của các ông. Như cái thể kim cang ấy, có phàm phu cùng chư Phật không? Có tâm hành của các ông không? Không thể nói là không có, bèn tận dụng được vậy. Biết không?"

Tổ Huyền Sa nhờ xem Lăng Nghiêm mà phát minh tâm địa. Do đó, Ngài ứng cơ nhạy bén, thầm hợp với khế kinh. Đoạn Ngài nói ở trên, mỗi mỗi đều chẳng khác ý chỉ của kinh, cho đến nói "Tất cả đều nhờ vào lực của oai quang", cùng với câu kinh "Các pháp sinh ra là duy một tâm hiện" lại càng thần diệu.

Lại nữa, Tổ Trúc Am Khuê (114), kế pháp của Tổ Phật Nhã, cùng với người bác là cư sĩ Trì Nhã, cùng thích Lăng Nghiêm.

Tổ Trúc Am Khuê nói: “Nếu rời tiền tràn mà có tánh phân biệt, đó chính là căn bản của sanh tử”.

Cư sĩ hoảng hồn, nói: “Phật nói làm hay sao?”

Tổ Am nói: “Phật cố nhiên là không làm. Nhưng hiện giờ cái tâm đối diện hỏi han của cư sĩ quả thật ở đâu ?” Cư sĩ bèn tán thán rằng: “Phật nói: hiểu cái Đệ Nhất Không, gọi là Sư Tử Hồng, Ngài làm rồi mà không vướng mắc đấy”.

Tổ Am, sau đó thương đường mà rằng: “Khi thấy mà có tướng thấy, cái thấy ấy chẳng phải là cái thấy chân thật (chánh kiến). Thấy do lìa tất cả tướng thấy, cái thấy ấy là siêu việt (giải thoát) (115). “Hoa rơi hữu ý theo giòng nước. Giòng nước vô tình đưa hoa rơi”. Các thứ có thể trả về được dĩ nhiên chẳng phải là ông. Còn cái không thể trả về được, nếu chẳng phải là ông, thì là ai? “Thường hận xuân đi không chố kiếm. Chẳng hay trở lại chốn xưa ra”. Hét lên một tiếng mà rằng: “Ba mươi năm sau, chớ nói Phật, Tổ dạy hư con cái nhà người!”

Theo chố thấy của Tổ Trúc Am, thì lìa tiền tràn cũng không có cái tự tánh phân biệt nào nữa để được. Người tự khéo chuyển Lăng Nghiêm thì một đoạn chân phong “Thấy do lìa thấy, thấy ấy siêu việt” có thể cùng với Tổ Huyền Sa đồng tham vậy.

V. CHỈ RÕ TÍNH THẤY KHÔNG PHẢI LÀ CON MẮT

Kinh: Khi ấy Ông Anan cùng tất cả đại chúng lặng im, ngạc ngác.

Phật bảo Ông Anan: “Hết thấy những người tu học trong thế gian, hiện tuy thành được chín bậc định thứ lớp mà chẳng được hết lậu (116) để thành A La Hán, đều do chấp lấy cái vọng tưởng sanh tử này mà làm cho là chân thật. Thế nên, ông nay tuy được đa văn mà không thành quả thánh”.

Thông rằng: Chín bậc định thì sau này có nêu ra: tú thiền, tú không... Nhưng chỉ nói quả vị mà không nói cách tu. Đây nói là người tu hành chín bậc định thứ lớp, vì từ một bậc thiền này sang bậc thiền kia, theo thứ tự mà tu. Như Đại Bát Nhã nói “Lìa dục, ác, bất thiện pháp, có tìm có xét. Lìa thì sanh hỷ, lạc, nhập sơ thiền. Tìm, xét đã vắng lặng, trụ ở trong tâm trong sạch hoan hỷ. Không tìm, không xét nghĩ, định sanh ra hỷ, lạc, nhập nhị thiền. Lìa hỷ trụ xả, đầy đủ niệm chánh tri, thân thọ lanh sự vui trong sạch bậc thánh, nói được xả được, đầy đủ niệm lạc trụ nhập tam thiền. Dứt vui dứt khổ, trước là cái vui vẻ, lo buồn biến mất, không khổ không lạc, niệm xả thanh tịnh, nhập tú thiền. Vượt lên cả sắc tưởng, diệt tưởng có đối tượng, chẳng tư duy hết thấy các tưởng, nhập vào không vô biên là không vô biên xứ định. Vượt lên tất cả không, nhập thức vô biên là thức vô biên xứ định. Vượt lên tất cả thức vô biên, nhập vô sở hữu xứ định. Vượt vô sở hữu định, nhập phi tưởng phi tưởng xứ định. Vượt tất cả phi tưởng phi phi tưởng, nhập diệt thọ tưởng định”.

Đó là chín phép định theo thứ lớp, đều là cái công dụng hữu vi, ưa thích thiện quả hữu vi nên nói là “Mê những cõi trời hữu lậu, hiểu đây là vô vi”. Vì cái mê chấp ấy, nhập vào cái thức vi tế sanh diệt vọng tưởng mà tu, chưa thể thấy được chân

tánh vô sanh, hiện tiền tịch diệt (Niết Bàn) chính là pháp vô vi chân thật, nên chưa được hết hữu lậu. Như bậc Đại A La Hán, đã chứng diệt thọ tưởng định, nên gọi là vô lậu. Nay tại sao trong chín cấp định thứ lớp cũng chứng diệt thọ tưởng định mà lại gọi là hữu lậu? Vì có vọng tưởng mà chứng Niết Bàn, nên dù có được diệt tận định vẫn chưa phải là chân thật.

Tô Hoàng Bá nói rằng: “Cả thảy chúng sanh luân hồi, sanh tử chẳng ngừng nghỉ là do ý duyên khởi tạo cái tâm trong sáu nẻo chẳng ngừng, đến nỗi khiến chịu bao nhiêu thứ khổ.

“Kinh Duy Ma nói: Loài người khó dạy, tâm như khi vượn, nên phải dùng biết bao pháp môn để chế ngự tâm này, sau mới điều phục. Bởi vì tâm sanh thì thảy thảy pháp sanh, tâm diệt thì thảy thảy pháp diệt.

“Cho nên, phải biết rằng tất cả các pháp đều do tâm tạo, cho đến Trời người sáu nẻo, địa ngục, Tu La đều do tâm tạo. Như nay chỉ học vô tâm, dứt ngay các duyên, không sanh vọng tưởng phân biệt, không người không ta, không tham, sân, không yêu ghét, không hờn thua. Chỉ cần trừ bỏ hết bấy nhiêu thứ vọng tưởng, thì tự tánh vốn xưa nay vẫn là trong sạch, đó gọi là tu hành Bồ Đề, Pháp, Phật...(117). Nếu chẳng hiểu như thế, thì dù cho học rộng, cần khổ tu hành, ăn cây mặc cỏ, mà chẳng biết tự tâm, đều gọi là tà hạnh, đều làm Thiên Ma ngoại đạo, các thần đất, nước. Tu hành mà thế, nào có ích gì?”

Tô Chí Công dạy: “Bản thân là do tâm tạo ra, nào phải trong chữ nghĩa tìm cầu. Như hiện giờ chỉ rõ biết tự tâm, tuyệt

dứt tư duy vọng tưởng thì trần lao, phiền não tự nhiên chẳng sinh”.

“Kinh Duy Ma nói: Chỉ để một cái giường, nghỉ ngơi tật bệnh mà nằm, là tâm chẳng khởi vậy. Như người nằm bệnh, các duyên đều hết, vọng tưởng tiêu ma, đó là Bồ Đề. “Còn nếu giờ đây trong tâm phân vân chẳng định, thì đâu cho có học đến tam thừa, tú quả, thập địa cũng chỉ là hướng trong phàm thánh mà ngòi. Các hành trọn quy về vô thường, thế lực đều có lúc hết. Như bắn tên lên không, hết đà rơi xuống, lại rơi vào vòng sanh tử luân hồi. Tu hành kiểu đó là chẳng hiểu ý Phật, uổng công nhọc mệt, há chẳng là lầm to?”

Tô Chí Công lại nói: “Chưa gặp bậc minh sư ra đời, uống thuốc pháp Đại Thừa cũng uổng”.

Than ôi! Thuốc pháp Đại Thừa còn chẳng thể giúp, huống là chín bậc định thứ lớp? Nên phải biết: tu tập lầm lạc, khó thành quả thánh.

Kinh: Ông Anan nghe xong lại đau xót khóc lóc, nặm vóc gieo xuống đất, quỳ thẳng chấp tay mà bạch Phật: “Từ khi tôi theo Phật phát lòng xuất gia, ý lại oai thần của Phật, thường tự nhủ: chẳng nhọc đến mình tu, Như Lai sẽ ban cho mình pháp chánh định, mà chẳng biết rằng thân tâm không thể thay thế. Bỏ mất bản tâm của mình, nên tuy thân thể xuất gia, tâm chẳng nhập đạo. Ví như đứa con cùng khổ, bỏ cha trốn lánh. Ngày nay mới biết: dù có đa văn, nếu chẳng tu hành thì có khác gì người chưa được nghe, như người nói chuyện ăn thì rốt cuộc chẳng được no.

“Thưa Thê Tôn, chúng tôi giờ đây bị hai chướng buộc ràng, là do chẳng biết cái tâm tánh tịch thường. Độc chỉ cầu xin Như Lai xót thương kẻ cùng đường, mà khai phát cái tâm diệu minh, mở con mắt đạo cho tôi”.

Thông rằng: Bỏ cha trốn đi thì ở kinh Pháp Hoa cũng có ví dụ. Cùng đường ở phương xa, mong được chỉ cho hạt châu trong áo, dần dần có ý muốn về nhà.

Hai cái chướng là phiền não chướng và sở tri chướng. Phiền não chướng thì chướng ngại tâm, tâm chẳng giải thoát, kết nghiệp mà thọ quả báo. Sở tri chướng ngăn trở cái tánh Sáng (huệ). Tánh sáng bị buộc ràng, chẳng hiểu pháp Không vậy.

Anan biết rõ bị hai chướng ràng buộc, lại cũng biết cái gọi là tâm tánh tịch thường, có sao con mắt đạo chẳng mở ra ? Thấu thoát quả là khó khăn lắm vậy.

Có nhà sư bạch hỏi Tô Dược Sơn: “Kẻ học nhơn định trở về quê thì như thế nào?”

Tô Sơn nói: “Cha mẹ ông khắp mình sưng đỏ, nằm trong rừng gai góc, ông về chỗ nào?”

Sư hỏi: “Như thế tức là chẳng về ư?”

Tô rằng: “Ông lại cần phải về. Nếu ông về ta chỉ cho ông món ăn làm thuốc tốt đẹp để đi đường”.

Sư rằng: “Xin nói”.

Tô Sơn nói: “Hai buổi thương đường, không cắn bể một hột gạo”.

Sau, có vị sư bạch hỏi Tô Lạc Phố: “Kẻ học nhơn định trở về quê thì như thế nào?”

Tô Phố rằng: “Nhà tan, người mất, ông về chốn nào?”

Sư rằng: “Như vậy tức là chẳng về ư?”

Tô Phố rằng: “Trước sân tuyết sót (tuyết tàn), mặt trời tan. Trong thất bụi hồng, ai bảo quét”.

Lại đọc bài kệ:

“*Lòng quyết về quê cũ
Cõi thuyền qua Ngũ Hồ
Nhô sào trăng sao lặn
Dừng chèo mặt trời cô
Mở neo lìa bến ngụy
Trương buồm ra dòng chơ
Đến nơi, người mất sạch
Khỏi làm đứa ngu (trong) nhà*”.

Tô Đơn Hà tụng rằng:

“*Quê nước thái bình nẻo chặng xa
Về, hưng miên man, ý vô bờ
Buông tay, nhà đến: nơi nào có?
Bóng trăng lồng điện báu lưu ly*”.

(Thái bình hương quốc lộ không xa

Quy húng du tu tư mạc nhai
 Tát thủ đáo gia hà xứ hữu
 Lưu ly bảo điện tỏa thiềm hoa).

Các vị Lão Túc một phen chỉ ra phương tiện về nhà. Đáng gọi là con mắt đạo mỏ sáng, thật biết cái tâm tánh tịch thường vậy.

Kinh: Liên khi áy, Như Lai từ chữ VẠN ở ngực, phóng ra ánh sáng báu. Hào quang áy rực rỡ, có trăm ngàn sắc, chiếu khắp cùng một lúc tất cả thế giới chư Phật mười phương, số như vi trán. Hào quang rưới khắp đánh các Như Lai của mười phương cõi báu, xoay về soi đến Ông Anan và cả đại chúng.

Phật bảo Ông Anan: “Ta nay vì ông dựng cờ Pháp lớn, cũng khiến cho tất cả chúng sanh của mười phương được cái Tâm Tánh nhiệm màu, vi mật, sáng sạch và được con mắt trong sạch (thanh tịnh nhã).

Thông rằng: Trước thì từ mặt phóng ra ánh sáng, mười phương cõi nước đồng thời khai hiện, khiến tất cả thế giới hợp thành một cõi, là biểu thị chân vọng chẳng hai. Chỉ bày hai loại căn bản, thì lấy đoạn vọng làm đầu vì vọng tưởng chẳng dứt thì dù đến chín bậc định thứ lớp cũng chẳng thành quả thánh. Cái mặt mũi áy có thể nghiệm xét mà thấy như soi gương vậy. Nay từ chữ Vạn ở ngực phóng ra ánh sáng, rưới đánh của chư Như Lai rồi trở về chiếu Anan và đại chúng, là biểu thị thánh phàm chẳng hai. Chỉ bày rằng tiền tràn tự tối, cái thấy nào có thiếu hụt. Nhãm đến cái đầu tự động chao, cái thấy hoàn toàn chẳng động. Bàn tay tự mở, nắm; cái thấy

không có trải ra, cuốn lại. Đó là chỉ ra một đường hướng thượng, người người săn đủ, khả dĩ an ấn (truyền pháp yếu) vậy.

Xưa, Tô Ngưỡng Sơn đang ngồi, có vị tăng đến làm lễ. Tô Sơn chẳng đoái hoài.

Vị tăng mới hỏi Tô: “Biết chữ chǎng?”

Tô đáp: “Tùy phận”.

Tăng bèn đi quanh phía phải một vòng rồi nói: “Đó là chữ gì?”

Tô Sơn vẽ trên đất chữ Thập đáp lại.

Vị tăng lại đi quanh phía trái một vòng rồi hỏi: “Đó là chữ gì?”

Tô Sơn đổi chữ Thập thành chữ Vạn.

Vị tăng vẽ tướng vòng tròn, rồi dùng hai tay nâng lên như bàn tay của Tu La trong thế Nhật Nguyệt, nói: “Đây là chữ gì?”

Tô Sơn bèn vẽ tướng chữ Vạn đáp lại.

Vị tăng làm ra cái tướng Đức của Phật Lâu Chí.

Tô Sơn rằng: “Như thế, như thế. Đây là chõ hộ niệm của chư Phật. Ông cũng như thế, ta cũng như thế. Hãy khéo tự hộ trì”.

Vị tăng lẽ tạ, bay lên không mà đi mất.

Lúc ấy, có một vị đạo nhân thấy được.

Sau đó năm ngày, bạch hỏi Tô Ngưỡng Sơn.

Tô hỏi: “Ông có thấy không?”

Đạo giả đáp: “Tôi thấy người ấy ra cửa phòng lên không đi mắt”.

Tô rằng: “Đó là vị A La Hán bên Tây Thiên, đến thử đạo ta đó”.

Đạo giả nói: “Tôi tuy thấy đủ thứ tam muội mà chẳng rành rẽ cái lý”.

Tô Ngưỡng Sơn rằng: “Để tôi vì ông dùng nghĩa mà giải thích ra. Đây là tám loại tam muội: ấy là Giác Hải (118) biến làm Nghĩa Hải (119), thể đồng như nhau. Cái nghĩa này có nhân có quả; tức thời, khác thời; tổng tướng, biệt tướng chẳng rời Ân Thân tam muội”.

Nếu biết cái tam muội Giác Hải biến ra Nghĩa Hải của Ngài Ngưỡng Sơn, thì chữ Vạn nơi ngực của Phật phóng ra ánh sáng quý báu cũng là diệu dụng trong cái bất tư ngã, ắt phải được cái tâm tánh diệu mật sáng sạch làm cội gốc vậy.

Tô Quy Sơn từng hỏi Tô Ngưỡng Sơn: “Chỗ Diệu Tịnh Minh Tâm, theo ông hiểu làm sao?”

Tô Ngưỡng đáp: “Núi sông đất đai, nhật Nguyệt tinh tú”.

Tô Quy nói: “Ông chỉ được cái sự”.

Tô Ngưỡng rằng: “Hòa Thượng vừa hỏi cái gì đó?”

Tô Quy: “Cái Diệu Tịnh Minh Tâm”.

Tổ Ngưỡng: “Kêu là cái Sự không được sao?”

Tổ Quy rằng: “Như thế, như thế”.

Chỉ do Tổ Ngưỡng Sơn hiểu được cái Diệu Tịnh Minh Tâm, được con mắt trong sạch, cho nên cái tam muội rõ nghĩa chữ (Tự tam muội), vượt xa hẳn tầm thường.

Kinh: “Ông Anan, trước đây ông đã trả lời Ta rằng thấy nắm tay chói sáng. Sự chói sáng ấy của nắm tay do đâu mà có? Làm sao thành ra nắm tay? Ông lấy cái gì mà thấy?”

Thông rằng: Đây là lần dẫn dụ từ từ thứ ba của Thé Tôn, có thể nói là tâm lão bà (tâm từ bi) quá tha thiết. Trước đã hỏi “Ông lấy gì thấy?” Ông Anan trả lời “Đều lấy mắt mà thấy” để rồi bị Phật quở nhận giặc làm con. Đến đây hỏi lại “Ông lấy gì thấy?”, chính là muốn Ông Anan hồi quang phản chiếu để hốt nhiên thấy được cái Kiến Tịnh Minh Nguyên (cái tánh thấy vốn sáng suốt), chẳng do con mắt. Tiếc thay, ông chẳng tinh ngộ được.

Có vị tăng đứng hầu Tổ Trưởng Sa.

Tổ lấy gậy chỉ trên đất trước mặt một điểm bất kỳ nào đó rồi hỏi: “Có thấy không?”

Đáp rằng: “Thấy”.

Hỏi như vậy ba lần, vị tăng cũng ba lần trả lời như vậy.

Tổ Sa nói: “Ông cũng thấy ta cũng thấy. Vì sao lại nói là không hiểu?”

Ngày khác, lại lấy cây gậy cắm trên đất, hỏi Tố Trưởng Sanh: “Tăng thấy, tục thấy, nam thấy, nữ thấy, còn ông thấy làm sao?”

Đáp rằng: “Hòa Thượng có thấy Kiến Xứ (chỗ thấy) của Kiều Nhiên (Trưởng Sanh) không?”

Tố Trưởng Sa nói: “Người hiểu nhau khắp thiên hạ, nhờ có câu trả lời này của Kiều Nhiên, bèn cùng Huyền Sa thấy mặt!”

Phải chi Ông Anan tự biết cái Kiến Xứ ấy chẳng có cái kiến (thấy) nào đến được, thì đâu đến nỗi Thé Tôn phải cực nhọc lầm lời!

Kinh: Ông Anan thưa: “Toàn thân Phật như vàng Diêm Phù Đàn, sáng ngời như núi báu, do thanh tịnh sanh ra nên có ánh sáng. Quả thật, tôi lấy mắt mà thấy năm ngón tay Phật co nắm lại, đưa ra cho đại chúng coi, nên có tướng nắm tay”.

Phật bảo Ông Anan: “Như Lai hôm nay, xác thật dạy ông. Những người có trí cần lấy thí dụ mà được khai ngộ. Ông Anan, ví như nắm tay của Ta, nếu không có bàn tay ta thì không thành nắm tay Ta. Nếu không có con mắt của ông thì không thành cái thấy của ông. Vậy thì lấy nhẫn căn của ông mà so với nắm tay của Ta, cái nghĩa có tương xứng không?”

Ông Anan bạch Phật: “Đúng vậy, thưa Thé Tôn. Đã không có con mắt của tôi thì không thành cái Thấy của tôi. Lấy nhẫn căn của tôi mà so với nắm tay của Phật, sự nghĩa giống nhau”.

Phật bảo Ông Anan: “Ông nói giống nhau, nghĩa ấy không đúng. Vì sao thế ? Như người không có bàn tay thì tuyệt nhiên không có nắm tay. Còn người không có mắt kia, không phải hoàn toàn không thấy. Tại sao như thế? Ông thử ra đường hỏi người mù: Anh thấy gì? Những người mù chắc sẽ trả lời: Hiện nay trước mắt tôi chỉ thấy tối đen, chứ không thấy gì khác. Lấy nghĩa ấy mà xét thì tiền trần tự tối, chứ cái thấy nào có hao kém gì?”

Thông rằng: Vì sao Đức Thế Tôn lại lấy người mù làm ví dụ? Bởi vì, Ông Anan chấp chặt lấy cái thấy của con mắt làm cái thấy chân thật, vậy là chẳng rời căn và trần, mà thức sanh ra ở giữa.

Người mù không có mắt, sao cũng thấy tối thui? Do đó, có thể biết rằng: Chờ có nhän căn mới thấy, đó là cái thấy của tiền trần phân biệt, chẳng phải là cái thấy của cái vốn xưa nay trong sạch (bồn tâm) vậy. Tiền trần phân biệt thuộc thức thứ sáu, nên mắt còn thì nó còn, mắt mất thì nó mất, nên phải chờ có căn thì mới hiện ra được.

Cái ánh sáng trong sạch của tâm, chẳng đợi đến cái căn mà còn, chẳng tùy theo căn mà diệt, nên nó là không sanh diệt. Đó là cái thấy không sanh diệt của cái vốn xưa nay trong sạch ai ai cũng sẵn đủ. Chẳng phải vì không có mắt mà người mù không có.

Ông Anan chấp chặt là chỉ có con mắt mới thấy, thì đó là cái căn sanh diệt. Thế Tôn chỉ ra cái thấy không hề thiếu hụt,

đó là cái “căn” không sanh không diệt. Đánh thức như thế, có thể nói là đã cùng cực.

Xưa, tướng quốc Thôi Công Quần ra mắt Tồ Như Hội thiền sư, hỏi rằng: “Thầy lấy gì mà được?”

Tồ Hội trả lời: “Lấy tánh thấy mà được”.

Tồ Như Hội đang bị đau mắt.

Ông Quần choc rằng: “Đã nói là tánh thấy, còn con mắt thì sao đó?”

Tồ Hội rằng: “Tánh thấy chẳng phải là con mắt, con mắt bệnh nào có hề gì!”

Ông Quần bèn cúi đầu tạ lỗi.

Sau này, Tồ Pháp Nhãm nói rằng: “Con mắt ấy của Tướng Công há thấy được chỗ trả lời của Tồ Như Hội, mà còn can thiệp đến giáo ý hay sao?”

Kinh: Ông Anan thưa: “Trước mắt những người mù chỉ thấy tối đen, sao gọi là thấy được?”

Phật bảo Ông Anan: “Các người mù không có con mắt chỉ thấy tối đen, so với người có mắt ở trong nhà tối, thì hai cái tối đen ấy khác nhau hay không khác nhau?”

- Thật vậy, thưa Thế Tôn, người có mắt ở trong nhà tối với những người mù, so sánh hai cái tối đen của họ, thật không khác nhau.

- Anan, nếu người mù không có mắt, thấy trước mắt hoàn toàn tối đen, bỗng nhiên được con mắt sáng thì thấy lại nơi tiền tràn đủ mọi loại sắc mà gọi là con mắt thấy; thì người ở trong nhà tối kia, thấy trước mắt hoàn toàn tối đen bỗng nhiên được cái đèn sáng, nên thấy nơi tiền tràn đủ mọi loại sắc, lẽ ra phải gọi là cái đèn thấy. Nếu cái đèn tự nó thấy được, thì không thể gọi là đèn. Lại ngọn đèn nó thấy, thì liên can gì tới ông! Vậy, nên biết rằng: Đèn làm sáng các hình sắc, nhưng thấy như vậy là mắt chứ không phải đèn. Mắt làm sáng tỏ các sắc, nhưng tánh thấy như vậy là tâm chứ chẳng phải là mắt.

Thông rằng: Đây là Đức Thế Tôn phân tích rõ ràng, nên nói là “*Xác thật bảo ông*”. Đèn và con mắt, đều là cái duyên cho sự thấy, thể của chúng chẳng phải Hay Thấy. Cái Hay Thấy là tâm vậy. Ở trước, nói “Cửa có thấy không?” là đã đủ nghĩa này. Ở đây, lại lấy ngọn đèn ví dụ là con mắt, lấy mắt mà so với tâm. Đèn không thể thấy, mắt có thể thấy được sao? Cái thấy của con mắt chẳng phải là tánh thấy. Nếu sáu căn có thể dùng thay nhau, thì tai cũng thấy được vậy, đâu phải chỉ có mắt mới thấy. Chỗ Ông Anan nói: “Quả thật tôi dùng con mắt mà thấy” thì rõ ràng chấp lấy vọng mà làm cái chọn. Nếu biết đèn chỉ có thể hiển cái sắc còn cái kiến thuộc về con mắt, thì đã lìa sở vọng. Lại biết mắt chỉ hiển sắc, còn tánh thấy thuộc về tâm, thì lìa luôn cả cái nồng vọng. Nồng, sở đều lìa, duy chỉ một tâm. Tâm siêu vượt khỏi con mắt nên không sanh diệt. Dùng cái thấy không sanh diệt mà thấy nắm tay của Như Lai thì chưa từng không thấy. Nhưng không thể nói là con mắt thấy.

Xưa, thiền sư Khô Mộc (123) Tô Nguyên (124) theo học Ngài Đại Huệ (125) ở am Vân Môn. Trời sắp tối, thấy vị tăng sửa soạn đèn mới tỏ ngộ thấu đáo, làm bài kệ rằng:

*“Vừa soạn đèn là lửa đến
Vô minh bao kiếp soi phá
Về nhà đựng gấp thánh tăng
Suýt nữa đổi mặt làm qua
Chẳng làm qua thì thế nào?
Mười lăm năm trước tưởng lạ kỳ
Y xưa, chỉ là cái đó!”.*

(Dịch khởi đăng lại thị hỏa
Lịch kiếp vô minh chiêu phá
Quy đường chàng kiến thánh tăng
Kỷ hồ đương diện tạ quá
Bất tạ quá, thị thậm ma
Thập ngũ niên tiền kỳ đặc
Y tiền chỉ thị giá cá).

Ngài Đại Huệ bèn tăng cho một bài kệ:

*“Vách núi muôn tần, giải phóng thân
Xưa nay như cũ, vẫn minh minh
Đói ăn khát uống toàn vô sự
Hà luận người xưa, chẳng phải xưa!”.*

(Vạn nhận nhai đâu giải phóng thân
Khởi lai y cựu khước tinh tinh

Cơ xan khát ẩm hồn vô sự
Há luận tích nhơn phi tích nhơn).

Ôi, việc sửa soạn đèn đâu có ăn nhầm gì tới chuyện tu thiền mà lại tò ngộ. Thế mới biết Thé Tôn nói rằng cái thấy đó là con mắt chó chắng phải đèn; cái tánh thấy là tâm chó chắng phải con mắt. Nên Ngài Tổ Nguyên mới nói vừa soạn đèn là lửa đến. Như cách vách thấy sừng thì biết chắc là trâu. Phải triệt chứng như thế mới gọi là thấy tánh.

Kinh: Ông Anan tuy được nghe lời Phật dạy như vậy, cùng với đại chúng miệng tuy im lặng nhưng tâm chưa khai ngộ, còn mong Như Lai từ tâm chỉ bày, chắp tay lắng lòng đợi Phật thương xót dạy bảo.

Bấy giờ, Đức Thé Tôn duỗi tay Đâu La Miên sáng ngời, mở năm ngón tay mà bảo Ông Anan và đại chúng rằng: “Lúc Ta vừa thành đạo ở vườn Lộc Uyển có dạy nhóm Ông A Nhã Đa năm vị Tỳ kheo và bốn chúng rằng: Tất cả chúng sanh không thành Bồ Đề cùng bậc A La Hán đều do những phiền não khách tràn mê hoặc. Lúc ấy, các ông nhở đâu mà khai ngộ, đắc thành Thánh quả?”

Thông rằng: Đức Thé Tôn lời thật chỉ bày rõ ràng mà Ông Anan và đại chúng còn chưa khai ngộ cũng vì cơ duyên chưa dẽ nhóm tụ. Do lòng từ bi, Đức Thé Tôn còn e lời nói vi diệu chưa dẽ hiểu được. Nhưng trong hàng Tỳ kheo cũng có vị đã hiểu ngộ rồi, vậy thì dùng chỗ đã hiểu biết dìu dẫn cho hiểu biết thì dẽ dàng ngộ nhập. Bởi thế nên dạy các vị Tỳ Kheo mỗi vị tự thuật lại nguyên do khai ngộ để Ông Anan dẽ lãnh ngộ.

Đoạn sau, hai mươi lăm vị Thánh thuật lại chỗ chứng viên thông của mình cũng là dùng cách này. Ở đây là biết Vọng sau mới chứng chơn, không phải không có chỗ sâu cạn khác nhau, nhưng phương tiện dắt dẫn chỉ là một.

Nói rằng “Chẳng thành Bồ Đề đều do phiền não khách tràn làm mê làm”, đó chính là sự đắp đổi hóa thành lẫn nhau của hai loại căn bản sanh tử, tỏ ngộ cũng không dễ.

Có vị tăng hỏi Ngài Nam Dương Huệ Trung quốc sư: “Cái gì là Phật?”

Tỗ đáp: “Tức tâm là Phật”.

Hỏi: “Tâm có phiền não không?”

Tỗ rằng: “Phiền não, tánh tự lìa (126)”.

Tăng rằng: “Há chẳng đoạn trừ sao?”

Tỗ đáp: “Đoạn trừ phiền não, kêu bậc Nhị Thừa. Phiền não chẳng sanh, gọi đó là Đại Niết Bàn”.

Tăng hỏi: “Ngài thiền khán tịnh thì như thế nào?”

Tỗ đáp: “Không dơ không sạch thì đâu cần khởi tâm khán tướng tịnh?”

Kinh Di Lặc Thượng Sanh nói: “Không khởi tu thiền định, không vọng trừ phiền não. Phật thọ ký cho người này thành Phật không nghi”.

Học sĩ Trần Tú Ngọc có lần hỏi Tô Vạn Tùng (127) rằng: “Đức Di Lặc Bồ Tát vì sao chẳng tu thiền định, chẳng dứt trừ phiền não?”

Tô Tùng đáp: “Chân tâm vốn tịnh, nên chẳng tu thiền định. Vọng tưởng vốn không, nên chẳng dứt lìa phiền não”.

Học sĩ lại đem câu này hỏi Ngài Hương Sơn Đại Nhuận Hòa Thượng. Ngài đáp: “Tâm Thiền vốn định, chẳng trở lại tu. Phiền não tịch diệt, chẳng cần lại đoạn”.

Học sĩ lại đem hỏi Ngài Trúc Lâm Hải Cự Xuyên. Tô Xuyên đáp: “Vốn không có thiền định, phiền não!”

Học sĩ nói: “Chỉ có thế này mới khoái!”

Ở chỗ này mà tin tới được, mới biết việc chỉ bày ở Lộc Viên chỉ vì người mới học.

VI. Ý NGHĨA CHỦ VÀ KHÁCH

Kinh: Khi ấy, Ông Kiều Trần Na đứng dậy bạch Phật: “Tôi nay già cả, ở trong đại chúng riêng được cái danh là Hiếu. Do tôi ngộ được hai chữ Khách Trần mà thành quả. Thưa Thế Tôn, ví như người khách đi đường, vào trú nơi quán xá, hoặc ngủ lại, hoặc ăn. Ăn, ngủ xong xếp đồ đạc lên đường không ở lại được. Nếu thật là người chủ, tự không phải đi đâu. Tôi nghĩ như vậy: Không ở yên mãi được thì gọi là Khách, còn ở mãi thì gọi là Chủ. Lấy cái sự Không ở yên mãi được làm ý nghĩa chữ Khách. Lại như trời mới tạnh, mặt trời chiếu sáng trên cao, ánh sáng xuyên qua khe hở chiếu rõ bụi bặm trong khoảng không. Bụi trần thì dao động, hư không lặng yên. Như vậy mà

suy nghĩ: **Đứng lặng gọi là hư không, lay động gọi là trần. Tôi lấy sự lay động làm ý nghĩa chữ trần”.**

Đức Phật nói: “Chính vậy”.

Thông rằng: Khách là thí dụ cho cái thô trọng của sở tri; trần là ví dụ cho cái vi tế của phiền não. Niệm niệm đổi dời, sanh ra rồi diệt mất chẳng ngừng, nên thí dụ như khách đi đường vào trợ quán xá. Khởi lên sự mê lầm, gây ra nghiệp, bỏ cũ theo mới, nên thí dụ là ăn, ngủ xong thì thu dọn lên đường. Cái chân tánh thường trụ vốn chẳng có chuyện ấy, nên thí dụ như người chủ chẳng đi đâu cả. Thô chướng thì dễ trừ mà cái mê lầm vi tế thì khó biết, nên phải do bầu trời bản tánh tịnh ráo sáng trong có mặt trời trí huệ soi chiếu, qua khe hở của ngũ ấm soi rõ bản tánh rỗng trống, mới biết hứ vọng tự rối động ở trong. Do đó, mới lấy thí dụ “Trời tịnh, mặt trời chiếu sáng, ánh sáng vào trong lỗ hở, phát hiện rõ ràng bụi bặm trong hư không”.

Phiền não thì rối động. Chân tánh vốn tịch nhiên. Như ngộ được là vốn không, thường trụ chẳng động, tức biết tâm tánh thường tịch vây.

Tổ Triệu Châu nói: “Các ông từ một phen thấy lão tăng trở về sau, lại chẳng phải là người nào khác, chỉ thật là người chủ nhân ông. Cái ấy đây lại hướng ra ngoài tìm kiếm làm chi? Chính lúc này đây, chớ chuyển đầu đổi não. Nếu chuyển đầu đổi não tức mất ngay vậy”.

Lại một hôm, Ngài đang quét đất, có vị tăng hỏi: “Hòa Thượng là bậc đại thiện tri thức vì sao lại còn quét đất?”

Tổ Châu nói rằng: “Bụi từ ngoài đến”.

Tăng hỏi: “Đã là chốn Già Lam trong sạch, làm sao có bụi?”

Tổ Châu nói: “Lại một hạt bụi nữa kia”.

Ngài Triệu Châu, ánh sáng con mắt Ngài soi nát bốn châu thiên hạ, biện rõ nghĩa khách tràn, chè vào thấu cái nhỏ nhiệm. Nếu ở chỗ này mà soi ra được rành rẽ, thì quả thật là vị Sa Di có chủ, ở đời chẳng nhiễm, chứ đâu chỉ được mang tiếng là Giải (hiểu).

Kinh: Khi ấy, Đức Như Lai ở giữa đại chúng nắm năm ngón tay lại. Nắm rồi lại mở, mở rồi lại nắm.

Rồi hỏi Ông Anan rằng: “Nay ông thấy gì?”

Ông Anan đáp: “Tôi thấy bàn tay Bách Bảo Luân của Như Lai ở giữa đại chúng lúc mở lúc nắm”.

Phật bảo Ông Anan: “Ông thấy tay ta ở giữa đại chúng khi mở khi nắm, đó là tay ta có mở có nắm hay là cái thấy của ông có mở có nắm?”

Ông Anan thưa: “Bàn tay báu của Phật ở giữa đại chúng khi mở khi nắm. Tôi thấy bàn tay Như Lai tự mở tự nắm, chẳng phải cái tánh thấy của tôi có mở có nắm”.

Phật bảo: “Cái gì động, cái gì tĩnh?”

Ông Anan thưa: “Bàn tay Phật không ở yên, chứ tánh thấy của tôi còn không có tĩnh, lấy gì gọi là không ở yên được?”

Phật dạy: “Đúng thế”.

Thông rằng: Ông Kiều Trần Na nhò ngô hai chữ khách tràn, chỉ rõ biết được cái bờ mé của phiền não. Đức Thế Tôn ắt chỉ ngay (trực chỉ) cái Bồ Đề mà nói. Trước hết là ở nơi ngoại cảnh mà biện rõ cái chân tánh. Cảnh có nắm mờ mà cái thấy thì không động hay tĩnh, đây là chỗ người ta dễ biết. Đức Thế Tôn nhân cái chỗ dễ biết đó mà dẫn dắt. Quả nhiên, Ông Anan tin là cái tay có nắm có mờ, còn cái thấy không có nắm mờ, mà nói “Tánh thấy của tôi còn không có cả cái tĩnh, lấy gì gọi là không ở yên?” Tìm tướng động tĩnh tuyệt chẳng thể được. Cũng gần thấy được vị chủ nhân thường trụ rồi. Nếu không phải là sự thức tỉnh vi diệu của Thế Tôn làm sao được như vậy.

Xưa, có Ngài Tây Đường (129) hỏi Tô Bách Trượng: “Về sau, ông làm sao khai thị cho người?”

Tô Trượng dùng tay mờ nắm lại hai lượt.

Ngài Tây Đường hỏi: “Lại làm cái gì?”

Tô Trượng lấy ngón tay điểm ba cái.

Thử nói cái hiển dụng như thế của Tô Bách Trượng là hợp với cơ phong của Lăng Nghiêm hay không, hay là có đạo lý gì khác?

Lại như Hòa Thượng Câu Chi, thuở mới trụ am, có vị ni tên là Thực Tế đến am, đi thẳng vào chổ hè cát nón, cầm tách trượng đi quanh thiền sàng ba vòng, rồi bảo: “Nói được thì bỏ nón”.

Hỏi vậy ba lần, thầy Câu Chi không có chỗ đáp được. Vị ni bèn đi.

Thầy Câu Chi nói: “Trời sắp tối rồi, hãy nghĩ lại một đêm”.

Ni sư nói rằng: “Nói được thì ở lại”.

Thầy Câu Chi lại không có chỗ đáp lại. Ni sư bèn đi. Sư Câu Chi than rằng: “Ta tuy có cái hình tướng trượng phu mà không có khí phách của trượng phu!” Bèn nỗi lòng hăng túc muốn rõ biết việc này, định bỏ am đi các nơi tham hỏi.

Đêm ấy, vị thần Núi bảo rằng: “Chẳng nên lìa đây, ngày mai sẽ có vị Bồ Tát xác phàm đến đây vì Hòa Thượng nói pháp”.

Hôm sau, Tô Thiên Long đến am, Ngài Câu Chi nghinh lễ rồi kể lại đầy đủ câu chuyện. Tô Thiên Long chỉ dựng đứng một ngón tay mà khai thị cho. Ngài Câu Chi hoát nhiên đại ngộ.

Từ đó về sau, hễ có ai hỏi, Ngài chỉ dựng đứng một ngón tay. Khi sắp thị tịch, Ngài nói với chúng rằng: “Ta được nơi Ngài Thiên Long một ngón tay Thiền, suốt đời dùng chẳng hết. Có hội chẳng?” Rồi dựng lên một ngón tay mà tịch.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Lão Câu Chi một ngón tay Thiền
Hai mươi năm dùng mãi không cùng
Tin có đạo nhân, nhiều phương thuật
Rõ không tục vật, trước mắt nhìn*

*Chỗ được quá giản dị
Ban bày khắp rộng thay!
Đại thiên sát hải uồng đầu lồng
Vô hạn rồng, lân vào tay kẻ?
Nhậm Công (130) trân trọng nắm cần câu”.*

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Rất khen, thương lăm lão Câu Chi
Vũ trụ xưa nay chẳng có gì
Từng hướng đại dương buông gỗ nổi
Sóng đêm khúc gỗ tiếp rùa đui”.*

Kinh Pháp Hoa: “Như con rùa một mắt gấp lỗ bọng của khúc gỗ trôi nổi, không bị nạn chết chìm”. Đức Thế Tôn từ lúc mở nắm ngón tay cho đến đây, không chỗ nào là không chỉ bày tri kiến (131) của Phật, khiến người được chỗ yên ổn. Sao lại chẳng bắt chước cái kế của con rùa đui?

Kinh: Lúc ấy, Như Lai từ trong bàn tay phát ra một đạo hào quang báu qua bên phải Ông Anan, Ông Anan liền quay đầu trông qua bên phải. Phật lại phóng ra một đạo hào quang qua bên trái Ông Anan, Ông Anan lại quay đầu trông qua bên trái.

Phật bảo Ông Anan: “Hôm nay đầu ông vì sao dao động?”

Ông Anan thưa: “Tôi thấy Như Lai phát hào quang báu qua bên phải rồi qua bên trái, nên tôi trông qua bên phải và bên trái, đầu tự dao động”.

- Ông Anan, ông xem hào quang của Phật mà dao động cái đầu qua phải qua trái. Đó là đầu ông động hay là cái thấy động?

- Thưa Thế Tôn, đầu tôi tự động chứ tánh thấy của tôi thì dừng đứng còn chẳng có, lấy gì mà dao động?

Phật dạy: “Đúng vậy”.

Thông rằng: Đoạn này là ở trong thân mà biện rõ cái chân tánh: đầu tự dao động, còn cái thấy (tâm tánh) không chồ động. So với đoạn trước, tay tự nắm mở, còn cái thấy không có chồ động thì lại càng vi mật. Ở nơi thân của một người, có thấy động tức là đầu động, làm sao nói được là đầu tự động lay mà cái thấy thì không động? Cái tùy theo đầu mà có phải có trái ấy là tình kiến. Cái chẳng theo đầu mà có động có tinh là chân kiến (cái thật tánh). Tình kiến thuộc thức, nên có khởi có diệt. Chân kiến thuộc tánh, vốn không làm, không dừng lại. Làm sao nghiêm chuyện này? Đầu có động, có tinh thì có thể thấy được, cái thấy không có động tinh để có thể chỉ ra. Bởi thế, nên biết cái không có động tinh để chỉ ra được, đó là chân kiến. Trước đây, Ông Anan chấp thức làm tâm, chỉ biết tình kiến mà cho là cái thấy. Nay nhờ phuơng tiện chỉ dạy của Như Lai, cái Trí Sáng tạm hiện ra, mới tin hiểu đầu tự dao động còn cái thấy thì không chồ động. Cái Tánh Thấy vốn chẳng động này, thì động cũng như thế, tinh cũng như thế; khi thấy chẳng phải có, khi không thấy chẳng phải là không, trong ấy còn không có cái ngừng yên, có gì mà dao động. Đó là cái thể không tịch ly trần vậy. Ông Anan đói theo đây mà biết tánh

đó vậy. Đã nói là biết tánh, sao còn lầm thứ đa nghi? Ấy vì Ông Anan nhờ Phật đưa bàn tay ra, rồi phóng ánh sáng, lại nắm mở bàn tay, so sánh với đầu dao động. Cái thấy bàn tay nắm mở không động, cái thấy của đầu day qua phải qua trái cũng không động. Đây là cái biết do suy nghĩ đo lường chứ không phải là sự nhiệm màu của tự mình tỏ ngộ. “Theo cửa mà vào, chẳng phải của báu trong nhà”, ở đây lại càng rõ ràng tin hiểu.

Thiền sư Vô Nghiệp ban đầu ra mắt Đức Mã Tô, bạch hỏi rằng: “Văn học của Tam Thừa đã nghiên cứu sơ lược ý chỉ. Từng nghe Thiền Tông nói “Tức Tâm là Phật”, thật chưa hiểu được”.

Đức Mã Tô nói: “Chỉ cái tâm chưa hiểu đó là phải (tức thị), ngoài ra không có vật nào khác”.

Sư Nghiệp hỏi: “Thế nào là mật truyền tâm ấn của Tổ Sư từ Tây sang?”

Đức Mã Tô nói: “Đại Đức đang ồn ào không ở yên ở trong áy, hãy đi, khi khác đến”.

Sư Nghiệp vừa đi ra, Đức Mã Tô gọi: “Đại Đức!”

Sư Nghiệp quay đầu lại.

Đức Mã Tô nói: “Đó là cái gì?”

Sư Nghiệp liền lãnh ngộ, bèn lê bái.

Ngài nói rằng: “Cái gã ngu này, lê bái làm chi vậy?”

Lại có thiền sư Ngũ Duệ Linh Mặc từ xa đến ra mắt Ngài Thạch Đầu, rồi hỏi: “Một lời hợp nhau thì ở, chẳng hợp thì đi”.

Tổ Đầu cùi ngồi. Sư Duệ bèn đi.

Tổ Đầu theo sau, gọi: “Xà Lê !”

Sư Duệ quay đầu lại.

Tổ Đầu nói: “Từ sanh đến tử, chỉ là cái Ấy, quay đầu chuyên não làm gì!”

Sư Duệ ngay dưới câu nói đại ngộ, bèn bẻ ném cây trụ trượng mà ở lại.

Hãy nói hai Ngài Vô Nghiệp và Ngũ Duệ quay đầu, chuyên não thì liền ngộ, so với Ông Anan là nhiều, ít?

Kinh: Lúc bấy giờ Như Lai bảo với cả đại chúng: “Như các chúng sanh lấy cái dao động mà gọi là trần, lấy cái không ở yên mà gọi là khách, thì các ông hãy xem Ông Anan: đầu tự dao động mà cái thấy không có chỗ động; lại hãy xem bàn tay Ta tự mở tự nắm mà cái thấy không duỗi không co. Có sao các ông hiện nay lại lấy cái động làm thân, lấy cái động làm cảnh, từ đầu đến cuối niệm niệm sanh diệt, bỏ mất chân tánh, làm việc điên đảo, mất chỗ chân thật, nhận vật làm mình, luân hồi trong ấy, tự mình chọn lấy sự trôi nổi đổi thay?”

Thông rằng: Bàn tay của Phật chẳng dừng trụ, mà tánh thấy thường trụ, đó là chủ nhân ông chân thật. Đầu tự dao động, tánh thấy không động, thật là cái thể chơn không. Nay chẳng nhận chủ mà nhận khách, chẳng nhận cái không mà

nhận cái trần, há chăng phải là làm chuyện điên đảo hay sao? Cũng vì niệm niệm sanh diệt, phiền não nối nhau, đến nỗi bỏ mất chân tánh, chăng nên đạo Bồ Đề, là do khách Trần mê hoặc mới đến nỗi như thế.

Kinh Viên Giác nói “Làm nhận bốn đại làm thân tướng của mình, bóng dáng sáu trần duyên ảnh làm tâm tướng của mình”. Chính là chỗ ở đây nói “Lấy cái động làm thân, lấy cái động làm cảnh, nhận vật làm mình”. Đã nhận cái vọng động chạy theo cảnh đó làm tự tâm, thì cái chân tâm bất động bèn mê trong cái trôi lăn, nên gọi là “BỎ MẤT” chứ chăng phải nói BỎ MẤT là không hiện còn vậy. Giống như nước đã thành băng, tánh nước biến mất.

Đoạn trước, nói “Hay sanh cái duyên, nhưng duyên theo cái sở nên bỏ mất. BỎ MẤT cái vốn tự sáng này, tuy suốt ngày dùng mà chăng tự giác, uổng oan sa vào các néo”. Như thế thì làm sao mà ra khỏi sanh tử? Cho nên nói “Luân hồi xoay chuyển trong đó, tự chọn giữ lấy cái trôi nổi xoay vần”. Trước, nói “Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, sanh tử nối nhau, đều do không biết cái chân tâm thường trụ, tánh thể sáng sạch. Dùng các vọng tưởng, những tưởng này chăng chân thật nên có luân chuyển”. Chính là nói chỗ này.

Xưa, Tố Động Sơn hỏi một vị tăng: “Ông tên gì?”

Đáp: “Tôi đây”.

Tố Sơn hỏi: “Vậy cái gì là chủ nhơn ông của thầy Xà Lê?”

Đáp: “Cái thấy đối diện”.

Tô Sơn rằng: “Khổ thay, khổ thay! Người đời nay hết thảy đều như thế này. Chỉ nhận ra lừa trước, ngựa sau (132) đấy thôi mà lấy làm cái chính mình. Phật pháp chìm đắm là do đó vậy. Chủ trong Khách (133) còn chưa phân biệt được, làm sao phân biệt nổi Ông Chủ trong Chủ (Chủ trong Chủ)”.

Vị tăng liền hỏi: “Như sao là Chủ trong Chủ?”

Tô Sơn nói: “Thầy Xà Lê tự nói lấy”.

Vị tăng đáp: “Tôi mà nói được thì đó là Chủ trong Khách, còn như thế nào là Chủ trong Chủ?”

Tô Sơn nói rằng: “Nói ra thì dễ biết bao, mà tương tục nối nhau thì quá khó!”

Bèn khai thị bằng bài tụng:

*“Ôi thấy đời nay học đạo đông
 Ngàn ngàn vạn vạn nhận cửa ngoài
 Cũng tự vào kinh châu Thánh Chúa
 Chỉ đến cửa triều đã vội ngừng”.*

Do đây mà xét, thật thức tình phân biệt mà so với cái kiến tinh bất động hãy còn cách xa mấy dặm đường, mà cái kiến tinh bất động so với chân tánh tịch thường vẫn còn phải tự mình biện biệt. Như đoạn kinh sau nói “Thấy do lìa thấy, cái thấy không bì kịp”, thì cơ hồ đã vượt cửa triều mà thấy Vua rồi đó.

Chú thích q1

- 01 Như Lai Mật Nhân.
- 02 Tròn vẹn, tức thời.
- 03 Hướng thượng nhất lộ.
- 04 Tên khác của Đức Như Lai.
- 05 Kinh Duy Ma Cật.
- 06 Nhất chích nhã: một con mắt, con mắt Đạo.
- 07 Tu cho chúng được chỗ hiểu nghĩa.
- 08 Chưa được chỗ hiểu nghĩa Như Lai Mật Nhân.
- 09 Bản Lai Diện Mục: cái xưa nay trước mặt.
- 10 Ân Độ.
- 11 Samadhi. Xưa gọi là Tam Muội.
- 12 Đời Đường Cao Tông, nối pháp Tổ Tăng Xán, truyền lại cho Tổ Hoằng Nhã.
- 13 Ở miền Nam Ân.
- 14 Nghiã Thanh thiền sư, đời Đường. Nối pháp Đại Dương Huyền thiền sư.
- 15 Da trâu: ngưu bì. Trùm da trâu đi ra nắng càng bị bó cứng; buộc râu rồng (long tu) Xuống nước càng thắt chặt, đau đớn. Hai cái dùng để chỉ cái phước hữu lậu của người và trời làm hại huệ mạng.
- 16 Lậu: tiếng chỉ phiền não.
- 17 Tuyết Phong thiền sư, tên Nghiã Tồn, người xứ Phước Châu. Đắc pháp nơi Tổ Đức Sơn. Đời Đường Ý Tông, năm Hàm Thông, tại núi Tuyết Phong xứ Phước Châu sáng lập nhà thiền. Thường có đến 1500 người trong chúng học đạo.

- 18 Người cầm đầu trong đại chúng.
- 19 Càn Huệ Địa, địa vị thứ nhất của Thập Địa và Tam Thùa. Cái trí tuệ khô khan nên chưa thuần thực. Đại Thùa Nghĩa Chương nói: Tuy có trí tuệ, chưa đặng tịnh thủy (tâm tịnh lặng, ví như nước đứng im). Lại còn về phép quán sự (đối lý quán nói sự quán) Đây chưa xong về lý, chưa thuần tịnh.
- 20 Chỗ thấy theo sở học.
- 21 Trần: hạt bụi.
- 22 Lão Hồ: người rợ già. Chỉ Đức Đạt Ma.
- 23 Còn hoài.
- 24 Đế quán Pháp Vương Pháp. Pháp Vương Pháp như thị.
- 25 Thần mùa Xuân.
- 26 Tiên tam tam, hậu tam tam.
- 27 Tô lạc.
- 28 Lo về trai tăng trong thiền viện.
- 29 Giá Lý.
- 30 Núi Ngũ Đài.
- 31 Hiểu thấu róc tuốt.
- 32 Tên bến sông Lạc, nay là tên của một huyện. Tô ở huyện này nên lấy tên xứ để gọi.
- 33 Thiên Nhiên thiền sư, ở Đơn Hà Sơn, Đông Châu.
- 34 Thập Đắc và Hàn Sơn là hai vị tăng giả vờ điên khùng. Thật ra, là hiện thân của hai Đại Bồ Tát.
- 35 Phổ Nguyệt thiền sư, đời Đường, ở núi Nam Tuyền, nối kế pháp của Mã Tô.
- 36 Người xem hết đại chúng trong chùa.
- 37 Thí tài.
- 38 Gõ bản.

39 Vị tăng đảm trách việc trai chúc (cơm, cháo cúng dường...).

40 Tổ Quang Nhâm thiền sư, hiệu Sớ Sơn. Tướng lùn xấu, biện luận tinh anh. Gọi là Ông Phật lùn. Nối kế pháp ở Động Sơn.

41 Trong Giá Lý.

42 Oâm giữ bát.

43 Ba Giáo Pháp trừ phiền não.

44 Rảnh rang, mở khói.

45 Ngũ Vị Tân.

46 Yên lặng cùng tột.

47 Nghiã Thanh thiền sư, đời Đường, xứ Thơ Châu, tại núi Đầu Tử. Nối kế pháp Đại Dương Huyền thiền sư.

48 Túc Quân Châu Động Sơn. Đắc pháp nơi Vân Nham Thịnh Tổ sư. Lập Thiên Chánh Ngũ Vị, thế mạnh, pháp rất thịnh hành. Sắc phong Ngộ Bổn thiền sư.

49 Đức Nham Khoát thiền sư, đời nhà Đường, ở núi Nham Đầu. Tham học với Tổ Đức Sơn mà khé hiểu ý chỉ. Gặp Tổ Võ Tông gần hỏi giáo pháp. Lánh ẩn mình làm người đưa đò. Sau cất am ở núi Ngoạ Long Sơn. Ba năm tịch. Sắc tặng Thanh Nham thiền sư.

50 Tên riêng của Tổ Tề An thiền sư.

51 Tổ Thích Tuyên Giám, đời Đường, ở Chùa Đức Sơn, Lãng Châu. Xuất gia từ nhỏ. Rất hiểu biết Kinh Luật, lăm thấu đáo kinh Kim Cang. Người đời ấy gọi là Châu Kim Cang. Chẳng tin chịu cái đạo của Nam phương thiền tông (Nam phương Huệ Năng).

52 Tên núi ở Hồ Nam. Lời truyền, tích xưa có ba nhà sư là

Giám Tuyên, Nghiã Tòn, Văn Thúy du phương đến đây ngộ đạo. Từ đó đồ đệ nói Ngao Sơn ngộ đạo.

53 Lên tòa thuyết pháp.

54 Đây là lời nói ý của một vị Tổ trong tích Bà Tử Thiêu Am - một công án.

Tích rằng: Xưa, có một người bà tử (bà goá) Cung cấp cho một vị am chủ trải qua hai mươi năm.

Một ngày kia, sai đứa tớ gái hỏi: “Hiện nay như thế nào?”.

Am chủ đáp: “Cây khô héo dựa hang núi lạnh. Ba năm (mùa lạnh) Không hơi ấm (Khô mộc ỷ hàn nham. Tam đông vô nõn khí)”.

Tớ gái về thuật lại y như vậy.

Bà nói: “Ta hai mươi năm đã dâng cúng cho đứa phàm tục ấy”.

Bèn bảo đuổi đi, rồi liền đốt cái am.

Đây là lời tỏ ý nêu đạo rồi của Tổ mà bà góá ấy không hiểu đó thôi.

55 Hằng còn.

56 Tổ Chí Càn thiền sư, đời Đường, ở núi Linh Vân. Ban đầu ở Ngụy Sơn, nhân thấy hoa đào mà tỏ ngộ đạo.

57 Cái đức tánh xưa nay có lâu rồi vậy.

58 Nhà Đại Thừa luận sư ra đời 600 năm sau khi Phật nhập tịch. Tên tiếng Phạn là As'vaghosa. Học trò của Hiếp trưởng lão.

59 Tổ Đại Trí Hoài Hải thiền sư, đời Đường, ở núi Bá Trượng, nối kế mối pháp thế đức Mã Tổ Đạo Nhất thiền sư. Tổ chế lập phép thức thiền môn đầu tiên, gọi là Bá Trượng Thanh Qui. Tổ để lại nhiều công án như Bá Trượng Giả Hò, Bá Trượng Tam

Nhựt Nhĩ Lung...

60 Vật biểu hiện chức trụ trì.

61 Tông thừa, yếu chỉ nhà thiền, gọi chung là hướng thượng nhất lộ (ngoảnh lên một đường).

62 Cái Tâm Chân Thật không sanh ra, không diệt mất.

63 Thị túc thị, thì phải rồi.

64 Con mắt vật chất.

65 Tâm và Mắt.

66 Tai có thể thấy, mắt có thể nghe...

67 Tổ Huệ Khả. Người đời Bắc Ngụy, xứ Lạc Dương. Lúc Đạt Ma đại sư ở núi Tung Sơn, tại Chùa Thiếu Lâm, đức Thần Quang cầu đạo rất mực. Đến đêm hôm trời tuyết, chặt lìa cánh tay trái. Đức Đạt Ma cảm chịu. Cải đổi tên là Huệ Khả. Sau, thọ y bát của Tổ Đạt Ma, nối pháp của thiền tông, làm Tổ Thứ Hai.

68 Mích tâm liễu bất khả đắc.

69 Họ Phó, tên Hấp, tự Huyền Phong, là đạo sĩ đẻ tóc. Lấy họ mà gọi là Phó Đại Sĩ; còn theo xứ mà gọi là Đông Dương Đại Sĩ. Tự ngài xưng là Thiện Huệ Đại Sĩ.

70 Tổ Văn Yên thiền sư, tại núi Vân Môn, nối kế Tổ Tuyết Phong. Sắc phong các hiệu Khuôn Chơn thiền sư, Đại Từ Vân Khuôn Chơn Hoằng Minh thiền sư. Để lại nhiều thoại đầu công án như Vân Môn Nhất Bửu, Vân Môn Tam Cú, Vân Môn Thể Lộ Kim Phong...

71 Một vị cao tăng. Tuyết Đậu là tên núi. Được ngài Vân Môn truyền pháp. Tại núi này còn có Thường Thông thiền sư, Minh Giác đại sư đều lấy tên núi làm hiệu.

72 Lộ trụ : cây cột trước chùa. Là một công án của Tổ Văn

Môn: Cố Phật với cây lô trụ tương giao, đó là cơ thứ mây?

73 Tăng Triệu : người viết bộ Bảo Tạng Luận còn gọi là Triệu Luận.

74 Bổn Tịch thiền sư, kế pháp Tổ Động Sơn Lương Giới thiền sư. Phái Tào Động. Tào Sơn là tên gọi theo chỗ ở.

75 Tác tắc nhân tâm hư.

76 Hợp tự biết thực tình.

77 So sánh, suy lường.

78 Biết lầm lạc.

79 Tức là sáu Thức tiêu.

80 Cái Thức Thứ Nhứt, A Lại Da.

81 Tổ Hồng Ân thiền sư.

82 Tổ Huệ Tịch thiền sư, ở Giang Nam, núi Đại Ngưỡng Sơn, tên hiệu Ngưỡng Sơn. Tổ có ba chỗ công án: Ngưỡng Sơn Chẩm Tử, Ngưỡng Sơn Chỉ Tuyết và Ngưỡng Sơn Đằng Điều.

83 Vân Cư Sơn: núi tại Giang Nam, huyện Khương Kiến Xương. Trên đỉnh thường có mây, nên đặt tên Vân Cư. Lại còn gọi là Âu Sơn, vì có đức Âu Ngập thành đạo tại đó. Đây có nhiều Tổ ở, hóa đạo nên thường lấy tên núi làm hiệu.

84 Đức Huyền Giác, đời Đường. Ban đầu thuần thông phép Chỉ Quán của Thiên Thai. Thường tu thiền quán. Sau đến Tào Khê, một đêm mà khế ngộ yếu chỉ. Đặt tên Nhất Túc Giác. Trở về Vĩnh Gia, học trò gọi hiệu là Chơn Giác Đại Sư.

85 Một loại sáo.

86 Rảnh rang.

87 Giáp Sơn: tên núi. Tổ sư tu tại núi này nên lấy tên núi làm hiệu.

88 Tổ tên Sở Viên, tự Trần Minh, cháu sáu đời của Ngài Lâm Tế Nghiã Huyền (Tổ Lâm Tế tông). Nương ở Thạch Sương Sơn, ban đầu học Nho. Hai mươi mốt tuổi đi tu, kế pháp nơi Lạc Dương Chiêu.

89 Nhà Thiền.

90 Cái Không Chân Thật.

91 Đọc, tụng.

92 Ngưu bì.

93 Môn phong.

94 Người xứ Tào Châu, học xét ở Quan Âm Viện, xứ Triệu Châu. Kế pháp Tổ Nam Tuyền. Tổ có nhiều công án truyền đạo.

95 Tổ Phổ Giác thiền sư, tên Huệ Nam, ở núi Hoàng Long. Thọ pháp Tổ Từ Minh Viên thiền sư ở Hoàng Long. Tổ để lại nhiều sự tích.

96 Hết phiền não.

97 Đế Thứ Nhất trong hai mươi lăm Đế của Số Luận Sư (ngoại đạo) Lập ra. Đó là cái nguồn cội của muôn vật mù mịt, không chơn chánh nên gọi là Minh Đế, còn gọi là Minh Tánh.

98 Tự chửng tịch tĩnh.

99 Kẻ mắt, tai tất cả các cẩn nhanh lẹ, sáng láng.

100 Tổ xuất gia lúc mười tuổi, nghiên cứu xét cùng Nghiã lý Duy Ma pháp, nhơn đó rõ biết Duy Thức; bàn cứu sách Nho; chuyên về Luật Tạng.

101 Tự biết lấy rõ ràng.

102 Tổ Phổ Nguyên thiền sư, kế pháp Đức Mã Tổ, hoằng đạo ở Nam Tuyền, thường xưng mình là Vương Lão Sư.

103 So sánh, phân biệt.

104 Đức Lục Tổ Huệ Năng đại sư, họ Lư Thị, người xứ Tân Hưng. Từ giã mẹ, thăng đến Huỳnh Mai Động Sơn. Sau khi đắc pháp, trở về Chùa Pháp Tánh tại Nam Hải. Mở cửa pháp Động Sơn. Sau về Bửu Lâm tự. Ngài tọa tịch, có tháp tại Tào Khê, nay là Nam Hoa Tự.

105 Thấy biết.

106 Tổ Hoài Nhượng thiền sư, đời Đường, ở Hành Nhạc, Chùa Bát Nhã, nên xưng là Nam Nhạc. Lục Tổ Huệ Năng có hai đệ tử là Nam Nhạc và Thanh Lương.

107 Hiệu riêng của Lục Tổ Huệ Năng.

108 Hy Thiên thiền sư, ở Hành Sơn Nam Tự. Phía Đông chùa có tảng đá hình cái đài, cất am trên đó, người đời ấy kêu là Thạch Đầu Hòa Thượng.

109 Một trong sáu trần (sắc, thính, hương, vị, xúc và pháp). Tất cả pháp là chỗ duyên (sở duyên) Của ý thức, gọi chung là pháp trần.

110 Là lục trần, cảnh hiện bày trước cái vọng tâm.

111 Đại Viên Cảnh Trí của Duy Thức Tông.

112 Lục đạo, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát.

113 Tổ Tông Nhứt thiền sư, tên Sư Bị, ở núi Huyền Sa. Khi nhỏ làm nghề chài. Ba mươi tuổi bỗng ham mộ đi tu, vào học với Tổ Phù Dung, xuống tóc, lanh cụ túc giới. Rồi tìm đến Tổ Tòn thiền sư tại núi Tuyết Phong, thâu hạp, tỏ ngộ huyền chỉ. Ban đầu trú tại Phố Ứng Viện, sau dời về Huyền Sa.

114 Tổ Khả Quan, hiệu Trúc Am.

115 Từ kinh Lăng Nghiêm : Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến. Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập.

116 Hết phiền não.

- 117 Như thế là tu hành chân thật.
- 118 Cái Giác Tánh ví như biển.
- 119 Cái nghĩa lý của Giác Tánh rộng lớn như biển.
- 120 Tâm Từ Bi.
- 121 Cái Tánh Thấy vốn sáng suốt.
- 122 Bốn Tâm.
- 123 Đời Đường, các vị thiền sư am hiểu rồi cứ ngồi tu tĩnh, người đời gọi là đám thầy cây khô.
- 124 Tự là Tử Nguyên, hiệu Vô Học, đời Tống. Mười bốn tuổi đến Kính Sơn học cùng thầy Phật Giám; mười bảy tuổi có chỗ tinh ngộ. Sau khi thầy Phật Giám tịch, đi khắp nơi. Ba mươi sáu tuổi liễu nhiên đại ngộ.
- 125 Tổ Phật Nhật thiền sư, tên Tông Cảo, đời Tống. Kế vị Viên Ngộ thiền sư. Bảy mươi hai tuổi tịch, sắc tứ hiệu Đại Huệ.
- 126 Ly : lìa, giải thoát.
- 127 Tổ Vạn Tùng Hanh Tú thiền sư. Xuất gia tại Tịnh Độ Tự, đi học khắp xứ, cuối cùng ra mắt Tổ Tuyết Nham ở chùa Đại Minh, hạp tỏ ngộ tâm ấn. Tìm về chùa Tịnh Độ dựng lập Vạn Tùng Hiên.
- 128 Giải: hiểu.
- 129 Bực trưởng thượng tôn túc lui ẩn nơi chùa khác, đến tạm trú chùa mình, gọi là Tây Đường.
- 130 Nhậm Công : sách Trang Tử nói “Ông Nhậm Công làm cần câu lớn, sợi rất to. Năm chục con trâu làm mồi...”.
- 131 Chỗ Thấy Biết.
- 132 Chỉ bọn nô lệ, tôi tớ hầu chủ chạy theo trước đầu lừa, đuôi ngựa. Thành ngữ này chê bai người đời dùng thức tình phán

biệt, lấy thức tình làm thức ăn, đeo theo sự phân biệt vật chất, làm nô lệ cho nó.

133 Tân Trung Chủ, một trong ngũ vị quân thần của Tông Tào Động.

Quyển 2

VII. CHỈ TÁNH THÁY KHÔNG SANH DIỆT

Kinh: Lúc bấy giờ Ông Anan cùng cả đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thủy đến nay bỏ mất bản tâm, vọng nhận bóng dáng do phân biệt tiền tràn. Ngày nay khai ngộ, như hài nhi mất sữa bỗng gặp mẹ hiền, chấp tay lễ Phật, mong được nghe Như Lai bày tỏ cái chân, vọng, cái hư thật ở nơi thân tâm, và ở ngay hiện tiền phát minh ra hai cái sanh diệt và chẳng có sanh diệt.

Thông rằng: Trước, nói rằng: “Cái thấy không có chỗ động, cái thấy không có mở ra cuốn vào để chỉ bày rõ ràng cái tánh không có sanh ra, không có diệt mất. Nhưng cái tánh bất sanh bất diệt này hiện thấy ở trong cái thân sanh diệt. Cái chơn phát minh tánh là cái căn bản không sanh không diệt. Còn cái vọng phát minh tánh là cái căn bản sanh diệt. Ở trong ấy, hư thật khó biện rõ, nên cầu mong Như Lai bày rõ cho.

Xưa, Ông Tiết Giản hỏi Đức Lục Tồ: “Chư vị thiền đức ở chốn kinh đô đều nói rằng “Muốn được hiểu đạo, phải ngồi thiền, tập định. Nếu không nhờ thiền định mà được giải thoát là điều không hề có”. Chưa rõ chỗ dạy của Sư ra sao?”

Tồ đáp: “Đạo do tâm ngộ, đâu phải ở ngồi. Kinh nói: *Nếu nói Như Lai có ngồi, có nằm, thì đó là hành tà đạo.* Vì sao thế? Không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, không có sanh, không có diệt, là pháp thiền trong sạch của Như Lai. Chư pháp

không tịch (rỗng lặng) đó là sự ngồi trong sạch của Như Lai. Rốt ráo không chõ chứng, huống là ngồi ư?”

Tiết Giản thưa: “Sáng ví dụ trí huệ, tối ví dụ phiền não. Nếu chẳng dùng trí huệ soi phá phiền não, nhờ đâu mà vượt khỏi sanh tử từ vô thủy?”

Tổ nói: “Phiền não tức Bồ Đề, không hai, không khác. Nếu dùng trí huệ soi phá phiền não, đó là kiến giải của Nhị Thùra, là căn cơ của xe dê, xe nai. Bậc thượng căn đại trí ắt chẳng như thế”.

Ông Tiết thưa: “Như thế nào là kiến giải Đại Thùra?”

Tổ nói rằng: “Cái minh và cái vô minh, phàm phu thấy là hai. Với người trí liễu đạt thì cái tánh của chúng là không hai. Tánh không hai đó là thật tánh. Thật tánh ấy, ở phàm ngu chẳng diệt, tại Hiền Thánh cũng chẳng tăng, trong phiền não cũng không loạn, nơi thiền định cũng không hề lặng dứt. Chẳng đoạn chẳng thường, chẳng đến chẳng đi. Chẳng ở giữa, chẳng trụ trong, ngoài. Không sanh không diệt, Tánh Tướng như như. Thường trụ chẳng dời, gọi ấy là đạo”.

Tiết Giản thưa: “Thầy nói không sanh không diệt, khác gì ngoại đạo đâu?”

Tổ nói rằng: “Chõ ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt ấy, là lấy diệt dứt sanh, lấy sanh tóm bay diệt. Thé là diệt mà xem như chẳng diệt, sanh mà nói chẳng sanh. Ta nói chẳng sanh chẳng diệt ấy, là vốn tự không sanh, nay cũng chẳng diệt, nên chẳng đồng ngoại đạo. Nếu ông muốn biết cái tâm yếu, chỉ

với tất cả thiện ác đều chẳng dính dấp tới thì tự nhiên thấu vào được cái tâm thể trong sạch, trong trẻo như nhiên, hằng hằng vắng lặng, diệu dụng không cùng”.

Ông Tiết Giản nhở lời chỉ dạy, hoát nhiên khai ngộ.

Đây là chỗ hiện tiền thấy có sanh diệt, bày rõ cái Chân Tánh chẳng có sanh diệt. Nếu chẳng phải là bức Phật với nhau thì không thể hiện bày rõ ràng như vậy.

Kinh: Khi ấy, vua Ba Tư Nặc đứng dậy bạch Phật: “Trước tôi chưa được vâng nghe lời Phật dạy bảo, tôi thấy các Ông Ca Chiên Diên, Tỳ La Chi Tử đều nói “Thân này chết rồi thì mất hẳn gọi là Niết Bàn. Nay tuy được gặp Phật, nhưng tôi vẫn còn hồ nghi. Xin Phật chỉ rõ làm thế nào chứng biết chỗ chẳng sanh diệt của tâm này. Hiện giờ các hàng Hữu Lậu trong đại chúng cũng đều trông mong được nghe điều ấy”.

Phật nói: “Đại Vương, thân ông hiện đây, nay ta hỏi ông: cái thân xác thịt của ông có giống được như kim cương, còn hoài chẳng hoại, hay lại biến đổi và tan rã?”

-Bạch Thé Tôn, cái thân hiện đây của tôi, rốt cuộc cũng thay đổi và tiêu diệt.

Phật bảo: “Đại Vương, ông chưa từng diệt, làm sao biết là phải bị diệt?”

Thông rằng: Đức Thé Tôn nhủ lời, bước bước đều quay về chân. Như hỏi “Ông chưa từng diệt, làm sao biết diệt?” Nếu là bậc thượng căn lợi trí thì liền ngộ “Cái người biết sự diệt, vốn chưa từng sanh diệt”, liền chứng vô sanh pháp nhẫn.

Có nhà sư hỏi Tố Vân Cư: “Mới sanh ra vì sao chẳng biết có?”

Đáp: “Chẳng cùng sanh”.

Hỏi: “Khi chưa sanh thì như thế nào?”

Đáp: “Chưa từng diệt”.

Hỏi: “Khi chưa sanh thì ở đâu?”

Đáp: “Có chõ chẳng thu nạp”.

Hỏi: “Vì sao người chẳng thọ diệt?”

Đáp: “Diệt ấy chẳng thể được”.

Xem chõ đối đáp của Tố Vân Cư như thế, há phải mơ hồ! Cần rõ chuyện bên đó mới có thể xem lời nói này!

Kinh: -“Bạch Thé Tôn, cái thân vô thường biến hoại của tôi đây tuy chưa diệt, song hiện giờ, tôi xét nó niêm niêm dời đổi, mãi mãi chẳng ngừng, như lửa thành tro dần dần tiêu mất. Tiêu mất chẳng ngừng nên tôi biết chắc thân này rồi phải diệt mất”.

Phật dạy: “Đúng thế! Đại Vương, tuổi tác của ông nay đã già yếu, vậy mặt mày của ông so với lúc còn bé như thế nào?”

-Bạch Thé Tôn, hồi còn bé nhỏ, tôi da thịt mịn màng, đến lúc trưởng thành, khí huyết đầy đủ, nay thì tuổi già, ngày thêm suy lão, hình sắc gầy ốm, tinh thần mõi mệt, tóc bạc da nhăn, sống chẳng còn lâu, so sánh thế nào được với thời trẻ mạnh?”

Phật bảo: “Đại Vương, hình dung của ông đâu có hú hao ngay”.

Vua bạch: “Thưa Thé Tôn, sự biến hóa âm thầm dời đổi nên tôi chẳng hay biết. Mưa nắng đổi dời làn đến như vậy. Vì sao? Tôi khi năm hai mươi tuy gọi là trẻ nhưng mặt mày đã già hơn khi mười tuổi. Khi ba mươi, lại suy sút hơn hồi hai mươi và đến nay sáu mươi hai, trông lại lúc năm mươi thì khí ấy còn khoẻ hơn nhiều. Bạch Thé Tôn, tôi thấy sự âm thầm thay đổi như thế, thân này tuy nay đã suy yếu, nhưng trong sự thay đổi còn chia từng mươi năm một. Nếu tôi suy xét chín chắn hơn nữa thì cái sự biến đổi ấy đâu phải từng mươi năm mà thật là mỗi năm mỗi thay đổi. Lại đâu phải mỗi năm mỗi thay đổi mà là mỗi tháng mỗi thay đổi, không những mỗi tháng thay đổi mà là mỗi ngày thay đổi. Suy cùng xét kỹ, thì sát na sát na, khoảng giữa mỗi niệm, không thể đứng yên, vậy nên tôi biết thân này rốt cuộc phải biến đổi và tiêu diệt”.

Phật bảo: “Đại Vương, ông thấy biến hóa dời đổi không ngừng, rõ là phải diệt. Vậy ông niệm niệm tiêu diệt như thế, ông có biết trong thân có cái gì không diệt chăng?”

Thông rằng: Sắc thân huyền hóa rốt cuộc phải biến diệt. Cái pháp thân thanh tịnh vốn chẳng có sanh diệt. Chẳng phải ngoài cái sắc thân riêng có pháp thân. Pháp thân như biển lớn, sắc thân như bọt nước. Bọt nước có sanh có diệt, nước biển nhất như. Bậc Đại Ngộ thì “Huyền hóa, không thân tức Pháp thân”. Vậy nên biết, trong thân có cái chẳng hề hoại diệt vậy.

Tô Thạch Đầu có bài kệ rằng:

*“Hỏi am này: hư, chẳng hư?
 Hư, chẳng hư vẫn nguyên ông chủ
 Chẳng ở nam bắc với đông tây
 Nền tảng vững bền, quan trọng nhất”.*

(Vấn thử am, hoại bất hoại
 Hoại dữ bất hoại, chủ nguyên lai
 Bất cư nam bắc dữ đông tây
 Cơ chỉ kiên lao dĩ vi tối).

Lại tung:

*“Trụ am này, thôi kiến giải
 Ai khoe bày chiếu, muốn người mua
 Hồi quang phản chiếu bèn về vây
 Rỗng suốt linh căn, không sau trước”.*

(Trụ thử am hưu tác giải
 Thùy khoa phô tịch đồ nhơn māi
 Hồi quang phản chiếu tiện quy lai
 Khuyếch đại linh căn phu hướng bối).

Than ôi! Người người săn đủ tánh chẳng sanh diệt
 này, sao lại theo dòng đuối bắt sóng để chẳng thể hồi quang
 phản chiếu!

Kinh: Vua Ba Tư Nặc chấp tay bạch Phật: “Tôi thật không
 biết”.

Phật dạy: “Nay Ta chỉ cho ông cái tánh không sanh diệt. Đại Vương! Ông năm mươi tuổi thì thấy nước sông Hằng?”

Vua bạch: “Khi tôi lên ba, mẹ tôi dẫn đi làm lễ Thần Kỳ Bà Thiên (02), có đi qua sông ấy. Lúc ấy, tôi liền biết đó là nước sông Hằng”.

Phật bảo: “Đại Vương, như lời ông nói “Lúc hai mươi tuổi thì suy hơn lúc mười tuổi”, cho đến nay đã sáu mươi, năm tháng ngày giờ niệm niệm đổi thay. Vậy, khi ông ba tuổi, thấy nước sông này, rồi đến khi mười ba tuổi thì nước ấy thế nào?”

Vua bạch: “Thưa, cũng như khi lên ba, in hệt như nhau không khác gì, và đến nay tuổi đã sáu mươi hai, cũng vẫn không khác”.

Phật bảo: “Nay ông tự buồn là mình tóc bạc, da nhăn. Mặt ông hẳn phải nhăn hơn hồi trẻ. Vậy cái thấy sông Hằng hiện giờ của ông so với cái thấy sông Hằng lúc nhỏ có già trẻ gì không?”

Vua bạch: “Thưa Thế Tôn, không”.

Phật bảo: “Này Đại Vương, mặt ông tuy nhăn, nhưng tánh của cái thấy (kiến tinh tánh) ấy chưa hề bị nhăn. Cái nhăn thì thay đổi còn cái không bị nhăn thì chẳng thay đổi. Cái thay đổi thì phải diệt, còn cái không thay đổi kia thì vốn không sanh không diệt, làm sao trong ấy lại có sanh tử cho ông thọ nhận mà ông lại còn dẫn lời của nhóm Mạt Già Lê kia, nói rằng “Thân này chết rồi thì diệt hẳn!”

Vua nghe xong lời dạy này, tin biết rằng thân này về sau, bỏ đời này qua đời khác, cùng với đại chúng nhảy nhót vui mừng, được sự chưa từng có.

Thông rằng: Ngoại đạo có sáu ông thầy:

Một là, Phú Lan Na Ca Diếp: cho rằng các pháp đều chẳng sanh, chẳng diệt.

Hai là, Mạt Già Lê Câu Xa Lê Tử: Cho rằng chúng sanh tuy có khổ vui, nhưng không có nhân duyên, tự nhiên mà vậy thôi.

Ba là, Sán Đà Xa Tỳ La Chi Tử: Cho rằng chúng sanh theo vận, thời gian chín muồi thì đắc đạo, đầy đủ tám vạn kiếp thì tự nhiên đắc đạo.

Bốn là, A Kỳ Da Sí Xá Khâm Ba La: Cho rằng chúng sanh hiện chịu khổ báo, sau thì hưởng thọ vui sướng của Niết Bàn.

Năm là, Ca Lâu Cưu Đà Ca Chiên Diên: Cho rằng các pháp cũng có, cũng không.

Sáu là, Tỳ Kiện Đà Nhã Đề Tử: Cho rằng tất cả đều do nghiệp định, không thể trốn lánh.

Tất cả đều là đoạn kiến (03) vậy. Tuy cũng nói là chẳng sanh chẳng diệt, nhưng đó là đối với sanh diệt mà nói. Nhơn bởi sừng trâu có (hữu), mà nói sừng thỏ không có (vô). Đã có đối đãi, rốt cuộc thuộc về sanh diệt.

Nếu *cái thấy* *sông* y nhiên không khác thì có thể trộm thấy *cái Chân* *Tánh* bất biến. Ngay trong chỗ thấy trước mắt có sanh diệt mà hiển bày *cái tánh* *chẳng* sanh diệt, thế mới biết trong thân có *cái chẳng* có diệt đang hiện hữu. Tuy nói bỏ đời sống này qua đời sống khác, kỳ thực là diệt mà *chẳng* diệt. Há *cái đoạn* *kiến* của *ngoại* *đạo* có thể có nói được sao?

Có vị tăng hỏi Tô Triệu Châu: “Thầy của con có nói “Khi thế giới hoại, tánh này *chẳng* hoại”. Thế nào là *cái tánh* này?”

Tô Châu nói: “Tú *đại*, *ngũ* *âm*”.

Vị tăng hỏi: “Cái *Ấy* còn là *hư* *hoại*, thế nào là *cái tánh* này?”

Tô Châu nói: “Tú *đại*, *ngũ* *âm*”.

Ngài Pháp Nhãm nói: “Ấy là một *cái*? Ấy là hai *cái*? Ấy là *hoại*? Ấy là *chẳng* *hoại*? Hãy hiểu làm sao? Thủ quyết đoán xem!”

Có vị tăng hỏi Tô Đại Tùy: “Kiếp hỏa thiêu hết, Đại Thiên đều hoại. Chưa rõ *cái Ấy* *hoại* hay *chẳng* *hoại*?”

Tô Tùy đáp: “*Hoại*”.

Vị tăng rằng: “Như thế thì theo nó đi ư?”

Tô Tùy rằng: “Theo nó đi”.

Lại có vị tăng hỏi Tô Long Tế: “Kiếp hỏa thiêu hết, Đại Thiên đều hoại. Chưa rõ *cái Ấy* *hoại* hay *chẳng* *hoại*?”

Tô Tế đáp: “*Chẳng* *hoại*”.

Vị tăng rằng: “Vì sao chẳng hoại?”

Tổ Tế đáp: “Vì đồng Đại Thiên”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Hoại, chẳng hoại, theo nó mà đi
Cảnh giới Đại Thiên, ở trong câu rõ
Không ai khóa buộc, đầu chân lại bị
dây leo quấn
Hiểu, chẳng hiểu?
Chuyện thật rõ ràng, cẩn dặn kỹ
Biết tâm, đem ra đúng thương lượng
Đưa ta phải đi cùng mua bán”.*

Đại Tùy nói hoại, Long Tế nói chẳng hoại. Ấy là một? Ấy là hai? Tổ Tế bảo “Vì đồng Đại Thiên”. Tổ Tùy bảo “Theo nó đi!” Y nhiên là cái tông chỉ “Tứ đại, ngũ ám” của Ngài Triệu Châu. Khi thế giới hoại, tánh này chẳng hoại. Chính phải ở trong tứ đại, ngũ ám mà tìm cái chốn an ủn mới được!

VIII. CHỈ CHỖ ĐIÊN ĐẢO

Kinh: Ông Anan liền từ chối ngồi đứng dậy, lạy Phật, chắp tay, quỳ dài, bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, nếu cái thấy-nghe này thật không sanh diệt thì tại sao Đức Thế Tôn lại bảo rằng chúng tôi đều bỏ mất chân tánh, làm việc điên đảo, lộn ngược. Xin Phật mở lòng từ bi rửa sạch trần cầu (04) cho chúng tôi”.

Khi ấy, Đức Như Lai liền duỗi cánh tay kim sắc, ngón tay chỉ xuống, bảo Ông Anan: “Như nay ông thấy tay Mẫu Đà La (05) của Ta là chánh hay đảo (ngược)?”

Ông Anan bạch: “Chúng sanh thế gian cho đó là đảo ngược, còn tôi thì chẳng biết cái nào là chánh, cái nào là đảo”.

Phật bảo Ông Anan: “Nếu người thế gian cho vậy là đảo, thì người thế gian cho thế nào là chánh?”

Ông Anan bạch Phật: “Đức Như Lai đưa cánh tay lên, tay Đâu La Miên chỉ lên không thì gọi là chánh”.

Phật liền đưa cánh tay lên và bảo Ông Anan: “Cái điên đảo (lộn ngược) như thế chỉ là đầu đuôi thay đổi lẫn nhau thôi. Các người thế gian đều điên đảo gấp bội mà xem mà thấy. Nay lấy cái thân ông và Pháp Thân thanh tịnh Như Lai so sánh mà phát minh thì thân của Như Lai gọi là Chánh Biến Tri, còn thân của các ông gọi là tánh điên đảo. Tùy ông xét kỹ: Thân ông, thân Phật, cái gọi là điên đảo lộn ngược đó, do ở chỗ nào mà gọi là điên đảo?”

Thông rằng: Cái Pháp Thân thanh tịnh là cái Diệu Tâm màu sáng, thuần chán vậy. Cái thấy, nghe, hay, biết (kiến văn giác tri) là vật bày hiện ra (06) ở trong Diệu Tâm vậy. Về gốc là Chánh, đuôi theo ngọn là Đảo (ngược). Thí như bọt nước sanh ra nơi biển, nhận biển là chánh, nhận bọt là đảo.

Phật hỏi Ông Anan: “Nay ông thấy Ta thả tay xuống là chánh hay đảo?”, thì chỉ nên ở nơi chỗ tự thấy mà tinh ngộ mạnh mẽ: cái nào chánh, cái nào đảo, chứ chẳng nên ở nơi tay Như Lai mà phân chánh, phân đảo.

Như ông Tu Bồ Đề ngồi yên tĩnh trong hang núi, thấy Pháp Thân Như Lai chẳng duyên với căn, thức đó gọi là

Chánh Biến Tri. Còn nếu lấy con mắt của Ông Anan để đối với tay của Như Lai, lại còn ở tay mà phân chánh, phân đảo đây bèn là chõ động dụng của sáu thức, bỏ gốc theo ngọn, đã lìa chánh vị nên gọi là tánh điên đảo, lộn ngược.

Mới đầu, Ông Anan lấy tay buông xuống làm đảo, lời nói còn mơ hồ. Đến khi hỏi “Lấy gì làm chánh?”, thì lấy tay đưa lên làm chánh, mới biết chõ Ông Anan cho là chánh và đảo đó chỉ là sự biện biệt căn cứ vào tay, chẳng phải ở nơi cái thấy mà biện biệt. Sự ngắm nhìn đó đã là điên đảo vậy. Tay buông xuống, đầu đuôi thuận nhau, vốn là chánh, mà người đời cho đó là đảo! Tay đưa lên, đầu đuôi đổi chõ, vốn là đảo mà người đời cho đó là chánh! Thế là ở trong sự ngắm nhìn điên đảo, lại còn chồng thêm điên đảo! Cho nên, so sánh phát minh thì bỏ mắt cái Pháp Thân trong sạch mà nhận thấy, nghe, hay, biết đã là điên đảo. Lại chấp cái thấy, nghe, hay, biết ở trong sắc thân cho là chẳng sanh diệt mà bảo rằng đó là chánh chứ chẳng phải đảo, thì chẳng phải là trong điên đảo lại chồng thêm điên đảo sao?

Có nhà sư hỏi Tô Động Sơn: “Bình thường Ngài dạy học nhơn hành điểu đạo (07), chưa rõ thế nào là điểu đạo?”

Tô Sơn nói: “Không gặp một người”.

Hỏi: “Hành (đi) như thế nào?”

Tô Sơn: “Chính phải dưới chân không tư riêng”.

Hỏi : “Chỉ như chõ hành điểu đạo, chẳng phải ấy là bốn lai diện mục (08) đó sao ?”

Tô Sơn rằng: “Thầy Xà Lê nhân sao điên đảo quá lắm?”

Hỏi: “Chỗ nào là điên đảo của kẻ học nhân?”

Tô Sơn rằng: “Nếu không điên đảo, vì sao lại nhận tôi tớ làm chồng?”

Hỏi: “Như thế nào là bốn lai diệu mục?”

Tô Sơn nói: “Chẳng hành điệu đạo”.

Ngài Đơn Hà tụng rằng:

*“Lối cổ tiêu nhiên dựa thái hư
Néo nhiệm còn như trải gập gènh
Chẳng lên điệu đạo tuy là diệu
Kiểm điểm về sau đã dụng đường”.*

(Cố lộ tiêu nhiên ý thái hư
Hành huyền du thị thiệp kỳ khu
Bất đăng điệu đạo tuy vi diệu
Kiểm điểm tương lai dĩ xúc đờ).

Ôi! Điệu đạo sâu xa nhỏ nhiệm đến thế, gần với chuyển công thành đạo mà môn hạ phái Động Sơn còn cho là điên đảo, huống là cái thấy nghe (kiến văn) rõ ràng còn dấu vết thô thiển mà lại cho là chẳng sanh diệt, thì sao đủ để đối sánh với cái Bồ Đề vô thượng ư?

Kinh: Khi ấy, Ông Anan cùng cả đại chúng sững sót nhìn Phật, mắt chẳng chớp nháy, chẳng biết thân tâm chỗ nào điên đảo.

Phật phát lòng Từ Bi, thương xót Anan và đại chúng, phát tiếng hải triều, bảo khắp trong hội: “Các trai lành, Ta thường dạy rằng: Sắc tâm, các duyên và các tâm sở, các pháp sở duyên đều duy tâm mà hiện. Thân ông, tâm ông đều là những vật hiện ra ở trong cái Diệu Tâm Mầu Sáng Thuần Chân. Tại sao các ông bỏ mất cái tâm tánh vốn nhiệm mầu, tròn sáng, quý báu để nhận lấy mê lầm trong cái vốn đã giác ngộ?

“Mê muội thành có hư không. Trong hư không mê muội ấy, kết cái tối ám thành sắc, sắc xen lẫn vọng tưởng ra hình tướng làm thân. Nhóm các duyên dao động bên trong, rong ruổi theo bên ngoài, rồi lấy cái tướng mù mịt lăng xăng đó làm tâm tánh. Một phen mê lầm cái tướng ấy làm tâm thì đưa tới cái lầm quyết định là tâm ở trong sắc thân, mà chẳng biết rằng cái sắc thân cho đến núi sông, hư không, đất đai bên ngoài, hết thảy đều là vật hiện trong cái Diệu Minh Chân Tâm này.

Thông rằng: Thân Ông là tướng phàn, Tâm Ông là kiến phàn. Tướng phàn gồm cả căn, trần, các pháp sở duyên, núi sông, đất đai, sáng tối, sắc không cả thảy. Kiến phàn gồm tám thức và năm mươi mốt tâm sở, thiện ác nghiệp hành, tà chánh, nhân quả hết thảy. Cả tướng phàn và kiến phàn đều ở trong Như Lai Tạng lưu xuất, nên nói “*Duy Tâm mà hiện ra*”. Cái Tâm này vốn nhiệm mầu, chẳng nhờ tu tập. Làm sao thấy được cái Vốn Diệu đó?

Nói về Thể, thì gọi là Viên Diệu Minh Tâm. Từ cái mầu đẹp (Diệu) khởi ra cái Sáng soi (Minh), nên gọi là Trọn Vẹn (Viên).

Nói về Dụng, thì gọi là Bảo Minh Diệu Tánh. Tức là ngay nơi Sáng soi (Minh) mà Màu Đẹp (Diệu), nên gọi là Quý Báu (Bảo).

Màu Đẹp mà Sáng Soi, Sáng Soi mà Màu Đẹp, không dấu vết nhiễm ô, tức là Đại Viên Cảnh Trí. Tất cả tướng phàn, kiến phàn đều là bóng hiện ra trong cái gương Đại Viên Cảnh Trí ấy. Nay bỏ quên cái Vốn Diệu ấy (Chân Tâm) mà nhận thấy, nghe (tâm thức) thì cũng như bỏ cái gương vốn có mà nhận bóng huyền trong gương. Tuy là có biết đó mà kỳ thật là biết ở trong mê, cho nên nói mê trong ngộ.

Từ chõ “Nhận mê trong ngộ...” cho đến “Rồi lấy cái tướng mờ mịt lăng xăng làm tâm tánh”, phải đọc một hơi mới được.

Mê cái Tánh Diệu Minh mà thành vô minh. Do cái vô minh (09) này mà thành ra cái ngoan không, nên nói “Mê muội thành hư không”. Cái sở biến là ngoan không và cái năng biến là vô minh, cả hai hòa hiệp, biến ra tứ đại để làm cái ngoại sắc của Y báo (10). Lấy cái sắc của bốn đại xen lẫn với vọng tưởng của tâm biến ra nội sắc của Chánh báo (11) chúng sanh.

Tướng là vọng tưởng; *tướng* là vọng sắc. *Tướng* *tướng* làm thân thì kiến phàn và tướng phàn đều đầy đủ, tức là Thức Thứ Tám. “Nhóm các duyên dao động bên trong” tức là Thức Thứ Bảy. “Rong ruổi theo cảnh ngoài” tức là Thức Thứ Sáu. Lấy cái vô minh này biến ra cái *Tướng* mờ mịt lăng xăng lẫn

với duyên trần, rồi nhận cái đó làm tự tâm, há chẳng mê muội sao?

Cái Chân Tâm Diệu Minh tức là Pháp Thân trong sạch dọc suốt ba té (12), ngang khắp mười phương chứ đâu phải ràng buộc trong thân sao? Còn cái thấy, nghe này thì rời mắt ắt không thấy, xa tai thì chẳng nghe; lấy nó làm tâm, đó là cái làm quyết định cho tâm ở trong sắc thân. Đâu có biết rằng cái sắc thân này cho đến những thứ bên ngoài như núi sông, đất đai đều là những vật ở trong cái Chân Tâm Diệu Minh này. Như bóng dáng trùng trùng cũng đều là ảnh trong gương. Cho nên, nhận ra gương, là ngộ ở trong ngộ, gọi là Chánh Biến Tri. Còn nhận lấy bóng, tức là mê trong ngộ, gọi là tánh điên đảo.

Tổ Trưởng Sa nói rằng: “Nếu ta cứ một mực nêu cao Thiền thì trong pháp đường cỏ sẽ lên cao cả thước! Cực chẳng đã mà nói với các ông: Cùng khắp mười phương thế giới là con mắt của Sa môn! Cùng khắp mười phương thế giới là toàn thân của Sa môn! Cùng khắp mười phương thế giới là quang minh của *chính mình*! Cùng khắp mười phương thế giới không ai chẳng phải là *chính mình*. Ta thường nói với các ông: Ba đời Chư Phật, pháp giới, chúng sanh là cái ánh sáng của Ma Ha Bát Nhã. Khi ánh sáng chưa phát ra, hết thảy các ông hướng về chỗ nào mà rõ biết? Ánh sáng chưa phát còn không có bóng dáng Phật và chúng sanh, thì chỗ nào có được núi sông, quốc độ này đây?”

Khi đó, có nhà sư hỏi: “Như thế nào là con mắt của Sa môn?”

Tổ Sa rằng: “Mút mắt, ra chặng khỏi”.

Lại nói: “Thành Phật, thành Tổ ra chặng khỏi! Sáu nẻo luân hồi ra chặng khỏi!”

Nhà sư rằng: “Chưa rõ cái gì ra chặng khỏi?”

Tổ Sa rằng: “Ngày thấy mặt trời, đêm thấy sao”.

Hỏi: “Học nhân chặng hiểu”.

Tổ Sa rằng: “Núi Cao Sơn (13) xanh lại càng xanh”.

Hãy nói là lời này của Tổ Trưởng Sa là chỉ cái Thức Tinh Nguyên Minh (14) hay là cái Bảo Minh Diệu Tánh? Hãy phân biệt rõ ràng xem!

Kinh: “Ví như bỏ cả trăm ngàn biển lớn trong lặng, chỉ nhận một cái bọt nước mà cho nó là toàn thể cả nước, cùng hết các biển lớn. Các ông là những kẻ mê lầm nhiều lớp, như cánh tay Ta buông xuống không khác gì. Như Lai gọi là đáng thương xót đó.

Thông rằng: Biết *Cái thấy sông* thật chặng sanh diệt, hình như thuộc về ngộ, nhưng chấp *cái thấy sông* này là ở trong sắc thân thì đó là mê trong ngộ. Cũng như bỏ biển cả mà nhận lấy bọt nước đã là mê, lại còn cho rằng bọt nước là toàn thể biển cả thì chặng phải là mê trong mê hay sao?

Bỏ mắt Chân Tánh mà nhận lấy cái thấy-nghe đã là mê, lại cho rằng cái thấy-nghe là cái tánh chặng sanh diệt, chặng phải là mê trong mê sao? Chặng ngộ mà mê, thì chỉ một lớp

mê. Còn ngộ mà trong mê thì cái tình chấp lại càng sâu dày lắm, chẳng phải là chồng thêm nhiều lớp mê sao?

“Như cánh tay Ta buông xuống”, cái thấy của ông có phân biệt, đã là điên đảo. Huống là đầu đuôi đổi nhau, xuôi ngược làm lẩn thì há chẳng phải là điên đảo gấp bội sao? Đã ở trong điên đảo mà còn hỏi “Sao Đức Thế Tôn lại bảo chúng tôi là điên đảo?”, là điên đảo ở trong cái điên đảo vậy. Đó là cái mê ở trong mê vậy! Nên mới nói “Các ông là những người mê lắm nhiều lớp”.

Ngài Quốc sư Kính Sơn Khâm đang ngồi với Quốc sư Huệ Trung ở nội đình (15), thấy vua ngự đến, Ngài đứng dậy.

Vua nói: “Thầy sao lại đứng dậy?”

Ngài nói: “Đàn việt đâu có thể hướng vào bốn oai nghi mà thấy bần đạo”.

Vua vui lòng.

Lại vua Túc Tông hỏi Ngài Huệ Trung Quốc sư: “Ngài ở Tào Khê được pháp gì?”

Ngài đáp: “Bệ hạ có thấy một mảnh mây trong hư không chẳng?”

Vua đáp: “Thấy”.

Ngài đáp rằng: “Đóng đinh vào đó. Treo dính lên đó”.

Vua lại hỏi: “Thế nào là mười Thân của Phật?”

Ngài bèn đứng thẳng lên mà rằng: “Am hiểu chẳng?”

Vua nói: “Không hiểu”.

Ngài nói rằng: “Đưa qua đây cho lão tăng cái tịnh bình”.

Vua lại hỏi: “Thế nào là Vô Tránh (không tranh cãi) Tam Muội?”

Ngài nói: “Đàn việt nhảy lên đỉnh Tỳ Lô mà đi”.

Vua hỏi: “Ý ấy thế nào?”

Ngài nói: “Chớ nhận Pháp Thân trong sạch của chính mình (tự kỷ)”.

Vua lại hỏi mà Ngài đều chẳng nhìn đến. Vua nói: “Trẫm là vua nước Đại Đường, Thầy sao lại chẳng nhìn đến?”

Ngài nói: “Vua có thấy hư không chẳng?”

Vua đáp: “Thấy”.

Ngài nói: “Hư không ấy có chớp mắt nhìn Bệ hạ không?”

Xem chõ chỉ bày của hai Ngài, một vị thì lấy “Sự chẳng thể hướng vào bốn oai nghi mà thấy bần đạo”, một vị thì lấy “Cái hư không có chớp mắt nhìn Bệ hạ chẳng?”, thật đâu có hề làm là ở trong sắc thân. Cái thấy này với *cái thấy sông* cách nhau như trời khác đất. Đáng cùng với Ông Tu Bồ Đề thấy Pháp Thân Phật, đồng gọi là Chánh Biến Tri. Tóm lại, lấy niệm làm tri thì tâm chẳng khắp.

Ngài Mã Minh dạy: “Nếu cái tâm có động thì chẳng phải là cái biết chân thật. Cái tướng động đó là niệm khởi lên làm

ngăn ngại vậy. Lìa tất cả các niệm ngăn ngại thì cái biết bèn cùng khắp”

IX. LỰA BỎ TÂM PHAN DUYÊN ĐỂ CHỈ TÁNH THÁY KHÔNG THỂ TRẢ VỀ ĐÂU

Kinh: Ông Anan vâng nghe lời Phật từ bi cứu độ dạy bảo, khóc lóc khoanh tay bạch Phật rằng: “Tuy tôi vâng nghe diệu âm của Phật như vậy, ngộ được cái Tâm Nguyên Diệu Minh là cái Tâm Địa tròn đầy thường trụ, nhưng tôi ngộ được pháp âm Phật vừa nói, là tôi hiện lấy tâm phan duyên mà thỏa mãn chồ ước mong. Được tâm ấy một cách mơ hồ, chưa dám nhận là Tâm Địa xưa nay. Mong Phật thương xót, tuyên lời viên âm, nhổ gốc rễ nghi ngờ cho tôi để được trở về đạo vô thượng”.

Phật bảo Ông Anan: “Các ông còn lấy tâm phan duyên để nghe pháp thì cái pháp đó cũng là cái được duyên, chẳng phải được Pháp tánh. Ví như có người lấy ngón tay chỉ mặt trăng cho người kia, thì người kia phải nhận ngón tay mà thấy mặt trăng. Chứ nếu người kia nhìn ngón tay mà cho đó là cái thể của mặt trăng, thì không những bỏ mất mặt trăng mà cũng bỏ mất cả ngón tay nữa. Tại sao thế? Vì lấy ngón tay chỉ mặt trăng mà làm mặt trăng vậy. Chẳng những bỏ mất ngón tay mà lại cũng không biết đâu là sáng và tối. Vì sao thế? Vì lấy cái thể của ngón tay làm tánh sáng của mặt trăng, không biết hai tánh sáng, tối. Ông cũng như vậy đó”.

Thông rằng: Ông Anan ngộ được cái Tâm Nguyên mâu sáng tròn đầy vốn chẳng phải là duyên. Tâm Địa thường trụ vốn là Ông Chủ vậy. Nhưng nay nhìn Phật, nghe Pháp, là còn

thuộc vọng tâm phan duyên, chưa biết cái Tâm Địa Bồn Nguyên do đâu mà rõ biết? Nói tức là cái này, thì không dám. Nói lìa cái này mà có thì hiện ở đâu? Đức Phật sắp phá cái sai lầm của tâm phan duyên, nên trước chỉ bày rằng cái Pháp đang nói ra cũng chỉ là cái sở duyên, bởi thế Phật dạy “Cái pháp đang được ông nghe đó cũng chỉ là sở duyên, chớ chẳng phải được Pháp tánh”. Pháp bày ra là để thấy tánh, thấy được tánh thì pháp không còn chỗ dùng. Kinh Kim Cang nói: “Ví như cái bè. Pháp còn nên bỏ huống là chẳng phải pháp”. Ở đây lại lấy ví dụ ngón tay chỉ mặt trăng, thấy được mặt trăng thì bỏ quên ngón tay đi vậy. Các bậc Cồ đức dẫn dụ phần nhiều tương hợp với chỗ này.

Có câu:

*Trong bóng mây màu người tiên hiện
 Tay cầm quạt hồng-la che mặt
 Càn gấp đưa mắt xem người tiên
 Chớ nhìn cây quạt trong tay tiên.*

Lại còn nói:

*Một thỏ phi thân ngang lối xưa
 Ưng xanh vừa thấy liền bắt sống
 Đến sau chó săn không linh tính
 Chỉ hướng cây khô chỗ cũ tìm.*

Ông Tô Đông Pha có bài văn: “Có một người mù hỏi hình thế mặt trời ra sao? Người kia lấy cái mâm đồng mà chỉ cho, người mù gõ lên nghe có tiếng. Ngày khác, nghe tiếng chuông cho đó là mặt trời!”

Có vị tăng hỏi Tô Pháp Nhã: “Ngón tay thì chẳng hỏi, thế nào là mặt trăng?”

Tô Nhã nói: “Ngón tay mà ông chẳng hỏi đó, là cái gì thế?”

Lại có vị tăng hỏi: “Mặt trăng thì chẳng hỏi, thế nào là ngón tay?”

Tô Nhã đáp: “Mặt trăng”.

Vị tăng nói: “Kẻ học nhân hỏi ngón tay, Hòa Thượng vì sao lại trả lời mặt trăng?”

Tô Nhã nói: “Vì ông hỏi ngón tay”.

Nếu rõ được gia phong (17) của Pháp Nhã tức thì ngón tay, mặt trăng bày rõ. Chẳng thế, thì ngay mặt lại làm qua.

Kinh: ‘Nếu lấy cái phân biệt pháp âm của Ta mà làm tâm của ông, thì cái tâm ấy phải rời sự phân biệt tiếng nói mà tự nó có tánh phân biệt. Ví như người khách ngủ trọ quán trạm, ở tạm rồi đi, chẳng thể thường trú mãi. Còn người chủ trạm thì không đi đâu cả, mới gọi là chủ trạm. Ở đây cũng thế, nếu thật là Tâm của ông thì chẳng đi đâu cả.

Thông rằng: Pháp âm đang nói là cái sở duyên. Chỗ sở duyên ấy, không thể chấp lấy làm chân. Cái phân biệt pháp âm là cái năng duyên. Cái năng duyên đó há lại có thể y vào nó mà cho là chân? Ngay khi cái tâm và cái tiếng gắp nhau, thì có sự phân biệt rõ ràng, nhưng cái phân biệt đó cũng chỉ tạm thời, giống như người khách. Đến khi cái tâm và cái tiếng rời nhau ra, cái phân biệt mất hết, nhưng cái tánh phân biệt không mất.

Tánh này chẳng bởi nghe pháp mà có, chẳng bởi không nghe pháp mà thành không, nên gọi là chủ nhân. Nơi chỗ này thấy được, mới gọi là thấy tánh. Nếu chấp lấy cái tâm phan duyên nghe pháp làm tự tánh, thì cũng giống như nhận khách làm ông chủ vậy.

Thầy Đại Diên (18) ban đầu tham học với Tô Thạch Đầu.

Tô hỏi: “Cái gì là tâm ông?

Thầy Đại Diên nói: “Thấy ngôn ngữ là đó”.

Tô Đầu bèn hét đuổi ra.

Qua một tuần, thầy Đại Diên bèn hỏi: “Cái trước đã chẳng phải, trừ cái ấy, ngoài ra cái gì là tâm?”

Tô Đầu nói: “Dẹp hết nhường mày chớp mắt, đem tâm lại đây!”

Thầy Diên nói: “Không có tâm có thể đem lại được”.

Tô Đầu rắng: “Xưa nay là có tâm, sao nói không tâm? Không tâm cũng như báng pháp!”

Thầy Đại Diên nghe xong đại ngộ.

Một hôm, đứng hầu Ngài Thạch Đầu, Tô hỏi: “Ông là tăng tham thiền hay là tăng tu tịnh nghiệp (Tịnh Độ) của Châu, Huyện?”

Đại Diên: “Là tăng tham thiền”.

Tô Đầu: “Cái gì là thiền?”

Đại ĐIÊN: “Nhường mày, chớp mắt”.

TÔ ĐẦU: “Dẹp hết nhường mày chớp mắt, đem cái bốn lai
diện mục của ông trình ra xem!”

ĐẠI ĐIÊN: “Xin HÒA THƯỢNG dẹp hết nhường mày chớp
mắt ra ngoài để soi xét”.

TÔ ĐẦU: “Ta dẹp rồi”.

ĐẠI ĐIÊN: “Đem trình ra rồi vậy”.

TÔ ĐẦU: “Ông đã đem trình, tâm ta thì sao?”

ĐẠI ĐIÊN: “Chẳng khác HÒA THƯỢNG”.

TÔ ĐẦU: “Chẳng liên quan việc ông”.

ĐẠI ĐIÊN: “Vốn không vật”.

TÔ ĐẦU: “Ông cũng không vật”.

ĐẠI ĐIÊN: “Đã không vật tức là”.

TÔ ĐẦU: “Chơn vật là Bất Khả Đắc, tâm ông thấy như vậy
phải rất hộ trì”.

Cha con Thạch ĐẦU mấy phen lật qua, lật lại biện xét cốt
để thẩm định Chơn Tâm, vốn là vô sở đắc, gọi là Chơn Chủ
Nhân.

Kinh: “Tại sao lìa tiếng lại không có tánh phân biệt? Nói
như thế chẳng những đối với tâm phân biệt các tiếng, mà cái
phân biệt hình dung của Ta nếu rời các sắc tướng cũng không
có tánh phân biệt.

“Như vậy cho đến mọi phân biệt đều không có, chẳng phải sắc, chẳng phải không, mà nhóm Câu Xá Ly mê làm cho là Minh Đế, thì rời các pháp duyên cũng không có tánh phân biệt. Như vậy, tâm tánh của ông mỗi mỗi đều có chỗ trả về, làm sao làm chủ?

Thông rằng: Phân biệt âm thanh, phân biệt sắc, hương, vị, xúc, các trần đều là bóng dáng phân biệt tiền trần. Tại sao lìa các tiền trần liền chẳng có tự tánh phân biệt? Dù cho diệt hết tất cả thấy, nghe, hay, biết cho đến phân biệt cũng không còn, ở trong giữ lấy cái Không-Không u nhàn, chẳng phải sắc, chẳng phải không mà ngoại đạo chấp lấy làm Minh Đế thì cũng mới chỉ là rời cảnh chứ chưa rời pháp, vẫn còn là bóng dáng phân biệt pháp trần.

Tại sao lại rời pháp duyên thì không có tự tánh phân biệt? Nhờ tiền trần mà có thì rời tiền trần bèn không. Nhờ pháp trần mà có, thì rời pháp trần bèn không có. Cái tánh phân biệt này, mỗi mỗi đều có chỗ trả về, làm sao làm ông chủ? Một cái động (phân biệt tiền trần), một cái tĩnh (phân biệt pháp trần) đều thuộc về bóng trong gương: bóng có chỗ trả về, gương thì chẳng có trả về đâu hết. Một lần đến, một lần đi đều thuộc về khách. Khách có về, chủ không có chỗ về. Không nhận gương mà nhận bóng, không nhận chủ mà nhận làm khách thì tâm tánh của ông cũng đồng với đoạn diệt, lấy gì làm chân tâm thường trú?

Tổ Đại Diên thượng đường dạy rằng: “Phàm là người học đạo, cần phải biết cái bốn tâm của nhà mình. Thường thấy kẻ

học đạo đời nay chỉ lấy nhúóng mày, nháy mắt, môt nói môt nín rồi tự ấn khả mà cho là tâm yếu, như vậy thật là chưa rõ. Nay ta vì các ông mà nói ra rõ ràng, mỗi người nên nghe lãnh: chỉ dẹp trừ hết thảy hiện lượng tưởng niệm vọng động, đó tức là chân tâm. Cái tâm này dầu với trần cảnh hay khi giữ vắng lặng, tuyệt không có giao thiệp, dính dáng gì. Tức tâm là Phật, chẳng đợi tu hành, sửa chữa. Tại sao thế? Ứng cơ tùy chiếu, an nhiên tự dùng. Cùng tột chõ dùng vốn bất khả đắc. Gọi đó là diệu dụng, ngay ấy là bốn tâm, phải rất hộ trì, không thể dễ dãi”.

Tô Đại Diên chỉ ra rõ ràng ông chơn chủ, tiết lộ quá nhiều! Do đây có thể biết là Chơn Tâm cách biệt hẳn với Minh Đế của ngoại đạo.

Phái Số Luận phân tích vũ trụ gồm hai mươi lăm Đế, trừ Minh Đế là chẳng phải sắc, chẳng phải không, chẳng phải tâm, còn lại đều chẳng ra ngoài sắc, không và tâm.

Giác Đế Ngã Tâm, năm Tri Căn, năm Tác Nghiệp Căn, Tâm Bình Đẳng Căn cho đến Thần Ngã thuộc về Tâm. Năm Trần, năm Đại thuộc về Sắc. Không Đại thuộc về Không.

Cái Đế đầu tiên hết gọi là Minh Tánh, suy nghĩ cho là thường tồn. Cái Đế thứ hai mươi lăm gọi là Thần Ngã cũng cho là thường. Thần Ngã suy nghĩ về Thánh cảnh của mình thì Minh Tánh bèn biến đổi thành hai mươi ba Đế còn lại để cho Thần Ngã dùng. Chỗ mà Ngã thọ dụng, thì bị cảnh trói buộc, chẳng được giải thoát. Nếu Ngã chẳng suy nghĩ thì Minh Đế

chẳng biến tức không trói buộc, cái Ngã bèn giải thoát. Đây là tông chỉ của phái này.

Ông Cáo Tử dạy rằng: “Chẳng được nơi lời thì chớ cầu nơi Tâm. Chẳng được nơi Tâm, chớ cầu nơi Khí”, rõ là một lối với Minh Đế, có người nói đó là Thiền, thật là làm to!

Kinh: Ông Anan thưa: “Nếu cái tâm tánh của tôi mỗi mỗi đều có chỗ trả về, thì cái Diệu Minh Nguyên Tâm mà Như Lai nói đó sao lại không trả về? Xin Phật thương xót chỉ bảo cho tôi điều ấy”.

Phật bảo Ông Anan: “Hãy lấy cái Kiến Tinh Minh Nguyên (19) của ông thấy tôi đây. Tuy cái thấy này không phải là cái Minh Tâm Diệu Tinh (20), nhưng nó như mặt trăng thứ hai, chứ chẳng phải là bóng của mặt trăng (trên mặt nước). Ông nên nghe kỹ, nay Ta chỉ cho ông cái nghĩa không thể trả về.

“Này Ông Anan, cái đại giảng đường này mở rộng về phương Đông, khi mặt trời lên thì sáng, nửa đêm không trăng, mây mù mờ mịt thì lại tối tăm. Chỗ có các cửa thì thấy thông suốt, chỗ có tường nhà thì thấy ngăn bít. Chỗ phân biệt được thì thấy cảnh sắc duyên. Chỗ trống rỗng toàn là hư không. Khi bụi nổi lên thì cảnh tượng mù mịt. Mưa tạnh trời quang lại thấy trong sạch.

“Này Ông Anan, ông đều xem rõ các tướng biến hóa ấy. Nay ta trả mỗi thứ về chỗ bản nhân của chúng. Thế nào là bản nhân? Ông Anan, các thứ biến hóa này: cái sáng trả về cho mặt trời. Vì sao thế? Vì không mặt trời thì không sáng, ánh sáng

thuộc về mặt trời, nên trả về cho mặt trời. Cái tối trả về cho đêm không trăng. Thông suốt trả về cho các cửa. Ngăn bít trả về cho tường vách. Sắc duyên trả về cho phân biệt. Trống rỗng trả về cho hư không. Mù mịt trả về cho bụi bặm, trong sáng trả về cho trời tạnh. Tất cả những sự vật gì trong thế gian đều không ra ngoài những loại ấy.

“Còn cái thấy (Kiến Tinh Minh Tánh) của ông thấy tám thứ kia thì ông định trả về đâu? Tại sao thế? Nếu trả nó về cho cái sáng, thì lúc không sáng chẳng thể thấy tối. Tuy là sáng tối các thứ có sai biệt, còn cái thấy không có sai biệt.

“Các thứ có thể trả về, tự nhiên chẳng phải là ông, còn cái không trả về được, không phải chính ông thì là ai? Thế mới biết rằng tâm ông vốn nhiệm màu, sáng sạch, ông tự mê muội bỏ mắt bốn tánh mà chịu luân hồi sanh tử, thường bị chìm đắm. Thế nên Như Lai gọi là đáng thương xót!”.

Thông rằng: Cái Thấy phân biệt duyên tràn với cái Kiến Tinh Minh Nguyên khác nhau ở chỗ năng, sở. Cái Kiến Tinh Minh Nguyên đối với cái Minh Tâm Diệu Tinh phân ra ở chỗ thể, dụng. Bởi thế, cái Minh Tâm Diệu Tinh như mặt trăng thật, cái Kiến Tinh Minh Nguyên như mặt trăng thứ hai (do đè lên mắt mà thấy), còn cái thấy phân biệt duyên tràn như bóng mặt trăng trong nước.

Trong hư không, nói cho cùng chỉ có tám thứ: sáng, tối, thông, bít... tối, lui, nên nói “Không ngoài các thứ ấy”. Cũng phảng phất tương tự như Bát Quái: trong sáng và mù mịt là tượng của Càn Khôn. Ngày sáng, đêm tối là tượng của Khảm,

Ly. Thông, bít là tượng của Cân, Đoài. Sự phân biệt thuộc động, tượng của Chán. Tánh hư không tựa gió, nên là tượng của Tốn vậy.

Còn nơi tâm người thì “*thông, bít*” gồm đủ cả mê, ngộ. “*Duyên, sắc, hư không*” đủ cả hữu, vô. Đục, trong gồm đủ cả thế trần và giác ngộ. Sáng, tối đủ cả thánh, phàm. Tất cả đều là cảnh. Cảnh thì có sai biệt, cái thấy không có sai biệt. Có sai biệt thì có chỗ trả về, còn không sai biệt thì vốn tự bất động. Các thứ có thể trả về là cảnh, là vật, chẳng phải là ông. Cái “*Tự ông*” chẳng thể trả về cho vật là cái thấy, chẳng phải vật, đó là cái Chơn Kiến Tinh của ông vậy. Có thể trả về gọi là khách, không trả về đâu được là chủ. Cái Kiến Tinh Minh Nguyên đã là như vậy, huống gì là cái Chơn Tâm vốn nhiệm màu, sáng sạch không rơi vào cái thấy, là *Ông Chủ ở trong Ông Chủ*. Ông Chủ trong Ông Chủ là cái căn bản chẳng sanh chẳng diệt, người người đều sẫn đủ, chẳng ở ngoài đến. Chẳng tự mình làm Ông Chủ, lưu lạc làm khách là cũng bởi không nhận ra mặt trăng thật, mà lại nhận bóng mặt trăng trong nước làm tự tâm, làm sao khỏi đắm chìm sanh tử?

Có vị tăng hỏi Tồ Tào Sơn: “Cỗ đức nói “Hết cả đại địa độc chỉ có một người này”, chưa biết là người nào?”

Tồ Sơn nói: “Chẳng thể có mặt trăng thứ hai”.

Hỏi: “Như thế nào là mặt trăng thứ hai?”

Tồ Sơn nói: “Cái đó cần lão huynh định lấy!”

Hỏi: “Thế sao là mặt trăng thứ nhất?”

Tổ Sơn nói: “Nguy!”

Một chữ *Nguy* này đủ thấy Tổ Tào Sơn chẳng dám bỏ mất Tánh Bổn Nhiên mà chịu luân hồi, chõi tối thân thiết vậy.

Thầy Báo Từ Văn Toại thường nghiên cứu Thủ Lăng Nghiêm, ra mắt Tổ Pháp Nhã, kể lại chõi sinh sống của mình rất phù hợp với ý chỉ của kinh. Tổ Nhã rằng: “Kinh Lăng Nghiêm há chẳng có cái nghĩa “*Tám chõi trả về*” ư?”

Sư Toại đáp: “Đã, có”.

Tổ hỏi: “Cái sáng trả về cái gì?”

Đáp: “Sáng trả về mặt trời”.

Tổ hỏi : “Mặt trời trả về cái gì?”

Sư Toại ngẩn ngơ, không đáp được. Từ đó, khâm phục Tổ mà cầu học.

Thế mới biết cái chuyện Ông Chủ trong Ông Chủ chẳng phải là chõi mà Chủ, Sớ đến được.

Ngài Đoan Sư Tử tụng rằng:

“*Giáo pháp Bát Hoàn có đã lâu
Từ xưa chư Tổ mỗi phanh phui
Đầu chi hoàn được không hoàn được
Ấy cũng súc tôm chẳng khỏi thau*”.

(Bát Hoàn chi giáo thùy lai cửu
Tự cổ tông sư các phân phẫu

Trực nhiên hoàn đắc bất hoàn thời
Dã thị hà khiên bất xuất đầu).

X. LỰA RIÊNG TRẦN CẢNH ĐỂ NÊU RA TÁNH THÁY

Kinh: Ông Anan bạch: “Tuy tôi biết Tánh Thầy ấy không thể trả về đâu, nhưng làm sao biết được đó là Chân Tánh của tôi?”

Phật bảo Ông Anan: “Nay tôi hỏi ông: hiện ông chưa được đạo quả vô lậu thanh tịnh, nhờ thần lực của Phật mới thấy cõi Sơ Thiền không chướng ngại. Ông A Na Luật thì thấy cõi Diêm Phù Đề như xem quả Am Ma La trong bàn tay. Các vị Bồ Tát thấy trăm ngàn cõi. Mười phương Như Lai thì cùng tột các quốc độ thanh tịnh nhiều như vi trần, không chỗ nào không thấy. Còn chúng sanh thì thấy rõ được không quá gang tấc.

“Anan, nay tôi cùng ông hãy xem cung điện của Tứ Thiên Vương, chặng giữa xem khắp các loài Thủy, Lục, Không, Hành. Tuy có nhiều hình tượng sáng tối khác nhau, nhưng không có cái gì không phải là tiền trần phân biệt ngăn ngại. Ông hãy ở đó, phân biệt mình, vật. Nay tôi để ông lựa chọn trong sự thấy đó: cái gì là ngã thế (tự tánh) của ông, cái gì là hình tướng của vật?

“Anan, cùng tột sức thấy của ông, từ mặt trời, mặt trăng đều là vật chứ chẳng phải ông, cho đến bảy núi Kim Sơn, xem xét cùng khắp tuy có những thứ ánh sáng nhưng cũng là vật chớ không phải ông. Lần lần xem đến: mây kéo, chim bay, gió

động, bụi nỗi, cây cối, núi sông, cỏ rác, người vật đều là vật chứ không phải là ông.

“Anan, các vật xa gần đó tuy sai khác nhau nhưng đồng do cái thấy (kiến tinh) trong sạch của ông trông thấy, thì các vật đó tuy có sai khác mà tánh thấy không sai khác. Cái Tinh Diệu Minh này thật là tánh thấy của ông”.

Thông rằng: Ban đầu, Ông Anan hỏi cái Nguyên Tâm Diệu Minh tại sao không trả về. Đức Phật thấy cái chân tâm ấy không dấu vết, khó mà chỉ bày nên nương vào cái Kiến Tinh Minh Nguyên mà phương tiện chỉ bày. Cái Kiến Tinh rất gần với chân tâm, như mặt trăng thứ hai rất gần với mặt trăng thật. Nhưng cái thấy này cũng là vọng, cũng cần phải trả về, chỉ có mặt trăng thật ví dụ cho chân tánh là không thể trả về.

Văn sau có nói “Khi thấy mà có tướng thấy, cái thấy này không phải là cái thấy chân thật”. Thì há không phải cái thấy này cũng có thể trả về hay sao? Ông Anan tuy biết cái Kiến Tinh không trả về, đã ngộ được cái nghĩa mặt trăng thứ hai, lại hỏi “Làm sao biết được đó là chân tánh của tôi?”, đó là muốn nghiêm xét cái nghĩa mặt trăng thứ nhất, cái tánh không thể trả về này hiện phải có phương tiện nào để khiến ta tự biết, tự tin vậy. Phật vẫn dùng cái Kiến Tinh mà phân tách, chỉ bày: cái bị thấy là vật, cái thấy là ông. Vật có sai khác, cái thấy không sai khác. Không sai khác là Kiến Tinh, cái thấy.

Nói “Trông thấy trong sạch”, là vì tuy nhờ sắc cẩn trong sạch là con mắt để thấy bốn đại, nhưng cũng do tánh thể trong sạch xưa nay phát khởi, không do tạo tác nên tự màu đẹp

(Diệu) mà sáng soi (Minh), gọi là tánh thấy. Cái thấy (Kiến Tinh) đã là chân kiến của ông thì cái tánh thấy chẳng phải là chân tánh của ông sao? Cho nên nói “Cái Tinh Diệu Minh này thật là tánh thấy của ông”.

Vốn là tánh thì chỉ có Một. Nhưng cái mức trong sạch của sự thấy thì chẳng bằng nhau, tức là do thấu cùng cái tánh hay chẳng thấu cùng cái tánh mà có sai khác.

Phật nhẫn thì cùng tột mười phương quốc độ trong sạch của Như Lai nhiều như vi trần, không chỗ nào là không thấy. Pháp nhẫn là con mắt của chư Bồ Tát thì thấy trăm ngàn thế giới. Huệ nhẫn là như ông Tu Bồ Đề thấy Pháp thân Phật. Thiên nhẫn, như Ông A Na Luật thấy cõi Diêm Phù Đề như thấy trái Am Ma La trong bàn tay. Nhục nhẫn, là chúng sanh thì thấy không quá gang tấc. Ông Anan chưa được thanh tịnh vô lậu, nhưng nhờ thần lực của Phật nên thấy cõi Sơ Thiền, đó là nhục nhẫn mà được thiên nhẫn. Chỗ thấy của năm loại nhẫn chẳng đồng, nhưng cái thấy thì không hai, nên mới nói là “Không sai khác”. Hắn là phải đến Phật nhẫn mới thấu cùng các cõi như vi trần, mới tròn đủ cái dụng của tánh thấy.

Có nhà sư hỏi Tố Vân Môn: “Như thế nào là Tố Sư Tây lai ý?”

Tố đáp: “Suốt ngày xem núi”.

Ngài Đầu Tử tung rẳng:

“*Thản nhiên tăng hỏi lão sư yên
Dường đặng Thiều Dương một câu truyền*

*Suốt ngày xem núi, tay tiên lộ.
Đêm khuya vượn hú, nguyệt ngoài hiên”.*

Hãy nói “*Suốt ngày xem núi*” là chỉ cái thấy hay chỉ tánh thấy, đối cùng “*Tổ Sư Tây lai ý*” hiểu thế nào đây?

Ngài Văn Cư Trí nói rằng: “Cái tánh trong sạch xưa nay trong lặng, chẳng có một chút động lay, không thuộc hữu, vô, lià ngoài năm, bở, tánh thế làu làu, vốn tự như nhiên. Thấy rõ ràng như vậy, mới gọi là thấy tánh (kiến tánh). Tánh tức Phật, Phật tức Tánh nên nói là “*Kiến Tánh thành Phật*”.

Hỏi: “Tánh vốn trong sạch, chẳng thuộc hữu, vô sao lại còn có thấy?”

Đáp: “Thấy không chổ thấy”.

Hỏi: “Đã không có chổ thấy, sao lại còn có tánh?”

Đáp: “Kiến Xứ (chỗ thấy) cũng không”.

Hỏi: “Như vậy thì khi thấy là ai thấy?”

Đáp: “Không người để thấy”.

Hỏi: “Rốt cùng thì như thế nào?”

Đáp: “Tính toán hư vọng mà cho là có, liền có năng, sở: bèn mang tiếng là mê. Theo cái thấy hư vọng đó sanh chuyện hiểu biết, liền đọa sanh tử. Người thấy biết rõ ràng thì chẳng có vây. Suốt ngày thấy mà chưa hề thấy. Tìm cầu danh, xứ, thế, tướng bèn chẳng có được. Năng, sở đều dứt tuyệt, gọi là thấy tánh”.

Hỏi: “Cái tánh này trải khắp cả thảy nơi chǎng?”

Đáp: “Không đâu chǎng khắp”.

Hỏi: “Phàm phu đủ chǎng?”

Đáp: “Đã nói là không đâu chǎng khắp thì phàm phu sao lại chǎng đủ?”

Hỏi: “Có sao Chư Phật, Bồ Tát chǎng bị sanh tử ràng buộc, mà chỉ có phàm phu bị trói cột vào cái khố này, thì sao lại trải khắp?”

Đáp: “Phàm phu ở ngay trong tánh trong sạch này vọng thấy có nǎng, có sở: bèn sa vào sanh tử. Chư Phật, Bồ Tát khéo biết trong tự tánh trong sạch nào có hữu, vô nên chǎng lập nǎng, sở”.

Hỏi: “Nếu nói như vậy thì có người hiểu, người chǎng hiểu hay sao?”

Đáp: “Cái hiểu còn chǎng thể được, há có người hiểu sao?”

Hỏi: “Tột lý như thế nào?”

Đáp: “Ta lấy yếu lý mà nói, ông phải biết rằng trong tánh trong sạch không có hữu, vô, phàm, thánh; cũng chǎng có người hiểu, người không hiểu. Phàm với thánh, cả hai chỉ có danh. Nếu theo danh mà khởi sanh hiểu biết liền đọa vào sanh tử. Nếu biết mọi sự đều giả danh, không thật, tức thì không có cái mang danh”.

Ngài lại nói: “Đây là chỗ tột rốt ráo: như cho rằng ta hiểu, kia chẳng hiểu, tức là đại bệnh. Thấy có phàm thánh, dơ sạch, cũng là đại bệnh. Khởi niêm không có phàm thánh, lại là bác không có nhân quả. Thấy có cái tánh trong sạch để có thể trụ dừng, cũng là đại bệnh. Khởi kiến giải chẳng có trụ dừng cũng là đại bệnh. Như vậy, trong tánh trong sạch, chẳng phá hoại phương tiện ứng dụng mà hưng vận từ bi. Như thế, chỗ đạo tràng hưng vận đó, tức toàn tánh trong sạch, nên nói là *thấy Tánh thành Phật*”.

Lời dạy trên của Tô Vân Cư rất gần với câu “*Thấy Tánh do lìa tướng thấy*” của kinh, nên trích ra đầy đủ.

Kinh: “Nếu cái thấy là vật thì chắc ông cũng có thể thấy được cái thấy của Ta. Nếu ông cho rằng khi chúng ta cùng thấy sự vật là ông thấy cái thấy của Ta, thì khi ta không thấy sao ông không thấy được chỗ không thấy của Ta ? Nếu cho là ông thấy được cái không thấy của Ta, thì cái không thấy của Ta làm gì có tướng để cho ông thấy? Còn nếu không thấy được chỗ không thấy của Ta thì cái thấy tự nhiên chẳng phải là vật, sao nó lại chẳng phải là ông?”

Thông rằng: Quả là Đức Phật nêu lên cái ý của Ông Anan, thế giới như cái lồng đèn trên cây cột, đều có danh, có tướng thì “*Cái Kiến Tinh Minh Nguyên* là cái vật gì, xin khiến cho tôi được biết?” Phật bèn gợi ý rằng: “Khi ta thấy cái đài hương, thì ông làm sao?”

Anan nói: “Tôi cũng thấy đài hương, tức là thấy chỗ thấy của Phật”.

Đức Phật nói: “Ta thấy cái đài hương thì ông cũng dễ biết, còn khi ta chẳng thấy đài hương, thì ông thế nào?”

Anan đáp: “Tôi cũng không thấy cái đài hương, tức là thấy chỗ chẳng thấy của Phật”.

Đức Phật nói: “Ông nói rằng khi không thấy thì tự ông biết. Vậy thì cái chỗ không thấy của người khác, ông làm sao mà biết được?”

Người xưa đến trong *cái Ấy*, chỉ khá tự mình biết lấy, với người khác nói chẳng được! Chỉ như Thế Tôn nói: “Khi Ta không thấy, cũng như con linh dương treo sừng, tiếng vang, dấu vết, tin tức đều tuyệt dứt, ông hướng về đâu tìm kiếm?”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Toàn tượng (voi), nguyên trâu mù hết thấy
Xưa nay gây nghiệp, gọi chung khuôn
Như nay muốn gặp Hoàng Đầu Lão (chỉ Phật)
Cõi Phật vi trần tại giữa đường”.*

Ngài Tuyết Đậu đưa ra con mắt giáo pháp, chỉ tụng thấy Phật. Ngài Thiên Đồng thâm đắc ý kinh, tụng chỉ ngay cái chân kiến.

Tụng rằng:

*“Biển cả giọt khô, hư không đầy ứ
Thầy tu lỗ mũi dài, Cổ Phật đầu lưỡi cụt
Đàn vừa qua chín khúc, thể ngọc một phen đổi
Ngay đó gặp nhau, ai biết hấn
Mới tin người ấy chẳng bạn bè”.*

Tắc này là cơ duyên của hai lớp công án, hết sức phát huy mà chỉ nói được một nửa!

Kinh: “Lại nữa, nếu cái thấy là vật thì đang khi ông thấy vật, ông đã thấy vật rồi thì vật cũng phải thấy ông. Thế là thế và tánh xen lộn, tức là ông với Ta cùng với cả thế gian không an lập được.

“Ông Anan, nếu khi ông thấy, đó chính là ông nào có phải Ta, thì cái tánh thấy cùng khắp đó chẳng phải là chính ông thì còn là ai? Tại sao lại tự nghi chân tánh của mình. Tánh của ông vốn không chân hay sao mà bám lấy Ta cầu tìm cái thật?”

Thông rằng: Bộ Hiệp Luận nói rằng “Nghĩa của đoạn kinh này phát sanh từ một câu “*Làm sao biết đó là chân tánh của tôi?*” Nên Đức Thế Tôn mới khai thị cái tướng của sự không thấy để khiến hiểu rõ chân tánh mà chẳng nên tìm cầu ở nơi phân biệt”.

Ngài Mã Minh nói “Tất cả Như Lai đều là Pháp thân, bởi vì không có cái thấy kia-đây, sai khác, đồng nhau”. Nên nói rằng “Nếu thấy *cái chẳng thấy* thì tự nhiên đó không phải là *cái tướng không thấy* của người kia”. Nói “*chẳng phải người kia*” thì chỉ là *cái tướng chẳng thấy* của Anan đó thôi, mà không phải là *cái chẳng thấy* của Đức Thế Tôn. Vậy ắt là chỗ không thấy của Thế Tôn thì Anan không thể thấy được, chỉ có Thế Tôn thấy được. Nên nói rằng “Nếu không thấy được chỗ không thấy của Ta, thì cái thấy của ông *chẳng phải là vật*”. Nói “*Chẳng phải vật*” không phải là cái thấy của Thế Tôn, mà chỉ là cái tướng của *cái chẳng thấy* của Anan. Nếu

Đức Thé Tôn cũng thấy *cái thấy* của Anan và Anan cũng thấy *cái thấy* của Thé Tôn” thì tức là cái tánh thấy trong sạch thành ra cái vật có hình tướng. Nên mới nói “Thé, tánh lộn xộn chẳng có an lập”. Cái chỗ *chẳng thấy* là chỗ căn bản, quyết chẳng thể nào thấy được. Cũng như trồng cây mà hằng này cứ moi rẽ lên xem thì cây sống sao được.

Ngài Phó Đại Sĩ có bài kệ:

*“Có vật trước trời đất
Vốn phẳng lặng không hình
Hay làm chủ muôn tượng
Chẳng theo bốn mùa tàn”.*

Bài này chỉ ra rõ ràng cái chân tánh, chẳng phải là chỗ cái thấy đến được. Vậy mới là mặt trăng thứ nhất, chứ chẳng phải riêng cái Kiến Tinh Minh Nguyên mới là không thể thấy được mà thôi đâu.

Đoạn kinh này ý nghĩa rất vi diệu, không có chỗ nào chẳng phát minh cái Tinh Diệu Minh, thật là cái tánh thấy của ông. Sao lại nói: “Cái thấy này là ông chứ không phải là vật”? Sở dĩ nói “Cái thấy không phải là vật”, vì nếu cái thấy là vật, thì cái thấy của tôi, ông có thể thấy. Nhưng cái thấy của tôi thì hẳn là ông không thể thấy được. Nếu bảo khi ông và tôi cùng thấy là ông thấy cái thấy của tôi, thì khi tôi thấy, ông có thể thấy *cái thấy* ấy. Còn khi tôi không thấy, thì ông vẫn thấy được chứ tại sao lại không được? Nếu bảo rằng khi tôi thấy, thì thấy *cái thấy* ấy; khi tôi không thấy thì thấy *cái chẳng thấy* mà cho đó là thấy chỗ *chẳng thấy* của tôi, thì đã tự mình

không thấy chứ sao lại nói là thấy được cái tướng không thấy của tôi? Muốn lấy cái tướng *chẳng thấy* của tôi làm chỗ thấy của ông, rõ ràng đó là cái tướng của thấy mà chẳng phải là cái tướng của không thấy. Cái *chỗ chẳng thấy* đó hẳn nhiên ông không thể thấy được. Khi chỗ *chẳng thấy* đã không thể thấy, vậy khi cùng thấy cũng chẳng có thể thấy. *Thấy* cùng *chẳng thấy* đều không thể chỉ ra, thì cái thấy của tôi rõ ràng chẳng phải là vật.

Cái thấy của tôi đã không phải là vật thì cái thấy của ông rõ ràng cũng không thể là vật. Cái thấy của ông đã chẳng phải vật, tức là không thuộc về vật, tại sao chẳng phải là ông? Đây tức là lấy sự *chẳng thể thấy* để biện rõ cái chẳng phải là vật vậy. Giả sử có thể thấy được, thì cái thấy cũng là vật thì làm sao làm chủ muôn tượng mà an lập thế gian? Cho nên, có cái không hình mới hiện ra hình tướng, có cái không phải vật mới hay biết sự vật.

Cái thấy của tôi, cái thấy của ông, đã chẳng phải vật thì chẳng có ranh giới giáp nhau, đầy khắp pháp giới, không thiếu hụt, dư thừa chỗ nào. Hữu tình và vô tình đều do cái ấy mà kiến lập, gọi đó là chân tánh. Cái tánh mà chẳng thật là ông, thì cái thấy cũng chẳng thuộc về ông mới phải. Nhưng rõ ràng cái thấy là của ông mà chẳng phải là của tôi, thì có sao lại tự nghi nó chẳng chân thật, mà phải bám vào Ta để cầu xin cái Thật? Giả sử ta có thể đem cho ông được, thì chẳng phải là cái chân thật của ông vậy.

Có vị sư hỏi thiền sư Thượng Lam Siêu: “Thế nào là việc bốn phận của Thượng Lam?”

Tô Lam rằng: “Chẳng theo ngàn thánh mượn. Há hướng vạn sự cầu?”

Nhà sư hỏi: “Không mượn, không cầu, thì như thế nào?”

Tô Lam rằng: “Chẳng thể cầm nắm. Trong tay Xà Lê đưa ra được ư?”

Tô Đơn Hà tụng rằng:

*“Một phiến Linh Minh vốn diệu viễn
Ở trong không chánh cũng không thiên (22)
Núi báu, cỏ lành không gốc rễ
Chẳng đợi Chúa Xuân, sắc tự nhiên”.*

(Nhất phiến Linh Minh bốn diệu viễn
Cá trung phi chánh diệc phi thiên
Bửu phong thoại thảo vô căn đế
Bất đải Xuân Công sắc tự tiên).

Ngộ chõ này át biết chân tánh vốn không vật. Không vật thì không hồn tạp. Không hồn tạp nên vật và ta đồng nguồn, hồn nhiên đầy đủ. Nếu hướng theo người tìm cầu cho được, đều là chẳng phải.

Kinh: Ông Anan bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn, nếu cái tánh thấy ấy thật là tôi chứ không phải ai khác, thì khi tôi cùng Như Lai xem cung điện quý báu của Tứ Thiên Vương, xem mặt trời, mặt trăng, cái thấy ấy cùng khắp cõi Ta Bà, khi lui về

tịnh xá thì chỉ thấy cảnh vườn chùa, đến khi thanh tâm nơi phòng chái thì chỉ thấy một chái nhà. Thưa Thế Tôn, cái thấy như thế, thể của nó xưa nay cùng khắp một cõi. Vậy mà nay ở trong phòng thì chỉ thấy một phòng, thể là cái thấy rút lại từ lớn thành nhỏ hay tường nhà chia cắt làm cho đứt đoạn? Nay tôi không biết nghĩa đó thế nào, xin Thế Tôn vì tôi từ bi chỉ rõ”.

Phật bảo Ông Anan: “Tất cả mọi thứ trong, ngoài, lớn, nhỏ của thế gian đều thuộc về tiền trần, không nên nói cái thấy có co, có duỗi. Ví như trong đồ vật hình vuông thì thấy hư không vuông. Ta lại hỏi ông: “Cái hư không vuông ở trong đồ vật vuông ấy là nhất định vuông hay không nhất định vuông? Nếu nhất định vuông, thì khi thay cái đồ vật tròn vào lẽ ra hư không không tròn! Nếu không nhất định thì tại trong đồ vật vuông lẽ ra đã không có hư không vuông! Ông nói: Không biết nghĩa ấy do đâu; nghĩa đó như thế, chứ còn do đâu nữa?

“Anan, nếu muốn vào được cái không vuông, không tròn thì chỉ cần trừ bỏ cái vuông của đồ đặc, chứ cái thể của hư không thì vốn không vuông. Chẳng nên nói rằng: lại phải trừ cả cái tướng vuông của hư không nữa!

“Lại như lời ông hỏi: Khi vào phòng, rút cái thấy làm cho nhỏ lại, vậy thì khi ngẩng xem mặt trời, há lại kéo cái thấy lên bằng mặt trời? Nếu xây tường nhà mà chia cắt cái Thấy làm cho đứt đoạn, thì khi xoi một lỗ nhỏ, sao lại không thấy dấu nối? Nghĩa ấy không đúng vậy!

“Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, mê mình mà làm vật, bỏ mất bản tâm, bị vật xoay chuyển, cho nên ở trong đó mà thấy lớn thấy nhỏ. Nếu có thể chuyển được vật thì đồng với Như Lai, thân tâm tròn sáng. Đó là Đạo Tràng Bất Động, trên đầu một mảy lông, trùm chứa mười phương quốc độ”.

Thông rằng: Ông Anan nói “Tánh thấy có khắp chính là tôi chứ không ai khác. Thì chỗ thấy của tôi cũng đồng với Phật nhãm, tại sao khi xem mặt trời, mặt trăng thì khắp cõi Ta Bà, mà nay ở trong nhà thì chỉ đầy một nhà, vậy là cái thấy này có co duỗi, lớn bé chẳng đồng, sao lại bảo là không sai khác?” Đó là không biết rằng có lớn, có bé là do ở tiền trần, chứ chẳng quan hệ gì tới cái tánh thấy. Ví như vuông, tròn là do ở đồ vật, nào dính dáng gì đến hư không. Ở trong đồ vật mà xem hư không thì hình như có tướng vuông, tròn. Chỉ dẹp bỏ đồ vật đi, thì hư không át chẳng có vuông, tròn nào có thể chỉ ra được. Duyên theo trần mà xét cái thấy thì hình như có tướng co, duỗi. Chỉ lìa tiền trần, thì tánh thấy vốn chẳng có co duỗi nào có thể được. Cái thấy mà xoay chuyển theo tiền trần, cũng như xét hư không mà chẳng ở trong chính thái hư, lại nhìn trong một món đồ.

Thế nên, ở trong ấy thấy lớn thấy nhỏ, đó là mê mình là vật vậy. Còn nếu chuyển được vật, tức thì tất cả sắc đều là Phật sắc, tất cả mọi cái thấy đều là cái thấy của Phật. Một phen thân tâm quang đãng, rỗng không thì vật không còn chướng ngại, nên nói là thân tâm tròn sáng. Ở trong cái Viên đó, một tức là tất cả, nơi đâu một mảy lông trùm chứa khắp mười phương quốc độ, lại chẳng đồng với Phật nhãm sao?

Có vị tăng hỏi Ngài Huỳnh Bá: “Đã nói tánh túc là thấy, thấy túc là tánh. Nếu như tánh vốn không chướng ngại, không giới hạn thì sao cách vật chẳng thấy? Lại như trong hư không, gần thì thấy, xa thì không thấy là thế nào?”

Tổ Huỳnh Bá nói: “Đó là ông vọng sanh dị kiến. Nếu cách vật thì nói là không thấy, không có vật ngăn ngại thì nói là thấy, rồi cho là tánh có cách ngại thì quả là chẳng hiểu gì cả. Tánh chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy. Pháp cũng chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy. Như người thấy tánh thì chõ nào mà chẳng phải là bốn tánh của mình? Nên chi sáu đường, bốn loại, núi sông, đất đai đều là cái tánh trong sạch sáng suốt của ta. Thế mới nói: thấy sắc túc là thấy tâm. sắc và tâm chẳng hai, chỉ vì giữ lấy cái tướng mà khởi sanh thấy, nghe, hay, biết. Trừ bỏ vật trước mặt mới cho là thấy, túc là sa vào kiến giải nương theo sự thấy, nghe, hay, biết của hàng nhị thừa. Trong hư không mà gần thì thấy, xa thì chẳng thấy, đó thuộc về ngoại đạo. Rõ ràng là: Đạo chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài, chẳng gần cũng chẳng xa. Quá gần mà không thể thấy, đó là tánh của muôn sự muôn vật. Quá gần mà còn không thể thấy, huống là nói “Xa nên chẳng thể thấy”, thì đâu có ý nghĩa gì?”

Tổ Kính Thanh hỏi nhà sư: “Tiếng gì ngoài cửa vậy?”

Nhà sư rằng: “Tiếng giọt mưa”.

Tổ Thanh rằng: “Chúng sanh điên đảo, mê mình theo vật”.

Nhà sư hỏi: “Hòa Thượng như thế nào?”

Tổ Thanh rằng: “Nhuần nhã chẳng làm lạc mình”.

Nhà sư hỏi : “Nhuần nhã chẳng làm lạc mình, ý chỉ thế nào?”

Tổ Thanh rằng: “Lìa thân (xuất thân) còn khá dễ, thoát thế nói khó thay!”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

“Nhà im, tiếng giọt mưa
 Nhà sư khó đáp lại
 Nếu bảo từng Nhập Lưu (23)
 Như trước, sao chẳng hiểu!
 Hiểu, chẳng hiểu?
 Non nam, núi bắc chuyển mưa rào”.

Đây khá gọi là khắp pháp giới chẳng từng che dấu vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Cốc Âm Thông: “Nếu hay chuyển vật, tức đồng Như Lai. Muôn tượng là vật, làm sao chuyển được?”

Tổ Thông đáp: “Ăn cơm rồi, tuyệt không ý trí. Như có ý trí, tức bị vật chuyển vậy”.

Lại có vị sư hỏi Ngài Thiều Quốc sư: “Thế nào là *Chuyển vật tức đồng Như Lai?*”

Tổ Thiều đáp: “Ông gọi cái gì là vật?”

Nhà sư nói: “Như thế tức là đồng với Như Lai?”

Tổ Thiều nói: “Đừng làm con giả can mà tru! Suy nghĩ so sánh chuyện đồng với Như Lai, tức xa ngàn dặm, vạn dặm!”

Có nhà sư hỏi Tổ Triệu Châu: “Trong mười hai thời dụng tâm thế nào?”

Tô Châu nói: “Ông bị mười hai thời sai sứ, lão tăng sai sứ được mười hai thời”.

Đó là sự chuyên vật chân thật vậy.

Ngài Bạch Vân Đoan tụng rằng:

*“Nếu hay chuyển vật túc Như Lai
Xuân ấm hoa rừng chốn chốn khai
Vẫn có một đôi tay khô đét
Chưa từng rẻ rúng múa ba đài”.*

(Nhược năng chuyển vật túc Như Lai
Xuân nõan sơn hoa xứ xứ khai
Tự hữu nhất song cùng tưởng thủ
Bất tăng dung dị vũ tam đài).

Ngài Chơn Như Triết tụng rằng:

*“Nếu hay chuyển vật túc Như Lai
Cửa mở noi noi, thấy Thiện Tài
Trong ngõ liễu hoa bày nhảy múa
Say theo chín nẻo, ngủ lâu đài”.*

(Nhược năng chuyển vật túc Như Lai
Xứ xứ môn khai kiến Thiện Tài
Hoa liễu hạng trung trình vũ hý
Cửu cù thừa túy ngoa lâu đài).

Nơi đâu một mảy lông trùm chứa khắp mười phương quốc độ. Với Phật nhẫn, thế giới hiện toàn chân chắc được, còn chúng sanh có thể như vậy không?

Ông Thú Sử đất Giang Châu là Lý Bột hỏi Tô Quy Tông: “Trong kinh giáo có nói: “Núi Tu Di ngậm chứa hột cải”, thì

Bột này chẳng nghi. Nhưng nói: “Hột cải ngậm chúa núi Tu Di”, thì phải chẳng là nói dối?”

Tô Tông nói: “Người ta đòn Thú Sử đọc vạn quyển sách, có thật không?”

Đáp: “Có vậy”.

Tô Tông nói: “Rờ từ đầu đến gót chỉ như trái dừa lớn, vậy vạn quyển sách để ở chỗ nào?”

Ông Lý Bột cúi đầu mà thôi.

Do đây mà suy, tâm lượng của chúng sanh cùng với Như Lai nào có sai khác!

MỤC BA: PHẬT NÊU RA TÁNH THÁY NGOÀI CÁC NGHĨA “PHẢI” VÀ “CHẲNG PHẢI”

I. NGHI TÁNH THÁY HIỆN Ở TRƯỚC MẮT

Kinh: Ông Anan bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn, nếu cái thấy đó (Kiến Tinh) thật là Diệu Tánh của tôi, thì cái Chân Tánh đó hiện đang ở trước mắt tôi. Cái thấy đó thật là tôi, thì thân tâm tôi hiện giờ lại là vật gì? Mà nay thân tâm này thật có phân biệt, còn cái thấy kia lại không phân biệt riêng gì với thân tôi. Nếu nó thật là tâm tôi, khiến cho tôi hiện nay có thấy, thì cái tánh thấy ấy thật là tôi mà thân này không phải là tôi. Thế thì đâu có khác gì trước kia Như Lai đã hỏi vặt rằng “Vật thấy được tôi”. Xin Phật rũ lòng đại từ, mở bày cho kẻ chưa ngộ”.

Thông rằng: Đoạn trước nói “Nhận vật lấy làm mình”, đoạn này nói “Mê mình làm vật”. Trước thì “Ở nơi vọng mà lựa chọn cái chân”, tức là Tự Thân Mình mà lại gọi là vật. Ở đây thì “Lấy chân mà hòa với vọng”, thì muôn vật không có gì chẳng phải là Mình. “Ở nơi vọng mà chọn lựa cái chân”, mà nói mình và vật khác nhau, còn có thể tự biện ra. Chứ đến chõ “Lấy chọn mà hòa với vọng” để nói ta với vật đều đồng thì thật là khó hiểu. Vì thế Anan nói “Nếu hay chuyển được vật tức đồng Như Lai”. Vậy thì cái thấy này có khắp pháp giới, chõ thấy là núi là sông đều là Diệu Tánh của ta đó, nhỉ. Nay cái Diệu Tánh này bày trước mặt ta. Nếu cái thấy ở trước mặt đã là chân tánh của ta, thì cái thân tâm phụ thêm này lại là cái

gi? Nếu nói cái thân tâm chǎng phải là tánh thì hiện giờ thân tâm vẫn hay biết rành rẽ. Nếu nói cái bày trước mặt đều là tánh thì cái thấy đó chǎng phân biệt được thân ta.

Nếu nói cái thấy áy vô hình, hồn nhiên cùng vật đồng thể, đúng là bốn tâm ta, có cảm mà ứng, khiến cho ta hiện giờ có thể thấy được, vậy tánh thấy chính thật là ta, đầy khắp trước mặt, mà sao lại có một cái thân trơ trọi ủ lì lại chǎng phải là ta! Nào khác gì trước đây Như Lai đã hỏi vặt “Ông đã thấy vật, vật cũng phải thấy ông”. Cái thấy này cũng bèn là ở ngoài, sao lại nói được đó là chơn tánh của ta?

Cứ theo chõ thấy của Ông Anan tựa hồ trộm thấy được cái Tịch Diệt hiện tiền. Chỉ vì ngã kiến chưa trừ, ánh sáng chưa thấu thoát, trước mặt còn mơ hồ có vật, nên chưa thể hòa lẫn “ta-vật”, tiêu hết “phải-trái” vậy.

Tổ Thạch Đầu nhân xem bộ Triệu Luận đến chõ “Hội muôn vật làm mình, thì chỉ có bậc thánh nhân mà thôi. Không có mình nên không có chõ nào chǎng phải là mình! Pháp thân không hình tượng, ai đâu có ta-người? Gương tròn chiểu diệu giữa hư không, muôn vật nhiệm màu mà tự hiện. Gương Trí còn chǎng phải một, nào nói được chuyện đến-đi ?”

Tuyệt làm sao lời nói ấy!

Sau này có vị tăng hỏi Tổ Trường Sa: “Làm sao chuyển được núi sông, quốc độ trở về nơi mình?”

Tổ Sa nói: “Làm sao chuyển được tự mình thành núi sông, quốc độ?”

Tăng nói: “Thưa, chẳng hiểu”.

Tô Sa nói:

*“Dưới thành Hồ Nam thích nuôi dân.
Gạo rẻ, củi nhiều đủ bốn phương”.*

Vị tăng không có lời nói. Ngài bèn khai thị bằng bài kệ:

*“Ai nói sông núi chuyển?
Sông núi chuyển về đâu?
Viên thông không hai phía
Pháp tánh vốn không về”.*

(Thùy vấn sơn hà chuyển
Sơn hà chuyển hướng thùy
Viên thông vô lưỡng ban
Pháp tánh bốn vô quy).

Đọc lời của hai vị Tôn Túc mà có nghi cái nghi của Ông Anan, thì có thể vỡ lở băng tan vậy.

II. CHỈ RA KHÔNG CÓ CÁI GÌ TỨC LÀ CÁI THẤY

Kinh: Phật bảo Ông Anan: “Nay ông nói rằng “*Cái thấy ở trước mắt ông*”, nghĩa ấy không đúng. Nếu thật ở trước mắt ông và ông thật thấy được thì cái thấy ấy (Kiến Tinh) đã có chỗ ở, không phải không thể chỉ ra được. Nay tôi và ông ngồi trong rừng Kỳ Đà, trông khắp rừng, suối và các điện, đường, trên đến mặt trời, mặt trăng, trước đồi có sông Hằng. Nay ông bây giờ trước tòa sư tử của tôi, đưa tay chỉ bày trong các thứ hình tướng kia: chỗ im mát là rừng, cái sáng là mặt trời, ngăn

ngại là vách, thông suốt là hư không, như thế cho đến cỏ cây, mảy mún, nhỏ lớn khác nhau, nhưng đã có hình thì không cái gì là không chỉ thẳng ra được. Vậy, nếu quả cái thấy hiện ở trước mắt ông, thì ông hãy lấy tay chỉ rõ đích xác cái gì là cái thấy. Anan, ông nên biết: Nếu hư không là cái thấy thì hư không đã thành cái thấy, cái gì mới là hư không? Nếu vật là cái thấy, thì vật đã thành cái thấy, cái gì mới là vật? Ông hãy chia chẻ tỉ mỉ muôn tượng để tách ra cái thấy trong sạch, sáng suốt mà chỉ bày cho Ta như các vật kia, rõ ràng không nhầm lẫn”.

Ông Anan bạch Phật: “Nay tôi ở trong giảng đường này, xa trông đến sông Hằng, trên đến mặt trời, mặt trăng. Đưa tay chỉ ra, đưa mắt mà xem thì những cái chỉ ra được đều là vật, chứ không có cái gì là cái thấy. Thế Tôn, như lời Phật dạy, chẳng những hàng hữu lậu sơ học, Thanh Văn như chúng tôi, mà cho đến các vị Bồ Tát cũng không thể ở nơi hiện tượng muôn vật chỉ ra cái thấy mà lìa ngoài tất cả vật lại có riêng tự tánh”.

Phật nói: “Đúng thế, đúng thế!”

III. CHỈ RA KHÔNG CÓ CÁI GÌ RA NGOÀI TÁNH THẤY

Phật lại bảo Ông Anan: “Như lời ông nói: Không có cái thấy mà lìa ngoài tất cả vật lại riêng có tự tánh, do đó trong tất cả các vật chỉ ra được, không có cái gì là cái thấy cả. Nay ta lại bảo ông: Ông cùng Như Lai ngồi trong rừng Kỳ Đà, lại xem vườn rừng cho đến mặt trời, mặt trăng, đủ thứ hình tượng khác

nhau, chắc không có cái thấy cho ông chỉ ra được. Vậy ông hãy phát minh trong các vật đó, cái gì chẳng phải là cái thấy?”

Ông Anan bạch: “Quả thật, tôi nhìn khắp rừng Kỳ Đà này chẳng biết trong đó có cái gì không phải là cái thấy. Tại sao thế? Nếu cái cây chẳng phải là cái thấy thì làm sao thấy được cây? Còn nếu cái cây là cái thấy thì sao lại là cây? Như thế cho đến nếu hư không chẳng phải là cái thấy, thì làm sao thấy hư không. Nếu hư không tức là cái thấy, thì sao lại là hư không? Tôi lại suy nghĩ: trong muôn vật đó, phát minh cho kỹ lưỡng, thật không có cái gì chẳng phải là cái thấy cả”.

Phật nói: “Đúng thế, đúng thế!”

Thông rằng: Ông Anan đã biết “Cái chỉ được đều là vật, không có cái gì là cái thấy” thì thân tâm ta cho đến núi sông bên ngoài, không có tánh thấy riêng biệt có thể chỉ ra được, mà sao lại nói “Nay cái Diệu Tánh ấy hiện bày trước mặt tôi”? Hơn nữa, đã biết “Trong muôn tượng, không có cái gì chẳng phải là cái thấy”; tức thân tâm ta cho đến núi sông bên ngoài không có cái gì chẳng phải là tánh thấy, sao lại còn hỏi “Tánh thấy thật là tôi, mà thân chẳng phải là tôi”?

Đức Thế Tôn bèn khiến ông tự phát huy, khiến cái nghi ngờ từ trước được giải tan ngay.

Xưa, thầy Thủ Tù Chiêu hỏi Hòa Thượng Pháp Nhã: “Hòa Thượng khai đường kế pháp người nào?”

Tổ Nhã rằng: “Ngài Địa Tạng”.

Thầy Chiêu nói: “Rất phụ phàng Tiên Sư Trường Khánh!”

Tô Nhã: “Tôi chẳng hiểu một lời chuyen ngữ của Ngài Trường Khánh”.

Thầy Chiêu nói: “Sao không hỏi?”

Tô Nhã: “Ở trong muôn tượng, lô riêng thân (24) ý là sao?”

Thầy Chiêu bèn dựng đứng cây phật tử.

Tô Nhã: “Đó là cái học được ở chỗ Ngài Trường Khánh, còn riêng Thủ Tòa thì sao?”

Thầy Chiêu không nói được.

Tô Nhã nói: “Chỉ như Ở trong muôn tượng, lô riêng thân, đó là bác bỏ muôn tượng hay không bác bỏ muôn tượng?”

Thầy Chiêu đáp: “Chẳng bác bỏ”.

Tô Nhã nói: “Hai cái!”

Hỏi những người chung quanh, đều nói: “Bác bỏ muôn tượng”.

Tô Nhã nói: “Ở trong muôn tượng, lô riêng thân, cái Phù trừ quý!”.

Về sau, Thượng Tọa Tử Phương cũng từ Trường Khánh đến.

Tô Nhãn lại đưa ra câu nói ấy. Thầy Tử Phương cũng dựng phát tử.

Tô Nhãn nói: “Như thế này thì lại tranh cãi được!”

Thầy Phương nói: “Tôn ý của Hòa Thượng như thế nào?”

Tô Nhãn đáp: “Kêu cái gì làm muôn tượng?”

Thầy Phương: “Người xưa chẳng bác bỏ muôn tượng!”

Tô Nhãn nói: “Ở trong muôn tượng, lộ riêng thân. Nói gì bác, chẳng bác?”

Thầy Tử Phương bỗng tò ngô lời nói trước của Tô Pháp Nhãn.

Cái loại cơ duyên này vốn từ chối Ngài Địa Tạng mà đắc, làm sao chẳng phải nói pháp Ngài Địa Tạng!

Mới đâu, Tô Pháp Nhãn cùng với thầy Thiệu Tu, Pháp Tân ba người đi đến Ngài Địa Tạng. Ngồi sưởi mà bàn về bộ Triệu Luận. Đến câu “*Trời đất cùng ta đồng gốc*”, Ngài Địa Tạng hỏi: “Núi sông, đất đai với tự kỷ của Thượng Tọa là đồng hay khác?”

Ngài Pháp Nhãn đáp: “Khác”.

Tô Tạng đưa lên hai ngón tay.

Ngài Nhãn nói: “Đồng”.

Tô Tạng lại đưa lên hai ngón tay, rồi đứng lên bỏ đi. Tuyết ngưng, ba người từ giã ra về.

Tổ Tạng đưa tìenn ra cửa, rồi nói: “Bình thường, Thượng Tọa hay nói “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”. Bèn chỉ phiến đá ngoài sân, hỏi: “Hãy thử nói phiến đá kia là ở trong tâm hay ở ngoài tâm?”

Ngài Pháp Nhãnn nói: “Ở trong tâm”.

Tổ Tạng nói: “Người hành cước vì lý do nào mà lại để phiến đá ở trong tâm?”

Ngài Pháp Nhãnn cùng quẫn, không sao đáp được, bèn ném áo xuống chiếu, ở lại để cầu quyết trạch. Hơn một tháng, ngày kia Ngài trình kiến giải, nói cái lý đạo.

Tổ Tạng nói: “Phật Pháp chẳng phải như thế”.

Ngài Pháp Nhãnn nói: “Tôi đã hết lời, tuyệt lý rồi”.

Tổ Tạng nói: “Nếu luận Phật Pháp, thì hết thảy hiện thành”.

Ngài Pháp Nhãnn, ngay dưới câu nói đại ngộ. Mới tin rằng chõ học được với Ngài Trường Khánh là chưa tới.

Ngài Thiên Đồng tung rẳng:

*“Lìa niệm: thấy Phật
Đẹp tràn: ra kinh
Hiện thành gia pháp
Nào lập môn định?
Trăng cùng thuyền lướt, sông trong vắng
Xuân theo ngọn cỏ ngắn tươi xanh
Bác, chẳng bác - Nghe cho kỹ!*

*Ba đường hoang trống về liền được
Tùng cúc thuở xưa hương vẫn thơm”.*

(Ly niệm kiến Phật
Phá trần xuất kinh
Hiện thành gia pháp
Thùy lập môn đình
Nguyệt trục chu hành giang luyện tịnh
Xuân thùy thảo thượng thiên ngắn thanh
Bác, bất bác thinh đinh ninh
Tam kính tựu hoang quy tiệm đắc
Cựu thời tùng cúc thượng phương hình).

Hãy lấy tắc công án này cùng với đoạn kinh trên, lật đi lật lại cho rõ ràng mùi mè, thì chẳng biết là Ông Quách Tượng (25) giải thích Trang Tử, hay Trang Tử giải thích Quách Tượng?

Kinh: Khi ấy, trong đại chúng những vị chưa chứng quả Vô Học nghe Phật nói thế, mờ mịt chẳng biết nghĩa ấy đầu đuôi thế nào, nên đồng thời sợ hãi, mất chõ bám núi.

Như Lai biết đại chúng tâm niệm rối loạn, sanh lòng thương xót, an ủi Ông Anan và đại chúng rằng: “Này các trai lành, bậc Vô Thượng Pháp Vương, thật là Chân Thật Ngữ: như tánh Chân Như mà nói, không dối, không vọng, không phải là bốn thứ nghị luận càn dở Bất Tử của nhóm Mạt Già Lê. Ông hãy suy nghĩ chín chắn, chớ phụ lòng thương mến của Ta”.

Thông rằng: “Mờ mịt chẳng biết nghĩa ấy trước sau thế nào?” Trước là, “Cái thấy chẳng phải là vật”. Sau là, “Cái Thấy chẳng phải là không phải vật”. Cái trước tức là “Chân Tánh hiện tiền”, cái sau tức là “Không thể chỉ ra được”. Cho nên mờ mịt mất chõ bám níu vậy.

Chân Thật Ngữ v.v... tức là năm lời nói trong Kim Cang Bát Nhã:

- Phật Chân Ngữ thì chung với Nhị Thừa;
- Phật Thật Ngữ thì chung đồng với hàng Bồ Tát;
- Phật Như Ngữ thì không chung với Bồ Tát hay Nhị Thừa;
- Phật Vô Thật Ngữ;
- Phật Vô Hư Ngữ.

Vô Hư nên không là lời lừa dối, *Vô Thật* nên chẳng có khác lời. Chỗ thấy chưa dứt khoát cho nên nói “*Chẳng khác*”. Đây chỉ để nói tóm là không vọng ngữ.

Trong Luận Bà Sa: “Ngoại đạo cho trời là thường trụ, gọi là Bất Tử, cho rằng đáp lời mà chẳng rối loạn thì sanh về cõi trời kia. Nếu thật chẳng biết mà vội trả lời, thì sợ thành kiêu loạn (dối trả, lộn xộn). Nên khi hỏi thì đáp những lời bí mật, không cần phải nói ra đây. Hoặc là đáp một cách bất định. Phật quả rằng: Đó thật là kiêu loạn (27)”.

Đức Thế Tôn, nhân có ngoại đạo hỏi: “Hôm qua Ngài thuyết pháp gì?”

Phật đáp: “Thuyết định pháp”.

Ngoại đạo lại hỏi: “Hôm nay thuyết pháp gì?”

Ngài đáp: “Bất định pháp”.

Ngoại đạo nói: “Hôm qua giảng định pháp, hôm nay sao lại giảng bất định pháp?”

Đức Phật nói: “Hôm qua định, hôm nay chẳng định”.

Hãy nói xem lời nói này của Thé Tôn là như Tánh Chân Như mà nói hay là kiêu loạn? Hãy tham!

IV. NGÀI VĂN THÙ KÍNH XIN PHÁT MINH HAI THỨ

Kinh: Lúc ấy, Ngài Pháp Vương Tử Văn Thủ Sư Lợi thương xót hàng tú chúng, ở giữa đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lỗ chân Phật, chắp tay cung kính mà bạch Phật rằng: “Thưa Thé Tôn, các đại chúng đây không ngộ được chỗ Như Lai phát minh hai nghĩa *tức là (thị)* và *chẳng phải là (phi thị)* nơi hai thứ cái thấy và sắc không. Thưa Thé Tôn, nếu những hình tượng tiền trần sắc không trước mắt *tức là* cái thấy thì phải có chỗ chỉ ra được. Còn nếu *chẳng phải là* cái thấy thì lẽ ra không thể thấy được. Nay đại chúng không rõ nghĩa ấy về đâu, nên mới kinh sợ, chứ không phải cẩn lành đời trước kém thiếu. Kính mong Như Lai thương xót, phát minh cho rõ: các vật tượng này và cái thấy ấy vốn là vật gì mà ở trong đó không có các nghĩa phải (*thị*) cùng chẳng phải (*phi thị*)?”

Phật bảo Ngài Văn Thủ cùng tất cả đại chúng rằng: “Mười phương Như Lai và các Đại Bồ Tát ở trong Tự Trụ Tam Ma Địa, thì trong ấy, *cái thấy* và *cái được thấy* cùng các chỗ

tưởng tượng đều như hoa đốm giữa hư không, vốn không chỗ có. *Cái thấy* cho đến những *cái được thấy*, tất cả vốn là Thể Bồ Đề sáng sạch nhiệm mầu. Làm sao ở trong đó lại có *phải* hay *chẳng phải*?"

Thông rằng: Đức Văn Thủ là thầy của bảy vị Phật thời quá khứ, quen thuyết Như Lai Thiền, nên yêu cầu Thể Tôn phát minh ra các vật tượng và cái thấy vốn là vật gì. Trước, Đức Thể Tôn đã dạy "Sao *chẳng* biết sắc thân cho đến núi sông, hư không, đại địa đều là vật ở trong cái Chân Tâm Diệu Minh này". Đã mờ toang rõ ràng ra rồi, còn nói gì nữa! Vậy mà ở trong đó, bác bỏ vạn tượng thì mới có cái *chẳng phải*, không bác bỏ vạn tượng thì bèn có cái *phải*. Hai tướng *phải*, *chẳng phải* thật cùng cực vi tế, chỉ có cái thấy chân chánh trực tiếp Thể Bồ Đề Vô Thượng mới có đường thoát thân. Cái Tâm Tánh Diệu Tịnh sáng suốt này tức là Tự Trụ Tam Ma Địa của Bồ Tát. Ở trong cái Tự Định này thì thoát hẳn căn trần nên *cái thấy* cùng *cái được thấy* đều bất khả đắc.

Sắc không là duyên cho cái thấy, cho đến tưởng tượng là duyên của cái ý, thuộc về sáu trần. Thấy, nghe, hay, biết thuộc về sáu thức. Chứng Bồ Đề, không chỉ là sở không, mà năng cũng không. Nên nói "*Vốn không chỗ có*", Năng sở đều không. Cái thấy cùng cái được thấy, hiện là vắng lặng. Tức đó là cái Thể Bồ Đề sáng sạch nhiệm mầu, chẳng kịp luận bàn, chẳng dung phân biệt. "Nhất Thiết Trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, vì không riêng, không dứt"(28) là vậy. Trong đó, làm sao có được phân biệt để mà nói "Cái này *phải* thật cái thấy, cái này *chẳng phải* cái thấy"? Nếu gượng sanh *phải* hay

chẳng phải, thì cũng như mắt bệnh, vọng thấy Không hoa. Nơi Chân Tánh Bồ Đề, nào đâu dính dáng!

Ngài Thạch Sương ban đầu đến viếng Tô Đạo Ngô, hỏi rằng: “Như thế nào là “*Chạm mắt là Bồ Đề?*”

Tô Ngô liền gọi: “Sa di!”

Sa di lên tiếng dạ.

Tô nói: “Thêm nước vào tĩnh bình đi!”

Chập lâu rồi hỏi lại Ngài Thạch Sương: “Ông vừa mới hỏi cái gì thế?”

Ngài Thạch Sương vừa định nói, Tô Ngô bèn quay về phương trượng.

Ngài Thạch Sương bèn tinh ngộ.

Tô Đơn Hà tung rằng:

*“Buông tay trở lại, khéo làm Cơ!
Trong tiếng bình thường trí súng, cờ
Hỏi trùng, định đáp, về phương trượng
Câu ấy, phân minh lại chẳng ngờ”*.

Muốn biết cái đạo lý “*chẳng ngờ*”, phải hỏi Ngài Thạch Sương mới được!

Về sau, có nhà sư hỏi Tô Thạch Sương: “Trong khoảnh gang tấc, vì sao chẳng thấy mặt thầy?”

Tô Sương, cách cửa sổ, lên tiếng rằng: “Đạo ta cùng khắp chẳng từng che!”

Nhà sư lại đem đến hỏi Tô Tuyết Phong: “*CÙNG KHẮP CHẮNG CHE*”, ý chỉ thế nào?”

Tô Phong đáp: “Có chỗ nào mà *chắc* phải là Thạch Sương?”

Tô Sương nghe được rồi nói rằng: “Cái lão già ấy bám vào để chết cho lẽ!”

Tô Phong nghe được, bèn nói: “Tôi lỗi của lão tăng vì chỉ dư một chữ “là”, mà dẫn người vào trong hang Tình giải, may gặp Thạch Sương mổ xẻ, phanh phui”.

Trong khoảng mây lông, *chắc* phải là bậc có mắt thì nào có biện ra nỗi!

V. TÁNH THÁY KHÔNG CÓ PHẢI HAY CHẮNG PHẢI

Kinh: “Văn Thủ, nay ta hỏi ông: Như ông chính là Văn Thủ, vậy thì còn có Văn Thủ nào *tức là* Văn Thủ nữa hay không?”

- Bạch Thế Tôn, đúng thế! Tôi chính thật là Văn Thủ, không có cái gì *tức là* Văn Thủ nữa. Tại sao thế? Nếu có cái *tức là* nữa thì thành ra hai Văn thủ, nhưng giờ đây tôi *chắc* phải không là Văn Thủ. Trong đó, quả thật không có hai tướng *tức là* hay *chắc* phải.

Thông rằng: Câu “Tôi chính thật là Văn Thủ” trả lời nghĩa thứ nhất, bày ra cái Tâm Thế Bồ Đề sáng sạch, nhiệm màu.

Câu “Không có cái gì *tức là* Văn Thủ nữa” trả lời nghĩa thứ hai, phá cái chấp sắc không là cái thấy.

Câu “*Chẳng phải* không là Văn Thủ” trả lời nghĩa thứ ba, phá cái chấp sắc không *chẳng phải* là cái thấy”.

Nếu bảo rằng “Sắc Không là chơn kiến”, thế là từ vọng mà biện chơn, do đó, đối với *Cái chơn của không vọng* thành ra hai nghĩa, nên nói: Nếu có *Tức là Văn Thủ* thì thành ra hai Văn Thủ.

Nếu bảo rằng “*Sắc không chẳng phải là chân kiến*”, thế mà toàn thể vọng cảnh là chân, nên mới nói “Giờ đây tôi chẳng phải là không Văn Thủ”.

Tô Lạc Phố bảo với đại chúng: “Nay có một việc muốn hỏi các ông: nếu nói là *phải* tức là trên đầu chồng thêm đầu, nếu nói là *chẳng phải*, tức là chặt đầu mà cầu sống”.

Thầy Đệ Nhất Thủ Tòa nói: “Núi xanh thường cất bước, dưới mặt trời chẳng khêu đèn”.

Tô Phố nói: “Đó là thời tiết nào mà nói lời ấy?”

Khi ấy, có thầy Thượng Tọa Ngạn trả lời rằng: “Là hai lối ấy, xin Hòa Thượng chớ hỏi!”

Tô Phố nói rằng: “Chưa đúng trong đó. Nói lại đi!”

Thầy Ngạn đáp: “Ngạn này theo thi nói không cùng tận!”

Tô Phố nói: “Ta chẳng kể ông cùng tận hay chẳng cùng tận!”

Đáp: “Ngạn theo hay không theo ấy, chỉ đối với Hòa Thượng”.

Tổ Phố bèn thôi.

Ngài Tu Sơn Chủ kệ rằng:

*“Tức là cột, chẳng thấy cột
Chẳng phải cột, chẳng thấy cột
Thị (29), phi (30) đã bỏ hết
Trong thị phi, mời dùng”.*

(Thị trụ bất kiến trụ
Phi trụ bất kiến trụ
Thị phi dù khứ liễu
Thị phi lý tiến thủ).

Đối với hai tắc trên mà thấu thoát, thì thị, phi có thể tiêu tan hết!

Xưa, Ngài Phong Can muốn đi chiêm bái Ngũ Đài Sơn, hỏi Ngài Hàn Sơn và Thập Đắc rằng: “Các ông cùng ta đi thăm Ngũ Đài, tức là đồng lưu của ta; nếu chẳng cùng ta đi thăm Ngũ Đài thì chẳng phải là đồng lưu của ta!”

Ngài Hàn Sơn hỏi: “Ông đi Ngũ Đài làm gì?”

Ngài Phong Can đáp: “Lễ bái Văn Thù”.

Ngài Hàn Sơn nói: “Ông chẳng phải là đồng lưu của ta”.

Ngài Phong Can một mình đi vào Ngũ Đài, gặp một ông lão, bèn hỏi: “Chẳng phải là Văn Thù ư?”

Đáp: “Há lại có hai Văn Thù?”

Ngài bèn lẽ bái, chưa kịp đứng lên, bỗng nhiên chẳng còn thấy.

Tổ Triệu Châu nói thay rằng: “Văn Thù, Văn Thù, lại Văn Thù! Ba phen bỏ Hạ, Ông Ca Diếp muốn bạch chùy đuổi ra. Vừa cầm dùi lên thì thấy có trăm ngàn, vạn, úc Văn Thù. Ông Ca Diếp dùng hết thần lực mà chùy không dỡ nổi. Đức Thế Tôn bèn hỏi Ông Ca Diếp: “Ông định đuổi Văn Thù nào?” Ông Ca Diếp không đáp được”.

Tổ Thiên Đồng nêu ra rằng: “Ông Đầu Đà sắc vàng (31) có tâm mà không có mặt. Cứ hết lệnh mà làm! Chớ bảo trăm, ngàn, vạn, úc Văn Thù. Ngay cái Lão Cù Đàm mặt vàng ấy cũng phải đuổi ra! Nếu có thể như vậy thì không những dựng thẳng Chân Phong mà cũng khiến người sau biết rằng học trò của thầy tu ta khỏi cho rằng ông ngăn cản Phật Tổ chẳng được!”

Khoái thay! Khoái thay! Phải nên như vậy mà thấy. Ất là cái Tâm Thể Bồ Đề sáng sạch nhiệm màu cũng không có chỗ bám níu, làm sao mà có được hai tướng *thị, phi*?

Kinh: Phật dạy: “Tánh thấy màu sáng này cùng các thứ không, trần cũng lại như thế. Vốn là Chân Tâm Bồ Đề Vô Thượng, tròn sáng, màu sạch mà làm nhận cho là sắc, không cho đến các thứ thấy, nghe. Như mặt trăng thứ hai. Hai mặt trăng ấy, cái nào là mặt trăng thật, cái nào chẳng phải là mặt trăng? Văn Thù! Chỉ có một mặt trăng thật, trong đó tự không có cái *tức là* mặt trăng hay cái *chẳng phải* là mặt trăng!

Thông rằng: Câu “Vốn là Chân Tâm Bồ Đề Vô Thượng, tròn sáng màu sạch mà làm nhận là sắc, không cùng với các thứ thấy, nghe” cùng với câu ở đoạn trước: “Mê muội thành ra hư không, trong cái hư không mê muội ấy, kết cái tối tăm thành ra có sắc, sắc xen lẫn với vọng tưởng, tưởng tượng làm thân, nhóm các duyên lay động bên trong, rong ruổi theo cảnh vật bên ngoài, rồi lấy cái tưởng mờ mịt lăng xăng đó làm Tâm Tánh”, thì chõ sanh khởi giống nhau, đều do lấy vọng tưởng làm chõ sùng mộ vậy. Vọng tưởng là gốc bệnh, như dụi mắt mà thấy vậy. Vốn là một Chân Tâm Màu Sáng mà lấy cái thấy vọng tưởng phân biệt để nhìn, bèn có cái thấy sắc không, nghe-thấy. Cái vọng thấy và cái vọng-được-thấy này há có thể lìa Chân Tâm mà có tự thể sao? Đã gọi nó là sắc, không, nghe, thấy thì cách Chân Tâm xa rồi vậy. Ví như vốn một mặt trăng chơn thật, mà dùng cái thấy phân biệt của sự dụi mắt mà nói là có mặt trăng thứ hai. Cái mặt trăng thứ hai này há có thể lìa ngoài mặt trăng thật mà có tự thể sao? Đã gọi nói là mặt trăng thứ hai thì cách xa mặt trăng thật rồi đó. Cho nên, ở nơi sắc, không, nghe, thấy mà vọng làm chuyện đo lường mò mẫm rồi cho sắc, không, nghe, thấy tức là Chân Tâm cũng không được, mà cho rằng *chẳng phải* Chân Tâm cũng không được! Lấy vọng tìm chơn: Chơn theo vọng mà chuyen! Cũng như ở nơi mặt trăng thứ hai mà vọng làm chuyện tính toán mò mẫm, lấy đó cho rằng tức là mặt trăng thì không được, mà cho là *chẳng phải* mặt trăng cũng không được! Lấy cái dụi mắt tìm trăng, trăng tùy theo dụi mắt mà chuyen!

Cái Tâm này vốn chơn, bởi tùy vọng tưởng mà đổi. Như mặt trăng vốn thật, bởi do dụi mắt mà dời. Chỉ dứt trừ vọng tưởng át chỉ còn một tâm thê tròn sáng nhiệm mầu, không thấy có sắc, không, không thấy cái thấy-nghe, thì *phải*, *chẳng phải* do đâu mà lập? Chỉ trừ sự dụi mắt, át độc một mặt trăng, xưa nay vẫn thế, có đâu mặt trăng thứ hai mà *phi* mà *thi*?

Chỗ này tức là đoạn văn trước nói “Tôi chính thật Văn Thủ... Trong đó thật không hề có hai tướng *phải* cùng *chẳng phải*”, nên đoạn này nói “Cũng lại như thế”.

Xưa, Ngài Vân Nham đang quét sân.

Tô Đạo Ngô nói: “Việc nhỏ mọn quá”.

Vân Nham nói: “Cần biết có cái *chẳng* nhỏ mọn”.

Tô Đạo Ngô nói: “Như thế át có mặt trăng thứ hai vậy”. Ngài Vân Nham đưa chổi lên, nói: “Cái này là mặt trăng thứ mấy?”

Tô Đạo Ngô bèn thôi mà bỏ đi.

Tô Huyền Sa riêng nói rằng: “Đích thị là mặt trăng thứ hai!”

Tô Trường Khánh rằng: “Bị người ta xây ngược chổi che đến mặt, còn làm quái gì nữa!”

Tô Sa bèn thôi.

Tô Vân Môn nói: “Tôi thấy tớ thì ân cần”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“Nhờ nhau như thế rõ môn đầu
 Được dụng, tùy nghi cũng tiện thôi
 Xương voi trước hang tay rắn múa
 Chỗ làm hồi nhỏ, già biết hẹn”.

Tô Tuyết Phong từng khai thị chúng rằng: “Núi Nam có một con miết ty xà (32), tất cả các ông cần phải xem cho kỹ”.

Tô Vân Môn cầm cây gậy ném ra trước mặt, làm bộ sợ hãi.

Chỗ này há chẳng phải là “Tôi thấy tờ thì ân cần” sao? Cùng với Tô Vân Nham đưa cây chổi lên nào có khác! Cho nên mới nói “Già biết hẹn” vậy.

Thiền sư Tây Viên Tặng một ngày kia tự nấu nước tắm. Có nhà sư hỏi: “Sao chẳng sai Sa di?”

Tô Viên vỗ tay ba lần.

Vị sư kể lại với Tô Tào Sơn. Tô Sơn nói: “Cái vỗ tay, tựu trung là việc kỳ quái của Tây Viên. Một-ngón-tay-Thiền của Câu Chi, cũng vì chỗ thửa đương mà chẳng chịu kham nhận vậy”.

Vị sư lại hỏi : “Ngài Tây Viên vỗ tay, há chẳng phải là chuyện một bên mé của con tôi, cái tớ (33) sao?”

Tô Sơn nói: “Phải”.

Hỏi : “Hướng thượng (34) lại có chuyện hay không?”

Tô Sơn rằng: “Có”.

Hỏi: “Như thế nào là chuyện hướng thượng?”

Tổ Sơn nói: “Cái đồ con tôi, cái tớ”.

Xem cái lối đề xướng ấy của các vị Lão Túc, chính là sơ cho người nhận “*Tớ làm chồng*”, sa vào trong kiến giải mặt trăng thứ hai.

Kinh: “Vậy nên, hiện nay các ông phát minh các thứ xem thấy và tràn cảnh đều là vọng tưởng, thì không thể ở trong đó mà chỉ ra *phải* hay *chẳng phải*. Nhưng do tất cả đều là Chân Tâm nhiệm màu sáng suốt nên có thể làm cho các ông ra khỏi các nghĩa *chỉ được* và *không chỉ được*”.

Thông rằng: Nếu chưa thấy tánh thì tánh ở trong cái thấy, cùng tên là Kiến Tinh, đủ các thứ vọng tưởng phân biệt thì làm sao ra khỏi *tức là* hay *chẳng phải* được. Nếu thấy tánh, thì tánh thoát ngoài cái thấy, nên chẳng gọi là thấy, nghe, hay, biết. Tất cả phân biệt đều không, nên thoát ra ngoài sự *chỉ được* hay *không chỉ được*.

Câu “Không thể ở trong đó chỉ ra các nghĩa *phải* và *chẳng phải*”, thì như mặt trăng thứ hai: cái nào *tức là* mặt trăng ? Cái nào *chẳng phải* mặt trăng?

Câu “Nên có thể làm cho các ông ra ngoài các sự *chỉ được* và *không chỉ được*”, thì như một mặt trăng thật, trong đó tự nhiên chẳng có thật hay giả.

Vật là cái được chỉ ra, như đoạn trước nói “Những cái *chỉ ra được* đều là vật”. Cái thấy không có chỗ nào để chỉ ra, như đoạn trước nói “Chứ không phải là cái thấy”. Ông Anan tuy có

thể phát minh được hai nghĩa “Tiền tràn chǎng phải là cái thấy” và “Tiền tràn tức là cái thấy”, nhưng còn bị *thị, phi* trói buộc, chǎng thể thoát ra, cũng do bởi vì không biết chõ quy về của cái nghĩa này, chõ đó là thấy tánh vậy.

Nếu thấy cái Chân Tánh tròn sáng, nhiệm màu vốn hằng hằng giác ngộ, thì cái thấy cùng cái được thấy vốn không chõ có, chõ nào có cái “chỉ ra”? Cái thấy này cùng cái được thấy vốn là Tâm Thể Bồ Đề sáng sạch nhiệm màu, thì chõ nào mà chỉ ra chǎng được? Trong Thể Bồ Đề ấy, không có cái gì gọi là *phải* hay *chǎng phải*, mới là con đường thoát thân (xuất thân). Chữ *xuất* (thoát ra) ở chánh văn rất có ý vị. Sở dĩ ra được phải do chõ này, nên kinh nói “*Do thi*”, chỉ rằng phải vào trong kiến tánh mới có thể ra được.

Có nhà sư hỏi Tô Thiều Sơn: “Chõ thị phi không đến, còn có câu biện luận không?”

Tô đáp: “Có”

Nhà sư hỏi: “Đó là câu gì?”

Tô Sơn nói: “Một mảnh mây trắng chǎng lộ bày vέ xáu”.

Tô Thiên Đồng nêu ra rằng: “Khắp thân che chở, chǎng phạm tôn nghiêm. Bỏ địa vị lui về, ở một bên nâng đỡ. Cần nên uyển chuyển. Có thấy hình tướng của Thiều Sơn ở chốn nào? Nếu tận lực tìm cha, hãy hướng vào trong ấy!”

Tô Động Sơn kệ rằng:

“*Núi xanh: cha mây trắng*
Mây trắng: con núi xanh

*Mây trắng suốt ngày dựa
Núi xanh vốn chẳng hay”.*

(Thanh sơn bạch vân phụ
Bạch vân thanh sơn nhi
Bạch vân chung nhật ỷ
Thanh Sơn tổng bất tri)

Tô Thiều Sơn nói: “*Một mảnh mây trắng chẳng lộ bày vẻ xấu*” vốn là đây”.

Có vị tăng hỏi thi giả Cố Phong Kiền: “Như thế nào là nỗi bè ngoài?”

Ngài Phong nói rằng: “Chẳng nhò việc trong nhà người khác”.

Hỏi: “Như thế nào là nỗi bè trong”.

Ngài đáp: “Nếu tìm cha, hãy hướng vào trong ấy!”

Tô Thiên Đồng nói: “Tận lực tìm cha, hãy hướng vào trong ấy, vốn là chỗ này”.

Lại Tô Đầu Tử tung rằng:

*“Mây trắng không hề đến đỉnh non
Mắt đầy khói, ráng, cảnh muôn ngàn
Một câu ngâm lạnh, ngàn xưa điệu
Muôn trùng xanh biếc, mọc trắng non”.*

Phải biết rằng cái tánh màu sáng vốn hằng hằng giác ngộ, vượt ngoài phải cùng chẳng phải, như mặt trăng thứ nhất. Phải

rõt ráo được tông chỉ của Tông Tào Động mới được chõ vi diệu.

MỤC BỐN: PHÁ NHỮNG THUYẾT NHÂN DUYÊN, TỰ NHIÊN

I. NGHI TÂM TÍNH TỰ NHIÊN NHƯ THẦN NGÃ

Kinh: Ông Anan bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn, thật như chỗ Pháp Vương (35) dạy: Cái Giác Duyên (36) cùng khắp mười phương thế giới, lặng trong, thường trụ, tánh chẳng có sanh diệt. So với thuyết Minh Đế của nhóm Ông Phạm Chí Ta Tỳ Ca La (37), hay cái thuyết Chân Ngã cùng khắp mười phương của các nhóm ngoại đạo Đầu Khôi (38) có gì là khác?

“Thế Tôn cũng từng ở núi Lăng Già vì các Bồ Tát Đại Huệ mà giảng bày nghĩa này: Các ngoại đạo kia thường nói Tự Nhiên, còn Ta nói Nhân Duyên, chẳng phải cảnh giới của họ. Nay tôi xem cái Giác Tánh ấy, thấy là Tự Nhiên, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, lìa xa tất cả hư vọng điên đảo, hình như chẳng phải là Nhân Duyên, cũng không phải là Tự Nhiên của họ.

“Xin Phật khai thị thế nào để chúng tôi khỏi lạc vào tà kiến, được cái Tâm Tánh chân thật, màu sáng, giác ngộ”.

Thông rằng: Chỗ nói Minh Đế của ngoại đạo, thế chẳng sanh diệt, nói có Thần Ngã cùng khắp mười phương, chỉ là lấy cái Thức Thú Tám làm Tông, chỉ được cái mùi vị vui thú mờ mịt mịt, chó chẳng phải có cái nhiệm màu của Đại Viên Cảnh Trí. Đã có Thần Ngã, tức là căn bản sanh tử, sao được là cái Nhân Địa Chân Chánh?

Phật nói Nhân Địa Chân Chánh tức là Đệ Nhất Nghĩa Đế, lấy cái chẳng sanh chẳng diệt làm cái Nhân Địa tu hành, chẳng phải là cái nhân duyên thế tục.

Ông Anan vừa mới tin được, bỗng khởi nghi mà nói “Hình như chẳng phải là Nhân Duyên, cũng không phải là Tự Nhiên của ngoại đạo”, mà còn cho Giác Tánh là Tự Nhiên, nói rằng Giác Tánh lìa xa hai tướng *thị* và *phi*, lặng trong, thường trụ nên gọi là Tự Nhiên. Trước thì chấp cái *thấy* *sông* (39) là chẳng sanh diệt, đã là chưa đạt đến cội gốc. Nay thì chỉ ra cái “*tánh* *lìa* *khỏi* *cái* *thấy*”, cho đó là Tự Nhiên, lại càng chưa siêu thoát. Nên ông cầu xin Thế Tôn khai thị cho khởi lạc vào những tà kiến hư vọng điên đảo của các thuyết Tự Nhiên và Nhân Duyên.

Tổ Trưởng Sa Sầm khiến vị tăng hỏi Hòa Thượng Hội: “Khi chưa thấy Nam Tuyền thì như thế nào?”

Ngài Hội im lặng hồi lâu.

Vị tăng hỏi: “Sau khi thấy thì thế nào?”

Ngài Hội nói: “Không thể riêng có!”

Vị tăng về thưa lại với Tổ Trưởng Sa. Tổ Sa nói:

“Đầu sào trăm thước đã được ngồi
 Tuy rằng nhập được vẫn chưa Chân
 Đầu sào trăm thước cần tiến bước
 Mười phương thế giới hiện toàn thân”.

(Bách xích can đầu tọa đế nhơn

Tuy nhiên đắc nhập bất vi Chơn
 Bách xích can đầu tu tấn bộ
 Thập phương thế giới hiện toàn thân).

Vị tăng hỏi: “Đâu sào trăm thuróc làm sao tiến bước?”

Tổ Sa đáp: “Núi Lãng Châu, sông Lẽ Châu”.

Vị tăng thưa: “Dạ, chẳng am hiểu”.

Tổ Sa rằng: “Bốn biển, năm hồ vua trị trông”.

Ngài Thiên Đồng tụng:

*“Một tiếng gà phá mộng ngọc nhân (40)
 Nhìn lại cuộc đời sắc sắc bằng
 Có tin xuân sấm dục trùng nở
 Đào lý vô ngôn, tự thành đường (lối)
 Đến thời tiết, gắng sức cày
 Ai ngại ruộng xuân bùn lút cẳng? ”.*

Cũng như họp nhau ngồi ở chỗ sạch sẽ, chẳng thể xuống nước, xuống bùn, ra tay ngang dọc bèn là cùng sanh diệt chong trái. Nên tuy là có nhập nhưng chẳng phải chân thật. Chỗ ngoại đạo gọi là Minh Đé, đại khái tựa hồ như đây.

Tổ Trường Sa nói: “Mười phương thế giới hiện toàn thân. Ngoại đạo cũng nói có Thần Ngã cùng khắp mười phương. Chỗ nào chẳng đồng, thử tham coi!”

II. CHỈ RA KHÔNG PHẢI LÀ TỰ NHIÊN

Kinh: Phật bảo Ông Anan: “Nay Ta phuorong tiện chỉ bày chân thật bảo ông như thế, ông còn chưa ngộ mà lầm cho là Tự Nhiên!

“Anan, nếu chắc là Tự Nhiên, tự phải chỉ rõ thể tánh của Tự Nhiên. Ông hãy xét trong cái Thấy Diệu Minh đó, lấy cái gì làm tự thể? Cái Thấy đó lấy cái sáng làm tự thể ư? Lấy cái tối làm tự thể ư? Lấy hư không làm tự thể ư? Lấy cái ngăn bít làm tự thể ư?

“Anan, nếu cái sáng là tự thể thì lẽ ra không thấy cái tối! Nếu lấy cái không làm tự thể thì lẽ ra không thấy được ngăn bít. Như vậy cho đến lấy cái tướng tối làm tự thể thì đến khi sáng, thì cái tánh thấy phải diệt mất, làm sao còn thấy cái sáng?”

Thông rằng: Nói rằng tự nhiên tức là nói tự thể vốn y nhiên thường trụ chẳng biến đổi. Vậy cái tánh thấy màu sáng này lấy cái thấy sáng làm tự nhiên ư? Lấy cái thấy tối làm tự nhiên ư? Lấy thấy hư không làm tự nhiên ư? Lấy ngăn bít làm tự nhiên ư? Nếu tự nhiên thấy sáng thì lẽ ra không thấy tối! Nếu tự nhiên thấy hư không thì lẽ ra không thấy ngăn bít! Nếu tùy duyên mà biến đổi thì cái thể chẳng phải là tự nhiên vậy.

Hoặc nói cái thấy ấy là cái thể của tự nhiên; sáng, tối, hư không, ngăn bít tùy duyên mà thấy, há chẳng phải tự nhiên ư? Nhưng giả sử không có sáng, tối, hư không và ngăn bít thì cái thấy dùng vào đâu? Cái gọi là tự nhiên ấy đều thành đoạn diệt đấy thôi.

Ở đây chỉ bác bỏ là không thể lấy tự nhiên làm tánh thấy, chứ chẳng phải nói rằng cái tánh thấy do sáng, tối, không, bít mà có. Nếu luận về chỗ sanh khởi từ đâu thì Tánh Thấy tuy chẳng do sáng, tối, không, bít mà có, lại từ Bổn Giác Diệu Minh lưu xuất ra. Nhưng thế thì Bổn Giác Diệu Minh lấy gì làm tự thể, thật mờ miêng chẳng nói được!

Tổ Thạch Sương ban đầu ở Tổ Quy Sơn làm người giã gạo. Một hôm, đang sàng gạo, Tổ Quy Sơn nói: “Vật của thí chủ chớ làm rơi rớt”.

Ngài nói: “Chẳng có rơi rớt”.

Tổ Quy Sơn nhặt được một hột gạo trên mặt đất, rồi nói: “Ông nói chẳng rơi rớt, vậy cái này là cái gì?”

Ngài Thạch Sương không đáp được.

Tổ Quy Sơn lại nói: “Chớ khinh thường một hột gạo này. Trăm ngàn hột đều do một hột này sanh ra”.

Ngài Thạch Sương nói rằng: “Trăm ngàn hột từ một hột ấy sanh ra, chưa rõ một hột ấy từ chỗ nào sanh?”

Tổ Quy Sơn ha hả cười lớn, quay về phuơng trượng.

Tối đến, Tổ Quy thượng đường nói: “Này đại chúng, trong hột gạo có sâu, các người hãy xem cho kỹ!”

Ôi! Tìm cầu tự thể của cái sanh ra này chẳng thể được! Chỗ nào để an lập cái tên Tự Nhiên đây? Cho nên gọi ấy là Tự Nhiên thì chẳng phải!

III. NGHI LÀ NHÂN DUYÊN

Kinh: Ông Anan thưa: “Chắc là cái tánh thấy mâu nhiệm này tánh nó chẳng phải là Tự Nhiên, thì nay tôi phát minh là nói do Nhân Duyên sanh, nhưng tâm trí còn chưa rõ, xin hỏi Như Lai, nghĩa lý thế nào cho hợp với tánh Nhân Duyên?”

Thông rằng: Ông Anan thường nghe Thé Tôn lấy nhân duyên phá Tự Nhiên. Giờ đây, cái tánh thấy này đã chẳng phải là tự nhiên,ắt phải thuộc về nhân duyên. Bèn nghi cái nghĩa nhân duyên: vô thường, sanh diệt, đây có, kia không, thế chẳng thường khắp. Thế thì há đồng với Giác Tánh lặng trong thường trú sao? Hành tướng trái nhau, làm sao hợp với tánh nhân duyên? Cái nghi này rất vi tế. Luận Trung Quán nói: “Không có vật gì từ duyên mà sanh khởi. Không có vật gì theo duyên mà diệt mất. Khởi chỉ là các pháp khởi. Diệt chỉ là các pháp diệt”. Cũng như vẽ trên nước thành chữ, chưa từng sanh ra hay diệt mất. Như thế thì làm sao mà hợp với tính nhân duyên?

Thiền sư Báo Ân Minh thường nêu lên bài Minh ở tháp của Ngài Tuyết Phong mà hỏi các vị Lão Túc: “Phàm từ duyên mà có: trước sau đều thành, hoại. Chẳng từ duyên mà có: trải kiếp vẫn lâu bền. Bèn chắc với hư hoại, dẹp qua một bên! Ngài Tuyết Phong ngày nay ở tại chỗ nào?”

Ngài Pháp Nhã riêng nói rằng: “Chỉ nay, đây là thành, đây là hoại!”

Các bậc Lão Túc đương thời chẳng thể đối đáp.

Chỗ này há có thể lấy sự nông cạn mà dòm ngó sao?

IV. TÁNH THÁY KHÔNG PHẢI LÀ NHÂN DUYÊN, RỜI CÁC DANH, TƯỚNG

Kinh: Phật dạy: “Ông nói Nhân Duyên, Ta hỏi ông: “Nay ông do nhân bởi cái thấy, tánh thấy hiện tiền. Vậy cái thấy này nhân cái sáng mà có thấy? Nhân cái tối mà có thấy? Nhân hư không mà có thấy? Nhân ngăn bít mà có thấy?

“Anan, nếu cái thấy nhân cái sáng mà có thì lẽ ra không thấy được tối; còn như nhân cái tối mà có thì lẽ ra không thấy được cái sáng. Như vậy cho đến nhân hư không, nhân ngăn bít thì cũng đồng như nhân cái sáng và cái tối.

“Lại nữa, Anan, cái thấy ấy lại là nương cái sáng mà có thấy? Nương cái tối mà có thấy? Nương hư không mà có thấy hay nương ngăn bít mà có thấy? Anan, nếu nương hư không mà có thấy thì lẽ ra không thấy được ngăn bít. Nếu nương ngăn bít mà có thấy thì lẽ ra không thấy được hư không. Như vậy cho đến nương cái sáng, nương cái tối cũng đồng như nương hư không, nương ngăn bít.

“Nên, biết rằng cái Tinh Giác Diệu Minh như thế chẳng phải Nhân, chẳng phải Duyên, cùng chẳng phải Tự Nhiên, chẳng phải Không Tự Nhiên. Không có cái *không phải* hay *không không phải*, không có *túc Là* hay *không túc* là, là cả thấy tướng, túc là cả thấy pháp. Nay ông làm sao ở trong ấy mà khởi tâm, dùng những danh tướng hý luận thế gian mà phân biệt cho được? Như lấy tay mà nắm bắt hư không, chỉ

thêm tự làm nhọc mình. Hư không làm sao lại để cho ông nắm bắt?”

Thông rằng: Nương vào vật là Nhân; theo với vật là Duyên. Nhân thì gần, Duyên thì xa, nên phân làm hai môn. Tánh thấy hiện tiền, nếu nói là thông bít mà hiển bày, thì được; chứ nói: tánh thấy nhân sáng, tối, thông bít mà có, thì không được. Nói rằng tánh thấy duyên sáng, tối, thông, bít mà phát ra tác dụng, thì được, chứ nói: Tánh thấy duyên sáng, tối, thông, bít mà khởi, thì không được.

Cho nên nói nhân duyên là sai. Vì sao thế?

Cái Tinh Giác Diệu Minh vốn không có hình tướng. Nếu nói là nhân duyên, là tự nhiên thì thuộc về tướng nhân duyên, tướng tự nhiên rồi. Bởi vậy, ban đầu nói “Chẳng phải nhân, chẳng phải duyên, cũng chẳng phải tự nhiên”, là để trừ bỏ tướng. Nhưng còn *cái chẳng phải tướng* ở trong đó. Kế đến nói “Chẳng phải không nhân duyên, chẳng phải không tự nhiên”, là để trừ bỏ *phi tướng*. Nhưng mà còn *cái không phải phi tướng* ở trong đó. Cuối cùng thì nói “Không có không phải hay không không phải, không có *tức là* hay không *tức là*. Đó là cái chõ mà phải và chẳng phải đều không tới được, chẳng cho phép sự luận bàn, chẳng dung tha suy tính, tức là cái thực tướng Tinh Giác Diệu Minh vậy.

Các tướng *phải* hay *chẳng phải* kia đều là vọng tình biến kế phân biệt. Bản Thể Diệu Minh vốn không có chuyện đó, nên nói “*Lìa cả thấy tướng*”. Biến kế vọng tướng phân biệt đã

lìa thì đó là cái Thể Viên Thành Thật, chạm vào đâu là hiện bày trước mắt. Thê nên mới nói “*Tức cả thảy pháp*”.

Cố Đức nói “Chỉ lìa vọng duyên tức Như Như Phật”, là nói chỗ này đây vậy.

Xưa, Tô Sơ Sơn đến chỗ ở của Tô Quy Sơn bèn hỏi: “Thầy tôi có nói: “Câu có, câu không, như dây leo bám cây. Bỗng nhiên cây ngã, dây khô, câu về chốn nào?”

Tô Quy Sơn ha hả cười lớn.

Sơ Sơn nói: “Tôi mua vải làm giày, từ bốn ngàn dặm đến đây, Hòa Thượng đâu nên đùa cợt”.

Tô Quy Sơn gọi thị giả: “Lấy tiền trả lại cho Ông Thượng Tọa này”.

Rồi dặn rằng “Sau này sẽ có con rồng một mắt vì thầy mà chỉ phá cho”.

Sau, Ngài Sơ Sơn đến Tô Minh Chiêu, kể chuyện cũ.

Tô Minh Chiêu nói: “Ngài Quy Sơn, có thể nói là đầu chánh, đuôi chánh, chỉ vì chẳng gấp tri âm!”

Ngài Sơ Sơn bèn hỏi: “Cây ngã, dây khô, câu về xú nào?”

Tô Chiêu nói: “Lại khiến Quy Sơn phát tiếng cười mới”.

Ngài Sơ Sơn ngay dưới lời nói có tinh ngộ, bèn nói: “Thì ra trong cái cười của Quy Sơn vốn có chứa đao!”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Đây khô, cây ngã, hỏi Quy Sơn
Ha hả cười to, há chẳng màng?
Trong cười có đao, nhìn ra được
Không đường suy, nói, bắt cơ quan (41) ”.*

(Đắng khô thọ đảo vấn Quy Sơn
Đại tiểu kha kha khởi đắng nhàn
Tiểu lý hữu đao không đắc phá
Ngôn tư vô lộ tuyệt cơ quan).

Tổ Quy Sơn trong chõ ấy, trước sau chỉ có ha hả cười to, như một dấu ấn ấn ra.

Ngài Sơ Sơn nói “Trong cái cười có đao!”, bèn chụp được hư không vậy.

Tổ Thạch Củng hỏi Thầy Tây Đường: “Ông có nắm bắt được hư không chẳng?”

Ngài Tây Đường đáp: “Nắm bắt được”.

Tổ Củng nói: “Bắt thế nào?”

Tổ Đường lấy tay chụp nắm hư không.

Tổ Củng nói: “Ông chẳng biết chụp!”

Tổ Đường hỏi lại: “Sư huynh bắt như thế nào?”

Tổ Thạch Củng nắm mũi Ngài Tây Đường kéo đi.

Ngài Tây Đường nhịn đau, nói: “Gã đại hung thần này kéo lõi mũi người!” Liền muốn thoát ra.

Tổ Thạch Cửng nói: “Phải như thế mới bắt hư không được”.

Nên chi, lấy danh tướng hý luận mà nắm bắt hư không: Ôi, khó thay! Khó thay!

V. BÁC NHÂN DUYÊN, TỰ NHIÊN

Kinh: Ông Anan bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn, nếu quả cái Tánh Diệu Giác chẳng phải nhân, chẳng phải duyên thế sao Thế Tôn thường chỉ dạy cho chúng Tỳ Kheo rằng tánh thấy có đủ bốn thứ duyên, đó là: nhân Hư Không, nhân Ánh Sáng, nhân Tâm Thức và nhân Con Mắt. Nghĩa ấy thế nào?”

Phật bảo: “Anan, Ta nói như thế, là nói về các tướng nhân duyên của thế gian, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa. Anan, Ta lại hỏi ông: Các người thế gian nói “Tôi thấy được”, thì thế nào gọi là thấy? Thế nào gọi là không thấy?”

Anan thưa: “Người đời nhân ánh sáng mặt trời, mặt trăng, đèn mà thấy mọi thứ hình tướng thì gọi là thấy. Nếu không có ba thứ ánh sáng đó thì không thấy được”.

- Anan! Nếu khi không có ánh sáng mà gọi là không thấy, thì lẽ ra không thấy tối. Nếu có thấy tối, thì đó chỉ vì không có ánh sáng chứ đâu phải là không thấy? Anan, nếu trong khi tối, vì không thấy sáng mà gọi là không thấy, thì khi sáng, không thấy tướng tối, cũng gọi là không thấy. Như thế thì cả hai tướng sáng, tối đều gọi là không thấy cả. Còn nếu như hai cái sáng, cái tối tự lấn đoạt nhau, chứ không phải trong đó cái tánh

thấy của ông có lúc không có. Như thế thì biết: cả hai lúc sáng và tối đều gọi là thấy, chớ sao lại nói là không thấy?”

Thông rằng: Chỗ này, Thé Tôn trước là phá cái tướng nhân duyên của thế gian, sau là hiển bày cái Đệ Nhất Nghĩa Đế. Thế gian cho rằng cái thấy nhân ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn mà có. Nhưng không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn đâu phải là không có cái thấy, cũng là thấy tối, thấy sáng đó vậy. Sáng, tối tự chúng thuộc về tiền trần, cái thấy (Kiến Tinh) vốn không sanh diệt. Do đó mà nói “Cái thấy của thế gian cũng là chẳng phải nhân, chẳng phải duyên”, huống tiền đến chỗ này ư?

Thiền sư Cửu Phong Kiền thọ tâm ấn nơi Tô Thạch Sương. Có nhà sư hỏi: “Trong kinh có nói: Đầu ba duyên ánh sáng mới thành cái thấy. Ba Duyên chưa có, có thành cái thấy không?”

Tô Kiền nói: “Duyên có sai khác, cái thấy không thiếu hụt”.

Vị sư hỏi: “Đã không thiếu hụt, ở trong tối sao chẳng thấy vật?”

Tô Kiền nói: “Tuy chẳng thấy vật, đâu phải không thấy tối?”

Nhà sư hỏi: “Lìa hết ba duyên, như thế nào là chỗ Chân Kiến?”

Tô Kiền nói: “Giáp vòng trái đất, mặt trời đen tơ sơn đen”.

Trong bài Tham Đồng Khế của Ngài Thạch Đầu có câu: “Ngay trong sáng có tối, chớ dùng tối gắp nhau! Ngay trong tối có sáng, chớ dùng sáng thấy nhau!”

Chính là đồng với cái ý chỉ này. Đây thật là nào có đồng bậc với sáng tối, cần phải có mắt mới phân biệt được.

VI. CHỈ THẮNG TÁNH THẤY

Kinh: “Cho nên, Anan, bây giờ ông nên biết rằng: Khi thấy sáng, cái thấy chẳng phải là sáng. Khi thấy tối, cái thấy chẳng phải là tối. Khi thấy không, cái thấy chẳng phải là không. Khi thấy ngăn bít, cái thấy chẳng phải là ngăn bít. Bốn nghĩa đó đã thành rồi, ông lại nên biết: khi thấy mà có tướng thấy, cái thấy đó chẳng phải là tánh thấy. Cái thấy mà do lìa tướng thấy, đó là tánh thấy siêu việt (*Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến. Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập*).

“Vậy thì làm sao lại nói các tướng nhân duyên, tự nhiên hay hòa hợp?”

Thông rằng: Chỗ này Đức Thế Tôn hiển bày Đệ Nhất Nghĩa Đế, cái gọi là Con Đường Bồ Đề Nhiệm Mầu. Kiến và kiến duyên đủ năm thứ nghĩa: sáng, tối, hư không, ngăn bít là bốn thứ; kiến duyên và kiến tinh (cái thấy) là một thứ vọng kiến. Thế Tôn ở chỗ này mà lựa ra cái Kiến Tinh chẳng phải là bốn thứ sáng, tối, không, bít. Lấy bốn nghĩa này suy ra để rõ được cái thấy lìa duyên trần mà vẫn tự có. Ngay ở đây lại lựa ra cái chơn kiến (tánh thấy) soi rõ Kiến Tinh, là cái mà cái thấy không thể bì kịp. Đây chính là mặt trăng thứ nhất, cho nên cái thấy vẫn còn là vọng. A ha! Cái chơn kiến còn lìa cả

mọi tướng thấy thì chõ nào có hơi thở, bóng dáng gì để theo đó mà mô phỏng ra nó? Nói nhân duyên, nói tự nhiên, nói hòa hiệp, há chẳng là hư vọng ư?

Tổ Bách Trượng hỏi vị tăng: “Thấy không?”

Đáp: “Đã, thấy”.

Tổ Trượng rằng: “Sau khi thấy thì như thế nào?”

Đáp: “Thấy chẳng có hai”.

Tổ Trượng nói: “Đã nói là thấy thì không hai, tức là không lấy cái thấy mà thấy nơi *cái vốn thấy*. Nếu *cái vốn thấy* mà trở lại thấy, thì cái thấy trước là đúng hay cái thấy sau là đúng? Như nói, “Khi thấy mà còn có tướng thấy, đó chẳng phải là chơn kiến. Thấy mà do lìa tất cả tướng thấy, cái thấy ấy là siêu việt (42)”. Bởi thế, chẳng hành cái *pháp thấy*, chẳng hành cái *pháp nghe*, chẳng hành cái *pháp giác ngộ*, thì Chư Phật liền thọ ký”.

Lại nữa, kinh Bảo Tích nói: “Pháp thân chẳng có thể lấy thấy, nghe, hay, biết mà tìm cầu. Chẳng phải là chõ thấy của con mắt thịt, vì là không có sắc. Chẳng phải là chõ thấy của thiên nhãn vì không hư vọng. Chẳng phải chõ thấy của huệ nhãn, vì lìa hình tướng. Chẳng phải chõ thấy của pháp nhãn, vì lìa các hành. Chẳng phải là chõ thấy của Phật nhãn, vì lìa hết thấy thức. Nếu chẳng tạo ra các thứ thấy như vậy, thì gọi đó là cái thấy của Phật”.

Xưa, thiền sư Thiệu Long ban đầu ra mắt Tổ Trưởng Lô, được chõ đại lược. Nhân có người đưa đến bộ Ngũ Lục của

Ngài Viên Ngộ, sư đọc mà than rằng: “Nghĩ đến chua thì chảy nước miếng. Tuy chưa rửa sạch gan ruột, đã khiến người được vui sướng. Chỉ hận là chưa được giáp mặt chuyện trò”.

Bèn từ giả Ngài Trường Lô mà qua chỗ Ngài Trạm Đường. Trước đến Hoàng Long, hỏi Tô Tử Tâm; kế đó tham yết Ngài Viên Ngộ.

Một hôm, đang nhập thất thì Ngài Viên Ngộ nói: “Khi thấy mà có tướng thấy, cái thấy ấy không phải là cái thấy chân thật. Thấy do lìa tướng thấy, cái thấy ấy siêu việt”.

Rồi đưa tay lên mà nói: “Thấy không?”

Sư Long nói: “Thấy”.

Tô Viên Ngộ nói: “Trên đâu để thêm cái đầu !”

Sư Long nghe thì tức thời khẽ ngô.

Tô Viên Ngộ quát nạt rằng: “Thấy cái gì?”

Thiệu Long đáp: “Tre dày chẳng ngại nước chảy qua”.

Tô Viên Ngộ chấp nhận, khiến trông coi chỗ cát kinh.

Có người hỏi Ngài Viên Ngộ: “Thiệu Long yếu như thế, sao làm nổi?”

Ngài đáp: “Con cọp ngủ đó!”

Thiền sư Đức Sơn Quyên thượng đường dạy rằng: “Khi thấy mà có tướng thấy, đó chẳng phải là chơn kiến. Thấy do lìa tướng thấy, đó là cái thấy siêu việt”.

Rồi hét lên rằng: “Cá kinh uống hết biển, lộ ra nhánh san hô”.

Trong đại chúng bỗng có ông tăng bước ra, nói: “Trưởng Lão thôi đừng nói chiêm bao, mới húa cho y đú một con mắt lẻ”.

Người xưa ở nơi câu này (“*Kiến kiến chi thời,...*”) đều nhờ ngón tay mà thấy mặt trăng. Một hột thuốc Tiên biến đổi cốt phàm, quả chẳng dễ dàng!

Kinh: “*Hàng Thanh Văn các ông hẹp hòi không biết, chẳng có thể thông đạt Thật Tướng thanh tịnh. Nay ta khuyên dạy ông hãy khéo tư duy, chớ nên trễ nải trên đường Bồ Đề Mầu Nhiệm*”.

Thông rằng: Cái Thật Tướng thanh tịnh ai ai cũng săn đú. Vậy tại sao hàng Thanh Văn chẳng có thể thông đạt? Bởi vì chấp trước vậy. Cái ý thức chấp trước, chốn chốn đều thọ duyên theo. Chỉ có cái là không thể duyên với Bát Nhã. Nên Đức Thế Tôn thương xót, khuyên hãy khéo tư duy. Phải ở nơi *thấy mà lìa thấy*, chứng Diệu Bồ Đề. Đó tức là chỗ chẳng phải cái thấy đến được vậy.

Tổ Giáp Sơn nói: “Trước mắt không có pháp. Trước mắt là ý, chẳng phải trước mắt là pháp. Đó chẳng phải là chỗ tai, mắt đến được. Diệu khế chỗ này”.

Tổ Thiên Đồng nêu ra rằng: “Cái lão Giáp Sơn mở banh cái bao bố, đem đồ châu báu thấy ra trước mặt các ông. Chính

ngay khi đó thì làm sao đây? Trên đường chǎng lượm của roi, người quân tử mới khen là tốt đẹp”.

Ngay cái thoại đầu tuyệt diệu thế này mà còn chǎng cho giữ lại trong ngực, Thật là đến chõ của *kiến do lìa kiến* vậy.

MỤC NĂM: CHỈ RA CÁI VỌNG THÁY

I. XIN CHỈ DẠY TÁNH THÁY CHẮNG DO THÁY

Kinh: Ông Anan bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn, như Đức Thế Tôn vì chúng tôi mà chỉ dạy về nhân duyên, tự nhiên, các tướng hòa hợp và chướng hòa Hợp, tâm tôi còn chưa khai ngộ. Nay lại nghe Phật dạy: *Tánh thấy chướng do thấy*, thì lại càng thêm mê muội.

“Cúi mong Phật thương xót, bố thí cho con mắt đại huệ, chỉ bày cho chúng tôi cái Giác Tâm sáng sạch”.

Nói vậy xong, khóc lóc cúi lạy, vâng nghe lời dạy.

Khi ấy, Thế Tôn thương xót Ông Anan và cả đại chúng, sắp muốn hiển bày pháp Đại Tống Trì (Đà La Ni), các Tam Ma Đề là Con Đường Vi Diệu của sự tu hành, nên mới bảo Ông Anan rằng: “Ông tuy có trí nhớ mạnh mẽ, nhưng chỉ thêm phần đa văn, chứ nơi pháp Xa Ma Tha quán chiếu vi mật, tâm còn chưa rõ. Nay ông hãy nghe kỹ, ta sẽ vì ông phân biệt chỉ bày, cũng là khiến cho những kẻ hữu lậu mai sau được quả Bồ Đề”.

Thông rằng: Tịch mà thường Chiếu, cho nên có thể soi rõ Kiến Tinh (cái thấy) là hư vọng. Chiếu mà thường Tịch cho nên biết: “Tánh thấy chướng phải là cái thấy (*kiến phi thị kiến*)”. Chỗ này mà hàng ngày chướng vien dung ba Pháp Quán (Không, Giả và Trung) thì chưa dễ hiểu nổi.

Sư Thạch Môn Uẩn Huy làm vườn ở chỗ Tô Thanh Lâm.

Một ngày kia đang đứng hầu, Tô nói: “Hôm nay ông làm gì?”

Đáp: “Trồng rau”.

Tô Lâm nói: “Khắp pháp giới, đó là thân Phật, ông hướng chỗ nào trồng”.

Sư đáp: “Cây vàng chẳng động đất, mầm linh tại chỗ sanh”.

Tô Lâm hân hoan.

Hôm sau, Tô Thanh Lâm vào vườn, gọi: “Uẩn Xà Lê!”

Sư Uẩn lên tiếng: “Đã”.

Tô Lâm rằng: “Trồng thêm cây không ảnh, để lại cho người sau xem”.

Sư Uẩn nói: “Nếu là cây không ảnh, há để chịu trồng ư?”

Tô Lâm nói: “Không chịu trồng thì để đó! Ông từng thấy nhánh lá nó không?”

Đáp: “Chẳng từng thấy”.

Tô Lâm: “Đã chẳng từng thấy, sao biết nó chẳng chịu trồng?”

Đáp: “Chỉ vì nó chẳng từng thấy, cho nên nó chẳng chịu trồng”.

Tô Lâm rằng: “Đúng vậy, đúng vậy”.

Nếu ngộ được *tánh thấy lìa mọi tướng thấy*, thì tất cả nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp do cái thấy lập ra từ đâu mà sanh khởi?

Thiền sư Trí Cụ ban đầu hỏi Tô Tiên Tào Sơn rằng: “Người xưa nâng giữ cho người bên ngoài mé, kẻ học nhân này làm sao lãnh hội?”

Tô Sơn đáp: “Lui bước liền tựu thành mình, muôn ngàn chặng mắt một!”

Thiền sư Trí Cụ, ngay dưới lời, liền tiêu tan hết kiến giải, mới từ biệt đi. Sau đó, tham học khắp nơi.

Một hôm, đang xem kinh thì có vị sư hỏi: “Tâm của Thiền Tăng chặng treo nhẫn đến một chữ cái, đâu thể học nhiều?”

Ngài đáp: “Văn tự thì khác nhau, muôn pháp thể vốn không. Mê thì câu câu đều là ghẻ lở. Ngộ thì lời lời đều là Bát Nhã. Ví không lấy, bỏ, nào hại *Vẹn Tròn* kia.

Cho nên nhớ nhiều, đa văn mà được như Ngài Trí Cụ thì cái gì mà chặng có thể?

II. CHỈ RA HAI THỨ VỌNG THẤY

Kinh: “Anan, tất cả chúng sanh luân hồi trong thế gian đều do hai cái vọng thấy đên đảo phân biệt. Ngay nơi tánh tánh mà phát sanh, ngay theo nghiệp mà xoay vần. Thế nào là hai cái vọng thấy? Một là, cái Vọng Biệt Nghiệp của chúng sanh. Hai là, cái Vọng Thấy Đồng Phận của chúng sanh.

Thông rằng: Sắp nói rõ cái Kiến Tinh (cái Thấy) là hư vọng, nên dùng hai cái Vọng Kiến Biệt Nghiệp và Đồng Phận mà chỉ bày. Đã rõ Biệt Nghiệp là hư vọng thì cái hư vọng của Đồng Phận có thể suy ra vậy. Đã biết Đồng Phận là hư vọng, thì có thể suy ra cái hư vọng của Kiến Tinh. Biết Kiến Tinh là hư vọng thì rõ ngay Tánh Thấy chẳng hư vọng. Hiểu suốt chỗ này thì *Tánh Thấy chẳng phải là cái thấy*, có thể tự suốt nhiên không nghi ngờ gì nữa.

Thấy, nghe, hay, biết cũng cùng là hư vọng điên đảo, vậy sao chỉ biện rõ ở *cái thấy* mà thôi? Ở đoạn trước đã nói, “Khiến cho ông bị trôi lăn là lỗi ở *tâm* và *con mắt*”. Cho nên trôi nổi bôn ba theo sắc, chỉ có *cái thấy* là khó trị nhất.

Ông Anan bị Cô Ma Đặng Già mê hoặc, đó chẳng phải Cô Ma Đặng Già mê hoặc Ông Anan, mà chính là do cái vọng thấy của Anan làm nên bệnh. Huống gì cái vọng thấy lưu chuyển này lại thuộc về sanh diệt, mà cái Thấy Chân Thật (Chơn Kiến) thì chẳng thể trả về đâu, lặng trong thường trụ. Cho nên lấy cái thấy của người mù mà thấy sắc, thì sắc chẳng đáng ưa! Lấy cái thấy của thấy tối mà thấy ánh sáng, tức là cái thấy vốn chẳng có sáng, có tối. Đạt thăng đến cái gốc nguồn của mọi cái thấy, thì rõ suốt cái tánh thấy vốn không có cái thấy nào đến được, thế thì còn đâu cái làm lỗi trôi lăn?

Xưa, Tổ Quy Sơn hỏi Ngài Ngưỡng Sơn: “Chúng sanh trong đại địa, cái nghiệp thức mang mang, vốn không có gốc rễ, căn cứ. Ông làm sao biết kia có hay không có?”

Ngưỡng Sơn đáp: “Huệ Tịch này có chỗ nghiệm xét”.

Khi ấy, có một vị tăng đi ngang trước mặt, Ngài Ngưỡng Sơn gọi: “Thầy Xà Lê!”

Vị tăng quay đầu lại.

Ngưỡng Sơn nói: “Thưa Hòa Thượng, cái này chính là nghiệp thức mang mang, không có gốc rễ, căn cứ”.

Tổ Quy Sơn nói: “Đây thật là một giọt sữa sư tử, làm tiêu sáu đầu sữa lừa!”

Ngài Thiên Đồng tung rằng:

*“Một gọi, quay đầu biết ta không?
Lưới trăng thưa thót lại thành cong (như móc câu)
Con quí ngàn vàng vừa lưu lạc
Mờ mịt đường cùng chắc thấy sâu”.*

Một tắc này đây, gọi là Vọng Kiến Biệt Nghiệp thì được đó!

Ông Thượng Thơ Trần Tháo đang cùng những bạn đồng liêu ở trên lầu thì thấy có vài nhà sư đi tới.

Có một vị quan nói: “Những người đi tới đó đều là tăng hành cước”.

Trần Tháo nói: “Chẳng phải đâu”.

Vị quan nói rằng: “Sao biết chẳng phải?”

Tháo nói: “Chờ tới rồi thẩm nghiệm xem”.

Chốc lát, các vị sư đi tới trước lầu. Ông Tháo đột nhiên kêu lớn: “Thượng Tọa!”

Các nhà sư đều ngẩng đầu lên.

Ông liền nói với các vị quan rằng: “Chẳng tin đạo”. Các quan ngơ ngác.

Ngài Thiên Đồng nêu lên rằng: “Trần Thượng Thơ ngay mặt mà nêu rõ, dối Ngài Trường Lô một điểm chẳng được!”

Tức một tắc này, gọi là Vọng Kiến Đồng Phận thì được lăm! Nhưng nếu trong các vị sư, có vị khi nghe la mà chẳng quay đầu, ắt khiến Ngài Ngưỡng Sơn phải nhổ lưỡi ra và Ông Trần Tháo phải xin lỗi đấy.

Kinh: “Thế nào là Vọng Kiến Biệt Nghiệp?

“Anan, như người thế gian con mắt bị nhăm đỏ thì ban đêm nhìn ngọn đèn thấy có riêng một bóng tròn năm màu bao phủ. Ý ông thế nào? Cái bóng sáng tròn hiện ra nơi ngọn đèn đó là sắc của ngọn đèn hay sắc của cái thấy?

“Anan, nếu như đó là cái sắc của ngọn đèn thì sao những người không nhăm mắt lại không có thấy, mà chỉ có người nhăm mắt mới thấy cái bóng tròn? Nếu đó là sắc của cái thấy thì cái thấy đã thành sắc rồi, vậy người nhăm mắt thấy bóng tròn kia gọi là cái gì?

“Lại nữa, Anan, nếu cái bóng tròn ấy rời đèn mà riêng có, thì lẽ ra các bức bình phong, màn, bàn, ghế, cũng phải có bóng tròn. Còn nếu rời cái thấy mà riêng có, thì lẽ ra không thể thấy được, có sao người nhăm mắt lại thấy cái bóng tròn ấy?

“Vậy nên biết rằng: Sắc thật ở nơi đèn, cái Thấy bị bệnh làm ra có bóng tròn. Cái bóng tròn và cái thấy có bóng tròn đều là bệnh nhãm. Cái Thấy Được Bệnh Nhãm thì vốn chẳng phải là bệnh.

“Rốt cuộc, không nên nói rằng cái bóng tròn ấy là ngọn đèn hay là cái thấy, vì ở trong đó, cái bóng tròn không phải từ ngọn đèn, cũng không phải từ cái thấy. Cũng như mặt trăng thứ hai, chẳng phải mặt trăng thật, cũng chẳng phải là cái bóng của mặt trăng. Tại sao thế? Bởi thấy cái mặt trăng thứ hai là do dụi mắt mà có. Cho nên những người trí không nên đi tìm cái căn nguyên của mặt trăng do dụi mắt mà thành là hình tướng hay chẳng phải hình tướng, là lìa cái thấy hay chẳng phải cái thấy. Bóng tròn cũng như thế: nó do nhãm mắt mà thành. Muốn gọi cái gì là ngọn đèn hay cái gì là cái thấy cũng còn chẳng được, huống hồ phân biệt cái bóng tròn là không phải ngọn đèn hay không phải là cái thấy?

Thông rằng: Sắp chỉ rõ rằng *tánh thấy chẳng phải là cái thấy*, nên lấy mắt nhãm làm ví dụ. Cái thấy-bệnh của mắt nhãm thì vọng thấy có bóng tròn. Người không nhãm làm sao thấy có bóng tròn? Nhãm mắt đó là bệnh, nhưng cái thấy-được-bệnh-nhãm thì chưa từng bệnh vậy. Đó là để so sánh với cái thấy (Kiến Tinh) là hư vọng, nên vọng thấy có Tâm Cảnh. Cái tánh thấy thì không hư vọng, nên không thấy có tâm cảnh. Vậy thì cái thấy là hư vọng chứ tánh thấy chưa từng hư vọng. Nếu ở nơi chỗ vọng thấy có tâm cảnh lại sanh khởi thêm cái thấy về nhân duyên, tự nhiên, thì phi thì cũng giống như người

nhặt mắt thấy cái bóng tròn rồi truy tìm cái căn nguyên phát sanh của nó!

Cho cái bóng lò áy là ngọn đèn, là cái thấy tức nói cái bóng tròn do ngọn đèn, do cái thấy mà có: đó là nghĩa nhân duyên.

Cho cái bóng lò áy chǎng phải ngọn đèn hay cái thấy, là nói cái bóng tròn lìa ngọn đèn, lìa cái thấy mà riêng có: đó là nghĩa tự nhiên.

Đã chǎng phải là nhân duyên, lại chǎng phải là tự nhiên, thời chỉ do mắt nhặt mà thành có bóng tròn vậy.

Cái nhặt mắt thấy có bóng tròn, và cái dụi mắt thấy mặt trăng thứ hai, đồng là một cái bệnh-thấy. Nếu suy xét cái chõ phát sinh của mặt trăng thứ hai này là hình tướng hay là cái thấy, lìa hình tướng hay lìa cái thấy thì quả là mê muội thay! Cũng như nói cái bóng tròn là ngọn đèn, là cái thấy, hay chǎng phải ngọn đèn, chǎng phải cái thấy, thì gọi là người trí được sao?

Ở hai trường hợp này, biết rõ là hư vọng, suy cứu cái nghĩa nhân duyên, tự nhiên còn không thể được huống gì trong cái Bốn Giác Minh Tâm chǎng phải là nhặt mắt hay dụi mắt các thứ, vốn không có tướng tròn hay mặt trăng thứ hai thì ở chõ nào mà vọng lập ba thứ hý luận nhân duyên, tự nhiên!

Cho nên, lấy nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp mà luận về cái thấy, cũng còn trong bệnh nhặt mắt vậy thôi, người trí không thể, vì đó là Biệt Nghiệp Vọng Kiến.

Tổ Quy Sơn thấy lửa đồng (dã hỏa), hỏi Ngài Đạo Ngô: “Có thấy lửa không?”

Đạo Ngô nói: “Dạ, thấy”.

Tổ Sơn: “Từ đâu khởi ra?”

Đạo Ngô: “Dẹp hết sự đi, đứng, nằm, ngồi xin thầy riêng đưa một câu hỏi xem?”

Tổ Quy làm thính.

Tổ Phật Giám nêu ra rằng:

*Rực rực lửa đồng
Người người đều thấy
Chỉ có Đạo Ngô
Thấy ra khác hẳn.*

Tổ Hương Lâm Viễn đang giãy cổ, có vị tăng hỏi: “Hãy xem nhà người đói mất lửa”.

Tổ Viễn nói rằng: “Lửa trong chõ nào?”

Vị tăng nói: “Chẳng có thấy sao?”

Tổ Viễn nói rằng: “Chẳng thấy”.

Vị tăng nói: “Cái lão già mù này”.

Khi ấy, chúng đều nói: “Viễn Thượng Tọa thua rồi!”

Sau Ngài Minh Giáo Khoan nghe chuyện, than rằng: “Phải là huynh Viễn ta mới được”.

Cái thấy này xa khác lăm thay, chẳng rời Chánh Vị (tự tâm thường trụ). Với cái Kiến Tinh của thế gian giống như bệnh nhặm mắt, làm sao sánh được?

Lại Tô Quy Sơn, hỏi Ngài Đạo Ngô: “Đi đâu về đó?”

Ngài Đạo Ngô đáp: “Thăm bệnh về”.

Tô Sơn: “Bao nhiêu người bệnh?”

Đáp: “Có người bệnh, có người không bệnh”.

Tô Sơn: “Người không bệnh có phải là Trí Đầu Đà?”

Tô Ngô nói: “Nói được cũng chẳng ăn nhầm gì”.

Tô Thiên Đồng ở chỗ “Chẳng ăn nhầm (46) gì”, tung rǎng:

*“Thuốc diệu nào từng qua miệng
Thần y không thể cầm tay
Nhược Tồn (47) nó vốn chẳng phải Không
Chí Hư (48) nó vốn chẳng phải Có
Chẳng diệt mà sanh, chẳng mất mà thọ
Siêu hết trước Phật Oai Âm
Một mình bước sau Không Kiếp
An bình thì trời che đất chở
Vận chuyển thì thỏ chạy qua bay”.*

(Diệu dược hà tầng quá khâu
Thần y mạc năng trốc thủ
Nhược Tồn dã cù bốn phi vô
Chí Hư dã cù bốn phi hữu
Bất diệt nhi sanh, bất vong nhi thọ

Toàn siêu Oai Âm chi tiền
Độc bộ Kiếp Không chi hậu
Thành bình dã thiên cái địa kình
Vận chuyển dã ô phi thố tẩu)

Tắc này ở trong Chân Kiến mà nhỏ sạch gốc bệnh. Bệnh với không bệnh cũng chẳng có liên quan gì, huống là phân biệt nhầm với chẳng nhầm!

Kinh: “Thế nào là Vọng Kiến Đồng Phận?

“Anan, cõi Diêm Phù Đề này, ngoài nước biển cả ra, trong đó đất liền có ba ngàn Châu. Châu lớn chính giữa, bao quát từ Đông sang Tây có đến hai ngàn ba trăm nước lớn. Còn các châu nhỏ khác ở trong các biển, trong đó có châu đến hai trăm, ba trăm nước hoặc có mươi, hai mươi cho đến ba mươi, bốn mươi, năm mươi nước.

“Anan, nếu ở trong đó có một châu nhỏ chỉ có hai nước mà riêng người trong một nước đồng cảm ác duyên, thì chúng sanh trong nước đó thấy tất cả những cảnh giới không tốt. Hoặc thấy hai mặt trời, hoặc thấy hai mặt trăng, cho đến thấy nhiều ác tướng khác như Vụng, Thích, Bội, Quyết, Tuệ, Bột, Phi, Lưu, Phụ Nhĩ, Hồng Nghê. Chỉ nước đó thấy, còn chúng sanh nước bên kia thì không thấy mà cũng không nghe.

Thông rằng: Bộ Hiệp Luận nói “*Vụng* là khí chung quanh mặt trời. *Thích* là điều xấu ở mặt trời, mặt trăng. *Bội*, *Quyết*: khí xấu gần mặt trời. *Tuệ* là sao chổi. *Bột*: một loại sao chổi. *Phi* là phi tinh, một loại sao từ dưới bay lên. *Lưu* là lưu tinh, một loại sao từ trên rơi xuống. *Phụ* là phụ khí, khí giống như

cõng mặt trời. *Nhĩ* là *nhĩ* khí, khí bên cạnh mặt trời như cái tai. *Hồng Nghê* là cầu vòng, cái sáng gọi là Hồng, cái tối gọi là Nghê”.

Sách Xuân Thu Truyện chép: năm Thứ Sáu đời vua Ai Công, nước Sở có điềm mây như con quạ đỏ ôm lấy mặt trời mà bay trong ba ngày. Vua sai hỏi Châu Thái Sứ, Thái Sứ nói: “Ứng vào thân vua”. Ông Đỗ Dự bàn thêm: “Mặt trời là vua của con người, yêu khí ôm lấy thì ứng vào vua. Chỉ có nước Sở thấy, thì vua nước khác không hề gì!”

Đời Lỗ Châu Công, năm Thứ Hai Mươi Sáu, tháng Một (mười một) nước Tề có sao chổi. Tề Hầu sai cầu đảo.

Ông Án Tử thưa: “Vô ích, làm vậy là mê tín. Đạo trời chẳng thay đổi, đâu có hai mệnh thì cầu đảo làm gì? Đạo trời có sao chổi là để trừ uế khí. Nếu vua không có uế đức thì cầu đảo làm gì? Còn nếu có uế đức thì cầu đảo sao được?” Ông Đỗ Dự bàn thêm: “Chỉ có nước Tề thấy, nước Lỗ không thấy”.

Hai đoạn trên để nghiệm câu trong kinh: “Có một châu chỉ có hai nước, mà riêng người trong một nước đồng cảm ác duyên thì chúng sanh trong nước đó thấy những cảnh giới không tốt”. Thật rõ ràng vậy.

Cảm ứng ác duyên có định nghiệp và bất định nghiệp. Định nghiệp thì không thể tránh. Bất định nghiệp thì có thể thay đổi.

Ví dụ, như Tổ đời Hai Mươi Ba, là Ngài Hạc Lặc Na (50) tôn giả, biết trước vị Tổ đời Hai Mươi Bốn là Sư Tử tôn giả sẽ

gặp nạn. Một hôm, bỗng nhiên Tô chỉ về hướng Đông Bắc, hỏi rằng: “Đó là khí tượng gì?”

Tô Sư Tử thưa: “Tôi thấy khí như cái móng trăng khắp cả trời đất, lại có năm luồng hắc khí chạy ngang trong đó”.

Tô nói: “Điều đó thế nào?”

Ngài Sư Tử thưa: “Tôi không biết được”.

Tô dạy: “Sau khi tôi mất năm mươi năm, nước Bắc Thiên Trúc sẽ có nạn nỗi lên, chạm đến thân ông”.

Sau này, Ngài Sư Tử tôn giả quả bị vua nước Kết Tân giết. Cánh tay phải của vua tự nhiên rụng xuống đất, bảy ngày sau thì chết. Thái Tử Quang Thủ than rằng: “Vua cha ta có sao tự mình chiêu lấy tai họa”. Bấy giờ có vị Tiên núi Bạch Tượng rõ sâu nhân quả nên rộng nói cho Thái Tử nghe việc đời trước, mở thoát lưới ngờ. Đây là chỗ gọi là định nghiệp không thể tránh được vậy.

Vua Tống Cảnh Công bị sao Hỏa Tinh nêu lo sợ, mời Ông Tử Vi vào hỏi.

Ông Tử Vi nói: “Bị sao Hỏa Tinh là điềm trời phạt, họa ứng vào thân bệ hạ, nhưng có thể dời qua quan Tể Tướng”.

Cảnh Công bảo: “Tể tướng để trụ nước, nếu dời qua mà chết thời không nêu. Thôi, để quả nhân xin tự gánh chịu vậy”.

Ông Tử Vi nói: “Có thể dời qua nhân dân”.

Vua đáp: “Dân chết rồi thì làm vua với ai. Thôi, để trãm chết một mình”.

Ông Tử Vi thưa: “Có thể dời vào năm”.

Vua đáp: “Năm đói kém thì dân chết đói. Làm vua mà muốn giết dân để tự mình sống thì còn ai xem ta là vua nữa. Âu cũng là mạng đã hết của quả nhân vậy. Khanh chẳng nên nhiều lời”.

Ông Tử Vi vội vàng quỳ xuống lạy mà tâu rằng: “Hạ thần xin chúc mừng bệ hạ. Trời ở trên cao mà nghe dưới thấp. Vua đã có được ba lần lời nói của người nhân, trời ắt thưởng vua ba lần. Đêm nay chắc sao sẽ dời chỗ, vua sống thêm hai mươi mốt năm”.

Cảnh Công nói: “Khanh làm sao biết?”

Ông Tử Vi thưa: “Vua có ba điều thiện thì được thưởng ba lần, do đó sao dời ba lần. Mỗi lần bảy năm, ba lần là hai mươi mốt năm. Nên tuổi thọ dài thêm hai mươi mốt năm. Nếu sai, hạ thần xin chịu chết”.

Vua ưng chịu.

Đêm đó, sao dời ba lần như Ông Tử Vi đã nói. Đây là chỗ gọi là bất định nghiệp có thể chuyển dời vậy.

Tóm lại, định nghiệp và bất định nghiệp ở nơi tự tánh nào có thêm bớt, cũng là như huyền. Chấp huyền mà cho là thật, thì chỉ vì vọng thấy vậy thôi.

MỤC SÁU: CHỈ RÕ Ý NGHĨA TÁNH THẤY KHÔNG PHẢI LÀ CÁI THẤY, VIÊN MÃN BỒ ĐÈ

Kinh: “Anan, nay Ta đem hai việc ấy lui tới, kết hợp mà chỉ rõ.

“Anan, như cái Vọng Kiến Biệt Nghiệp của chúng sanh kia, thấy nơi ngọn đèn hiện ra bóng tròn, tuy giống như tiền cảnh mà thật ra là do bệnh nhặng của người ấy tạo thành. Nhặng thì mắt lòa, chẳng phải sắc tạo ra. Nhưng cái thấy được bệnh lòa vẫn không có lỗi làm gì về sự thấy cả.

“So sánh với hiện giờ, ông dùng con mắt xem thấy núi sông, cõi nước và các chúng sanh, đều là do cái bệnh thấy từ vô thủy tạo thành. Cái thấy và cái được thấy hình như hiện ra tiền cảnh, thật ra vốn chỉ là cái bệnh lòa, thấy có năng kiến và sở kiến ở trong cái Giác Minh mà thôi.

“Những sự thấy, biết đều là bệnh nhặng, còn cái Bổn Giác Minh Tâm thấu suốt các duyên vốn không có bệnh nhặng. Cái biết và cái được biết đều là bệnh nhặng, còn cái Bổn Giác thì không ở trong bệnh nhặng. Đó là cái Tánh Thấy hằng thấy, làm sao gọi được là sự thấy, nghe, hay, biết?

“Vậy nên, nay ông nhìn thấy Ta, nhìn thấy ông, cùng mười loại chúng sanh trong thế gian đều là cái thấy Nhặng, mà chẳng phải là cái thấy chân thật thấy được bệnh nhặng. Cái

Tánh Thấy chân thật kia vốn chẳng hề nhặt, cho nên không gọi là thấy nữa.

Thông rằng: Lấy cái bóng tròn mà so với tiền Cảnh, lấy mắt nhặt mà so với cái bệnh thấy, lấy cái thấy lòa mà so với cái Giác Minh (51), lấy cái thấy được bệnh nhặt so với Tánh Bản Giác (52) thì không gì mà chẳng rõ. Dù văn nghĩa khúc mắc, nhưng không có chỗ nào không phát minh cái thấy là bệnh nhặt, mà cái Tánh Thấy hằng thấy vốn chẳng hề nhặt. Cái thấy và cái được thấy, đó là căn và cảnh hòa hợp, mà hiện ra có núi sông, cõi nước và chúng sanh, cũng giống như sự hiện ra của cảnh vật trước mắt, thật cũng chỉ như cái bóng tròn thấy nơi ngọn đèn. Bóng tròn chẳng do sắc tạo ra, thì các thứ trên cũng không phải do cảnh tạo ra. Nguyên là cái Giác Minh của ta vọng thấy có chỗ duyên, như con mắt nhặt thì thành ra có bóng tròn.

Cái giác minh này vọng thấy, nhân ở *Minh* mà lập ra *Cái Sở*, rồi lại duyên bám theo ngoại cảnh, đó là bệnh nhặt. Còn cái Bổn Giác Minh Tâm nào rơi vào nơi chốn, thường giác các tướng sanh khởi của các duyên, chẳng đuổi theo các duyên mà trôi lăn, thì vốn chẳng hề nhặt. Vậy, nên biết do cái Giác Minh của ta duyên nơi tiền cảnh mà thành cái Sở Giác (Cái Được Biết). Cái Sở Giác là bệnh nhặt, mà cái Tánh Bổn Giác thật là cái Thường Biết. Cái Bổn Giác Minh Tâm đã thường tỏ biết cái nhặt, biết cái nhặt là bệnh, vốn tự tại, nào có sa vào chuyện nhặt? Nói là “*Cái biết và cái được biết đều là bệnh nhặt*”, nghĩa là cái Giác Minh của ta thấy có chỗ duyên bèn là bệnh nhặt, lấy cái biết và được biết ấy làm duyên mà có. Nói

là “*Cái Bốn Giác không ở trong bệnh nhặt*”, là tương ứng với Cái Bốn Giác Minh Tâm thường rõ các duyên, mà không có bệnh nhặt; ở nơi phù Trần chưa khởi, chẳng sa vào cái nhặt của thức giới. Đây chẳng phải là cảnh giới của thấy, nghe, hay, biết cho nên nói “Đây thật là Tánh Thấy hằng thấy, sao gọi được là sự thấy, nghe, hay, biết?”

Nếu lấy cái sự thấy, nghe, hay, biết mà cho đó là tánh, thì chẳng khác nào lấy con mắt nhặt mà cho là con mắt trong sạch, sao mà thông cho nổi?

Ngài Tam Bình có bài kệ:

*“Chỉ thấy, nghe này chẳng phải thấy, nghe
Tuyệt không thanh, sắc để trình ông
Trong đây nếu rõ, toàn vô sự
Thể, dụng nào cần phân, chẳng phân”.*

(Chỉ thử kiến văn phi kiến văn
Vô dư thanh, sắc khả trình quân
Cá trung nhược liễu toàn vô sự
Thể, dụng hà phòng phân, bất phân).

Tô Văn Môn nêu ra: “Ngay “*Chỉ thấy, nghe này chẳng phải thấy, nghe*”: gọi cái gì là thấy, nghe? “*Tuyệt không thanh, sắc để trình ông*”: có thanh, sắc nào ở nơi miệng? “*Trong đây nếu rõ, toàn vô sự*”: có chuyện gì đâu? “*Thể, dụng nào cần phân, chẳng phân*”: lời nói là thể, hay thể là lời nói?”

Ngài lại đưa cây trụ trượng lên mà nói: “Trụ trượng là thể, đèn lồng là dụng, thể là phân hay chẳng phân? Chẳng thấy nói “Nhất Thiết Trí Thanh Tịnh” ư?”

Sau, Ngài Bạch Vân Đoan nêu ra rằng: “Vân Môn chỉ hiểu y theo khuôn sáo mà vẽ chân mày, viên thông thì chẳng thể!

Ngay “*Thấy, nghe này chẳng phải thấy, nghe. Tuyệt không thanh, sắc để trình ông*”: mắt là mắt, tai là tai!

“*Trong đây nếu rõ, toàn vô sự. Thể, Dụng nào cần phân, chẳng phân*”: Bốn, năm trăm cành hoa liễu (trong) ngõ. Hai ba ngàn chõ xướng ca lâu”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Thật gặp nhau, chẳng giao thiệp
 Sáu cửa mở toang, bốn đường tuyệt dấu
 Khắp cõi là quang minh, suốt thân không sau
 trước
 Sợi tơ chẳng bận chuyện con thoi
 Hoa mỹ tung hoành riêng ý khác”.*

Ngài Tam Bình riêng có một bài tụng:

*“Thấy, nghe, hay, biết vốn chẳng (nguyên) nhân
 Dương thể rỗng mầu, tuyệt vọng, chân
 Thấy tướng, chẳng sanh si ái nghiệp
 Rỗng nhiên, toàn hết: Thích Ca Thân”.*

Lại nữa, Tô Huệ Siêu thượng đường dạy rằng: “Này các Thượng Tọa, thấy, nghe, hay, biết thì chẳng phải là thấy, nghe,

hay, biết. Thể hội chăng? Cùng với các vị Thượng Tọa nói rõ lắm rồi đó, nhưng phải chờ chư vị ngộ mới được!”

Hợp các đoạn trên để chú giải đoạn kinh này.

Kinh: “Anan, cái Vọng Kiến Đồng Phận của chúng sanh kia so với cái Vọng Kiến Biệt Nghiệp của một người thì một người đau mắt cũng đồng như một nước kia.

“Người đau mắt thấy bóng tròn là do mắt nhăm hư vọng sanh ra; còn trong một nước kia hiện ra các điểm xấu là do ác duyên đồng phận của chúng sanh tạo nên. Cả hai đều là do cái thấy hư vọng từ vô thủy sanh ra.

“Suy ra, ba ngàn Châu trong cõi Diêm Phù Đề, cùng bốn biển lớn, Ta Bà thế giới, cho đến các cõi Hữu Lậu mười phương cùng các chúng sanh đồng ở trong Diệu Tâm Vô Lậu, nhưng do cái bệnh duyên hư vọng tạo thành thấy, nghe, hay, biết hòa hợp mà giả dối sanh ra, hòa hợp mà giả dối diệt mất. Nếu xa lìa các bệnh duyên hòa hợp và chăng hòa hợp này, tức thì diệt trở lại được các nguyên nhân sanh tử, tròn đủ thể Bồ Đề không sanh không diệt, đó là cái Bản Tâm Xưa Nay Trong Sạch, cái Vốn Giác Ngộ Thường Trụ Xưa Nay vậy.

Thông rằng: Lấy con mắt nhăm để hiển bày cái vọng thì dễ, lấy cái điểm xấu mà hiển bày cái vọng thì khó, cho nên lấy biệt nghiệp mà so với đồng phận vậy. Hơn nữa, cái vọng là các điểm xấu trong đồng phận còn dễ biết, chứ cái bệnh duyên hư vọng là các cõi nước hữu lậu thì quả là khó tin. Cho nên lấy dễ mà suy ra khó vậy.

Chỗ thấy có núi sông, cõi nước cùng mười loại chúng sanh trong thế gian tuy thuộc hư vọng, nhưng đồng là cái Diệu Tâm vô lậu. Nói Diệu, tức là vật mà chẳng phải vật, tức là cảnh mà chẳng phải cảnh. Chỉ vì quay lưng lại với Giác mà hợp với trần thì thành hữu lậu. Hữu lậu thì bị vật chuyển, cùng với bệnh nhãm bèn đồng. Còn nếu trái với trần, hợp với Giác thì vốn tự vô lậu. Vô lậu thì chuyển được vật, tức đồng với không nhãm. Đồng một Giác Minh, mà vô lậu tức là Bồn Tâm Thanh Tịnh, Bồn Giác Thường Trụ; còn hữu lậu thì chẳng biết chơn mà chạy theo vọng, trôi lăn sanh tử, hòa hợp mà vọng sanh ra, hòa hợp mà vọng diệt mất. Tương ứng với đoạn trước: “Ngay trong đó mà lại phát sanh, do nghiệp bèn chịu xoay vần”. Chơn, vọng vốn hòa hiệp, mà nói riêng về vọng bởi vì Chân Như đang ở trong phiền não vậy. Các tướng hòa hợp, tức là tại trong ba cõi mà lưu chuyển. Các tướng bất hòa hợp là cái kiến chấp chẳng sanh diệt, tự nhiên của ngoại đạo. Cả hai thứ duyên hòa hiệp và chẳng hòa hiệp này chính là gốc rễ, nguyên nhân của sanh tử, đều là cái vọng kiến đên đảo. Nếu cái vọng thấy mà tiêu tan, chỉ còn một Bồn Giác. Cũng như bệnh nhãm tiêu tan, thì chỉ còn một con mắt thuần túy sáng sạch. Há đó chẳng phải là Tánh Bồ Đề tròn đủ, bất sanh bất diệt sao? Đến trong cái Bồ Đề tròn đầy ấy rồi mới tin được “Thấy do lìa thấy, thấy ấy siêu việt” vậy.

Tổ Huyền Sa thượng đường dạy rằng: “Tôi nay hỏi các ông, các ông đang đàm đương chuyện gì vậy? Ở thế giới nào mà an thân lập mạng đây? Có thấy ra được không? Nếu chẳng nhìn ra được thì khác nào dụi mắt sanh ra hoa đốm, thấy toàn

chuyện hư vọng. Có biết thế không? Như nay trước mắt thấy đủ núi sông, đất đai, sắc, không, sáng, tối, vô vàn sự vật đều là hoa đốm đên cuồng nhọc mệt. Phải gọi tất cả những thứ đó là tri kiến đên đảo.

“Phàm là người xuất gia, phải rõ Tâm, thấu đạt Cội Nguồn mới được gọi là Sa Môn. Nay các ông đã cạo đầu, khoác y làm nên hình tướng Sa Môn, tức là đã có phần tự lợi, lợi người mà nay chỉ thấy toàn là tối đen như mực, thì tự cứu còn chẳng xong huống là giải thoát cho người?

“Này các nhân giả, nhân duyên với Phật Pháp là sự lớn lao, chớ có dễ người, xúm nhau mà nói tầm phào cho qua ngày qua buổi. Tháng ngày khó được, tiếc thay cho bậc đại trượng phu! Sao chẳng tự tinh sát, nhìn xem đó là vật gì? Chỉ như đây là Tông Thừa từ xưa, là dòng giống Phật Đánh. Bởi vì các ông chẳng kham nhận lanh, nên tôi mới phương tiện khuyên răn: Cần theo cửa Ca Diếp mà nối gót đốn siêu.

“Một cái cửa này vượt hẳn phàm thánh, nhân quả, siêu việt thế giới Hải Diệu Trang Nghiêm của Phật Tỳ Lô, siêu việt các pháp môn phương tiện của Phật Thích Ca. Ngay đây là vĩnh kiếp: chẳng dạy cho các ông có được một vật gì để khởi lên nhân kiến, sao chẳng tự mình gấp gấp nghiêm lấy? Để khởi cần nói “Ta phải chờ hai, ba kiếp góp chừa nghiệp lành”.

“Này các nhân giả, Tông Thừa là cái việc gì mà chẳng thể do sự dụng công trang nghiêm của ông mới đắc, mà dù có thâm thông, túc mạng thông cũng không thể đắc? Hội chẳng?

“Như Đức Thích Ca ra đời làm ra biết bao nhiêu trò biến hóa giỡn đùa, thuyết Mười Hai Thời Giáo như xối nước, làm nên một trường Phật Sự. Thế mà đối với pháp môn này thì một điểm dùng cũng chẳng được, dùng một chút nghè như mảy lông cũng chẳng được! Biết chẳng? Như đồng trong việc mộng, thì có nói cũng là nói mớ thôi. Bậc Sa Môn chẳng có ra đời, không cùng việc mộng, bởi vì rõ biết. Các ông có biết không? Rõ được tức là người Đại Giải Thoát, Đại Triệt Ngộ. Bởi thế mà siêu phàm vượt thánh, ra khỏi sanh, lìa khỏi tử, rời xa nhân quả, siêu Tỳ Lô, vượt Thích Ca, chẳng bị phàm thánh, nhân quả dối lừa, chốn chốn nơi nơi không người biết được ông. Hiểu thế chẳng?

“Đừng tham luyến hoài cái lưới ân ái sanh tử, bị nghiệp thiện, ác móc kéo lôi đi, chẳng có phần nào tự do. Dẫu ông có luyện được cái thân, tâm giống như hư không chẳng nữa, dù cho ông có đến được cái chỗ chẳng lay động của Tinh Minh trong trèo đi nữa, thì cũng chẳng ra khỏi Thức Âm. Cỗ nhân gọi cái ấy như dòng nước chảy xiết, chảy xiết mà chẳng hay, nên làm cho là yên tĩnh. Tu hành như đó mà đòi ra khỏi bờ cõi luân hồi thì không thể được, vẫn như trước mà bị luân hồi. Bởi thế, mới nói “Các hành là vô thường”, ngay cả công quả của Tam Thừa, thấy thế cũng nên sợ hãi. Nếu không có Đạo nhân thì chẳng có gì là rốt ráo. Đâu bằng như nay kẻ bắc địa phàm phu, chẳng dùng một tơ hào công phu, liền đốn siêu túc khắc. Biết rõ chỗ đặt hết tâm lực chẳng? Trở lại câu muốn cái gì? Xin khuyên các ông! Ngay đây đang chờ các ông đó! Không

dạy các ông gia công tu luyện! Như nay mà chẳng như vậy còn chờ đến khi nào? Được không?"

Rồi bèn xuống tòa.

Tô Huyền Sa nhân đọc kinh Lăng Nghiêm mà phát minh Tâm Địa. Thốt lời, nhả khí mỗi mỗi đều hợp với kinh này. Ở nơi đấy mà tin nhập, liền ngay tròn đủ Bồ Đề Bổn Giác thường trú, còn có vọng kiến nào là bệnh ư?

Kinh: “Anan, ông tuy đã ngộ cái Bản Giác Diệu Minh vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên nhưng còn chưa rõ cái Bản Giác như thế không phải hòa hợp mà sanh, cũng không phải không hòa hợp.

“Anan, nay tôi lại lấy tiền trán hỏi ông, bởi vì ông còn lấy hết thảy những tính nhân duyên hòa hợp của vọng tưởng thế gian mà tự nghi ngờ rằng chứng Tâm Bồ Đề cũng do hòa hợp mà phát khởi. Vậy thì hiện nay cái thấy màu sạch của ông là hòa với cái sáng? Là hòa với cái tối? Hòa với thông suốt? Hay hòa với cái ngăn bít? Nếu hòa với cái sáng, mà nay ông đang thấy sáng, thì cái sáng hiện đó, ở chỗ nào xen lẩn với cái thấy? Cái thấy, cái sáng có thể nhận rõ, còn hình tượng xen lộn thì như thế nào? Nếu cái sáng chẳng phải là cái thấy thì làm sao thấy được cái sáng? Nếu cái sáng tức là cái thấy thì làm sao thấy được cái thấy? Nếu cái thấy cùng khắp thì còn chỗ nào để hòa được với cái sáng? Nếu cái sáng cùng khắp thì lẽ ra không hòa được với cái thấy. Cái thấy đã khác với cái sáng thì khi xen lẩn tất phải làm mất tính cách của cái sáng. Cái thấy xen vào làm mất tính chất của cái sáng, mà nói hòa với cái sáng thì

không đúng nghĩa. Đối với cái tối, cái thông suốt và cái ngăn bít thì cũng như vậy.

“Lại nữa, Anan, hiện nay cái thấy mầu sạch của ông hợp cùng cái sáng, hợp với cái tối, hợp với cái thông suốt hay hợp với cái ngăn bít? Nếu hợp với cái sáng thì đến khi tối, cái sáng đã mất rồi, cái thấy đó không hợp với cái tối thì làm sao thấy được cái tối? Nếu khi thấy tối mà không hợp với cái tối thì lẽ ra khi hợp với cái sáng, không thấy được cái sáng! Mà đã không thấy được sáng thì làm sao hợp với cái sáng và rõ biết cái sáng không phải là tối. Đối với cái tối, cái thông suốt, cái ngăn bít thì cũng như vậy.

Thông rằng: Cái Bồn Giác Diệu Minh chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên, Ông Anan trước đã tò ngộ sơ qua là nó hình như chẳng phải là nhân duyên hay tự nhiên, nhưng lại chấp rằng ba duyên ánh sáng của thế gian hợp lại thì thành ra cái thấy. Ông còn nghi rằng chứng Bồ Đề Tâm hẳn do hòa hợp mà phát khởi.

Cái thấy của thế gian kia không những thấy cái sáng, mà còn thấy cả cái tối, thì rõ ràng là không phải nhờ các duyên vậy. Huống là cái Bồ Đề Bồn Giác vốn thường trụ, lìa ngoài mọi cái thấy, há có thể gọi là hòa hợp sao?

Nói là hòa, thì như nước hòa với đất, trộn lẫn không phân biệt được. Nay cái thấy và cái sáng, cái tối, cái thông suốt và cái ngăn bít làm sao hòa được? Cái thấy thuộc về hữu tình, cái cảnh thuộc về vô tình, rõ ràng có thể biện biệt. Như hai cái đó hòa trộn lẫn nhau thì làm nên hình trạng gì? Cái thấy thì thấy

được cái sáng, nên hình như là trộn lẫn được. Nhưng cái sáng thì không thể tự thấy, mà chỉ có cái thấy mới có thể thấy, thì hai cái hắn không thể trộn lẫn. Nếu có thể trộn lẫn, ắt là phải có chỗ chẳng cùng khắp, mà nay cái thấy là kiến phần và cái bị thấy là tướng phần, mỗi cái đều tròn vẹn, đầy khắp pháp giới, còn chỗ nào để mà hòa đây? Giả sử có thể trộn lẫn, thì cái thấy đã trộn lẫn với cái cảnh, vậy còn đâu là cái thấy nữa? Và cái cảnh tướng đã trộn lẫn với cái thấy, thì không thể gọi là cảnh tướng. Cái thấy cùng với tướng bị thấy phải khác nhau, chẳng thể hòa vậy.

Nói là hợp, thì như cái nắp và cái hộp hợp với nhau, nương nhau mà chẳng lìa. Nay thì cái thấy cùng với tiền cảnh là sáng, tối, thông, bít làm sao hợp được? Vì nếu cùng cái sáng hợp thì không thể thấy cái tối. Đã không hợp với cái tối, mà có thể thấy được cái tối thì cũng phải không hợp với cái sáng mới có thể thấy được cái sáng. Còn nếu hợp với cái sáng thì không thấy được cái sáng vậy! Đã không thể thấy sáng thì không thể gọi là hợp nhau, làm sao lại cùng với cái sáng hợp được! Biết rằng sáng chẳng phải tối, thì cả hai cái thấy sáng và cái thấy tối đều không hợp nhau được. Cái thấy hắn là khác với tiền cảnh, không thể hợp được.

Đã là cái Kiến Tinh này thì sáng, tối, thông, bít đều chẳng phải là cái thấy, nên mới nói là trong sạch (tịnh). Nhưng sáng, tối, thông, bít chẳng có cái nào không phải là cái thấy, nên gọi là diệu. Nói Kiến Tinh là diệu tịnh vì nó là cái tịnh sắc căn, chẳng dính dáng với vọng trần, chẳng phải do hòa hợp mà sanh ra, huống là cái tánh thấy vốn là giác ngộ, trong sạch cực

cùng, mâu nhiệm cực cùng, há lại do căn trần hòa hợp mà hiện hữu ư?

Tô Chương Kính thượng đường, nói: “Tột lý quên lời, người đời chẳng hiểu. Gượng ép tu tập việc ngoài, cho là công phu. Chẳng biết rằng tự tánh vốn không dính dáng đến trần cảnh, đó là cái pháp môn vi diệu đại giải thoát. Vốn có cái gương hằng giác, không nhiễm ô, không ngăn ngại. Cái Quang Minh đó chưa từng mai một, vô thủy đến nay không hề đổi khác. Cũng như mặt trời, xa gần đều soi chiếu. Tuy đến các sắc tượng mà chẳng hòa hợp với tất cả, linh diệu độc sáng, chẳng nhờ rèn luyện. Chỉ vì chẳng biết nên đeo giữ hình tướng. Chẳng khác nào dụi mắt thấy không-hoa, uổng tự nhọc nhằn, qua nhiều đời kiếp. Nếu liền phản chiếu thì không có được người thứ hai! Làm lung bày biện này kia, nào chẳng kém hao Thật Tướng!”

Ngài Không Thất Đạo Nhân Trí Thông nhân xem cuốn Pháp Giới Quán liền tò ngộ, làm hai bài kệ:

Bài Một:

*Mênh mông trần thế một tánh Như
Đọc ngang xen lẩn ẩn Tỳ Lô
Toàn sóng là nước, sóng chẳng là nước
Toàn nước thành sóng, nước tự mình!*

(Hạo hạo trần trung thế nhất Như
Tung hoành giao hô ẩn Tỳ Lô

Toàn ba thị thủy, ba phi thủy
Toàn thủy thành ba, thủy tự thù).

Đây là nghĩa *Chẳng Hòa Hợp*.

Bài Hai:

*Ta, vật vốn không khác
Trùng trùng gương, bóng đồng
Sáng trong, siêu chủ bạn
Tỏ tỏ, triệt Chân Không
Một thể trùm muôn pháp
Trong lưới báu nhập nhau
Trùng trùng, không cùng tận
Động, tĩnh vốn viên thông*

(Vật ngã nguyên vô dị
Sum la cảnh tượng đồng
Minh minh siêu chủ bạn
Liễu liễu triệt Chơn Không
Nhất thể hàm đa pháp
Giao tham đế vồng trung
Trùng trùng vô tận xứ
Động tĩnh tất viên thông).

Đây lại là nghĩa *Chẳng phải Không Hòa Hợp*.

Kinh: Ông Anan bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn, như chỗ tôi suy nghĩ: cái Tâm Tánh này đối với các trần cảnh và các tâm niệm không hòa hợp chăng?”

Phật dạy: “Nay ông lại nói Tánh Giác không hòa hợp, thì ta lại hỏi ông: Cái Thấy Mầu Nhiệm này mà gọi là chẳng hòa hợp đó, là không hòa với cái sáng, là không hòa với cái tối, là không hòa với sự thông suốt, hay là không hòa với sự ngăn bít? Nếu không hòa với cái sáng, thì giữa cái thấy và cái sáng phải có ranh giới. Ông nay hãy xét kỹ: chỗ nào là cái sáng? Chỗ nào là cái thấy? Nơi cái thấy, nơi cái sáng thì lấy từ đâu làm ranh giới? Anan, nếu ở trong ranh giới của cái sáng chắc không có cái thấy, hai cái không đến với nhau, cái thấy tự chẳng biết được cái sáng ở đâu, thì ranh giới làm sao thành lập? Đối với cái tối, cái thông suốt, cái ngăn bít thì cũng như thế.

“Lại cái thấy mà gọi là chẳng có hòa hợp đó, là không hợp với cái sáng, không hợp với cái tối, không hợp với cái thông suốt, hay không hợp với cái ngăn bít? Nếu không hợp với cái sáng, tức là cái thấy và cái sáng tánh trái ngược nhau, cũng như lỗ tai với cái sáng hoàn toàn không liên quan gì nhau. Nếu vậy thì cái thấy không biết được cái sáng ở đâu, làm sao mà phân biệt ra được cái lẽ hợp hay chẳng hợp? Đối với cái tối, cái thông suốt và cái ngăn bít thì cũng như thế.

Thông rằng: Chỗ không hòa hợp mà Ông Anan nghi ấy là hai pháp chơn và vọng, hình như chẳng có tương nhập, vì ông chưa có thể dung thông chơn, vọng làm một.

Tạm nói là không hòa, thì cái thấy và cái sáng phải có ranh giới. Tạm nói là không hợp, thì cái thấy và cái sáng, tánh

tướng trái ngược nhau. Nay đều chẳng phải vậy, nên biết rằng chẳng phải không hòa hợp.

Ở đoạn trước, Ông Anan nói “Không thể ở nơi hình tướng của muôn vật trước mặt mà phân tách ra được cái thấy có riêng tự tánh, lìa ngoài mọi vật”, thì cũng tương tự chỗ này. Đã nói *không hòa hợp* là từ nơi sự diệu tịnh của cái thấy mà nói, tịnh cho nên chẳng dung chứa sự xen tạp. Lại nói *chẳng phải không hòa hợp*, là từ riêng sự Diệu của cái thấy mà nói, Diệu thì không chỗ nào mà không có.

Cuốn Bách Môn Nghĩa Hải nói “Thấu đạt vô sanh là hiểu rằng trần cảnh là duyên của tâm, và tâm là nhân của trần cảnh. Nhân duyên hòa hiệp thì các huyền tướng mới sanh ra. Do từ duyên sanh, nên Vô Tự Tánh. Tại sao thế? Vì nay trần chẳng thể tự duyên mà phải chờ có tâm. Tâm chẳng thể tự mình làm tâm, tất phải chờ có duyên trần. Do nương nhau mà có, nên không thể định. Do đó, duyên sanh tức là Vô Sanh, chứ chẳng phải bỏ duyên sanh mà nói Vô Sanh”.

Tô Thiệu Tiên thượng đường, nói: “Nhồi chẳng dính, đập chẳng tan, phơi nắng không khô, ngâm nước không thối. Một mực treo giữa Thái Hư, mặc người mắt lạnh cạnh bên nhìn”.

Hòa Thượng Bì Thọ đang hơ lửa.

Ngài Đạo Ngô hỏi: “Làm gì thế?”

Tô Thọ nói: “Hòa hiệp”.

Đạo Ngô: “Như thế tức là ngay đó mà thoát ư?”

Tô Thọ rằng: “Cách xa bao nhiêu thời gian rồi vậy?”

Ngài Đạo Ngô phất tay áo, bỏ đi.

Một hôm, Ngài Đạo Ngô ở ngoài vè, Tô Bì Thọ hỏi: “Từ đâu vè đó?”

Ngài Đạo Ngô đáp: “Gần đây thôi”.

Tô Thọ rằng: “Dùng sàng sảy hai miếng da đó làm gì?”

Ngài Ngô: “Mượn”.

Tô Thọ rằng: “Kia có thì cho ông mượn, còn không thì làm sao?”

Đạo Ngô: “Chỉ vì có nên mới mượn”.

Xem chõ cử xướng của chư Tôn Túc như thế, thì cái Diệu Giác Nguyên đó cùng các duyên trần và các tâm niệm là hòa hợp hay chẳng hòa hợp? Cần có mắt mới được!

MỤC BÀY: TÓM THU VỀ NHƯ LAI TẶNG

I. TÓM THU

Kinh: “Anan, ông còn không biết rằng hết thảy các tướng huyễn hóa của tiền trần ngay nơi chỗ mà sanh ra, tùy theo chỗ mà diệt mất. Hư huyễn vì mê vọng nên nói là tướng, chứ thật tánh chúng là Diệu Giác Minh Thể. Như vậy, cho đến năm Âm, sáu Nhập, mười hai Xứ và mười tám Giới đều là: - nhân duyên hòa hợp: in tuồng có sanh ra; - nhân duyên chia lìa: in tuồng diệt mất. Quyết chẳng biết rằng sanh, diệt, đến, đi vốn là Như Lai Tặng Tánh thường trụ, mầu sáng, bất động, tròn khắp, tánh diệu Chân Như. Trong tánh Chân Thường ấy mà tìm cầu cho ra tướng đến, đi, mê, ngộ, sanh, tử rốt là không chỗ được.

Thông rằng: Ở đây bày thảng Đốn Môn, mở ra con đường Diệu Bồ Đề, tức là ngay trong phù trần huyễn hóa mà chúng Chân Như. “Trong Tánh Chân Thường mà tìm cầu cho ra tướng đến, đi, mê, ngộ, sanh, tử rốt là không chỗ được”.

Các thứ Âm, Nhập, Xứ, Giới chỉ có tướng huyễn vọng. Huyễn không tự tánh, nương Chân mà lập như hoa đốm khởi lên giữa hư không, toàn thể hoa đốm là hư không. Như sóng sanh trên nước, toàn sóng là nước. Cho nên kinh nói “Tánh của chúng thật là Diệu Giác Minh Thể”, thể này chính là Pháp thân. Từ nó gồm chứa vô lượng công đức nên gọi là Như Lai Tặng. Vốn chẳng đến đi, nên gọi là Thường Trụ. Vốn chưa từng mê muội, nên gọi là Diệu Minh. Vốn không sanh diệt, nên gọi là Bất Động. Vốn tự sẵn đủ nên nói là Tròn Khắp, Châu Viên. Một vị Thường Trụ nên Đến Đi bất khả đắc. Một

vị Diệu Minh nên mê ngộ bất khả đắc. Một vị Bất Động nên sanh tử bất khả đắc. Một vị Tròn Khắp nên Chân Thường.

Cái gọi là Tánh Chân Như Mầu Nhiệm ở đây kỳ thật là cái “*Xưa nay không một vật*” vậy.

Có nhà sư hỏi Tố Hoàng Bá: “Kẻ học nhân này chẳng hiểu, Hòa Thượng chỉ bày như thế nào?”

Tố Hoàng Bá nói: “Ta không có một vật nào hết. Từ xưa đến giờ chẳng từng đem ra một món vật cho người. Ông từ vô thủy đến nay chỉ vì bị người ta chỉ bày rồi tìm kiếm chuyện *khé hợp*, tìm kiếm chuyện *hiểu ngộ*. Như thế thì chẳng phải cả thầy trò đều lọt vào nạn vua sao? Ông chỉ cần biết rằng, một niệm chẳng thọ tức là không có cái thân thọ. Một niệm không tưởng đến tức là không có cái thân tưởng. Quyết chẳng có trôi theo sự tạo tác, tức là không có cái thân hành. Chẳng có nghĩ suy, so sánh, phân biệt tức là không có cái thân thức. Nay ông vừa khởi ra một niệm tức thì có ngay vòng Thập Nhị Nhân Duyên: vô minh duyên ra hành, vừa nhân vừa quả; cho đến lão, tử cũng vừa nhân vừa quả.

“Cho nên đồng tử Thiện Tài đi một trăm mươi nơi cầu thiện tri thức, chỉ là hướng vào Thập Nhị Nhân Duyên mà cầu. Sau rốt gặp Đức Di Lặc. Đức Di Lặc lại chỉ đến gặp Đức Văn Thù. Văn Thù ấy, chính là cái Bốn Địa Vô Minh của ông. Nếu tâm riêng khác, hướng ngoài mà tìm cầu thiện trí thức, thì một niệm vừa sanh liền diệt, vừa diệt liền sanh. Bởi thế, Tỳ Kheo các ông cũng sanh, cũng lão, cũng bệnh, cũng tử. Trả nhân đền quả xưa nay, tức là sự sanh diệt của năm tụ. Năm tụ

là năm ấm. Một niệm chẳng khởi tức là mười tám giới bèn không, ngay thân là hoa trái Bồ Đề, ngay tâm tức là Bát Nhã. Nếu có chỗ dùng bám, thì ngay thân là xác chết, cũng gọi là “quỷ giữ xác chết”.

Lời nói này của Tổ Hoàng Bá chẳng phải làm sáng tỏ câu kinh “*Hư huyền vì mê vọng nên nói là tướng, chứ thật tánh của chúng chính là Diệu Giác Minh Thể*” đó sao?

Ông Hạo Nguyệt cũng dường, hỏi Tổ Trưởng Sa: “*Rõ thì nghiệp chướng vốn là không. Chưa rõ, nợ xưa đành trang trải* (53)”, vậy thì Tổ Sư Tử Tôn giả và Nhị Tổ Huệ Khả vì sao phải trả nợ xưa?”

Tổ Sa nói: “Đại Đức chẳng biết Bồn Lai Không (54).”

Hỏi: “Như thế nào là Bồn Lai Không?”

Đáp: “Là nghiệp chướng”.

Hỏi: “Như thế nào là nghiệp chướng?”

Đáp: “Là Bồn Lai Không”.

Rồi Tổ Sa dùng bài kệ chỉ bày:

“*Giả Có, vốn chẳng Có
 Giả diệt, cũng chẳng Không
 Nghĩa Niết Bàn, trả nợ
 Một tánh, chẳng khác gì*”.

(Giả Hữu nguyên phi Hữu
 Giả diệt diệc phi Vô

Niết Bàn, thường trái nghĩa
Nhất tánh, cánh vô thù).

Lời dạy này của Tồ Trưởng Sa chăng phải làm rõ câu “Sanh diệt, đến đi đều vốn là Tánh Chân Như tròn khắp, bất động, màu sáng, thường trụ của Như Lai Tạng” đó sao?

Lại Tồ Giáp Sơn về Tồ Định Sơn vừa đi vừa nói chuyện.

Tồ Định Sơn nói: “Trong sanh tử mà không có Phật, thì không có sanh tử”.

Tồ Giáp Sơn nói: “Trong sanh tử mà có Phật thì chăng mê sanh tử”.

Hai bên chăng chịu nhau, bèn có đến Tồ Đại Mai.

Giáp Sơn bèn thuật lại và hỏi chõ thây, hiêu của ai gần hơn.

Tồ Mai nói: “Một gần, một xa”.

Giáp Sơn lại hỏi: “Cái nào gần”.

Tồ Mai rằng: “Thôi về đi, ngày mai đến”.

Hôm sau, Giáp Sơn lại tới hỏi nữa.

Tồ Mai nói: “Gần thì chăng hỏi, hỏi thì chăng gần”.

Sau này, Ngài Giáp Sơn tự bảo: “Lúc đó mất một con mắt lẻ”.

Đây là một tắc, chăng phải làm rõ câu “Trong Tánh Chân Thường mà cầu cho ra những cái đến đi, mê ngộ, sanh tử rốt là không được” đó sao?

Bản chú giải xưa cho rằng: Từ bảy chỗ trưng tâm và biện ra cái thấy cho đến đây là rộng phá chấp ngã, là pháp *Quán Không*, Xa Ma Tha. Từ đây trở xuống là rộng phá chấp pháp, tức là pháp *Quán Giả*, Tam Ma Đề. Đối với chỗ “*Chỉ thăng tâm người, thấy tánh thành Phật*” còn cách xa một đoạn đường.

Như thế là chưa hiểu rằng pháp Diệu Xa Ma Tha mà Ông Anan hỏi, thì ở đây, được đáp là Diệu Chân Như Tánh. Chỉ một chữ Diệu, thật khó hình dung, người ngộ tự biết lấy.

A. THU SẮC ÂM

Kinh: “Anan, thế nào năm Âm vốn là Như Lai Tặng Diệu Chân Như Tánh?

Thông rằng: Năm Âm cũng gọi là năm Uẩn. Uẩn nghĩa là chứa nhóm, tích tụ. Âm nghĩa là che đầy. Tích tụ hữu vi, che đầy Chân Tánh, cho nên cùng gọi là phạm vi của năm âm, rất là khó phá. Ở đây nói “Vốn là Như Lai Tặng Diệu Chân Như Tánh” là nói suy từ gốc thì năm Âm duyên khởi từ trong Như Lai Tặng mà lưu xuất ư? Hay là nói năm âm đều Không, tức hiển bày Tánh Diệu Chân Như ư? Điều này thuộc về Đốn Môn, tức là ở đoạn trước gọi là “Con Đường Diệu Tu Hành các Tam Ma Đề Đại Tổng Trì”. Chính là ở đây chỉ rằng: Ngũ âm tức là Như Lai Tặng, tức là Tánh Diệu Chân Như, không hai, không khác! Như thế thì dẹp tan ngũ âm, cũng không có thứ lớp. Như luận về lý Đốn Ngộ, phải ngay đây thấy được năm âm đều tự vô sanh, đều tự tịch tĩnh, cầu tướng năm âm rốt

là không thể được. Thế thì năm âm đâu chẳng phải là Chân Như, mà Chân Như nào chẳng hè là năm âm ư?

Có nhà sư hỏi Tồ Quy Sơn An rằng: “Rời bỏ năm âm, thế nào là cái thân xưa nay?”

Tồ An nói: “Đất, nước, lửa, gió, thọ, tưởng, hành, thức”.

Vị sư nói: “Cái đó là năm âm”.

Tồ An nói: “Cái đó chẳng phải năm âm”.

Lại hỏi: “Cái âm này đã hết mà cái âm kia chưa sanh, thì như thế nào?”

Tồ An nói: “Cái âm này chưa hết, Đại Đức là cái gì?”

Đáp: “Chẳng hiểu được”.

Tồ An nói: “Nếu hiểu cái âm này, bèn rõ âm kia”.

Như theo Tồ An, quả là thấu suốt *Ngũ Âm vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh*.

Kinh: “Anan, ví như có người dùng con mắt trong sạch xem hư không trong tịch, chỉ thấy một hư không trong sáng, vắng lặng chẳng có gì. Người ấy khi không chẳng lay động con mắt, nhìn sững hồi lâu nên mỏi mắt, bèn ở nơi hư không riêng thấy hoa đốm loạn xạ, lại thấy có tất cả những tướng giả dối lăng xăng. Nên biết rằng Sắc âm cũng là như thế.

“Anan, các hoa đốm lăng xăng ấy chẳng phải từ hư không mà đến, chẳng phải từ con mắt mà ra. Thật vậy, Anan, nếu nói từ hư không mà đến, đã từ hư không đến thì phải lại trở vào hư

không. Nếu có ra, có vào như thế thì đã chẳng phải là hư không. Hư không mà chẳng phải trống rỗng thì tự nhiên không thể dung chứa hoa đốm sanh diệt ở trong ấy, cũng như thân thể Anan không thể dung chứa được một Anan khác.

“Còn cho rằng hoa đốm từ con mắt mà ra, đã từ con mắt ra thì phải trở vào con mắt. Lại cái tính hoa đốm ấy đã từ con mắt mà ra thì lẽ ra phải có tánh thấy. Nếu có tánh thấy thì khi đã ra làm hoa đốm giữa hư không, phải trở lại thấy được con mắt. Nếu không có tánh thấy, thì khi đi ra phải che lấp hư không, khi trở vào phải che lấp con mắt! Hơn nữa, khi thấy hoa đốm, đáng lẽ con mắt phải không lòa, chứ sao thấy hư không trong sáng thì mới gọi là con mắt trong sạch?

“Vậy, nên biết rằng: Sắc ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Ngài Long Thọ có bài kệ:

“*Các pháp chẳng tự sanh
Cũng chẳng do (cái) khác sanh
Chẳng chung, chẳng không nhân
Nên gọi là vô sanh*”.

(Chư pháp bất tự sanh
Diệc bất tùng tha sanh
Bất cộng bất vô nhân
Thị cố thuyết vô sanh).

Phàm các pháp chǎng tự sanh, vì chờ có các duyên vậy. Chǎng do cái khác sanh, vì các duyên đều vô tự tánh. Chǎng cùng sanh vì thể của trí và tu hành là không; vô tự tánh nên không hợp, không tán. Chǎng không nhân, vì phải chờ tu hành giác ngộ mới hiển lộ, chứ chǎng phải tự nhiên mà thành.

Hãy biết rằng cái Diệu Giác Minh Thể này lìa ngoài hết thảy mọi lối làm, vốn tự vô sanh vậy. Từ năm Âm, sáu Nhập, mười hai Xứ, mười tám Giới cho đến bảy Đại chǎng có chỗ nào không làm rộng sáng cái ý này. Ngộ được vô sanh túc là *Con mắt thanh tịnh*. Xưa nay vốn tự không hoa đốm, chỉ vì nhìn sững mà hoa mắt. Trái với chân, hiệp với vọng, bèn thấy có hoa. Hoa vốn không thể, chǎng từ đâu sanh. Chỉ hết bệnh nhặm, hoa cuồng loạn tự diệt. Nếu ở nơi hoa đốm lăng xăng mà cho là có chỗ sanh ra, túc là tánh nhân duyên; nói là không có chỗ phát sanh, là tánh tự nhiên. Nay xét chỗ sanh ra, thì chǎng ở hư không mà sanh, cũng chǎng ở con mắt mà sanh, thì rõ là chǎng phải nhân duyên. Nếu quả là tự nhiên mà có thì khi thấy hoa đốm lẽ ra tự mình không có bệnh nhặm. Nếu không có bệnh nhặm mà thấy hoa đốm thì con mắt thấy hoa đốm phải gọi là con mắt trong sạch! Và thấy hư không trong sáng phải là con mắt nhặm! Thế, tại sao khi thấy hư không trong sáng lại gọi là con mắt trong sạch? Hoa đốm này chắc phải do bệnh nhặm mà sanh, chứ rõ ràng chǎng phải tự nhiên vậy!

Ôi! Hoa đốm đã thế, thì sắc ám cũng thế. Vốn đều hư vọng, vốn vô tự tánh, túc sắc túc không. Cho nên gọi đó vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh vậy.

Đức MÃ TỐ dạy chúng rằng: “Ba cõi duy chỉ là Tâm, muôn hình vạn tượng đều là một Pháp Ân. Phàm thấy sắc là thấy tâm. Tâm chẳng tự là tâm, nhân sắc mà có. Các ông chỉ tùy thời mà nói năng, thì sự túc là lý, đều không chố ngại. Đạo quả Bồ Đề cũng lại như thế. Nơi tâm sanh ra thì gọi là sắc. Biết sắc là không thì sanh túc là chẳng sanh. Nếu hiểu ý này mới khá tùy thời ăn cơm mặc áo, nuôi lớn thánh thai (55), mặc tình qua ngày qua buổi, còn chuyện gì đâu! Các ông thọ lanh giáo pháp của ta, hãy nghe kệ rằng:

“*Tâm địa tùy thời nói
Bồ Đề chỉ là thế
Sự, lý đồng không ngại
Đang sanh túc chẳng sanh*”.

(Tâm địa tùy thời thuyết
Bồ Đề diệc chỉ nịnh
Sự, lý cu vô ngại
Đương sanh túc bất sanh).

TỐ VÂN MÔN dạy chúng rằng: “Chân Không chẳng hoại Có. Chân Không không khác Sắc”.

Có vị sư hỏi: “Cái gì là Chân Không?”

TỐ MÔN nói: “Ông có nghe tiếng chuông không?”

Đáp: “Đó là tiếng chuông”.

TỐ MÔN nói: “Năm Lùa (năm không có trong mười hai chi) mộng thấy được sao?”

Thiền sư Cao An Nhân dạy chúng rằng: “Bình thường chẳng muốn hướng theo lời trước, câu sau mà cỗ vũ đùa giỡn với nam nữ nhà người. Vì sao? Vì thanh chẳng phải thanh, sắc chẳng phải sắc”.

Có vị tăng hỏi: “Như thế nào là thanh chẳng phải thanh?”

Đáp: “Gọi là sắc được không?”

Hỏi: “Như thế nào là sắc chẳng phải sắc?”

Đáp: “Gọi là thanh được chẳng?”

Vị tăng làm lẽ tạ.

Tô Bèn nói: “Hãy thử nói xem: vì ông mà nói? Hay đáp lại lời ông? Nếu có người rõ được thì có chỗ nhập”.

Tô Đơn Hà tung rằng:

“*Sắc tự sắc, hè, thanh tự thanh
Oanh non hót liễu, khói mong manh
Cửa cửa đều thông về kinh quốc
Nghiêng nghiêng ba đảo, biển đầy trăng*

(Sắc tự sắc hè thanh tự thanh
Tân oanh đè xứ liễu yên kinh
Môn môn hữu lộ thông kinh quốc
Tam đảo tà hoành hải nguyệt minh).

Cho nên, biết Sắc Âm vốn là Tánh Diệu Chân Như, liền đạt Vô Sanh đó.

B. THU THỌ ÂM

Kinh: “Anan, ví như có người tay chân yên ổn, năm vóc điều hòa, bỗng như quên mình, không có gì là trái là thuận. Người ấy khi không lấy hai bàn tay xoa nhau giữa hư không, thì nơi hai bàn tay ấy giả dối sanh ra những Cảm Xúc tron rít, lạnh nóng. Nên biết Thọ Âm cũng lại như thế.

“Anan, các cảm xúc giả dối kia không phải từ hư không mà đến, không phải từ bàn tay mà ra. Thật vậy, Anan, nếu từ hư không mà đến thì đã sanh cảm xúc nơi bàn tay, sao lại không sanh cảm xúc nơi thân thể, không lẽ hư không lại biết lựa chõ để sanh ra cảm xúc? Nếu như từ bàn tay mà ra, thì lẽ ra không cần hai tay phải hợp lại. Lại đã từ bàn tay mà ra thì khi bàn tay hợp lại, biết có cảm xúc, đến khi bàn tay rời ra thì cảm xúc phải chạy vào, và xương tủy cánh tay phải biết đường vào của cảm xúc. Rồi hẳn phải có tâm hay biết, biết ra, biết vào và phải có một vật gì đi lại trong thân, sao lại phải chờ đến hai tay hợp lại mới gọi là cảm xúc?

“Vậy, nên biết rằng: Thọ Âm hư vọng, vốn chẳng phải tính nhân duyên, chẳng phải tính tự nhiên.

Thông rằng: Trong cái Tạng Tánh không có các lãnh thọ. Khởi ra xúc tình nơi cảnh, đem cảnh vào tâm thì gọi là thọ. Cho nên lấy hai tay xoa vào nhau thì hư vọng sanh ra tron rít, lạnh nóng... Lạnh nóng vốn không có, do tiếp xúc mà có, nên gọi là huyền xúc. Nếu thọ âm do nhân duyên hay tự nhiên mà sanh thì không thể gọi là hư vọng. Nay thọ chẳng phải từ hư không cũng chẳng phải từ bàn tay, tức là chẳng phải nhân

duyên. Phải chờ hợp lại mới biết tức là chẳng phải tự nhiên. Chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên, đương thê tịch diệt. Vốn tự chẳng sanh thì không phải là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh sao? Gọi là Nhiệm Mầu (Diệu), vì thọ mà thật chẳng thọ.

Đức Thê Tôn nhân có vị Phạm Chí Trường Trảo đến để nghị luận, và cam đoan trước rằng: “Nếu cái nghĩa của tôi rót, tôi sẽ tự chặt đầu”.

Thê Tôn nói: “Nghĩa của ông lấy gì làm Tông?”

Ông Phạm Chí đáp: Tôi lấy “*Tất cả đều chẳng lãnh thọ làm Tông*”.

Thê Tôn nói: “Cái thấy đó có thọ không?”

Vị Phạm Chí phất tay áo bỏ đi. Đến giữa đường, ông bèn tinh ngộ mà bảo với đệ tử rằng: “Ta phải trở lại dâng đầu cho Thê Tôn!”

Các đệ tử nói: “Trước đại chúng trời, người, Ngài đã thắng cuộc, sao lại chém đầu?”

Ông đáp: “Ta thà ở trước người trí mà chém đầu còn hơn ở giữa người vô trí mà đắc thắng”.

Rồi than rằng: “Nghĩa của ta bị rót vào cả hai chỗ: Cái thấy mà có thọ, là rơi vào phần thô. Cái thấy mà không thọ, là rơi vào phần tinh. Tất cả trời, người và hàng Nhị Thừa đều chẳng biết chỗ rơi kẹt của cái nghĩa ta đưa ra. Chỉ có Thê Tôn và các Đại Bồ Tát biết được cái nghĩa của ta bị rót”.

Bèn trở lại ch  Th  T n và thưa rằng: “Ngh a của tôi bị r t k t ở hai nơi, xin tự ch t đầu d ng Ng i”.

Đ c Th  T n dạy: “Trong ph p của ta không có việc như vậy. Ông n n h i t m m  h u ng v  đ o”.

Ông Ph m Ch  b n c ng n m tr m đ t t  xu t gia theo Ph t v  ch ng A La H n.

Ôi, Th  Âm vi t  đ n như v y, đ u d  gi  ph !

C. THU TƯ NG ÂM

Kinh: “Anan, v i nh r c o ng r i khi ng e n i đ n tr i m  ch a th i trong mi ng ch y n r c mi ng. Khi ngh i đ n đ ng tr n v c n i th i l ng b n ch n th y r n r n. N n bi t T ng Âm l i c ng nh u v y.

“Anan, c u ch y n m  ch a nh u th  ch ng t  tr i m  m  sanh ra, ch ng ph i do c i mi ng m  v o. Th t v y, Anan, n u do qu  m  sanh ra th i tr i m  t  n i l y, n o ph i ch  đ n ng r i n i? N u do c i mi ng m  v o th i c i mi ng t  ng e l y, c n g i đ n l o tai! N u ch i c o l o tai ng e, th i n r c mi ng k a sao kh ng t  l o tai ch y ra! Ch y n ngh i đ n đ ng đ ng tr n v c n i l i c ng nh u v y.

“V y, n n bi t r ng: T ng Âm l a h u v ng, v n ch ng ph i t nh nh n duy n, ch ng ph i t nh t  nhi n.

Thông r ng: T u t ng v n kh ng c  th t t ng, do t m m  th n h n c  t ng, n n g i l a T ng. Ngh i t ng đ n tr i m  ch a th i ch y n r c mi ng. Ngh i t ng đ n v c cao th i c m th y l ng b n ch n r n r n. Tr i m  n o c  mi ng, ch i c o n i

đến thôi, thì nước miếng do đâu mà tới? Nên có là do tưởng vậy. Lại nữa, trong mộng mà nói đến trái mơ chua, người nói chẳng phải là người thật, cái nghe lại chẳng phải lỗ tai, thì nước miếng do đâu mà tới, đó là kết quả của tưởng vậy. Nếu cái tưởng này là tánh nhân duyên thì chắc là không thể ngoài trái mơ chua và miệng mà có. Nay việc nói chẳng phải là từ quả mơ, việc nghe chẳng do miệng, lỗ tai lại chẳng chảy nước miếng, mà trong miệng lại có nước sanh ra, thì rõ ràng không phải là nhân duyên.

Nếu cái tưởng này là tánh tự nhiên, thì khi nói trái mơ chua lẽ ra lòng bàn chân phải thấy ròn rọn, nói đứng trên vực thẳm thì lẽ ra nước miếng chảy ra. Mà nay mỗi thứ đều tùy theo chủng tử, tập khí, chẳng phải không lý do mà tự nhiên có, nên rõ ràng là không phải tự nhiên.

Chẳng phải là nhân duyên, chẳng phải là tự nhiên, ngay đang lúc tưởng, tức là vô tưởng, Như Như, một tánh nhiệm màu vậy.

Có một vị đạo sĩ hỏi Tô Vạn Tùng: “Kẻ đệ tử này hơn ba mươi năm trừ dẹp vọng tâm mà không xong!”

Tô Tùng nói: “Tôi có bốn câu hỏi đưa ra để tò cái Toàn Chân:

“Câu hỏi thứ nhất: Vọng tâm đã có từ lâu mau rồi?

“Câu hỏi thứ hai: Xưa nay vốn có vọng tâm không?

“Câu hỏi thứ ba: Vọng tâm làm sao mà đoạn?

“Câu hỏi thứ tư: “Vọng tâm đoạn là phải hay không đoạn là phải?”

Vị tăng lạy tạ rồi đi.

Ngài Hoàng Sơn Triệu Văn Nhụ thân cận Viên Thông quốc sư, từng có bài tụng:

*“Vọng tưởng xưa nay vốn là Chân
Khi trừ lại đây một lớp trần
Nói, suy, động, tĩnh nhờ gì đó?
Kỹ lưỡng mà xem, ai khác đâu”.*

(Vọng tưởng nguyên lai bốn tự Chơn
Trừ thời hựu khởi nhất trùng trần
Ngôn, tư, động, tĩnh thừa thùy lực
Từ té khán lai vô biệt nhơn).

Thuở Phật còn tại thế, có ba người anh em nghe ở nước Tỳ Da Ly có người dâm nữ tên là Am La Bà Ly. Lại nghe ở nước Xá Vệ có người dâm nữ là Tu Mạn Na, lại nghe ở thành Vương Xá có người dâm nữ tên là Ưu Bát La Bàn Na. Tất cả đều tuyệt sắc. Ngày đêm nhớ nghĩ, mới mộng thấy cùng các nàng đó ân ái. Đến khi tỉnh dậy, nhớ lại mới nghĩ rằng: “Người nữ chẳng tới, ta cũng không đi, mà chuyện dâm đã thành đầy đủ”.

Nhân đó mà tỏ ngộ tất cả các pháp đều như thế cả, do đó đốn chứng duy tâm.

Ôi! Như ba người ấy đáng gọi là tớ suốt được sự hứ vọng của Tưởng Âm. Đốn chứng duy tâm chẳng phải là đã thấy Tánh Diệu Chân Như sao?

D. THU HÀNH ÂM

Kinh: “Anan, ví như dòng nước chảy xiết, sóng mòi nối nhau, lớp trước lớp sau, không vượt khỏi nhau. Nên biết Hành Âm lại cũng như thế.

“Anan, tánh chảy như vậy không nhân hư không mà sanh, không nhân nước mà có, cũng không phải tánh nước, cũng không rời hư không và nước. Thật vậy, Anan, nếu nhân hư không mà sanh, thì mười phương hư không vô tận thành ra dòng nước chảy vô tận, thế thì thế giới đều bị chìm đắm cả. Nếu nhân nước mà có, thì dòng chảy ấy bắn tánh lẽ ra không phải là nước nữa và hiện nay đã có thể chỉ ra tướng của dòng chảy và tướng của nước khác nhau. Nếu tánh chảy tức là tánh nước, thì khi nước đứng lại, lẽ ra không phải là nước nữa. Nếu tánh chảy rời hư không và nước mà có, thì không thể có cái gì ở ngoài hư không cả, và ở ngoài nước không thể có dòng nước.

“Vậy nên biết rằng: Hành Âm hứ vọng, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Thức A Đà Na (57) vi tế, tập khí hiện hành như dòng nước chảy xiết, tưởng chừng là đứng yên, gọi là Thức Thứ Tám. Gắn dính cái vọng động vào tánh trong lặng, niệm niệm đổi dời, biến đổi chẳng hề ngừng nghỉ, gọi là Thức Thứ Bảy, đó là Hành Âm. Hành Âm (58) giống như dòng

nước chảy xiết, theo cảnh mà đổi dời. Nhưng cái dòng chảy đó, không phải từ cảnh mà sanh, không phải từ tâm mà sanh, chẳng phải *tức là* tâm cảnh, chẳng phải *lìa* ngoài tâm cảnh. Tất cả bởi vì Thức Thứ Bảy ở trong dựa vào Thức Thứ Tám, ngoài thì nương theo Thức Thứ Sáu, vốn không có tự tánh khá được. Đã vô tự tánh, tức là hư vọng vậy.

Nói dòng nước chẳng phải từ hư không sanh ra thì còn dễ hiểu, nhưng nói “Dòng nước chẳng phải từ nước mà có” thì khó biện ra. Cái năng hữu (59) là nước, cái sở hữu (60) là dòng nước chảy. Cũng như cây sanh ra trái, thì trái chẳng phải là cây, rõ ràng có thể chỉ ra là cây khác trái. Thế mà dòng nước chảy và nước, hai tướng ấy không thể riêng ra mà tự có, thì tức là dòng nước không phải do nước mà riêng có, đã rõ ràng vậy. Dòng nước chảy chẳng phải tức là hư không hay nước, nghĩa là không phải nhân duyên. Chẳng *lìa* ngoài hư không và nước, tức chẳng phải tự nhiên. Chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên thì đương nhiên là hư vọng. Thấu suốt được là hư vọng, hiện giờ vốn tự vô sanh, đó là Tánh Diệu Chân Như.

Kinh Lăng Già nói “Có tướng thì sanh chấp ngại, có tướng thì sanh vọng tưởng. Sự trôi chảy (lưu chú) sanh thì theo vọng mà trôi lăn. Nếu đến được Vô Công Dụng Địa thì vẫn còn trong tướng lưu chú. Cần phải vượt ra được cái sanh tướng lưu chú thứ ba, mới là tự tại khoái hoạt”.

Có vị tăng hỏi Tô Triệu Châu: “Trẻ nhỏ sơ sanh có đủ sáu thức hay không?”

Tô Châu nói: “Trên dòng nước xiết, đánh cầu”.

Vị tăng lại hỏi Tô Đầu Tử: “Trên dòng nước xiết đánh câu, ý chỉ thế nào?”

Tô Đầu Tử đáp: “Niệm niệm chẳng dừng”.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Sáu thức vô công, hỏi một câu
Tác gia (61) chung sức biện mối đầu
Mênh mông chảy xiết: câu vẫn đánh
Chỗ ấy chẳng ngừng, ai biết xem?”.*

(Lục thức vô công thân nhất vẫn
Tác gia tầng vọng biện lai đoan
Mang mang cấp xuất đả câu tử
Lạc xứ bất định thùy giải khán).

Đây là hoạt cú của Ngài Tuyết Đậu. Thủ nói bài tụng đến vào chỗ nào? Nếu nhìn thấy được mới tin nổi Hành Âm tức là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh.

E. THU THỨC ÂM

Kinh: “Anan, ví như có người lấy bình tần già (62) bịt cả hai lỗ, rồi vác cái bình đầy hư không đi xa ngàn dặm đem cho nước khác. Nên biết rằng Thức Âm cũng lại như thế.

“Anan, cái hư không ấy không phải đến từ phương kia, cũng không phải nhập vào phương này. Thật vậy, Anan, nếu đến từ phương kia, thì trong cái bình đã đựng hư không đem đi, ở phương kia lẽ ra phải thiếu một bình hư không! Nếu đưa

vào phương này thì khi mở miệng bình trút ra, lẽ ra phải thấy hư không ra!

“Vậy, nên biết rằng: Thức Âm hư vọng, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Bộ Tông Cảnh Lục nói “Nếu chấp là có thức, theo thân mà qua lại, nơi này thức ấm diệt, qua nơi kia thức ấm sanh thì cũng giống như đem hư không của xứ này qua cho xứ khác ở xa. Nếu ở nơi này thức ấm thật diệt mất, thì chỗ này phải thiếu hư không. Nếu ở nơi kia thức ấm lại sanh ra, thì khi mở nắp đồ bình, phải thấy hư không chảy ra. Bởi thế nên biết rằng: hư không bất động, thức không đến-đi, thức ấm là hư vọng vậy.

Tô Ôn Lăng nói: “Cái Tánh Không Chơn Giác cùng khắp pháp giới một khi đã mê thì là thức, thức cũng như hư không ở trong bình. Trong ngoài đều là một hư không: ví dụ cho tánh và thức vốn là một thể. Bịt cả hai đầu: ví dụ cho hư vọng phân ra là đồng, là khác. Hư không không có sự đến-đi: ví dụ cho tánh không có sanh, không có diệt. Cái bình: ví dụ cho cái nghiệp hư vọng. Hư không trong bình: ví dụ cho thức hư vọng. Nghiệp mang thức đi, như cái bình mang hư không. Đi qua nước khác: ví dụ cho sự luân chuyển hư vọng trong sáu nẻo luân hồi”.

Kinh Pháp Cú nói: “Cái tinh thần ở trong hình hài như con chim sẻ nhốt trong bình. Bình vỡ thì chim bay mất”.

Cái bình tần già này cũng giống như hình hài, hai ý giống nhau.

Quan Đại Phu Lục Tuyên hỏi Tô Nam Tuyền: “Người xưa có nuôi trong bình một con chim, dần dần lớn lên, không ra khỏi bình được. Nay nếu không được hủy bình, không được làm hư hao chim, làm sao ra được?”

Tô Nam Tuyền kêu lớn: “Đại Phu!”

Ông Lục Tuyên ứng tiếng dạ.

Tô Tuyền nói: “Ra rồi vậy”.

Ông Lục Tuyên do chở đó mở tòi, bèn lạy tạ.

Một hôm, lại hỏi Tô Nam Tuyền: “Đệ tử theo Lục Hợp mà đến, trong ấy lại còn có thân chăng?”

Tô Tuyền nói: “Phân minh nhớ giữ, cử động tựa chủ nhân”.

Ông Lục Tuyên nói: “Hòa Thượng thật không thể nghĩ bàn, đến chở nào thế giới thành tựu chở đó”.

Tô Tuyền nói: “Thật ra, đều là chuyện của phần ông đó!”

Hòa Thượng Báo Ân Minh hỏi hai vị thiền khách: “Thủ Tòa vừa rời chở nào?”

Đáp: “Kinh đô”.

Tô Minh nói: “Thượng Tọa rời kinh đô đến núi này, thì kinh đô thiếu Thượng Tọa mà núi này dư Thượng Tọa! Dư túc là ngoài tâm có pháp; thiếu thì tâm, pháp chẳng cùng khắp! Nói được lý đạo thì nên ở, chẳng hiểu thì nên đi”.

Hai vị này không đáp được.

Như thiền sư Thiên Y Hoài, chõ thấy tự rành rẽ. Tổ Thiên Y đến ngọn núi Sam, được mời vào chùa, thượng đường nói: “Suốt hai mươi năm mến mộ núi này, hôm nay mừng đã đến được, quả là đây đủ nhân duyên. Sơn tăng chưa đến núi này mà thân đã đến trước. Kịp tới khi đến đây, thì núi Sam đã ở trong thân của sơn tăng”.

Ở chõ này mà mỗi mỗi đều thấu triệt, mới tin thức ấm là hư vọng, vốn chẳng hề có đến, có đi. Như bọt nước sanh ra, diệt mất, không là ngoài biển cả. Bọt nước là biển cả, thì thức lại chẳng phải là tánh Diệu Chân Như đó ư.

Chú thích q2

01 Rỗng lặng.

02 Thần Trường Thọ.

03 Nhị kiến có hai thứ: Đoạn Kiến và Thường Kiến.

- Đoạn Kiến: cái thấy sai lầm (vọng kiến), chấp chặt thân tâm con người dứt diệt (chết) Rồi chẳng còn nối sanh nữa, tức Vô Kiến.

- Thường Kiến: cái thấy sai lầm chấp chặt thân người các đời còn hoài, không dứt, tức Hữu Kiến.

04 Bụi dơ.

05 Mudra, còn gọi là Kiết Tường Thủ. Tức là kiết cái ấn quyết định (Quyết Định Ân).

06 Cái Dụng.

07 Đường chim, chỉ địa vị đến chõ khó trên đường tu thiền: Hiểm khổ như đường chim. Lại còn chỉ địa vị đến đường rộng lớn mênh mông, không bờ cõi (như trên trời rộng lớn), như

dấu vết con chim trong thịnh không.

Động Sơn Lục: Tôi có ba đường rước người: Điều đạo (đường chim), huyền đạo (đường bí mật), triển thủ (xòe tay).

Huyền Trung Minh Tự: Nhờ đường chim nên trống trải rộng lớn. Nhân nோn nhiệm mà gồm tất cả. Nhưng, tuy thế không lặng lẽ vậy. Chẳng nghịch bày dao động.

Tổ Đinh Sư Vản Tự: Đường chim giống như hư không vậy.

Nam Trung Nhập Chí: Đường chim bốn trăm dặm, nhân sự hiếm trờ, tuyệt bất thú vật, không có lối đi. Riêng trên có đường chim bay.

08 Cái xưa nay trước mắt.

09 Không biết Bốn Tánh.

10 Vũ trụ, thế giới, tất cả sự vật ở thế gian thân tâm dựa nương ở. Nhân bởi nghiệp đời trước cảm ứng ra.

11 Căn thân. Theo nguyên nhân của nghiệp đời trước cảm ứng ra (thường gọi là trả báo) ngay nơi thân thể.

12 Quá khứ, hiện tại và vị lai.

13 Tu Di.

14 Thức Tinh Vốn Sáng.

15 Cung vua.

16 Không tranh cãi.

17 Thói nhà.

18 Đại Diên Hòa Thượng. Được mối thiền Tào Khê, nối pháp Tổ Thạch Đầu, ở Ấp Tây U Lanh, dưới chân núi lập thiền viện Linh Sơn, truyền pháp cho đệ tử cả ngàn người.

19 Cái Thầy Vốn Sáng.

20 Chân Tâm.

21 Chỉ Phật.

- 22 Nghiêng.
- 23 Vào dòng
- 24 Vạn tượng chi trung độc lộ thân.
- 25 Nhà chú giải Trang Tử Nam Hoa Kinh.
- 26 Dối trá, lộn xộn.
- 27 Xem rõ ở Quyển X.
- 28 Kinh Đại Bát Nhã.
- 29 Tức là.
- 30 Chẳng phải.
- 31 Ca Diếp.
- 32 Con ba ba lồ mũi rắn.
- 33 Nô nhi, tỳ nữ.
- 34 Từ ngọn chỉ gốc.
- 35 Phật.
- 36 Tâm Tánh.
- 37 Thuộc ngoại đạo.
- 38 La hán tiểu thừa. Hoặc vào phép Hỏa Định (ngồi định mà chết, lấy lửa phép đốt tiêu cái thức đầu thai và cái nghiệp luân hồi) ; hoặc do thiêu xác (dùng giàn hỏa) Nên sắc thân tiêu dứt ra tro.
- 39 Thấy Sông : xem Quyển I, phần II ...
- 40 Người ngọc.
- 41 Máy then.
- 42 Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến. Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập.
- 43 Không, Giả và Trung.
- 44 Dã hỏa.
- 45 Tự Tâm thường trụ.

46 Giao thiệp.

47 Nhược Tòn: nếu còn..

48 Chí Hư: rỗng không..

49 Mười Một.

50 Haklena. Lặc Na: âm tiếng Phạn. Hạc: âm tiếng Hán; tôn giả sau khi sanh ra, có bầy hạc cảm mến bay theo nên gọi vậy.

51 A Lại Da Thức còn có nhiễm ô.

52 A Lại Da Thức không còn nhiễm ô, gọi là Bạch Tịnh Thức.

53 Chứng Đạo Ca.

54 Cái xưa nay vốn Không.

55 Địa vị Thập Trụ, Thập Hành, Thập Hồi Hướng thuộc về Tam Hiền, gọi là Thánh Thai. Do chỗ tự dùng mình gieo làm nhân, bạn lành làm duyên, nghe chánh pháp mà tu tập nuôi lớn đến bậc Sơ Địa, thấy được Đạo, sanh trong nhà Phật.

56 Năm Lừa: năm không có trong mười hai chi.

57 Thức A Lại Da, Thức Thứ Tám.

58 Cái Thức thi hành âm thầm.

59 Cái Có.

60 Được Có.

61 Tiếng xung hô của thiền tông, chỉ kẻ thật có chỗ then chốt. Nghiā là tông sư; như Triệu Châu gọi là tác gia.

62 Bình giống hình chim Tần Già (Kalavinka - Ca lăng tần già). Phật dùng làm thí dụ không có sự qua lại của cái không, không có sự sống chết của cái thức (tâm thức hay uẩn thức).

Quyển 3

F. THU SÁU NHẬP

Kinh: “Lại nữa, Anan, như sao là Lục Nhập vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh?

Thông rằng: Lục nhập cũng gọi là lục xứ, là cái chỗ để cho cảnh do đó mà nhập vào vậy. Ở đây chỉ lấy căn làm nhập. Lục căn sao lại là Diệu Chân Như Tánh? Chẳng phải là “*Một căn đã trở về nguồn thì sáu căn đều thành giải thoát*” sao? Bởi thế, sáu căn tức đó là Phật Tánh vậy.

Vua Dị Kiến hỏi tôn giả Ba La Đè: “Cái gì là Phật?”

Tổ đáp: “Thấy Tánh là Phật”.

Vua hỏi: “Thầy thấy tánh chăng?”

Tổ đáp: “Tôi thấy Phật Tánh”.

Vua hỏi: “Cái tánh ở chỗ nào?”

Tổ nói: “Tánh ở trong tác dụng”.

Vua hỏi: “Ấy là tác dụng nào mà tôi không thấy?”

Tổ nói: “Nay hiện là tác dụng mà vua tự chẳng thấy”.

Vua hỏi: “Hiện nơi tôi có chẳng?”

Tổ nói: “Vua mà tác dụng thì không có gì chẳng phải là đó; vua mà chẳng dùng, thế ấy khó thấy”.

Vua hỏi: “Như khi đang dùng thì xuất hiện mấy chỗ?”

Tổ đáp: “Như khi xuất hiện thì hiện có tám chỗ”.

Vua nói: “Xin vì tôi nói ra tám chỗ xuất hiện ấy”.

Tổ Ba La Đề nói bài kệ:

“*Ở thai làm Thân*
Ở đời làm Người
Ở mắt là Thấy
Ở tai là Nghe
Ở mũi Người mùi
Ở miệng Đàm Luận
Ở tay Cầm Nắm
Ở chân Đi Chạy
Hiện khắp đồng đều pháp giới
Thâu lại trong một vi trần
Tỏ hiểu, biết đó là Phật Tánh
Không hiểu, lại gọi là tinh hồn”.

Vua nghe xong bài kệ, tâm liền khai ngộ.

Ông Trình Minh Đạo đọc Trung Dung có câu thơ “*Điều bay tận trời. Cá nhảy trong vực*”, nói rằng “Trên dưới đều rõ ràng vậy”. Đây là Ông Tử Tư quả là vì người mà gắng sức. Biết được thì đời sống quá đổi tự do. Chẳng biết, thì chỉ là “*Đùa giỡn với tinh hồn*”. Những lời nói ấy, người học vẫn thường nghe. Vì sao vua Dị Kiến lại tỏ ngộ, nhỉ?

Thiền sư Phật Nhật Tài thượng đường: “Gió mưa tiêu điệp lấp kín tai ông! Lá rụng lại qua lấp kín mắt ông! Hương mùi loạn xạ lấp kín mũi ông! Lạnh nóng, ngọt bùi lấp kín lưỡi ông! Áo gấm ấm mát lấp kín thân ông! Vọng tưởng điên đảo lấp kín

ý ông! Nay chư vị thiền đức, cho dù các ông có lật lại được chǎng nǔa thì cũng là đống xương đất bẳng! Tham!”

Chỗ này chǎng tham thì không được!

Kinh: “Anan, tức nơi tròng mắt kia, ngó sững sanh ra mỗi lòa. Cả hai cái: con mắt và sự mỗi lòa đều là cái tướng sinh mỗi lòa do nhìn chăm chăm của Bồ Đề.

“Nhân nơi hai thứ vọng trần sáng và tối phát ra cái thấy ở bên trong, thu nạp các trần tướng mà gọi là cái thấy. Cái thấy này rời ngoài hai trần sáng và tối, rót ráo không có tự thể.

“Thật vậy, Anan, phải biết rằng cái thấy đó chǎng phải từ nơi sáng, nơi tối mà đến, chǎng phải từ căn mắt mà ra, chǎng phải từ hư không mà sanh. Vì sao thế? Nếu từ cái sáng mà đến, thì khi tối đã theo cái sáng mà diệt, lẽ ra không thấy được cái tối! Nếu từ cái tối mà đến thì khi sáng phải theo cái tối mà diệt, lẽ ra không thấy được cái sáng! Nếu do căn mắt mà sanh, hẳn không có sáng, có tối thì cái thấy như vậy vốn không tự tánh. Nếu do hư không mà ra thì ngó tới trước phải thấy các trần tượng, quay về phải thấy con mắt! Lại nǔa, hư không mà tự thấy nào có liên quan gì đến chỗ thâu nhập của ông.

“Thế nên, phải biết Nhãm Nhập là hư vọng, vốn chǎng phải tánh nhân duyên, chǎng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Ngó sững chặp lâu thì mắt mỗi mà phát lòa, nên thấy hoa đốm loạn xạ, cái căn mắt phân biệt cũng là cái tướng lòa ở trong Giác Tánh Bồ Đề, nên nói “Cả con mắt và cái lòa đều là cái tướng mỗi sanh ra lòa của Bồ Đề”. Mượn con

mắt lòa tạo thành sắc ám để ví dụ là nhẫn nhập hư vọng vậy. Nếu mắt chẳng mỏi, tướng lòa tự là không, nguyên một Tinh Minh lấy đâu mà vọng? Cái thấy này lìa ngoài hai trần sáng, tối rốt ráo không tự thể. Rõ ràng hiển bày cái Chân Kiến Vô Sanh, chẳng vì thấy sáng, thấy tối mà có, chẳng vì lìa sáng, tối mà không. Chân Kiến là Chân Thật, còn cái thấy này là hư vọng, có thể thấy rõ ràng vậy.

Đoạn trước nói “Hoa đốm chẳng phải từ hư không sanh, chẳng từ con mắt sanh ra” chỉ thăng sắc ám vốn không. Ở đoạn này, nói “Tánh thấy chẳng từ hư không sanh cũng chẳng do con mắt sanh ra” để chỉ bày nhẫn nhập là hư vọng. Vọng vốn không tự tánh, đương thể túc Chân. Nên nói “Túc là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh” vậy.

Tổ Triệu Châu nói: “Cầm chắc Càn Khôn nhẫn, lùa lùa chẳng lọt mảy lông. Mong ông hiểu thấu, ông lại làm gì nữa?”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Trở lại đâu mối được chưa? Dù cho ông ở trong ấy hiểu được bảy lỗ, tám hang đi nữa, ta cũng biết ông chẳng ra khỏi cái nôi mây kết trói của Tổ Triệu Châu đâu!”

Lại có nhà sư hỏi Tổ Cửu Phong Kiền: “Như thế nào là con mắt Càn Khôn?”

Tổ Phong nói: “Càn khôn ở trong ấy!”

Nhà sư hỏi: “Con mắt Càn Khôn ở đâu?”

Tổ Phong nói: “Chánh đó là con mắt Càn Khôn”.

Sư hỏi: “Lại có chiếu sáng không?”

Tổ Phong nói: “Chẳng nhờ đến thế lực của ba loại ánh sáng”.

Sư hỏi: “Đã chẳng nhờ sức của ba loại ánh sáng thì nhờ vào đâu mà chiếu sáng, mà gọi là con mắt Càn Khôn?”

Tổ Phong nói: “Nếu chẳng như thế thì trước sọ khô thấy quỷ ma vô số!”

Hợp hai tắc này lại mà xem xét, nếu mà có nương nhờ thì đó chính là chỗ rỉ giọt (01), cho dù có hiểu được cũng là trước mắt thấy quỷ. Chỉ nơi một câu “Con mắt Càn Khôn ở tại chỗ nào?” mà trộm thấy suốt được thì mới nắm chắc. Tướng *mỗi sanh lòa* từ chỗ nào mà khởi ra thế?

Kinh: “Anan, ví như có người lấy hai ngón tay bịt chặt lỗ tai, do căn tai mỏi, trong đầu hóa ra có tiếng. Cả hai cái: lỗ tai và cái mỏi mệt, đều là tướng ***lâu mà sanh ù mỏi*** của Bồ Đề.

“Nhân nơi hai thứ vọng trần động và tinh phát ra cái nghe ở trong, thu nạp cái trần tượng đó mà gọi là cái nghe. Cái nghe đó rời hai trần động tinh rốt ráo không có tự thể.

“Thật vậy, Anan, ông nên biết cái nghe đó không phải từ nơi động, nơi tinh mà đến, không phải từ lỗ tai mà ra, không phải nơi hư không mà sanh. Tại sao thế? Nếu cái nghe ấy từ nơi tinh mà đến thì khi động phải theo cái tinh mà diệt, lẽ ra không nghe được cái động. Nếu từ nơi động mà đến thì khi tinh sẽ theo cái động mà diệt, lẽ ra không nghe thấy cái tinh. Nếu do lỗ tai mà sanh, hẳn là không có động, không có tinh, thì cái nghe như vậy vốn không có tự tánh. Nếu do hư không

mà ra, thì đã có tánh nghe, chắc không phải là hư không nữa. Lại nữa, hư không mà tự nghe nào có liên quan gì đến chỗ thâu nhập của ông?

“Vậy, nên biết rằng Nhĩ Nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh tự nhiên, chẳng phải tánh nhân duyên.

Thông rằng: Từ nhẫn nhập đến ý nhập đều như hoa không, nên nói “Đều là cái tướng mệt sanh ra của Bồ Đề”. Căn Tai mệt ù, thì trong đầu có ra tiếng. Giác Tánh Bồ Đề phát sanh mệt, ắt trong tai thành có cái nghe. Cái nghe này hư vọng mà sanh ra, cũng như hoa không vậy. Cái nghe này rời hai vọng trần động và tĩnh thì rốt ráo không có tự thể. Trần đến thì có, trần đi thì không. Cái nghe ấy vốn không gốc gác nên gọi là hư vọng. Cái nghe hay phân biệt được động, tĩnh nên chẳng từ cảnh mà sanh. Cái nghe thật linh mẫn, còn hư không thì tro tro, nên chẳng phải từ hư không mà ra. Như cái thể nghe của nhĩ căn, mỗi mỗi đều có mặt, sao lại nói là không tự tánh? Vì lìa ngoài tiền trần ắt là vô phân biệt. Nếu có phân biệt, đáng lẽ phải chỉ ra được. Nay không thể chỉ ra, thì biết là không tự tánh. Nghiệm xét cái nghe ở nơi cảnh, ở nơi căn, ở nơi hư không đều không có cái thể nhất định để tìm ra được, tức là cái nghe hư huyền này vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên, bèn là tánh huyền túc chơn vậy. Nếu mà có nhân duyên hay tự nhiên khá được thì cái nghe ấy bèn là pháp sanh diệt, sao có thể gọi đó là Diệu Chân Như Tánh?

Có vị tăng hỏi Ngài Huyền Sa: “Nhờ Hòa Thượng dạy “Cái tánh nghe cùng khắp pháp giới”. Ngài Tuyết Phong đánh trống ở trong ấy vì sao chẳng nghe?”

Tổ Sa nói: “Ai biết chẳng nghe?”

Lại có vị tăng hỏi Tổ Tào Sơn: “Gần bạn đạo nào để được hằng nghe chõ chưa nghe?”

Tổ Sơn nói: “Cùng chung nhau một cái trùm che khắp hết”.

Hỏi: “Cái này cũng như là Hòa Thượng được nghe. Như sao là hằng nghe ở chõ chưa nghe?”

Tổ Sơn nói: “Chẳng đồng với gỗ đá”.

Hỏi: “Cái nào là trước, cái nào là sau ?”

Tổ Sơn nói: “Chẳng thấy nói “Hằng nghe ở chõ chưa nghe” sao?”

Thế mới biết, *hằng nghe ở chõ chưa nghe* thì cái nghe này cùng khắp vậy.

Kinh: “Anan, ví như có người bịt gấp hai lỗ mũi. Bịt lâu thành ra mỏi mệt, thì ở trong mũi nghe có cảm giác lạnh. Nhận những cảm xúc như vậy mà phân biệt được là thông, là bít, là rỗng, là đặc cho đến các mùi thơm, thối. Cả hai cái: Ngửi và cái mỏi mệt, đều là cái tướng bịt lâu phát mỗi của Bồ Đề.

“Nhân noi hai thứ vọng trần thông và bít phát ra cái ngửi ở trong, thu nạp các trần tượng mà gọi là cái ngửi. Cái ngửi đó rời ngoài hai trần thông và bít rốt ráo không có tự thể. Thế

nên, phải biết cái ngửi ấy chẳng phải từ thông, bít mà đến, chẳng phải nơi căn mà ra, chẳng từ hư không mà phát sanh. Tại sao thế? Nếu từ cái thông mà đến thì khi bít, cái ngửi đã mất rồi làm sao mà biết được cái bít? Nếu nhân cái bít mà có thì khi thông, không còn cái ngửi làm sao biết được các mùi thơm, thối? Nếu từ lỗ mũi sanh ra hẳn không có cái thông, cái bít thì cái ngửi như vậy vốn không tự tánh. Nếu do hư không mà ra thì cái ngửi đó phải xoay lại ngửi được lỗ mũi của ông! Lại nữa, hư không mà tự ngửi được nào có liên quan gì đến chỗ thâu nhập của ông?

“Vậy, nên biết rằng Tỷ Nhập là hư vọng, vốn chẳng phải là tánh nhân duyên, chẳng phải là tánh tự nhiên.

Thông rằng: Bịt mũi là bịt ngừng hơi thở, khí không ra vào. Cái lạnh nhân nín thở mà có, không nín thì không có. Nhân nín thở mà biết có thông, bít, rỗng, đặc. Nhân thông, bít mà phân biệt các mùi thơm, thối. Cái ngửi đó, rõ ràng nhân hư vọng mà có vậy. Như chẳng có cái thông, bít, cái ngửi thấy đó hiện đang ở chỗ nào? Ở tai thì gọi là cái nghe thấy, ở mũi thì gọi là cái ngửi thấy. Công năng lớn nhỏ có thể thấy được. Cái nghe thì đâu cũng khắp, cái ngửi thì phát ra do tiếp xúc với tiền trần. Tuy nhiên, căn mũi là hư vọng, vốn không có chỗ chỉ ra được, huống là cái việc hướng thượng nằm ngay trên mũi mình, lại càng khó sờ nắm!

Có vị tăng hỏi thiền sư Hải Yên ở chùa Chửng Mê rằng:

“Như thế nào là chùa xưa một lư hương?”

Tổ nói: “Qua nhiều đời không có người ngửi”.

Hỏi: “Người ngửi như thế nào?”

Tổ nói: “Sáu căn đều chẳng đến”.

Ngài Ba Lăng Giám (02) ban đầu ra mắt Tổ Vân Môn.

Tổ Vân Môn nói: “Hòa Thượng Tuyết Phong nói “Mở cửa ra thì Đạt Ma đến”, tôi hỏi ông làm sao đây?”

Ngài Giám nói: “Ở trên lỗ mũi Hòa Thượng!”

Tổ Môn nói: “Địa Thần nổi dữ, cầm núi Tu Di đập một cái, nhảy tót lên trời Phạm Thiên, bứt phá lỗ mũi của Đế Thích. Ông vì sao mà hướng về trong nước Nhật Bản ẩn mình?”

Ngài Giám nói: “Hòa Thượng không lừa dối người thì tốt”.

Tổ Môn nói: “Ở trên lỗ mũi của lão tăng, lại làm sao?”
Ngài Giám không có lời đáp. Tổ Môn nói: “Hãy biết ông chỉ là phuờng Học nói”.

Nếu tham suốt được lời nói của Tổ Vân Môn thì thật như nửa đêm rò trúng lỗ mũi, xưa nay chỉ ở trên mặt!

Kinh: “Anan, ví như có người dùng lưỡi liếm mép, liếm mãi sanh ra mồi. Nếu người đó đang bệnh thì thấy có vị đắng, còn người không bệnh thì có chút vị ngọt. Do cảm xúc ngọt, đắng mà hiện ra có căn lưỡi, khi không động thì vẫn có tánh ngọt. Cả cái ném cùng cái mồi đều là cái tướng lâu mà sanh mồi của Bồ Đề”.

“Nhân hai thứ vọng trần nhạt và ngọt đắng phát ra cái ném ở bên trong, thu nạp các trần tượng đó mà gọi là cái ném biết. Cái ném biết này ngoài hai vọng trần nhạt và ngọt đắng kia, rốt ráo không có tự thể.

“Thật vậy, Anan, phải biết rằng cái ném biết được đắng, nhạt như vậy không phải từ ngọt đắng mà đến, không phải nhân tánh nhạt mà có, cũng không từ căn lưỡi mà ra, cũng không từ hư không mà sanh. Vì sao thế?

“Nếu từ các vị ngọt, đắng mà đến thì khi nhạt, cái ném biết đã diệt mất làm sao biết được vị nhạt? Nếu từ cái nhạt mà ra, thì khi ngọt, cái ném biết đã mất rồi làm sao biết được vị ngọt đắng? Nếu do cái lưỡi sanh ra, hẳn không có những vị ngọt, đắng và nhạt, thì cái căn biết mùi vị đó rõ là vốn không tự tánh. Nếu do hư không mà ra thì hư không tự ném biết, chẳng phải lưỡi ông biết được vị. Hơn nữa, hư không mà tự biết thì có liên quan gì đến chỗ thâu nhập của ông đâu?

“Vậy, nên biết rằng, Thiệt Nhập là hư vọng, vốn chẳng phải là tánh nhân duyên, chẳng phải là tánh tự nhiên.

Thông rằng: Cái căn biết mùi đây, biết ngọt, biết đắng, biết nhạt. Vị ngọt, đắng, nhạt không thường còn nên cái căn ném biết cũng tùy theo mà thay đổi. Cái biết vị này không phải từ ngọt, đắng, nhạt mà đến, không phải từ hư không mà ra thì còn dễ biết, nhưng tại sao không từ lưỡi mà sanh? Cái lưỡi vốn không mùi vị, nên không có tự tánh khá được. Chỉ do tiếp xúc với mùi vị mà ném biết sanh ra, mùi vị hết thì phải diệt, vốn đều là hư vọng. Bám chấp mà cho là có thì không biết nó ở

đâu ra! Bám chấp mà cho là không thì lại rõ ràng ra đó! Cho nên mới nói là Diệu. Ở đây mà chẳng biết mùi vị là cái gì thì không có đủ sức để bàn luận vậy.

Ngài Sam Sơn đang lựa rau quyết, Tô Nam Tuyền nhặt lên một cọng, nói: “Cái này dùng rất tốt”.

Ngài Sơn nói: “Không những cái này mà món ngon trăm vị hắn ta cũng chẳng thèm đoái tới”.

Tô Tuyền nói: “Tuy là như thế, mỗi cái phải nén nếm qua mới được”.

Ngài Huyền Giác nói rằng: “Đó là lời tương kiến hay không phải là lời tương kiến?”.

Ngài Thiên Đồng nói: “Hỏi lấy Nam Tuyền Vương Lão Sư, ai ai cũng chỉ ăn một cọng rau”.

Có thể nói là biết mùi vị vậy.

Kinh: “Anan, ví như có người dùng bàn tay lạnh rờ bàn tay nóng. Nếu bên lạnh nhiều hơn thì bên nóng lạnh theo. Nếu bên nóng nhiều hơn thì bên lạnh thành nóng lên. Như vậy, do cảm xúc nhận biết trong lúc hợp lại mà rõ sự nhận biết lúc rời ra. Cái thế chênh lệch giữa nóng và lạnh này thành là do mỏi mệt mà có ra cảm xúc. Cả hai thứ: Thân biết cảm xúc và cái mỏi đều là cái tướng sanh mỏi do chăm chú của Bồ Đề.

“Nhân nơi hai thứ vọng trần lìa và hợp phát ra cái hay biết ở bên trong, thu nạp các trần tượng đó mà gọi là cái biết cảm xúc. Cái biết như vậy lìa ngoài hai trần lìa và hợp, trái và thuận kia, rốt ráo không có tự thể.

“Thật vậy, Anan, phải biết rằng cái cảm xúc đó không phải từ cái lìa, cái hợp mà tới, không phải từ nghịch thuận mà có, chẳng phải do nơi thân căn mà ra, cũng không phải do hư không mà sanh ra. Vì sao thế?

“Nếu từ hợp mà đến, thì khi lìa, cái biết đã mất rồi, làm sao biết được cái lìa. Đối với hai tướng nghịch thuận thì cũng như thế. Nếu từ thân căn mà có ra, hẳn không có những tướng lìa, hợp, nghịch, thuận thì cái biết cảm xúc của thân vốn không có tự tánh. Nếu từ hư không mà sanh ra thì hư không tự biết lấy, nào có liên quan gì đến chỗ thâu nhập của ông?

“Thế nên, phải biết Thân Nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Cái Biết do hợp lại mà có thì khi lìa ra bèn không có. Nhưng lìa ra rồi mới biết cảm xúc là thuận hay nghịch. Cái biết do đụng chạm với thân này, hơi khác với cái biết ở lưỡi. Tùy theo cái thế tương quan mà có hơn thua. Ví như cái nóng chạm cái lạnh, mà nóng mạnh hơn, thì cái lạnh nóng lên và ngược lại. Lạnh và nóng can thiệp nhau, hai tướng thành ra, chẳng có cái cảm xúc mồi nhọc thì chẳng có việc nóng lạnh ấy. Cảm xúc dễ chịu thì nói là thuận, cảm xúc nghịch với thân thì gọi là trái nghịch. Nếu không có bốn tướng: lìa, hợp, thuận, nghịch, chỉ còn mỗi cái thân thì cái biết cảm xúc này ở tại nơi nào? Cho nên mới nói vốn là không tự tánh. Tức là cái biết của thân này không do tràn mà sanh, không do căn thân mà có ra, hẳn chẳng phải phân biệt mà biết. Không phải từ hư không mà sanh ra, hẳn chẳng phải là tự

nhiên. Chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên, gọi đó là Diệu Chân Như Tánh. Cái chuyện thấy, nghe, hay, biết ở trên là năm cái thức bên ngoài, do đối với cảnh mà biết, chẳng phải là cái biết của ý thức phân biệt. Tất cả đều là chỗ bày biện của Như Lai Tạng Tánh vậy.

Có nhà sư hỏi Tô Động Sơn: “Lạnh, nóng đến làm sao mà trốn tránh?” Tô Động Sơn nói: “Sao chẳng ở trong chỗ không nóng lạnh?”

Hỏi: “Như thế nào là chỗ không hề nóng lạnh?”

Tô Sơn nói: “Lạnh thì lạnh chết Xà Lê, nóng thì nóng chết Xà Lê!”

Lại Tô Tào Sơn hỏi một nhà sư: “Nóng như thế này, hướng về chỗ nào trốn tránh?”

Sư đáp: “Trốn vào trong vạc nước sôi, lò lửa!”

Tô hỏi: “Trong vạc nước sôi, lò lửa làm sao trốn tránh?”

Sư đáp: “Các khổ không thể đến!”

Đây là những lời trong nhà, như ra từ một miệng.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Buông tay lại đồng vách núi muôn tần
Chánh, Thiên nào cần đến việc an bài
Cổ điện lưu ly trăng chiếu sáng
Nực cười binh mạnh bắc thang lên không!”.*

(Thùy thủ hoàn đồng vạn nhận nhai
 Chánh Thiên hà tất tại an bài
 Lưu ly cổ điện chiếu minh nguyệt
 Nhẫn tuấn hàn lư không thượng giai).

Rõ được ý này thì *Thông tay vào chợ* cũng đồng là *Núi có riêng đứng một mình* (03). Về nguồn rõ Tánh và Sai Biết Trí đều chẳng khác nhau. Chẳng khé hợp sâu xa với Tông Tào Động, chưa dễ nói được chỗ này.

Kinh: “Ví như có người mỏi mệt thì ngủ. Ngủ chán thì thức dậy. Xem trần cảnh thì nhớ, hết nhớ thì quên. Các thứ sanh, trụ, dị, diệt điên đảo này hấp thu những kết tập thói quen đưa vào bên trong, mỗi mỗi liên tục, gọi đó là ý căn. Cả hai cái: Ý và mỏi mệt, đều là tướng phát mỗi do chăm chú của Bồ Đề.

“Nhân hai thứ vọng trần sanh và diệt kết tập cái biệt ở bên trong, thu nhóm nội trần, dùng thấy, nghe chảy ngược vào trong, chảy không chỗ đến, mà gọi là cái Ý Hay Biết. Cái Ý Hay Biết này rời ngoài hai trần thức và ngủ, sanh và diệt rốt ráo là không có tự thể.

“Thật vậy, Anan, nên biết rằng cái Căn Hay Biết đó chẳng từ thức hay ngủ mà đến, chẳng phải từ sanh diệt mà có, chẳng phải nơi căn ý mà có ra, cũng chẳng phải hư không sanh. Tại sao thế?

“Nếu từ nơi thức mà đến, thì khi ngủ đã theo cái thức diệt mất, lấy gì để thành ra cái ngủ mê? Nếu quả là lúc sanh mới

có, thì lúc diệt đã không còn, lấy ai mà thọ cái diệt? Nếu từ cái diệt mà có, thì khi có cái sanh: cái diệt không có, có ai để biết cái sanh? Nếu từ căn mà ra thì hai tướng thức và ngủ theo thân mà có mở, có khép. Nếu rời ngoài hai tướng thức, ngủ này thì cái Ý Hay Biết đó cũng giống như hoa đốm trên không, rốt ráo là vô tự tánh. Nếu từ hư không mà sanh ra, thì hư không tự biết lấy, dính dáng gì đến chỗ thâu nhập của ông?

“Vậy, nên biết rằng: Ý Nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Trong mộng hiện cảnh, bởi ngủ nên có ra, cái thân thơ thới mà là hư giả. Đã tinh thức, chẳng rõ là giả, rồi nhận mà tưởng nhớ đến, cho là chân thật, chuyện ấy là điên đảo vậy. Các hình tướng hữu vi cũng thế. Động tâm thì sanh ra cảnh, đã là hư vọng lại do cái thức phân biệt nhớ giữ mà cho là thật có, thì đều là điên đảo. Nhớ đến thì sanh ra, quên đi thì diệt mất, nên bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt rõ ràng, rời rạc trôi ra chẳng ngừng, sát na sát na liên tục nối tiếp, đó là Ý Căn.

Khi ý chẳng duyên ra, thức ngủ là một. Cầu lấy cái tướng thức ngủ còn chẳng thể có, huống là có các tướng sanh, trụ, dị, diệt sao? Ngay khi cái ý cùng theo pháp tướng duyên ra, thu nạp các tập khí vào trong đã thành ngay cái tướng mỏi mệt. Thế nên cái Bồ Đề mà bất giác khởi động để thành ra cái ý, thế là lọt vào chỗ mỏi nhọc của thế trần.

Bộ Tông Cảnh Lục (04) nói rằng: “Các giác quan níu giữ lấy cảnh bên ngoài, niệm niệm chảy vào cõi ý”.

Từ ngoài đưa vào trong nén gọi là chảy ngược dòng. Cái ý đã có chỗ duyên, tức “Thức xem trần cảnh thì nhớ”, gọi làm cái sanh. Còn câu “Chảy không chỗ đến” là nói trong khi ngủ mê, các căn không duyên với trần thì không có ngoại trần chảy vào trong đất ý, ý cũng không có chỗ duyên gấp, nên kinh nói “Khi ngủ thì hết nhớ mà quên”, đó là sự diệt vậy.

Phân ra như thế hình như là gượng ép, bởi vì trong ngủ cũng có mộng, trong thức cũng có quên, nghĩa là thức hay ngủ đều có hai tướng sanh và diệt, làm sao mà cho là khi thức chỉ thuộc về sanh, còn ngủ chỉ thuộc về diệt ư? Theo ngu ý của tôi: cái thấy, nghe của tai, mắt thì thuận chiều ra đến bên ngoài; còn cái thấy, nghe của ý căn thì ngược chiều chảy vào trong. Khi ý căn hấp thu nội trần, mắt như có thấy, tai như có nghe, ẩn hiện dường như không dấu vết, chảy vào chỗ mà thấy, nghe không đến được, chỉ có ý căn biết được mà thôi, chẳng phải là chỗ tai mắt đến được vậy. Bởi thế, năm căn mỗi cái đều có vị trí của nó, mà ý căn thì vô hình, chỉ nương gởi vào các tướng thức, ngủ, sanh, diệt mà thôi. Lìa ngoài thức ngủ, sanh diệt không lấy gì thấy cái ý được. Do đó, ở kinh không nói “Nếu từ căn sanh thì hẳn không có thức, ngủ, sanh, diệt”, mà lại nói “Nếu từ căn sanh thì hai tướng thức, ngủ tùy theo cái ý mà có mở, khép”. Cái ý mà đã lìa ngoài hai tướng này thì cái ý hay biết này tuy có sanh, có diệt cũng giống như không hoa, có chỗ nào để nương vào mà tỏ bày cái ý! Ý đã lìa hình tướng, hình tướng cũng rời ý, rót chẳng có tướng thức, ngủ, sanh, diệt làm sao có tự tánh ư? Nên mới nói do căn sanh ra là chẳng đúng vậy. *Mở Khép*, hai chữ này hình dung hai

tướng thức, ngủ rất kỳ diệu. Thức thì *hình* mở ra, ngủ thì *hình* khép lại. Cái thức, ngủ, sanh, diệt này là cái *chỗ* ở của ý. Cho nên kinh mới nói là “Lấy gì để làm ra cái ngủ mê?”, “Lấy ai mà thọ cái diệt?”, thật chẳng phải là trí vậy. Thế là cái ý hay biết này chẳng phải từ nhân duyên sanh, chẳng phải từ tự nhiên mà sanh, tức đó là cái bản thể của vô trụ, mà không gọi ấy là Diệu Chân Như Tánh thì gọi là cái gì?

Ban đầu, Tô Ngưỡng Sơn hỏi Tô Quy Sơn: “Như sao là trụ xứ chân thật của Phật?”

Tô Quy Sơn nói: “Hãy suy nghĩ chỗ nhiệm màu của cái vốn không suy nghĩ, trở lại suy nghĩ chỗ vô cùng linh diệu, niệm hết bèn đó là Nguồn, tánh tướng đều thường trụ, sự lý không hai là Chân Phật Như Như”.

Ngài Ngưỡng Sơn ngay dưới lời mà đốn ngộ.

Sau này, có vị sư tên Tư Ích hỏi Tô Ngưỡng Sơn: “Thiền tông đốn ngộ, rốt ráo cái ý vào cửa là như thế nào?”

Tô Ngưỡng nói: “Ý ấy rất khó. Nếu thật là môn hạ của Tô Tông, thượng căn thượng trí, một nghe ngàn ngộ, đắc Đại Tống Trì. Còn căn nhỏ, trí hèn nếu chẳng ở trong thiền định thì đến vào trong ấy ắt phải hoang mang!”

Hỏi: “Ngoài một đường ấy ra, lại còn có chỗ khác để vào không?”

Tô Ngưỡng đáp: “Có”.

Hỏi: “Như sao là phải?”

Tổ nói: “Ông là người xứ nào?”

Đáp: “Người xứ U Châu”.

Hỏi: “Ông còn nghĩ đến xứ ấy chăng?”

Đáp: “Thường vẫn nhớ nghĩ”.

Tổ Ngưỡng nói: “Cái suy nghĩ ấy là tâm, cái chổ suy nghĩ là cảnh. Xứ ấy nào nhà cửa, vườn rừng, ngựa xe... đầy dãy. Ông hãy xoay sự suy nghĩ trở lại để suy nghĩ cái tâm ấy, thật có bao nhiêu thứ đó chăng?”

Đáp: “Tôi đến trong ấy toàn chẳng thấy có gì!”

Tổ Ngưỡng nói: “Tín vị thì phải, nhưng nhân vị thì chưa phải”.

Hỏi: “Ngoài cái ấy ra, riêng còn có ý hay không?”

Tổ nói: “Riêng có, riêng không thì chẳng kham được vậy”.

Hỏi: “Đến trong đó, làm gì là phải?”

Tổ Ngưỡng nói: “Cứ theo chổ ông hiểu, chỉ được một cái huyền, được an nhiên mặc áo, về sau tự xem”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Không có ngoài, nên dung chứa
Không có ngại, nên an hòa
Tường vách chất ngất
Cửa khóa trùng trùng
Rượu thường vui mà đẹp khách”*

*Cơm tuy no mà chẳng cay
Đột nhiên ra khỏi hư không, hè, cánh mầu
cuốn gió
Đạp lật lại biển cả, hè, sấm tiến rồng chơi”.*

Bài tụng này là *Đầu sào trăm thước cân tiến bước*. Không thể chấp bám cảnh giới của ngộ, tự cho là đủ. Nếu chỉ tuyệt không thấy có một lời, chỉ làm rỗng không ý căn, thì đối với cái chỗ Chân Phật Như Như còn rất xa lăm lăm.

G. THU MUỜI HAI XỨ

Kinh: “Lại nữa, Anan, như sao là mười hai Xứ vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh?

Thông rằng: Mới đầu, ở trong năm âm thì dùng phép tỳ dụ để phá tình chấp, vì ngũ âm vốn không, nếu không so sánh thì khó hiển bày. Tiếp đến, ở trong sáu nhập chỉ ra cái sự việc giả để hiển bày cái vọng tướng của chúng. Sáu nhập vốn vọng, nên dùng vọng để dẫn đến vọng, có thể suy ra mà thông hiểu. Đoạn này nói đến Mười Hai Xứ cho đến đoạn sau là Bảy Đại thì lấy ngay cái cảnh thấy, nghe trước mắt mà chỉ bày cái Như Lai Tạng Tánh của chúng. Thật là mỗi cõi Phật độ, mỗi hạt trần rành rành không hở sót vậy.

Đức Tam Tố Tăng Xán nói: “Chẳng ghét sáu trần. Liền đồng Chánh Giác”, là đã thấy sâu xa chỗ này vậy.

Thiền sư Kim Sơn Thiện Minh thượng đường nói với đại chúng rằng: “Người xưa nói: Ở mắt là thấy, ở tai là nghe, ở mũi là ngửi hương, ở lưỡi là bàn luận, ở thân là cảm xúc, ở ý

là bám níu. Tuy nhiên như thế là chỉ thấy đầu dùi nhọn, chẳng thấy đầu đục vuông!

“Nếu là Kim Sơn tôi ắt chẳng phải thế: Có mắt mà nhìn chẳng thấy, có tai mà lắng chẳng nghe, có mũi mà chẳng biết mùi, có lưỡi mà chẳng hề đàm luận, có thân mà chẳng biết cảm xúc, có ý mà chẳng bám níu. Một niệm tương ứng, sáu căn liền giải thoát. Dám hỏi các vị Thiền đức: Thủ nói xem là đối với lời trước là đồng hay khác? Nếu có bậc cụ nhẫn thì xin bước ra làm cho rõ thông tin tức. Còn nếu không có, xin vì các ông mà giải nghĩa trùng trùng. Buông mở ra thì riêng thông xe, ngựa. Nắm tóm lại thì mảy lông cũng chẳng còn. Nếu là bậc thiền gia cự phách thì kham hết mọi trái phải, phân chia”.

Một đoạn chỉ bày này quả là cùng đoạn kinh trên trùng trùng giải thích.

Kinh: “Anan, ông hãy xem rừng cây Kỳ Đà và các suối ao đó. Ý ông thế nào? Như thế là sắc trần sanh ra cái thấy hay là cái thấy sanh ra sắc tướng?

“Anan, nếu nhẫn căn sanh ra sắc tướng, thì khi thấy hư không không có sắc tướng lẽ ra cái tánh của sắc đã tiêu mất rồi. Mà đã tiêu mất thì tỏ rõ hết thấy đều không. Sắc tướng đã không thì lấy gì rõ được tướng hư không? Đối với hư không thì cũng như vậy.

“Lại nếu sắc trần sanh ra cái thấy, thì khi thấy hư không bèn không có sắc, cái thấy hẵn tiêu mất. Tiêu mất thì tất cả đều không, lấy gì mà rõ được hư không và sắc tướng?

“Thế nên, phải biết cái thấy cùng với sắc, không đều không có xứ sở. Tức sắc tràn và cái thấy, cả hai xứ đó đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Ở đoạn trước dựa trên sáu nhập để phá sáu căn thì tuy dùng sáu tràn để đối biện mà ý chánh vẫn ở tại căn. Hiện đây là nói về Mười Hai Xứ, thì tuy là phá cả căn lẩn tràn, mà chánh là phá cái tràn. Sau này, nói về mười tám giới, thì chỉ chuyên phá cái thức. Đoạn trước về sáu nhập thì luôn luôn có câu “Đều là tướng phát mỗi do chăm chú của Bồ Đề”, đó là từ trên căn mà nói. Đoạn này nói “Hãy xem rùng Kỳ Đà và các suối ao” là từ trên sắc mà khởi nói.

Nếu nói là sắc sanh ra cái thấy, thì chắc hư không chẳng sanh ra cái thấy. Vậy lấy cái gì giúp thấy sắc, lại rõ thấy hư không? Nếu nói là con mắt sanh ra sắc tướng, thì chắc là nó không thể sanh ra tướng hư không, thì cái gì giúp hiển bày sắc, lại hiển bày hư không? Do đây mà nói: Con mắt không thể sanh ra sắc, con mắt vốn tự tịch diệt, nào cùng với sắc ư? Sắc không thể sanh ra con mắt, sắc vốn tự tịch diệt, đâu cùng với mắt ư? Chỉ lấy hư không mà hình dung ra sắc thì sắc tràn tự phá. Cái thấy cùng với sắc, không đều không có xứ sở. Sắc là Không mà cái thấy cũng Không đó vậy. Sắc và cái thấy đều Không, lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tự nhiên, thì chẳng gọi đó là Tánh Chân Như sao?

Xưa, Tổ Nguõng Sơn chỉ con sư tử ở ngoài tuyết nói: “Có vượt qua được cái sắc này không, nhỉ?”

Tô Văn Môn nói: “Hiện giờ nên cùng nhau đầy ngã cho xong”.

Ngài Tuyết Đậu nói: “Chỉ biết đầy ngã, chẳng biết đỡ dậy”.

Ngài Phật Giác tụng rằng:

“*Một sắc không qua chỉ bày người
Trong cõi bạc trắng luồng than van
Vượt ngoài “xô ngã” và “đỡ dậy”
Cũng tựa gió Đông đón sáng Xuân*”.
(*Nhất sắc vô quá chỉ thị nhân
Bạch ngân thế giới lý tần thân
Siêu nhiên thôi đảo hoàn phù khởi
Tranh tự Đông phong hú nhật tân*).

Ngài Thiên Đồng tụng rằng: “Một ngã một dậy, sư tử sân tuyết. Khéo không phạm đến nhưng chưa lòng nhân. Mạnh mẽ ở chỗ làm mà thấy nghĩa. Ánh sáng trong suốt soi mắt mà tựa người mê. Rõ ràng đối thân sa vào địa vị. Là kẻ thầy tu, rõ không nương gởi, cùng tử cùng sanh, nào đây, nào đó? Tin ám nứt cây mai, hè, xuân đến lạnh cành. Gió mưa lay rụng lá, hè, thu lặng mưa đầy”.

Tô Vạn Tùng nói: “Đã kêu là sắc ắt cùng với con mắt mà đối nhau. Cái sắc vượt qua màu trắng, chỉ là một vô sắc, nên không cùng với mắt đối nghịch”.

Tô Văn Môn nói: “Sở dĩ nói “*Hiện nên cùng đầy ngã*”, vì nếu hướng về chỗ trắng, chỗ không trắng mà nhận lấy thì thật

đã rơi vào trong cõi vô sắc. Ngài Tuyết Đậu sở dĩ riêng chỉ ra một con đường để sống lại, ấy là hướng về chỗ xô ngã mà dạy đỡ dậy”.

Tổ Phật Nhãnh nói: “Nếu ở trong ấy mà giúp đỡ nâng cho đứng dậy thì liền sanh có thứ lớp”.

Như các vị Tôn Túc đối với một sắc tướng nhỏ nhặt mà còn cần phá sạch hết ráo, huống gì là trước mắt thấy có đủ thứ sao?

Kinh: “Anan, ông lại nghe trong vườn Kỳ Đà này, khi thức ăn dọn rồi thì đánh trống, khi chúng nhóm lại thì đánh chuông. Tiếng chuông, tiếng trống trước sau nối tiếp nhau. Ý ông thế nào? Như vậy là cái tiếng đến bên cái nghe hay cái nghe đến chỗ cái tiếng?

“Anan, nếu như cái tiếng đó đến bên cái nghe, thì cũng như ta khát thực trong thành Thất La Phiệt, ở rừng Kỳ Đà không có ta nữa. Cái tiếng đó đã riêng đến bên cái nghe của Ông Anan, thì lẽ ra Ông Mục Liên, Ông Ca Diếp không cùng nghe được một lần. Huống gì trong này có một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa môn, một khi nghe tiếng chuông thì đồng đến chỗ ăn cơm cả.

“Lại như cái nghe của ông đến chỗ cái tiếng, thì cũng như ta đã về rừng Kỳ Đà rồi, trong thành Thất La Phiệt không còn ta nữa. Vậy, khi ông nghe tiếng trống, cái nghe của ông đã đến nơi tiếng trống rồi, thì khi có lúc tiếng chuông phát ra, đáng lý ông không thể cùng nghe, huống nữa, ông còn nghe được cả

tiếng voi, ngựa, bò, dê và nhiều tiếng khác. Còn nếu chúng không đi đến với nhau thì lại là không có nghe gì cả.

“Thế nên, phải biết rằng cái nghe và cái tiếng đều không có xứ sở. Tức cái nghe và thanh trần, hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Câu “*Cũng như Ta khát thực trong thành Thất La Phiệt, tại rìng Kỳ Đà không có Ta nữa*” để thí dụ cho cái tiếng đến bên cái nghe, thì các chỗ khác không còn có cái tiếng, vậy sao một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa môn lại còn cùng nghe? Câu “*Cũng như ta đã về rìng Kỳ Đà rồi, trong thành Thất La Phiệt không còn có ta nữa*” để thí dụ cho cái nghe đến chỗ cái tiếng thì các chỗ khác phải không còn cái nghe, vậy thì tại sao lại nghe tiếng voi, ngựa, bò, dê và nhiều tiếng khác nữa? Câu “*Nếu không đi đến với nhau*” tức là rơi vào ngoan không. Nghĩa nghe không thành lập được, thì cái tiếng và cái nghe đều không có dấu tích. Uyển chuyển mà cùng khắp, gặp chỗ đều thông suốt, có xứ sở nào đâu? Cho là nhân duyên, thì không có chỗ duyên. Cho là tự nhiên, thì cũng chẳng có chỗ nào mà tự. Ngay ấy là hư vọng, bèn là không có gì chẳng phải là chân thể, nên gọi đó là Tánh Chân Như Nhiệm Mầu vậy.

Tổ Huyền Sa nhân có người đang tham học, nghe thấy tiếng chim én, bèn nói: “Bàn sâu Thật Tướng, khéo thuyết Pháp Yếu!”

Liền xuống tòa giảng.

Khi ấy, có một vị sư hỏi thêm: “Thưa, tôi chẳng hiểu”.

Tồ Sa nói: “Đi đi, ai tin được ông!”

Lại có Tồ Báo Từ lên tòa giảng, nghe chim tu hú kêu, bèn hỏi nhà sư: “Tiếng gì thế?”

Sư đáp: “Tiếng chim tu hú”.

Tồ Từ nói: “Nếu muốn không chiêu vô gián nghiệp, chớ báng Như Lai Chánh Pháp Luân”.

Rồi xuống tòa.

Tất cả âm thanh là Phật Thanh. Thế còn hiểu được.

Còn, Tồ Huyền Sa nói: “Trong chuông không có tiếng trống, trong trống không có tiếng chuông, chuông trống chẳng có xen lẫn nhau, mỗi mỗi không sau trước”.

Hiểu thế nào? Đây là ý chỉ vô sanh duyên khởi. Ngộ đó thì cái chõ nói là thật tướng, là pháp yếu, có thể thấy rồi.

Kinh: “Anan, ông hãy ngửi mùi hương chiên đàm trong lư này. Hương ấy, nếu đốt đến một thù thì cả thành Thất La Phiệt, trong bốn mươi dặm đều đồng thời ngửi được mùi thơm. Ý ông thế nào? Mùi thơm ấy sanh ra do cây chiên đàm, do nơi mũi ông, hay sanh từ hư không?

“Anan, nếu mùi thơm ấy sanh ra do mũi ông, đã nói là từ mũi sanh ra, tất phải từ lỗ mũi mà ra, lỗ mũi không phải chiên đàm, làm sao trong lỗ mũi lại có được mùi thơm chiên đàm? Lại đã gọi rằng ông ngửi mùi thơm, thì mùi thơm phải vào trong lỗ mũi; còn nói là trong lỗ mũi phát ra mùi thơm, nói thế là không đúng nghĩa. Nếu sanh ra do nơi hư không, thì tánh hư

không là thường cùn, mùi thơm lẽ ra cũng phải thường có, cần gì phải đốt cây chiên đàn khô trong lư rồi mới có? Nếu mùi thơm sanh ra từ cây chiên đàn, thì cái chất thơm ấy nhân đốt mà thành khói, nếu mũi ngửi được là do khói xông đến mũi. Tại sao khói đó xông lên khoảng không chưa được bao xa mà trong vòng bốn mươi dặm đều đã ngửi thấy?

“Thế nên, phải biết hương tràn và cái ngửi đều không xứng sở. Tức cái ngửi và hương thơm, cả hai xứ ấy đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Cái ngửi này cùng với hương thơm, chẳng phải mũi, chẳng phải hư không, chẳng phải gỗ chiên đàn, tức là cái hương xứ không có thật vậy. Thế nào mà trong vòng bốn mươi dặm đồng thời ngửi thấy, thì cái sức đặc biệt của mùi thơm cũng là không thể nghĩ bàn.

Táo Bách Luận: “Cây chiên đàn Ô Lạc Ca: Ô Lạc Ca là tên con rắn. Chiên đàn là cây thơm. Rắn này rất độc, nó hay sờ nóng độc, thường quần quanh cây thơm này thì độc khí hết. Ý nói rằng nếu có chúng sanh nghe nói cái hương mà tâm cảnh đều không, vốn không thể tướng, không xứng sở, không một pháp khả được, tin mà ngộ nhập thì tất cả phiền não, độc khí tự nhiên đều thanh tịnh”.

Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn (05) có bài kệ:

*“Có một lời, toàn quy củ
Định suy lường, theo bọn xấu
Đạp lên mà chẳng làm, bèn tinh ngay xứng sở”*

*Một đời tham học, sự không thành
Ân cần ôm được gốc chiên đàn”.*

Bài kệ này từ đây mà ra vậy.

Tô Chí Công (06) nói: “Trọn ngày lấy hương chọn lửa. Không hay thân túc Đạo Tràng”.

Ngài Thiên Đồng nêu ra: “Kẻ giõn tinh hồn nào có giới hạn?”

Ngài Huyền Sa nói: “Suốt ngày lấy hương chọn lửa. Chẳng hay Chọn Thật Đạo Tràng”.

Ngài Thiên Đồng nêu ra: “Thật kỳ quái: tám mươi ông vào trường ốc, chẳng phải là trẻ nhỏ giõn chơi? Thủ nói cái lợi cái hại ở chỗ nào? Có trí hay chẳng có trí, so ra trong ba mươi dặm đều đồng một tác dụng vô sanh, mới là có chút hào ly biện biệt ở đây”.

Người có trí hãy biện biện.

Kinh: “Anan, ông thường hai thời ở trong chúng cầm bình bát khát thực. Trong đó, hoặc gấp những món tô lạc đè hò, gọi là vị quý. Ý ông thế nào? Vì ấy sanh ra ở trong hư không, do nơi cái lưỡi hay do nơi đồ ăn?

“Anan, nếu cái vị ấy sanh ra do nơi cái lưỡi của ông, thì ở trong miệng ông chỉ có một cái lưỡi. Cái lưỡi lúc ấy đã thành vị tô rồi, nếu gấp cục đường phèn, lẽ ra cái vị không thay đổi. Nếu chẳng thay đổi thì không gọi được là biết vị. Còn nếu thay đổi thì cái lưỡi không có nhiều tự thể, thì làm sao một cái lưỡi lại biết được nhiều vị thế thế?

“Nếu vị ấy sanh ra do nơi đồ ăn, thì đồ ăn không có sự biết, làm sao tự nó biết vị? Lại như đồ ăn tự biết, thì cũng giống như người khác ăn, nào có dính dáng gì đến ông, mà nói là ông biết vị ?

“Nếu vị ấy sanh ra từ hư không, thì ông hãy ném hư không xem là vị gì. Nếu hư không đó mà có vị mặn, làm mặn lưỡi ông, chắc cũng làm mặn cái mặt ông và mọi người trong cõi này: cũng giống như cá biển, đã thường thọ nhận cái mặn thì không còn biết cái vị ngọt là gì nữa. Nhưng nếu không biết ngọt thì lại cũng không biết mặn. Tức là không có chỗ biết, sao gọi là biết vị?

“Thế nên, phải biết: các vị và lưỡi biết ném đều không xú sở. Tức cái biết ném và các vị, cả hai xú đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Đoạn này chứng minh cái tánh của vị, chẳng sanh ra do nơi hư không, chẳng sanh ra do nơi lưỡi, thì còn dễ biết. Nhưng sao lại nói chẳng do món ăn sanh ra? Vì, món ăn chẳng có thức, nó chẳng tự nói: vị của tôi ngon, vị tôi dở. Phân biệt ngon, dở là thuộc về căn lưỡi. Mà căn lưỡi thì không có định thể, theo vị mà dời đổi. Đủ biết rằng: vị tự là vị, lưỡi tự là lưỡi. Cả hai đều lặng nhiên. Biết lưỡi cùng vị đều vắng lặng, thì thật tin là chúng chẳng phải là nhân duyên, chẳng phải là tự nhiên mà chính là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh.

Thiền sư Thần Đảnh Nhân có lần cùng với chúng Tăng đến miền Tương Miện. Có một vị sư khởi bàn về Thiền rất trôi

chảy. Trong quán Dã Phạn Sơn đã bày xong thức ăn, mà nhà sư luận nói vẫn chưa xong.

Tổ Đánh nói: “Ba cõi duy chỉ một Tâm, muôn pháp duy chỉ là thức. Duy thức, duy tâm, mắt thanh, tai sắc là lời của ai thế?”

Nhà sư nói: “Lời của Tổ Pháp Nhãn”.

Tổ Đánh hỏi: “Nghĩa ấy như thế nào?”

Sư đáp: “Duy tâm nên căn và cảnh không đến nhau. Duy thức nên thanh, sắc khua đánh”.

Tổ Đánh nói: “Cái lưỡi, cái vị có phải là căn và cảnh không?”

Nhà sư đáp: “Phải”.

Tổ Đánh lấy đũa gấp rau bở vào miệng, giốn cợt nói rằng: “Nào gọi là tương nhập sao?”

Người ngồi chung quanh đều kinh hãi. Nhà sư chẳng thể đáp lại.

Tổ Đánh nói: “Cái vui dọc đường rốt cuộc chưa đến nhà. Kiến giải dầu vi diệu cũng chẳng gọi là thấy đạo. Tham, cần thật tham. Ngộ, cần thật ngộ. Diêm Vương chẳng sợ chuyện nói nhiều”.

Vị sư làm lễ mà cáo từ.

Tổ Huyền Sa có lần ăn trái vải, hỏi đại chúng: “Trái vải này cho là màu hồng ư? Cho là màu đỏ ư? Các ông làm sao

đây? Nếu nói là một màu lại là mông lung; nói là nhiều màu thì chỉ thành cái đoạn-thường (07). Các ông làm sao đây?”

Sư Ngạn Thao nói: “Đó chỉ vì Hòa Thượng phân biệt”.

Tồ Sa nói: “Ngu si mơ hồ như thế có giao thiệp gì đâu?”

Sư Xung Cơ nói: “Hết thảy xưa nay chỉ là một màu”.

Tồ Sa nói: “Đều là mơ hồ hết, có khi nào mà hiểu được?”

Bèn quay qua hỏi sư Kiều Nhiên: “Ông nói thế nào?”

Sư Kiều Nhiên nói: “Không thể không biết đó là trái vải”.

Tồ Sa nói: “Thật chỉ là trái vải”.

Lại nói: “Các ông như lâu nay ở trong Giá Lý (Tâm Pháp) của tôi, cùng nói gì mà chẳng biện nỗi trắng đen, không biết lành dữ. Tôi luôn nói với các ông là: Dụng xứ chẳng hoán (08) cơ. Nhân sao chỉ lo đổi đáp, có giao thiệp gì đâu!”

Người xưa nơi một miếng ăn, một thức uống đều cốt phát minh chuyện hướng thượng. Mỗi mỗi đều như thế, há phải ở chỗ đổi đáp lưu loát. Cần phải thực ngộ mới cùng người sáng mắt tương kiến vậy.

Kinh: “Anan, buổi sớm mai ông thường lấy tay xoa đầu, ý ông thế nào? Trong việc biết xoa đó, lấy cái gì làm cái biết cảm Xúc? Cái biết ấy ở nơi tay hay ở nơi đầu?

“Nếu nó ở nơi tay, mà cái đầu không biết, làm sao thành ra cảm xúc? Nếu nói ở nơi đầu, mà cái tay lại vô dụng thì làm sao gọi là cảm xúc? Nếu đầu lẩn tay mỗi cái đều có cái biết, thì

một mình Anan lại có hai cái thân hay sao? Nếu đầu và tay đều do một cảm xúc sanh ra thì tay và đầu phải là một tự thể. Mà nếu chỉ có một tự thể thì cảm xúc không thành được. Còn nếu là hai thể thì cảm xúc ở phía nào? Ở bên nǎng thì không ở bên sở, ở bên sở thì không có ở bên nǎng. Chẳng có lẽ là hư không tạo thành cảm xúc cho ông?

“Thế nên, phải biết: Cảm xúc và thân căn đều không xứng sở. Tức cái thân biết cảm xúc và cái cảm xúc, cả hai đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Ở đây, chỉ rõ tánh xúc là hư vọng, ở nǎng thì chẳng ở sở, ở sở thì chẳng ở nǎng. Nǎng sở đều chẳng phải, thì xúc tức là Tánh Chân Như.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Như thế, tự tánh như huyền, như mộng, như bóng dáng rốt chặng thành tựu. Trong Tánh Chân Như các pháp tùy duyên. Tuy là tùy duyên, các pháp quy tánh. Khi tùy duyên thì hình như có hiện ra. Như xem làm huyền thuật: không có mà có. Như nhìn cảnh mộng: không thấy mà thấy. Như xem ảnh trong nước: chặng phải sanh ra, chặng phải nhập vào. Như nhìn bóng trong gương: chặng trong, chặng ngoài. Vì vô tánh mà tùy duyên, nên lý chặng thành tựu. Vì tùy duyên mà vô tánh, nên sự chặng thành tựu. Lý sự không thành tựu thì tất cả các pháp đều không thành. Cũng như trong chiêm bao mộng thấy đánh võ với người: cũng có cảm nhận xúc chạm, nhưng rốt ráo ai là người đánh, ai cảm thấy bị đánh? Thế nên, tất cả các pháp đều như thế cả”.

Tổ Bửu Phước thấy có vị tăng đi lại, lấy cây gậy đánh vào cây cột lô trụ, rồi đánh vào đầu ông tăng.

Vị này buông tiếng kêu đau.

Tổ Phước nói: “Cái ấy vì sao chǎng đau?”

Vị tăng không đáp được.

Tổ Huyền Giác nói thay rằng: “Ham đi thì chông gậy”.

Lại còn Tổ Bửu Giác có lần hỏi Ông Chuyển Văn Phán Quan là Hạ Ý rằng: “Ông nói Hữu Tình với Vô Tình đều cùng một thể phải không?”

Khi ấy, có con chó nằm dưới bàn hương án, bèn lấy cây thước đập xuống bàn hương án rồi lại đập con chó, nói: “Con chó hữu tình thì chạy đi, bàn hương án vô tình thì vẫn còn đó. Như thế sao là một thể được?”

Ông Hạ Ý không thể đáp.

Tổ Bửu Giác nói: “Vừa mới tư duy liền thành dư pháp!”

Cái hiểu biết của chư vị Thánh đời trước trao truyền cho nhau đều là ý chỉ này.

Kinh: “Anan, ông thường trong ý duyên với ba tánh thiện, ác và vô ký sanh ra có các pháp trần. Những pháp trần đó túc nơi tâm mà sanh ra, hay là rời ngoài tâm mà có riêng nơi chốn?

“Anan, nếu túc nơi tâm thì các pháp không phải là tràn cảnh, như thế thì chúng không phải là cái sở duyên của tâm, làm sao thành một xứ được?

“Nếu rời ngoài cái tâm có riêng nơi chốn, thì bản tánh của pháp tràn là có biết hay không có biết? Nếu có biết thì gọi là tâm, nhưng nếu nó khác với ông và không phải là tràn cảnh, thì cũng như là cái tâm của người khác. Còn nếu nó túc là ông và cũng túc là tâm, thì làm sao mà cái tâm ông lại trở thành hai ở nơi ông?

“Nếu không có biết thì cái pháp tràn đó đã không phải là sắc, thanh, hương, vị, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không, thì nó hiện ở chỗ nào? Hiện nay, ở nơi sắc không, không thể chỉ ra nó được, chẳng lẽ trong nhân gian lại có cái ngoài hư không? Không có cảnh sở duyên thì ý căn do đâu mà lập thành một xứ được?

“Thế nên, phải biết: Pháp tràn cùng ý căn đều không xứ sở. Túc ý căn và pháp tràn cả hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Ba sự thiện, ác, vô ký ngay khi đối đai với căn thì các sự ấy đều thật, nên gọi là thật cảnh. Còn khi không đối đai với cảnh, chỉ có một mình ý thức duyên mà thôi, bèn là bóng dáng của thật cảnh, nên gọi là nội tràn. Nội tràn không ra ngoài ba tánh thiện, ác, vô ký duyên ra sắc không, hết thấy pháp, nên cũng gọi là pháp tràn. Từ vô thủy đến nay, trong và ngoài huân tập lẫn nhau, nên nói là “*Sanh thành*”.

Nếu nói “Pháp túc nơi tâm”, thì tâm là năng duyên, pháp là sở duyên làm sao mà túc được. Điều này dễ biện rõ. Nếu nói “Pháp lìa ngoài tâm”, thì cái pháp này thật ở đâu? Cho pháp là có biết, thì đồng với tâm, mà đã đồng với tâm bèn chẳng phải là trần cảnh vậy. Chẳng phải trần mà lại khác với ông, mà vẫn phải gọi là tâm, túc là cũng như tâm của người khác. Chẳng phải trần mà không khác với ông, thì sao tâm ông lại thành hai ở nơi ông, mà gọi đó là pháp trần vậy sao? Do đó, lấy sự có biết mà làm nơi chốn thì không thể được. Còn cho là không biết thì pháp trần ấy lấy cái gì mà bày tỏ ra được?

Pháp trần đã chẳng phải là các tướng sắc không, lại chẳng phải rời ngoài sắc không mà có riêng chỗ chứa lập. Ngoài sắc có hư không, hư không thì chẳng có gì ở ngoài. Nếu pháp trần có cái xứ để cho tâm duyên được thì chắc là hư không đã có cái ở ngoài nó. Nhưng hư không làm gì có cái ở ngoài nó, thì tâm duyên vào đâu?

Sở dĩ tâm mà duyên với pháp, nghĩa là sắc không thì vô tri, do tri mà hiển bày. Tri thì có phân biệt, bèn gọi đó là pháp. Nay pháp đã vô tri, lại không nơi chốn, thì tâm tuy là có biết, mà biết cái gì? Do đó, lấy vô tri làm nơi chốn cho pháp trần thì cũng không được. Chẳng phải có biết, chẳng phải không có biết, thì xứ do đâu mà lập được? Tức nơi tâm chẳng có pháp, lìa ngoài tâm cũng chẳng có pháp, nên pháp trần không có tự tánh vậy. Thé thì chẳng phải hư vọng sao? Pháp không xứ sở thì ý căn là không. Nên gọi đó là Diệu Chân Như Tánh vậy.

Thiền sư Thanh Châu Pháp Bổn thượng đường, nói: “Khởi lên âm thanh mà muốn bắt tiếng vang, đâu biết âm thanh là gốc của tiếng vang. Giõn bóng mà muốn trốn hình, đâu biết hình là gốc của bóng. Lấy pháp hỏi pháp, chẳng hay pháp vốn chẳng phải pháp. Lấy tâm truyền tâm, nào hay tâm vốn vô tâm. Tâm vốn vô tâm, biết tâm như huyền. Ngộ pháp chẳng phải pháp, biết pháp toàn như mộng. Tâm, pháp không thực, chớ giả dối truy cầu. Mộng huyền, không hoa nhọc gì nắm bắt! Đến vào trong ấy thì ba đời Chư Phật, một Đại Tạng Giáo, lời lẽ Tổ Sư, Tôn Túc trong thiên hạ đều lộ bày là đám dây leo, chùm gởi, trọn chẳng còn bám chấp. Tại sao thế? “*Thái bình vốn chỗ tướng quân mong. Không để tướng quân thấy thái bình*”.

Bài kệ trong kinh Tạp Hoa nói:

“Nhã, nhĩ, tỳ, thiệt, thân
 Tâm, ý các tình Căn
 Bởi đó thường lưu chuyền
 Mà thật không người chuyền
 Pháp tánh vốn không sanh
 Thị hiện mà có sanh
 Trong ấy không năng hiện
 Cũng không vật sở hiện
 Nhã, nhĩ, tỳ, thiệt, thân
 Tâm, ý các tình căn
 Cả thấy: Không, vô tánh
 Vọng tâm phân biệt: Có

*Như thế mà quan sát
Tất cả đều vô tánh”.*

Đại ý đoạn này thật cùng với kinh mà hiến phát.

H. THU MƯỜI TÁM GIỚI

Kinh: “Lại nữa, Anan, như sao là Mười Tám Giới vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh?

Thông rằng: Đối với trần thì gọi là căn, căn ở trong vậy. Đối với căn thì gọi là trần, trần ở ngoài vậy. Ở khoảng giữa, mỗi mỗi phân biệt là cái thức. Ba cái căn, trần, thức nương nhau mà thành lập, như cây lau gác lên nhau, nên có tên là Mười Tám Giới. Ba cái ấy, có thì cùng có, không thì cùng không, vốn không tự tánh. Đã không tự tánh, bèn vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh vậy.

Thiền sư Thùy Lộc Bổn Tiên thượng đường, nói: “*Chỗ các pháp sanh ra là chỗ hiện bày của tâm*”. Lời nói ấy thật là cửa nẻo để vào. Thủ hỏi các ông: mắt thấy hết thấy sắc; tai nghe hết thấy thanh; mũi ngửi hết thấy mùi; lưỡi nếm hết thấy vị; thân chạm hết thấy các thứ mềm, tròn; ý phân biệt hết thấy các pháp. Vậy thì cái vật đối với mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chỉ duy là tâm các ông hay chẳng phải là tâm các ông? Nếu nói là duy chỉ tâm các ông, sao chẳng cùng thân các ông làm thành một khói cho rồi? Vì sao các vật đối đai ấy lại ở ngoài các căn của các ông? Các ông nếu nói vật đối với mắt, tai, mũi, lưỡi... chẳng phải là tâm các ông thì tại sao có câu “*Chỗ các pháp sanh ra là chỗ hiện bày của tâm*” lưu truyền tại thế gian, ai cũng nêu bày? Các ông nghe lời yết lý ấy, có hiểu không?

Nếu không hiểu, hãy dụng tâm thương lượng để được dạy cho mà hiểu, ở trong ấy chớ có lười biếng học hỏi. Vô sự, hãy lui”.

Có vị tăng hỏi Tô Vân Cư: “Khi sáu cửa chẳng rõ thì như thế nào?”

Tô Cư nói: “Chẳng giao thiệp với duyên”.

Vị tăng hỏi: “Thế nào là chuyện hướng thượng?”.

Tô Cư nói: “Người cẩn thận thì không giữ gìn”.

Ngài Đầu Tử tụng rằng:

*“Xuân đến, người đá nhìn núi xa
Oanh kêu, hoa gỗ sóng xanh nhàn
Nên biết, ngoài mây, tùng, núi đẹp
Nghìn xưa đón gió mặc năm hàn”.*

Hai câu đầu tụng về *Chẳng giao thiệp với duyên*. Hai câu sau tụng về *Chuyện hướng thượng*. Cần rõ được sự hướng thượng mới tin Mười Tám Giới vốn là Tánh Chân Như vậy.

Kinh: “Anan, như chỗ ông bày tỏ: Nhẫn căn và sắc tràn làm duyên, sanh ra nhẫn thức. Cái thức này là nhân nhẫn căn sanh ra, lấy nhẫn căn làm giới; hay nhân sắc tràn sanh ra, lấy sắc tràn làm giới?

“Anan, nếu nhân nhẫn căn sanh ra, mà không có sắc, có không, thì không thể phân biệt, dù cho có cái thức của ông cũng chẳng làm gì. Cái thấy của ông mà không có xanh, vàng, trắng, đỏ thì không thể biểu hiện ra được, vậy do đâu mà lập ra giới?

“Nếu nhân sắc tràn sanh ra, thì khi ở hư không, chẳng có sắc, lẽ ra cái thức của ông phải diệt mất, làm sao mà biết đó là hư không? Nếu khi sắc tràn biến đổi, ông cũng biết sắc tướng biến đổi, mà cái thức của ông chẳng biến đổi, thế thì do đâu mà lập sắc tràn làm giới? Nếu theo sắc mà biến đổi thì cái giới không thành. Nếu không biến đổi, tức là thường hằng, cái thức đã từ sắc sanh ra, lẽ ra không biết hư không ở chỗ nào.

“Nếu do cả hai thứ nhẫn căn và sắc tràn chung nhau sanh ra, thì hợp lại ấy ở giữa phải có chỗ lìa; còn như lìa, ấy hai cái có thể hợp lại. Như thế, thế tánh xen lộn, làm sao thành được giới?

“Thế nên, phải biết: Nhẫn căn, sắc tràn làm duyên sanh ra nhẫn thức giới, cả ba chỗ đều không. Tức là cả ba thứ nhẫn giới, sắc giới và nhẫn thức giới vốn chẳng phải tánh nhẫn duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Cái Mười Tám Giới này, chỉ phá sáu thức. Nói cái thức này chẳng phải từ mắt sanh ra mà lấy mắt làm giới, vì thức thì phân biệt, nhưng nếu không có sắc, không thì phân biệt dùng vào đâu?

Cái thức này chẳng phải từ sắc sanh ra mà lấy sắc làm giới, vì sắc thì có biến diệt, thức thì không đổi thay, nếu chỉ từ sắc mà ra thì làm sao biện *không*?

Thức ấy cũng không nhân nhẫn và sắc hợp lại mà làm ra giới. Vì một bên có biết (nhẫn căn) hợp với một bên không biết (sắc tràn) ấy chống nhau, làm sao mà tương nhập? Nên nói “Ở giữa phải có chỗ lìa”.

Bảo rằng lìa ngoài nhãm và sắc mà sanh ư? Lìa căn tức là hợp với cảnh, lìa cảnh tức phải hợp với căn, vậy thức thuộc bên nào? Thế nên mới nói “*Xen lộn*”.

Ba chõ đồng chẳng phải, thì giới ở đâu mà có?

Tổ Pháp Nhãm chỉ cây tre, hỏi vị tăng: “Thấy không?”

Vị tăng đáp: “Dạ, thấy”.

Tổ Nhãm nói: “Tre đến trong mắt hay mắt đến bên tre?”

Vị tăng nói: “Đều chẳng phải như thế”.

Sau này, Tổ Pháp Đăng riêng nói: “Khi ấy, chỉ nên bửa mắt ra mà ngó thầy”.

Tổ Quy Tông Nhu riêng nói rằng: “Hòa Thượng chỉ là chẳng tin hai chuyền ngữ của tôi lại có hơi thở của thiền tăng”.

Lại có vị tăng hỏi Tổ Thiên Đồng Khải: “Như thế nào là con mắt ứng dụng không thiếu hụt?”

Tổ Đồng nói: “Vẹn giống như mù một thứ!”

Ngài Đơn Hà tụng rằng:

“*Mù, ngọng, điếc, câm xa Thiên Chân
Mắt tự lông mày: Đạo mới gần
Đông Quân đêm trước ngầm ban lệnh
Chốn hoàng oanh hót liễu xanh xuân*”.

Ở chõ này mà tin được thấu đáo thì mặc tình ứng dụng không thiếu hụt.

Kinh: “Anan, lại như chỗ ông bày tỏ: Nhĩ căn và thanh trần làm duyên, sanh ra nhĩ thức. Thức ấy nhân nhĩ căn sanh ra, lấy nhĩ căn làm giới, hay nhân thanh trần mà sanh ra, lấy thanh trần làm giới?

“Anan, nếu nhân nhĩ căn sanh ra mà không có mặt hai tướng động, tĩnh thì cái biết của căn chẳng thành. Mà đã không biết gì thì cái biết còn không thành huống là cái thức phân biệt còn có hình dạng gì?

“Nếu nhân lỗ tai nghe, mà không có động, tĩnh cái nghe cũng không thành, làm sao lấy hình tướng lỗ tai trộn lẫn sắc trần, mà gọi được là nhĩ thức giới. Cái nhĩ thức giới ấy do đâu mà thành lập?

“Nếu nhân thanh trần mà sanh ra, thì cái nhĩ thức nhân thanh trần mà có, bèn chẳng liên quan gì đến cái nghe, mà đã không nghe, thì cũng không biết các tướng thanh trần ở đâu. Nhĩ thức mà do thanh trần sanh ra, dầu cho rằng thanh trần do cái nghe mà có tướng, thì cái nghe lẽ ra phải nghe được nhĩ thức. Nếu không nghe được nhĩ thức thì thanh trần chẳng phải là giới của nhĩ thức. Còn nếu nghe được, thì nhĩ thức cũng đồng với thanh trần. Nhĩ thức đã bị nghe, thì cái gì biết sự nghe được cái nhĩ thức đó? Còn nếu không ai biết thì rõ cuộc giống như cỏ cây.

“Chẳng lẽ thanh trần và cái nghe trộn lẫn thành ra cái giới ở giữa? Giới không có ở giữa thì các tướng nội căn, ngoại trần do đâu mà thành?

“Thế nên, phải biết: Nhĩ căn, thanh trần làm duyên sanh ra nhĩ thức giới, cả ba chỗ ấy đều không. Tức là ba thứ nhĩ giới, thanh giới và nhĩ thức giới vốn chẳng phải là tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Tiếu thừa cho rằng “nhân duyên sanh ra pháp”, lấy đó làm thật có, chẳng hiểu được “tức không” nên Phật căn cứ vào chỗ nghe, thấy thường ngày ấy mà phá bỏ.

Nếu nhân nhĩ căn mà sanh ra, thì nhĩ căn có *thắng nghĩa căn* và *phù trần căn*. Thắng nghĩa căn biệt phân biệt, nhưng nếu không có thanh trần tiếp xúc thì cái biết còn không có, huống là có hình tượng gì? Phù trần căn thì dù có xen tạp với sắc trần, mà nếu không có hai tướng động, tĩnh thì cái nghe còn không có, huống là có thức giới! Cho nên, nếu nói “Nhĩ thức nhân nhĩ căn sanh ra”, là sai lầm.

Nếu nhân thanh trần mà sanh ra, thế thì thanh trần đã tự có nhĩ thức, cần gì đến tai nghe? Đã không có người nghe, thì ai phân biệt được các thanh trần? Nếu nói nương nhau mà sanh, cho là thanh trần nhân cái nghe mà có tướng, thì cũng phải cho rằng cái nghe nhân thanh trần mà nghe được nhĩ thức. Nhĩ thức đã bị nghe, thì cũng chỉ là thanh trần, thì còn cái gì làm nǎng tri để biết rằng đã nghe nhĩ thức? Nếu có cái biết, thì thành ra có hai cái thức! Còn nếu không có cái biết, thì đồng với cỏ cây. Nên nói “*Thức sanh ra nơi thanh trần*” là sai lầm vậy.

Nếu nói rằng “*Thanh trần và cái nghe hòa hợp mà sanh ra nhĩ thức*”, thì một bên là có biết, một bên là không có biết,

giữa khoảng biết và không biết đó, làm sao mà trộn lẫn để thành ra cái giới? Cái giới ở giữa đã không có, thì thức không chồ nương, thế thì nội căn, ngoại trần do đâu mà thành lập? Nên nói “*Thanh trần và cái nghe hòa hợp mà sanh*” là sai lầm vậy.

Ba chồ đều không, thì nhĩ thức chẳng sanh, nên biết cái nhĩ thức vô sanh ấy tức là Tánh Chân Như vậy.

Có lần, Đức Thế Tôn đang ngồi dưới cây Ni Câu Luật, có người đi buôn hỏi: “Ngài có thấy xe đi qua không?”

Ngài nói: “Chẳng thấy”.

Lại hỏi: “Lại có nghe chẳng?”

Đáp: “Chẳng nghe”.

Hai người đi buôn hỏi: “Không thiền định sao?”

Đáp: “Không thiền định”.

Hỏi: “Không phải ngủ sao?”

Đáp: “Không ngủ”.

Người đi buôn tán thán: “Lành thay! Lành thay! Thế Tôn thường biết mà chẳng thấy!” Bèn cúng dường lên hai cây vải trắng.

Có vị sư hỏi thiền sư Hà Trạch Thần Hội: “Khi cái thấy, nghe chiểu thanh, sắc thì đồng thời hay có trước sau?”

Tổ Hội nói: “Đồng thời hay trước sau hãy để đó. Rốt ráo, ông lấy cái gì làm thanh, sắc?”

Vị sư nói: “Như chõ chỉ bày của thầy, thì không có thanh, sắc nào khá được”.

Rồi quỳ lạy mà đi ngay hôm đó. Sau sư ở ẩn tại núi Mông.

Có vị Tam Tạng xứ Thiên Trúc tên là Thanh Minh đến xứ Mân. Vua xứ Mân mời Ngài Huyền Sa đến để nghiệm luận.

Tô Sa lấy chiếc đũa sắt gấp lửa gỗ vào cái lư đồng, rồi hỏi: “Đó là tiếng gì?”

Vị Tam Tạng đáp: “Tiếng đồng-sắt”.

Tô Sa nói: “Đại Vương chớ để người ngoại quốc lừa dối!”

Vị Tam Tạng không đáp được.

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Hợp với Lý thì đó là thần: gã nghèo được viên ngọc trong tay áo. Bị tình gói kín thì đó là vật: người lực sĩ mất viên ngọc trên trán! Vị Tam Tạng chỉ biết nhìn tới trước. Ngài Huyền Sa lại chẳng thể ngó lui. Hiểu được chẳng? Đặt bày điều tội cho người thì tội càng lớn”.

Cái tặc công án này, các vị Tôn Túc nói rất nhiều.

Vị Tam Tạng nói “Tiếng đồng-sắt” thì rõ ràng đuối theo thanh trản rồi vậy.

Tô Pháp Nhãn riêng nói: “Thỉnh Đại Sư làm Đại Vương”.

Tô Pháp Đặng riêng nói: “Hãy nghe Hòa Thượng hỏi!”

Tô Tuyết Đậu nói: “Chớ lừa dối người ngoại quốc thì tốt”.

Ở chỗ vị Tam Tạng không trả lời được, Ngài Pháp Nhãm thay thế mà nói rằng: “Đại Sư đã hưởng thọ lâu rồi sự cúng dường của Đại Vương”.

Tổ Pháp Đăng nói thay: “Ấy là Hòa Thượng lừa dối Đại Vương!” Câu nói này rất có ý vị, đó là chỗ Ngài Thiên Đồng nói “Đặt bày điều tội cho người thì tội lại càng lớn” đó vậy.

Cứ theo ý Tổ Huyền Sa thì gọi cái gì là tiếng đồng-sắt? Còn theo ý vị Tam Tạng thì gọi cái gì chẳng phải là tiếng đồng-sắt? Hai lời này rất dễ lừa người. Phải mỗi mỗi đều nhìn thấu mới chẳng bị người lừa.

Kinh: “Anan, lại như chỗ ông bày tỏ: Tỷ căn và hương trần làm duyên, sanh ra tỷ thức. Thức ấy nhân tỷ căn sanh ra, lấy tỷ căn làm giới, hay nhân hương trần sanh ra, lấy hương trần làm giới?

“Anan, nếu nhân tỷ căn sanh ra, thì trong tâm ông, lấy cái gì làm tỷ căn? Lấy cái hình tướng mũi thịt như hai móng tay, hay lấy sự ngửi biết lay động làm tỷ căn?

“Nếu lấy cái hình tướng mũi thịt, thì chất thịt là thân và cái biết của thân là cái cảm xúc. Đã gọi là thân thì không phải là lỗ mũi, gọi là cảm xúc thì thuộc về trần. Vậy còn không có gì để gọi là tỷ căn, làm sao mà giới được thành lập?

“Nếu lấy cái ngửi biết làm tỷ căn, thì trong tâm ông lấy cái gì làm cái biết? Nếu lấy lỗ mũi thịt, thì cái biết của chất thịt là xúc trần, chứ không phải là tỷ căn. Nếu lấy hư không làm cái biết, thì hư không ắt tự biết, còn xác thịt lẽ ra chẳng biết.

Như thế, lẽ ra hư không phải là ông! Thân ông mà chẳng biết, thì Ông Anan hiện giờ chẳng còn ở đâu nữa.

“Nếu lấy cái hương làm cái biết, thì cái biết thuộc về hương trần, nào dính dáng gì đến ông?

“Nếu mùi thơm, mùi thối sanh ra do tỷ căn của ông, thì hai mùi thơm, thối kia không sanh ra do cây y lan và cây chiên đàn, hai vật đó không đến, thì ông tự ngửi lỗ mũi là thơm hay thối! Thối thì chẳng phải thơm; thơm thì không phải thối. Nếu cả hai mùi thơm, thối đồng ngửi được cả, thì một người ông phải có hai tỷ căn, đứng trước Ta hỏi đạo lại có hai Anan, thế thì ai mới là cái thể của ông? Nếu tỷ căn là một, thì thơm, thối không hai. Thối đã thành thơm, thơm đã thành thối, hai tánh đó đã không có, thì giới do đâu mà thành lập?

“Lại nếu nhân hương trần mà sanh, thì tỷ thức đã nhân hương trần mà có, cũng như nhân con mắt mà có thấy, thì không thể thấy con mắt: Tỷ thức nhân hương mà có, lẽ ra không biết được hương trần. Nếu biết được hương trần thì không phải do hương trần sanh ra, còn nếu không biết được hương trần thì không phải là tỷ thức. Hương trần mà không biết là có, thì cái giới của hương không thành. Tỷ thức mà không biết hương trần, thì cái giới của nó không phải do hương trần mà lập. Đã không có cái thức ở khoảng giữa thì nội căn, ngoại trần cũng không thành, thì các thứ ngửi biết kia rốt ráo là hư vọng.

“Thế nên, phải biết tỷ căn và hương trần làm duyên, sanh ra tỷ thức giới, cả ba chỗ đều không. Tức là ba thứ tỷ giới,

hương giới và tỳ thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Cái mũi là căn. Hương là cảnh. Ở giữa hai cái ấy là thức. Phàm nói giới là chuyên để chỉ thức. Cái thức này không ở nơi căn mà sanh, không ở nơi hương mà sanh, đại ý tương tự, nhưng văn nghĩa có hơi phức tạp.

Mượn cảnh để phá căn, thì thức chẳng phải do hư không sanh, mà là ở giữa. Ngay nơi cảnh mà phá căn, thì thức chẳng do hòa hợp mà sanh ra, cũng là dễ thấy. Ban đầu phá phù tràn căn, cái mũi thịt chẳng phải là cái biết. Rồi phá thăng nghĩa căn, lại không phải hư không là cái biết. Nếu cái biết ở hương, thì can dự gì đến lỗ mũi? Mà đã sanh ở lỗ mũi thì cần gì đến vật? Nếu đồng người được cả thơm thối, thì phải có hai mũi, vậy thì cái căn đâu có đủ để căn cứ. Đã chỉ một cái mũi, sao lại có hai mũi, vậy cái cảnh cũng không đủ làm bằng cớ. Do đó, nói “*Tỷ thức do nơi căn sanh*”, là sai vậy.

Nếu nói “*Tỷ thức do hương tràn sanh ra*”, thì đáng lẽ không biết được hương, cũng như cái thấy do con mắt mà có ra thì không thể trở lại thấy con mắt. Nếu nói là biết, thì hương tràn tự có thức, nào cần phải nói là sanh ra? Nếu nói là không biết, thì không thể gọi là thức, thì giới do đâu mà lập? Do đó, nói rằng “*Thức do hương tràn sanh*”, là sai lầm vậy.

Hương tràn đã không thể tự biết mùi của nó, thì căn với tràn lìa nhau, chứ không thể hợp được. Mà thức nếu từ hương tràn sanh ra, thì chẳng thể biết hương tràn. Còn biết được hương tràn, thì hẳn là chẳng phải từ hương sanh ra. Đó là căn,

cánh lìa nhau, vốn chẳng nương nhau vậy. Nên nói rằng “*Tỷ thức do căn và cảnh hợp nhau mà sanh*”, là sai lầm vậy.

Cái giới của hương không thành, thì không thể ở giữa. Đã không có cái giữa, lấy đâu có trong, có ngoài! Rõ là tỷ thức hụ vọng, vốn không xú sở, bèn hiểu tánh ngửi biết là không, chẳng có tánh nhân duyên hay tự nhiên nào khả được.

Phẩm Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm: Trưởng giả Chúc Hương Ưu Bát La Hoa khéo phân biệt mà biết tất cả mùi hương, cũng biết điều hòa tất cả Hương Pháp, cho đến nơi chốn bay ra của Hương Vương. Lại khéo biết trị các bệnh của hương, đoạn trừ các hương xấu, mà sanh ra Hoan Hỷ Hương, tăng Trí Huệ Hương, diệt Phiền Não Hương. Khiến ở vô vi mà sanh Ưa Luyến Hương, ở nơi hữu vi mà sanh Chán Lìa Hương, xả bỏ các Kiêu Dật Hương, phát tâm Niệm Phật Hương, chứng Giải Thoát Pháp Môn Hương, Thánh Sở Thọ Dụng Hương, Nhất Thiết Bồ Tát Sai Biệt Hương, Nhất Thiết Bồ Tát Địa Vị Hương.

Ngài dạy: “Ta chỉ biết môn Điều Hòa Hương Pháp này, cũng như các Bồ Tát lìa xa hết thảy các ác tập khí, chẳng nhiễm thế dục, cầu cắt lìa lươi phiền não của bọn ma, vượt khỏi các nẻo luân hồi. Lấy Trí Huệ Hương mà tự trang nghiêm, nơi mọi thế gian đều không nhiễm trước, thành tựu đầy đủ giới “không chõ bám”, làm trong sạch trí “không bám”, hành cái “không bám cảnh”, nơi hết thảy chốn đều không chõ bám níu, tâm đều bình đẳng, không bám, không nương”.

Xưa, có một Tôn giả đi qua hồ sen. Vị Thần Sen trách rằng: “Không được trộm hương thơm của tôi”.

Vị Tôn giả bèn hỏi: “Người đài qua lại, ai chẳng ngửi mùi thơm, đâu chỉ một mình ta ngửi trộm sao?”

Vị Thần nói: “Người đài tán loạn tâm, nên chẳng gọi là trộm. Tôn giả đây tâm trong sạch, nên có chút bám dính thì chẳng được!”

Tỷ thức chưa dễ hàng phục vậy! Thế nên, hộ trì cái tâm vô trước mà ngao du cõi đài, đó là “Khéo phân biệt mà biết tất cả mùi hương”, thì không gì mà chẳng có thể.

Kinh: “Anan, lại như chỗ ông bày tỏ: Thiệt căn và vị trần làm duyên, sanh ra thiệt thức. Thức ấy nhân thiệt căn sanh ra, lấy thiệt căn làm giới, hay nhân vị trần sanh ra, lấy vị trần làm giới?

“Anan, nếu nhân thiệt căn sanh ra, thì trong thế gian mía ngọt; mơ chua; hoàng liên đắng; muối mặn; tế tân, gừng, quế hết thảy đều không có vị. Ông tự ném cái lưỡi, là ngọt hay đắng? Nếu cái lưỡi là đắng, thì lấy cái gì để ném cái lưỡi? Lưỡi chẳng thể tự ném, thì lấy gì mà có hay biết? Nếu lưỡi không đắng, vị tự chẳng sanh ra, làm sao lập thành giới?

“Nếu nhân vị trần mà sanh ra, thì thiệt thức đã là vị rồi, đồng như thiệt căn, không thể tự ném, làm sao mà biết là vị hay chẳng phải vị? Lại tất cả các vị chẳng phải do một vật sanh ra. Các vị đã do nhiều vật sanh ra, thì cái thiệt thức nếu do vị trần sanh, cũng phải có nhiều tự thể. Nếu thiệt thức là

một thể và thể đó do vị sanh ra, thì các vị mặn, ngọt, chua, cay, các tướng khác nhau này phải chỉ là một vị, không thể phân biệt. Không có phân biệt, thì không có thức, làm sao còn gọi là thiệt thức giới? Chẳng lẽ hư không sanh ra cái thức phân biệt của ông?

“Thế thì cái thức ở giữa do thiệt căn và vị tràn hòa hợp mà sanh, vốn không tự tánh, làm sao mà cái giới có được?

“Vậy nên phải biết: Thiệt căn, vị tràn làm duyên, sanh ra thiệt thức, cả ba xứ đều Không. Tức là thiệt giới, vị giới và thiệt thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Ban đầu, bác bỏ “Nhân thiệt căn sanh”, là phá cái lý *tự sanh*. Thứ hai là bác bỏ “Nhân vị tràn sanh”, là phá cái lý *cái khác sanh*. Thứ ba là bác bỏ “Hư không sanh”, là phá cái lý *không nguyên nhân mà sanh*. Thứ tư bác bỏ “Lưỡi và vị hòa hợp mà sanh”, là phá cái lý *chung nhau sanh*. Tức ở trong đó, vốn không tự tánh, thiệt căn chẳng thể tự nếm mùi, mùi vị cũng chẳng tự nếm biết, thì thức do đâu mà sanh? Chính là hiển bày ý chỉ vô sanh. Biết thiệt thức vốn vô sanh, thiệt căn vốn tự trong sạch, tức là Diệu Chân Như Tánh vậy.

Xưa, có vị thiền sư ăn uống hỗn tạp, không chọn lựa, nhiều đệ tử bắt chước theo. Một bữa nọ, bày một bữa cúng ở chỗ thiêu xác người chết, rồi lấy thịt thiêu còn sót, gồm chung vào rồi ăn. Đệ tử đều ói mửa, chạy mất.

Sư bèn nói: “Ta nhiều đời thanh tịnh, nên mới không chọn lựa. Các ông có thể cùng với ta ăn món này, mới nên duy trì việc ăn uống”.

Từ đó, cả chúng sợ hãi mà lo vâng giữ giới luật.

Tổ Tào Sơn cũng ưa rượu.

Có vị tăng hỏi: “Áo linh không khoác thì như thế nào?”

Đáp: “Tào Sơn này trọn hiếu (09)!”

Hỏi: “Trọn hiếu rồi thì như thế nào?”

Tổ đáp: “Tào Sơn khoái rượu từ Tôn Đảnh”.

Có đệ tử tên là Thuế Thanh, bạch hỏi: “Đệ tử cô bần, xin thầy cứu giúp”.

Tổ Sơn gọi lớn: “Thuế Xà Lê!”

Sư Thuế ứng tiếng: “Dạ!”

Tổ Sơn nói: “Rượu Thanh Nguyên (10) trắng trong, uống rồi ba chén sao còn bảo chưa thấm môi!”

Tổ Huyền Giác nói: “Ở chỗ nào mà cho là có uống!”

Ba tắc này là: Tánh của vị vốn Không, thiệt thức cũng vốn Không. Liễu đạt mới gọi rằng “biết mùi vị”.

Kinh: “Anan, lại như chỗ ông bày tỏ: Thân căn và xúc trần làm duyên sanh ra thân thức. Thân thức này do thân căn sanh ra, lấy thân căn làm giới, hay nhân xúc trần sanh ra, lấy xúc trần làm giới?

“Anan, nếu nhân thân căn sanh ra, mà không có hai cảm xúc hợp và lìa, thì thân căn còn biết gì? Nếu nhân xúc tràn sanh ra, mà không có thân căn của ông, thì có ai chẳng có thân mà lại biết chuyện hợp, lìa được?

“Anan, vật thì không biết cảm xúc, thân căn có biết mới có cảm xúc. Tức nơi cảm xúc, biết có thân. Tức nơi thân căn, mà biết cảm xúc. Nhưng nơi xúc, thì không phải là thân, nơi thân thì không phải là xúc. Hai tướng thân và xúc, vốn không xứng sở. Nếu xúc hợp với thân, thì làm thể tánh của thân. Lìa thân thì chẳng có thể tánh nào, bèn như tướng hư không. Nội căn, ngoại tràn đã không thành, cái thức ở giữa làm sao mà lập? Giữa chẳng lập được, trong ngoài đều là tánh Không, thì cái thân thức của ông do đâu mà lập thành giới?

“Thế nên, phải biết: Thân căn và xúc tràn làm duyên, sanh ra thân thức, cả ba chỗ đều Không. Tức là cả ba thứ thân giới, xúc giới và thân thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Câu “Vật thì không biết cảm xúc”, nghĩa là vật có thể chạm biết. Vật thì thật, cái biết thì hư. Cái thật với cái hư chẳng có tiếp xúc với nhau. Cho nên, vật thì chỉ tiếp xúc với vật, không thể tiếp xúc với cái biết. Một chữ *Biết* này bày rõ ràng ra cái Pháp Thân trong sạch, chẳng phải là chỗ mà sự chạm xúc có thể tới được.

Cái thân biết có cảm xúc là do sắc thân phân biệt mà biết, lấy hai chỗ hợp, lìa làm duyên. Cảm xúc không lìa thân căn, thân căn cũng không lìa cảm xúc. Nhưng nói cảm xúc thì

chẳng phải là thân căn, nói thân căn thì chẳng phải là cảm xúc, hai cái ấy thật là không thể xác định. Do đó, nếu hợp lại thì chỉ có một thân thể, mà cái cảm xúc ở tại đâu? Nếu lìa nhau, thì xúc không còn, đồng như hư không vậy. Cả hai đều không có ở đâu, trong ngoài đều không thành tựu. Thân và xúc đều không nơi chốn, thì thân thức do đâu mà thành lập? Đã không có cái thức ở giữa, thì căn và cảnh rốt ráo là không. Thế nên biết cái thân thức giới chỉ là hư vọng.

Thiền sư Nam Nhạc Huệ Tư đã đắc túc mạng thông, bỗng nhiên lại bị nghiệp chướng khởi lên, tay chân rũ liệt, không thể đi đứng. Ngài tự nghĩ rằng: “Bệnh từ nghiệp sanh, nghiệp từ tâm khởi. Nguồn tâm vốn chẳng khởi, ngoại cảnh đâu có hình trạng gì? Bệnh, nghiệp và thân đều như bóng mây!” Quán như thế, tướng điên đảo diệt, nhẹ nhàng yên ổn như xưa. Như Ngài mới có thể nói là rõ thấu thân thức là hư vọng vậy.

Thiền sư Hưng Dương Phẫu nằm bệnh.

Ngài Đại Dương đến thăm, hỏi: “Thân này như bọt huyền, mà có ở trong bọt huyền mới thành biện xét. Nếu không có cái bọt huyền này, thì chuyện đại sự chẳng do đâu mà nghiêm xét. Nếu muốn xét chuyện đại sự, thì thức lại giữ lấy cái bọt huyền này, làm sao đây?”

Tổ Phẫu nói: “Vẫn còn là chuyện bên này”.

Đại Dương hỏi: “Thế chuyện bên kia thì làm sao?”

Tổ Phẫu nói: “Quanh đất vùng hồng đẹp, đáy biển chẳng trống bông” (11).

Đại Dương cười nói: “Ông còn tinh táo không?; Tô Phẫu quát: “Sắp nói ta quên mất à!” Rồi liền tịch.

Như Tô Hưng Dương Phẫu có thể nói là thấu rõ cái *Pháp Thân Hướng Thượng Sư* vậy.

Có vị sư hỏi Ngài Đại Long: “Sắc thân thì hư hoại, như thế nào là cái Pháp thân kiên cố?”

Tô Long nói: “Hoa núi nở dường gấm. Nước khe trong như lam”.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

“*Hỏi, từng chẳng biết
Đáp, lại chẳng hiểu
Trăng lạnh gió cao, đỉnh xưa thông lạnh
Cười vui thay
Giữa dường gấp được người đắc đạo
Chẳng lấy nói, im đối đãi cùng
 Tay cầm roi bạch ngọc đánh vụn ngọc Ly Châu
Đánh chẳng nát, thêm dấu vết!
Nước có hiến chương, thêm ba ngàn điều tội!*”.

Theo bài tụng này thì cái Kiên Cố Pháp Thân còn phải đập cho nát, huống là cái Sắc thân đó ư?

Kinh: “Lại như chõ ông bày tỏ: Ý căn và pháp tràn làm duyên, sanh ra ý thức. Thức đó là nhân ý căn sanh ra, lấy ý căn làm giới, hay nhân pháp tràn sanh ra, lấy pháp tràn làm giới?

“Anan, nếu nhân ý căn sanh ra, thì trong ý ông chắc phải có chỗ suy nghĩ mà phát rõ ra cái ý của ông; nếu không có các pháp trần thì ý không có chỗ sanh ra. Lìa các duyên trần, ý căn còn không có hình tướng, thì cái thức đem dùng vào chỗ nào?

“Lại cái thức tâm của ông cùng các sự nghĩ suy, các sự rõ biết là đồng nhau hay khác nhau. Nếu đồng với ý căn, tức là ý căn rồi, làm sao lại do ý căn sanh ra? Nếu khác mà không đồng với ý căn, thì lẽ ra không có biết gì. Nếu không có chỗ biết, thì làm sao lại do ý căn sanh ra? Còn nếu có chỗ biết, làm sao biết được ý căn? Khi hai tánh đồng nhau và khác nhau đều không thành, giới do đâu mà lập?

“Nếu ý thức do pháp trần sanh ra, thì các pháp trong thế gian không ngoài năm trần. Ông hãy xem các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc đối với năm căn đều có hình tướng rõ ràng, chẳng phải chỗ thu nhiếp của ý căn. Nếu ý thức của ông quyết định nương nơi pháp trần mà sanh ra, thì ông hãy xem xét kỹ, mỗi pháp có hình trạng gì? Nếu lìa ngoài sắc không, động tĩnh, thông bít, lìa hợp, sanh diệt, vượt ngoài các tướng này, rốt ráo là không chỗ đắc. Sanh thì các pháp sắc không đều sanh ra, diệt thì các pháp sắc không đều diệt. Các nguyên nhân đã không, thì cái thức có là do chúng sanh ra, nào có hình tướng gì đâu? Tướng trạng không thể có, giới do đâu mà sanh?

“Thế nên, phải biết: Ý căn, pháp trần làm duyên, sanh ra ý thức, ba chỗ này đều không. Tức là ba thứ ý giới, pháp giới và ý thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Thông rằng: Cái ý thức giới này là tánh hiểu biết, phân biệt của thức thứ sáu. Đã lấy sự biết do phân biệt làm tánh, thì lìa ngoài pháp hăn không có duyên, ý bèn chẳng sanh. Lìa duyên thì vô hình, vậy ý thức dùng vào đâu? Thế thì cái thức duyên theo pháp này, rõ ràng không sanh ra nơi ý căn. Nếu nói ý căn hay phân biệt mà sanh ra ý thức, vậy thì thức thứ bảy làm chỗ nương cho sự nhiễm, tịnh và thức thứ tám là thức tám làm chỗ nương dựa căn bản của mọi thức, đối cùng thức thứ sáu có tánh hiểu biết do phân biệt là đồng hay là khác?

Kinh Lăng Già nói: Tâm (Thức Thứ Tám) hay tích nhóm Nghiệp Ý (Thức Thứ Bảy), hay mở rộng sự tích nhóm, hiểu biết do phân biệt gọi là thức, đối đai với hiện cảnh thì có năm thức.

Luận Duy Thức nói: Tập khởi gọi là Tâm, suy lường gọi là Ý, hiểu biết cảnh gọi là Thức. Chỉ là một pháp mà khác tên.

Đã duy chỉ một pháp, đều có thể gọi là Tâm, đều có thể gọi là Ý, đều có thể gọi đó là Thức. Nhưng sự tinh vi ấy có thể biện biệt, có nhiều thứ ấy mà đặt tên vậy.

Ở trong thức thứ tám, ý và thức đều không còn, nên chỉ có thể gọi là tâm.

Ở thức thứ bảy, chẳng phải tâm, chẳng phải thức, chỉ có thể gọi là ý.

Ở thức thứ sáu, thì tâm và ý đều đối đai với cảnh, nên gọi là thức phân biệt sự vật.

Kỳ thật chỉ là một. Như biển khởi sóng: không khác cũng không không khác. Thức thứ sáu đuổi theo tràn sanh ra gió cảnh giới, liền khởi động các sóng suy lường của thức thứ bảy, mà thật chẳng rời cái biển lặng chứa của thức thứ tám. Ba Thức này chẳng phải đồng, chẳng phải khác, cứ hãy tạm để đó.

Bây giờ, nói về chuyện ý sanh ra thức. Nếu nói thức đồng với ý thì thức là ý, làm sao gọi ý là cái năng sanh và thức là cái được sanh? Nói là đồng thì không được vậy. Nếu nói thức khác với ý, hoàn toàn chẳng đồng thì một cái thuộc hữu tình, một cái thuộc vô tình, lẽ ra không có chỗ biết, vậy bảo khác nhau thì không thể được. Nếu không có chỗ biết, thì chắc chẳng phải do ý sanh. Ý phân biệt được cái chỗ sở sanh thì phải có cái thức ở trong ấy. Nếu có chỗ để biết, thì khi ý sanh mà không có pháp nào để duyên, thì chỉ có cái ý làm sao mà tự biết cái ý? Nếu cho là biết cái ý, thì cái ý trở lại thành cảnh, không còn là căn được. Nếu không biết cái ý, lại giống như không có thức, thì sao nói là ý sanh thức?

Rời ngoài pháp mà tìm cái thức, rất khó hình dung: nếu nói là *đồng*, thì không còn có thể gọi là *sanh ra*; nếu gọi là *khác* thì không thể gọi được là *thức*. Thế là hai tánh đồng nhau, khác nhau đều không thành tựu. Thức không có chỗ định, giới làm sao lập thành? Do đó mà nói thức do căn sanh là hư vọng vậy.

Nếu nói thức duyên với pháp trần mà hiện, nhân pháp mà có sanh ra, thế thì phải có pháp khá hình dung ra được rồi mới có thể làm nhân. Nay các pháp của thế gian chẳng thể ngoài

năm tràn, đối đai năm căn, và làm cái sở nhân của năm thức. Ý có thể lìa ngoài năm tràn này mà riêng có tướng trạng của các pháp để làm sở nhân không? Cái nội cảnh mà ý tự duyên, tuy không nhờ năm căn bên ngoài nhưng rốt cuộc không thể ra khỏi bóng dáng của sắc không, sanh diệt... các pháp. Dẫu có duyên các pháp xuất thế gian là phi sắc, phi không, bất sanh bất diệt nhưng cái phi sắc phi không cũng do sắc không mà hiển, cái bất sanh bất diệt cũng do sanh diệt mà bày. Rốt là chẳng có thể rời ngoài sắc không, sanh diệt mà có riêng được cái pháp tràn để làm nhân sanh thức. Ở nơi năm tràn mà tìm pháp thì tràn là nhân của ngũ căn, chẳng phải là nhân của ý. Mà rời năm tràn để cầu pháp, thì không có pháp nào để được. Đã không thể đắc, thì không có nhân vậy. Nhân mà không có, lấy gì sanh ra? Nếu không có nhân mà nói là có thức sanh ra, thì thức này chẳng thể nào phân biệt các pháp. Còn nếu phân biệt được các pháp thì tạo ra được tướng trạng gì? Tướng trạng không có, thức thật chẳng sanh. Nên nói là nhân pháp mà thức sanh là sai lầm vậy. Đã chẳng phải ý sanh, lại chẳng phải pháp sanh, thì ý thức ở tại chốn nào? Không có nơi chốn, tức là chốn chân thật vậy.

Xưa, Thượng Tọa Quốc Thanh Tịnh hỏi Tố Trưởng Sa: “Như trong kinh dạy: Không thể lấy cái tâm có chỗ biết mà đo lường nổi cái Tri Kiến Vô Thượng của Như Lai, thế thì làm sao?”

Tố Sa nói: “Ông hãy nói xem: cứu xét cho cùng cái tâm có chỗ biết này, lại có đo lường nào được nổi chẳng? Theo đó mà tin nhập”.

Sau này, có vị tăng hỏi: “Đệ tử mỗi đêm ngồi thiền, tâm niệm tán loạn, chưa biết cách nào nghiệp phục. Xin thầy chỉ bảo”.

Ngài Quốc Thanh Tịnh trả lời: “Nếu ban đêm ngồi tĩnh mà niệm niệm lăng xăng, thì lấy cái tâm lăng xăng đó cứu xét cái chỗ lăng xăng. Thấy là nó không có xứ sở, thì cái tâm niệm lăng xăng đó đâu còn! Cứ xét ngược lại cái tâm, thì cái tâm cứu xét đó đâu có tại chỗ nào. Trí chiếu soi vốn không, cái cảnh để duyên cũng tĩnh lặng vậy. Chiếu mà chẳng chiếu, tuyệt không có cảnh để chiếu soi vậy. Cảnh, trí đều tịch diệt, tâm lượng an nhiên. Ngoài chẳng tìm cầu lấy sự tán loạn, trong chẳng trụ nơi định tĩnh. Hai đường dứt bặt, một tánh suốt nhiên. Đây là yếu đạo về nguồn vậy”.

Tô Dược Sơn đang ngồi, có vị tăng hỏi: “Ở cái chỗ bằng phẳng, suy nghĩ cái gì?”

Tô Sơn nói: “Suy nghĩ cái thật chẳng có suy nghĩ”.

Hỏi: “Cái chẳng suy nghĩ đó, làm thế nào suy nghĩ?”

Tô Dược Sơn nói: “Tuyệt chẳng suy nghĩ!”

Có vị tăng hỏi thiền sư Thục Châu Tây: “Thế nào là chỗ phi tư lượng?”

Ngài đáp: “Ai thấy một chấm trong đêm tối giữa hư không?”

Ngài Đơn Hà tung rẳng:

*“Một điểm linh minh, sáu chǎng thâu
Rõ thay, nào phải sững mắt vào
Tin tức trong kia, người khó rõ
Chỉ có hư không một điểm mù”.*

(Nhất điểm linh minh lục bất thâu
Chiêu nhiên hà dụng cánh ngưng mâu
Cái trung tiên túc nhân nan ủy
Độc hữu hư không ám điểm đầu).

Cho nên, rõ được chỗ tâm thức chǎng thể đến được, bèn thâu suốt nguồn cội của thức vậy.

I. THU BÂY ĐẠI

Kinh: Ông Anan bạch Phật: “Thura Thế Tôn, Như Lai thường nói về nhân duyên hòa hợp rằng: Tất cả các thứ biến hóa trong thế gian đều do bởi bốn đại hòa hợp mà phát hiện ra. Thế sao Như Lai đều bài bác cả hai nghĩa nhân duyên và tự nhiên? Nay tôi không biết nghĩa ấy thế nào, xin Phật rủ lòng thương xót khai thị cho chúng sanh nghĩa rốt ráo của Trung Đạo, không còn các pháp hý luận”.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo Ông Anan rằng: “Trước ông đã chán lìa các pháp Tiếu Thùa Thanh Văn, Duyên Giác mà phát tâm quyết cầu Bồ Đề Vô Thượng, nên ta nay vì ông mà khai thị cái Đệ Nhất Nghĩa Đế, sao ông lại còn đem những thứ vọng tưởng nhân duyên, hý luận của thế gian mà tự trói buộc? Ông tuy là nghe nhiều mà như người nói tên vị thuốc, đến khi thuốc thật ở trước mắt lại chǎng hề phân biệt được. Như Lai

bảo thê thật là đáng thương xót! Nay ông hãy nghe kỹ, ta sẽ vì ông phân biệt khai thị. Cũng để cho những người tu Đại Thừa mai sau thông đạt cái Thật Tướng”.

Ông Anan lặng yên, kính vâng thánh Chỉ của Phật.

Thông rằng: Ông Anan mong Thế Tôn khai thị Trung Đạo. Nếu cho thật tại là nhân duyên hòa hợp của thế gian, thì mắc vào Có (Hữu). Nếu bài bác cả hai thứ nhân duyên và tự nhiên thì lại chìm đắm vào Không. Cái chẳng phải Có, chẳng phải Không mới là Trung Đạo. Ông không biết cái Bồ Đề Vô Thượng là cái Trung Đạo không chỗ bám nắm, mới là Đệ Nhất Nghĩa Đế vậy. Cái Đệ Nhất Nghĩa Đế này siêu khỏi mọi Âm, Nhập, Xứ, Giới chẳng phải phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên. Thấy các tướng chẳng phải tướng, tức đó là Đại Thừa Thật Tướng.

Ông Anan muốn rời bỏ Tiểu Thừa mà cầu cái Bồ Đề Vô Thượng. Nay chỉ cho đó là Tánh Diệu Chân Như, thì hoang mang ngơ ngác, chẳng hiểu ra sao, như người nói ra tên thuốc, mà cái chơn dược ở ngay trước mắt lại chẳng có hay. Thật đáng thương xót! Than ôi, thuốc nào có dẽ biết!

Bồ Tát Văn Thủ một ngày nọ bảo đồng tử Thiện Tài đi hái thuốc.

Ngài nói: “Cái gì là thuốc hãy hái mang về”.

Thiện Tài xem khắp đại địa không có gì chẳng phải là thuốc, trở về bạch rằng: “Không có cái gì mà chẳng phải là thuốc”.

Ngài Văn Thù nói: “Cái gì là thuốc hái mang về đây”.

Thiện Tài bèn ngay trên mặt đất ngắt lén một cọng cỏ, đưa cho Ngài Văn Thù. Ngài Văn Thù cầm lấy, đưa lên cho đại chúng xem, rồi nói: “Thuốc này cũng hay giết người, cũng hay cứu người”.

Tổ Văn Môn nói: “Thuốc và bệnh hiện hữu vì nhau, khắp cõi đất là thuốc, cái gì là tự kỷ?”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Khắp cõi đất là thuốc
 Xưa nay sao quá làm
 Đóng cửa chǎng làm xe (để dùng)
 Đường thông tự trống rộng
 Lầm, lầm!
 Lỗ mũi xa trời cũng xuyên suốt!”.*

Theo ý bài tụng ngày thì chân dược hiện tiền ấy cũng cần mưa ra hết, huống là cái chuyện chǎng thể phân biệt của Anan!

Kinh: “Anan, như chỗ ông nói: Tứ đại hòa hợp phát hiện ra các thứ biến hóa trong thế gian. Anan, nếu các đại ấy tánh chǎng phải hòa hợp thì không thể trộn lẫn với các đại khác, cũng như hư không không thể hòa hợp được với các sắc. Nếu tánh của các đại là hòa hợp, thì cũng đồng như các thứ biến hóa, trước sau hóa thành lẫn nhau, sanh diệt nối nhau, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, sanh sanh diệt diệt như vòng lửa quay tròn,

chưa hề ngừng nghỉ. Anan, như nước thành băng, băng trở lại thành nước.

Thông rằng: Nếu nói từ đại chẳng phải hòa hợp, thì chẳng phải nghĩa *Chân Như tùy duyên*, đồng như ngoan không mà thôi. Nếu nói từ đại nhất định phải hòa hợp, thì chẳng phải là nghĩa *Chân Như bất biến*, giống như biến hóa mà thôi. Như nước thành băng, băng trở lại thành nước, từ đại vốn là Như Lai Tạng Tánh, chẳng phải ngoài nước mà có băng. Nước hòa với cái gì mà thành băng? Băng hòa với cái gì mà thành nước?

Vốn chỉ là một vật, không có cái gì khác hòa lẫn vào. Tìm cầu tướng hòa hợp rõ là chẳng thể có, do đó, thật chẳng phải hòa hợp mà cũng chẳng phải không hòa hợp. Chỉ vì mê thì Chân Như là bốn Đại: như nước thấy thành băng. Ngộ, thì từ đại là Chân Như: như băng vốn là nước. Nước vốn là một mà thôi vậy.

Có vị tăng hỏi Tô Lâm Tế: “Thế nào là bốn cảnh vô tướng?”

Tô Lâm Tế nói: “Ông khởi một niệm tâm nghi, bèn bị đát ngăn ngại. Ông khởi một niệm tâm ái, bèn bị nước nhận chìm. Ông khởi một niệm tâm sân, liền bị lửa cháy thiêu. Ông có một niệm tâm hỷ, liền bị gió thổi bay. Nếu hay rõ ràng được như thế, Cảnh nào trói buộc nổi? Chốn chốn đều dùng được cảnh: Đông mọc Tây lặn, Nam mọc Tây chìm, giữa nổi bên chìm, bên nổi giữa chìm. Đi trên nước như trên đất, vào đất như nước. Do sao mà vậy? Vì thấu suốt bốn đại như mộng như huyền vậy. Nay các đạo lưu! Nay đây cái nghe pháp là

ông, chẳng phải là tú đại của ông, mà hay dùng tú đại của ông. Thấy được như thế, thì bèn đi hay ở đều tự do”.

Xem như lời Tô Lâm Té thì đi đâu cũng là nước, làm gì có băng đâu?

Tô Dược Sơn nhân có thí chủ cúng dường bộ thường phục. Đưa ra trước chúng, nói rằng: “Pháp thân có đủ bốn đại hay không? Nói được, thì cho một áo lá”.

Ngài Đạo Ngô nói: “Tánh đất chẳng phải là Không. Không chẳng phải là tánh đất. Đó là Đại Địa. Ba Đại kia cũng thế”.

Tô Sơn nói: “Cho ông một cái áo lá”.

Chỗ thấy của Ngài Đạo Ngô sao lại trái ngược với kinh này? Thử tham xem!

Kinh: “Ông hãy xét cái tánh của địa đại: thô lớn thì làm đất liền, nhỏ nhặt thì làm vi trần, cho đến lân hư trần, do chia chẻ cái sắc cực vi nhỏ nhất làm bảy phần mà thành. Nếu chẻ lân hư trần nữa, thì thật là tánh hư không.

“Anan, nếu cái lân hư trần đó chẻ ra thì thành hư không, vậy thì biết hư không sanh ra sắc tướng. Nay ông hỏi rằng: Do hòa hợp mà sanh ra các tướng biến hóa trong thế gian, thì ông hãy xét một cái lân hư trần dùng bao nhiêu hư không hòa hợp lại mà có? Không lẽ lân hư trần hợp lại thành lân hư trần? Mà lân hư trần đã chẻ ra được thành hư không, thì dùng bao nhiêu sắc tướng để hợp thành hư không? Nếu sắc hợp lại thì hợp sắc không thể thành hư không. Nếu hư không hợp lại, thì hợp hư

không làm sao ra thành sắc? Sắc có thể chẻ ra được, chứ hư không làm sao mà hợp lại được?

“Ông vốn chẳng biết, trong Như Lai Tạng: tánh sắc là Chân Không, tánh Không là Chân Sắc, bản nhiên thanh tịnh, tròn khắp pháp giới, tùy tâm chúng sanh ứng ra chỗ hay biết, theo nghiệp mà hiện bày. Thời gian không biết, làm cho là nhân duyên hay tự nhiên. Đó đều là thức tâm phân biệt, đo lường: chỉ có lời nói, danh tự, toàn không có thật nghĩa.

Thông rằng: Bài tụng Pháp Giới rằng:

“*Có ai muốn biết lý Chân Không
Chân Như trong thân hiện khắp ngoài
Tình với vô tình chung một thể
Chốn chốn đều đồng Pháp Giới Chơn!*”.

Đây là yếu chỉ của bảy đại.

Chân Không là cái Thể Nhất Như vậy. Bảy đại là cái dụng duyên theo nghiệp vậy. Thể, dụng không hai, nương nhau mà hiển, chẳng lìa Diệu Tánh, nên mỗi mỗi đều là Tánh. Duy chỉ một Tánh. Không là Tánh Không, Sắc là Tánh Sắc, bèn *Túc Không, Túc Sắc*, đó là Diệu Hữu, đó là Diệu Chân Như Tánh vậy. Không sa vào Hữu, Vô nên nói là thanh tịnh, mà chưa từng chẳng Hữu, Vô nên gọi là Bản Nhiên. Là trong sạch, túc nhân duyên chẳng thể ô nhiễm. Là Bản Nhiên, túc chẳng phải hòa hợp mà thành. Cái gì mà từ nhân duyên hay hòa hợp sanh, đó chỉ là hình tướng, có nơi chốn làm sao mà đầy khắp pháp giới? Duy chỉ chẳng từ nhân duyên hay hòa hợp mà sanh thì không hình tướng, không xứ sở nên toàn khắp pháp giới. Toàn

khắp pháp giới là Tánh, thì có gì chẳng phải là thất đại? Toàn khắp pháp giới là thất đại thì có gì chẳng phải là Tánh?

Tâm Như Lai chỉ một vị thanh tịnh, chỉ một vị bản nhiên, chỉ một vị toàn khắp nên không thể biết, không thể lường. Tâm của chúng sanh thì ở nơi cái thanh tịnh ấy lại có thời gian mà ô nhiễm. Ở trong cái bản nhiên ấy lại có thời gian mà chẳng như nhiên. Ở trong cái toàn khắp ấy, lại có thời gian mà hạn hẹp. Tùy cái tâm năng tri, xứng vừa với cái lượng sở tri. Biết cho lầm thì tích tụ thành nghiệp, nghiệp tích tụ thành quả, có thiện, có ác mà biến tạo ra cái Y báo, Chánh báo mười cõi. Tâm của chúng sanh tán loạn không bờ nên nghiệp của chúng sanh cũng đầy dẫy không bờ. Tâm ấy nếu không có cái Tánh toàn khắp pháp giới làm thể thì làm sao tùy nghiệp mà phát hiện, để càng phát ra thì càng vô cùng ư?

Nghiệp lực của chúng sanh mỗi mỗi chẳng đồng. Nhưng đồng ở trong cái Thanh Tịnh Bổn Nhiên, một mảy lông cũng chẳng hề thêm bớt, nên nói rằng xuân động hàm linh đều có Phật Tánh. Thế gian mê làm chẳng ngộ Tam Giới Duy Tâm, Vạn Pháp Duy Thức. Thế nên, ở nơi những sự việc phát hiện ra theo nghiệp, thấy ra là có nhân duyên sanh, mà làm cho là tánh nhân duyên; còn thấy ra là không có nhân duyên sanh thì làm cho là tánh tự nhiên. Chẳng rõ cái Thanh Tịnh Bổn Nhiên thì sự Có Không đều lìa, cả nhân duyên hay tự nhiên đều không có ở nơi nào để bám níu.

Nói là nhân duyên sanh ư? Thế thì lân hư duyên với cái gì để sanh ra hư không, hư không duyên với gì mà sanh ra lân

hư? Chỉ có hư không duyên với hư không, chỉ có sắc mới duyên với sắc. Dù cho lân hư chẻ ra thành hư không, thì phải bao nhiêu hư không để hiện thành lân hư. Lân hư chẳng phải do hư không mà có, thì hư không cũng chẳng phải nhân lân hư chẻ thành. Sắc, không đã chẳng thể sanh lẫn nhau, thì sự sanh ra của địa đại là vô tự tánh.

Thế nên, nói nhân duyên hòa hợp sanh là sai lầm vậy.

Nói là tự nhiên sanh ư? Hư không nào có vô cớ mà có hư không, sắc nào có vô cớ mà có sắc. Chẳng có nhân chẻ lân hư, thì nào có thấy được hư không? Chẳng nhân gom tụ lân hư, làm sao thành địa đại? Thế thì sự sanh ra của địa đại nào phải không có nguyên nhân mà tự nhiên bỗng có đâu?

Do đó, nói tự nhiên sanh là sai lầm.

Cả hai thuyết đều là do thức tâm phân biệt suy lường, không phải nhân duyên mà gượng nói nhân duyên; không phải tự nhiên mà gượng cho là tự nhiên, chỉ là lời nói, toàn là hý luận không có căn cứ. Nào có biết rằng Như Lai Tạng Tánh chẳng có khởi lên đối với cái thấy, chẳng bám vào cái tướng. Không khởi nơi cái thấy, cho nên suy tính không thể tới nổi. Không bám nơi cái tướng nên lời nói không thể thấu đến. Đó là cái chỗ mà *tâm hành xứ diệt* (12), *ngôn ngữ hết đường*, ấy mới là Thật Tướng, mới là Đệ Nhất Nghĩa Đế vậy.

Thiền sư Tân Bạt Đà hỏi pháp sư Sanh: “Thầy giảng kinh luận gì?”

Thầy Sanh đáp: “Kinh Đại Bát Nhã”.

Sư Đà nói: “Làm thế nào nói nghĩa sắc không?”

Thầy Sanh đáp: “Các vi trần tụ lại là sắc, các vi trần vô tự tánh là Không”.

Sư Đà nói: “Vi trần chưa tụ, gọi là gì?”

Thầy Sanh không giải bày được.

Thiền sư Đà lại hỏi: “Còn giảng kinh nào khác nữa?”

Thầy Sanh đáp: “Kinh Đại Niết Bàn”.

Sư Đà nói: “Nói nghĩa Niết Bàn như thế nào?”

Thầy Sanh đáp: “Niết mà chẳng sanh, Bàn mà chẳng diệt, nên gọi đó là Niết Bàn”.

Sư Đà nói: “Cái ấy là Niết Bàn của Như Lai, cái gì là Niết Bàn của pháp sư?”

Thầy Sanh đáp: “Nghĩa của Niết Bàn há có hai sao? Tôi chỉ như thế này, chưa hiểu thiền sư nói Niết Bàn như thế nào?”

Sư Đà đưa cây hốt như ý lên, rồi nói: “Thấy chẳng?”

Đáp: “Thấy”.

Sư Đà nói: “Thấy cái gì?”

Đáp: “Thấy cái hốt như ý trong tay thiền sư”.

Sư Đà ném cái hốt như ý xuống đất, rồi hỏi: “Thấy không?”

Đáp: “Thấy”.

Sư Đà nói: “Thấy cái gì?”

Đáp: “Thấy cái hốt trong tay thiền sư rót xuống đất”.

Thiền sư chê rằng: “Xem qua chỗ thấy hiểu của ông, chưa ra khỏi đám thường tình, sao gọi được là làm ồn náo vũ trụ (13)”.

Rồi phất tay áo bỏ đi.

Các đệ tử của pháp sư nghi ngờ chưa dứt, bèn chạy theo níu thiền sư Đà lại, hỏi: “Thày tôi nói sắc không, Niết Bàn chẳng khế hợp, chưa rõ thiền sư nói nghĩa sắc không như thế nào?”

Thiền sư Đà nói: “Ta chẳng nói thày các con thuyết không được đúng, nhưng thày các con chỉ nói sắc không trên quả vị, mà chẳng biết nói cái sắc không ngay chỗ nguyên nhân”.

Đệ tử thưa: “Như thế nào là sắc không ngay chỗ nguyên nhân?”

Thiền sư Đà nói: “Một vi trần Không nên chúng vi trần Không. Chúng vi trần Không nên một vi trần Không. Trong một vi trần Không, không có chúng vi trần. Trong chúng vi trần Không, không có một vi trần”.

Đây không phải là lời thiền sư Đà đặt ra, vì kinh nói: Một căn thanh tịnh nên các căn thanh tịnh. Các căn thanh tịnh nên một căn thanh tịnh. Trong một căn thanh tịnh không có các căn. Trong các căn thanh tịnh không có một căn.

Lấy chỗ này phát minh thì chẳng phải khó hiểu. Bèn cùng với “Tánh Sắc Chân Không, Tánh Không Chân Sắc” chỉ ngay đường vào.

Kinh: “Anan, tánh lửa vô ngã, nhờ ở các duyên mà hiện. Ông hãy xem các nhà chùa nấu ăn ở trong thành, khi muốn nấu bếp thì tay cầm kính dương toại đưa ra ngoài mặt trời mà cầu lửa.

“Anan, phàm gọi là hòa hợp thì như Ta, ông và một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ Kheo nay hợp thành một chúng. Chúng tuy là một, nhưng gạn xét về căn bản, thì mỗi người đều có thân, đều có chỗ sanh, tên hiệu, họ hàng của mình. Như Ông Xá Lợi Phất thuộc dòng Bà La Môn, Ông Ưu Lâu Tần Loa thì thuộc dòng Ca Diếp Ba, cho đến Ông Anan thì thuộc dòng Cù Đàm.

“Anan, nếu tánh lửa nhân hòa hợp mà có ra, thì khi người kia cầm kính lấy lửa nơi ánh sáng mặt trời, lửa đó từ trong kính mà ra, do từ bùi nhùi mà có hay là từ mặt trời mà đến?

“Anan, nếu từ mặt trời mà đến, lửa ấy đã đốt được bùi nhùi trong tay ông, thì những rừng cây mà ánh sáng mặt trời đi qua phải bị đốt cháy cả. Nếu từ trong kính mà ra, thì lửa ấy đã có thể từ nơi kính ra mà đốt cháy bùi nhùi, làm sao kính lại không bị cháy. Cho đến cả tay cầm kính cũng không thấy nóng, thì làm sao kính cháy ra được. Nếu do bùi nhùi sanh ra, thì cần gì ánh sáng mặt trời và kính tiếp xúc với nhau, rồi lửa mới sinh. Ông hãy xét cho kỹ: kính thì do tay cầm, ánh sáng mặt trời thì từ trên xuống, còn bùi nhùi thì từ đất sanh, vậy lửa

từ phương nào đến đây? Mặt trời và kính xa nhau, chẳng có hòa, chẳng có hợp không lẽ lửa kia không do đâu mà tự có?

“Ông còn không biết rằng: Trong Như Lai Tạng, tánh hỏa là Chân Không, tánh Không là Chân Hỏa, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới tùy theo tâm chúng sanh mà ứng vừa với chỗ hay biết.

“Anan, ông phải biết: Người đời cầm kính ở một chỗ thì một chỗ lửa sanh, khắp pháp giới cầm kính thì khắp pháp giới có lửa. Lửa khắp thế gian mà nào có nơi chốn, chỉ theo nghiệp phát hiện. Thế gian không biết, làm cho là tánh nhân duyên và tánh tự nhiên. Hết thấy đều là sự phân biệt, đo lường của thức tâm: chỉ có lời nói, danh tự, toàn không có thật nghĩa.

Thông rằng: Ngài Long Thắng nói: “Nếu các pháp là thật có, thì chẳng cần dùng tâm thức mới biết là có tướng. Nếu dùng tâm thức mới biết là có, ấy là chẳng phải có. Như tướng cứng của đất, phải dùng thân căn, thân thức mới biết là có. Còn nếu không có thân căn, thân thức thì không thấy có tướng cứng”.

Hỏi rằng: “Thân căn, thân thức thì có khi cảm biết, có khi không cảm biết, còn đất thì vẫn luôn luôn có tướng cứng chứ?”

Đáp rằng: “Hoặc trước đã tự nhiên biết cái tướng cứng, hoặc nghe người nói mới biết là có tướng cứng. Nếu trước chẳng nhiên biết, chẳng nghe nói thì làm gì có cái tướng cứng? Lại nữa, nếu đất luôn luôn thật là tướng cứng, thì không thể bỏ tướng cứng ấy. Nhưng như tô lạc, mật ong, nhựa cây

khi nấu thì phải bỏ cái tướng cứng mà biến thành thê lỏng. Vàng, bạc, đồng, sắt hết thảy đều như thế. Còn nước đang ở thê lỏng, lạnh thì chuyển thành tướng cứng là băng. Như vậy, tất cả mọi thứ mọi loại đều có thể biến đổi tướng trạng”.

Ngài lại nói: “Nếu lửa thật có tánh nóng, thì sao có người vào lửa chẳng cháy. Trong thân cũng có lửa nóng, sao chẳng thiêu thân? Lửa ở trong mây mà nước không diệt được. Bởi thế, lửa không có tánh nóng nhất định. Vì thân thông lực, lửa không thể cháy thân. Vì nghiệp nhân duyên, ngũ tạng không nóng. Vì lực điện trong mây, nước không diệt được. Nếu tánh nóng và lửa khác nhau, thì lửa chắc chẳng nóng. Nếu tánh nóng và lửa là một, thì sao còn gọi là nóng? Tánh lửa như thế, các đại khác cũng vậy”.

Như thế, tánh chung và tánh riêng đều Không, nên gọi là Tánh Không. Lấy theo lý ấy mà suy ra tánh của đất, nước, lửa thì cũng như theo dòng mà thấu được nguồn: tất cả đều Không.

Chỗ chỉ bày của Đức Thế Tôn là: Từ cái tánh mà phát ra tướng, gọi là theo nghiệp mà phát hiện, ứng với cái lượng của sở tri. Còn chỗ luận của Ngài Long Thắng là: Từ nơi tướng mà thấu cùng đến cái tánh, đặc biệt hiển bày cái sắc tâm chẳng hai vậy.

Cái kính Dương Toại cũng gọi là Ngũ Phương Chư. Sách Luận Hành chép: “Tháng Năm, ngày Bính Ngọ, giờ Ngọ làm đá Ngũ Phương tròn như cái gương, ở giữa trũng. Soi vật thì ảnh ngược, hướng về mặt trời thì có lửa”.

Thế gian chỉ biết bùi nhùi, kính với mặt trời: Ba cái nhân duyên hòa hợp lại thì lửa sanh. Chẳng biết rằng kính, bùi nhùi cùng với mặt trời đều ở xa nhau, chẳng phải hòa hợp nên chẳng phải là nhân duyên. Nếu nói bỗng nhiên tự có ra, thì đáng lẽ chẳng cần kính hướng vào mặt trời, thế nên cũng chẳng phải tự nhiên. Nếu nói cả ba cái, mỗi cái đều có tánh lửa, thì lẽ ra bùi nhùi phải tự cháy, kính phải tự cháy và chõ ánh sáng mặt trời đi đến, như rừng cây phải bị cháy thiêu! Cả ba cái đều không có tánh lửa, đủ biết là hỏa tánh vốn Không. Nhưng vì cái sức nghiệp của ba cái mà lửa tùy theo nghiệp hiện ra. Thế mới biết, lửa có khắp thế gian là Tánh Không, nào có nơi chốn. Nên cọ xát cây thì có lửa, đập đá là có lửa. Tất cả đều theo nghiệp mà phát hiện, chẳng riêng ở một cái kính Dương Toại, đều từ trong cái Tánh Thanh Tịnh phát khởi ra. Ngay Tánh tức là lửa, nào mượn nhân duyên? Ngay lửa là Tánh, sao nói là tự nhiên? Thế nên, hỏa đại vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên. Tánh lửa ấy bèn chính là Thật Tướng vậy.

Tổ Tuyết Phong nhóm lửa xong, bèn chỉ ngay ngọn lửa mà khai thị cho đại chúng: “Ba đời Chư Phật đang ở trong ngọn lửa chuyển Đại Pháp Luân”.

Tổ Vân Môn nói rằng: “Ngọn lửa là ba đời Chư Phật thuyết pháp. Ba đời Chư Phật lập tức nghe”.

Tổ Huyền Sa nói: “Gần đây lệnh vua khá nghiêm ngặt!”

Tổ Tuyết Phong nói: “Là làm sao?”

Tổ Sa nói: “Chẳng để cho trà trộn cướp đồ ngoài chợ!”

Tổ Tuyết Phong bèn le lưỡi.

Ngày nọ, Tổ Tào Sơn vào tăng đường hơ lửa.

Có vị sư nói: “Hôm nay lạnh thật”.

Tổ Sơn nói: “Nên biết có cái chǎng lạnh!”

Vị sư hỏi: “Ai là kẻ chǎng lạnh?”

Tổ Sơn gấp lửa mà chỉ đó.

Nhà sư nói: “Chớ nói là không có người”.

Tổ Sơn ném bỏ lửa xuống.

Nhà sư nói: “Con ở trong chõ ấy chǎng hiểu được”.

Tổ Sơn nói: “Mặt trời soi đầm lạnh, sáng ngồi lại sáng ngồi”.

Cỗ nhân gấp cảnh thì phát minh một đường hướng thượng. Đó là *tánh lửa Chân Không*, *tánh Không Chân lửa*, nơi ấy là chõ thấu thoát chân thật.

Kinh: “Anan, tánh nước chǎng định: khi chảy, khi ngừng không có chừng. Như trong thành Thất La Phiệt, các ông Tiên Ca Tỳ La, Chuốc Ca La và các nhà đại huyền thuật Bát Đầu Ma, Ha Tát Đa... muốn cầu tinh Thái Âm để hòa với các thuốc huyền thuật, thì các ông ấy trong lúc mặt trăng tròn sáng, tay cầm hạt châu Phuơng Chư, hứng nước trong ánh mặt trăng. Vậy, nước ấy từ trong hạt châu mà ra hay ở trong hư không tự có hay từ mặt trăng đến?

“Anan, nếu từ mặt trăng đến, thì ở phương xa còn có thể làm hạt châu có ra nước, thì ánh sáng qua những rừng cây lẽ ra đều phải có chảy nước. Có chảy nước thì cần gì phải đợi hạt châu Phương Chu? Còn nếu không chảy nước thì biết là nước chẳng phải từ mặt trăng xuống. Nếu từ hạt châu mà ra, thì trong hạt châu thường phải chảy nước, sao lại phải đợi nửa đêm có mặt trăng sáng? Nếu do hư không mà sanh, thì hư không vô bờ bến, thì nước cũng không có giới hạn, vậy thì cõi người đến cõi trời đều phải chìm ngập, làm sao còn các loài? Ông hãy xét kỹ: mặt trăng từ trời chiếu xuống, hạt châu do tay cầm, còn cái mâm hứng nước thì do người xếp đặt, vậy nước kia từ phương nào mà chảy đến đây? Mặt trăng và hạt châu thì cách xa nhau, không phải hòa, không phải hợp, chẳng lẽ nước kia không từ đâu mà tự có?

“Ông còn không biết rằng trong Như Lai Tạng, tánh Thủy là Chân Không, Tánh Không là Chân Thủy, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới tùy theo tâm chúng sanh mà ứng vừa với chỗ hay biết.

“Một chốn cầm châu thì một chốn có nước chảy ra. Khắp pháp giới cầm hạt châu thì khắp pháp giới nước sanh ra. Nước có khắp thế gian mà nào có nơi chốn, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, làm cho là tánh nhân duyên hay tánh tự nhiên. Hết thảy đều là sự phân biệt, đo lường của thức tâm, chỉ là lời nói, danh tự toàn không có thật nghĩa.

Thông rằng: Châu Phương Chu còn gọi là Âm Toại, hình giống con sò. Chà cho nóng, để dưới ánh trăng sẽ sinh ra nước.

Phương là đá, Chư là ngọc. Luyện nấu đá mà thành, làm vào tháng Một (Mười Một), ngày Nhâm Tý, giờ Tý.

Nước sinh ra ở hạt Phương Chư vốn chẳng phải do hòa hợp, chẳng phải là tự nhiên thì cũng giống như kính Dương Toại. Nhưng chỗ nói “Nếu do hư không mà sanh, thì hư không vô biên, nước cũng không giới hạn... làm sao còn các loài?” Chẳng phải là mâu thuẫn với chỗ *Tánh Không Chân Thủy* sao? Bởi vì, lấy tướng mà luận thì có hình, nên nước đầy hư không mà làm đắm chìm cả. Nhưng lấy tánh mà luận thì vô hình, nên hư không vô tận thì nước hiện ra cũng vô tận. Câu “Tánh Thủy Chân Không” này là chỉ về tánh của tứ đại thanh tịnh mà nói. Tánh vốn là Không, Không Không tương dung, Không Không bất nhị làm gì thấy có lần đoạt lần nhau?

Đoạn sau, chỗ nghi của Ông Phú Lâu Na là ở nơi tánh mà nghi có sự lần đoạt, chứ chẳng phải nghi ở nơi tướng. Tướng thì chẳng tương dung, Thế Tôn đã nói trước rồi còn nghi gì nữa!

Tô Dược Sơn hỏi vị sư: “Từ đâu tới?”

Đáp: “Ở Hồ Nam lại”.

Tô Sơn hỏi: “Nước hồ Động Đinh đầy chưa?”

Đáp: “Dạ, chưa”.

Tô Sơn nói: “Mưa đã lâu, sao chưa đầy?”

Vị sư không đáp được.

Tô Đạo Ngô nói thay rằng: “Đầy rồi mà!”

Tổ Vân Nham nói: “Chỗ sâu xa!”

Tổ Động Sơn nói: “Trong kiếp nào mà từng có tăng, giảm?”

Tổ Vân Môn nói: “Chỉ ở trong ấy!”

Tổ Tuyết Phong nói: “Ngồi bên rá cơm mà đói chết vô số người. Ngồi bên biển nước, khát chết vô số người!”

Tổ Huyền Sa rằng: “Ngồi trong rá cơm, đói chết vô số người. Ngập đầu trong biển nước, khát chết vô số người!”

Tổ Vân Môn: “Suốt thân là cơm, suốt thân là nước”.

Tổ Thiên Đồng nêu ra: “Ta thì chẳng vậy, ngồi trong rá cơm, cái no làm chết vô số người. Ngập đầu trong biển nước, cái nê làm chết vô số người!”

Trước là cái họa vì chẳng nuốt vào. Sau là cái họa vì chẳng mửa ra. Chỉ như Ngài Vân Môn nói: Suốt thân là cơm, suốt thân là nước. Ở trong ấy thì không còn chỗ nuốt vào, mửa ra. Cỗ nhân cử xướng cái tánh biển thật như sóng nước trùng trùng vô tận, đến Tổ Vân Môn: “Suốt thân là nước”, lời nói mới trọn thành. Cùng với “Tánh nước Chân Không, Tánh Không thật nước, bản nhiên thanh tịnh, toàn khắp pháp giới”, thật là khé hợp. Do đó mà biết rằng lấy ý thức mà đo lường tánh Không, tánh Thủy thì biết kêu gào mấy cho vừa.

Kinh: “Anan, tánh gió không có tự thể, khi động khi tĩnh bất thường. Ông thường sửa áo, vào trong đại chúng, gấu áo Tăng Già Lê động đến người gần bên thì có chút gió phất qua

mặt người kia. Gió đó là do gấu áo cà sa mà ra, từ hư không mà phát khởi hay do mặt người kia mà sanh?

“Anan, nếu gió ấy phát ra do gấu áo cà sa, thì ông đã mặc cả gió, cái áo phải bay tung rời khỏi thân ông. Nay ta thuyết pháp, rủ áo ở trong hội này, ông hãy xem cái áo của Ta, gió ở nơi đâu? Không lẽ trong áo lại có chỗ chứa gió?

“Nếu gió đó do hư không sanh ra, thì khi áo ông không động sao gió chẳng bay phát. Tánh của hư không thì thường còn, gió phải thường sanh ra. Còn khi không có gió, hư không phải diệt mất! Gió diệt có thể thấy được, hư không diệt thì có nghĩa gì? Bởi vì có sanh diệt, thì đâu có gọi là hư không? Còn đã gọi là hư không, thì gió ở đâu mà ra được?

“Nếu gió ấy sanh ra do cái mặt người bị phát, thì đã do mặt người ấy sanh ra, lẽ ra phải phát vào ông, sao tự ông sửa áo mà lại phát ngược vào người kia?

“Ông hãy xét kỹ: sửa áo là do nơi ông, mặt thuộc về người kia, hư không lặng yên chẳng hề lay động, thì gió từ phương nào phát động đến đây? Tánh của gió và của hư không cách biệt, chẳng có hòa, chẳng có hợp, không lẽ gió kia không do đâu mà tự có?

“Ông thật không rõ rằng: Trong Như Lai Tạng, tánh gió là Chân Không, tánh Không là Thật Gió, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới tùy theo tâm chúng sanh mà ứng vừa với chỗ hay biết.

“Anan, như một mình ông hơi động cái áo thì có chút gió bay ra. Khắp pháp giới đều phát, thì khắp các quốc độ đều có gió. Phong đại có ở cùng khắp thế gian mà không có nơi chốn, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, làm cho là tánh nhân duyên hay tánh tự nhiên. Hết thảy đều là những phân biệt, đo lường của thức tâm, chỉ có lời nói, danh tự toàn không có thật nghĩa.

Thông rằng: “Ông tự sửa áo mà áo không bay mất. Cái mặt thuộc người kia mà gió chẳng phát ngược lại. Hư không lặng yên, chẳng theo gió mà có sanh có diệt”. Ba cái ấy chẳng can dự gì tánh lưu động của gió, thì cái gì mà cho là hòa hợp? Chẳng lẽ gió không đâu mà có ra, sao gọi là tự nhiên? Bởi vì gió tức là tánh, tánh tức là gió vậy. Chỉ theo nghiệp mà phát hiện ra, như áo động thì có gió sinh. Tánh cùng khắp pháp giới, thì gió cũng cùng khắp pháp giới, nên cùng gọi là Đại (lớn).

Nho gia nói Khôn là Đất, Khảm là Nước, Ly là Lửa. Tốn là Gió. Tất cả không ra ngoài Âm Dương. Âm Dương từ đâu sanh ra? Từ trong Động Tinh của Thái Cực sanh ra vậy. Mỗi vật đều đầy đủ một Thái Cực. Vạn vật đều suốt một thể Thái Cực. Chưa từng chẳng phải tức Lý là Sự, tức Sự là Lý. Nhưng mà ngộ Tâm là Thái Cực thì ít có thay! Đã ngộ Tâm là Thái Cực, dưới trời đâu có cái vật ở ngoài Tâm ư?

Tổ Ma Cốc đang quạt, có nhà sư hỏi: “Tánh của gió thường trụ, không nơi nào chẳng khắp, Hòa Thượng còn động quạt làm gì?”

Tổ Cốc nói: “Ông chỉ biết “Tánh gió thường trụ”, mà không biết chuyện *không đâu chẳng khớp*”.

Nhà sư nói: “Sao là *không đâu chẳng khớp*?”

Tổ Cốc lại phẩy quạt.

Nhà sư làm lễ.

Tổ Cốc nói: “Cái ông sư không có chỗ dùng, đâu có ngàn ông thì có ích gì!”

Lại Tổ Nam Tuyền hỏi nhà sư: “Đêm qua gió mạnh, nhỉ?”

Nhà sư đáp: “Đêm qua gió mạnh”.

Tổ Tuyền nói: “Thổi gãy một cành tùng trước cửa!”

Sư nói: “Thổi gãy một cành tùng trước cửa”.

Tổ Nam Tuyền lại hỏi một nhà sư khác: “Đêm qua gió mạnh, nhỉ?”

Nhà sư nói: “Là ngọn gió nào?”

Tổ Tuyền nói: “Thổi gãy một cành tùng trước cửa!”

Nhà sư nói: “Là cây tùng nào?”

Tổ Tuyền nói: “Một được, một mất”.

Căn cứ vào chỗ đáp của hai vị tăng thì đều có hơi thở thiền tăng. Sao Ngài Nam Tuyền lại nói một được, một mất? Nếu định ngay ra được, mới cho là tự mình thấy Nam Tuyền.

Kinh: “*Anan, hū khōng khōng có hìn, nhān sāc mà hiển ra*. Như trong thành Thất La Phiệt là chỗ xa sông, những người

dòng Sát Ly, dòng Bà La Môn, dòng Tỳ Xá, dòng Thủ Đà hay dòng Phả La Đọa, dòng Chiên Đà La... Khi dựng nhà mới thì đào giếng để lấy nước. Đào lên một thớc đất, thì trong đó có một thớc hư không, như vậy cho đến đào lên được một trượng, thì trong đó lại được một trượng hư không. Hư không sâu hay cạn tùy theo đào lên nhiều hay ít. Hư không đó, do đất mà ra, nhân đào mà có hay không nhân gì mà tự sanh?

“Anan, hư không đó không do gì mà tự sanh, thì trước khi chưa đào đất, sao chỗ ấy lại không trống rỗng, mà chỉ thấy là đất, chẳng có gì thông suốt. Nếu nhân đất mà ra, thì khi đất được moi ra phải thấy có hư không vào. Nếu đất ra trước mà không thấy hư không vào, làm sao nói là hư không nhân đất mà ra? Còn nếu không ra, không vào thì hư không với đất vốn không khác nguyên nhân. Không khác tức là đồng, thì khi đất ra, hư không sao chẳng có ra? Nếu nhân đào mà ra, thì đào phải có ra hư không chớ chẳng phải ra đất. Nếu chẳng nhân đào mà có ra, khi tự đào thì ra đất, sao lại thấy hư không?

“Ông hãy xét xem, xét kỹ, xem kỹ: sự đào do từ tay người chuyển vận theo phương hướng, đất thì từ nơi mặt đất mà dời đi, như thế hư không nhân đâu mà có ra? Sự đào và hư không: một cái thật, một cái hư, không tác dụng gì với nhau, chẳng phải hòa, chẳng phải hợp, chẳng lẽ hư không không do đâu mà tự có ra?

“Nếu hư không đó bản tánh tròn đầy toàn khắp, vốn chẳng hề lay động thì phải biết rằng hiện giờ ngay trước mặt đây: Hư không và địa, thủy, hỏa, phong đều gọi là năm đại, bản tánh

vốn chân thật, viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn không sanh diệt.

“Anan, tâm ông mê muội, chẳng ngộ bốn đại vốn là Như Lai Tạng. Phải nhìn ngay hư không là ra, là vào hay chẳng phải ra, vào. Ông hoàn toàn không biết trong Như Lai Tạng: Tánh Giác là Chân Không, Tánh Không là Chân Giác, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới tùy theo tâm chúng sanh mà ứng với lượng hay biết.

“Anan, như một cái giếng trống không thì hư không có trong một cái giếng, mười phương hư không thì cũng như vậy. Không đại tròn đầy khắp mười phương, thật không nơi chốn, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, làm cho đó là tánh nhân duyên hay tánh tự nhiên. Hết thảy đều là những phân biệt, đo lường của tâm thức, chỉ có lời nói, danh từ toàn không có thật nghĩa.

Thông rằng: Hư không chẳng có hình, sao có ra, vào? Chỉ bởi sắc hiện bày mà biết có hư không: có sắc thì chẳng phải là hư không, không có sắc tức là hư không. Sắc có đến, đi; hư không chẳng hề khởi, diệt. Khi tứ đại diệt, hư không chẳng phải lúc ấy mới có. Bốn đại có đến-đi, hư không vốn chẳng hề ra-vào. Tánh hư không tròn khắp cũng dễ hiểu, bốn đại Chân Không cũng giống như vậy. Khi chưa tùy theo nghiệp thì thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới, vốn chưa hề không có. Khi đã theo nghiệp phát hiện rồi, tùy cảm tùy ứng mà đầy khắp thế gian thì cũng không phải lúc ấy mới có. Tướng có sanh diệt, tánh không sanh diệt. Có sanh diệt, thì chẳng có toàn

khắp. Còn cái toàn khắp thì tự nó không có sanh diệt, gọi đó là Như Lai Tạng, không từ đâu đến, không đi về đâu, há lại có sanh tử ở trong ấy ư?

Nói về cái ngoan không (14) thì tuy không có ra vào, nhưng cũng là sanh diệt. Như sau này có nói “Hư Không sanh trong cái Đại Giác như một cái bọt sinh ra trong biển cả... Mười phương hư không cũng đều tiêu mất, chỉ duy cái Chân Không là Chân Giác vốn không sanh diệt”.

Ở bốn đại trước thì nói Chân Sắc, Chân Hỏa, Chân Thủy, Chân Phong đều dùng chữ *Chân*. Sau thì nói “Bốn đại thanh tịnh” là đều nói trong tánh. Không giữ lấy tướng, bèn là “tánh chân thật, viên dung đều là Như Lai Tạng, vốn không sanh diệt”. Thật rành rành tự tánh chân thật mà nói. Nếu các tướng hữu tình, làm sao mà viên dung vô ngại? Nói là Dung, thì “tức sắc tức Không, tức Không tức sắc”, chẳng hề thấy có dấu vết của ngũ đại, duy chỉ thuần nhất một cái Không. Nói là Viên, thì “Không chẳng ngại sắc, sắc chẳng ngại Không”, ngũ đại đắp đổi lẫn nhau, hiển xuất vô cùng mà chẳng rời Nhất Chân vậy.

Trước thì lấy tứ đại mà dung hội Chân Không. Đây thì lấy Chân Không tan về Chân Giác. Rõ ràng cái gọi là Chân Không tức là Chân Giác, cái ngoan không làm sao so sánh được.

Thiền sư Hoàng Long Tổ Tâm thượng đường rằng: “Tâm đồng hư không giới, bình đẳng với tánh Không. Chứng đắc tánh Không bèn không có pháp nào phải, trái. Cứ như thế mà ngồi nghỉ. Dừng chèo, thả neo về bến đậu thuyền. Cứ theo như

môn đệ của lão tăng thì trời đất cách riêng không dính. Nói thử môn đệ của lão tăng có chỗ nào kỳ đặc:

*“Vác ngang ngọn lược chǎng đoái người
Thǎng vào ngàn muôn đỉnh núi đỉ”.*

Lại có Ông Hồ Đinh Giao tham lẽ Tô Bửu Thọ.

Tô hỏi: “Chǎng phải là Hồ Đinh Giao (15) ư?”

Ông Hồ trả lời: “Không dám”.

Tô Thọ nói: “Có đóng được hú không chǎng?”

Ông Hồ nói: “Xin Hòa Thượng đả phá cho!”

Tô Thọ bèn đánh.

Ông Hồ chǎng kham được ý chỉ ấy.

Tô Thọ nói: “Về sau sẽ có ông thầy lầm lời vì ông mà chỉ cho chỗ này”.

Sau, Ông Hồ đến tham Ngài Triệu Châu.

Tô hỏi: “Chǎng phải là Hồ Đinh Giao ư?”

Ông Hồ nói: “Không dám”.

Tô Châu hỏi: “Có đóng được hú không chǎng?”

Ông Hồ đáp: “Xin Hòa Thượng đả phá cho!”

Tô Châu nói: “Hãy đóng vào một đường giáp nối ấy!”

Ông Hồ bèn kể chuyện bị gậy của Tô Bửu Thọ.

Rồi hỏi: “Không rõ lỗi ở chỗ nào?”

Tổ Châu nói: “Chỉ một đường giáp nối ấy còn chẳng biết làm sao, lại còn bảo người đả phá hư không!”

Nhân đó, Tổ nói thay: “Hãy đóng vào một đường giáp nối ấy!”

Tổ Châu lại nói: “Ta nói như thế thì đối cùng với Ông Bửu Thọ kia thật là ngàn dặm muôn dặm”.

Ông Hồ bèn có chõ thức tỉnh.

Hợp hai tắc mà xét, thì chúng đắc hư không cũng chẳng đúng, mà đả phá hư không cũng chẳng đúng. Vậy, thế nào mà thoát thân? Tham đi!

Kinh: “Anan, cái biết của Kiến đại nhân sắc không mà có, ngoài ra là chẳng biết. Như hiện nay ông ở trong rừng Kỳ Đà, sớm mai thì sáng, chiều thì tối. Đến lúc nửa đêm có trăng thì sáng, không trăng thì tối. Những tướng sáng, tối ấy do cái thấy phân tích ra. Cái thấy ấy với cái tướng sáng, tối và cả hư không là đồng một thể hay chẳng đồng một thể? Hay vừa đồng vừa chẳng đồng, vừa khác vừa chẳng khác?

“Anan, nếu cái thấy đó cùng với sáng, tối và hư không vốn là một thể, thì sáng và tối tiêu diệt lẫn nhau. Khi tối thì không sáng, khi sáng thì không tối. Nếu cái thấy cùng một thể với cái tối, thì khi sáng cái thấy phải tiêu mất. Nếu cùng một thể với cái sáng, thì đến khi tối cái thấy phải diệt. Làm sao còn thấy được sáng, thấy được tối. Còn như sáng và tối khác nhau, cái thấy thì không sanh diệt, thì làm sao đồng một thể được?

“Nếu cái thấy đó không đồng một thể với cái sáng và cái tối thì lìa ngoài cái sáng, cái tối và hư không ông hãy phân tích cái thấy có hình tướng gì? Lìa ngoài cái sáng, tối và hư không, cái thấy đó cũng đồng là lông rùa, sừng thỏ. Nếu cả ba cái sáng, tối và hư không hoàn toàn khác nhau, thì đo đâu mà lập thành cái thấy?

“Sáng và tối trái ngược lẫn nhau làm sao đồng được! Lìa ngoài ba cái sáng, tối và hư không, cái thấy vốn chẳng có gì, thì làm sao khác được? Cái phần của hư không hay cái phần của cái thấy vốn không bờ mé, sao lại chẳng đồng! Thấy cái tối, thấy cái sáng, tánh không dời đổi làm sao lại chẳng khác!

“Ông hãy xét kỹ, suy xét tinh vi, xem cho kỹ, thấy cho cùng: Sáng do mặt trời, tối từ đêm đen, thông thuộc về hư không, bít thuộc về đại địa, thì cái thấy như thế nhân đâu mà có? Cái thấy thì có biết, hư không thì vô tri, không phải hòa không phải hợp, chẳng lẽ cái thấy không do đâu mà có?

“Như sự thấy, nghe, hay, biết tánh nó đầy đủ toàn khắp, vốn chẳng động lay. Nên phải biết: Kiến đại cùng với hư không vô biên, bất động cùng vốn bốn đại địa, thủy, hỏa, phong có lay động đều gọi là sáu đại, bản tánh chân thật viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn không sanh diệt.

“Anan, tánh ông trôi chìm, không ngộ cái thấy, nghe, hay, biết của ông vốn là Như Lai Tạng. Ông hãy nhìn xem cái thấy, nghe, hay, biết này là sanh là diệt, là đồng là khác, là chẳng sanh diệt, là chẳng đồng, khác?

“Ông nào có biết, trong Như Lai Tạng cái thấy là tánh minh giác, tánh minh giác hiển lộ ra thành cái thấy, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới tùy theo tâm chúng sanh mà ứng với lượng hay biết.

“Như một cái căn thấy thấy khắp pháp giới, thì cái biết nghe, biết ngửi, biết nếm, biết cảm xúc, biết các pháp đều là cái diệu đức sáng rõ toàn khắp pháp giới, tròn đầy cả mười phương hư không, nào có riêng nơi chốn. Chỉ tùy nghiệp hiện bày, thế gian lại không biết làm cho là tánh nhân duyên hay tánh tự nhiên. Hết thấy đều chỉ là sự phân biệt, đo lường của thức tâm: chỉ có lời nói, danh tự toàn không có thật nghĩa.

Thông rằng: Năm đại địa, thủy, hỏa, phong và không ở trước thì đủ cả sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, gọi là tướng phần. Nay là sáu căn thấy, nghe, hay và biết cũng đều do bốn đại trong sạch hợp thành. Phàm nhân có sắc không trước mắt, đối cảnh tức biết, chưa nhập vào sự phân biệt của năm thức trước, đó gọi là kiến phần. Do đó, lấy kiến đại mà gồm chung.

Như một cái căn thấy thấy khắp pháp giới, thì cái biết nghe, biết ngửi, biết nếm, biết xúc, biết pháp cũng toàn khắp pháp giới, diệu đức rõ ràng vậy. Sao đều gọi là Diệu? Có Hình bèn là Thấy, có Tiếng là Nghe, chẳng gấp mà lé, chẳng đi mà đến, không do nghĩ toan, chẳng bởi xếp đặt nên gọi là Diệu.

Cái kiến đại này không có tự thể, chỉ nhân cảnh mà có. Cảnh trước mặt nếu không có, cái thấy cũng chẳng sanh. Há có một thể hay nhiều thể để cùng cảnh mà lìa mà hợp, để có

thể luận là đồng, là khác theo túc cú ư? Sự lập luận của túc cú (16) đều là hý luận vậy.

Thế nên, sáng, tối, thông, bít thay nhau ở trước mắt cũng như địa, thủy, hỏa, phong thay nhau giữa hư không. Cảnh có sanh diệt, cái thấy không sanh diệt. Cảnh có động lay, cái thấy không hề lay động. Nó toàn khắp pháp giới, cùng hư không chẳng hai. Nhưng cái thấy thì có hay biết, ngoan không thì vô tri chẳng thể hòa hợp. Cái giác túc là không, gọi là Chân Không. Cái ngoan không thì sanh diệt, Chân Không nào có sanh diệt. Cái ngoan không sanh diệt ở trong Tánh Chân Giác cũng như bốn đại sanh diệt trong hư không. Hư không cùng bốn đại không thể lấy sự sanh diệt, đồng khác mà luận. Thế thì kiến đại đối với sắc không sao có thể lấy sự sanh diệt, đồng khác mà xem thấy được ư?

Phàm nói là sanh diệt, đồng khác đều là thuộc về vọng trần. Phàm nói chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng phải đồng, chẳng phải khác đều thuộc về vọng Kế. Chỉ ở nơi cảnh mà phân biện, chẳng ở nơi tánh mà phân minh: Đó là hý luận. Nếu ở nơi tánh mà phân biện, thì cái thấy này duyên với tánh cảnh, như mặt trăng thứ hai, không lìa mặt trăng thật.

Tánh phát ra mà thành cái thấy, túc là cái Chân Giác phát ra mà làm cái Sáng. Giác là cái thể hằng sáng của cái thấy. Cái Sáng là dụng của cái thấy. Như đèn có ánh sáng: đèn là cái thể của sự chiếu sáng, ánh sáng là cái dụng của sự chiếu sáng. Túc thấy là giác, túc giác là không. vốn không nhiễm ô, nên nói là

thanh tịnh. Vốn không tạo tác, nên nói là bốn nhiên. Vốn không nơi chốn, nên nói là toàn khắp.

Theo Tam Thân mà luận, thì thanh tịnh là Pháp Thân. Bốn nhiên là Báo Thân, toàn khắp là Hóa Thân. Theo Ba Đức mà luận, thanh tịnh là Lý, bốn nhiên là Trí, toàn khắp là Hạnh. Hợp cả ba mà dung nghiệp thì đưa lên một túc cả ba, đưa lên ba túc là một. Khi chưa cảm ứng thì thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới, cái thấy này không thể nói được là không. Khi có cảm ứng, diệu đức sáng rõ, toàn khắp pháp giới, cái thấy này chẳng vướng nơi có. Sáu căn thanh tịnh, tròn đầy mười phương hư không, nên thấy trăm cõi Phật, thấy ngàn cõi Phật, thấy toàn khắp pháp giới, mới là tròn vẹn cái lượng thanh tịnh. Còn chẳng như thế, cũng ứng với cái chỗ thấy tiết hạn hẹp, chỉ theo nghiệp có hiện ra mà thôi.

Sau có nói “Ông phát minh ra theo cái không, thì có cái hư không hiện. Địa, thủy, hỏa, phong mỗi mỗi đều phát minh ra, thì mỗi mỗi đều hiện. Các cái ấy là các thứ ứng ra theo sở tri lượng vậy”. Bỏ giác mà hợp với trần, thì phát sanh trần lao. Ngược trần hợp giác, thì thấy rõ Chân Như. Thế cũng là sự theo nghiệp phát hiện vậy. Cái Tánh Giác Minh không có sự làm, không có sự tạo, không có người nhận lãnh, nghiệp thiện nghiệp ác cũng đều dứt bặt. Cái Ấy, đó là Như Lai Tạng.

Ông Quan Cung Phụng là Hạo Nguyệt hỏi Tổ Trưởng Sa Cầm rằng: “Con trùn dứt làm hai đoạn, hai đầu đều cử động, chưa rõ Phật Tánh ở đầu nào?”

Tổ Sa nói: “Động và bất động, đó là cảnh giới nào?”

Ông Nguyệt nói: “Lời nói không liên quan đến kinh điển, chẳng phải là chỗ đàm luận của người trí. Như lời Hòa Thượng nói: Động cùng bất động, đó là cảnh giới nào? Từ kinh nào mà đem ra vậy?”

Tổ Sa nói: “Hắn nhiên, nói mà không có kinh điển chẳng phải là chỗ đàm luận của người trí. Ông không thấy kinh Thủ Lăng Nghiêm nói rằng “Phải biết mười phương vô biên bất động hư không, cùng với bốn đại đất, nước, lửa, gió động lay kia đều gọi là sáu đại, tánh vốn chân thật, viên dung đều là Như Lai Tạng, vốn không sanh diệt” đó sao?”

Bèn khai thị một bài kệ:

*“Rất sâu xa, rất sâu xa
Pháp giới, thân này ấy tức Tâm
Mê ấy, mê tâm làm các sắc
Ngộ thì cảnh cảnh chính Chân Tâm
Thân, cảnh hai trần không thực tướng
Thấu rõ chỗ này gọi tri âm”.*

Tổ Trường Sa khéo thuyết Lăng Nghiêm, đến chỗ nói là căn thân và thế giới hai trần không thực tướng thì trong không thấy có căn năng kiến, ngoài không có cảnh sở kiến. Năng, sở đều Không, tìm cái thấy rốt là không thể đắc, còn chỗ nào để nói sanh diệt, đồng dị ư?

Kinh: “Anan, tánh của thức không có nguồn gốc, nhân nơi sáu thứ căn và trần mà hư vọng hiện ra. Nay ông hãy xem khắp Thánh chúng trong hội này, lấy con mắt lướt qua. Mắt ông trông khắp, chỉ như cái gương, không phân tích riêng biệt.

Cái thức của ông ở trong đó, lần lượt chỉ ra đây là Văn Thủ, đây là Phú Lâu Na, đây là Mục Kiền Liên, đây là Tu Bồ Đề, đây là Xá Lợi Phất. Cái thức nhận biết ấy sanh ra do cái thấy, sanh ra do các tướng, do nơi hư không hay không nhân cái gì, bỗng nhiên mà hiện?

“Anan, nếu cái thức của ông sanh ra do cái thấy, thì như không có các tướng sáng, tối và sắc không thì không có cái thấy của ông. Cái thấy còn không có, do đâu mà có ra cái thức? Nếu cái thức của ông sanh ra do các tướng, chứ không do cái thấy, thì không thấy được cái sáng cũng chẳng thấy được cái tối. Sáng tối đã không thấy thì cũng không có sắc không. Các tướng kia còn không có thì cái thức do đâu mà phát sanh? Nếu cái thức ấy sanh do nơi hư không, không phải do tướng hay do cái thấy, ngoài cái thấy, thì không thể phân biệt, chẳng có thể tự biết được các tướng sáng, tối, sắc, không. Ngoài các tướng thì không còn các duyên, thì cái thấy, nghe, hay, biết do đâu mà thành lập. Cả hai thứ: cái thấy và sắc tràn đều chẳng phải, nếu là Không thì đồng với không có gì hết, còn nếu là Có thì cũng chẳng phải đồng với vật, dầu cho có phát ra cái thức của ông, thì phân biệt cái gì?

“Nếu cái thức không nhân gì mà bỗng nhiên phát ra, thì tại sao giữa trưa lại không riêng biết để có ra mặt trăng sáng?

“Ông hãy kỹ càng, suy xét chín chắn: cái thấy gá vào mắt của ông, các tướng trả về cho tràn cảnh, cái gì có thể hình trạng ra được thì mới thành Có, cái gì không hình tướng thì thành ra Không, còn cái thức như thế do đâu mà ra? Cái thức

động, cái thấy lặng yên, chẳng phải hòa chẳng phải hợp. Cho đến với các sự nghe, ngửi, hay, biết cũng đều như vậy. Không lẽ cái thức không do đâu mà tự có ra?

“Nếu cái thức đó vốn không do đâu, thì nên biết rằng: cái thức đại và cái kiến đại thấy, nghe, hay, biết tròn đầy, vắng lặng, bản tánh không do đâu mà có, cùng với hư không và địa, thủy, hỏa, phong đều gọi là bảy đại, tánh chân thật, viên dung đều là Như Lai Tạng, vốn không sanh diệt.

“Anan, tâm ông thô phù, không ngộ được cái thức hay biết các điều thấy, nghe vốn là Như Lai Tạng. Ông hãy nhìn xem sáu cái thức là do đồng hay khác, là không hay có, là không phải đồng, khác, hay không phải không Có. Ông vốn không biết trong Như Lai Tạng, cái thức là Tánh Giác Minh. Tánh Giác Minh là Chân Thức, là cái biết nhiệm màu vắng lặng toàn khắp pháp giới, ngậm chứa và nhả ra mười phương hư không, nào có nơi chốn. Chỉ tùy theo nghiệp mà hiện bày ra, thế gian không biết làm cho là tánh nhân duyên hay tánh tự nhiên, đều là sự phân biệt, so lường của thức tâm: chỉ có lời nói, danh tự, toàn không có thật nghĩa.

Thông rằng: Nói đất, nước, lửa, gió nương nơi hư không, là tánh năm đại của thế giới, gọi là tướng phần. Nói thấy, nghe, hay, biết nương vào nơi thức, là tánh năm đại của căn thân, gọi là kiến phần. Kiến phần và tướng phần đều từ thức thứ tám sanh khởi, cho nên thức thứ tám vắng lặng như nhiên, thì gọi đó là Diệu Giác, là Như Lai Tạng.

Nay lấy năm thức trước làm kiến đại, đó là chõ gọi tánh cảnh thuộc hiện lượng. Lấy thức thứ sáu làm thức đại, đó là chõ gọi phân biệt sự thức, thuộc về tỷ lượng hay phi lượng. Hàng Nhị Thùra vì không biết có thức thứ bảy và thức thứ tám, lấy cái này cho là chủ nhân ông, cho là gây ra nghiệp lành nghiệp dữ và nghiệp vô lậu. Thế nên, năm thức trước thì không có phân biệt, đến thức thứ sáu mới có thể phân biệt. Vậy nên ở đoạn kinh này có nói “Cái thức thì động, cái thấy thì lặng yên”. Đó chỉ là cái thức này, chẳng sanh do cái thấy, chẳng sanh từ các tướng, chẳng sanh do nơi hư không, chẳng phải nhân duyên sanh, chẳng phải không nguyên nhân mà bỗng nhiên tự có, chẳng phải tự nhiên sanh! Cái thức thứ sáu này đủ cả ba tánh thiện, ác và vô ký với cái kiến đại của sáu căn ở trước mỗi cái đều có chủng tử và hiện hành, vốn chẳng phải hòa, chẳng phải hợp, cả ba cái ấy đồng là chẳng phải, rót ráo là không chõ nương. Thức này do từ đâu mà đến ư? Nếu sanh từ nơi cái thấy, sanh từ các tướng, sanh nơi hư không thì đã có chõ từ đó mà đến. Đã có chõ từ đó mà đến, bèn có nơi chốn, thì chẳng toàn khắp. Chỉ là không từ đâu, không từ không đến, không từ có đến, tức là tánh không có chõ từ đâu: vốn không có bờ cõi, vốn tự tròn đầy, toàn khắp. Cho nên cái phân biệt sự thức này cùng với hai cái kiến phần và tướng phần đều gọi là thất đại. Thức này rốt là vắng lặng, tức là hợp với thức thứ tám, gọi là Như Lai Tạng.

Nếu thức thứ sáu hợp với trần, tức là đồng, là có. Lià khỏi trần, tức là khác, là không. Chẳng phải hợp, chẳng phải Lià, không còn mảy dấu vết có thể tìm được, mới được gọi là vắng

lặng, như nhiên. Cái thức vắng lặng như nhiên này sao lại gọi là tánh của thức, là thức chân thật? Vì từ cái minh mà biết, chẳng phải từ tình khởi ra. Cái thức này từ trong Chân Tánh, Chân Giác mà lưu xuất, thức bèn là tánh vậy, thức bèn là giác vậy. Đó gọi là chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Cảnh Trí.

Cái Minh Tri của tánh thức này là chân thức của Tánh Giác Minh. Như sau có nói Diệu Minh, Minh Diệu, cũng gọi là Diệu Giác vắng lặng như nhiên, toàn khắp pháp giới. Sáu đại trước thì gọi là thanh tịnh bản nhiên, chỉ có đại này gọi là Diệu Giác trạm nhiên, xét với Đẳng Giác, Diệu Giác có chỗ phân biệt vi tế. Sáu đại trước thì nói “Tròn đầy khắp mười phương”, như là nghĩa xứng tánh. Còn thức đại này thì nói “Ngậm chứa và nhả ra mười phương hư không”, như là nghĩa phát khởi”. Thức tánh không có nguồn mà hay làm nguồn cho muôn pháp. Phàm ở trước nói là Như Lai Tạng đều quy về đây vậy.

Ở không đại thì nói “*Tâm ông hôn mê*”, vì mê bốn đại và hư không khác nhau, vốn không biết tánh của hư không là Giác.

Ở kiến đại thì nói “*Tánh ông chìm đắm*”, vì theo trần trôi chảy không quay trở lại, không biết kiến đại là giác mà bất động.

Ở thức đại thì nói “*Tâm ông thô phù*”, tức là thức tiêm tàng ở trong, phù là chỉ nhận phù căn, thô vì không đạt đến nguồn gốc của thức.

Năm ấm là thuộc về mười tám giới, ở đây chỉ nói về thức, vì trong Như Lai Tạng vốn chẳng sanh chẳng diệt, cùng hòa hợp với cái sanh diệt mà thành Thức A Lại Da. Nếu rốt ráo quay về cái bất sanh bất diệt, thì gọi là thức thứ chín, tức thức là tánh vậy. Chẳng thể rốt ráo mà còn chút ít sanh diệt, thì tuy là lặng trong không sóng cũng chỉ là thức mà chẳng phải tánh. Người thấy tánh thì chẳng mê nơi thức, nên an trụ nhiệm mầu nơi cái tâm ngộ vậy.

Tô Bửu Thọ thượng đường nói: “Tam giới duy Tâm, vạn pháp duy thức. Ngoài hiên mây sanh, trước rèm mưa giọt, khe suối trong như lam, hoa đồng nở như gấm. Giờ đây mà chẳng xét cẩn nguyên. Trễ nải mai kia hỏi Di Lặc. Hiểu chẳng? Đừng có đứng lâu cho mệt”.

Tô Đơn Hà rằng:

*“Linh nhiên chẳng đinh cổ hay kim
Tam giới đều trong một điểm Tâm
Ngoài hiên hoa đào, xuân bướm múa
Trước cửa dương liêu rực, oanh ca”.*

Sách Duy Tâm Quyết nói rằng: Cây sườn núi trước sân mỗi mỗi đều trồi bày cái tướng nhiệm mầu của vô biên. Vượn hú, chim kêu đều cùng nhau phát lên tiếng vẹn tròn của bất nhị”.

Có ngộ được chỗ này mới tin được là khắp đại địa không có chỗ nào chẳng phải là thuốc, đâu chỉ ở trong thất đại mà thôi đâu? Chẳng được như thế, có nhập lý, luận đàm sâu xa thì

cũng đổi ra thành thuốc độc! Đâu phải chỉ có nhân duyên, tự nhiên mới là hý luận!

Có nhà sư hỏi Tô Dược Sơn: “Chuyện mình chưa rõ, xin Hòa Thượng chỉ bày”.

Tô Sơn nói: “Ta nay vì ông mà nói một câu thì cũng không khó. Chỉ như ông nay dưới lời nói mà thấy được thì còn có đôi chút rõ ràng. Còn nếu rơi vào suy lường, thì thành ra tội lỗi của ta. Chi bằng ai nấy ngậm miệng, khỏi làm lụy đến nhau”.

Thế, mới biết cái thức tâm đo lường mò mẫm thì với đạo ngày càng đi xa. Chỉ dùng lời nói thì chẳng phải là thật nghĩa.

II. ĐỐN NGỘ PHÁP THÂN VÀ PHÁT NGUYỆN

Kinh: Lúc bấy giờ, Ông Anan và cả đại chúng nhờ Phật Như Lai vi diệu chỉ bày, thân tâm rỗng rang, không gì chướng ngại. Cả đại chúng ấy, mỗi người đều tự biết tâm đầy khắp mười phương. Thấy mười phương không như xem chiếc lá trong bàn tay, tất cả thế gian, hết thảy vật gì cũng đều là Bồ Đề Diệu Minh Nguyên Tâm. Tâm Tánh tròn khắp, trùm chứa cả mười phương cõi nước. Nhìn trở lại cái thân cha mẹ sanh ra, như một hạt bụi trong hư không mười phương, như còn như mất. Như biển lớn lặng trong, nổi trôi một bọt nước, khởi diệt chẳng màng. Rõ ràng tự biết, vào được cái Tâm nhiệm mầu xưa nay, thường trụ bất diệt.

Được cái chưa từng có, bèn chấp tay lễ Phật, đối trước Như Lai, nói lên bài kệ xưng tán bậc Giác Ngộ:

Thông rằng: Tâm Tánh tròn khắp, hết thảy mười phương đều bao trùm trong đó, tâm lượng rộng lớn vô biên, nên tự nó như thế. Cho đến thấy mười phương không như vật trong bàn tay, trong đó có cả thân chánh báo và hết thảy vi trần, đó cũng mới là hội vọng về chân, dường còn cái nhị kiến. So với cái thấy “*Thân tâm nhất như, ngoài thân không vật*” vẫn còn cách một sự xả bỏ (17) vậy.

Quan đại phu họ Lục hỏi Tô Nam Tuyền rằng: “Ngài pháp sư Tăng Triệu thật là kỳ đặc, Ngài nói: Trời đất với ta đồng nguồn, vạn vật cùng ta một thể”.

Tô Nam Tuyền chỉ cây mẫu đơn trước sân mà nói: “Này đại phu! Vậy mà người đời thấy cây hoa này như mộng ảo!”

Ông Lục hụt hẫng.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

“*Thấy nghe hay biết đều chẳng phải
Núi sông sao lại thấy trong gương
Trời sương trăng xế, đêm gần nửa
Ai soi bóng lạnh với đầm trong*”.

(Văn kiến giác tri phi nhất nhất
Sơn hà bất tại cảnh trung quan
Sương thiên nguyệt lạc dạ tương bán
Thùy cọng trùng đàm chiếu ảnh hàn).

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“Soi thấu, ngoài vi đây cội nguồn
 Xôn xao khởi diệt, thấy diệu môn
 Thần chơi ngoài kiếp, gì là có?
 Để mắt nhìn ra, biết diệu tồn
 Cọp rồng ào ào hang núi vắng
 Rồng ngâm muôn vẻ động mù mây
 Nam Tuyền điểm phá người đời mộng
 Biết đây đường đường Bồ Xứ Tôn (Bồ Xứ Phật) ”.

Cố đức nói “Xứ xứ đều là Từ Thị (Di Lặc). Cửa cửa đều có Thiện Tài”. Đây tức là: tất cả thế gian, mỗi mỗi sự vật đều là Bồ Đề Diệu Minh Nguyên Tâm. Ở đó mà biết được thì tự biết cái thường trụ bất diệt, mà tin hiểu mỗi mỗi bọt nước là toàn thể đại dương. Không thấy ở đâu có tướng khởi diệt, nên nói “Khởi diệt chẳng màng”.

Vua Thuận Tông nhà Đường hỏi Tô Phật Quang Mãn: “Phật từ đâu mà đến, tịch diệt hướng về đâu mà lui ? Đã nói thường trụ thế, thì nay Phật tại chốn nào?”

Tô Mãn đáp: “Phật từ cái Vô Vi đi lại, tịch diệt hướng về cái Vô Vi lui về. Pháp Thân đồng hư không, thường trụ nơi Vô Tâm. Có niệm cũng là Vô Niệm, có trụ cũng là Vô Trụ. Đến, vì chúng sanh mà đến; đi vì chúng sanh mà đi. Biển Chân Như thanh tịnh, thế thường trụ vắng lặng như nhiên. Kẻ trí khéo tư duy, chớ sanh lòng lo nghĩ”.

Vua lại hỏi: “Phật hướng về cung vua mà sanh, diệt hướng về Song Lâm mà tịch, trụ thế bốn mươi chín năm, lại nói chẳng có pháp nào để thuyết. Núi, sông cùng biển lớn, trời đất

cho đến trời trăng, đến thời đều diệt tận, ai nói được là không sống chết? Lòng nghi dường ấy, xin trí giả khéo phân biệt cho”.

Ngài đáp: “Thể Phật vốn vô vi, mê tình vọng phân biệt. Pháp Thân đồng hư không, chưa từng có sanh diệt. Có duyên, ấy là Phật xuất thế. Không duyên, ấy là Phật nhập diệt. Chốn chốn giáo hóa chúng sanh, cũng như trăng dưới nước. Chẳng phải thường cũng chẳng phải đoạn, chẳng phải sanh cũng chẳng phải diệt. Sanh cũng chẳng từng sanh, diệt cũng chưa từng diệt. Rõ thấy chỗ vô tâm, tự nhiên không có pháp nào để nói”.

Vua rất đẹp lòng.

Tướng quốc Bùi Hữu ngày nọ vào chùa Khai Nguyên, thấy bức tranh trên vách, hỏi vị chủ chùa: “Cái ấy vẽ cái gì?”

Chủ chùa nói: “Vẽ cao tăng”.

Tướng Bùi nói: “Hình ảnh ở đó, cao tăng ở tại chỗ nào?”

Vị chủ chùa không đáp được.

Bùi Hữu nói: “Ở đây không có thiên sư sao?”

Chủ chùa nói: “Có một người”.

Bèn thỉnh Ngài Hoàng Bá đến gấp, và kể lại chuyện trước mà hỏi Ngài.

Tổ Bá gọi lớn: “Bùi Hữu!”

Ông Bùi ứng tiếng: “Dạ”.

Tô Bá nói: “Ở tại chỗ nào?”

Bùi Hưu nghe xong có chỗ tinh ngộ.

Chỗ này đây có thể làm chứng cứ cho cái thường trụ bất diệt, nên chép vào.

Kinh:

**Diệu Trạm Tổng Trì Bất Động Tôn
Thủ Lăng Nghiêm Vương đài ít có.**

Thông rằng: Ngài Định Lâm nói: “Cái thức tinh là nước. Nước chẳng dao động thì gọi là trạm, lặng trong. Nói là Viên Trạm (19), ấy là thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới chẳng chia làm sáu (sáu thức), tức là toàn lặng vậy. Gọi là Diệu Trạm, vì đó là cái Diệu Lực Bất Động tổng trì tất cả, tức là cái Lặng Trong Nhiệm Mầu vậy”.

Nói Tánh Giác Trạm Minh, là Giác hợp với Thức Tinh, như mặt trời hợp với nước mà có tánh trong sáng. Nói “Trạm Tinh Viên Thường” tức là Thức Tinh Toàn Lặng vậy.

Đã dứt hết sanh diệt, nói là thường. Nhưng cái trạm này không phải là không còn chảy, chỉ vì chảy nhanh quá mà nhìn thấy dường như đứng yên đây thôi. Kinh nói “Cái thức động, cái thấy lặng yên”, nghĩa là thức có tánh động, gọi là nguồn gốc các tướng. Thức tự nó chẳng phải là Diệu Trạm Tổng Trì nên niệm niệm chịu huân tập, tạo ra dòng tập khí chảy mạnh, thành ra các hành. Trong kinh nói các hành ví dụ như dòng nước, là theo như đây vậy. Nhưng thức mà so với các hành thì giống như đứng lặng, nên sau có nói “Lặng yên nhập vào lặng

yên”, như sóng diệt thì thành nước lặng yên, mà gọi là hành ám hết tận. Ở trong xa, lặng trong mà sáng tỏ, nhập mà không có chỗ nhập, là lãnh vực của thức ám. Vậy thì nói trạm nhập, cái trong lặng nhập vào ấy, là thức ám. Trạm nhập là thức ám, thì trạm là cái minh tri của tánh thức. Cái minh tri là trí. Thức nằm trong giới hạn của trí. Nên nói đến năm ám thì nói là “Lặng yên nhập vào lặng yên”, nghĩa là đưa về trong giới hạn của thức. Tánh thức thì không gọi là trạm nhập, mà toàn khắp pháp giới, không có xuất, không có nhập.

Chỗ gọi là “Nội nội trạm minh, nhập vô sở nhập” là cái trạm (lặng trong) xuất ra thì làm hành ám, cái hành như nước chảy. Trạm nhập là thức, cái thức diệt hết hành ám, thế là “sâu lại càng sâu, lặng yên trong sáng” cho đến nguồn căn của các tướng rốt không có chỗ nhập (vô sở nhập).

Cái gọi là Thức Tinh túc là A Đà Na Thức. Còn chỗ gọi là làm dính che cái Trạm (20), túc là làm dính che cái Thức Tinh này. Thức Tinh này như nước trong sạch, vốn không có tính dính, chỉ vì vọng khởi phân biệt, nên cùng với sắc hiệp, cũng như nước hòa với đất thành ra sự dính. Nếu biết cái Thức Tinh ấy như nước trong sạch, vốn không có tính dính, thì không hợp với sắc, thoát ra khỏi sự dán dính.

Trạm có Viên Trạm, Diệu Trạm, Giác Trạm và Tinh Trạm; có Trạm Nhập, có Niêm Trạm như các nghĩa nói ở trước, khác biệt rất ít, toàn là những cách ví dụ.

Ngài Mã Minh nói: “Vì y theo cái bất giác nên tâm động mà thành nghiệp. Tánh Giác thì bất động”. Phàm Tánh Giác là

chẳng động, tức là cái “Diệu Trạm Tổng Trì” vậy. Động là nghiệp, trôi lăn mà thành các hành vậy. Gọi là Thủ Lăng Nghiêm Vương vì cái Định Thủ Lăng Nghiêm thì hàng Thập Địa thường trụ ở trong đó, nên Đức Phật là vua vậy.

Ngài Phó Đại Sĩ một hôm đang giảng kinh thì nhà vua đến. Đại chúng đều đứng dậy, chỉ có Ngài là ngồi yên chẳng động.

Cận thần báo rằng “Thánh Giá đến đây sao chẳng đứng lên?”

Ngài nói: “Đát pháp nếu động, tất cả chẳng an!”

Như Đại Sĩ, quả là thật đắc Định Thủ Lăng Nghiêm vậy.

Có nhà sư hỏi thiền sư Khương Sơn Phương: “Thế nào là Bất Động Tôn?”

Tô Phương nói: “Chỉ mặc một áo vải lót đi qua chợ”.

Nhà sư nói: “Kẻ học nhơn chưa hiểu”.

Tô Phương nói: “Cưỡi lừa đạp phá Động Đinh hô”.

Nhà sư nói: “Thấu qua ba lớp sóng, ròng nghe một tiếng sấm”.

Tô Phương nói: “Duỗi tay chẳng thấy bàn tay”.

Nhà sư: “Có cho phép kẻ học nhơn này tiến đến hay không?”

Tô Phương nói: “Đạp trên đất mà rao bảo hư không”.

Nhà sư nói: “Dưới cửa sấm, đánh trống kêu gì?”

Tô Phương nói: “Vào trong trái cầu thêu, chẳng dùng cờ ngũ sắc”.

Nhà sư nói: “Ba mươi năm sau, lời này sẽ thịnh hành”.

Tô Phương bèn đánh.

Tô Khương Sơn tự là người ở trong ấy, chẳng ngại theo dòng mà được Diệu. Nhà sư ấy nhận làm phuơng hướng nên khó nói cùng nhau.

Kinh:

*Tiêu diên đảo tưởng trong ức kiếp,
Chẳng trải tăng kỳ được Pháp Thân.*

Thông rằng: Úc kiếp thì còn có số để chỉ, còn a tăng kỳ là ba vô số kiếp. Từ vô thủy đến nay mê cái chân mà nhận lấy vọng, đều là cái thấy diên đảo. Nay đem vọng về chân, được cái bản tâm nhiệm màu, thường trụ, bất diệt. Như ở trước nói Như Lai Tạng, tức là Pháp Thân vậy.

Có vị tăng hỏi Ngài Hoàng Bá: “Kinh dạy rằng: “*Tiêu diên đảo tưởng trong ức kiếp. Chẳng trải tăng kỳ được Pháp Thân*”, là như thế nào?”

Tô Bá nói: “Nếu lấy sự tu hành trong ba vô số kiếp để có chõ chứng đắc, thì hết hằng hà sa số kiếp cũng chẳng được. Còn nếu trong một sát na mà được Pháp Thân, liền ngay thấy tánh vậy. Đó cũng là chõ nói rốt ráo của Tam Thừa. Vì sao thế? Vì, thấy có Pháp Thân để đắc, tức thuộc về giáo pháp bất liễu nghĩa”.

Tổ Hoàng Bá xuất lời, nhả khí thật là căn khí Đại Thừa.

Ông Anan đã được Pháp Thân sao lại còn nói “Mong được xét trừ làm vi tế?” Vì ông còn thấy có Pháp Thân để được vậy.

Thượng Tọa Thái Nguyên Phu ban đầu giảng kinh Niết Bàn ở chùa Quang Hiếu tại Dương Châu. Có một thiền giả vì trời mưa tuyết nhân đó đến nghe kinh. Đến chỗ “Ba cái Nhân của Phật Tánh, ba cái Đức của Pháp Thân”, vị Thượng Tọa đang giảng rộng về diệu lý của Pháp Thân, thiền giả bật cười.

Giảng xong, Thượng Tọa mời thiền giả uống trà, rồi nói: “Chí tôi hép cạn, nên y theo văn mà giải nghĩa, bỗng nhờ gấp tiếng cười, xin được nghe chỉ dạy”.

Thiền giả nói: “Quả là tôi cười vì Tòa Chủ không biết Pháp Thân”.

Thầy Phu nói: “Giảng thuyết như thế, chỗ nào chẳng được đúng?”

Đáp: “Xin Tòa Chủ nói lại một lần nữa!”

Thầy Phu nói: “Cái lý của Pháp Thân là giống như thái hư, dọc suốt ba thời, ngang khắp mười phương, điều hòa bát cực, bao gồm âm dương, tùy duyên cảm ứng, không đâu chẳng khắp”.

Thiền giả nói: “Tôi không nói Tòa Chủ giảng không đúng. Nhưng ấy là chỉ mới nói được chút ít cái lượng của Pháp Thân, mà quả thật chưa biết Pháp Thân ở đâu”.

Thầy Phu nói: “Đã như thế, xin thiền đức vì tôi mà nói”.

Thiền giả: “Tòa Chủ có tin không?”

Thầy Phu nói: “Đâu dám chẳng tin”.

Thiền giả nói: “Nếu như thế thì Tòa Chủ tạm ngừng giảng vài ngày, ở trong tịnh thất an nhiên dứt nghỉ, thâu tâm nghiệp niêm, thiện ác các duyên một phen buông bỏ hết”.

Thầy Phu theo đúng lời dạy, từ đầu hôm đến canh năm, nghe tiếng mõ, hốt nhiên khé ngộ. Bèn chạy đến gõ cửa.

Thiền giả hỏi: “Ai đó?”

Thầy Phu đáp: “Đạ, tôi”.

Thiền giả la rắng: “Dạy ông gìn giữ đại giáo, thay Phật thuyết pháp sao nửa đêm lại say rượu nằm đường!”

Thầy Phu nói: “Thiền đức tự đến giảng kinh, đem cái lõi mũi cha sanh mẹ để của tôi ra mà vặt. Từ nay trở đi, chẳng dám làm lõi như vậy nữa”.

Thiền giả nói: “Đi đi, ngày sau gặp nhau”.

Như thầy Phu thật là “Chẳng trải tăng kỳ được Pháp Thân”.

Có nhà sư hỏi Hòa Thượng Lợi Sơn: “Chẳng trải tăng kỳ được Pháp Thân, xin thầy chỉ thảng”.

Tổ Sơn nói: “Con nỗi nghiệp cha”.

Hỏi: “Làm sao lãnh hội?”

Tô Sơn nói: “Chê bỏ thì chẳng có lòng từ”.

Hỏi: “Như thế thì đại chúng đã nhờ được rồi?”

Tô Sơn nói: “Đại chúng hãy để đó, thế nào là Pháp Thân?”

Nhà sư không đáp được.

Tô Sơn nói: “Ông hỏi, ta nói cho”.

Nhà sư nói: “Thế nào là Pháp Thân?”

Tô Sơn nói: “Hoa không, bóng nắng (21)”.

Thử nói xem chỗ nói Pháp Thân của Ngài Lợi Sơn so với Ông Anan xa gần thế nào?

Kinh:

Nguyện nay đắc quả, thành Bảo Vương,
Về độ như thế, hằng sa chúng,

Thông rằng: “Chẳng trải tăng kỳ được Pháp Thân”, thì Tín Vị là đúng mà Nhân Vị thì chưa phải. Cho nên, Hạnh tròn Quả mãn, thật chúng Chân Trí, như ngọc lưu ly thanh tịnh, ngâm chứa mặt trăng báu ở trong, mới đắc thành Bảo Vương. Lúc ấy, nhìn khắp tất cả chúng sanh đều có đức tướng Trí Huệ Như Lai, ta đều mỗi mỗi độ hết; chúng sanh vô tận, nguyện này vô tận, từ bi tròn đầy, trong ấy chẳng còn cái ta nữa. Thế mới là Phật, Pháp, Tăng, ba Thể quý báu, là cầu bến của chúng sanh vậy.

Ngài Động Sơn Sơ ban đầu ra mắt Tô Vân Môn.

Tổ hỏi: “Mới rời chốn nào?”

Đáp: “Tra Đô”.

Tổ Môn nói: “Nhập hạ ở đâu?”

Đáp: “Chùa Báo Từ ở Hồ Nam”.

Tổ Môn nói: “Rời chốn đó khi nào?”

Đáp: “Ngày Hai Mươi Lăm, tháng Tám”.

Tổ Môn nói: “Tha cho ông ba mươi gậy”.

Sáng hôm sau, Ngài Động Sơn lại đến, hỏi: “Hôm qua nhờ Hòa Thượng tha cho ba mươi gậy, không rõ có lỗi gì?”

Tổ Môn nói: “Đồ túi cơm! Giang Tây, Hồ Nam bèn thế áy!”

Ngài Động Sơn ngay nơi lời nói đại ngộ, bèn nói: “Từ nay về sau hướng về chốn bặt không người, không khói, không giữ một hột cơm, không tròng một cọng rau, mà tiếp đai hết ráo mười phương qua lại. Vì họ mà nhổ đinh tháo chốt, lột bỏ cái mũ thoa dầu, cởi ra cái áo lót hôi thúi, dạy y vĩnh viễn làm ông thầy tu vô sự, há chẳng khoái sao?”

Tổ Môn nói: “Thân ông chỉ lớn bằng trái dừa, sao há miệng lớn thế!”

Ngài Động Sơn bèn lẽ bái.

Kinh:

Nguyện đem toàn thể thâm tâm này,
Phụng sự cõi nước nhiều như bụi,
Thế mới gọi là báo Phật ân,

Thông rằng: Hai chữ “thâm tâm” này có cái mùi vị mà
hạng thiền cận không thể đo lường nổi. Cõi nước nhiều như
bụi, không có bến bờ, Trí Bi vô lượng, cùng với Phật đồng tâm
Tù, mới gọi là báo ơn vậy.

Ngài Lâm Tế từ giã Tô Hoàng Bá.

Tô hỏi: “Đi đến chốn nào?”

Ngài Lâm Tế đáp: “Không phải là Hà Nam, thì là Hà
Bắc!”

Tô Bá liền đánh. Ngài chụp lại rồi thoi một thoi.

Tô Bá cười lớn, gọi thị giả: “Đem cây thiền bản trên bàn
thờ của Tiên Sư Bách Trượng lại đây”.

Ngài Lâm Tế nói: “Thị giả, đem lửa lại đây!”

Tô Bá nói: “Tuy nhiên như thế, ông hãy đem đi, về sau rồi
ngồi trên đầu lưỡi của thiên hạ”.

Sau này, Tô Quy Sơn hỏi Ngài Ngưỡng Sơn: “Lâm Tế há
chẳng cô phụ Hoàng Bá đây ư?”

Ngài Ngưỡng Sơn nói: “Không đâu”.

Tô Quy nói: “Con lại còn cho làm sao?”

Ngài Ngưỡng Sơn nói: “Biết ơn mới biết trả ơn”.

Tổ Quy nói: “Xưa kia có nhơn có chuyện tương tự như thế không?”

Ngài Ngưỡng nói: “Có chứ, nhưng lâu xa quá nên không muốn nêu ra”.

Tổ nói: “Dẫu như thế, ta không biết, con hãy nêu ra đi”.

Ngài nói: “Như ở hội Lăng Nghiêm, Anan tán thán Phật rằng: “*Nguyện đem toàn thể thâm tâm này, phụng sự cõi nước nhiều như bụi. Thế mới gọi là báo Phật ân*”. Đó chẳng phải là việc báo ơn sao?”

Tổ Quy nói: “Thế đấy, thế đấy! Chỗ Thầy ngang Thầy, thì giảm một nửa đức của Thầy. Chỗ Thầy hơn Thầy mới nên truyền thọ”.

Lại Tổ Quy Sơn hỏi Ngài Ngưỡng Sơn: “Sau này Lâm Tế như thế nào?”

Ngài Ngưỡng Sơn đáp: “Khoảng giữa đất Ngô, đất Việt có một người, gặp gió lớn thì ngừng lại”.

Tổ Quy nói: “Vậy là thế nào?”

Ngài Ngưỡng nói: “Đem thâm tâm này hiến trần sát. Đó mới gọi là báo Phật ân!”

Về sau, Ngài Phong Huyệt Chiếu đắc pháp với Ngài Thủ Sơn Niệm. Người ta cho đó là Ngưỡng Sơn trở lại.

Như Tổ Ngưỡng Sơn quả là có thâm tâm, thế nào lường được ư? Thế nào lường được ư?

Kinh:

Cúi xin Thé Tôn chứng minh cho,
Ngũ trược ác thế, thè vào trước,

Thông rằng: Năm ám chưa Không, thì năm trược khó phá, làm sao độ hết thảy khổ ách? Chỉ có bậc đắc quả, đã chứng pháp xuất thế gian nên chẳng ngại “Thông tay vào chợ”, lấy Giác mà giác ngộ cho người. Chỗ nói “Đem thâm tâm này hiến trần sát”, tất trước dâng cho đời ác năm trược vậy. Cái nghiệp của Ông Anan là cái Nguyên này. Ở quốc độ này, có Ngài Phó Đại Sĩ đủ sức đảm đương việc đó.

Đại Sĩ tên là Hấp, năm mươi sáu tuổi cưới cô gái Diệu Quang nhà Lưu Thị, sanh hai con tên là Phổ Kiến và Phổ Thành. Năm hai mươi bốn tuổi bán vợ con mà làm hội cúng thí các loài dưới nước, trên cạn. Rảnh rỗi thì cùng người trong làng ngăn bờ bắt cá. Bắt được, nhận giỏ cá xuống sông, rồi chúc nguyên cho: “Đi thì thả, ở thì giữ”. Ai cũng cho là khùng dại.

Gặp vị Đầu Đà người Ân là Tăng Tung. Vị này nói: “Ta cùng ông đã phát nguyện ở chỗ Phật Tỳ Bà Thi. Nay y bát vẫn còn ở cung trời Đầu Suất, ngày nào ông trở về?”. Rồi bảo Ngài ra nơi nước nhìn bóng, thì thấy hào quang và lộng báu.

Ngài cười mà nói: “Nơi lò rèn còn nhiều sắt vụn, nơi cửa thày thuốc có lắm bệnh nhân. Cứu đời là cần gấp, sao mà nghĩ đến cái vui kia?”

Vị Đầu Đà chỉ lên ngọn Tùng Sơn mà nói: “Chỗ ấy dừng ở được”.

Đại Sĩ tự mình cày ruộng ở đó. Có người trộm đậu, lúa, dưa, trái Ngài cho luôn giờ để đựng.

Năm thứ hai đời Thiên Gia thị tịch, cảm ứng có bảy vị Phật cùng theo đưa, đức Thích Ca dẫn đầu, cuối là Ngài Duy Ma Cật. Đức Thích Ca nói mấy lời: “Làm Bồ Xứ cho Ta”.

Chỉ thăng tâm người, thấy tánh thành Phật, Chánh Pháp Nhãm Tạng từ Đức Ca Diếp, Đức Anan truyền đến Tổ Đạt Ma là hai mươi tám đời. Cõi này tuy có kinh điển, nhưng chưa được nghe cái tông phong tối thượng. Thế mà Tổ Đạt Ma chưa tới, Ngài Đại Sĩ đã sanh, thế không phải là cái minh chứng cho việc *Vào trước* hay sao?

Kinh:

**Còn một chúng sanh chưa thành Phật,
Rốt chặng nơi kia nhận Niết Bàn,**

Thông rằng: Vô lượng Chư Phật đời quá khứ độ thoát vô lượng chúng sanh. Đâu phải ai ai cũng thành Phật rồi, mà đã nhập Niết Bàn? Kinh Kim Cang nói: “Ta đều khiến nhập Niết Bàn Vô Dư mà diệt độ, kỳ thật không có chúng sanh được diệt độ”. Đến cảnh giới này thì không thấy có Phật để thành, có chúng sanh để độ, cũng không có Niết Bàn để nhập, mới là Chánh Kiến.

Có vị tăng hỏi Ngài Trung Quốc sư: “Cái gì là Phật Tâm?”

Quốc sư nói: “Tường vách gạch ngói chính là đó”.

Tăng hỏi: “Rất trái với kinh vậy. Kinh Niết Bàn nói “Lìa ngoài vật vô tình tường vách, nên gọi là Phật Tánh”. Nay nói đó là Phật Tâm, chưa rõ tâm và tánh là khác hay chẳng khác?”

Ngài đáp: “Mê thì khác, ngộ túc chẳng khác”.

Tăng nói: “Kinh nói: Phật Tánh là thường, tâm là vô thường, nay nói chẳng khác nhau, là sao vậy?”

Ngài đáp: “Ông chỉ y vào lời nói, mà chẳng y vào nghĩa. Ví như tháng lạnh, nước kết thành băng. Đến khi trời ấm, băng tan thành nước. Khi chúng sanh mê, thì kết tánh thành cái tâm. Khi chúng sanh ngộ, rã tan cái tâm thành tánh. Nếu chấp rằng vô tình không có Phật Tánh, thì rốt ráo chẳng nói được Tam Giới Duy Tâm. Rõ ràng ông tự trái với kinh, ta nào có trái”.

Tăng nói: “Trong kinh giáo chỉ thấy nói hữu tình thành Phật, chẳng thấy có vô tình được thọ ký. Vả lại, ngàn Phật đời Hiền Kiếp có ai là Phật vô tình đâu?”

Ngài nói: “Như Hoàng Thái Tử khi chưa lên ngôi thì chỉ có một thân. Lên ngôi rồi, toàn quốc độ đều thuộc về vua, há có quốc độ riêng nhận ngôi vị ư? Nay khi chỉ có hữu tình được thọ ký làm Phật, thì mười phương quốc độ đều là thân Phật Tỳ Lô Giá Na, há lại có vô tình được thọ ký ư?”

Tăng nói: “Tất cả chúng sanh đều ở trên thân Phật, ỉa đái dơ lấm thân Phật, xoi đục dày dặn thân Phật, há chẳng có tội sao?”

Ngài nói: “Toàn thể chúng sanh là Phật thì còn ai làm ra tội?”

Tăng hỏi: “Kinh nói: Thân Phật không quái ngại, nay lấy vật hữu vi chướng ngại mà làm thân Phật, thế chăng trái với thánh chỉ ư?”

Ngài nói: “Kinh Đại Phẩm nói: Không thể là hữu vi mà nói vô vi. Ông có tin sắc là Không chăng?”

Tăng nói: “Lời chân thật của Phật sao dám chăng tin”.

Ngài nói: “Sắc đã là Không, sao còn quái ngại?”

Tăng nói: “Chúng sanh vốn đồng Phật Tánh, thì chỉ cần một vị Phật tu hành, khi ấy hết thảy chúng sanh đều giải thoát. Nay đã không thể, thì nghĩa đồng ở đâu?”

Ngài nói: “Ông chăng thấy Lục Tướng nghĩa Hoa Nghiêm nói rằng: trong cái đồng có cái khác, trong cái khác có cái đồng. Tướng Thành, tướng Hoại, tướng Tông, tướng Biệt mỗi mỗi đều như thế. Chúng sanh cùng Phật, tuy đồng một tánh mà chăng trở ngại mỗi mỗi tự tu tự đắc. Chưa từng thấy người ăn mà mình no. Lấy bọt nước và biển làm thí dụ. Một bọt nước đã tan mất thì toàn thể vẫn vốn là biển cả. Chưa hề thấy một bọt nước tan mà tất cả bọt đều tan. Nên trong cái Tánh ấy đâu có ngại gì mỗi người tự tu, mỗi người tự đắc”.

Đã ngộ khắp hết thảy đều là nước, thì có bọt nào mà không là nước? Chúng sanh chăng phải là Phật đấy sao? Nếu thấy tất cả chúng sanh là Phật, thì bèn ở trong Niết Bàn.

Kinh:

**Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi,
Mong xét trừ cho làm vi tế,**

Thông rằng: Đại Hùng (22), vì bậc Thập Địa bên dưới là Thư, con mái. Đại Lực vì vượt quá Ngũ Lực. Cho sự vui là Từ. Cứu khỏi khổ gọi là Bi. Muốn khiến cho cái tâm kia thông suốt mới gọi được là Tự Tánh hiện bày, nên Anan hy vọng Thế Tôn xét trừ cho mê làm vi tế. Đã được Pháp Thân, sao lại còn điều làm?

Tô Vân Môn nói: “Được ngay sự chạm mắt không vướng ngại, thấu được Danh thân, Cú thân tất cả các pháp đều Không, núi sông đất đai là Danh thân, cũng là bất khả đắc. Gọi đó là Biển Tánh Tam Muội sẵn đủ, như biển không sóng gió. Được ngay sự quên thấy biết nơi cái Giác, Giác là Phật Tánh đó vậy. Gọi là người Vô Sự, nhưng cũng cần biết có một khiếu (lỗ) hướng thượng!”

Tô Thiên Đồng nêu ra: “Khách, chủ không hòa, cả hai đều có lỗi. Mỗi bên đều cho hai mươi gậy. Còn một khiếu hướng thượng thì làm sao? Tê giác nhân xem trăng mà sừng sanh vằn. Voi bị sấm hoảng kinh mà hoa in vào ngà”.

Ngày khác, Tô Vân Môn lại nói: “Ánh sáng không thấu thoát do có hai loại bệnh. Một là tất cả chỗ không sáng, trước mặt có vật. Hai là thấu suốt được tất cả pháp là Không, mà còn có cái mơ hồ tương tự như vật, đó cũng là ánh sáng không thấu thoát. Pháp Thân cũng có hai loại bệnh. Một là đến được Pháp Thân, nhưng vì pháp chấp chưa hết, cái Thấy của mình dường

như còn, mà ngoài một bên Pháp Thân. Hai là tuy đã thấu được Pháp Thân mà bỏ đi chẳng được, kiểm điểm kỹ càng trở lại, có chút khí tức gì cũng là bệnh”.

Ngài Thiên Đồng tung rǎng:

*“Um tùm muôn tượng khá chênh vênh
 Thấu thoát không đâu ngại mắt mình
 Quét sạch môn đình ai đủ sức?
 Núp trong lồng ngực: tự thành tình
 Thuyền ngang bờ lục, màu thu biếc
 Vào đám bông lau, tuyết sáng soi
 Xâu sợi ông chài ôm đến chợ
 Em êm thuyền lá mặc buông trôi”.*

Tô Càn Phong nói: “Pháp Thân có ba thứ bệnh, hai thứ ánh sáng, sao Vân Môn lại thiếu đi một thứ?” Các nơi đều nói: “Chưa đến thì chạy quàng. Đến rồi thì bám riết. Thấu thoát không chồ nương. Đó là ba. Thế là trước thiếu một thứ”. Phật Nhãm nói: “Cõi lừa tìm lừa, là một. Cõi lừa rồi chẳng chịu xuống, đó là hai”. Thế là sau còn thiếu một thứ”.

Chư Tôn Túc bàn luận ba thứ bệnh của Pháp Thân, vi tế đến như thế. Đâu có liên quan gì đến kinh giáo ư?

Kinh:

**Khiến tôi sớm lên Vô Thượng Giác,
 Nơi mười phương cõi ngoài Đạo Tràng,**

Thông rǎng: Vô Thượng Giác ấy tức là một khiếu hướng thượng vậy. So với ở trước “Được Pháp Thân và đắc quả”, thì

có sai khác ư? Không sai khác ư? Chỗ có thể nói là Phật Quả thì có bảy; Bồ Đề, Niết Bàn, Chơn Như, Phật Tánh, A Ma La Thức, Không Như Lai Tạng và Đại Viên Cảnh Trí.

Ngộ Bồ Đề, thấy Phật Tánh có thể nói là được Pháp Thân. Sau khi thấy tánh, xét trừ mê làm vi tế khiến sanh diệt, diệt sanh đều vắng lặng, cùng hợp với Niết Bàn, Chân Như. Trong trăng thuần sạch, hợp cùng A Ma La Thức. Rõng suốt tròn soi, hợp cùng Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí. Như thế mới có thể gọi là đắc quả, nhưng chưa có thể gọi là lên Vô Thượng Giác.

Xem một chữ *Sóm* (Tảo) (23) là pháp môn Đốn Ngộ, một hiểu được thì trăm thành ra ngay, không nhò tu hành thứ bậc, chẳng kể phàm phu hay Thập Địa, ai ai cũng có thể lên.

Đức Phật nói rằng: “Ta có Chánh Pháp Nhãm Tạng, Niết Bàn Diệu Tâm mật phó cho Ông Ca Diếp”. Nào có dấu vết tăm hơi gì khá được ư? Đây tức là Vô Thượng Giác vậy. Một lần lên cái Giác này là đến địa vị Phật, bèn ở mười phương cõi ngòi tòa sen báu, vì chúng sanh thuyết pháp. Long Nữ còn như vậy, huống là bức đệ tử Thanh Văn ư?

Ngài Dược Sơn ở với Đức Mã Tồ ba năm.

Đức Mã Tồ hỏi: “Gần đây chỗ thấy của ông ra sao?”

Ngài Sơn nói: “Da dẻ rơi rụng sạch, chỉ còn một cái Chơn Thật”.

Đức Mã Tồ nói: “Chỗ được cửa ông khá gọi là hợp với tâm thê, trải khắp tay chân. Đã như thế thì đem ba miếng cật tre bó giữ da bụng, tùy chỗ mà trụ sơn (Dạy chúng) đi”.

Ngài thưa: “Tôi là người nào mà dám nói chuyện trụ sơn?”

Đức Mã Tồ nói: “Chẳng phải thế đâu. Chưa hề có đi mãi mà không đứng lại. Chưa hề có dừng mãi mà không đi. Muốn ích mà không có chỗ ích, muốn làm mà không có chỗ làm, nên làm thuyền bè, không nên dừng lâu ở đây”.

Ngài Đức Sơn đến Tồ Quy Sơn, kẹp một cái áo lót lên nhà giảng, từ tây sang đông, từ đông sang tây quay nhìn Tồ Quy Sơn mà nói: “Có chẳng?”

Tồ Quy Sơn cứ ngồi, không để ý đến.

Ngài Đức Sơn nói: “Không, không!”

Rồi bỏ đi ra.

(*Ngài Tuyết Đâu chú rằng: “Khám phá xong rồi!”*)

Ngài Đức Sơn ra đến cửa, bèn nói: “Tuy là như thế, cũng chẳng được buông tuồng”.

Rồi đầy đủ oai nghi, trở vào tương kiến. Vừa qua khỏi cửa, đưa lên cái tọa cụ, nói: “Hòa Thượng!”

Tồ Quy Sơn định lấy cây phất tử. Ngài bèn hét, phất tay áo mà đi ra.

(*Ngài Tuyết Đâu chú thêm: “Khám phá xong rồi!”*)

Tổ Quy Sơn đến tối hỏi Thủ Tọa: “Cái ông mới đến ngày hôm nay có đây không?”

Thủ Tọa nói: “Ngay khi ra khỏi nhà giảng thì mang dép cỏ đi luôn rồi”.

Tổ Quy Sơn nói: “Ông ấy về sau lên đỉnh núi đơn độc chót vót kết thảo am, là Phật mắng Tổ đó”.

Ngài Tuyết Đậu chú rằng: “*Trên tuyết lại thêm sương!*”

Rồi tung rằng:

*“Một khám phá, hai khám phá!
Trên tuyết thêm sương, thêm hiểm họa
Tướng quân bay ngựa vào triều giặc
Về được hoàn toàn có mấy ai?
Mau chạy qua, chẳng bỏ qua!
Trên đỉnh cô phong, ngồi am cỏ Ôi!”*

Thêm một chữ “Ôi” này là ngón nghé kỳ đặc của Ngài Tuyết Đậu. Chẳng lên Vô Thượng Giác khó mà hiểu nổi.

Kinh:

Tánh hư không còn có thể tiêu,
Tâm Kim Cang không hề động chuyền,

Thông rằng: *Thuấn Nhã Đa* (25) (Sūnyata) là Hu Không; *Thước Ca Ra* (26) (Cakravāda) là kiên cố như Kim Cang. Câu này xưa nói “Tánh hư không vô thể còn có thể tiêu vong. Tâm kiên cố của tôi rốt ráo không động chuyền”. Tựa như Ông Anan phát nguyện như vậy. Đã nguyện “Đắc quả thành Bảo

Vương”, sao lại có nguyễn này? Đã “Lên Vô Thượng Giác tọa Đạo Tràng”, sao lại khăng khăng “Không động chuyển”?

Câu này vốn chẳng có làm, phải cần biết cái yếu chỉ quy về. Đó là “Diệu Trạm Tống Trì Bất Động Tôn. Thủ Lăng Nghiêm Vương đời ít có”, nói ở trước.

Sao nói là Diệu Trạm? Vì, tuy Lăng Trong Bất Động, mà chẳng bám giữ hư không, nên mới gọi là Diệu. Nếu trụ bám hư không mà cho là bất động, thì rốt cuộc chẳng phải “Cả thảy rốt ráo kiên cố”. Ý Ông Anan là: dù mười phương ngời Đạo Tràng, cũng không trụ bám Pháp Thân Hư Không, nên Chánh Pháp Nhãm Tạng rốt ráo kiên cố. Cũng như nói “Thủ Lăng Nghiêm Vương, Diệu Trạm Bất Động” vậy. Đầu đuôi ứng nhau, lý thú còn lâu dài mãi.

Cố đức nói: “Dài là Pháp Thân dài, ngắn là Pháp Thân ngắn”.

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Thử nói xem: *Thuần Nhã Da* sao lại gọi đó là Pháp Thân?”

Ngài im lặng một lúc rồi nói: “Có hiểu không? Không thể nối dài con le le mà cắt chân con hạc, phá hòn núi để lấp cái lỗ hang!”

Lời nói này chính là vì sợ người ta hướng về trong hư không mà đóng chết ở trong đó.

Tổ Sơ Sơn thượng đường, nói: “Bệnh tăng rõ hết trước năm (niên tiền), thì hiểu được chuyện bên phía Pháp Thân. Rõ

hết sau năm (niên hậu) thì hiểu được chuyện hướng thượng của Pháp Thân”.

Ngài Văn Môn bước ra, hỏi: “Thế nào là chuyện bên phía Pháp Thân?”

Tô Sơn nói: “Cây Xuân (27) khô”.

Hỏi: “Thế nào là chuyện hướng thượng của Pháp Thân ?”

Tô Sơn nói: “Chẳng phải cây Xuân khô!”

Hỏi: “Có cho phép tôi nói đạo lý không?”

Tô Sơn nói: “Cho”.

Ngài Văn Môn nói: “Cây Xuân khô há chẳng phải tỏ rõ cái chuyện bên phía Pháp Thân sao?”

Tô Sơn nói: “Đúng vậy”.

Ngài Văn Môn nói: “*Chẳng phải cây Xuân khô*” há chẳng phải tỏ rõ chỗ hướng thượng của Pháp Thân sao?”

Tô Sơn nói: “Đúng vậy”.

Ngài Văn Môn nói: “Như thế Pháp Thân bao trùm tất cả phải không?”

Tô Sơn nói: “Pháp Thân toàn khắp, sao chẳng trùm hết?”

Ngài Văn Môn chỉ cái tịnh bình, nói: “Như thế cái tịnh bình có bao trùm Pháp Thân không?”

Tô Sơn nói: “Xà Lê chớ hướng về một bên tịnh bình tìm kiếm!”

Ngài Vân Môn bèn lẽ bái.

Rõ ràng chỉ ra “Chẳng phải cây Xuân khô” là một con đường sống. Chỉ là cái “Chẳng phải cây Xuân khô” này, chánh thật hợp với ý chỉ “Tánh hư không còn có thể tiêu” vậy.

Ngài Tào Sơn ban đầu ra mắt Tô Động Sơn.

Tô Động Sơn nói: “Thầy Xà Lê tên gì?”

Ngài đáp: “Bốn Tịch”.

Tô Động Sơn nói: “Hình dạng gì?”

Ngài đáp: “Chẳng gọi là Bốn Tịch”.

Tô Động Sơn nói: “Rất là pháp khí vậy”.

Từ đó, được nhập thất, trải qua mấy năm mới xin đi. Tô Động Sơn mới mật truyền cho “Bảo Cảnh Tam Muội”, lại hỏi: “Ông hướng chỗ nào đi?”

Ngài Tào Sơn đáp: “Đi vào chỗ chẳng hề thay đổi”.

Tô nói: “Chỗ chẳng hề thay đổi lại có đi ư?”

Ngài nói: “Đi cũng chẳng thay đổi!”

Ngài Đơn Hà tụng rằng:

“Nhà nhà cửa đóng, ánh trăng soi
Chốn chốn oanh kêu dương liễu rung
Nếu bảo tung hoành không đổi khác
Cũng như quăng kiếm chém hư không”.

Tổ Tào Sơn, Chánh Thiên kiêm đới (28), có thể nói là được con mắt kim cang. Như định nhìn nhận chỗ không thay đổi, đường vẫn còn cây kiếm. Ôi, vi tế, nhỉ!

Chú thích q3

- 01 Sấm lật.
- 02 Tổ Hạo Giám tại Ba Lăng, Nhạc Châu. Người nối kế chánh pháp của Tổ Vân Môn.
- 03 Tự do, Giải thoát.
- 04 Của thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ.
- 05 Đời Đường, tại Đăng Châu, núi Hương Nghiêm, tại Ngụy Sơn học Tổ Linh Hựu được tóm ngộ. Sắc tặng hiệu tự là Tập Đăng Đại Sư.
- 06 Tổ sư đới vua Lương Võ Đế. Vua thường hỏi việc an nguy đất nước về sau. Tổ không nói, lấy tay chỉ yết hầu để chỉ bày, ý nói Hầu Cảnh. Vua không hiểu. Sau quả bị nghịch thần là Hầu Cảnh bức bách. Vua mới tỉnh ngộ thì nghiệp xưa đã tiêu.
- 07 Túc Đoạn Thường Nhị Kiến. Cái thứ hai trong năm Ác Kiến, gọi là Biên Kiến. Biên Kiến có hai thứ: một là Đoạn Kiến; hai là Thường Kiến.
- 08 Thay đổi.
- 09 Đây nghĩa là xứng Tánh.
- 10 Phái Tào Động xuất phát từ Ngài Thanh Nguyên Hành Tư.
- 11 “Táp địa hòng luân tú, hải để bất tài hoa”.
- 12 Mất dấu.
- 13 Giảng kinh.
- 14 Cái Không phi lý luận của Tiếu Thừa và ngoại đạo.

- 15 Đinh Giao có nghĩa là đóng đinh.
- 16 Có, Không, vừa Có vừa Không, không Có không Không.
- 17 Nghĩa là có chi đâu mà buông bỏ.
- 18 Di Lặc.
- 19 Vẹn toàn lặng trong.
- 20 Niêm Trạm.
- 21 “Không hoa, dương diệm”.
- 22 Hùng là con trống.
- 23 Linh ngã tảo đăng Vô Thượng Giác.
- 24 Dạy chúng.
- 25 Dịch nghĩa là Không Tánh, cái thật thể của hư không.
Trường Thủy Sớ: Thuần Nhã Đa là Không vậy. Cái tánh của hư không chẳng khá tiêu diệt được.
- 26 Theo Tạp Danh, Cakravāda (Thước Ca Ra) Là tên núi Thiết Vi Sơn. Theo Tạp Ngữ, Cakra (Thước Kiết), dịch là Kim Cang, luân, tinh tần.
Trường Thủy Sớ: Thước Ca Ra nói rằng kiên cố chẳng hư nát vậy.
- 27 Cây Xuân là một loại cây sống đến mấy ngàn năm.
- 28 Sự Lý viên dung.

Quyển 4

MỤC TÁM: CHỈ RÕ CĂN NGUYÊN HƯ VỌNG VÀ TÁNH GIÁC TOÀN VẸN

I. ÔNG MÃN TỪ TRÌNH BÀY CHỖ NGHI

Kinh: Lúc bấy giờ, Ông Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo phải, gối phải chấm đất, chắp tay cung kính mà bạch Phật rằng: “Thế Tôn oai đức lớn, khéo vì chúng sanh diễn bày Đệ Nhất Nghĩa Đế của Như Lai. Đức Thế Tôn thường cho rằng trong những người thuyết pháp, tôi là thứ nhất. Nay tôi nghe pháp âm vi diệu của Như Lai, cũng như người điếc, cách ngoài trăm thước, nghe tiếng muỗi mòng vốn đã không thấy, huống là được nghe. Phật tuy tuyên bố rõ ràng, muốn khiến tôi trừ mê lầm, nhưng tôi còn chưa rõ nghĩa rốt ráo, vào chỗ không còn nghi hoặc.

“Bạch Thế Tôn, như các Ông Anan, tuy nghe mà ngộ, nhưng tập khí hữu lậu chưa trừ hết, còn bọn chúng tôi, là những người lên bậc Vô Lậu, tuy sạch hết các lậu, nay nghe pháp âm của Như Lai diễn nói, vẫn còn mắc những điều nghi hoặc.

“Bạch Thế Tôn, nếu như tất cả Căn, Trần, Xứ, Giới... của thế gian, đều là Như Lai Tạng, thanh tịnh bản nhiên sao bỗng dung sanh ra có núi sông, đất đai, các tướng hữu vi theo nhau dời đổi, hết rồi lại có?

“Lại Đức Nhu Lai còn nói rằng đất nước, lửa gió, tánh vốn viên dung, toàn khắp pháp giới, lặng trong thường trụ. Bạch Thế Tôn, như tánh của địa đại là khắp cả, làm sao mà dung được thủy đại? Tánh nước là toàn khắp, thì hỏa đại chắc chẳng sanh, làm sao lại phát minh hai tánh thủy đại và hỏa đại đều khắp cả hư không, không xâm lấn tiêu diệt lẫn nhau? Bạch Thế Tôn, tánh của địa đại là ngăn ngại, tánh của hư không là rỗng suốt, làm sao cả hai đại ấy đều toàn khắp pháp giới?

“Nay tôi không biết nghĩa ấy do đâu, xin Đức Nhu Lai ban bố lòng đại từ, vén mây mê làm cho tôi cùng hết thảy trong đại chúng”.

Ông Mân Từ nói thế xong, năm vóc gieo xuống đất, kính mong lời dạy từ bi vô thượng của Nhu Lai.

Thông rằng: Nhu Lai Tạng Diệu Chân Nhu Tánh là Đệ Nhất Nghĩa Đế, viên dung vi diệu, cốt yếu ở chỗ tâm ngộ. Người ngộ rồi, đưa ra không gì là chẳng phải, chỗ chỗ dùng chẳng có nghi nan, một phen vượt lên liền đứng vào, nào mượn công lao huân tập? Như nhóm các Ông Anan, tập khí hữu lậu chưa trừ hết, đã phá các điều mê làm thô, mà mê làm vi tế hãy còn. Các vị đã lên hàng Vô Lậu ở trong hội chúng, thì tuy đoạn hết phiền não chướng, mà sở tri chướng vẫn còn, mắc ở trong địa vị có tu tập, làm sao lanh ngộ cái Đệ Nhất Nghĩa Đế Tối Thượng?

Các tướng kia là hư vọng, vốn tự chẳng sanh mà nay nghi là có sanh. Bốn đại trong sạch như ngọc Ma Ni, tùy phương mà hiện sắc, tựa hồ có xanh vàng đỏ trắng mà vốn là không có.

Thế mà nay nghi rằng chúng xâm lấn nhau! Chẳng phải là Ông Phú Lâu Na chấp lấy tướng để vấn nạn cái tánh, mà thật ra, ông ở trong bản tánh viên dung lặng trong thường trụ mà sanh nghi. Cái “Nghiệp” của ông là đã lên bậc vô lậu, ở trong vô lậu ấy mới chỉ thấy cái lặng trong (*Trạm*) mà chưa thấy cái lặng trong nhiệm màu (*Diệu Trạm*) của nó, mới chỉ thấy cái trụ, mà chưa thấy được cái vô trụ của nó.

Tổ Triệu Châu nói: “Người ta thì khó thấy mà dễ biết, ta ở trong ấy thì dễ thấy mà khó biết”. Đây là chỗ kinh nói “Cũng như người điếc, cách ngoài trăm thước, nghe tiếng muỗi mòng”, đâu phải là lời hư dối ư?

Pháp Sư Trường Thủy Tuyền hỏi Hòa Thượng Lang Nha Giác: “Thanh tịnh bốn nhiên sao bỗng dung sanh núi sông đại địa?”

Tổ Giác nói: “Thanh tịnh bỗng nhiên sao bỗng dung sanh núi sông đại địa?”

Thầy Tuyền ở nơi đó tĩnh ngộ.

Hãy nói, như thế là có trả lời câu ấy hay không trả lời câu ấy? Nếu bảo là có trả lời, thì hiểu đạo lý ấy làm sao? Nếu bảo không trả lời, thì sao lại tĩnh ngộ?

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“*Thầy có, chẳng có*
Ngửa tay, úp tay
Cái người trong núi Lang Nha ấy
Chẳng có rót sau Đức Cù Đàm”.

Lại có nhà sư hỏi Tô Thiều Quốc Sư: “Hết thảy núi sông
đại địa từ đâu mà dấy ra?”

Tô Thiều nói: “Câu hỏi này từ đâu mà tới?”

Thật là mồ bụng khoét tim!

II. VÔ MINH ĐẦU TIÊN

Kinh: Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ông Phú Lâu Na và các vị A La Hán Vô Học hết lậu trong hội này rằng: “Ngày nay Như Lai vì khắp hội này, ở trong thắng nghĩa, hiển bày cái Tánh Chân Thắng Nghĩa. Khiến cho ở trong hội, những hàng định tánh Thanh Văn cùng hết thảy các vị A La Hán, chưa đắc hai pháp Ngã Không và Pháp Không, phát tâm hướng về Thượng Thừa đều được chở tu hành chân thật là Nhất Thừa Tịch Diệt, một vị thuần chán. Ông nay nghe kỹ, Ta hiện vì ông mà nói”.

Các Ông Phú Lâu Na kính vâng pháp âm Phật, yên lặng lắng nghe.

Phật dạy: “Phú Lâu Na! Theo như ông nói, thanh tịnh bốn nhiên sao bỗng dung sanh núi sông, đại địa? Ông chẳng thường nghe Như Lai tuyên thuyết “Tánh Giác diệu minh, Bản Giác minh diệu” sao?”

Ông Phú Lâu Na thưa: “Bạch Thế Tôn, thế đấy, tôi thường nghe Phật tuyên thuyết nghĩa ấy.”

Thông rằng: Như Lai Tạng là Thắng Đế Đệ Nhất Nghĩa, ở đây nói là Tánh Chân Thắng Nghĩa. Tức là chỉ thắng cái

nguồn gốc sanh khởi ra núi sông, đất đai, khiến cho người ở ngay nơi nguyên đầu mà thấu suốt, lập tức liền tự thấy tánh.

Hàng định tánh Thanh Văn tuy không còn rộn tạp, nhưng đó là cái tịch diệt chưa chân thật, vì chưa chứng các pháp vốn tự tịch diệt. Bậc A La Hán, tuy đắc Ngã Không mà chưa đắc Pháp Không, mê đắm vào không tịch, chưa thể hướng về Thượng Thừa. Thế nên, đến đây đều được Nhất Thừa, chẳng còn Thừa nào khác, nhập Phật Tri Kiến, mới là chỗ chánh tu hành vậy.

Nơi Tánh Giác thì nói Diệu Minh, vì cái thể ấy vốn tự nhiệm màu (*Diệu*) mà hằng sáng (*Minh*), chẳng do cái nào khác mà sáng. Nơi Bản Giác thì nói là Minh Diệu, vì do lực huân tu bất tư ngã mà rõ biết tánh giác nhiệm màu vậy. Tức là *Diệu* mà *Minh*, chẳng có chút vô minh nào. Tức là *Minh* mà *Diệu*, thì chẳng ngừng trụ nơi cái Minh. Chính đó là chỗ Tâm Vương bày lộ rõ ràng. Còn như cái Giác Minh (A Lại Da) bèn rơi vào tình thức, là Giác liền là vô minh, làm sao nói rằng Diệu? Nên ở sau, kinh nói: “Cái Giác Minh là lầm lỗi”.

Tô Triệu Châu thượng đường nói: “Đạo lớn không khó. Chỉ lìa chọn lựa. Vừa có lời nói là rơi vào chọn lựa, là minh bạch! Lão tăng chẳng ở trong minh bạch, vậy các ông có che chở, thương tiếc cho không?”

Khi ấy có nhà sư hỏi: “Đã chẳng ở trong minh bạch, thì che chở thương tiếc cái gì?”

Tô Châu nói: “Ta cũng không biết”.

Nhà sư nói: “Hòa Thượng đã không biết, sao lại nói chǎng ở trong minh bạch?”

Tổ Châu nói: “Chỗ hỏi được đó, lẽ bái mà lui đi!”

Ngài Tuyết Đậu tung rǎng:

*“Tột Đạo không khó, mỗi đâu ngôn ngữ
Một: có nhiều thứ; hai: không riêng khác
Giữa không, mặt trời lên mặt trăng lặn
Trước vách, nước lạnh, núi sâu.
Sợ khô thức tận, vui đâu lập?
Cây khô rồng ngâm, chưa hết khô
Khó, khó!
Chọn lựa minh bạch ông tự xem!”*

Ngài Triệu Châu nói “Chǎng ở trong minh bạch”, đó là cái cảnh giới thuần túy Diệu Minh của Ngài. Lại dạy người che chở thương xót là thông cho biết chút ít tin tức của cái Minh Diệu đó.

Nhà sư trộm thấy lối đường của Ngài Triệu Châu, muốn cùng Ngài trùng trùng mở rõ, bèn hỏi “Đã không ở trong minh bạch, thì che chở thương tiếc cái gì?” Tổ Châu nói “Ta cũng không biết”, lộ bày cái Minh Diệu rõ ràng!

Lại hỏi, “Hòa thượng đã không biết, sao lại nói chǎng có ở trong minh bạch?”, thật là cái Diệu Minh rành rành vậy.

Tổ Triệu Châu rất ưng ý vị tăng có ít nhiều thấy biết, chỗ hỏi đều thông suốt, nên dạy “Lẽ bái rồi lui”.

Trước sau, vị tăng đều không ở trong minh bạch, thì còn nói chọn lựa gì!

Ngài Tuyết Đậu muốn cùng Ngài Triệu Châu đổi vấn đề, tức là cần chọn lựa, cần minh bạch!

Tín Tâm Minh của Tam Tổ Tăng Xán có nói “*Chí đạo vô nan, duy hiềm giản trạch*”.

Tổ Triệu Châu bèn nói: “Vừa có ngũ ngôn, đã là chọn lựa, đã là minh bạch, chính là sơ người ta rơi vào ngôn thuyết mà thành nghĩa thứ hai”.

Nếu là người thấy rõ suốt thì lời nói cũng không trở ngại, nên Ngài Tuyết Đậu nói “Đầu mối của ngôn, đầu mối của ngũ”. Còn nếu lìa ngôn ngũ, mà về ở một nơi, thì thật là “Cây khô trước hang núi có nhiều lối lạc, nên có nhiều thú”. Như thấy được mỗi mỗi đều là đạo, thì tuy ngôn ngũ chi ly cũng không có hai thứ. Nên nói “Trên trời mặt trời, mặt trăng, trước hiên nước lạnh”, đều là một Cái Áy, dao búa chẻ không ra. Đến chỗ này thì phân biệt, trò vui của ý thức đều hết sạch, đó là rồng ngâm trong cây khô, hồn nhiên là một cái Diệu Minh Chân Tế. Há dễ đến được ư, nên nói “Khó, khó!”. Nếu còn chút vui mừng, còn chút ý thức, thì gọi là “*Chưa khô ráo hết*”, đó còn là cái dụng sự của Giác Minh. Bởi thế mới nói: “Ánh sáng chiếu mắt tờ người mê. Minh bạch chuyển thân địa vị thối đọa”. Như thế thì không có chọn lựa, không minh bạch sao? Nói “*Ông tự xem*”, chính là muốn xét định cái chọn lựa này, cái minh bạch này có cùng với cái Chí Đạo tương đương hay không?

Đức Tam Tố nói: “Chỉ không thương ghét, suốt nhiên minh bạch!”

Tố Triệu Châu nói: “Chẳng ở trong minh bạch”.

Ngài Tuyết Đậu nói: “Chọn lựa, minh bạch, ông tự xem!”

Lời nói mỗi người mỗi khác, mà thật là đồng. Tham!

Kinh: Phật bảo: “Ông gọi là Giác Minh, vì Bản Tánh của nó là Minh, nên gọi là Giác. Hay vì cái Giác ấy chẳng Minh, mà gọi là Minh Giác?”

Phú Lâu Na thưa: “Nếu cái ấy mà chẳng có Minh, mà gọi là Giác, thì không Minh chỗ nào cả (Vô Sở Minh)”.

Phật dạy: “Nếu không có chỗ nào để Minh, thì cũng không có cái Minh Giác. Có chỗ thì không phải là cái Giác, không có chỗ thì cũng không có cái Minh. Không có Minh lại chẳng phải là cái Tánh Giác trong lặng sáng suốt. Vậy Tánh Giác vốn là Minh, vọng tưởng mà cho là cái Minh Giác.

Thông rằng: Một chữ *Diệu* là chỗ tự bí nhiệm của Phật. Ngắt bỏ ra chữ *Diệu*, mà chỉ luận cái Giác Minh, thì dù cho có mười năm phân giải cũng chẳng xong! Vì Tánh thể vốn là Minh, tức là rõ rõ ràng ràng thế, mà gọi là Giác, thì lọt vào giới hạn của Minh, hóa ra Giác thể có mờ tối, có chỗ chẳng Minh! Còn nếu thêm vào một chữ Minh, gọi đó là Minh Giác, thì lọt vào giới hạn của chẳng Minh! Hai bên đều là chông gai, vậy thế nào là con đường thoát thân?

Ông Phú Lâu Na dù có giỏi thuyết pháp đi chẳng nữa cũng đâu có thể lấy cái không có chỗ để minh (vô sở minh) mà

gọi là Giác được. Thế nên ông mới nói cái thể chẳng Minh ấy mà gọi là Giác, thì đã không có cái Năng Minh, tức cũng không có cái Sở Minh. Rõ ràng là Tánh thể vốn là Minh mới có thể gọi là Giác. Cái Minh mà đã có chỗ (Sở), bèn là bồ Giác mà hiệp tràn, thì quá cách xa với cái Diệu của Tánh Giác vốn lìa thoát khỏi tràn rồi vậy. Nếu thấy được cái Diệu của nó, thì hiểu rõ Như Lai nói “*Tánh Giác Diệu Minh*”, tức là Diệu mà Minh, chứ chẳng phải chẳng Minh! Còn Bốn Giác Minh Diệu, tức là Minh mà Diệu, thì đâu cần phải có Minh nữa! Chẳng phải Minh chẳng phải bất Minh, lìa hai lối phải và chẳng phải ấy, mới gọi là Tánh Giác.

Đức Thế Tôn vì thấy Ông Phú Lâu Na chưa hiểu thấu chỗ này, nên dạy: “Nếu theo lời ông, thì có chỗ Minh (Sở Minh), mới gọi là Minh Giác, nếu không có chỗ nào để Minh (Vô Sở Minh) thì không có Minh Giác, thì hóa ra Tánh Giác do Minh hay chẳng Minh mà còn hay mất ư? Ông há không biết Chân Giác là độc lập, lìa xa năng, sở đó sao ?” Nếu cái Minh mà có chỗ, thì đã lìa ngoài địa vị Giác, không thể gọi là Giác nữa. Nếu cho cái Giác không có chỗ, rồi bày ra đèn đuốc mà soi, thì không thể gọi là Minh được nữa. Nếu tất cả chẳng Minh, thì đó là vô ký, chẳng phải là Tánh Chân Giác Trạm Minh. Tánh Giác Trạm Minh không cần có Minh mà không đâu chẳng là Minh. Cái ngoan không kia làm sao sánh được! Cái Tánh Giác nhậm vận biết khắp, tất nhiên là Minh. Nhưng nếu chấp chặt phải là Minh, liền vọng sanh phân biệt, tính toán bám níu không dứt, bèn trở thành cái Minh Giác. Cái Giác mà còn phải Minh, thì chẳng phải là Diệu Minh vậy. Có sở hay không có

sở, rốt vẫn chưa lìa sở. Không có Minh hay phải có Minh, toàn chẳng có lìa năng. Cái Diệu của Tánh Giác, há có thể như vậy sao?

Ngài Triệu Châu hỏi Tô Nam Tuyền: “Thế nào là đạo?”

Tô Nam Tuyền nói: “Bình thường tâm, đó là đạo”

Ngài Triệu Châu hỏi: “Lại có thể noi theo chẳng?”

Tô Tuyền nói: “Định hướng về là đã sai!”

Hỏi: “Không nghĩ suy được thì sao biết đó là đạo?”

Đáp: “Đạo chẳng phải biết, chẳng phải không biết. Biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu tỏ suốt cái đạo vốn chẳng có sự nghi ngờ, thì tròn khớp như thái hư, rỗng nhiên trống trải, sao còn có chuyện phải trái ư?”

Ngài Triệu Châu ngay dưới lời nói mà khẽ ngộ.

Như hai Ngài Nam Tuyền, Triệu Châu mới có diệu giải được như vậy. Tiếc cho Ngài Phú Lâu Na, còn nằm trong lý chương, chưa khỏi chuyện hướng về đầu thứ hai (nghĩa thứ hai) mà phân giải!

III. NGUYÊN NHÂN VỌNG THẤY CÓ THẾ GIỚI

Kinh: “Cái Giác không có gì là Sở Minh, thế mà nhân Minh lập nên cái sở. Cái sở đã vọng lập nên, thì sanh khởi ra cái Vọng Năng (01) của ông. Trong cái vốn không đồng, không khác bỗng khởi dậy thành có cái khác. Khác với cái khác đã có, nhân cái khác ấy mà lập nên cái đồng. Cái đồng,

cái khác đã phát minh ra, thì nhân đó mới lập ra lại cái không đồng không khác!

“Như thế mà rối loạn, đối đãi với nhau mà sanh lao nhọc. Lao lự kéo dài sanh ra trần tướng mà làm vẫn đục nhau, do đó mà dẫn khởi ra những trần lao, phiền não. Khởi lên thì có ra thế giới, yên lặng thì thành hư không. Hư không là đồng, thế giới là khác. Dầu là không đồng, không khác cũng vẫn là pháp hữu vi.

Thông rằng: Tánh Giác Trạm Minh, bất động toàn khắp, nào có chốn nơi. Đã chẳng sa vào nơi, chốn tức là không Đồng-Khác. Cái không Đồng-Khác này, chính là Pháp Vô Vi Chân Thật vậy.

Đức Mã Minh nói: “Nếu nói tâm có động, thì chẳng phải là hiểu biết rốt ráo”.

Động còn không có, huống là có cái Sở ư? Vừa một niệm vọng động, liền nhận lấy cái Minh mà lập nên cái Sở. Sở lập thì Chân Giác ẩn mất. Cái Sở vọng lập nên, là do phân biệt mà gọi là Sở. Cái phân biệt đó là Năng. Cái bị phân biệt là Sở, thì cái hay phân biệt là Năng. Năng, Sở đã lập nên, thì cái đồng, cái khác bèn hiện hình, vì Năng tức là khác Sở, Sở tức là khác Năng. Vốn là một Chân Giác, vốn không đồng-khác, mà hốt nhiên thành khác. Như thế đó, chỉ vì nhân cái Minh mà lập cái Sở vậy. Mà đâu chỉ có thành ra cái khác mà thôi đâu! Muốn khác với tướng khác ấy, lại lập nên cái tên đồng. Ở trong động, thì có cái khác, còn tịnh thì chỉ cho là đồng. Khác ấy, là khác với cái Giác không đồng, không khác. Đồng ấy, là đồng với

cái Giác không đồng, không khác. Ở trong đó mà phát minh ra, thì cho là khác mà lại có đồng, cho là đồng mà lại có khác. Bèn nhân đó mà lập thêm cái không đồng, không khác. Do cái chẳng sanh, chẳng diệt hòa hiệp cùng cái sanh diệt, mà thành Thức A Lại Da.

Vốn chẳng phải là một, chẳng phải khác. Thế mà cho là đồng, thì năm thức liền năm quyền đối cảnh, thức thứ sáu hay phân biệt, thức thứ bảy nhiễm ô. Cho là khác, thì năm thức bèn là tướng phần, thức thứ sáu không có tướng phần nên chẳng lập được, thức thứ bảy không có phân biệt nên chẳng có. Cái không đồng không khác này cũng toàn là thức, so với cái không đồng-khác trước kia không do lập mà có, đó là Chân Tánh chẳng sanh chẳng diệt. Cái không đồng, không khác sau này là do lập ra, bèn là chủng tử sanh diệt. Trong ấy độc chỉ có cái bóng dáng của nǎng-sở, đồng-khác, mà thành cái phôi thai của nghiệp quả thế giới và chúng sanh. Thế nên có tướng đồng, có tướng khác, có tướng không đồng, không khác. Rồi loạn lên như vậy, nǎng sở đối nhau, đồng và khác cùng thành hình, chẳng được thanh tịnh, mà có ra tướng lao nhọc. Tướng lao nhọc là vô minh. Lao nhọc kéo dài phát ra trần tướng, tự làm vẫn đục nhau.

Trộn lẩn lâm lộn Chân Tánh, gọi là “vẩn”, làm nhiễm cái thế thanh tịnh, gọi là “đục”. Từ đó mà dẫn khởi ra phiền não, trần lao, hai cái Kiến hoặc và Tư hoặc.

Do phiền não biến ra hai thứ Y Báo, Chánh Báo. Động là thế giới, tĩnh thành hư không. Hư Không là chỗ ở, trước đã

nói “*Nhân cái khác lập nên cái đồng*”, tuy không có năng và sở, cũng là ngoan không. Thế giới là chỗ trên nói “*Khởi lên mà thành cái khác*”. Động là thể của “*thế*”, khác là thể của “*giới*”, có năng có sở thuần là cảnh động. Cái có đồng có khác là chỉ thế giới Y Báo, là dấu vết thô phù hữu vi. Còn chúng sinh Chánh Báo, vì có tâm tánh nên chẳng phải như cái “*khác*” của thế giới, và vì có sắc tướng, nên chẳng phải như cái “*đồng*” của hư không. Nhưng cái sở thì có sanh diệt, cái năng thì không sanh diệt. Rốt ráo thì cái năng cũng là sanh diệt. Dù lìa cả năng và sở để đến chỗ không sanh diệt, không đồng, không khác, thì cũng đều là pháp hữu vi.

Cái thức, vì có phân biệt nên là hữu vi. Cái trí, không phân biệt nên là vô vi. Hữu vi, nên có các tướng hữu vi là nghiệp quả. Vô vi, tức là không có các tướng hữu vi nên không có nghiệp quả. Núi sông, đất đai vốn chẳng tự sanh, chỉ nhân minh lập nên sở, theo vọng mà thấy có vậy.

Có nhà sư hỏi thiền sư Vân Cư Ứng: “Núi sông đại địa do đâu mà có?”

Tô Ứng nói: “Do vọng tướng có”.

Nhà sư nói: “Thầy tướng ra cho tôi một nén vàng được không?”

Tô Ứng bèn im lặng bỏ đi. Nhà sư không chịu.

Sau này, Tô Vân Môn nói rằng: “Đã là dây leo chùm gối, chẳng có thể chặt đứt nổi lại được. Hãy đợi y nói “Tướng ra một nén vàng được không?”, thì cầm gậy mà đánh!”

Đây là cõi tác dụng nào?

Nên Tô Vân Môn lấy cây trụ trượng dạy chúng rằng: “Cây gậy hóa thành con rồng, nuốt hết càn khôn. Núi sông đất đai còn chỗ nào được nữa?”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

“*Cây trụ trượng, nuốt càn khôn*
Nói gì chuyện bôn ba ở lăng Đào Hoa (02)
Thành rồng (đốt đuôi (03)) đâu phải kéo mây, làm mù!
Thi rót nào phải vỡ mật kinh hồn
Nêu ra rồi, nghe chẳng nghe!
Ngay đây sừng sững lối lạc
Thôi đi trăm mối phân vân
Bảy mươi hai gậy nhẹ tha cho
Trăm năm mươi gậy khó tha ông
Sư vội chụp cây gậy xuống tòa
Đại chúng đồng nhau chạy tứ tán!”.

Ở chỗ này mà thấu triệt thì không chỉ là núi sông vẫn như xưa, mà cái Giác Minh cũng chẳng có chỗ ló đâu ra!

Kinh: “Cái Giác Minh và cái hư không vô tri đối đai nhau thành ra có lay động, cho nên hóa ra phong luân nắm giữ thế giới. Do cái hư không mà sanh lay động, phát minh ra tánh cứng thì thành sự ngăn ngại, các thứ kim quý đều từ Minh Giác lập nên tính cứng, cho nên có kim luân mang giữ cõi nước. Giác Minh thành tính cứng, thì thành có kim quý, rồi lay động mà thành ra gió. Gió và kim cọ xát nhau, nên có hỏa đại

làm tánh biến hoá. Lửa bốc lên, kim quý sanh ra tánh ướt, mà có thủy luân trùm khắp mười phương cõi. Lửa bốc lên, nước sa xuống, giao nhau phát nén tinh cứng, chỗ ướt là biển lớn, chỗ khô là gò nồi. Do nghĩa ấy, trong biển lớn kia, hơi nóng thường bốc lên, trong gò nồi kia, sông ngòi thường chảy xuống. Thế nước kém thế lửa, thì kết thành núi cao, bởi thế đá núi, đập vào thì xẹt lửa, nung thì chảy ra nước. Thế đất kém thế nước, nẩy ra làm cỏ cây, cho nên rùng rú đốt thì thành đất, vắt ra thành nước.

“Các thứ hư vọng đó giao nhau mà phát sanh, thay đổi làm chủng tử cho nhau. Do nhân duyên ấy, thế giới tiếp tục lân nhau.

Thông rằng: Thanh tịnh bốn nhiên, sao bỗng dung sanh núi sông đại địa? Trước kia, năm đại: đất, nước, lửa, gió và Không đều là Như Lai Tạng, thanh tịnh bốn nhiên, toàn khắp pháp giới, theo nghiệp mà phát hiện, nào có nơi chốn? Sự có ra của chúng là do nghiệp lực của chúng sanh. Nghiệp lực của chúng sanh là do vô minh từ lúc ban đầu, mất đi cái Tánh Giác Diệu TrẠm TỔng Trì, một niệm bỗng khởi động. Cái giác đã lìa cái không mà sanh ra minh, thì không cũng lìa giác mà sanh muội (mê mờ). Cái giác minh phát sanh ra thức. Thức tinh ở cái chỗ trong lặng chẳng động lay là nước. Cái không muội kết thành sắc, là đất vậy. Đôi đai nhau thành ra lay động, thành gió, thành nước, do đất khắc nước mà sanh ra mộc. Do thổ của không muội lay động mà sanh ra mộc, thì cái giác minh không lay động bèn thành cứng ngại, tức là mộc khắc thổ mà sanh kim. Kim cùng mộc hợp sanh hỏa, nên nói: “Phong và kim chà

xát nhau mà có ra hỏa”. Hỏa cùng Kim hợp sanh thủy, nên nói: “Ngọn lửa bốc lên, nên có ra thủy luân”. Thủy và hỏa hợp sanh thổ, hỏa bốc lên, thủy chảy xuống mà sanh ra biển cả, đất liền. Thổ cùng thủy hợp, lại sanh ra mộc; thổ yếu thủy mạnh, nên thảo mộc tươi tốt. Tốn là gió, là mộc; phong là tánh của mộc. Trước đã nói là đối đãi thành ra lay động nên có phong luân, thì mới có tánh của mộc. Đến khi “nẩy ra làm cây cỏ” thì mộc mới rõ ràng có hình tướng.

Ngũ hành lấy sự sinh khắc làm vợ chồng, lấy tương sanh làm cha con. Con do mẹ sanh, ấy là cha yếu; sau đó âm dương hòa, sinh ra con. Con sanh mà khí của cha mẹ vẫn còn, nên đá núi có thể xẹt ra lửa, có thể chảy ra nước. Ấy là do thủy khắc hỏa mà thành. Cây cỏ có thể thành đất, có thể thành nước, là do thổ khắc thủy mà thành vậy. Suy theo đó thì vạn vật đều là như vậy cả. Tôi thường lấy Kinh Dịch so sánh: như hợp với các chi tiết. Mới tin rằng thánh đời trước với đời sau, cái Đạo là một thôi vậy.

Cái giác minh phát sinh ra cái thức, là nguồn gốc lặng lẽ tối sơ, đó là nghĩa Trời sanh thủy trước hết vậy. Thủy sanh ra mộc của chân, tốn ở phương đông. Mộc sanh ra ly hỏa ở phương nam. Hỏa sanh khôn thổ ở tây nam. Thổ sanh đoài kim ở phương tây. Mà càn kim ở tây bắc lại sanh khâm thủy ở phương bắc. Như chiếc vòng không đầu mối, tiếp nối làm chung tử cho nhau, nên Kinh Dịch nói: Đέ xuất ra ở chân, tè ở tốn. Chân là động, tốn là gió, chẳng phải là cái ý chỉ đối đãi nhau mà sanh động lay ư? Chân là mộc, đoài là kim, đông tây đối nhau mà làm vợ chồng, Hỏa ở nơi đó mà sanh ra, thế

chẳng phải là ý chỉ phong kim cọ xát nhau ư? Ly là hỏa, khâm là thủy, nam bắc đối nhau mà làm vợ chồng, thổ ở nơi đó sanh ra, chẳng phải là ý chỉ “Lửa nước giao nhau mà thành tính cứng” ư? Khôn là đất, cấn là núi, đều thuộc thổ, đây là chỗ bắt đầu và chấm dứt của vạn vật vậy. Thế nên, mùa xuân, mùa hạ vạn vật phát sanh, ở trên mặt đất, nên dễ thấy. Thu đông vạn vật thâu góp lại, ở dưới mặt đất, nên không thể thấy.

Bức Hà Đồ, sở dĩ thành biến hóa ngũ hành và quý thần, không chỉ hợp với cái dụng lưu hành, mà cũng hợp với nguồn gốc sanh khởi. Chỗ tốt đáy của thế giới này, y phong luân mà trụ, tốt đáy của đại địa, thì y kim luân mà trụ. Thổ và kim đồng là tính cứng, đều thuộc địa đại. Hỏa thì không nói chữ luân vì tánh nó là biến hoá, hay chảy tan và làm chín thành muôn vật.

Câu Xá Luận nói “Cái nghiệp lực của chúng sanh, trước hết ở dưới cùng nơi hư không, mà có phong luân sanh. Trên phong luân là thủy luân. Trên thủy luân mới có kim luân”. Đối với đây có khác chút ít. Luận Câu Xá nói về sự an lập, từ dưới lên trên theo thứ tự. Ở đây nói về sự sanh khởi. Chẳng sợ lẫn lộn trở ngại nhau.

Tổ Ngưỡng Sơn Dũng dạy chúng rằng: “Một lời nói trọn hết non sông!”

Có vị tăng hỏi: “Như thế nào là một lời ấy?”

Tổ Sơn lấy đũa gấp lửa cắm vào phía bên lò, rồi để lại chỗ cũ.

Tổ Đầu Tử tụng rằng:

“Một câu nêu ra trùm muôn tượng
 Ma Kiệt thành (05) không, tự đóng cửa
 Dương sơ thiền tăng mở hé mắt
 Cắm đũa bếp bên lò lửa đở”.

Nếu là người đại triệt ngộ, thì xem ba cõi khởi diệt trong biển Đại Giác cũng đồng như bọt sanh diệt trong biển cả vậy. Huống là vốn tự vô sanh, tìm tướng của ba cõi, có chỗ nào được!

Kinh: “Lại nữa, Phú Lâu Na, cái minh vọng đó, chẳng phải là cái gì khác, lỗi là cái giác minh. Cái sở minh hư vọng đã lập, thì phạm vi của cái năng minh không vượt qua được. Do nhân duyên đó, mà nghe không ra ngoài tiếng, thấy chẳng vượt ngoài sắc. Sáu cái vọng: sắc, hương, vị, xúc... thành lập, do đó mà phân ra có thấy, nghe, hay, biết.

“Đồng nghiệp ràng buộc lẫn nhau mà có hiệp, có lìa, có thành, có hóa. Cái thấy mà làm năng minh thì sắc phát ra, rồi cái năng minh cho cái thấy thì thành ra có tư tưởng. Thấy khác thì thành ra ghét, cùng cái tư tưởng thì thành thương. Chảy tràn cái thương yêu làm hạt giống, thu vào tưởng niệm làm ra thai. Giao cấu phát sanh, hấp dẫn cái cùng một nghiệp, nên có nhân duyên sanh ra Yết La Lam (06), Át Bồ Đàm... Thai sinh, nôan sinh, thấp sinh hay hóa sinh tùy theo chỗ mà ứng: nôan chỉ do tưởng niệm mà sanh, thai thì do ái tình mà có, thấp sanh thì do cảm mà hợp, hóa sanh thì do phân Lìa mà ứng ra. Tình và tưởng, hợp và lìa thay đổi lẫn nhau, do đó mà chịu lấy

nghiệp, theo đuổi sự nỗi chìm. Do nhân duyên ấy, chúng sanh nối tiếp nhau.

Thông rằng: Thế giới lấy cái hư không mê muội làm thế, nên có câu “Cái tưởng lắng xuống thành quốc độ”. Chúng sanh lấy cái giác minh làm tánh, nên có câu “Tri giác là chúng sanh”.

Hư không mê muội nhân giác minh mà hiện bày, cho nên thế giới do nghiệp lực của chúng sanh mà thành. Hai cái nối tiếp nhau, đều là lỗi lầm hư vọng nhân Minh mà lập cái Sở vậy. Chẳng phải từ đại kia có sanh ra. Chỉ vì nhân nhận cái giác làm cái minh, mới có cái sở minh. Sở thì thuộc tướng phần, Năng thì thuộc kiến phần. Từ đại ở ngoài thế giới là sơ tướng phần, từ đại ở thân thế là thân tướng phần. Cái sở đã vọng lập nên, bèn khiến cho sáu căn cách ngại, nên trong kiến phần, phạm vi của cái sáng không thể vượt qua khỏi sáu căn.

Vốn chỉ là cái Giác vô thượng, viên dung, nay lại chia thành thấy, nghe, hay, biết thành ra ba thứ căn, trần, thức dẫn khởi lên cái nghiệp hư vọng. Từ đó cùng một nghiệp ràng buộc nhau, có cha, mẹ và mình là ba thứ cùng nghiệp, mà thành thai, nỡn là vật hữu tình. Còn thấp sanh và hóa sanh, không do cha mẹ, chỉ do nghiệp của mình mà thành vật. Lý do hấp dẫn đồng nghiệp, đều là do thấy có mình mà ra.

Lấy vọng tâm mà thấy vọng cảnh, thì sắc do cái thấy mà phát sanh, không có cái thấy tức là không có sắc vậy. Lấy cái vọng thấy mà đuổi theo đam vọng sắc, thì cái tưởng niệm bèn do cái thấy mà thành, không có cái thấy thì không có tưởng

vậy. Cái thấy kết nhóm thành cái tưởng, biết có mình thì tự thành tình. Đó là sự kết hợp của đồng nghiệp, hấp dẫn nhau. Thấy khác thì thành thương, nên mẹ là chỗ mà mình thương. Con gái ở trong thai thì ngược lại. Tưởng chảy tràn thì thành sự thương, thương thì chẳng rời, mầm mống chung tử sinh ra ở đó vậy. Nên thương yêu là gốc rễ của luân hồi. Mẹ đã thu nạp cái tưởng, tưởng kết lại thành khí huyết, thai thành ở đó vậy. Cho nên, cái tưởng là môi giới của sự nối truyền sinh mạng, từ giao cấu mà phát sanh hình thể. Tinh huyết hòa hợp, một tuần chất lỏng đông lại, hai tuần là cái bọc, ba tuần là thịt mềm, bốn tuần là thịt chắc, năm tuần có hình thể, thai hay trứng đều như thế. Thấp sanh, hóa sanh thì cũng chẳng qua tiến trình đông đặc và bao bọc.

Nōan sanh vì sao để ở trước tiên? Vì tưởng niệm khởi động trước, sau mới có tình ái. Hơn nữa, nōan lại gồm cả thai, thấp hóa vậy. Loài người cũng có đủ bốn thứ sanh. Như bà Tỳ Xá Khê Nhĩ La có ba mươi hai người con đều là nōan sanh (Luận Câu Xá). Bà Yêm Thước La Bà Lợi Đánh sanh một vị Chuyển Luân Thánh Vương (07), gọi là thấp sanh. Đời Đức Phật, trong tứ chúng có một Tỳ Kheo ni tên A La Bà, từ trong đất hóa sanh ra. Do đó mà biết rằng tình biến ra tưởng, hợp biến ra lìa, vốn chẳng có nghiệp nhất định. Nōan đổi thành thai, thấp đổi ra hóa, cũng không có định chất. Chỉ theo nghiệp mà lên xuống, tùy theo chỗ mà ứng hiện ra, không có nẻo đường nhất định. Chỉ do tưởng ái làm nhân, cha mẹ làm duyên, mà chúng sanh tiếp nối, như vậy đến vô cùng.

Ngài Đại Đồng Tế đến thăm Bàng cư sĩ.

Bàng Cư sĩ nói: “Nhớ lúc trong thai mẹ, có một tắc ngũ, xin đưa ra với thầy, cốt chǎng được làm đạo lý”.

Ngài Té nói: “Giống như cách đời vậy”.

Cư sĩ nói: “Đã nói chǎng được làm ra đạo lý.

Ngài Té nói: “Câu nói kinh người, há chǎng sợ sao?”

Cư sĩ nói: “Như kiến giải của thầy, có thể nói là kinh người!”

Ngài Té nói: “Chǎng làm ra đạo lý, lại làm ra đạo lý!”

Cư sĩ nói: “Không chỉ cách một đời, hai đời!”

Ngài Té nói: “Ông thầy cơm cháo này, cứ việc tra xét lỗi lầm!”

Cư sĩ búng tay ba tiếng.

Lại có thiền sư Quy Tông Khả Tuyên, nhân ông Quận Thú túc giận chǎng đúng theo lễ cửa quan, bức bách Ngài quá lǎm. Ngài bèn viết thơ cho Ông Quách Công Phủ rằng: “Duyên đời của tôi còn sáu năm, nay Ông Quận Thú bức bách phải chết, sắp phó thác cái sanh ra sự bực túc còn dư lại ấy, mà thác sanh nhà ông, xin ông đừng lấy làm ngại”.

Ông Phủ xem thơ vừa sợ vừa mừng. Nửa đêm, bà vợ nǎm mộng thấy sư vào chõ ngủ, la lên rằng: “Đây chǎng phải là chõ để Hòa Thượng đến!” Ông Phủ lay bà vợ hỏi, bà liền thuật lại rõ ràng. Gọi lấy đèn đọc thơ, cùng nhau vui mừng không dứt. Bèn mang thai, đến khi sanh ra, đặt tên là Tuyên Lão. Đúng năm như đã báo trước.

Năm ba tuổi, có Ông Bạch Vân Đoan đến nhà, Tuyên Lão mới thấy thì bảo: “Cháu tôi đến vậy”.

Ông Đoan hỏi: “Xa Hòa Thượng mấy năm rồi?”

Tuyên Lão đếm ngón tay nói: “Bốn năm rồi.”

Ông Đoan hỏi: “Xa nhau ở chỗ nào?”

Đáp: “Ở trại Bạch Liên.”

Ông Đoan nói: “Lấy gì để nghiệm.”

Đáp: “Ba má ngày mai mòi Hòa Thượng độ trai.”

Bỗng nghe tiếng xe đầy tới.

Ông Đoan hỏi: “Ngoài cửa đó là tiếng gì?”

Tuyên Lão dùng tay làm bộ đầy xe. Ông Đoan hỏi: “Về sau như thế nào?”

Đáp: “Bình địa lưỡng đầu câu (chữ lục)”.

Quả nhiên, sáu năm sau không bệnh mà mất. Đó là do Tuyên Lão thường ngày chẳng có cốt làm đạo lý, nên tuy cách dời, mà vẫn tinh thức như vậy. Nếu còn chút tơ hào tình tưởng Giác Minh treo trong ngực, thì đã bị Ông Bạch Vân Đoan khám phá ra rồi!

Kinh: “Ông Phú Lâu Na, các tướng ái cùng nối kết, lòng thương chẳng thể rời, thì cha mẹ, con cháu trong thế gian sanh nhau không dứt, họ lấy dục, tham làm gốc. Tham và ái cùng nuôi nhau, tham muốn chẳng ngừng thì các loài thai sanh, nôan sanh, thấp sanh, hóa sanh trong thế gian, tùy theo súc

mạnh yếu, lần lượt ăn nuốt lẫn nhau, chúng lấy sát, tham làm gốc. Người ăn dê, dê chết làm người, người chết làm dê, như vậy cho đến mười loài chúng sanh chết sống, sống chết, ăn nuốt lẫn nhau, Nghiệp dữ cùng sanh, đến hết đời vị lai, loại này thì lấy đạo tham làm gốc.

“Người này mắc nợ mạng người kia, người kia trả nợ cũ cho người này, do nhân duyên ấy, trải qua trăm ngàn kiếp, thường ở trong sanh tử. Người này yêu cái tâm của người kia, người kia thích cái sắc của người này, do nhân duyên ấy, trải qua trăm nghìn kiếp, thường ở trong trói buộc. Chỉ ba thứ sát, đạo, dâm làm gốc rễ, mà do nhân duyên đó, nghiệp quả cứ tiếp tục.

“Phú Lâu Na, ba thứ tiếp nối nhau điên đảo ấy, đều là cái thấy biết của Giác Minh. Nhân biết mà phát ra có hình tướng, từ cái vọng thấy sanh ra có núi sông đất đai, các tướng hữu vi, thứ lớp đổi dời, đều nhân cái hư vọng đó mà hết rồi lại bắt đầu.

Thông rằng: Thế giới thuộc về Y Báo, Y Báo thì vô tình, do đó chẳng kết nghiệp. Chúng sanh thuộc Chánh Báo, Chánh Báo thì hữu tình, tức là có nghiệp. Nghiệp không gì lớn hơn sát, đạo, dâm, mà gốc bắt đầu từ dâm. Cùng tư tưởng thì thương, thấy khác thì ghét, chỉ là cái thương ghét này, ngay đó là căn nguyên gây nghiệp. Tưởng, ái không kết hợp thì còn có thể lìa, chứ cả hai bên đã kết nối, thì đời đời, kiếp kiếp, chẳng thể tự rời nhau. Cha mẹ, con cháu sanh nhau ra chẳng dứt, đều do dâm làm gốc.

Tham và ái cùng nuôi dưỡng nhau, nên cảm thấy vui thích mùi vị mà sát từ đó sanh ra. Tham mùi vị không ngừng, thì cầu cho được, đạo (trộm cắp) từ đó sanh ra. Kỳ thật, chỉ bắt đầu từ một cái ưa thích: ái. Yêu thích chẳng được thì ép uổng mà sát hại. Âm thầm lấy là đạo (trộm cắp), đều để thành tựu sự ái cả. Có nên, trong cái dâm, có đủ sát, đạo hai nghiệp. Ghét mà kết tụ thì đèn nợ, đèn mạng, thường ở trong sanh tử. Thương mà kết tụ, thì thích tâm, thích sắc, thường ở trong trói buộc. Đó là thương ghét là nguyên nhân của nghiệp, mà sanh tử trói buộc là quả của nghiệp. Hết thấy ba loại điên đảo của chúng sanh trong thế giới đều là do trái với chân mà hợp với vọng, đều là do giác minh sanh ra. Cái giác minh hư vọng, vọng lập nên có năng, có sở, nên có ra núi sông, đất đai, thế giới tiếp nối, nghiệp quả chúng sanh, các tướng hữu vi, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, tiếp tục chẳng ngừng. Nếu liền ngộ vọng vốn không tự tánh, hiện tại tức là vô sanh, thì còn cái gì thứ lớp đổi dời, cái gì hết rồi lại bắt đầu sanh? Thế là Căn, Trần, Xứ, Giới rõ ràng là một cái Thanh Tịnh bốn nhiên, Như Lai Tạng Tánh vậy.

Tổ Vĩnh Gia nói: “*Ngộ túc nghiệp chướng bốn lai Không. Chưa ngộ đành trả hoàn nợ cũ*”. Lời nói có ý vị biết bao!

Ngài Văn Cư Ứng, tham học tại Tổ Động Sơn, khi làm việc vô ý cuốc chết con trùn.

Tổ Động Sơn nói: “Đồ quý ấy.”

Ngài Ứng nói: “Nó chẳng chết”.

Tổ Sơn nói: “Nhị Tổ đi qua Nghiệp Đô, lại làm sao?”

Ngài Ứng chẳng trả lời.

Sau có vị tăng hỏi Ngài: “Lúc Hòa Thượng ở Tô Động Sơn, về nhân duyên giết chết con trùn, phải chăng Hòa Thượng không có lời đáp?”

Ngài Ứng nói: “Lúc ấy có lời chứ, chỉ là không có người để chứng minh!”

Xem Ngài Văn Cư Ứng, thật là người ở ngoài ba cõi. Nên cái chồ tình và tưởng không tới được, thì nói gì đến tưởng nghiệp quả, chúng sanh!

IV. CHỈ RÕ GIÁC CHẮNG SANH MÊ

Kinh: Ông Phú Lâu Na thưa: “Nếu cái Diệu Giác đó, bản tánh là Diệu Minh, cùng với Tâm Như Lai, không tăng không giảm, mà không có gì bỗng sanh các tướng hữu vi núi, sông, đất đai. Vậy nay Như Lai đã đắc Diệu Giác Minh Không đó, thì lúc nào lại sanh ra núi, sông, đất đai và các tập lậu hữu vi?”

Phật bảo Ông Phú Lâu Na: “Ví như người mê, nơi một xóm làng, làm phương nam làm phương bắc, thì cái mê ấy nhân do mê mà có hay nhân ngộ mà sinh ra?”

Ông Phú Lâu Na thưa: “Người mê như vậy, cũng chẳng nhân mê, cũng chẳng nhân ngộ. Vì sao thế? Cái mê vốn không có gốc gác, làm sao mà nhân mê? Ngộ chẳng sanh ra mê, làm sao mà nhân ngộ?”

Đức Phật nói: “Cái người mê kia, ngay trong lúc mê, bỗng có người ngộ chỉ bày cho khiến tỏ ngộ. Này Phú Lâu Na, ý

ông thế nào? Người ấy đã thả cái mê ra rồi, thì đối nơi xóm làng đó, có còn sanh mê lại không?”

- Bạch Thế Tôn, không”.

- Phú Lâu Na, mười phương Như Lai lại cũng như thế. Cái mê ấy không có gốc gác, tánh nó rốt ráo không. Xưa vốn chẳng có mê, chỉ hình như có mê, có giác. Giác được cái mê, thì mê diệt mà cái giác vốn chẳng sanh mê. Cũng như người lòa mắt, thấy hoa đốm giữa hư không. Bệnh lòa nếu hết, thì hoa đốm ở hư không diệt mất. Bỗng có người ngu, ở chỗ hư không mà hoa đốm kia đã diệt, đợi chờ hoa đốm sanh ra trở lại. Ông xét người đó là ngu hay là trí huệ?”

Ông Phú Lâu Na thưa: “Hư không vốn không có hoa đốm, mà vọng thấy có sanh có diệt. Thấy có hoa diệt mất giữa hư không đã là điên đảo rồi. Lại còn muốn bảo nó sanh ra lại thì thật là điên dại, làm sao mà gọi người điên như vậy là ngu hay là trí.”

Phật dạy: “Ông hiểu như thế, sao lại còn hỏi: “Tánh Diệu Giác Minh Không của Chư Phật Như Lai khi nào lại sanh ra núi, sông, đất đai?” Cũng như quặng vàng lẫn lộn với vàng ròng, một khi vàng đã thành ròng, chẳng trở lại thành do tạp. Như cây đã đốt thành tro, không trở lại thành cây nữa. Bồ Đề, Niết Bàn của chư Phật Như Lai cũng lại như thế.

Thông rằng: Kinh Viên Giác, Bồ Tát Kim Cang Tạng hỏi Đức Thế Tôn rằng: “Nếu chúng sanh xưa nay thành Phật, thì tại sao có hết thấy vô minh? Nếu chúng sanh vốn có vô minh, thì vì nhân duyên gì Như Lai lại nói bốn lai thành Phật? Các

loài dị sanh trong mười phương, vốn thành Phật Đạo, sau lại khởi vô minh, thì tất cả Như Lai khi nào lại sanh ra tất cả phiền não?”

Thế Tôn đáp rằng: “Này trai lành! Hết thảy thế giới thủy chung sanh diệt, trước sau có, không, tụ, tán, khởi, dừng niêm niệm nối nhau, xoay vòng đi lại, đủ thứ năm bồ, đều là luân hồi. Chưa ra khỏi luân hồi mà tìm hiểu Viên Giác thì tánh Viên Giác kia cũng đồng trôi chuyền. Nếu thoát khỏi luân hồi, thì làm gì có chuyện đó!”

Nay chỗ nghi của Ông Phú Lâu Na không khác với Bồ Tát Kim Cang Tạng mà Thế Tôn chỉ tùy theo cái thấy sanh diệt của ông mà phá. Đưa tiếp nhau bốn thí dụ: Thứ nhất là giác chẳng trở lại mê; hai là diệt rồi chẳng sanh trở lại; ba là vàng ròng chẳng trở lại quặng; bốn là tro chẳng thành lại cây. Hai ý sau diễn lại hai ý chánh trước. Giác chẳng trở lại mê, tức là Bồ Đề. Diệt chẳng trở lại sanh, tức là Niết Bàn. Đây là đã ra khỏi luân hồi mà biện hiểu Viên Giác. Tánh Viên Giác ấy tức chẳng có luân hồi, nên nói Bồ Đề, Niết Bàn của Chư Phật Như Lai cũng lại như thế.

Chúng sanh ở trong mê, chỗ cần yếu là phải giác. Nhưng từ xưa vốn không có sự mê, cái mê từ vô thủy, chỉ tương tự như mê. Bởi vì ngay khi mê cũng chưa từng bồ mất, nên nói chỉ tựa hồ như mê. Nay cũng không phải là không có giác. Từ mê mà giác, thì cũng tựa hồ có giác, vì ngay khi giác, thì có đắc gì đâu, nên gọi là tựa hồ như giác. Giác cái mê, thì mê diệt, đó là Thủy Giác. Giác cho đến chỗ Thủy Giác và Bồn Giác

không khác, thì chỉ là một Diệu Giác. Thế là chǎng trở lại sanh mê, chỉ tự chǎng mê, giác cũng thành vô dụng.

Quốc Sư Huệ Trung hỏi quan Cung Phụng Tử Lân rằng:
“Phật là nghĩa gì?”

Lân đáp: “Là nghĩa Giác.”

Ngài nói: “Phật có từng mê không?”

Lân đáp: “Chǎng từng mê.”

Ngài nói: “Thế dùng giác làm gì?”

Ông Lân không đáp được.

Lại Hòa Thượng Mẽ Hò, khiến nhà sư đến hỏi Tô Ngưỡng Sơn: “Người đời nay có mượn sự ngộ không?”

Tô Ngưỡng nói: “Ngộ thì chǎng phải là không, ngặt vì sợi lạc vào đệ nhị đầu!”

Thầy Mẽ Hò rất chịu đó.

Tô Đầu Tử nêu ra rằng: “Ngưỡng Sơn nói với người thì được, nhưng tự mình có khỏi lạc chǎng? Nếu khỏi được, lại có người nhất định chǎng chịu đấy. Nếu không khỏi được, thì cũng lạc vào đệ nhị đầu. Mẽ Hò tuy là chấp nhận đó, nhưng tự mình lại có đường xuất thân hay không? Các ông thử xem coi! Nếu xét ra được, thì cả hai người ngồi vỡ, băng tan! Nếu xét không được, hãy chó gáp gáp!”

Rồi tụng rằng:

“Chót núi cao xanh mượn hỏi người
 Chỉ nơi tốt núi chữa yên thân
 Tuy là khỏi được (tiết) Trùng Dương khiến
 Cũng tự linh miêu chẳng phạm xuân”.
 Về sau, Ngài Thiên Đồng tung rằng:
 “Đệ nhị đầu: phân ngộ phá mê
 Mau hãy buông tay bỏ lười, nôm
 Công chưa xong hết, thành trói buộc
 Trăng già mặt tuyết sương thu khóc
 Chim hàn cây ngọc, gió thê lương
 Đem đến Ngưỡng Sơn phân chân giả
 Tỷ vết tuyệt không, ngọc trắng trong”.

Tóm lại, chẳng có được gió xuân thì hoa không nở, đến khi hoa nở lại thối rụng! Dầu có diệu ngộ, cũng cần mưa bổi!

V. CHỈ CÁC ĐẠI CÓ THỂ TƯƠNG DUNG

Kinh: “Phú Lâu Na, lại chồ ông hỏi: “địa, thủy, hỏa, phong, bản tánh viên dung, toàn khắp thế giới mà nghi sao tánh nước, tánh lửa lại không diệt lại nhau. Ông lại nêu ra hư không và đất đai đều cùng khắp pháp giới, lẽ ra chẳng tương dung.

“Phú Lâu Na, ví như hư không, bản thể chẳng phải là các tướng, nhưng không chống lại các tướng phát huy. Tại sao như thế? Phú Lâu Na, trong hư không kia, mặt trời soi thì sáng, mây tụ thì tối, gió lay thì động, tạnh ráo thì trong, mù đọng thì đục, bụi nổi thì mịt mù, nước lăng thì óng ánh. Ý ông thế nào? Các thứ tướng hữu vi khác nhau như vậy, là nhân các thứ kia

mà sanh, hay nhân hư không mà có? Phú Lâu Na, nếu nhân các thứ kia sanh, thì khi mặt trời chiếu soi, đã là mặt trời sáng, mười phương thế giới đều thành sắc của mặt trời, làm sao ở giữa hư không, lại còn thấy mặt trời tròn? Nếu là hư không sáng, thì hư không phải tự chiếu soi lấy; thế sao giữa đêm hay lúc mây mù, lại chẳng có sáng chiếu? Vậy, nên biết rằng cái sáng đó, chẳng phải là mặt trời, chẳng phải là hư không mà cũng chẳng khác mặt trời và hư không. Xét kỹ các tướng, vốn là hư vọng, không thể chỉ bày, cũng như mong hoa đốm giữa hư không kết thành quả của hư không! Sao lại còn hỏi nghĩa lẩn diệt lẩn nhau? Xét kỹ cái tánh, vốn là chân thật, chỉ là Tánh Giác Diệu Minh, Tâm Tánh Diệu Minh đó vốn chẳng phải là lửa hay nước, thế sao lại còn hỏi chẳng có tương dung?

“Tánh Giác Diệu Minh chân thật thì cũng như vậy. Ông phát minh cái hư không, thì có hư không hiện; phát minh ra mỗi mỗi đất, nước, lửa, gió thì mỗi mỗi hiện. Nếu cùng phát minh thì cùng có hiện.

“Thế nào là cùng có hiện ra? Phú Lâu Na, như trong một chỗ có nước hiện ra bóng mặt trời, hai người cùng xem mặt trời trong nước. Rồi một người đi về phương Đông, một người đi về phương Tây, thì mỗi bên đều có mặt trời đi theo, một cái về phương Đông, một cái về phương Tây, không có mẫu mực nhất định. Chẳng nên hỏi rằng: Mặt trời chỉ có một, tại sao mỗi cái đi theo mỗi người? Mặt trời đã thành hai, vì sao hiện ra chỉ có một? Quanh quẩn hư vọng như vậy, không có gì có thể làm bằng cứ.

Thông rằng: Ở trước, đáp câu hỏi “Thanh tịnh bốn nhiên sao bỗng dung sanh núi sông, đại địa?” Lấy tướng mà luận, thì có sanh là từ vọng thấy mà sanh. Trong tánh mà luận, thì tức là vô sanh, giác chẳng trở lại mê vậy. Tướng nguyên là vọng, có gì mà lấn diệt? Tánh vốn vô sanh, cái gì mà chẳng tương dung? Cho nên bảy đại là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh. Như Lai Tạng vốn chẳng phải là bảy đại, nhưng chẳng ngăn bảy đại kia phát hiện. Ví như hư không, bản thể của nó chẳng phải là các tướng mà chẳng ngăn ngại các tướng kia phát huy. Chỉ một hư không mà đất tích tụ thì tướng của đất hiện ra, nước lấp thì tướng nước hiện ra, mặt trời chiếu thì tướng lửa hiện ra, Gió thổi thì tướng gió hiện ra, trong tĩnh thì tướng hư không hiện ra. Sáng, tối là thuộc về cái thấy, khí đục nén thuộc về cái thức. Bảy ví dụ trên để ví dụ cho bảy đại vậy.

Bảy đại không tự sanh, cũng chẳng phải do cái khác sanh. Chẳng phải cái khác sanh, nên chẳng phải là không hay là có. Chẳng do mặt trời, chẳng do hư không, nên chẳng phải là cọng sanh. Chẳng khác mặt trời và hư không, nên chẳng phải là không nguyên nhân mà sanh. Do đó, nói: vốn vô sanh vậy. Đã vốn vô sanh, thì tùy theo nghiệp mà có hiện, cũng là hoa đốm. Hoa-không nào kết thành trái-không, thì làm sao có chuyện lấn diệt cho đến sự chẳng tương dung? Tướng tuy là hư vọng mà tánh vốn là chân, thanh tịnh toàn khắp, vốn chẳng phải là hình tướng nước, lửa gì đâu. Không hình thì có gì mà ngăn ngại nhau, há lại có sự chẳng tương dung cho đến sự hại diệt lấn nhau sao? Tướng của bảy đại đã như hoa không, tánh của bảy

đại cũng như hư không, thì Như Lai Tạng, Diệu Giác Minh Tâm cũng giống như thế vậy.

Như phát minh ra hư không, thì có hư không hiện. Lấy sự mà nói, thì như đào giếng. Lấy nghiệp mà nói, thì đó là vọng khởi lên cái thấy có hư không. Do cái thấy mà có hư không, đất, nước, lửa, gió cũng là như thế. Mỗi mỗi phát minh, thì mỗi mỗi hiện ra. Nếu cùng phát minh, thì cùng có hiện. Chẳng kể núi Nam nổi mây mà núi Bắc mưa xuống, đều là trong hư không vô ngại. Bèn như mặt trời trong nước, mỗi người đi về mỗi hướng Đông, Tây, đều có mặt trời cùng theo. Chẳng tin vào mặt trời trên không, mà lại nghi ngờ mặt trời trong nước, cũng như mây bay mà tưởng mặt trăng chạy; thuyền đi mà cứ tưởng là bờ trôi! Đã từ vọng thấy mà có sanh ra, thì há có thể ở nơi chỗ thấy hư vọng đó mà biện luận là một hay chăng phải một, thế chăng phải là cái làm quá cõ sao?

Hoặc hỏi rằng: “Đất, nước, lửa, gió hiện có thật trước mắt, sao gọi là hư vọng?”

Đáp rằng: “Người vô trí gọi là thật có. Người có con mắt trí huệ xem thì chăng phải thế! Ví như đứa trẻ con xem thấy bóng trong gương vui mừng muốn chụp lấy. Người lớn hiểu biết, đâu có bị lầm theo. Phàm phu thấy vi trần hòa hợp gọi là đất thực, bậc có thiên nhãn có thể thấy ra sự phân tán của đất này, ở nơi chỗ bắt đầu, vốn bất khả đắc, nên biết hình tướng nguyên là hư vọng”.

Tổ Pháp Nhãn hỏi Trưởng Lão Bảo Tư rằng: “Người xưa nói: Núi sông không cách trở, quang minh chốn chốn thấu suốt. Vậy làm sao là cái quang minh chốn chốn thấu suốt?”

Ngài Bảo Tư nói: “Bờ Đông tiếng đánh lưới!”

Tổ Quy Tông Nhu riêng nói rằng: “Hòa Thượng định cách trở!”

Như chõ hỏi đáp của hai vị Tôn Túc, chẳng có rỉ giọt, mà còn bị Quy Tông xét ra!

Thầy Tam Tạng Đại Nhĩ ở Ấn Độ đến kinh đô, tự nói là có tha tâm thông. Vua Túc Tông mời Quốc Sư Huệ Trung xét thử.

Quốc Sư nói: “Ông hãy nói lão tăng bảy giờ ở tại đâu?”

Vị kia đáp: “Hòa Thượng là thầy của một nước, sao lại đi Tây Xuyên xem đua thuyền!”

Chặp lâu, lại hỏi: “Ông hãy nói lão tăng bảy giờ ở tại nơi đâu?”

Vị Tam Tạng đáp: “Hòa Thượng là thầy của một nước, sao có thể đến cầu Thiên Tân xem hát khi!”

Chặp lâu, lại hỏi: “Ông nói lão tăng ngay bảy giờ ở tại nơi đâu?”

Thầy Tam Tạng chịu, không biết được.

Tổ sư quát rằng: “Con cáo đồng, tha tâm thông ở tại chốn nào?”

Vị kia không đáp được.

Có nhà sư hỏi Tô Ngưỡng Sơn: “Thày Đại Nhĩ Tam Tạng vì sao trong lần thứ ba chẳng thấy được Quốc Sư?”

Tô Ngưỡng nói: “Hai lần trước là cái tâm giao thiệp với cảnh, còn lần sau thì vào Tam muội Tự thọ dụng, nên chẳng thấy!”

Vị tăng thuật lại, và hỏi Tô Huyền Sa.

Tô Huyền Sa nói: “Ông nói hai lần trước thấy cái gì?”

Lại có vị tăng hỏi Tô Triệu Châu: “Trong lần thứ ba, vị Tam Tạng chẳng thấy Quốc Sư, chưa rõ Quốc Sư ở tại chỗ nào?”

Tô châu nói: “Ở trên lỗ mũi Tam Tạng!”

Vị tăng sau lại hỏi Tô Huyền Sa: “Đã ở trên lỗ mũi, tại sao mà chẳng thấy?”

Tô Huyền Sa nói: “Chỉ vì quá gần!”

Tô Thiên Đồng nêu ra rằng: “Tam Tạng không thấy Quốc Sư hãy để đó. Ông hãy xem Quốc Sư có tự biết chỗ không? Nếu nói là tự biết, thì trăm chim ngâm hoa, Chư Thiên cúng dường, chưa có ngày thôi! Hãy nói chính ngay lúc ấy, ở tại chốn nào?”

Thế, có thể biết Quốc Sư hai lần tâm giao thiệp với cảnh, chẳng ngăn ngại mỗi mỗi phát minh thì mỗi mỗi hiện ra. Huống như Diệu Giác Minh Tâm là cái Tam Muội Tự thọ

dụng thì chõ ở làm sao mà biết, sao còn gạn hỏi chuyện lẩn diệt hay chẳng tương dung?

VI. CHỈ TÁNH DIỆU MINH LÀ NHƯ LAI TẠNG, RỜI CẢ HAI NGHĨA “PHI” VÀ “TÚC”

Kinh: “Phú Lâu Na, ông lấy cái sắc, cái không mà lẩn cướp lẩn nhau ở nơi Như Lai Tạng, thì Như Lai Tạng theo ông làm sắc làm không, toàn khắp pháp giới. Vậy nên ở trong đó, gió thì động, hư không thì yên lặng, mặt trời thì sáng, mây thì tối. Chúng sanh mê muội, trái với giác, hợp với trần, nên phát ra trần lao mà có các tướng thế gian.

“Ta thì lấy Tánh Diệu Minh, bất sanh bất diệt, hợp với Như Lai Tạng. Như Lai Tạng đó chính là Tánh Giác Diệu Minh, tròn vẹn chiểu soi pháp giới. Thế nên, ở trong ấy, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, đạo tràng bất động, cùng khắp mười phương thế giới. Thân trùm cả mười phương hư không vô tận, nơi đầu một mảy lông, hiện ra cõi Phật, ngồi trong vi trần, chuyển bánh xe pháp lớn. Diệt trần hợp giác, nên Chân Như Diệu Giác Minh Tánh hiện bày.

Thông rằng: “Chưa ra khỏi luân hồi mà bàn luận Viên Giác, thì tánh Viên Giác cũng cùng trôi lăn. Nếu hết khỏi luân hồi thì làm gì có chuyện đó.” Túc ở đoạn này nói: “Lấy cái tướng của sắc, của không, mà lẩn cướp lẩn nhau để luận Như Lai Tạng thì tánh Như Lai Tạng cũng theo sắc không mà thành tam giới lưu chuyển; như vậy mà muốn khỏi thế gian nhọc mệt thì không thể có. Chúng sanh mê muội, không thoát suốt được

rằng sắc không cùng với vốn là một thể. Vì hình tướng trói buộc nên dụng đâu cũng thành ra trở ngại, chính là vì trái với Tánh Giác, nên vốn là Minh mà chẳng được Diệu, bèn gọi đó là Mê. Trần tướng thuộc về sanh diệt, nguyên chẳng phải vốn có. Tánh Giác tuyệt không sanh diệt, chẳng nhờ ngoài đến. Chẳng phải vốn có, thì có thể diệt; chẳng ở ngoài đến, nên có thể hợp cùng. Đó là Chân Như Diệu Giác, tròn đủ chiếu soi pháp giới, một tức tất cả, tất cả tức một, ngang dọc tự do, sự sự vô ngại. Đây là diệu dụng không thể nghĩ bàn, chẳng phải do tu mà thành, nên tạm nói là hiện bày ra mà thôi vậy.

Luận An Tâm Pháp Môn của Sơ Tổ Đạt Ma nói: Khi mê thì người đuổi theo pháp, khi ngộ thì pháp đuổi theo người. Ngộ thì thức thu nhiếp sắc, mê thì sắc thu nhiếp thức. Hết có tâm phân biệt so đo trong hiện lượng của Tự Tâm, bèn đều là mộng. Nếu thức tâm tịch diệt, không có một chỗ nào cho động niệm, đó gọi là Chánh Giác.

Ngài Thần Tú làm bài kệ:

*“Thân là cây Bồ Đề
Tâm như đài gương sáng
Luôn luôn siêng chùi lau
Chớ để bám bụi trần”.*

Chỉ một cái “Siêng chùi lau” đó, bèn là lấy tâm sanh diệt mà hợp với Như Lai Tạng, nên mới ở ngoài cửa.

Bài kệ của Đức Lục Tổ là:

“Bồ Đề vốn không cây
 Gương sáng chẳng phải dài
 Xưa nay không một vật
 Chỗ nào dính bụi đời?”.

Chỉ cái “Không một vật” này, bèn là lấy chǎng sanh chǎng diệt hợp cùng Như Lai Tạng, hợp nối địa vị Tô vậy.

Tô Triệu Châu thương đường nói: “Như ngọc sáng trong tay, người Hò đến thì người Hò hiện, kẻ Hán đến thì kẻ Hán hiện. Lão tăng cầm một cọng cỏ dùng làm thân vàng trượng sáu (thân Phật). Lấy thân vàng trượng sáu dùng làm một cọng cỏ. Phật là phiền não, phiền não là Phật”.

Có nhà sư hỏi: “Phật là phiền não của nhà nào?”

Tô đáp: “Là phiền não đối với tất cả mọi người.”

Hỏi: “Làm sao được khỏi?”

Tô Triệu Châu nói: “Dùng cái khỏi để làm gì?”

Ở đây, Tô Triệu Châu không dùng cái Diết Trần, không dùng sự Hiệp Giác, lại hay ở trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, đủ để cùng Lục Tô nắm tay cùng đi!

Tô Viên Chiếu thương đường nói: “Nơi đâu một mảy lông, hiện quốc độ Phật, ngồi trong vi trần, chuyển bánh xe pháp lớn”.

Cầm đứng cây gậy lên mà nói: “Cái này đây là trần, làm sao nói là cái đạo lý chuyển pháp luân? Hôm nay sơn tăng chǎng tiếc lông mà, mà nói rõ với các ông: Đưa lên thì nước

biển nỗi sóng, núi Tu Di chập chùng! Bỏ xuống thì bốn biển lặng trong, đất trời nghiêm tĩnh. Xin hỏi các ông: Đưa lên là phải? Bỏ xuống là phải? Nên đoạn hay chẳng đoạn, lưỡng trùng công án!”

Rồi gõ thiền sàng mà xuống toà.

Lại nữa, Ni Sư Diệu Tông thượng đường nói: “Tông thừa một phen xuống lén, thì Ba Tạng hết đường dẫn giải. Tô lệnh thi hành ra, mười phương yên dứt. Hàng Nhị Thừa nghe đến hoảng hồn chạy mất, Thập Địa đến chỗ này vẫn còn như nghi. Nếu là bậc tuân kiệt, thì chưa nói đã rõ. Giả sử có thủ đoạn dời sao, đổi Bắc Đầu, bày bố trương cờ gióng trống thì cũng bỏ công, nào có thật nghĩa! Một đường hướng thượng, ngàn thánh chẳng truyền, người học công, như vượn bắt bóng! Linh Sơn phó chúc, rủ lòng thuận với thời cơ mà diễn nói ba Thừa, mỗi tùy theo cẩn khí. Bắt đầu ở vườn Lộc Uyển, chuyển pháp luân Tứ Đế, độ trăm ngàn vạn chúng.

“Ngày nay, sơn tăng cùng với địa phương nơi này, cũng Phật cũng Tô, sông núi, đất đai, cỏ cây rừng bụi, bốn chúng ngay đây, mỗi mỗi đều chuyển đại pháp luân, ánh sáng giao nhau thành lưới báu. Nếu mỗi một cọng cỏ, mỗi một cội cây không chuyển đại pháp luân thì chẳng gọi được là chuyển pháp luân lớn. Bởi thế mà nói nơi đâu một mảy lông hiện ra cõi nước chư Phật, ngồi nơi một vi trần, chuyển bánh xe pháp lớn. Ở trong thời gian không gian ấy mà làm ra vô lượng vô biên Phật sự rộng lớn, khắp cùng pháp giới, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ. Chẳng

động bước mà dạo chơi lâu các Di Lặc. Chẳng xoay lại cái nghe mà nhập vào cửa mở khắp của Quan Âm. Tình với vô tình, tánh tướng bình đẳng, chẳng phải là *thần thông diệu dụng*, cũng chẳng phải *pháp vốn như thế*”.

Ở chỗ này mà tự do rành rẽ thì ơn vua, ơn Phật tức thời trả hết! Hãy nói như thế nào là một câu trả ơn?

*Trời cao muôn trượng ở,
Biển rộng trăm sông về.*

Các vị Tôn Túc khế hợp sâu xa với cảnh giới Diệu Minh, cực lực tuyên dương, lời lời đều có đạo vị.

Kinh: “Nhưng Như Lai Tặng Bản Diệu Viên Tâm không phải là tâm, không phải là địa, thủy, phong, hỏa; không phải là nhã, nhĩ, tỳ, thiệt, thân, ý; không phải sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không phải nhãn thức giới cho đến không phải là ý thức giới; không phải là minh hay vô minh, không phải hết minh hay hết vô minh, như vậy cho đến không phải là lão, không phải tử, không phải hết lão, tử; không phải là Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không phải Trí, không phải đắc; không phải là bố thí, trì giới, tinh tấn, nhãnh nhục, thiền định, trí huệ; không phải là Ba La Mật Đa, như vậy cho đến cũng không phải là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, không phải Đại Niết Bàn, không phải Thường, không phải Lạc, không phải Ngã, không phải Tịnh; tất cả đều *chẳng phải, chẳng phải* là pháp thế gian hay xuất thế gian.

“Tức Như Lai Tặng Diệu Minh Tâm Nguyên, tức là Tâm, tức là không, tức là địa, thủy, phong, hỏa tức là nhã, nhĩ, tỳ,

thiệt, thân, ý; túc là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; túc là nhãm thức giới cho đến túc là ý thức giới; túc là minh, túc là vô minh, túc là minh và vô minh tận, như thế cho đến túc là lão, túc là tử, túc lão tử tận; túc là Khố, Tập, Diệt, Đạo; túc là Trí, túc là đắc; túc là bố thí, trì giới, tinh tấn, nhãm nhục, thiền định, trí huệ, túc là Ba La Mật Đa. Như thế cho đến túc là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri; túc là Đại Niết Bàn, túc là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, tất cả đều *túc là, túc là* pháp thế gian và xuất thế gian vậy.

“Túc cái Như Lai Tạng Diệu Minh Tâm Nguyên, là *túc là*, là *chẳng phải*, cũng *túc là* cũng *chẳng phải*. Làm sao chúng sanh trong ba cõi và các hàng Thanh Văn, Duyên Giác xuất thế gian, lấy cái tâm có chõ biết mà đo lường Bồ Đề Vô Thượng của Như Lai, hay dùng ngôn ngữ thế gian mà vào Tri Kiến Phật.

Thông rằng: Đoạn kinh này chỉ có Ngài Trưởng Thủy là xếp lại có thứ tự.

Nói rằng: Bản Diệu Viên Tâm không phải là tâm, không phải là không, hết thảy đó, là tóm về *chẳng phải tướng* để hiển bày Chân Đế.

Nói rằng: Nguyên Minh Diệu Tâm túc là tâm, túc là không, hết thảy đó, là tóm về *túc là tướng* để hiển rõ Tục Đế.

Nói rằng: Diệu Minh Tâm Nguyên là *túc là*, là *chẳng phải* cũng *túc là* cũng *chẳng phải*, là tóm về phủ che và soi chiếu để hiển bày Trung Đạo. Phủ che cả chân lẩn túc, nên nói

lìa túc là, lìa chǎng phải. Chiếu soi cả chân và tục, nên nói cũng *túc là* cũng *chǎng phải*.

Ba Đé là một thể, nên đều nói túc là Như Lai Tạng.

Ban đầu, lấy cái *chǎng phải* để dẹp tướng, kế đó lấy *chỗ túc là* để dẹp cái *chǎng phải*, cuối cùng nói rằng còn mang vác danh từ, lời nói thì chưa cùng tột ý chỉ của Nhất Chân. *Lìa túc là lìa chǎng phải*, không cả *chǎng phải* và *không chǎng phải*, ngôn ngữ hết đường, tâm hành tuyệt dấu, mới hiển lộ Nhất Chân pháp giới Như Lai Tạng Tâm. Cho nên, trong kinh Duy Ma Cật, ba mươi một vị Bồ Tát thuyết pháp môn Bát Nhị đều dùng lời nói để dẹp hình tướng, còn Ngài Văn Thủ lấy lời nói để dẹp lời nói. Đức Duy Ma Cật lấy không lời nói mà dẹp lời nói, mới là rốt ráo.

Tất cả pháp thế gian không ra ngoài năm ấm, bảy đại, cǎn, trần, xứ, giới. Pháp xuất thế gian không ra ngoài Thanh Văn, Duyên Giác Nhị Thùa. Chỉ có Bồ Tát với Phật, ở nơi thế mà xuất thế, chǎng có chuyên về xuất thế vậy. Tâm thuộc về thíc, nên thu nhiếp năm ấm, nhän thíc giới v.v... thì thu nhiếp mười hai xứ. Đó là sáu cõi phàm phu vậy. Hàng Duyên Giác quán mười hai nhân duyên, có tướng sanh khởi, có tướng tu trừ, đó là cảnh giới Duyên Giác. Biết cái Khô, đoạn cái Tập, chứng Diệt, tu Đạo, là cảnh giới Thanh Văn. Có Trí, có đắc, cho đến sáu Ba La Mật, là cảnh giới của Bồ Tát. Ba hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri và bốn Đức Niết Bàn, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh đều là Phật Giới. Thế gian và xuất thế gian không ngoài những cảnh giới trên. Nếu nơi mỗi giới mà chấp trước

vào cái *tức* là thì *chẳng* có tròn vẹn, nên phải ở nơi *chẳng phải* mà thấy tròn vẹn. Một khi chấp trước lấy cái *chẳng phải*, thì *chẳng* diệu, nên phải ở nơi *tức* là để thấy cái Diệu. Diệu mà Minh, Minh mà Diệu, *chẳng* phải *tức*, *chẳng* phải *phi*, cũng là *tức*, cũng là *phi*, năng sở đều lìa, không còn chút bóng dáng vang vọng nào khá được, đó là Bồ Đề Vô thượng chân thật vậy.

Ngài Mã Minh nói: “Cái Chân-Thật-Không ấy là từ xưa đến nay không tương ứng với tất cả nhiễm pháp, lìa tất cả pháp và tướng sai biệt, không có một chút tâm phân biệt hư vọng vậy. Nên biết Chân Như *chẳng* phải là có tướng, *chẳng* phải là không có tướng, *chẳng* phải là Hữu-Vô-Tướng, *chẳng* không phải Hữu-Vô-Tướng, *chẳng* phải tướng *khác*, *chẳng* tướng *một* hay *khác*, *chẳng* phải không tướng *một*, *khác*. Nói tóm lại, vì hết thấy chúng sanh có phân biệt hư vọng, nên không thể tiếp xúc được Chân Như. Thế nên, chúng sanh ba cõi thì thấy cái Giả của Chân Như; Thanh Văn, Duyên Giác thì thấy cái Không của Chân Như, nên đối với Trung Đạo Đế của Bồ Tát còn không thể đo lường nổi, huống là Đệ Nhất Nghĩa Đế. Chỉ có Phật cùng với Phật mới có thể thấu suốt rốt ráo. Ngay hàng Đăng Địa Bồ Tát, còn có chỗ *chẳng* thấy, thì há ngôn ngữ thể gian mà có thể suy đoán tăm hơi ư? Vô Thượng Bồ Đề không thể lấy tâm trí mà biết, không thể lấy lời lẽ nói năng mà nhập, càng thâm nhập thì càng thấy chỗ nhiệm màu của nó vậy”.

Có nhà sư hỏi Tô Mã Tô (10): “Hòa Thượng vì sao nói “Tức tâm tức Phật”?”

Đáp: “Đè dỗ trẻ con nín khóc”.

Hỏi: “Nín rồi thì như thế nào?”

Đáp: “Chẳng phải tâm, chẳng Phật”.

Hỏi: “Người ngoài hai loại ấy đến chỉ dạy làm sao?”

Đáp: “Vì y mà nói chẳng phải vật”.

Hỏi: “Bỗng gặp người trong ấy đến thì như thế nào?”

Đáp: “Liền dạy y thế hội đạo lớn”.

Ngài Mã Tồ đã ở trong Niết Bàn Diệu Tâm nên xuất lời, hà hơi đều hợp với tâm đó.

Lại nữa, Đức Mã Tồ nghe Ngài Đại Mai trụ sơn, mới bảo nhà sư đến hỏi: “Hòa Thượng ra mắt Mã đại sư, được cái gì mà trụ núi này?”

Ngài Đại Mai nói: “Đại sư nói với tôi “Tức tâm, tức Phật”. Tôi bèn ở trong ấy mà trụ”.

Nhà sư nói: “Gần đây, Phật Pháp của đại sư lại khác”.
Ngài Mai nói: “Ra sao?”

Đáp: “Đại sư lại nói: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật”.

Ngài Đại Mai nói: “Cái ông già ấy làm mê loạn người chưa có ngày thôi! Mặc kệ ông ta chẳng phải tâm, chẳng phải Phật. Tôi vẫn tức tâm, tức Phật!”

Nhà sư ấy về thua lại với Đức Mã Tồ, Ngài nói: “Trái mơ (Đại Mai) chín rồi vậy”.

Thiền sư Đông Tự Hội thường sợ đệ tử lấy câu “Tức tâm, tức Phật” mà đàm luận, ghi nhớ, đọc tụng không ngừng. Ngài bảo: “Phật trụ chỗ nào mà nói tức tâm? Tâm như ông thầy vĩ, sao nói tức Phật?” Bèn khai thị cho chúng rằng: “Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải Đạo. Gươm mất đã xa rồi, mới khắc dấu vào ghe!”

Tổ Nam Tuyền có lần nói: “Giang Tây Mã Tổ dạy tức tâm tức Phật, Vương Lão sư (là Nam Tuyền) chẳng nói thế! Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, nói như thế thì có lỗi gì chẳng?”

Ngài Triệu Châu lẽ bái rồi bỏ đi ra.

Khi ấy có nhà sư hỏi Tổ Triệu Châu: “Thượng Tọa lẽ bái rồi bỏ đi ra, là ý gì thế?”

Ngài nói: “Ông hãy trở lại hỏi lấy Hòa Thượng”.

Nhà sư bèn hỏi Tổ Nam Tuyền: “Vừa rồi ý của Triệu Thượng Tọa là thế nào?”

Tổ Truyền nói: “Ông ấy lãnh hội được ý chỉ Lão tăng”.

Ở nơi chỗ dụng xứ của các vị Lão Túc mà chẳng có nghi, mới có thể nhập Phật Tri Kiến.

Kinh: “Ví như đòn cầm, sắt, không hâu, tỳ bà tuy là có diệu âm, mà không có ngón tay diệu thì rốt cuộc chẳng phát ra được. Ông và chúng sanh cũng như thế đó. Cái Chân Tâm hằng giác quý báu, mỗi mỗi đều tròn đủ. Như ta ấn ngón tay thì Hải Ân phát ra ánh sáng. Còn các ông vừa tạm khởi tâm,

thì trần lao đã nổi dậy. Do chẳng siêng năng cầu đạo Vô Thượng Giác, ưa nhở Tiểu Thừa được chút ít đã cho là đủ”.

Thông rằng: Diệu Minh, Minh Diệu chính là Diệu Âm này, với cái diệu của ngón tay đều chẳng phải là chỗ nghĩ bàn có thể đến được. Tức là như ta ấn ngón tay, tiếng nhiệm màu theo đó phát ra, như Hải Ân phát sáng, sắc sắc tròn đầy, có gì tạo tác đâu?

Kinh Đại Tập nói: “Toàn thể sắc tượng của cõi Diêm Phù Đề đều là ấn văn của đại hải, nên gọi là Hải Ân”.

Các ông thì vừa mới móng tâm, cũng như đòn với tay chẳng có rập nhau, đã chẳng nghe được nhiệm màu, mà trần lao nổi lên loạn xạ. Chỉ vì dùng cái tâm sanh diệt tương ứng với Như Lai Tạng, không tùy thuận định huệ chiếu soi, mà tùy với vô minh phiền não, nên có trần lao. Trần lao che khuất thì tuy có Chân Tâm Bảo Giác, mỗi mỗi tròn đầy, cũng không thể phát ra được.

Thiền sư Đông Minh Thiên, một hôm đang đọc kinh Lăng Nghiêm, có vị đạo giả tên Trung hỏi : “*Như Ta ấn ngón tay thì Hải Ân phát quang*”, ý Phật như thế nào?”

Ngài nói: “Cái lão Thích Ca, đáng cho hai mươi gậy!”

Hỏi: “Vì sao như thế?”

Đáp: “Dùng ấn ngón tay làm gì?”

Hỏi: “Ông vừa móng tâm, trần lao đã nổi”, lại là sao?”

Đáp: “Đó cũng là Hải Ân phát Quang!”

Kỳ diệu thay, kỳ diệu thay! Phải thấy được như thế mới gọi là chuyển Lăng Nghiêm.

Thiền sư Tiến Phúc Ngộ Bồn thượng đường nói: “Vua Càn Thát Bà vừa tấu nhạc, thì núi sông, đất đai đều nhảy múa. Có đâu như lão què Vân Môn, thoát đạo Hai Mươi Lăm tháng Chạp! Bác Sơn này ngày nay, có *Điều* thì chụp *Điều*, không có *Điều* thì chụp *Lệ*, chỉ cần ứng với thời tiết”.

Bỗng cầm lên cây gậy, gác ngang đầu gối, làm thế gãy đàn, rồi nói: “Có nghe thường thức tiếng đàn chăng?”

Chặp lâu nói rằng: “Dầu cho làm tiếng phụng hoàng kêu. Rốt cuộc có ai hay Chỉ Pháp (pháp của ngón tay)!”. Đánh vào bàn một cái, rồi xuống tòa.

Than ôi, Chỉ Pháp há thật chăng truyền sao? Siêng năng cầu đạo Vô Thượng Giác, tự mình hiện được đó.

CHỈ MÊ VỌNG KHÔNG CÓ NHÂN, HẾT MÊ LÀ BỒ ĐÈ

Kinh: Ông Phú Lâu Na thưa: “Chân Tâm tròn sáng, trong sạch nhiệm mầu của tôi và của Như Lai, đều tròn đầy không hai, thế mà tôi từ xưa mắc lấy vọng tưởng, ở lâu trong luân hồi nay được Thánh Thừa, còn chưa rót ráo. Thế Tôn thì các vọng đều diệt sạch, độc chỉ một Chân Thường mầu nhiệm. Xin hỏi Như Lai, tất cả chúng sanh nhân gì mà có vọng, tự mình che lấp tánh Diệu Minh, phải chịu sự trôi chìm này?”

Phật bảo ông Phú Lâu Na: “Ông tuy trừ được nghi ngờ, mà các điều làm còn sót lại chưa dứt hết. Nay ta lại lấy những việc thế gian trước mắt mà hỏi ông. Ông há chẳng có nghe trong thành Thất La Phiệt, có anh Diễn Nhã Đạt Đa vào buổi sáng lấy cái gương soi mặt, bỗng ưa cái đầu trong gương và mày mặt có thể thấy được, rồi nỗi giận trách cái đầu của mình sao không thấy mặt mày, cho là loài yêu quái, rồi không vì có gì phát điên lên bỏ chạy. Ý ông thế nào? Người ấy vì nguyên nhân nào mà khi không phát điên bỏ chạy?”.

Ông Phú Lâu Na thưa: “Tâm người ấy điên cuồng, chứ không có lý do nào khác”.

Đức Phật nói: “Tánh Diệu Giác tròn đầy vốn sáng suốt, nhiệm màu tròn khắp. Đã gọi là vọng thì làm sao có nhân, nếu có nguyên nhân thì sao gọi là vọng? Chỉ tự các vọng tưởng xoay vần làm nhân cho nhau, từ cái mê mà tích chứa thêm mê, trải qua vô số kiếp nhiều như bụi. Tuy Phật chỉ rõ ra, còn chưa thể trở lại. Như thế, nguyên nhân của mê chỉ là nhân mê mà tự có. Tỉnh ngộ cái mê ấy vốn không có nguyên nhân, vọng nào còn có chỗ nương dựa? Còn không có chỗ sanh ra, muốn diệt cái gì?

“Người được Bồ Đề như người tỉnh giấc, kể lại chuyện trong chiêm bao, tâm dù rõ ràng nhưng đâu còn nhân duyên nào nữa để cầm được vật trong mộng? Huống là cái mê thấy mọi sự hiện giờ chẳng có nguyên nhân ở đâu cả, vốn không chỗ có! Như anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa (12) trong thành kia nào có nhân duyên gì, bỗng tự sợ cái đầu mình rồi bỏ chạy. Tự

nhiên hết điên, thì cái đầu đâu phải từ ở ngoài mà có được. Đầu chưa hết cuồng, cái đầu kia cũng có khi nào mất.

“Phú Lâu Na, bản tánh của vọng là như vậy đó, đâu có nguyên nhân gì mà có?

“Ông chỉ không tùy theo phân biệt các thế gian, nghiệp quả và chúng sanh, ba thứ tương tục đó. Ba Duyên ấy đã đoạn, thì ba nhân cũng chẳng sanh, liền trong tâm ông cái điên cuồng của chàng Diễn Nhã Đạt Đa tự hết. Hết đó tức là Bồ Đề, cái tâm tuyệt vời trong sạch sáng suốt, vốn khắp cùng pháp giới, không do đâu mà được, nào phải nhọc nhằn khẩn thiết tu chứng gì đâu”.

Thông rằng: Ông Phú Lâu Na đã chứng *Hết Lại*, đã được Thánh Quả, sao lại còn các điều mê lầm còn sót chưa hết dứt? Chỉ vì trước kia có dụng công diệt trừ vọng tưởng, nghĩa là cái tâm diệt trừ vọng tưởng này chính là cái giác minh phân biệt sơ cái đầu của mình mà phát điên bỏ chạy! Diệt vọng cầu chân, có cái chân để đắc thì cũng như nhìn cái đầu trong gương, mà mắt thấy được. Chân nào có mắt bao giờ, nhưng khó nỗi đo lường, cũng như cái đầu vốn chẳng hề mất mà mắt may khó thấy. Một khi sanh phân biệt đây là chúng sanh, đây là nghiệp quả rồi cho là khác với Chân Như của ta. Thế đâu có được Chân Như, do đoạn trừ vọng mà chứng đắc, cũng chẳng phải là Tự Tánh Thiên Chân Phật xưa nay vậy. Ông Phú Lâu Na chưa thấu rõ chỗ này, nên cho rằng vọng đã có thể diệt, thì vọng sanh ắt phải có nguyên nhân, cần biết cái nguyên nhân của nó, mới đoạn trừ được.

Ở đoạn trước đã nói: nhân Minh mà lập Sở, chính bởi vì thế mà vọng sanh ra. Thế ấy cũng là phân biệt, chính thật là vọng!

Đức Thé Tôn chỉ thăng Đốn Môn, chẳng cần diệt vọng, chỉ ngưng đi *phân biệt*, thì Bồ Đề tự sẵn đủ. Chỉ thôi chạy điên, thì cái đầu xưa vẫn y nguyên ra đó!

Sở dĩ vọng phân biệt, vọng chạy điên, là vì tích chứa mê lầm mà có. Cái mê vốn chẳng nhân đâu mà có, không từ mê mà sanh ra, không từ ngộ đến. Mê đã không gốc gác gì, thì vọng nương đâu mà có? Vọng thật không chồ nương, vọng vốn chẳng sanh vậy. Vọng nguyên là chẳng sanh, không đâu mà có thể diệt. Diệt mà không đâu có thể diệt, đó là Tịch Diệt hiện tiền.

Tánh Diệu Giác tròn sáng, vốn sáng suốt nhiệm màu tròn khắp, nguyên là không có chuyện sanh diệt, tuyệt không có mảy mún vọng nào cả. Trong Bồ Đề, tìm cái Chân còn không thể được, thì từ chồ nào kiểm được cái vọng ư?

Cho nên, không tùy thuận theo phân biệt nơi chồ sanh ra của ba thứ tương tục cùng cái nhân duyên đoạn trừ để cho khỏi sanh ra, tức thì một tâm niệm chẳng sanh, vạn pháp nào có lỗi? Đó là cái Bồ Đề tuyệt trần trong sạch, nào mượn sức người tu chứng để được ư? Ba Duyên tịch diệt, ba nhân chẳng sanh, ở ngay trong đó mà tự thành Diệt Tận định.

Ông Phú Lâu Na đều thường khởi ra các sự phân biệt, cho là Bồ Đề do tu chứng mà được. Chỉ cần đừng phân biệt rồi rắn như vậy, thì không có vọng nào để khá diệt, không có

chân nào khá đặc, bèn là thanh tịnh bốn nhiên, toàn khắp pháp giới. Nếu nói Như Lai Độc Diệu Chân Thường, là do cả thảy đều trọn dứt diệt mà chúng được, thì chưa thấy chỗ diệu kỳ của Như Lai vậy.

Có nhà sư hỏi Tô Hoàng Bá: “Như nay hiện có đủ thứ vọng niệm, vì sao lại nói không?”

Tô Hoàng Bá nói: “Vọng vốn không có tự thể, chỉ là nơi tâm của ông khởi lên. Như ông biết tâm nguyên là Phật, tâm vốn chẳng có vọng, thì tâm nào có khởi, luống lại đi nhận vọng ư? Như ông chẳng sanh tâm động niệm, thì tự nhiên chẳng có vọng nào cả. Do đó mới nói: tâm sanh thì thấy thấy pháp sanh, tâm diệt thì thấy thấy pháp diệt.”

Nhà sư hỏi: “Nay ngay lúc vọng niệm khởi, thì Phật tại chỗ nào?”

Tô Bá nói: “Nay ngay khi ông tỏ ra biết vọng niệm khởi lên, thì cái tỏ biết đó chính là Phật. Còn trong ấy mà không có vọng niệm, thì Phật cũng không. Vì sao như thế? Vì ông khởi tâm làm nên cái thấy Phật, bèn là có Phật để thành. Làm nên cái thấy có chúng sanh, bèn là có chúng sanh để độ. Khởi tâm động niệm đều là chỗ thấy của ông. Nếu không có tất cả mọi cái thấy thì Phật có ở chốn nào? Như Ngài Văn Thủ vừa khởi lên cái Phật Kiến, liền bị hai ngọn núi Thiết Vi đè!

Nhà sư hỏi: “Nay chính lúc tỏ ngộ, Phật ở tại chốn nào?”

Tô Bá đáp: “Cái hỏi đó từ đâu mà lại? Cái giác đó từ đâu mà khởi lên? Nói, nín, động, tịnh, cả thấy thanh sắc, toàn là

Phật sự, chỗ nào tìm Phật? Chẳng thể trên đâu lại chồng thêm cái đâu, trên miệng để thêm cái miệng! Chỉ đừng sanh dị kiến, thì núi là núi, nước là nước, tăng là tăng, tục là tục. Núi sông đại địa, nhật nguyệt tinh tú đều chẳng ra ngoài tâm ông. Tam thiên thế giới đều là tự kỷ của ông. Chỗ nào mà có lầm thứ? Ngoài tâm không pháp, ngập mắt núi xanh, thế giới, hư không, xứ xứ sáng rõ, không một mảy to để ông chen vào kiến giải. Thế nên, tất cả thanh sắc là con mắt huệ của Phật. Pháp chẳng khởi lên một mình, nương cảnh mới có sanh, vì có vật mà có nên nhiều trí. Suốt ngày nói mà nào từng nói. Suốt ngày nghe mà nào từng nghe. Như thế nên Đức Thích Ca bốn mươi chín năm thuyết pháp mà chưa hề nói ra một chữ”.

Nhà sư hỏi: “Nếu như thế, chỗ nào là Bồ Đề?”

Tô Bá nói: “Bồ Đề không là chỗ nào hết. Phật cũng chẳng đắc Bồ Đề, chúng sanh chẳng mất Bồ Đề. Không thể lấy thân mà được đó, không thể lấy Tâm mà cầu đó. Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ Đề”.

Nhà sư hỏi: “Như thế nào phát Bồ Đề Tâm?”

Tô Bá nói: “Bồ Đề là không chỗ đắc. Nay ông chỉ phát tâm Vô Sở Đắc, quyết định không có một pháp nào để đắc, tức là Bồ Đề Tâm. Bồ Đề không có chỗ sanh ra, cho nên không có chuyện đắc. Thế nên nói rằng: “Ta ở chỗ Phật Nhiên Đăng, không có chút pháp nào có thể đắc, Phật bèn thọ ký cho Ta”. Phải rõ ràng, tất cả chúng sanh vốn là Bồ Đề, không lẽ trở lại đắc ư? Giờ đây ông hỏi phát Bồ Đề Tâm, muốn đem một cái tâm mà học lấy Phật Đạo. Chỉ nghĩ định làm Phật Đạo thôi, thì

mặc cho ông tu ba a tăng tỳ kiếp cũng chỉ định được cái Báo Thân, Hóa Thân Phật. Thế thì đối với cái Chân Tánh Phật bốn nguyên của ông có giao thiệp gì? Nên nói: Cầu bên ngoài ông Phật có hình tướng, thì có giống gì ông đâu?”

Lại Tố Lâm Tế nói rằng: “Chư vị học đạo ở các nơi nói có đạo để tu, có Pháp để chứng. Các ông thử nói xem chứng pháp gì, tu đạo gì? Hiện giờ đây chỗ dùng của các ông có thiếu hụt cái gì đâu? Sửa sang thêm thắt chỗ nào? Các ông thầy trẻ tuổi hậu sinh không hiểu, liền tin ngay đám cáo chồn tinh mị đó, để cho họ bày chuyện trói buộc người khác.

“Họ nói: Hình tướng đạo lý là do giữ gìn, mến tiếc ba nghiệp mới được thành Phật.

“Nói như vậy thì chỉ như mưa bụi mùa Xuân.

“Cố nhân nói: “Trên đường gặp người đạt đạo, thứ nhất là chẳng hướng về đạo’.

“Do đó mà nói:

*“Nếu người tu đạo, đạo chẳng hành
Muôn ngàn tà cảnh lại đua sanh
Gươm trí đưa ra không một vật
Cái sáng chưa bày, tối đã minh!”.*

“Bởi thế, cố nhân nói “Bình thường tâm là đạo”. Đại đức tìm kiếm cái gì? Ngay bây giờ đây, cái trước mắt nghe pháp là đạo nhân không chỗ nương (13), khắp chốn rõ ràng phân minh, chưa từng thiếu hụt. Các ông như muốn cùng Phật, Tố chẳng khác, chỉ như thế mà thấy, chẳng khởi nghi lầm. Như

các ông tâm tâm chǎng khác, thì gọi là Tồ. Tâm mà có chút sai khác đi: tánh, tướng liền khác nhau. Tâm như như chǎng khác, thì tâm và tướng không hai”.

Lại có nhà sư hỏi thiền sư Tiên Phúc Tư rằng: “Điện xưa không có Phật thì như thế nào?”

Tồ Tư nói: “Phạm âm ở đâu tới?”

Lại hỏi: “Chǎng mượn tu chứng, làm sao đắc thành?”

Tồ Tư nói: “Tu chứng tức chǎng thành”.

Chỗ Thầy của các vị Tôn Túc, mỗi mỗi đều suốt hợp với ý chỉ “Nào phải nhọc nhằn, ráo riết tu chứng gì đâu?” Đây tức là Niết Bàn Diệu Tâm, Chánh Pháp Nhãm Tạng, nào phải chờ đến chuyện Linh Sơn đưa lên cành hoa, Ngài Ca Diếp mỉm cười, rồi sau mới gọi là “biệt truyền tâm ấn” ư?

Kinh: “Ví như có người ở trong áo mình buộc một hạt Châu Như Ý mà không hay biết; nên phải xin ăn lưu lạc phương xa, nghèo nàn gầy ốm. Tuy bần cùng hết sức nhưng hạt châu không hề mất. Bỗng dung có người trí chỉ bày cho hạt châu, liền muốn gì có nấy, thành giàu có lớn, mới hay hạt Thần Châu chǎng phải do ở ngoài mà được.

Thông rằng: Kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm chỉ thảng tâm người, thấy tánh thành Phật đều lấy hạt châu trong áo làm ví dụ. Như Lai Tạng Tánh, bị năm Âm che đầy, như hạt châu buộc trong áo, nên không dễ thấy được. Hướng ra ngoài chạy kiém thì mỗi ngày đều thấy chǎng đủ, nghèo ốm ở phương xa, chạy cuồng chín cõi. Cầu cái vui của trời, người, giữ riêng cái

lợi ích nhỏ nhen, thì cũng còn là rong ruổi ăn xin. Còn như được bốn tâm, thì đầy đủ dư dật. Hạt châu tên Như Ý, muốn gì được nấy. *Nào ngờ tự tánh vốn tự săn đủ! Nào ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp!* (Lục Tổ khi ngộ đạo) Nên diệu dụng chẳng hề thiếu hụt, thành giàu có vô biên. Một hạt Thần Châu này, mê cũng chưa từng mất, ngộ cũng chẳng từng được. Chỉ được người trí chỉ cho, bèn tự thọ dụng không cùng, nào mượn chỗ tu chứng ư?

Một hôm, Đức Thế Tôn đưa ra một viên ngọc ma ni tùy sắc, rồi hỏi các vị Thiên Vương của năm phương rằng: “Viên ngọc này màu gì?”

Các vị Thiên Vương mỗi người nói mỗi màu khác nhau. Thế Tôn cất viên ngọc vào tay áo, rồi đưa tay lên hỏi: “Viên ngọc này có màu gì?”

Các vị Thiên Vương thưa: “Trong tay Phật không có châu, lấy chỗ nào có màu?”

Đức Thế Tôn than rằng: “Các ông sao mê mờ đên đảo lầm thế! Ta lấy hạt châu của thế gian đưa ra thì mỗi ông đều tranh nhau nói màu xanh, vàng, trắng, đỏ... Còn ta đưa hạt châu thật ra chỉ cho, lại rốt cuộc chẳng hay biết!”

Khi ấy, các vị Thiên Vương năm phương đều ngộ đạo.

Ngài Đại Châu, ban đầu ra mắt Đức Mã Tổ.

Tổ hỏi: “Từ đâu đến?”

Đáp rằng: “Ở chùa Đại Vân tại Việt Châu đến”.

Tổ nói: “Đến đây định có chuyện gì?”

Đáp: “Thưa, đến cầu Phật Pháp”.

Tổ đáp: “Kho báu nhà mình thì chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy rông làm chi? Ta, trong ấy một vật cũng không, ông cầu Phật Pháp nào?”

Ngài bèn làm lễ rồi hỏi: “Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải (Đại Châu)?”

Đức Mã Tổ nói: “Tức nay đang hỏi ta là cái đó. Kho báu của ông, hết thảy hiện thành, tuyệt không thiếu hụt, liền dùng tự tại, nào phải hướng ngoài tìm kiếm”.

Ngài Đại Châu ngay dưới lời nói tự rõ bốn tâm, chẳng do hiểu biết, vui mừng lễ tạ, hầu Tổ trong sáu năm. Về sau, viết cuốn “Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn Luận”. Tổ xem rồi bảo với đại chúng: “Ở Việt Châu có viên ngọc lớn (Đại Châu), tròn sáng trong suốt, tự tại không gì ngăn ngại”.

Ngài Ngưỡng Sơn tham lễ thiền sư Đông Tự Hội.

Thiền sư hỏi: “Ông là người xứ nào?”

Ngài Ngưỡng đáp: “Người Quảng Nam”.

Thiền sư Hội nói: “Tôi nghe ở Quảng Nam có viên minh châu trấn biển, có đúng không?”

Ngài Ngưỡng đáp: “Thưa, phải”.

Tổ Hội nói: “Châu ấy như thế nào?”

Ngài Ngưỡng nói: “Không trăng thì ẩn, có trăng thì hiện”.

Tô Hội: “Có đem đến được không?”

Ngài Ngưỡng: “Đem đến được”.

Tô Hội: “Sao chẳng trình ra với lão tăng?”

Ngài Ngưỡng Sơn khoanh tay bước tới, nói: “Hôm qua đến Qui Sơn cũng bị đói hạt chau áy! Nay áy không có lời đê đói đáp, chẳng có lý lẽ nào đê đưa ra!”

Tô Hội nói: “Thật là sư tử con khéo hay gầm rống!”

Trăm, ngàn năm về sau, nhờ có các vị Tôn Túc hộ trì được hạt thần chau, chẳng do ngoài mà được, thì càng tin lời Phật chẳng có sai lầm.

VII. LẠI PHÁ XÍCH NHÂN DUYÊN, TỰ NHIÊN

A. XUẨN NAY KHÔNG VỌNG

Kinh: Khi áy Ông Anan ở trong đại chúng, đánh lẽ chân Phật rồi đứng dậy thưa rằng: “Đức Thế Tôn hiện nói về các nghiệp sát, đạo, dâm. Ba duyên đã đoạn, nên ba nhân chẳng sanh. Tánh điên trong tâm chàng Nhã Đa tự hết, hết tức là Bồ Đề, chẳng từ ai mà được. Đây là nhân duyên rồi, thật là rõ ràng, tại sao Như Lai lại bỏ đi nghĩa nhân duyên? Chính tôi từ nhân duyên mà tâm được khai ngộ.

“Bạch Thế Tôn! Nghĩa áy đâu chỉ đối với hàng Thanh Văn Hữu Học tuổi nhỏ như chúng tôi, mà nay trong hội này, Ông Đại Mục Kiền Liên, cùng Xá Lợi Phất, Tu Bồ Đề đều từ

Ông lão Phạm Chí nghe được lý nhân duyên của Phật mà phát tâm khai ngộ, được thành vô lậu. Nay nhờ Phật dạy rằng Bồ Đề chẳng do nhân duyên, thì các thuyết tự nhiên của nhóm Câu Xá Ly thành Vương Xá lại thành Đệ Nhất Nghĩa! Xin Phật rủ lòng từ bi, khai mở cho sự mê lầm”.

Thông rằng: Đức Thế Tôn dạy: “Ba duyên dứt lìa, nên ba nhân chẳng sanh”, chính là dạy nhóm Ông Phú Lâu Na chẳng tùy theo phân biệt các pháp ba thứ nhân duyên đoạn diệt nối nhau, thì tánh cuồng điên tự hết, Bồ Đề hiện tiền. Đó là Đức Phật chẳng muốn họ lấy cái tâm sanh diệt mà hợp với Như Lai Tạng, riêng mở ra một pháp môn Đốn Ngộ. Nghĩa là lấy sự đoạn trừ nhân duyên mà được cái bất sanh bất diệt còn chẳng cho phép thay, huống là lại có nhân duyên sao?

Ông Anan, một bè đa văn, quen theo cái biết nhân duyên và tự nhiên phá hoại lẫn nhau, rồi hiểu lầm rằng ba duyên đoạn dứt, ba nhân chẳng sanh, nghĩa là theo trong Tiểu Thừa, ba nghiệp Sát, Đạo, Dâm chẳng có duyên theo thì ba nhân Tham, Sân, Si chẳng sanh ra. Nếu có nhân duyên thì có đối đai, rõ ràng thế kia, sao có thể nói là không có nhân duyên? Ngay như Ông Đại Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất gấp được Tỳ kheo Mã Thắng dạy cho “Các Pháp theo nhân duyên mà sanh, các pháp theo nhân duyên mà diệt”, ngay dưới lời nói chứng Sơ Quả, thế là do nhân duyên mà khai ngộ. Các Trưởng Lão cũng đều như thế. Nay Phật bỏ lý nhân duyên, thì hóa ra nhóm Mạt Già Lê, Câu Xá Ly nói rằng “Chúng sanh tuy có sướng khổ, nhưng không có nhân duyên, chỉ tự nhiên như vậy thôi”, thì có gì khác đâu? Há chẳng biết rằng nghe lý nhân duyên của Phật,

được thành vô lậu, thì chõ nói “Theo duyên mà sanh, theo duyên mà diệt” là đã ngộ thấy cái yếu chỉ Vô Sanh. Cái sanh diệt kia, đều là duyên đó vậy, cho nên, đắc vô lậu, há lại vướng mắc ở nhân duyên ư?

Thị giả Hội Thông của Tô Ô Sào một ngày kia muốn từ giã mà đi.

Tô Sào nói: “Nay ông đi đâu?”

Đáp: “Hội Thông này vì Pháp mà xuất gia, Hòa Thượng chẳng rủ lòng từ dạy bảo, nên nay đi các nơi để học Phật Pháp”.

Tô Sào nói: “Nếu là Phật Pháp thì ở đây ta cũng có chút ít”.

Hỏi: “Như thế nào là Phật Pháp của Hòa Thượng?”

Tô Ô Sào liền rút ra một sợi lông bồ, đưa lên mà thổi.

Thầy Hội Thông bèn lãnh ngộ.

Ngài Phân Dương tụng rằng:

*“Sơ tâm thị giả mô thăng duyên
Biệt thầy định trải học tham thiền
Ô Sào biết đây, cơ duyên đến
Thổi lông, ngay đó được tâm an”.*

Như cái cơ duyên này, há cũng nói là Nhân Duyên ư!

Kinh: Phật bảo Ông Anan: “Như Anh Diễn Nhã Đạt Đa ở trong thành, cái nhân duyên tánh cuồng mà diệt trừ được, thì

cái tánh không cuồng tự nhiên hiện ra. Các lý lẽ nhân duyên, tự nhiên rốt cuộc chỉ là như vậy.

“Anan, Anh DiỄn Nhã Đạt Đa cái đầu vốn là tự nhiên, vốn tự như thế, có khi nào mà không tự nhiên đâu, thì vì nhân duyên gì mà sợ cái đầu để phát điên cuồng bỏ chạy? Nếu cái đầu là tự nhiên, vì nhân duyên mà điên thì sao không cứ tự nhiên, vì nhân duyên mà mất? Cái đầu vốn không mất, mà sự điên cuồng sợ hãi vọng có ra, chứ nào có bao giờ thay đổi gì, thì nào phải cần đến nhân duyên. Nếu tính điên vốn là tự nhiên, vốn có sẵn sự điên rõ sợ hãi như vậy, thì khi chưa điên, cái điên ấy núp trốn chỗ nào? Nếu tính không điên là tự nhiên, thì cái đầu cũng vẫn tự nhiên, sao lại điên cuồng bỏ chạy? Nếu ngộ cái đầu vốn sẵn như thế, biết sự phát điên bỏ chạy của mình, thì nhân duyên và tự nhiên đều là hý luận.

Thông rǎng: Nếu nói nhân duyên đoạn diệt rồi sau đó Chân Tánh Bồ Đề tự nhiên hiện ra, thì chẳng phải là chánh luận. Chuyện Anh DiỄn Nhã Đạt Đa sợ đầu bỏ chạy mà xét cho cùng, thì chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên, dứt khoát rõ ràng vậy. Trước tiên, lấy cái đầu mà luận, thì cái đầu vốn tự nhiên, chắc không thể vì nhân duyên mà bị đoạt mất. Thế sao vì nhân duyên soi gương mà phát cuồng? Đã cho nhân duyên là đúng, thì tự nhiên không còn đứng vững, thế thì tại sao không do nhân duyên mà thật mất cái đầu? Nhưng cái đầu vốn chẳng mất, anh chàng kia tự cuồng mà chạy, thì cái cuồng này vốn hư vọng có ra, thì rõ ràng chẳng có liên quan gì đến chuyện nhân duyên vậy. Đã chẳng từ nhân duyên mà sanh,

cũng chẳng theo nhân duyên mà diệt, mà nói nhân duyên tánh cuồng có thể diệt trừ được, là hoàn toàn sai lầm vậy.

Lấy tánh cuồng mà luận, nếu tánh cuồng vốn là tự nhiên thì nó núp trốn ở đâu? Còn tánh không cuồng là tự nhiên thì tại sao điên chạy? Cuồng hoặc không cuồng đều không có tự tánh, chẳng có liên quan gì đến lý tự nhiên, thật là rõ ràng như vậy. Đã chẳng phải là tự nhiên núp ẩn, cũng chẳng phải tự nhiên có ra, nên nói tánh không cuồng tự nhiên hiện ra là sai lầm vậy. Thế nên biết rằng, nói nhân duyên, nói tự nhiên nào có dính dáng gì với cái đầu? Nói vốn là cuồng, nói vốn là không cuồng, thì nào có xong hết chuyện tánh cuồng? Những thứ ấy đều thuộc về hý luận, chẳng có gì chân thật.

Chỉ cần ngộ được cái đầu xưa nay vốn có sẵn, vốn không hề mất. Biết rõ sự phát điên bỏ chạy, thì điên vốn hụt hụt mà có ra. Chỉ một chữ ngộ này, chỉ một chữ biết này, tức là sự thọ dụng chân thật của nhà mình, chẳng có lời lẽ nói năng nào đến được nỗi. Ngộ cái đầu, tức là ngộ Bản Lai Diện Mục, nào có chút gì đổi khác. Biết cuồng, tức là biết sự vọng sanh ra phân biệt mà chạy điên trong chín cõi. Cái ngộ ấy, cái biết ấy, như tia chớp, như lửa xẹt ra từ đá, trong khoảng sát na, há là cái chõ đứng được của các thứ nhân duyên, tự nhiên sao? Thế nên, nói rằng “Hết tức Bồ Đề, không do ai mà được, xa lìa các thứ nhân duyên và tự nhiên” là thế.

Thiền sư Trí Nham ở núi Nguru Đầu, đời Đại Nghiệp nhà Tùy làm chức Lang tướng, lập nhiều chiến công. Đến đời Vũ Đức nhà Đường, bốn mươi tuổi bèn xin xuất gia, theo học

thiền sư Bảo Nguyệt. Có hai người bạn trước ở trong quân đội nghe Ngài ẩn tu, mới vào núi tìm Ngài. Gặp gỡ, mới hỏi rằng: “Lang tướng quân điên sao, ở chốn này làm gì?”

Ngài đáp: “Cái điên của tôi thì sắp tỉnh, cái điên của các ông thì đang phát! Than ôi! Ham sắc mê thanh, tham danh muôn lợi, trôi lăn sanh tử, từ đâu mà có!”

Hai người cảm ngộ, than thở mà đi.

Sau, Ngài tham yết thiền sư Lại Dung, phát minh được đại sự. Tô Lại Dung bảo rằng: “Ta lãnh nhận yếu quyết chân chánh của đại sư Đạo Tín, chỗ sở đắc đều mất sạch. Nếu như có một pháp vượt hơn Niết Bàn, ta cũng nói như là mộng huyễn. Ôi! Một mảy bụi bay mà che trời! Một hạt cải rơi mà trùm đất! Ông nay đã trải qua cái thấy ấy, ta lại còn gì nói nữa”.

Bởi thế, hết điên thì như Ngài Trí Nham, có thể nói là Chân Ngộ vậy.

B. ĐƯA VÀO BỒ ĐỀ

Kinh: “Thế, nên Ta nói: “Ba duyên lìa dứt, tức là tâm Bồ Đề. Tâm Bồ Đề sanh, tâm sanh-diệt diệt, đó cũng chỉ là sanh diệt. Diệt và sanh đều hết ráo, là vô công dụng đạo. Nếu có tự nhiên, như vậy là nói tâm tự nhiên sanh, tâm sanh-diệt diệt, thế cũng là sanh diệt, và cái không sanh diệt thì gọi là tự nhiên. Cũng như thế gian, những tướng hòa lẫn thành một thế gọi là tính hòa hiệp, còn cái chẳng hòa hiệp thì gọi là tính bản nhiên. Bản nhiên chẳng phải bản nhiên, hòa hợp chẳng phải hòa hợp,

hòa hợp và bản nhiên đều lìa. Lìa và không lìa đều chẳng phải. Câu nói ấy mới gọi là pháp không hý luận.

“Bồ Đề Niết Bàn còn ở xa lăm, nếu ông không trải qua nhiều kiếp siêng năng tu chứng thì tuy có ghi nhớ thanh tịnh diệu lý mười hai bộ kinh của mười phương Như Lai như cát sông Hằng cũng chỉ tăng thêm hý luận.

Thông rằng: Đoạn này giải bày rõ cái ý “*Nào nhὸ siêng năng cần khổ tu chứng*”. Bỗng nhiên cuồng hết chẳng phải khó nhọc đoạn trừ duyên, nên không phải là nhân duyên. Nếu nói: “Vì ba duyên đoạn dứt, thì ba nhân chẳng có sanh ra, nhờ nhân duyên đó mà được tâm Bồ Đề”, thế là tâm Bồ Đề sanh là do tâm sanh-diệt diệt. Diệt vọng chứng chân thì chân cũng thành vọng, đó cũng chỉ là pháp sanh diệt thôi, chẳng phải là Bồ Đề. Cái nhân duyên như vậy thuộc về sanh diệt, nên cũng dẽ hết.

Đến chỗ diệt và sanh đều hết ráo, thì không những tâm sanh diệt hết mà cái diệt sanh diệt cũng hết tận. Đã không có sự sanh ra để diệt, tức là không có công phu nào để dùng. Ở trong đó nếu có cái bất sanh bất diệt mà gọi là tự nhiên, thì cái tâm tự nhiên này do nơi diệt và sanh đều hết mà hiển ra, đó là cái tâm tự nhiên sanh. Nhưng nhờ ở tâm sanh-diệt diệt mất mà có thì cũng là pháp sanh diệt, chẳng phải là Bồ Đề. Chữ “*cũng*” thật có ý vị! Cái không sanh diệt kia gọi là tự nhiên, sao cũng gọi là sanh diệt? Vì đối với cái sanh diệt mà hiển bày cái không sanh diệt, thế là có đối đãi vậy. Cũng như đối với hòa hợp mà hiển bày cái không hòa hợp. Có cái bản nhiên thì

có cái không bản nhiên, có cái hòa hợp thì có cái không hòa hợp, rõ ràng toàn là đối đai. Cũng như đối với sừng trâu có, rồi nói sừng thỏ không, nên cũng thuộc về sanh diệt. Cái kia chỉ làm không cái sanh diệt, chẳng có thể làm không cái tự nhiên. Cũng như nói “Nhà kia *không* có người”, thì mới chỉ làm “*không*” người ở trong đó, chứ chưa “*không*” được cái nhà. Đó không phải là cái thấy chân thật. Nên nói là hý luận.

Nếu giờ đây mà hợp với không hợp, bản nhiên với không bản nhiên, các pháp đối đai, hết thấy đều xa lìa mà cũng không có cái tâm xa lìa, nên lìa hay hợp đều mất hết. Đã lìa sở, lại lìa nǎng; nǎng sở đều lìa, chỉ là một Chân Thật, câu này mới gọi là pháp không hý luận.

Nhưng nếu y theo câu này mà giữ Bồ Đề Niết Bàn Vô Thượng, thì cũng còn xa lăm! Vì sao thế? Vì còn ở tại hữu vi, có công phu, có huân tập vậy. Bồ Đề Chánh Giác, Niết Bàn Diệu Tâm chỉ có thể ở tại sát na mà ngộ nhập, chẳng phải là chồ ông trải qua nhiều kiếp cần khổ để tu chứng được. Cái chẳng do trải qua nhiều kiếp cần khổ tu chứng mà được, cái ấy không nương nhờ nhân duyên, tự nhiên gì ráo để đắc. Cái mà phải nhờ trải qua nhiều kiếp cần khổ tu chứng, thì tất phải do nhân duyên, tự nhiên mà được. Cứ thế, thì tuy ghi nhớ diệu lý thanh tịnh của mười phương Chư Phật là Pháp không hý luận, cũng chỉ tăng thêm các thứ hý luận nhân duyên, tự nhiên mà thôi, nào có thật đắc được gì. Nên chi, nghe nói “Ba duyên đoạn dứt, ba nhân chẳng sanh”, rồi theo đó phân biệt mà được tâm Bồ Đề, thì chẳng phải là thực đắc, đó là chồ nói “*Lấy tâm sanh diệt hợp với Như Lai Tạng*” vậy. Chỉ không theo đó mà

phân biệt, thì tánh cuồng tự hết. Hết là Bồ Đề, không do ai mà được, bèn là thật đắc, vì là lấy cái chẳng sanh chẳng diệt hợp với Như Lai Tạng vậy. Cái cơ duyên tối thượng này, há đồng với lối nói tự nhiên của nhóm Câu Xá Lê được ư?

Đức Lục Tổ dạy: “Cái bất sanh bất diệt mà ngoại đạo nói, là lấy diệt dừng sanh, lấy sanh mà bày ra cái diệt, thế là có diệt mà xem như không diệt, có sanh mà nói là chẳng sanh. Ta nói chẳng sanh chẳng diệt là vốn tự vô sanh, nay cũng không có diệt. Bởi thế, chẳng đồng với ngoại đạo”.

Ngài Tiên Sơn Chủ hỏi Ngài Tu Sơn Chủ rằng: “Biết rõ tánh sanh mà chẳng sanh, thì vì sao còn lưu lại cái sanh?”

Tu Sơn nói: “Măng rốt cuộc thành tre chứ, như nay làm cật tre, khiến trở lại đâu được!”

Tiến Sơn nói: “Sau này ông sẽ tự ngộ chỗ ấy”.

Tu Sơn nói: “Tôi chỉ như thế, ý chỉ của Thượng Tọa như thế nào?”

Ngài Tiên Sơn nói: “Cái này là Giám viện phòng, cái kia là Điện tòa phòng”.

Ngài Tu Sơn bèn lạy bái.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Hoát nhiên mất chỗ nương
Tự do nào chẳng quản
Nước nhà bình ổn thấy ai đâu
Lực lượng mồng sanh phân giai cấp*

*Thân tâm rõ ràng tuyệt thị phi
Thị phi tuyệt!
Lập cả đại phương: không dấu vết!"*

Thế đó, chúng Bồ Đề Vô Thượng vốn đâu có sa vào thèm bức (giai cấp). Lại có dấu vết gì thấy được!

Kinh: “Ông tuy nói lý nhân duyên, tự nhiên, chắc chắn rõ ràng, người đời xưng ông là đa văn bậc nhất. Vậy mà lấy cái đa văn huân tập nhiều đời đó cũng chẳng khỏi nạn Cô Ma Đăng Già, phải đợi thần chú Phật Đánh của Ta khiến cho lửa dâm trong lòng cô Ma Đăng Già hết tức thời mà đắc A Na Hảm, hiện ở trong Pháp của Ta, tinh tấn như rừng, sông ái cạn khô, khiến ông giải thoát.

“Bởi thế nên, Anan, ông tuy nhiều kiếp ghi nhớ những bí mật mầu nhiệm trang nghiêm của Như Lai, không bằng chỉ một ngày tu nghiệp vô lậu, lìa xa thế gian hai thứ khổ ghét-thương. Như Cô Ma Đăng Già, trước là dâm nữ, do súc thần chú, tiêu tan lòng ái dục, nay ở trong Phật Pháp tên là Tánh Tỳ Kheo Ni. Cùng với Da Du Đà La là mẹ của La Hầu La, đồng ngộ được nhân đời trước, biết nhân khiến trải qua nhiều đời, tham ái là khổ, một niêm huân tu pháp thiện vô lậu; một người được ra khỏi trói buộc, còn một người được thọ ký. Sao ông còn tự coi thường mình, ở mãi trong vòng nghe, thấy!”

Thông rằng: Rõ ràng là Ông Anan nhiều kiếp đa văn mà không tránh khỏi nạn Cô Ma Đăng Già, thế thì ghi nhớ diệu lý thanh tịnh của Như Lai không thể chứng quả được. Cũng rõ ràng là thần chú Phật Đánh có thể khiến cho lòng dâm của Cô

Ma Đǎng Già tức thời tiêu hết, nghĩa là sự huân tu không thể nghĩ bàn khiến tự ra khỏi ràng buộc vậy. Nhớ giữ pháp bí mật nhiệm mầu trang nghiêm, tức là hữu lậu. Bỏ vọng theo chân, tức là hai cái khổ thương, ghét. Khổ còn không khỏi, huống là đắc quả ư? Tu tập pháp môn viên đốn tức là vô lậu. Ngộ biết nhân đời trước, tham ái chẳng sanh, bèn được thọ ký, nào chỉ đắc quả thôi sao? Cô Ma Đǎng Già chứng quả thứ Ba, A Na Hǎm, gọi là ra khỏi trói buộc. Bà Da Du Đà La cũng là nhân duyên nhiều kiếp với Đức Thế Tôn, ở hội Pháp Hoa được thọ ký thành Phật. Đây chỉ là nữ giới mà một niệm xoay lòng còn nêu bực tinh tấn. Huống gì hàng Thanh Văn các ông, sao tự khinh thường mình, không liền đốn ngộ? Đã thế lại nương nhờ nhân duyên trừ vọng mà bám lấy hý luận của ngoại đạo để ở mãi trong vòng thấy nghe sao?

Thiền sư Sở Nam thượng đường nói: “Này các ông, dù có hiểu giáo pháp của chư Phật ba đời như rót nước vào bình, chẳng bằng một niệm tu Vô Lậu Đạo, khỏi bị nhân quả trời người trói buộc!”

Khi ấy có nhà sư hỏi: “Vô Lậu Đạo như thế nào để tu?”

Tổ Sở Nam nói: “Chưa từng có Xà Lê để nắm bắt!”

Hỏi: “Chưa từng có tôi đây, thì dạy ai nắm bắt?”

Đáp: “Cái nắm cũng không!”

Được một hai lời chuyền ngữ này, thì ý chỉ chưa nói hết của Như Lai đã lộ rồi!

MỤC CHÍN: CHỈ NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

I. CÁC PHÉP TU HÀNH SAU KHI ĐỐN NGỘ, PHÁT BỒ ĐÈ TÂM

Kinh: Ông Anan và cả đại chúng nghe lời Phật dạy, nghĩ làm tiêu tan, ngộ được Thật Tướng, thân ý nhẹ nhàng an ủn, được cái chưa từng có. Rồi lại rơi nước mắt, đánh lẽ chân Phật, quỳ thăng, chấp tay mà bạch Phật rằng: “Đáng Vô Thượng Đại Bi, Thanh Tịnh Bảo Vương, khéo mở tâm chúng tôi, dùng đủ thứ nhân duyên như thế, phương tiện dùi dắt những kẻ chìm đắm trong tối tăm ra khỏi bể khổ.

“Bạch Thé Tôn, nay tôi được vâng nghe pháp âm như vậy, biết Như Lai Tạng, Diệu Giác Minh Tâm cùng khắp mười phương thế giới, trùm chứa các cõi nước của Như Lai trong mười phương, các cõi Phật Diệu Giác Vương trong sạch, quý báu trang nghiêm. Như Lai lại trách tôi đa văn mà không có công dụng, không kịp thời tu tập. Nay tôi giống như người long đong phiêu bạt, bỗng nhiên gặp vị Thiên Vương cho cái nhà tốt; mặc dầu được cái nhà lớn, nhưng cần yếu phải do cửa mà vào. Xin nguyện Như Lai, không bỏ lòng đại bi, chỉ bày cho chúng tôi, những kẻ mờ tối trong hội này, rời bỏ Tiểu Thùa, đều được con đường phát tâm căn bản đến Vô Dư Niết Bàn của Như Lai, khiến cho hàng Hữu Học biết theo đâu nghiệp phục các sự bám níu (phan duyên) lâu đài, được Tổng Trì Đà La Ni, nhập Phật Tri Kiến”.

Ông Anan nói lời ấy rồi, năm vóc mlop sát đất, trong hội một lòng mong đợi ý chỉ từ bi của Phật.

Thông rằng: Từ lúc bắt đầu, phân lựa chân vọng để phát minh tánh giác, cho đến chỗ nói lên cái Tánh Chân Thắng Nghĩa trong thắng nghĩa, để thông suốt các nghi ngờ, vướng mắc khiến cho tin hiểu Chân Tánh là Tâm Nhân Địa. Cái Tâm Nhân Địa đã chân thật, mới có thể viên thành quả địa tu chứng. Thế nên, đoạn trước là phần Kiến Đạo. Từ đây về sau, riêng nói phần Tu Đạo.

Ông Anan đã được Pháp Thân, nhưng vẫn còn vô minh vi tế. Nay đã trừ các điều mê lầm, ngộ Thật Tướng, nhưng lại có lời than là không kịp thời tu tập. Rốt cuộc là vẫn còn là ở ngoài cửa. Tuy biết có cái nhà đẹp đẽ của Thiên Vương nhưng chưa thể vào. Sở dĩ không được cái cửa để vào, thứ nhất là, do còn ưa mến Tiểu Thừa, chẳng rõ con đường phát tâm căn bản; thứ hai là, do sự bám níu, đó chính là cái khổ mà không thể nhập Tri Kiến Phật. Tuy là do thói quen đa văn khiến như thế, nhưng cũng là vì hàng Hữu Học trong hội mà hỏi.

Tổ Mục Châu nói với đại chúng rằng: “Tất cả các ông có được chỗ đầu mối để vào chưa? Nếu chưa được cái chỗ đầu mối để vào, thì cần phải tìm cho ra chỗ đầu mối để vào, để sau này khỏi cô phụ lão tăng”.

Thiền sư Nghiêm Phong Xiêm thương đường dạy: “Đông qua thu lại, cửa lâu đài mở hoác. Nếu vào được, chớ có chần chờ. Các Thượng Tọa! Hướng vào trong ấy bước vào được chưa? Như bước vào được thì đúng như cổ nhân nói “Nơi đây là Di Lặc. Cửa nào chẳng Thiện Tài”. Nếu bước vào chưa

được, ấy là các Thượng Tọa tự mình chạy điên. Chớ có đau đớn đúng hoài như vậy! Trân trọng!”

Có vị quan hỏi Tô Mục Châu: “Ba cửa đều mở, theo cửa nào nhập?”

Tô châu gọi lớn: “Thượng Thơ!”

Quan ứng tiếng: “Dạ!”

Tô Châu nói: “Theo cửa Tín mà vào”.

Vị quan lại thấy bức họa trên vách, hỏi rằng: “Hai vị Tôn giả đối mặt nhau bàn luận chuyện gì?”

Tô Châu đánh cây lô trụ, nói: “Trong Ba Thân, Thân nào chẳng nói pháp!”

Ngài Mục Châu môn phong cao ngất, đến chỗ này đều bày trọn hết rõ ràng, như tin đến nơi, bèn chẳng trải qua thứ bức.

Kinh: Khi ấy, Đức Thế Tôn thương xót các hàng Thanh Văn, Duyên Giác trong hội chưa được tự tại nơi Tâm Bồ Đề, cùng những chúng sanh về sau phát Bồ Đề tâm trong thời mạt pháp, khi Phật diệt độ rồi, khai thị cho con đường tu hành nhiệm mầu vô thượng thừa, mà tuyên giảng cho Anan và các đại chúng rằng: “Các ông quyết định phát tâm Bồ Đề, đối với Pháp Tam Ma Đề nhiệm mầu của Như Lai chẳng sanh lòng mệt mỏi, thì trước hết rõ hai nghĩa quyết định của Sơ Tâm Giác Ngộ”.

Thông rằng: Chỗ Ông Anan hỏi, có hai nghĩa: Một là, con đường căn bản phát tâm để đến Vô Dư Niết Bàn của Như Lai. Hai là, nghiệp phục tâm bám níu, nhập Phật Tri Kiến. Bởi thế, Đức Thế Tôn nói lên hai nghĩa quyết định.

Muốn biết con đường phát tâm căn bản, phải chọn lựa gốc rễ sanh tử, để được cái tánh không sanh diệt, lấy đó làm cái tâm Nhân Địa, rồi mới viên thành Diệu Đức Niết Bàn chẳng sanh chẳng diệt. Đây là nghĩa thứ nhất của Sơ Tâm.

Muốn nghiệp phục tâm phan duyên bám níu, phải xét rõ gốc rễ phiền não, biết sáu căn làm môi giới cho giặc, tự làm tự chịu. Chỉ cần chọn lựa một căn viên thông, một cửa mà thâm nhập, thì sáu căn hay biết kia, đồng thời trong sạch, đây là nghĩa thứ hai của Sơ Tâm.

Muốn đắc Vô Sanh, phải diệt sạch phiền não. Hết sạch phiền não, thì chứng Vô Sanh. Hai cái này chưa từng rời nhau được. Ở đây nói Diệu Tam Ma Đè, lại nói Diệu Tu Hành Lộ, là luôn luôn tinh thức nơi một chữ Diệu, cần yếu tương ứng với Diệu Minh, Minh Diệu, mà chẳng chấp lấy tướng để cầu Bồ Đè vậy.

Các hàng Thanh Văn, Duyên Giác chưa khỏi được sự chấp nắm lấy tướng, nên ở trong Bồ Đè chưa được tự tại. Duy chỉ ngộ một cái Diệu này, chẳng mượn khó nhọc, cần cù tu chứng, mới gọi là Vô Thượng Thừa vậy.

Sơ Tổ Đạt Ma đến Kim Lăng, Lương Võ Đè hỏi: “Trẫm lên ngôi đến nay, xây chùa, chép kinh, độ tăng nhiều không kể xiết, vậy công đức thế nào?”

Tổ đáp: “Đều không có công đức”.

Vua hỏi: “Vì sao không?”

Tổ nói: “Đó chỉ là quả nhỏ của trời, người, là cái nhân hữu lậu, như bóng theo hình, tuy là có mà không thật”.

Vua hỏi: “Thế nào là công đức chân thật?”

Tổ nói: “Trí trong sạch, tròn đầy, mầu nhiệm, thể tự không tịch, công đức như thế không thể lấy thế gian cầu được”.

Vua lại hỏi: “Như thế nào là Thánh Đế Đệ Nhất Nghĩa”.

Tổ nói: “Rỗng rang như nhiên, tuyệt không có Thánh”.

Vua nói: “Vậy trước mặt trẫm đây là ai?”

Tổ nói: “Không phân biệt”.

Vua không lãnh hội được. Tổ biết căn cơ chẳng khé hợp, bèn ẩn qua Giang Bắc.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Thánh Đế rỗng nhiên,
 Có đâu nói trúng!
 Đối Trẫm là ai?
 Lại nói: Không bié(14)
 Bởi thế lặng lẽ qua sông
 Há đâu khởi sanh gai góc?
 Cả nước đuổi theo, không trở lại
 Nghìn thuở, muôn xưa, chẳng nhớ nhau*

*Hết nhớ nhau!
Gió mát khắp cùng, đâu chỗ tốt?*

Ngài nhìn qua trái, qua phải rồi nói: “Trong áy lại có Tô Sư chăng?”

Tự nói: “Có, thì kêu lại đây rửa chân cho lão tăng!”

Ngài Thiên Đồng tung rẳng:

*“Rỗng nhiên không Thánh
Căn cơ xa tí
Đắc, chẳng trúng nhầm mũi mà quơ búa
Thất, chẳng quay đầu mà rót vào ống bể lò
Lặng lẽ ngồi yên tại Thiếu Lâm
Nín thinh toàn nêu lên chánh lệnh
Thu trong, trăng chuyển, sương vẫn
Ban đêm sao Bắc Đầu soi cán
Y bát truyền con cháu không ngừng
Từ đó trời người thành thuốc, bệnh”.*

Nếu luận về con đường vô thượng thừa tu hành mẫu nhiệm, thì Thánh Đé Đệ Nhất Nghĩa còn chẳng chịu cho, huống là rơi vào nghĩa thứ hai, thứ ba!

II. TÂM NHÂN ĐỊA

Kinh: “Thế nào là hai nghĩa quyết định của Sơ Tâm? Anan, nghĩa thứ nhất là: Nếu các ông muốn rời bỏ Thanh Văn, mà tu Bồ Tát Thừa để vào Tri Kiến của Phật, thì nên xét kỹ cái Nhân Địa Phát Tâm và cái Quả Địa Giác Ngộ là đồng nhau hay khác nhau. Anan! Nếu ở nơi nhân địa mà lấy cái tâm sanh

diệt làm gốc, nhân đó mà tu để cầu quả bất sanh bất diệt của Phật Thùa, thì không thể có chuyện ấy được.

Thông rằng: Đây là chỉ bày Thầy Tánh Đệ Nhất Nghĩa vậy. Nếu luận về Thầy Tánh, thì chẳng mượn ở công phu huân tập, mà chỉ quán xét chõ nhân địa phát tâm cùng với quả địa giác ngộ là đồng hay khác. Bởi thế, thánh nhân không nghĩ suy mà đắc, không gắng sức mà vẫn trúng. Hạng Xích Tử (cái tâm như con nít vô tư) cũng chẳng lo nghĩ mà biết, chẳng học hành mà nêu. Chẳng học tập, chẳng lo toan, là cái Nhân; chẳng nghĩ suy, chẳng cố gắng, là cái Quả vậy. Nên nói: “Bậc đại nhân chẳng hề mất cái tâm xích tử. Nhân và quả vốn khé hợp, tuyệt không có tăng, giảm”. Không thấy tánh, đâu đủ sức nói lời ấy!

Ngài Mã Tồ khi còn tại núi Nam Nhạc, ở riêng một phòng nơi Viện Truyền Pháp, chỉ tập ngồi thiền, ai đến thăm hỏi đều không màng đến. Đại sư Hoài Nhượng đến cũng chẳng để ý. Đại sư thấy Mã Tồ cốt cách khác thường, bèn nhớ lại lời tiên tri của Đức Lục Tồ, mới dùng những phương tiện dẫn dắt cho.

Một hôm, Đại sư lấy một viên gạch ra trước am mà mài. Mã Tồ cũng không để ý đến.

Lâu lắm, Ngài Mã Tồ mới hỏi: “Làm cái gì thế?”

Đại sư đáp: “Mài để làm cái gương soi!”

Mã Tồ hỏi: “Mài gạch mà thành gương được sao?”

Đại sư nói: “Mài gạch đã không thành gương, thì ngồi thiền hóa lại thành Phật ư?”

Mã Tô bèn rời chỗ ngồi thiền, nói: “Như thế nào là phải?”

Đại sư đáp: “Ví như ngồi xe, xe chẳng đi, thì đánh xe là đúng hay đánh bò là đúng?”

Mã Tô không đáp được.

Đại sư lại nói: “Ông học tọa thiền, hay học tọa Phật? Nếu học tọa thiền thì thiền chẳng phải là chuyện ngồi, nằm. Nếu học tọa Phật thì Phật chẳng phải là cái tướng ngồi, nên trong pháp vô trụ, chẳng có nắm bồ. Nếu ông tọa Phật tức là giết Phật. Nếu chấp vào tướng ngồi thì chẳng tỏ suốt được lý”.

Mã Tô bèn lẽ bái, và hỏi: “Dụng tâm như thế nào, liền hợp với Vô Tướng Tam Muội?”

Đại sư nói: “Ông học pháp môn Tâm Địa, như gieo giống xuống. Tôi nói pháp yếu, như trời mưa thảm. Duyên ông thích hợp nên sẽ thấy Đạo”.

Mã Tô nói: “Đạo chẳng phải là sắc tướng, làm sao có thể thấy?”

Đại sư nói: “Pháp nhãn Tâm Địa thì thấy Đạo. Vô Tướng Tam Muội cũng thế”.

Ngài Mã Tô hỏi: “Có thành hoại không?”

Đại sư nói: “Nếu lấy sự thành hoại, tụ tán mà thấy Đạo, thì chẳng phải là thấy Đạo. Nghe kệ ta đây:

*“Tâm địa ngâm muôn giống
Gặp mưa mầm đều sanh”*

*Hoa Tam Muội, vô tướng
Nào hoại với nào thành”.*

Mã Tô nghe qua lời dạy, hoát nhiên khai ngộ. Hầu đại sư mươi năm, ngày càng mệt nhiệm, về sau hoằng hóa ở Giang Tây.

Đại sư Hoài Nhượng hỏi chúng: “Mã Tô Đạo Nhất có vì chúng nói pháp không?”

Chúng đáp: “Đã nói pháp cho chúng rồi”.

Đại sư nói: “Chưa thấy có ai mang tin tức của ông ta đến”.

Bèn sai một nhà sư đi, dặn rằng: “Đợi lúc ông ta thượng đường nói pháp, thì chỉ hỏi: “Làm sao?” Ông ấy nói thế nào hãy nhớ lấy đem về đây”.

Vị sư đến chỗ Mã Tô, làm y theo lời Đại sư dặn.

Khi trở về, nói với đại sư rằng: Đạo Nhất nói: “Từ sau loạn rợ Hồ, ba mươi năm nay chưa hề thiếu tương muối”.

Đại sư bàng lòng.

Tô Tuyết Phong gởi lời cho Tô Nham Đầu rằng: “Từ khi ở Ngao Sơn thành Đạo về sau, cho đến bây giờ no hoài chẳng đói”.

Thế thì, cũng tương tự với câu trên của Ngài Mã Tô, đều là Nhân Địa Phát Tâm với Quả Địa Giác Ngộ không có đồng, khác vậy. Kia học ngồi thiền, có tu có chứng, bèn thuộc về

pháp sanh diệt, đối trong chỗ vô thượng thừa, xa bao ngàn dặm!

Kinh: “Do nghĩa đó, ông phải thấy rõ các vật của thế gian đều là pháp có thể làm ra, tất cả đều phải theo sự biến diệt.

“Anan, ông xem các pháp có thể làm ra trong thế gian, có cái nào là không hư hoại? Nhưng không hề nghe hư không tan rã. Vì sao thế? Vì hư không chẳng có thể làm ra, do đó trước sau không có hoại diệt. Vậy trong thân ông tướng cứng là địa đại, thấm ướt là thủy đại, hơi ấm là hỏa đại, động lay là phong đại. Do bốn cái ràng buộc này mà chia cái Diệu Giác Minh Tâm trong lặng tròn khắp của ông thành ra cái thấy, cái nghe, cái biết, cái xét nghĩ. Từ đầu đến cuối tạo thành năm lớp bẩn trước.

“Thế nào là Trược? Anan, ví như nước trong, thanh khiết bẩn nhiên, còn bụi đất, tro cát kia bẩn chất là ngẩn ngại. Hai bên tự thể như vậy thì không hợp nhau được. Có người thế gian, lấy bụi đất kia, ném vào nước sạch, thì đất mất đi ngẩn ngại, nước mất đi trong sạch, hình trạng đục vẫn, gọi đó là trược. Năm lớp bẩn trược của ông cũng giống như vậy.

“Anan, ông thấy hư không khắp mươi phương thế giới. Hư không và cái thấy chẳng phân rời nhau. Có cái không mà không có hình thể, có cái thấy mà không hay biết, đan nhau giả dối mà thành. Đó là lớp thứ nhất, gọi là Kiếp Trược.

“Thân ông hiện nắm giữ bốn đại làm cái thể, thấy, nghe, hay, biết bị che bít thành ra ngẩn ngại. Còn các thứ địa, thủy,

hỏa, phong lại thành ra hay biết. Đan nhau hư vọng mà thành. Đây là lớp thứ hai, gọi là Kiến Trược.

“Lại trong tâm ông, những sự nhớ, biết, học tập, phát ra tri kiến, dung chứa hiện ra sáu trần. Rời trần thì không có tướng; rời hay-biết thì không có tánh. Đan nhau hư vọng mà thành. Đây là lớp thứ ba, gọi là Phiền Não Trược.

“Lại tâm ông ngày đêm sanh diệt không ngừng, cái tri kiến thường muốn ở lại thế gian, nhưng nghiệp xoay chuyển thì lại thường dời đi các cõi. Đan nhau hư vọng mà thành. Đây là lớp thứ tư, gọi là Chúng Sanh Trược.

“Cái thấy, cái nghe của ông vốn tánh không khác nhau, mà do các trần cách trở, không do đâu lại sanh ra khác nhau. Trong tánh thì biết nhau, mà trong chỗ dùng lại trái ngược nhau. Cái đồng và cái khác mất chuẩn đich. Xen nhau hư vọng mà thành lập. Đây là lớp thứ năm, gọi là Mệnh Trược.

Thông rằng: Nghĩa thứ nhất là cần rõ con đường phát tâm căn bản, phải xét xem nhân địa phát tâm với quả địa giác ngộ là đồng hay khác. Gọi là xét xem thì hẳn phải xét kỹ: Cái gì là căn bản sanh tử, khác với quả địa giác ngộ; cái gì là căn bản bất sanh bất diệt, đồng với quả địa giác ngộ?

Vốn là một cái Diệu Giác Minh Tâm lặng trong tròn khắp, vốn không có sự chăng đồng, lấy đâu có khác? Chỉ vì dán kín tánh trong lặng mà phát khởi bốn đại, kết thành sáu căn. Căn và trần làm nhiễm ô nhau, tạo thành năm lớp trược, còn cái Diệu Giác Minh Tâm rời cái bản vị của nó mà chia ra thành thấy, nghe, hay, biết lưu chuyển trong vòng sanh tử. Cái thấy

nghe hay biết đó, từ đầu cho đến cuối, từ sắc đến thức, chẳng rời khỏi phạm vi của năm ấm, chính là căn bản của sanh tử vậy. Lấy cái này làm nhân để cầu Phật Thừa thì không thể nào được. Vì sao? Các pháp có-thể-làm-ra của thế gian đều theo biến diệt, nhưng hư không chẳng thể làm ra nên không hư hoại. Độc chỉ Phật không có làm, nên chẳng sa vào các số, đó là Chân Không. Tuy cái hư không của thế gian cũng cần tiêu mất, huống là bốn đại ở trong thân đều có chỗ để trả về! Cái thấy nghe hay biết lìa ngoài trần không có tự thể, thì cái hay biết sanh diệt của năm lớp trước đó lại có thể lấy làm nhân để tu hành sao?

Nói năm trước là sao? Sắc thuộc tướng phần, thức thuộc kiến phần; nước ví dụ cho thức, đất ví dụ cho sắc. Cái thấy và hư không đan kết với nhau, như nước và đất hợp lại nên gọi là Trược.

Khi cái thấy mới vừa động, chỉ thấy một hư không. Có hư không mà không hình thể, tức là ngoan không. Có cái thấy mà không hay biết, đó là vô minh. Đã có hư không khắp mười phương cõi, thì thành, trụ, hoại, không do đáy mà bắt đầu, nên gọi là kiếp. Hư không và cái thấy chẳng phân chia, nghĩa là kiến phần và tướng phần xen lộn làm thành trược, nên gọi là Kiếp Trược, thuộc về sắc ấm.

Cái thấy, nghe, hay, biết vốn không ngăn ngại, do bốn đại lắp bít nên có ngăn ngại. Đất, nước, gió, lửa vốn không có hay biết, do sự xoay lại của sáu căn mà có hay biết. Đó là kiến

phần với tướng phần trong thân xen lộn mà thành cái trược, nên gọi là Kiến Trược, thuộc về thọ ám.

Ở trước, thu nghiệp sáu căn làm kiến đại, ở đây cũng tóm gồm sáu căn làm cái thấy. Cái trược thấy cảnh thì nhận lấy, thu vào, thuộc về năm thức trước. Ghi nhớ, học tập thuộc về thức thứ sáu. Cái thấy biết chính là do chân tánh phát khởi, Tánh phát ra mà biết, cho nên cái thấy biết là thức, không thể gọi là tánh. Chính là trong cái ý tưởng, chưa nhận sáu trần, hiển hiện bóng dáng gọi là nội trần, cũng có thể gọi là tưởng. Nội trần là ngoài sáu trần, tự nó không có thật tưởng, là ngoài cái hay biết, tự nó không có chân tánh. Đó là phiền não, trần lao làm loạn nhiều cái tánh giác trong lặng. Thế nên, cái hay biết và pháp trần (nội trần) xen lẫn mà làm thành trược, nên gọi là Phiền Não Trược, thuộc về tưởng ám.

Cái ý tưởng hiểu biết thì muôn ở mãi thế gian, luyến níu tam giới, điều này cũng dễ biết. Luân hồi, nghiệp lực xoay chuyển thường khiến đổi dời các cõi nước, biến hóa chuyển dời kín nhiệm, không thể dễ biết. Hết thấy chẳng rời ngoài nhân và quả của chúng sanh. Cái hiểu biết của ý và hình tướng của chúng sanh lưu chuyển mà thành ra cái trược, nên gọi là Chúng Sanh Trược, thuộc về hành ám.

Hành ám thuộc về thức thứ bảy, cái trược của nó dễ phân biện ra. Còn thức ám thuộc về thức thứ tám, cái trược của nó khó biết. Cái thấy, nghe, hay, biết là từ cái nguồn vốn trong lặng mà phân ra, nên vốn là không khác bản tánh. Sáu trần thì chẳng đồng, dẫn dắt mà sanh ra sáu thức; mắt chẳng phân biệt

được tiếng, tai chǎng phân biệt được sắc, chǎng dùng lẫn cho nhau được, nên sanh ra khác nhau. Bản tánh thì chǎng khác nhau, nên ở trong tánh vốn là biết nhau. Chỉ có các trần cách trở, nên ở trong dụng thì trái nghịch nhau. Tánh vốn chǎng sanh chǎng diệt nên đồng. Chỗ dùng thì hòa hợp với sanh diệt, nên có khác. Chưa chuyển được thức thứ tám thì chưa có hậu đắc trí, nên đối với năm thức trước chǎng được viên diệu. Thế nên, ở trong tánh thì vốn rõ ràng biết nhau, mà đến khi dùng ra, lại ngược trái với cái dùng của Như Lai. Bởi vì chuyển chǎng tận nên mất chuẩn đích mà gọi là thức. Chuyển tận thì không mất chuẩn đích, nên bình đẳng mà gọi là tánh. Như Lai Tạng vốn Một Tánh, không có hai, Đức Phật y vào chuẩn đích đó mà diệt cái tâm sanh diệt. Còn hàng Nhị Thừa thấy có tự tướng và cộng tướng, nên ở trong cái đồng mà mất chuẩn đích. Như Lai Tạng tùy duyên mà hiện sắc, không; Đức Như Lai y theo đó mà nói cả hai loại đều Không. Còn hàng Nhị Thừa giữ lấy cái chân mà chứng cái diệt, nên ở nơi cái khác mà mất đi chuẩn đích.

Còn một mảy tơ chưa chuyển hoá, thì mệnh căn vẫn còn, thọ sanh thì đến trước, chết thì dứt đi sau cùng, làm chủ nhân ông. Đây là tánh và thức, đan lẫn nhau mà thành cái trước, gọi là Mệnh Trước, thuộc về thức ấm.

Năm lớp trước này đều chǎng phải thật có, nên gọi là hư vọng mà thành. Như nước trong sạch, nguyên không có đất bụi; hay như đất ngăn ngại, nguyên không có nước. Hai tánh chǎng có hợp theo nhau, vì tâm, cảnh chǎng có đến nhau. Nếu biết tánh trong lặng vốn không có tính dán kín kia, thì biết

vọng túc là lìa, lìa vọng túc là giác. Chỉ là một Diệu Giác Minh Tâm vắng lặng tròn khắp, chẳng sa vào thấy, nghe, hay, biết như nước vốn tự sáng trong, trược nào có được? Ất phải rõ suốt cái xưa nay vốn không có trược, mới có thể làm cái căn nhân chẳng sanh chẳng diệt về sau vậy.

Có nhà sư hỏi Tồ Lương Sơn: “Thế nào là chuyện trước Không kiếp?”

Tồ Sơn đáp:

“Đánh vang trống trời đất
Người đời lắng chẳng nghe”.

Ngài Đơn Hà tung rẳng:

“Hư không làm trống khắp cần đánh
Người đánh tuy nhiều, ít kẻ nghe
Nửa đêm sợ khô kinh tan mộng
Đầy đầu trăng sáng chẳng lo vè”.

Đức Tú Tồ Đạo Tín, năm mươi bốn tuổi đến lễ Đức Tam Tồ Tăng Xán, hỏi rằng: “Xin Hòa Thượng từ bi, ban cho pháp môn giải thoát”.

Tam Tồ nói: “Ai trói buộc ông?”

Đáp: “Không ai trói buộc”.

Tam Tồ nói: “Vậy cầu giải thoát làm gì?”

Tú Tồ ngay dưới lời nói đại ngộ. Đây là chỗ gọi là đại căn, đại khí vậy.

Thiền sư Tư Không Sơn Bồn Tịnh làm bài kệ:

*“Thấy nghe hay biết không chướng ngại
Sắc hương vị xúc, thường tam muội
Như chim trong không, chỉ thế bay
Không nắm, không bỏ, không thương ghét
Nếu rõ ứng xử chẳng phải tâm
Mới được gọi là Quán Tự Tại”.*

Như Thiền sư Bồn Tịnh ấy thì tuy ở nơi ngũ trước ác thế mà nào từng chẳng sạch?

Kinh: “Anan, nay ông muốn cho cái thấy, nghe, hay, biết vĩnh viễn khé hợp với Thường Lạc Ngã Tịnh của Như Lai, thì trước hết phải lựa bỏ gốc rễ sanh tử, y theo cái không sanh diệt, thì tánh trong lặng toàn khắp thành tựu. Dùng cái trong lặng này, mà xoay các thứ sanh diệt hư vọng trở về Bồn Giác. Được tánh không sanh diệt của Bản Giác thuần sáng làm cái tâm nhân địa, như thế mà sau viên thành quả địa tu chứng. Như lóng nước đục, đựng trong một món đồ để yên lặng, để yên lặng thâm sâu bất động, thì đất cát tự chìm lắng xuống. Nước trong hiện ra ngay trước mặt, gọi là bắt đầu dẹp phục phiền não khách tràn. Bỏ hết bùn chỉ còn nước trong, gọi là vĩnh viễn dứt lìa căn bản vô minh. Sáng suốt tinh thuần, tất cả các biến hiện không còn là phiền não, đều hợp với diệu đức trong sạch Niết Bàn.

Thông rằng: Sách Đại Học có câu: “Biết Chỉ rồi sau mới có Định”, mấy chữ này là bí quyết của ngàn Thánh. Đoạn kinh

này hợp với câu nói ấy. Ông Lục Tượng Sơn nói: “Tâm này Lý này đồng vậy”, cho nên chẳng phải là lời nói hư dối.

Câu “Trước hết phải chọn ra căn bản sanh tử, y theo cái không sanh diệt, thì tánh trong lặng toàn khắp thành tựu. Như lóng nước đục, đựng trong món đồ để yên”, là chõ nói “Biết chỉ rồi sau mới định” vậy.

Câu “Dùng cái trong lặng này mà xoay các thứ sanh diệt hư vọng trở về Bốn Giác, như nước yên lặng sâu không động thì đất cát tự chìm, nước trong hiện ra ngay trước mắt”, là chõ nói “Định rồi sau mới tịnh”.

Câu “Nước trong hiện tiền, gọi là bắt đầu đẹp phục phiền não khách tràn, bỏ hết bùn chỉ còn nước trong, gọi là vĩnh viễn dứt lìa căn bản vô minh”, là chõ nói “Tịnh rồi sau mới an”.

Câu “Sáng suốt tinh thuần, tất cả các biến hiện không còn là phiền não”, là chõ nói “An rồi sau mới gấp việc”

Câu “Đều hợp với Diệu Đức trong sạch Niết Bàn”, là chõ nói “Üng đối với việc rồi sau mới đắc”.

Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là bốn Diệu Đức của Niết Bàn, chỉ có Phật với Phật mới có thể rốt ráo, nay lấy thấy, nghe, hay, biết mà khé hợp nên gọi là “viễn”, lâu dài.

Trước hết, chọn ra căn bản sanh tử, tuy để chỉ cái nghiệp dụng của năm trước, nhưng thức ấm chính là gốc rễ sanh tử. Thức ấy nương theo cái chẳng sanh diệt hòa hợp với cái sanh diệt mà có tên. Nên phải lựa bỏ chủng tử sanh diệt mà y theo tánh trong lặng tròn khắp chẳng sanh diệt. Thức ấm lặng trong

không lay động, tựa như chẳng có sanh diệt, nhưng trong lặng mà thực ra là căn bản sanh diệt. Còn Tánh trong lặng tròn đầy, vốn tự viên thành, chẳng phải do tạo tác, tức là thật tế lý địa Chân Như vậy. Y theo cái trong lặng tròn đầy này, thì vốn tự là vô sự, bèn ở nơi cái tánh tròn lặng này mà xoay lại các thứ sanh diệt hư vọng. Từ trước kia bao nhiêu công phu sanh diệt đều là hư vọng, tuy đến chõ sanh diệt đều hết, cũng là do công phu huân tập mà được, thì chẳng phải là Bản Giác. Thức âm xoay về, thì Bản Giác hiện tiền. Cái Bản Giác sáng suốt này, vốn là không có sanh diệt, chỉ do phân ra làm thấy, nghe, hay, biết mà lọt vào trong phạm vi của thức âm, bị thức âm che lấp, chẳng hiển lộ ra được.

Nay thức diệt, tánh hiện, bày lại cái Bản Lai Diện Mục của ta. Cái Bản Giác sáng suốt này tức là thấy, nghe, hay, biết mà chẳng phải là thấy, nghe, hay, biết. Cái thấy, nghe, hay, biết có khởi, có diệt, tánh Bản Giác sáng suốt không có khởi diệt. Bởi thế, chẳng lấy thấy, nghe, hay, biết làm tâm nhân địa, mà lấy Bản Giác sáng suốt làm tâm nhân địa, sau mới viên thành quả vị bất sanh bất diệt Nhu Lai. Bốn đức Niết Bàn tức là cái quả chẳng sanh chẳng diệt nên nói rằng hay đoạn khách trần phiền não và căn bản vô minh. Nên nói “*tánh sáng thuần*”, là như vàng ròng, chẳng trở lại thành quặng, tro chẳng lại thành gỗ, chẳng làm ra phiền não nữa. Bởi thế mà một niệm vô sanh, tức là chứng Niết Bàn, tức nhân tức quả, tức ngay một lần mà đầy đủ. Có sự “*Lý tuy là đón ngộ, Sự thì dần dần trừ dứt*” ấy, là nhân gồm Thập Tín, cho đến quả địa suốt

thông, các phần tròn đủ; tóm lại là một tánh Giác Nguyên Minh trọn thành mà thôi vậy.

Tổ Tào Sơn, thấy ông đạo giả Chỉ Y(16) bèn hỏi: “Có phải là đạo giả Chỉ Y không?”

Thầy Chỉ Y rắng: “Không dám”.

Tổ Sơn nói: “Như thế nào là công chuyện của Chỉ Y (áo giấy)?”

Thầy Y đáp: “Một cái áo lông vừa khoác lên thân, vạn pháp thấy đều Như”.

Tổ Sơn nói: “Như thế nào là cái dụng của Chỉ Y?”

Thầy Y tiến lên, ứng: “Đã”. Bèn đứng mà đi thoát (chết).

Tổ Tào Sơn nói: “Ông đã biết như thế mà đi, sao lại chẳng như thế mà đến ?”

Thầy Y bỗng mở mắt hỏi: “Một chân tánh nhiệm màu, khi không mượn bào thai thì như thế nào?”

Tổ Sơn nói: “Vẫn chưa là Diệu”.

Thầy Y nói: “Thế nào là Diệu?”.

Tổ Tào Sơn nói: “Chẳng mượn lấy cái mượn!”

Thầy Y bèn cung kính xuống tảng đường mà ngồi tịch.

Ngài Tào Sơn có bài tụng:

“*Giác tánh sáng đầy, không tướng thân
Chớ đem thấy biết vọng sơ, quen*

*Niệm khác, ngay trong huyền chi, tối
Tâm sai, với Đạo chẳng chung gần
Tình phân vạn pháp, chìm tiền cảnh
Thức soi nhiều mối, mất gốc chân
Như thế, trong câu mà hiểu được
Như nhiên vô sự, bốn lai nhân”.*

Lại như Ngài Cửu Phong Kiền, ở chố Tô Thạch Sương làm thị giả. Sau khi Tô Thạch Sương tịch, đại chúng muốn mời Ông Thủ Tọa nối tiếp làm trụ trì.

Ngài Cửu Phong không chịu, nói: “Đợi tôi hỏi qua đã! Nếu hiểu ý Tiên Sư, thì xin hầu hạ như Tiên Sư vậy”.

Bèn hỏi: “*Tiên sư nói “Thôi đi! Hết đi! Một niệm muôn
năm đi! Tro lạnh cây khô đi! Lư hương cổ miếu đi! Một vóc
lụa trắng đi!”* Những thứ khác thì chẳng hỏi, như thế nào là “*Một vóc lụa trắng đi!*”?”

Thủ Tọa nói: “Đó chỉ là nói rõ một chuyện về bên sắc”.

Ngài Cửu Phong nói: “Vốn chưa hiểu ý của Tiên Sư”.

Thủ Tọa nói: “Ông chẳng chấp nhận tôi ư?”

Thủ Tọa bèn thấp hương mà nói: “Tôi nếu chẳng hiểu ý của Tiên Sư, thì khói hương bay lên rồi vẫn không thoát đi được!”

Nói xong liền ngồi mà tịch.

Ngài Cửu Phong bèn vỗ vào lưng vị Thủ Tọa mà nói: “Ngồi tịch, đứng chết thì chẳng phải là không có, nhưng ý của Tiên Sư vẫn còn chưa mộng thấy!”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“*Một tông Thạch Sương
Tự trao Cửu Phong
Thắp hương đi thoát
Chánh mạch khó thông!*”

(Hạc) Lấy trăng làm ố: ngàn năm mộng!
Nhà tuyết người mê, một sắc công (trình)!
Tọa đoạn mười phương còn bị lộ
Im dời một bước: ngắm rồng bay”.

Thuận Mặc Hòa Thượng tụng rằng:

“*Ngồi chi uổng mất một cây hương
Cửu Phong nào có bức cao hiền
Nếu đem một sắc thừa ngôi vị
Cô phụ Tiên Sư chẳng cậy duyên*”.

Tổ Thạch Sương dạy chúng có nói rằng: “Chưa từng mất cái chiếu soi, vẫn còn là ngoại thiêu (17), chỉ là loại bầy tôi, cũng gọi là mượn. Nếu sanh ra mà mây lông chẳng hở, như Thái Tử mới sanh ra thì có thể nối ngôi báu, gọi là nội thiêu (18), gọi là dòng dõi nhà vua, chẳng cần mượn danh cú vây”.

Mượn tức là chuyện một bên của một sắc. Kia nguyên chưa được cái Tánh chẳng sanh diệt để làm Tâm Nhân Địa, thế

mà muốn viên thành quả địa, cùng hợp với diệu đức trong sạch của Niết Bàn, thì khó vậy.

A. XÉT RÕ GỐC RẼ PHIỀN NÃO

Kinh: “Cái nghĩa Thứ Hai là, các ông muốn quyết phát tâm Bồ Đề, nơi Bồ Tát thừa sinh đại đồng mãnh quyết định quăng bỏ các tướng hữu vi, thì phải xét rõ gốc rẽ phiền não: những thứ ấy từ vô thủy đến nay, phát sanh nghiệp và nảy nở ra, là ai làm ai chịu?

“Anan, ông tu đạo Bồ Đề mà không xét kỹ cái căn bản phiền não thì không thể biết căn trần hư vọng điên đảo chỗ nào? Chỗ điên đảo còn chẳng biết thì làm sao hàng phục được chúng mà giữ Như Lai Vị?

Thông rằng: Xét xem cái nhân địa phát tâm để thể hội cái chân. Xét xem căn bản phiền não, để dứt hết cái vọng. Trong cái vọng lại chẳng có vọng, tức là vọng tức là chân vậy.

Căn bản phiền não có hai thứ: Một là, phát sanh nghiệp vô minh, là phiền não đời quá khứ. Hai là, nảy sanh vô minh, là khi đầu thai, đối với cha mẹ mà khởi thức tình (19) thương ghét. Cả hai thứ phiền não vốn không có tự tánh. Như biết là vô tự tánh, trọn không có người làm ra, cũng không có người lãnh chịu. Đương thể không tịch, cái gì là phiền não? Người Tiêu Thùa kia, chưa rời công dụng hữu vi, cho là có thật phiền não, cần nên phá trừ. Thế là vì chưa rõ căn trần là hư vọng. Như Bồ Tát thừa thì khác, bước đi ngay trong cái vô thượng Bồ Đề, chỉ ở giữa căn và trần, xét biết rõ cái gì làm ra, cái gì

lãnh chịu, bỗng nhiên phá tan vô minh từ vô thủy, lập tức dừng ngay.

Ngài La Sơn Nhàn, trước hỏi Tô Thạch Sương: “Khi khởi diệt chẳng ngừng thì như thế nào?”

Tô Sương nói: “Ngay giờ tro lạnh, cùi khô đi! Một niệm muôn năm đi! Nắp, rương hợp nhau đi! Sạch ròng không vết đi!”

Ngài La Sơn không hiểu, qua hỏi Tô Nham Đầu. Tô Nham quát rằng: “Thế cái gì khởi diệt?”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“*Chặt đứt dây leo già
Hang bỗng chồn đập phá
Báo gấp sương mù mà đổi vẫn
Rồng nương sâm sét mà thay cốt
Á!
Khởi diệt lăng xăng đó vật gì?*”.

Ở đây mà tinh thức, thì chẳng hướng về cửa sáu căn mà nắm giữ, phân chia quen lạ vậy.

Bàng Cư Sĩ kệ rằng:

“*Một bầy sáu tên giặc
Đời đời lừa giết người
Ta nay rõ bay rồi
Chẳng cùng bay gần gũi
Nếu bay chẳng phục ta
Đến đâu ta cũng nói*”

*Dạy người biết hết bay
Nếu bay chịu phục ta
Ta bèn chẳng phân biệt
Cùng bay ở một chỗ
Đồng chung Vô Sanh diệt”.*

Đây là cái biệt chân thật chỗ nào điên đảo, nên hay hàng phục được mà giữ Như Lai vị vậy.

Kinh: “Anan, ông hãy xem người trong thế gian mờ nút. Hễ không thấy chỗ thắt nút, thì làm sao biết mờ? Nhưng không hề nghe nói hư không bị phá tan. Vì sao thế? Vì hư không không có hình tướng, không có thắt hay cởi vậy. Thì như ông hiện giờ, sáu thứ: nhã, nhĩ, tỷ, thiệt cho đến thân ý đang làm mai mối cho giặc, tự cướp của báu trong nhà. Do thế mà từ vô thủy, thế giới chúng sanh sanh ra ràng buộc ở nơi sự vật thế gian, không thể siêu vượt khỏi.

Thông rằng: Ở trước, lấy ví dụ hư không chẳng hư hoại, nên chẳng sanh diệt. Ở đây, dù hư không không có thắt nút nên không có phiền não. Hư không còn thế, thì Tự Tánh Chân Không sao lại có phiền não sanh diệt ư? Như bỏ sanh diệt, giữ lấy cái Chân Thường, thì cái ánh sáng thường hằng hiện bày trước mắt, khi ấy căn, trần, thức tiêu mất, thì thế giới chúng sanh còn thế nào sanh trói buộc? Bên trong ánh sáng phát ra thì các trần tướng biến hóa của thế gian tiêu tan như băng gãp nước sôi; tức thời hóa thành Tri Giác vô thượng. Thế là nơi sự vật thế gian mà siêu vượt khỏi vậy. Của báu nhà mình là như vậy, sao chẳng tự giữ gìn thương tiếc.

Sáu thức ở trong, sáu trần ở ngoài, đều do sáu căn dãn dắt tự phát sanh ràng buộc, nên gọi là mai mối cho giặc.

Có nhà sư hỏi Tồ Tào Sơn: “Bậc Sa môn há chẳng phải là người đầy đủ đại từ, đại bi sao?”

Tồ Tào Sơn nói: “Phải”.

Hỏi: “Bỗng gặp sáu tên giặc cướp đến thì sao?”

Tồ Sơ nói: “Cũng cần đầy đủ đại từ, đại bi”.

Hỏi: “Thế nào là đầy đủ đại từ, đại bi?”

Tồ sơ nói: “Một gươm chém sạch!”

Hỏi: “Sau khi hết sạch rồi thì sao?”

Tồ Sơn nói: “Mới được hòa đồng”.

Lại có nhà sư hỏi Tồ Bửu Phước: “Nhà nghèo nàn mà gặp ăn cướp thì làm sao?”

Tồ Phước nói: “Không thể hết sạch đâu”.

Hỏi: “Vì sao mà không thể hết sạch?”

Tồ Phước nói: “Ăn cướp chính là người nhà”.

Hỏi: “Đã là người nhà, tại sao lại đổi thành ăn cướp của nhà?”

Tồ Phước nói: “Trong đã không có nội ứng, thì ngoài làm gì được?”

Hỏi: “Bỗng nhiên bắt được ăn cướp thì công về đâu?”

Tồ Phước nói: “Thường cũng chưa từng nghe”.

Hỏi: “Như thế thì nhọc nhằn mà không có công ư ?”

Tô Phuớc nói: “Công chẳng phải là không có, nhưng thành mà không có chỗ ở”.

Hỏi: “Đã thành công vì sao không có chỗ ở?”

Tô Phuớc nói: “Chẳng có nghe nói: “Thái bình vốn chỗ tướng quân mong. Chẳng để tướng quân thấy thái bình” sao?”

Ở chỗ này có thể biết rằng, mượn công phu để tỏ rõ địa vị thì tông môn chẳng phê bỏ, chứ nào từng một mực nói thiền là vô sự không tu gì cả sao?

Kinh: “Anan, thế nào gọi là thế giới chúng sanh? Thế là thời gian dời đổi; giới là không gian phương chốn. Nay ông nên biết rằng những phương đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, phương trên, phương dưới là giới. Quá khứ, vị lai, hiện tại là thế. Phương chốn có mười, sự trôi chuyển có ba. Tất cả chúng sanh dệt cái hư vọng mà hổ tương thành ra như vậy. Sự đổi dời là ở trong thân, thời gian và không gian gắn bó với nhau. Nhưng tính của giới đó tuy thiết lập ra mười phương, mà rõ ràng có thể xác định nơi chốn của nó. Thế gian chỉ nhận các phương đông, tây, nam, bắc; phương trên, phương dưới thì không có vị trí rõ ràng; còn phương giữa cũng không có vị trí nhất định. Số bốn của giới đã rõ rồi, hợp cùng với số ba của thế, thì ba nhân bốn, bốn lần ba, xoay chuyển thành số mười hai. Biến đổi ba lớp, từ một chục thành trăm, thành ngàn. Ở trong sáu căn trước sau bao gồm, mỗi thứ có thể có đến một ngàn hai trăm công đức”.

“Anan, ông lại xét trong sáu căn đó, hơn kém thế nào”?

“Như nhãnh căn xem thấy, phía sau thì tối, phía trước thì sáng, phương trước toàn sáng, phương sau toàn tối, trái phải hai bên, ba phần chỉ được có hai. Tóm lại, công đức của nhãnh căn không toàn vẹn, trong ba phần thì một phần không có, vậy nên biết nhãnh căn chỉ có tám trăm công đức”.

“Như nhĩ căn nghe khắp, mười phương không sót, động thì như có xa, có gần, tĩnh thì không có bờ bến. Nên biết nhĩ căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức”.

“Tỷ căn người biết cả lúc thở ra, thở vào. Có ra, có vào mà thiếu khoảng giao tiếp giữa ra và vào. Nghiệm nơi tỷ căn, ba phần thiếu một. Nên biết rằng tỷ căn chỉ có tám trăm công đức”

“Thiệt căn phô bày tận cùng trí thế gian và xuất thế gian. Lời nói có giới hạn, còn nghĩa lý thì vô cùng tận. Nên biết rằng thiệt căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức”.

“Thân căn biết chạm xúc, biết các cảm xúc dễ chịu và khó chịu. Khi hợp thì biết, khi rời thì không biết. Rời chỉ có một phần, hợp thì có hai phần nên nghiệm nơi thân căn ba phần thiếu một. Nên biết rằng thân căn chỉ có tám trăm công đức”.

“Ý căn lặng chứa hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian trong mười phương, ba đời. Dù thánh hay phàm, không có cái gì chẳng bao dung cùng tốt bờ bến. Nên biết rằng ý căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức”.

Thông rằng: “Hết thảy chúng sanh dệt cái hư vọng mà hổ tương thành ra như vậy. Sự dời đổi là ở trong thân, thế và giới gắn bó với nhau”, câu ấy nghĩa là thế giới là sự kết thành của nghiệp lực chúng sanh. Thân là chánh báo, thế gian là y báo, chỉ do nghiệp quả mà nên dạng hình, làm khách trọ đổi dời, trôi nổi không cùng. Giao thiệp với trần thế, đều do sáu căn làm môi giới. Trong sáu căn, mỗi cái đều có một ngàn hai trăm công đức, căn cứ trên tánh hiểu biết thì đồng, còn đối với cái dụng của sáu căn phân biệt thì có khác, bởi thế mà có đầy đủ và thiếu kém khác nhau.

Ở trước có nói “Khiến ông lưu chuyển thì lối làm là tâm và mắt”, thế nên bảy lần hỏi tâm, tám chỗ trả về, để tỏ rõ cái thấy hư vọng. Ở đây lại tỏ rõ đủ sáu căn là môi giới cho giặc, nên luận bàn rõ ràng sự hơn kém của sáu căn ấy. Khiến chọn lấy nhĩ căn viên thông để làm gốc tu chứng. Nhẫn căn, tỳ căn, thân căn thì ba phần thiếu đi một, không đầy đủ dung lượng của cái tánh. Thiệt căn, ý căn, tuy đầy đủ công đức như nhĩ căn, nhưng thiệt căn thì rơi vào lời nói, ý căn thì rơi vào sự suy nghĩ. Chẳng bằng được nhĩ căn, không hình tướng, không mùi, rất gần với tánh thế, bởi vậy phải nêu theo nó vậy.

Lấy không gian giao thiệp với thời gian, gọi là nhân thành ba lớp. Thứ nhất là, bốn phương hướng với ba đời, thành ra mười hai. Thứ hai là, một phương với ba đời, biến thành mươi, các phương khác cũng thế, cộng thành một trăm hai mươi. Thứ ba là, một phương từ mươi biến thành một trăm, các phương khác cũng như vậy, cộng thành một ngàn hai trăm. Số của thời gian là số ba, nên nhân ba lần. Không gian phương hướng có

mười, nên một biến thành mười. Đó là con số của tự nhiên. Trong Kinh Dịch, số đại diện là năm mươi, lấy năm nhân mười, lấy mười nhân năm, cũng giống như phép này. Chỗ dùng của thánh nhân trước sau đồng một đường lối.

Mỗi phương có hai trăm công đức, mỗi phương phụ có một trăm công đức. Tóm lại, mỗi phương có ba trăm công đức. Nay nhân căn thấy ba phương chính phía trước và hai bên thì có sáu trăm công đức, cộng với hai phương phụ phía trước là hai trăm, thành có tám trăm công đức. Còn ở phía sau thiếu một phương chính (hai trăm) và hai phương phụ (một trăm nhân hai) không thấy được. Thật ra, thì sáu căn mà trong sạch, có thể dùng thay cho nhau. Như trong kinh Hoa Nghiêm, y theo kinh mà tu hành, nếu đã phát ra được cái giải tương tự, thì tuy nhân căn chỉ có tám trăm công đức, cũng đầy đủ bao nhiêu công đức như năm căn kia. Còn nếu sáu căn làm mối cho giặc, tự cướp của báu trong nhà, thì đan dệt hư vọng mà đổi dời, không còn bờ bến. Cho nên, tu thì công đức vốn vô cùng, không tu thì nghiệp quả cũng vô cùng vậy.

Tổ Pháp Nhãnh thương đường nói: “Người xưa nói: “Thế nào là Thiên? Ba cõi đăng đăng (20)! Thế nào là Đạo? Mười phương mênh mông!” Vì sao nói ba cõi đăng đăng? Đâu là mười phương mênh mông? Cái đạo lý ấy thể hội được chăng? Lấp mắt đi, lấp tai đi, lấp hết lưỡi, thân, ý! Chỗ nào thiếu hụt? Chỗ nào động lay? Các Thượng Tọa hiểu làm sao? Ngang cũng chẳng được, dọc cũng chẳng được, bỏ cũng chẳng được, nắm cũng chẳng được, không có chỗ dụng tâm, cũng không có

chỗ bày vẽ! Nếu hiểu được như thế, mới thấu hiểu pháp môn tuyệt hét chọn lựa, cả thảy ngũ ngôn dứt rỉ chảy!”

“Từng có nhà sư hỏi: “Thế nào là lời tuyệt hét rỉ chảy?”

Trả lời cho nhà sư rằng: “Miệng giống như lỗ mũi thì rất phải”. Các Thượng Tọa như hiểu được chỗ này, thì tự nhiên rỗng suốt. Như tỏ suốt được, thì hết mười phương thế giới là trong mắt Kim Cang. Hãy vô sự! Trân trọng”.

Lại còn thiền sư Hoàng Long Chẩn thượng đường nói: “Nếu ra cái nhân duyên của người xưa hỏi thầy Xà Lê, thầy chẳng được lấy theo xưa mà hiểu. Nếu lấy theo xưa mà hiểu thì mất đi con mắt hiện giờ. Nếu ra cái nhân duyên hiện giờ hỏi thầy Xà Lê, thầy không được lấy theo hiện giờ mà hiểu. Nếu lấy theo hiện giờ mà hiểu, thì ngăn che con mắt xưa nay của thầy. Dù cho chẳng mất đi, chẳng ngăn che, chẳng phải xưa, chẳng phải nay, thì cũng còn là thuốc với bệnh trị lẫn nhau, là lời nói dỗ cho hết khóc! Còn như một câu thấu thoát, thầy Xà Lê nói được chẳng? Nếu không nói được, hãy đợi nói chuyện Thực Tướng với La Hán Phong, rồi sẽ nói cho mấy thầy”.

Các lời nói ở trên, tuy chỉ riêng tỏ rõ việc hướng thượng, mà lại cùng kinh này khai phát. Liền được *miệng giống như lỗ mũi, mắt tựa lông mày*, sáu căn không chỗ nương gởi, bèn chứng cái nhiệm màu của vô sanh. Đến khi *hết cả đại địa là một con mắt lẻ của Sa Môn*, thì lại không còn chỗ nào để nuốt hay nhả. Cái công đức này há có thể lấy chuyện thế gian mà cầu được ư?

Kinh: “Anan, nay ông muốn ngược dòng ái dục sanh tử trở lại cùng tột của sự lưu chuyển, đến chỗ không sanh diệt, thì phải nghiêm xét sáu căn đang thọ dụng đây: cái nào là hợp, cái nào là lìa, cái nào sâu, cái nào cạn, cái nào viên thông, cái nào chẳng viên mãn. Nếu ở chỗ đó ngộ được căn viên thông, ngược dòng nghiệp từ vô thủy dệt đan hụ vọng, theo được tánh viên thông, thì so với cái căn không viên thông, thật là gấp bội, như một ngày so với một kiếp. Nay Ta đã hiển bày đầy đủ những công đức vốn có của sáu căn trong lặng, tròn sáng, số lượng là như vậy. Tùy ông chọn cho kỹ, cái nào có thể vào, ta sẽ phát minh khiến ông tăng tiến.

“Mười phương Nhu Lai, nơi mười tám giới, mỗi mỗi đều tu hành mà được Vô Thượng Bồ Đề tròn đủ, trong các giới đó, không có chỗ nào hơn kém. Chỉ vì ông có thấp kém, mà ở trong ấy chưa tròn cái Huệ Tự Tại được. Thế nên, ta nêu lên khiến ông chỉ cần ở nơi một căn mà thâm nhập. Nhập Một thì không có vọng, cả sáu Căn kia cùng lúc thanh tịnh.

Thông rằng: Cái gốc của sự lưu chuyển tức là cái Diệu Trạm Bất Động vậy. Tách ra khỏi cái ấy, thì trôi lăn theo cảnh, gọi là dòng sanh tử. Nghịch lại mà nhập vào, ngược dòng vẹn tròn cái Một, gọi là chẳng sanh diệt. Sanh diệt là vọng, chẳng sanh diệt thì không vọng. Sáu căn thọ dụng, tuy là liên quan với vọng mà bày tỏ công đức, thật vốn là một tinh minh phân ra, đồng một tánh trong lặng tròn sáng vậy. Chỉ cần thâm nhập một cửa, đạt thắng đến chỗ bản nguyên, theo tánh viên thông, chẳng sanh ràng buộc, nghiệp phục được tâm bám níu trước kia, nhập Phật Tri Kiến, thì sáu căn thọ dụng đều thành diệu dụng.

Đức Lục Tổ dạy: “Nếu khởi cái chân chánh Bát Nhã quán chiểu, trong khoảng sát na vọng niệm đều tan hết. Như biết tự tánh, một ngộ liền đến Phật địa. Thiện Tri Thức! Trí Huệ quán chiểu, trong ngoài sáng suốt, thấu suốt từ Bốn Tâm. Nếu thấu suốt bản tâm tức là giải thoát. Giải thoát, đó là Bát Nhã Tam Muội. Bát Nhã Tam Muội, tức là vô niệm. Sao gọi là vô niệm? Như thấy tất cả pháp, tâm chẳng nhiễm trước, đó là vô niệm. Dùng bèn khắp tất cả chỗ, mà cũng chẳng bám luyến chỗ nào. Trong sạch lấy bốn tâm, khiến sáu thức ra sáu cửa, ở trong sáu trần mà không nhiễm, không lẩn lộn; đến đi tự do, suốt dùng không mắc vướng, tức là Bát Nhã Tam Muội, tự tại giải thoát, gọi là hạnh vô niệm”.

Lời nói này của Đức Lục Tổ, theo ý căn mà vào, nối tiếp thăng từ môn phong của Đức Ca Diếp.

Tổ Ngưỡng Sơn ở Tổ Quy Sơn, đang chăn trâu trước sườn núi, thấy một nhà sư lên núi, không bao lâu lại xuống.

Tổ Ngưỡng Sơn hỏi: “Thượng Tọa sao không ở lại trong núi?”

Nhà sư đáp: “Chỉ vì nhân duyên chẳng khé hợp”.

Tổ Ngưỡng nói: “Có nhân duyên nào, ông thử nêu ra đi!”

Đáp: “Hòa Thượng hỏi tôi tên gì. Tôi nói “Quy Chơn”.

Hòa Thượng nói “Quy Chơn ở chỗ nào?” Tôi không đáp được”.

Tổ Ngưỡng nói: “Thượng Tọa hãy trở lại thưa với Hòa Thượng: “Tôi nói được”. Hòa Thượng hỏi “Nói làm sao?” Thì chỉ trả lời “Trong mắt, trong tai, trong mũi!”

Nhà sư trả lời, làm như lời chỉ dặn.

Tổ Quy Sơn nói: “Gã nói láo buông tuồng! Đây là lời nói thiện tri thức của năm trăm người”.

Thiền sư Bàn Am Thành thượng đường nói:

*“Trong mũi là tiếng, trong tai hương
Trong mắt mặn lạt, lưỡi đen vàng
Ý thì cảm giác, thân phân biệt
Nhà tuyết như xuân, hạ mát trong”.*

Thấy được như vậy, mới biết rằng trong thân nam nhập định thì trong thân nữ xuất định. Hoa quỳ theo mặt trời mà xoay chuyển, vẫn con tê giác do ngắm trăng mà sanh! Cây Hương Phong thành ông lão; con sâu thành trái quả-lởa. Nếu mà chẳng biết, khổ thay cho Phật! Cho phép các ông đầy đủ “Một con mắt lẻ!”

Quả như chõ thấy của các vị Tôn Túc, mới được cái tin tức của sáu căn thanh tịnh.

Kinh: Ông Anan bạch Phật: “Thưa Thế Tôn! Làm sao ngược dòng vào sâu một căn lại có thể khiến cho sáu căn cùng một lúc đều thanh tịnh?”

Phật bảo Ông Anan: “Ông nay đã đắc quả Tu Đà Hoàn, đã diệt được kiền hoặc của chúng sanh thế gian ba cõi, nhưng còn chưa biết những tập khí hư vọng chứa nhóm trong căn từ vô

thủy. Các tập khí kia cần phải nhờ tu mới đoạn trừ được. Huống chi, những phân loại, số mục “sanh, trụ, dị, diệt” ở trong đó.

Thông rằng: Kiến Đạo đoạn tám mươi tám kiết sử; Tu Đạo đoạn tám mươi mốt cái tư hoặc. Sơ quả Tu Đà Hoàn tuy đoạn hoặc phân biệt chõ thô, vẫn còn té hoặc câu sanh chưa đoạn, nên chưa chứng đến biên giới của Khổ. Chứng được Khổ biên té cho đến địa vị Vô Học, thì không những biết các phân loại, số mục sanh, trụ, dị, diệt của một hữu tình, mà còn hành tướng vi té của hết thảy hữu tình và vô tình trong tam thiên đại thiên thế giới. Sự tò suốt cùng cực này, hẳn là do sự đoạn trừ do tu hành mà được vậy.

Có nhà sư hỏi Tô Quy Sơn: “Người đốn ngộ lại còn tu nữa không?”

Tô Quy Sơn nói: “Nếu thật ngộ được cội gốc, thì người ấy tự biết, khi ấy tu và không tu chỉ là lời nói hai đầu. Như nay tuy nhờ duyên mà được sơ tâm, một niệm đốn ngộ cái Lý ở nơi mình, nhưng còn tập khí từ vô thủy kiếp, chưa thể nhanh chóng thanh tịnh. Cần dạy người ấy tịnh trừ các hiện nghiệp lưu chứa nơi thức, tức là tu vậy. Không có riêng pháp nào để dạy người ấy hướng theo tu hành nữa.

“Từ chõ nghe nhập vào Lý, cả cái nghe lẫn cái Lý đều bày hiện nhiệm màu, tâm tự tròn sáng, chẳng ở trong chõ mê lầm. Dù có trăm ngàn diệu nghĩa, chế phục đương thời, cũng chỉ mới được ngồi mà mặc áo, phải tự hiểu làm ra kế sống mới được. Nói tóm lại, ở nơi Thật Tế chẳng thọ nhận một mảy trần,

nhưng trong cửa muôn hạnh không bỏ một pháp. Như một đao xông suốt vào, thì tình phàm ý thánh đều hết ráo, thê lộ chân thường, lý sự không hai, tức Như Như Phật”.

Phàm lý sự chẳng hai, chẳng phải tu, chẳng có chứng. Tô Quy Sơn hết lời bày tỏ một đường tối thượng. Nào có quét dẹp hết tiệm tu, mà lại chẳng cần phương tiện trợ giúp.

Kinh: “Nay ông hãy xem sáu căn hiện giờ là Một hay là Sáu?

“Anan, nếu nói là một thì sao tai chẳng thấy, mắt chẳng nghe, đâu sao chẳng đi, chân sao chẳng nói?

“Nếu sáu căn nhất định là sáu, thì như nay trong hội này, ta đang tuyên dương pháp môn vi diệu cho ông, trong sáu căn của ông cái nào đang lãnh nhận?”

Anan thưa: “Tôi dùng Tai nghe!”

Phật dạy: “Tai ông tự nghe, thì liên quan gì đến miệng và thân, mà miệng lại hỏi nghĩa, còn thân thì lại đứng dậy kính vâng! Thế nên phải biết, chẳng phải một mà cuối cùng thành sáu, chẳng phải sáu mà cuối cùng thành một. Rốt cuộc cái căn của ông, vốn chẳng phải là một, hay là sáu. Chỉ vì do từ vô thủy đến nay, điên đảo kết nhóm, nên ở nơi tánh trong lặng tròn khắp mà sanh ra cái nghĩa một và sáu. Ông là Tu Đà Hoàn, tuy được cái sáu đã tiêu, mà chưa mất hết cái một.

“Như hư không bao la, tham hợp với các vật dụng, do vật dụng có hình dáng khác nhau, mà gọi là hư không có khác nhau! Nếu trừ bỏ các vật dụng mà xem hư không, thì nói là hư

không là một. Hư không bao la kia đâu có vì ông mà thành đồng hay chẳng đồng, huống gì lại gọi đó là một hay chẳng phải một. Thê thì sáu căn thọ dụng hay biết của ông, cũng lại như thế.”

Thông rằng: Chỗ này chính là giải nghĩa chỗ nghi về “*Vào sâu một căn, thì sáu căn đồng thời thanh tịnh*”. Nếu sáu căn nguyên là một, vốn tự thanh tịnh, thì sao lại là sáu tên giặc? Nếu sáu căn nguyên là sáu, chẳng có thể dùng thay cho nhau, thì làm sao có thể thanh tịnh cùng một lúc? Nay như hư không vốn là một, mà tham hợp với những vật dụng thì thành sáu. Do các vật dụng hình dáng khác nhau mà gọi là có những hư không khác nhau, rồi gọi đó là sáu chứ không phải là một. Nếu dẹp hết vật dụng, nhìn xem hư không, thì nói hư không là một, cho là cái sáu tiêu rồi, chỉ còn lại cái một. Đây là để ví dụ về nghĩa phát sanh của một và sáu. Hư không bao la kia nào có hòa hợp gì với hình thể của vật dụng, vốn chẳng phải là đồng, là khác. Đã không có chuyện đồng hay khác thì chỗ nào mà lập ra cái tên sáu với một? Đây là để ví dụ vốn chẳng có gì là một hay sáu. Khi thấy ra vốn chẳng phải là một hay sáu, trong lặng tròn đầy, xưa nay tịch diệt, thì có chỗ nào mà chẳng thanh tịnh đâu?

Tu Đà Hoàn, gọi là Nhập Lưu, vào dòng, mà không có chỗ nhập. Chẳng nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tức là cái sáu tiêu tan. Nhưng còn chấp là có Niết Bàn ở đâu đó, nên chưa mất đi cái Một. Cái Một từ chỗ nào tới? Hư không từ chỗ nào khởi ra? Thê mới biết đã “hướng thượng” mà lại còn có chuyện!

Tổ Dược Sơn hỏi Ngài Vân Nham: “Ngoài chỗ Bách Trượng ra, ông còn đến chỗ nào?”

Đáp: “Có từng đến Quảng Nam”.

Tổ Sơn nói: “Nghe nói ngoài cửa Đông thành Quảng Châu có một tảng đá bị Quan Châu dời đi, có thật không?”

Ngài Nham nói: “Không những Quan Châu, mà hết thảy người trong nước dời cũng chẳng động”.

Tổ Dược Sơn lại hỏi: “Nghe nói ông biết giỗn đùa làm trò với sư tử, có phải không?”

Đáp: “Phải”.

Hỏi: “Làm trò được mấy xuất?”

Đáp: “Làm trò được sáu xuất”

Tổ Sơn nói: “Ta cũng làm trò được”.

Hỏi: “Hòa Thượng làm trò được mấy xuất?”

Tổ Sơn nói: “Ta làm trò được một xuất”.

Ngài Nham nói: “Một tức sáu, sáu tức một”.

Sau Vân Nham đến Tổ Quy Sơn, Tổ hỏi: “Có nghe Trưởng Lão ở chỗ Dược Sơn làm trò giỗn sư tử, có thật không?”

Đáp: “Thật”.

Hỏi: “Giỗn hoài hay có lúc dẹp bỏ?”

Ngài Nham nói: “Muốn giỗn thì giỗn, muốn dẹp thì dẹp”.

Hỏi: “Khi dẹp thì sư tử ở chỗ nào?”

Ngài Nham nói: “Dẹp hết, dẹp hết vậy”.

Cần biết Ngài Vân Nham giőn sư tử, chứ không phải giőn với tinh hồn, vì Ngài có tảng đá mà người cả nước đây xô chǎng động.

Kinh: “Do hai thú sáng và tối bày tỏ lẩn nhau trong tánh tròn đầy nhiệm màu, mà làm dính che tánh trong lặng, phát ra cái thấy. Cái kiến tinh dọi ra cái sắc, kết sắc thành căn. Gốc căn gọi là bốn đại thanh tịnh. Nhân gọi là hình thể con mắt, như trái bồ đào. Phù căn bốn trần, rong ruổi chạy theo sắc.

“Do hai thú động và tĩnh đối chọi lẩn nhau trong tánh tròn đầy nhiệm màu, mà làm dính che tánh trong lặng, phát ra cái nghe. Cái thính tinh phóng dọi cái tiếng, cuộn xếp cái tiếng lại thành căn. Gốc căn gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái tai, như lá mới cuốn. Phù căn bốn trần, rong ruổi chạy theo tiếng.

“Do hai thú thông và bít phát hiện lẩn nhau trong tánh tròn đầy nhiệm màu, mà làm dính che tánh trong lặng, phát ra cái ngửi. Cái ngửi phóng dọi ra hương, thu nạp cái hương thành căn. Gốc căn gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái mũi như hai móng tay rủ xuống. Phù căn bốn trần, rong ruổi chạy theo hương.

“Do hai thú nhạt và có vị xen phát lẩn nhau trong tánh tròn đầy nhiệm màu, mà làm dính che tánh trong lặng, phát ra cái ném. Cái ném phóng dọi ra mùi vị, thắt cái vị thành căn.

Gốc của căn gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi hình thể cái lưỡi như vành trăng non. Phù căn bốn tràn, rong ruổi chạy theo vị.

“Do hai thú lìa và hợp so sánh lẫn nhau trong tánh tròn đầy nhiệm màu, mà làm dính che tánh trong lặng, phát ra cái biết xúc chạm. Cái biết xúc chạm phóng dọi ra thành xúc, ôm nắm cái xúc lại thành căn. Gốc căn gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi là hình thể cái thân như cái trống cơm. Phù căn bốn tràn, rong ruổi chạy theo xúc.

“Do hai thú sanh và diệt, nối tiếp lẫn nhau trong tánh tròn đầy nhiệm màu, mà làm dính che tánh trong lặng, phát ra cái biết. Cái biết phóng dọi ra thành các pháp, tóm thu các pháp thành căn. Gốc căn gọi là bốn đại thanh tịnh, nhân gọi cái ý như cái thấy trong phòng tối. Phù căn bốn tràn, rong ruổi chạy theo pháp.

Thông rằng: Nguyên nương y một Tinh Minh, chia thành sáu cái hòa hợp, ở đây mà thấy rõ. Từ nguyên do kết tạo ra sáu căn cho đến cách thể rong ruổi chạy theo tràn, đều đầy đủ chi tiết. Ở đây cũng như chỗ ví dụ trước về hư không bao la tham hợp với các vật dụng. Cái thể Tinh Minh, sắc gấp thì thành cái thấy, tiếng gấp thì thành cái nghe. Thế sao là tánh tròn đầy màu nhiệm?

Thật cũng như nước lặng trong mà bởi có bụi rớt vào mà thành dính che vậy.

Bốn đại thanh tịnh tỏ rõ cái căn thăng nghĩa, hay soi chiếu cảnh mà phát ra cái thức, là sắc căn trong sạch. Phù căn bốn

trần để tỏ rõ cái căn phù trần, hay rong ruổi chạy theo trần tướng, đủ thứ nghiệp. Tánh của đất, nước, lửa, gió tất cả vốn là Không, nên gọi là bốn đại trong sạch. Tướng của đất, nước, lửa, gió vốn là lay động, nên nói bốn trần như cái thấy trong phòng tối. Sao có được phù căn bốn trần? Bởi mê muội thành ra hư không, trong cái hư không mê muội đó, kết cái tối làm hình sắc. Cái sắc tối tăm này xen lẫn với vọng tưởng, nhóm các duyên mà lay động bên trong. Vì có cái tối để thấy nên gọi là phù căn. Vì có lay động nên gọi là trần. Như trong năm loại sắc, cái sắc vô hình là do chồ thọ nhận mà dẫn phát ra, rồi cũng cái thọ nhớ giữ. Căn chìm vào bên trong, trần nổi ra bên ngoài. Trần là cái chồ để nương sao lại nói là rong ruổi? Vì, nêu lên cái sở y để hiển cái năng y vậy.

Thiền sư Phổ An có bài kệ:

*“Về chẳng thành viên, đập chẳng rời
Nào cần Nam Nhạc với Thiên Thai
Đầu cửa sáu căn không người dụng
Có chuyện Hồ Tăng (21) đến tự Tây? ”*

Có nhà sư ở Tồ Bửu Phước đến Tồ La Hán Sâm.

Tồ Sâm hỏi: “Phật Pháp ở đây chỉ dạy người ta như thế nào?”

Nhà sư đáp: “Ngài Bửu Phước có lần dạy chúng rằng: Bịt đi mắt ông, dạy ông nhìn mà chẳng thấy! Lấp đi tai ông, dạy ông lắng mà chẳng nghe! Giữ chặt ý ông, dạy ông phân biệt chẳng được!”

Tô Sâm nói: “Ta hỏi ông: Không bịt mắt ông, ông thấy cái gì? Không lắp tai ông, ông nghe được cái gì? Không giữ chặt ý ông, ông làm thế nào để có sự phân biệt?”

Nhà sư nghe xong tinh ngộ.

Đó là ở chính nơi đâu cửa sáu căn thấy được lối vào, bèn thấy ngay một đoạn chân phong là tánh tròn đủ nhiệm màu.

Lại có nhà sư, nghe một khúc trong cuốn Tây Sương Ký, “*Nào ngăn được lúc đi. Khóe mắt đâu chuyển động*”, bèn đại khé ngộ.

Há phải đợi Hồ Tăng từ Tây đến sao?

Kinh: “Anan, sáu căn như vậy do tánh giác minh kia, có cái minh mà thành minh giác, mắt đi tánh thuần túy tỏ biết, dính với cái vọng mà có ra cái hay biết. Do đó mà nay ông rời tối rời sáng thì chẳng có cái thấy ở đâu cả. Rời động, rời tĩnh thì không có cái nghe ở đâu cả. Không có thông, không có bít, thì cái ngửi chẳng sanh. Chẳng mùi, chẳng nhạt, thì cái nếm chẳng ở đâu mà có. Không rời, không hợp thì cảm giác vốn không. Không diệt không sanh, thì cái hay biết có ở chỗ nào?

“Ông chỉ không theo mười hai tướng hữu vi động tĩnh, lìa hợp, nhạt vị, thông bít, sanh diệt, sáng tối kia, mà tùy đó nhổ rứt một căn ra khỏi cái dính, phục về bên trong, phục về nguồn chân, phát ra cội nguồn sáng suốt chói rực. Cái bốn tánh chói rực đã hiện ra rõ ràng thì năm cái dính kia cũng bứt ra, giải thoát hoàn toàn. Khi đó, cái hay biết có mà chẳng do tiền tràn,

vốn sáng suốt mà chẳng theo cǎn, cái sáng suốt chỉ gởi ở nơi cǎn mà chiếu sáng. Bởi thế sáu cǎn có thể dùng thay lǎn nhau.

Thông rằng: Đoạn trước nói: “Biết rõ cái vọng chẳng phải cái gì khác, mà lõi là cái giác minh. Cái sở minh đã vọng lập ra, thì cái minh chẳng thoát, mà hạn cuộc nơi cǎn”.

Đoạn này nói: “Do tánh giác minh kia, có cái minh mà thành minh giác, mất đi tánh thuần túy tò biết, dính với cái vọng mà có ra cái hay biết, chạy theo tràn túng”.

Cả hai đoạn bày rõ sáu cái cǎn hư vọng thành tựu là do phân chia tánh trong lặng tròn đầy kia, cái hay biết thuần túy ban đầu phóng dọi ra mà có! Thế nên, vốn là tánh minh diệu chân thật, mà ở trong chẳng lìa khỏi cǎn, bên ngoài chẳng thể rời tràn, bèn bị cǎn tràn che lấp, không còn chỗ nào hiển lộ.

Phải biết sáu tràn là hư vọng, vốn không có tự tánh. Sáu cǎn là hư vọng vì lìa ngoài tràn thì không có tự thể. Tràn không có tự tánh, nên cũng có thể dính kín, mà cũng có thể ra thoát vậy. Cǎn thì không tự thể, nên có cảnh thì bèn có, không có cảnh thì bèn không.

Luận Bát Thúc Quy Củ nói: Bậc Nhị Địa chỉ trụ ở ba thứ: nhān, nhī, thân gọi là Sơ Thiền của Sắc Giới. Không ăn bằng cách nhai, nên thiệt thức chẳng khởi. Không có các thứ tạp uế, nên tỗ thức chẳng sanh. Độc chỉ trụ trong ba cái thức của mắt, tai và thân. Đến Đệ Tam Địa, vì do Định sanh nên ba cái thức mắt, tai và thân cũng không khởi lên.

Chỗ này tức là trừ bỏ vật dụng mà thấy hư không, thì hư không cũng làm gì có? Thế nên, biết rằng có được một hay sáu đều là hư vọng ráo, còn chẳng phải một, chẳng phải sáu mới là có chút chân thật. Cái vọng nép phục túc là cái chân hiện. Chân hiện thì vọng không còn dính. Đã thoát khỏi sự dính, thì cái sáng chói rực rõ phát ra mà chẳng do trần tướng khởi. Đã chẳng do trần thì đó là cái chân thật, xưa nay vốn sáng suốt chẳng phải từ căn ra, là tánh sáng lặng, tròn đầy vậy.

Tuy chẳng theo căn mà có, nhưng nương gởi ở căn mà phát ra ánh sáng đó thôi. Căn gọi là nương gởi, vì nguyên là không có vị trí nhất định. Thế nên, nghe chẳng phải nhất định ở tai, thấy không nhất định ở mắt, mà sáu căn có thể dùng thay lẫn cho nhau, chứ không như trước kia: sự nghe chẳng ra ngoài tiếng, thấy chẳng vượt khỏi sắc, tự sanh ràng buộc, chẳng thể siêu việt được.

Đức Phật Tỳ Xá Phù có kệ:

*“Giả mượn bốn đại để làm thân
Tâm vốn vô sanh, nhân cảnh có
Tiền cảnh là không, tâm cũng không
Tôi phước như huyền, khởi cũng diệt”.*

Đoạn kinh trên là chú giải của bài kệ này vậy.

Có nhà sư hỏi Thiều Quốc Sư: “Theo trong giáo pháp có lời dạy: Mắt chẳng thấy sắc trần. Ý chẳng biết các pháp. Như thế nào là mắt chẳng thấy sắc trần?”

Quốc Sư nói: “Đó là lỗ tai thấy!”

Hỏi: “Như thế nào là ý chẳng biết các pháp?”

Quốc Sư nói: “Con mắt biết”.

Hỏi: “Như vậy thì thấy nghe bắt đường, mà thanh, sắc vẫn nào động?”

Quốc Sư nói: “Ai nói với ông?”

Rồi nói: “Phàm tất cả vấn đáp như mũi kim đói nhau, không mảy tơ sai khác. Sự không gì chẳng thông suốt, lý không đâu chẳng đủ. Bởi vì tất cả ngôn ngữ, tất cả tam muội, ngang dọc, cạn sâu, ẩn hiện, đến đi, chính là thực tướng của Chư Phật. Chỉ cứ như giờ đây tức thời nghiệm lấy”.

Hòa Thượng Định Huệ Tín hỏi một nhà sư: “Quốc Sư Huệ Trung nói vô tình thuyết pháp. Các vị Tôn Túc phương nam bàn luận như thế nào?”

Nhà sư nói: “Khắp cả đều là sáu căn dùng thay nhau”.

Ngài Huệ Tín nói: “Trong kinh nói: Vô nhãn, nhĩ, tỳ, thiệt, thân, ý. Lấy cái gì dùng lấn cho nhau?”

Nhà sư định suy nghĩ, Ngài bèn đánh.

Như Ngài Huệ Tín mới là hổ dụng hiện tiền, còn vượt Thiều Quốc Sư bảy bước!

Kinh: “Anan, ông há chẳng biết ngay ở trong hội này, Ông A Na Luật Đà không có mắt mà thấy; rồng Bạt Nan Đà không có tai mà nghe; thần nữ Căng Già không có mũi mà người được hương, Ông Kiều Phạm Bạt Đề khác lưỡi mà biết mùi vị, thần Thuấn Nhã Đà không có thân mà biết cảm giác,

trong hào quang Như Lai chiếu ra, làm cho tạm hiện ra có thân, chứ bản chất của ông là gió làm gì có thân thể? Các vị Thanh Văn được tịch diệt ở trong diệt tận định, như Ông Ma Ha Ca Diếp trong hội này, diệt mất ý căn từ lâu mà vẫn hiểu biết tròn vẹn sáng suốt, không do ở tâm niệm”.

Thông rằng: Kinh nói, “*Vốn sáng suốt mà chẳng theo căn*”, cho đến việc “*Sáu căn dùng thay nhau*”, ở chỗ nào mà nghiệm? Ông Luật Đà được nửa cái thiên nhãn nên không cần nhờ con mắt. Rồng lấy sừng nghe nên chẳng cần đến tai. Thần sông Căng Già ngửi hương vốn chẳng dùng mũi. Ông Bạt Đề lưỡi trâu mà vẫn phân biệt các vị. Thần Thuần Nhã không thân mà vẫn có xúc giác. Các vị Thanh Văn đã chứng diệt tận định, như Đại Ca Diếp, đã diệt mất ý căn từ lâu.

Do đó mà biết sáu căn có thể không có, thì vốn chẳng phải là sáu. Sáu căn có thể dùng thay nhau, thì vốn chẳng phải là một. Chẳng phải một, chẳng phải sáu, mà cái thể trong lặng tròn đầy kia, ai ai cũng sẵn đủ, há chẳng ở nơi đây mà càng tự tin lấy sao?

Ngài Phổ Dung Trí Tạng đến chỗ Ngũ Tổ Pháp Diễn đang nhập thất, Tổ đem chuyện Thánh Nữ (22) lìa hồn mà hỏi. Ngài liền khẽ ngô, làm bài kệ:

*“Hai cô hợp thành một cô dâu
Cuộc đời ngăn đứt, khó gặp nhau
Từ đây qua lại không tung tích
Lúc đến, người đi chờ hỏi đường!”.*

Ông Trương Tử Thiều đến Tô Kính Sơn, cùng với ông giúp việc trong chùa đàm luận về “Cách Vật”.

Tô Kính Sơn Huệ nói: “Ông chỉ biết có Cách Vật mà không biết có Vật Cách”.

Ông Thiều ngơ ngác. Tô Huệ cười lớn.

Tử Thiều hỏi: “Thầy có thể đem ra thí dụ được chăng?”

Tô Huệ nói: “Không thấy trong tiểu thuyết có chép: Đời Đường, có người làm quan Lang Thủ cùng An Lộc Sơn mưu phản. Khi vua Đường Minh Hoàng đến đất Thục, thấy hình tượng của người này, nổi giận ra lệnh cận thần chém đầu bức tượng. Khi ấy Lang Thủ đang ở Thiểm Tây mà đầu bỗng rót xuống đất”.

Ông Tử Thiều nghe xong liền ngộ ý chỉ sâu mầu.

Ngài Phàn Dương có bài tụng Lục Tướng:

*“Thầy là A Na Luật
Rõ ràng không một vật
Núi sông cùng đất đai
Diễn bày Ba La Mật.
Nghe là Bạt Nan Đà
Tiếng thông, không gì quá
Xa gần đồng đều rõ
Chẳng cần niệm Ma Ha.
Người là Cang Già nữ
Tâm từ bi cùng khắp
Sạch sơ đều rõ hết*

Tức đó, không ta người.
 Ném là Kiều Phạm Ba
 Ngọt đắng cõng bình thường
 Vào miệng rõ cay chua
 Giống như trăng giữa trời.
 Xúc là Thuần Nhã Đa
 Thiện ác, hết thảy hòa
 Cắt xẻ không vui giận
 Chỉ thật A Di Đà.
 Ý là Đại Ca Diếp
 Tỳ Lô (23) là Một Pháp
 Nhà tối rõ ràng phân
 Chi phái ngàn hoa lá”.

Chỗ Thầy của Ngài Phân Dương xa thăm lạ thường, mượn sáu căn này mà mỗi mỗi chỉ ra cửa hướng thượng. Tóm lại, không rời chuyện “*Phục về nguồn chân, phát ra cội nguồn sáng suốt chói rực*” mà thôi vậy.

Kinh: “Anan, giờ đây các căn của ông mà nhổ sạch ra được, thì cái sáng chói bên trong phát ra. Như thế, các phù tràn và các tướng biến hóa của thế gian vật chất đều tiêu mất như bǎng gắp nước sôi, lập tức hóa thành Tri Giác vô thượng.

Thông rằng: Tùy theo nhổ dứt một căn, thoát khỏi sự dính, phục về bên trong, trở lại cùng tột dòng căn đến chỗ chẳng sanh chẳng diệt. Đó là chuyện phía bên công phu, cái cơ duyên là do ở ta.

Các cǎn nhǒ sạch, cái sáng chói bên trong phát ra, sanh diệt dứt hết, tịch diệt hiện tiền. Đây là chuyện phía bên đốn ngộ, cơ duyên chǎng ở tại ta. Do đó, không ngộ thì cǎn thân phù trǎn, các tướng biến hóa của thế gian sự vật đều quy về pháp sanh diệt, như nước đóng thành băng. Còn một phen đốn ngộ, liền chuyển cái sanh diệt làm tánh chǎng sanh chǎng diệt, như nước sôi tiêu tan băng giá, mà trở lại thành nước vậy. Nước là cái bồn lai vậy. Vô Thượng Tri Giác là cái vốn có của ta vậy. Đã thành ra cái Tri Giác vô thượng, thì còn có sáu tên giặc nào để lo nữa ư?

Ngài Long Đàm Tín hỏi Tố Thiên Hoàng Ngộ rằng: “Từ khi đến đây, con chǎng được Hòa Thượng chỉ bày cho tâm yếu”.

Tố Hoàng nói: “Từ khi ông đến đây, ta chưa từng có lúc nào mà không chỉ bày tâm yếu”.

Ngài Long Đàm nói: “Chỉ bày chõ nào đâu?”

Tố Hoàng nói: “Ông đem trà tới, ta vì ông rước lấy. Ông đem cơm tới, ta vì ông lanh lấy. Khi ông cung kính, ta bèn cúi đầu. Có chõ nào là chǎng chỉ bày cái tâm yếu cho ông đâu?”

Thầy Long Đàm đứng trân, suy nghĩ.

Tố Hoàng nói: “Thầy thì thấy ngay. Nghĩ suy liền trật.”

Long Đàm ngay khi ấy khai ngộ. Bèn thưa: “Bảo nhiệm (24) thế nào?”

Tố Hoàng nói:

*“Theo tánh rong chơi
Tùy duyên phóng khoáng
Chỉ hết phàm tâm
Không riêng thánh giải”.*

Tô Giáp Sơn có thầy Tiểu Sư theo làm thị giả đã lâu. Tô bảo đi hành cước, đi các nơi học thiền. Sau nghe Tô Giáp Sơn nhóm chúng, tiếng đạo vang xa. Thầy Tiểu Sư bèn về thăm và hỏi: “Hòa Thượng có chuyện kỳ đặc như thế, sao chẳng sớm nói cho con?”

Tô Sơn nói: “Ông vo gạo thì ta chụm lửa, ông dọn cơm thì ta bày bát. Chỗ nào là ta phụ rầy ông đâu?”

Tiểu Sư nghe đó, liền ngộ nhập.

Đều có thể nói là “*Lập túc hóa thành Tri Giác vô thương*” đó vây.

Kinh: “Anan, như người thế gian kia gom cái Thấy ở nơi con mắt. Nếu bảo nhắm kín thì tướng tối hiện ra trước mặt, cả sáu căn đều tối, đầu và chân cũng thế. Người kia lấy tay rờ quanh ngoài thân thể, thì tuy chẳng thấy, mà vẫn phân biệt được đầu và tay, cái tri giác vẫn đồng như cũ.

“Cái thấy nhân nơi sáng, khi tối thành ra không thấy. Còn cái thấy mà không nhân nơi cái sáng mà vẫn tự phát ra, thì các tướng tối chẳng bao giờ làm mờ tối đi được. Căn và trần đã tiêu tan rồi, thì sao tánh Giác Minh không trở thành nhiệm màu cùng khắp?

Thông rằng: Đoạn trước chỉ bày Tánh Trạm Viên chǎng theo cǎn, ở đây chỉ ra Tánh Trạm Viên chǎng nương nơi duyên. Người nhǎm mắt kia, lấy tay rờ theo thân thể người khác thì phân biệt được đầu và chân. Cái tri giác trong tối với cái tri giác khi Sáng không khác nhau. Người đời còn chǎng cần mượn cái duyên ánh sáng mà vẫn phân biệt được, huống gì Chân Giác của Thánh Nhân há lại mượn duyên ư? “*Cái thấy nhân nơi sáng, khi tối thành ra không thấy*”. Đó là nói theo thế đế. Như vậy là cho rằng cái thể Giác Minh, nhờ có ánh sáng mà sáng, do bởi tối mà thành tối. Nay hãy xem người nhǎm kín mắt, chǎng có nhờ duyên ánh sáng mà vẫn hay biết, trong bóng tối cũng vẫn phân biệt rõ đầu và chân. Cái thấy này, sáng không làm cho nó sáng, tối không làm cho nó tối, không những cǎn không thể giới hạn được mà tràn cung không ngăn cách nó được. Cǎn và tràn đã tiêu mất, bèn tay có thể làm mắt, mắt có thể làm tai. Một cǎn về gốc, sáu cǎn thanh tịnh, làm sao tánh Giác Minh chǎng thành nhiệm màu tròn khắp?

Cái Giác Minh từ sáu cǎn mà phát ra ấy, phạm vi của cái sáng giới hạn bởi cǎn, nên chǎng thể nhiệm màu tròn khắp. Duy cái Giác Minh chǎng nương cậy cǎn và tràn, mà tự phát ra, đó là thần thông diệu dụng, cảm ứng khắp nơi, đó thật là sáu cǎn dùng thay nhau, tức là cái gốc cho ba mươi hai Ứng Thân do Viên Thông của Đức Quán Thế Âm vậy.

Ngài Văn Nham hỏi Tồ Đạo Ngô: “Đức Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát dùng bao nhiêu tay mắt ấy như thế nào?”

Tồ Ngô nói: “Như người nửa đêm trở tay rờ cái gối”.

Ngài Nham nói: “Tôi hiểu”.

Tô Ngô nói: “Ông hiểu làm sao?”

Ngài Nham nói: “Khắp thân (25) là tay, mắt”.

Tô Ngô nói: “Nói thì quá lăm, mà chỉ nói được tám tướng thành Đạo”.

Ngài Văn Nham nói: “Sư huynh nói thế nào?”

Tô Ngô nói: “Suốt Thân (26) là tay, mắt”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“Một khiếu rỗng thông
Tám mặt cửa song
Không tướng, không thân, xuân vào luật
Chẳng ngăn, chẳng ngại, nguyệt tròn không
Mắt quý sạch trong, tay công đức
Khắp thân nào giống được suốt thân!
Hiện tiền tay, mắt toàn cơ hiện
Đại dụng tung hoành, mặc cũ kiêng”.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

“Khắp thân phải, suốt Thân phải
So ra còn cách mười muôn dặm!
Cánh bàng che khắp mây lục hợp
Cuốn gió rèn vang bốn biển xanh
Cái ấy bồng sao, hè, bụi sanh?
Trong ấy, mảy tơ, hè, chưa dứt!
Anh thấy chẳng,

*Lưới châu buông xuống, ảnh trùng trùng
Đầu gãy, tay mắt từ đâu khởi? ”.*

Ôi chao! Sao khắp thân lại cách suôt thân mười vạn dặm? Vì khắp thân là chưa lìa được thân kiến. Suôt thân là gồm hết thảy mà quên đi. Chút tơ hào sai khác này, không đầy đủ con mắt thì nào có biện được. Ngài Tuyết Đậu thì tay, mắt đều quên. Còn Ngài Thiên Đồng chẳng ngại cơ duyên cùng diệu dụng, nên huyền lại càng huyền vậy.

B. ĐÁNH CHUÔNG ĐỂ THỂ HIỆN TÍNH THƯỜNG

1. NGHI CĂN TÁNH KHÔNG CÓ TỰ THỂ

Kinh: Anan bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn, như lời Phật dạy, muốn cầu được thường trú, thì phải ở từ nhân địa là giác tâm, và những danh mục tu chứng phải cần tương ứng với quả vị. Thưa Thế Tôn, như trong quả vị đó, thì bảy danh hiệu là Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tánh, Am Ma La Thức, Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí, tuy tên gọi khác nhau, nhưng thể tánh là trong sạch tròn đầy, vững chắc như Kim Cương Vương, thường trú chẳng hoại.

“Nếu cái thấy nghe này lìa ngoài cái sáng, cái tối, cái động, cái tĩnh, cái thông bít thì rốt ráo không có tự thể; cũng như cái tâm niệm rời ngoài tiền tràn vốn không chỗ có, thế thì tại sao lại lấy cái rốt ráo là đoạn diệt này mà làm nhân địa để tu cho được bảy quả đúc thường trú của Như Lai? Thưa Thế Tôn, nếu lìa ngoài sáng và tối, thì cái thấy rốt ráo không có, nếu không có tiền tràn, thì tự tánh của tâm niệm diệt mất. Tới lui qua lại, suy xét chín chắn, thì vốn không có tâm tôi và cái tâm sở của tôi, vậy lấy gì làm nhân địa để cầu Vô Thượng Giác? Đức Như Lai trước kia có nói cái tánh trong lặng tròn đầy thường trú, nay lời nói khác nhau, hóa thành hý luận. Đâu là lời chân thực của Như Lai. Xin Thế Tôn rủ lòng đại từ, mở chỗ mê chấp cho tôi.

Thông rằng: Ông Anan cho cái nhân là nhân thực, cái quả là quả thực, nên cho là lìa ngoài tràn không có tự thể, lìa ngoài

niệm không có tâm: nghi là đoạn diệt. Đó là vì ông chưa từng biết rằng cái tâm đối với cảnh nguyên thuộc về sanh diệt, là sanh diệt thì có thể đoạn, còn cái tâm là cảnh, không thuộc sanh diệt, nên chưa từng đoạn được. Cái Tánh trong lặng tròn đầy thường trụ rốt ráo là vô sở đặc, xem xét nhặt nhiệm thì vốn không có tâm ta, cùng với tâm sở của ta. Lấy cái ấy làm nhân, thì đó là chánh nhân; lấy cái ấy chứng quả, thì đó là chân quả. Cái tánh trong lặng tròn đầy thường trụ vốn là như thế, sao lại nghi ngờ là mâu thuẫn ư? Vốn là một tánh mà có bảy thứ tên gọi.

Kinh Bảo Tích nói: Không Như Lai Tạng lìa tất cả phiền não của tâm thức không giải thoát. Bất Không Như Lai Tạng đầy đủ hằng sa pháp không thể nghĩ bàn của Phật Trí giải thoát. Không Bất Không Như Lai Tạng tùy hiện sắc không, ứng khắp tất cả.

Không Như Lai Tạng là quả thường trụ. Đại Viên Cảnh Trí thấy rõ tất cả mà không phân biệt. Am Ma La Thức phân biệt tất cả mà không nhiễm trước. Vì rõ ràng thấu suốt nên gọi là Phật Tánh. Rõ ràng thấu suốt là cứu cánh giác, nên gọi là Bồ Đề. Cứu cánh giác, thể vốn tịch diệt, nên gọi là Niết Bàn. Tịch diệt nên hết thảy vọng tâm không chạm tới được, nên gọi là Chân Như. Bảy quả đức vốn là một thể vậy.

Sơ Tổ Đạt Ma chỉ dùng tám chữ bao quát đầy đủ hết. Đó là: “Tịnh Trí Diệu Viên, Thể Tự Không Tịch”. Tịnh là Bạch Tịnh Thức. Trí là Đại Viên Cảnh Trí. Không là Không Như Lai Tạng. Tịch là Niết Bàn. Còn Chân Như, Bồ Đề, Phật Tánh,

không ngoài hai chữ Diệu Viên. Hai chữ Diệu Viên tức là phân biệt mà chẳng phân biệt, sanh diệt mà chẳng sanh diệt, đó là tánh giác như như tròn khắp vậy.

Có nhà sư hỏi Tô Hoàng Bá: “Thế nào là Đạo? Thế nào là tu hành?”

Tô Bá đáp: “Đạo là vật gì mà ông muốn tu hành?”

Hỏi: “Tông sư các nơi truyền nhau tham thiền học đạo như thế nào?”

Tô Bá nói: “Lời tiếp dẫn hạng độn căn, chưa thể nương dựa được”.

Hỏi: “Ấy đã là lời tiếp dẫn hạng độn căn, còn chưa rõ là tiếp hạng thượng căn thì nói pháp gì?”

Tô Bá nói: “Nếu là người thượng căn, thì chỗ nào mà đến Đạo, tìm Đạo? Cái tự mình còn bát khả đắc, huống là có riêng pháp để tìm cầu? Chẳng thấy trong kinh nói, “Các pháp có hình trạng gì?”, sao?”

Hỏi: “Nếu như thế kia, ắt chẳng cần tìm kiếm gì hết thảy?”

Tô Bá nói: “Như thế ấy thì chẳng hao tâm lực”.

Hỏi: “Nếu như thế thì thành đoạn diệt, chẳng phải là không có ư?”

Tô Bá nói: “Ai bảo cái ấy không có. Nhưng cái đó là gì mà ông định tìm kiếm nó?”

Hỏi: “Đã chǎng cho tìm kiếm, có sao lại còn nói chǎng đoạn lìa nó?”

Tổ Bá nói: “Chǎng tìm kiếm, tức bèn thôi nghỉ. Ai bảo ông đoạn lìa? Ông thấy hư không trước mắt đó, làm sao đoạn lìa nó?”

Hỏi: “Có phải pháp ấy đồng như hư không chǎng?”

Tổ Bá nói: “Hư không có bao giờ nói với ông là đồng hay khác gì đâu. Ta mới tạm nói thế, ông lại ngay liền ở trong ấy mà sanh tri giải”.

Hỏi: “Vậy nên chǎng cho người sanh tri giải ư?”

Tổ Bá nói: “Ta không hề ngăn chướng ông. Nhưng tri giải là thuộc tình, tình sanh thì trí cách”.

Hỏi: “Hướng vào *trong* ấy mà chǎng sanh tình, thế có đúng không?”

Tổ Bá nói: “Như chǎng sanh tình, thì ai nói là đúng?”

Thế mà hơn ngàn năm rồi, vẫn còn có cái nghi như của Ông Anan, nếu được vài lời của Ngài Hoàng Bá, bèn cùng trùng tuyên cái chỉ thú sâu xa!

2. CHỈ BÀY TÁNH NGHE LÀ THƯỜNG TRỰ

Kinh: Phật bảo Ông Anan: “Ông học đa văn, chưa dứt hết sạch các lậu. Trong tâm chỉ biết suông cái nhân đên đảo, mà cái đên đảo thật sự ở trước mắt, lại chưa biết được. E rằng ông thật sự còn chưa tin phục, nay ta thử đem các chuyện tràn tục để giải trừ cái nghi của ông”.

Liền đó, Như Lai ra lệnh cho La Hầu La đánh một tiếng chuông, rồi hỏi Ông Anan: “Nay ông có nghe không?”

Ông Anan và đại chúng đều nói: “Có nghe”.

Chuông hết kêu, không còn tiếng. Phật lại hỏi: “Nay ông có nghe không?”

Ông Anan và đại chúng đều nói: “Không nghe”.

Khi ấy La Hầu La lại đánh một tiếng chuông.

Phật lại hỏi: “Nay ông có nghe không?”

Ông Anan và đại chúng lại đều nói: “Có nghe”.

Phật hỏi Ông Anan: “Theo ông, thế nào là nghe, thế nào là không nghe?”

Ông Anan cùng đại chúng đều bạch Phật rằng: “Tiếng chuông nếu có đánh thì chúng tôi được nghe. Đánh lâu hết tiếng, âm vang đều không còn, thì gọi là không nghe”.

Như Lai lại bảo Ông La Hầu La đánh chuông, rồi hỏi Ông Anan: “Theo ông, hiện giờ có tiếng không?”

Ông Anan và đại chúng đều nói: “Có tiếng”.

Ít lâu tiếng hết, Phật lại hỏi rằng: “Theo ông, hiện giờ có tiếng không?”

Ông Anan và đại chúng đều đáp: “Không có tiếng”.

Lát sau, Ông La Hầu La lại đánh chuông; Phật lại hỏi: “Theo ông nay có tiếng không?”

Anan và đại chúng đều nói: “Có tiếng”.

Phật hỏi Ông Anan: “Theo ông, thế nào là có tiếng, thế nào là không tiếng?”

Ông Anan và đại chúng đều bạch Phật rằng: “Chuông nếu có đánh thì có tiếng chuông. Đánh lâu tiếng hết, âm vang đều không còn, thì gọi là không tiếng”.

Phật bảo Ông Anan và đại chúng rằng: “Nay có sao các ông nói trái ngược, lộn xộn thế?”

Đại chúng và Ông Anan cùng bạch Phật: “Có sao giờ đây chúng tôi bị gọi là trái ngược, lộn xộn?”

Phật dạy: “Ta hỏi ông sự nghe, thì ông bảo là nghe. Hỏi ông cái tiếng, thì ông nói là tiếng. Chỉ có sự nghe và cái tiếng mà trả lời không nhất định, như thế không gọi là trái ngược lộn xộn sao được?

“Anan! Tiếng kêu không còn vang, thì ông nói là không nghe. Nếu thật không nghe, nghĩa là tánh nghe đã diệt, giống như cây chết khô, vậy khi tiếng chuông lại đánh lên, làm sao ông còn biết được? Biết rằng có, biết rằng không, đó là cái tiếng của trần hoặc có hoặc không, chứ tánh nghe đó, há vì ông mà có hoặc không ư? Tánh nghe nếu thật là không có, thì còn cái gì biết là không có?

“Thế nên, Anan, cái tiếng ở trong cái nghe tự có sanh có diệt, không phải vì ông nghe cái tiếng sanh cái tiếng diệt, mà khiến cho tánh nghe của ông thành có, thành không. Ông còn điên đảo, làm cái tiếng là cái nghe, lạ gì chẳng mê mờ mà lấy

cái thường làm cái đoạn. Trọn chẳng nên nói rằng, lìa ngoài các thứ động tĩnh, đóng bít, mở thông thì cái nghe không có tự tánh.

“Như người ngủ mê trên giường gối, khi ấy trong nhà có người già gạo. Người ấy trong mộng, nghe tiếng già gạo, làm cho là vật gì khác, hoặc cho là đánh trống, hoặc cho là đánh chuông. Ngay trong khi mộng, người ấy cũng lấy làm lạ sao tiếng chuông lại vang lên như tiếng vang của cây, của đá. Khi chợt tỉnh dậy, liền biết là tiếng chày, bèn nói với người nhà: “Khi tôi đang nằm mộng, làm tiếng chày này là tiếng trống”. Nay Anan, người ấy ở trong mộng nào còn nhớ các thứ động tĩnh, mở đóng, thông bít. Thế thì thân thể tuy ngủ mà tánh nghe chẳng mờ. Dầu thân ông có tiêu tan mất, thân mạng đổi dời, tánh ấy làm sao vì ông mà tiêu diệt được?

“Bởi vì chúng sanh từ vô thủy đến nay, đeo đuổi theo hình theo tiếng, chạy theo niệm mà lưu chuyển, không từng khai ngộ bản tánh trong sạch, nhiệm màu, vĩnh cửu. Không theo cái thường còn ấy, mà chạy tìm các thứ sanh diệt, bởi thế đời này sang đời khác cứ dơ trộn mà lưu chuyển. Chỉ bỏ đi chuyện sanh diệt, giữ lấy tánh chân thường, thì cái ánh sáng thường trụ hiện ngay trước mắt, mọi thứ căn, trần, tâm thức tức thì tiêu mất.

“Tướng vọng tưởng là trần, thức tình là cấu. Hai thứ ấy một lúc xa lìa, thì con mắt pháp của ông ngay liền trong sáng. Thế thì sao không thành Tri Giác vô thượng?”

Thông rằng: Đức Phật dạy, “*Thoát khỏi sự đính, phục vào bên trong*”, tức là tánh lặng trong tròn đầy, thường trụ vậy. Ông Anan nghi rằng lìa ngoài tiền trán thì không có tự tánh, sợ là đồng với đoạn diệt, bởi vậy, ngay nơi tiếng chuông mà hiển tánh nghe. Cái tiếng tan mất không còn âm vang, thì chỉ là không có tiếng chứ thật không phải là không có cái nghe. Cái tiếng thì có sanh diệt, cái nghe thì không có sanh diệt. Nếu nói cái nghe do cái tiếng mà sanh, do cái tiếng mà diệt, thì đang khi không nghe, ai biết là không nghe? Do đó, cái hoặc có hoặc không thì có thể diệt, còn cái biết có biết không ấy chưa từng diệt vậy. Chẳng những khi tinh thức đối cảnh thì chẳng diệt, mà ngay khi ngủ nằm mộng, lìa tiền cảnh cũng chẳng có diệt. Chẳng những khi ngủ nằm mộng căn vẫn còn thì chẳng diệt, mà khi thân thể mất rồi, căn tiêu tan hết cũng chẳng có diệt. Chỗ này so với “*Cái thấy sông (27)*” ở đoạn trước cũng tương tự. Ở trước, hiển bày cái thấy, là ý nghĩa về chỗ chẳng sanh chẳng diệt. Còn ở đây hiển bày cái nghe, ý để chỉ cái nhĩ căn viên thông vậy.

Xoay ngược lại cái nghe để nghe tự tánh, tức là khai ngộ bản tánh trong sạch, nhiệm màu, thường hằng. Ánh sáng thường trụ hiện ngay trước mặt, tức đó là cái tịch diệt hiện tiền. Da thịt lột thoát hết, chỉ có một cái chân thật. Như thế mới có thể gọi là con mắt pháp sáng trong, thành Vô Thượng Giác.

Ông Đỗ Hồng Tiệm hỏi thiền sư Vô Trụ ở chùa Bảo Đường rằng: “Đệ tử nghe Hòa Thượng Kim nói: Không nhớ, không niệm, chớ vọng. Pháp môn ba câu, có phải không?”

Sư đáp: “Phải”.

Ông Đỗ hỏi: “Ba câu ấy là một hay ba?”

Sư nói: “Không nhớ là giới, không niệm (vô niệm) là Định, chớ vọng là Huệ. Một tâm chẳng sanh, đó là Giới Định Huệ, chẳng phải một, chẳng phải ba”.

Ông Đỗ lại hỏi: “Thầy có dùng ba câu ấy để tiếp người không?”

Sư nói: “Người học nhân sơ tâm, thì còn khiên họ dứt niệm, dừng làn sóng thức, nước trong thì cảnh hiện, ngộ cái thể vô niệm, tịch diệt hiện tiền, lúc ấy vô niệm cũng chẳng còn lập”.

Khi ấy, trên cây trước sân có tiếng quạ kêu.

Ông Đỗ hỏi: “Thầy có nghe không?”

Sư nói: “Nghe”.

Quạ bay đi mất, lại hỏi: “Thầy có nghe không?”

Sư nói: “Nghe”.

Ông Đỗ nói: “Quạ bay đi rồi, đâu còn tiếng, sao nói là nghe?”

Thiền sư bèn dạy cả đại chúng rằng: “Đời Phật khó gặp, chánh pháp khó nghe! Mỗi người hãy lóng nghe kỹ! Có nghe, không nghe, đều chẳng liên quan gì đến tánh nghe. Xưa nay chẳng sanh, sao từng có diệt? Khi có tiếng, đó là cái tiếng của trần tự sinh, khi không có tiếng, đó là cái tiếng của trần tự diệt,

nhưng cái tánh nghe này, chẳng theo tiếng mà sanh, chẳng theo tiếng mà diệt. Ngộ tánh nghe này thì khỏi bị tiếng tăm của trần ràng buộc. Phải biết cái nghe không có sanh không có diệt, cái nghe không có chuyện đến, đi”.

Ông Đỗ và đại chúng cúi đầu vâng lanh.

Ông Đỗ lại hỏi: “Sao là chẳng sanh, sao là chẳng diệt, như thế nào được giải thoát?”

Thiền sư nói: “Thấy cảnh, tâm chẳng khởi là chẳng sanh. Chẳng sanh tức là chẳng diệt! Đã không sanh diệt thì nào có bị tiền trần trói buộc? Nay đây là giải thoát. Chẳng sanh là vô niệm, vô niệm thì không sanh diệt. Vô niệm là không buộc, vô niệm là không thoát. Rốt ráo là: Biết Tâm là lìa niệm, Thấy Tánh là giải thoát. Ngoài Biết Tâm, thấy tánh mà lại có pháp môn chứng Bồ Đề Vô Thượng, thật không thể có”.

Ông Đỗ hỏi: “Sao gọi là Biết Tâm, Thấy Tánh?”

Thiền sư nói: “Hết thấy người tu học, theo niệm mà trôi dạt, đều vì chẳng biết Chân Tâm. Cái Chân Tâm ấy, niệm sanh cũng chẳng thuận theo mà sanh, niệm diệt cũng chẳng nương theo mà mất. Chẳng đi chẳng đến, chẳng định chẳng loạn, chẳng nắm chẳng bỏ, chẳng nổi chẳng chìm. Vô vi, vô tướng, sống động lưu thông, bình thường, tự tại. Tâm thể ấy rốt ráo bất khả đắc, không thể lấy tri thức mà biết, chạm mắt đều là Như, không có gì là chẳng phải thấy Tánh”.

Ông Đỗ và đại chúng làm lễ, xưng tán, vui mừng hớn hở mà đi.

Ngài Bảo ĐƯỜng, diễn lại Lǎng Nghiêm, xét xem lời nói như cùng một miệng thuyết ra.

Chỉ có Tô Vân Môn, chõ thấy lại khác. Tô thượng đƯỜng, nghe tiếng chuông, liền nói: “Thế giới rộng rãi thế kia, có sao nghe tiếng chuông lại mặc áo thất điểu?”

Đối với chõ này mà chǎng có chút nghi, mới gọi là Pháp Nhã (28) thanh tịnh.

Chú Thích q4

01 Cái Năng dối trá.

02 Chõ cá thi làm rồng.

03 Cá hóa rồng át có sấm sét đốt cái đuôi. Ý nói tuyệt hậu sanh.

04 Mê mờ.

05 Ma Kiệt: ở thành này, ngoại đạo hỏi Phật về sự sinh thành vũ trụ, Phật im lặng không nói gì.

06 Cũng gọi là Ca la la. Tiếng Phạn: Kalala. Dịch nghĩa là tạp uế (cái nhơ bẩn, trộn lộn). Là một trong năm địa vị (từng giai đoạn của thai theo thai kỳ) của thai, gọi là thai nội ngũ vị

07 Tích xưa, có vua tên Bố Sát Đà Vương, trên đầu bỗng sanh một bọc mựt, trong bọc mựt sanh ra một đứa con. Lớn lên làm Kim Luân Vương, xưng là Đảnh Sanh Vương. Đảnh Sanh Kim Luân Vương chinh phục bốn châu thiên hạ, rồi lên cung trời Đao Lợi muốn hại Đế thích để thay ngôi. Việc chǎng thành, trở về đất lại, bị bệnh chết. Đảnh Sanh Vương ấy nay là Thích Ca Phật đó.

08 Chữ Lục.

09 Thân Phật.

10 Đạo Nhất thiền sư, xứ Giang Tây, đời Đường. Là người kế pháp của Tổ Nam Nhạc Nhượng. Ngài họ Mã thị, đời ấy gọi là Mã Tổ. Trong niên hiệu Ngươn Hòa được phong tặng là Đại Tịch.

11 Pháp của ngón tay.

12 Ở đây, lấy cái bản đầu của mình ví dụ cho Chơn Tánh; cái đầu trong gương ví dụ cho Vọng Tưởng (cái giả hình); chỗ vui vẻ thấy cái đầu trong gương có mặt mày ví dụ chỗ nhìn nhận cái giả tưởng là thật, chấp cứng, chẳng chịu bỏ. Chỗ chẳng thấy cái bản đầu của mình là vì Chơn Tánh không có hình tướng chi cả.

13 Đạo nhân vô y.

14 Biết: phân biệt.

15 Cái Tâm như con nít vô tư.

16 Chỉ y: áo giấy.

17 Nối Pháp theo bên ngoài.

18 Nối ở bên trong.

19 Sáu thức trong sáu tình.

20 Không hở sót.

21 Tổ Đạt Ma.

22 Chuyện Cô Thanh Nữ là hồn như sau: Đời Đường có ông Trương Giật, có con gái là Thanh Nương, đã hứa gả cho cháu là Vương Trụ. Lớn lên, định gả cho nơi khác. Vương Trụ bỏ đi. Nửa đêm thấy Thanh Nương tới. Hai người ở với nhau có hai con. Sau năm năm, Vương Trụ đưa vợ con về thăm nhà để xin lỗi. Ông Giật rất kinh ngạc, vì cô Thanh vẫn ở nhà từ trước đến giờ, và năm bệnh đã năm năm. Hai cô gặp nhau thì nhập

thành một..

23 Pháp Thân.

24 Gìn giữ.

25 Biến Thân.

26 Thông Thân.

27 Xem Q II. Phần II. Đoạn vua Ba Tư Nặc.

28 Một trong ngũ nhãnh. Xem xét thấu biết rõ ràng cái duyên sanh ra cái pháp sai khác nhau.

Quyển 5

CHƯƠNG II: NƯỚNG CHỖ NGỘ MÀ TU

MỤC MỘT: NÊU RA CÁI CĂN ĐỂ CHỈ CHỖ MÊ

I. XIN KHAI THỊ CÁCH CỎI NÚT

Kinh: Ông Anan bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn, tuy Như Lai đã dạy Nghĩa Quyết Định Thứ Hai, nhưng nay tôi xem những người mở nút trong thế gian, nếu không biết đầu mối của nút ở đâu, thì tôi tin là người ấy rốt cuộc không thể mở được. Thưa Thế Tôn, tôi và hàng Thanh Văn hữu học trong hội cũng giống như vậy. Từ vô thủy đến nay, chúng tôi cùng với các thứ vô minh cùng sanh cùng diệt. Tuy được cẩn lành đa văn như thế này, mang tiếng là xuất gia nhưng cũng như người sốt rét cách nhật! Xin nguyện Đức Đại Từ thương xót kẻ chìm đắm mà chỉ bày cho, giờ đây chính nơi thân tâm thế nào là nút, do đâu mà mở? Cũng khiến cho chúng sanh khổ nạn đời vị lai được khỏi luân hồi, không rót vào ba cõi”.

Nói lời ấy rồi, Ông Anan và cả đại chúng năm vóc gieo xuống đất, khóc lóc thành khẩn, mong chờ lời khai thị vô thượng của Như Lai.

Thông rằng: Đoạn trước, Ông Phú Lâu Na đã hỏi: “Hết thảy chúng sanh, do đâu mà có vọng khiến tự mình che khuất tánh Diệu Minh, mà chịu sự chìm đắm?” Ở đây Ông Anan hỏi: “Giờ đây, chính nơi thân tâm, thế nào là nút, thế nào là mở?” Đó là đều muốn đi đến cùng cực cái vọng căn, nghiên cứu nhỏ

nhiệm cái vô minh câu sanh, mới biết đầu gốc thắt nút mà phá trừ đi vậy.

Đoạn trước, đáp rằng: “Biết rõ cái mê là không có nguyên nhân, thì cái vọng cũng không có chỗ nào nương dựa. Còn không có chỗ sanh ra, muốn diệt dứt chỗ nào?” Ở đây thì đáp: “Tướng phần và kiến phần không có tự tánh, cũng như các nhánh lau gác lên nhau. Xét cái tánh giao nhau đó, thì không và có đều là chẳng phải”.

Trước nói, “Tánh đên tự hết, hết túc Bồ Đề”. Đây nói, “Thấy biết mà không có thấy biết, đó chính là Niết Bàn”. Trước sau suốt thông như một. Chỉ là ở trước thuộc về kiến đạo, biết vọng túc là giác, giác túc Bồ Đề. Còn đây là phần tu đạo, lìa cái thấy túc là Không, Không túc là Niết Bàn.

Nút là sự trói buộc nơi căn Trần do mê, nên chìm sâu sanh tử. Mở là sự thoát khỏi căn Trần do ngộ, nên thấy biết cái diệu thường. Đây là theo căn tai mà nghe ngược trở lại, thoát khỏi sự dính kết mà quay về bên trong, nghiệp phục tâm bám nấm, nhập Tri Kiến Phật, thuộc về công phu tu tập, nên gọi là Nghĩa Thứ Hai.

Có nhà sư hỏi Tô Thạch Đầu: “Như thế nào là giải thoát?”

Tô Đầu nói: “Ai trói buộc ông?”

Hỏi: “Như thế nào là Tịnh Độ?”

Tô Đầu nói: “Ai làm dơ ông?”

Hỏi: “Như thế nào là Niết Bàn?”

Tổ Đầu nói: “Ai đem sanh tử lại cho ông?”

Nếu nơi đây mà được liền cái chõ an lạc, thì còn hướng chi đến cái đệ nhị đầu mà làm kế sanh nhai!

II. MƯỜI PHƯƠNG NHƯ LAI ĐỒNG MỘT LỜI CHỈ THỊ: SÁU CĂN LÀ ĐẦU NÚT SANH TỬ VÀ NIẾT BÀN

Kinh: Bấy giờ, Thế Tôn thương xót Ông Anan và hàng Hữu Học trong hội, và cũng vì tất cả chúng sanh đời vị lai mà tạo cái nhân xuất thế, làm cái đạo nhân tương lai. Ngài lấy tay sáng ngồi xoa đỉnh đầu Ông Anan. Tức thời, trong khắp các thế gian của Chư Phật mười phương rung động sáu cách. Các Đức Như Lai nhiều như vi trần trụ các thế giới, mỗi Ngài đều có ánh sáng báu từ đỉnh đầu phóng ra. Các hào quang đó cùng lúc từ các cõi kia đến rừng Kỳ Đà, chiếu soi đỉnh đầu Như Lai. Tất cả đại chúng liền được cái chưa từng có.

Trong lúc đó, Ông Anan và cả đại chúng đều nghe các Đức Như Lai nhiều như vi trần trong mười phương, vô số miệng khác nhau đều dùng một lời, dạy Ông Anan: “Lành thay, Anan! Ông muốn biết cái câu sanh vô minh, khiến ông lưu chuyển, cái căn mồi nút sanh tử. Đó chính là sáu căn của ông, chứ chẳng phải vật gì khác! Ông lại muốn biết Bồ Đề Vô Thượng, khiến chúng Tánh Diệu Thường an lạc, giải thoát, tịch tịnh thì cũng chính là sáu căn của ông, chứ chẳng phải vật gì khác”.

Ông Anan tuy nghe pháp âm như thế, tâm còn chưa rõ, cúi đầu bạch Phật: “Làm sao cái khiến cho tôi luân hồi sanh tử

hoặc an lạc diệu thường cũng chính là sáu căn, chứ không phải vật nào khác?”

Thông rằng: Trước kia, Ông Anan có nói “Tâm tôi nào chỉ cúng dường Như Lai, mà cho đến ứng khắp hằng sa quốc độ, phụng sự Chư Phật và các thiện tri thức, phát tâm đại dũng mãnh làm tất cả những sự việc khó làm, là đều dùng tâm này. Cho dù hủy báng pháp mà vĩnh viễn lui sụt thiện căn, cũng là do cái tâm này”.

Tâm đã không hai như thế, thì sáu căn cũng không hai, có sao lại sáng ở nơi kia mà tối ở đây ư? Chỉ là sáu căn này đây thôi. Thuận với mà xuất ra, thế là trái với giác hợp với trần: liền vào ngay dòng sanh tử. Nghịch lại mà nhập vào, trái với trần hợp với giác: tức là ở trong cái chẳng sanh diệt. Giống như sấp tay, ngửa tay! Xưa nay Như Lai không hề nói khác!

Thiền sư Bàn Am Thành thượng đường nói:

*“Một niệm tâm thanh tịnh
Phật ở Ma Vương điện
Một niệm tâm ác sanh
Ma Vương vào Phật điện”.*

Thiền sư Hoài nói rằng: “Chỉ như thế mà tin lấy. Đó gọi là chân dãm lên Thật Địa mà đi, rốt là không có pháp nào khác, cũng không có đạo lý nào khác. Lão tăng bày thăng ra như thế, chỉ sợ rằng các ông thấy thỏ thả ưng, khắc thuyền tìm kiếm! Sao vậy? Thần lành, quý ác thì chủ nhân có trí đều không lanh thọ”.

Nhưng thiền sư Đại Mai Thường nghe tiếng kêu của con sóc cánh, bèn nói: “Tức là vật ấy, chẳng phải vật nào khác. Tất cả các ông hãy khéo tự hộ trì”.

Nói xong, thị tịch.

Thiền sư Vĩnh Minh Thọ ca ngợi rằng:

*“Sư khi mới đắc Đạo
Thì, tức Tâm là Phật
Sau rốt dậy đồ chúng
Vật ấy, không vật khác
Cùng tốt nguồn vạn pháp
Thấu đến xương ngàn Thành
Chân vốn chẳng đổi dời
Ngại gì chuyện còn, mất”.*

Tin được rằng Ngài Đại Mai cùng tiếng kêu của con sóc cánh không khác, thì còn có sanh tử Niết Bàn nào khác nhau ư?

III. THẤY RÕ TÁNH CỦA MỐI NÚT ĐỂ TỨC THỜI GIẢI THOÁT

Kinh: Phật bảo Ông Anan: “Căn, trần cùng nguồn. Trói mở không hai. Tánh của thức là hư vọng, cũng như hoa đốm giữa hư không. Anan, do cái trần mà phát ra cái biết, nhân cái căn mà có cái tướng. Cả tướng phàm và kiến phàm đều không có tự tánh, giống như các nhánh lau gác lên nhau.

Thông rằng: Căn thuộc về kiến phàm, trần thuộc tướng phàm. Chỉ đều do một niệm vô minh làm dính kín tánh trong

lặng mà phát khởi, nên gọi là đồng nguồn. Chỉ ở nơi đâu nguồn mà xem thấy, thì kiến phan và tướng phan chưa thành hình, lúc ấy căn, trần ở đâu mà có?

Từ lúc căn hợp với trần mà trôi xuôi thì gọi là buộc. Từ lúc căn ngược với trần mà trở về nguồn, thì gọi là mở. Cái trói chính là sáu căn, chứ không phải vật gì khác. Cái mở cũng là sáu căn, chứ không còn vật gì khác. Thể vốn không hai vậy. Trong cái thể không hai này mà soi xét, thì trói buộc chẳng là dơ, cởi mở chẳng là sạch. Nơi thể không hai đó, chưa từng có thêm bớt, đó là căn, trần vốn đồng nguồn vậy, ai thấy là khác được? Trói, mở vốn không hai, ai thấy được là hai?

Sở dĩ phân biệt chia tách, là do cái thức vậy. Thức này hư vọng mà phân biệt, cũng như dụi mắt mà vọng thấy có không-hoa. Vốn nào có căn, trần lại vọng thấy căn, trần. Vốn nào có trói, mở mà vọng thấy trói, mở. Biết rõ cái thức này, có cũng như do dụi mắt, bèn chuyển thức về nguồn, thì con mắt trong sáng, nên chóng chứng an lạc giải thoát, tịch tịnh diệu thường. Chẳng phải ở nơi căn mà quay lại, nhưng ở nơi thức mà chuyển. Sao gọi là thức hư vọng giống như hoa đốm? Chẳng phải bảo là lìa cái thức tánh hư vọng mà riêng có cái gọi là tịch tịnh diệu thường đâu. Chỉ cần tin cái thức là hư vọng, thì diệu thường ở ngay nơi thức. Chỉ cần tin hoa đốm không tự tánh, thì con mắt sáng trong ở ngay tại không-hoa.

Bởi thế, do trần mà phát ra thức, chứ thức chẳng tự sanh. Nhân căn mà có tướng, chứ tướng không tự có. Ba cái căn, trần, thức giao nhau mà lập, như lau gác lên nhau, vốn không

tự tánh. Cho tánh giao nhau là có thật, thì khi chưa giao nhau sao lại không có? Cho tánh giao nhau là không có, thì khi đã gác lên nhau, làm sao lại có? Đã chẳng phải là tánh Không, lại chẳng phải là tánh Có, nên nói là không có tánh. Tướng phần và kiến phần, cả hai đều không có tự tánh, hiện thể đó là vô sanh. Cho nên, biết rằng trong cái căn mối nút sanh tử tự sẵn đủ tịch tịnh diệu thường vậy. Thế, chẳng đủ để tin rằng trói buộc hay cởi mở là không hai sao?

Tô Thạch Đầu dạy chúng rằng: “Pháp môn của ta, Phật trước truyền thọ, chẳng luận thiền định, tinh tấn, độc chỉ thấu đạt tri kiến của Phật. Tức tâm là Phật. Tâm, Phật, chúng sanh, Bồ Đề, phiền não: tên khác mà một thể. Các ông phải biết, cái Tự Kỷ tâm linh, thể lìa thường đoạn, tánh nó chẳng dơ sạch, lặng tròn đủ như nhiên. Phàm Thánh đồng đều, ứng dụng khắp cả, lìa tâm, ý, thức. Ba cõi, sáu đường, duy tự tâm hiện. Trăng dưới nước, bóng trong gương, nào có sanh, diệt? Các ông mà biết được nó thì có chỗ nào mà chẳng đầy đủ?”

Đây là Đệ Nhất Nghĩa Tối Thượng vậy.

Chỗ nói, “*Bồ Đề, phiền não, khác tên mà một thể*”, chẳng phải là “*Căn, Trần đồng nguồn*” ư? Chỗ nói, “*Thể lìa đoạn thường, tánh nó chẳng dơ sạch*”, chẳng phải là chỗ nói “*Trói mở không hai*” đấy sao? Chỗ nói, “*Ba cõi sáu đường, duy tự tâm hiện; trăng trong nước, bóng trong gương, nào có sanh diệt*”, chẳng phải là chỗ “*Tướng phần, kiến phần không có tánh, cũng như hình cây lau gác nhau*” đấy sao? Hình lau gác

nhau, hoa đốm giữa hư không, cũng không có sanh diệt. Thế nên biết rằng thức tánh là hư vọng, bèn an lạc giải thoát đó.

Kinh: “Thế nên, giờ đây chính nơi thấy biết mà lập ra tướng có thấy biết, đó là cội gốc vô minh. Chính nơi thấy biết mà chẳng có tướng thấy biết, đó là Niết Bàn chân tịnh, vô lậu. Làm sao trong ấy lại còn có vật gì khác!”

Khi ấy, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này mà nói bài kệ:

Thông rằng: “Trong thấy biết mà lập ra tướng thấy biết”, nghĩa là “Nhân cái minh mà lập ra cái sở”. Do đó, biết rằng cái căn bản vô minh, cái gốc của sự thắt nút, cái căn mồi nút sanh tử chính là cái thức vậy, mà chẳng phải chỉ là căn. Thấy biết mà không có tướng thấy biết, tức là “*Thấy do lìa cái thấy, thấy ấy là siêu việt*”. Thế nên, phải biết rằng giải thoát khỏi cái thấy biết đó là cái quả vô lậu, đó là tịch tịnh diệu thường, là chuyển thức thành trí vậy, chứ cũng chẳng phải chỉ là căn. Bởi thế, trong bài kệ ở sau tụng rằng “Thức A Đà Na vi tế” hiển bày đầy đủ căn và thức không hai.

Thiền sư Thùy Lộc An thường đọc kỹ càng chõ này: “Tri kiến lập tri, tức vô minh bốn. Tri kiến vô kiến, ấy tức là Niết Bàn”. Rõng nhiên khai ngộ, thường đọc tụng luôn.

Học trò bảo rằng: “Nên lấy bốn chữ làm câu!”

Ngài nói: “Đây là chõ ngộ của ta, không thể chuyển đổi!”

Thời ấy gọi Ngài là An Lăng Nghiêm.

Khi thị tịch, đọc kệ rằng:

*“Chẳng thể đâu non mang lại được
Há từ Kê Túc (01) truyền mai sau
Tù xưa hiền thánh đều như thế
Há nay đặt chuyện với ông đâu? ”.*

Phó chúc xong, tự mình bước vào trong hòm, nằm nghiêng bên hõm.

Trải qua ba ngày, đệ tử mở quan tài khóc lóc, bèn trỗi dậy lên tòa thuyết pháp, quở trách răn dạy: “Còn mở nắp hòm của ta thì không phải là đệ tử của ta”.

Rồi bước vào trong hòm đi luôn.

Nếu chẳng được vô lậu chân tịnh, làm sao đến đi tự do như thế?

IV. KÊ TỤNG

Kinh:

*"(Trong) Chân Tánh, hữu vi (là) không
Duyên sanh nên như huyền
Vô vi, không khởi diệt
Chẳng thật, như Không-hoa*

Thông rằng: Hữu vi tùy theo duyên mà khởi diệt, đó là pháp sanh diệt. Vô vi không có chuyện khởi diệt, đó là pháp Niết Bàn. Trong chân tánh vốn không có tướng sanh tử hay Niết Bàn. Nút buộc do đâu mà khởi? Cởi mở từ đâu mà có tên? Thế nên, hữu vi là như huyền, vô vi cũng là dụi mắt mà sanh, cả hai đều hư vọng. Ở đây, là tụng căn và trần đồng

nguồn, trói và mở không hai. Ở trong chỗ đồng nguồn, không hai, thì thấy được hữu vô đều là hư vọng.

Tô Bách Trượng nói: “Phật là người không cầu, tìm cầu tức là trái. Lý là lý không cầu, hễ cầu là mất. Nếu bám lấy sự không cầu, thế cũng lại giống với có cầu. Nếu bám lấy vô vi, thì đó cũng lại là hữu vi. Nên kinh Kim Cang nói: “*Chẳng nắm giữ nơi pháp, chẳng nắm giữ cái chẳng phải là pháp, chẳng nắm giữ cái không phải là chẳng phải pháp*”.

Ngài lại nói: “Chỗ đắc pháp của Như Lai, pháp ấy không thật, cũng không hư. Chỉ suốt một đời tâm như gỗ đá, chẳng bị ám, giới, nhập, ngũ dục, bát phong chìm đắm, thì cái nhân sanh tử đoạn trù, đi hay ở đều tự do, không bị tất cả nhân quả hữu vi ràng buộc, chẳng bị cái hữu lậu móc níu. Lúc ấy mới lấy sự không tự trói buộc làm nhân mà đồng sự lợi ích cho người. Lấy tâm không trụ trước mà ứng với hết thảy vật. Dùng cái huệ vô ngại mà cởi mở tất cả trói buộc, nên cũng nói là theo bệnh cho thuốc”.

Ở đây, Tô Bách Trượng chỉ thăng cái chân tánh chẳng sa vào hữu vô, đều chỉ bày phương tiện giải thoát, đó là chỗ nói “*Phát minh tức thành giải thoát vậy*”.

Kinh:

Nói vọng để hiển chơn
Vọng, chơn đều là vọng
Còn không (phải) chơn, chi Chơn
Lấy đâu kiến, sở Kiến?

Thông rằng: Các pháp hữu vi duyên theo căn trần mà sanh, nên gọi là hư vọng. Còn pháp vô vi thoát khỏi căn và trần, lìa tướng khởi và diệt, cớ sao lại gọi là chẳng thật như hoa đốm? Nói sanh diệt là vọng là để hiển cái chân của Niết Bàn, mà đã nói có chân để đối với vọng, thì chân cũng thành vọng, nên nói cả hai thứ đều vọng. Vì sao thế? Vì có cái chân để đắc vậy. Như ở trong chân tánh, thì chân với chẳng phải chân đều bất khả đắc. Cái chân do lìa vọng là bất khả đắc, cái chân do lìa chân cũng bất khả đắc. Tức là chân mà chẳng phải chân, tức là tánh mà không tánh, còn làm sao có được cái căn nǎng kiến và cái cảnh sở kiến ư?

Thấy là Có, là cái thấy huyền. Thấy là Không, cũng là dụi mắt sanh ra. Phàm là có thấy, liền rơi vào nơi chốn, cho nên thấy có Niết Bàn để thành, tức là hư vọng đó vậy. Cái gọi là chân, vốn nào có vọng, huống là cái chẳng phải chân hay chẳng chân, trong ấy chân còn không thể có, thì vọng từ đâu mà sanh?

Có nhà sư hỏi Tô Hoàng Bá: “Vọng hay chướng ngại tự tâm, chưa rõ nay lấy gì để bỏ vọng?”

Tô nói: “Khởi lên cái vọng để bỏ vọng cũng thành ra vọng. Vọng vốn không gốc, chỉ nhân phân biệt mà có. Ông chỉ nơi hai đầu phàm thánh chớ khởi suy lường, nhớ nghĩ, thì tự nhiên không có vọng. Lại toan tính đuổi bỏ nó là thế nào? Tuyệt chẳng có được một mảy tơ nương bám, thì gọi là buông bỏ cả hai tay, ắt hiện thành Phật”.

Nhà sư hỏi rằng: “Đã không có chỗ nương bám, thì lấy gì trao truyền?”

Tổ nói: “Lấy tâm truyền tâm”.

Nhà sư hỏi: “Nếu lấy tâm trao truyền, sao lại nói tâm cũng là không?”

Tổ Bá nói: “Không đắc một pháp gọi là truyền tâm. Nếu ngộ tâm này, liền thật không thấy tâm, không thấy pháp”.

Nhà sư hỏi: “Nếu không có tâm, không có pháp, làm sao gọi là truyền?”

Tổ Bá nói: “Ông nghe nói truyền tâm, bèn cho là có thể đắc. Bởi thế, Tổ Sư dạy:

*“Khi nhận được tâm tánh
Mới là chẳng nghĩ bàn
Rõ ràng không chỗ đắc
Khi đắc chẳng nói tri”.*

Chỗ này mà muốn dạy tỏ hiểu, làm sao được! Một chữ tri còn chẳng tự mang lấy, mới có thể nói là chân.

Kinh:

Ở giữa, không thật tánh
Nên giống lau gác nhau
Buộc, mở đồng một nhân
Thánh phàm không hai lối
Hãy xem tánh giao nhau
Có, không đều chẳng phải

Mê lầm là vô minh Phát minh liền giải thoát

Thông rằng: Ở giữa là ở giữa nǎng kiến và sở kiến. Do tràn mà phát ra cái biết, thì cái biết ấy là thức, thuộc về nǎng kiến. Nhân căn mà có tướng, tướng là tràn, thuộc về sở kiến. Ba cái căn, tràn, thức này nương nhau mà có, vốn không có thật tánh, cũng như cây lau gác nhau, nương nhau mà đứng, nguyên không có tự tánh. Thử xem cái tánh của lau gác nhau, nếu cho là không thì khi nương nhau lại tựa hồ như có. Nếu cho là có, thì khi không nương nhau lại vốn là không. Chẳng phải là có chẳng phải là không, đó là không có tánh. Buộc đó, cũng là sáu căn này mà chẳng phải có chỗ bớt đi; mở đó, cũng là sáu căn này mà cũng chẳng có chỗ tăng thêm, lấy đâu mà gọi mở ra là thánh, buộc lại là phàm ư?

Vì chẳng thấu cái ý chỉ vô sanh, một niệm tự mình không biết, trong thì thấy có nǎng kiến, ngoài thì thấy có sở kiến, nên bị căn tràn ràng buộc, không còn cái vốn liêng tự do. Cái mê mờ đó tức là cội gốc vô minh, cái chỗ cột buộc do đó mà khởi sanh vậy. Nếu như thật thấy được chỗ không có tánh, mà thoát khỏi sự dính kín, phát ra cái sáng chói vốn có của mình, khi ấy thì ánh sáng không theo căn và thấy chẳng cần mượn duyên. Sáu căn dùng thay nhau, siêu việt các hình tướng thế gian. Đó là cái nhân của “*Phát minh liền giải thoát*”, là cái do đó mà có tên là cởi mở vậy.

Cột nút là câu sanh vô minh, cái căn mồi nút sanh tử, nên là phàm phu, đó là do sáu căn này chứ không phải vật gì khác.

Cởi mở chóng chứng an lạc, tịch tịnh diệu thường, gọi là thánh nhân, đó cũng do sáu căn này, nào có vật gì khác! Đồng sáu căn này, đâu có hai đường. Kia thì ràng buộc nơi hữu vi, giống như tánh Có của cây lau gác nhau, mà tánh thật ra chưa từng có. Nọ thì ràng buộc nơi vô vi, giống như tánh Không của cây lau gác nhau, mà tánh thực ra chưa từng không. Thấu đạt cái *chẳng phải có, chẳng phải không này, cái thấy không phàm không tánh*, mới có thể nói đến chân tánh vậy.

Có nhà sư hỏi Tô Hoàng Bá: “Vốn đã là Phật, sao có bốn loại sanh, sáu đường, đủ thứ hình tướng chẳng đồng?”

Tô Hoàng Bá nói: “Chư Phật thể vốn tròn đủ, nào có tăng giảm. Trôi vào sáu đường, chốn chốn đều tròn đủ. Trong muôn loài ấy, mỗi mỗi đều là Phật. Ví như một cục thủy ngân, phân tán các nơi, mỗi hột đều tròn đủ. Như khi chẳng chia, chỉ là một khối. Đó là một tức tất cả, tất cả là một. Đủ thứ hình tướng ví như nhà cửa. Bỏ “nhà” của lừa, vào “nhà” của người; bỏ thân người để đến thân của chư thiên; cho đến “nhà” của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật, đều là do chỗ nấm, bỏ của ông mà có ra khác biệt. Tánh vốn xưa nay nào có khác biệt?”

Rốt ráo thay lời nói này! Ở ngay đây mà phát sáng được, thì có thể khiến hạng bậc địa phàm phu bước vào Thánh vị.

Kinh:

Mở nút theo thứ lớp
Sáu mở, một cũng mất
Nơi căn, chọn viên thông
Vào dòng, thành Chánh Giác!

Thông rằng: “*Phát minh liền giải thoát*”, đây là Đốn Môn, sao còn có lời nói “*Mở nút theo thứ lớp*”?

Đốn mà chẳng bỏ tiệm nên mới là pháp môn Viên Đốn vậy. Nếu là người đại căn, đại khí, một ngộ liền đến Phật địa, còn mượn gì đến tu chứng. Kế đó là hạng mà không gì bằng là chọn Nhĩ Căn Viên Thông, một căn về nguồn thì sáu căn liền giải thoát. Trước là tiêu mất sáu căn, kế đó mất luôn cái một. Đó là pháp môn của Đức Quán Thế Âm, nhập vào dòng, mất cái sở, rốt ráo tịch diệt hiện tiền mà thành chánh giác. Ngay trong Đốn Môn, có đại ngộ tiểu ngộ, kể không xiết, đâu phải không từng có thứ lớp?

Xưa, thiền sư Quán Khê Nhàn ban đầu tham vấn Tô Lâm Tế.

Tô Lâm Tế nắm đứng Ngài hồi lâu.

Ngài nói: “Lãnh hội vậy”.

Tô Lâm Tế buông ra nói: “Tha cho ông một gậy đó”.

Sau, thiền sư Quán Khê trụ núi, mới dạy chúng rằng: “Ta gặp Tô Lâm Tế, không có ngôn ngữ gì, mà cho đến nay no mãi chẳng đói!”

Sau, Ngài đến Tô Mạt Sơn, trước tự giao ước rằng: “Tương đương thì ở, còn không thì lật ngược thiền sàng”.

Khi vào nhà giảng, Tô sai thị giả hỏi: “Thượng Tọa đến thăm núi, hay vì Phật Pháp mà đến?”

Ngài đáp: “Vì Phật Pháp mà đến”.

Tô Sơn bèn lên tòa giảng, Ngài Quán Khê vẫn chẳng làm lẽ.

Tô Sơn hỏi: “Hôm nay rời chỗ nào?”

Ngài đáp: “Lộ Khâu (02)”.

Tô Sơn nói: “Sao chẳng che lại đi!”

Ngài Khê không có lời đáp.

Tô Mạt Sơn thay thế nói rằng: “Sao đến trong ấy được!”

Ngài Quán Khê mới lẽ bái, rồi hỏi: “Như sao là Mạt Sơn?”

Tô Sơn nói: “Chẳng lộ định”.

Ngài Khê hỏi: “Như sao là chủ của Mạt Sơn?”

Tô Sơn nói: “Chẳng phải tướng nam nữ”.

Ngài Khê hỏi: “Sao chẳng biến hóa đi?”

Tô Sơn nói: “Chẳng là thần, chẳng là quý, biến cái gì?”

Ngài Quán Khê chịu phục, làm người giữ vườn ba năm.

Tô Lâm Tế tha cho Ngài một gậy, đến đây mới liên tục.

Sau, Ngài nói: “Tôi ở chỗ Lâm Tế, được một lần thoát, tôi ở chỗ Mạt Sơn được một lần thoát”. Ngài lại nói: “Mười phương không tường vách, bốn mặt cũng không cửa. Bày tràn trụi, sáng rực rõ, không thể nắm!”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Ngài Quán Khê nói như thế, thì thử nói ở chỗ Lâm Tế được hay ở chỗ Mạt Sơn được? Mặc dầu một mũi tên mà hai con chim. Nhưng có lúc chạy đi, có lúc ngồi lại. Làm sao cho hợp? Tóm lại, mở ra đều ở ta, cầm đến, ném đi nào do ai khác?”

Ở chỗ này mà thấu suốt được, mới mất cái một, lúc ấy mới gọi là chân giải thoát!

Kinh:

Thức Đà Na vi tế
Tập khí thành dòng xiết
Sợ làm chân, phi chân
Ta thường chẳng khai diễn

Thông rằng: Sáu căn chẳng có thể làm phàm, làm thánh, mà cái làm chủ là thức vậy. Sáu thức đã tiêu mất, mà cái ngã kiến vẫn còn, đó là cảnh giới của thức thứ bảy. Sáu mở, một mất, là trở về biển Như Lai Tạng, đó là cảnh giới của thức thứ tám.

Ngài Mā Minh dạy: “Y vào Như Lai Tạng, có cái tâm sanh diệt hòa hợp với cái chẳng sanh diệt, chẳng phải là một, chẳng phải khác, gọi là Thức A Lại Da”. Thức này rất là vi tế, ngâm chứa chủng tử làm tập khí, chẳng biết được chỗ ẩn núp

của nó. Tích chứa sanh ra sóng thức thành dòng chảy xiết, mà chẳng biết được chỗ sanh của nó. Thế nên gọi là vi tế. Vì y vào cái chẳng sanh diệt, nên gọi là Như Lai Tạng xuất triền (03), tỳ hò như là chân vậy. Vì y vào tâm sanh diệt, nên gọi là Như Lai Tạng tại triền (04), hình như chẳng phải chân vậy. Nhưng chân và chẳng phải chân, đều là cái thức ấy, cho nên khó mà phân biệt. Gọi đó là chân, thì sợ rằng nhận giặc làm con! Mà gọi đó chẳng phải chân, thì e rằng nhận con cho là giặc. Do vậy, Đức Thế Tôn chẳng khinh xuất mà bàn đến vậy”.

Nếu có thể chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Cảnh Trí, chẳng phải chân, chẳng phải không chân, mới có thể nói đến Chân Như, Phật Tánh, Vô Thượng Bồ Đề vậy. Sau này không rõ được Tánh Tông, đó chỉ vì không thấu đáo Tướng Tông, lấy cái ngã kiến trong thức thứ bảy mà cho là Phật Tánh, lấy cái tướng sanh diệt trong từng sát-na của thức thứ tám làm Chân Như, nên gọi là “*Mập mờ Phật Tánh, làm lạc Chân Như*”. Nhận định chỗ đứng yên không chao động cho là cứu cánh, thế là một chưa tiêu mất vậy.

Có nhà sư hỏi Tô Trưởng Sa Sầm: “Thức thứ sáu, thứ bảy và thứ tám, rốt ráo không có tự thể, thì sao lại nói là chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Cảnh Trí?”

Tô Sa chỉ dạy bằng bài kê:

“Bảy “sanh” y một “diệt”
Một “diệt” giữ bảy “sanh”
Một diệt, diệt cũng diệt
Sáu, bảy rốt không động”.

(Thất sanh y nhất diệt
 Nhất diệt trì thất sanh
 Nhất diệt, diệt diệc diệt
 Thất lục vĩnh vô thiên).

Do đây mà xem, thì không những “Sáu mở, một mát”, mà lại còn “Bảy mở, một mát”. Vi diệu thay, vi diệu thay!

Kinh:

Tự tâm nắm (05) tự tâm
 Chẳng huyền, thành pháp huyền
 Không giữ: không “chẳng huyền”
 “Chẳng huyền” còn không sanh
 Pháp huyền làm sao lập?

Thông rằng: “Trong Chân Tánh, hữu vi là không. Do Duyên sanh nên như Huyền”. Chân Tánh vốn là Không, sao lại có huyền sanh ra? Do vì thức thứ tám, trong thì duyên với Chân Như, ngoài sanh ra các pháp hữu vi, nên là như huyền vậy. Kinh Giải Thâm Mật nói “A Lại Da Thức rất vi tế. Hết thảy chúng tử như dòng xiết. Ta chẳng khai diễn với phàm ngu. E họ phân biệt chấp làm Ngã”.

Đây là *tự tâm chấp lấy tự tâm*, chính là tự phân biệt mà chấp làm cái ngã. Một khi đã chấp làm ngã, thì ở trong cái chẳng phải huyền lại sanh khởi pháp huyền. Tánh trong lặng do đó mà phân, nút buộc do đó mà bắt đầu. Từ đó sáu căn đuổi theo sáu trần mà thành luân chuyển. Chẳng chấp lấy làm ngã, thì cái chẳng phải huyền còn không có, huống là cái huyền do đâu mà lập? Lặng trong hợp vào lặng trong, đồng nguồn

không hai, do đó mà sáu căn thanh tịnh cùng mất đi cái một vậy. Sáu căn thuộc về huyền, cái một thuộc về *chẳng phải huyền*. Một và sáu đều tiêu mất, nên nói “*Chẳng huyền còn không sanh, pháp huyền làm sao lập?*” Đây là sự chuyển thức thành trí, ở giữa khoảng năm lấy và chẳng năm lấy vậy.

Kinh Lăng Già nói “Phân biệt là thức, vô phân biệt là trí. Sanh diệt là thức, chẳng sanh diệt là trí”. Chỉ không phân biệt thì đó là Chân Tánh bất sanh diệt. Do thế mà không bị thức ẩn che chướng”.

Nhà sư hỏi Tô Hoàng Bá: “Ngài Văn Thủ cầm kiếm ở trước Đức Cù Đàm là thế nào?”

Tô Hoàng Bá nói: “Năm trăm vị Bồ Tát đắc túc mạng trí, thấy nghiệp chướng đời quá khứ. Năm trăm ấy là ngũ ẩn của ông sanh ra đó. Bởi thấy cái nghiệp chướng túc mạng này, nên cầu Phật, cầu Niết Bàn Bồ Tát. Do đó, Ngài Văn Thủ dùng kiếm trí giải giết cái tâm có thấy Phật này vậy. Nên mới nói, Ông khéo giết”.

Nhà sư hỏi: “Cái gì là kiếm?”

Tô Bá nói: “Tâm giải thoát là kiếm”.

Nhà sư hỏi: “Tâm giải thoát đã là kiếm, dứt lià cái tâm có thấy Phật, thì như cái hay dứt lià cái tâm có thấy, làm sao trừ nó được?”

Tô Bá nói: “Lại dùng cái trí vô phân biệt của ông mà dứt lià cái tâm có thấy phân biệt này”.

Nhà sư hỏi: “Như khởi ra cái tâm có thấy, có cầu Phật thì lấy kiém vô phân biệt trí mà đoạn dứt; thế còn cái kiém trí ấy thì sao?”

Tổ Bá nói: “Nếu thật là trí vô phân biệt giết được cái thấy có, thấy không, thì trí vô phân biệt ấy cũng bất khả đắc”.

Nhà sư hỏi: “Không thể lấy trí lại đoạn trí, không thể dùng gươm để đoạn kiém sao?”

Tổ bá nói: “Kiếm tự hại kiém, kiém kiém hại nhau, tức là kiém cũng bất khả đắc. Trí lại tự hại trí, trí trí hại nhau, tức là trí cũng bất khả đắc. Mẹ con chôn nhau, cũng là như thế”.

Các luận bàn vi diệu này, không những ở chỗ *Nǎm lấy* không được phép ló đầu, mà ngay chỗ *Chẳng nǎm lấy* cũng không có dấu vết. Nhỏ nhiệm càng nhỏ nhiệm thay! Cần thấu rõ như thế, mới có thể nói tới việc chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Cảnh Trí.

Kinh:

Đó là Diệu Liên Hoa
 Bảo Giác Kim Cương Vương
 Như huyền Tam Ma Đè
 Gẩy móng (tay) vượt Vô Học
 Đây là pháp vô thượng
 Một đường đến Niết Bàn
 Của mười phương Chư Phật

Thông rằng: Ban đầu, Ông Anan nói rằng từ vô thủy đến nay cùng với các thứ vô minh cùng sanh cùng diệt, không thể

hàng phục được sắc nạn của Cô Ma Đǎng Già, mới ân cần cầu xin cái phuơng tiện đầu tiên là Xa Ma Tha, Tam Ma và Thiền Na để đắc thành Bồ Đề của mười phuơng Như Lai. Nay, mười phuơng Như Lai khác miệng đồng một lời rằng: “Ông muốn biết cái câu sanh vô minh khiến ông lưu chuyền, cái căn mối nút sanh từ đó, chính là sáu căn của ông, không phải vật gì khác. Ông lại muốn biết cái Bồ Đề Vô Thượng khiến ông chóng chứng an lạc giải thoát, tịch tịnh diệu thường, thì cũng là sáu căn của ông chứ không phải vật gì khác”. Như thí dụ ở trước về băng và nước. Nước đông lại thành băng, đâu có vật gì khác để làm thành băng? Băng tan thành nước, đâu có vật gì khác để làm ra nước?

Sáu cái làm môi giới cho giặc, tự cướp của báu nhà mình, đó là sáu căn này vậy. Sáu mở một mắt, liền thành chánh giác, cũng là sáu căn này vậy. Tức vọng tức chân, tức chân tức vọng, trong ấy có diệu ngộ. Một chữ Diệu rất khó dùng ngôn ngữ để hình dung, phải chuyền thức thành trí. Tương ứng với Tánh Giác Diệu Minh, Bổn Giác Minh Diệu mới có thể nói đến Bồ Đề Vô Thượng. Ví như hoa sen, mọc ra từ bùn mà chẳng dơ nhiễm. Hoa sen thường còn vậy, huống là hoa Ưu Đàm, khác hẳn tướng thế gian, gọi là hoa ứng điềm lành, để chỉ cho sự phát minh một con đường tối thượng. Nhập chỗ thấy biết của Phật mới lãnh nhận nổi.

Bảo Giác Kim Cương Vương, tức là Sơ Càn Huệ Địa trong Tâm Kim Cương vậy. Kim Cương có thể phá hủy tất cả. Hàng Thập Địa đều gọi là Tâm Kim Cương, cũng vì là phá hủy cái “Địa” trước, tức cái gọi là gươm Huệ vậy. Một khi cái

Giác này hiện ra, thì không những vô minh từ vô thủy diệt ngay, mà cái Phật kiến, Bồ Tát kiến cũng không có chỗ nào ló đầu ra nữa.

Tam Ma Đè là chánh định. Nói là như huyền vì như người huyền đang làm mà vốn không có chỗ nào làm. Tức là Tịch mà Chiếu, tức là Chiếu mà Tịch, quên tình bặt thức, không thể nghĩ bàn, tức là chỗ gọi là Kim Cương Tam Muội, văn, huân, tu vậy. Các pháp Xa Ma Tha, Tam Ma, Thiền Na nhiệm mầu này, độc chỉ bởi một phen ngộ. Một khi ngộ liền đến Phật địa, nên trong khoảng khảy móng tay mà vượt hàng Vô Học Nhị Thừa. Hàng Vô Học còn rơi vào công phu tu tập, còn chấp nỗi vô kiến. Cái Chân Tánh này hiện tiền, thì hữu, vô đều lìa hết, vượt lên một lần là vào thắng, chẳng còn mượn công phu thứ bậc, là Đốn Môn vậy. Như Thái Tử còn ở trong thai, đã quý hiển hơn hàng quan, hay như chim Tân Đà trong trứng, tiếng đã vượt hơn các loài chim. Há các loại thiền định, quán hạnh tâm thường có thể so sánh sao? Nên nói “Pháp không gì sánh này chóng chứng tịch thường vậy”.

Nhà sư hỏi Tô Càn Phong: “Một đường vào Niết Bàn của mười phương Chư Phật, chưa rõ đâu đường ở chỗ nào?”

Tô Phong lấy cây gậy vạch một nét, bảo: “Ở trong ấy”.

Nhà sư xin Tô Vân Môn chỉ thêm.

Tô Môn cầm cây quạt đưa lên nói: “Cây quạt nhảy tốt lên tầng Trời Thứ Ba Mươi Ba, xây đắp cái lỗ mũi của Đế Thích. Đánh con cá Lý Ngu ở biển Đông một gậy, mưa như cầm chậu đổ! Hiểu chẳng? Hiểu chẳng?”

Tô Hoàng Nam nói: “Càn Phong một phen chỉ đường, giúp đỡ kẻ sơ cơ. Vân Môn thông suốt chổ biến hoá, nên khiến người sau không mỏi mệt!”

Ngài Trúc Am tụng rằng: “Càn Phong khỏi dùng sự chỉ bày. Vân Môn thôi đánh đồ vật vanh. Tự nhiên con Lý Ngư ở biển Đông xây đắp lỗ mũi của Đế Thích”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Vào tay phương thuốc để cứu đời
“Hương hoàn hồn” muốn cứu nguy ngay
Một mai toát mồ hôi khắp hết
Mới tin ai chẳng tiếc lông mày”.*

Đây là việc gì mà há nê nói lý giải thoát khiến người vào được? Cần phải tự mình khai ngộ thấu suốt mới được cái kỳ diệu.

MỤC HAI: CỘT KHĂN ĐỂ CHỈ MUỐI NÚT VÀ CÁCH MỞ

I. CỘT NÚT

Kinh: Khi ấy, Ông Anan và cả đại chúng nghe lời dạy từ bi vô thượng của Phật, kệ tụng cốt tủy, diệu lý trong suốt, mắt tâm mở tỏ, tán thán là Pháp chưa từng có.

Ông Anan chấp tay đảnh lễ, bạch Phật: “Nay tôi nghe Phật mở lòng đại bi dạy cho những câu pháp về tánh chân thật thanh tịnh diệu thường, nhưng tâm còn chưa rõ thứ lớp mở nút của việc “Sáu mở một mắt”. Xin Phật rủ lòng đại bi thương xót hội này cùng với đời sau, bố thí cho pháp âm, để rửa sạch những câu nhiễm nặng nề của chúng tôi”.

Liền khi ấy, Đức Như Lai nới sư tử tòa, sửa áo Niết Bàn Tăng, vén áo Tăng Già Lê, dựa ghế thắt bảo, đưa tay lên ghế, lấy cái khăn hoa do Trời Dạ Ma dâng cúng, rồi ở trước đại chúng, cột thành một nút, đưa cho Ông Anan xem và bảo rằng: “Cái này gọi là gì?”

Ông Anan và đại chúng đều bạch Phật rằng: “Cái ấy gọi là nút”.

Lúc ấy, Như Lai lại cột khăn hoa thành một nút nữa và hỏi Ông Anan: “Cái này gọi là gì?”

Ông Anan và đại chúng lại bạch Phật rằng: “Cái ấy cũng gọi là nút”.

Phật tuân tự cột khăn hoa như vậy, tất cả sáu nút. Mỗi khi cột xong một nút, đều lấy cái nút vừa cột xong trong tay, đưa

hỏi Ông Anan: “Cái này gọi là cái gì?” Ông Anan và đại chúng cũng tuần tự đáp lại Phật: “Cái ấy gọi là nút”.

Phật bảo Ông Anan: “Khi Ta mới cột khăn thì ông gọi là nút. Cái khăn hoa này trước đây chỉ có một cái, có sao lần thứ hai, lần thứ ba, các ông cũng gọi là nút?”

Ông Anan bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn, cái khăn hoa thêu dệt quý báu này vốn chỉ một thể. Nhưng theo ý tôi nghĩ, Như Lai cột một lần, thì được gọi là một nút, nếu cột trăm lần, thì rốt phải gọi là trăm nút; huống gì cái khăn này chỉ có sáu nút, chẳng lên đến bảy, cũng không dừng ở năm. Sao Đức Như Lai chỉ cho cái đầu tiên là nút, còn cái thứ hai, thứ ba thì không gọi là nút?”

Phật bảo Ông Anan: “Cái khăn hoa báu này, ông biết nó vốn chỉ có một cái, đến khi Ta cột sáu lần thì ông gọi là có sáu nút. Ông xét kỹ xem, thể của khăn là đồng, nhân vì cột mà có ra khác. Ý ông thế nào? Cột nút đầu tiên thì gọi là nút thứ nhất, như vậy cho đến cột lần thứ sáu thì gọi là nút thứ sáu. Nay Ta muốn gọi nút thứ sáu là nút thứ nhất, được không?”

- Bạch Thế Tôn, không. Cả sáu nút mà còn, thì cái gọi là thứ sáu nhất định không phải là cái thứ nhất. Cho dù tôi có biện giải suốt đời cũng không làm sao cho sáu nút đổi tên được”.

Phật bảo: “Thế đấy, sáu nút không đồng nhau. Xét theo bản nhân thì do một cái khăn tạo ra, nhưng rốt cuộc không thể làm cho sáu nút lẫn lộn với nhau. Sáu căn của ông cũng là như thế. Trong chỗ rốt ráo đồng nhau, sanh ra rốt ráo khác nhau”.

Phật bảo Ông Anan: “Chắc là ông không muốn thành ra sáu nút, và trông mong chỉ thành một thể, thì phải làm sao?”

Ông Anan thưa: “Nếu còn những nút này thì sự phai trai nỗi lên, trong đó tự sanh ra nào là nút này không phải nút kia, nút kia không phải là nút này. Nếu giờ đây, Như Lai cởi bỏ tất cả, thì nút chẳng sanh ra, ắt là không có đây, kia. Như thế còn không có cái gọi là một, thì lấy đâu có sáu?”

Phật dạy: “*Sáu mở, một mất* cũng như vậy đó. Do từ vô thủy, tâm ông cuồng loạn, mà cái thấy-biết vọng phát ra. Vọng phát chẳng ngừng, nên cái thấy mệt mỏi phát sanh trần túng. Ví như mắt mỏi thì có hoa đốm. Trong tánh trong lặng sáng suốt, không đâu mà lặng xăng sanh khởi tất cả thế gian, núi sông, đất đai, sanh tử, Niết Bàn... hết thấy đều là những túng hoa đốm đên đảo mê dại cả”.

Thông rằng: Vốn y nơi một Tinh Minh mà chia ra thành sáu cái hòa hợp, trước đã nói rõ rồi, sao lại có ví dụ này?

Ở đoạn trước thì do các trần sáng, tối, động, tĩnh... làm dính che tánh trong lặng mà phát khởi ra sáu căn, từ ngoài vào trong, cho nên chỉ cần chẳng theo các túng sáng, tối, động, tĩnh... thì thoát khỏi sự che dính, ẩn phục vào trong, liền phát ra cái sáng chói vốn có, thì được sáu căn dùng thay nhau. Đó là ngược dòng mà toàn nhất, để chế phục cái bên ngoài vậy.

Nay đây thì do tâm cuồng loạn, cái thấy mệt mỏi phát ra trần túng, là từ trong ra ngoài. Nên trừ được cái căn cột buộc thì trần túng tự diệt mất. Ban đầu đắc nhân không, cho đến đắc Vô Sanh Nhẫn. Đây là mở tan tâm bị cột trói, để viên dung cái bên trong vậy. Trong tánh lặng trong sáng suốt, không do đâu mà sanh khởi lặng xăng. Cái mê vốn chẳng có nguyên

nhân, gốc gác gì; nhân nơi cái minh lập nên cái sở. Cái thấy biết vọng phát ra này, là nguyên do của sự phát sanh mối nút. Cái trong lặng bỗng xoay ra có hứ vọng sanh diệt. Sanh diệt ấy mà đã diệt, đó là tịch diệt hiện tiền. Sáu cái dùng này chẳng hiện hành, đó là nghĩa mở tan vậy.

Còn bị cột, thì nghe chẳng ngoài tiếng; thấy chẳng vượt sắc. Nút này chẳng phải nút kia, nút kia chẳng phải nút này. Như mắt mệt mỏi thấy riêng hoa đốm. Đến khi cởi mở được, thì cái sáu đã tiêu, cái một cũng mất. Cái một còn không có tên gì để gọi, huống là thành sáu sao? Như mắt trong sáng, vốn tự không có hoa đốm. Nên cột đó, thì gọi là sanh tử, mà chẳng hề tồn giảm. Mở đó, gọi là Niết Bàn, mà chẳng hề thêm lên. Như hoa đốm khi không mà khởi, diệt; hư không có chỗ nào thêm bớt? Thế nên, biết sanh tử là điên đảo thì sáu liền được mở. Biết Niết Bàn là hoa đốm, thì cái một liền tiêu vong. Ngược dòng toàn vẹn một, cái một dường chưa mất, đến khi một cũng mất thì tâm trói buộc liền mở thoát.

Nhà sư hỏi thiền sư Phong Huyệt Chiếu: “Một tức sáu, sáu tức một. Một và sáu đều mất thì như thế nào?”

Tô Huyệt nói: “Một mũi tên bắn hai chim”.

Hỏi: “Ý chỉ thế nào?”

Tô Huyệt nói: “Thân mất, dấu tiêu”.

Ông Tú Tài Trương Chuyết ra mắt Tô Thạch Sương.
Tô Sương hỏi: “Tên gì?”

Ông Chuyết đáp: “Họ Trương, tên Chuyết (06)”.

Tô Sương nói: “Tìm cái khéo còn chẳng được thay, cái vụng từ đâu mà lại?”

Ông Trương Chuyết ngay dưới lời nói khẽ ngô, bèn trình kệ:

*“Sáng trưng lăng chiếu khắp hà sa
Phàm thánh sinh linh chung một nhà
Một niệm chẳng sanh: toàn thể hiện
Sáu căn vừa động bị mây mờ
Đoạn trừ vọng tưởng, càng thêm bệnh
Hướng tới Chân Như, ấy cũng tà
Tùy thuận duyên đời, không chướng ngại
Niết Bàn, sanh tử thảy không hoa”.*

(Quang minh tịch chiếu biến hà sa
Phàm thánh hàm linh cộng nhất gia
Nhất niệm bất sanh toàn thể hiện
Lục căn tài động bị vân già
Đoạn trừ vọng tưởng trùng tăng bệnh
Thú hướng Chân Như diệc thị tà
Tùy thuận thế duyên vô quái ngại
Niết Bàn, sanh tử đắng không hoa).

Như Ông Chuyết, quả là thâm đắc ý chỉ “Sáu mở một tiêu”. Nào do thứ lớp mà đến đó sao?

II. CÁCH MỞ NÚT

Kinh: Ông Anan thưa: “Cái bệnh mệt mỏi kia giống như cái nút, làm sao cởi bỏ?”

Đức Như Lai dùng tay cầm cái khăn có cột nút, kéo riêng mối bên trái rồi hỏi Ông Anan: “Như thế này mở ra được không?”

- Thưa Thế Tôn, không thể.

Đức Thế Tôn lại dùng tay kéo mối bên phải rồi hỏi Ông Anan: “Như thế này mở ra được không?”

- Thưa Thế Tôn, không thể.

Phật bảo Ông Anan: “Nay Ta lấy tay kéo mối bên phải, bên trái mà rốt cuộc chẳng mở ra được, vậy ông dùng cách nào mà mở ra?”

Ông Anan thưa với Phật rằng: “Thưa Thế Tôn, phải ở ngay nơi trung tâm của nút, thì mở ra ngay”.

Phật bảo Ông Anan: “Đúng thế, đúng thế! Nếu muốn hết cái nút, thì phải ở ngay nơi tâm của mối nút.

Thông rằng: Các nhà chú giải xưa nói: kéo mối bên trái, bên phải là dụ cho sự nương y vào hai bên *không, có*, nên không thể mở nút. Nên cần phải ở trong Viên Quán, nơi cẩn không sanh phân biệt, nơi cảnh không sanh bám nấm, thì nút mở ra. Phàm đợi quán rồi mới mở ra được, thế vẫn chỉ là kéo mối phải, mối trái mà thôi, nơi chỗ tâm của mối nút có ăn nhầm gì? Chẳng như lời lẽ của nhà Thiền rất kín đáo nhiệm màu vậy.

Tổ Thọ Thánh nói: “Nửa tháng trước dùng móc, nửa tháng sau dùng chùy”.

Nhà sư bèn hỏi: “Hiện ngay đang giữa tháng thì thế nào?”

Tổ Thọ Thánh nói: “Trâu đất đạp vỡ trăng trên đầm trong”.

Ngài Thiên Đồng nêu ra: “Hai đầu đều có chỗ dùng, ấy là Thọ Thánh! Liền quên công sức, có ai để đắc? Tha đi ấy: đổi làm khách quý. Năm đứng lại: Chẳng còn dấu vết. Còn có đắc gì chẳng? Đêm khuya ngọc nữ vất bỏ gấm dệt nơi nhà Tây!

Lại Tổ Vân Môn dạy chúng rằng: “Ngày mười lăm về trước thì chẳng hỏi, ngày mười lăm về sau, thử nói một câu xem?”

Rồi Ngài tự nói: “Ngày nào cũng là ngày tốt”.

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Người tuổi Dần bồn mạng. Người tuổi Thân tương xung!”

Tổ Thạch Môn Thông nói: “Ngày mười lăm về trước, Chư Phật sanh. Ngày mười lăm trở về sau, Chư Phật diệt. Ngày mười lăm về trước Chư Phật sanh, ông không được lìa cái *Trong Áy* của ta. Nếu lìa cái *Trong Áy* của ta, ta lấy móc móc ông. Ngày mười lăm về sau chư Phật diệt, ông không được trụ cái *Trong Áy* của ta. Nếu trụ cái *Trong Áy* của ta, ta lấy dùi dùi ông. Thử nói hiện nay ngày mười lăm, dùng móc là phải hay dùng dùi là phải?”

Rồi tụng rằng:

*“Hiện ngay ngày mười lăm
Móc dùi đồng thời dứt
Vừa định hỏi thế nào
Quay đầu (mặt) trời lại mọc”.*

Tổ Vân Môn thì chẳng thế: “Ngày mười lăm về trước, Chư Phật vốn chẳng từng sanh. Ngày mười lăm về sau, Chư Phật vốn chưa từng diệt. Ngày mười lăm về trước, nếu ông lìa cái Trong Áy của ta, ta cũng chẳng dùng móc móc ông. Cứ thế vác ngang cây trụ trưng, dẫm nát đôi giày cỏ. Ngày mười lăm về sau, nếu ông trụ nơi Trong Áy của ta, ta cũng chẳng lấy dùi dùi ông. Cứ việc bẻ gãy cây trụ trưng, treo cao đẫy bát. Thủ hỏi ngay ngày mười lăm, phải làm sao?”

Bèn nói: “Trước, sau ngày mười lăm. Móc dùi dùng làm gì? Sáng nay ngày mười lăm. Đúng lúc dùng dùi, móc! Nhưng dùng làm sao đây?”

*Rắn chết giữa đường, đừng đập đánh
Giỗ không đáy ấy, đừng mang về.*

Nếu nơi cái tắc này mà được ra manh mối, thì cái tâm buộc trói bấy lâu tức thời mở thoát.

Kinh: “Anan, Ta thuyết Phật Pháp, từ nhân duyên sanh, không phải chọn lấy thế gian là các tướng hòa hợp thô phù. Như Lai phát minh các pháp thế gian và xuất thế gian, đều biết rõ cái bốn nhân của chúng, theo duyên gì mà có ra. Như vậy cho đến một giọt mưa ở ngoài hằng sa thế giới cũng biết số mục. Hiện trước mặt đủ thứ: cây tùng thăng, cây gai cong, con hộc trắng, con quạ đen đều rõ nguyên do.

Thông rằng: Phật biết pháp thế gian và xuất thế gian đều do nơi tâm. Tùy theo nhiệm duyên thì có ra chín cõi. Tùy theo tịnh duyên thì có được Phật giới. Cái nhân duyên này mà hiểu được thì cho đến hằng sa giọt mưa cùng các thứ hiện tiền nhân gì, duyên gì đều biết nguyên do. Phật có hai Trí: Quyền Trí và Thật Trí. Thật Trí thì rõ Lý; Quyền trí thì soi chiếu Sự Vật. Thế nên, biết được các thứ nguyên do là do Quyền Trí soi chiếu sự vật vậy. Pháp Thân Như Lai tròn đầy toàn khắp, không có một vật nào ở ngoài Pháp Thân, vậy có gì mà Như Lai không biết ư?

Tổ Động Sơn thượng đường nói: “Bảo sơn tăng này nói gì thì được? Cổ túc kim, kim túc cổ. Vì thế kinh Lăng Nghiêm nói “Cây tùng thẳng, cây gai cong, con hộc trắng, con quạ đen”. Có biết không? Tuy nhiên như thế, chưa chắc là cây tùng cứ một mực thẳng, cây gai một mực cong, con hộc thì cứ trắng, con quạ thì cứ đen. Động Sơn này nói: “Trong ấy cũng có cây tùng cong, cũng có cây gai thẳng, cũng có con hộc đen, cũng có con quạ trắng”. Đứng lâu rồi, trân trọng!”

Hãy nói xem, Động Sơn chuyển Lăng Nghiêm hay bị Lăng Nghiêm chuyển? Rốt cuộc làm sao hiểu lời nói đó?

Kinh: “Thế nên, Anan, tùy nơi tâm ông mà chọn lựa trong sáu căn. Nếu trừ được cái nút của căn, thì trần tướng tự diệt, các vọng tiêu mất, còn đợi cái chân nào nữa?

“Anan, nay Ta lại hỏi ông: Cái khăn hoa này hiện có sáu nút, có thể cùng một lúc mở ra tất cả để trừ hết được không?”

- Thưa Thế Tôn, không. Những nút ấy vốn theo thứ lớp cột lại mà sanh, thì nay cũng phải theo thứ lớp mà mở. Sáu nút ấy tuy là đồng thể, nhưng cột lại không đồng thời, thì khi cởi nút, làm sao cùng một lúc mà trừ hết được?

Phật dạy: “Cởi trừ sáu căn cũng như vậy. Căn ấy khi mới mở, thì trước hết được nhân không, đến khi Tánh Không tròn sáng thì giải thoát được pháp chấp. Giải thoát khỏi pháp chấp rồi, thì cả hai nhân không và pháp không đều chẳng sanh. Đó gọi là Bồ Tát do Tam Ma Địa mà đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn”.

Thông rằng: “Một căn đã trở lại nguồn, sáu căn thành giải thoát”, thật rõ ràng như thí dụ này. Mê thì sáu căn cùng cột nút, ngộ thì sáu căn dùng thay nhau, có thứ lớp gì đâu? Chỉ vì mê lại càng tích chứa thêm mê, mà có từ tinh tế đến thô phù; ngộ thì càng ngộ, mà từ thô phù đến tinh tế. Chẳng phải là không có thứ lớp, nhưng chẳng phải nhỏ thoát một căn rồi các căn kia theo thứ tự nhỏ thoát theo. Lời Phật viên dung, vốn nào có vướng mắc. Như gọi là nút thứ nhất, thì nút thứ hai, thứ ba cũng đồng là nút mà không thể gọi là nút thứ nhất được. Tên thì khác nhau mà đồng là nút, thì cái thứ nhất là cái thứ sáu, cái thứ sáu là cái thứ nhất.

Người ta sanh ra, từ trong thai cho đến khi đầy đủ hình thể, sáu căn chẳng phải không có trước sau. Đến khi mười tám giới đã thành, thì căn có cái viên thông, cái chẳng viên thông. Theo cái viên thông, dư sức chứng Đạo một ngày. Chẳng theo cái viên thông, trăm kiếp tu Đạo chẳng đủ. Ngày và kiếp khác

xa nhau, thì sáu căn có cái nhanh, chậm chẵng đồng. Thế nên, căn có cái dễ dứt, có cái khó dứt.

Không Tử nói “*Sáu mươi tuổi thì lỗ tai tùy thuận*”, đó là nhĩ căn đã chuyển hóa rồi vậy. Lại nói, “*Bảy mươi tuổi tùy theo tâm, mà chỗ muốn không ra ngoài khuôn phép*”, đó là ý căn đã chuyển hóa rồi, cũng có ít nhiều thứ lớp.

Cái cột nút này chẵng tích chứa trong một ngày, thì cởi mở cũng không phải trong khoảng khắc mà trừ được. Ban đầu, được nhân không, cho đến đắc Vô Sanh Nhẫn, tức là thứ lớp *Vào dòng mát cái sở*, để ám chỉ xoay lại cái nghe là Viên Thông Đệ Nhất, chờ Ông Anan tự chọn đó. Nhân không là phá cái giả danh của năm ấm, nghĩa là đoạn được kiến hoặc vậy. Pháp Không là phá cái thật pháp của năm ấm, nghĩa là đoạn được tư hoặc. Cho đến phá cái pháp trong sạch là Niết Bàn, thì vĩnh viễn đoạn dứt căn bản vô minh. Cả hai cái không ấy chẵng sanh, tức là Tánh Không bình đẳng. Cái sở không đã dứt thì cái *năng không* cũng diệt, Cảnh và trí đều tiêu mất, năng và sở đều tịch diệt, đó tức là cái Định Thủ Lăng Nghiêm, “*Điệu Trạm Tống Trì Bất Động Tôn*” vậy. Thế nên nói là đắc Vô Sanh Nhẫn.

Nhà sư hỏi Tô Bách Trượng: “Như thế nào là pháp yếu Đốn Ngộ của Đại Thừa?”

Tô Bách Trượng nói: “Các ông trước dứt hết các duyên, ngừng thôi muôn sự. Thiện cùng chẵng thiện, thế gian cùng xuất thế gian, hết thấy các pháp đều không nhớ nghĩ, đều không dính líu. Buông bỏ thân tâm, bèn được tự tại. Tâm như

gỗ đá, không có chỗ biện biệt. Tâm không chỗ động. Tâm địa nếu không, mặt trời trí huệ tự hiện. Cũng như mây tan thì mặt trời hiện ra vậy. Chỉ hết tất cả bám níu, tham, sân, yêu, giữ, thì các vọng tình sạch dơ đều dứt, trước nǎm dục, bát phong chẳng động, chẳng bị thấy, nghe, hay, biết buộc ràng, thế là tự nhiên đầy đủ thần thông diệu dụng, đó là người giải thoát. Trước hết thấy cảnh, tâm không tịnh hay loạn, chẳng thu nhiếp, chẳng tán loạn, suốt qua tất cả thanh sắc, không có chỗ vướng ngăn, gọi là đạo nhân. Thiện ác, phải trái đều chẳng vận dụng. Chẳng lấy mà cũng chẳng bỏ tất cả pháp, gọi là người Đại Thừa. Chẳng bị tất cả thiện ác, có không, dơ sạch, hữu vi vô vi, thế và xuất thế, phước đức trí huệ buộc ràng, thế gọi là Phật Huệ. Phải trái, tốt xấu, điều đúng điều sai, hết thấy thức tình thấy biết dứt sạch, không gì trói buộc được, chốn chốn đều tự tại an nhiên, gọi là Bồ Tát Sơ Phát Tâm, tiệm bè chứng Phật Địa”.

Tô Bách Trượng lời lẽ nói ra thầm hợp với ý chỉ của kinh. Chẳng phải là người đại giải thoát làm sao có được lời giải thoát này?

MỤC BA: HỎI ĐẠI CHÚNG VỀ VIÊN THÔNG

Kinh: Ông Anan và cả đại chúng nhờ Phật chỉ dạy, trí huệ viên thông, được không nghi lầm, cùng lúc chấp tay đảnh lễ chân Phật, thưa: “Ngày nay chúng tôi thân tâm sáng suốt, vui thích mà được không ngăn ngại. Mặc dầu tò ngô được nghĩa một và sáu mươi hết, mà còn chưa rõ cội gốc viên thông. Thưa Thế Tôn, chúng tôi phiêu linh bơ vơ nhiều kiếp, may đâu lại được dự vào dòng giống của Phật, như đứa con mất sữa, bỗng nhiên gặp được mẹ hiền. Nếu nhân nơi đây mà được thành đạo, thì chỗ được sâu màu đồng với nguồn tò ngô, mà cùng với lúc chưa nghe không có sai khác. Xin Phật rủ lòng đại bi ban cho chúng tôi pháp bí mật trang nghiêm, thành tựu sự chỉ bày tối hậu của Như Lai”.

Nói xong lời ấy, năm vóc gieo xuống đất, lui ẩn vào trong tâm cơ sâu nhiệm, mong Phật tâm truyền.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo khắp các vị Đại Bồ Tát và các vị lậu tận Đại A La Hán trong hội rằng: “Các ông là những vị Bồ Tát và A La Hán sanh trong Phật Pháp mà đắc thành Vô Học. Nay Ta hỏi các ông: Trong lúc ban đầu phát tâm, trong mười tám giới, ngộ được viên thông ở giới nào, và do phương tiện gì mà vào Tam Ma Địa?”

Thông rằng: Chỉ bày cái huệ giác viên thông, tức ở trước là sáu mươi một tiêu cho đến đắc Vô Sanh Nhẫn. Do sáu mươi mà

thân suốt thông vô ngại. Do *một tiêu* mà tâm vô ngại. Tuy chưa đến *chỗ* sáu căn thanh tịnh, nhưng *nhổ một sáu tiêu, sáu tiêu* một mốt nên đã sáng suốt không còn nghi lầm. Có điều chưa rõ gốc căn viên thông ở đâu. Căn nào là viên thông nhất? Theo căn nào mà nhập để chứng viên thông?

Theo căn viên thông mà chứng quả viên thông, với Anan thì nhân *chỗ* này mà thành đạo, với Như Lai thì đó là sự khai thị tối hậu, nên Ông Anan mới xin Phật mật trao cho pháp sâu nhiệm trang nghiêm.

Nếu luận về căn viên thông, thì trước đã bày rõ rằng mười phương Như Lai ở nơi mười tám giới mỗi mỗi tu hành đều đắc viên mãn Bồ Đề Vô Thượng, trong đó không có hơn kém. Nay lại bảo khắp các vị Bồ Tát và A La Hán lúc mới đầu phát tâm ngộ Viên Thông ở giới nào, do phương tiện gì mà vào Tam Ma Địa? So sánh căn viên thông, còn tự có thể nói được. Đến phương tiện ngộ nhập thì mỗi người tự biết, tự chứng, há lời nói có thể đến được ư? Lời nói không thể đến, thì chỉ có thể tâm truyền.

Căn cứ vào sự cầu xin của Ông Anan, là mong Phật tâm truyền, chứ không lấy lời mà nói, còn Ông Anan cũng lấy tâm mà nhận lãnh, chứ không phải lấy sự nghe mà nghe. Không lấy lời nói mà truyền, đó là mật ngôn. Không lấy sự nghe mà nghe, đó là cội nguồn tò ngộ. Cho nên được mật ngôn của Phật, thì đồng với cội nguồn tò ngộ, nên tuy có nghe mà cũng như chưa nghe. Nghe mà chẳng nghe, đó là thực nghe. Bởi thế mới “*Lui ẩn vào trong tâm cơ sâu nhiệm, mà mong đắc vậy*”.

Giả sử, Phật có thể ban cho, Ông Anan có thể đắc, thế chăng phải là mật. Lấy đó mà chứng viên thông, thì chăng phải là viên thông vậy. Ngộ là do tự ngộ, há ai có thể đưa cho mình ư?

Thiền sư Bàn Sơn Tích thượng đường nói: “Một đường hướng thượng, ngàn Thánh chăng truyền. Người học mệt nhọc hình hài, như vượn bắt bóng!”

Bóng mà bắt được, thì cái Bí Mật Trang Nghiêm mới truyền được!

Tiết Độ Sứ Kinh Nam là Thành Nhuế, vào cúng đường Ngài Văn Cư, hỏi rằng: “Đức Thế Tôn có mật ngữ, Ngài Ca Diếp chăng che giấu là thế nào?”

Tổ Úng gọi: “Thượng Tho!”

Ông Nhuế ứng tiếng: “Đa!”

Tổ Úng nói: “Hội chăng?”

Ông Nhuế nói: “Không hiểu”.

Tổ Úng nói: “Nếu ông không hiểu, thì Thế Tôn có mật ngữ. Nếu ông mà hiểu, thì Ngài Ca Diếp chăng che giấu!”

Thế nên biết chuyện này, chăng tự ngộ suốt thì không thể được.

I. VIÊN THÔNG VỀ THANH TRẦN

Kinh: Nhóm Ông Kiều Trần Na năm vị Tỳ Kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng: “Ở Lộc Uyển và ở Ké Viên, chúng tôi được nhìn thấy Như Lai khi mới

thành Đạo. Chúng tôi do Âm Thanh của Phật mà tò ngộ Tú Đế. Phật hỏi trong hàng Tỳ Kheo, thì trước tiên tôi thưa là hiểu. Thế Tôn ấn chứng cho tôi tên A Nhã Đa (Hiểu), là Âm Thanh nhiệm mầu toàn vẹn. Tôi ở nơi Âm Thanh, đắc A La Hán.

“Phật hỏi về viên thông, như chỗ tu chứng của tôi, thì âm thanh là trên hết”.

Thông rằng: Ông Kiều Trần Na ban đầu ngộ hai chữ khách tràn, đã được đặt tên là Giải. Ở nơi âm thanh của Phật tò ngộ pháp Tú Đế. Đức Phật ban đầu ở vườn Lộc Uyển chuyển ba pháp luân Tú Đế. Một là, Tướng Chuyển. Hai là, Khuyên Tu Chuyển. Ba là, Chứng Chuyển.

Một là, Tướng Chuyển: chỉ bày cái tướng trạng, đây là Khổ, đây là Khổ Tập, đây là Khổ Diệt, đây là Đạo Khổ Diệt.

Hai là, Khuyên Tu: khiến nêu tu, nêu biết cái Khổ, nêu biết Khổ Tập... nêu biết Đạo.

Ba là, Làm Chứng: đưa mình ra làm chứng cho chân lý ấy. Khổ ta đã biết, chẳng cần trở lại biết, cho đến Đạo ta đã tu, không cần tu lại nữa.

Tò ngộ Tú Đế thì chỉ mới cởi bỏ được cái pháp sanh diệt, đó là tò ngộ nơi hai chữ khách tràn, nhân đó đắc A La Hán. Há bảo rằng âm thanh đều là sanh diệt, mà ta chẳng sanh diệt theo sao? Âm thanh đều là khách tràn, mà ta chẳng phải là khách tràn sao? Nhưng nói cái âm thanh nhiệm mầu, ẩn mật tròn vẹn, thì cái ẩn mật tròn vẹn ấy lại ở nơi âm thanh vậy. Há cho âm

thanh là sanh diệt, mà nó là chẳng phải sanh diệt đấy chứ! Cho âm thanh là khách tràn, mà nó thật là chẳng phải khách tràn đấy chứ! Cái ngộ này là chỉ có Ông Kiều Trần Na tự biết, đâu nói với ai được, nên mới gọi là mật. Chỗ chứng của ông là ở âm thanh, nên lấy âm thanh làm viên thông vậy.

Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn lúc ở với Tô Bách Trượng, tâm trí thông minh, mà tham thiền chẳng được.

Đến khi Tô Bách Trượng tịch, bèn đến tham học với Tô Quy Sơn.

Tô Quy Sơn nói: “Ta nghe ông ở chỗ Tiên Sư Bách Trượng, hẽ hỏi một thì đáp mười, hỏi mười đáp trăm. Cái thông minh lanh lợi đó là cái ý thức vọng tưởng của căn bản sanh tử. Giờ đây, khi cha mẹ chưa sanh ra, hãy nói một câu xem!”

Trí Nhàn bị hỏi, lập tức ngẩn ngơ.

Bèn trở về liêu phòng, lấy hết sách vở từng đọc qua, tìm từ đầu chí cuối một câu để trả lời mà không thể nào có. Bèn tự than rằng “Bánh vẽ chẳng làm cho hết đói!” May lần cầu xin Tô Quy Sơn nói vỡ ra cho.

Tô Sơn nói: “Nếu ta nói cho ông, ngày sau ông sẽ chửi ta. Cái ta nói ra đó là cái của ta, nào có ăn nhầm gì đến ông!”

Trí Nhàn bèn đem hết sách vở đã đọc ra đốt sạch, nói: “Đời này chẳng có học Phật Pháp! Cứ làm hoài một ông tăng cơm cháo khỏi nhọc mệt tâm thần ư?”

Rồi khóc mà từ giã Tô Quy Sơn.

Đến Nam Dương, thấy di tích của Huệ Trung Quốc Sư bèn dừng ở đó.

Một hôm đang giãy cổ, tình cờ một miếng ngói văng chạm cây tre thành tiếng, bỗng nhiên tỉnh ngộ. Vội vàng trở vào tắm gội, hướng về núi Quy Sơn đánh lẽ, ngợi ca rằng: “Hòa Thượng từ bi, ơn hơn cha mẹ. Lúc ấy vì tôi nói ra, thì làm sao có được chuyện ngày nay”.

Rồi làm bài tụng:

*“Một chạm, mất sở tri
 Nào còn mượn tu trì
 Động thân, bày lối cổ
 Chẳng rời (vào) cơ lặng im
 Nơi nơi không dấu vết
 Oai nghi ngoài sắc thanh
 Mười phương người đạt Đạo
 Đều nói: “Thượng thượng căn”.*

Tổ Quy Sơn nghe được, bảo với Ngài Ngưỡng Sơn: “ Tay ấy thấu suốt rồi”.

Ngưỡng Sơn nói: “Đây là cái tâm cơ ý thức sách vở mà thành, để con đích thân tự khám nghiệm đã!”

Rồi Ngài Ngưỡng Sơn gấp Ngài Trí Nhàn, hỏi: “Hòa Thượng khen ngợi sư đệ phát minh được đại sự, ông hãy nói ra xem!”

Ngài Trí Nhàn lại đọc bài tụng trước kia.

Ngưỡng Sơn nói: “Đây là sự kết tụ ghi nhớ mà thành. Nếu là chánh ngộ, thử nói ra cái khác đi!”

Ngài Trí Nhàn bèn tụng:

“*Năm xưa nghèo, chưa thật nghèo
Năm nay nghèo, mới thật nghèo
Năm xưa nghèo không đất cẩm dùi
Năm nay nghèo dùi cũng không có!*”.

Ngưỡng Sơn nói: “Như Lai Thiền thì cho là ông hiểu, còn Tô Sư Thiền (07) thì chưa mơ màng thấy!”

Ngài Trí Nhàn lại tụng:

“*Tôi có một Cơ
Chớp mắt thấy Nó
Vậy bằng chẳng hiểu
Hãy gọi Sa Di!*”.

Ngài Ngưỡng Sơn báo lại cho Tô Quy Sơn: “Mừng cho Nhàn sư đệ đã hội Tô Sư Thiền”.

Tô Huyền Giác nói: “Hãy nói xem Như Lai Thiền và Tô Sư Thiền phân hay chẳng phân?”

Tô Trường Khánh Lăng nói: “Cùng lúc thong dong”.

Có nhà sư hỏi Hòa Thượng Diệp Huyền Tỉnh về công án “*Cây Bách trước sân*” của Tô Triệu Châu.

Hòa Thượng nói: “Ta không từ nan mà nói với ông, nhưng liệu ông có tin không?”

Nhà sư nói: “Lời của Hòa Thượng đáng kính trọng, đâu dám không tin!”

Hòa Thượng nói: “Ông có nghe tiếng giọt mưa trước mái nhà chǎng?”

Nhà sư hoát nhiên mở tò, bất giác la lên: “Chao ôi!”

Ngài bảo: “Ông thấy đạo lý gì?”

Nhà sư dùng kệ đáp:

*“Giọt mưa đầu mái
Rõ ràng rành rẽ!
Phá nát càn khôn
Ngay đó tâm dứt”.*

Như chõ chứng của Ngài Trí Nhàn và nhà sư trên đây, cũng lấy Âm Thanh là hơn hết vậy.

II. VIÊN THÔNG VỀ SẮC TRẦN

Kinh: Ông Ưu Ba Ni Sa Đà liền từ chõ ngồi đứng dậy, đánh lẽ dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi cũng được thấy Phật trong lúc mới thành Đạo. Tôi quán tướng bất tịnh, sanh lòng nhảm chán lìa bỏ rốt ráo, ngộ tánh của các sắc, từ tướng bất tịnh đến tướng xương trắng và vi trần, chung cuộc về hư không, cả hai, không và sắc, đều Không, thành Đạo Vô Học. Đức Như Lai ấn chứng cho tôi cái tên Ni Sa Đà (Trần Tánh Không). Cái sắc tướng của trần đã hết, thì sắc nhiệm màu toàn vẹn. Tôi do sắc tướng mà đắc A La Hán.

“Phật hỏi về viễn thông, như chõ chứng của tôi, thì sắc tràn hơn cả”.

Thông rằng: Ông Ưu Ba Ni Sa Đà ham sắc tràn nên Phật dạy dùng quán bất tịnh để đối trị. Cái sắc tuy là dễ ưa nhưng vì bất tịnh mà có thể sanh nhảm chán tột bậc, huống gì là các tướng xương trắng, vi tràn sau khi chết đi.

Một là sinh chướng; hai là máu mù hôi thối; ba là đối sắc; bốn là bầm xanh; năm là giòi bọ đục khoét, rã rời; bảy là tro xương; tám là thiêu đốt; chín là tất cả thế gian không giữ được. Đó là chín Pháp Quán tưởng. Khi chín pháp quán này thành tựu, sắc Tánh rốt ráo quy về Không. Không mà không có chõ Không, thế là Sắc và Không đều Không, đắc Trí Huệ Giải Thoát, thành Đạo Vô Học. Cái sắc tràn đã hết sạch, thì cái sắc màu nhiệm ẩn mật vẹn toàn. Há lìa ngoài sắc tràn mà riêng có cái gọi là diệu sắc sao? Há không cái sắc tướng mà cho cái năng không ấy là diệu sắc ư? Há sắc tướng có sanh diệt, còn sắc tánh không sanh diệt mà cho là diệu sắc ư? Phải chăng tâm không tham trước, thì tất cả sắc đều là diệu sắc?

Chõ Ngộ này của Ông Ni Sa Đà thật khó lấy lời lẽ mà thuật bày, chỉ có thể gọi là Diệu, là Mật, là Viên thôi vậy.

Xưa, có bảy hiền nữ đi chơi trong rừng, nơi bỏ thây ma.

Một cô chỉ xác chết nói: “Thây thì ở đó, người ở chốn nào?”

Một cô nói: “Sao? Sao?”

Các cô quán kỹ, mỗi người đều khé ngộ.

Cảm đến Trời Đế Thích rำ hoa và nói: “Nguyện các chị Thần Nữ cần dùng cái chi, tôi sẽ suốt đời cung cấp”.

Các cô nói: “Chúng tôi thì tú sự (08) và bảy báu (09) đều có đủ, chỉ cần ba vật. Thứ nhất là cần một cây không rễ. Thứ hai là một mảnh đất không có âm dương. Thứ ba là một hang núi kêu không dội tiếng”.

Đế Thích nói: “Hết thảy món cần dùng, tôi đều có. Còn ba vật ấy tôi thật không thể có”.

Các cô nói: “Nếu Ngài không có các thứ ấy, thì làm sao giúp người?”

Đế Thích ngỡ ngàng, bèn cùng các cô đến thưa với Phật. Phật nói: “Này Kiều Thi Ca, các đệ tử Đại A La Hán của ta chẳng hiểu được nghĩa ấy. Chỉ có các Đại Bồ Tát mới hiểu nghĩa ấy”.

Đây cũng là quán tướng bất tịnh mà chúng vậy.

Lại như Ngài Linh Vân nhân thấy hoa đào mà ngộ Đạo, bèn có bài tụng:

*“Ba chục năm nay tìm kiếm-khách
Bao lần lá rụng lại đậm cành
Từ lần thấy được đào hoa đó
Đến mãi ngày nay chẳng muốn nghỉ”.*

Trình chố ngộ với Tô Quy Sơn.

Tô dạy: “Theo duyên mà nhập, vĩnh viễn chẳng lui sụt mắt mát, ông hãy khéo hộ trì”.

Ngài Huyền Sa nói: “Đích đáng thì thật đích đáng, nhưng dám chắc Lão Huynh chưa thấu suốt trong đó!”

Ngài Linh Vân nói: “Sư Huynh suốt được chưa?”

Ngài Giác Phạm tụng rằng:

“*Người (10) thấy một lần không thấy lại
Cành cành trắng đỏ, thấy đâu hoa
Chẳng chịu khách trên thuyền câu cá
Hóa ra trên đất círu ngư, sò*”.

Ngài Đầu Tử tụng rằng:

“*Trước núi đào sanh, vườn cũ xuân
Hoa ngập cành hồng, tĩnh lại thân
Chỗ chứng, thôi ông đừng phụ lực
Vé cười tuy mỏ, ý sanh sân
Khói tỏa liêu xanh, oanh thả giọng
Mưa xoi nham thạch, dựa xóm không
Mặt trời lố dạng, không tin tức
Ngựa gỗ hý vang quá Hán, Tân*”.

Theo chỗ thấy của Ngài Linh Vân, cũng lấy Sắc làm tột bức.

III. VIÊN THÔNG VỀ HƯƠNG TRẦN

Kinh: Ông Hương Nghiêm đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lỗ dưới chân Phật, bạch rằng: “Tôi nghe Như Lai dạy tôi quán sát chân chánh các tướng hữu vi. Khi ấy tôi từ giã

Phật, đầu hôm về tĩnh tọa trong nhà thanh trai, thấy các vị Tỳ Kheo đốt hương trầm thủy, hơi hương vắng lặng bay vào trong mũi tôi. Tôi quán hơi hương ấy, chẳng phải là cây, chẳng phải là không, chẳng phải khói, chẳng phải lửa, bay đi không dính vào đâu, bay đến không từ nơi đâu. Do đó mà cái ý tiêu tan, phát minh vô lậu. Như Lai ấn chứng cho tôi cái hiệu là Hương Nghiêm. Cái hương trần vừa diệt, thì cái diệu hương bí nhiệm toàn vẹn. Tôi do cái hương trang nghiêm ấy đắc A La Hán.

“Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì hương trần là hơn cả”.

Thông rằng: “*Phàm là có tướng, thấy đều hư vọng. Thấy các tướng chẳng phải tướng, đó là thấy Như Lai. Như Lai ấy, là nghĩa Như của tất cả các pháp. Đến không từ đâu, đi không về đâu, thì gọi là Như Lai*”. Đó là ý chỉ của Kinh Kim Cang Bát Nhã.

Ông Hương Nghiêm được nghe lời dạy này, hằng tự đế quán. Tình cờ gặp mùi hương, bèn đắc phát minh, “Hương này là vắng lặng, vào trong mũi tôi, chẳng phải khói, chẳng phải lửa, chẳng phải cây, chẳng phải không, chẳng phải tự tướng, chẳng phải tha tướng, chẳng phải cọng tướng, chẳng phải vô nhân tướng, bay đi không dính vào đâu, bay đến không từ nơi đâu, vốn tự vô sanh”. Cái thấy này chính là cái thấy “*Các tướng chẳng phải tướng, liền thấy Như Lai*”. Thế nên đắc Vô Lậu.

Phàm phu chẳng được vô lậu vì ý căn chưa tiêu vậy. Ý căn mà chưa tiêu nên bám lấy hưu vi. Một khi bám lấy hưu vi,

liền lọt vào sanh diệt. Ý căn tiêu liền chứng vô vi. Vô vi là không sanh diệt. Thé nên hương trần thì chợt sanh chợt diệt, mà cái diệu hương kia thì nào có chuyện diệt sanh. Chỗ tò ngô của Ông Hương Nghiêm thì cả thảy phân giải đều chẳng được. Thé nên nói là Mật, là Viên, chỉ có tự chứng biết thôi vậy.

Xưa, Thái Sứ Hoàng Sơn Cốc nhân bởi Ngài Viên Thông Tú phấn khích nên đến chỗ Tồ Hối Đường xin chỉ chỗ “Nhâm le”.

Tồ Hối Đường (11) nói: “Như Đức Khổng Tử nói, “Các ngươi cho ta là che giấu ư? Ta không có chỗ nào giấu giếm!” Thế thì Thái Sứ lý luận làm sao ?”

Thái Sứ định đáp, Tồ Đường liền nói: “Chẳng phải, chẳng phải”.

Thái Sứ mờ mịt chẳng cùng.

Một hôm, cùng Tồ Hối Đường đang đi dạo núi, khi ấy cây nham quế nở thơm đầy.

Tồ nói: “Có nghe thấy hương hoa nham quế không?”

Ông đáp: “Dạ, có”.

Tồ nói: “Ta không có chỗ nào giấu giếm vậy”.

Thái Sứ tiêu tan nghi ngờ, làm lễ mà thưa: “Hòa Thượng, tâm lão bà từ bi quá tha thiết!”

Tồ cười đáp: “Chỉ mong ông đến được nhà thôi”.

Lại có vị ni sư ngộ Đạo làm bài kệ:

“*Suốt buổi tìm xuân chẳng thấy xuân
 Giày rơm dẫm khắp mấy non mây
 Về đây cười nǎm hoa mai ngủi
 Xuân ở đâu cành đã trọn phần*”.

Chỗ chứng của vị ni sư này và Ông Sơn Cốc cũng lấy diệu hương là hơn cả.

IV. VIÊN THÔNG VỀ VỊ TRẦN

Kinh: Hai vị Pháp Vương Tử Dược Vương, Dược Thượng cùng với năm trăm vị Phạm Thiên trong hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lẽ dưới chân Phật, thưa rằng: “Từ kiếp vô thủy lâu xa, chúng tôi làm thầy thuốc cho đời, trong miệng thường ném cỏ cây, kim thạch của thế giới Ta Bà này, số mục lên đến mười vạn tám ngàn, như thế biết tất cả các vị đắng, chua, mặn, lạt, ngọt, cay... cùng các vị biến đổi do các vị kia hòa hợp mà sanh ra, nào lạnh, nào nóng, có độc hay không độc đều biết khắp cả. Được thura sự các Đức Như Lai, rõ biết tánh của vị trần, chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải tức là thân tâm, chẳng phải lìa thân tâm. Do phân biệt được tánh của mùi vị, do đó mà khai ngộ. Được Phật Như Lai ấn chứng cho anh em chúng tôi danh hiệu là Dược Vương, Dược Thượng Bồ Tát, nay ở trong hội này làm Pháp Vương Tử. Chúng tôi nhân vị trần mà giác tỏ, lên bậc Bồ Tát.

“Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của chúng tôi, thì do vị trần là hơn cả”.

Thông rằng: Từ vô thủy kiếp đến nay làm thầy thuốc cho đời, chỉ có thể biết các vị, đủ để trị bệnh mà thôi. Đến khi

phụng sự Như Lai mới biết tánh của mùi vị, không hay có, đều chẳng phải, không phải *Túc*, không phải *Lìa*. Phàm đều chẳng phải không hay có, chẳng *Túc* chẳng *Lìa*, đó là cái thể vốn như thế của tâm màu nhiệm tròn sáng trong Như Lai Tạng vậy. Do vị trần mà khai ngộ, giác tỏ tự tánh, nên vào địa vị Bồ Tát. Chỗ gọi là giác đó, nghĩa là trong Như Lai Tạng, tánh của vị là Chân Không, tánh Không là Chân Vị, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới. Túc vị là giác, túc giác là vị, cái ngộ này thật khó nói cho người vậy.

Ngài Đại Ngu (12) từ giã Tô Quy Tông.

Tô hỏi: “Đi đến chỗ nào?”

Đáp: “Đi các nơi học Ngũ Vị Thiền (13)”.

Tô Quy Tông nói: “Các nơi có Ngũ Vị Thiền, ta trong ấy chỉ có một vị”.

Hỏi: “Thế nào là Một Vị Thiền (14)?”

Tô bèn đánh.

Ngài Đại Ngu nói: “Hiểu vậy, hiểu vậy!”

Tô nói: “Nói đi, nói đi!”

Ngài Đại Ngu định mở lời, Tô lại đánh.

Sau, có nhà sư đến Tô Hoàng Bá kể lại chuyện trên.

Tô thượng đường nói: “Đại sư Mā Tô có được tám mươi bốn vị Thiện Trí Thức, vậy mà hỏi ai nấy cái chỗ đại tiện đầy đất, thì chỉ có Quy Tông là được chút ít”.

Chỉ có Tô Hoàng Bá tò biết sâu xa cái Thiền *Một Vị* nên cùng Tô Quy Tông thấy mặt nhau. Sau này, Tô Hoàng Bá dùng cái cơ Thiền này để "bắt" Lâm Tế. Ngài Tế không khé ngộ được, bèn chỉ sang Tô Đại Ngu. Gặp Tô Đại Ngu, Lâm Tế kể lại nhân duyên ba lần bị đánh cho.

Tô Ngu nói: "Hoàng Bá giúp ông trừ hết nỗi khốn khó, lại ở trong ấy mà hỏi có lỗi với không lỗi".

Ngài Lâm Tế ngay nơi lời nói đại ngộ, bèn nói: "Té ra Phật Pháp của Hoàng Bá cũng chẳng có gì!"

Tô Ngu nắm đứng lại hỏi: "Nói mau, nói mau!"

Ngài Lâm Tế thoi ba thoi vào sườn Tô Đại Ngu.

Tô thả ra, nói: "Thầy ông là Hoàng Bá, chẳng can dự gì đến ta".

Tô Ngu vừa muốn thi triển cái gia phong của Quy Tông, thì đã bị Lâm Tế đoạt mất, thế mới biết chổ thấy của Lâm Tế vượt trước một bậc vậy.

Thiền sư Long Hưng Pháp Cư đã lớn tuổi mới gặp Tô Hoàng Long và được ân khả.

Ngài thượng đường nói: "Việc này cũng như thầy thuốc xem bệnh, hiện thời vả chẳng tạp độc đầy bụng chưa dễ chữa trị. Vậy phải cho thuốc để chữa sự chóng mặt tối tăm do bệnh gây ra, rồi sau mới hết được. Còn cứ theo ý mình mà uống thuốc, thì chỉ thêm cuồng loạn, tăng thêm nặng mà thôi. Thế mà mong hết bệnh chẳng phải là làm ư? Cỏ trước pháp đường đã mọc dày, mà trong lòng không hổ thẹn!"

Ở nơi các tắc trên mà thông hội được, thì chẳng những biết được mùi vị ấy, mà còn có thể trị bệnh cho người.

V. VIÊN THÔNG VỀ XÚC TRẦN

Kinh: Ông Bạt Đà Bà La cùng mười sáu vị Khai sĩ đồng bạn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, bạch rằng: 'Xưa kia, chúng tôi ở nơi Đức Phật Oai Âm Vương, nghe pháp mà xuất gia. Vào giờ tắm của các tăng, tôi theo thứ lớp vào phòng tắm, bỗng ngộ được tánh nước: đã chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa thân, khoảng giữa an nhiên, đắc Vô Sở Hữu. Chỗ học xưa không quên, cho đến ngày nay theo Phật xuất gia, được quả Vô Học. Đức Phật xưa ấy gọi tôi tên là Bạt Đà Bà La. Cái Diệu Xúc khai mở rõ ràng, thành bậc Phật Tử Trụ.

'Phật hỏi về viên thông, theo như chỗ chứng của tôi, thì do xúc trần là hơn cả'.

Thông rằng: Ngài Tuyết Đậu nêu ra việc xưa rằng: 'Có mười sáu vị Khai sĩ gặp giờ các tăng tắm, theo thứ tự vào phòng tắm, bỗng ngộ tánh nước. Các vị Thiền đức hiểu làm sao?' Các vị ấy nói: "Cái diệu xúc khai mở rõ ràng, thành bậc Phật Tử Trụ. Cũng cần xuyên thủng bảy lỗ tám hang mới được"

Tụng rằng:

*"Xong việc ông tăng thật rảnh rang
Trên giường thẳng cẳng duỗi chân nằm*

*Trong mộng từng thuyết viên thông ngộ
Rửa nước thơm xong, nhè mặt khác"*

Cái này đã thành công án, về sau các vị Lão Túc cùng nó phát minh rất nhiều.

Thiều Quốc sư ban đầu ra mắt Tô Long Nha, hỏi rằng: "Trời không che, đất không chở, lý ấy thế nào?"

Đáp: "Đạo thì hợp như thế."

Phàm trải qua mười bảy lần thưa hỏi, Tô chỉ đáp như vậy. Ngài lại xin dạy bảo, Tô nói: "Đạo ấy về sau ông sẽ tự hiểu."

Về sau, ở núi Thông Huyền, Ngài Thiều đang tắm, bỗng tỉnh ngộ chuyện trước, bèn đầy đủ oai nghi, hướng về chỗ Tô Long Nha làm lễ, rồi nói: "Lúc ấy mà nói cho tôi, thì hôm nay nhất định phải bị mắng."

Sau, Ngài đến tham học Tô Pháp Nhã.

Có nhà sư hỏi Tô Pháp Nhã: "Như thế nào là một giọt nước Tào Khê?"

Tô Nhã nói: "Là Tào Khê một giọt nước."

Nhà sư ngạc nhiên lui ra.

Ngài đang ngồi một bên hoát nhiên khai ngộ, cái nghi vướng bãy lâu như băng tan rã. Đến đây mới được suốt bảy lỗ, tám hang.

Ngài làm bài kệ:

*"Thông Huyền chót đánh
Chẳng phải nhân gian
Ngoài tâm không pháp
Ngập mắt núi xanh."*

Tổ Pháp Nhãm nghe qua, nói rằng: "Một bài kệ này, khá khởi lên Tông của ta."

Hòa thượng Thạch Thê nhân có thị giả mời đi tắm, bèn hỏi: "Đã chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa thân, ông làm thế nào?"

Thị giả đáp: "Hòa thượng đi trước, rồi tôi đem thuốc tạo-
giác lại sau."

Hòa thượng cười ha hả, cơ hồ bị thị giả một phen nhổ
nước miếng qua mặt!

Có nhà sư hỏi Thiên sư Thiên U Cái: "Có một cái viện tên là *Vô Cầu Tịnh Quang* Thiên viện, sửa thành nhà tắm. Có người hỏi: "Đã là Vô Cầu Tịnh Quang, vì sao lại làm nhà tắm?" Tôi không đáp được."

Ngài Thiên U Cái đáp thay rằng:

*"Ba thu đêm trăng sáng
Việc gì lại họp nhau".*

Ngài Đơn Hà lại tụng rằng:

*"Tuy là đáp tận ý sâu xa
Khổ nỗi đem ra chẳng được gần*

*Muốn hiểu "xưa nay vô cầu" ấy
Phải vào trong nước gấp trường nhân".*

Con gái của ông Long Đồ Phạm Tuân, từng được Tô Tử Tâm ấn khả ở Kim Lăng, lập ra một nhà tắm, nơi cửa yết tắm bảng rằng: Một vật cũng không, tẩy rửa cái gì? Mấy bụi nếu có, khởi từ đâu lại? Nói được một câu cho ra nghĩa lý, mới được vào nhà này tắm.

"Cỗ Linh chỉ mới biết lau lunct! Khai sĩ nào từng rõ tánh! Muốn chứng Ly Cầu Địa, thì phải suốt thân chẳng nhiễm. Hết thảy đều bảo nước để rửa sạch cái dơ, nào hay nước cũng là trần (bụi). Dầu cho cả nước và dơ chóng trừ, đến đây cũng cần rửa sạch hết!"

Sau này cô xuất gia làm ni cô tên là Duy Cửu

Các vị Tôn Túc trong mộng nói mộng, mỗi mỗi chỉ ra cái "diệu xúc rõ bày", có thể cùng mười sáu vị Khai sĩ cùng tham.

VI. VIÊN THÔNG VỀ PHÁP TRẦN

Kinh: Ông Ma Ha Ca Diếp và Tỳ Kheo ni Tử Kim Quang... liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng: "Trong kiếp xưa ở cõi này có Phật ra đời, tên là Nhật Nguyệt Đăng, tôi được thân cận, nghe pháp, tu học. Sau khi Phật diệt độ, chúng tôi cùng dường Xá Lợi, thắp đèn sáng mãi; lại lấy vàng sắc tía đắp thép hình tượng Phật. Từ đó đến nay, đời đời kiếp kiếp, thân thể thường toàn vẹn sáng ngời như vàng thắm. Nhóm Tỳ Kheo ni Tử Quang này tức là quyến thuộc của tôi lúc đó, cũng đồng một thời phát tâm như tôi. Tôi

quán sát sáu trần của thế gian thay đổi biến hoại, chỉ dùng pháp không tịch, tu định diệt tận, thân tâm mới có thể trải qua trăm nghìn kiếp như thời gian khảy móng tay. Tôi do cái pháp Không mà thành A La Hán. Đức Thế Tôn bảo tôi tu hạnh đầu đà bậc nhất. Pháp nhiệm mầu mở sáng, các lậu đều tiêu diệt.

“Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì do pháp trần là hơn cả”.

Thông rằng: Trước có nói các bậc diệt tận định đắc bậc Thanh Văn tịch diệt, duy Ngài Đại Ca Diếp, ý thức diệt đã lâu, mà hiểu biết đều tròn vẹn, chẳng nhờ tâm niệm. Ngài ngộ được các pháp là không tịch mà thành A La Hán. Sáu trần như sanh, là ở trong Không mà sanh; sáu trần như diệt, về nơi Không mà diệt. Trần có sanh diệt, tánh Không chẳng hoại. Trừ sạch pháp trần, đó là pháp Không. Cái ý chẳng duyên ra pháp, được không sanh diệt. Nên có thể vượt qua trăm ngàn kiếp như khảy móng tay. Cho đến nay, Ngài Ca Diếp vẫn giữ áo cà sa vàng của Phật, nhập định trong núi Kê Túc, chờ Đức Di Lặc hạ sanh mà trao lại, đó là sự linh nghiệm vậy.

Tỳ Kheo ni Tử Kim Quang kiếp xưa là một cô gái nghèo. Thuở ấy, Ngài Ca Diếp làm người thợ đúc. Cô lấy vàng nhờ người thợ đúc thếp vàng mặt Phật, nguyện đời đời kiếp kiếp làm vợ chồng không tình ân ái. Cảm ứng được chín mươi mốt kiếp sanh cõi trời, thân thường toàn vẹn vàng chói. Nay gặp Phật xuất gia, quả nhiên thỏa được nguyện xưa.

Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác tinh thâm hết ba tạng kinh điển, rành Thiên Thai Chỉ Quán, pháp môn viên diệu. Trong cá

bốn oai nghi thường sáng rõ pháp thiền quán. Sau, nhân thiền sư Khê Lãng khuyến khích, cùng thiền sư Đông Dương Sách đến Tào Khê. Mới vừa đến, đi quanh Tồ ba vòng, rồi chóng trưng đứng yên.

Tồ nói: “Phàm là Sa Môn, đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám vạn tết hạnh. Đại Đức từ phương nào lại, mà tỏ ra quá nhiều ngã mạn?”

Huyền Giác nói: “Việc sanh tử là lớn lao, cái vô thường rất nhanh chóng!”

Tồ nói: “Sao chẳng hội cái vô sanh, tỏ suốt cái không chóng?”

Huyền Giác nói: “Thể tức vô sanh, rõ vốn không chóng.”

Tồ nói: “Y vậy”.

Khi ấy đại chúng đều kinh ngạc. Ngài Huyền Giác mới đầy đủ oai nghi làm lễ Tồ, chốc lát từ giã.

Tồ nói: “Về gấp thế sao?”

Huyền Giác nói: “Vốn tự chẳng động, nào có sự gấp ứ?”

Tồ nói: “Ai biết là chẳng động?”

Huyền Giác nói: “Đó là Ngài tự sanh phân biệt”.

Tồ nói: “Ông thật là được cái ý chỉ vô sanh”.

Huyền Giác nói: “Vô sanh mà có ý ứ?”

Tồ nói: “Không có ý thì ai phân biệt?”

Huyền Giác nói: “Phân biệt cũng chẳng phải ý”.

Tổ khen ngợi: “Hay lầm, hay lầm, ít ra hãy ở lại một đêm”.

Thời ấy gọi Ngài là “*Một Đêm Giác*”.

Chỗ này, nếu chẳng diệt ý căn từ lâu, đắc Vô Sanh Nhẫn, thì đâu có thể ứng đáp như âm vang dội theo tiếng vậy được.

Từ Ngài Kiều Trần Na đến đây là sáu vị Thánh. Nói là diệu âm, diệu sắc, diệu hương, diệu xúc, đều gọi là Diệu, vì không ràng buộc nơi trần vây. Đây chính là do sáu trần mà chứng viên thông.

VII. VIÊN THÔNG VỀ NHÃN CĂN

Kinh: Ông A Na Luật Đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi lúc mới xuất gia, thường thích ngủ nên Phật la tôi là loài súc sanh. Tôi nghe Phật mắng, khóc lóc tự trách, suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai con mắt.

“Đức Thế Tôn dạy tôi tu pháp Lạc Kiến Chiếu Minh Kim Cương Tam Muội. Tôi chẳng do con mắt, xem thấy mười phương rõ ràng suốt rõ ràng như xem trái cây trong bàn tay. Như Lai ấn chứng cho tôi, thành A La Hán.

“Phật hỏi viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì xoay cái thấy trở về bản tánh, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Ông A Na Luật Đà là con Vua Bạch Phạn (19), với Phật là anh em chú bác. Trong đời quá khứ dâng cho

một vị Bích Chi Phật một bữa cơm, cảm ứng được chín mươi mốt kiếp có cái vui như ý. Phật thường la rằng “Ôi, ôi, sao lại ngủ. Như loài ốc, loài sò ngủ một giấc cả ngàn năm, chẳng nghe tên hiệu của Phật”. Từ đó, ông cố gắng đến mù cả mắt, bèn được một nửa phần thiên nhã.

Đại Trí Luận nói “Thiên nhã của Ông A Na Luật do tú đại tạo sắc, thanh tịnh được một nửa. Thiên nhã của Phật cũng là tú đại tạo sắc mà thanh tịnh khắp cả”.

Cái Tam Muội Lạc Kiến Chiếu Minh Kim Cang là pháp môn xoay cái thấy trở về nguồn tánh. Minh thuộc sở, chiếu thuộc năng. Trong chỗ minh, cái chiếu thường soi tỏ. Trong chỗ chiếu, cái thấy thấy suốt. Chiếu từ đâu mà lại? Thấy từ đâu khởi ra? Cho đến chỗ thấy mà không có chỗ thấy, chiếu soi mà không có chỗ chiếu soi, liền được Kim Cương Tam Muội. Đó là thể của cái chiếu, nguồn của cái thấy vậy. Kim Cương phá nát tất cả, thấy và chiếu đều tiêu vong, ấy là Tam Muội Chánh Định, tức là cái bản thể Tịch Chiếu vậy. Vui theo cái quán chiếu này, nghĩa là xoay cái thấy trở về nguồn tánh. Cho đến được thiên nhã, thì cũng chẳng phải chỗ luận bàn đến được.

Ngài Đức Sơn khi mới đến Tổ Long Đàm, tuốt vào pháp đường, nói: “Lâu nay vang tiếng Đàm Rồng (Long Đàm), nay đến nơi, đàm lại chẳng thấy, mà rồng cũng chẳng hiện”.

Tổ Đàm tiến lên, nói: “Ông đã đích thân đến Long Đàm (Đàm Rồng). Căn cứ vào cơ duyên lúc mới đến này thì đáng nhận y bát của Long Đàm”.

Một buổi tối, đang đứng hầu Tổ.

Tổ Long Đàm nói: “Khuya rồi sao chẳng về nghỉ?”

Đức Sơn chỉnh tè bước ra rồi trở lui, nói: “Ngoài tối lăm”.

Tổ Đàm đốt cây đuốc giấy đưa cho Ngài Đức Sơn, Ngài định cầm lấy, Tổ Đàm liền thổi tắt. Đức Sơn hoát nhiên đại ngộ, bèn lê bái.

Tổ hỏi: “Ông thấy cái gì?”

Ngài Sơn nói: “Từ nay trở đi, không còn nghi cái đầu lưỡi của Lão Hòa Thượng trong thiên hạ nữa”.

Hôm sau, Tổ Long Đàm lên tòa giảng, nói với đại chúng: “Trong đây có một gã răng như dao kiếm, miệng như chậu máu, một gãy đánh cho chẳng quay đầu, mai kia hướng lên đỉnh núi cô cao, lập đạo ta ở đó”.

Đức Sơn đem bộ Sớ Sao kinh Kim Cương, Ngài đã viết từ trước, chất trước pháp đường, cầm cây đuốc mà nói rằng: “Có cùng tột các lý lẽ diệu huyền cũng như một mảy lông đê giữa thái hư! Thấu suốt hết các mấu chốt của đời cũng nhưng một giọt nước rơi vào biển cả!”

Rồi đốt sạch, làm lê từ giã Tổ mà ra đi.

Như cái pháp nhẫn Ngài Đức Sơn đắc, so với Ông A Na Luật Đà nhiều ít giống nhau.

Tổ Lâm Tế lúc sắp tịch, nói bài kệ:

*“Theo dòng không dứt, hơi đâu hỏi tại sao
Chân chiếu vô biên, lấy chi nói ta-người”*

*Cái lìa tướng, lìa danh kia, người chẳng nhận
Kiếm bén đứt lông, dùng rồi phải gấp mài”.*

Tổ lại nói với đại chúng: “Sau khi ta diệt độ, không được diệt mất Chánh Pháp Nhãm Tạng của ta”.

Ngài Tam Thánh bước ra, thưa: “Sao dám diệt mất Chánh Pháp Nhãm Tạng của Hòa Thượng!”

Tổ Tế nói: “Về sau, có người hỏi, ông nói thế nào với họ?”

Ngài Thánh liền hé.

Tổ nói: “Ai biết Chánh Pháp Nhãm Tạng của ta, hướng về con lừa mù ấy mà diệt mất”.

Ngài Thiên Đồng tung rǎng:

*“Nửa đêm y bát truyền Huệ Năng
Rối loạn Hoàng Mai, bảy trăm tăng
Một chi Lâm Tế, Chánh Pháp Nhãm
Lừa mù diệt mất, người đắc đâu?
Tâm tâm ấn nhau
Tổ Tổ truyền đăng
Khỏa bằng núi, biển
Biển hóa đại bàng
Chỉ danh ngôn ấy khó suy lường
Đều là thủ đoạn thoát bay lên!”.*

Đến chỗ này thì Chánh Pháp Nhãm Tạng còn lại diệt mất, huống gì là thiên nhãm kia?

VIII. VIÊN THÔNG VỀ TỶ CĂN

Kinh: Ông Châu Lợi Bàn Đặc Ca liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lỗ dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi thiếu tụng trì, không có tánh đa văn. Ban đầu gặp Phật, nghe pháp xuất gia, ghi nhớ một câu kệ của Như Lai trong một trăm ngày, thì nhớ trước quên sau, nhớ sau quên trước. Phật thương tôi ngu muội, dạy tôi an cư, đều hòa hơi thở ra vào. Tôi quán hơi thở, cùng tốt sự nhỏ nhiệm của các tướng sanh, trụ, dị, diệt, các hành trong từng sát na, thì tâm hoát nhiên được đại vô ngại, cho đến các lậu đều sạch hết, thành A La Hán. Trước pháp tọa của Phật, được ấn chứng thành quả Vô Học.

“Phật hỏi tôi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, thì xoay hơi thở theo về Không, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Đây là vị Tỳ Kheo đọc thuộc lòng chữ “Chữ” là cái *chối* vậy. Đời quá khứ là pháp sư mà bốn xển Pháp, nên bị quả báo ngu độn. Tuy ít đa văn, nhưng ít bị tán loạn, nên có thể điều túc mà thấu nhập. Sự thô tế của hơi thở là do tâm sanh diệt. Tâm dần dần ngừng nên hơi thở từ từ vi tế. Tâm và hơi thở nương lẫn nhau, mà đến cùng tốt các tướng sanh, trụ, dị, diệt, các tướng rất vi tế của các hành trong khoảng sát na, thì hơi thở túc là không hơi thở, tâm là vô tâm. Trong khoảng sát na, thấu nhập Kim Cang Càn Huệ Địa, nên được hoát nhiên vô ngại. Cảnh giới ngộ này, thì ngôn ngữ, nghĩ suy không thể đến được.

Xưa, Thượng Thơ Mạc Tương khi làm quan xứ Tây Thục, ra mắt thiền sư Nam Đường Tỉnh, hỏi chỗ tâm yếu. Tổ bảo hãy

hướng về chỗ tốt mà tinh thức. Vừa bước vào cầu tiêu, bỗng nghe mùi hôi, vội lấy tay bịt mũi, bèn chọt tinh ngộ. Liền trình bài kệ:

*“Xưa nay cốt cách thích phong lưu
Cười cho ai đó hướng ngoài cầu
Muôn sai ngàn khác, không đâu kiểm
Đắc cái xưa nay ở mũi đầu”.*

Tô Nam Đường đáp rằng:

*“Một pháp vừa thông, pháp pháp Như
Đọc ngang diệu dụng còn tìm đâu
Rắn xanh khỏi hộp, quân ma nép
Bích nhãnh Hồ Tăng cười gật đầu”.*

Đây cũng là xoay hơi thở theo về Không, mà bỗng nhiên chúng nhập. Có thể cùng thầy Tỳ Kheo tụng chữ “Chối” thấy mặt nhau!

IX. VIÊN THÔNG VỀ THIỆT CĂN

Kinh: Ông Kiều Phạm Bát Đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lẽ dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi mắc khẩu nghiệp, trong kiếp quá khứ coi thường, giốn cợt Sa Môn nên đời đời kiếp kiếp mắc tật nhai lại như trâu. Như Lai chỉ dạy tôi pháp môn “Nhất Vị Thanh Tịnh Tâm Địa”, tôi diệt được tâm thức, vào Tam Ma Địa. Quán biết cái vị không phải thân thể, không phải món vật, liền đó được vượt thoát các lậu của thế gian, trong thoát hết thân tâm, ngoài mất tan thế giới, xa lìa ba cõi như chim xổ lồng, rời hết dơ nhiễm, tiêu mất trần tướng, pháp

nhân thanh tịnh, thành A La Hán. Như Lai ấn chứng cho tôi thành đạo Vô Học.

“Phật hỏi về viên thông, như chõ chứng của tôi thì trả cái vị, xoay cái biết về gốc tánh, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Ông Kiều Phạm Bát Đề lưỡi khác người mà biết mùi vị. Do có tật nhai lại như trâu, mà trâu là loài vật, chỉ biết cây cỏ mà thôi, nay hình dáng cái lưỡi như trâu, mà phân biệt rõ được các vị, là do nơi cái gốc của lưỡi. Quán xét mùi vị, xoay lại cái biết, thì vị có nhiều thứ mà cái biết này không hai. Cái biết này lúc chưa xoay lại, thì tâm thức chưa diệt, đó là hữu lậu. Xoay cái biết về Không, biết mà không có chõ biết, nên là vô lậu. Cái Biết này chẳng do cẩn sanh nên không phải thân, không do cảnh mà có, nên không phải vật. Không phải thân nên trong thoát hết thân tâm; không phải vật, nên ngoài mắt tan thế giới. Do vậy, lìa tâm do nhiễm, tiêu măt ngoại trán, được ý sanh thân, thường ở cõi trời, được người, trời cúng dường. Phật vì muốn xóa đi nghiệp nhạo báng nên cho Ngài xâu chuỗi ngọc, dạy niệm Phật, gọi là pháp môn “Nhất Vị Thanh Tịnh Tâm Địa”. Từ vô thủy đến nay, các nghiệp do cẩn lưỡi tạo ra, lập tức thanh tịnh, do đó được tâm tịch diệt, vào định bình đẳng, bèn ném mùi đạo vạy.

Ngài Ngưỡng Sơn đem trái cây cho Tô Quy Sơn.

Tô nhận lấy, hỏi: “Ở đâu mà có vậy?”

Ngài Ngưỡng Sơn nói: “Trong vườn nhà”.

Tô Quy Sơn nói: “Đã ăn chưa?”

Đáp: “Chưa dám ném, trước dâng lên Hòa Thượng”.

Tổ nói: “Là ai đó?”

Ngài Ngưỡng Sơn nói: “Là Huệ Tịch”.

Tổ nói: “Đã là ông đó, sao lại bảo ta ném trước?”

Ngài Ngưỡng nói: “Hòa Thượng thì ném ngàn ném vạn”.

Tổ Quy Sơn bèn ăn mà nói: “Còn chua chát”.

Ngài Ngưỡng nói: “Chua chát vẫn là tự biết”.

Tổ Quy Sơn không nói gì.

Lại Tổ Huyền Sa cùng Ông Vi Giám Quân đang ăn trái cây.

Ông Vi hỏi: “Như thế nào là dùng hàng ngày mà chẳng biết?”

Tổ Sa cầm trái cây đưa lên, nói: “Ăn đi”.

Ông Vi ăn trái cây xong, lại hỏi nữa.

Tổ Sa nói: “Chỉ cái ấy là dùng hàng ngày mà chẳng biết!”

Ngài Ngưỡng Sơn nói *tự biết*. Ngài Huyền Sa nói *chẳng biết*. Đó là, biết mà chẳng biết, chẳng biết mà biết. “*Trả mùi vị, xoay cái biết về gốc tánh*”, là phải thấy như thế, biết như thế, mới gọi là Pháp Nhãn Thanh Tịnh.

X. VIÊN THÔNG VỀ THÂN CĂN

Kinh: Ông Tất Lăng Già Bà Ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lỗ chân Phật rồi thưa rằng: “Lúc ban đầu mới phát tâm

theo Phật vào đạo, thường nghe Như Lai dạy về những việc không thể vui được trong thế gian. Đang khi khát thực trong thành, giữa đường, tâm suy nghĩ về pháp môn Phật dạy; thình lình bị gai độc đâm chân, toàn thân đau đớn. Tâm niệm tôi có biết sự đau đớn ấy; tuy biết đau đớn mà cũng biết cái tâm thanh tịnh không có cái đau và cái biết đau. Tôi lại suy nghĩ, vậy thì chỉ một thân lại có hai cái biết. Nhiếp tâm chẳng bao lâu thân tâm bỗng nhiên rỗng không, trong khoảng hai mươi một ngày, các lậu đều tiêu hết, thành quả A La Hán, được Phật ấn chứng là bậc Vô Học.

“Phật hỏi về viên thông, như chõ chứng của tôi thì thuần một giác tánh, tan mất cái thân, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Ông Tất Lăng Già Bà Ta gọi thần sông là “con Tỳ” (20). Vì trong các đời trước có thói quen quý tộc, hiện tại không thể bỏ quên thân thể. Nên khi gai độc đâm vào chân, toàn thân đau đớn bèn tinh nhập.

Tuy có cái biết để biết cái đau, nhưng cái biết là tâm thanh tịnh, lìa ngoài năng và sở, sự đau đớn không thể đến được. Đau là cái bị biết, thì cái biết có thể biết nó. Còn cái biết là cái hay biết, thì cái đau không thể làm nó đau. Một cái có sự đau, một cái không đau. Đã biết có đau lại biết không đau, thế thì một thân lại có hai cái biết sao?

Cái biết vốn chỉ một cái Chân, biết đau tức là vọng. Do đó, nghiệp tâm niệm: ngoài quên mất thân thể, chõ biết đều biến mất; trong quên mất tâm, cái hay biết cũng tan. Thân và tâm bỗng nhiên rỗng không, liền chứng vô học. Chỉ còn một cái

giác thanh tịnh, nên gọi là thuần một giác tánh. Ở trong cái thuần giác, thì năng và sở đều xa lìa. Thế mới tan măt cái thân, thân đã tan biến, thì thoát khỏi lập tức các việc không thể vui thích của thế gian.

Xưa, Đức Tứ Tố Ưu Bà Cúc Đa có gặp một người bám trước thân kiến xin cứu độ.

Tố nói: “Câu pháp cứu độ thì phải tin lời ta, chẳng trái lời ta dạy”.

Người ấy nói: “Đã đến câu Thầy, thì phải nghe lời răn dạy”.

Tố bèn biến ra một bờ núi hiểm trở, trên chót có nhô ra một cây cao. Tố dạy người ấy trèo lên cây. Lại ở dưới cây, hóa ra một cái hố lớn, sâu rộng ngàn tầm. Tố dạy buông chân, người ấy tuân lời, buông hai chân ra. Dạy buông một tay, người ấy thả một tay. Lại dạy thả tay kia, người ấy đáp rằng: “Nếu thả luôn tay kia thì rót xuống hố chết mất”.

Tố nói: “Trước đã cam kết là tuân lời dạy, nay sao trái với ta!”

Khi ấy, người kia sự thương thân liền diệt, thả tay rơi xuống, thì chẳng thấy cây, thấy hố đâu cả. Liền chứng đạo quả.

Ngài Huyền Sa ban đầu muốn đi khắp nơi tìm hỏi thiện tri thức. Quay gói ra khỏi núi, ngón chân bị vấp chảy máu, đau nhức.

Ngài than: “Thân này chǎng phải có, đau từ đâu đến?”
Bèn trở về Tô Tuyết Phong.

Tô Tuyết Phong hỏi: “Cái gì là Huyền Sa Sư Bị đâu đà?”

Ngài nói: “Trọn đời chǎng dám dối gạt người”.

Lại một ngày nọ, Tô kêu lại hỏi: “Bị đâu đà sao chǎng đi khắp nơi mà học hỏi?”

Ngài nói: “Đạt Ma chǎng đến Đông Độ, Nhị Tô chǎng qua Tây Thiên”.

Tô ưng nhận.

Ngài Văn Môn mới đầu ra mắt Tô Mục Châu. Tô Châu vừa thấy, liền đóng cửa. Ngài Văn Môn bèn gõ cửa.

Tô Châu hỏi: “Ai?”

Ngài đáp: “Tôi đây”.

Tô nói: “Làm gì thế?”

Mục Châu nói: “Việc mình chưa rõ, xin thầy chỉ bày”.

Tô Châu mở cửa, nhìn một cái, liền đóng lại. Cứ vậy, liên tiếp gõ cửa ba ngày. Đến ngày thứ ba, Tô Châu mở cửa, Văn Môn bèn sấn vào. Tô Châu nǎm đứng lại, hét: “Nói, nói!”

Văn Môn suy nghĩ, thì Tô Châu bèn xô ra, nói: “Cái đồ vô dụng hết xài!”

Rồi đóng sập cửa, làm kẹt một chân của Văn Môn. Văn Môn liền triệt ngộ.

Tổ chỉ qua tham vấn Tuyết Phong.

Như hai ngài Huyền Sa, Văn Môn cũng là sự trở lại của Tất Lăng Già Bà Ta vậy! Còn mình đây cũng bị đau chân mà tập khí chẳng chịu trù.

XI. VIÊN THÔNG VỀ Ý CĂN

Kinh: Ông Tu Bồ Đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lê dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi từ mênh mông kiếp đến nay, tâm được vô ngại, tự nhớ thọ sanh, kiếp số nhiều như cát sông Hằng. Lúc còn trong thai mẹ đã biết tánh không tịch, như thế cho đến cả mười phương đều rỗng không và cũng khiến chúng sanh chứng đắc tánh Không. Nhờ Như Lai phát minh tánh Giác là Chân Không, tánh Không tròn sáng, đắc A La Hán, tức thời nhập vào Biển Không quý báu sáng ngời của Như Lai, đồng Phật Tri Kiến, được ấn chứng thành Vô Học. Tánh Không Giải Thoát, tôi là đầu hết.

“Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của tôi, các tướng nhập vào phi tướng, phi và sở phi đều hết, xoay các pháp về Không, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Ông Tu Bồ Đề từ mênh mông số kiếp đến nay rõ được tánh Không, nhưng chỉ biết ngả theo cái Không mà thôi. Nhờ Phật phát minh tánh Giác là Chân Không, mới biết cái Không sanh trong Đại Giác cũng như một bọt nước sanh trong biển lớn, thế nên nói là cái Biển Không quý báu sáng ngời. Ngả qua cái Không thì chẳng toàn vẹn. Chân Không là toàn vẹn. Ngả về cái Không thì chưa giải thoát. Chân Không tức Giải Thoát. Chẳng đốn nhập Chân Không, thì còn ở

trong cái thấy của Nhị Thừa, chưa đồng với cái thấy biết của Phật vậy.

Các tướng nhập vào phi tướng, ban đầu chỉ là cái Không đơn thuần, nghĩa là làm không các tướng. Cái phi và sở phi đã mất hết, kế đó dùng cái không Không, tức là không luôn cái không tướng. Ban đầu là xoay các tướng về Không, rồi xoay các pháp về Không. Tướng nhân, tướng pháp đều Không, nên trở vào trong Biển Không quý báu sáng ngời, như ngồi yên trong núi mà thấy Pháp Thân Như Lai. Phật cũng nói “Ông Tu Bồ Đề thấy trước Pháp Thân của Ta”. Đây là một chỗ để nghiệm ra là đồng với cái thấy biết của Phật.

Nhà sư tên Trí Thường ra mắt Đức Lục Tô.

Tô hỏi rằng: “Ông từ đâu đến đây, muốn câu chuyện gì?”

Đáp rằng: “Thưa, gần đây tôi đến Hồng Châu, núi Bạch Phong, lạy ra mắt Hòa Thượng Đại Thông, được chỉ dạy cái nghĩa thấy tánh thành Phật, mà chưa giải quyết nổi nghi ngờ. Từ xa đến đây làm lễ, mong Hòa Thượng chỉ bày”.

Tô nói rằng: “Vị kia nói gì, ông thử thuật lại xem”.

Đáp rằng: “Trí Thường này đi đến đó, trải qua ba tháng mà chưa được dạy bảo. Vì thiết tha với pháp, nên một đêm một mình vào phương trượng câu hỏi:

“Như sao là bản tâm, bản tánh của tôi?”

“Ngài Đại Thông bèn nói: “Ông có thấy hư không chẳng?”

“Đáp: “Đạ, thấy”.

“Hỏi: “Ông thấy hư không có tướng dạng gì không?”

“Đáp: “Hư không vô hình, nào có tướng mạo gì”.

“Ngài Đại Thông nói: “Ông hãy thấy bản tánh cũng như hư không, rốt ráo không có một vật để thấy, gọi là chánh kiến. Không một vật để biết, gọi là thật biết. Không có xanh, vàng, dài, ngắn. Chỉ thấy cái bốn nguyên thanh tịnh, cái giác thể tròn đầy sáng suốt, thì gọi là thấy tánh thành Phật, cũng gọi là cái thấy biết của Như Lai”. Kẻ học đạo này tuy nghe dạy như vậy mà chưa rõ hiểu chắc chắn, xin Hòa Thượng chỉ dạy”.

Tô nói: “Chỗ dạy của vị ấy vẫn còn nằm trong tri kiến, nên khiếu ông chưa rõ, nay ta chỉ cho ông bài kệ:

*“Chẳng thấy một pháp, là còn cái không thấy
 Thật như mây nổi che mặt trời
 Chẳng biết một pháp, là giữ cái không biết
 Lại như thái hư sanh điện chớp
 Cái thấy biết ấy vừa khởi lên
 Nhận làm, bao giờ hiểu phương tiện
 Ông trong nhất niệm tự biết lấy Chẳng Phải (21)
 Thì cái linh quang chính mình thường rõ hiện”.*

Trí Thường nghe kệ xong, tâm ý rỗng nhiên, bèn trình bài kệ:

*“Không đâu, khởi thấy biết
 Bám tướng, tìm Bồ Đề
 Tình còn một niệm “Ngộ”*

*Sao thoát khỏi xưa mê
Tự tánh Giác nguyên thể
Theo chiều uổng trôi lăn
Chẳng vào Tổ Sư thất
Mờ mịt chạy hai đầu”.*

Thế có thể nói là “*Nhất niệm biết chẳng phải*” thì *cái chẳng phải (phi)* và *cái chồ chẳng phải (sở phi)* đều dứt hết. Từ Ông A Na Luật Đà đến đây là năm vị Thánh, nói là xoay cái thấy, quay hơi thở trở về, đem cái mùi vị trở lại, xoay cái pháp về nguồn, đều là ngược dòng về một. Đó là do sáu căn mà chúng viên thông vậy. Cái xoay ngược cái nghe của Đức Quan Âm kể riêng ra với chồ này, vì là cực quả của Viên Thông, gần với địa vị Phật, nên để sau chót.

XII. VIÊN THÔNG VỀ NHÃN THỨC

Kinh: Ông Xá Lợi Phất liền từ chồ ngồi đứng dậy, đánh lẽ dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi nhiều kiếp đến nay, cái thấy từ tâm được trong sạch. Như thế mà thọ sanh, kiếp số nhiều như cát sông Hằng. Các pháp thế gian và xuất thế gian, thảy thảy biến hóa, trong một cái thấy đều thông suốt, được không chướng ngại. Tôi ở giữa đường gặp Ca Diếp Ba, anh em hợp ý nhau, nói pháp nhân duyên, ngộ được cái tâm không bờ cõi, theo Phật xuất gia. Tánh giác hằng thấy tròn đầy sáng ngời, được đại vô úy, thành A La Hán, làm trưởng tử của Phật, từ miệng Phật mà sanh, do pháp mà hóa sanh.

“Phật hỏi về viễn thông, như chõ chứng của tôi, thì cái thấy của tâm phát sáng, sáng khắp cái thấy biết, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Ông Xá Lợi Phất lúc còn trong bụng mẹ, thì bà mẹ biện luận sáng láng hơn người cậu. Ông Cậu bảo: “Thằng bé này sanh ra, trí huệ không ai địch nổi”. Rồi sang Nam Ân học pháp, không rãnh thời giờ để cắt móng tay, đó là Tỳ Kheo Trưởng Trảo (22).

Lúc chín tuổi, Ngài Xá Lợi Phất đã biện luận khuất phục mọi người, vua trong nước rất quý trọng. Ngài làm bạn với Ông Mục Kiền Liên, kết ước với nhau, hễ được mùi vị cam lồ của chánh pháp thì cũng hưởng với nhau.

Mục Kiền Liên giữa đường gặp Tỳ Kheo Mã Thắng, hỏi: “Thầy của ông thuyết pháp gì?”

Mã Thắng đáp: “Các pháp theo duyên sanh, các pháp theo duyên diệt; Thầy ta, Đại Sa Môn, thường y như thế thuyết”.

Ông Mục Kiền Liên tỏ sáng, chứng Sơ Quả; vội qua báo cho Xá Lợi Phất, nghe xong Xá Lợi Phất cũng chứng Sơ Quả.

Cả hai ông cùng đến ra mắt Phật. Từ xa trông thấy hai người, Phật bảo với đại chúng: “Đó là hai đại đệ tử của Ta, một người trí huệ đệ nhất, một người thán thông đệ nhất”.

Ngài Xá Lợi Phất, cái thấy của tâm rất sáng le, theo Phật xuất gia, bảy ngày thông suốt hết Phật Pháp, trong mười lăm ngày đắc A La Hán, nên gọi là Trí Huệ đệ nhất, làm trưởng tử của Phật. Cái thấy của tâm không thuộc về căn hay thức, nên

có thể bên trong phát ra sáng ngời, sáng khắp cái thấy biết, tánh giác của cái thấy tròn đầy sáng rõ, được đại vô úy. Cái Thấy chưa sáng suốt thì có nghi, có sợ, còn Ngài Xá Lợi Phất chín tuổi nghị luận đã đắc vô úy, đến đây lại thông đạt hết Phật Pháp, mới gọi là đại vô úy.

Thiền sư Trưởng Khánh Lăng ban đầu ra mắt Tô Tuyết Phong, hỏi: “Một con đường từ xưa các thánh truyền thụ, xin thầy chỉ bày cho”. Tô Phong im lặng hồi lâu. Ngài bèn lẽ mà lui ra. Tô Phong bèn mỉm cười.

Ngài đi qua lại Tô Tuyết Phong và Huyền Sa như vậy trong suốt hai mươi năm, ngồi thiền rách hết bảy cái bồ đoàn, mà chẳng rõ được chuyện ấy. Một ngày kia, cuốn bức sáo lên, hốt nhiên đại ngộ, bèn làm bài tụng:

*“Đã làm to, đã làm to!
Cuốn bức sáo lên thấy thiên hạ
Có người nào hỏi, ấy Tông gì
Cầm cây phất tử nhằm miệng đánh”.*

Tô Tuyết Phong nói với Tô Huyền Sa: “Ông ấy tò suôt rồi vậy”.

Huyền Sa nói: “Chưa chắc. Đây là do ý thức thuật lại thôi, phải cần xét lại mới được”.

Đến tối, các sư đến làm lễ, Tô nói với Ngài Khánh Lăng: “Đầu Đà Bị chưa chịu ông, nếu thật ngộ, trước chúng hãy nói ra đi !”

Ngài Lăng lại làm bài tụng:

“Ở trong muôn tượng lộ riêng thân
 Chỉ người tự nhận ấy mới gần
 Ngày xưa lầm lạc tìm đường đến
 Ngày nay trong lửa thấy ra bǎng”.

Tổ Phong quay sang nói với Tổ Huyền Sa: “Không thể là sự trước thuật của ý thức đâu!”

Ôi, thấy ra bǎng trong lửa, là một cái nhìn thông suốt, được không chướng ngại. Thiền sư Lăng khá gọi là có mắt vây

XIII. VIÊN THÔNG VỀ NHĨ THỨC

Kinh: Ngài Phổ Hiền Bồ Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lǚ dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi đã từng làm Pháp Vương Tử cho các Đức Như Lai như số cát sông Hằng. Mười phương Như Lai dạy các đệ tử có căn cơ Bồ Tát tu hạnh Phổ Hiền, là do tôi mà đặt tên.

“Thưa Thế Tôn, tôi dùng cái nghe của tâm mà phân biệt tất cả thấy biết của chúng sanh. Nếu ở phương nào khác, cách ngoài hằng sa thế giới, có một chúng sanh trong tâm phát khởi hạnh Phổ Hiền, thì liền ngay khi ấy, tôi cõi voi sáu ngà, phân thân thành trăm, ngàn đến chỗ người ấy. Dầu cho người ấy nghiệp chướng còn sâu dày, chưa thấy tôi được, tôi cũng âm thầm xoa đầu, ủng hộ an ủi khiến cho người ấy được thành tựu.

“Phật hỏi về viên thông, tôi nói chỗ bản nhân của tôi là phát sáng cái nghe của tâm, tự tại mà phân biệt, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Hạnh khắp pháp giới là Phổ, địa vị gần với Phật gọi là Hiền. Đức Phổ Hiền đã chứng quả vị, nói lại cái bản nhân của mình là từ cái nghe của tâm phát sáng, mọi phân biệt đều tự tại. Tận khắp pháp giới rỗng rang như hư không, không đâu mà tâm chẳng nghe đến. Biết rành người tu Hạnh Phổ Hiền mà ủng hộ cho, ấy là trong sự biết rành đó; có một loại tam muội tự tại, chẳng có một mảy tơ tạo tác, là do đã chứng Pháp Thân, nên đầy khắp pháp giới, nơi nào vừa khởi niệm, nơi đó có ngay hạnh nguyện. Đó là đức và dụng vô ngại: Thể là dụng, dụng là thể, nên gọi là tự tại.

Đức Quan Âm theo căn tai mà xoay lại cái nghe, nên được tịch diệt hiện tiền. Đức Phổ Hiền theo nhĩ thức mà phát sáng, nên được tự tại trong phân biệt. Nói là hiện tiền thì chưa từng chẳng phân biệt. Nói là tự tại, thì chưa từng không tịch diệt. Chỗ chứng của hai vị Thánh thật không có chỗ hơn kém.

Ngài Đàm Dực ban đầu vào Lư Sơn theo học Ngài Viễn Công. Sau trở về Hội Kê, ở núi Tân Vọng, tụng kinh Pháp Hoa. Trải qua mười hai năm, cảm Đức Bồ Tát Phổ Hiền hóa thân người nữ, mặc áo quần màu, xách lồng tre, một con heo trắng và hai củ tỏi, đến trước Ngài, nói: “Thiếp vào núi hái rau quyết, mặt trời đã xế, sói cọp tung hoành, trở về thì khó sống, xin ở nhờ một đêm”. Ngài hết sức từ chối, mà người con gái kêu khóc không thôi, bèn bảo nghỉ ở giường cỏ. Nửa đêm cô kêu la đau bụng, xin Ngài xoa bóp giùm. Ngài từ chối vì giữ Giới, không được chạm tay. Cô gái càng kêu la quá lắm. Ngài mới lấy cây tích trượng quần vải vào rồi ở xa mà xoa cho. Sáng hôm sau, cô gái hóa áo quần thành mây lành, heo biến

thành voi trắng, hai củ tỏi biến thành hai bông sen, bay lên không mà bảo rằng: “Ta là Bồ Tát Phổ Hiền, đến để thử ông đó”.

Quan Thái Thú ở đây là Mạnh Nghi, tâu lên Vua, Vua ra lệnh xây chùa Pháp Hoa. Chuyện này cũng giống chuyện Đức Quan Âm thử Ngài Ngô Đạo Tử.

Việc phân thân thị hiện, xoa đâu an ủi thì không kể xiết. Ở Trung Hoa như thế, thì ngoài hằng sa thế giới cũng có thể biết là như vậy.

Có nhà sư hỏi Tô Trường Sa: “Vì sao đồng tử Thiện Tài đi dạo thế giới trong thân Bồ Tát Phổ Hiền suốt vô lượng kiếp mà không khắp hết?”

Tô Sa nói: “Ông từ vô lượng kiếp đến nay dạo chơi được khắp hết chăng?”

Hỏi: “Như sao là Thân Phổ Hiền?”

Tô Sa nói: “Ở trong Hàm Nguyên điện, lại chạy kiếm Trường An!”

Lại có nhà sư từ giã Tô Đại Tùy.

Tô hỏi: “Đi đâu thế?”

Nhà sư đáp: “Đến núi Nga Mi, làm lễ Đức Phổ Hiền”.

Tô Tùy dựng đứng cây phất tử, nói: “Văn Thù, Phổ Hiền chỉ tại trong này!”

Nhà sư vẽ một vòng tròn, ném về sau lưng.

Tổ Tùy nói: “Thị giả! Đem thêm trà cho vị sư này!”

Ngài Thiên Đồng tung rằng:

*“Biết pháp thì sơ
 Khinh địch thì mất
 Trong nước phân sữa
 Phải là ngỗng chúa!”*

Nhà sư ấy đã nói là đi lễ Đức Phổ Hiền, lại vất ra sau lưng, khó khỏi ngài Đại Tùy kiểm điểm. Lại rõ được trong ấy chăng? Lại chạy tìm Trường An thì nào có thể?

XIV. VIÊN THÔNG VỀ TỶ THỨC

Kinh: Ông Tôn Đà La Nan Đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lỗ dưới chân Phật, thưa rằng: “Lúc tôi mới xuất gia, theo Phật vào đạo, tuy đầy đủ giới luật, mà trong tam ma địa thì tâm thường tán động, chưa được vô lậu. Thế Tôn dạy tôi và Ông Câu Hy La quán đầu mũi trắng. Lúc bắt đầu tu quán ấy trải qua ba lần bảy ngày, thấy hơi thở trong mũi ra vào như khói. Thân tâm bên trong sáng rõ, rỗng suốt vẹn khắp thế giới, khắp hết thành rỗng không, sáng sạch, như ngọc lưu ly. Tướng khói lần lần hết mất, hơi thở hóa thành trắng. Tâm khai ngộ, các lậu hết sạch thì các hơi thở ra vào hóa thành hào quang, soi khắp mười phương thế giới, đắc A La Hán. Thế Tôn thọ ký cho tôi sẽ đắc Bồ Đề.

“Phật hỏi về viên thông, tôi dùng sự tiêu mất hơi thở, yên lặng lâu thì phát ra sáng suốt, sáng suốt tròn khắp thì diệt hết các lậu, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Ông Nan Đà là em ruột của Phật, rất thương vợ nên tâm thường tán động. Phật dùng nhiều phương tiện điều phục cho mà đắc quả. Trước điều khiển hơi thở là y nơi căn, từ thô vào tế, từ tế vào Không, đó là xoay lại các căn. Cách quán lỗ mũi trắng này là y nơi thức. Hơi thở ban đầu như khói, kế hóa thành trắng, sau cùng thành quang minh, đó là phát từ thức. Hơi thở trong mũi, sao lại như khói? Hơi thở do gió và lửa khởi ra, làm động cái phiền não trước, nên hình dạng như khói. Đến khi tịnh quán phát sáng, thân tâm rỗng suốt, phiền não trước dần dần tiêu, nên hơi thở nơi mũi hóa thành trắng. Tâm khai ngộ, hết sạch các lậu, không còn phiền não, cái sáng suốt bên trong phát chiếu ra, thì thấy thế giới như ngọc lưu ly, thế hơi thở chẳng hóa thành quang minh ư? Hai thứ này, các đạo gia dưỡng sanh cho là bí truyền; còn nếu nơi căn viền thông mà chứng được, thì há chẳng phải là hột giống Phật ư?

Xưa, Ngài Bách Trượng đang đi cùng Tô Mã Tô, thì thấy một bầy vịt trời bay qua.

Tô nói: “Cái gì thế?”

Ngài Trượng nói: “Vịt trời”.

Tô nói: “Đi đâu rồi?”

Ngài Trượng nói: “Bay qua rồi”.

Tô bèn nắm mũi Bách Trượng kéo mạnh, Ngài đau quá la lên.

Tô nói: “Còn nói bay qua nữa thôi?”

Ngài Bách Trượng liền tinh ngộ, về liêu thị giả, tấm tức khóc lớn.

Vị thị giả khác hỏi: “Ông nhớ cha mẹ ư?”

Đáp: “Không”.

Hỏi: “Bị người mắng chăng?”

Đáp: “Không”.

Hỏi: “Thế chuyện gì khóc?”

Đáp: “Lỗ mũi tôi bị Đại sư vặt đau quá mà chảng thấu triệt”.

Hỏi: “Có nhân duyên gì chảng khé hợp được?”

Đáp: “Ông đi hỏi lấy Đại sư đi!”

Vị thị giả ấy đi hỏi Mã Tồ: “Thị giả Hoài Hải Bách Trượng có nhân duyên gì không khé hợp, đang kêu khóc ở trong phòng, xin Hòa Thượng nói cho con!”

Đại sư nói: “Đó là hắn hiểu vậy, ông hãy tự mình hỏi lấy hắn ta xem”.

Vị ấy về phòng nói với Bách Trượng: “Hòa Thượng nói ông hiểu rồi, bảo tôi về tự hỏi ông?”

Bách Trượng ha hả cười lớn.

Vị thị giả nói: “Vừa mới khóc, sao giờ lại cười?”

Bách Trượng nói: “Hồi nãy khóc, bây giờ cười!”

Vị thị giả chảng hiểu sao cả.

Hôm sau, Tố Mã Tố lên tòa giảng, đại chúng vừa nhóm họp, thì Bách Trượng bước ra cuốn chiếu. Tố liền xuống tòa. Bách Trượng đi theo đến phương trượng. Tố nói: “Hồi nãy ta chưa hề mở lời, tại sao ông lại cuốn mất chiếu?”

Bách Trượng nói: “Hôm qua bị Hòa Thượng vặt lỗ mũi đau quá!”

Tố nói: “Hôm qua ông lưu tâm chỗ nào?”

Bách Trượng nói: “Lỗ mũi hôm nay lại không đau”.

Tố nói: “Ông thật biết rõ chuyện hôm qua”.

Ngài Bách Trượng làm lễ rồi lui ra.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Con vịt trời, biết sao đây?
 Mã Tố vừa thấy, nói cùng nhau
 Nói hết núi mây, trăng biển, tình
 Như xưa, chẳng hội, liền bay mất
 Muốn bay chẳng?
 Nắm đứng lại
 Nói, nói!”*

Lại có người nói được, thì phải như Bách Trượng lỗ mũi đau mà chẳng thấu triệt, mới được quang minh chiếu mười phương thế giới, đón chứng viên thông.

XV. VIÊN THÔNG VỀ THIỆT THỨC

Kinh: Ông Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lỗ dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi từ bao kiếp

đến nay, biện tài vô ngại, tuyên thuyết Khổ, Không, thấu suốt Thật Tướng. Như thế cho đến các pháp môn bí mật của hằng sa Như Lai, tôi đều ở trong chúng khai thị một cách vi diệu, được vô sở úy. Đức Thế Tôn biết tôi có đại biện tài, nên dạy tôi tuyên dương bằng pháp luân âm thanh. Tôi ở trước Phật, giúp Phật chuyển pháp luân, nhân phát lên tiếng rồng sư tử, thành A La Hán. Thế Tôn ấn chứng cho tôi thuyết pháp hon hết thảy.

“Phật hỏi về viên thông, tôi dùng pháp âm hàng phục tà ma ngoại đạo, tiêu diệt các Lậu, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Đây là lấy thiệt căn tuyên dương chổ toàn vẹn một ngàn hai trăm công đức, nên chẳng dùng sự ném vị để hiển bày thiệt thức. Rõ biết cái Khổ không có Khổ Tướng, cái Không không có Không Tướng, gọi là hiểu thấu sâu xa thật tướng. Ngay nơi Khổ, Không mà thuyết Thật Tướng, đó là pháp môn bí mật. Khai thị một cách vi diệu, rỗng suốt đến nguồn pháp, nên được vô úy. Phật dùng ba Pháp luân “thân, khẩu, ý” mà ứng vật không vướng mắc. Ông Phú Lâu Na chỉ dùng pháp luân âm thanh mà thành A La Hán. Trong thì tiêu diệt các lậu, mật chứng Thật Tướng; ngoài thì rộng nói pháp bí mật, hàng phục tà ma ngoại đạo. Biện tài vô ngại, là người thuyết pháp số một, đều do thiệt thức mà được viên thông vậy.

Tọa chủ Lượng ra mắt Ngài Mã Tổ. Tổ nói: “Nghe nói tọa chủ giảng Kinh, Luận thông suốt lăm, có phải không?”

Thầy Lượng nói: “Dạ, không dám”.

Tổ nói: “Lấy cái gì giảng?”

Thầy Lượng nói: “Lấy tâm giảng”.

Tồ nói: “Tâm như tay thợ đàn giỏi, Ý như con hát hòa theo, làm sao giảng được kinh?”

Thầy Lượng cãi lại rằng: “Tâm đã chẳng giảng được, chẳng lẽ hư không giảng được sao?”

Tồ nói: “Vậy mà hư không giảng được!”

Thầy Lượng không chịu, bèn bỏ đi ra.

Vừa xuống thềm, Ngài Mā Tồ gọi lớn: “Tọa Chủ!”

Thầy Lượng quay đầu lại, hoát nhiên đại ngộ. Bèn lạy bái.

Tồ nói: “Cái ông thầy độn căn này, lạy bái làm gì!”

Thầy Lượng về chùa, nói với thính chúng rằng: “Tôi giảng kinh không ai bì kịp, thế mà hôm nay bị đại sư Mā Tồ hỏi cho một câu, tất cả công phu trước giờ đều như băng rã tiêu tan”.

Bèn vào núi Tây Sơn, không còn dấu vết.

Há chẳng tiêu diệt các lậu hay sao?

Thiền sư Bàn Am Thành nói trước đại chúng: “Này các nhân giả! Hãy biết nay tôi hét lên một tiếng, có thể thấu đáo cả ngũ giáo”.

Im lặng một lúc, rồi hét lớn một tiếng mà hỏi: “Có nghe không?”

Đại chúng đáp: “Có nghe”.

Thiền sư nói: “Nay các ông có nghe một tiếng hét này, thế là Có, tức là vào Tiểu Thùa Giáo”.

Rồi hỏi tiếp: “Giờ các ông có nghe không?”

Đáp: “Không nghe”.

Thiền sư nói: “Giờ các ông *không* nghe, thì một tiếng hét này là *Không*, đó là vào Đại Thùa Thủy Giáo. Khi tôi mới hét, các ông đã bảo rằng *Có*; hét xong âm thanh tiêu mất, các ông lại nói rằng *Không*. Nhưng nói *Không*, nghĩa là trước kia là *có*; nói rằng *có*, thì bây giờ là *không*. Thế là *Chẳng Có*, *Chẳng Không*, đó là vào Đại Thùa Chung Giáo. Khi tôi có hét, *có* chẳng phải là *có*, nhân nơi *Không* mà *có*. Khi không hét, *Không* chẳng phải là *không*, nhân nơi *có* mà *không*. Ấy là *Tức Có Tức Không*, là vào Đốn Giáo. Tôi ở nơi một tiếng hét, chẳng khởi ra cái Dụng của tiếng hét, thì *Có* và *Không* chẳng lập, ngộ và hiểu đều mất. Khi nói *Có*, mảy lông chẳng lập. Khi nói *Không*, rộng khắp hư không. Tức một tiếng hét này, tức là trăm ngàn vạn ức tiếng hét. Trăm ngàn vạn ức tiếng hét tức là *một* tiếng hét này. Đó là vào Viên Giáo”.

Các lời biện luận ghê gớm này, người nghe đều phải khuất phục, há chẳng hàng phục được ma oán ư?

XVI. VIÊN THÔNG VỀ THÂN THỨC

Kinh: Ông Ưu Bà Ly liền từ chõ ngồi đứng dậy, đánh lẽ dưới chân Phật, thưa rằng: “Chính tôi được theo Phật vượt thành xuất gia, được chính mình thấy Phật sáu năm khổ hạnh chuyên cần. Đích thân thấy Như Lai hàng phục các ma, chế

ngự ngoại đạo, giải thoát các lậu tham dục của thế gian. Nhờ Phật dạy cho giới luật, như thế cho đến ba ngàn oai nghi, tám muôn tết hạnh, các tánh nghiệp và giá nghiệp thảy đều thanh tịnh, thân tâm tịch nhiên, thành A La Hán. Tôi là cái mẫu mực trong chúng của Như Lai. Phật ấn chứng cho tôi giữ giới thân tâm hơn cả trong chúng.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do lấy việc giữ gìn cái thân, mà thân được tự tại; lần đến giữ gìn cái tâm, mà tâm được thông suốt; rồi sau cả thảy thân tâm đều thông suốt, nhạy bén, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Đức Như Lai sáu năm cần khổ, những cái gì ngoại đạo không làm nổi, Ngài đều làm hết. Thế nên có thể chế phục các ngoại đạo, lại giải thoát các lậu tham dục của thế gian, mà tà ma không thể quấy phá. Tức là các thứ binh khí của chúng đều hóa thành hoa sen, nên các ma chịu phục. Điều là do thân giữ giới hạnh, ba ngàn tâm vạn không đâu chăng tròn đủ, bởi thế tà ma ngoại đạo chẳng tay mà thán phục. Đi, đứng, nằm, ngồi, mỗi thứ có hai trăm năm chục, đối với ba tự tịnh giới thành ra ba ngàn, lại lấy ba ngàn phối hợp với ba cái của thân (23), bốn cái của miệng (24) là bảy chi thành ra hai vạn một ngàn. Lại phối hợp với bốn phần phiền não, thành tám vạn bốn ngàn. Phật chế định luật này là giới hạnh của Sa Môn, khiến cho thân tâm đều thanh tịnh. Bốn lỗi làm dơ đục như sát, đạo, dâm, vọng thì tánh của chúng vốn là tội, không đợi phải ngăn cấm, phạm liền thành nghiệp, nên gọi là tánh nghiệp. Còn lại thì nhân có phạm mới ngăn cấm. Trước khi chế định

mà phạm thì không tội, nên gọi là giá nghiệp. Hai nghiệp đều trừ sạch liền được không tịch.

Ban đầu dùng sự giữ gìn thân, thì thân được tự tại, ấy gọi là tánh nghiệp thanh tịnh. Lần đến giữ gìn tâm, thì tâm được thông suốt, ấy gọi là giá nghiệp thanh tịnh. Giữ gìn thân rồi đến tâm, tâm là cái thân của thức, cái thức về thân đã diệt, nên chân trí hiện bày trước mắt. Giới trong sạch là trí huệ, bèn được đạo đệ nhất. Đó là Ông Ưu Bà Ly giữ giới số một, làm mẫu mực trong chúng vậy. Cho đến khi cả thảy thân tâm đều thông suốt, nhạy bén là vào chỗ ngộ vậy, há đợi giữ gìn riêng thân ư?

Tôn giả Bà Tu Bàn Đầu (25) thường ngày ăn chỉ một bữa, không nằm, sáu thời lê Phật, trong sạch không dục, làm chỗ nương về của chúng.

Tổ Thứ Hai Mươi là Ngài Tôn Giả Xà Dạ Đa muốn độ cho Ngài, trước hết hỏi chúng kia rằng: “Vị đầu đà Biến Hành này hay tu Phạm hạnh, có thể đắc Phật Đạo không?”

Đại chúng nói: “Thầy chúng tôi tinh tấn, sao lại không thể?”

Tổ nói: “Thầy các ông cùng với đạo cách xa vậy. Giả sử có khổ hạnh trải qua nhiều kiếp như bụi cũng là cái gốc hư vọng đó”.

Đại chúng nói: “Tôn giả chưa nhóm được đức hạnh gì mà xét bàn thầy chúng tôi?”

Tổ nói: “Ta chẳng cầu đạo, cũng chẳng điên đảo. Ta chẳng lẽ Phật, cũng chẳng khinh mạn. Ta chẳng ngồi hoài, cũng chẳng giải đái. Ta chẳng ăn một bữa, cũng chẳng ăn lộn xộn. Ta chẳng tri túc, mà cũng chẳng tham dục. Tâm không có chỗ mong cầu, gọi đó là đạo”.

Khi ấy. Ngài Biển Hành nghe xong, trí vô lậu liền phát, hoan hỷ ca ngợi.

Tổ lại nói với đại chúng áy rằng: “Hiểu lời ta chẳng? Ta sở dĩ làm thế, vì tâm cầu đạo của người áy tha thiết. Phàm là dây đan căng thì đứt nên ta chẳng tán thường mà khiến giúp người trụ nơi chỗ an lạc, vào trí huệ chư Phật”.

Tổ lại nói với Ngài Biển Hành: “Ta vừa rồi ở trước chúng mà úc hiếp ông, trong lòng ông không buồn chú?”

Ngài Biển Hành nói: “Tôi nhớ lại bảy kiếp trước, sanh ở nước Thường An Lạc, thày là Trí Giả Nguyệt Tịnh thọ ký cho tôi chẳng bao lâu sẽ chứng quả Tư Đà Hàm. Lúc áy có Bồ Tát Đại Quang Minh ra đời. Tôi vì đã già nên chống gậy lạy ra mắt.

Thầy la rằng: “Trọng con khinh cha, sao lại thô lậu thế?”

“Khi áy, tôi tự cho là không có lỗi, xin thầy dạy cho”.

Thầy nói: “Ông làm lẽ Bồ Tát Đại Quang Minh, lại đê cây gậy dựa vào mặt Phật vẽ trên vách. Vì lỗi coi thường này mà mất quả thứ hai”.

“Tôi tự ăn năn là từ xưa đến nay, nghe lời dữ thì như gió như vang, huống hò nay được uống nước cam lồ vô thượng mà

lại sanh buồn phiền ư? Xin Ngài rủ lòng đại từ, chỉ dạy diệu đạo cho”.

Tổ nói: “Ông tròng các đức đã lâu, sẽ kế vị Tông ta”.

Bèn phó chúc bài pháp kệ:

*“Dưới lời hợp Vô Sanh
Đồng với pháp giới tánh
Nếu tỏ hiểu như thế
Thông suốt hết sự, lý”.*

Đây là Tổ Thứ Hai Mươi Một.

Ôi, chẳng tu phạm hạnh mà mong được Vô Thượng Bồ Đề, thì xưa giờ chưa hề nghe vậy.

XVII. VIÊN THÔNG VỀ Ý THỨC

Kinh: Ông Đại Mục Kiền Liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lỗ dưới chân Phật, thưa rằng: “Ban đầu tôi giữa đường khát thực thì gặp ba anh em họ Ca Diếp Ba là các Ông Uu Lâu Tân Loa, Già Gia và Na Đề, tuyên nói thâm nghĩa Nhân Duyên của Như Lai, tôi liền phát tâm, được rất thông suốt. Như Lai ban cho tôi áo cà sa đắp thân, râu tóc tự rụng. Tôi ngao du mười phương, được không chướng ngại, thần thông hiển phát, được chúng cho là hơn cả, thành A La Hán. Không chỉ Thế Tôn, mà mười phương Như Lai đều khen súc thần thông của tôi là tròn sáng trong sạch, tự tại vô úy.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do xoay về bản tánh trong Lặng, ánh sáng của tâm mở phát, như lắng nước đục lâu thành trong sáng, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Con người không thể tròn sáng, trong sạch là do ý thức trôi lạc theo trần, do đó tâm bị cái hình sử dụng, chẳng phải là cái thần sử dụng. Nếu thức không trôi lẩn mà quay về bản tánh diệu trạm, thì như lăng nước đục, lâu ngày trong sáng, ánh sáng của tâm mở phát, thần thông tự tại, cái ý thức được không-ngăn ngại. Trong lục thông, chỉ có lậu tận thông là nội chứng, còn năm cái kia đều thuộc về sự dùng bên ngoài. Kinh Viên Giác nói: “Như Huyền Tam Muội, như mầm dần tăng trưởng”. Thế nên tích tập lâu ngày, mới thật trong sáng.

Nhà sư Bảo Chí, ban đầu chỉ tập định, định lâu ngày bỗng nhiên được thần thông.

Thiền sư Đặng Ân Phong, mùa Đông ở núi Hành Nhạc, mùa Hạ ở núi Thanh Lương. Trong năm Nguyên Hòa, Ngô Nguyên Tế khởi binh, chống lại triều đình. Quân triều đình cùng giặc giao tranh không phân thắng bại. Thiền sư nói: “Ta phải đi giải bỏ hoạn nạn này”. Bèn ném cây gậy lên không, bay thân qua đến. Tướng sĩ hai bên ngược lên xem, sự việc hợp với giấc mộng báo trước, tâm tranh đấu mất ngay.

Sư đã hiện thần thông lạ lùng, e làm mê làm đại chúng, bèn vào núi Ngũ Đài, trước động Kim Cương, trước khi thị tịch, dạy chúng rằng: “Người ở các nơi khi thị tịch, ngồi mà chết, nằm mà chết, ta đều thấy cả, còn có ai đứng mà chết chưa?”

Đại chúng đáp: “Đa, có”.

Ngài nói: “Còn có ai đứng ngược đầu chưa?”

Đại chúng nói: “Đạ, chưa từng thấy”.

Thiền sư Phong bèn đứng ngược đầu mà hóa, áo quần vẫn xuôi theo thân mình. Khi chúng khiêng đi làm lễ hỏa táng, vẫn sừng sững chẳng động. Người xem xa gần thấy vậy, lạ lùng khen ngợi không dứt.

Ngài có một người em gái làm ni cô, khi ấy cũng ở đây, bèn tát tai mà la rằng: “Lão huynh khi sống thì chẳng theo pháp luật, lúc chết lại hoa mắt lừa người!”

Rồi lấy tay xô ngã àm xuống.

Cho nên thần thông là quả vị, mà người sáng mắt cũng chẳng màng.

Tổ Ngưỡng Sơn lên tòa giảng, có nhà sư Ân từ trên không bay đến. Tổ Ngưỡng Sơn nói: “Mới vừa rời chỗ nào?”

Đáp: “Ân Độ”.

Tổ nói: “Rời đó khi nào?”

Đáp: “Hồi sáng nay”.

Tổ nói: “Sao chậm quá vậy!”

Đáp: “Còn vui chơi non nước”.

Tổ nói: “Du hý thần thông thì chẳng phải không có. Nhưng đối với Phật Pháp, Xà Lê phải cần lão tăng mới được”.

Đáp rằng: “Định qua Đông Độ làm lễ Đức Văn Thù, lại gặp Tiểu Thích Ca”.

Rồi lấy ra kinh điển Phạn bằng lá bối đưa cho Tô Nguõng Sơn, rồi nương không trung mà đi.

Tô Nguõng Sơn dạy chúng rằng: “Ta nay hướng về các ông mà nói chuyện phía thánh. Hãy chớ đem tâm mà níu, đậu. Chỉ hướng vào cái Biển Tánh chính mình, như Phật mà tu. Chẳng cần đến tam minh và lục thông. Vì sao thế? Vì đó là chuyện ngọn ngành rốt chót của thánh. Như nay chỉ cốt rõ tâm, đạt gốc, hễ đạt gốc thì lo gì cái ngọn, mai kia sẽ tự đầy đủ hết trong ấy. Nếu chưa đạt cái gốc, đâu cho đem vọng tình mà học cái việc ấy cũng không được. Các ông há chẳng thấy Hòa Thượng Quy Sơn nói: Tình phàm thánh hết, thế lộ Chân Thường, sự lý không hai, tức Nhu Nhu Phật”.

Đây là con đường Chánh Pháp tròn sáng, trong sạch vậy. Từ Ngài Xá Lợi Phất đến đây, nói rằng: “Cái thấy của tâm, cái nghe của tâm, ánh sáng của tâm, đó là chẳng do căn, chẳng do cảnh, thoát hết căn trần, rốt ráo không tập khí mê lầm”. Đây là do sáu thức mà chứng viên thông vậy.

XVIII. VIÊN THÔNG VỀ HỎA ĐẠI

Kinh: Ông Ô Sô Sắt Ma ở trước Đức Phật, chấp tay đảnh lễ dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi thường nhớ, trước kia trong kiếp xa xôi, tánh khí nhiều tham dục. Có Phật ra đời, hiệu là Không Vương dạy rằng: “Người đa dâm thành đồng lửa hὸng”. Ngài dạy tôi quán khắp các khí nóng, lạnh nơi trăm vóc tú chi. Tôi quán như thế mà thân quang lặng đứng ở trong, hóa cái tâm thức đa dâm thành lửa trí huệ. Từ ấy, các Đức Phật đều gọi tôi tên là Hỏa Đầu. Tôi dùng sức Hỏa Quang Tam Muội

mà thành A La Hán. Tâm phát đại nguyện khi các Đức Phật thành đạo, tôi làm lực sĩ ở bên Phật mà dẹp phục tà ma quấy phá.

“Phật hỏi về viên thông, tôi quán sát các hơi ấm nơi thân tâm, lưu thông không ngại, các lậu đã tiêu, sanh ra ngọn lửa đại trí quý báu, chứng Vô Thượng Giác, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Trong đoạn trước, về bảy đại, nói tánh lửa là Chân Không, Tánh Không là Chân Lửa, bản nhiên thanh tịnh, toàn khắp pháp giới. Vì Hỏa Quang Tam Muội vốn sẵn đủ cái lực không thể nghĩ bàn, nên Ông Hỏa Đà Kim Cang mới dùng cái thần quang lắng đọng, hóa cái tâm đa dâm thành ra ngọn lửa trí huệ. Chánh ở nơi chỗ bắt đầu đọng của chân hỏa mà phản bồn hoàn nguyên, quay về thanh tịnh, thành ra trí huệ. Người đa dâm thì hơi nóng bức bách phát ra, sống thì làm lửa dục, chết thì làm lửa nghiệp. Nghiệp lực lùng mạnh, thành đống lửa lớn.

Bồ Tát Di Lặc nói: “Trai gái qua lại với nhau, đôi bên giao hợp, cái bất tịnh chảy ra. Chư Thiên cõi Dục Giới, tuy hành dâm dục, không có cái bất tịnh này, nhưng ở căn mông có hơi gió xuất ra, thì hơi nóng bức bèn hết. Các Trời ở cõi Tứ Thiên Vương, khi giao hợp thì cái nóng bức bèn hết. Như cõi Tứ thiên Vương, cõi Trời Thứ Ba Mươi Ba là Đao Lợi Thiên cũng thế. Cõi Trời Phàn Thiên thì ôm lấy nhau, cái nóng bức liền hết. Cõi Trời Tri Túc, chỉ cần nắm tay nhau, cái nóng bức liền hết. Cõi Trời Hóa Lạc nhìn nhau mà cười thì cái nóng bức

liền hết. Cõi trời Tha Hóa Tự Tại, chỉ đưa mắt nhìn nhau, thì cái nóng bức liền hết”.

Đó há chẳng phải là lòng dục càng giảm thì cái chốn ở càng cao ư?

Cô Ma Đăng Già lòng dâm tiêu tan hết, liền chứng Quả Thú Ba. Ông Hỏa Đầu Kim Cang các Lậu đã tiêu, chứng Vô Thượng Giác, thì có gì lạ đâu?

Ngài Quy Sơn đang đứng hầu Tô Bách Trượng.

Tô Trượng hỏi: “Ai đó?”

Ngài Quy Sơn nói : “Dạ, tôi”.

Tô Trượng nói: “Ông bới trong lò xem có lửa không?”

Ngài Quy bới, rồi nói: “Không có lửa”.

Tô Trượng đứng lên, tự mình bới sâu xuống được chút lửa, đưa ra cho xem và nói: “Ông nói là không, thế cái gì đây?”

Quy Sơn do đó phát ngộ, làm lễ tạ ơn và trình chở hiểu.

Tô nói: “Đây mới là đường rẽ tạm thời thôi. Kinh nói rằng: “Muốn rõ nghĩa Phật Tánh phải xem thời tiết nhân duyên”. Thời tiết đã đến thì như mê bỗng ngộ, như quên bỗng nhớ, mới biết cái vật ấy của ta chẳng do người mà được. Bởi thế Tô Sư nói: “Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không tâm cũng không pháp”. Chỉ cái tâm không phàm thánh hư vọng là cái Tâm Pháp bốn lai, vốn tự sẵn đủ. Ông nay đã thế, hãy khéo hộ trì”.

Ngày hôm sau, Ngài cùng Tô Bách Trượng vào núi làm việc.

Tô Trượng nói: “Đem được lửa đến không?”

Ngài Quy Sơn nói: “Đem đến được”.

Tô nói: “Ở đâu, nào?”

Ngài Quy Sơn bèn cầm lên một cành củi, thổi hai cái, đưa cho Tô Trượng.

Tô nói: “Như con trùng địch với cái cây”.

Ngài Diệu Hỷ nói: “Nếu Tô Bách Trượng không có lời nói sau, thì sẽ bị thầy Điển Tòa khinh lăm”.

Đây cũng là do hỏa đại mà lên Vô Thượng Giác vậy. Há phải quán sát cái khí nóng lạnh trong thân mới chứng viễn thông ư?

XIX. VIÊN THÔNG VỀ ĐỊA ĐẠI

Kinh: Ngài Trì Địa Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lê dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi nhớ xưa kia, khi Đức Phật Phổ Quang xuất hiện giữa đời, tôi làm Tỳ Kheo, thường ở nơi các nẻo đường bến đò, chỗ đất hiểm trở eo hẹp không đúng quy tắc, có thể làm hư hại ngựa xe, tôi đều đắp bằng. Hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát, siêng năng khổ nhọc như thế trải qua vô lượng Phật xuất hiện ra đời. Hoặc có chúng sanh ở nơi chợ búa, cần người mang đồ vật thì tôi tình nguyện mang hộ đến nơi, để đồ xuống là đi ngay, không lấy tiền thuê.

“Khi Đức Phật Tỳ Xá Phù ra đời, thế gian phần nhiều đói kém, tôi công giúp người không kể gần xa, chỉ lấy một đồng tiền. Hoặc có xe bò bị lún sình lầy, tôi dùng thân lực đẩy giúp bánh xe, gỡ khỏi khổ nǎo. Vị vua trong nước thời ấy thiết trai thỉnh Phật, lúc ấy tôi sửa sang đường đất bằng phẳng chờ Phật đi qua. Đức Phật Tỳ Xá xoa đánh đầu tôi mà nói: “Hãy bình đẳng nơi tâm địa, tức đất đai thế giới, tất cả đều bình”. Tâm tôi liền khai ngộ, thấy vi trần nơi thân thể cùng với vi trần tạo thành thế giới đều bình đẳng không sai biệt. Tự tánh của vi trần không xát chạm nhau, cho đến các thứ đao binh cũng không chỗ nào đụng chạm. Tôi ở trong pháp tánh ngộ vô sanh nhẫn, thành A La Hán. Hồi tâm về, nay vào trong địa vị Bồ Tát, nghe các Đức Như Lai bày chỗ Tri Kiến Diệu Liên Hoa của Phật, thì tôi chứng minh trước tiên mà làm vị Thượng Thủ.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do chánh quán hai thứ trần nơi căn thân và nơi thế giới đều bình đẳng không sai biệt, vốn là Như Lai Tạng mà hư vọng phát ra trần tướng. Trần tướng tiêu tan, trí huệ liền tròn sáng, thành Đạo Vô Thượng, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Các pháp bình đẳng, nào có cao thấp. Tâm địa nếu bình đẳng, phân biệt chẳng sanh thì chẳng thấy mọi tướng đây kia, cao thấp, tức là tất cả đều bình. Bồ Tát Trì Địa do đây mà ngộ nhập Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh. Tánh Sắc Chân Không, Tánh Không Chân Sắc, tự tánh của vi trần không xát chạm nhau, vốn tự bình đẳng, vốn tự vô sanh vậy. Vi trần này đây bên trong là thân trần, do vi trần tích tập; ngoài là giới trần, cũng do vi trần tích tụ. Vi trần ấy nguyên là

không tự tánh, chỉ có trong hư vọng. Hiện là chốn hư vọng, ngay đây là vô sanh, tức đó là Diệu Chân Như Tánh.

Cái sắc thân này của ta, chính là Diệu Chân Như Tánh. Tức cái cõi Sắc này cũng là Diệu Chân Như Tánh. Tánh vốn không hai, sắc trần nào có sai biệt. Đã không sai biệt, thì cho đến đao binh cũng không có chỗ nào để đụng chạm. Ngộ pháp tánh ấy thì xúc chạm vốn chẳng sanh ra, xúc tức là không xúc, đó là vô sanh nhẫn, vào tri kiến Phật. Nhập tri kiến Phật thì gọi là trí, tức là sắc trần vốn chẳng phải sắc trần, thế nên trần tự tiêu tan. Đó là chẳng lìa sắc trần mà thấu đạt trí huệ, thì trí huệ tròn đầy. Trí huệ tròn khắp mới tự chứng sáng suốt được cái pháp Liên Hoa mầu nhiệm mà thành Vô Thượng Giác.

Tổ Quy Sơn một hôm chỉ đám ruộng hỏi Ngài Ngưỡng Sơn: “Mẫu ruộng kia, phải đầu kia cao đầu này thấp?”

Ngài Ngưỡng Sơn nói: “Lại là đầu kia cao, đầu này thấp!”

Tổ nói: “Ông không tin, đứng ở giữa mà nhìn hai đầu xem”.

Ngài Ngưỡng Sơn nói: “Chẳng cần phải đứng giữa, mà cũng không trụ hai đầu”.

Tổ Quy Sơn nói: “Nếu thế thì đổ nước vào xem, nước hay làm bằng phẳng vật”.

Ngài Ngưỡng nói: “Nước cũng vô định, xứ cao bằng cao, xứ thấp bằng thấp!”

Tổ Quy Sơn bèn thôi.

Như hai cha con Quy, Ngưỡng hai bên chǎng lập, mà Trung Đạo cũng chǎng thèm ở, thế có thể nói là khéo bình tâm địa, nên tất cả đều bình.

Có Hòa Thượng Đả Địa (26), lãnh được ý chỉ của Giang Tây Mã Tồ, thường che giấu chõ sáng suốt. Phàm có người tu học đến hỏi, thì chỉ lấy cây gậy đánh xuống đất mà chỉ bày. Thời ấy gọi Ngài là Đả Địa Hòa Thượng. Hôm nọ, bị nhà sư kia đánh mất cây gậy, rồi mới hỏi. Ngài chỉ hả miệng ra mà thôi.

Nhà sư hỏi học trò của Ngài: “Hòa Thượng thường ngày có người hỏi liền đánh xuống đất, ý chỉ thế nào?”

Người học trò liền lấy một miếng cùi trong bếp lửa bỏ vào nồi.

Chǎng thấu suốt hết “Tràn tiêu trí tròn đầy”, đắc vô sanh nhẫn thì chǎng có thể hiểu được ý chỉ này.

XX. VIÊN THÔNG VỀ THỦY ĐẠI

Kinh: Ngài Nguyệt Quang Đồng Tử liền từ chõ ngồi đứng dậy, đánh lẽ dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi nhớ hằng sa kiếp về trước, có Đức Phật ra đời, hiệu là Thủy Thiên, dạy hàng Bồ Tát tu tập pháp quán về nước, để vào Tam Ma Địa. Quán ở trong thân, tánh nước không gì ngăn ngại: ban đầu từ nước mắt, nước mũi, cho đến tất cả các thứ tân, dịch, tinh, huyết, đại tiểu tiện, xoay vần trong thân, đồng một tánh nước. Thấy nước trong thân cùng nước các biển hương thủy của các cõi Phật ở ngoài thế giới đều bình đẳng không sai biệt.

“Khi ấy, tôi mới thành tựu pháp quán này, chỉ mới thấy nước, chưa được không thân. Lúc đó, đang làm Tỳ Kheo, ngồi thiền trong phòng, tôi có người học trò lén nhòm cửa sổ thấy trong phòng chỉ toàn nước trong, đầy khắp cả phòng ngoài ra không thấy gì khác. Nhỏ dại không biết, lấy một miếng ngói ném vào trong nước, chạm vào nước phát ra tiếng, ngó quanh rồi bỏ đi.

“Sau, tôi xuất định liền cảm thấy đau tim, cũng như Ông Xá Lợi Phất bị quỷ Vi Hại đập. Tôi tự suy nghĩ: Nay đã đắc quả A La Hán, duyên bệnh đã lìa từ lâu, vì sao hôm nay bỗng sanh đau tim, chẳng lẽ lại bị lui sụt?

“Khi ấy, đồng tử vừa đến, nói cho tôi nghe sự việc trước. Tôi mới bảo rằng: “Khi ngươi lại thấy nước, hãy mở cửa vào trong nước, lấy miếng ngói ấy ra”. Đồng tử vâng lời.

“Tôi lại nhập định, đồng tử lại thấy nước với miếng ngói rõ ràng, bèn mở cửa lấy ra.

“Sau khi xuất định, thân thể tôi lại như cũ.

“Tôi đã gặp vô lượng Phật, như thế cho đến Đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai mới được mắt sạch thân, cùng với các biển hương thủy của mười phương thế giới đồng một tánh Chân Không, không hai, không khác. Nay ở nơi Đức Như Lai, được tên là Đồng Chân, dự hội Bồ Tát.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do quán thấy tánh nước, một vị suốt thông, đắc vô sanh nhẫn, tròn đủ Bồ Đề, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Mặt trăng là Thủy Tinh vậy. Tánh nước tròn sáng, nên hiệu là Nguyệt Quang. Mới đầu hết, tu tập quán về nước, quán sát tánh nước không gì ngăn ngại. Tinh huyết bên trong, biển các cõi nước bên ngoài, hình tướng của nước tuy khác, nhưng tánh nước không ngăn ngại. Vì chẳng ngăn ngại nhau, nên mới tựu thành pháp quán này thì chỉ thấy nước, đây là cái định Mười Biển Xứ vậy. Nhập định thì có, xuất định thì không. Mười Biển Xứ là: Xanh, Vàng, Đỏ, Trắng, Đất, Nước, Lửa, Gió, Không, Thức. Như quán tướng màu xanh thì tất cả chõ đều xanh. Cái quả của định này tùy tâm biến hiện. Định Hóa Quang cũng vậy, tuy được định này, nhưng căn bản vô minh vẫn còn, nên chưa hết nhân duyên của bệnh, chưa mất được thân, vẫn còn ngã kiến, tức đó là căn bản vô minh.

Chỉ thấy là nước, hết thấy đều là nước, nên miếng ngói ném vào cũng hóa thành nước. Ngài Xá Lợi Phất nhập định ở bờ sông Hằng, bị quỷ Vi Hại đánh, khi xuất định thấy đầu đau. Phật dạy: “Ông mà không có định lực thì thân thể tan nát rồi”. Vi Hại là tên của Vua quỷ Dạ Xoa, có oán thù đời trước với Ông Xá Lợi Phất.

“*Phù Tràng Vương Sát*”, thì theo kinh Hoa Nghiêm, trong biển Hoa Tạng có một hoa sen lớn, trong hoa sen ấy có các biển Hương Thủy. Mỗi một biển Hương Thủy là chủng tử của thế giới cõi Phật. Thế giới Hoa Tạng ở trong biển Hương Thủy nên gọi là Phù Tràng Vương Sát. Mười hai lớp Hoa Tạng xếp cao như cây phuồn (tràng). Cao hơn hết nên gọi là Vua (Vương).

Ngài Nguyệt Quang mới chứng Pháp Thân, mới được mắng đi cái thân biến dịch, cùng với các biến Hương Thủy đồng tánh Chân Không. Trong Như Lai Tạng, Tánh Thủy là Chân Không, Tánh Không là Chân Thủy, bản nhiên thanh tịnh, toàn khắp pháp giới, một vị suốt thông, cùng mắng luôn cái tướng chẳng ngăn ngại nhau. Đây là ý theo thủy đại mà chứng viên thông, gấp vô lượng Phật, mới thành tựu được. Há dễ nói sao?

Ngài Động Sơn từ giã Tồ Vân Nham.

Khi sắp đi, Ngài hỏi: “Trăm năm sau, bỗng có người hỏi: “Có được chút ít cái chân thật của thầy không?” Thì trả lời thế nào?”

Tồ Nham im lặng hồi lâu, nói: “Chỉ thế đó”.

Ngài Động Sơn trầm ngâm.

Tồ nói: “Này Xà Lê Giới, nhận lãnh việc ấy, rất cần thâm xét tinh tế”.

Ngài còn nghi ngờ.

Sau này nhân đi qua giòng nước thấy bóng mình mà đại ngộ, có bài kệ rằng:

*“Rất kỵ nơi khác tìm
Càng xa mình lầm lầm
Ta nay tự mình qua
Chốn chốn đều gặp Nó
Nó nay chính là ta
Ta nay chẳng là Nó”*

*Cần phải hiểu như thế
Mới khép Nhu Nhu”.*

Ngài Động Sơn đến đây mới được măt thân, tánh đồng Chân Không, không hai, không khác.

Hòa Thượng Thuyền Tử khi sắp từ giã bạn đồng học là Ngài Đạo Ngô, nói với Ngài Đạo Ngô rằng: “Sau này có vị Tào Chủ giảng kinh lanh lợi thì chỉ đến, nhé!”

Ngài Đạo Ngô đến Kinh Khẩu, gấp lúc Ngài Giáp Sơn thượng đường có vị tăng hỏi: “Nhu sao là Pháp Thân?”

Ngài Giáp Sơn nói: “Pháp Thân không có tướng”.

Hỏi: “Nhu sao là Pháp Nhã?”

Ngài Sơn đáp: “Pháp Nhã không có vệt”.

Đạo Ngô bất giác bật cười.

Ngài Giáp Sơn bèn xuống tòa hỏi Đạo Ngô: “Vừa rồi đáp lại vị tăng, chắc có chỗ không đúng, khiến Thượng Tọa bật cười, mong Thượng Tọa chặng tiếc từ bi dạy cho”.

Đạo Ngô nói: “Hòa Thượng bậc nhất ra đời mà chưa có thầy, hãy đến Hoa Đinh tham học Thuyền Tử Hòa Thượng đi”.

Hỏi rằng: “Hỏi thăm có được chặng?”

Đạo Ngô nói: “Người ấy trên thì không miếng ngói che đầu, dưới thì không chút đất để cắm dùi!”

Giáp Sơn bèn thay y phục đến thăng Hoa Đinh.

Ngài Thuyền Tử vừa thấy, bèn hỏi: “Đại Đức trụ chùa nào?”

Đáp: “Chùa túc chǎng trụ, trụ túc chǎng giống”.

Hỏi: “Chǎng giống thì chǎng giống cái gì?”

Đáp: “Chǎng phải là pháp trước mắt”.

Hỏi: “Vậy học được cái gì?”

Đáp: “Chǎng phải chõi đến của tai mắt”.

Nói rằng: “Một câu hợp đầu ngũ, muôn kiếp đóng cọc lừa. Khám phá xong rồi vậy!”

Ngài Thuyền Tử lại nói: “Thả nhẹ xuống ngàn thước, ý chỉ tại đầm sâu, ngoài lưỡi câu ba tấc, sao ông không nói?”

Giáp Sơn định mở miệng, Ngài liền dùng cây sào đánh rót xuống nước. Vừa leo lên thuyền, lại hét: “Nói, nói!” Giáp Sơn định mở miệng, lại đánh. Giáp Sơn bỗng nhiên đại ngộ, bèn gật đầu ba cái.

Ngài Thuyền Tử nói: “Sợi nhẹ đầu cần theo ông giõn, chǎng phạm sóng trong ý tự riêng. Chút ít đó là nổi thầy vậy”.

Giáp Sơn bèn hỏi: “Quăng nhẹ, thả câu, ý thầy thế nào?”

Đáp: “Nhẹ thả nước trong, nào định ý hũu vô”.

Giáp Sơn nói: “Lời mang huyền diệu mà không lộ (đường), đầu lưỡi luận đàm mà chǎng đàm”.

Ngài Thuyền Tử nói: “Câu hết sóng trên sông, cá vảy vàng mới gấp”.

Giáp Sơn bèn bịt tai.

Ngài Thuyền Tử nói: “Như thế, như thế. Quả nhiên gã Tòa Chủ lanh lợi!”

Bèn phó chúc rằng: “Ông về sau, chỗ ăn thân cần không dấu vết, chỗ không dấu vết chó ăn thân. Ta hai mươi năm ở Được Sơn chỉ rõ biết việc này. Ông nay đã được, về sau chẳng được nương dùng phố xá, xóm làng; chỉ hướng về núi sâu, bên cái bùa lớn, tìm lấy một người, nửa người, tiếp tục chó đẻ dứt mất”.

Ngài Giáp Sơn từ giã ra đi, cứ luôn ngó trở lại.

Ngài Thuyền tử bèn gọi: “Xà Lê, Xà Lê!”

Giáp Sơn quay đầu.

Thuyền Tử dựng mái chèo lên, nói: “Ông sắp nói là có từ biệt”.

Rồi lật thuyền xuống nước mà lia đời.

Sau này, ở Hoa Đinh, có am chủ Tánh Không gởi thơ cho thiền sư Tuyết Đậu Trì, viết: “Tôi sắp thủy táng đó”.

Sau đó, Ngài Tuyết Đậu Trì đến nơi, thấy vị này vẫn hãy còn, bèn làm bài kệ bõn rằng: “Thương thay lão Tánh Không. Quyết muôn nuôi cá tranh. Đi chẳng dẫn tánh đi. Chỉ lo nói với người”.

Ngài Tánh Không cười, rằng: “Đợi Huynh đến chứng minh đó!”

Rồi báo với đại chúng.

Đại chúng họp lại, Ngài dạy pháp yếu rồi đọc bài kệ:

“*Ngồi chết, đứng mắt
Chẳng bằng thủy táng!
Một, đõi cùi lửa
Hai, đõi đào mồ
Buông tay là đi
Ngại gì, khoái sướng
Ai bạn tri âm?
Hòa Thượng Thuyền Tử!
Ai kế nghiệp quý trăm ngàn năm?
Một khúc ngư ca ít người xướng*”.

Bèn ngồi trong một cái ảng, xuôi dòng trôi xuống. Chúng đều chạy theo cho đến cửa biển nhìn theo muôn mút mắt. Sư lấy cái gùi tát nước mà trở lại, chúng che mắt xem, nước không vào chút nào. Rồi Ngài lại theo dòng mà đi, xướng lên rằng:

“*Năm nay Thuyền Tử về cổ hương
Chốn không tung tích, diệu không lường
Chân phong riêng gởi tri âm đó
Tiêu sắt thổi ngang, chốn hợp tan*”.

Tiếng tiêu vang vọng giữa khoảng trời xanh mênh mông trong chốc lát, rồi thấy Ngài quăng ống tiêu lên không mà mất.

Đây quả là một vị lưu thông (28), đặc vô sanh nhẫn vậy.

Có nhà sư hỏi Tô Vân Môn: “Phật Pháp như bóng trăng trong nước, có thật chăng?”

Tô Môn nói: “Sóng xanh không đường thấu”.

Hỏi: “Hòa Thượng từ đâu mà vào được?”

Tô Môn nói: “Lời hỏi ấy từ đâu đến?”

Hỏi: “Chính ngay lúc ấy thì như thế nào?”

Tô Môn nói: “Trùng điệp lối quan sơn”.

Cần phải đến gặp Thuyền Tử mới được!

XXI. VIÊN THÔNG VỀ PHONG ĐẠI

Kinh: Ngài Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi nhớ hằng sa kiếp về trước, có Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh, khai thị Tánh Bồn Giác Diệu Minh cho hàng Bồ Tát, và dạy quán thế giới và thân chúng sanh này đều là do sức lay động như gió của vọng duyên chuyển biến ra. Tôi lúc bấy giờ quán sự an lập của không gian, quán sự trôi chuyển của thời gian, quán cái ngừng, cái động của thân, quán cái động niệm của tâm thức, các cái động đều không hai, bình đẳng không sai biệt. Khi ấy, tôi giác ngộ rằng cái tánh của các động này đến không từ đâu, đi không đến đâu. Tất cả chúng sanh điên đảo trong mười phương nhiều như vi trần đồng một hư vọng. Như vậy cho đến tất cả chúng sanh trong một tam thiên đại thiên thế giới, như hàng trăm con muỗi mòng nhốt trong một đồ vật vo ve kêu loạn ở trong gang tấc, rồi rít ồn ào.

“Tôi gặp Phật chưa bao lâu thì được vô sanh nhẫn. Khi ấy, tâm khai mở, mới thấy cõi Phật Bất Động ở phương Đông; làm vị Pháp Vương Tử thừa sự mười phương Phật, thân tâm phát ánh sáng, rỗng suốt không ngại.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do quán sát sức lay động như gió vốn không chỗ nương, ngộ Bồ Đề Tâm, vào tam ma địa, hợp cùng một diệu tâm của mười phương Chư Phật, được truyền dạy, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Phương Đông có Lưu Ly Quang Như Lai, hạnh nguyện cũng như Phật Di Đà không khác. Vị Pháp Vương Tử cũng như Đức Quan Âm, Thế Chí vậy.

Sao là quán sát sức lay động như gió không chỗ nương mà vào tam ma địa?”

Tánh gió là động, do động mà có tiếng nên Phật Vô Lượng Thanh chỉ dạy hàng Bồ Tát quán các chúng sanh của thế giới này cũng như hàng trăm con muỗi mòng nhốt trong một đồ vật, vo ve kêu loạn, đều là sức lay động của vọng duyên chuyển biến ra. Cái động của gió thì rất vi tế, mà sức của gió thì rất lớn, đầy khắp pháp giới. Cái động và dừng của thân, cái động niệm của tâm thì gần mà có thể thấy. Còn cái chuyển đổi của không gian, cái trôi chảy của thời gian thì xa xôi nên khó thấy. Dầu khó thấy hay dễ thấy, đều là cái động này. Tánh của cái động này đến không từ đâu, đi không đến đâu, toàn khắp thế gian, không có nơi chốn. Vì không nơi chốn, nên vốn không sanh diệt. Vì không sanh diệt, vốn tự chẳng động. Ở chỗ ấy mà quán sát, đắc vô sanh nhẫn, tức là

ngộ Bồ Đề, vào tam ma địa vậy. Đây là trong cái động có tánh chăng động, chăng phải là lìa ngoài cái động mà có riêng cái gọi là chăng động.

Phương Đông thuộc Chấn. Chấn là động. Phương Đông có cõi Phật Bất Động, tức là động mà tĩnh, đây là ý chỉ của Bồn Giác Diệu Minh vậy. Tánh Giác Diệu Minh vốn tự chăng động. Bồn Giác Minh Diệu là động mà chăng động. Nói tóm lại, tất cả chỉ là một Tánh Diệu Chân Như. Mười phương Chu Phật cùng một diệu tâm này. Nếu lìa động để cầu tĩnh, tức là chăng phải diệu vậy. Cái bồn giác cứng bền như kim cương trong sáng, phong và kim xát nhau, nên ánh sáng như lưu ly, rỗng suốt không ngại. Truyền một diệu tâm, thì không những tự chứng viên thông mà còn khiến chúng sanh trong thế giới, hễ có tánh động này đều chứng suốt một viên thông vậy.

Sa di Cao ban đầu ra mắt Tồ Dược Sơn.

Tồ Dược Sơn hỏi: “Ở đâu đến?

Đáp: “Nam Nhạc đến”.

Tồ hỏi: “Đi đến đâu?”

Đáp: “Đến Giang Lăng thọ giới”.

Tồ hỏi: “Thọ giới để làm gì?”

Đáp: “Để khỏi sanh tử”.

Tồ nói: “Có một người chăng thọ giới, cũng chăng có sanh tử để khỏi, ông có biết chăng?”

Sa di Cao ngay dưới lời nói, đại ngộ mà nói: “Như thế thì giới của Phật nào có dùng!”

Tổ Sơn nói: “Sa Di này còn treo môi răng đấy”.

Thầy Cao lẽ bái rồi lui ra.

Ngài Đạo Ngô đến đứng hầu, Tổ Dược Sơn nói: “Vừa rồi có anh Sa Di què giờ, có được chút ít hơi hám”.

Đạo Ngô nói: “Chưa thể tin hoàn toàn, cần khám nghiệm mới được”.

Đến tối, Tổ Dược Sơn thương đường gọi rằng: “Sa Di mới đến hồi sáng đâu rồi?”

Thầy Cao bước ra khỏi chúng, đứng.

Tổ Dược Sơn hỏi: “Ta nghe Trường An rất náo nhiệt, ông có biết chăng?”

Thầy Cao nói: “Nước con hằng yên ổn”.

Tổ hân hoan hỏi: “Chú do xem kinh mà được hay do hỏi Pháp mà được?”

Thầy Cao nói: “Chẳng do xem kinh được cũng chẳng do hỏi Pháp được”.

Tổ Sơn nói: “Vậy có người chẳng xem kinh, chẳng hỏi Pháp, vì sao chẳng được?”

Thầy Cao nói: “Không nói chẳng có được, chính vì kẻ kia chẳng chịu nhận lãnh”.

Tổ Sơn quay lại nhìn Đạo Ngô.

Ngài Vân Nham thì nói: “Chẳng tin đạo!”

Ngài Đầu Tử tụng rằng:

“*Hưng vong mây đến với mây đi
Y không quốc độ, bắt trần ai
Đỉnh Tu Di ấy, cây không rẽ
Chẳng đợi gió xuân, hoa tự khai*”.

Như chõ thấy của Sa Di, thật là thấy cõi Phật Bất Động ở phương Đông, chẳng bị sức gió vọng duyên chuyển đổi vậy.

Ngài Ma Cốc chống tích trượng đến Ngài Chương Kính, đi quanh thiền sàng ba vòng, động tích trượng một cái, ngang nhiên mà đứng.

Tổ Kính nói: “Phải, phải”.

Ngài lại đến Nam Tuyền, đi quanh thiền sàng ba vòng, động tích trượng một cái, ngang nhiên mà đứng.

Tổ Tuyền nói: “Chẳng phải, chẳng phải”.

Ngài Ma Cốc nói: “Ngài Chương Kính nói “Phải”, Hòa Thượng vì sao nói “Chẳng Phải”?”

Tổ Tuyền nói: “Chương Kính thì phải, chính ông chẳng phải”.

Đây là sức gió chuyền, rốt cuộc hư hoại.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“*Chính ông chẳng phải
Kìa xem cuốn, mở*”

Tợ trải, tờ co
 Khó anh, khó em
 Thả ra: kia đã đến thời
 Năm lại: ta nào lạ chố
 Trương vàng một động, thái cô (29) nêu
 Thiên sàng ba vòng, nhàn du hý
 Tùng lâm rồi rầm, thị phi sanh
 Tưởng tượng, trước sọ khô thấy quý”.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

“Đây lâm, kia lâm!
 Rất kỵ năm bở
 Bốn biển sóng bằng
 Trăm sông đổ lại
 Ý cổ cao xa mười hai cửa
 Cửa cửa đường hoang, luống tiêu điếu
 Chẳng tiêu điếu
 Thiên giả khéo câu “Không-bệnh thuốc”.

Nếu biết cái thuốc “Không-bệnh”, thì thị phi ở chốn tùng lâm nào có sanh ra, tự chẳng gió nào chuyển được.

XXII. VIÊN THÔNG VỀ KHÔNG ĐẠI

Kinh: Bồ Tát Hư Không Tạng liền từ chố ngồi đứng dậy, đánh lẽ dưới chân Phật mà thưa rằng: “Tôi cùng Đức Như Lai chứng được thân vô biên nơi Phật Định Quang. Lúc ấy, tay tôi cầm bốn hạt bảo châu lớn soi sáng mười phương cõi Phật số như vi trần đều hóa thành hư không. Lại nơi tự tâm, hiện gương tròn lớn, trong ấy phóng ra mười thứ hào quang vi diệu

quý báu, tràn khắp mười phương, cùng tột bờ cõi hư không. Các cõi Phật đều vào trong gương “Đại Viên Cảnh” ấy, nhập vào thân tôi. Thân đồng hư không chẳng có gì ngăn ngại, thân lại khéo vào vi tràn quốc độ rộng làm Phật sự, được đại tuỳ thuận. Đại thần lực này là do tôi chánh quán bốn đại không chỗ nương, vọng tưởng sanh diệt và hư không không hai, cõi Phật vốn đồng. Do phát minh được tánh đồng, đắc vô sanh nhẫn.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do quan sát hư không vô biên, vào tam ma địa, diệu lực tròn sáng, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Bồ Tát Hư Không Tạng đã cùng Như Lai ở nơi Phật Định Quang, chứng đắc Ba Thân, Bốn Trí. Trong ba Thân, thì chỉ trọng Pháp Thân, nên nói “Đắc Thân Vô Biên”. Bốn Trí thì chỉ trọng Đại Viên Cảnh Trí, nên nói “Lại ở nơi tâm, hiện gương tròn lớn”.

Pháp Thân vô biên, hư không không ranh giới, vì sao lại có thể cùng với bốn đại chẳng hề ngăn ngại nhau? Bởi do đế quán bốn đại không chỗ nương, tánh sắc là không, nên bốn đại là thanh tịnh, giống như ngọc báu. Dùng sức quán chiếu, soi sáng mười phương hóa thành hư không. Tức bốn đại là hư không, hư không là Pháp Thân, có gì ngăn ngại! Vốn là một Đại Viên Cảnh Trí, vì sao phóng ra mười thứ ánh sáng? Ấy là do tu hành mười thứ Ba La Mật, tròn đầy vi diệu vậy.

Gồm hết trong gương tự tại phát hiện, tràn khắp mười phương, cùng tột bờ mé hư không. Chỉ một cái gương thu nhiếp hết, thì gương ấy là thân, và thân tức là gương vậy. Ba

Thân túc là bốn Trí, bốn Trí đó là ba Thân. Thân, Trí dung hợp nhau, tâm và cảnh đều chuyển hoá, nên nói “Các cõi Phật đều nhập vào trong gương, hòa vào thân tôi”. Ánh sáng và bóng ảnh giao nhau lẫn nhau, không thể phân biệt. Vì thân là trí, nên đồng hư không, chẳng ngăn ngại nhau. Vì trí là thân, nên khéo vào các cõi nước; rộng làm Phật sự, thuyết pháp Tam Thùra, được đại tùy thuận. Thấy vọng tưởng sanh diệt túc là hư không, hư không và vọng tưởng sanh diệt không hai. Thấy cõi nước túc là Phật Tánh, Phật Tánh và cõi nước không khác. Lý chẳng ngại sự, sự chẳng ngại lý. Ở trong tánh đồng mà phát minh được, đắc vô sanh nhẫn, chứng Hư Không Vô Biên Thân, diệu lực tròn sáng, thân và cõi nước nhập vào nhau, đó là chỉ chứng “Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới”.

Nếu gương-gương chiếu nhập lẫn nhau, trùng trùng lưới báu, một túc tất cả, tất cả túc một, mới là “Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới”. Chỉ Như Lai chứng, nên Ngài Bồ Tát Hư Không Tạng còn ở trong hàng đệ tử vậy. Đó là vì còn mắc vướng trong Hư Không Vô Biên Xứ, còn thân để đắc vậy.

Tô Hoàng Bá nói: “Chân Pháp Thân Phật giống như hư không. Đây là tỷ dụ Pháp Thân túc hư không, hư không túc Pháp Thân. Người thường nói rằng Pháp Thân cùng khắp hư không, trong hư không hàm chứa Pháp Thân mà chẳng biết rằng Pháp Thân túc hư không, hư không túc Pháp Thân đó vậy. Nếu nói nhất định có hư không thì hư không chẳng phải là Pháp Thân. Nếu nói nhất định có Pháp Thân, thì Pháp Thân chẳng phải là hư không. Chỉ đừng khởi ra cái hiểu biết về hư không, thì hư không túc Pháp Thân. Chỉ không khởi ra cái

hiểu biết về Pháp Thân, thì Pháp Thân tức hư không. Hư không và Pháp Thân không có tướng khác nhau. Sanh tử và Niết Bàn không khác tướng. Lìa tất cả tướng, tức đó là Phật”.

Như lời nói của Tổ Hoàng Bá đây, thật là thấy rõ cái Thân Vô Biên của Hư Không Tạng Bồ Tát vậy.

Tổ Tào Sơn hỏi Thượng Tọa Đức: “Chân Pháp Thân Phật, giống như Hư Không, ứng vật hiện hình, như trăng trong nước, làm sao nói cái đạo lý ứng hiện đó?”

Thầy Đức nói: “Như lừa dòm giếng”.

Tổ Sơn: “Nói thì quá lầm, mà chỉ nói được tám tướng (30)!”

Thầy Đức nói: “Hòa Thượng thì thế nào?”

Tổ Sơn nói: “Như giếng dòm lừa”.

Ngài Thiên Đồng tung rằng:

*“Lừa dòm giếng, giếng dòm lừa
 Trí gồm khắp, không gì ngoài
 Tràn đầy, thanh tịnh có thừa
 Sau cùi chỏ ai phân ấn
 Trong nhà chẳng chừa sách, thơ
 Khung cùi nào quản chuyện thoi đưa
 Màu sắc đọc ngang ý tự khác!”*

Rõ chỗ này thì có thể biết “Khéo vào cõi nước”, như giếng dòm lừa. Vốn tự chẳng sanh, thì hợp với hư không!

XXIII. VIÊN THÔNG VỀ THỨC ĐẠI

Kinh: Đức Di Lặc Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi nhớ vi trần kiếp về trước, có Đức Phật ra đời tên là Nhật Nguyệt Đăng Minh, tôi được xuất gia theo Đức Phật ấy, nhưng tâm còn trọng danh đời, thích giao du với hàng vọng tộc. Lúc ấy, Đức Thế Tôn dạy tôi tu tập định Duy Tâm Thức vào Tam Ma Địa. Trải nhiều kiếp đến nay, dùng tam muội ấy phụng sự hằng sa Phật, cái tâm cầu danh đời diệt hết không còn. Đến khi Đức Phật Nhiên Đăng ra đời, tôi mới đắc thành “Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm Tam Muội”. Cho đến tận hư không các cõi nước của Như Lai do, sạch, có, không, đều là sự biến hóa hiện ra của tâm tôi. Thưa Thế Tôn, tôi thấu rõ Duy Tâm Thức như thế, nơi thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai. Nay được thọ ký, kế tiếp làm Phật.

“Phật hỏi về viên thông, tôi do để quán mười phương đều Duy Thức, thức tâm tròn sáng, chứng nhập Viên Thành Thật Tánh, xa lìa Y Tha Khởi Tánh và Biến Kế Chấp Tánh, đắc vô sanh nhẫn, đó là thứ nhất”.

Thông rằng: “Tôi do để quán mười phương Duy Thức”. Hai chữ *Duy Thức* ý vị thật sâu xa. Chữ *Duy* che mắt cái cảnh đang có, chữ *Thức* rút về tâm không. Lại nữa, *Thức* để nói tất cả mọi sự *hiện bày*, *Duy* để nói *che hết*. Hiện bày tất cả ấy, là nói tất cả hữu tình đều có tám thức, sáu vị tâm sở, cùng hai kiến phần và tướng phần được biến hiện ra, đều là sai biệt nhau, cùng với cái lý Không để hiển bày Chân Như, tất cả các pháp như vậy đều chẳng rời thức, cho nên dùng chữ thức để hiển bày tất cả vậy. *Che hết* là vì hạng phàm phu chấp rằng lìa

ngoài tâm thức thật có các pháp, nên dùng chữ Duy, để che hết cái kiến của phàm phu vậy.

Thức tâm tròn sáng, chứng nhập Viên Thành Thật Tánh là do ban đầu tu tập định Duy Tâm Thức, đến chõ thành tựu Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm Tam Muội, đã chuyển thức thành trí, nên nói là nhập vào Viên Thành Thật Tánh. Khi chưa chuyển được thức, ban đầu bị cảnh trói buộc, đó là thô hoặc (31), gọi là Biến Kế Chấp. Kế đó là bị pháp trói buộc, đó là tế hoặc (32), gọi là Y Tha Khởi.

“*Tâm trọng danh đòi, ưa giao du với hàng vọng tộc*”, đó là tướng dạng của Biến Kế Chấp. “*Cái Tâm cầu danh đòi diệt hết không còn*”, đó là tướng dạng của Y Tha Chấp vậy. Cho đến “*Thấu rõ Duy tâm thức như thế, noi thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai*” là tướng dạng của Viên Thành Thật Tánh vậy.

Kinh Giải Thâm Mật nói: “Biến Kế Chấp là như người nhăm mắt; Y Tha Khởi là như hiện ra xanh, vàng; Viên Thành Thật là như mắt trong sáng”.

Luận Bảo Trượng nói, “Như người thấy vật động đập cho là rắn, nhưng khi nhìn kỹ thấy là sợi dây, thì cái tâm nghi là rắn không phải đoạn trừ mà tự hết. Đó là lìa Biến Kế Chấp. Nhưng dây vẫn còn. Lại xem kỹ lưỡng nó mà nói “Chẳng phải dây mà là sợi gai”; liền cái tâm chấp là dây lại chẳng đoạn trừ mà tự hết. Đó là lìa Y Tha Khởi Chấp”.

Sợi gai và dây vốn là một, có bện lại gọi là dây, không bện gọi là gai, là để dụ cho tánh và thức vốn là một. Có trói buộc thì gọi là thức, không trói buộc gọi là tánh. Đến chõ rõ

thấy Duy Thức thì ngoài thức không có tánh; thức đó là tánh. Tức Đệ Bát Thức là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh vậy.

Đã lìa Y Tha Khởi cùng Biến Ké Chấp, át tiêu tan chủng tử sanh diệt, mà y theo cái Chân Tánh chẳng sanh, chẳng diệt, nên đắc vô sanh nhẫn. Đó là tất cả cõi nước do sạch, có không đều là chỗ biến hiện của tâm. Ta chẳng phân biệt, thì hiện đây là tịch diệt, ngay nơi tướng phần chứng vô sanh nhẫn.

“*Thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai*”, ấy là Lý tức Pháp Thân, Trí tức Báo Thân, Hạnh tức Hóa Thân. Trí tức Văn Thủ, Hạnh tức Phổ Hiền, Bi tức Quán Thế Âm, đều từ Nhất Tâm lưu xuất. Ta không có sự phân biệt, thì hiện đây là tịch diệt, ngay nơi kiến phần chứng vô sanh nhẫn”.

Ngài Pháp Nhãm tụng rằng:

“*Ba cõi Duy Tâm
 Mắt thanh, tai sắc
 Sắc chẳng đến tai
 Thanh nào chạm mắt!
 Mắt sắc, tai thanh
 Vạn pháp thành khác
 Muôn pháp chẳng duyên
 Nào quán như huyền?
 Đất đai sông núi
 Chi bền, chi biến?*”.

Tổ Pháp Nhãm, thức tâm tròn sáng, mới nói được lời tròn vẹn này.

Tổ Bàn Sơn dạy rằng: “Ba cõi không pháp, nơi nào cầu tâm? Bốn Đại vốn không, Phật nương đâu trụ? Trăng sao chẳng động, lặng đứng không ngần. Đôi mặt trình nhau, còn chuyện gì nữa!”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

“*Ba cõi không pháp
Nơi nào cầu tâm?
Mây trăng làm lọng
Nước chảy làm đàn
Một khúc, hai khúc, không người hiểu
Đêm mưa ao vắng, nước thu trong*”.

Có nhà sư hỏi Tổ Thạch Sương: “Muôn cửa đều đóng thì chẳng hỏi, muôn cửa đều mở thì thấy nào?”

Tổ Sương nói: “Chuyện trong nhà thì thế nào?”

Nhà sư không đáp được. Trải qua nửa năm, mới nói được rằng: “Không người tiếp được y”.

Tổ Sương nói: “Nói thì nói cho lầm, mà chỉ nói được tám tướng”.

Nhà sư nói: “Hòa Thượng thì thế nào?”

Tổ Sương nói: “Không người biết được y!”

Ngài Đầu Tử tụng rằng:

“*Điện xưa cao ngất trăng phủ tùng
Sương ngưng, tuyết lộ, nói không cùng*

*Đối sao, nằm ngắm, nhà ngàn núi
Phật, Tổ không nhân, biết HẮN chân! ”.*

Bồ Tát Di Lặc tu tập định Duy Tâm Thức, vào Tam Ma Địa. Nay Tổ Bàn Sơn lại nói: “*Nơi nào cầu tâm?*” Tổ Thạch Sương thì nói: “*Không người biết được y!*” Hai chuyền ngữ này, đợi đời sau hạ sanh. Bồ Xứ thành Phật sẽ trùng trùng khai diễn.

XXIV. VIÊN THÔNG VỀ KIẾN ĐẠI

Kinh: Ngài Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng với năm mươi hai vị Bồ Tát đồng tu liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lê dưới chân Phật, thưa rằng: “Tôi nhớ hằng sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời, hiệu Vô Lượng Quang. Thuở ấy, mười hai vị Như Lai kế nhau thành Phật trong một kiếp. Đức Phật sau cùng, hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang, Ngài dạy tôi pháp Niệm Phật Tam Muội. Ví như có người, một bên thì chuyên nhớ, một bên thì chuyên quên thì hai người ấy, dù gặp cũng như không gặp, dù thấy cũng là không thấy. Nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ mãi, khắc sâu và tâm niệm, như thế từ đời này qua đời khác, như hình với bóng, chẳng hề xa cách nhau, mười phương Như Lai thương tưởng chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh tuy nhớ cũng chẳng được gì. Con mà nhớ mẹ, như mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con không hề ngăn cách. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện giờ hay mai sau nhất định thấy Phật, cách Phật không xa. Chẳng nhờ phương tiện, tâm tự khai ngộ, như người ướp hương, thân có mùi thơm. Đây gọi là Hương Quang Trang Nghiêm. Nhân địa căn bản của tôi là dùng tâm niệm Phật, vào

vô sanh nhẫn. Nay tôi ở cõi này tiếp dẫn người niệm Phật về nơi Tịnh Độ.

“Phật hỏi về viên thông, tôi không riêng lựa chọn mà nghiệp trọn cả sáu căn, tịnh niệm nối tiếp nhau, đắc tam ma địa. Đó là thứ nhất”.

Thông rằng: Quán kinh nói, “Dùng ánh sáng trí huệ, chiếu khắp tất cả. Nay rời ba đường, được vô thượng lực, gọi là Đại Thế Chí”. Bạn đồng tu có năm mươi hai vị Bồ Tát cũng đủ để chứng nghiệm chuyện vãng sanh Tịnh Độ là dễ thành tựu. Phàm người niệm Phật không được trong khoảnh khắc như gảy móng tay mà thấy Phật, chỉ vì niệm năm dục thế gian, đó là niệm trói buộc. Còn tịnh niệm kế tiếp nhau, như con nhớ mẹ, thì ngay hiện giờ hay về sau nhất định thấy Phật. Miệng niệm tâm nhớ, tai mắt chuyên nhất, mỗi mỗi oai nghi, đều nghiệp trọn cả sáu căn, nhất tâm không loạn. Trong chánh định như thế, chắc chắn thấy được Phật, cách Phật không xa, ánh sáng trí huệ rực rõ, chẳng mượn tu hành mà tự thành khai ngộ, như người xông ướp hương, chẳng mong thơm mà tự thơm. Đây là nguyện lực của Phật A Di Đà nhiệm mầu không thể nghĩ bàn vậy.

Ngài Đại Thế Chí đã dùng tâm niệm Phật mà đắc vô sanh nhẫn. Lại tiếp dẫn người niệm Phật về Tịnh Độ, thì tự giác giác tha đầy đủ hạnh Bồ Tát chân thật.

Sáu căn đều thuộc về kiến phần. Ở đây chú trọng về sự thấy Phật, nên dùng kiến đại để mà thu nghiệp. Kiến đại sao lại để sau thức đại? Bởi vì trước phải chuyển thức thứ tám để

chứng Hậu Đắc Trí rồi sau chuyển năm thức trước. Đã chuyển thức thành trí, sanh về Tịnh Độ của Phật là cái quả cùng cực, có sao ở sau lại còn pháp môn *Xoay Lại Cái Nghe* của Đức Quan Âm? Phàm cái chỗ quý báu của chuyện vãng sanh Tịnh Độ, chứng viên thông thì không phải chẳng những tự cho mình mà thôi, mà là độ thoát chúng sanh. Chánh như ba mươi hai Ứng Thân, chốn chốn nơi nơi đều là Tịnh Độ, đều chứng viên thông, thì sau mới tròn đủ quả Phật vậy.

Thiền sư Vĩnh Minh Thọ, thuở nhỏ tụng kinh Pháp Hoa, năm Hạnh (33) đầy đủ trong sáu tuần lễ. Sau tham học với Thiều quốc sư, phát rõ tâm yếu, đến ngọn núi Thiên Thai của Ngài Trí Giả tu định trong chín tuần (34), chim chóc làm tổ trên áo. Ngài làm hai cái thăm, khấn bói: một là, một đời thiền định; hai là, tụng kinh, muôn thiện trang nghiêm Tịnh Độ. Rồi chí thành cầu nguyện, bảy lần đều rút được tụng kinh, muôn thiện. Bèn chuyên tu Tịnh Nghiệp. Tụng kinh ba năm, trong lúc thiền quán, thấy Đức Quan Âm rót cam lồ vào miệng, bèn được biện tài.

Vua Trung Ý thỉnh Ngài trụ trì chùa Linh Ân, hai năm sau sang chùa Vĩnh Minh. Khóa biểu mỗi ngày có một trăm lẽ tám việc, không hề gián đoạn. Học giả đến tham học thì Ngài chỉ Tâm làm tông chỉ, lấy Ngộ làm phép tắc. Mỗi đêm lại sang nơi khác để tu hành niệm Phật.

Vua Trung Ý than rằng: “Từ xưa đến nay, chưa có ai chuyên tâm tha thiết cầu sanh Tây Phương cho bằng!”

Bèn làm điện Tây Phương Hương Nghiêm để Ngài hoàn thành chí nguyện. Đệ tử đến một ngàn bảy trăm người. Ngài thường cùng đại chúng thọ Giới Bồ Tát, thí thực cho quỷ thần, hàng ngày phóng sanh đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ. Làm trăm pho sách, nhan đề là Tông Cảnh Lục, lại viết các quyển Vạn Thiện Đồng Quy và Chỉ Về Tịnh Độ.

Sau khi Ngài diệt độ, tháp ở trong núi, có một nhà sư từ Lâm Xuyên đến nói: “Khi tôi bệnh nặng, chết xuống cõi u minh, được thả về. Tôi thấy trong điện Diêm Vương có tượng một vị tăng, Diêm Vương tự thân đánh lễ, tôi hỏi: “Tượng ấy là ai?”

“Vị Chủ lại nói rằng: “Đó là thiền sư Thọ ở Chẩm Châu. Nghe rằng Ngài đã vãng sanh bậc thượng phẩm ở Tây Phương. Diêm Vương kính trọng Ngài nên lễ bái”.

Ông Dương Kiệt, tự là Thứ Công, phu nhân Kinh Châu cũng trong mộng thấy Ông Kiệt ngồi trên đài hoa sen, tiêu dao tự tại. Trước kia ông Dương Kiệt thấy mặt trời như cái mâm vọt lên, có điều tò ngộ, làm bài kệ rằng:

*“Trai lớn thì cưới vợ
Gái lớn thì lấy chồng
Hỏi công phu: nhàn lắm!
Lại nói lời vô sanh”.*

Rất nên cùng Ông Bàng cư sĩ thẩm tra!

Khi ông sắp từ biệt cõi đời, có bài kệ:

“Không chi để mến
 Không chi để bỏ!
 Trong khoảng thái hư
 Ở, à, thế, đó!
 Từ an tới an
 Tây Phương Cực Lạc”.

Đó là Ngài Vĩnh Minh Thọ và Ông Dương Kiệt đều sanh về Tịnh Độ, sáng tỏ pháp Niệm Phật Tam Muội, như con nhó mẹ.

Tô Động Sơn có nói: “Đối với đạo thì chớ đi, còn quay về thì nghịch lại với cha”.

Có nhà sư hỏi Tô Tào Sơn: “Con quay về với cha, sao cha chẳng thèm nhìn đến?”

Tô Sơn nói: “Lý hợp như thế đấy!”

Nhà sư hỏi: “Thế thì ân tình cha con ở đâu?”

Tô Sơn nói: “Thế mới thành ân tình cha con”.

Nhà sư hỏi: “Thế nào là ân tình cha con?”

Tô Sơn nói: “Đao búa chặt chẳng rời”.

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Rèm biếc buông rồi, lệnh Vua chưa xuống. Màn hoa đã khép, thấy nghe khó thông! Động nhầm đầu lông, trăng lên song cửa. Im dời một bước, hạc ra lòng bạc. Có biết chăng? Thoát thân một sắc, không lưu bóng. Chẳng tọa đồng phong, lạc đại công”.

Lại có nhà sư hỏi Tồ Hộ Quốc: “Như thế nào là cha mẹ xưa nay?”

Tồ Quốc nói: “Ấy đâu chẳng bạc”.

Nhà sư hỏi: “Lấy gì phụng hiến?”

Tồ Quốc nói: “Ân cần không cõm gạo, trong nhà chẳng hỏi thân”.

Ngài Đơn Hà tung rẳng:

*“Ra cửa khắp đời không tri kỷ
Vào nhà ngập mắt: chẳng ai thân
Nhà không đêm lạnh, không gì có
Trời xanh, trăng sáng: cũng bạn gần”.*

Hai tắc trên thật rõ ràng Tự Tánh Di Đà, Duy Tâm Tịnh Độ, phải thấy như thế mới là cái thấy chân chánh.

Xưa, có vị ni cô ra mắt Tồ Vân Nham.

Tồ Nham hỏi: “Cha cô còn không?”

Ni cô nói: “Dạ, còn”.

Tồ Nham hỏi: “Tuổi bao nhiêu?”

Ni cô nói: “Sáu mươi lăm”.

Tồ Nham nói: “Cô có người cha chẳng phải sáu mươi lăm tuổi, cô biết hay chẳng?”

Ni cô nói: “Chẳng phải là cái như-vậy-đến ư?”

Tồ Nham nói: “Cái như-vậy-đến vẫn còn là con cháu”.

Ngài Động sơn nói: “Dù được cái chẳng-như-vậy-đến cũng là con cháu!”

Ô hô! Cha mẹ xưa nay đâu có dễ thấy! Nên thấy được cha mẹ xưa nay thì thấy Tự Tánh Di Đà mà Thiền Tịnh viên dung, đều thuộc về cảnh giới không thể nghĩ bàn vậy.

Chú Thích q5

01 Núi Kê Túc, nơi Đức Ca Diếp, vị được Đức Thích Ca truyền chánh pháp nhän tạng làm vị Tổ đầu tiên của Thiền Tông, ngồi nhập định chờ Đức Phật Di Lặc tương lai.

02 Lộ bày cái miệng.

03 Ra khỏi trói buộc.

04 Còn trong trói buộc.

05 Giữ.

06 Vụng về.

07 Đời nhà Đường, Tổ Ngưỡng Sơn lập ra đền mục Tổ Sư Thiền trước tiên. Gọi chõ tâm ấn của Tổ Đạt Ma truyền lại là Tổ Sư Thiền, cái pháp thiền tột mức riêng truyền ngoài giáo pháp. Gọi Như Lai Thiền chỉ cái ý tu chưa đến chõ minh tâm kiến tánh.

08 Y phục, ngoại cụ, y dược, ẩm thực.

09 Vàng, bạc, ngọc, châu, san hô, hổ phách, mã não.

10 Linh Vân.

11 Tổ Hối Đường Bửu Giác thiền sư, tên là Tổ Tâm, đời Tống, tại Huỳnh Long Sơn. Nối kế pháp của Tổ Huỳnh Long Nam thiền sư.

12 Tổ Cao An, tự Đại Ngu, tự hiệu Đại Ngu Sơn. Nối pháp Tổ

Qui Tông. Tồ Qui Tông nối pháp Đức Mã Tồ.

13 Năm loại Thiền: ngoại đạo, phàm phu, Tiểu Thùra, Đại Thùra, Tối Thượng Thùra.

14 Nhứt vị thiền. Là phép thiền mau tò ngộ, mau thẩm vào (tức đốn ngộ, đốn nhập).

15 Bọn Ông Hiền Hộ, 16 Cư Sĩ Bồ Tát.

16 Chỗ dựa nương của Phật Tử.

17 Nghiā là lời nói rối rắm, vu vơ. Các thành ngữ đồng nghĩa khác như: thất linh bát lạc, thất thượng bát lạc.

18 Giống xà phong, dùng để tắm.

19 Em Vua Tịnh Phạn.

20 Tì: đầy tớ gái.

Ông Trưởng Lão Tất Lăng Già Bà Ta hay sợ đau mắt; ông đi khất thực thường phải qua sông Hằng. Đến bờ sông, khảy móng tay rồi nói: “Tớ gái nhỏ, ngưng lại, đừng cho cháy”. Nuốc liền rẽ hai cho ông đi qua.

Bà Thần sông Hằng đến nơi Phật bạch rằng: “Đệ tử Phật,

Ông Tất Lăng Già Bà Ta, thường hay mắng tôi là: Tớ gái nhỏ, ngưng lại, đừng cho cháy”.

Đức Phật dạy Ông Tất Lăng Già Bà Ta xin lỗi, ăn năn với Bà Thần sông Hằng.

Ông Tất Lăng Già Bà Ta liền chấp tay, nói với Bà Thần sông: “Cô tớ gái nhỏ, nay ăn năn xin lỗi cô”.

Đại chúng cười rộ. Nói rằng sao xin lỗi mà lại còn mắng vậy.

Đức Phật dạy Bà Thần sông Hằng: “Bà thấy Ông Tất Lăng Già Bà Ta chấp tay ăn năn xin lỗi chăng? Ăn năn xin lỗi không có kiêu căng, nhưng còn lời nói. Nên biết chăng phải hung dữ. Người này năm trăm đời đến nay thường đầu thai vào nhà Bà La Môn. Hằng ý mình sang, khinh hèn người khác, là chỗ thói quen xưa nay. Chỉ miệng nói mà thôi, lòng không có kiêu ý. Các vị A La Hán cũng y như vậy: tuy dứt lìa các sự ràng buộc, suy khiến sai biếu, nhưng đường còn thừa thói cũ”.

- 21 Tự tri Phi.
- 22 Móng Tay Dài.
- 23 Sát, Đạo, Dâm.
- 24 Vọng Ngôn, Lưỡng Thiệt, Ác Khẩu, Ỷ Ngữ.
- 25 Dịch là Biến Hành.
- 26 Đánh Đất.
- 27 Đường.
- 28 Nhất vị lưu thông.
- 29 Thái : lớn; cô : độc trội.
- 30 Thành Đạo.
- 31 Lầm lạc to lớn.
- 32 Lầm lạc nhỏ nhiệm.
- 33 Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Chỉ Quán.
- 34 Tuần: muời ngày.

Quyển 6

MỤC BỐN: VIÊN THÔNG VỀ NHĨ CĂN

Kinh: Khi ấy, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lỗ dưới chân Phật, thưa rằng: “Thưa Thế Tôn, tôi nhớ hằng sa kiếp về trước, có Đức Phật ra đời, hiệu là Quán Thế Âm, từ Đức Phật ấy tôi phát tâm Bồ Đề. Đức Phật ấy dạy tôi, từ Nghe, Suy Nghĩ và Tu, thấu vào Tam Ma Địa.

Thông rằng: Chọn lựa chỗ viên thông thì căn tai là bậc nhất. Vào sâu một cửa, sáu căn liền thanh tịnh. Chỉ có chỗ chứng của Đức Quán Thế Âm rất là tròn đủ, nhiệm màu. Âm thanh mà chẳng nói là nghe mà nói là Quán (soi chiếu), là dùng trí chiếu soi, chẳng dùng thức tai mà nghe vậy. Sáu căn dùng lẫn nhau, ở đây đủ làm chứng rồi. Theo sự Nghe, Nghĩ, Tu, thấu vào Tam Ma Địa. Nghe ở tai, nghĩ ở tâm, tu trong sự làm, thì sanh thánh huệ vô lậu, nên vào chánh định. Bèn văn sau nói “*Vào dòng măt cái sở theo thứ lớp vậy*”.

Tô Bách Trượng gọi cả chúng ra cày ruộng. Bỗng một nhà sư nghe tiếng trống liền vác cày cười lớn mà bỏ về.

Tô Trượng nói: “Tài thay!”

Đây là pháp môn *Quán Âm Nhập Lý* vậy.

Tô Trượng về viện, mới kêu nhà sư ấy, hỏi: “Hồi nãy thấy cái đạo lý gì mà làm như thế?”

Nhà sư nói: “Hồi nãy bụng đói, nghe tiếng trống thì về kiém đồ ăn.”

Tô Truợng cười xòa.

Như vậy thì cửa vào Đạo của vị tăng này nào có mượn đến Nghĩ và Tu mà đắc đâu?

Kinh: “Ban đầu, ở trong cái nghe, vào dòng mắt đi tướng sở (chỗ nghe). Chỗ vào đã vắng lặng, hai tướng động, tịnh rõ ràng chẳng sanh ra. Như vậy tiến thêm lần, cái nghe và chỗ nghe đều hết. Chẳng dừng lại nơi sự hết cái nghe và chỗ nghe thì cái giác và chỗ giác đều không. Không-Giác cùng tột tròn vẹn thì năng không và sở không đều diệt. Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền (trước mặt). Tức thì vượt khỏi thế gian lần xuất thế gian, tròn sáng khắp mười phương, được hai điều tột bậc: Một là, trên hợp với Bản Giác Diệu Tâm của mười phương Chư Phật, cùng với Chư Phật Như Lai đồng một súc Từ; hai là, dưới hợp với tất cả mười phương chúng sanh trong sáu đường, cùng với các chúng sanh đồng một Bi ngữ.

Thông rằng: Vào dòng mắt sở, cho đến cái nghe và chỗ nghe đều hết, tức là mới mở khỏi căn, trước hết được Nhân Không vậy. Chẳng dừng lại nơi sự hết cái nghe và chỗ nghe, cái giác và chỗ giác đều Không, tức là Tánh Không tròn sáng, thành pháp giải thoát vậy. Không-Giác cùng cực vẹn toàn, năng không và sở không đều diệt mất, tức là đã giải thoát khỏi pháp, cái không cũng chẳng sanh vậy. Sanh diệt đã diệt, đó là tịch diệt hiện tiền, tức là vào Tam Ma Địa, đắc Vô Sanh Nhẫn.

Bài kê trong kinh Pháp Hoa:

“*Chân quán, Thanh Tịnh quán*
Rộng lớn Trí Huệ quán
Bi quán cùng Từ quán
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng”.

Chân Quán, đó là hai tướng động tĩnh chẳng sanh ra. *Thanh Tịnh Quán* là hết cái năng sở của Nghe, Giác, Không vậy. *Rộng lớn Trí Huệ Quán*, đó là Không-Giác cùng tột vẹn toàn, cho đến tịch diệt hiện tiền vậy. Đồng một lực Từ, đó là Từ quán. Đồng một Bi ngưỡng, đó là Bi quán. Không-Giác cùng tột tròn vẹn, đó là cái Giác quán ra khỏi tư duy vậy. Không và sở không diệt mất thì thân tâm không thể đến được. Sanh diệt đã diệt, trọn cả hai bên sanh diệt đều lìa vậy. Tịch Diệt hiện tiền, đó là Thường Chân Thật vậy.

Lấy kinh chứng minh cho kinh, ý nghĩa mùi vị tự đầy đủ vậy.

Ngài Tô Tử Do luận hai kinh Lăng Nghiêm và kinh Kim Cang, hợp với Đức Quán Thế Âm, là lấy Nghe, Nghĩ, Tu làm Viên Thông Đệ Nhất. Ngài nói: “Ban đầu ở trong cái nghe vào dòng mắt sở, cho đến chổ tịch diệt hiện tiền. Nếu có thể như thế, thì trong khoảng khảy móng tay trải khắp ba cái Không (nhân không, pháp không, không không) liền cùng Chư Phật không khác”. Ngài lại đọc chổ kinh Kim Cang nói về bốn quả vị: “Tu Đà Hoàn gọi là vào dòng, nhưng không có chổ vào, chẳng vào sắc thanh hương vị xúc pháp, gọi là Tu Đà Hoàn”. Mới than rằng: “Chổ chứng của Tu Đà Hoàn tức là chổ Đức

Quán Thế Âm gọi là ban đầu ở trong cái nghe, vào dòng mắt sở đó ư? *Vào dòng thì vong sờ*, chỉ không vào sáu trần, an nhiên thường trụ, ấy là vào dòng vậy. Đến Tư Đà Hảm, gọi là một lần đi lại, mà thật chẳng có gì đi lại. A Na Hảm, gọi là chẳng trở lại, mà thật không có sự chẳng trở lại, bởi vì *đi* thì nhập trần, *lại* thì về gốc. Tư Đà Hảm, tuy có thể trở lại, nhưng chưa thể không đi. A Na Hảm chẳng những không đi mà cũng không lại. Cho đến A La Hán thì cái ý *đi-lại* đều hết, không có pháp nào để đắc. Thế nên, cái gọi là bốn quả vị kỳ thật chỉ một pháp, nhưng trải qua ba cái Không mà về sâu cạn khác nhau. Lời của kinh, gốc vốn phù hợp, mà đời chẳng nêu rõ ra, nên nói cho rõ hiểu”.

Ngài Tử Do bởi thấy được thiện tri thức mà phát minh ý chỉ của hai kinh, tuy hình như mới lạ, mà chủ yếu từ trong ngực lưu xuất ra, cho đến chõ gọi là “*Trong khoảng khắc gảy móng tay, trải khắp ba cái Không, cùng chư Phật không khác*”. Chẳng có đốn ngộ triệt để làm sao nói được lời này.

I. DIỆU LỰC VÔ TÁC THÀNH TỰU BA MUƠI HAI ỨNG THÂN

Kinh: Thưa Thế Tôn, do tôi cúng dường Đức Quán Âm Như Lai, nhờ Ngài truyền thụ cho tôi Như Huyền Văn Huân, Văn Tu Tam Muội, cùng Chư Phật Như Lai đồng sức Từ, khiến thân tôi thành tựu ba mươi hai Ứng Thân vào các cõi nước.

Thông rằng: Như Huyền là người huyền gây làm mà vốn không làm. Đó là để nói sự huân tu ứng với cơ, tức làm mà không làm, quên tình tuyệt hiểu, chẳng thể nghĩ bàn.

Gọi là Văn Huân, Văn Tu là huân tu, đều chẳng rời ngoài Tánh Nghe vậy. Nhân y vào tánh nghe mà huân tu, tâm thuần nhất thì bỏ cái nghe, các sự ràng buộc lạc lầm hết ráo, Tam Muội hiện bày trước mắt, đó là Kim Cang Càn Huệ Địa vậy. Nói là Kim Cang vì phá nát các pháp mộng huyễn. Kim Cang thường trụ chẳng hoại, đó là cái chân thật thường hằng vậy. Đâu phải là ngoài như huyễn mà riêng có cái gọi là chân thật sao!

Có nhà sư hỏi Tô Tào Sơn: “Nơi tướng cái gì chơn?”

Tô Sơn nói: “Tức tướng tức chơn”.

Hỏi: “Làm sao hiển bày?”

Tô Sơn dựng đứng cây phất tử.

Lại hỏi: “Gốc huyễn đâu chơn?”

Tô Sơn nói: “Gốc huyễn nguyên chơn”.

Hỏi: “Ngay khi huyễn làm sao hiển bày?”

Tô Sơn nói: “Tức huyễn tức hiển!”

Hỏi: “Như thế thì trước sau chẳng rời nơi huyễn!”

Tô Sơn nói: “Tìm cái tướng huyễn không thể được!”

Ông Cung Phụng Hạo Nguyệt hỏi Tô Trường Sa: “Trong giáo pháp nói ý huyễn, thế có chẳng?”

Tô Sa nói: “Đại đức nói cái gì thế!”

Hỏi: “Thế thì ý huyễn là không có sao?”

Tô Sa nói: “Đại đức nói cái gì thế!”

Hỏi: “Thế thì ý huyền là chẳng có chẳng không hay sao?”

Tô Sa nói: “Đại đức nói cái gì thế!”

Hỏi: “Như tôi ba lần bày tỏ, trọn chẳng hiểu được chỗ ý huyền, Hòa Thượng rõ hiểu như thế nào cái ý huyền trong giáo pháp?”

Tô Sa nói: “Đại đức có tin là tất cả pháp vốn chẳng thể nghĩ bàn chẳng?”

Đáp: “Lời chân thật của Phật đâu dám chẳng tin”.

Tô Sa nói: “Đại đức nói tin, thì trong hai cái tin, đó là cái tin nào?”

Đáp: “Như chỗ tôi biết, trong hai cái tin, đó gọi là tin theo duyên”.

Tô Sa nói: “Theo giáo pháp nào mà sanh ra được cái tin nhờ duyên?”

Đáp: “Kinh Hoa Nghiêm nói, Đại Bồ Tát trong trí huệ không chướng không ngại, tin rằng tất cả cảnh giới thế gian là cảnh giới Như Lai. Lại nói, Chư Phật Thế Tôn biết suốt tất cả pháp thế gian cùng pháp Phật, tánh không sai biệt, quyết định không hai. Lại nói, Phật Pháp và thế gian pháp, như thấy được cái chân thật của chúng, tất cả đều không sai biệt”.

Tô Sa nói: “Chỗ nêu ra trong kinh giáo về cái tin nhờ duyên của đại đức chưa rõ ráo lăm. Hãy nghe lão tăng tôi rõ cái ý huyền trong giáo pháp cho đại đức. Như người nào

thấy huyễn vốn là chơn, đó gọi là người thấy Phật. Pháp pháp viên thông, không sanh, không diệt; không sanh diệt đó là Phật Thân.

“Thấy được như thế là đồng Phật Từ Lực. Từ túc như huyễn, ba mươi hai Ứng Thân, Ứng cũng như huyễn. Chốn chốn tịch diệt hiện bày trước mắt, đó là Kim Cang Tam Muội”.

Kinh: “Thưa Thé Tôn, nếu các Bồ Tát vào Tam Ma Địa, tiến tu vô lậu, cái hiểu biết siêu việt hiện ra tròn vẹn, tôi hiện ra Thân Phật, vì họ thuyết pháp, khiến cho giải thoát.

Thông rằng: Đức Sơ Tổ Đạt Ma túc Hóa Thân của Quán Thé Âm Đại Sĩ vậy.

Thời ấy, trong nước có hai vị thầy, một tên là Phật Đại Tiên, thứ hai tên là Phật Đại Thắng Đa, vốn cùng Tổ học Tiểu Thừa thiền quán với Ngài Phật Đà Ba Đà. Thầy Phật Đại Tiên gấp được Tôn Giả Bát Nhã Đa La, bỏ Tiểu Thừa theo Đại Thừa. Cùng với Tổ truyền hoá, thời ấy gọi là hai Pháp cam lồ. Còn thầy Phật Đại Thắng Đa lại phân học trò làm sáu Tông: thứ nhất là Hữu Tướng, thứ hai là Vô Tướng, thứ ba là Định Huệ, thứ tư Giới Hạnh, thứ năm Vô Đắc, thứ sáu Tịnh Tịnh.

Tổ bùi ngùi than: “Ông thầy của họ đã kẹt vào trong dấu chân trâu, lại còn chi ly phân thành sáu tông rồi rầm. Nếu ta không trừ cho thì đời đời trói buộc trong tà kiến”.

Nói rồi, hiện thần lực, đến chõ tông Hữu Tướng, hỏi rằng: “Tất cả các pháp, cái gì gọi là thật tướng?”

Trong chúng kia có vị tôn trưởng là Tát Bà La đáp rằng: “Ở trong các pháp tướng, các tướng chẳng đổi lẫn nhau, đó là thật tướng”.

Tổ nói: “Tất cả các tướng mà chẳng thay đổi ấy, nếu gọi là thật tướng phải định thế nào?”

Người ấy nói: “Trong các tướng, thật không có định, nếu định các tướng, sao gọi là thật?”

Tổ nói: “Các tướng bất định thì gọi là thật tướng, nay ông dùng cái bất định để được cái gì?”

Người ấy nói: “Nay tôi nói bất định là chưa nói đến các tướng, nay nói các tướng, thì nghĩa của chúng cũng như thế”.

Tổ nói: “Ông nói bất định cho là thật tướng, vậy thì định mà bất định, tức chẳng phải là thật tướng”.

Người kia nói: “Định mà đã bất định, thì chẳng phải là thật tướng. Biết cái ngã là chẳng có, thế nên bất định bất biến”.

Tổ nói: “Nay ông nói bất biến thì sao gọi là thật tướng? Còn có biến có đổi, nghĩa ấy cũng vậy thôi”.

Người ấy đáp: “Bất biến thì còn, vì còn mà chẳng còn, nên biến đổi thật tướng, để định nghĩa này”.

Tổ nói: “Thật tướng bất biến, có biến là chẳng thật, trong hữu và vô nào gọi là thật tướng”.

Thầy Tát Bà La biết Thánh Sư hiểu thâm sâu, liền lấy tay chỉ hư không nói: “Đó là cái hữu tướng của thế gian mà cũng

có thể trông không, hiện cái thân tôi đây, được giống thế không?”

Tổ nói: “Như rõ thật tướng bèn thấy chẳng phải tướng; như rõ cái chẳng phải tướng, thì cái hình sắc cũng vậy. Hiện ở trong sắc, chẳng mắt cái thể của hình sắc, ở ngay trong cái chẳng phải tướng mà chẳng ngại với cái có. Rõ được như thế, ấy gọi là thật tướng”.

Chúng kia nghe xong, tâm ý sáng láng, kính lễ tin nhận.

Tổ thoát nhiên biến mắt, đến chỗ tông Vô Tướng, hỏi rằng: “Các ông nói không có tướng, thì lấy gì làm chứng đó?”

Trong chúng kia có thầy Ba La Đề đáp rằng: “Tôi rõ không có tướng, vì tâm kia chẳng hiện bày”.

Tổ nói: “Tâm ông chẳng hiện, lấy gì mà rõ?”

Người ấy nói: “Tôi rõ vô tướng, tâm không lấy bỏ, ngay khi rõ biết, cũng không có gì đảm đương”.

Tổ nói: “Nơi các thứ có thứ không, tâm không lấy bỏ, lại không có đảm đương thì những sự rõ biết không có vậy”.

Người ấy nói: “Vào Tam Muội của Phật còn không có chỗ đắc, huống chi là không có tướng, mà muốn biết đó?”

Tổ nói: “Tướng đã chẳng có biết, cái gì gọi là Có-Không; còn không có chỗ đắc, lấy gì gọi là Tam Muội?”

Người ấy nói: “Tôi nói chẳng chứng là chứng cái không có chỗ chứng, chẳng phải Tam Muội, nên tôi nói Tam Muội”.

Tổ nói: “Chẳng phải là Tam Muội ấy, sao gọi tên đó? Ông đã chẳng chứng, chẳng phải chứng, sao chứng?”

Ba La Đề nghe Tổ phân tách rõ rệt bèn ngộ Bản Tâm, lẽ tạ Tổ sư, sám hối lỗi trước.

Tổ thọ ký rằng: “Ông sẽ đắc quả, chẳng bao lâu chứng đó. Nước này có ngoại đạo, dẹp nó chẳng lâu gì”.

Nói rồi, bỗng nhiên biến mất.

Tổ đến chỗ tông Định Huệ, hỏi rằng: “Các ông học định huệ đó là một hay là hai?”

Trong chúng kia có thầy Bà Lan Đà đáp rằng: “Cái định huệ này của tôi chẳng phải một, chẳng phải hai”.

Tổ nói: “Đã chẳng phải một hay hai, sao gọi là định huệ?”

Người ấy nói: “Trong định chẳng phải định, nơi huệ chẳng phải huệ, một tức chẳng phải một, hai cũng chẳng phải hai”.

Tổ nói: “Đối một chẳng có một, đối hai chẳng có hai, đã chẳng phải định huệ thì bày ra định huệ nào?”

Người ấy nói: “Chẳng một, chẳng hai mà định huệ biết được; còn chẳng phải định chẳng phải huệ cũng lại như vậy”.

Tổ nói: “Huệ chẳng phải định, làm sao mà biết? Chẳng một chẳng hai, cái gì là định, cái gì là huệ?”

Ba Lan Đà nghe qua, tâm nghi liền tan mất.

Tổ đến chỗ thứ tư là tông Giới Hạnh, hỏi rằng: “Cái gì là giới? Thế nào là hạnh? Là một hay hai?”

Trong chúng ấy có một hiền giả đáp rằng: “Một hai hai một, đều do đó sanh ra, y theo giáo pháp không có nhiễm trước, đó gọi là giới hạnh”.

Tổ nói: “Ông nói y theo giáo, tức là có nhiễm ô, một với hai đều phá hết, sao nói y theo giáo, hai cái này trái nghịch, chẳng đúng với hạnh. Trong ngoài chẳng sáng tỏ, sao gọi là giới?”

Người ấy nói: “Tôi có trong ngoài, kia đã biết hết. Đã được suốt hiểu, bèn đó là giới hạnh. Nếu nói trái nghịch, đó đều là phải là trái, còn nói đến chỗ trong sạch, thì tức giới tức hạnh”.

Tổ nói: “Đều là phải đều là trái, sao nói là trong sạch? Đã được suốt thông, sao nói đến trong ngoài?”

Hiền giả nghe đó, bèn tự thẹn chịu phục.

Tổ đến chỗ tông Vô Đắc, hỏi rằng: “Mấy ông nói là không đắc, không đắc thì đắc cái gì? Đã không có chỗ đắc, lại cũng không đắc cái đắc ư?”

Trong chúng kia có thầy Bửu Tịnh đáp rằng: “Tôi nói không đắc chẳng phải là không đắc cái đắc, nay nói đắc cái đắc, không đắc chính là đắc”.

Tổ nói: “Đắc đã chẳng đắc, đắc cũng chẳng phải đắc, đã nói là đắc cái đắc, đắc cái đắc là đắc cái gì?”

Người ấy nói: “Thấy đắc chẳng phải đắc, chẳng phải đắc tức là đắc, nếu thấy là chẳng đắc, gọi là đắc cái đắc”.

Tổ nói: “Đắc đã chẳng phải đắc, đắc cái đắc là không đắc, đã không có chỗ đắc, hiện nào đắc cái đắc?”

Thầy Bửu Tịnh nghe qua liền trừ lười nghi.

Tổ đến chỗ tông Tịch Tịnh, hỏi rằng: “Sao gọi là tịch tịnh (03)? Ở trong pháp đây, cái gì là yên, cái gì là lặng?”

Trong chúng áy có vị Tôn Giả đáp rằng: “Tâm này chẳng động, đó gọi là lặng; nơi pháp không nhiễm gọi đó là yên”.

Tổ nói: “Bốn tâm chẳng lặng, mới cần mượn lặng yên. Xưa nay vốn lặng, nào cần dùng đến lặng yên?”

Người áy nói: “Các pháp vốn Không, vì là Không Không, nên trong Không Không áy, gọi là lặng yên”.

Tổ nói: “Không Không đã là Không, các pháp cũng thế, lặng yên vô tướng, nào còn lặng, nào còn yên?”

Tôn giả áy nghe Tổ chỉ dạy, hoát nhiên khai ngộ, nên cả sáu chúng đều nguyện quy y.

Do đó giáo hóa khắp miền Nam Thiên Trúc, tiếng khắp năm phương Ân Độ. Cứ theo sáu phái kia, cũng biết lui bỏ để tu Vô Lậu, nên Tổ hiện thần lực, khiến cho giải thoát.

Đây là chỗ ứng hóa thứ nhất của Đức Quán Thế Âm vậy. Nguyên xưa là như thế.

Kinh: “Nếu các hàng Hữu Học, tu pháp lặng yên được
màu sáng, chỗ thắng diệu vẹn tròn hiển hiện, tôi ở trước kẽ ấy,
hiện thân Độc Giác, vì họ thuyết pháp, khiến cho giải thoát.
Nếu các hàng Hữu Học, đoạn mười hai nhân duyên, duyên dứt
thì thắng tánh nhiệm màu trỗi vượt hiện ra tròn vẹn, tôi ở trước
kẽ ấy, hiện thân Duyên Giác, vì họ thuyết pháp, khiến được
giải thoát.

Thông rằng: Bậc Bích Chi Phật có hai loại: Một là sanh
đời không Phật, xét thấu sự vật biến chuyển, tự giác vô sanh,
gọi là Độc Giác. Hai là sanh đời có Phật, vâng theo giáo pháp
của Phật, xét thấu nhân duyên mà ngộ Đạo, gọi là Duyên Giác.
Lặng yên màu sáng không phải là Bản Giác Mầu Sáng (Diệu
Minh), mà nhân pháp tu tịch tịnh lặng yên mà đắc. Đoạn dứt
mười hai nhân duyên, từ cái vô minh diệt cho đến khô não
diệt. Duyên đoạn thì thắng tánh hiện, do diệt nên được chứng,
đều được chỗ thắng diệu hiện ra toàn vẹn. Đó là chỉ nhò vào lý
trí, riêng mình tỏ biết cái nhiệm màu, riêng mình tỏ biết cái
nhân duyên, chưa thể hồi tâm hướng về Đại Thừa, nên chưa
thật giải thoát.

Thiền sư Ngưu Đầu Dung ẩn nương hang đá, có sự lạ lùng
là trăm chim ngậm bông đến. Từ Tỗ xa thấy khí tượng, biết
chỗ ấy có người, mới tự thân tìm hỏi. Tỗ hỏi nhà sư ở chùa:
“Chốn này có đạo nhân chẳng?”

Đáp: “Người xuất gia, ai chẳng phải là đạo nhân?”

Tỗ nói: “Vậy ai là đạo nhân?”

Nhà sư không có lời đáp.

Một nhà sư khác nói: “Từ đây vào núi khoảng mươi dặm, có một ông thầy Dung lười biếng, thấy người chẳng đứng dậy, chẳng chắp tay chào, không phải là đạo nhân ư?”

Tô bèn vào núi, thấy thầy Dung ngồi thăng tự nhiên. Tô hỏi rằng: “Ở đây làm gì?”

Thầy Dung nói: “Quán tâm”.

Tô nói: “Quán là người nào, tâm là vật gì?”

Thầy Dung không đáp được, liền đứng dậy làm lễ, nói: “Đại Đức quê quán nơi nào?”

Tô nói: “Bàn đạo chẳng nhất định ở đâu hoặc Đông hoặc Tây”.

Thầy Dung nói: “Lại biết Đạo Tín thiền sư chẳng?”

Tô nói: “Hỏi kẻ khác ấy làm gì?”

Thầy Dung nói: “Bấy lâu hướng về thịnh đức, mong lễ ra mắt một phen”.

Tô nói: “Đạo Tín là bàn đạo vậy”.

Thầy Dung nói: “Nhân sao đến đây?”

Tô nói: “Độc chỉ đến hỏi thăm nhau. Lại không có chỗ nghỉ chẳng?”

Thầy Dung chỉ phía sau, chỉ có một am nhỏ, bèn dẫn Tô đến đó, chung quanh am chỉ thấy loài hổ, báo. Tô bèn đưa hai tay làm vẻ sợ.

Thầy Dung nói: “Dường còn cái ấy vậy”.

Tổ nói: “Cái ấy là cái gì?”

Thầy Dung không nói được.

Chốc lát, Tổ trở lại chở tảng đá thầy Dung ngồi thiền, viết lên đó một chữ Phật. Thầy Dung xem thấy, giật mình.

Tổ nói: “Dường còn cái ấy vậy”.

Thầy Dung chưa hiểu, cúi đầu xin nói chở chơn yếu. Tổ trao cho pháp môn Đốn Giác, sẵn đủ muôn Hạnh Bồ Tát.

Thầy Quật Đa Tam Tạng xứ Tây Vực khé ngô nơi lời dạy của Lục Tổ. Sau ngao du Ngũ Đài, thấy một nhà sư lập am tĩnh tọa.

Thầy Tạng hỏi: “Ngồi một mình làm gì?”

Đáp: “Quán Tịnh”.

Thầy Tạng nói: “Quán, đó là người nào? Tịnh đó là vật gì?”

Nhà sư làm lẽ, hỏi: “Lý ấy thế nào?”

Thầy Tạng nói: “Ông sao chẳng tự quán tự tịnh?”

Vị sư ấy ngẩn ngơ.

Thầy Tạng nói: “Ông ở phái nào ra?”

Đáp: “Tổ Tú Thiền sư”.

Thầy Tạng nói: “Xứ Tây Vực của tôi, kẻ thấp nhất trong ngoại đạo còn chẳng sa vào cái kiến giải này, là tro tro ngồi không, đối với đạo ích gì?”

Vị sư lại hỏi: “Vị Tôn sư của thầy Tạng là ai?”

Thầy Tạng nói: “Thầy tôi là Lục Tổ. Sao ông chẳng sớm đến Tào Khê cho rõ chơn yếu?”

Vị sư liền sang tham vấn Lục Tổ. Tổ dạy giống như thầy Tạng. Nhà sư liền ngộ nhập.

Nếu thầy Dung cùng nhà sư này chẳng gặp Tú Tổ, Lục Tổ, thì đã chứng Độc Giác, Duyên Giác rồi vậy. Mong gì có ngày giải thoát ư?

Kinh: “**Nếu các hàng Hữu Học, đắc Tú Đế Không, tu Đạo Đế, Nhập Diệt Đế, Thắng Tánh hiện ra tròn vẹn, tôi ở trước người ấy hiện thân Thanh Văn, vì họ thuyết pháp, khiến cho giải thoát.**

Thông rằng: Pháp Tú Đế là Biết Khổ, Đoan Tập, Chứng Diệt, Tu Đạo. Cho đến vào Diệt Tận Định, ham mê cái vui tịch diệt, không có ý độ sanh, gọi đó là Thanh Văn, y vào tiếng dạy mà tu Đạo vậy.

Tổ Quy Sơn đang ngồi, thầy Ngưỡng Sơn đi vào.

Tổ Quy Sơn nói: “Huệ Tịch nói mau, chớ sa vào ám, giói!”

Ngưỡng Sơn nói: “Huệ Tịch đây chõ tin hiểu cũng chẳng lập”.

Tổ Quy nói: “Ông chõ tin hiểu chẳng có lập. Chẳng tin, chẳng lập”.

Ngưỡng Sơn nói: “Chỉ đó là Huệ Tịch, còn tin gì nữa?”

Tổ Quy nói: “Nếu như thế là Định Tánh Thanh Văn”.

Ngưỡng Sơn nói: “Huệ Tịch đây, Phật cũng chẳng lập”.

Tổ Vân Cư Ứng sai thị giả đem cái khố cho một đạo giả ở am.

Đạo giả nói: “Tự có cái khố của mẹ sanh rồi, chẳng nhận”.

Tổ Ứng lại sai thị giả hỏi: “Khi cha mẹ chưa sanh, thì mặc cái gì?”

Đạo giả không lời đáp.

Về sau, tịch; có xá lợi đem đến Tổ Ứng.

Tổ Ứng nói: “Dù cho được tám hộc bốn đầu, chẳng bằng khi ấy thốt được một lời chuyền ngữ”.

Vị đạo giả này, quyết nhận cái khố mẹ đẻ, thật đó là định tánh Thanh Văn. Ngưỡng Sơn lại có thể nói một lời chuyền ngữ rằng, “Huệ Tịch đây, Phật cũng chẳng lập”, thật là thấy mặt mày lúc chưa sanh.

Kinh: “Nếu các chúng sanh muốn tâm tò ngô, chẳng phạm dục trần, muốn thân trong sạch, tôi ở trước người ấy, hiện thân Phạm Vương vì họ thuyết pháp, khiến cho giải thoát.

Thông rằng: Phạm Vương, Chúa Trời cõi Sắc tên là Thi Khí, đây gọi là Đảnh Ké, ở đỉnh cõi Sơ Thiên. Bậc Độc Giác, Thanh Văn ở cõi trời Tứ Không. Ở dưới là Phạm Vương. Dưới cõi Phạm Thiên là Lục Dục Thiên. Chẳng phạm dục trần, chẳng những không muốn cái dục thanh sắc thô kệch của nhơn

gian, mà cái vui của trời Tha Hóa Tự Tại cũng chẳng ưa, muốn tiến đến Tứ Thiền, do niệm xả nên trong sạch, muốn được cái thân trong sạch không hỷ, không lạc vậy.

Tô Nam Dương Trung Quốc Sư hỏi thiền sư Tư Không Sơn Bồn Tịnh rằng: “Ông từ đây về sau thấy lời lẽ kỳ đặc thì như thế nào?”

Tô Tịnh nói: “Không một niệm tâm ham”.

Quốc Sư nói: “Đó là chuyện trong nhà ông”.

Lại có nhà sư hỏi Trung Quốc Sư: “Như sao là giải thoát?”

Quốc sư nói: “Các pháp chẳng đến nhau, ngay đây là giải thoát”.

Nhà sư nói: “Như thế là đoạn dứt đi vậy”.

Quốc Sư nói: “Đã nói với ông là các pháp chẳng đến nhau, đoạn cái gì?”

Từ chỗ tự hiện thân Phật thuyết pháp, đến đây là năm Pháp Giải Thoát, đều chỉ rút về một đường hướng thượng. Từ chỗ Đế Thích về sau, chỉ khiến cho thành tựu mà thôi. Phật Pháp và thế gian pháp, nếu thấy được cái chân thật, cả thảy nào có khác nhau.

Kinh: “Nếu các chúng sanh muốn làm Chúa cõi Trời, thông lãnh Chư Thiên, tôi ở trước người ấy, hiện thân Đế Thích, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Đế Thích có nhiều tên: Một là Thích Đè Hoàn Nhân, hai là Kiều Thi Ca; ở đỉnh Tu Di, bốn phía, mỗi phía là tám cõi trời, hợp lại là ba mươi hai cõi trời, đều thống lãnh hết.

Tôn giả Tu Bồ Đề một hôm đang thuyết pháp, vua Đế Thích rải hoa xuống.

Tôn giả hỏi: “Hoa này từ trời được ư?” Từ đất được ư? Từ người được ư?”

Đế Thích rằng: “Chẳng phải vậy”.

Tôn giả nói: “Từ đâu mà được?”

Đế Thích liền đưa tay lên.

Tôn giả nói: “Như vậy, như vậy”.

Xưa, Đức Thế Tôn dùng ngọc Ma Ni chỉ bày cho Vua Trời ở năm phương. Mỗi vị nói là xanh, vàng, đỏ, trắng. Thế Tôn đưa tay lên mà chỉ bày, thế mà đều không thấy. Thế Tôn nói: “Ta lấy ngọc thật chỉ bày cho các ông, mà đều chẳng biết”. Vua Trời ở năm phương do đó ngộ nhập.

Đế Thích nay trước Tôn Giả đưa tay lên, cái dụng thật là thân thiết. Vua Đế Thích cũng tỏ hiểu Thiên vạy.

Kinh: ‘Nếu các chúng sanh muốn Thân Tự Tại, đi khắp mươi phương, tôi ở trước người ấy, hiện thân Tự Tại Thiên, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Trời Tự Tại tức Trời Tha Hóa Tự Tại. Mượn chỗ gây làm của kẻ khác, lấy làm cái vui riêng mình, đó là trên

đỉnh Dục Giới. Hoặc nói có riêng chỗ ở của Ma Vương, thì cũng gồm trong Trời Tự Tại.

Tôn giả Ưu Ba Cúc Đa hành hóa nhiều nơi, người được độ rất nhiều. Do đó, cung ma chấn động, Ba Tuần lo sợ, bèn dùng hết ma lực để phá chánh pháp. Tôn giả bèn nhập định, xem xét nguyên do. Ba Tuần được dịp, lén cầm chuỗi ngọc tròng vào cổ Ngài. Tôn giả xuất định, bèn lấy ba thây chết của người, chó và rắn, hóa làm tràng hoa, dỗ Ba Tuần rằng: “Ông cho tôi chuỗi ngọc, thật rất đẹp quý. Tôi có tràng hoa để dâng đáp nhau”.

Ba Tuần rất mừng, đưa cổ ra nhận, bỗng biến thành ba thây chết, giòi bọ nhoi đục sinh thối. Ba Tuần gớm ghét, dùng hết thần lực mà chẳng dời chuyển, bèn bay lên cõi trời Lục Dục, báo các Chúa Trời, cùng xin Phạm Vương, cầu được thoát khỏi.

Mỗi vị đều nói: “Đệ tử của Phật thập lực đủ mọi thần biến, chúng tôi là hạng phàm lậu làm sao trừ nổi?”

Ba Tuần nói: “Thế thì làm sao?”

Phạm Vương nói: “Ông nếu hồi tâm với Tôn Giả, liền có thể trừ dứt”.

Bèn nói bài kệ, khiến cho hồi hướng:

“*Đã do đất trọt té
Phải do đất đứng dậy
Lìa đất cầu đứng dậy
Làm gì có lý ấy*”.

Ba Tuần nghe dạy rồi, liền xuống khỏi cung trời, lẽ dưới chân Tôn Giả, thiết tha sám hối.

Tôn giả nói: “Từ nay trở đi, đối với Phật Pháp, ông không còn làm rối hại nữa chăng?”

Ba Tuần nói: “Tôi thè hồi hướng Phật Đạo, vĩnh viễn dứtlia điều ác”.

Tôn giả nói: “Nếu như thế, ông có thể tự miệng mình xướng lên lời quy y Tam Bảo”.

Ma Vương chắp tay, xướng ba lần. Tràng hoa đẹp hết. Bèn vui vẻ nhảy nhót, làm lễ tôn giả mà nói bài kệ rằng:

*“Kính lạy Đáng Tam Muội
Đệ tử Thánh Mười Lực
Tôi nay nguyện hồi hướng
Chẳng còn sự yếu hèn”.*

Xem bài kệ Phạm Vương, thật là lý nhiệm mầu của hồi hướng. Chẳng phải là Hóa Thân Bồ Tát đó sao?

Kinh: “Nếu các chúng sanh muốn Thân Tự Tại, bay đi trên hư không, tôi ở trước người ấy, hiện thân Đại Tự Tại Thiên, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Trời Đại Tự Tại tức là Ma Hê Thủ La Thiên. Ba mắt tám tay, cõi trâu trăng, cầm phất trăng, ở đỉnh cõi sắc, nên bay đi trên hư không.

Kinh Niết Bàn nói: “Sao gọi là kho bí mật? Giống như chữ, ba điểm, chụm dính lại thì chẳng thành chữ Y, tản ra cũng

chẳng thành; như Ma Hē Thủ La Thiên, trên mặt có ba mắt, mới thành được chữ Y. Ba điểm riêng nhau, cũng chẳng thành được. Ta cũng như thế, cái pháp giải thoát cũng chẳng phải Niết Bàn. Thân của Như Lai cũng chẳng phải Niết Bàn. Ma Ha Bát Nhã cũng chẳng phải Niết Bàn. Ba pháp, mỗi cái khác nhau, cũng không phải Niết Bàn. Nay Ta an trụ ba pháp như thế, vì chúng sanh mà gọi là nhập Niết Bàn, giống như chữ Y của đời”.

Tô Nham Đầu thượng đường, nói: “Ta thường nghiên cứu kinh Niết Bàn, trong bảy, tám năm thấy hai ba đoạn nghĩa, giống như lời nói của nhà Thiền”.

Rồi lại nói: “Thôi! Thôi!”

Khi ấy, có một nhà sư bước ra làm lễ, xin thầy nói ra.

Tô Đầu nói: “Giáo ý của ta như chữ Y ba điểm. Thứ nhất, hướng về phương Đông hạ một điểm, điểm khai mắt của các Bồ Tát. Thứ hai, hướng về phương Tây hạ một điểm, điểm mang mạch của các Bồ Tát. Thứ ba, hướng phương trên hạ một điểm, điểm đánh của các Bồ Tát. Đây là đoạn nghĩa thứ nhất. Lại nói, giáo ý của ta giống như banh mỏ cửa trên mặt của Ma Hē Thủ La Thiên, dựng đứng một con mắt lẻ. Đây là đoạn nghĩa thứ hai. Lại nói, giáo ý của ta như trống tâm độc (04), đánh một tiếng xa gần nghe đến đầu chết ráo. Đây là đoạn nghĩa thứ ba”.

Khi ấy, Thượng Tọa Tiếu Nghiêm hỏi: “Như sao là trống tâm độc?”

Tổ Đầu hai tay đặt trên gối, thảng thắn, nói: “Hàn Tín lâm triều vậy”.

Thầy Nghiêm không có lời lẽ.

Tổ Phù Sơn Viễn thượng đường: “Chư Phật ra đời dựng nên giáo pháp chẳng lìa trí nhẫn Ba Thân, cũng như ba con mắt của trời Ma Hê Thủ La. Vì sao? Một con thì giọt nước rỉ chẳng thông, tăng tục khó biện. Một con thì đại địa vẹn mờ, mười phương suốt khắp. Một con thì cao thấp trong một cái nhìn, muôn loại xem bằng. Tuy nhiên như thế, bốn phận nhà sư ở chỗ đường lối ngăn trở nhau phải có chánh nhẫn thông thiên mới được. Bởi thế mới nói ba đời Chư Phật chẳng biết có (hữu vi). Loài hò ly cái, trâu trắng đực lại biết có. Hãy nói hò ly cái, trâu trắng đực biết có là cái gì? Am hiểu ư?”

*Đêm thu mưa giảng ngàn nhà vắng
Ngày lụn tưa dài một tiếng tiêu.*

Ba mắt trên mặt của Ma Hê Thủ La Thiên như ba điểm nếu chữ Y. Tông môn mượn đó xướng lên lẽ huyền. Chớ nói là không lời, âm thanh ấy như sấm!

Kinh: “Nếu các chúng sanh muốn thống lĩnh quý thần, cứu hộ cõi nước, tôi ở trước người ấy, hiện thân Thiên Đại Tướng Quân, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Thiên Đại Tướng Quân thống lĩnh quý thần, làm Thượng Tướng của Đế Thích.

Ngài Thiên Thai Trí Giả ban đầu trụ ở Ngọc Tuyền.

Quan Công Đại Tướng Quân ứng mộng, nói: “Tôi cùng con là Quan Bình cai trị núi này lâu rồi vậy”.

Ngài Trí Giả thuyết cho giới ba Quy Y.

Quan Công thè nguyện làm Hộ Pháp. Đến nay vẫn cứu hộ cõi nước, vẫn rất linh hiển.

Thầy Truyền Sơn Phổ đến Tô Hoàng Long thỉnh ý chỉ, hỏi rằng: “Ông Anan hỏi Tô Ca Diếp: “Ngoài áo cà sa, Thế Tôn phó truyền pháp gì?”

“Tô Ca Diếp gọi lớn: “Anan!”

“Anan ứng tiếng: “Dạ”.

“Tô Ca Diếp nói: “Ngã rồi cây cột phướn trước cửa!”

“Ý chỉ thế nào?”

Tô Nam Công (06) nói: “Ông ra khỏi đất Thục từng đến Ngọc Tuyền chǎng?”

Đáp: “Đã từng đến”.

Lại hỏi: “Từng ở lại chǎng?”

Đáp: “Một đêm rồi đi”.

Tô Nam Công nói: “Đạo tràng của Trí Giả, Quan Tướng Quân dâng cúng, cùng kết duyên nhau lúc nào mà ngại”.

Thầy Phổ lặng im. Giây lâu hỏi lý trước. Tô Nam Công cúi đầu.

Thầy Phổ bước ra rất hãi hùng, nói: “Nghĩa hổ Tây Xuyên không làm tiêu một cái khạc nhổ của lão này”.

Còn Tô Thúy Nham Chân thượng đường: “Tiên Đức nói, “Việc này như đốt mai rùa. Đốt bèn thành điem bày ra tốt xấu, không đốt thành không biết”. Đốt cùng chẳng đốt, liền là hoa mắt. Thượng Lam (07) thì chẳng thế, không cố chấp, không nhất định. Hư không cõi ngựa, đất hạn đi thuyền. Núi Nam khởi mây, núi Bắc mưa xuống!”

Bèn cầm cây gậy lên, nói rằng: “Cây gậy hóa làm Thiên Đại Tướng Quân đi khắp bốn thiên hạ. Có giữ tiết hay chẳng giữ tiết, có giới hạnh hay chẳng giới hạnh, nhất thời tâu cùng trời Đế Thích”.

Bèn hét, nói:

*“Trượng phu tự có chí xông trời
Chẳng hướng đường đi Như Lai đi”.*

(Trượng phu tự hữu xung thiên chí
Mạc hướng Như Lai hành xứ hành).

Liền đánh vào bàn một cái.

Hai vị Tôn Túc đây, đều đem Đại Tướng Quân mà thuyết pháp. Tức là vì Đại Tướng Quân mà thuyết pháp vậy.

Kinh: “Nếu các chúng sanh muốn thống lĩnh thế giới, bảo hộ chúng sanh, tôi ở trước người ấy, hiện thân Tú Thiền Vương, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Tứ Thiên Vương ở giữa núi Tu Di. Mặt trời mặt trăng đi qua vòng trước cung. Đó là thần của Đế Thích bảo hộ cho bốn cõi thiên hạ (08).

Quan Lục Đại Phu hỏi Tô Nam Tuyền: “Thiên Vương ở địa vị nào?”

Tô Tuyền nói: “Nếu là Thiên Vương, thì chẳng phải địa vị”.

Ông Lục nói: “Đệ tử nghe nói Thiên Vương ở Sơ Địa”.

Tô Tuyền nói: “Đáng dùng thân Thiên Vương để được độ, liền hiện thân Thiên Vương, vì đó thuyết pháp”.

Thử nói xem Nam Tuyền nói Giáo hay nói Tông?

Kinh: “Nếu các chúng sanh muốn sanh nơi Thiên Cung, sai khiến quý thần, tôi ở trước người ấy, hiện thân Thái Tử của Tứ Thiên Vương, vì họ thuyết pháp khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Theo phẩm Phổ Môn, có thần Chấp Kim Cang không có Quốc Thái Tử. Nhưng sai khiến quý thần là Thần Chấp Kim Cang tức là một loại Quốc Thái tử vậy.

Thái Tử Na Tra, con Tỳ Sa Môn Thiên Vương, mỗi nửa đêm theo hầu Tuyên Luật Sư, hoặc đỡ chân cho khỏi té, hoặc đàm luận thăng cảnh Ngũ Đài Sơn. Đó là chỗ Nhị Thừa không biết nổi. Đây là ghi chép lại rõ ràng trong truyện Luật Sư.

Có nhà sư hỏi Thiều Quốc Sư: “Thái Tử Na Tra lóc thịt trả lại cho mẹ, chẻ xương trả lại cho cha. Sau đó hiện lại bốn

thân, vận dụng đại thần lực, ở trên tòa sen, vì cha mẹ thuyết pháp; chưa rõ như thế nào là thân Thái tử?”

Đáp rằng: “Mọi người đều thấy Thượng Tọa hỏi”.

Nhà sư ấy hỏi: “Như thế tức cõi Đại Thiên đồng một Chân Tánh vậy”.

Quốc Sư nói: “Phảng phất tựa khúc đàn mới nghe, lại bị gió thổi thành điệu khác”.

Ngẫm nghĩ chõ này thì thân Thái tử, thân Bồ Tát mọi thứ chọn xét đều chẳng có ra được.

Kinh: “**Nếu các chúng sanh muốn làm Vua cõi người, tôi ở trước người ấy, hiện thân Vua, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.**

Thông rằng: Từ Vua Kim Luân, cho đến Vua Túc Tán đều là Vua của loài người vậy. Kinh Pháp Hoa chỉ nói đến Tiểu Vương, đều là chỉ Vua trong loài người.

Vua Văn Tông nhà Đường rất thích con sò. Quan Sứ miền duyên hải lúc trước thường chuyển dâng, người phải nhọc mệt. Một hôm, trong ngự cỗ có con chè chǎng mở ra. Vua lấy làm lạ, liền đốt hương cầu khẩn; bèn mở ra, thì thấy hình dung của vị Bồ Tát, tướng thanh tịnh đầy đủ. Vua bèn lấy hộp bằng cây hương đàn đỗ mà đựng, gốm tốt bao trên, hiến cho chùa Hưng Thiện, để cho chúng tăng chiêm ngưỡng, lễ bái. Vua hỏi quần thần đây là điểm lành gì? Bèn tâu ở núi Thái Nhất chỉ có thiền sư Chính, rõ sâu Phật pháp, xin chiếu mời hỏi. Vua liền xuống chiếu mời sư đến để hỏi việc ấy.

Tô Chính nói: Thần nghe sự ứng hóa trong Phật sự là không phải không có nhân duyên. Việc này mới khai mở cái lòng tin của Bệ hạ đây. Nên trong khế kinh có nói: “Đáng dùng thân này để được độ, liền hiện thân này, vì đó thuyết pháp”.

Vua nói: “Thân Bồ Tát đã hiện mà chưa nghe thuyết pháp”.

Tô Chính nói: “Bệ hạ thấy đây là thường ư? Là phi thường ư?”

Vua nói: “Sự lạ ít thấy, Trẫm rất tin vậy”.

Tô Chính nói: Bệ Hạ đã nghe thuyết pháp rồi vậy”.

Lòng vua vui vẻ, ra chiêu cho chùa chiền trong thiên hạ, mỗi nơi đều lập tượng Quan Âm, để đèn đáp việc tốt lành đặc biệt ấy.

Con sò đó dùng cái không nói mà nói, Tô Chính dùng lời nói mà nói; đều là Hóa Thân đó vậy.

Kinh: “Nếu các chúng sanh muốn làm chủ gia đình danh tiếng, thế gian kính nhường, tôi ở trước người ấy, hiện thân Trưởng Giả, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Bậc Trưởng Giả có đủ mười đức là dòng dõi sang quý, địa vị cao, giàu lớn, oai thế mạnh mẽ, trí sâu xa, tuổi thọ, hạnh trong sạch, đầy đủ lễ nghi, trên khen, dưới phục, giống như bậc nguyên lão của quốc gia.

Ông Lý trưởng giả tên là Thông Huyền, người Đông Bắc Thái Nguyên, hoặc gọi là bậc Tôn Thất nhà Đường. Năm Thứ Bảy Khai Nguyên, ở ẩn nơi Thổ Khám núi Phương Sơn, làm bộ Hoa Nghiêm Hiệp Luận gồm bốn mươi pho. Cọp quỳ đội kinh, rồng thần hóa suối. Ngày có Thiên Nữ hầu phụng, đêm thì ánh sáng của trăng thay đuốc. Ngày thị tịch, chim thú buồn kêu, khí sáng tột trời. Tuổi thọ chín mươi sáu.

Ông Trương Vô Tận cho là Đức Văn Thù, Phổ Hiền hiện huyền thân, đâu biết chẳng phải Đức Quan Âm hiện huyền thân vậy ư?

Kinh: “Nếu các chúng sanh thích đàm luận những danh ngôn, giữ mình trong sạch, tôi ở trước người ấy, hiện thân Cư Sĩ, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Nghe rộng hiểu nhiều, chẳng cần quan tước, của cải giàu có, giữ chí liêm khiết, gọi là Cư Sĩ.

Ông Bàng Uân, hiệu Đạo Huyền, người xứ Hành Dương sớm ngộ sự mỉa nhả của đời, chí tìm cầu chân lý.

Ban đầu, ra mắt Tô Thạch Đầu, hỏi rằng: “Chẳng cùng muôn pháp làm bạn lứa, ấy là người nào?”

Tô Đầu lấy tay bịt miệng.

Hoát nhiên tinh ngộ.

Ngày nọ, Tô Đầu hỏi: “Từ khi gặp lão tăng đến nay, việc hàng ngày của ông thế nào?”

Cư sĩ đáp: “Nếu hỏi việc dùng hàng ngày, tức không có chỗ mở miệng”.

Bèn trình kê:

“*Việc hàng ngày không khác
Riêng ta tự an bằng
Mỗi mỗi không nắm, bỏ
Chốn chốn chẳng chống ngăn
Lộn xộn ai bày nhỉ?
Non Khưu bắt bụi trần
Gánh nước cùng vác cùi
Đó: diệu dụng, thần thông*”.

Tô Đầu bằng lòng, hỏi: “Ông dùng áo đen hay trắng?”

Cư sĩ nói: “Nguyên theo chỗ thích”.

Bèn chẳng cao, nhuộm.

Sau đến tham vấn Đức Mã Tô, hỏi rằng: “Chẳng cùng muôn pháp làm bạn lứa, ấy là người nào?”

Ngài Mã Tô nói: “Đợi ông hớp một ngụm hết nước Tây Giang, ta sẽ vì ông nói!”

Cư sĩ ngay lời nói nhận liền huyền chi. Bèn ở lại tham học hai năm.

Có bài kê rằng:

“*Có trai chẳng cưới
Có gái chẳng gả*

*Cả nhà sum vầy lại
Cùng nói lời vô sanh”.*

Từ đó cơ phong nhanh lẹ, các nơi đều hướng về.

Cư sĩ xứ Đông Độ, phải lấy họ Bàng làm đầu. Vợ chồng, trai gái đều lên Vô Thượng Giác. Đó là hậu thân của Duy Ma, Kim Túc rộng nói Pháp Môn Bất Nhị. Cũng chẳng là xưa cũ vậy.

Kinh: “Nếu các chúng sanh muốn trị cõi nước, chia rõ bang áp, tôi ở trước người ấy, hiện thân Tề Quan, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Như Lai dùng bốn việc để dẫn dắt chúng sanh, cùng họ đồng sự. Lời dễ hiểu, cơ dễ hợp. Nhưng Tề Quan ấy, đều ỷ tài nghệ, đều chấp nghị luận, chẳng phải đồng bậc thì khó thể nói cùng. Nên hiện thân Tề Quan ở đời để cùng loại vậy.

Ông Hiến Công Biện Triệu Thanh ngoài bốn mươi tuổi dẹp bỏ thanh sắc, chí tâm vào tông giáo. Gặp Tổ Phật Huệ ở Nam Thiền. Ngày ngày ông đều lân la đến, Tổ Huệ chẳng thốt một lời. Sau giữ Thanh Châu, ngoài việc chánh quyền, phần nhiều tĩnh tọa. Bỗng sét nổ lớn kinh hồn, liền khé ngô. Làm bài kệ rằng:

*“Công sở lặng ngồi yên trên ghế
Nguồn tâm chẳng động như nước trong
Một tiếng sét ầm, khai cửa đánh
Kêu lên xưa trước tự nhà mình”.*

Tổ Huệ nghe được, cười rằng: “Ông Triệu ưa nói văn vẻ vang rân, nhỉ”.

Có Ông Phú Trịnh Công Bật ban đầu đối với tông môn chưa có chỗ hướng vào, ông cố gắng khuyên nhũ bèn viết thơ rằng: “Trộm nghĩ, như Ngài, cực kỳ giàu sang như thế, dư dật đạo đức như thế, đầy đủ phước thọ an vui như thế, cao quý nhàn hạ hứa ẩn như thế, chỉ có chỗ chưa lưu ý sâu xa, là một chuyện đại sự nhân duyên của Như Lai mà thôi. Nếu hay thành thật chuyên cầu chỗ chứng ngộ, ắt có ngày xin làm môn hạ chúc mừng”.

Trịnh Công nhờ ông thức tỉnh khuyến khích, ngày đêm chẳng bỏ, tinh tấn trong đạo. Nghe thiền sư Ngung, chủ Đầu Tử, bèn đến gần hỏi chỗ nghi. Gặp Tổ Ngung đang lên tòa, thấy Ngài nhìn lại như voi chúa quay đầu, hơi tĩnh ngộ, bèn giữ lẽ đệ tử. Tổ bảo thị giả cho vào thất.

Tổ Ngung liền nói: “Tướng Công đã vào, Phú Bật còn ở ngoài!”

Ông nghe qua, mồ hôi toát ướt lưng, bèn đại ngộ.

Viết bài kệ gởi Viên Chiếu:

*“Vừa gặp Ngung Công, ngộ nhập thâm
Được truyền lén lút lão sư tâm
Đông Nam chớ nói non sông cách
Ngày đối linh quang với diệu âm”.*

Đây là dùng thân Tế Quan, vì Tế Quan thuyết pháp mà được chứng vậy. Thật đủ làm khuôn mẫu cho đời.

Kinh: “Nếu các chúng sanh thích những số thuật, nghiệp giữ thân tâm, tôi ở trước người ấy, hiện thân Bà La Môn, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Bà La Môn đây gọi là Tịnh Hạnh, rất tôn sùng ngoại đạo, như thờ lửa, nước, tức là hạng số thuật, nghiệp tâm, vệ sanh để tự an vậy. Số thuật hòa hợp với xem tướng, phương pháp thiên văn xem sự thịnh suy.

Tổ Cưu Ma La Thập dòng dõi Bà La Môn, nên xem bói họa, phuortc nhiều điều đúng kỳ lạ, số thuật của Ngài kể ra không hết.

Ông Thị Lang Lý Hạo lúc nhỏ xem Thủ Lăng Nghiêm, như về đất cũ; sau đến Minh Quả Đầu Thành nhập thất.

Tổ Úng Am vỗ vào ngực, nói: “Ông Thị Lang chết rồi đi đâu, nhỉ?”

Ông hãi hùng toát mồ hôi.

Tổ Am quát đuối ra.

Công rút lui tham cứu. Chưa bao lâu thì đến chõ áo Diệu, làm bài kê gởi cho Ông Nghiêm Khương Triều, bạn đồng tham, rằng:

“*Cửa có quán Tôn Tǎn
Nhà có vợ Cam Chí
Đêm ngủ rồi sáng dậy
Ai ngộ với ai mê*”.

Tổ Am khen tốt.

Có thầy Dục Yên Chi cũng học đã lâu với Tô Ứng Am, có hơi tự phụ.

Ông tặng bài kê rằng:

*“Chẳng cần son phấn tự phong lưu
Đường thiền mấy nỗi đến đây thôi
Qua suốt xưa nay chuồng cõi nhốt
Đến đi trong ấy chịu ăn đòn”.*

Xem sự giao du của Ông Lý, đó là lấy hạnh Bà La Môn mà được chứng. Thường thường đều có, đâu chỉ một mình Cam Chí có Tịnh Hạnh thôi đâu.

Kinh: ‘Nếu có người trai muốn học xuất gia, giữ các giới luật, tôi ở trước người ấy, hiện thân Tỳ Kheo, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Đại Sư Tăng Già, người xứ Tây Vực, từng nằm nghỉ ở nhà Bà Hạ Bạt, thân bỗng lớn cao hơn giường chõng phải đến ba thước, làm người người đều kinh hãi. Kế đó hóa ra hình Quan Âm mười một mặt. Trong nhà càng thêm tin trọng, bèn sửa nhà thành chùa.

Vua Trung Tông sai sứ thỉnh vào đao tràng, tôn làm Quốc Sư. Thường ở riêng một thất, trên đỉnh đầu có một cái lỗ, vẫn dùng nùi chỉ tơ nhét lại. Đêm thì mở ra, hương thơm từ trong lỗ ấy bay ra, đến sáng, hương thơm trở lại trong đảnh, rồi lại lấy nùi tơ nhét bít lại. Khi thị tịch, vua đưa đến xứ Lâm Hoài, xây tháp cúng dường.

Vua Trung Tông hỏi thầy Vạn Hồi rằng: “Đại Sư Tăng Già là người nào thé?”

Thầy Hồi đáp: “Đó là hóa thân của Đức Quan Âm vậy. Phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa nói: “Đáng dùng thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni để được độ, liền hiện thân, mà nói pháp cho”. Chỗ này là như vậy đó”.

Khi sư đến Trường An, thầy Vạn Hồi lạy ra mắt rất tôn kính.

Sư vỗ vai thầy, nói: “Ông nhỏ sao ở lại lâu, đi được rồi đó”.

Sư tịch chưa trọn tháng, thầy Hồi cũng tịch luôn.

Thầy Tiệm Nguyên làm thị giả nơi Tô Đạo Ngô. Một hôm theo Tô đến nhà đàn việt phúng điếu.

Thầy Nguyên vỗ trên quan tài, nói: “Sống ư, chết ư?”

Tô Ngô nói: “Sống cũng không nói, chết cũng không nói!”

Thầy Nguyên nói: “Vì sao mà không nói?”

Tô Ngô nói: “Không nói! Không nói!”

Về đến giữa đường, thầy Nguyên nói: “Hôm nay Hòa Thượng phải nói ra cho tôi. Nếu không nói, thì đánh Hòa Thượng”.

Tô Ngô nói: “Đánh thì cứ đánh, nói thì không nói”.

Thầy Nguyên bèn đánh.

Tổ Ngô về chùa nói: “Ông nên rời chốn này, sợ rằng thầy Tri sự biết được thì không tiện”.

Thầy Nguyên bèn lạy từ giã, ẩn nơi chùa trong làng.

Trải qua ba năm, bỗng nghe đồng tử tụng kinh Quan Âm đến chõ, “*Đáng dùng thân Tỳ Kheo để được độ, tức hiện thân Tỳ Kheo*”, hốt nhiên đại ngộ. Liền đốt hương, ở xa mà lạy: “Mới biết lời Tiên Sư để lại chẳng hư lầm. Chính tôi tự chẳng hiểu, lại hờn oán Tiên Sư”. Bèn đến Tổ Thạch Sương, bày cúng trai sám hối.

Thế là một câu “*Tỳ Kheo...*” này đủ rồi giải thoát. Trí lực Quan Âm nhiệm màu, thế nên chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Kinh: “*Nếu có người gái muốn học xuất gia, giữ các cấm giới, tôi ở trước người ấy, hiện thân Tỳ Kheo ni, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.*

Thông rằng: Giới Luật Tỳ Kheo có hai trăm năm mươi điều. Cấm Giới của Tỳ Kheo ni phàm là năm trăm điều. Rõ ràng là hơn Tỳ Kheo, vì tánh nữ kém phần cao sáng, nên dùng cấm luật làm giới vậy.

Ni Lưu Thiết Ma đến Tổ Quy Sơn.

Tổ nói: “Trâu nái già, ngươi đến ư?”

Ni Ma nói: “Ngày mai ở Đài Sơn có hội trai lớn, Hòa Thượng có đi chăng?”

Tổ Quy Sơn duỗi chân nằm.

Ni Ma liền lui ra.

Có nhà sư hỏi Tô Phong Huyệt: “Tô Quy Sơn nói “Trâu nái già, ngươi đến ư?” Ý chỉ như thế nào?”

Tô Huyệt nói : “Chốn sâu mây trăng rồng vàng múa”.

Nhà sư hỏi: “Còn như Lưu Thiết Ma nói “Ngày mai ở Đài Sơn có hội trai lớn, Hòa Thượng có đi chăng?” Ý chỉ như thế nào?”

Tô Huyệt nói: “Trong tâm xanh sóng, ngọc thỏ kinh”.

Nhà sư hỏi: “Quy Sơn bèn bày ra thế năm, ý chỉ như thế nào?”

Tô Huyệt nói:

*“Lè phè già nghỉ ngày vô sự
Rảnh ngủ cao năm đồi núi xanh”.*

Tô Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Từng ngồi ngựa sắt nhập bao thành
Lệnh xuống nghe rằng sáu nước trong (09)
Đường về, như năm roi vàng hỏi
Đêm sâu hành ngựa với ai cùng”.*

Tô Thiên Đồng tụng rằng:

*“Trăm chiến công thành lão thái bình
Hơn thua ai chịu nhọc đo tranh
Ngựa vàng roi ngọc nhàn suốt buổi
Gió trong trăng sáng một đời sang”.*

Về các Tỳ Kheo ni, cơ duyên ngũ cù rất nhiều, đều bày chuyện hướng thượng, nào thuật hết được, nên lục ra để làm khuôn mẫu.

Kinh: “Nếu có người trai thích giữ năm giới, tôi ở trước người ấy, hiện thân Cư Sĩ Nam, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Năm giới tức là giới Sát, Đạo, Dâm, Vọng Ngũ và Uống Rượu. Cư sĩ nam tức là cận sự nam, giữ sự trong sạch, hay giúp việc cho Tỳ Kheo vậy.

Vị đạo nhân Thứ Mười Ba ở Tiên Châu Sơn Ngô thường hỏi đạo các vị thiền đức, đến quy y Ngài Khai Thiện. Rồi kết am ở bên trái, dâng cấp hầu hạ. Đêm mồng Tám tháng Ba, đời Thiện Hưng, bỗng nhiên tò ngộ, làm bài kệ trình Ngài Thiện rằng:

“*Xưa nay không nứt, và
Chạm đến rõ ràng ngay
Đã là ngàn vàng báu
Nào phải động dụng gì*”.

Ngài Thiện đáp lại bài kệ:

“*Đất nứt nẻ rồi vui khoái thay
Tử sanh, phàm thánh sạch liền ngay
Dưới núi Tiên Châu cười ha hả
Chẳng phụ cùng nhau tâm xưa rày!*”

Cư sĩ nam này cũng là giải thoát.

Kinh: “Nếu có người gái tự giữ năm giới, tôi ở trước người ấy, hiện thân Cư Sĩ Nữ, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Cư sĩ nữ gọi là cận sự nữ, giữ sự trong sạch, thường giúp việc cho Tỳ Kheo ni vậy.

Cô Du Đạo Bà, người xứ Kim Lăng, làm nghề chiên bánh dày ở chợ, theo chúng tham hỏi Tồ Lang Gia Khởi. Tồ Khởi lấy chõ Vô Vị Chơn Nhơn của Tồ Lâm Tế nói mà bày chỉ. Một hôm, nghe người ăn xin ca bài Liên Hoa Lạc rằng “Chẳng nhờ Liễu Nghị truyền thơ tín, duyên đâu đến được Động Đinh Hò”, bỗng đại ngộ, bung mâm bánh dày ném xuống đất.

Chồng cô là Bàng Nghệ nói rằng: “Bà điên ư?”

Cô Bà vỗ tay, nói: “Chẳng phải cảnh giới của ông”.

Bèn đi ra mắt Tồ Khởi.

Tồ xa trông, biết chõ sở đắc, hỏi: “Cái gì là Vô Vị Chơn Nhơn?”

Cô Bà nói:

*“Có một Vô Vị Chơn Nhơn
Sáu tay ba đầu nõ lực săn
Một nẻo Hoa Sơn phân hai lối
Muôn năm nước chảy chẳng hay xuân”.*

Từ đó, danh tiếng nổi lên. Cô thường tụng bài Bát An Nhân Duyên (10) của Mā Tồ.

Cô nói: “Mặt trời mặt trăng, hư không chớp nháng. Tuy là dứt yên đâu lưỡi nạp tảng trong thiên hạ, nhưng rõ ràng chỉ nói được một nửa”.

Không ngờ cô cư sĩ mà thuyết pháp như vậy, há không có trăm ngàn ức Hóa Thân ư?

Kinh: “Nếu có người nữ lập thân nội chính, để sửa sang nước nhà, tôi ở trước người ấy, hiện thân Nữ Chúa hay thân Quốc Phu Nhân, đại gia mệnh phụ, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Lập thân trong nội chính để sửa sang nước nhà, dùng món ngon quý làm việc cúng tế, các việc này chẳng có gì không là Phật sự.

Tô Chí Công nói: “Kinh đô, huyền đô mênh mông lại là Bồ Đề Đại Đạo”. Lại nói, “Đại Đạo chỉ là trước mắt, vậy mà trước mắt khó thấy. Muốn biết chân thể của Đại Đạo, nào lìa sắc thanh ngôn ngữ”.

Đạo gần đến như vậy đó. Há cho người nữ là chẳng sẵn đú ư?

Phu nhân Ông Mân Súy là Thôi Thị Phụng Đạo. Bà tự xưng là Luyện Sư. Sai sứ đưa y phục đến Tô Trường Khánh, nói rằng: “Luyện Sư sai đến, xin hồi tin”.

Tô Khánh nói: “Bảo Luyện Sư lãnh nhận hồi tin”.

Giây lát, sứ đến trước mặt Tô dạ lớn, rồi liền trở về.

Hôm sau, Tô Khánh vào phủ.

Luyện sư nói: "Cảm tạ đại sư hôm qua hồi tin"

Tô Khánh nói: "Xin được xem cái hồi tin hôm qua"

Luyện Sư bung mở cả hai tay.

Ông Súy hỏi Tô Khánh rằng: "Luyện Sư vừa trình tin, đại sư vừa ý chăng?"

Tô Khánh nói: "Gần gần chút ít".

Luyện Sư hỏi: "Chưa rõ đại sư ý chỉ thế nào ?"

Tô Khánh im lặng giây lâu.

Luyện Sư nói: "Chẳng thể nghĩ bàn, Phật pháp đại sự thật sâu xa".

Đoạn công án này thật giống pháp môn Bát Nhị của Đức Duy Ma Cật.

Phu nhân nước Tần, Bà Kế Thị Pháp Chân, tự ở góa, xa lánh phồn hoa, thường ăn chay, học tập pháp hữu vi. Nhân Tô Đạo Huệ bảo thị giả Khiêm đến hỏi thăm con của Ngụy Công. Công giữ thầy Khiêm lại, thầy dùng đạo Tô mà dạy cho.

Bà Chân ngày nọ hỏi thầy Khiêm: "Kính Sơn Hòa Thượng bình thường dạy người thế nào?"

Thầy Khiêm nói: "Hòa Thượng chỉ dạy cho người khán "Con chó không có Phật Tánh", cùng với lời nói, "Cái lược tre". Chỉ không được mở lời, không được nghĩ lường, không được hướng về chỗ khởi ra mà hiểu, không hướng về chỗ mở

lời mà nhận lãnh. Con chó lại có Phật Tánh không? Không! (Vô) Chỉ như vậy dạy người khán”.

Bà Chân liền tin chân thành. Trong đêm ấy, ngồi ra súc nghiệm cùu lời nói ấy, bỗng nhiên rõng suốt không ngại.

Thầy Khiêm từ giã trở về.

Bà Chân tự mình viết Kệ nói trường hợp vào đạo trình Tô Huệ.

Bài chót viết:

*“Suốt ngày xem kinh văn
Như gặp người quen cũ
Chớ nói còn có ngại
Mỗi cũ, mỗi lần tân (mới)”.*

Những đại gia mệnh phụ được chứng không ít. Ai mà không được sự gia hộ lặng lẽ của Đại Sĩ, khiến có chỗ thành tựu?

Kinh: “Nếu có chúng sanh không phá nam căn, tôi ở trước người ấy, hiện thân đồng nam, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Tôn giả Vi Đà mười đời đồng chơn. Đồng tử Thiện Tài từ Nam tham hỏi trở về, qua tám chín chục tuổi, cũng có tên đồng tử. Đó là vì nam căn chưa hư vậy.

Thầy Phật Nhứt Bồn Không ban đầu đến Thiên Thai, nói rằng: “Nếu có người đoạt được cơ của tôi, tức là thầy tôi vậy”.

Tìm đến ra mắt Tô Vân Cư, hỏi rằng: “Hai rồng tranh châu, con nào được áy?”

Tô Cư nói: “Trút hết nghiệp thân đi, thì cùng ông tương kiến”.

Thầy Không nói: “Nghiệp thân đã trút”.

Tô Cư nói: “Châu ở chốn nào?”

Thầy Không chẳng đáp được, mới thành thật xin nhập thất, lúc ấy tuổi mới mươi ba.

Bốn năm sau, viếng Tô Giáp Sơn, vừa vào cửa gặp thầy Duy Na.

Thầy Duy Na nói: “Chốn này chẳng chứa kẻ hậu sanh”.

Thầy Không nói: “Tôi đây chẳng tìm chỗ ở trú, tạm đến làm lẽ ra mắt Hòa Thượng”.

Duy Na bạch lại Tô Giáp Sơn. Tô Sơn cho gấp.

Thầy Không chưa bước lên thềm, Tô Sơn liền hỏi: “Ở đâu tới?”

Thầy Không đáp: “Vân Cư đến”.

Tô Sơn nói: “Bèn nay ở tại chốn nào?”

Thầy Không đáp: “Tại trên chót đảnh Giáp Sơn”.

Tô Sơ nói: “Lão tăng hành niên ở Khảm, Ngũ Quỷ lâm Thân”.

Thầy Không định lên thềm.

Tô Sơn nói: “Ba Đạo thèm báu theo chõ nào bước lên?”.

Thầy Không rằng: “Ba Đạo thèm báu ngay khúc ngoặt này, một đường hướng thượng, xin thầy trực chỉ”.

Tô Sơn bèn đón chào. Thầy Không mới bước lên thèm lẽ bái.

Tô Sơn hỏi: “Thầy Xà Lê cùng đi với người nào?”

Đáp: “Mộc Thượng Tọa”.

Tô Sơn nói: “Sao chǎng đến cùng găp lão tăng?”

Đáp: “Hòa Thượng thấy y đôi phần”.

Tô Sơn hỏi: “Tại chốn nào?”

Đáp: “Tại trong nhà giảng”.

Tô Sơn bèn cùng đến trong nhà giảng. Thầy Không liền cầm cây gậy ném trước mặt Tô Sơn.

Tô Sơn nói: “Chǎng phải Thiên Thai đắc ư?”

Đáp: “Chǎng phải Ngũ Nhạc sanh”.

Tô Sơn nói: “Chǎng phải Tu Di đắc ư?”

Đáp: “Cung trăng cũng chǎng găp”.

Tô Sơn nói: “Như thế tức từ người được vậy?”

Thầy Không nói: “Tự mình còn là oan gia, từ người nhận được mà làm gì?”

Tô Sơn nói: “Trong tro nguội có một hột đậu nô”.

Tổ gọi thầy Duy Na sắp xếp nơi chỗ cửa sổ mở.

Thầy Không nói: “Chưa rõ cửa sổ mở lại nói được không?”

Tổ Sơn nói: “Đợi cửa sổ mở nói được, thì nói cho ông”.

Hôm sau, Tổ Giáp Sơn thượng đường, hỏi: “Ông khách đến hôm qua ở đâu?”

Thầy Không bước ra, lên tiếng dạ.

Tổ Sơn nói: “Thầy trước khi chưa đến Vân Cư, thì ở đâu?”

Đáp: “Tại Thiên Thai Quốc Thanh”.

Tổ Sơn nói: “Ta nghe Thiên Thai có nước chảy róc rách, sóng biếc lặng trong. Cám ơn thầy ở xa đến. Ý này như thế nào?”

Đáp: “Ở lâu hang núi, chẳng mang chùm gởi”.

Tổ Sơn nói: “Đó còn là Xuân ý, Thu ý thì làm sao?”

Thầy Không im lặng giây lâu.

Tổ Sơn nói: “Xem ông chỉ là đứa chồng ghe. Rốt cuộc chẳng phải người giỡn sóng”.

Hôm sau, nhóm chúng cắt việc. Thầy Duy Na khiến thầy Không vận tải trà.

Thầy Không nói: “Tôi vì Phật Pháp mà đến, chẳng phải vì vận tải trà mà đến”.

Thầy Duy Na rằng: “Đó là vâng lời sự phân định của Hòa Thượng”.

Thầy Không nói: “Tôn lệnh của Hòa Thượng thì được”.

Mới đem trà đến chõ làm việc, khua chén trà gây ra tiếng. Tô Sơn quay ngó lại.

Thầy Không nói: “Trà đậm năm ba chén, ý tại bên vạc trà”.

Tô Sơn nói: “Bình có thể rót trà, trong giỏ bao nhiêu chén?”

Thầy Không nói: “Bình có thể rót trà, trong giỏ không một chén”.

Bèn rót trà. Chúng đều đưa mắt nhìn.

Thầy Không nói: “Đại chúng ngóng cỗ trông mong, xin Thầy một lời”.

Tô Sơn nói:

*“Rắn chết giữa đường đừng đánh giết.
Giỏ không đầy ấy đừng mang về”.*

Thầy Không nói: “ Tay cầm bùa soi đêm, mấy ai hay trời sáng”.

Tô Sơn nói: “Này đại chúng, có người rồi! Về thôi! Về thôi!”

Liền bỏ công việc làm chung, trở về chùa. Chúng đều khen ngợi, ngưỡng mộ.

Ôi, đồng tử giác ngộ thật có vậy. Như Phật Nhật cùng Tô Giáp Sơn gõ xướng, thật lạ lùng.

Kinh: “Nếu có người xǔ nữ thích thân xǔ nữ, chǎng cầu sự xâm bạo, tôi ở trước người ấy, hiện thân đồng nữ, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Người không dâm trong tạo vật thì có thể đếm được vậy. Vì từ chõ chǎng sạch, thì chǎng sạch chǎng đáng ham thích. Bị người xâm bạo, thì xâm bạo chǎng đáng ham thích. Vì ham vui bao nhiêu, thì càng tiêu tụy bấy nhiêu. Huống gì gây nghiệp quả sanh tử, không có lúc ngừng nghỉ sao?

Ông Bàng Cư Sĩ, con gái là Linh Chiếu, trinh tiết vượt đời, nêu cốt cách cho người, thường cung cấp cháo rau sớm tối.

Ông Bàng đang ngồi, hỏi Cô Chiếu rằng: “Người xưa nói, “Rành rành trăm ngọn cỏ, rành rành ý Tô Sư”, hiểu thế nào đây?”

Cô Chiếu nói: “Già cả rồi mà lời lẽ như thế!”

Ông Bàng nói: “Theo cô thì sao?”

Cô Chiếu đáp: “Rành rành trăm ngọn cỏ, rành rành ý Tô Sư!”

Bàng cư sĩ liền cười.

Ngày nọ, cư sĩ nhân xuống cầu bị ngã. Cô Chiếu thấy, liền đến nằm bên cha.

Cư sĩ nói: “Ngươi làm gì vậy?”

Cô Chiếu đáp: “Thấy cha ngã xuống đất, con đến đỡ dậy”.

Tô Đơn Hà đến thăm cư sĩ, gặp Cô Chiếu đang rửa rau.

Tô Hà hỏi: “Cư sĩ có nhà chǎng?”

Cô Chiếu thả rổ rau xuống, khoanh tay đứng sững.

Tô Đơn Hà lại hỏi: “Cư sĩ có nhà chǎng?”

Cô Chiếu bụng rỗ mà đi. Tô Hà bèn trở về.

Chốc lát, cư sĩ về đến, Cô Chiếu nói lại chuyện trước.

Cư sĩ nói: “Thầy Đơn Hà còn đây ư?”

Cô Chiếu đáp: “Về rồi”.

Cư sĩ nói: “Đất đỏ bôi trâu nái”.

Cư sĩ sắp nhập diệt, bảo Cô Chiếu rằng: “Xem mặt trời gần trưa, đúng Ngọ thì báo”.

Cô Chiếu bèn nói: “Mặt trời đúng Ngọ rồi, nhưng có nguyệt thực”.

Cư sĩ ra cửa xem. Cô Chiếu liền lên chỗ ngồi của cha, chắp tay ngồi tịch.

Cư sĩ cười, nói: “Con gái ta lanh lợi quá”.

Ông bèn hoãn lại bảy ngày sau mới tịch.

Đời truyền rằng Cô Linh Chiếu là Cố Phật hóa thân ở trong cõi đời này chứng Như Lai, cùng Long Nữ không khác, đều là không thể nghĩ bàn vậy.

Kinh: “Nếu có Chu Thiên muốn ra khỏi bậc trời, tôi hiện thân trời, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Từ Đế Thích trở lên các Thiên Chủ, đều là bậc Bồ Tát Sơ Địa hiện thân để giáo hóa các vị trời vậy, cho nên không nói là “Ra khỏi”. Các vị trời thuần lạc, ít tâm tinh tấn, tất là sanh nơi nhân gian, “Không” được nǎm trước mới có thể chứng quả. Cho nên thích làm người, muốn làm người cũng không nói được là “Ra khỏi”. Chỉ có hạng Trời, Rồng, Tám Bộ, hẳn phải thoát khỏi loài mình, sau mới thành tựu. Nếu phân thân biến hóa, chẳng ở trong vòng luật lệ này.

Khi ấy, trong nhà Đức Duy Ma Cật, có một vị Thiên Nữ thấy các trời, người đến nghe thuyết pháp, bèn hiện thân dùng hoa trời rải lên các vị Bồ Tát và các đại đệ tử. Hoa đến Bồ Tát đều liền rơi xuống, đến các đại đệ tử thì dính chẳng rớt. Tất cả đệ tử, dùng thần lực phủi hoa mà chẳng phủi được.

Khi ấy, Thiên Nữ hỏi Ngài Xá Lợi Phất: “Vì sao phủi hoa?”

Đáp rằng: “Hoa này chẳng như Pháp, vì thế phủi đi!”

Thiên Nữ nói: “Chớ nói hoa này chẳng như Pháp, vì sao thế? Vì hoa này không có chỗ phân biệt. Nhân giả tự sanh tướng phân biệt đó. Nếu theo Phật Pháp xuất gia mà có chỗ phân biệt, thế là chẳng như Pháp. Nếu không có chỗ phân biệt,

đó là như Pháp. Hãy nhìn các vị Bồ Tát, hoa chẳng dính bám, vì đã dứt lìa tất cả tướng phân biệt. Ví như khi người sơ, ma quỷ mới được dịp. Cũng thế, vì đệ tử sơ sanh tử, cho nên sắc, thanh, hương, vị, xúc được thừa dịp vậy. Đã lìa sơ sệt, tất cả năm dục chẳng thể làm gì. Sự kết tập chưa hết, thì hoa dính thân. Sự kết tập dứt hết, hoa chẳng dính vậy”.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Thiên Nữ ở nhà này đã được bao lâu?”

Đáp rằng “Tôi ở nhà này như sự giải thoát của Ngài”.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Ở đây lâu thế sao?”

Thiên Nữ đáp: “Sự giải thoát của Ngài cũng là lâu sao?”

Xá Lợi Phất lặng thinh chẳng đáp.

Thiên Nữ nói: “Bậc đại trí kỳ cựu như sao mà lặng im?”

Đáp rằng: “Sự giải thoát không có lời để nói, cho nên đối trong ấy, tôi chẳng biết nói sao”.

Thiên Nữ nói: “Lời nói, văn tự đều là tướng giải thoát. Vì sao như thế? Giải thoát ấy là chẳng trong chẳng ngoài, chẳng ở hai bên. Văn tự cũng chẳng trong chẳng ngoài, chẳng ở hai bên. Thế nên, Ngài Xá Lợi Phất, chớ lìa văn tự mà nói giải thoát. Vì sao như thế? Tất cả các pháp chính là tướng giải thoát”.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Chẳng phải vì lìa đâm, nô, si là giải thoát sao?”

Thiên Nữ nói: “Phật vì người tăng thượng mạn, nói lìa dâm nộ si là giải thoát. Nếu người không có tăng thượng mạn, Phật nói tánh dâm nộ si tức là giải thoát”.

Ngài Xá Lợi Phất nói: “Lành thay! Lành thay! Thiên Nữ! Cô đắc chổ gì, chứng được pháp gì, biện luận đến như thế?”

Thiên Nữ nói: “Tôi không đắc, không chứng, nên biện luận như vậy. Vì sao như thế? Có đắc, có chứng tức trong Phật Pháp là người tăng thượng mạn”.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi Thiên Nữ: “Đối nơi Ba Thùa, chí cô câu gì?

Thiên Nữ đáp: “Cần pháp Thanh Văn giáo hóa chúng sanh nên tôi làm Thanh Văn. Cần pháp Nhân Duyên giáo hóa chúng sanh, nên tôi làm Bích Chi Phật. Cần pháp Đại Bi giáo hóa chúng sanh, nên tôi là Đại Thùa. Ngài Xá Lợi Phất, như người vào rừng Chiêm Bặc, chỉ ngửi hương Chiêm Bặc, chẳng ngửi hương nào khác. Cũng thế, như vào nhà này, chỉ nghe hương công đức Phật, chẳng thích nghe hương công đức của Thanh Văn và Bích Chi Phật”.

Bấy giờ Đức Duy Ma Cật nói với Ngài Xá Lợi Phất: “Vì Thiên Nữ này đã từng cúng dường chín mươi hai úc Chư Phật, đã hay du hý Bồ Tát thần thông. Chỗ nguyện đầy đủ, đắc Vô Sanh Nhẫn, trụ bậc Chẳng Lui Sụt. Vì bốn nguyện nên tùy ý thị hiện, giáo hóa chúng sanh.

Đây là Quán Thế Âm chẳng? Chẳng phải Quán Thế Âm chẳng?

Kinh: “Nếu có các Rồng muốn ra khỏi bậc Rồng, tôi hiện thân Rồng, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Loài Long Thần rất biết kính trọng Tam Bảo, nên kho tàng dưới biển ở Long cung chứa đầy Phật Pháp. Họ nghe Pháp mà được giải thoát cũng dễ dàng. Như trong kinh Pháp Hoa, Đức Bồ Tát Văn Thủ dạy Cô Long Nữ.

Khi ấy, Ông Xá Lợi Phất nói với Long Nữ rằng: “Cô nói là chúng đắc Đạo Vô Thượng, việc ấy khó tin. Vì sao như thế? Thân nữ do bần, chẳng phải là pháp khí, làm sao có thể đắc Bồ Đề Vô Thượng? Đạo Phật tốt vời mênh mông, qua vô lượng kiếp cần khổ bồi hạnh, tu đủ các ba la mật, rồi sau mới thành. Lại thân người nữ còn năm chướng ngại. Một là chẳng được làm Phạm Thiên Vương; hai là Đề Thích; ba là Ma Vương; bốn là Chuyển Luân Thánh Vương; năm là thân Phật. Làm sao thân nữ chúng đắc thành Phật?”

Lúc ấy, Long Nữ có một ngọc báu giá trị ba ngàn đại thiên thế giới, cầm dâng lên Phật. Phật liền nhận ngọc.

Long Nữ nói với Bồ Tát Trí Tích và Tôn Giả Xá Lợi Phất rằng: “Tôi dâng ngọc báu, Thế Tôn thu nhận, việc ấy nhanh chăng?”

Đáp rằng: “Rất nhanh”.

Long Nữ nói: “Dùng thần lực, Ngài xem tôi thành Phật còn nhanh hơn thế”.

Chúng hội đương thời đều thấy Long Nữ trong khoảnh khắc hốt nhiên biến thành ra trai, đủ hạnh Bồ Tát, liền qua thế

giới Vô Cầu Nam Phương ngồi tòa sen báu, thành Đẳng Chánh Giác, ba mươi hai tướng, tám chục thứ tốt, khắp vì mười phương tất cả chúng sanh diễn thuyết diệu pháp.

Khi ấy, nơi thế giới Ta Bà, Bồ Tát, Thanh Văn, Trời, Rồng, tám bộ, người cùng Quỷ Thần đều xa thấy Long Nữ ấy thành Phật.

Đó là chõ thuyết pháp thành tựu của Đức Văn Thù.

Biết đâu chõ thành tựu của Đức Quan Âm chẳng lại như thế ư?

Kinh: “**Nếu có Dược Xoa muốn thoát loài mình, tôi ở trước người ấy, hiện thân Dược Xoa, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.**

Thông rằng: Dược Xoa gọi là nhanh nhẹ, cũng gọi là dò xét, tức là để giữ thành trì cửa Trời vậy.

Thầy Thích Thanh Hư tụng Kim Cang Bát Nhã, ba nghiệp đều chuyên nhất, thường trì tụng nơi núi rừng, có điểm lành bảy con nai thuần lành thuận theo. Khi thầy nhập hạ tại Thiếu Lâm, trên đỉnh núi có một cái thất thờ Phật, không ai dám đến, cho là nhà của quỷ thần.

Từng có một thầy Luật, sư ý vào giới hạnh, đêm nọ đến tụng luật thì thấy một người cao lớn cầm giáo đâm mình, lê lết khốn khổ xuống núi, đi không nổi, mất hết khí lực.

Lại còn có nhà sư trì chú Hỏa Đầu Kim Cang, ai cũng tôn trọng. Đại chúng nói với thầy rằng: “Chú lực của thầy vô song, có thể ở nơi đó được chẳng?”

Đáp rằng: “Đây há sợ ư?”

Liền cầm hương đèn và ngồi trì chú. Chốc lát, vị thần xuất hiện, lấy tay nắm cẳng lôi đi, ném xuống khe nước. Suốt bảy ngày chẳng nói được, tinh thần hôn mê đảo lộn.

Thầy Thanh Hư nghe được, nói rằng: “Hạ thú, quý vật dám thế ư?”

Liền sang đó tụng kinh như thường. Đêm nghe trên không dường như có tiếng rất hung ác, liền niệm chú Quan Âm Thập Nhất Diện. Lại nghe trong điện như có tiếng hai con trâu đánh nhau, tượng Phật đều rung rinh. Chú cũng đã mệt hiệu nghiệm. Trở lại trì tụng kinh Kim Cang, tượng tự như một cái gút vững chắc, thì ảnh hưởng đều dứt.

Từ đó, người ở không còn lo sợ. Há cũng là nghe tú cú kệ mà chóng được giải thoát đó ư?

Có nhà sư hỏi Tô Đạo Ngô Chơn: “Thế nào là thể Chân Như?”

Đáp: “Dạ Xoa quỳ gối, con ngươi đén thui”.

Hỏi: “Thế nào là dụng Chân Như?”

Đáp: “Gậy Kim Cang đập bể núi Thiết Vi”.

Tức đây là chỗ dẫn ra “Thần Kim Cang, quý Dạ Xoa”, cũng đủ phát minh việc hướng thượng. Há đâu chẳng phải Chân Như sao?

Kinh: “Nếu có Càn Thát Bà muốn thoát loài mình, tôi ở trước người ấy, hiện thân Càn Thát Bà, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Càn Thát Bà gọi là Tâm Hương, là Thần Nhạc của Đế Thích.

Nhân dịp Vua Càn Thát Bà hiến nhạc cho Đức Thế Tôn, khi ấy núi sông đất đai, hết thảy đều khởi tiếng đàn.

Ngài Ca Diếp đứng lên nhảy múa.

Vua hỏi: “Ca Diếp há chẳng phải là A La Hán, các lậu đã hết, sao còn sót tập khí cũ?”

Phật rằng: “Thật không còn tập khí cũ, chớ phi báng pháp”.

Vua lại gảy đàn ba phen thì Ngài Ca Diếp cũng ba phen nhảy múa.

Vua nói: “Không phải Ca Diếp nhảy múa sao?”

Phật rằng: “Thật chẳng từng nhảy múa”.

Vua nói: “Thế Tôn sao có vọng ngũ?”

Phật rằng: “Chẳng có vọng ngũ. Ông đánh đàn, núi sông đất đai gỗ đá hết thảy đều nổi tiếng đàn, chẳng phải sao?”

Vua nói: “Thật vậy”.

Phật rằng: “Ông Ca Diếp cũng lại như thế. Vì thế thật chẳng từng nhảy múa”.

Vua bèn tin nhận.

Cỗ đức tụng rằng:

“Nhè nhẹ gảy lên một tiếng đàn
Vang tiếng Tam Thiên với Đại Thiên
May có Âm Quang hay ý ấy
Mới dùng tay (áo) lụa rước khói xuân”.

Tổ Huyền Sa hỏi nhà sư: “Thành Càn Thát Bà, ông hiểu thế nào?”

Đáp: “Như mộng như huyễn”.

Tổ Pháp Nhãnh riêng gõ vật chỉ bày đó.

Hai tắc công án này thịnh hành. Thật là Thần Càn Thát Bà còn ở đây nói pháp.

Kinh: “Nếu có A Tu La muốn thoát loài mình, tôi ở trước vị ấy, hiện thân A Tu La, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: A Tu La gọi là Phi Thiên (11), lại gọi là Vô Tựu (12), vì sắn mà chẳng do uống rượu. Lại gọi là Không Đoan Chánh, vì nữ đẹp mà nam xấu vậy.

Tổ Lâm Tế nói: “Ông nói Phật có sáu thần thông chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chư thiên, thần tiên, a tu la, đại lực quỷ cũng có thần thông, có phải là Phật chẳng? Kẻ học đạo chớ lầm! Như A Tu La cùng Trời Đế Thích đánh nhau, thua trận, dẫn tám vạn bốn ngàn quyến thuộc chun trốn trong lỗ còng sen, không là thánh ư?

“Như chõ nêu ra của sơn tăng, đó đều là nghiệp thông, y thông (13). Phàm như lục thông của Phật, thì vào sắc giới chǎng bị sắc làm gạt; vào thanh giới chǎng bị tiếng làm gạt; vào hương giới chǎng bị hương làm gạt; vào vị giới chǎng bị mùi làm gạt, vào xúc giới chǎng bị xúc làm gạt, vào pháp giới chǎng bị pháp làm gạt. Vì lẽ thông đạt sáu thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều là không tướng, làm sao trói buộc. Đạo nhân *không-chõ-nương* này tuy là xác phàm năm ấm, chính là bậc địa hành thần thông”.

Khiến cho A Tu La nghe được pháp này mà đem hồi hướng lục thông, chǎng có tự ý vào cái thần thông nương dựa vậy. Thì sao có sự không thể giải thoát ư?

Kinh: *Thêm vào rằng*: “*Nếu có Ca Lâu Na muốn thoát loài mình, tôi ở trước vị ấy, hiện thân Ca Lâu Na, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.*

Thông rằng: Theo bản dịch kinh Pháp Hoa, Bích Chi Phật tuy gồm hai ý Độc Giác, Duyên Giác mà thật chỉ là một Bích Chi vậy. Kinh này đối với Độc Giác, Duyên Giác chia làm hai, mới thiếu một loài Ca Lâu Na, đối với phẩm Phổ Môn chǎng phù hợp, nay bổ khuyết thêm. Ca Lâu Na gọi là Kim Xí Diệu, cánh màu vàng, dương ra dài ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, xem rõng biển nào mạng sắp hết thì dùng cánh quạt tách nước biển, bắt lấy mà ăn.

Thuở Ông Xá Lợi Phật sáng lập vườn Cấp Cô Độc, cùng với Lao Đê Sai tranh thắn. Thầy Sai hóa rồng dữ muốn hại Ông Phật. Ông Phật hóa ra chim Diệu Xí chụp xé mà ăn.

Về sau có nhà sư hỏi Tô Hưng Dương Phẫu rằng: “Ta Kiệt (14) xuất biển, càn khôn sạch. Đối mặt trình nhau sự thế nào?”

Tô Phẫu nói: “Diệu Xí Đieu Vương trùm vũ trụ. Trong kia ai kẻ ló đầu ra?”

Nhà sư hỏi: “Bỗng gặp lúc ló đầu, lại làm thế nào?”

Tô Phẫu nói: “Như (chim) cắt, bắt (chim) cưu, ông chẳng rõ. Trước lâu ngự nghiệm mới hay Chân”.

Nhà sư nói: “Như thế ắt khoanh tay ngay ngực, lui thân ba bước!”

Tô Phẫu nói: “Dưới núi Tu Di con rùa đen ngu ngốc “Chẳng đợi dạy lại khuyên “Điểm dấu trên trán”””.

Tô Thiên Đồng tung rằng:

*“Chiếu chỉ xuống, hiệu lệnh phân
Trong cõi: thiên tử; ngoài ải: tướng quân
Chẳng chờ sấm chớp nở sâu
Ai hay gió tạt mây đi
Cơ quan áy liên miên, hè, tự có kim vàng chỉ ngọc
Trước mặt ấn rộng không, hè, nguyên không dấu
điều vết trùng”.*

Đây là dùng Kim Xí Đieu phát minh việc hướng thượng, thì không đối thủ, nên Kim Xí Đieu hẳn là thuyết pháp đệ nhất.

Kinh: “Nếu có Khẩn Na La muốn thoát loài mình, tôi ở trước vị ấy, hiện thân Khẩn Na La, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Khẩn Na La gọi là Nghi Nhân, vì thân người mà có sừng, thấy đó đậm nghi. Đây là Thần Pháp Nhạc của Thiên Đế. Càn Thát Bà tấu nhạc thế gian. Khẩn Na La thì tấu nhạc xuất thế gian. Tấu pháp Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, sáu Ba La Mật thì nhạc phàm tục không thể sánh.

Hiện đời này, thần Già Lam chùa Thiếu Lâm từng hiện thần lực, hai chân nhảy vượt hai hòn núi Thái Thát và Thiếu Thát, cầm gậy đuổi giặc. Giặc sợ, vỡ tan chẳng dám vào chùa. Sư trong chùa vì lẽ ấy nên phần nhiều học quyền bồng. Mỗi khi điều động dẹp giặc, chỉ tung danh hiệu Khẩn Na La Vương Bồ Tát, do đó không khiếp sợ, thường thường thắng địch. Hoặc nói rằng “Tức là Quan Âm Bồ Tát hóa thân vậy”.

Thầy Phong Huyệt làm người coi vườn ở Tô Nam Viện. Một hôm, Tô Nam Viện đến vườn, hỏi rằng: “Một gậy phuơng Nam làm sao thương lượng ?”

Thầy Huyệt rằng: “Thương lượng kỳ đặc!”

Chập lâu, thầy Huyệt lại hỏi: “Nơi đây Hòa Thượng làm sao thương lượng?”

Tô Nam Viện dơ gậy lên, nói:

*“Dưới gậy: Vô Sanh Nhẫn
Đang cơ: chẳng thấy Thầy”.*

Thầy Huyệt ngay ấy hoát nhiên đại ngộ.

Pháp bỗng của Tồ Lâm Tế ít có truyền lại, mà pháp bỗng của Khẩn Na La cho đến nay thương lượng cũng chưa rồi. Có khác ư? Không khác ư?

Kinh: “Nếu có Ma Hô La Già muốn thoát loài mình, tôi ở trước họ, hiện thân Ma Hô La Già, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Ma Hô La Già gọi là Đại Mãng (15), bò đi bằng bụng, cũng gọi là Rồng Đất gìn giữ Già Lam vậy.

Tồ Thứ Mười Ba là Tôn Giả Ca Tỳ Ma La, đi trong núi chừng vài dặm đường, gặp một con trăn lớn. Tồ đi thẳng chẳng để ý đến, trăn mới quấn quanh thân Tồ. Tồ nhân đó truyền cho pháp tam quy y. Trăn nghe xong mà lui đi.

Tồ đến hang đá, một ông già mặc áo trắng bước ra, chắp tay chào hỏi.

Tồ hỏi: “Ông ở chốn nào?”

Đáp rằng: “Xưa tôi từng làm Tỳ Kheo, rất thích sự lặng yên. Có nhiều kẻ mới tu đến học đạo, tôi bức chuyện ứng đáp, khỏi tưởng sân hận. Mạng hết, đọa làm thân trăn, ở trong hang này đã ngàn năm nay. Vừa rồi gặp được Tôn Giả, được nghe giới pháp, nên cảm tạ vậy”.

Tồ hỏi rằng: “Núi này còn có ai ở không?”

Đáp: “Cách đây mười dặm, có cây lớn che năm trăm con rồng lớn, Thọ Vương ấy tên Long Thọ, thường vì chúng rồng nói pháp. Tôi cũng được nghe”.

Tô bèn đến đó.

Long Thọ bước ra đón, nói: “Núi sâu cô tịch, rồng rắn ở đây, Đại Đức Chí Tôn, việc gì phải đến đây?”

Tô nói: “Tôi chẳng phải bậc Chí Tôn, đến thăm hiền giả đó”.

Long Thọ nghĩ thăm rằng: “Thầy này đắc đạo nhẫn quyết định tánh minh chẳng? Là đại thánh kế tục chân thừa chẳng?”

Tô nói: “Tuy ông nói trong lòng, tôi đã biết ý. Chỉ việc xuất gia, lo gì tôi chẳng thánh?”

Ông Long Thọ nghe xong, ăn năn tạ lỗi. Tô liền độ thoát cho. Đến năm trăm chúng Rồng, đều thọ giới cụ túc.

Bài kệ truyền pháp rằng:

*Pháp chẳng ẩn chẳng hiển
Nói đây Chân Thật Tế
Ngộ pháp ẩn hiển này
Chẳng ngu cũng chẳng trí.*

Chỉ cái chẳng ngu chẳng trí này thì rồng rắn cũng đều có thể độ thoát vậy.

Kinh: “Nếu có chúng sanh thích loài người, tu làm người, tôi hiện thân người, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.

Thông rằng: Ở trước, nào là vua chúa, tể quan, trưởng giả, cư sĩ, trọn bốn chúng, chẳng phải là người ư? Sao còn có kẻ muốn tu làm loài người? Ấy là chỉ hạng sĩ, nông, công, thương, là nói những người không để ý đến Tam Thừa. Họ vẫn

sẵn đủ Phật Tánh, suốt ngày từng thuyết pháp mà chẳng tự hay biết vậy.

Thiền sư Bàn Sơn Tích nhân đi dạo chơi phố chợ, thấy một người khách mua thịt heo nói với người hàng thịt rằng: “Thứ ngon, cắt cho một cân”.

Người hàng thịt ném dao xuống, khoanh tay nói: “Thưa Ngài, có cái nào chẳng phải thứ ngon đâu?”

Sư nơi đây có chõ tinh ngộ.

Lại ngày nọ ra cửa, thấy người ta xúm khiêng đám tang, phuòng ca đánh chuông ca rằng: “Vàng hồng quyết định về Tây lặn. Chưa rõ hồn linh đến chốn nào?” Dưới trướng, đám con hiếu khóc lén ai oán.

Sư bỗng nhiên thân tâm bay bổng, vè nói lại với Đức Mã Tô. Tô ấn khả cho.

Hòa Thượng Bửu Thọ ban đầu ở Tô Bửu Thọ làm chủ cúng dường.

Tô Thọ hỏi: “Trước khi cha mẹ sanh ra, đưa đây cái bốn lai diện mục ta xem!”

Sư đứng đến khuya, đáp lời chẳng khé hợp, sáng ngày từ giã ra đi.

Tô Thọ hỏi: “Ông đi đâu?”

Sư đáp: “Hôm qua, nhờ Hòa Thượng hỏi, con chẳng hiểu được, nên sang phuơng Nam tham học thiện tri thức”.

Tổ Thọ nói: “Phương Nam cấm Hạ chẳng cấm Đông, ta ở đây cấm Đông chẳng cấm Hạ. Ông hãy kiết hạ ngay chốn phố phường. Thật là Phật Pháp thì trong chỗ đô hội, bụi trần dày đẫy thường thuyết chánh pháp!”

Sư chẳng dám bỏ đi.

Một hôm, giữa ngã tư thấy hai người đang cãi nhau. Một người hoa nắm tay, nói: “Mày thật là đồ không mặt mũi!”

Sư ngay đó đại ngộ. Chạy về ra mắt Tổ Bửu Thọ, chưa kịp mở lời, Tổ đã nói: “Ông hiểu rồi, khỏi cần nói!”

Sư bèn lế bái.

Hai tắc này, chỉ hiện thân người, bèn hay thuyết pháp, há phải Đại Sĩ hiện ra rồi sau mới có thành tựu?

Kinh: “**Nếu có các Phi Nhân, vô hình hoặc hữu hình, hữu tưởng hoặc vô tưởng, muốn thoát loài mình, tôi ở trước kề ấy, đều hiện thân họ, vì họ thuyết pháp, khiến cho thành tựu.**

Thông rằng: Trời, Rồng nói là *xuất* (ra). Trời hay chán sự vui, Rồng hay sợ khổ, vì tự có con đường xuất thân, rất dễ độ vậy. Loài Càn Thát Bà, nói là *thoát* (khỏi), vì nghiệp báo ràng buộc, rất khó giải thoát. Phi Nhân, Dược Xoa nói là *độ* (qua) vì đã chìm trong sự khổ sở tối tăm, như đắm trong biển lớn, ắt cần bè cứu vớt, đều gọi là *độ* thoát, nhưng trong ấy khó dễ chẳng đồng như thế. Loài vô hình, vô tưởng là loài thần quy, tinh linh vậy. Loài hữu hình vô tưởng là đất, cây, kim, đá vậy.

Kinh Du Già Diệm Khâu, Tiêu Diện Quý Vương tức là Đức Quan Âm Đại Sĩ hóa hiện ra vậy.

Ở Trung Nhạc, có Hòa Thượng Phá Táo Đọa lời lẽ việc làm không thể lường được. Trũng núi có cái miếu rất linh, trong điện chỉ để một cái bếp, xa gần cúng kiến chǎng ngót.

Sư một ngày kia dẫn thày đạo hầu đi vào miếu, lấy gậy gỗ bếp ba cái, nói: “Ôi chà! Cái này chỉ là đất sét nhồi thành, Thánh từ đâu đến, linh từ đâu ra mà nấu nướng sinh mệnh thế!”

Lại đánh ba cái. Bếp bèn bể ra rót xuống.

Chốc lát, có một người áo xanh mũ cao hiện ra, làm lẽ trước mặt sư.

Sư nói: “Người nào đây?”

Đáp: “Tôi vốn là thần bếp miếu này, đã lâu chịu nghiệp báo. Ngày nay nhờ thày nói pháp vô sanh, được thoát khỏi chốn này, sanh ở cõi trời, riêng đến tạ ơn”.

Sư nói: “Đó là cái tánh vốn có của ông, chǎng phải ta gượng nói”.

Vị thần lại làm lẽ rồi biến mất.

Chút sau, thày đạo hầu hỏi rằng: “Chúng con hầu Hòa Thượng đã lâu, mà chǎng được bày dạy, thần bếp được yếu chỉ vắn tắt nào mà liền được sanh cõi trời?”

Sư đáp: “Ta chỉ hướng về người ấy nói “Đó là đất sét hòa thành”. Không có đạo lý gì riêng cho ông ta”.

Thày đạo hầu không có lời nào để nói.

Sư hỏi: “Hiểu chǎng?”

Đạo hầu nói: “Chǎng hiểu”.

Sư nói: “Cái tánh săn có, vì sao chǎng hiểu?”

Thầy đạo hầu liền bèn lẽ bái.

Sư nói: “Rót rồi! Rót rồi! Bể rồi! Bể rồi!”

Về sau, thiền sư Nghĩa Phong kể lại với An Quốc Sư. Tô An than rằng: “Vị ấy hiểu trọn vật-ngã nhất như, khá nói như trăng sáng giữa không, không đâu chǎng thấy. Thật khó có ra cái ngũ mạch của người ấy”.

Sư Phong hỏi: “Chưa rõ người nào có được ngũ mạch ấy?”

Tô Am nói: “Người chǎng biết thì gọi là Phá Táo Đọa!”

Không biết là ai, há cũng chǎng phải là sự hóa hiện của Đức Quan Âm ư?

Kinh: “Đó gọi là ba mươi hai Ứng Thân Diệu Tịnh, vào các cõi nước. Đều là Diệu Lực Vô Tác của Văn Huân Văn Tu Tam Muội mà tự tại thành tựu.

Thông rằng: Hiệp Luận nói, chõ nói cái “*Diệu Lực Vô Tác tự tại thành tựu*”, là chõ trong kinh Tạp Hoa xưng là “*Phổ Hiền Đối Hiện Sắc Thân*”, Kinh Pháp Hoa xưng là “*Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội*” vậy. Bởi vì âm thầm xông khắp pháp giới, là cái căn lực từ thiện, chân tế bất động, ứng hiện khắp mười phương. Lấy cái Từ Bi của thánh hạnh ứng với cơ Không, thì giữ lấy hình thể bất tịnh, hình trạng dường như dẽ

sợ. Lấy cái Từ Bi của thiên hạnh ứng với cơ Trung, thì như ngựa hay thấy bóng roi, chạy đường thẳng lớn, không gì ngại sợ. Lấy cái Từ Bi của phạm hạnh ứng với cơ Giả, thì ngồi tòa sư tử, để chân ghé báu, như người buôn bán giỏi, qua khắp các nước, vào ra đều lời lãi, không đâu chẳng có. Đó là ba thứ cơ Không, Giả và Trung, nói ra khiến cho chúng sanh thấy sự việc như thế, đây là Sắc Thân Tam Muội của kinh Pháp Hoa vậy.

Thân dụng Như Lai khắp mười phương, tùy căn mà đổi hiện. Dùng nguyện lực đại từ bi chẳng bỏ chúng sanh, nên trong một niệm là toàn khắp mà không có gây làm. Như địa vị Diệu Giác, chỗ lợi lạc cho chúng sanh thấy đồng pháp giới, tùy căn tùy thời, Đối Hiện Sắc Thân, chẳng làm mà dụng, chẳng gây mà ứng. Dùng Trí sáng rõ khắp nơi, chẳng thuộc nơi chốn, đồng tâm chúng sanh, tùy vật hiện hình, không đến không đi, đây là Đối Hiện Sắc Thân của Kinh Tạp Hoa vậy. Đây là tùy duyên mà thị hiện, đều túc là Như Huyền, nên dùng Như Huyền Tam Muội, Văn Huân Văn Tu tự tại thành tựu.

Tổ Lâm Tế nói: “Chỗ nói của sơn tăng, chỉ là cái nghe pháp độc sáng rõ ràng hiện giờ trước mắt quý vị. Người này chốn chốn chẳng ngưng trệ, tự tại thông suốt mười phương ba cõi. Vào tất cả cảnh sai biệt mà chẳng hề thay đổi, trong khoảng sát na thấu nhập pháp giới, gặp Phật nói Phật, gặp Tổ nói Tổ, gặp La Hán nói La Hán, gặp ngã quỷ nói ngã quỷ. Dạo chơi tất cả quốc độ mà giáo hóa chúng sanh, chưa từng lìa Nhất Niệm, tùy chốn mà trong sạch, ánh sáng thấu suốt mười phương, muôn pháp Nhất Như. Nay quý vị! Hàng đại trượng

phu ngày nay mới biết bốn lai vô sự. Chỉ vì các ông tin chǎng đến, niệm niệm chạy cầu, bỏ đầu mà kiếm đầu, tự mình chǎng thê dứt!”

Chỗ thuyết pháp của Tổ Lâm Tế được cái chánh pháp nhẫn của Đức Quan Âm. Nếu tin được rằng xưa nay vô sự thì ba mươi hai Ứng Thân từ Diệu Lực Vô Tác liền được hiện tiền.

II. BỐN CÔNG ĐỨC VÔ ÚY

Kinh: “Bạch Thế Tôn, tôi lại dùng Diệu Lực Vô Tác của Kim Cang Tam Muội Văn Huân Văn Tu này, cùng tất cả lục đạo chúng sanh mười phương ba đời đồng một bi ngưỡng, nên khiến các chúng sanh, nơi thân tâm tôi, được mười bốn công đức Vô Úy.

Thông rằng: Từ là nói về Lực, Lực đủ ứng khắp, nên gọi là Đại Từ. Bi là nói sự Ngưỡng, đáp ứng với ngưỡng vọng, nên gọi là Đại Bi. Chúng sanh sợ là sợ sanh tử vậy. Dùng cái Diệu Lực Vô Tác chǎng sanh chǎng diệt mà cứu vớt cho, để đến bờ bên kia, công đức ấy nói sao cho cùng!

Kinh Duy Ma Cật, Đức Văn Thủ Sư Lợi hỏi: “Sanh tử đáng sợ, Bồ Tát phải nương chỗ nào?”

Đức Duy Ma Cật nói: “Bồ Tát trong chỗ sợ sanh tử, phải y vào lực công đức của Như Lai”.

Đức Văn Thủ Sư Lợi lại hỏi: “Bồ Tát muốn y vào lực công đức Như Lai, nên trụ vào đâu?”

Đáp rằng: “Bồ Tát muốn nương vào lực công đức của Như Lai, phải trụ vào việc độ thoát tất cả chúng sanh”.

Lại có cô cư sĩ Hữu Xá tự nói đắc An Ôn Tràng của Bồ Tát: “Vì chúng sanh chưa lìa sanh tử, nên Bồ Tát chẳng tự mình giữ lấy an ủn. Nếu hay vào sanh tử giáo hóa chúng sanh, thấu đạt sanh tử cho đến chúng sanh mà vẫn thường giáo hoá, thảy đều là hạnh Niết Bàn. Không khởi ra, không chìm mất, mới gọi là *Tràng an ủn, lìa lo*”.

Nên Văn Huân Văn Tu, dùng đó tự độ, cũng dùng đó độ tha, chính là sự an ủn.

Kinh: “*Một là, do tôi không tự quán cái âm thanh, mà quán cái tánh quán, nên khiến cho chúng sanh khổ não mười phương kia quán âm thanh ấy liền được giải thoát.*

Thông rằng: Cái tâm bức bách đau khổ của chúng sanh, tức là tâm của Bồ Tát. Cái âm thanh mà chúng sanh xung hô danh hiệu tức là cái âm thanh của Quan Âm vậy. Nếu quán âm thanh ấy thì chưa lìa thanh trần, bèn tựa như có khổ não. Nếu quán cái tánh quán, chỗ mà các khổ chẳng đến, liền đây giải thoát. Đây là cái Cơ Phản Văn Đệ Nhất vậy.

Có nhà sư hỏi Trương Châu Lịch Thôn Hòa Thượng: Như sao là “*Quán Âm Thanh ấy mà liền Giải Thoát?*”

Tổ Thôn lấy đũa-gắp-than gỗ cây củi, nói: “Ông nghe chẳng?”

Đáp: “Nghe”.

Tổ Thôn nói: “Nào chẳng giải thoát?”

Thật là khéo nói chỉ thú vi diệu mầu sâu của Lăng Nghiêm vậy thay!

Kinh: “Hai là, cái thấy-biết đã xoay lại, khiến các chúng sanh dâu vào lửa lớn, lửa chẳng thể đốt.

Thông rằng: Cái thấy-biết thuộc Hỏa. Thấy-biết quay về sự trong lặng, tánh trong lặng tròn đầy, nên Lửa chẳng đến được.

Thầy Linh Nhuận từng cùng bạn đạo lên núi dạo cảnh. Lửa ma trơi bốn phía hợp lại. Chúng bạn đều chạy tán. Thầy Nhuận một mình yên bước trèo lên, kêu bạn đạo rằng: “Ngoài tâm không có lửa, lửa thiệt tự tâm. Cho là có lửa để tránh, làm sao khỏi lửa?”

Lửa đến thầy Nhuận thì lập tức tắt mất.

Kinh: “Ba là, quán cái nghe được xoay trở lại, khiến các chúng sanh bị nước lớn cuốn trôi, nước chẳng thể chìm.

Thông rằng: Nghe tiếng thuộc về thủy. Nhà y học cũng cho lỗ tai thuộc thận. Cái nghe xoay trở lại thì nước trở về nguồn, nên nước chẳng thể chìm.

Ông Càn Na Bạt Đà, nghĩa là Công Đức Hiền, người Trung Thiên Trúc. Năm Thứ Mười Hai hiệu Nguyên Hy đến xứ Kiến Nghiệp, được Nam Tiều Vương Nghĩa Tuyên kính trọng. Vương có mưu nghịch, ông can gián đến chảy nước mắt mà chẳng nghe. Bị bại ở Lương Sơn, rót xuống dòng sông, ông một lòng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, tay nắm được cành trúc. Nhìn thấy đồng tử kéo lấy áo, nói: “Đứa con nít này hay

vậy ư?” Lên đến bờ, muôn cởi áo khoác tặng cho, nhưng đồng tử bỗng biến mất tại chỗ.

Có nhà sư hỏi Tô Bửu Phước: “Như sao là vào lửa chẳng cháy, vào nước chẳng chìm?”

Tô Phước nói: “Nếu là nước lửa, liền bị cháy, chìm”.

Đây thật là được cái mâu nhiệm của việc xoay trở lại, nên lời nói chặt gọn như vậy.

Kinh: “Bốn là, diệt hết vọng tưởng, tâm không sát hại, khiến các chúng sanh vào các nước quý, quý không thể hại.

Thông rằng: Yêu tinh, quý quái chẳng có thể gặp. Từ xưa, chỗ gọi là quý phương cũng là nhiều, nhưng chỉ có nước quý La Sát ở biển là hại hơn hết. Người đi biển bị hắc phong trôi dạt đến xứ ấy, thì có nam nữ xinh đẹp đem thức ăn uống đến ủy lạo, khiến cho người vui mà quên trở về. Thuyền sau tới thì bắt người trong thuyền trước ăn thịt hết. Ngày đầu tháng, ngày giữa tháng thì có Mã Vương đến độ thoát đoàn chúng ấy. Nương theo ngựa mà thoát, hoặc ở đầu hoặc ở đuôi, chỉ cần nhất tâm chẳng nhớ đến sự vui kia, thì về nước cũ. Hết còn chút ít vướng niệm thì rót xuống biển.

Thầy Chân Tây Sơn làm lời bạt kinh Diệu Pháp Liên Hoa rằng: “Tôi thuở nhỏ đọc phẩm Phổ Môn, tuy chưa rõ sâu ý nghĩa, nhưng dùng ý cho rằng “Đây là ngữ ngôn của nhà Phật”.

Xưa, Ông Lý Văn Công, đời Đường, hỏi thiền sư Dược Sơn rằng: Thế nào là “Gió dùi thuyền lạc vào nước quý?”

Sư nói: “Thằng nhỏ Lý Cao, hỏi chuyện ấy làm gì”.

Văn Công bỗng chợt phát sân lên mặt.

Sư cười nói: “Phát tâm sân nộ th , đó là “*Gi  d  th i ghe tr i v o n u c Qu y v y!*”

Ôi chao, T  Dược Sơn đ ng gọi là kh o khai m  cho người v y. Từ đó suy ra thì biết Lợi dục b ng b ng đó là h m l u . Tham  i ch m đ m, đó là biển kh . Một ni m trong sạch, l u  mạnh thành ao m t. Một ni m tinh th c, thuy n đến b kia. Tai nạn buộc r ng, tùy ch  m  an. Ta kh ng kinh sợ, g ng c m t  m . K  d  x m l n, đ i đ i ngang ngược, ta kh ng giận gh t, như th u t  b  ch y. Người đọc kinh này, hành Qu n như th ,  t bi t Đức Đại S i tại n i Ph  Đà ch n th t v i người. Ch ng ph i l i nói su ng.

C n c  theo Truyền D ng L c thì có câu “N y c i l o Vu Kho nh, hỏi điều đó làm gi ?”, thuộc v i l i nói của thiền sư Tử Ngọc. C u truyện kh ng gi ng h n, chỉ c t hi u được cái y .

Kinh: “N m l , nơi c i nghe hu n tu thành t tu trong t nh nghe, s u c n ti u v i b n t nh, đ ng như c i ti ng, c i nghe, hay khi n ch ng sanh đ ng khi bị hại, dao g y t ng kh c, khi n cho binh kh , d ng như ch m n u c, như th i  nh s ng, t nh kh ng chao đ ng.

Thông r ng: T nh Nghe Vi n Th ng (v n su t), n o c i h nh trạng. Hu n tu nơi c i nghe, thành tr n v n nơi t nh nghe,  t s u c n ti u v i b n t nh, h a thành t nh nghe. Ngoại v t đ ng ch m x c, đ u đ ng như c i nghe, c i ti ng. D u cho

binh khí cũng như chặt nước, thổi ánh sáng vậy. Tánh nghe bất động, bèn không kinh sợ. Đã không kinh sợ, át cái *người chǎng-thể-hoại* ở tại ta, mà dao kiếm gãy từng khúc vậy.

Vua nước Kế Tân, mang gươm đến chở Tôn Giả Sư Tử, hỏi rằng: “Thày đắc uẩn-không chǎng?”

Tô nói: “Đã đắc uẩn-không”.

Vua hỏi: “Lìa sanh tử chǎng?”

Tô đáp: “Đã lìa sanh tử”.

Vua nói: “Đã lìa sanh tử, có thể cho tôi cái đầu!”

Tô đáp: “Thân chǎng phải tôi có, nào tiếc gì cái đầu”.

Vua liền hươu gươm chặt đứt đầu Tôn giả, sửa trăng vọt cao mây thước. Cánh tay phải của vua liền rót xuống đất, bảy ngày sau thì chết.

Pháp sư Triệu, khi lâm hình nói bài kệ:

*Tú Đại nguyên chǎng có
Ngũ uẩn hǎn đều không
Đưa đầu cho gươm sáng
Dường giống chém gió xuân*

Đây có thể nói là Thuần Giác quên thân, tánh không chao động.

(Xét bộ Xuân Thu Thập Lục Quốc, sư Triệu đời Tân niên hiệu Nghĩa Hy Thứ Mười, ở Trường An diệt độ trong điềm lành, không có việc bị hình).

Đời truyền rằng kinh Cao Vương Quan Âm, tụng đến gông cùm đều thoát sạch, rất là linh ứng, nhưng có người cho là ngụy kinh.

Kinh: “Sáu là, huân tu theo tánh nghe thuần sáng, sáng khắp pháp giới át các tối tăm chẳng có thể còn, khiến cho chúng sanh tuy có Dược Xoa, La Sát, quý Cưu Bàn Trà, cho đến Tỳ Xá Già, Phú Đơn Na... ở gần bên cạnh cũng chẳng thể thấy.

Thông rằng: Quý Thần lấy sự tối tăm thành tánh. Nhờ nơi tối tăm mà được dịp, còn ở nơi sáng suốt thì không thể hiện ra dấu vết, cho nên nói “*Chẳng thể còn*”. Huống gì cái tối tăm kia là hữu hạn, mà ánh sáng ta thì vô biên. Ánh sáng thuần túy sáng rõ, chói rực nơi tối tăm, làm lòa con mắt, nên chẳng thể thấy.

Sư Ngộ Bổn nhậm giữ ở Động Sơn hai mươi năm. Thần Thổ Địa chẳng nhận thấy được.

Thần bạch thầy Chủ Sự: “Làm sao biết được mặt Hòa Thượng một lần?”

Thầy Chủ Sự nói: “Hòa Thượng đang dùng bữa tại trai đường, ông lật úp mâm cơm, Hòa Thượng kêu lên, thì người sẽ thấy”.

Hôm sau, thần lật úp mâm cơm.

Sư kêu lên rằng: “Đáng tiếc vật thường trụ!”

Thần mới biết mặt sư một phen.

Ở chỗ Ngài Diêm Quan, có một thầy Chủ Sự, một hôm bỗng thấy một quý sứ đến tìm bắt.

Nhà sư ấy nói: “Tôi lãnh chức Chủ Sự, chưa rảnh tu hành. Xin khát bảy hôm, được chăng?”

Quý sứ nói: “Đợi tâu với Diêm Vương, nếu chịu cho thì bảy ngày sau sẽ đến, còn không thì chốc nữa sẽ lại.”

Nói xong biến mất. Bảy ngày sau lại đến, tìm mãi nhà sư chăng được!

Người đời sau nêu hỏi một vị tăng: “Như khi bị kiểm bắt, làm sao nghĩ định để hắn bỏ đi?”

Tô Động Sơn thay thế nói: “Bị hắn kiểm được rồi!”

Chỗ này cũng giống chuyện Tô Nam Tuyền đến trang trại. Thần Thổ Địa báo trước cho trang chủ, ông này thiết trai cúng dường rất đầy đủ.

Thị giả hỏi: “Đã là đại thiện tri thức, vì sao lại bị quý thần rình thấy?”

Tô Tuyền nói: “Trước mặt Thổ Địa, lại thêm một phần cúng dường!”

Thật đáng cùng tham!

Kinh: “Bảy là, tiếng tăm tiêu trọng, thấy-nghe xoay lại nhập vào, lìa các vọng trắc, có thể khiến cho chúng sanh gông cùm, xiềng xích chăng thể trói buộc.

Thông rằng: Có tiếng, có trần, chưa vào tánh nghe, bèn bị trần trói. Giờ tiếng tăm tiêu trọn, hai tướng động tĩnh rõ ràng chẳng sanh. Cái thấy nghe xoay lại nhập vào, đến chỗ chẳng sanh diệt, liền lìa các trần hư vọng, đó gọi là chân giải thoát vậy. Như đám đương đại pháp, riêng cần săn đủ một con mắt le!

Tổ Vân Môn đến trang trại Tổ Tuyết Phong, gặp một nhà sư bèn hỏi: “Thượng Tọa hôm nay lên núi đó ư?”

Nhà sư đáp: “Phải”.

Tổ Vân Môn nói: “Xin gởi một tắc nhân duyên, hỏi Hòa Thượng trụ trì, chỉ chẳng được nói là lời của người khác.”

Nhà sư nói: “Được”.

Tổ Môn nói: “Thượng Tọa lên tới núi, thấy Hòa Thượng thượng đường, chúng vừa tụ tập, liền bước ra nắm đứng lại nói rằng: “Lão già này mang gông sắt trên cổ, sao chẳng cởi ra?”

Nhà sư y theo lời của Tổ Môn.

Tổ Tuyết Phong thấy nhà sư nói thế, liền xuống tòa túm ngực nắm đứng, nói: “Nói mau, nói mau!”

Nhà sư không đáp được.

Tổ Phong buông ra, nói rằng: “Chẳng phải lời ông!”

Nhà sư đáp: “Chính lời của tôi”.

Tổ Phong nói: “Thị giả! Đem gậy lại đây!”

Nhà sư rằng: “Chẳng phải lời của tôi, mà là của một vị Thượng Tọa người Triết Giang ở xóm trên dạy tôi đến nói”.

Tổ Phong nói: “Đại chúng đến xóm trên rước vị thiện tri thức của năm trăm người đến!”

Cũng lại Tổ Vân Môn, đến Nga Hồi, nghe thượng đường rằng: “Chớ nói chưa rõ người ấy, vẫn hằng nổi nghẹt đầy đất! Giả sử rõ được đó, rành rành biết có chỗ đi, cũng là nổi nghẹt đầy đất!”

Tổ Môn bèn hỏi thầy Thủ Tòa: “Vừa rồi ý Hòa Thượng ra làm sao?”

Thầy Thủ Tòa đáp: “Nổi nghẹt đầy đất!”

Tổ Môn nói: “Thầy Thủ Tòa ở đây đã lâu, đâu bắc rắng vàng mà nói lời thế ấy”.

Đáp rằng: “Thượng Tọa lại như thế nào?”

Tổ Môn nói: “Muốn nói bèn được, thấy bèn tiện thấy, nếu không thấy chớ nói loạn”.

Đáp rằng: “Chỉ như nổi nghẹt đầy đất, lại là thế nào?”

Tổ Môn nói: “Trên đầu mang gông, dưới chân mang cùm!”

Hỏi: “Thế thì chắc không có Phật Pháp vậy?”

Tổ Môn nói: “Đó là cảnh giới Văn Thủ, Phổ Hiền Bồ Tát”.

Hai tấc này đáng để xem lẩn nhau.

Kinh: “Tám là, dứt cái tiếng, tròn vẹn cái nghe, khắp sanh súc Từ, có thể khiến cho chúng sanh đi qua đường hiềm, giặc không thể cướp”.

Thông rằng: Cảm và ứng là một cơ, đây và kia là một Tâm vậy. Trong chẳng ứng, ngoài chẳng làm gì được. Nên tâm không có sự sát hại thì quý chẳng thể xâm phạm. Khắp sanh súc Từ, át giặc không thể cướp. Bởi vì, diệt cái tiếng thì trọn không có đối đãi. Tròn vẹn cái nghe tức đồng một thể, nên không thành thù địch để bị cướp vậy.

Thiền sư Đại Đồng ở Đầu Tử Sơn gấp ồ cướp làm loạn.

Có bọn cuồng cầm dao chĩa vào Tô mà nói rằng: “Ở đây làm gì?”

Tô bèn tùy nghi thuyết pháp, tên đầu đảng nghe xong bái phục, cởi áo dâng cho mà lui đi.

Am chủ Pháp Ngộ ở Tam Giác Sơn, nhầm thời ly loạn, có tên đầu đảng vào núi, hỏi: “Hòa Thượng có của báu gì?”

Tô Ngộ nói: “Cái báu của nhà sư chẳng hợp với ông”.

Đầu đảng hỏi: “Là của báu gì?”

Tô Ngộ hét lên một tiếng.

Đầu đảng chẳng ngộ, cầm dao đâm tới.

Một đảng lanh nhện, một đảng chẳng lanh nhện, há chẳng phải định nghiệp ư?

Tổ Nham Đầu thường nói với chúng rằng: “Lão già này khi đi, rống lớn một tiếng rồi đi”.

Ở Trung Nguyên giặc cướp nỗi lên, đại chúng đều tìm nơi lánh trốn. Tổ Đầu đàng hoàng ở yên. Một hôm giặc đến đông, trách rằng không dâng biếu, bèn lấy dao đâm. Tổ Đầu thần sắc tự nhiên, hét lớn một tiếng mà tịch. Tiếng hét nghe vang cả mười dặm.

Đây là định nghiệp nên chẳng tránh khỏi. Nhưng cái của báu của Tổ Tâm Giác và Tổ Nham Đầu há bọn cướp có thể cướp được sao?

Kinh: “Chín là, huân tu theo tánh nghe, lìa các trần tướng, sắc không thể cướp níu, có thể khiến cho chúng sanh nhiều dâm lìa xa tham dục.

Thông rằng: Huân tu theo tánh nghe ắt dục ái khô khan. Bởi do nước về căn nguồn, nên lửa chẳng thể đốt vậy. Tiếng trần đã tiêu tan, các trần khác đều thoát. Căn và cảnh chẳng cướp lẫn nhau, nên hình sắc chẳng mê hoặc được.

Cố đức nói:

“Lâu trơ̂̀ng sâu căn lành
Ở trần, trần chẳng xâm
Nào giữ trần khỏi xâm
Vốn bởi ta vô tâm”.

Ngài Cưu Ma La Thập bỗng nghe trên vai có hai đứa con nít khóc.

Tổ Thập nói: “Đây là dục chướng vậy”.

Ngài nói với vua Tần ban cấp cho bốn người cung nữ, một lần giao hợp mà sanh hai con trai. Dục chướng liền dứt.

Đệ tử thấy vậy, chẳng gìn giữ giới luật.

Tổ Thập bèn túm năm kim nhai nuốt mà nói: “Có thể như ta nuốt kim, mới có thể hành dục”.

Do đó, hết thấy chúng sợ hãi mà phụng trì giáo pháp.

Kinh: Mười là, thuần âm không trần, căn cảnh viên dung, không năng sở đối, có thể khiên cho tất cả chúng sanh căm giận lìa lòng oán giận.

Thông rằng: Sân so với tham lại càng vi mật, rất khó nhổ khỏi. Nên lìa trần thì có thể dứt tham, còn sân thì phải không có trần rồi sau mới dứt được vậy. Bên ngoài không có chỗ sở đối thì dễ, trong không có cái năng đối thì khó. Chẳng được căn cảnh viên dung, thuần lại càng thuần, khó nói lời này. Tuy nhiên, cũng có thể dùng sân giận mà làm Phật sự.

Như thầy Từ Minh, ở Tổ Phân Dương hai năm, chưa được nhập thất, mỗi lần gặp là bị mắng nhiếc, hoặc chê bai các nơi khác, đến khi dạy bảo thì đều là chuyện phàm tục thô bỉ.

Một đêm nọ, thầy than rằng “Từ khi đến học pháp đã hai hạ, chẳng được chỉ bày, chỉ tăng thêm trần lao thế tục; thàm nghĩ năm tháng trôi mau, việc mình chẳng rõ, mất đi sự lợi ích xuất gia”.

Lời chưa dứt, Tổ Dương quắc mắt, nói: “Ác tri thức! Dám nói thêm nói bót cho ta!”

Rồi nổi giận cầm gậy rượt.

Thầy Minh định kêu cứu. Tô Dương bịt miệng, bèn đại ngộ, nói: “Mới biết đạo của Lâm Tế vượt khỏi thường tình”.

Từ đó, phục dịch bảy năm mới ra đi.

Sau, ở Từ Minh, thầy Hoàng Long Nam thiết tha cần câu khai thị.

Tô Minh nói: “Ông học thiền Vân Môn ắt rành yếu chỉ. Như nói “Tha Động Sơn ba gậy”, là có hợp phần ăn gậy hay không hợp phần ăn gậy?”

Thầy Nam đáp: “Có hợp phần ăn gậy”.

Tô Minh nghiêm sắc mặt, nói: “Từ sáng đến chiều cắt réo qua kêu lẽ ra đều phải ăn gậy!”

Tô Minh lại hỏi: “Triệu Châu nói “Lão bà Đài Sơn, ta đã vì ông khám phá rồi vậy”. Thế đâu là chỗ Triệu Châu khám phá Lão bà?”

Thầy Nam toát mồ hôi chưởng đáp được.

Ngày sau lại tối, Tô Minh mắng nhiếc không dứt.

Thầy Nam nói: “Chửi mắng há là từ bi thí pháp ư?”

Tô Minh nói rằng: “Ông cho là chửi sao?”

Thầy Nam ngay lời đại ngộ. Nhân trình kệ rằng:

*“Kiệt xuất tùng lâm thiệt Triệu Châu
Lão bà khám phá, mất nguyên do*

*Giờ đây bốn biển trong như kính
Người đi chớ giận oán con đường”.*

Tổ Minh gật đầu.

Các thứ giận dữ này thì không xa lìa lại càng tốt.

Kinh: “Mười một là, tiêu tan trần tướng, trở lại Tánh Bản Minh, pháp giới thân tâm như ngọc lưu ly, sáng suốt không ngại, có thể khiến cho tất cả các kẻ u mê ám chướng lìa xa vĩnh viễn si tối.

Thông rằng: Tánh nghe chẳng phải là tánh thấy, sao lại nói chữ *Minh*? Minh tức là Giác vậy. Giác và sở giác đều không, nên sáng khắp pháp giới. Không-Giác cùng tốt tròn vẹn, nên pháp giới, thân tâm như ngọc lưu ly, sáng suốt không ngại. Mới là sáu căn dùng lẫn nhau, thấy tức là nghe, nên nói rằng tiêu tan trần tướng, trở lại Tánh Bản Minh vậy.

Nghiệp bên trong có mười thứ làm che mắt Pháp Thân, trong đó dâm, nộ, si là lớn nhất. Ngài Thiên Thai giải thích ba cái độc thông cả trong ngoài. Bên trong gọi là tư hoặc, bên ngoài gọi là vô vinh. Bậc Nhị Thừa thích khoái Niết Bàn là tham; chán ghét sanh tử là sân; không biết Trung Đạo là si. Bậc Bồ Tát thì rộng cầu Phật Pháp là tham, la đuổi Nhị Thừa là sân, chưa rõ Phật Tánh là si. Điều là ba độc, mà si là gốc rễ, nên rất khó trừ nghiệp si vậy thay!

Tổ Bách Trượng nói: “Pháp đục là tham, sân, ái, thủ, cả thảy nhiều tên vậy. Pháp trong là Bồ Đề, Niết Bàn, giải thoát cả thảy nhiều tên vậy. Chỉ như nay soi tò nòi hai thứ trong

đục, các pháp phàm thánh trọn chǎng có được chút tơ hào nào ái thủ. Đã chǎng ái thủ, mà nương trụ cái chǎng ái thủ cho là đúng, đó là Sơ Thiện, là trụ tâm điều phục, là người Thanh Văn, là người yêu thích bè chǎng bỏ, là đạo của Nhị Thùra, là quả của thiền na. Đã chǎng ái thủ, cũng chǎng nương trụ cái chǎng ái thủ, đó là Trung Thiện, là Giáo Pháp nửa chừng, còn là vô sắc giới, tuy khởi sa vào đạo Nhị Thùra, khởi sa vào dân Ma, vẫn còn là bệnh của thiền na, đó là chõ trói buộc của Bồ Tát. Đã chǎng nương trụ cái chǎng ái thủ, chǎng khởi tri giải chǎng-nương-trụ, đó là Hậu Thiện, là Giáo Pháp toàn mãn, khởi sa vào vô sắc giới, khởi sa vào bệnh thiền na, khởi sa vào Bồ Tát thừa, khởi rót vào vị Ma Vương, là các thứ trí chướng, địa chướng và hành chướng. Cho nên thấy Phật Tánh chính mình, như đêm thấy sắc.

“Như nói “Phật Địa đoạn dứt cả hai thứ ngu: một là vi tế sở tri ngu; hai là cực vi tế sở tri ngu”. Thế nên mới nói, “Có người đại trí phá bể hạt bụi, mở ra cuốn kinh”. Nếu thâu qua “Ba cú”, chǎng bị “Ba đoạn” giam. Hàng giáo điển nêu ví dụ là như nai nhảy ba cái ra khỏi lưới, gọi là người ngoài ràng buộc, không có vật gì móc ràng được hắn. Đó là thuộc về Nghiêm Đăng Hậu Phật, là Tối Thượng Thùra, là thượng thượng trí, là địa vị cao thượng trong Phật đạo. Người này là Phật, có Phật Tánh, là Đăng Đạo Sư, là người khiến sử được ngọn gió không chõ ngại, là trí huệ vô ngại. Về sau có thể sử dụng được nhân quả, phước trí tự do, làm cái xe chở chuyên nhân quả. Ở nơi sanh chǎng bị sanh lưu giữ, ở nơi tử chǎng bị tử ngăn ngại, ở nơi nǎm ấm như cửa mở hoác, đi ở tự do. Bằng có thể như

thế thì chẳng luận giao cấp, yếu mạnh, chỉ có thể như thế thì cho đến thân kiến trùng thảy là quốc độ diệu tịnh, chẳng thể nghĩ bàn. Đây vẫn là lời nói mỉa trói. Vốn tự không ghẻ nhợt, chớ làm ra thương tích! Dù là ghẻ Phật hay ghẻ Bồ Tát các thứ. Hễ nói các pháp có, không v.v... thì đều là thương tích cả”.

Ôi! Tổ Bách Trượng từ bi, tận lực bày rõ chướng ngại vi tế của Tâm Tánh. Cần mỗi mỗi thấu qua, mới gọi là vĩnh viễn đoạn dứt si ám.

Kinh: “Mười hai là, viên dung hình tướng, trở lại tánh nghe, là đạo trường bất động, thẩm vào cõi đời mà không hoại thế giới, hay khắp mười phương, cúng dường Chư Như Lai như số vi trần, bên mỗi mỗi Phật làm bậc Pháp Vương Tử, có thể khiến cho chúng sanh không con trong pháp giới muốn cầu con trai, sanh được con trai trí huệ phước đức.

Thông rằng: Đây là Tánh Chân Như thẩm nhập thế gian, tùy làm sắc-không, khắp mười phương cõi, ấy là Bất Không Như Lai Tạng vậy. Quan Âm Đại Sĩ vốn là Pháp Vương Tử của Đức A Di Đà, mà bên mỗi mỗi vị Phật giúp việc không nhảm mỏi, thật là con giỏi vậy. Cho nên cầu con trai liền ứng.

Tổ Thứ Hai Mươi Ba là Tôn Giả Hạc Lặc, người nước Nguyệt Thị, cha tên là Thiên Thắng, mẹ là Kim Quang. Vì không có con, nên cúng cầu nơi đền Phướn Vàng Thất Phật, bèn mộng thấy trên đỉnh núi Tu Di có một thần đồng cầm chiếc kim hoàn nói rằng: “Ta đến vậy”. Tỉnh dậy thì có thai.

Năm Ngài bảy tuổi, đi dạo xóm làng thấy dân gian thờ cúng dâm thần, mới vào miếu la rằng: “Ngươi bày đặt chuyện họa phước, dối gạt người ta, hao tiền tốn mạng, làm hại quá lầm”.

Lời dứt, hình tượng trong miếu bỗng nhiên đổ sập.

Do đó, người làng gọi là ông thánh con. Năm hai mươi hai tuổi, xuất gia, ba mươi tuổi gặp Tô Ma Nả La tôn giả, được phó pháp nối ngôi Tô.

Kinh: “Mười ba là, sáu căn viên thông (trọn suốt), sáng chiêu không hai, trùm mười phương cõi, thành Đại Viên Kính Không Như Lai Tạng, thừa thuận pháp môn bí mật của mười phương vi trần Như Lai, lãnh nhận không sót, có thể khiến cho chúng sanh không con trong pháp giới muốn cầu con gái, sanh được con gái đoan chánh, phước đức, dịu hiền, tướng tốt, mọi người yêu kính.

Thông rằng: Một căn về nguồn, sáu căn dùng lẩn, đó là viên thông. Chỉ bởi tròn vẹn mà sáng chiêu không hai, nên thành Đại Viên Cảnh Trí. Chỉ bởi thông suốt mà trùm mười phương cõi, nên là Không Như Lai Tạng. Thừa thuận Như Lai, nhận lãnh không sót, là đều có cái đạo của người nữ, nên cầu gái được gái.

Cô Nguyệt Thượng Nữ (18) tướng tốt đoan nghiêm, mọi người yêu kính; kẻ cầu hôn nối gót đến, cô hiện thần dị (19); chí cầu xuất gia.

Ông Xá Lợi Phá̄t nhān đāng vāo thān̄ găp cō̄ đī ra. Thām nghī, chī nāy ra măt Phá̄t, chă̄ng biēt đăc nhān̄ hay chua đăc nhān̄, ta phāi hōi xem.

Vùa đēn gān̄, bēn hōi: “Chī đī đāu thē?”

Cō̄ đāp: “Nhū Xá Lợi Phá̄t đī vāy”.

Ông Xá Lợi Phá̄t nōi: “Tōi mōi vāo thān̄, cō̄ mōi ra thān̄, sao lāi nōi: “Nhū tōi đī vāy?”

Cō̄ hōi: “Các đēt̄ tử Phá̄t phāi nūong đāu trū?”

Ông Xá Lợi Phá̄t nōi: “Các đēt̄ tử Phá̄t y nōi Đai Niết Bàn mà trū”.

Cō̄ nōi: “Các đēt̄ tử Phá̄t đā y nōi Đai Niết Bàn mà trū, nēn̄ tōi cūng nhū chō̄ đī cō̄ Xá Lợi Phá̄t vāy”.

Lai Ngāi Vān Thù, hōi Cō̄ Am Đè Già rāng: “Sanh lāy gī làm nghīa?”

Cō̄ đāp: “Sanh lāy sanh-mà-chă̄ng-sanh làm nghīa sanh”.

Ngāi Vān Thù: “Nhū sao là lāy sanh-mà-chă̄ng-sanh làm nghīa sanh?”

Cō̄ đāp: “Néu hay rõ biēt bōn duyēn đia, thūy, hỏa, phong chua tūng tūng đūc, tuy cō̄ chō̄ hòa hiēp mà chī tūy chō̄ ưng hợp, đō̄ là nghīa sanh”.

Ngāi Vān Thù hōi: “Tử lāy gī làm nghīa”.

Cō̄ đāp: “Tử lāy tử-mà-chă̄ng-tử làm nghīa tử”.

Ngài Văn Thủ hỏi: “Như sao là tử lấy tử-mà-chẳng-tử làm nghĩa tử?”

Cô đáp: “Nếu hay biết bốn duyên địa, thủy, hỏa, phong chưa từng tự được, tuy có chỗ lìa tan, mà chỉ tùy chỗ ứng hợp, đó là nghĩa tử”.

Cô Am Đề Già hỏi Ngài Văn Thủ rằng: “Rõ biết cái lý sanh là chẳng sanh, thì vì sao lại bị sanh tử trôi vần?”

Ngài Văn Thủ nói: “Vì sức lực chưa đủ”.

Hai cô gái này, sanh đời có Phật, không chỉ đầy đủ phuỚc đức, hiền dìu, mà còn phát minh việc hướng thượng. Cũng là kiếp xưa nhận lãnh Pháp Môn Bí Mật mà thị hiện đó ư?

Kinh: “Mười bốn là, trong Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới trăm ức mặt trời, mặt trăng này, các Pháp Vương Tử hiện ở thế gian có đến sáu mươi hai hằng sa số, tu Phật Pháp, nêu gương mẫu, giáo hóa chúng sanh, tùy thuận chúng sanh, trí huệ phuơng tiện, mỗi mỗi chẳng đồng. Do tôi đã được bốn căn Viên Thông phát ra diệu tính của căn tai, sau đó thân tâm vi diệu trùm chứa cùng khắp pháp giới nên có thể khiến cho chúng sanh trì niệm danh hiệu của tôi, so với những người trì niệm danh hiệu của sáu mươi hai hằng sa số Pháp Vương Tử ấy, hai đảng phuỚc đức bằng nhau không khác.

“Bạch Thế Tôn, một danh hiệu của tôi cùng với rất nhiều danh hiệu kia không khác, là do tôi tu tập được chơn vien thông. Đó gọi là mười bốn sức thí vô úy, phuỚc sẵn đủ khắp cho chúng sanh.

Thông rằng: Ban đầu, hết quán cái âm thanh liền được giải thoát là để tiếp bậc thượng thượng căn, chỉ soi thấy năm uẩn đều Không tức vượt hết thảy khổ ách. Dùng cái quán tự tánh, nếu chẳng phải là quán hạnh vi diệu thì không thể hành được vậy.

Chót là chỉ trì niệm danh hiệu, phước săn đủ khắp cho chúng sanh, là để tiếp bậc trung hạ căn.

Nói rằng phước săn đủ khắp là khỏi bị nước lửa, cho đến được trai, có gái, không gì cầu chẳng được. Cho nên trong ba mươi hai Ứng Thân, nói giải thoát tức là chứng ngộ, còn lại là thành tựu, chỉ đầy cái phước mà thôi.

Chúng sanh phương này, căn tai lanh lợi, nhiều người nhận lãnh được Đạo, bởi thế sự giáo hóa của Đức Quan Âm trỗi bật. Các Căn khác chậm lụt, người được Đạo ít, cho nên sự giáo hóa của các vị Thánh khác kém hơn. Viên thông so với chẳng viên thông, như một ngày sánh với một kiếp, nên tự thầm chọn căn tai làm cái giáo thể phương này vậy.

Thiền sư Hoa Lâm Thiện Giác thường cầm tích trượng, ban đêm ra khoảng rùng dưới chân núi, mỗi lần bảy bước động gậy một cái mà xung lên danh hiệu Quan Âm.

Sư Giáp Sơn hỏi: “Ở xa nghe Hòa Thượng niệm Quan Âm, có phải chẳng?”

Tổ đáp: “Phải”.

Thầy Sơn nói: “Khi cõi được đầu thì thế nào?”

Tổ nói: “Ló đầu thì cho ông cõi, chẳng ló đầu cõi cái gì?”

Thầy Sơn hết lời đối đáp.

Quán sát sứ Bùi Hữu đến thăm, hỏi rằng: “Thầy có thị giả không?”

Tô nói: “Có một cặp, chỉ là không thể gặp khách”.

Ông Hữu hỏi: “Ở đâu?”

Tô bèn gọi: “Đại Không, Tiểu Không!”

Hai con cọp từ sau am liền đi ra. Ông Bùi thấy thế kinh hãi.

Tô nói với hai con cọp rằng: “Có khách, hãy lui”.

Hai con cọp rống lên mà lui vào.

Ông Hữu hỏi: “Thầy giữ hạnh nghiệp gì mà cảm hóa được như vậy?”

Sư mới im lặng chập lâu, hỏi: “Am hiểu chăng?”

Ông Bùi đáp: “Dạ, không hiểu”.

Tô nói: “Sơn tăng thường niệm Quan Âm vậy”.

Biết được chõ nín lặng của Hoa Lâm, và chõ chăng ló đầu tức là khéo quán Tánh vậy. Nếu không, hãy niệm Quan Âm.

Kinh: “Bạch Thế Tôn, do tôi đã được viên thông Đạo Vô Thượng Tu Chứng áy, nên lại khéo được bốn đức mầu vô tác không-nghĩ-bàn.

“Một là, do tôi ban đầu được tánh nghe chí diệu, cái tâm thuần túy không còn tướng nghe; các sự thấy, nghe, hay, biết

chẳng còn phân cách mà thành một Bảo Giác viên dung thanh tịnh, nên tôi có thể hiện ra rất nhiều hình dung màu nhiệm, có thể nói ra vô biên thần chú bí mật.

“Trong ấy, hoặc hiện một đầu, ba đầu, năm đầu, bảy đầu, chín đầu, mười một đầu, cho đến một trăm lẻ tám đầu, ngàn đầu, vạn đầu, tám vạn bốn ngàn đầu Kim Cang như thế; hoặc hiện hai tay, bốn tay, sáu tay, mười hai tay, mười bốn, mười sáu, mười tám, hai mươi, hai mươi bốn cho đến một trăm lẻ tám tay, ngàn tay, vạn tay, tám vạn bốn ngàn tay bắt ấn như thế; hoặc hai mắt, ba mắt, bốn mắt, chín mắt, cho đến một trăm lẻ tám mắt, ngàn mắt, vạn mắt, tám vạn bốn ngàn mắt báu thanh tịnh như thế; hoặc Từ hoặc Oai, hoặc Định, hoặc Huệ, cứu độ chúng sanh được đại tự tại.

Thông rằng: Đồng từ lực Phật, nên có ba mươi hai Ứng Thân, đồng bi ngưỡng với chúng sanh, nên bồ thí mười bốn sự Vô Úy, đã là Diệu Lực Vô Tác không thể nghĩ bàn; lại còn có bốn Diệu Đức Vô Tác không thể nghĩ bàn, là do tu chứng Vô Thượng Đạo. Cái Đạo Vô Thượng này thần diệu càng chẳng thể đo lường.

Ở trước, thuyết pháp cùng xưng danh hiệu, còn có thể suy lường được. Đến đây thì hình dung và thần chú, khiến chúng sanh đắc Đại Tự Tại quả là cảnh giới rất khó nghĩ bàn vậy. Tất cả cũng từ tánh nghe chí diệu lưu xuất.

Ban đầu, mắt hết căn, trần, tâm yên định màu nhiệm, nhưng cái màu nhiệm đối với thô này chưa phải là cái màu nhiệm tuyệt mọi đối đãi. Kế đó, trí, cảnh đều vong, năng-sở

tịch diệt, nên nói là chí diệu. Ban đầu là xoay cái nghe lại, không còn cái cảnh. Đến đây tâm thuần túy không còn cái nghe, cái nghe đã bỏ mất, sáu căn đều hóa. Bởi thế, thấy, nghe, hay, biết không còn phân cách, mà thành một Bảo Giác viên dung thanh tịnh, tức chõ gọi là tịch diệt hiện tiền vậy.

Vốn viên dung thanh tịnh nên ứng hóa không ngăn. Đầu là chõ tóm gồm của sáu dụng. Tay thể hiện lòng Bi tiếp đỡ. Mắt biểu hiện cái Trí soi tỏ. Đầu, tay, mắt, đều tám vạn bốn ngàn là đối với tám vạn bốn ngàn phiền não trần lao mà hiển pháp môn đối trị vậy.

Đức Lục Tổ nói: “Pháp môn này của ta, từ một Trí Huệ Bát Nhã sanh tám vạn bốn ngàn Trí Huệ. Vì sao thế? Vì người đời có tám vạn bốn ngàn trần lao. Nếu không có trần lao thì Trí Huệ thường hiện, chẳng lìa Tự Tánh”.

Quan Đại Phu Lục Tuyên hỏi Tổ Nam Tuyên: “Đức Bồ Tát Đại Bi dùng bấy nhiêu tay, mắt làm chi?”

Tổ Tuyên nói: “Chỉ như quốc gia lại dùng Đại Phu làm chi?”

Tổ Ma Cốc hỏi Tổ Lâm Tế: “Đại Bi ngàn tay, ngàn mắt, cái nào là chánh nhã?”

Tổ Lâm Tế nắm đúng, nói: “Đại Bi ngàn tay, ngàn mắt, thế nào là chánh nhã? Nói mau, nói mau!”

Tổ Cốc kéo Tổ Tế xuống thiền sàng, mà lên ngồi.

Tổ Tế xá chào, nói: “Chẳng rõ”.

Tô Cốc định nói. Tô Tế bèn hét, kéo Tô Cốc xuống thiền sàng rồi lên ngồi.

Tô Cốc bèn bỏ đi.

Lại Tô Ma Cốc hỏi: “Đức Quan Âm mười hai mặt, cái nào là mặt chánh?”

Tô Tế xuống thiền sàng, nắm đứng, hỏi: “Quan Âm mười hai mặt hiện ở chốn nào? Nói mau, nói mau!”

Tô Cốc xoay mình định ngồi. Tô Tế liền đánh. Tô Cốc bắt cứng cây gậy, cùng kéo nhau về phương trượng.

Hai vị Tôn Túc đây, mỗi vị đều hiển lộng thần thông đại bất khả tư nghị. Thấy được cái cơ đoạt nhau đó mới cho là đủ tay mắt Quan Âm.

Kinh: “Hai là, do sự nghe, nghĩ của tôi thoát khỏi sáu trần, như tiếng suốt qua bức tường, chẳng hề ngăn ngại, nên tôi có thể diệu dụng hiện ra mỗi mỗi hình, tụng mỗi mỗi Chú. Hình ấy, Chú ấy có thể dùng Vô Úy thí cho chúng sanh. Thế nên mười phương cõi nước như vi trần đều gọi tôi là bậc Vô Úy Thí.

Thông rằng: Nghe, nghĩ viên thông, như tiếng qua tường. Vì vượt thoát sáu trần, chẳng hề chướng ngại, nên hiện hình tụng chú, hiện diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn. Tánh nghe chẳng thể nghĩ bàn, nên sức chú chẳng thể nghĩ bàn.

Trước thì dùng một Bảo Giác viên dung thanh tịnh cứu hộ chúng sanh được đại tự tại, ấy là dùng toàn lực mà dẫn dắt cho lên bờ Đạo, nên đầu, tay, mắt hoặc Từ hoặc Oai, hoặc Định

hoặc Huệ đều đầy đủ, khiến cho giải thoát. Ở đây, chỉ hiện mỗi mỗi hình dạng, tung mỗi mỗi Thần Chú, khiến cho chúng sanh không sợ hãi, nghĩa là chỉ không sợ sự khổ sanh tử chư chưa đến đại tự tại vậy.

Xưa, có người bị bẫy để té cho quỷ ăn, bị trói vào cột trong miếu. Nửa đêm có con māng xà to lớn đến, sắp sửa ăn. Người ấy ngày thường chỉ thuộc mỗi một Chú Đại Bi, liền trì tụng không ngớt. Māng xà chẳng thể đến gần, như có vật gì ngăn trở, rốt cuộc bỏ đi. Trời sáng, mở khóa thấy người ấy không bị gì cả. Mọi người làm lạ, hỏi duyên cớ. Người đó nói vì tụng Chú Đại Bi mà được khỏi. Từ đó, cái miếu tà bị bỏ phế.

Năng lực thần chú có thể ban cho sự không sợ hãi, khai quát là vậy.

Thầy Trương Tăng Diêu vẽ tượng hình Ngài Bửu Chí, mới hạ bút, chưa biết định liệu sao. Ngài Bửu Chí liền dùng ngón tay vạch trên mặt, phân ra thành mười hai mặt Quan Âm Diệu tướng tốt đẹp, hoặc Từ hoặc Oai. Thầy Tăng Diêu rốt cuộc chẳng vẽ được.

Có nhà sư hỏi thiền sư Văn Thủ rằng: “Vì sao Tăng Diêu vẽ chân dung Tô Chí Công chẳng được?”

Tô Thủ đáp: “Không chỉ Tăng Diêu, mà Chí Công có vẽ cũng chẳng được”.

Nhà sư hỏi: “Vì sao Chí Công vẽ cũng chẳng được?”

Tô Thủ nói: “Màu, vải chẳng đem đến được”.

Nhà sư hỏi : “Hòa Thượng lại vẽ được hay không?”

Tổ Thù nói: “Ta cũng chẳng vẽ được”.

Nhà sư hỏi: “Vì sao Hòa Thượng vẽ chẳng được?”

Tổ Thù nói: “Hắn chẳng mang nhan sắc của ta, bảo ta vẽ như thế nào?”

Tổ Đơn Hà tung rằng:

*“Thân quang rờ rỡ, tướng nguy nguy
(sừng sững)*

*Tay khéo làm sao thể hiện y
Thôi hỏi Tăng Diêu, Ngô đạo tử
Chí Công kia tự chẳng nǎng tri”.*

Ngay Chí Công cũng chẳng hay biết thì có thể rõ là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Kinh: “Ba là, do tôi tu tập cái Bốn Căn Thanh Tịnh, vốn diệu viễn thông, nên qua mọi thế giới đều khiến cho chúng sanh xả bỏ thân cùng của báu, cầu tôi thương xót.

Thông rằng: Cái Bốn Căn Thanh Tịnh vốn diệu viễn thông, tức là cẩn tai vậy. Xa lìa trần cầu, vốn không phiền não, nên gọi là thanh tịnh. Nhưng chúng sanh trong thế giới khổ vì phiền não, không thể giải thoát, nên thương xót khẩn thiết cứu vớt.

Lục độ mà Bồ Tát tu, thì bỏ thí là trước hết, nên dạy làm bỏ thí, bỏ tham bỏ tiếc, lấy đó làm Nhân tu. Một Pháp bỏ thí ấy, tức chẳng thấy người cho, chẳng thấy người nhận, cũng

chẳng thấy có vật bồ thí, thế gọi là Bồ Thí Ba La Mật. Nếu chẳng được viên thông trong sạch thì chẳng thể rõ sự màu nhiệm này vậy. Cho nên Quán Thế Âm Bồ Tát nhận chuỗi ngọc báu của Bồ Tát Vô Tận Ý (20) lại hiến dâng Phật. Ban đầu chẳng nhận, có thể thấy giới hạnh. Phụng sự Phật không mỏi mệt, có thể thấy sự tinh tấn. Chẳng tự thọ dụng, có thể thấy cái nhẫn. Cho và nhận đều vô tình, có thể thấy thiền định. Chỉ cầu phước đầy đủ cho chúng sanh, có thể thấy cái trí huệ. Nêu ra một việc bồ thí mà sáu Ba La Mật đủ hết trong đó vậy. Há chỉ dạy một phép bồ thí thôi đâu!

Có nhà sư hỏi Tô Bách Trượng: “Như nay hết thấy Sa Môn đều nói rằng “Tôi y theo Giáo Pháp Phật, học mỗi một Kinh mỗi một Luận, mỗi một Thiền mỗi một Luật, mỗi một hiểu biết, mỗi một tò thông”, mà lãnh nhận bốn việc cúng dường của đàn việt, thì có tiêu được chẳng?”

Tô Trượng nói: “Chỉ như giờ đây soi dùng (chiếu dụng) mỗi một thanh mỗi một sắc, mỗi một hương mỗi một vị, nơi tất cả các pháp hữu vô, trong mỗi mỗi cảnh đều không có mảy bụi giữ nhuốm (thủ nhiễm), cũng chẳng nương trụ tri giải. Cái người ấy mỗi ngày ăn vạn lượng vàng ròng cũng tiêu hết được. Chỉ như nay soi chiếu tất cả các pháp hữu vô, nơi cửa sáu căn quét ráo mọi tham ái. Có chút mảy lông chẳng xong thì đâu có nhận của thí chủ một hột gạo, một sợi chỉ đều là mang lông đội sừng, kéo cày chở nặng, mỗi mỗi phải bồi thường lại hết mới được. Vậy là chẳng y theo Phật. Phật là người không bám dính, người không cầu kiếm, người không dựa nương. Giờ mà bốn ba tham lam tìm kiếm Phật, đều là nghịch lại vậy”.

Tin lời này, ắt gọi là tu tập Bốn Căn thanh tịnh, mới nên nhận bố thí của người.

Kinh: “Bốn là, tôi đắc Tâm Phật, chứng đến rốt ráo, nên có thể dùng đủ thứ quý báu cúng dường mười phương Như Lai. Cả đến chúng sanh sáu đường trong pháp giới, người cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu tam muội được tam muội, cầu sống lâu được sống lâu, như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn được Đại Niết Bàn.

Thông rằng: Chứng đến rốt ráo, Trí Huệ tròn đủ vậy, nên có thể ban cho người cái vui xuất thế. Cúng dường Như Lai, phước ấy tròn đủ, nên có thể ban cho người cái phước thế gian. Đều từ trong cái chẳng thể nghĩ bàn mà thành tựu. Nếu thấy có cầu, có đắc, thì chỗ cho ra cũng là nhỏ hẹp. Được phước chẳng bằng được quả vị, được quả chẳng bằng được cực quả, nên đắc Đại Niết Bàn là tột bậc.

Tô Bách Trượng nói: “Chỉ như nay có người lấy bốn việc phước trí cúng dường bốn trăm vạn ức a tăng kỳ chúng sanh trong sáu đường thế giới, tùy theo chỗ thích cho đến hết tám mươi năm, lại nghĩ rằng: nhưng các chúng sanh này đều phải già yếu, ta nên dùng Phật Pháp mà dẫn dạy cho, khiến họ đắc quả Tu Đà Hàm cho đến đạo A La Hán. Thí chủ ấy chỉ bố thí cho chúng sanh tất cả vật ưa thích, công đức đã là vô lượng. Huống là khiến cho đắc quả Tu Đà Hoàn, cho đến đạo A La Hán thì công đức vô lượng vô biên. Vậy mà chẳng bằng công đức người thứ năm mươi nghe kinh mà vui theo.

“Kinh Báo Ân nói rằng: Ma Da phu nhân sanh năm trăm thái tử đều đắc Bích Chi Phật, mà đều diệt độ, mỗi vị đều được dựng tháp cúng dường. Mỗi một lần lê bái, phu nhân than rằng: Chẳng bằng sanh một đứa con đắc Vô Thượng Bồ Đề, đỡ bớt tâm lực ta. Chỉ như nay trong trăm ngàn vạn chúng sanh, có một người đắc Đạo, thường bù ngay cho Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới!”

Than ôi! Đức Quán Thế Âm đã đắc Tâm Phật, mà khiến cho chúng sanh đều đắc Tâm Phật, bi nguyện ấy thật chẳng thể nghĩ bàn.

Kinh: “*Phật hỏi về viên thông, tôi do theo cửa tai, tròn soi tam muội, nhân tâm được tự tại, duyên theo tướng Nhập Lưu, đắc tam ma địa, thành tựu Bồ Đề, đó là đệ nhất.*

“*Bạch Thé Tôn, Đức Phật Như Lai ấy khen tôi khéo được pháp môn viên thông, ở trong đại hội thọ ký cho tôi hiệu là Quán Thế Âm. Do tôi thấy nghe thấu suốt mười phương nên danh hiệu Quan Âm cùng khắp mười phương thế giới*”.

Thông rằng: Kinh Thư nói rằng “*Sáng bốn mắt, thông bốn tai*”, là nói lấy tai mắt của bốn phương làm tai mắt vậy. Lại nói rằng “*Trời thấy tức là tự dân ta thấy. Trời nghe là tự dân ta nghe*”. Đó là nói cái thấy nghe của trời vốn không thể thấy mà thấy được ở nơi dân vậy.

Đức Quan Âm đã lấy cái thấy nghe của mười phương làm cái thấy nghe, nên cái thấy nghe của mười phương tức là Quan Âm vậy. Danh ấy sao chẳng khắp mười phương ư?

Tổ Bửu Phước hỏi nhà sư: “Ở đâu lại?”

Đáp: “Quan Âm”.

Tổ Phước nói: “Vậy thấy Quan Âm chăng?”

Đáp: “Thấy”.

Tổ Phước nói: “Thấy bên trái hay thấy bên phải?”

Đáp rằng: “Thấy thì chăng trải qua trái phải”.

Tổ Pháp Nhãnh riêng nói rằng: “Như Hòa Thượng thấy”. Phù Thượng Tọa dự pháp hội Kính Sơn, một ngày nọ trước đại điện Phật, có nhà sư hỏi: “Thượng Tọa từng đến Ngũ Đài chưa?”

Đáp: “Từng đến”.

Hỏi: “Lại thấy Văn Thù chăng?”

Đáp: “Thấy”.

Hỏi: “Thấy ở chỗ nào?”

Đáp: “Thấy trước điện Phật Kính Sơn”.

Tổ Tuyết Phong nghe lời ấy lấy làm lạ.

Tổ Lâm Tế nói: “Có một loại học nhơn, hướng trong núi Ngũ Đài tìm Văn Thù, thật sớm hiểu lầm! Ngũ Đài không Văn Thù. Ông muốn biết Văn Thù ư? Chỉ là cái chỗ dùng trước mắt ông, trước sau chăng khác, chốn chốn chăng nghi, ấy là Văn Thù sống. Ông một niệm tâm không có ánh sáng sai biệt thì xứ xứ thấy là chân Phổ Hiền. Ông một niệm tâm tự nhiên mở trói, tùy chốn giải thoát, đây chính là Quan Âm tam muội

pháp, đắp đổi chủ bạn. Ra thì lập tức ra, một là ba, ba là một. Hiểu được như thế mới xem kinh điển”.

Ôi! Lời này của Tổ Lâm Té nói ngay tông giáo, thảy không sai biệt.

MỤC NĂM: CHỈ PHÁP VIÊN TU

I. PHÓNG HÀO QUANG, HIỆN ĐIỀM LÀNH

Kinh: Bấy giờ Đức Thế Tôn nơi tòa sư tử, từ trong năm vóc đồng phóng quang báu, rời xa trên đảnh mười phương Như Lai số như vi trần cùng các vị Pháp Vương Tử và các Bồ Tát. Các Đức Như Lai kia cũng từ năm vóc đồng phóng quang báu, từ các thế giới số như vi trần đến rời trên đảnh Phật, rót vào đảnh các vị Đại Bồ Tát và A La Hán trong hội; rùng cây ao hồ đều diễn pháp âm, ánh sáng giao nhau trùng trùng, như lưới tơ báu. Thảy trong đại chúng được cái chưa từng có, tất cả đều được Kim Cang tam muội. Liền khi ấy, trời mưa hoa sen trăm báu, xanh, vàng, đỏ, trắng xen nhau lấn lộn, mười phương hư không thành sắc bảy báu. Núi sông, đất đai cõi Ta Bà này đồng thời chẳng hiện, chỉ thấy cõi nước vi trần mười phương hợp thành một cõi, phạm âm ca ngợi tự nhiên nỗi khắp.

Thông rằng: Các vị Bồ Tát, A La Hán chứng viên thông đều đã nhập vào cảnh giới bất khả tư nghì, cho nên Đức Phật từ trong cái bất tư nghì hiện khởi điềm lành, ứng ra quang báu. Cả hai chánh báo và y báo đều hiển viên thông. Chánh báo là năm vóc phóng quang, Phật Phật chẳng khác, hiển thị hai mươi lăm chỗ viên thông, thảy thảy là Đạo. Mỗi người ai cũng đủ hình vóc, nhưng Phật mới được toàn thể. Y báo là ánh sáng giao nhau trùng trùng, như lưới tơ báu, cho đến mười phương hư không thành sắc bảy báu, hiển bày mười tám giới, bày đại đều là Như Lai Tạng Chân Như Diệu Tánh, giao nhau hòa lẫn, đồng một Biển-Không Sáng Báu (Bửu Minh Không Hải) vậy.

Cõi Ta Bà này hợp thành một cõi, là cái tượng “*Trần tiêu, trở lại tánh nghe*” vậy. Rừng cây ao hồ đều diễn pháp âm, là cái tượng “*Thuần âm, không trần*” vậy. Cái Bảo Giác tròn sáng cùng khắp pháp giới, đã âm thầm xem sự *phanh văn xoay về tánh nghe* làm đệ nhất cơ vậy.

Sư Động Sơn đến Tô Ngụy Sơn, hỏi rằng: “Từng nghe Trung Quốc Sư có việc vô tình thuyết pháp, tôi chưa rõ thấu chõ vi diệu áy”.

Tô Ngụy nói: “Ta trong áy cũng có, chỉ thật khó được người”.

Sư nói: “Xin thỉnh Hòa Thượng nói”.

Tô Ngụy nói: “Cái miệng cha mẹ sanh, rốt chặng vì ông nói”.

Hỏi rằng: “Lại có ai mộ đạo cùng thời với Thầy chặng?”

Tô Ngụy rằng: “Thạch thất cách liền đây, có Vân Nham đạo nhân. Nếu có thể tìm đến ra mắt thì hẳn thỏa mãn ý nguyện của ông”.

Sư đến Vân Nham, hỏi rằng: “Vô tình thuyết pháp, kẻ nào được nghe?”

Tô Nham đáp: “Vô tình được nghe”.

Hỏi: “Hòa Thượng lại nghe chặng?”

Tô Nham nói: “Tôi nếu nghe, át thầy chặng nghe tôi thuyết pháp vậy”.

Hỏi: “Tôi đây vì sao chẳng nghe?”

Tô Nham dựng đứng phát tử, nói: “Lại nghe chẳng?”

Đáp: “Chẳng nghe”.

Tô Nham nói: “Ta thuyết pháp ông còn không nghe huống là vô tình thuyết pháp”.

Hỏi: “Vô tình thuyết pháp, kinh giáo nào nói?”

Tô Nham nói: “Há chẳng thấy kinh Di Đà nói: nước, chim, cây rừng thảy đều niêm Phật, niêm Pháp, cây cỏ vô tình hòa tấu vui ca”.

Thầy Động Sơn ngay đó tinh ngộ, mới thuật bài tụng:

*“Thật lạ lùng, thật lạ lùng!
 Vô tình thuyết pháp, chẳng nghĩ bàn
 Nếu đem tai ngóng càng không hiểu
 Nhãm xứ nghe thanh mới tỏ thông”.*

Thiền sư Vân Cư Hựu thượng đường: “Tất cả âm thanh là thanh Phật!”

Gõ thiền sàng, nói: “Phạm âm trong xa khiến người thích nghe!”

Lại nói: “Tất cả sắc là sắc Phật!”

Bèn đưa phát tử lên, nói: “Nay Phật phóng quang minh, chiết rõ thiệt tướng nghĩa. Người đã thấu đáo, đǐnh đội vâng làm. Người chưa thấu đáo, hợp như thế rõ, hợp như thế tin!”

Rồi gõ thiền sàng, xuồng tòa.

Các vị Tôn Túc đây đích thân đến dự Viên Thông Hội Thượng mà đi lại, nên trùng trùng diễn thuyết như thế.

II. PHẬT BẢO NGÀI VĂN THÙ CHỌN CĂN VIÊN THÔNG

Kinh: Khi ấy, Đức Như Lai bảo Ngài Văn Thủ Sư Lợi Pháp Vương Tử rằng: “Ông nay xét xem trong hai mươi lăm vị Vô Học Đại Bồ Tát và A La Hán đây, mỗi vị trình bày phương tiện thành đạo lúc ban đầu, đều nói tu tập chổ viễn thông chân thật, chổ tu hành của các vị thật không có hơn, kém, trước, sau sai khác. Nay Ta muốn khiến cho Ông Anan khai ngộ, thì trong hai mươi lăm pháp tu hành, pháp nào hợp căn cơ ông ấy. Lại sau khi Ta diệt độ, chúng sanh cõi này vào Thùa Bồ Tát, cầu đạo Vô Thượng thì pháp môn phương tiện nào được dễ thành tựu?”

Ngài Văn Thủ Sư Lợi Pháp Vương Tử vâng ý chỉ lành của Phật, liền từ chổ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thừa oai thần Phật, nói kệ đáp lời:

Thông rằng: Chỗ tu hành của các vị thật không hơn kém, trước sau, sai khác, đều đã ngộ nhập Vô Thượng Bồ Đề, được Phật ấn chứng.

Tổ Hoàng Bá nói: “Từ Đức Như Lai phó pháp cho Ngài Ca Diếp đến nay, là dùng tâm ấn tâm, tâm tâm không khác. Ăn vào hư không thì ấn chẳng thành văn. Ăn vào vật thì ấn chẳng thành Pháp. Nên dùng tâm ấn tâm, tâm tâm chẳng khác. Năng ấn, sở ấn đều khó khé hội, nên người được ít ỏi. Nhưng tâm túc vô tâm, đắc túc vô đắc”.

Ôi, chỉ vô tâm vô đắc, nên mới không có trước sau sai biệt. Hai mươi lăm vị Vô Học đây thật không sai biệt, vì lấy tâm ấn tâm, cho nên tâm tâm không khác vậy.

III. LỰA RA NHỮNG CĂN KHÔNG VIÊN

Kinh:

“Tánh Biển Giác lặng khắp
Toàn trong (lặng), Giác nguyên diệu
Nguyên minh, chiểu sanh sở
Sở lập, tánh chiểu vong

Thông rằng: Tánh Giác nguyên diệu vốn nhiệm màu mà hằng sáng vậy. Vì phân biệt tiền cảnh, nên nói là nguyên minh. Đã rơi vào đất ý thức, tức là tự lượng. Tự lượng lập thì cái hiện lượng tròn sáng mắt. Ở trước, Đức Thế Tôn nói, vô thủy Bồ Đề Niết Bàn nguyên là thể trong sạch, cái năng sanh các duyên, theo duyên thì bỏ mất. Đây là từ trùng tung mà ra.

Hòa Thượng Phổ Minh dạy chúng rằng: “Tâm Pháp của Tổ Sư rỗng suốt mười phương, xưa nay hằng nhiên, Pháp vốn như thế. Cái Pháp như thế không mượn tu tập, mà tự thành tựu; chẳng cần đắc, mà tự viên mãn. Tất cả hiện thành, gọi là địa bất động. Dùng mà chẳng phải có, không dùng chẳng phải không, thể màu nhiệm trong lặng như nhiên, thường hằng chẳng biến. Thể hợp diệu dụng, ứng khắp vô vi, ảnh hiện trùng trùng, vô biên sắc tướng. Tâm không tự tánh, gấp sự trọn bày rực rõ, đạo tràng bất động, khắp mười phương cõi. Như cảnh giới này, chỉ sơ lược tạm cái hòi quang; bỏ trán hiệp giác, chẳng làm việc bóng dáng. Cái ý sự này như ngự trên đường

lớn. Hành lấy thì tức là. Giả sử chẳng hành, cũng tại trên đường. Luận bàn như vậy, vẫn còn là lời thuyết của pháp môn dạy dỗ. Nếu mà cùi xướng tông thừa, chỉ là nhất thời giải tán đi là tốt.

“Nếu giải tán đi bèn là vô sự, bao nhiêu cái giác hải trùng viên kia cũng đoạn dứt. Bằng không, còn ngồi trong hang Ồ vô vi”.

Kinh:

Mê vọng, có hư không
 Nương Không, lập thế giới
 Tưởng đọng thành cõi nước
 Hay biết thành chúng sanh
 Không sanh trong Đại Giác
 Như một bọt nổi biển
 Cõi hữu lậu vi trần
 Đều nương Không sanh khởi
 Bọt diệt, Không (vốn) chẳng có
 Huống là có ba cõi

Thông rǎng: Giác nói là Đại Giác, là để phân biệt với cái giác của sự hiểu biết vậy. Đại Giác như biển, không có bến bờ. Cái Tánh vốn Không, chẳng thể lấy Giác đặt tên. Có tướng thì ngay bày, không có tướng thì ẩn. Chân Tánh mà ẩn, cái Không cái Giác bèn phân. Vừa khởi cái không Kiến, liền sanh ra tướng phần, nên cõi nước trong tam giới đều nương Không mà lập. Hễ nhận cái Giác Minh bèn sanh kiến phần, nên cái hữu lậu của chúng sanh đều chạy theo hư vọng mà có ra. Tướng

chẳng phải lìa kiến mà thành tướng, chính là do tướng lăng đọng mà kết thành. Kiến chẳng phải lìa tướng mà thành kiến, mà là cái trôi xoay trong ba cõi hiệp với trần mà có vậy. Cái tướng đó, cái kiến đó, sanh ra trong Đại Giác, như một bọt nước trong biển cả. Nếu trở về chỗ tốt cùng của căn trôi dạt, đến chỗ chẳng sanh chẳng diệt thì bọt nước tan mất trong biển, y nhiên một Đại Giác mầu sáng. Tìm hư không còn chẳng thể được, huống là các cõi nước vi trần ba cõi hữu tình, vô tình an lập trong hư không ư?

Nhà sư hỏi Tô Bách Trượng: “Hư không sanh ra trong Đại Giác như một bọt nước khởi trong biển là sao?”

Tô Trượng đáp: “Hư không ví dụ cho cái bọt, biển ví dụ cái Tánh. Tự Tánh linh giác chính mình, vượt cả hư không, nên nói ‘Không sanh trong Đại Giác. Như bọt nổi trong biển’.”

Thiền sư Mộc Bình Đạo hỏi Tô Lạc Phổ rằng: “Khi một bọt nước chưa sanh, làm sao rõ mạch nước?”

Tô Phổ nói: “Dời ghe rành thế nước. Giở chèo biết sóng mòi”.

Thầy Bình không khé hiểu, đến tham hỏi Tô Bàn Long, hỏi lại lời trước.

Tô Long nói: “Dời ghe chẳng rõ nước. Giở chèo tức mê nguồn!”

Liền ngộ nhập.

Tô Đơn Hà tụng rằng:

*“Mặt trời mặt trăng cùng sáng tỏa
Soi thuở Oai Âm chưa động lay
Như nói trời xanh riêng có lối
Y xưa, người gõ nhíu đôi mày”.*

Đại đế, chỗ thấy (kiến xứ) của Tô Bàn Long là chỗ ẩn thân thì không dấu vết. Chỗ thấy của Tô Lạc Phổ là chỗ không dấu vết, chẳng ẩn thân. Rõ được, chỉ là một đường, chẳng hề có khác.

Về sau, có nhà sư hỏi: “Như sao là Mộc Bình?”

Đáp: “Chẳng nhọc búa rìu”.

Nhà sư nói: “Vì sao chẳng nhọc búa rìu?”

Đáp: “Mộc Bình”.

Quả là soi rõ một đoạn đại sự của thuở Oai Âm chưa máy động.

Kinh:

**Về nguồn, Tánh không hai
Phương tiện có nhiều cửa
Thánh Tánh, đâu cũng thông
Thuận nghịch đều phương tiện
Sơ tâm vào tam muội
Chậm nhanh bậc chẳng đồng**

Thông rằng: Trước nói “Mười phương Như Lai, nơi mười tám giới mỗi mỗi tu hành đều đắc viễn mẫn Vô Thượng Bồ Đề”, tức ở đây nói “Cái Thánh Tánh này không đâu mà chẳng

thông, thuận nghịch đều là phương tiện” vậy. Lại nói “Như ngay đây ngộ căn viên thông liền nghịch lại cái dòng vọng nghiệp thêu dệt từ vô thủy. Được tùy thuận viên thông thì so với cái chẳng viên thông cách nhau như ngày với kiếp”. Tức ở đây nói “Cái sơ tâm này vào tam muội thì có nhanh chậm chẳng đồng”.

Tổ Hoàng Bá nói: “*Về nguồn tánh không hai*, nghĩa là thật tánh của Vô Minh tức là Tánh Chư Phật. *Phương tiện có nhiều cửa*, nghĩa là người Thanh Văn thấy vô minh diệt, chẳng thấy vô minh sanh, niệm niệm chứng tịch diệt, Chư Phật thấy chúng sanh suốt ngày sanh mà không sanh, suốt ngày diệt mà không diệt. Không sanh không diệt tức là quả Đại Thừa. Bởi thế đạo quả mãn, Bồ Đề tròn, hoa nở thế giới sanh”.

Thiền sư Khô Mộc Thành thượng đường: “*Về nguồn Tánh không hai*. Phương tiện có nhiều cửa. Chỉ ngộ tánh-về- nguồn, lo gì cửa phương tiện. Các ông muốn rõ tánh-về- nguồn ư?

“Lộ trụ lấy làm chuôi Bắc Đẩu, người đời chẳng nhận theo như thế. Muốn rõ cửa phương tiện ư? Chuôi Bắc Đẩu lấy làm lộ trụ, chông trời đỡ đất cũng vừa nên. Hãy nói một câu chẳng rơi vào cửa phương tiện, nói làm sao? Ba mươi năm sau chớ có nêu ra làm lẩn!”

Hai vị Tôn Túc đây, mỗi vị đều theo chổ thấy mà phát huy đối với ý chỉ về nguồn thật là không-hai.

Kinh:

Sắc tướng kết thành trần
 Hay biết không thể thấu
 Không thấu suốt như vậy
 Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Theo pháp quán Thập Tưởng mà vào, kết thành nội trần, nên cái tinh minh hay biết thật chẳng thể biết thấu suốt, vì bị pháp buộc vậy.

Tô Thạch Đầu hỏi khách mới đến: “Từ đâu tới?”

Đáp rằng: “Giang Tây”.

Tô Đầu nói: “Thấy đại sư Mã Tô chăng?”

Đáp: “Có thấy”.

Tô Đầu bèn chỉ một khúc củi, nói: “Mã đại sư đâu giống như cái đó?”

Nhà sư không đáp được. Rồi trở về đem nói lại y vậy với Ngài Mã Tô.

Ngài Mã Tô nói: “Ông thấy khúc củi lớn hay nhỏ?”

Đáp rằng: “Lớn quá cở”.

Ngài Tô nói: “Ông rất có sức!”

Nhà sư hỏi: “Sao vậy?”

Ngài Mā Tô nói: “Ông từ núi Nam Nhạc vác một khúc củi đến đây, há chẳng mạnh sao?”

Nếu nhà sư này là Kẻ Ấy, bèn bỏ quách là phải ngay

Kinh:

Âm thanh trộn ngũ ngôn
Chỉ là vị danh cú
Một chẳng gồm tất cả
Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Ngộ thanh trần đối với người nhập theo cǎn tai thì chẳng đồng. Thanh là lời của Phật, Cǎn mới là tự tâm. Nhận thanh trần ắt bám níu danh cú kia. Xoay lại cái nghe ắt rõ thấu nguồn tánh mình. Danh cú trệ vướng vào một mối, còn nguồn tánh không đâu chẳng bao quát khắp. Cho nên nghe tiếng ngộ Đạo cũng không chọn được.

Tô Vân Cư Ứng thượng đường: “Hết thấy các ông, dẫu cho học được chuyện bên Phật, thì cũng đã sớm dụng tâm làm! Há chẳng thấy người xưa giảng kinh được hoa trời rụng, đá gật đầu. Cũng chẳng nhầm gì chuyện tự kỷ. Những kẻ khác nhàn rỗi làm sao mà định lấy cái thân tâm hữu hạn này hướng vào trong vô hạn mà sử dụng? Như lấy gỗ vuông tra vào lỗ tròn, thế nào cũng sai hở. Nếu không có cái chuyện ấy dẫu ông có thêu hoa dệt gấm cũng là vô dụng, chưa lìa khỏi thức tình. Hết thấy mọi sự phải hướng về trong-Ấy cùng dứt hết. Nếu còn một mảy lông phủi bỏ chẳng sạch, bèn bị trần trói buộc, huống chi là nhiều? Sai một hào li, lối làm như núi.

“Há chẳng nghe người xưa nói “Chỗ học chẳng sâu mầu, đều trôi theo thế tục. Sự vật trong chốn lầu son gác tía bỏ chẳng được, đều là rỉ chảy”. Cần thăng vào trong ấy, nào năm, nào đến, nào đi đều sạch dứt mọi sự mới là không lỗi. Như người việc việc đều rõ, vật vật đều thông, chỉ gọi là người rõ việc, rốt cuộc chẳng gọi là người tôn quý. Hãy biết rằng tôn quý tự riêng một đường. Há chẳng nghe nói “Theo cửa bước vào chẳng phải là cửa báu, cây gậy chẳng thành rồng”, ư?”

Chỗ này có ý vị thay! Danh cú sáng rõ thấu suốt!

Kinh:

Hương, hợp lại, mới biết
Lìa át vốn không có
Chỗ biết chẳng thường hằng
Làm sao được viên thông?
Tánh vị chẳng bốn nhiên
Cần ném mùi mới có
Sở giác chẳng hằng nhất
Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Hương, vị thì sự ly hợp chẳng thường hằng, thế chẳng cùng khắp. Bám níu hương vị cho là cửa vào, rốt chẳng tương tự gì với thế viên dung, cho nên đều không chọn được.

Nhà sư hỏi Tô Vân Cư Ứng: “Cơm của Phật Hương Tích người nào được ăn?”

Tổ Ưng nói: “Phải biết người được ăn, vào miệng rồi cũng nên phai ói ra!”

Lại có nhà sư hỏi Tổ Thủ Sơn Niệm: “Như sao là đường chánh tu hành?”

Tổ Sơn nói: “Nghèo mà chẳng ăn tạp”.

Nhà sư nói: “Buông tay về nhà vậy”.

Tổ Sơn nói: “Thơm thúi chẳng từng nghe”.

Tổ Phật Ân thương đường: “Ta có một cái rõ ràng ấy, người người trong miệng nhai, nhai bể được rồi, cần mửa cả ra. Nhai chẳng bể được, chuyển thành thuốc độc”.

Rồi gọi: “Các vị thiền đức, cái vị ngon bở ấy là sao, hãy nói ra xem”.

Im chập lâu, nói:

“*Y Vương đâu chẳng không phương nghĩa
Ngàn dặm tô hương (21), tượng (22) chẳng quay*”.

Tổ Phật Ân cùng hai vị Tôn Túc trùng trùng chú nghĩa. Nếu nghe Hương này, biết vị này tức hằng nhất cái Sở Giác.

Kinh:

Xúc, do chõ chạm, biết
Không chõ, chẳng rõ xúc
Hợp lìa, tánh chẳng định
Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Xúc tất phải có chõ, nên chăng phải là nghĩa viễn. Huống là có hợp mới có xúc, lìa thì chăng phải xúc. Xúc vì lìa cái biết, tánh nó chăng định. Tự tánh chăng định, sao được viễn thông?

Hòa Thượng Thủy Lạo ban đầu ra mắt Ngài Mã Tồ, hỏi rằng: “Như thế nào là rõ ràng ý chỉ Tây lai (23)?”

Thầy Lạo liền lẽ bái, Ngài bèn tống cho một đạp, thầy đại ngộ, đứng dậy vỗ tay ha hả cười lớn rằng: “Rất lạ lùng, rất lạ lùng! Trăm ngàn tam muội, vô lượng diệu nghĩa chỉ hướng trên đầu một mảy lông liền rõ thấu căn nguồn!”

Về sau, dạy chúng rằng: “Từ lúc lãnh một đạp của Mã đại sư, mãi đến nay cười chăng dứt!”

Tuy nhiên, chõ xúc chạm ngày xưa dường vẫn còn, nào giống như chõ thoát thảng của Tồ Lâm Tế.

Tồ Lâm Tế nói: “Tôi ở với tiên sư Hoàng Bá hai mươi năm, ba lần hỏi đại ý Phật Pháp, ba lần bị Ngài thường gậy, như ngọn sào phủi sạch. Như nay lại nhớ được một gậy, có ai vì ta thi hành được?”

Khi ấy có một vị tăng bước ra khỏi chúng, nói: “Tôi thi hành được”.

Tồ Tế cầm gậy trao cho.

Vị tăng định tiếp lấy, Tồ Tế liền đánh.

Kiếm rót xa rồi, ông mới khắc nghe!

Kinh:

Pháp gọi là nội trần
 Nương trần ắt có sở
 Năng sở chẳng dung nhập
 Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Pháp trần chẳng có tướng, tiềm ẩn trong ý căn; đã sa vào năng-sở bèn có phương chố nhất định, nên chẳng dung nhập khắp. Tuy là pháp không toàn khắp mười phương, nhưng chẳng thể cùng khắp cái phi không, nên chẳng thể viên thông (24). Phi nghĩa là năng chẳng dung nhập sở, sở chẳng dung nhập năng, mà hai bên cùng tồn tại.

Tổ Lâm Tế nói: “Các pháp thế gian và xuất thế gian, đều không có tự tánh, cũng không có tánh sanh, chỉ có cái danh trống trọn, danh tự cũng không, ông chỉ nhận cái danh trống trọn kia cho là thật, làm lớn vậy thay. Cho là có, đều là cảnh của y, biến (25), mới có Bồ Đề để y theo, Niết Bàn để y theo, giải thoát để y theo, Tam Thân để y theo, trí cảnh để y theo, giác để y theo, Phật để y theo. Ông hướng về trong cõi nước y, biến ấy tìm vật gì? Cho đến ba Thùa, mười hai phần giáo, đều là giấy cũ chùi đồ dơ.

“Phật là thân huyền hoá, Tổ là lão thầy tu, ông lại cho là mẹ sanh mình ư? Ông nếu cầu Phật, liền bị ma Phật hόp hόn; ông nếu cầu Tổ, liền bị Tổ trói chặt. Ông mà có cầu đều là khô, chẳng bằng vô sự”.

Tin chǎng? Nương y cái trán tất có sở, chǎng thĕ được viên thông vậy. Trên là chọn sáu trán để nhập, chǎng thích hợp với người sơ tâm.

Kinh:

Cái thấy tuy rõng suốt
Rõ trước chǎng rõ sau
Bốn bè thiếu một nửa
Làm sao được viên thông?

Thông rẳng: Cái thấy của con mắt, rõ trước chǎng rõ sau. Cái thấy của tâm chǎng phải là mắt, gọi là thấy trong thấy. Vì sao cũng thiếu nửa phần? Chỉ vì lọt vào kiến phần, bèn mất viên thường. Cho nên căn mắt không được chọn.

Tổ Nam Tuyên tham kiến Trung Quốc Sư.

Quốc sư hỏi: “Chôn nào lại?”

Đáp rẳng: “Giang Tây lại”.

Hỏi: “Lại đem được chọn Mã Tổ đến chǎng?”

Đáp rẳng: “Chỉ cái ấy là phải”.

Quốc sư nói: “Cái phù trừ quỷ sau lưng!”

Tổ Tuyên liền im luôn.

Tổ Trường Khánh Lăng nói: “Thật giống như chǎng biết”.

Tổ Bửu Phước nói thêm rẳng: “Xét chǎng đến cái yên ổn này của Hòa Thượng”.

Tô Vân Cư Tích nói: “Hai vị Tôn Túc đây đều nâng đỡ cái sau lưng. Chỉ như Nam Tuyền im luôn là vì nâng đỡ cái trước mặt hay nâng đỡ cái sau lưng?”

Tô Huyền Sa chỉ vị tăng qua đời nói: “Trước mặt chạm mắt là Bồ Đề, thần quang muôn dặm: tướng sau đánh”.

Nhân có kệ rằng:

*“Vạn dặm thần quang tướng đánh sau
Khi mà không đánh ngóng về đâu?
Sự đã thành, ý đã thôi
Tin tức trong kia trọn khắp nơi
Người trí trong liêu bèn nắm lấy
Chẳng thoảng so đo bị mất rồi”.*

Hai tắc này hô tương bày tỏ, chở thấy đồng nhau, chẳng quý sao?

Kinh:

**Mũi thở ra vào thông
Giữa, khí không chở giao
Chia phân chẳng dung nhập
Làm sao được viên thông?**

Thông rằng: Khoảng vũ trụ là một đại hõ hấp vậy. Xuân, hạ thở ra; thu, đông thở vào. Trăng sáng thở ra; trăng tối thở vào. Trước giờ tý thở ra; sau giờ ngọ thở vào. Con người do thở ra thở vào mà thông cùng trời đất, giống như con cá trong nước vậy. Điều hòa hơi thở ra vào đến chở hiện tiền không có khí giao nhau. Các đạo gia dưỡng sanh cho là hợp với tự

nhiên, chẳng hiểu cái khí mịt mờ mênh mông đó, cho là chân tánh, xem cái tinh thuần ấy, cái vật thể ấy cho là thức thần. Cái chia phân tản mạn này đối với tự tánh có giao thiệp gì.

Có người hỏi Tô Đại Châu rằng: “Thế gian có pháp vượt tự nhiên chẳng?”

Tô Châu đáp: “Có”.

Hỏi: “Pháp nào vượt được?”

Tô Châu nói: “Kẻ rõ biết cái tự nhiên”.

Hỏi: “Cái nguyên khí là Đạo chẳng?”

Đáp: “Nguyên khí tự là nguyên khí; Đạo tự là Đạo”.

Hỏi: “Nếu như thế,ắt phải có hai thứ vậy”.

Tô Châu nói: “Biết thì chẳng có hai”.

Lại hỏi: “Thế nào là tà, thế nào là chánh?”

Tô Châu nói: “Tâm chạy theo vật là tà, vật theo tâm là chánh”.

Do đây mà xét, cái thuyết điều hòa hơi thở là tâm chạy theo vật. Chia phân quá chừng, huống là được viên thông!

Kinh:

Lưỡi, không nhập (thì) không mối
Nhờ vị, sanh có biết
Vị mất rồi chẳng có
Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Cái ném chǎng có cǎn thì không biết vị. Không có cǎn mà biết vị, thật là không cǎn cứ. Đã có cǎn, bởi có vị nhập vào mà sanh cái biết. Vị mất thì biết cũng mất. Cǎn ấy do vị mà thành có thành không, sao được là Viên?

Ngài Giáp Sơn ở Tô Quy Sơn làm Điển Tòa.

Tô Quy hỏi rằng: “Hôm nay ăn món gì?”

Ngài Giáp nói: “Hai năm cùng một xuân”.

Tô Quy nói: “Lo việc tốt lǎm!”

Ngài Giáp nói: “Rồng ở ồ phụng”.

Tô Đầu Tử tụng rằng:

*“Gặp nhau cậy hỏi cháo chúng sanh
Chǎng sánh cơm thơm am Tịnh Danh
Khí đêm chuyển theo màu phụng đỏ
Rồng vàng sáng quấn nhánh trong trăng”.*

Lại Tô Thê Hiền Thực thượng đường, im lặng chǎp lâu, nói: “Hân hạnh có một mâm cơm, chǎng thèm trộn tiêu, gừng. Tuy nhiên như thế, thử ăn xem nào!”

Bèn xuống pháp tòa.

Hai tǎc này cũng cùng một Xuân. Ăn được rồi, mới cho là khác lưỡi biết mùi.

Kinh:

**Thân cùng chõ chạm đồng
Đều chǎng biết tròn suốt**

Hữu hạn, không thấu suốt Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Bày rõ cái diệu xúc, chỉ cái thân hiển ra cái biết. Thuần biết mà còn sót cái thân, cũng chẳng phải là cái biết toàn vẹn. Phải biết là cái biết tròn đầy thấu suốt, thân tâm siêu việt, không bờ không bến, mới tỏ hiểu suốt muôn pháp, chẳng nhờ thân biết. Nay thân có chạm xúc, là có giới hạn bến bờ, chẳng được viên thông vậy.

Thái sử Huỳnh Sơn Cốc ra mắt thiền sư Tử Tâm Tân, theo chúng nhập thất.

Tổ Tân trợn mắt hỏi rằng: “Lão già Tân chết, quan học sĩ chết, thiêu thành hai đống tro, hướng chốn nào gặp nhau?”

Ông Cốc không có lời đáp.

Tổ Tân bắt phải ra thất, nói rằng: “Chỗ hối đường dành cho người tham được, quan chưa ở trong đó”.

Sau ông làm Tả Quan ở Kiêm Nam, đạo lực càng mạnh. Trong chỗ không nghĩ niêm, liền rõ chỗ hỏi của Tổ Tử Tâm. Trả lời thơ rằng: “Năm xưa nhờ ơn khó nhọc nhắc nhở, mà vẫn say trong mộng, phảng phát ở trong bóng sáng. Ấy là nghi tình chẳng dứt, mang căn chẳng đoạn, nên trông về bờ mà thôi lui. Gần đây bị đổi đi làm tại Kiêm Nam, ngày nằm tỉnh giấc, bỗng nhiên nghĩ ra. Quả là bị Lão Hòa Thượng trong thiên hạ lừa dối ít nhiều vậy. Chỉ có đạo nhân Tử Tâm không chịu, mới là giúp nhau đệ nhất, vạn hạnh đệ nhất vậy”.

Cho nên rõ suốt như Ông Sơn Cốc thì cái Chính Mình còn bất khả đắc, còn nói gì chõ gắp nhau? Chẳng đoạn dứt mạng cǎn, không thể có lời này.

Kinh:

Ý căn xen loạn tưởng
 (Tánh) Lặng nhiên rốt chẳng thấy
 Tưởng niệm chẳng thể thoát
 Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Ý căn đã thuộc về hiểu biết. Hiểu biết ắt tư tưởng tạp loạn nỗi lên, như biển nỗi sóng đào, nơi tánh lặng nhiên rốt chẳng thể thấy. Dù khiến cái hiểu biết trở về chõ không hiểu biết, tư tưởng về chõ không tư tưởng cũng thuộc về tưởng niệm, chưa dễ giải thoát, nên chẳng thể được viên thông.

Có nhà sư hỏi Thiều Quốc Sư: “Như sao là chẳng chứng một pháp?”

Tố đáp: “Mắc trong ngôn ngữ”.

Hỏi : “Như sao là chứng các pháp?”

Đáp: “Say đắm làm chi?”

Rồi bèn nói: “Chỉ như sơn tăng này, đối đáp kia như vậy, các vị Thượng Tọa hiểu ra làm sao? Chẳng phải tướng chân thật là thế ư? Chẳng phải ngay lúc này không có một pháp nào để chứng đáy ư? Chẳng phải rõ biết chõ đi đến của y đáy ư? Chẳng phải là toàn thể hiển lộ đáy ư? Chớ am hiểu làm! Kiến giải thế này, gọi là nương cỏ bám cây, cùng Phật Pháp cách xa

trời đất! Giả như vấn đáp biện luận như nước chảy sông trôi cũng chỉ thành được cái tri kiến điên đảo. Nếu chỉ quý lời đáp biện luận, có gì khó đâu? Chỉ e vô ích cho người, trở thành đối gạt. Như các Thượng Tọa, chồ học, biện luận, vấn đáp trước kia, nói đạo lý cho lắm, vì sao mà tâm nghi chẳng dừng? Nghe phuơng tiện của Thánh xưa một mực chẳng hội, chỉ vì nhiều hư ít thật. Chẳng bằng các Thượng Tọa ở dưới gót chân một phen nhìn ra, xem đó là đạo lý gì, có bao nhiêu pháp môn để cho các vị tự nghi tự giải. Mới biết việc học trước kia chỉ là cẩn nguyên sanh tử, kế sống trong ấm giới. Do đó, cỗ nhân nói “Chẳng thoát kiến văn, như trăng chìm trong nước”. Vô sự, trân trọng”.

Kiến văn còn chẳng thể thoát, huống là tưởng niệm ư? Trên đây là theo năm cẩn mà nhập, chẳng hợp với người sơ tâm.

Kinh:

Nhân thức bởi cẩn, trân
 Gạn cùng, không có tướng
 Cả tự thể không định
 Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Cảnh thuộc tướng phần, thức thuộc kiến phần. Cái thấy của nhân thức là cẩn và cảnh hợp, thức sanh ở giữa, ba thứ hòa hợp mà thành. Gạn đến gốc rễ thì cái thấy này vốn không tự thể, không có tướng gì nắm bắt được. Hòa hợp thì có, chả hòa hợp thì không nên nói là chả định. Vốn là vô định thể, sao có thể chứng viên thông?

Sư Thần Hội, tuổi mới mươi ba, từ Ngọc Tuyền đến tham hỏi Lục Tổ.

Tổ nói: “Bậc trí thức gian khổ ở xa đến, lại đem được gốc đến chăng? Như có gốc thì hẳn biết chủ, thử nói ra xem”.

Thầy Hội nói: “Lấy vô trụ làm gốc, thấy tức là chủ”.

Tổ nói: “Sa Di này! Sao hợp được lời nói ấy”.

Thầy Hội mới hỏi rằng: “Hòa Thượng ngồi thiền là thấy hay chăng thấy?”

Tổ lấy gậy đánh ba cái, nói: “Ta đánh ông là đau hay chăng đau?”

Đáp rằng: “Cũng đau cũng chăng đau”.

Tổ nói: “Ta cũng thấy cũng chăng thấy”.

Thầy Hội hỏi: “Sao là cũng thấy cũng chăng thấy?”

Tổ nói: “Chỗ thấy của ta là thường thấy lối làm nơi tự tâm; chăng thấy sự đúng sai tốt xấu của người, đó là cũng thấy cũng chăng thấy. Ông nói cũng đau cũng chăng đau là sao? Ông nếu chăng đau, thì đồng với gỗ đá, nếu đau thì đồng với phàm phu, liền nỗi hờn giận. Trước, ông hỏi thấy hay chăng thấy, đó là hai bên; đau hay chăng đau, đó là sanh diệt. Tự tánh ông còn chăng thấy, sao dám giỡn người?”

Thầy Thần Hội lạy bái tạ tội.

Tổ nói: “Ông bằng tâm mê chăng thấy, thì hỏi thiện tri thức chỉ đường. Ông bằng tâm ngộ, tức tự thấy tánh, đúng

pháp tu hành. Ông tự mê chǎng thấy lại đi hỏi Ta thấy với chǎng thấy. Ta tự biết thấy, đâu đợi cái mê của ông. Ông bắng tự thấy, cũng chǎng đợi chuyện Ta mê. Sao không tự biết tự thấy, mà hỏi Ta thấy với chǎng thấy?”

Thầy Thần Hội lại lạy hơn trăm lạy, xin tạ lỗi lầm, hầu hạ một bên.

Một hôm, Tô nói với chúng rằng: “Ta có một vật, không đầu không đuôi, không danh không tự, không lưng, không mặt, các ngươi có biết chǎng?”

Thầy Thần Hội bước ra, nói: “Đó là cội nguồn của Chư Phật, Phật Tánh của Thần Hội”.

Tô nói: “Đã nói là không danh không tự, ông liền gọi là cội nguồn, Phật Tánh. Ông đi mà có mái tranh che đầu, rốt chí thành một tông đồ tri giải”.

Nếu lúc ấy mà như Nhị Tô: xá bái rồi y chõ mà đứng, thì có lỗi gì?

Kinh:

Tâm nghe suốt mười phương
Do nhân lớn nguyện lực
Sơ tâm khó thể đến
Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Chǎng dùng tai nghe, chǎng dùng thức nghe nên nói là tâm nghe, là đã chứng quả vị, cùng Đức Quán Thế Âm nghe suốt mười phương tròn sáng không khác. Chõ này cũng là nói “Ta cũng theo trong ấy chứng, chǎng phải chỉ duy

nhất Đức Phổ Hiền”. Tâm nghe rỗng suốt mười phương, việc ngoài hằng sa thế giới không gì chẳng biết. Do nơi nhân địa phát tâm, hạnh nguyện cực đại, khắp cõi hư không không đâu chẳng suốt đến. Có cái nhân lớn này nên chứng đại quả ấy. Cái ấy chẳng phải đại căn đại khí thì không thể tiếp nhận đàm đương, chẳng như xoay lại cái nghe, huân tu tánh nghe, lần hồi nhập vào. Điều này người sơ tâm chưa dễ khé hợp, khó được viên thông, với các chỗ nói khác có chút khác biệt.

Thiền sư Động Sơn Lãm, ngày chỉ ngồi tĩnh. Một bữa, kêu thị giả hãy xuống pháp đường, bảo kẻ kéo cây đừng làm hư thèm bức.

Thị giả ra xem, thấy chẳng có ai, trở lại thưa: “Vắng vẻ, không có bóng người nào”.

Tổ Lãm lại khiến kiếm tìm. Thị giả đến thèm cúi xem, thì ra bầy kiến kéo cái cánh con chuồn chuồn, theo bức thèm đi lên.

Đây là cực tĩnh nên phát ra cái linh tri vậy, nên nghe tiếng con kiến như tiếng sấm. Huống gì cái Tâm nghe của Đức Phổ Hiền, tột cùng rộng lớn hơn ở đây biết bao?

Kinh:

Quán chót mũi vốn quyền cơ
Chỉ để nghiệp tâm trụ
Trụ, tâm thành có trụ
Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Nhiếp tâm thật là khó khăn vậy. Ban đầu thì tán loạn, chỉ sợ chẳng trụ được. Mà đã được lặng yên, lại thành có chỗ trụ. Trụ và chẳng trụ đều chẳng phải là cái bản thể của vô trụ, nên chẳng được viên thông.

Thầy Thạch Cửng một ngày kia đang làm việc trong bếp.

Ngài Mã Tô thấy, hỏi rằng: “Làm gì thế?”

Thầy Cửng đáp: “Chăn trâu”.

Ngài hỏi: “Chăn làm sao?”

Thầy Cửng nói: “Một khi vào đám cỏ, nắm mũi dắt trở lại”.

Ngài nói: “Ông thật đúng chăn trâu”.

Tô Nam Tuyền dạy lời rằng: “Vương Lão Sư này chăn có một con trâu nước đực, định hướng khe Đông đi thì chẳng khỏi lúa mạ nhà vua; định hướng khe Tây đi cũng chẳng khỏi lúa mạ nhà vua. Sao bằng tùy phận đớp chơi chơi (ít ít), đời nào thấy được!”

Tô Thiên Đồng nêu rằng: “Nam Tuyền chăn trâu khá là kỳ đặc! Dầu cho chốn chốn canh giữ cũng chẳng xong. Vì sao như thế? Vì kia tùy phận đớp chơi chơi!”

Tô Vân Môn nói: “Hãy nói trong trâu đớp hay ngoài trâu đớp? Ngay dù ông nói được chỗ ăn rành rẽ, tôi lại hỏi ông tìm trâu ở đâu?”

Tô Đại Quy gạn hỏi rằng: “Vân Môn chỉ biết tìm trâu, chẳng biết xỏ mũi!”

Đưa cây gậy lên, nói: “Ba đời Chư Phật cùng lỗ mũi của Lão Hòa Thượng trong thiên hạ bị cây gậy của sơn tảng nhất thời xuyên suốt! Hãy nói lỗ mũi sơn tảng ở đâu?”

Chặp lâu, nói: “Phao tội cho người, dùng toàn tội buộc!” Nếu nơi tất cả quyền cơ này mà xuyên suốt, thì rõ ràng tìm ra lỗ mũi, quyết định được vô thượng viên thông!

Kinh:

Thuyết pháp, phát tiếng, câu
Trước khai ngộ mới thành
Câu, chữ chǎng vô lậu
Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Căn lưỡi chỉ có thể phân biệt mùi vị, thức lưỡi mới sử dụng âm thanh, thuyết pháp thế gian và xuất thế gian để khai ngộ cho người. Nhưng việc khai ngộ chỉ dành cho người đã thành tựu trước, khi ấy cảm hóa như mưa, chǎng phải chỉ có lời nói cho ra thôi vậy. Huống gì thế chữ thế câu, chǎng lìa văn tự, chǎng phải là pháp vô lậu. Như ngón tay chỉ mặt trăng, ngón tay chǎng phải là mặt trăng, sao có thể được viên thông?

Tổ Pháp Nhãnh thượng đường; đại chúng đứng đã lâu, mới nói rằng: “Chỉ như vậy đó mà giải tán đi! Liệu có đạo lý Phật Pháp hay không? Thủ nói xem! Nếu không, lại đến trong ấy làm gì? Nếu có thì trong chợ búa, chốn đông người cũng có. Nào phải đến *trong kia!* Các ông mỗi người từng đọc bộ Hoàn Nguyên Quán, Bá Môn Nghĩa Hải, Hoa Nghiêm Luận, Niết Bàn Kinh, lăm thứ văn sách, cuốn nào trong giáo điển có cái

thời tiết ấy? Nếu có, thử đưa ra xem. Nếu trong kinh ấy có cái lời nói ấy, thì đó là thời tiết gì, làm sao giao thiệp? Bởi thế mà nói “Có chút xíu lời vướng nơi tâm tánh, thường làm cái trường duyên ra lo nghĩ”. Cái *thật tế* ở ngay trước mắt đổi thành cái cảnh của danh tướng. Lại làm sao đổi được đây? Nếu đã đổi đi, lại làm sao chánh được đây? Có am hiểu chăng? Chỉ ghi nhớ lời sách, có chỗ nào dùng được!”

Đáng tin thay, câu chữ chăng phải là cái vô lậu, chăng có thể được viên thông.

Kinh:

Giữ giới chỉ buộc thân
Không thân, không chỗ buộc
Vốn chăng khắp tất cả
Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Pháp Thân vô lượng, chăng mượn ở tu hành làm ra. Cái Ứng Thân có hạn, dễ dàng tạo nghiệp, phải mượn nhờ giới luật mà kèm buộc nó. Sự kèm buộc này chỉ thi hành cho Ứng Thân, nhưng không thể dùng thông cho lý Pháp Thân, nên chăng phải khắp tất cả. Chăng khắp tức chăng thể được viên thông.

Thiền sư Hoàng Bách Huệ, tuổi nhỏ xuất gia, theo nghiệp Kinh Luận. Nhân thọ thêm Bồ Tát Giới mà than rằng: “Nhiếp giữ Luật Nghi Giới của bậc đại sĩ với gốc thọ Thanh Văn Giới của ta đều “*Chỉ, Trì, Tác, Phạm*”. Nhưng trong Thiên Tụ thêm bớt, càng gốc chung riêng, ý chế định lại nhiều, đều vi tế khó ngăn ngừa. Lại nữa, theo chỗ nghiệp điều thiện, chưa từng làm

được ít phần. Huống làm được lợi ích cho chúng sanh ư? Vả
chẳng cái thân mạng bọt huyễn thế gian, đâu khá lưu luyến!”

Do đây dẹp khóa giảng, muốn đem thân nhảy vào nước
nuôi loài tôm cá.

Nghĩ xong, sắp bỏ đi, bỗng có hai vị thiền giả lưu lại nói
chuyện, bảo rằng: “Phương Nam cũng nhiều thiện tri thức, sao
vướng đọng chi nơi một góc”.

Từ đó hồi lại ý định.

Bèn đến Tô Sớ Sơn, bạch hỏi: “*Sát na tiện đi thì thế nào?*”

Tô Sơn nói: “Che lấp hư không, ông làm sao đi?”

Đáp rằng: “Che lấp hư không, chẳng bằng không đi”.

Tô Sơn bèn thôi.

Sau đó, xuống nhà giảng tham kiến Đệ Nhất Tòa.

Ngài Đệ Nhất Tòa nói: “Vừa rồi lời đáp rất kỳ đặc (lạ
lùng)”.

Đáp rằng: “Đây còn là nồng nỗi, dám mong lòng từ bi,
khai thị cho kẻ ngu muội”.

Ngài Chủ Tòa nói: “Trong một sát na lại có nghĩ định ư?”

Ngay lời nói xong, tức thời đốn ngộ.

Thiền sư Nguyên Am Từ, lúc nhỏ theo Tô Thành Đô
Chánh Pháp xuất gia. Thọ giới luật rồi, đi đây đó giảng Luật.
Nghe giảng kinh Viên Giác, đến chõ “*Bốn Đại mõi lìa rã, nay*

đây vọng thân đương ở chỗ nào? Rốt ráo không thể, thật đồng huyền hóa”.

Nhờ đó tinh ngộ, làm bài tụng rằng:

*“Một hạt minh châu
Giá lý trong ta
Xoay được động được
Phóng quang động địa”.*

Hai vị Tôn Túc đây, chẳng lìa ngoài huyền thân mà chúng Pháp Thân, có “chẳng khắp” gì đâu?

Kinh:

**Thần thông: nhân đời trước
Quan (hệ) gì pháp phân biệt
Duyên niêm chẳng lìa vật
Làm sao được viên thông?**

Thông rằng: Thần thông Tiêu Thùa đều là tác ý. Duyên với vật thì có, lìa vật thì không, chẳng phải lìa vật mà có thể hiển hiện, cho nên duyên với hữu niêm vậy. Đây là hệ thuộc cái thần lực thành tựu của đời trước, chứ chẳng liên quan với diệu pháp phân biệt mà được hiển hiện. Đã chấp trước vào thần thông, nên chẳng thể nói chỗ viên thông được.

Tổ Hoàng Bá ban đầu đi thăm núi Thiên Thai, gặp một nhà sư như đã từng quen, bèn cùng nhau đi. Đến khe suối nước đầy chảy mạnh, Tổ Bá chống gậy mà nghỉ. Nhà sư thúc Tổ Bá cùng qua.

Tổ Bá nói: “Mời huynh qua trước”.

Nhà sư liền để nón nồi trên mặt nước mà qua.

Tô Bá nói: “Ta lại cùng với một anh nhãi kết đoàn, tiếc là chẳng đập cho một gãy chết phứt”.

Nhà sư ấy, còn ở giữa dòng nước, từ xa làm lẽ, ca ngợi rằng: “Quả thật là Pháp Khí Đại Thừa, ta chẳng theo kịp”.

Đây là thần thông của Tiểu Thừa, bị Ngài Hoàng Bá quở trách.

Ngài Ma Cốc, Nam Tuyên... hai ba vị qua ra mặt Tô Kinh Sơn, giữa đường gặp một lão bà, mới hỏi: “Đường đi lối nào?”

Đáp: “Cứ thẳng mà đi”.

Ngài Cốc nói: “Phía trước nước sâu, qua được chẳng?”

Đáp: “Chẳng uớt chân”.

Ngài Cốc lại hỏi: “Bờ trên lúa được gì mà tốt, bờ dưới lúa được gì mà xấu?”

Đáp: “Đều bị cua cắn chân”.

Ngài Cốc nói: “Lúa thơm ngát”.

Đáp: “Mất hơi thở”.

Ngài Cốc lại hỏi: “Bà trụ nơi nào?”

Đáp: “Chỉ tại *trong Ấy*”.

Ba vị đến quán.

Lão bà nấu một bình trà, đem đến cái chén, bảo rằng: “Hòa Thượng có thần thông thì uống trà”.

Ba vị cùng ngó nhau.

Bà nói: “Hãy xem lão già vô dụng này tự bày thần thông đây vậy!”

Ngay đó nâng chén rót trà, rồi đi.

Các thần thông này, chẳng thể đồng với các thứ thần thông nhỏ hẹp, nên Ngài Ma Cốc, Nam Tuyền cũng chẳng thể dò nỗi bờ bến.

Ở trên là theo sáu thức mà vào, người sơ tâm chẳng dễ ứng hợp.

Kinh:

Nếu quán tánh địa đại
Cứng đọng không thông suốt
Hữu vi, chẳng Thánh tánh
Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Đất là cứng đọng, vốn chẳng phải tánh thông suốt, nên trì giữ địa đại, là pháp hữu vi. Đã chẳng phải quả vô vi, nên chẳng thích hợp với viên thông. Bậc Tiên Đức nói: “Như người rõ được tâm, địa đại không tách đất”. Thấy được như thế, còn chõ nào ngai?

Tô Bửu Phước nhân có vị tăng đứng hầu, nói: “Ông được cái tâm thô đáy”.

Vị tăng nói: “Đâu là chõ tâm thô của con?”

Tô Phước cầm lên một cục đất, đưa cho vị tăng, nói: “Quăng ra ngoài cửa đi!”

Vị tăng ném xong, vào lại, hỏi: “Đâu là chỗ tâm thô của con?”

Tô Phước nói: “Ta thấy có tiếng đá chạm nhau đó, nên nói ông là thô tâm”.

Nếu vị tăng này bừng tỉnh ngộ, liền thông suốt Thánh Tánh, tức được viên thông vậy.

Kinh:

Nếu quán tánh thủy đại
Móng tưởng, chẳng chân thật
Như như, chẳng thể quán
Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Quán nước là trong mười pháp quán tưởng. Chỗ thành tựu của móng tưởng, há đồng chân thật ư? Cái lý chân thật, như như chẳng động, chẳng mượn đền tạo tác, nên chẳng phải là chỗ để quán tưởng đền được.

Nhà sư hỏi Tô Tuyết Phong: “Suối xưa nguồn lạnh thì thế nào?”

Tô Phong đáp: “Trùng mắt chẳng thấy đáy”.

Hỏi: “Người uống thì sao?”

Tô Phong đáp: “Chẳng theo miệng vào”.

Nhà sư nói y lại với Tô Triệu Châu.

Tô Châu nói: “Chẳng thể theo trong lỗ mũi vào”.

Nhà sư lại hỏi: “Suối xưa nguồn lạnh thì thế nào?”

Tổ Châu nói: “Khô”.

Hỏi: “Người uống thì sao?”

Tổ Châu nói: “Chết”.

Tổ Tuyết Phong nghe được, bèn nói: “Triệu Châu là Cố Phật”; ở xa hướng vọng làm lễ.

Từ ấy chẳng có lời đối đáp.

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Dựng lập Tông Thừa, cần tay tuyệt diệu! Tuyết Phong biện luận thật là bậc thiện tri thức của một ngàn năm trăm người. Triệu Châu dùng thủ đoạn của lão già một trăm hai mươi tuổi, chẳng ngại kỳ quái. Như nay trong chúng, tùy theo lời định ý chỉ, chê bai bác bỏ loạn xạ, vùi lấp người xưa! Nhưng gặp nhau han hỏi, hình như có tri âm, khắc cốt ghi lòng, ít gặp gương soi tỏ sáng!”

Chỗ thấy của nhà sư kia vướng trệ ở chỗ trong lặng không động lay. Triệu Châu là kìm dùi, thì Tuyết Phong là kim chỉ. Sao nói là chẳng đồng ư?

Kinh:

Nếu quán tánh hỏa đại
Chán tướng, chẳng (phải) thật lìa
Chẳng (phải) phương tiện sơ tâm
Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Ngài A La Hán Hỏa Đầu nghe nói đến lửa dục mà sanh chán ghét lìa bỏ, đó là chán tướng hữu vi. Đã có ưa, chán, thì chẳng phải là chân giải thoát. Vả lại, người sơ

tâm nhập đạo, kiềm chế dục chǎng bằng cùng tột cái lý. Lý càng sáng thì dục càng tiêu. Như muốn cùng lý, thử quán xem lửa là vật gì?

Tổ Triệu Châu nhân có nhà sư hầu bên, bèn chỉ lửa hỏi rằng: “Cái ấy là lửa, ông không được gọi là lửa, lão tăng nói rồi vậy”.

Nhà sư không đáp được.

Tổ Châu lại gấp lửa lên, hỏi: “Hội chǎng?”

Đáp: “Chǎng hội”.

Tổ Châu nói: “Ở Thơ Châu có Hòa Thượng Đầu Tử, ông sang làm lễ mà hỏi, chắc sẽ vì ông nói ra. Nhân duyên khé hợp nhau, chǎng cần trở lại, chǎng khé hợp nhau, thì hãy trở về”.

Nhà sư đến Tổ Đầu Tử.

Tổ Tử hỏi: “Vừa lìa chốn nào?”

Đáp: “Triệu Châu”.

Tổ Tử hỏi: “Triệu Châu có lời nói gì?”

Nhà sư nêu ra lời trước.

Tổ Tử nói: “Ông hội chǎng?”

Đáp: “Chǎng hội, xin thầy bày dạy”.

Tổ Tử bèn xuống thiền sàng, đi ba bước, ngồi lại, hỏi: “Hội chǎng?”

Đáp: “Chǎng hội”.

Tô Tử nói: “Ông về nói y lại với Tô Triệu Châu”.

Nhà sư trở lại nói y thế với Tô Triệu Châu.

Tô Châu nói: “Vậy hội chǎng?”

Đáp: “Chǎng hội”.

Tô Châu nói: “Đầu Tử như vậy cũng chǎng qua loa lǎm đâu”.

Ôi, hai vị Lão Túc, phuơng tiện đến như thế, còn chǎng chịu ngộ, luống là ai khác?

Kinh:

Nếu quán tánh phong đại
Động, tĩnh là đối đãi
Đối, chǎng (là) Vô Thượng Giác
Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Tánh của các thứ động này, đến không từ đâu, đi không về đâu, nguyên chǎng có chỗ đối đãi. Quán sát sức gió không chỗ nương, ngộ Bồ Đề Tâm tức là Vô Thượng Giác, nào đến đối có hai tướng động tĩnh gì đâu? Chỉ vì người sơ cơ, ở trong cái động, biết cái tánh chǎng động, phân ra động với bất động, hai tướng đã có, tức là có đối đãi. Đã là đối đãi, tức sanh diệt pháp, thì xa Bồ Đề Vô Thượng lǎm vậy.

Tổ Thứ Mười Bảy, Ngài Tăng Ca Nan Đề, đệ cho Đồng Tử Trì Giám, đặt tên lại là Già Da Xá Đa. Một hôm, nghe tiếng linh (26) gió thổi rung trên điện.

Tổ hỏi rằng: “Linh kêu ư, gió kêu ư?”

Xá Đa nói: “Chẳng phải gió, linh kêu, tâm mình kêu vậy”.

Tổ nói: “Tâm là chi vậy?”

Xá Đa nói: “Đều tịch tĩnh vậy”.

Tổ nói: “Hay thay, hay thay! Kế tục đạo ta, không ông thì ai”.

Về sau, Lục Tổ nhân hai nhà sư bàn luận nghĩa gió với phuớn.

Một người nói: “Gió động”.

Người kia nói: “Phuớn động”.

Định luận chẳng dứt.

Tổ bước tới nói: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phuớn động, tâm các vị động”.

Cùng với lời Ngài Xá Đa, như từ một miệng.

Tổ Tuyết Phong nêu lên lời của Lục Tổ “Chẳng phải gió động, chẳng phải phuớn động, tâm quý vị động”. Bèn nói: “Tổ Sư lớn bé, đầu rồng đuôi rắn, đáng cho hai mươi gậy!”

Khi ấy, Thượng Tọa Đại Nguyên Phu đứng hầu bất giác nghiến răng.

Tổ Phong nói: “Vừa rồi tôi nói thế cũng đáng ăn hai mươi gậy!”

Thiều Quốc Sư thượng đường: “Phương tiện cỗ Thánh đường như hà sa. Tổ Sư nói “Chẳng phải gió động, chẳng phải phuoton động, tâm quý vị động”. Đây mới là pháp môn tâm ấn vô thượng.

“Bọn chúng ta là khách môn hạ của Tổ Sư, liệu làm sao am hiểu ý Tổ Sư? Chớ nói: Gió, phuoton chẳng động, tâm ông vọng động! Chớ nói: Chỗ động của gió phuoton là ở đâu? Hoặc nói: Nương vật rõ tâm, chẳng cần nhận vật. Hoặc nói: Sắc tức là Không. Hoặc nói: Chẳng phải gió, phuoton động; phải nên nhiệm màu am hiểu. Am hiểu như thế thì cùng với ý Tổ Sư có gì giao thiệp? Chẳng thể chịu cho kiểu am hiểu như thế.

“Các vị Thượng Tọa, nên biết rốt ráo. Như ở trong ấy tò ngộ rốt ráo, thì pháp môn nào chẳng rõ? Trăm ngàn phương tiện của Chư Phật nhất thời hiểu suốt, còn có chút nghi tình nào. Bởi thế, cỗ nhân nói “Một rõ ngàn thông, một mê muôn lầm”. Nay các Thượng Tọa, đâu phải là ngày nay hiểu được một đoạn, ngày mai lại chẳng hiểu nữa. Chẳng phải là có một phần chuyện hướng thượng khó hiểu, có một phần phàm phu yếu kém chẳng hiểu được. Cái kiến giải như vậy thì có trải qua số kiếp nhiều như bụi cũng chỉ tự mệt thần khổ trí. Làm gì có chuyện ấy!”

Thiều Quốc Sư nói thế, sánh với Tổ Tuyết Phong ít nhiều, cũng nên cho ăn hai chục gậy!

Kinh:

Nếu quán tánh không đại
 Không-trơ, chẳng phải giác
 Không biết, khác Bồ Đề
 Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Nghiêng về cái không át trơ độn chẳng phải giác. Cái Chơn Không thì tức Giác, tức Không. Người sơ cơ định luận cái Không thật dễ làm đờng, nên cần phải xét biện.

Tổ Huyền Sa thượng đờng: “Người đời nay chẳng tò ngộ cái lý Trung Đạo, vọng tự kết dính với sự, kết dính với trần, chốn chốn nhiễm trước, mỗi mỗi buộc trói. Dầu có chỗ tinh ngộ, mà trần cảnh phân vân, danh tướng chẳng thiệt. Bèn định ngưng tâm thâu niệm, nghiệp sự về không, nhắm con mắt, chừa tinh thần, vừa có khởi niệm, lập tức phá trù, mống tướng vừa sanh, bèn liền đè tiệt. Như kiến giải này tức là rơi vào cái Không-trơ của ngoại đạo, người chết mà hồn chẳng tan, mờ mờ mịt mịt, vô giác vô tri, bịt tai mà trộm chuông, uống tự khinh, dối.

“Trong ấy rõ ràng thì chẳng như vậy, chẳng cà rà ngoài cửa, chẳng lẩn lút bên song. Lời lời hiện tiền, không có chỗ để thương lượng, chẳng quan hệ đến văn tự. Vốn tuyệt trần cảnh, vốn không vị thứ: tạm gọi là kẻ xuất gia, rốt ráo không tung tích. Nào là Chân Như, phàm Thánh, địa ngục, trời người, chỉ là phương thức chữa bệnh cho gã cuồng. Hư không còn chẳng cải biến, Đại Đạo há có thăng trầm? Ngộ thì dọc ngang chẳng rời Bổn Tánh. Đến vào trong ấy, phàm Thánh cũng chẳng có chỗ lập. Nếu hướng trong câu khởi ý, át chìm đắm chết người.

Nếu hướng ngoài rông cùu, lại sa vào Ma cõi. Như như hướng thượng, tuyệt đấu an bài. Vừa vặt lò lửa, chẳng chúa muối mòng.

“Cái ấy xưa nay vốn bằng phẳng, nào dùng sự tia trù. Động tĩnh, nhường mà chính là chân giải thoát đạo. Chẳng gượng suy tính, dựng lập là trái Chân. Như đến vào trong ấy, mảy lông chẳng thọ, bày ý tức sai. Dầu cho ngàn Thánh ra đòi, bày ra một chữ cũng chẳng được. Trân trọng”.

Như rõ được lời Huyền Sa túc thấu đạt ý chỉ Chân Không. Cái Vô Thượng Bồ Đề cũng gượng đặt tên đó thôi. Há chẳng viên thông hiện tiền ư?

Kinh:

Nếu quán tánh thức đại
Thức chẳng phải thường trú
Giữ tâm là hư vọng
Làm sao được viên thông?

Thông rằng: Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh túc là Đệ Bát Thức, vốn chẳng phải là hư vọng. Người chưa thấy tánh chẳng thể chuyển thức, chỉ bị thức chuyển, bèn dùng sự quán tưởng soi xét, thì quán cũng là thức, niêm niêm sanh diệt, chẳng phải thường trú. Dầu cho có thể giữ tâm lắng trong chẳng động, ấy là do lực quán tưởng trì giữ, cũng thuộc về hư vọng. Há cái Diệu Trạm Tống Trì, vốn tự vô tâm, chẳng đợi giữ cho còn mà tự không đâu chẳng còn đấy ư?

Tổ Thứ Mười Sáu, Ngài La Hầu Đa La đến chỗ Ông Tăng Già Nan Đề, gặp ông nhập định. Tổ cùng chúng chờ xem, trải qua hai mươi mốt ngày mới từ định dậy.

Tổ hỏi rằng: “Thân ông định hay tâm ông định?”

Thầy Đề đáp: “Thân tâm đều định”.

Tổ nói: “Thân tâm đều định, sao có vào ra?”

Thầy Đề đáp: “Tuy có ra vào, chẳng mất định tướng, như vàng trong giếng, thê vàng thường tịch”.

Tổ nói: “Như vàng trong giếng, như vàng khỏi giếng, vàng không động tĩnh, thì vật gì ra vào?”

Thầy Đề nói: “Chỉ có lời nói vàng là động tĩnh, đâu có vật ra vào. Chỉ có lời nói vàng ra vào, mà vàng chẳng phải động tĩnh”.

Tổ nói: “Nếu vàng trong giếng, thì ra khỏi giếng là vàng nào? Vàng nếu ra khỏi giếng, thì ở lại là vật gì?”

Thầy Đề đáp: “Vàng như khỏi giếng, ở giếng chẳng phải vàng. Như vàng ở giếng, khỏi giếng chẳng phải vật”.

Tổ nói: “Nghĩa này chẳng phải”.

Thầy Đề nói: “Nghĩa kia chẳng rõ”.

Tổ nói: “Nghĩa này phải rót”.

Thầy Đề nói: “Nghĩa kia chẳng thành”.

Tổ nói: “Nghĩa kia chẳng thành, nghĩa “cái ta” thành vậy”.

Thầy Đề nói: “Nghĩa cái ta tuy thành, pháp chẳng phải cái ta vậy”.

Tổ nói: “Nghĩa ta đã thành, ta không ta vậy.

Thầy Đề nói: “Ta không ta thì lại thành nghĩa gì?”

Tổ nói: “Ta mà không ta, nên thành nghĩa của ông”.

Thầy Đề nói: “Thầy nhân giả là ai, mà đắc vô ngã ấy?”

Tổ nói: “Thầy ta là Già Na Đề Bà, chứng Vô Ngã ấy”.

Thầy Đề dùng kệ ca ngợi rằng:

*“Kính lỄ Đề Bà sư
 Nhân giả ra từ đó
 Nhân giả vô ngã vậy
 Tôi muốn người làm thầy”.*

Tổ dùng kệ đáp rằng:

*“Bởi vì ta vốn là vô ngã
 Ông cần thấy cái ngã của ta
 Ông nếu muốn coi ta là Thầy
 Biết ta chẳng phải ngã của ta”.*

Thầy Nan Đề tâm ý rỗng nhiên, bèn cầu độ thoát.

Tổ nói: “Tâm ông vốn tự tại, chẳng ràng buộc ngã-sở”.

Rồi phó bài kệ Chánh Pháp Nhãn rằng:

*“Trong Pháp, thật không chứng
 Chẳng giữ cũng chẳng lìa”*

*Pháp chẳng tướng hữu vô
Trong ngoài chỗ nào khởi”.*

Thế nên, biết chuyển thức thành trí thì trong khoảnh mảy tơ. Còn không thấy cái chân thật, rốt cũng là hư vọng.

Kinh:

**Các hành đều vô thường
Tưởng niệm vốn sanh diệt
Nhân quả nay khác biệt
Làm sao được viên thông”?**

Thông rằng: Căn cứ theo pháp môn niệm Phật thì niệm túc là Phật, hành túc là Phật, độc chỉ Tâm là Phật, độc chỉ Tâm làm Phật. Quả và Nhân là một. Vốn chẳng phải khác biệt. Nay Ngài Văn Thủ chỉ quy về một đường hướng thượng, nên cho hành là vô thường, niệm thuộc sanh diệt, lấy đó mà cầu quả Phật thường trụ, chắc chẳng thể được.

Thiền sư Tề Kỷ nhân đạo hữu của Hội Liên Xã mòi, thượng đường, nói: “Dần dần tóc bạc da mồi, cha trẻ mà con già! Xem coi bước đi suy yếu, nghi chét Thượng Tọa ngốc! Dầu cho vàng ngọc đầy nhà, coi chừng giặc vô hình! Há khỏi suy tàn, già bệnh, hãy nên rất lưu ý! Mặc ngươi ngàn chuyện khoái vui, hắn ta vẫn được tự do! Vô thường rốt cuộc lại đến, về nhà uống trà đi thôi. Chỉ có nẻo tắt tu hành, y cũ đi vòng quanh! Chỉ niệm A Di Đà Phật, niệm được chẳng nên chuyện!”

Lại nói: “Ái chà! Cái con đường sống ấy đã bị Thiện Đạo Hòa Thượng chỉ thẳng rõ ràng ra rồi vậy. Chính các ông sáng tối qua lại trong con đường tắt, vì sao ngay trước mặt mà lầm đi qua A Di Đà Phật. Trong ấy tiến cử được, bèn hay trừ cái chướng mê mờ đên đảo, nhổ mũi tên dụ dụ, cắt lưới nghi lầm, dứt sông si ái, chặt phá rừng tâm rậm, rửa tâm uế trước, làm thẳng ngay tâm tà vạy, dứt tuyệt tâm sanh tử. Rồi sau chuyển nhập mé kia, dỡ cao chân, hướng về chỗ Phật Tổ dâng bước chặng tới mà tiến một bước! Mở miệng ra, hướng về chỗ Phật Tổ dạy dỗ chặng tới mà nói một câu! Gọi trở lại Thiện Đạo Hòa Thượng, riêng cầu néo tắt tu hành! Nếu mà cứ y theo trước, bỏ cha chạy trốn, lưu lạc phương người, đụng Đông chạm Tây, khổ thay A Di Đà Phật!”

Lại còn Tổ Huỳnh Long Tân, thượng đường rằng: “Ngọc Thanh Châu bỏ vào nước đục, nước đục chẳng thể chặng trong. Niệm Phật để vào trong tâm rối loạn, tâm loạn chặng thể chặng Phật. Phật đã chặng loạn, nước đục tự trong. Nước đục đã trong, công quy về đâu?”

Chập lâu, nói: “Mấy độ hắc phong tràn biển lớn, chưa từng nghe nói lật thuyền câu!

“Phàm trọn thu nghiệp sáu căn, tu pháp môn niệm Phật, là còn dùng néo đường công cán. Một phen lột thoát, nơi cái thấy này xoay cái nghe thẳng thấu nguồn tánh, bèn xa làm lõi”.

Thật là cái cơ tu chứng viên thông tối thượng vậy.

IV. NHĨ CĂN VIÊN THÔNG HƠN HẾT

Kinh:

"Tôi nay bạch Thế Tôn
 Phật xuất cõi Ta Bà
 Phương này, chân giáo thể
 Thanh tịnh tại nghe thanh
 Muốn vào Tam Ma Đè
 Thật do cái nghe nhập

Thông rằng: Thánh nhân thiết lập giáo pháp, tùy chốn chǎng đồng. Hoặc có chỗ dùng ánh sáng mà làm Phật sự, hoặc có chỗ dùng cây Bồ Đè của Phật mà làm Phật sự, cho đến dùng vườn rừng đài cao, hoặc dùng hư không, hoặc dùng sự lặng lẽ không nói, không chỉ bày, như ở cõi Phật Hương Tích, không có lời nói văn tự, chỉ lấy hư không, khiến cho người-trời được vào luật, hạnh. Cái giáo thể ở phương này, độc tại chỗ nghe tiếng. Chẳng lẩn lộn với trần cầu, cực kỳ trong sạch. Thuần là trong sạch nên dễ dàng khế nhập Tam Ma Đè. Thế giới Ta Bà này dùng cái nghe làm đương cơ vậy.

Nhà sư hỏi Tô Huyền Sa: “Kẻ học nhân mới vào rừng Thiền, xin thầy chỉ con đường vào”.

Tô Sa nói: “Có nghe tiếng nước suối Yến chǎng?”

Đáp: “Nghe”.

Tô Sa nói: “Theo trong ấy vào”.

Đáng gọi là chỉ bày thăng suốt vậy.

Kinh:

Lìa khổ được giải thoát
 Lành thay Quán Thế Âm
 Trong hằng sa số kiếp
 Vào cõi Phật vi trần
 Đắc sức đại tự tại
 Vô Úy Thí chúng sanh
 Diệu Âm, Quán Thế Âm
 Phạm Âm, Hải Triều Âm
 Cứu thế, yên lành thảy
 Xuất thế, hằng thường trụ

Thông rằng: Lành thay Đức Quán Thế Âm, đã lìa khổ não nenhaycứuđờiắtthẩyyênlành,đãgiảithoátđónênhaykhiếnchongườixuấtthếđượcthườngtrụ.Tronghằngsa kiếp vào cõi nước nhiều như số bụi nhỏ, ba mươi hai Ứng Thân không đâu chǎng khắp. Bố thí mười bốn pháp Vô Úy, đắc lực Đại Tự Tại, thì bốn diệu Đức không thể nghĩ bàn. Tâm Nghe chí diệu, như tiếng qua vách, thảy hóa thành một Diệu Âm vậy. Diệu ở chỗ thanh tịnh, tức gọi là tiếng Phạm Âm, Diệu ở chỗ hướng ứng, tức gọi là Triều Âm, Diệu ở chỗ tìm thanh (cứu khổ), tức gọi là Quán Thế Âm, âm thanh thế gian chǎng thể so sánh, mà là âm thanh màu nhiệm của Tự Tánh vậy.

Có nhà sư hỏi Tổ Quy Tông: “Như thế nào là huyền chỉ?”

Tổ Tông nói: “Không người hiểu được”.

Hỏi: “Hướng đến thì thế nào?”

Tô Tông nói: “Có hướng liền sai”.

Hỏi : “Không hướng đến thì thế nào?”

Tô Tông nói: “Ai cầu Huyền Chi?”

Lại nói: “Đi đi! Không có chỗ cho ông dùng tâm”.

Hỏi: “Há không có cửa phương tiện khiến học nhân được vào?”

Tô Tông nói: “Quán Âm trí lực mầu. Hay cứu thế gian khố”.

Hỏi: “Như sao là Quán Âm trí lực mầu?”

Tô Tông gõ nắp đinh lư ba cái, hỏi: “Ông có nghe chǎng?”

Đáp: “Nghe”.

Tô Tông nói: “Sao ta chǎng nghe?”

Nhà sư không có lời đáp.

Tô Tông dùng gậy đuối xuống.

Hôm khác, thượng đường: “Hôm nay ta muốn nói Thiền!”

Các đệ tử đều đến gần phía trước.

Tô Tông nói: “Hãy nghe hạnh Quán Âm ứng khắp các nơi chốn!”

Hỏi: “Như sao là hạnh Quán Âm?”

Tô Tông liền khảy móng tay, nói: “Các ông lại nghe chăng?”

Đáp rằng: “Nghe”.

Tô Tông nói: “Cái lũ này, hướng *trong ấy* kiêm cái gì?

Liền lấy gậy đuổi ra, cười ha hả trở về phương trượng.

Tô Quy Tông thấy rõ, một đoạn diệu âm an nhiên thường trú của mọi người, chẳng tiếc mà trùng trùng chỉ ra, thật quá đỗi từ bi.

Kinh:

Nay kính bạch Như Lai
 Như Quan Âm đã nói
 Ví như người ở yên
 Mười phương đều nổi trống
 Mười chốn đồng thời nghe
 Đó là viên chân thật

Thông rằng: Tam muội vẹn tròn soi chiếu của Đức Quan Âm không khởi không làm, nên như người ở yên lặng, mười phương đánh trống, mười chốn đều nghe. Đâu phải bốn phần thiếu mất nửa phần. Đây là ở cảnh hiện bày đầy đủ cái Viên này vậy.

Thiền sư Hoàng Bá Duy Thắng ngẫu nhiên dùng cây quạt vỗ vào song cửa thành tiếng, bỗng nhớ lại trong kinh nói, “*Mười phương đều nổi trống. Mười chốn đồng thời nghe*”, nhân đó đại ngộ.

Về sau, Thái Thú Thoại Châu phó thác cho Tô Hoàng Long chọn lựa người trụ trì chùa Hoàng Bá.

Tô Long nhóm chung, nói rằng: “*Lên lầu chuông niệm tán* (27). *Dưới chân sàng trồng rau*”. Người nào nói được, sang đây trụ trì”.

Ngài Duy Thắng bước ra nói rằng: “Manh hổ giữa đường ngòi”.

Tô Long rất khoái ý, bèn khiến sang đó.

Như Ngài Duy Thắng, có thể nói là tự thân chứng cái Viên Chân Thật vậy

Kinh:

Mắt không qua chướng ngại
 Mũi lưỡi cũng như vậy
 Thân có hợp mới biết
 Ý ngôn ngang không mối
 Cách tường tai vẫn nghe
 Xa gần đều nghe được
 Năm căn đâu thể bằng
 Đó là thông chân thật

Thông rằng: Năm căn không cái nào chẳng hiệp với trần, phải hiệp rồi sau mới biết, bèn tự loạn đục. Duy chỉ thanh trần thì cách tường vẫn nghe, chẳng mất cái tự thể trong sạch, nên những căn không vượt qua chướng ngại không thể sánh bằng, bởi thế căn tai hiển bày sự thông vậy.

Ông Trương Vô Cầu, tạm nghỉ ở quán Tô Thị, một đêm vào cầu tiêu, đang tham cứu công án *Cây bách trước sân*, bỗng nghe con éch kêu, hốt nhiên khé nhập. Có bài kệ rằng

*"Trời xuân trăng sáng, một tiếng éch
Đánh vỡ càn khôn chung một nhà
Ngay lúc như đây ai hội được
Đầu non đau căng có Huyền Sa"*

Như ông Vô Cầu, khá gọi là chứng cái thông chân thật vậy.

Kinh:

Tánh âm thanh, động tĩnh
Trong (cái) nghe là có, không
Không tiếng, gọi (là) không nghe
Chẳng thật không tánh nghe
Không tiếng, đã không diệt
Có tiếng cũng chẳng sanh
Sanh diệt đều trọn lìa
Đó là thường chân thật
Đầu cho trong mộng tưởng
Không nghĩ nhưng chẳng không
Tánh nghe ngoài suy nghĩ
Thân tâm không bằng được

Thông rằng: Âm thanh có động có tĩnh, nên sự nghe khi có khi không. Tánh nghe thì thường trụ, chẳng do tiếng mà có sanh, chẳng phải không tiếng mà diệt mất. Lấy đâu mà nghiệm

xét? Trong mộng tưởng nghe tiếng chày giã gạo mà cho là tiếng chuông trống, khi ngủ cũng như khi thức, chẳng có mượn đến nghĩ suy. Cái biết này đối với cái biết chẳng thường hằng có khác, nên trong sự ghi nhớ có thể thấy là nó thường hằng. Năm căn kia ở trong mộng cũng thấy cảnh rõ ràng, nhưng chưa chắc đối với cảnh trước mắt mà biết, phải có suy nghĩ mới kết thành. Nên năm căn kia suy nghĩ thì có, không suy nghĩ thì không, khi thức tỉnh đối cảnh át có, khi ngủ mộng đối cảnh át không, vướng trệ nơi thân tâm, bị căn Trần trói buộc. Độc chỉ tánh của nhĩ thức chẳng đợi khi thức rồi suy nghĩ mới có, chẳng chờ khi mộng mà chẳng suy nghĩ thì không. Tánh ấy siêu việt khỏi ngoài sự suy nghĩ và chẳng suy nghĩ. Bởi thế, tánh giác quán của sự xoay lại cái nghe lìa ngoài nghĩ suy và chẳng nghĩ suy, khác hẳn với cái quán chiếu thông thường sử dụng đến suy nghĩ. Đã ra ngoài cảnh giới của nghĩ suy, nên nơi căn mà lìa căn, nên thân chẳng đến được vậy. Ở nơi thức mà lìa thức, nên tâm chẳng đến được vậy. Đây là “*Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền*”, chẳng gọi cái ấy là Phật Tánh chân thường sao?

Ông Trương Vô Cầu nói với Tô Đại Huệ rằng: “Con mỗi khi trong mộng thì thấy đọc Luận Ngữ, Mạnh Tử, như vậy là sao?”

Tô Huệ lấy từ kinh Viên Giác, nói: “Do bởi lặng dứt, nên Tâm Chư Như Lai mười phương thế giới trong đó hiển hiện, như bóng trong gương”.

Ông Vô Cầu nói: “Chẳng phải là lão sư thì không thể nghe được luận này”.

Ông Vô Cầu trong chiêm bao dường như tập khí chưa trừ. Tổ Đại Huệ chỉ ra Đại Viên Cảnh Trí chẳng ngại gì tập khí lǎng xǎng khởi diệt. Đáng gọi là thấu suốt rốt ráo cái “Một đường chân thường”.

Kinh:

Nay cõi Ta Bà này
 Thanh luận được tỏ rõ
 Chúng sanh mê gốc nghe
 Theo thanh nên lưu chuyển
 Anan tuy nhớ kỹ
 Chẳng khởi lạc tưởng tà
 Há chẳng tùy chỗ đắm
 Xoay dòng được thường chân
 Anan, ông nghe kỹ:
 Tôi nương oai lực Phật
 Tuyên nói Kim Cang Vương
 Như huyền, chẳng nghĩ bàn
 Phật Mẫu, chân tam muội
 Ông nghe hằng sa Phật
 Tất cả pháp bí mầu
 Trước chẳng trừ dục lậu
 Chứa nghe thành làm lỗi
 Dùng nghe trì Pháp Phật
 Sao chẳng nghe (cái) tự nghe?

Thông rằng: Luận cái căn cơ của cõi này, nên chẳng rõ Tâm Tánh, phải nương theo tiếng luận giải mà được tỏ rõ, nghĩa là nhân lời nói mà ngộ Đạo, đó là sự thường vậy. Nhưng chúng sanh chẳng thấu đạt bốn nguyên, theo tiếng mà lưu chuyển, gọi đó là mê. Thế đó, chạy theo vật là tà, về gốc là chánh. Nếu có thể ngược dòng đến tột nguồn, đến chỗ chẳng sanh diệt, đó là xoay cái nghe mà chúng chân thường, chẳng theo dòng chìm đắm. Đây là pháp môn một đường Niết Bàn của hằng sa Phật vậy. Tam Muội Kim Cang Văn Huân Văn Tu gọi là như huyền, vì không nguyện, không làm vậy. Không nguyện, không làm, thông suốt gốc nghe, Chư Phật đều do đó mà xuất. Nếu có nguyện, có làm là dục lậu chẳng trừ, tuy rộng giữ các pháp môn bí mật, cũng đổi thành lầm lỗi. Chẳng phải chỉ tâm ô nhiễm, tình thức còn mới gọi là dục lậu, mà chỉ lòe mắt khởi lên niệm thấy Phật cũng gọi là tà. Nên xoay cái nghe, nghe vào Tự Tánh mới là cơ đê nhất đối trị bệnh đa văn vậy.

Vua Tống Hiến Tông hỏi nhà sư Thiên Trúc rằng: “Đã là “Ngọn núi bay đến (28)” sao chẳng bay về?”

Đáp rằng: “Một động chẳng bằng một tĩnh”.

Lại hỏi: “Đức Quan Âm trong tay lần chuỗi niệm gì?”

Đáp rằng: “Niệm Đức Quán Thế Âm Bồ Tát”.

Lại hỏi: “Tự niệm danh hiệu mình làm gì?”

Đáp rằng: “Cầu người chẳng bằng cầu mình!”

Có nhà sư hỏi thiền sư Chí Siêu: “Như sao là Phật?”

Tô Siêu nói: “Ông là người nào?”

Nói rằng: “Há chẳng phải “Bèn là (29)” hay sao?”

Tô Siêu nói: “Bèn là” tức mất giao thiệp!

Hai tắc này đều hợp với ý chỉ “Nghe cái tự nghe”.

Kinh:

Cái nghe chẳng tự nhiên sanh
 Nhân thanh có danh tự
 Xoay nghe thoát khỏi tiếng
 Giải thoát đâu có danh
 Một căn đã về nguồn
 Sáu căn thành giải thoát
 Thấy, nghe như lò, huyền
 Ba cõi là không-hoa
 Nghe lại, gốc lòa trù
 “Trần tiêu, Giác tròn sạch
 Sạch tột, quang thông suốt
 Lặng chiếu trùm hư không

Thông rằng: Dưới đây nói rõ đường vào bằng cách tự nghe cái tánh nghe.

Trước cần xét định cái tánh nghe này. Từ nhân duyên sanh ư? Từ tự nhiên sanh ư? Tánh nghe vốn chẳng phải sanh, nên chẳng phải nhân duyên hay tự nhiên sanh, đặc biệt nhân có âm thanh thì hiển nhiên lập ra cái tên “nghe”. Nếu quay lại với cơ Phản Văn thì đến chỗ chẳng sanh diệt. Đã không có người nghe, tự không có chỗ nghe, hẳn nhiên với âm thanh chẳng quan hệ gì nhau. Cái ấy vốn thoát khỏi âm thanh, không

thể trở lại gọi là cái nghe vậy. Gọi là gì ư? Cái ấy đặt tên cho tất cả mà tất cả không thể đặt tên cho cái ấy. Chỉ có thể ví cái đó như nguồn cội mà thôi. Cho nên quay về nguồn, trở về cội, thì cái tánh nghe còn không có tên, lấy gì làm ràng buộc? Tức ngay một căn ấy, đương thể giải thoát, nên sáu căn nhất thời trong sạch vậy. Sáu căn vốn tự trong sạch, bỗng dấy lên cái thấy, nghe mà làm cái năng, giống như trùng mắt nhìn thì sanh lòa huyễn; bỗng thấy ba cõi mà làm cái sở, như mắt lòa thấy hoa đốm giữa hư không.

Lòa huyễn, không-hoa vốn tự chẳng có, mà đuổi theo dòng quên trở lại, chẳng biết là hư vọng. Giờ nghe trở lại cái gốc nghe, căn lòa trước hết diệt mất, át sáu trần tan biến, mà cái Bổn Giác thường hằng tròn sạch. Như mắt sáng thì hoa đốm chõ nào nảy sanh? Cái gọi là vẹn tròn trong sạch là chẳng dẹp bỏ muôn tượng mà căn và trần đồng đều trong sạch. Trong sạch cùng cực, thấy suốt mười phương, như ngọc lưu ly trong ngần, ngậm mặt trăng báu ở trong, thì ánh sáng có chõ nào không thấu suốt? Đó là ở trong sáng sạch phát ra ánh sáng, lặng mà khắp soi, tức chõ gọi là sự chiếu soi của Nguyên Minh. Chiếu soi mà chẳng sanh cái sở, át lặng khắp hư không. Như mảnh mây tại khoảng trời xanh, mà biển Giác toàn vẹn lặng trong, được cái gốc nguyên diệu vậy. Muốn đại giải thoát bèn xoay lại cái nghe thì xong rồi vậy.

Tổ Hoàng Bá nói: “Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp, tức là Bồ Đề. Tâm bốn nguyên thanh tịnh đây cùng với chúng sanh, Chư Phật, núi sông thế giới, có tướng, không tướng, khắp mười phương cõi, cả thảy bình đẳng, không có tướng kia,

đây. Cái Tâm bốn nguyên thanh tịnh này thường tự tròn sáng, soi khắp.

“Người đời chẳng ngộ, chỉ nhận thấy, nghe, hay, biết làm Tâm, bị thấy nghe, hay biết ngăn che, vì đó mà chẳng thấy cái bản thể thuần túy sáng suốt. Chỉ ngay đây vô tâm, bản thể tự hiện. Như vàng mặt trời lớn mọc lên giữa hư không, soi chiếu khắp mười phương, suốt không chướng ngại. Thế nên, người học Đạo chỉ nhận thức nơi cái thấy, nghe, hay, biết động tác nhỏ nhặt. Dẹp đi cái thấy, nghe, hay, biết thì nẻo tâm bắt chẳng có chỗ vào. Chỉ ngay nơi chỗ thấy, nghe, hay, biết nhận là bốn tâm, nhưng bốn tâm chẳng thuộc thấy, nghe, hay, biết cũng chẳng là ngoài thấy, nghe, hay, biết. Chỉ chớ ở trong thấy, nghe, hay, biết mà khởi kiến giải, chớ ở trên thấy, nghe, hay, biết mà động niệm, cũng chẳng là thấy, nghe, hay, biết mà giữ pháp. Chẳng tức, chẳng ly, chẳng trụ, chẳng bám, dọc ngang tự tại, không đâu chẳng đạo tràng”.

Như lời Tổ Hoàng Bá, liền nơi bệnh lò cao chùi hết ráo. Đó cũng là một sự giúp trở lại nguồn.

Kinh:

Xem trở lại thế gian
 Giống như việc trong mộng
 Ma Đăng Già trong mộng
 Ai giữ được hình ông?
 Như đời, huyền sư khéo
 Huyền làm các nam nữ
 Tuy thấy các căn động

Cốt do một máy giật
 Máy nghỉ là lặng yên
 Các huyền thành vô tánh

Thông rằng: Đã là thanh tịnh tột cùng, ánh sáng thông suốt, lặng chiếu trùm hư không thì hư không còn bao trùm được, huống là các sự vật ở trong hư không? Cho nên bệnh lòa hết dứt, thì không chỉ ba cõi hoa đốm xưa nay không tịch, mà nào cǎn nào trần ở trong ba cõi đều như mộng huyền vậy. Cô Ma Đǎng Già trong mộng làm sao bắt giữ hình hài người tinh. Tâm dù tinh táo, đâu thể nắm được sự vật trong mộng? Đây là một chứng cớ về cǎn, cảnh vốn tự giải thoát vậy.

Bộ Liệt Tử có chép huyền sư khéo làm nên người huyền, trong đủ năm tạng, ngoài đủ năm cǎn, chạy nhảy diễn trò đủ thứ, y như người thật. Trò vui đã xong, người huyền lại vòi ái thiếp của vua, vua nỗi giận. Huyền sư vội tháo người huyền, toàn là bằng gỗ. Cái giận của vua mới tiêu tan. Cái giận của vua chẳng có ăn nhầm chi người huyền, vì người huyền vô tâm. Huyền vốn không tánh, sao có chuyện vui buồn trong ấy! Đây cũng là một chứng cớ cǎn cảnh vốn tự giải thoát.

Thiền sư Ngũ Tô Diễn dạy chúng rằng: “Hôm qua son tǎng vào thành, thấy một rạp hát tượng gỗ múa rối, bèn đến gần trước xem. Hoặc thấy uy nghiêm lạ lùng, hoặc thấy xấu xí không chịu nổi, chuyển động đi, ngồi, xanh vàng đỏ trắng, mỗi mỗi rõ ràng. Khi xem kỹ lưỡng thì trong tấm màn xanh có người. Sơn tǎng kìm giữ chẳng được, mới hỏi quý tánh ông ta.

Người kia nói: “Lão Hòa Thượng xem rồi thôi, lại hỏi tánh nào?”

“Sơn tảng bị một câu ấy, liền chẳng có lời đói lại, không lý lẽ để trả bù. Giờ có người nào vì sơn tảng nói được chẳng? Hôm qua trong kia lạc tiết, hôm nay trong ấy búng gốc!”

Như hiểu được tin tức “*Búng gốc*” này thì có thể nói là “*Máy nghỉ túc*” vậy.

Kinh:

Sáu căn cũng như thế
 Vốn y một tinh minh
 Phân thành sáu hòa hiệp
 Một chỗ đã về nghỉ
 Sáu dụng đều chẳng thành
 Một niệm tràn cầu tiêu
 Thành viên minh tịnh diệu
 Còn tràn là hữu học
 Sáng tột tức Như Lai

Thông rằng: Tổ Hoàng Bá nói rằng: “Đồng là một tinh minh (cái thuần sáng), phân làm sáu hòa hiệp. Một tinh minh ấy là Một Tâm vậy. Sáu hòa hiệp là sáu căn vậy. Sáu căn này mỗi cái cùng với tràn hiệp: Mắt với sắc hiệp, tai với tiếng hiệp, mũi với hương hiệp, lưỡi với vị hiệp, thân với xúc hiệp, ý với pháp hiệp. Khoảng giữa sanh ra sáu thức, thành mười tám giới. Như rõ mười tám giới không chỗ có, gồm sáu cái hiệp thành một tinh minh. Một tinh minh là Tâm vậy. Người học đạo đều

biết thê. Chỉ chặng khởi lý giải “*Một tinh minh sáu hòa hiệp*” bèn bị pháp buộc, chặng khé hợp bốn tâm.

“Như Lai ra đời muốn thuyết Chân Pháp Nhất Thùa. Chúng sanh chặng tin, khởi lên bài báng, chìm trong biển khổ. Bằng trọn chặng nói, thì rơi vào lẩn tiếc, chặng vì chúng sanh khắp xá đạo mầu. Bèn bày phương tiện, nói có ba thùa. Thùa có lớn, nhỏ; chỗ được có cạn sâu, đều chặng phải là bốn pháp. Nên nói: Duy chỉ có một Đạo Nhất Thùa, dư hai thì chặng phải Chân. Nhưng rốt cuộc chưa bày pháp Nhất Tâm. Nên vời Ca Diếp cùng chia tòa ngồi, riêng phó chúc Nhất Tâm, ngoài lời mà thuyết pháp. Đây là một ngành biệt hành, nếu có thể khé ngộ bèn đến Phật địa vậy”.

Lời của Tổ Hoàng Bá đây trọn chặng luận đến “*còn tràn là hữu học*”, đúng là khí trượng Đại Thùa.

Hiệp Luận nói rằng: “Bồ Tát sơ hạnh thấy cái dụng bậc trung, bởi thâm tín Chân Như nên thấy được chút ít, biết thân Như Lai là không đến, không đi, không có chỗ dứt mất, duy tâm ảnh hiện, chặng lìa Chân Như. Nhưng Bồ Tát này còn chưa lìa phân biệt vi tế vì chưa nhập vị Pháp Thân. Bồ Tát tâm tịnh thấy cái dụng vi tế, như vậy mà vượt chuyền, cho đến Bồ Tát Cứu Cánh Địa cái thấy mới hết. Dụng vi tế gọi là Thân Thọ Dụng. Vì có nghiệp thức, thấy Thân Thọ Dụng. Nếu lìa nghiệp thức át không gì để thấy. Tất cả Như Lai đều là Pháp Thân. Pháp Thân không có sắc tướng sai biệt kia, đây, mà hõ tương thấy vậy.

Ôi, phàm lấy cái dụng vi té gọi là Thân Thọ dụng, lấy sự hết cái nghiệp thức vi té gọi là trong địa vị Bồ Tát, nên nói “*Còn trần là hữu học*”. Nếu lìa nghiệp thức ắt không gì để thấy, gọi đó là Pháp Thân Như Lai, nên kinh nói “*Sáng tốt túc Như Lai*”.

Kinh:

Đại chúng cùng Anan
 Xoay cơ nghe đên đảo!
 Quay nghe, nghe tự tánh
 Tánh thành: Vô Thượng Đạo
 Có thể thật như vậy
 Đây một đường Niết Bàn
 Cửa vào hằng sa Phật
 Chư Như Lai quá khứ
 Pháp môn này thành tựu
 Hiện tại các Bồ Tát
 Thảy theo, vào viên minh
 Người vị lai tu học
 Hãy y Pháp như thế
 Tôi cũng trong ấy chứng
 Chẳng riêng Quán Thế Âm

Thông rằng: Cơ nghe theo ngoài buông tuồng, ắt mê gốc theo ngọn, nên gọi là đảo đên. Quay cái nghe nên xoay lại cái cơ ấy vậy. Nghe trở lại tự tánh, là ngược trần hiệp giác, nên gọi rằng chánh. Nghe tự tánh bèn nhìn thấy mặt mũi xưa nay, thì cái tánh nghe này tiện thành Vô Thượng Bồ Đề, chán

thường viên thông; chẳng nhờ ngoài được. Đó là Đốn Môn chứng thành Vô Thượng Bồ Đề của ba đời Chư Phật vậy.

Có nhà sư hỏi Tô Trưởng Sa: “Thế nào là Văn Thủ?”

Tô Sa nói: “Tường vách, ngói gạch đó vậy”.

Hỏi: “Thế nào là Quan Âm?”

Tô Sa nói: “Âm thanh ngôn ngữ đó vậy”.

Hỏi: “Thế nào là Phổ Hiền?”

Tô Sa nói: “Tâm chúng sanh đó vậy”.

Hỏi: “Thế nào là Phật?”

Tô Sa nói: “Sắc thân chúng sanh đó vậy”.

Hỏi: “Thể của hằng sa Chư Phật đều đồng, sao lại có đủ thứ danh tự?”

Tô Sa nói: “Theo căn mắt trở lại nguồn gọi là Văn Thủ. Theo căn tai trở lại nguồn gọi là Quan Âm. Theo tâm trở lại nguồn gọi là Phổ Hiền. Văn Thủ là Diệu Quan Sát Trí của Phật. Quan Âm là Vô Duyên Đại Từ của Phật. Phổ Hiền là Vô Vi Diệu Hạnh của Phật. Ba Thánh là Diệu Dụng của Phật. Phật là chân thể của ba Thánh. Dụng thì có hằng sa giả danh. Thể thì gọi chung là Bạc Già Phạm”.

Thế nên biết, mỗi Vị nhập viên minh cùng Chư Phật không khác. Nhưng căn tai thì tật viễn, nên phải lấy Quán Thể Âm làm Pháp.

Kinh:

Thật như lời Thệ Tôn
 Hỏi tôi các phương tiện
 Để cứu đời rốt chót
 Người cầu xuất thế gian
 Thành tựu Tâm Niết Bàn
 Quán Thệ Âm hơn cả
 Còn các phương tiện khác
 Đều là Phật oai thần
 Nơi sự bỏ trần lao
 Chẳng phải Pháp học thường
 Sâu cạn đồng nghe Pháp
 Đảnh lễ Như Lai Tặng
 Vô lậu, chẳng nghĩ bàn
 Nguyệt gia bị vị lai
 Trong Pháp này không lỗi
 Phương tiện dễ thành tựu
 Nên dùng dạy Anan
 Cùng đời sau chìm đắm
 Chỉ nơi căn này tu
 Viên thông hơn tất cả
 Chân Thật Tâm là thế”.

Thông rằng: Đây là Đức Văn Thủ trả lời chõ hỏi của Phật, chọn lựa viên thông thì không gì bằng pháp môn xoay lại cái nghe của Đức Quan Âm, đáng dạy cho Ông Anan để chữa trị cái lỗi chưa lắng chuyện nghe, và cứu được cho đời mạt kiếp, dứt đi cái khổ trôi xoay. Chẳng như các phương tiện khác, tình

còn chạm nhầm một cơ duyên, phát minh việc mình, người sâu thì nhập vào chỗ vi diệu, sơ tâm chẳng kịp, người cạn vướng nơi dấu vết, đối với viên thông chưa hợp, trước sau đều chẳng phải là chỗ tu học lâu dài. Độc chỉ theo cẩn tai mà vào thì sâu cạn đều hợp nên, đáng tu học lâu dài, lại rất dễ thành tựu, phương tiện tốt cùng. Thế nên Đức Văn Thủ xin Thế Tôn âm thầm gia bị thì cái tâm chân thật vì người của Ngài mới an ổn vậy.

Thiền sư Trung Hội Cửu thượng đường: “Nhân duyên cơm cháo của tôi ở chốn này, vì các anh em xướng nêu, rốt chẵng phải là thường hằng. Muốn viên thông chỗ tinh yếu, hãy chính nơi núi sông, đất đai cùng ông phát tỏ. Đạo ấy chân thường, cũng vốn rốt ráo. Như theo cửa Văn Thủ vào thì tất cả đất, cây, ngói, gạch vô vi giúp ông phát tỏ cơ yếu. Như theo cửa Quan Âm vào thì tất cả tiếng tăm, éch nhái, trùn dế giúp ông phát tỏ cơ yếu. Như theo cửa Phổ Hiền vào thì chẳng động bước mà đến nơi. Ba cửa phương tiện này mở hoác cho ông. Giống như lấy một mũi tên gãy khuấy nước biển cả khiến cho loài cá, rồng kia biết nước là sinh mệnh. Hội chẵng? Bằng không trí nhân mà thảm xét chân chánh đó, tha hồ ông trăm thú khéo hay cũng chẵng là cứu cánh”.

Lại có nhà sư hỏi thiền sư Đạo Phổ: “Kẻ sơ tâm hậu học, mới vào tùng lâm, trong cửa phương tiện, xin thầy chỉ bày”.

Tổ Phổ gõ khuôn cửa.

Nhà sư hỏi: “Hướng thượng lại có sự việc hay không?”

Tổ Phổ nói: “Có”.

Hỏi: “Như sao là việc hướng thượng?”

Tổ Phố lại gõ khuôn cửa.

Ôi! Đức Phổ Hiền nói “Tâm nghe suốt mười phương”. Đức Văn Thủ nói “Ta cũng từ trong đó chứng”. Ba vị Thánh thay nhau cỗ xướng khiến người theo căn tai nhập, đều để ứng với cơ yếu của cõi này vậy. Nếu các vị Tôn Túc phát minh, trước sau tiếp dẫn chỗ hướng thượng, nào từng chẳng tuân lối vết viền thông ư? Chỉ sao người đón chứng ít vậy? Chứng nhập tịch diệt hiện tiền tự chẳng có dẽ.

Nhưng trong Trí Độ Luận nói rằng: “Căn tai không có sự tỏ biết, nên chẳng có nghe. Nhĩ thức chỉ chốc lát, nên chẳng thể phân biệt. Tai chẳng nghe, ý thức cũng chẳng có nghe. Vì sao thế? Năm thức trước biết năm trán, rồi sau ý thức biết. Ý thức chẳng thể biết năm trán hiện tại, mà chỉ biết năm trán quá khứ và vị lai. Nếu ý thức có thể biết năm trán hiện tại thì người mù điếc cũng biết được thanh sắc!”

Hay thay chỗ luận này! Thật hụt với ý chỉ tịch diệt. Thanh thì vô giác vô căn, nên “*Hai tướng động tĩnh rõ ràng chẳng sanh*”. Căn thì vô giác, nên “*Chẳng trụ ở chỗ hết nghe*”. Thức thì không có sắc, không đối đãi, không xứ sở, nên “*giác, sở giác không*”. Sở không, năng không, sanh diệt đã diệt, nhất niệm liền chứng. Còn với sự lẩn hồi thêm, lẩn hồi hóa, vốn chẳng phải hai đường. Nên xoay lại cái nghe mà vào dòng, đến chỗ chẳng sanh diệt, thật phải tuân theo vậy.

Kinh: *Ngay đó, Ông Anan cùng cả đại chúng thân tâm suốt nhiên, đắc đại khai thị. Thấy rõ Bồ Đề cùng Đại Niết Bàn*

của Phật, như người nhân có việc đi xa, chưa được trở về, song đã rõ con đường về nhà.

Tất cả đại chúng trong hội, tám bộ Trời Rồng, Nhị Thừa Hữu Học cùng tất cả các Bồ Tát mới phát tâm, số lượng cả mươi hằng hà sa đều đắc Bản Tâm, xa lìa trần cầu, được Pháp Nhẫn Tịnh.

Tánh Tỳ Kheo ni nghe bài kệ xong, thành quả A La Hán. Vô lượng chúng sanh đều phát tâm Vô Đắng Đắng Vô Thượng Chánh Đắng Chánh Giác.

Ông Anan nghiêm chỉnh y phục, ở trong đại chúng chấp tay đảnh lễ. Tâm tánh trọn sáng, vừa mừng vừa tủi, vì muốn lợi ích cho khắp các chúng sanh đời sau, cúi đầu bạch Phật: “Con nay đã ngộ pháp môn thành Phật, trong đó tu hành, không còn nghi hoặc. Con thường nghe Nhu Lai nói lời thế này: “Mình chưa được độ, trước đã độ người, đó là sự phát tâm của các Bồ Tát. Tự giác đã tròn, thường giác cho người, đó là sự ứng thế của Chư Nhu Lai”.

“Con tuy chưa được độ, nguyện độ tất cả chúng sanh đời mạt thế. Thưa Thế Tôn, các chúng sanh ấy cách Phật ngày càng xa, nghe tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng; nếu muốn họ nghiệp tâm vào Tam Ma Địa, làm sao khiến họ an lập đạo tràng, lìa các ma sự, trong Bồ Đề Tâm được không thoái khuất?”

Thông rằng: Vô Đắng Đắng Vô Thượng Chánh Đắng Chánh Giác tức là Tối Thượng Thừa vậy. Không vật gì bằng mà hay bình đẳng cùng vật, nên gọi là Vô Đắng Đắng. Đã lìa

phiền não nên gọi là Phật Bồ Đề. Đã lìa sanh diệt nên gọi là Đại Niết Bàn. Vô lượng chúng sanh đều biết ở nơi chỗ này phát tâm, rõ biết phiền não chẳng phải là nhà, mà Tánh Giác là nhà vậy. Rõ biết sanh diệt chẳng phải là nhà mà Niết Bàn là nhà vậy. Pháp môn xoay lại cái nghe, tự vào dòng, mất cái sở, đến chỗ tịch diệt hiện tiền, trong đó tu hành, được con đường đạo viên thông nhiệm mầu. Thật là rõ ràng như đường chỉ trong bàn tay.

Ông Anan tuy chưa tự độ, chưa dứt hết hai thứ phân đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử mà đến bờ kia, nhưng muôn độ chúng sanh đời sau đều được vào chánh định, chẳng bị ma quấy rối. Vì ma sự rất nhiều, phòng ngừa chẳng dễ. Như Tánh Tỳ Kheo ni, nếu không được thần chú Như Lai làm sao được tâm dâm liền ngừng thành A La Hán. Năm mươi thứ ám ma ở đoạn sau đều để đáp chỗ hỏi này, lại khiến rõ ràng con đường về nhà vậy.

Thiền sư Thủ Sơn Niệm dạy chúng rằng: “Lão tăng định muôn về quê, có người nào theo được?”

Khi ấy có nhà sư hỏi: “Chẳng hay khi nào Hòa Thượng đi về?”

Tô Niệm nói: “Đợi cho có bạn thì nói với ông”.

Nhà sư hỏi: “Không có bạn việc ấy thế nào?”

Tô Niệm nói: “Trọn ngày chẳng gặp ai, rõ ràng không biết chỗ!”

Nhà sư hỏi: “Bỗng gặp một người thì lại thế nào?”

Tô Niệm nói: “Con mê chǎng về nhà, mất rồi đường lúc đến”.

Nhà sư hỏi: “Xin thầy chỉ cái đường về quê”.

Tô Niệm nói: “Rồng ẩn cây khô, chǎng còn nương dựa”.

Nhà sư hỏi: “Khi nào Hòa Thượng lại trở lại?”

Tô Niệm nói: “Một đi chǎng tri âm, sáu nước không tin tức”.

Nhà sư hỏi: “Chính lúc đang về thì thế nào?”

Tô Niệm nói : “Độc xướng khúc nhà Hồ (30), không người hòa cho nỗi!”

Nhà sư hỏi: “Lúc ấy bỗng gặp tri âm thì thế nào”.

Tô Niệm nói: “Đầu non người-đá xumm vỗ tay. Bên suối lão quê cười ha hả”.

Nhà sư hỏi: “Về nhà rồi trở lại, việc ấy thế nào?”

Tô Niệm nói: “Tám nước dâng áo lẽ, bốn tường không cài đỗi”.

Nhà sư hỏi: “Chǎng rõ ở vị thứ nào?”

Tô Niệm nói: “Văn Thủ chǎng tọa Kim Đài Điện, tự có tiêu dao nhánh trúc lay”.

Xem Tô Niệm Pháp Hoa (31) tóm lại chỉ qua, gõ rao tự tại. Thật y cái khí vị của Tô Ngưỡng Sơn.

Kinh: *Bấy giờ Đức Thế Tôn ở trong đại chúng khen ngợi Ông Anan: “Hay lắm, hay lắm, như chỗ ông hỏi về an lập đạo tràng, cứu vớt chúng sanh chìm đắm trong đời mạt kiếp, nay ông hãy nghe cho rõ, Ta vì ông nói ra”.*

Ông Anan cùng cả đại chúng vâng nghe lời dạy.

Phật bảo Ông Anan: “Ông thường nghe trong Luật Tạng của Ta tuyên nói ba nghĩa quyết định của sự tu hành, đó là: Nhiếp tâm là Giới, nhân Giới sanh Định, nhân Định sanh Huệ. Ấy gọi là ba Vô Lậu Học.

Thông rằng: Ở trước nói hai nghĩa quyết định. Một là xét cái tâm nhân địa. Hai là lựa chọn căn viễn thông, trở lại cùng tốt dòng căn, đến chỗ chẳng sanh diệt; thăng đến Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải luận gì đến cái học Giới Định Huệ. Đây là một môn siêu xuất, con đường Xa Ma Tha nhiệm màu của mười phương Như Lai để tiếp người thượng thượng căn vậy. Trong đó nói “*Căn và trần chẳng sánh hợp*”, chưa từng không có Giới. “*Như lóng nước dơ*”, chưa từng không có Định. “*Ở trong rực rỡ phát sáng*”, chưa từng không có Huệ. Chỉ chẳng dùng Giới Định Huệ tự trói buộc, nên là Đệ Nhất Nghĩa Đế.

Nay lại trước hết nói rõ nơi Giới, mà nên bày bốn Cấm trong Luật là để tiếp người trung-hạ căn. Để phòng ngừa Ma, không thể không nghiêm về Giới. Tiểu Thừa thì vâng theo Pháp là Giới, đối trị thô thiển, cái ngọn. Đại Thừa nhiếp tâm là Giới, dứt trừ tinh vi gốc rễ. Giới nơi Pháp thì không phạm nơi thân mà thôi, Giới nơi Tâm thì không phạm cả trong tư tưởng. Giới châu (tròn sáng như ngọc) là chuyển thức thành trí,

không năm ấm, phá năm trước vậy. Còn có ma sự nào để lo sợ ư?

Đức Lục Tổ dạy chúng rằng: “Pháp môn này của ta lấy Định Huệ làm gốc. Đại chúng chớ mê, nói Định Huệ khác nhau. Định Huệ một thể, chẳng phải hai. Định là Thể của Huệ, Huệ là Dụng của Định. Ngay trong Huệ, Định ở tại Huệ. Ngay trong Định, Huệ ở tại Định. Như rõ nghĩa này, tức là cái học Định Huệ bình đẳng. Các người học Đạo, chớ nói trước Định mới phát Huệ, trước Huệ rồi phát Định, mỗi cái khác nhau. Thấy ra như vậy hóa ra Pháp có hai tướng. Miệng nói lời lành, trong tâm chẳng lành thì không có Định Huệ, vì Định Huệ chẳng đồng đều. Nếu tâm và miệng đều lành, trong ngoài một thứ thì Định Huệ đồng đều. Tự ngộ tu hành, chẳng vướng nỗi tranh cãi. Nếu tranh trước sau là đồng với người mê, chẳng dứt hơn thua là thêm ngã pháp, chẳng lìa bốn tướng. Thiện tri thức, Định Huệ giống như đèn và ánh sáng. Có đèn thì sáng, không đèn thì tối. Đèn là Thể của ánh sáng, ánh sáng là Dụng của đèn. Danh tuy có hai, Thể vốn đồng nhất”.

Ở đây, Đức Lục Tổ tuy bày rõ Định Huệ nhất thể, mà trong đó nói tâm, miệng đều lành, trong ngoài như một thứ, Định Huệ bèn đồng đều, thì Giới cũng đã có trong ấy vậy.

Một hôm, Tổ nói với Chí Thành rằng: “Chỗ thuyết pháp của ta, chẳng lìa Tự Tánh. Lìa Thể thuyết pháp, gọi là tướng thuyết, vẫn thường mê Tự Tánh. Phải biết hết thảy muôn pháp đều từ Tự Tánh khởi dụng. Đó là pháp Giới Định Huệ chân thật.

Hãy nghe kệ ta:

“*Tâm địa không trái (phi): Tự Tánh Giới*
Tâm địa không si: Tự Tánh Huệ
Tâm địa không loạn: Tự Tánh Định
Chẳng tăng chẳng giảm: Tự Kim Cang
Thân đến thân đi: hẳng Tam Muội”.

Thầy Thành nghe kệ tinh ngộ, bèn trình một bài kệ:

“*Năm uẩn huyền thân*
Huyền đâu cứu cánh?
Hướng đến Chân Như
Pháp lại chẳng tịnh!”.

Tô bằng lòng.

Đó là chõ thuyết Giới Định Huệ của Tối Thượng Thùa, đều là lời trong nhà, đối với lời khác ở ngoài cửa, cách nhau như trời với đất.

Kinh: “Anan, nghiệp tâm thế nào thì gọi là Giới?

“Nếu chúng sanh lục đạo của các thế giới tâm họ chẳng dâm, ăn chẳng sanh theo dòng sanh tử nối tiếp nhau. Ông tu pháp chánh định cốt để ra khỏi trần lao, nếu lòng dâm không trừ thì không ra khỏi cảnh ma được. Dầu có nhiều trí thiền định hiện tiền, mà không đoạn lòng dâm, hẵn lạc vào ma đạo: hạng trên thành ma vương, hạng giữa thành ma dân, hạng dưới thành ma nữ. Các chúng ma kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xung là thành Đạo Vô Thượng. Sau khi Ta diệt độ, trong đời mạt pháp, nhiều bọn ma này lẫy lùng trong thế gian, lan rộng

hành vi tham dâm, giả làm thiện trí thức, khiến các chúng sanh sa vào hầm ái kiến, bỏ mất con đường Bồ Đề.

“Ông dạy người đời tu Tam Ma Đề: trước phải dứt lòng dâm. Đó là lời dạy rõ ràng trong sạch, chõ quyết định thứ nhất của Chư Như Lai Tiên-Phật Thé Tôn.

“Thế nên, Anan, nếu không đoạn lòng dâm mà tu thiền định thì cũng như nấu cát đá mà muốn thành cơm, trải trăm ngàn kiếp cũng chỉ gọi là cát nóng. Vì sao thế? Vì nói là cát đá mà thành, chẳng phải gốc là cơm vậy. Ông dùng thân dâm cầu diệu quả Phật, dầu được diệu ngộ cũng đều là gốc dâm, căn bản thành dâm, xoay chuyển trong ba đường sanh tử, hẵn không ra khỏi, đường nào mà tu chứng Niết Bàn của Như Lai? Hẵn phải khiến cho cái cơ dâm, dù thân hay tâm, đều đoạn dứt, cho đến tánh lìa dứt cũng không còn, thì đối trong Bồ Đề của Phật mới có thể trông mong.

“Như Ta nói đây, gọi là lời Phật; chẳng như đây nói tức lời Ba Tuần.

Thông rằng: Chúng sanh trong lục đạo, sanh tử nối tiếp nhau, kia yêu lòng đây, đây mến cái sắc kia, đời đời kiếp kiếp thường bị ràng buộc. Duy cái dâm là gốc rẽ bắt đầu. Cái thấy phát minh thì sắc phát khởi, thấy có thì tưởng thành, khác với chõ thấy thành ghét, cùng với chõ tưởng thành thương. Một tưởng niệm, gốc ái khởi động trước hết nên lấy cẩm dâm làm đầu. Chẳng bỏ dâm mà tu thiền định, dầu được diệu ngộ chỉ ích cho cơ dâm, nên rốt cuộc chẳng thành Phật mà thành quyến thuộc của Ma. Ma cũng có thần thông biến hoá, cũng có

thể nói Đạo Vô Thượng, chỉ vì nghiệp dâm chabilidad trừ, phuớc ma đến lúc hết, rốt lại trôi lăn trong ba đường khổ. Sự dâm phát lên có cơ, mà tâm là cội gốc, nên gọi là tâm dâm. Tâm mà chabilidad động thì cơ tự chabilidad phát, nên nghiệp tâm giữ giới luật, trước đoạn dứt lòng dâm, gọi là tánh đoạn dứt. Còn tánh đoạn dứt thì chưa lìa đối trị. Sự đối đãi còn sờ sờ thì cơ dâm còn ẩn phục. Hắn tánh đoạn dứt cũng không mới là đoạn diệt chân thật vậy. Dâm là căn nguyên phiền não, lìa dứt nó thì Bồ Đề mới có thể trông mong. Chỉ có dâm là gốc rễ sanh tử, đoạn dứt nó thì Niết Bàn có thể chứng. Nói là đoạn lìa như chặt lìa chân tay, chabilidad dùng lại được. Cái dâm mà đoạn lìa, tức là lấy cái chabilidad sanh chabilidad diệt làm Tâm Nhân Địa, nên đắc chánh định. Chabilidad có như thế, nấu cát mà thành cơm làm sao có chuyện ấy được!

Kinh Pháp Hoa nói rằng “Chabilidad thể đối với thân người nữ, giữ tướng hay sanh dục tướng mà thuyết pháp cho, cũng chabilidad ưa thích thấy. Như có vào nhà, chabilidad có truyện trò với người thiếu nữ, trinh nữ, đàn bà góa, cũng chabilidad gần với năm loại người bán nam bán nữ, rồi thành thân thiết. Chabilidad vào nhà họ một mình. Nếu có nhân duyên cần phải vào một mình, chỉ một lòng niệm Phật. Nếu vì người nữ nói pháp, chớ cười lộ răng, chabilidad bày hở ngực. Cho đến vì nói pháp còn chabilidad thân mật, huống lại có sự gì khác. Chabilidad thích nuôi đệ tử nhỏ tuổi, Sa Di áu thơ, cũng chabilidad ưa kẻ đồng môn. Thường thích ngồi thiền, ở nơi vắng vẻ, tu nghiệp tâm mình”.

Đó là phép tắc của Tiên-Phật Thé Tôn như vậy.

Xưa, Đức Nhị Tô thường trà trộn ở chốn thanh lâu quán rượu; người ta cười cợt.

Tô nói: “Ta tự điều tâm, nào liên can gì việc người”.

Chẳng phải là người thật ra thoát làm sao xuống bùn, vào nước?

Thiền sư Bách Trượng Duy Chính thượng đường: “Hòa Thượng Nham Đầu lấy ba đồng tiền tìm được bà vợ chỉ biết mò tôm vớt ốc, nhưng lại chẳng biết sanh trai nuôi gái! Cho đến như nay môn phong dứt tuyệt. Muốn biết vợ Khoát Công (32) chẳng? Bách Trượng ngày nay chẳng tiếc môi mép, giải rõ cho các ông: chuyện lấy cây trâm cưới vợ đời ít có. Quần vải vẫn còn là y phục thuở lấy chồng. Kỳ thay, lại gọi đó là vợ lão Khoát Công, nguyên lai cùng với mặt mũi Khoát Công tương tự!”

Lại có nhà sư hỏi Tô Trần Sơn: “Như sao là gia phong (33) Hòa Thượng?”

Tô Trần nói: “Túi gấm đầy hương bạc, gió thổi thơm ngập đường”.

Tô Nham Đầu nghe được, bảo một nhà sư đến nói: “Truyện kê mười tám chị, thò Phan Lang tốt lắm”.

Tô Nham Đầu tự nói thiền-phong-lưu, còn Tô Duy Chính mượn sự chỉ dấu của Tô Nham Đầu, phong lưu càng lắm. Điều là hoa sen tháng Chạp vậy.

Kinh: “Anan, lại các chúng sanh lục đạo trong các thế giới lòng chẳng giết hại, át chẳng theo dòng sanh tử nối tiếp nhau.

Ông tu pháp chánh định cốt để ra khỏi trần lao, nếu lòng sát không trừ, thì không thể ra khỏi trần được. Dầu có nhiều trí thiền định hiện tiền mà không đoạn dứt sự giết hại hằng lạc vào thân đạo, người bậc trên làm đại lực quý, bậc giữa thì làm phi hành dạ xoa và các loại quý soái, bậc dưới thì làm địa hành la sát. Các quý thần ấy cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành Đạo Vô Thượng. Sau khi Ta diệt độ, trong đời mạt pháp nhiều thứ quý thần này lây lùng trong thế gian, tự nói ăn thịt cũng được Đạo Bồ Đề.

“Anan, Ta bảo hàng Tỳ Kheo ăn năm thứ tịnh nhục, thịt ấy đều do thần lực Ta hóa sanh, vốn không có mạng căn. Bà La Môn các ông, đất đai phần nhiều nóng, ướt, lại thêm cát đá, rau cỏ không sanh, Ta dùng sức Đại Bi gia bị, nhân tâm đại từ bi giả gọi là thịt, các ông cũng nếm được vị ấy.

“Làm sao sau khi Như Lai diệt độ, người ăn thịt chúng sanh mà gọi là Phật tử! Các ông phải biết, những người ăn thịt đó, dầu có được tâm khai mở, giống như Tam Ma Đề, đều là đại la sát, quả báo hết rồi phải chìm đắm trong bể khổ, chẳng phải đệ tử Phật. Những người như vậy, giết nhau, nuốt nhau, ăn nhau không dứt, làm sao ra được khỏi ba cõi?

“Ông dạy người đời tu Tam Ma Đề, thứ đến, phải lìa dứt sự sát sanh, đó là lời dạy rõ ràng trong sạch, chõ quyết định thứ hai của Như Lai Tiên- Phật Thé Tôn.

“Thế nên, Anan, nếu chẳng dứt sự giết hại mà tu thiền định thì cũng như có người tự bịt tai mình, cất tiếng kêu lớn mà mong người khác không nghe, bọn đó gọi là muốn ẩn thì

càng lộ. Hàng Tỳ Kheo trong sạch, cho đến các vị Bồ Tát, đi trên đường rẽ, không dẫm cỏ non, huống lấy tay nhổ. Làm sao trong tâm đại bi mà lấy máu thịt của các chúng sanh làm đồ ăn?

“Nếu các hàng Tỳ Kheo không mặc những đồ tơ lụa, lượt là phuơng Đông và không dùng những giày dép, áo lông hay các thứ sữa, phó-mát, đè hò, các Tỳ Kheo đó đối với thế gian thật thoát khỏi sự báo đền nợ nghiệp, chẳng đi vào trong ba cõi. Vì sao thế? Dùng bộ phận thân thể chúng sanh là có duyên nợ với chúng sanh, như con người ăn trăm thứ mễ cốc của đất thì chân không lìa khỏi đất. Quyết phải khiến cho thân tâm đối với bộ phận hay thân thể chúng sanh đều không mặc, không ăn, những người như thế, Ta mới gọi là thật giải thoát.

“Như Ta nói đây, gọi là lời Phật; chẳng như đây nói, tức là lời Ba Tuần.

Thông rằng: Trong mươi hai năm sau khi Phật thành Đạo thì chưa đặt định giới luật, tạm cho Tỳ Kheo ăn năm thứ tịnh nhục. Sau đó, nhân đám Lục Quần Tỳ Kheo cố tình giết hại để ăn, từ đấy đặt định luật phải vĩnh viễn dứt trừ giết hại. Trong các kinh nói năm thứ tịnh nhục là không thấy, không nghe, không nghi, cùng là chim chết già, tự chết. Ở đây, nói năm thứ tịnh nhục là do thần lực hóa sanh, cũng giống như ở Ngũ Đài Sơn có một loại thịt bằng thảo mộc, vốn không có mạng cǎn, nên gọi là tịnh. Con người không bỏ đi sự giết hại, vì để ăn mặc vậy. Nếu mặc áo lông, tơ, sợi của chúng sanh, và ăn máu

thịt chúng sanh, đều vì duyên nợ đó chưa thể giải thoát thật sự, muốn ra khỏi ba cõi sao được?

Như con người trong kiếp ban đầu, hình thể có ánh sáng vàng, chân như dãm trên mây. Nhân vì ăn chất bổ béo của đất là lúa thơm, nên thân thể cứng nặng, chân chẳng rời đất, cũng vì duyên nợ với đất. Cho nên tu thiền tập định, vốn để tránh tội, trái lại làm điều giết hại, có khác gì bịt tai mà trốn tránh người, đáng ra phải nín hơi thì lại kêu lớn tiếng. Muốn khỏi luân hồi, làm gì có chuyện ấy được. Dầu cho có được thiền định, cũng là tà định của quỷ thần. Cái tà định của quỷ thần tương tự như cái thiền định, nên nói “*Giống như Tam Ma Đè*”, rốt lại phải lạc vào Thần Đạo. Thân thể là loại máu thịt, bộ phận thân thể là loại da lông vậy. Thân chẳng ăn, mặc các thứ ấy, đều do tâm ngăn cấm, nên lấy nghiệp tâm làm giới. Nếu là người đại giải thoát, không tuân giữ luật này, phải riêng có đầy đủ “*Một con mắt lẻ*”.

Hòa Thượng Hiện Tử, chẳng rõ người xứ nào, từ lúc được ẩn tâm ở Tô Động Sơn bèn chung lộn với thế tục ở Mân Xuyên, mùa Đông mùa Hạ chỉ mặc một áo; hàng ngày nơi bờ sông lượm lặt tôm sò để nuôi bụng, ban đêm về ở trong miếu-đốt-giấy-vàng-bạc Bạch Mã.

Thiền sư Hoa Nghiêm Tịnh muốn biết chân, giả. Vào ẩn trước trong miếu-đốt-giấy-vàng-bạc.

Đến khuya, Hiện Tử trở về.

Tô Nghiêm nắm đứng lại, nói: “Như sao là ý Tô Sư từ Tây sang?”

Liền đáp: “Đài mâm rượu trước thandr”.

Tổ Nghiêm nói: “Quả thật, đồng sanh cẩn với ta”.

Không ai biết cuộc đời về sau thế nào.

Đây gọi là *dị loại trung hành* (34) vậy.

Tổ Nam Tuyền nhân hai bên nhà Đông, nhà Tây tranh nhau con mèo. Tổ Tuyền bắt gấp, rao bảo với chúng rằng: “Nói được thì cứu được con mèo, nói chẳng được thì chém bỏ vậy”.

Trong chúng không có lời đối đáp. Tổ Tuyền liền chém.

Tổ Triệu Châu từ ngoài về, Tổ Tuyền nêu lại chuyện lúc nãy.

Tổ Châu liền cởi chiếc dép cỏ đế lên đầu mà đi ra.

Tổ Tuyền nói: “Lúc ấy mà có ông thì cứu được con mèo rồi”.

Lại Tổ Tuyết Phong, đang cùng đại chúng làm ruộng, thấy một con rắn, lấy gậy khêu lên.

Rồi kêu chúng rằng: “Xem đây này!”

Bèn lấy dao chặt làm hai khúc.

Huyền Sa lấy gậy hất ra sau lưng chẳng thèm ngó lại. Cả chúng ngạc nhiên.

Tổ Phong nói: “Tài thay!”

Tổ Tuyết Phong thần dụng y tọ Tổ Nam tuyền. Ngài Huyền Sa chẳng chút gì ngó lại, y cách Ngài Triệu Châu!

Tổ Tuyền thì nói: “Lúc ấy có ông thì cứu được con mèo rồi!”

Tổ Phong thì nói: “Tài thay!”

Cha con hai nhà ấy tiết tấu thành tựu, như một án mà án ra. Chỗ tụng của hai Ngài Tuyết Đậu, Thiên Đồng cũng là y dạng vẽ hò lô (35).

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Hai nhà đều đẹp hết thiền hòa
Đẩy lên khói bụi ngại gì phiền
Nhờ được Nam Tuyền đưa cử lệnh
Một đao hai khúc mặc tình nghiêng”.*

*“Công án nên chẳng hỏi Triệu Châu
Trường An thành nội mặc nhàn du
Đầu mang dép cỏ không người hiểu
Về trong nhà núi tức yên thôi”.*

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Hai nhà mây nước lấm phiền hà
Vương lão sư tăng nghiêm chánh tà
Dao bén chặt lìa đều mất dấu
Thiên cổ bảo người mến tác gia”.*

“Đạo này chưa mất, tri âm khá khen!

*Đeo núi thấu biển, hè, chỉ tôn Đại Vũ
 Đội đá vá trời, hè, riêng hiền Nữ Oa
 Triệu Châu riêng có chỗ sanh nhai
 Dẹp rơm đầu đội có chi sai
 Đến trong chỗ-khác toàn soi tở
 Chỉ cái vàng ròng chẳng lẩn sa (cát) ”.*

Đây là hai, ba lão nhà nghè (36) dùng sát sanh làm Phật sự. Ấy là cảnh giới bậc đại nhân, nên người tầm thường chẳng thể đo lường.

Kinh: “Anan, lại các chúng sanh lục đạo trong các thế giới lòng chẳng trộm cắp, ắt chẳng theo dòng sanh tử nối tiếp nhau. Ông tu pháp Chánh Định cốt để ra khỏi trần lao, nếu lòng trộm cắp chẳng trừ, thì không ra khỏi trần được. Dầu có nhiều trí thiền định hiện tiền mà không đoạn dứt sự trộm cắp, hẵn lạc vào tà đạo: Hạng trên là tinh linh, hạng giữa là yêu my, hạng dưới là người tà bị tà my nhập vào.

Các đám tà kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng là thành Đạo Vô Thượng. Sau khi Ta diệt độ, trong đời mạt pháp, lầm thứ yêu tà đó lẫy lùng trong thế gian, lén núp gian dối, xưng là thiện tri thức. Mỗi kẻ tự xưng đã được pháp siêu nhân, lừa gạt người không biết, dọa dẫm khiến mất lòng tin, chúng qua đến đâu cửa nhà hao tán.

Ta dạy hàng Tỳ Kheo theo pháp khát thực để bỏ lòng tham, thành Đạo Bồ Đề. Các hàng Tỳ Kheo không tự nấu ăn, gởi cái sống thừa nương tạm nơi tam giới, thị hiện một lần đi về, đi rồi không trở lại. Làm sao bọn giặc mượn y phục của Ta

buôn bán Như Lai, tạo đủ thứ nghiệp mà đều gọi là Phật pháp, lại chê bai các Tỳ Kheo xuất gia đầy đủ giới luật là đạo Tiểu Thừa; do chô làm cho nghi lầm vô lượng chúng sanh mà đọa địa ngục vô gián.

Như sau khi Ta diệt độ, nếu có Tỳ Kheo phát tâm quyết định tu Tam Ma Đè, ở trước hình tượng Như Lai, chính mình thắp một ngọn đèn, đốt một ngón tay hay ở trên thân đốt một điểm hương, Ta nói người ấy nợ cũ từ vô thủy trong một thời trả hết, đời đời cáo biệt thế gian, vĩnh viễn thoát khỏi các lậu. Người ấy tuy chưa rõ liền con đường Vô Thượng Giác, nhưng đối với Phật pháp đã có tâm quyết định. Nếu không làm được cái nhân xả thân nhỏ mọn ấy, dầu có thành Đạo vô vi, cũng phải sanh lại làm người, trả hết nợ cũ, như chuyện ăn lúa-ngựa của Ta (37), thật không sai khác.

“Ông dạy người đời tu Tam Ma Đè, sau nữa phải đoạn dứt lòng trộm cắp, đó là lời dạy rõ ràng trong sạch, chô quyết định thứ ba của Chư Như Lai Tiên-Phật Thé Tôn.

“Thế nên, Anan, nếu chẳng dứt trừ trộm cắp mà tu thiền định thì cũng như người rót nước vào chén thủng, mong cho được đầy, dầu trải qua số kiếp nhiều như bụi, rốt chăng thế đầy. Như các Tỳ Kheo, ngoài y bát ra, mảy may không tích trữ, xin bữa ăn có dư thì bố thí cho chúng sanh đói; nơi nhóm hội lớn, chấp tay vái chào đại chúng, có người đánh mắng cũng đồng như khen ngợi, quyết tự buông bỏ thân tâm, máu xương thân thịt chung với chúng sanh, không đem lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chô hiểu của mình, làm lầm lạc

người mới học, thì Phật ^{án} chứng cho người ấy thật được Tam Muội.

“Như Ta nói đây, gọi là lời Phật, ^{chẳng} như đây nói, tức lời Ba Tuần.

Thông ^{rằng}: Tham mà ^{chẳng} ngừng hẳn đến chõ lén cắp. Trộm cắp vật của người để nuôi thân mình, hại chỉ ở thân mà thôi, cho nên thắp đèn đốt tay hẳn có thể đèn xong. Còn buôn bán lời dạy bất liếu nghĩa của Như Lai, lấy làm chõ hiểu của mình để làm lạc người mới học, đó là kẻ trộm cắp Pháp vậy, hại này không kể xiết, bởi trong lòng khắn khít cái tự ái, muốn có riêng sở trường, chưa thể tự buông bỏ. Bỏ thân dễ, bỏ tâm khó. Phải khiến thân tâm đều xả bỏ thì tâm trộm cắp ^{ắt} trù, thế mới nói được là thật ^{đắc} tam muội vậy.

Xưa, có Bà La Môn (38) họ Hắc vận thần lực, vui vẻ dùng hai tay dỡ lên cao hai cây bông ngô đồng đến cúng dường Phật.

Đức Phật gọi lớn: “Tiên nhơn!”

Người Bà La Môn ứng tiếng “dạ”.

Phật bảo: “Buông bỏ đi!”

Người Bà La Môn liền buông một cành bông bên tay trái.

Phật lại gọi lớn: “Tiên nhơn, buông bỏ đi!”

Người Bà La Môn lại liền buông một cành bông bên tay phải.

Phật lại gọi: “Tiên nhơn, buông bỏ đi!”

Người Bà La Môn nói: “Bạch Thê Tôn! Nay con hai tay đều không, Ngài còn dạy buông bỏ cái gì?”

Phật nói: “Ta chẳng dạy ông buông bỏ cây bông đi. Ông phải buông bỏ ngoài sáu trần, trong sáu căn, giữa sáu thức, buông bỏ hết một lượt. Cái chõ không có gì để buông bỏ chính là chõ khỏi sanh tử của ông”.

Người Bà La Môn ngay nơi lời ngộ Vô Sanh Nhã.

Thiền sư Hoàng Long Duy Thanh được ấn tâm ở Tô Hối Đường, thường vì người nói: “Người học Đạo ngày nay chưa thoát khỏi sanh tử, bệnh ở tại chõ nào? Bệnh ở lòng trộm cắp chưa chết vậy. Nhưng đó không phải là tội của người ấy, mà là tội của ông thầy vậy. Như Hán Cao Đế dối gạt Hàn Tín mà giết đi thì Hàn Tín tuy chết mà tâm nào có chết? Người học Đạo đời xưa, ngay lời nói thoát sanh tử. Công hiện tại chõ nào? Vì lòng trộm cắp đã chết vậy. Nhưng chẳng phải người học tự có thể đâu, chính do ông thầy kèm kẹp đập phá kín nhiệm vậy. Như Lương Võ Đế ngụ tại sân chầu, thấy Hầu Cảnh chẳng động âm hơi, lòng Hầu Cảnh đã khô kiệt không còn gì cả vậy. Chõ nói của các phuơng, chẳng phải không đẹp đẽ nhưng nói cho cùng thì như Triệu Xương (39) vẽ hoa, hoa tuy giống thật nhưng chẳng phải là hoa thật!”

Đây đáng làm giới răn kẻ buôn bán Như Lai.

Kinh: “Anan, chúng sanh lục đạo trong thế giới như thế, tuy thân tâm không có sát, đạo, dâm ba hạnh đã tròn nhưng nếu có đại vọng ngữ thì Tam Ma Đè không được thanh tịnh, thành ma ái kiến, mất giống Như Lai. Đó là chưa được mà nói

được, chưa chứng nói là chứng. Hoặc câu sự tôn trọng tột bậc của thế gian, bảo người khác rằng “Tôi nay đã đắc quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, đạo A La Hán, thừa Bích Chi Phật, Tam Hiền hay Bồ Tát Thập Địa”, trông mong người kia lễ sám, tham sự cúng dường. Đó là những kẻ nhất-diên-ca, tự diệt giống Phật, như người lấy dao chặt cây Đa La; Phật nói người ấy mất hẳn căn lành, không còn chánh tri kiến, chìm trong ba biển khổ, chẳng thành tam muội.

“Ta bảo các hàng Bồ Tát và A La Hán, sau khi Ta diệt độ, Úng Thân sanh vào đời mạt pháp, mang đủ thứ hình, độ người chìm đắm. Hoặc làm Sa Môn, cư sĩ áo trắng, vua chúa, quan lại, đồng nam, đồng nữ như thế cho đến người dâm nữ, quả phụ, người gian dối, trộm cắp, người đồ tể, buôn bán, cùng họ đồng sự, khen ngợi Phật Thừa, khiến cho thân tâm họ vào Tam Ma Địa, nhưng rốt ráo chẳng tự nói ra tôi thật là Bồ Tát, thật là A La Hán, khinh xuất nói với người chưa học, làm tiết lậu mật nhân của Phật. Chỉ trừ ra đến lúc lâm chung, hoặc chẳng thầm có lời di chúc. Làm sao hạng người ấy có thể rồi gạt chúng sanh để thành đại vọng ngữ.

“Ông dạy người đời tu Tam Ma Đề, sau hết phải đoạn trừ các đại vọng ngữ, đó là lời dạy rõ ràng trong sạch, chớ quyết định thứ tư của Chư Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.

“Thế nên, Anan, nếu không đoạn dứt được đại vọng ngữ thì như khắc phân người làm ra hình cây Chiên Đà, muốn có hương thơm, thế nào có chuyện ấy. Ta dạy hàng Tỳ Kheo, trực tâm là đạo tràng, trong bốn oai nghi, tất cả hành vi, còn không

chút hư dối, huống sao tự xưng đắc pháp thượng nhân, ví như người hèn mọn tự xưng bệ là đế vương, tự chuốc lấy sự tru diệt. Huống là bậc Pháp Vương, làm sao đặt bệ hư vọng? Nhân địa chẳng chân, quả phải quanh co, thế mà cầu Phật Bồ Đề, như người cắn rốn, muốn thành tựu cái gì? Như các Tỳ Kheo, tâm như dây đàn thăng, mỗi mỗi chân thật mà vào tam ma địa, vĩnh viễn không có ma sự. Ta ấn chứng người ấy thành tựu Tri Giác Vô Thượng của Bồ Tát.

“Như Ta nói đây, gọi là lời Phật, chẳng như đây nói, tức là lời Ba Tuần”.

Thông rằng: Thân, Khẩu, Ý đầy đủ mười nghiệp. Thân nghiệp là dâm, sát, đạo. Ý nghiệp là tham, sân, si. Khẩu nghiệp là ác khẩu, lưỡng thiệt, ý ngữ, vọng ngữ. Thân tâm không có hành động sát, đạo, dâm có thể tin là không có ác khẩu, lưỡng thiệt, ý ngữ. Duy cái đại vọng ngữ dường là còn đấy. Vì sao thế? Trong không có tâm sát, đạo, dâm, ngoài không có việc sát, đạo, dâm, ba hạnh đã tròn, trong ngoài thanh tịnh, đời chẳng có nhiều. Nhưng xét theo Tối Thượng Thừa, chưa là kỳ lạ. Bởi căn si kia khó trừ, nên trong tam ma địa, vẫn còn ái kiến. Mới bèn nói láo, xung là đã chứng được Thập Địa, hay Tam Hiền là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, cho đến Bích Chi Phật, Bốn Thánh Quả. Ý đồ tham sự cúng dường, tức là ái ma. Cho là vào bậc Thánh, tức là kiến ma.

Ở trước nói là hầm ái kiến, là tâm vướng mắc nơi cảnh, mắt đurlòng Bồ Đề, là chẳng giãy sạch mầm mống vậy. Ở đây

nói về ma ái kiến, tâm kẹt nơi pháp, mắt giống Như Lai, là người giúp cho mầm giống lớn lên vậy. Người chẳng giãy sạch mầm giống mà hồi tâm hướng Đạo, còn được Bồ Đề. Người giúp mầm giống thêm lớn, chiếm ngôi đế xưng vương, tự ôm lấy sự tru diệt, nên cái hại thật là quá lầm. Nói rằng yếu chỉ, hiểu biết sai lầm mà cho là cực tắc, khiến cho chúng sanh chẳng còn biết có việc hướng thượng, nên làm tiêu mất hạt giống Phật. Chuyện đại vọng ngũ há không nên răn cấm ư? Như người trong quả vị, Ứng Thân hiển hóa còn chẳng dám coi thường tiết lậu mật nhân, tự nói ra chõ đắc.

Như Hòa Thượng Pháp Hoa Chí Ngôn (40), sắp hóa (tịch), gọi người nói: “Ta từ vô lượng kiếp đến nay, thành tựu qua nhiều quốc độ, phân thân xiển dương giáo hóa, nay trở về Nam!”

Nói xong, nǎm nghiêng bên phải mà tịch.

Ông Tập Tiên Vương Chất hỏi Tô Pháp Hoa: “Như sao là ý Tô Sư từ Tây sang?”

Tô nói:

*“Trong bóng núi xanh suối lam khởi
Tháp báu cao ngâm lay gió mai”.*

Lại nói: “Mời thầy Pháp Hoa đốt hương”.

Tô nói: “Chưa từ trai-giới kiêm. Chẳng hướng phía Phật cầu”.

Hoặc hỏi: “Sư là phàm ư, là Thánh ư?”

Bèn dở tay lên, nói rằng: “Tôi chẳng trụ trong ấy”.

Xem người ở trong quả vị, lời lẽ riêng khác, nào làm chuyện đối vong.

Nhà sư hỏi Tô Dược Sơn: “Như sao là cái rất báu trong Đạo?”

Tô Sơn nói: “Chẳng cong nịnh”.

Hỏi: “Khi chẳng cong nịnh thì sao?”

Tô Sơn nói: “Nghiêng nước (quốc) chẳng đổi”.

Đức Tịnh Danh nói rằng: “Trực tâm là đạo tràng, vì không hư giả”.

Tâm như dây đàn thăng tắp, mỗi mỗi chân thật, thì không chỉ vĩnh viễn không có ma sự, mà đối với Tri Giác Vô Thượng cũng như thế thành tựu. Giới đại vọng ngữ này sau khi ba hạnh đã tròn, thâu nghiệp nó ắt thành Tri Giác Vô Thượng, còn chẳng giữ ắt chìm ba biển khổ. Giới này duyên với thân tâm trong sạch thì sức mạnh cực lớn. Một niệm chẳng giới thì sự trong sạch của thân tâm chẳng còn thiện dụng, mà là ác dụng, cái ác ấy là muôn khán người vậy. Nên sự giới cấm càng phải nghiêm mật.

Trước đã nói “Nhiếp tâm là Giới, nhân Giới sanh Định, nhân Định phát Huệ, đó là ba Vô Lậu Học”. Bây giờ chỉ nói rõ ràng bốn cấm giới, mà chẳng nói đến định, huệ. Sao thế? Ngay trong giới thì định huệ đã tự sẵn, vốn là một thể, vốn không có thứ lớp trước sau.

Như nói rằng “Ông dạy người đời tu Tam Ma Đè”, thì nào không từng lấy định huệ làm gốc. Đến chõ nói, “Phật án chứng người áy thật được Tam Muội”, thì đó là bằng chứng rõ ràng của sự “Nhân giới sanh định” vậy.

Lại nói rằng “Ta án chứng người áy thành tựu Tri Giác Vô Thượng của Bồ Tát” thì đó là bằng chứng rõ ràng “Nhân định phát huệ” vậy. Cho nên ngay nơi giới là định huệ tự tại, chẳng phải riêng cầu cái gọi là định huệ vậy.

Ba Vô Lậu Học này chỉ bậc A La Hán chứng được. Người chứng Đạo này là Giết giặc, là Vô Sanh, là Ứng Cúng, là làm Ma sợ, không đủ nói hết.

Ba Tuần là tên của Vua Ma, đây nói là kẻ ác.

PHỤ LỤC

Kinh Lăng Nghiêm, quyển VI, nói rằng “Tù Văn, Tư, Tu vào Tam Ma Địa. Ban đầu ở trong cái Nghe, vào dòng măt Sở. Chỗ vào đã lặng, hai tưống động tĩnh rõ ràng chẳng sanh. Như thế tăng dần, cái nghe và chỗ nghe hết, cũng không trụ vào cái hết nghe này, thì cái giác và chỗ giác đều không. Cái *không giác* cùng tột tròn vẹn, thì *năng không* và *sở không* đều diệt. Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền”.

Đây là cửa vào Đạo của Bồ Tát Quán Thế Âm, lý rất tinh thâm, ngôn ngữ luận bàn chẳng tới nỗi.

Tôi tình cờ cùng pháp sư Càn đàm luận, thấy có ý vị, nhân thuật ra đây.

Chỗ nói rằng “*Tù Văn, Tư, Tu mà vào Tam Ma Địa*” là nói từ việc “*Xoay lại cái Nghe*” mà suy xét (Tư); từ *xoay lại cái nghe* mà Tu. Tức từ *xoay lại cái nghe* mà thể nhập, cho đến địa Chánh Định chẳng sanh chẳng diệt. Tam Ma Địa này vốn không động lay, lặng trong thường tịch. Chỉ vì cảm theo thanh trần, nên cái căn nghe dính che tánh trong lặng mà khởi ra, cho đến nghe tiếng rồi đuổi theo tiếng, trôi lăn mà quên trở lại, cách lìa hẳn với Tam Ma Địa rồi vậy.

Như chỉ từ Văn, Tư, Tu mà vào, thì tánh nghe tức là Lý, Tư là Trí, Tu là Hạnh. Ba đức Lý, Trí, Hạnh viên dung, cùng đến một lúc. Cho nên, hễ xoay lại cái nghe thì Tư (suy xét) đã ở trong ấy rồi; hễ xoay lại cái nghe thì Tu đã ở trong ấy rồi.

Cái thánh huệ Tư, Tu từ chõ xoay lại cái nghe mà sanh, bước bước về Chân, địa địa tăng tiến, như văn đoạn sau nói rõ, đó là thứ tự vào Tam Ma Địa.

Ban đầu, ở trong cái nghe, ngược dòng mà xuôi vào: chǎng vào thanh trần mà vào dòng Thánh, tức cùng Tự Tánh nương nhau, ngoài mắt đi cái sở.

Phàm cảm nhận thanh trần hǎn phải có cái sở, nay tuy mắt cái sở, còn chưa vǎng lặng được. Đang khi tiếng động, thì thấy có tướng động mà muốn cho mắt đi. Đang khi tiếng im lặng thì thấy có tướng tĩnh mà muốn theo trụ vào. Hai tướng động tĩnh rõ ràng nên chưa có thể vǎng lặng. Tuy từ chõ mắt đi cái sở mà nhập vào cho đến chõ tịch nhiên, mà cái động tự nó động, ta chǎng biết cái động ấy, thì tướng động nào có tự sanh? Cái tĩnh ấy là tự tĩnh, ta chǎng biết cái tĩnh, thì tướng tĩnh nào tự có sanh? Mắt cái sở đến cùng cực, thì không chỉ tướng động bất khả đắc, mà tướng tĩnh cũng bất khả đắc vậy.

Hai tướng động tĩnh đó là chõ duyên ra của cái căn nghe, nên là cái cảnh sở văn. Hai tướng chǎng sanh, rõ ràng sáng tỏ, đó cũng là cái căn năng văn. Mắt cái sở văn thì dễ, mà mắt cái năng văn thì khó. Như thế tăng dần, đi tới chǎng ngừng, đã mắt cái sở, lại mắt cái năng, thì cả sở văn và năng văn đều hết sạch. Sở văn (chõ nghe) là thanh trần. Từ chõ mắt cái sở lần lần cho đến khi sở văn hết, rốt không có gì để nghe nữa, át thanh trần tiêu mất vậy. Năng văn là cái căn nghe. Từ vào dòng lần lần cho đến chõ năng văn hết, rốt không còn cái nghe át căn nghe tiêu mất. Căn, trần đều mất, quay về chõ dứt tận.

Có tướng hết để được, tức là *chấp không*. Nếu trụ nơi không, thì tuy được sở giác không mà chưa được năng giác không vậy. Nay ngoài hết sạch các trần, trong hết sạch căn nghe, như vậy chõ hết nghe cũng không trụ bám, thì không chỉ sở giác không mà năng giác cũng không.

Sở giác không, là nhân vô ngã. Năng giác không, là pháp vô ngã. Chứng Nhân vô ngã dễ, chứng Pháp vô ngã khó. Phải lấy cái Chân Không Đại Thừa mà *không* thì năng giác mới không. Có cái *không* để không cái Giác, thì cái không chưa được toàn vẹn. Có cái Giác để giác cái không thì cái Giác chưa được viên dung. Độc chỉ lấy cái Không mà không cái Giác, cùng quên đi cái Không, lấy cái Giác mà giác cái Không, cùng quên đi cái Giác mới có thể gọi là Viên Dung vậy.

Nhưng như vậy còn chưa cùng cực. Cùng cực thì Không tức là Giác, cầu tướng Không chẳng thể có. Giác tức là Không, cầu tướng Giác chẳng thể có. Đó là Giác mà không có giác, Không mà không có không, nên mới là toàn vẹn rốt ráo. Độc chỉ Giác cùng cực tròn đầy, nên không có tướng giác để đắc, thì cái sở không diệt. Độc chỉ Không cùng cực, tròn đầy, nên không có tướng không để đắc, thì cái năng không cũng diệt. Sở không diệt, đó là pháp không. Năng không diệt, đó là không không. Năng không, sở không đều chẳng sanh, mới gọi là “*Sanh diệt đã diệt*” vậy.

Còn tiếng thì có tiếng sanh, tiếng diệt. Còn cái nghe thì có cái nghe sanh, cái nghe diệt. Còn cái Giác thì có cái Giác sanh, cái Giác diệt. Còn cái Không, thì có cái Không sanh, cái

Không diệt. Đều là chưa lìa sanh diệt. Nay nhân không, pháp không, mà lại không không, phàm các thứ thuộc về sanh diệt đều đã diệt hết. Đó là chẳng sanh, chẳng diệt, một tánh Chân Như hiện bày trước mắt. Ôi, một tánh Chân Như sở dĩ chẳng hiện tiền, đều là do các pháp sanh diệt che khuất. Nay một mảy tơ sạch ráo, Chân Thể lộ bày, vốn tự tịch nhiên, vốn không có diệt, chẳng phải diệt dứt rồi sau mới diệt, nên gọi là Tịch Diệt.

Cái tánh tịch diệt này tùy chỗ hiển bày, chẳng cầu lìa tiếng mà tiếng tăm tự tịch diệt, chẳng cầu lìa nghe mà cái nghe tự tịch diệt, chẳng cầu lìa giác mà giác tự tịch diệt, chẳng cầu lìa Không mà Không tự tịch diệt. Tịch diệt hiện tiền, chỗ nào chẳng Không ư?

Tam Ma Địa này, tức Đại Định Thủ Lăng Nghiêm, nên pháp môn Phản Văn, Xoay Lại Cái Nghe, là cương lĩnh bộ kinh này.

Đã được tịch diệt hiện tiền, phát khởi từ bi diệu dụng, thì há có pháp nào khác để độ người ư? Đời có người chưa được nhân không thì nói nhân không để độ. Đời có người chưa được pháp không thì nói pháp không để độ. Đời có người chưa được không không thì nói không không để độ. Cần yếu là về chỗ tịch diệt hiện tiền mà thôi vậy.

Đây là Nhất Tâm của Phật Phật, chẳng phải riêng gì Đức Quan Âm!

Chứng Đạo Ca của Ngài Vĩnh Gia nói:

*“Tâm là căn, pháp là trần
 Cả hai như dấu vết trên gương
 Vết nhớ hết sạch, quang bày hiện
 Tâm pháp đều vong, Tánh túc Chân”.*

Đại ý là vậy.

Chú thích q6

- 01 Soi chiếu.
- 02 Nhân Không, Pháp Không, Không Không.
- 03 Lặng yên.
- 04 Tiếng của cái trông độc hay giết người. Kinh Niết Bàn nói: Âm Thanh thường trụ của Phật Tánh hay giết hại tội ngù nghịch, thập ác của chúng sanh.
- 05 Hữu vi.
- 06 Hoàng Long.
- 07 Tự xung.
- 08 Tứ Đại Châu.
- 09 Yên.
- 10 Tồ Mã đại sư có bệnh.
 Viện chủ hỏi rằng: “Ngày nay tôn hầu như thế nào?”
 Mã đại sư đáp: “Mặt trời Phật, mặt trăng Phật”.
- 11 Chẳng Phải Trời.
- 12 Không Rượu.
- 13 Nghiệp thông, y thông: thần thông từ nghiệp, thần thông có nương dựa.
- 14 Vua Rồng.
- 15 Trăn lớn.

- 16 Vẹn suốt.
- 17 Trọn Suốt.
- 18 Con gái Đức Duy Ma Cật.
- 19 Bay lên hư không.
- 20 Phẩm Phổ Môn Kinh Pháp Hoa.
- 21 Tô hương: hương làm sống lại.
- 22 Tượng: voi.
- 23 Tây lai: Ý chỉ của Tổ Đạt Ma từ phương Tây lai.
- 24 Tròn vẹn suốt biết.
- 25 Y Tha Khởi Tánh và Biến Kế Sở Chấp Tánh.
- 26 Chuông nhỏ.
- 27 Ca ngợi.
- 28 Phi Lai Phong, tên riêng.
- 29 Tiện thị.
- 30 Ăn Độ, để chỉ dòng Phật.
- 31 Thường niệm kinh Pháp Hoa.
- 32 Thiền sư Nham Đầu Toàn Khoát.
- 33 Thói nhà.
- 34 Hành trong loài khác.
- 35 Trái bầu.
- 36 Tác gia.
- 37 Đức Phật nhận lời thỉnh cầu của Vua Bà La Môn A Kì Đạt, an cư nhập Hạ trong nước này. Trong ba tháng Phật và năm trăm đệ tử cùng nhau ăn cơm lúa ngựa. Đây là một trong thập nạn của Phật.
- 38 Bà La Môn xứ này gọi là Tịnh Duệ, nòi giống trong sạch.
- 39 Người xứ Kiến Nam, đời Tống, thiện nghệ về nghề vẽ bông, trái, cỏ cây, bướm, ong... sắc màu, nét vẽ trông y như

thật.

40 Tố Thứ Sáu trong phái Thiên Thái ở Đông Đô, hiệu Trí Oai thiền sư. Lập thiền lâm ở Thai Châu, Phố Thông Sơn nơi có tên Pháp Hoa, kẻ học thiền có 300 người, kẻ nghe giảng có 700 người. Do đó gọi hiệu là Pháp Hoa tôn giả.

Quyển 7

CHƯƠNG III: PHẬT KHAI THỊ VỀ MẬT GIÁO

Kinh: “Anan! Ông hỏi về nghiệp tâm, Ta nay đã nói: “Để vào Tam Ma Địa tu học pháp môn nhiệm mầu, cầu Đạo Bồ Đề, trước hết phải giữ bốn thứ Luật Nghi này trong trắng như sương tuyết, tự không còn sanh mảy mún cành lá. Ba cái của tâm, bốn cái của miệng không có nhân để sanh ra.

“Anan, nếu chẳng sai mắt bốn Luật Nghi đó thì tâm còn chẳng duyên theo sắc, hương, vị, xúc, cả thảy ma sự làm sao phát sanh? Nếu có tập khí cũ không thể diệt trừ, ông dạy người đó nhất tâm trì tụng Thần Chú Vô Thượng Phật Đảnh Quang Minh “Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra” của Ta. Đây là Tâm Chú Như Lai Vô Kiến Đảnh Tướng, Phật Tâm vô vi, từ đảnh phát huy, ngồi đài sen báu mà tuyên thuyết ra.

“Như ông đời trước cùng Cô Ma Đặng Già nhân duyên nhiều kiếp, tập khí ân ái chẳng phải một đời hay một kiếp, song Ta một phen tuyên dương Thần Chú thì vĩnh viễn thoát khỏi lòng yêu, thành A La Hán. Nàng kia còn là dâm nữ, không tâm tu hành, chỉ nhờ thần lực của Chú ngầm giúp mà thành liền quả Vô Học, huống gì các ông, những hàng Thanh Văn trong hội, cầu Tối Thượng Thừa, quyết định thành Phật, ví như tung bụi vào gió thuận, nào khó khăn gì.

“Nếu ở đời mạt thế, có người muốn ngồi đạo tràng tu hành, trước hãy giữ Cấm Giới Tỳ Kheo trong sạch. Cần phải chọn lựa vị Sa Môn Giới Hạnh trong sạch bậc nhất làm thầy.

Nếu chẳng gặp được vị tăng chân thật thanh tịnh thì Giới Luật Nghi của người tu tất không thành tựu.

“Sau khi Giới được thành tựu, mặc áo mới, sạch, đốt hương, ở chỗ vắng mà trì tụng Thần Chú nói ra từ Tâm Phật này, một trăm lẻ tám biến. Sau đó kiết giới, dựng lập đạo tràng, cầu xin chư Vô Thượng Như Lai mười phương hiện trụ các quốc độ phóng quang Đại Bi đến rọi đỉnh đầu.

“Anan, những hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni hay hàng cư sĩ, thí chủ trong sạch như thế, vào đời mạt thế, tâm dứt tham dâm, giữ tịnh giới Phật, ở trong đạo tràng, phát nguyện Bồ Đề, ra vào tắm rửa, sáu thời hành đạo, không lo ngủ nghỉ, như thế trải qua ba lần bảy ngày, Ta tự hiện thân đến trước người ấy, xoa đỉnh an ủi, khiến nén khai ngộ”.

Thông rằng: Hiện nghiệp dễ chế phục, vì tự mình có thể làm trái ngược với nó. Nghiệp xưa khó trừ dứt, phải mượn thần lực nên nói Thần Chú có thể phá trừ tập khí đời trước. Tập khí như bụi, thần chú như gió. Thuận gió mà tung bụi thì tan rã dễ dàng. Ấy là do thần lực thầm trợ giúp, chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Lấy cái Phật Huệ chẳng thể nghĩ bàn để tiêu tan cái vô minh chẳng thể nghĩ bàn, như thế cầu Tối Thượng Thừa quyết định phải thành tựu. Chú này hầu như siêu xuất giới định huệ mà làm một nhánh riêng, nhưng nếu giới định huệ chẳng tinh nghiêm thì không thể được linh ứng. Do đó, kinh nói “Nếu chẳng gặp được vị tăng chân thật thanh tịnh thì Giới Luật Nghi của người tu tất không thành tựu”. Lại nói “Không lo ngủ

nghỉ, như thế trải qua hai mươi mốt ngày, Ta tự hiện thân, khiến nêu khai ngộ”. Đó gọi là “Suy xét đi, suy xét đi, suy xét nữa đi! Suy xét đến chõ chǎng được thì quỷ thần cùng thông vậy”. Phật vốn là Không, tâm tịnh mà có. Nước trong trăng hiện, lý ấy hǎn nhiên. Định Huệ cùng cực, thì tiếp thông với khí phần chư Phật, há chǎng hiện hình an ủi hay sao? Nếu thấy tướng ấy, chỉ quán Không Tịch: nếu là Phật thì rõ ràng tự tại; nếu là ma thì diệt mất. Người tu tập thiền định phải biết điều này.

Thiền sư Vĩnh Minh Thọ tu Sám Hối Pháp Hoa ở chùa Quốc Thanh, ban đêm thấy một vị thần cầm kích đi vào, Ngài quở rằng: “Sao được tự ý vào đây?”

Đáp rằng: “Chứa nghiệp lành đã lâu, mới vào được trong này”.

Nửa đêm, Ngài đi quanh thánh tượng, thấy Đức Phổ Hiền ở trước, tay cầm hoa sen.

Ngài lại ở đỉnh Kim Hoa Đại Trụ, tụng kinh ba năm, trong lúc thiền quán thấy Đức Quan Âm rót nước cam lồ vào miệng, bèn được biện tài. Từ đó viết bộ Tông Cảnh Lục và Vạn Thiện Đồng Quy lưu hành ở đời.

Thiền sư Minh Giáo Tung ban đêm đầu đội tượng Quan Âm mà niệm danh hiệu, đầy đủ mười vạn lần nghỉ. Ngài cũng thấy Đức Quan Âm rưới nước cam lồ cho. Từ đó, bao nhiêu kinh sách thế gian chǎng học mà hiểu. Ngài có viết Thiền Môn Định Tô Đồ, Truyền Pháp Chánh Tông Ký và

Nguyên Giáo Luận. Vua Tống Nhân Tông than khen, chiếu lệnh chép vào Đại Tạng Kinh.

Đây là những chứng nghiệm rõ ràng của việc “*Xoa đầu an ủi, khiến nén khai ngộ*” vậy.

I. KHAI THỊ ĐẠO TRÀNG TU CHỨNG

Kinh: Ông Anan bạch Phật: “Thưa Thế Tôn, tôi nhờ lời dạy bảo từ bi vô thượng của Như Lai, tâm tự khai ngộ, tự biết tu chứng, thành Đạo Vô Học. Còn người tu hành đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, thế nào mà kiết giới cho hợp với pháp tắc trong sạch của Chư Phật Thế Tôn?”

Phật dạy Ông Anan: “Người đời mạt pháp, nguyện lập đạo tràng, trước hết kiểm con trâu trắng sức mạnh ở núi Tuyết Sơn, sống bằng cỏ thơm non mướt, loài trâu trắng này chỉ uống nước trong của núi Tuyết Sơn, phân rất nhuyễn mịn. Nên lấy phân đó hòa trộn với bột hương chiên đàm để tráng nền đất. Nếu không phải là loài trâu trắng ở Tuyết Sơn thì phân hôi bẩn, không thể tráng nền. Riêng ở đồng bằng, có thể đào bỏ lớp đất trên mặt, lấy đất sét vàng từ năm thước trở xuống rồi hòa trộn với hương chiên đàm, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, can tùng và kê thiệt. Mười thứ ấy rây nghiền thành bột, trộn với đất sét để làm nền đàm tràng, mỗi bè một trượng sáu, thành cái đàm bát giác.

“Trung tâm đàm, đặt để một hoa sen bằng vàng, bạc, đồng, gỗ. Giữa hoa đặt một cái bát, trong bát đựng nước sương móc tháng Tám. Trong nước tùy ý để các hoa lá hiện có. Lấy tám cái gương tròn, mỗi cái để theo mỗi hướng, chung quanh cái

bát hoa. Bên ngoài gương, dựng lập mười sáu hoa sen, mười sáu lư hương, giữa chúng bày hoa. Các lư hương đều trang nghiêm, đốt thuần bằng trầm thủy, không cho thấy lửa.

“Lấy sữa trâu trắng để trong mười sáu đồ chúa. Lấy sữa làm bánh với đường cát, bánh rán, váng sữa, tô hợp, mật gừng, thuần kem, thuần mật, mỗi thứ mười sáu cái đặt quanh ngoài hoa sen để cùng dâng Chư Phật và các Đại Bồ Tát. Mỗi giờ ăn cơm và lúc nửa đêm dùng nửa thăng mật hòa với thăng rưỡi váng sữa (bo).

“Trước đàn để riêng một lò lửa nhỏ, lấy hương Đâu Lâu Bà (01) nấu lấy nước thơm mà rửa than, đốt cho cháy hừng, rót mật bồ vào, đốt cho hết khói, cúng dường Phật và Bồ Tát.

“Ở bốn phía ngoài, treo khắp phan, hoa; ở trong nhà đàn, bốn vách chung bày các hình tượng của mười phương Như Lai và các vị Bồ Tát. Chính giữa để tượng Phật Lô Xá Na, Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật A Súc, Phật A Di Đà; hai bên đặt tượng Đức Quan Âm Đại Biến Hóa và Kim Cang Tạng Bồ Tát. Hai bên cửa để hình tượng Đế Thích, Phạm Vương, Ô Sô Sắt Ma, Lam Địa Ca, Quân Trà Lợi, Tỳ Câu Chi, bốn vị Thiên Vương, Tân Na Dạ Ca...

“Lại dùng tám cái gương treo úp giữa hư không, đối chiếu với tám gương trước trong đàn tràng, khiến cho hình ảnh lồng nhau nhiều lớp.

“Trong bảy ngày đầu, chí thành đánh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, Chư Đại Bồ Tát, Chư A La Hán. Thường

trong sáu thời đi quanh đàn tụng chú, hết lòng hành đạo, mỗi thời trì một trăm lẻ tám biến.

“Trong bảy ngày thứ hai, một mặt chuyên tâm phát nguyện Bồ Tát, tâm không gián đoạn. Trong luật tang của Ta đã có chỉ dạy về nguyện.

“Trong bảy ngày thứ ba, trong cả mười hai thời, một bè trì chú Bát Đát Ra của Phật. Cho đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai nhất thời xuất hiện chỗ ánh sáng của gương giao nhau, được Phật xoa đánh; bèn ở nơi đạo tràng tu Tam Ma Địa, có thể khiến cho hạng tu học đời mạt thế thân tâm sáng sạch như ngọc lưu ly.

“Anan, nếu vị Giới Sư mà vị Tỳ Kheo thọ giới hay một trong mười vị Giới Sư chứng minh không được thanh tịnh thì những đạo tràng đó phần nhiều chẳng được thành tựu.

“Sau hai mươi một ngày, ngồi nghiêm chỉnh an cư. Trải qua một trăm ngày, những người có lợi căn không rời khỏi chỗ ngồi mà đắc quả Tu Đà Hoàn. Đầu cho thân tâm thánh quả chưa thành, vẫn quyết định tự biết thành Phật không sai lầm.

“Ông hỏi về đạo tràng, kiến lập như thế”.

Thông rằng: Kiến lập đạo tràng cốt ở tinh khiết, ngoài thi trọng vẹn nghi thức, trong thì hết sức thành. Được vậy thì trong ngoài là một, tâm cảnh không hai. Các nhà giải thích mỗi mỗi miễn cưỡng so sánh, hoặc Tín hoặc Trí, hoặc Đức hoặc Hạnh. Nếu như vậy thì chỉ giữ đạo tràng tịch diệt là đủ rồi, cần gì kiến lập đạo tràng ư?

Duy mươi thứ hương, mỗi thứ đều có nghĩa. Bạch Giao Hương hay trừ ác khí, trị ghẻ ban nên tương tự với Giới Hương trừ những bất thiện của Thân. Thanh Mộc Hương hay đánh thức ma ngủ nên tương tự với Tinh Tấn Hương xa lìa ngủ nghỉ. Huân Lục hay dứt đau nên tương tự với Định Hương hay trì giữ. Tô Hợp sát quý, trừ tà nên tương tự với Nhẫn Hương chế ngự ma quý. Linh Lăng hay giữ mắt sáng nên tương tự với Huệ Hương làm sáng suốt. Chiên Đàn hay thơm xa nên tương tự với Bồ Thí Hương. Cam Tùng hay hòa hợp các hương nên tương tự với Giải Thoát Hương hay hòa hợp các công đức. Uất Kim hay trừ độc, đuối tà nên tương tự với Pháp Hương diệt ám, phá chấp. Kê Thiệt hay khiến thân thể người ta thơm nên tương tự với Giải Thoát Tri Kiến Hương hay dùng tất cả phương tiện vào khắp các cảnh giới. Trầm Thủy thì như Bồ Đề Hương cùng tột vực thẩm của pháp vậy.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Khi Phật tử thoa hương thì nguyện cho mươi thứ hương Ba La Mật xông khắp*”, là gốc ở chỗ này vậy. Chư Phật, Bồ Tát chưa hẳn đã hưởng sự cúng dường này, mà muốn khiến cho người tu hành phước huệ đều đầy đủ. Như Phật nhận sự cúng dường sau cùng của Ông Thuần Đà. Phật thọ thực vào giữa trưa nên lấy nửa đêm so định giữa trưa. Hoặc gọi nửa đêm khoảng giữa giờ Hợi và giờ Tý, lúc áy nhất dương mới động, chẳng lìa Bồn Tánh, cũng như Tam Ma Địa, hai bên không chỗ bám níu, đó là Trung Đạo, do đó nên cúng Phật.

Đến ngày thứ hai mươi mốt, ở chỗ ánh sáng của gương giao nhau, được Phật xoa đánh, tức là cảnh giới Lý Sự vô ngại

vậy. Người tu hành đến địa vị Quán Đánh thì Phật dùng hào quang nghiệp thọ. Biên giới của Giác giao nhập, ánh sáng chiếu soi nhau, nên lấy ví dụ “*Chỗ ánh sáng của gương giao nhau*” rất là xác đáng. Cho nên người đắc quả, bên trong sự chói sáng phát ra, thân tâm sáng sạch như ngọc lưu ly, tánh trí sáng khắp suốt thông với Phật Huệ. Đây là bằng cớ rất hiệu nghiệm của sức thần chú vậy.

Dẫu chưa đắc quả vẫn quyết định tự biết thành Phật không sai lầm vì rằng ngồi nghiêm chỉnh an cư, tiêu trừ trần cầu cũng thoáng thấy được cái tâm thể tròn đầy sáng suốt, cùng Phật không hai. Chỉ vì tập khí đồi trước buộc ràng, nên chưa dễ thoát thoát, nhưng trải qua tháng, năm chưa có ai là chẳng thành.

Luật Sư Linh Chi tạo lại Giới Đàn Ngũ Đài ở Minh Châu. Khi đàn thành rồi, có một ông lão thần khí siêu phàm, mày râu trắng phau, tiến đến thưa rằng: “Đệ tử có ba hạt minh châu xin dâng để mừng Giới Đàn thành tựu”. Nói xong biến mất. Ngài cho để minh châu ở chính giữa đàn thì hạt châu càng sáng. Sau đó, vị đàn chủ mời mười vị sư để mở giới pháp. Sau ba ngày, vào lúc nửa đêm, có một nhà sư đang đàm bỗng thấy hào quang hạt châu tỏ suốt ra ngoài, bên trong hiện hình Thiện Tài Đồng Tử. Nhà sư kinh ngạc hô hoán, mọi người dậy thấy vậy đều vây quanh làm lễ. Mỗi đêm tăng chúng càng thành khẩn lễ bái. Nơi hạt châu khi thì hiện Phật sắc vàng, hoặc Quan Âm sáu tay, hoặc trúc tía, hoặc liễu xanh, hoặc cây, đá lạ kỳ, hoặc chim Ca Lăng Tân Già bay múa trái, phải, hoặc nguyệt cái,

hoặc Long Thần dâng châu... thần biến nhiều thứ. Ai thấy nghe cũng bảo hy hữu.

Tuy thế, cùng tột trong sạch, tâm như tâm Phật thì phóng quang hiện diềm lành cũng là việc bình thường vậy.

II. TUYÊN THUYẾT THẦN CHÚ

Kinh: Ông Anan đánh lễ chân Phật, bạch rằng: “Từ khi xuất gia, tôi ỷ lại sự thương yêu của Phật, vì cầu sự đa văn nên chưa chứng vô vi. Gặp sự trói buộc của tà thuật Phạm Thiên, tâm tuy sáng suốt mà sức chẳng tự do. Nhờ gặp Ngài Văn Thủ khiến tôi được giải thoát. Tuy nhờ Phật Đánh Thần Chú Như Lai âm thầm giúp sức, nhưng chính mình chưa được nghe. Mong Bậc Đại Từ tuyên thuyết trở lại, thương xót cứu giúp cho những người tu hành trong hội này cho đến những người còn trong luân hồi ở đời sau nhờ mật âm Phật mà thân ý giải thoát”.

Khi ấy, hết thảy đại chúng trong hội đều làm lễ, chờ nghe chương cú bí mật của Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn từ đánh phóng ra hào quang trầm báu, trong hào quang phóng ra hoa sen báu ngàn cánh, có Hóa Thân Như Lai ngồi trong hoa sen, đánh phóng mười đạo hào quang trầm báu, mỗi mỗi hào quang đều thị hiện khắp mười hằng hà sa Kim Cang Mật Tích đỗ núi, cầm xử khắp cõi hư không. Đại chúng ngược trông, sợ mừng hòa lẫn, xin Phật thương che, nhất tâm lắng nghe Như Lai Vô Kiến Đánh Tướng phóng quang tuyên thuyết thần chú:

ĐỆ NHẤT HỘI:

“Nam mô tát đát tha tô già đà da a ra ha đé tam miêu tam bồ đà tỏa. Tát đát tha Phật đà cu tri sắc ni sam.

Nam mô tát bà bột đà bột địa, tát đà bệ tê.

Nam mô tát đà nǎm tam miêu tam bồ đà cu tri nǎm. Ta xá ra bà ca tăng già nǎm.

Nam mô lô kê a la hán đà nǎm.

Nam mô tô lô đà ba đà nǎm.

Nam mô ta yết rị đà già di nǎm.

Nam mô lô kê tam miêu già đà nǎm. Tam miêu già ba ra đé ba đà na nǎm.

Nam mô đè bà ly sắc nỏa.

Nam mô tất đà da tỳ địa da đà ra ly sắt nỏa. Xá ba nỏa yết ra ha ta ha ta ra ma tha nǎm.

Nam mô bạt ra ha ma ni.

Nam mô nhơn đà ra da.

Nam mô bà già bà đế, lô đà ra da. Ô ma bát đế, ta hê dạ đà.

Nam mô bà già bà đế.

Na ra dả noa da, Bàn giá ma ha tam mộ đà ra.

Nam mô tất yết rị đà da.

Nam mô bà già bà đế, ma ha ca ra da. Địa rị bát lặc na già ra. Tỳ đà ra ba noa ca ra da. A địa mục đế. Thi ma xá na nê bà tất nê. Ma đát rị già noa.

Nam mô tất yết rị đà da.

Nam mô bà già bà đế. Đa tha già da cu ra da.

Nam mô bát đầu ma cu ra da.

Nam mô bạt xà ra cu ra da.

Nam mô ma ni cu ra da.

Nam mô già xà cu ra gia.

Nam mô bà già bà đế, đế rị trà du ra tây na, ba ra ha ra noa ra xà dà, đà tha già đà da.

Nam mô bà già bà đế.

Nam mô a di đà bà da, đà tha dà đà da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, a sô bệ da, đà tha già đà da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, bệ sa xà da cu lô phê trụ rị da, bát ra bà ra xà da, đà tha già đà da.

Nam mô bà già bà đế, tam bồ sư bí đà, tát lân nại ra lặc xà da, đà tha dà đà da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, xá kê dã mẫu na duệ, đà tha dà đà da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đé, lặc đác na kê đô ra xà da, đa tha đà
đa da, a ra ha đé, tam miêu tam bồ đà da, đé biều nam mô tát
yết rị đa, é đàm bà già bà đa, tát đát tha già đô sắc ni sam, Tát
đác đa bắc đác lam.

Nam mô a bà ra thị đam, bắc ra đé dương kỳ ra, tát ra bà
bộ đa yết ra ha, ni yết ra ha yết ca ra ha ni, bạt ra bí địa da sắt
đà nể, a ca ra mật rị trụ, bắc rị đát ra da nành yết rị, tát ra bà
bàn đà na mục xoa ni, tát ra bà đột sắc tra đột tát pháp bát na
nể phạt ra ni, giả đô ra thát đé nãm, yết ra ha ta tát ra nhã xà, tỳ
đa băng ta na yết rị, a sắc tra băng xá đé nãm, na soa sát đác ra
nhã xà, ba ra tát đà na yết rị, a sắc tra nãm, ma ha yết ra ha nhã
xà, tỳ đa băng tát na yết rị, tát bà xá đô lô nể bà ra nhã xà, hô
lam đột tát pháp nan giá na xá ni, bí sa xá tát đác rã, a kiết ni ô
đà ca ra nhã xà, a bát ra thị đa cu ra, ma ha bắc ra chiến trì, ma
ha điệp đa, ma ha đé xà, ma ha thuế đà xà bà ra, ma ha bạt ra
bàn đà ra bà tát nể, a rị da đa ra, tỳ rị cu tri, thệ bà tỳ xà da, bắc
xà ra ma lẽ đê, tỳ xá lô đa, bột đằng dõng ca, bạt xà ra ché hắt
na a giá, ma ha ché bà bắc ra chất đa, bắc xà ra thiện trì, tỳ xá
ra giá, phiến đà xá bệ đè bà bổ thị đa, tô ma lô ba, ma ha thuế
đa, a rị da đa ra, ma ha bà ra a bắc ra, bạt xà ra thương yết ra
ché bà, bạt xà ra cu ma rị, cu lam đà rị, bạt xà ra hắc tát đà giá
tỳ địa gia kiền giá na ma rị ca, khuất tô mẫu bà yết ra đá na, bệ
lô giá na cu rị da, dạ ra thô sắt ni sam, tỳ chiết lam bà ma ni
giá, bạt xà ra ca na ca ba ra bà, lô xà na bạt xà ra đốn tri giá,
thuế đà giá ca ma ra sát xa thi ba ra bà, é đé di đé, mẫu đà ra
yết noa, ta bệ ra sám, quật phạm đô, ấn thô na mạ mạ tỏa.

ĐỆ NHỊ HỘI:

Ô hồng, rị sắc yết noa, bác lặc xá tất đà, tát đát tha già đô
 sắc ni sam. Hổ hồng, đô lô ung chiêm bà na. Hổ hồng, đô lô
 ung tất đam bà na. Hổ hồng, đô lô ung ba ra sắc địa da tam bác
 xá noa yết ra. Hổ hồng, đô lô ung, tát bà được xoa hắc ra sát ta,
 yết ra ha nhã xà, tỳ đằng băng tát na yết ra. Hổ hồng, đô lô
 ung, giả đô ra thi đẻ nãm, yết ra ha, ta ha tát ra nãm, tỳ đằng
 băng tát na ra. Hổ hồng, đô lô ung, ra xoa, bà già phạm tát đát
 tha già đô sắc ni sam, ba ra điểm xà kiết rị, ma ha ta ha tát ra,
 bột thọ ta ha tát ra thất rị sa, cu tri ta ha tát nê đé lệ, a tệ đè thị
 bà rị đà, tra tra anh ca ma ha bụt xà lô đà ra, đé rị bồ bà na,
 man trà ra, ô hồng, ta tất đé bạc bà đô, mạ mạ ấn thố na mạ
 tòa.

ĐỆ TAM HỘI:

Ra xà bà dạ, chủ ra bạc dạ, a kỳ ni bà dạ, ô đà ca bà dạ, tỳ
 xa bà dạ, xá tát đà ra bà dạ, bà ra chước yết ra bà dạ, đột sắc
 xoa bà dạ, a xá nể bà dạ, a ca ra mật rị trụ bà dạ, đà ra ni bộ di
 kiém ba già ba đà bà dạ, ô ra ca bà đà bà dạ, lặc xà đàng trà bà
 dạ, na già bà dạ, tỳ điều đát bà dạ, tô ba ra noa bà dạ, được xoa
 yết ra ha, ra xoa tư yết ra ha, tất rị đà yết ra ha, tỳ xá giá yết ra
 ha, bộ đà yết ra ha, cưu bàn trà yết ra ha, bồ đòn na yết ra ha,
 ca tra bồ đòn na yết ra ha, tất kiền độ yết ra ha, a bá tất ma ra

yết ra ha, ô đàn ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, hê rị bà đế yết ra ha, xã đà ha rị nãm, yết bà ha rị nãm, lô địa ra ha rị nãm, mang ta ha rị nãm, mê đà ha rị nãm, ma xà ha rị nãm, xà đà ha rị nǚ, thị tỡ đà ha rị nãm, tỳ đà ha rị nãm, bà đà ha rị nãm, a du giá ha rị nǚ, chất đà ha rị nǚ, đế sam tát bệ sam, tát bà yết ra ha nãm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ba rị bạt ra giả ca hất rị đởm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, trà diễn ni hất rị đởm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha bát du bác đát dạ, lô đà ra hất rị đởm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na ra dạ noa hất rị đởm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, đát đóa già lô trà tây hất rị đởm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha ca ra ma đát rị già noa hất rị đởm, tỳ đà đà xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ca ba rị ca hất rị đởm, tỳ đà đà xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, xà dạ yết ra, ma độ yết ra tát bà ra tha ta đạt na hất rị đởm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, giả đốt ra bà kỳ nể hất rị đởm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ rị dương hất rị tri, nan đà kê sa ra dạ noa bác đế, sách hê dạ hất rị đởm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na yết na xá ra bà noa hất rị đởm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, a la hán hất rị đởm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ đà ra, già hất rị đởm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, bạt xà ra ba nể, cu hê dạ, cu hê dạ ca địa bát đế hất rị đởm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ra thoa vồng, bà đà phạm, ấn thố na mạ mạ tỏa.

ĐỆ TỨ HỘI:

Bà già phạm, tát tát đa bác đát ra, nam mô ty đô đế, a tát đa na ra lặc ca, ba ra bà tát phồ tra, tỳ ca tát đát đa bát đế rị, thập Phật ra, thập Phật ra, đà ra đà ra, tần đà ra, tần đà ra, sân đà sân đà, hổ hồng, hổ hồng, phán tra, phán tra, phán tra, phán tra, phán tra, ta ha, hê hê phán, a mâu ca da phán, a ba ra đè ha đa phán, ba ra bà ra đà phán, a tố ra tỳ đà ra ba ca phán, tát bà đè bệ tê phán, tát bà na già tê phán, tát bà được xoa tê phán, tát bà kiền thất bà tê phán, tát bà bổ đơn na tê phán, ca tra bổ đơn na tê phán, tát bà đột lang chỉ đế tê phán, tát bà đột sáp tỳ lê hất sắc đế tê phán, tát bà thập bà lê tê phán, tát bà a bá tát ma lê tê phán, tát bà xá ra bà noa tê phán, tát bà địa đế kê tê phán, tát bà đát ma đà kê tê phán, tát bà tỳ đà da ra thê giá lê tê phán, xà dạ yết ra ma đô yết ra, tát bà ra tha ta đà kê tê phán, tỳ địa dạ giá lê tê phán, giả đô ra phược kỳ nể tê phán, bạt xà ra cu ma rị, tỳ đà đạ ra thê tê phán, ma ha ba ra đinh dương xoa tỳ rị tê phán, bạt xà ra thương yết ra dạ, ba ra thương kỳ ra xà da phán, ma ha ca ra dạ, ma ha mạt đát rị ca noa.

Nam mô ta yết rị đà dạ phán, tỳ sắc noa tỳ duệ phán, bột ra ha mâu ni duệ phán, a kỳ ni duệ phán, ma ha yết rị duệ phán, yết ra đàn trì duệ phán, miệc đát rị duệ phán, lao đát rị duệ phán, giá văn trà duệ phán, yết la ra đát rị duệ phán, ca bác rị duệ phán, a địa mục chất đa ca thi ma xá na, bà tư nể duệ phán, diễn kiết chất, tát đóa bà tỏa, mạ mạ ấn thố na mạ mạ tỏa.

ĐỆ NGŨ HỘI:

Đột sắc tra chất đa, a mặt đát rị chất đa, ô xà ha ra, già bà ha ra, lô địa ra ha ra, ta bà ha ra, ma xà ha ra, xà đà ha ra, thị tỳ đà ha ra, bạc lược dạ ha ra, kiền đà ha ra, bố sử ba ha ra, phả ra ha ra, bà tỏa ha ra, bác ba chất đa, đột sắc tra chất đa, lao đà ra chất đa, dược xoa yết ra ha, ra sát ta yết ra ha, bệ lệ đà yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đà yết ra ha, cưu bàn trà yết ra ha, tất kiền đà yết ra ha, ô đát ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, trạch khê cách trà kỳ ni yết ra ha, rị Phật đế yết ra ha, xà di ca yết ra ha, xá cu ni yết ra ha, lao đà ra nan địa ca yết ra ha, a lam bà yết ra ha, kiền độ ba ni yết ra ha, thập Phật ra yên ca hê ca, trụy đế dược ca, đát lệ đế dược ca, giả đột thác ca, ni đế thập phật ra, tỳ sam ma thập phật ra, bạc đế ca, tỳ đế ca, thất lệ sắt mật ca, ta nể bát đế ca, tát bà thập hạt ra, thất lô kiết đế, mật đà bệ đạt lô ché kiềm, a ỷ lô kiềm, mục khê ô kiềm, yết rị đột lô kiềm, yết ra ha yết lam, yết na du lam, đản đà du lam, hất rị dạ du lam, mật mạ du lam, bạt rị thất bà du lam, tỳ lật sắc tra du lam, ô đà ra du lam, yết tri du lam, bạt tất đế du lam, ô lô du lam, thường già du lam, hắc tất đà du lam, bạt đà du lam, ta phòng án già bác ra trượng già du lam, bộ đà tỳ đà trà, trà kỳ ni thập bà ra, đà đột lô ca kiến đốt lô kiết tri, bà lô đà tỳ, tát bác lô, ha lăng già, du sa đát ra, ta na yết ra, tỳ sa dụ ca, a kỳ ni ô đà ca, mật ra bệ ra, kiến đà ra, a ca ra mật rị đốt đát liễm bộ ca, địa lật lặc tra, tỳ rị sắc chất ca, tát bà na cu

ra, tú dãm già tê yết ra, rị được xoa, đác ra sô, mạt ra thị phệ đế sam, ta bệ sam, tất đát đà bác đát ra, ma ha bác xà lô sá̄c ni sam, ma ha bác lặc truong kỳ lam, dạ ba đột đà xá dụ xà na, biện đát lệ noa, tỳ đà da bàn đàm ca lô di, đế thù bàn đàm ca lô di, bát ra tỳ đà, bàn đàm ca lô di, đác điệc tha.

Án, a na lê, tỳ xá đè, bệ ra bác xà ra đà rị, bàn đà bàn đà ně, bác xà ra bàn ni phấn. Hổ hồng, đô lô ung phấn ta bà ha.

Thông rằng: Vì sao thần chú có thể khiến Ông Anan túc thời giải thoát? Bởi vì Vô Kiến Đánh Tướng phóng quang Như Lai túc là thị hiện của Diệu Trạm Tống Trì Thủ Lăng Nghiêm Vương vậy. Cái ấy đã hằng giữ được tánh trong lặng nên hóa giải cái phân chia tánh trong lặng, đã kiên cố nên phá tan cái chẳng kiên cố. Như lửa làm tiêu băng tự có cái lý thầm lặng mà thắng đoạt vậy. Sau là Kim Cang Bồ Tát, tâm tinh thuần thì lặng lẽ nhanh chóng phát mở thần thức kẻ kia, người ấy bấy giờ tâm có thể ghi nhớ, đắc túc mạng thông. Huống gì thần lực Như Lai toàn khắp hằng sa thế giới, đâu đâu cũng quang minh, đâu đâu đều giải thoát. Các thứ tà thuật cũng như bụi tuyết rót vào lò lửa hồng, lập túc tiêu tan.

Ông Cung Phụng Hạo Nguyệt hỏi Tô Trường Sa Sầm: “Như sao là Đà La Ni?”

Tô Sa chỉ phía bên thiền sàng, nói: “Cái ấy sư tăng tụng được đấy”.

Hỏi rằng: “Lại còn ai khác tụng được chǎng?”

Tô Sa lại chỉ phía bên trái thiền sàng, nói: “Cái ấy sư tăng cũng tụng được đây”.

Hỏi rằng: “Vì sao tôi chǎng có nghe?”

Tô Sa nói: “Đại Đức há chǎng nghe nói, “Chân tụng không vang, chân thính (02) không nghe”, ư?

Hỏi rằng: “Như thế thì âm thanh chǎng nhập pháp giới tánh vậy?”

Tô Sa nói: “Lìa sắc cầu thấy, chǎng phải chánh kiến. Lìa thanh cầu nghe, đó là nghe tà”.

Hỏi rằng: “Như sao là “Chǎng lìa sắc là chánh kiến; chǎng lìa tiéng là thật nghe”?”

Tô Sa khai thị bằng bài kê:

“*Đây mắt vốn chǎng phải sắc
Tràn tai vốn chǎng phải thanh
Văn Thủ thường chạm mắt
Quan Âm bịt nhĩ căn
Hiểu ba (Thân) nguyên một thể
Đạt bốn (Trí) vốn đồng Chân
Rõ ràng Pháp Giới Tánh
Không Phật cũng không nhân (03)*”.

Thế biệt, chõ Tô Trường Sa nói là Pháp Giới Tánh bèn tùy chõ mà tuyên tụng Chú Đà La Ni. Cái ấy thật không Phật cũng không người thì chốn nào có được ma sự ư?

III. KHAI THỊ ĐÂY LÀ TÂM CHÚ CỦA MƯỜI PHƯƠNG NHƯ LAI

Kinh: “Anan, đây là Phật Đảnh Quang Tụ Tất Đát Đa Bát Đát Ra (SITATAPATRA), bí mật Già Đà, vi diệu chưong cú, xuất sanh tất cả mười phương chư Phật. Mười phương Như Lai nhân Chú Tâm này đắc thành Vô thượng Chánh Biến Tri Giác. Mười phương Như Lai nắm Chú Tâm này hàng phục các ma, chế dẹp ngoại đạo. Mười phương Như Lai cõi Chú Tâm này ngồi hoa sen báu mà ứng hiện vi trần quốc độ. Mười phương Như Lai ngậm Chú Tâm này chuyển Đại Pháp Luân trong vi trần quốc độ. Mười phương Như Lai trì Chú Tâm này, ở khắp mười phương xoa đảnh thọ ký, tự quả của mình chưa thành, cũng ở nơi mười phương nhờ Phật thọ ký. Mười phương Như Lai y Chú Tâm này, thường khắp mười phương nhổ cùu các khổ như là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đui điếc, câm ngọng, oán ghét ở chung khổ, thương phải xa cách khổ, cầu chẳng được khổ, khổ vì năm ám lẫy lùng, trái ngang lớn nhỏ đồng thời giải thoát. Nạn cướp, nạn binh, nạn vua, nạn ngục, nạn nước, gió, lửa, đói khát bần cùng ứng niệm tiêu tan. Mười phương Như Lai tùy Chú Tâm này ở khắp mười phương phụng sự thiện tri thức, trong bốn oai nghi, cúng dường như ý, trong pháp hội hàng sa Như Lai được suy tôn là Đại Pháp Vương Tử. Mười phương Như Lai được Chú Tâm này ở khắp mười phương nghiệp thọ thân nhân, khiến cho hàng Tiếu thừa nghe tặng bí mật chẳng sanh kinh sợ. Mười phương Như Lai tụng Chú Tâm này thành Vô Thượng Giác, ngồi cội Bồ Đề, nhập Đại Niết Bàn. Mười phương Như Lai truyền Tâm Chú

này, sau khi diệt độ, phó chúc Phật-pháp sự, trụ trì rốt ráo, nghiêm tịnh giới luật, tất hẳn đắc thanh tịnh.

“Nếu Ta nói về Chú Phật Đánh Quang Tụ Bát Đát Ra này thì dù âm thanh liên tục, câu chữ không lặp lại, từ sáng đến tối, trải qua hằng sa kiếp cũng không thể cùng tận. Chú này cũng gọi tên là Như Lai Đánh. Hàng Hữu Học các ông chưa hết luân hồi, phát tâm chí thành cầu quả A La Hán mà không trì Chú này thì không thể nào ngoài đạo tràng khiến cho thân tâm xa lìa các ma sự được.

Thông rằng: Thần Chú Phật Đánh không thể nghĩ bàn, tuy nói là trì các danh hiệu nhưng cũng như mật lệnh trong quân đội, âm thầm phù hợp tương ứng, và cũng như lấy nước biển lớn để diệt lửa đóm. Hết thảy ma sự do tâm tạo ra, nay lấy cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Phật mà tẩy rửa đi thì cũng như dùng tâm vương dẹp trừ tâm tặc, hẳn lập tức diệt ngay.

Tối Thượng thừa, mật tu, mật chứng, chẳng mượn lời nói, tức đây là thật tế, nên bảo rằng xuất sanh hết thảy mười phương chư Phật. Một là thành Chánh Biến Tri. Hai là chế phục tà ma, ngoại đạo. Ba là ứng hiện trong vi trần quốc độ. Bốn là chuyển Đại Pháp Luân. Năm là nhờ Phật thọ ký. Sáu là nhổ cứu các khổ. Bảy là làm Pháp Vương Tử. Tám là nghiệp thọ thân nhân. Chín là nhập Đại Niết Bàn. Mười là phó chúc Phật-Pháp sự. Tất cả đều dùng chú tâm này mà thành tựu. Nếu chẳng phải là một đường tối thượng thì có gì đáng hơn nữa? Cái ý của tên kinh, rốt cuộc chẳng ra ngoài chỗ đó.

Thành Chánh Biến Tri tức là thể nhập Biển-Khắp-Biết vậy. Hàng phục tà ma, ngoại đạo tức là tà chú tiêu tan vậy. Ứng hiện trong vi trần quốc độ tức là Diệu Liên Hoa Vương vậy. Chuyển Đại Pháp Luân tức là Vô Thượng Bảo Ân vậy. Xoa đinh thọ ký tức là Quán Đảnh Chương Cú vậy. Nhổ cứu các khổ tức là cứu thoát Ông Anan cùng Tánh Tỳ Kheo ni vậy. Đại Pháp Vương Tử tức là vạn hạnh của Chư Bồ Tát vậy. Nhiếp thọ thân nhân tức là cứu hộ thân nhân vậy. Nhập Đại Niết Bàn tức là Định Thủ Lăng Nghiêm vậy. Phó chúc Phật - Pháp Sự tức là tu chứng liễu nghĩa vậy.

Chú tâm này bao hàm nhiều nghĩa như thế. Mười phương Như Lai đều do đây mà xuất sanh, nên là Chú Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni. Chưa thấu rõ điều này thì các kiến chấp nổi lên như ong vỡ tổ mà thành tà ma, ngoại đạo, tạo nghiệp không thôi mà chịu các khổ. Đây là chỗ giống nhau của vi trần quốc độ. Thấu rõ điều này tức là Pháp Vương Tử, nhờ Phật thọ ký, phó chúc việc Phật pháp, chuyển Đại Pháp Luân, không chỉ tự độ mà còn độ người, thế tức là trước sau thành Phật vậy. Người trì chú này kỳ hạn là ở chỗ thấy tánh thành Phật thì loại chương cú bí mật tầm thường há có thể sánh ư?

Tô Bách Trượng nói: “Nếu mà nay ở nơi tất cả các pháp hữu vô có tơ hào tâm ái nhiễm thì dù cho chân đang đạp lên hoa sen cũng đồng là ma làm. Nếu chấp vốn thanh tịnh, vốn giải thoát, tự là Phật, tự là người hiểu thiền tức là thuộc về ngoại đạo tự nhiên. nếu chấp do nhân duyên mà chứng đắc tu thành thì thuộc về ngoại đạo nhân duyên. Chấp Có thì thuộc thường kiến đạo. Chấp Không thì thuộc đoạn kiến đạo. Chấp

Cũng Có, Cũng Không thì thuộc biên kiến đạo. Chấp Chẳng phải Có, Chẳng phải Không thì thuộc không kiến ngoại đạo cũng gọi là ngu si ngoại đạo”.

Như nay chẳng khởi ra cái Phật kiến, Niết Bàn kiến... Tuyệt không có tất cả kiến Hữu Vô và cũng không có cái vô kiến, thì gọi là chánh kiến. Không có hết thảy các cái Nghe mà cũng không có cái Không nghe, gọi là chánh văn. Đó là chế phục ngoại đạo. Không có ma phàm phu đến là Đại Thần Chú. Không có ma Nhị thừa đến là Đại Minh Chú. Không có ma Bồ Tát đến là Vô Thượng Chú. Cho đến cũng không có ma Phật đến là Vô Đảng Đảng Chú.

Một là biến ra chúng sanh xiêm xúc Tu La; hai là biến ra Nhị thừa xiêm xúc Tu La; ba là biến ra Bồ Tát xiêm xúc Tu La. Đây là Tịnh Độ tam biến. Hết thảy các pháp hữu vô phàm thánh ví như quặng vàng, cái Chân Như của chính mình ví như vàng. Vàng và quặng tách ra, thì vàng ròng lộ bày. Bỗng có người kiếm tiền, kiếm đồ báu liền biến vàng ra tiền mà cho. Cũng như bột gạo tinh thuần không có đất cát, có người xin bánh liền biến bột ra bánh mà cho. Lại cũng như kẻ bày tôi có trí hiểu được ý vua, nếu vua muốn đi mà đòi Tiên Đà Bà (04) thì liền dâng ngựa. Khi vua ăn mà đòi Tiên Đà Bà liền dâng muối... Các thí dụ trên để chỉ người khéo thông đạt huyền chỉ nên ứng cơ chẳng sai lầm. Cũng gọi là Lục Tuyệt Sư Tử.

Tô Chí Công nói: “Mặc người tạo tác trăm điều, hàng Thập Địa Bồ Tát không đói, không no, vào nước không chìm, vào lửa không cháy. Dù muôn cháy cũng không thể cháy

được! Người ta thì bị số lượng cai quản, qui định. Phật thì chẳng phải thế, vào lửa không cháy mà muốn cháy là cháy. Vào nước không chìm, mà muốn chìm là chìm! Vì Phật sử dụng được bốn Đại tự do vậy”.

Ôi, đến địa vị Phật, sử dụng được bốn Đại tự do thì Tánh túc là Chú, Chú túc là Tánh, có chỗ nào mà chẳng thành tựu? Thật không thể nghĩ bàn vậy, đất Trung Nguyên có được chuyện ấy, chỉ có Chú mới hàng phục tà ma. Nay Tổ Bách Trượng nói: “Không có các thứ ma đến, túc đó là Chú”, thật rất có ý vị vậy.

IV. SỨC CỦA THẦN CHÚ LÀM TIÊU NGHIỆP CHƯƠNG TẠO PHƯỚC ĐỨC, SỐNG CHÂN THƯỜNG

Kinh: “Này Anan, như các thế giới, theo chỗ cõi nước có chúng sanh tùy theo sản vật nước mình có: vỏ cây hoa, lá bối, giấy trắng, lụa bạch mà viết chép chú này, đựng trong túi hương. Người này tâm u tối chưa thể tụng nhớ thì mang trong người hoặc viết trong nhà, phải biết rằng người đó suốt đời không bị tất cả các thứ độc làm hại.

“Anan, nay Ta vì ông nói lại chú này để cứu hộ thế gian được đại vô úy và thành tựu trí xuất thế gian của chúng sanh.

“Như sau khi Ta diệt độ, chúng sanh đời mạt thế có người tự tụng hay dạy người khác tụng, phải biết những chúng sanh trì tụng như thế: lửa không thể thiêu; nước chẳng thể chìm; độc yếu, độc mạnh không thể hại được. Cho đến các chú ác dữ của Thiên, Long, Quỷ, Thần, tinh kỵ, ma my đều không làm gì nổi, tâm được chánh thọ. Tất cả bùa chú, trùng độc, thuốc độc,

kim khí độc địa, cỏ cây, trùng rắn, khí độc muôn thứ vào trong miệng người ấy đều thành vị cam lồ. Hết thảy ác tinh cùng các quỷ thần lòng dữ hại người, đối với người ấy không thể khởi ra niệm ác. Tân Na, Dạ Ca, các quỷ vương ác độc cùng với quyền thuộc đều chịu ơn sâu, thường ủng hộ che chở.

“Anan, phải biết chú này thường có tám vạn bốn ngàn na do tha hằng hà sa cu chi chủng tộc Kim Cang Tạng Bồ Tát mỗi mỗi đều có các chúng Kim Cang làm quyền thuộc, ngày đêm theo hầu. Giả sử có chúng sanh tâm còn tán loạn, chưa vào Tam Ma Địa mà lòng nhớ, miệng trì chú này thì các Kim Cang Vương thường theo bên mình. Huống là người phát tâm Bồ Đề quyết định thì các vị Kim Cang Vương Bồ Tát ấy sẽ tinh thành âm thầm phù trợ mà phát khởi thần thức người đó, khiến cho người ấy đúng lúc nhớ lại được tám mươi bốn ngàn hằng hà sa kiếp, rõ biết khắp cả, không còn nghi hoặc. Từ kiếp thứ nhất cho đến thân sau cùng, đời đời không sanh vào các loài Dược Xoa, La Sát, Phú Đơn Na, Ca Tra Phú Đơn Na, Cưu Bàn Trà, Tỳ Xá Giá... và các ngạ quỷ hữu hình hay vô hình, có tưởng hay không tưởng, và những chốn dữ như thế. Người thiện nam này, hoặc đọc hoặc tụng, hoặc viết hoặc chép, hoặc đeo hoặc cất, hoặc cúng dường nhiều cách thần chú này thì kiếp kiếp chẳng sanh vào chỗ không vui, bần cùng hạ tiện.

“Các chúng sanh ấy, dù tự mình chẳng làm nghiệp phuớc mà công đức của mười phương Như Lai hẵn thông cho người này. Do vậy mà trải qua a tăng kỳ bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp thường được cùng chư Phật sanh ở một nơi, vô lượng công đức nhóm lại như chùm cây ác xoa thành đồng

một chỗ huân tu, vĩnh viễn không phân tán. Thế nên có thể khiến người đã phá giới được giới căn thanh tịnh; người chưa đắc giới khiến cho đắc giới; người chưa tinh tấn khiến đắc tinh tấn; người không trí huệ khiến đắc trí huệ; người không thanh tịnh chóng đắc thanh tịnh; người chẳng giữ trai giới tự thành trai giới. Anan, người thiện nam đó khi trì chú này, giả sử có phạm cấm giới khi chưa thọ trì thì sau khi trì chú hết thảy tội phá giới, không kẽ nặng nhẹ, nhất thời tiêu diệt. Dù đã từng uống rượu, ăn năm thứ rau cay, các thứ bất tịnh thì tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cang, Tiên Thiên, Quỷ Thần không cho là lỗi. Giả sử mặc y phục không sạch rách nát thì mỗi cử chỉ đi đứng thảy đồng thanh tịnh. Dù không lập đàn, chẳng vào đạo tràng cũng không hành đạo mà trì tụng chú này thì công đức so vào đàn, hành đạo giống nhau không khác. Nếu tạo trọng tội ngũ nghịch, vô gián và tội tú khí, bát khí của Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni mà tụng chú này rồi thì các nghiệp nặng như vậy hẳn đều diệt hết như gió mạnh thổi tan đồng cát không còn chút gì. Anan, nếu có chúng sanh chưa hề sám hối hết thảy tội chướng nặng nhẹ từ vô lượng vô số kiếp đến giờ mà nay có thể đọc tụng viết chép Chú này, đeo giữ trên người hay để nơi chỗ ở như trại, nhà vườn, quán... thì những nghiệp chưa nhóm trước kia đều tiêu tan như nước sôi trên tuyết, chẳng bao lâu đều được ngộ Vô Sanh Nhẫn.

Thông rằng: Chỗ này nói về thành tựu trí xuất thế gian của chúng sanh, cốt yếu là ngộ Vô Sanh Nhẫn mà thôi vậy. Người ta không ngộ vô sanh là do chưa nhóm nghiệp làm chướng ngại vậy. Chứa nghiệp không gì qua sát, đạo, dâm,

vọng, gọi là tú khí. Hàng Tỳ Kheo ni thì thêm xúc chạm, hẹn hò, che giấu, đi theo gọi là bát khí.

Giới luật có năm hạng tương đương với năm hình phạt của thế gian. Một là Ba La Di tương đương với tội tử hình; hai là Tăng Tàn tương đương với tội lưu đày; ba là Ba Dật Đề tương đương với khổ sai; bốn là Đề Xá Ni tương đương với tội phạt trượng; năm là Đột Kiết La tương đương với tội đánh bằng roi.

Nếu gặp nghiệp đời trước thì nước, lửa, trùng, rắn cũng đủ làm hại. Tuy Thiên, Long, ác tinh không có lòng hại người nhưng một khi chạm phải khí của các loại đó thì không khỏi bị nạn, cũng là sự chiêu cảm của nghiệp trước vậy. Nghiệp có nặng nhẹ, quả báo cũng nặng nhẹ. Nếu chìm đắm trong các nẻo ác, sanh vào chỗ chẳng vui, thì danh Phật còn chẳng nghe huống là đắc Vô Sanh Nhẫn ư? Độc chỉ trì chú này hay tiêu tan nghiệp trước, khỏi các thứ hoạn nạn độc hại. Nếu là người phát tâm Bồ Đề quyết định thì như gió thổi cát, nước sôi trên tuyết, cầu gì mà chẳng toại ý ư? Chưa được chánh thọ liền đắc chánh thọ, chưa thể hành Lục Độ liền đắc Lục Độ, chưa được túc mạng liền đắc túc mạng, thường sanh cùng một chỗ với chư Phật, đồng xứ huân tu, do đó mà ngộ Vô Sanh Nhẫn thật là dễ vậy. Công đức trì chú lớn lao vô cùng, không thể bàn vậy.

Thiền sư ni Vô Trước Diệu Tông nghe Tồ Đại Huệ nêu lên nhân duyên Ngài Được Sơn ban đầu ra mắt Tồ Thạch Đầu, sau đó đến Đức Mã Tồ, hốt nhiên tỉnh ngộ.

Tô Đại Huệ xuống tòa giảng thì cư sĩ Phùng Công Tập đi theo đến phuong truong, nói rằng: "Tôi lý hội được công án Hòa Thượng vừa nêu".

Tô Huệ nói: "Thế nào?"

Đáp rằng: "Như thế cũng chẳng được, *tô rõ ta bà ha!* Chẳng như thế cũng chẳng được, *tất rị ta bà ha!* Như thế, chẳng như thế rốt ráo đều chẳng được, *tô rõ tất rị ta bà ha!*

Tô Đại Huệ đem chuyện này nói với Ni Diệu Tông.

Ni nói: "Chỉ từng thấy Quách Tượng chú giải Trang Tử. Người hiểu biết lại cho rằng chính Trang Tử chú giải Quách Tượng".

Tô Đại Huệ thấy lời nói kỳ dị, lại nêu chuyện Thạch Đầu gấp Bà Tử mà hỏi thì Ni Diệu Tông đáp bằng kệ:

*"Một chiếc thuyền nan nổi mấy phuong
Cát mái múa chèo biệt cung thương
Núi mây, trăng biển đều vất ráo
Được quá Trang Châu mộng bướm trường".*

Tô Đại Huệ bèn thôi.

Ông Phùng Công nghi ngờ chõ ngộ của Ni Diệu Tông chưa căn bản, sau đó qua đất Vô Tích, mời đến thuyền hỏi rằng: "Lão bà sanh bảy đứa con, sáu đứa không gấp tri âm, chỉ tại một đứa cũng chẳng tiêu tan được, bèn quăng xuống nước! Lão sư Đại Huệ bảo đạo nhân lý hội được là hiểu thế nào?"

Ni đáp: “Trên mà cùng thông khắp thì cùng đến chỗ Chân Thật!”

Ông Phùng rất kinh hoảng.

Như chỗ ngộ Vô Sanh Nhẫn của Ni Diệu Tông là chú đáy ư? Là chẳng phải chú đáy ư? Mà sao nhả hơi xuất lời không dễ gì đo đếm, đoán biết vậy?

V. CHÚ LÀ PHƯỚC ĐỨC NHƯ Ý CHO MÌNH VÀ CHO CẢ NƯỚC, BẢO HỘ CHO NGƯỜI SƠ HỌC

Kinh: “Lại nữa, Anan, nếu có người nữ chưa có con mong cầu có thai mà có thể chí tâm nhớ niệm chú này, hoặc đeo trên người Chú Tất Đát Đa Bát Đát Ra này, bèn sanh con trai con gái trí huệ phước đức. Người cầu sống lâu túc được sống lâu. Muốn cầu quả báo mau được viên mãn thì mau được viên mãn. Về thân mạng, dung mạo, sức khoẻ cũng lại như vậy. Sau khi mạng chung, tùy nguyện mà sanh qua mười phương quốc độ, nhất định không sanh nơi biên địa hạ tiện huống là các loài dị hình.

“Anan, nếu các cõi nước, châu huyện, làng xóm bị đói kém, dịch lệ hay giặc nạn, đao binh, đánh nhau cùng hết thảy những nơi có ách nạn mà viết thần chú này treo ở bốn cửa thành, các chỗ thờ tự hoặc trên các lá phướn, rồi khiến chúng sanh nơi ấy vâng đón, cung kính lê bái, hết lòng cúng dường chú này, khiến nhân dân mỗi người đeo trong mình hay cất trong mỗi nhà thì tất cả tai ách thảy đều tiêu diệt.

“Này, Anan, bất kỳ chỗ nào mà có chú này thì Thiên Long hoan hỷ, mưa thuận gió hòa, mùa màng sung túc, dân chúng

an vui. Chú này lại có thể trấn phục tất cả ác tinh, tùy phương hiện các điềm quái, đều khiến cho tai chướng không khởi, con người không bị chết dữ, chết yếu, thân thể không vướng xiềng xích gông cùm, ngày đêm ngủ ngon, thường không ác mộng.

“Này, Anan, cõi Ta Bà này có tám vạn bốn ngàn tai biến ác tinh, hai mươi tám đại ác tinh đứng làm đầu, lại có tám đại ác tinh làm chủ biến hiện nhiều thứ trên đời, gây ra nhiều loại tai họa dị thường cho chúng sanh. Chỗ nào có chú này thì các thứ đó đều tiêu diệt hết, trong mười hai do tuần làm vòng kết giới thì các điềm tai biến hung dữ vĩnh viễn không vào được.

“Thế nên, Như Lai tuyên dạy chú này để bảo hộ các người tu hành sơ học trong đời vị lai vào được Tam Ma Địa, thân tâm rộng không, được đại an ổn, không bị hết thảy ma quỷ thần và những oan khiên, nợ nghiệp từ vô thủy tới nay đến khuấy hại. Ông với những người hữu học trong chúng này cùng những người tu hành đời vị lai y theo đàn tràng ta dạy, như pháp mà trì giới, gặp được bậc giới chủ là vị tăng thanh tịnh, đối với chú tâm này chẳng sanh nghi hối; người thiện nam như thế ngay nơi thân cha mẹ sanh ra này mà không được tâm thông thì mười phương Như Lai hóa ra là vọng ngữ!”

Thông rằng: Chỗ này nói về cứu hộ thế gian được Đại Vô Úy, đại khái giống như bốn Diệu Đức không thể nghĩ bàn của Ngài Quán Thế Âm: cầu trai được trai, cầu gái được gái, cầu sống lâu được sống lâu, cầu viên mãn được viên mãn mà cốt yếu là quy về tâm thông. Tâm thông không ra ngoài ba nghĩa: Một là chứng quả, tức là ngoài nghiêm chỉnh an cư một trăm

ngày đắc quả Tu Đà Hoàn; hai là tở hiểu, tức là tự biết nhất định thành Phật không sai; ba là túc mạng thông, tức là rõ biết khắp cùng không còn nghi hoặc. Tâm thông này cũng từ trong cái không thể nghĩ bàn mà được, huống là các thứ linh ứng để đề phòng tai họa, chế ngự hoạn nạn làm sao nghĩ bàn được?

Năm Thứ Mười Ba niên hiệu Đại Nghiệp, Đức Tứ Tô Đạo Tín dẫn đồ chúng đến Cát Châu thì gặp bọn cướp vây thành bảy tuần (bảy mươi ngày) chẳng lui tan, mọi người đều sợ hãi. Tô thương xót, dạy bảy niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa. Khi ấy, bọn cướp nhìn lên thành như có thần binh, bèn bảo nhau: “Trong thành ấy có dị nhân, không thể đánh được”. Bèn lần lần bỏ đi.

Lại như Trần Tôn Túc (Mục Châu) ở chùa Khai Nguyên hàng ngày đan dép để nuôi mẹ, cho nên có hiệu là Trần-dép-cỏ. Giặc cướp vào xứ, Tô treo một chiếc dép cỏ nơi cửa thành. Giặc muốn vất đi, dùng hết sức cũng chẳng nhúc nhích, bèn than: “Xứ Mục Châu này có đại thánh nhân”, rồi bỏ thành mà rút lui. Dân trong thành khỏi bị tai họa.

Chỗ này quả là rõ ràng rồi vậy. Những chuyện khác thì Cao Tăng Truyện ghi lại kể ra không xiết. Còn như tất cả ác tinh tùy phương mà hiện các điềm quái thì cũng như vọng kiến đồng nghiệp ở đoạn trước, mỗi thứ đều do nghiệp cảm, chẳng phải khi không mà sanh. Ác tinh có tám mươi bốn ngàn thứ tương ứng với chừng ấy nghiệp phiền não của chúng sanh. Việc con người làm ở dưới, trời biến hiện đối ứng ở trên. Thiên tượng lớn có hai mươi tám ngôi cùng các dư khí của

kinh tinh ngũ hành. Tất cả đều bẩm thọ cái tinh hoa của ngũ hành mà vận chuyển trong không trung. Hễ nghịch tánh nó thì tai họa ứng đáp như các sao Tuệ, Bột, Phi Lưu (05), Thái Bạch, Xi Vưu... Chú này sức Từ rộng lớn, tinh ròng chí thiện nên tất cả các khí xấu không đến gần được, bởi thế có thể tiêu diệt các tai họa dị kỳ ngoài mấy trăm dặm.

Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng sanh ra vào ngày Tám tháng Tư năm Thứ Hai niên hiệu Nghi Phụng đời Đường, cảm ứng có luồng bạch khí hiện ở trên trời khoảng xứ An Khương

Quan Thái Sứ trông thấy bèn tâu lên vua Cao Tông.

Vua hỏi: “Đây là điềm lành gì?”

Đáp rằng: “Pháp khí của đất nước, chẳng nhiễm vinh hoa thế gian”.

Vua bèn sai Thái Thú đát Kinh Châu là Hàn Giai đích thân đến vấn an gia đình.

Phàm chỗ cảm ứng của thiện ác thì lành dữ khác hẵn nhau, ai dám bảo chú này không đủ để tiêu sạch tai họa ư?

VI. CÁC THẦN HỘ PHÁP PHÁT NGUYỆN BẢO HỘ RỘNG RÃI

Kinh: Phật dạy lời ấy rồi, vô lượng trăm ngàn Kim Cang trong hội đều đồng thời ở trước Phật chấp tay đánh lễ, thưa rằng: “Như lời Phật dạy, chúng tôi sẽ thành tâm bảo hộ những người tu Bồ Đề như vậy”.

Khi ấy, Phạm Vương cùng trời Đế Thích, bốn Đại Thiên Vương cùng ở trước Phật đồng thời đánh lễ, thưa rằng: “Quá

có người lành tu học như vậy chúng tôi sẽ tận tâm chí thành bảo hộ, khiến cho họ suốt đời tu hành được như nguyện”.

Lại có vô lượng Đại Tướng Dược Xoa, các vua La Sát, vua Phú Đơn Na, vua Cưu Bàn Trà, vua Tỳ Xá Giá, các Đại Quỷ Vương Tần Na Dạ Ca cùng các Quỷ Soái cũng ở trước Phật chấp tay đảnh lễ, thưa rằng: “Chúng tôi cũng thệ nguyện hộ trì người này khiến tâm Bồ Đề sớm được viên mãn”.

Lại có vô lượng Thiên Tử Nhật Nguyệt, Thần Gió, Thần Mưa, Thần Mây, Thần Sấm và các hàng Thần Điện, các quan tuần trong năm, quyến thuộc chủ tinh... cũng ở trong hội đảnh lễ chân Phật, thưa rằng: “Chúng tôi cũng bảo hộ người tu hành này để an lập Đạo Tràng, được Vô Sở Úy”.

Lại có vô lượng Thần Núi, Thần Biển, hết thảy các loài tinh kỳ muôn vật ở đất đai, trên không, dưới nước và vua Thần Gió, Trời Vô Sắc Giới ở trước Như Lai đồng thời cúi đầu, thưa rằng: “Chúng tôi cũng bảo hộ người tu hành ấy đắc thành Bồ Đề, vĩnh viễn không có ma sự”.

Lúc bấy giờ, tám vạn bốn ngàn na do tha hằng hà sa câu chi Kim Cang Tạng Vương Bồ Tát ở trong Đại Hội liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, như bọn chúng tôi, công nghiệp tu hành đã thành Bồ Đề từ lâu mà chẳng giữ Niết Bàn, thường theo chú này để cứu hộ người chánh tu hành tu Tam Ma Đề trong đời mạt thế. Thưa Thế Tôn, người tu tâm cầu chánh định như vậy, đâu ở đạo tràng hay lúc kinh hành, cho đến tán tâm đạo chơi xóm làng thì đồ chúng của chúng tôi vẫn thường đi theo hầu hạ bảo vệ người

ấy. Giả sử Ma Vương, Đại Tụ Tại Thiên muốn có cơ hội để khuấy phá, rốt cuộc cũng không thể được. Các quỷ thần nhỏ cách xa người này ngoài mười do tuần, trừ phi hạng đó phát tâm muốn tu thiền. Bạch Thé Tôn, những ác ma hay quyến thuộc của ma như vậy muốn đến quấy phá người lành này, chúng tôi sẽ dùng bảo xứ (06) đánh nát đầu như tro bụi, thường khiến cho người này tu hành được như nguyện.

Thông rằng: Người trì chú này được các Thần bảo hộ. Người trì chú này chống đắc Bồ Đề. Người trì chú này vĩnh viễn không có ma sự. Nguyệt lực của Bồ Tát Kim Cang Tạng thật quá sâu xa: Chẳng giữ lấy Niết Bàn, thường theo chú này mà cứu hộ người tu hành chân chánh trong đời mạt thế, nên các ma không có được cơ hội khuấy phá.

Ma Vương Chướng Tế thống lãnh quyến thuộc theo Bồ Tát Kim Cang Tề một ngàn năm tìm kiếm chỗ khởi xứ mà chẳng được. Bỗng nhiên ngày nọ thấy được, bèn hỏi: “Ngài y trụ chỗ nào mà tôi suốt một ngàn năm tìm khởi xứ của Ngài không ra?”

Bồ Tát nói: “Ta chẳng y hữu trụ mà trụ, chẳng y vô trụ mà trụ, như thế mà trụ”.

Tổ Pháp Nhã nói: “Ma Vương Chướng Tế chẳng thấy Kim Cang Tề bèn theo, còn như Kim Cang Tề có thấy Ma Vương chẳng?”

Tổ Diệu Hỷ nói: “Đã kiểm khởi xứ không ra thì chuyen một ngàn năm đi theo là gì thế?

“Đức Kim Cang Tè nói: “*Ta chǎng y hǔu trù mà trù, chǎng y vō trù mà trù, như thế mà trù*”, ấy là hổ tương lừa dối quá lăm!” Tồ Pháp Nhãm nói: “*Ma Vương Chưởng Tέ chǎng thấy Kim Cang Tè bèn theo, còn như Kim Cang Tè có thấy Ma Vương chǎng?*” Phán đoán như thế cũng là xem lỗ mà đặt ném!

Nay đây bộ không biết khởi xứ của Diệu Hỷ ư? Hãy theo sau mà la lên rằng: “Nói mớ gì thế?” Xét Diệu Hỷ phán đoán như vậy, quả là Ma Vương rình mò chǎng thấy! Nhưng Ma Vương khổ sở muốn kiểm khởi xứ đến đổi đi theo một ngàn năm thì Ma Vương cũng phát tâm muốn tu thiền vậy. Thế nên đổi với Bồ Tát Kim Cang Tè chǎng có chi xa cách, mà Bồ Tát Kim Cang tè cũng muốn thuyết pháp cho. Những việc ấy đều không phải người tầm thường mà suy lường nổi.

Từ Quyển IV mời vào “Nhà hoa” cho đến đây gọi chung là phần Tu Đạo. Văn sau riêng là phần Chứng Quả.

CHƯƠNG IV: KHAI THỊ CÁC ĐỊA VỊ TU CHỨNG

MỤC MỘT: KHAI THỊ HAI CÁI NHÂN ĐIỀN ĐẢO VÀ BA MÓN TIỆM THÚ

I. ÔNG ANAN XIN KHAI THỊ NHỮNG DANH MỤC, THÚ BẬC TU HÀNH

Kinh: Ông Anan liền từ chỗ ngồi đứng lên, đảnh lễ chân Phật, bạch Phật rằng: “Chúng tôi ngu độn, thích được đa văn, với các tâm hữu lậu chưa cầu lià khỏi. Nhờ Phật từ bi dạy dỗ được sự huân tu chân chánh, thân tâm khoan khoái an nhiên, được lợi ích lớn. Thưa Thế Tôn, tu chứng Tam Ma Đè của Phật như thế, khi chưa đến Niết Bàn thì thế nào gọi là Càn Huệ Địa? Bốn mươi bốn tâm thứ lớp đến đâu để được danh mục tu hành? Đến nơi chốn nào thì gọi là nhập địa? Sao gọi là Đẳng Giác Bồ Tát?”

Thưa hỏi thế rồi, năm vóc gieo xuống đất. Đại chúng nhất tâm chờ từ âm Phật, chiêm ngưỡng không chớp mắt.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Ông Anan rằng: “Hay thay! Hay thay! Các ông mới có thể khắp vì đại chúng và tất cả chúng sanh đời tu Tam Ma Đè, cầu Đại Thừa mà xin Ta nêu bày con đường chánh tu hành từ phàm phu cho đến Đại Niết Bàn. Nay ông hãy lắng nghe, sắp vì ông nói”.

Ông Anan và đại chúng chấp tay, chú tâm yên lặng thọ giáo.

Thông rằng: Ban đầu, Phật bảo Ông Anan: “Tâm gọi là thăng. Như thế, từ đầu đến cuối, các địa vị trung gian vĩnh

viễn không có tướng quanh co. Niết Bàn là cuối, Càn Huệ là đầu, bốn mươi bốn trung gian là Tín, Trụ, Hạnh, Hướng và Tứ Gia Hạnh, chẳng phải là không có thứ lớp, đó là danh mục tu hành vậy. Tiến vào Thập Địa cho đến Địa Thứ Mười Một là Đẳng Giác Bồ Tát. Đến Đại Niết Bàn mới gọi là Diệu Giác”.

Cái nơi chốn đạt đến này không mượn vào việc tu. Vậy làm sao được cái tướng không quanh co đây? Không quanh co nghĩa là nhất siêu trực nhập, trước sau không khác, là con đường Diệu Bồ Đề Tối Thượng vậy. Bởi thế, Phật bảo: “Nếu bày con đường chánh tu hành Vô Thượng từ phàm phu cho đến Đại Niết Bàn”, nghĩa là từ phàm phu mà chứng thắng Diệu Giác, không mượn gì thứ lớp. Nếu bày, nghĩa là chúng sanh chưa chứng nên nói trước cho, đại để như vậy.

Tổ Hoàng Bá nói: ‘Tâm đây tức là cái tâm vô tâm. Lìa cả thấy tướng thì chúng sanh cùng Chư Phật không có chút gì sai khác. Chỉ là vô tâm, bèn là rốt ráo’.

“Các người học Đạo! Như chẳng ngay đây vô tâm thì bao kiếp tu hành rốt chẳng nên gì, bị công hạnh của Tam Thừa ràng buộc, chẳng có giải thoát. Nhưng chúng tâm này có mau chậm. Có người nghe pháp một niệm bèn được vô tâm. Có người đến Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng mới được vô tâm. Có người đến Thập Địa mới được vô tâm. Dài dài hay ngắn, được vô tâm là trụ, không còn gì có thể tu, có thể chứng, thật không chỗ đắc, chân thật chẳng hư. Một niệm mà đắc cũng như Thập Địa mà đắc, công dụng như nhau không có sâu cạn, chỉ khỏi bao kiếp uổng công cần khổ vậy”.

Lời dạy của Tổ Hoàng Bá cũng đồng như Phật nêu bày con đường chánh tu hành vô thượng. Ngay đây mà thấu suốt mối tin khoảng trung gian quả là không các tướng quanh co.

II. KHAI THỊ HAI CÁI NHÂN ĐIỀN ĐẢO

Kinh: Phật nói: “Anan, hãy biết, cái Diệu Tánh tròn sáng lìa mọi danh tướng, bỗn lai không có thế giới, chúng sanh. Nhân vọng mà có sanh, nhân sanh mà có diệt. Sanh diệt thì gọi là vọng, diệt vọng thì gọi là Chân. Đó gọi là hai danh hiệu chuyển y Bồ Đề Vô Thượng và Đại Niết Bàn của Như Lai vậy.

Thông rằng: Tánh mà nói là Diệu thì chẳng trệ nơi Tịch. Minh mà nói là Viên thì chẳng sa vào cái sở, mà lìa tướng, lìa danh, không thể nghĩ bàn. Chứng vào Diệu Tánh này thì thế giới chẳng phải là thế giới, chúng sanh chẳng phải là chúng sanh, tức vọng tức chân, cái sanh diệt chẳng phải là sanh diệt vậy.

Tổ Mã Minh nói: “Vì chẳng như thật biết Chân Như Nhất Pháp nên tâm bất giác động mà thành có ra niêm. Niêm tức là tướng sanh, sanh tức là tướng diệt. Sanh diệt, danh tướng đều là vọng. Bằng như thật mà rõ biết Chân Như Nhất Pháp ắt vọng vốn không chối có. Giống như người theo phương hướng mà mê lầm, sự mê lầm nào có tự tướng! Cho Đông là Tây mà phương hướng thật nào có xoay chuyển gì đâu. Tỉnh ngộ ra thì cái phương Tây mê lầm kia đâu có! Mê thì cho là tâm động mà thật nào chẳng có động. Như biết cái tâm động ấy là chẳng sanh diệt, liền vào thẳng cửa Chân Như”.

Rốt ráo thay lời nói này! Đây có thể làm lời dạy chân chánh cho cái “*Diệt vọng thì gọi là Chân*” vậy. Thế nên, chuyển cái bất giác y vào tánh giác gọi là Bồ Đề Vô Thượng; chuyển cái sanh tử y vào vô sanh gọi là Đại Niết Bàn, chứ chẳng phải lìa cái bất giác mà còn có riêng cái giác, chẳng phải lìa sanh tử mà có riêng cái vô sanh. Chỉ là cái vọng kiến diệt đi tức Chân Tánh hiện. Cái bất giác này liền ngay là Chân Giác; cái sanh diệt này liền thật là vô sanh. Tức là cái thế giới chúng sanh này đây vốn không có chi là chúng sanh, thế giới. Thế nên mới gọi là vô thượng, đó là Đại!

Chuyển y thì có sáu thứ: Một là, *Tổn lực ích năng chuyển*, nghĩa là tổn giảm thế lực của chúng tử ô nhiễm và tăng thêm công năng của chúng tử thanh tịnh, lần lần chế phục sự hiện hành, cũng gọi là Chuyển Y.

Hai là, *Thông đạt chuyển*, nghĩa là do thấy Đạo, đạt Chân, rồi nỗ lực đoạn trừ hai cái Chướng (Phiền Não và Sở Tri), chúng sơ lược một phần Chân Thật Chuyển Y.

Ba là, *Tu tập chuyển*, nghĩa là hàng Thập Địa từng Địa đoạn dần câu sanh vô minh, chứng “Chân Chuyển Y”.

Bốn là, *Quả mãn chuyển*, nghĩa là ở địa vị cứu cánh dùng Kim Cương Định vĩnh viễn đoạn trừ tất cả vô minh thô, tế, đốn chứng Chuyển Y Phật Quả Viên Mãn.

Năm là, *Hạ liệt chuyển*, nghĩa là hàng Nhị Thừa chán khổ ưa tịch lặng, ở chỗ chứng Chân Trạch Diệt, không có khả năng kham nhẫn thù thắng.

Sáu là, *Quảng đại chuyển*, nghĩa là địa vị Đại Thừa, không có cả ưa lẫn chán, thông đạt ngã pháp đều Không, song đoạn hai chướng, đốn chứng Vô Thượng Bồ Đề, bởi có khả năng kham nhẫn thù thắng.

Bồ Đề Vô Thượng và Đại Niết Bàn này Quảng Đại Chuyển Y Thứ Sáu cùng với Quả Mẫn Chuyển Y Thứ Tư đều là Đốn Chứng. So với hàng Nhị Thừa hạ liệt lần lượt tu tập hoàn toàn khác hẳn.

Thiền Sư An Dân, ban đầu giảng kinh Lăng Nghiêm ở thành đô, được hàng nghĩa-học nương về. Thời ấy, Tổ Viên Ngộ ở chùa Chiếu Giác. An Dân có bạn lành là Thắng Thiền sư nên đến đó. Nghe được Tổ Viên Ngộ vào lúc tiểu tham nêu ra nhân duyên ba lần kêu thị giả, thì Triệu Châu có đề ra câu nói “Như người viết chữ trong tối, chữ tuy chẳng thành mà vẫn vẻ đã rõ ràng”. Trong chỗ nào là vẫn vẻ đã rõ ràng?”

Sư An Dân tâm nghi chuyện ấy, đốt hương xin vào thất của Tổ.

Tổ Viên Ngộ hỏi: “Tòa chủ giảng kinh gì?”

Đáp rằng: “Lăng Nghiêm”.

Tổ Ngộ nói: “Kinh Lăng Nghiêm có bảy chỗ trung bày Tâm, tám nơi trả về để biện rõ Tánh Thấy, vậy rốt ráo Tâm ở chỗ nào?”

Sư An Dân trình bày giải thích lăm thú, Tổ đều chẳng chịu, mới bảo hãy ở nơi “*Tất cả chốn là vẫn vẻ đã rõ ràng*” mà thế hôi.

Tình cờ có nhà sư hỏi Tồ về Thập Huyền Đàm (07), vừa mới nêu ra câu “*Tâm ấn của thầy, đáng vể thế nào...*”, thì Tồ Viên Ngộ nói lớn: “*Văn vể đã rõ ràng!*”

Sư Dân nghe liền có chõ tinh ngộ, bèn xin ấn chứng. Tồ dạy: “*Lấy bốn sắc mà trui rèn thì vô ích*”.

Một hôm, sư thưa với Tồ: “*Xin Hòa Thượng thôi nêu lời, để tôi nói xem sao*”.

Tồ chấp nhận.

Sư Dân nói: “*Bình thường dơ chày, dựng phất há chẳng phải là chõ* trong kinh nói: “*Hết thảy hình tướng có trong thế gian đều tức là Bồ Đề Diệu Minh Chân Tâm*” ư?”

Tồ Viên Ngộ cười, nói: “*Ông xưa nay ở trong đó mà sinh nhai đấy!*”

Sư Dân lại nói: “*La hét, gõ sàng há chẳng phải là “Phản văn văn tự tánh, tánh thành Vô Thượng Đạo”* ư?”

Tồ nói: “*Ông há chẳng thấy trong kinh nói: “Diệu Tánh sáng đầy, lìa các danh tướng”* ư?”

Sư Dân ngay nơi nói được tiêu tan vướng mắc.

Tồ Viên Ngộ ra khỏi đất Thục, đến ở Giáp Sơn. Sư thôi giảng kinh, theo hầu bên Tồ. Tồ ban đêm giảng thiền cho chúng, nêu ra công án “*Buồm xưa chưa căng*”. Sư chẳng khé hội, xin Tồ giải quyết.

Tồ Ngộ nói: “*Ông hỏi đi!*”

Sư vừa mới cất lời, Tô Ngộ liền nói: “Trước sân, cây bách!”

Sư bèn tò suýt, nói với Tô rằng: Người xưa nói “Như một giọt nước rót vào trong ao lớn”, nào chẳng biết “Biển lớn rót vào trong một giọt nước”!

Tô cười nói: “Kẻ sá gì lão ấy! Chưa chi đã khiến phân tòa giảng!”

Rồi nói bài kệ:

*“Thôi khoe Tứ Phận (08), dẹp Lăng Nghiêm
 Ở chốn đầu mây, triệt để tham
 Chẳng học Lương Công gần Mã Tô
 Mà như Đức Kiều (09) lê Long Đàm
 Bảy năm lui tới chơi Chiêu Giác
 Ba thu bay lượn núi Bích Nham
 Nay phiền ngồi tạm Nhất Tòa né
 Giữa chốn trăm hoa, hiện Ưu Đàm”.*

Người xưa thực tham, thực chứng, trải qua bao nhiêu chuyền y rồi sau mới được chỗ yên ổn mà ngồi. Thế biết cái “Diệt vọng gọi là Chân” chẳng phải dễ chứng đắc.

Kinh: “Anan, nay ông muốn tu pháp Chân Tam Ma Địa, thăng đến Đại Niết Bàn của Như Lai thì trước hết phải biết hai cái nhân đên đảo này của chúng sanh cùng thế giới. Đên đảo chẳng sanh, đó là Chân Tam Ma Địa của Như Lai.

Thông rằng: Chân Tam Ma Địa chẳng phải do tu mà đắc. Phàm cái gì có thể tu thì không thể nói là Chân được. Đối với

vọng duyên thì trước tiên rõ biết nguyên nhân, nguyên nhân đã không có thì điên đảo chẳng sanh ra. Đã không có điên đảo mà chẳng gọi là Chân thì gọi là gì?

Tiền tràn duyên ra là phân đoạn vọng sanh, tức là nghĩa của Giới. Giới không có tánh. Trôi dời chẳng dừng là nghĩa của Thế. Thế cũng không có tự tánh. Vốn không tự tánh, đương thể không tịch, đó là Chân Tam Ma Địa.

Thiền sư Cố Linh Thần Tán gặp Tổ Bách Trượng được khai ngộ, bèn về chùa cũ.

Vị bồ tát hỏi rằng: “Ông xa tôi đi ra ngoài, được sự nghiệp gì?”

Đáp rằng: “Tuyệt chẳng có sự nghiệp gì cả”.

Thầy bèn khiến làm việc như trước.

Một hôm thầy Ngài tắm, bảo Ngài kỳ l傘.

Ngài bèn vỗ l傘, nói: “Cái Phật đường đẹp mà Phật chẳng Thánh!”

Thầy quay đầu nhìn, Ngài nói: “Phật tuy chẳng Thánh mà hay phóng quang”.

Thầy Ngài một hôm ngồi bên cửa sổ xem kinh, lúc ấy có con ong đang đục giấy cửa sổ định chui ra ngoài.

Ngài thấy thế, bảo: “Thế giới thênh thang như kia lại chẳng chịu ra, cứ xoi giấy cũ thì năm Lừa mới nổi!”

Rồi nói bài kệ:

*“Cửa Không chǎng chịu thoát
Chui cửa sổ quá si
Trăm năm dùi giấy cũ
Ngày nào mới xuất đầu!”.*

Thầy Ngài để kinh xuống, hỏi rằng: “Ông đi tham học gấp ai, mà sao trước sau tôi thấy ông ăn nói lạ thường!”

Sư đáp: “Con nhờ Hòa Thượng Bách Trượng chỉ cho cái chõ ngừng nghỉ, nay muốn báo đáp ân đức từ mấy lâu nay”.

Thầy Ngài bèn bảo chúng thiết trai, mời Ngài thuyết pháp.

Sư bèn lên tòa, nêu xướng môn phong Tô Bách Trượng rằng:

*“Linh quang độc rạng
Vượt thoát cǎn trǎn
Thể lộ Chân Thường
Chǎng vương văn tự
Tâm tánh không nhiễm
Vốn tự viên thành
Chỉ lìa vọng duyên
Túc Như Như Phật”.*

Thầy Ngài nghe xong cảm ngộ, nói: “Ngờ đâu có duyên được nghe cực tắc sự (10)!”

Đây cũng gọi là “Thắng đến Đại Niết Bàn của Như Lai” vậy. Nếu chẳng thế thì ít ai không tùy theo cái điên đảo của chúng sanh, có lúc nào mới thôi?

Kinh: “Anan, thế nào gọi là điên đảo tạo thành chúng sanh?

“Anan, do Tâm Tánh vốn Minh, tánh Minh ấy tròn đầy toàn khắp, nên nhân cái Minh vọng phát hình như có tánh, cái tánh ấy do vọng kiến mà sanh. Vậy là từ chỗ “Rốt ráo không” lại hóa thành “Rốt ráo có”. Cái Có này có được là do cái vốn chẳng có nhân làm nhân. Tướng năng trụ và sở trụ từ căn bản không có cội gốc. Rồi nương nơi cái cội gốc không có chỗ trụ này mà kiến lập ra thế giới cùng chúng sanh.

“Vì mê Bốn Tánh Viên Minh mà sanh hư vọng, nhưng tánh của vọng không có tự thể, chẳng có chỗ nương trụ. Vừa muốn trở lại Chân Tánh thì cái muốn Chân đó đã chẳng phải là Tánh Chân Như chân thật. Trong cái chẳng phải Chân mà cầu trở lại Chân thì rõ ràng là hiện thành những phi tướng: phi sanh, phi trụ, phi tâm, phi pháp. Xoay vần phát sanh. Sanh lực phát minh, huân tập thành Nghiệp. Đồng nghiệp thì cảm nhau, nhân có cảm nghiệp bèn có sự sanh nhau, diệt nhau. Do vậy mà có cái điên đảo tạo thành chúng sanh.

Thông rằng: Ở trước, kinh nói: “Chúng sanh nối tiếp nhau, lối làm là Giác Minh”. Ở đây nói: “Điên đảo của chúng sanh tức nghiệp hết nghiệp quả, là nhân cái Minh mà vọng phát hình như có tánh, cái tánh ấy do vọng kiến mà sanh”.

Phàm Tánh Minh sao lại sanh hư vọng? Đó là nhân cái Minh túc là có phân biệt, có phân biệt thì sa lạc thành thức tinh, thức tinh không có gốc gác nên gọi là hư vọng. Như không có phân biệt thì túc là cái dụng của trí, thường phân biệt mà không nhiễm trước, đó gọi là Bạch Tịnh Thức, là Đại Viên Cảnh Trí. Không rơi vào nơi chỗ nên nói là Minh Viên, tròn đầy sáng khắp. Một khi lập ra cái sở, cái Minh liền chẳng viễn mà hóa thành vọng kiến. Cũng như đoạn trước nêu ra mặt trăng thứ hai và bóng lòe của đèn đều là bệnh nhầm mắt. Đó là từ *rốt ráo không* thành ra *rốt ráo có* vậy.

Cái năng hữu cùng cái sở hữu này chẳng phải có một nguyên nhân gì để hiện ra là năng hay sở cả. Đã không có nhân thì lấy gì mà nương trụ? Vậy nên tướng năng trụ, sở trụ này là tướng hư vọng, rốt ráo không có cội gốc gì để tìm thấy. Trụ vốn không gốc gác thì trụ bèn là không trụ. Như rõ được cái vô trụ này thì đương thể vô sanh. Không nói đó là Không, chỉ là vô trụ. Gốc ở cái vô trụ này kiến lập hết thảy pháp, không ngại gì thế giới, chúng sanh, sắc sắc kiến lập: Trong Tự Tánh Viên Minh vốn không có chướng ngại. Một túc tất cả. Tất cả túc Một. Tìm cái Chân còn không có, huống gì là có vọng ư? Chỉ vì mê Tánh Viên Minh này thì phân biệt vọng sanh ra.

Cho rằng phân biệt hư vọng đó là y nơi Chân mà sanh ư? Chân chẳng phải là môi giới cho vọng. Cho rằng phân biệt hư vọng đó là y nơi cảnh mà sanh ư? Cảnh chẳng phải là nguồn phát xuất của tâm. Rõ không có chỗ nương túc là không có tự thể. Vọng vốn không có tự thể, thì vọng ấy túc là chân ấy,

ngay đó hiện là Chân Tâm, chẳng phải trừ vọng để có chân. Khởi ra cái vọng phân biệt rồi lại muốn trở về cái chân, thì một niệm về chân này hoàn toàn là vọng. Vì sao thế? Tánh Chân Như chân thật vốn tự vô tâm, cái chân há có thể đắc để mà muốn được ư? Hễ muốn chân liền chẳng phải chân. Trong cái chẳng phải chân mà cầu trở về thì đó cũng là trở về nơi cái chẳng phải chân vậy. Thế thì rõ là chẳng hiện thành những tướng phi chân sao? Có vọng, có chân, chân cùng vọng đối thì chân đó đã là vọng rồi vậy. Có thể cầu, có thể trở lại, ắt thuộc về tạo tác, mà tạo tác đâu có thể là chân. Do đó mà nói “*Rõ ràng hiện thành phi tướng*”.

Cái gọi là tướng, đó là Sanh Tướng, Trụ Tướng, Tâm Tướng, Pháp Tướng. Vô sanh mà cho là có sanh thì cái sanh ấy là phi vậy. Vô trụ mà cho là có trụ thì cái trụ ấy là phi vậy. Vô tâm mà cho là có tâm thì cái tâm ấy là phi vậy. Vô pháp mà cho là có pháp thì pháp ấy là phi vậy. Đó là bốn cái phi tướng xoay vần sanh nhau.

Nương nơi pháp mà sanh tâm thì cảnh giới làm duyên mà sanh ra Trí Tướng, Tương Tục Tướng. Do tâm trụ vào pháp thì do hai thứ Trí Tướng và Tương Tục Tướng mà lại khởi ra Chấp Thủ Tướng và Kế Danh Tự Tướng. Tâm cùng pháp tương sanh thì đó là sanh lực phát minh. Bốn cái này đều là hoặc (mê lầm) huân tập thành nghiệp, bèn khởi ra cái nghiệp tướng vậy.

Do có đồng nghiệp cảm ứng lẫn nhau mà sanh diệt tương tục, đó là nghiệp-hệ-khổ-tướng vậy. Bởi có ba thứ hoặc,

nghiệp và khổ mà thành đên đảo của chúng sanh. Như chẳng mê bốn tánh viên minh thì sanh chẳng phải sanh, trụ chẳng phải trụ, tâm chẳng phải tâm, pháp chẳng phải pháp, vọng chẳng phải vọng, không gì chẳng phải Chân, đên đảo làm sao có?

Xưa, Đức Văn Thủ hỏi Đức Duy Ma: “Thân lấy gì làm gốc?”

Đáp rằng: “Tham dục làm gốc”.

Hỏi: “Tham dục lấy gì làm gốc?”

Đáp rằng: “Hư vọng phân biệt làm gốc”.

Hỏi: “Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?”

Đáp rằng: “Đên đảo tưởng làm gốc”.

Hỏi: “Đên đảo tưởng lấy gì làm gốc?”

Đáp rằng: “Vô trụ làm gốc”.

Lại hỏi: “Vô trụ lấy gì làm gốc?”

Đáp rằng: “Vô trụ ấy không gốc. Nay Ngài Văn Thủ Sư Lợi, từ gốc vô trụ lập cả thảy pháp”.

Có nhà sư hỏi Tô Pháp Nhã: “Trong kinh có nói: “*Từ gốc vô trụ lập cả thảy pháp*”. Thế nào là gốc vô trụ?”

Tô Nhã nói: “Hình khởi mà chưa là chất, danh có mà chưa là danh!”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“Hết dấu vết, bắt tin tức
 Mây trắng không căn, gió mát không sắc
 Tan khắp bầu trời mà chẳng phải tâm
 Nắm giữ quả đất mà nào có lực
 Rỗng suốt cội nguồn thiên cổ
 Đức nên khuôn mẫu muôn loài
 Sát trần đạo hội: chốn chốn Phổ Hiền
 Lâu các môn khai: từng từng Di Lặc”.

Tô Tuyết Đậu đưa cây gậy lên nói rằng: “Đại chúng! Cây trụ trượng là hình danh nêu hết: Hình túc vô hình, danh túc vô danh!”

Chư vị Lão Túc quả có một đoạn tác dụng viên minh, chẳng sa vào tri giải. Chốn chốn trần trần tìm danh tướng chúng sanh còn chẳng thể đắc, huống gì là cái điên đảo.

Kinh: “Anan, thế nào là điên đảo tạo thành thế giới?

“Cái có đó có được là do từng phần từng đoạn vọng sanh. Do đó mà Giới (Không Gian) kiến lập, chẳng phải nhân mà làm nhân, không có trụ mà làm trụ. Trôi dời chẳng trụ, do đó mà Thế (thời gian) thành. Bốn phương ba đời hòa hợp giao thiệp lẫn nhau biến hóa thành chúng sanh mười hai loài. Thế nên, thế giới thì nhân động có tiếng, nhân tiếng có sắc, nhân sắc có hương, nhân có hương có xúc, nhân xúc có vị, nhân vị biết pháp. Sáu vọng tưởng lộn loạn thành nghiệp tính, bởi thế mà có mười hai phần hạn (loài) xoay chuyển. Vậy nên trong thế gian, các thứ thanh, hương, vị, xúc... biến đổi cung tột đến mười hai lần là quay trở lại.

“Dựa theo tướng điên đảo luân chuyển đó mà có ra thế giới, thành những loài: nôan sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, phi hữu sắc, phi vô sắc, phi hữu tưởng, phi vô tưởng.

Thông rằng: Trong bốn quyền trước thì nói Phương (không gian), Thế (thời gian) giao thiệp lẫn nhau, biến đổi ba lần. Đó là đối với Y Báo (cõi giới) hiển bày Chánh Báo (chúng sanh), do vậy mà bảo rằng công đức của sáu căn, mỗi cái là một ngàn hai trăm.

Còn ở đây, trong sự giao thiệp lẫn nhau, lấy Y Báo theo Chánh Báo nên nói biến hóa thành mười hai loài chúng sanh để bày rõ điên đảo của thế giới. Ở trước thì nói rằng công đức, ở đây thì nói là điên đảo, đều là do sáu căn thành tựu. Chìm đắm túc là điên đảo, siêu việt túc là đồng đức, trong khoảng trở bàn tay vậy. Sáu căn, sáu trần là mười hai phần hạn. Kiến phần và tướng phần đan dệt với nhau thành mười hai biến hóa. Thanh, hương, vị, xúc là do bốn đại tạo ra. Sáu vọng tưởng lộn loạn huân tập thành chủng tử nghiệp tính. Đây là nguyên do thành lập ra kiến phần của mười hai loài. Từ đại nương theo mười hai phần hạn, luân chuyển cùng tột mười hai lần biến đổi. Đó là nguyên do thành lập ra tướng phần của mười hai loài. Căn thân thì gần gũi còn tướng phần khí giới là xa lạ. Tướng phần trọn không ra ngoài sáu trần. Chỗ khởi ra của sáu trần vốn không có trước sau, mà đây chỉ lấy thanh đứng trước. Vì sao thế? Khí trời đất mới động, Lôi Chấn (11) có ra tiếng, kinh động vang đến trăm dặm, nghe được rất xa nên chỗ tiếp xúc của sáu căn thì âm thanh là trước hết. Còn năm trần kia thì

lần lần đến gần mới biết được. Đến mùi vị lấy miệng mà biết, pháp thì dùng tâm mà biết lại càng gần nhất. Nhưng nói rằng nhân âm thanh mà tưởng thấy sắc, nhân sắc mà thầm biết hương, tiếp xúc hương mà nhân đó tiếp xúc với thể, nhân tiếp xúc với thể mà biết phân biệt mùi vị, nhân phân biệt vị mà biết chọn pháp thì đó là chuyện tương duyên mà khởi ra, không có trước sau.

Trong hai mươi lăm Viên Thông thì bắt đầu là âm thanh mà xoay lại cái nghe là kết thúc. Chỗ này cũng giúp cho thấy cái căn nghe là tối tròn vẹn. Nhưng căn với trần đan dệt nhau mà mỗi bên thành ra phần đoạn, đó là nghĩa Giới. Trôi dời chẳng ngừng, chuyển vần ba cõi đó là nghĩa Thế. Thế, Giới hòa hiệp, căn trần đầy lấp. Cái chỗ có mà có được là lấy cái chẳng phải nhân làm nhân. Vốn không có nguyên nhân gì mà lại vọng sanh phân biệt nên là cái đên đảo tạo thành thế giới. Nếu cả sáu vọng tưởng lộn loạn dứt ngay một lượt, trong chẳng thấy căn, ngoài chẳng thấy trần, thì cái thế giới này không có chỗ trụ, vốn tự vô sanh, thì còn có đên đảo gì đâu?

Thiền sư Sở Nam ban đầu tham hỏi Tô Phù Dung.

Tô Dung nói: “Ta chẳng phải thầy ông. Thầy ông chính là Hoàng Bá!”

Sở Nam bèn đến ra mắt Tô Hoàng Bá.

Tô Bá hỏi: “Ông khi chưa hiện hình tượng ba cõi thì sao?”

Sư Nam nói: “Vậy nay há là có sao?”

Tô Bá nói: “Có, không hãy để đó. Nay đây thì sao?”

Sư Nam nói: “Chẳng kim cô”.

Tô Bá nói: “Pháp nhã của ta đã ở nơi thân ông rồi vậy”.

Về sau, có nhà sư hỏi thiền sư Sở Nam rằng: “Thế nào là dễ?”

Sư đáp: “Mặc áo ăn cơm, không cần đọc kinh, học giáo, không phải hành đạo lễ bái hay đốt hương thiêu đảnh, thế chẳng dễ ư?”

Hỏi: “Thế nào là khó?”

Đáp rằng: “Mảy niệm vừa sanh bèn đủ cả năm ấm! Sanh tử luân hồi ba cõi đều từ một niệm nơi ông mà sanh. Bởi thế, Phật dạy chư Bồ Tát rằng: Đó là chô hộ niệm của Chư Phật”.

Thật như thiền sư Sở Nam tiền tế, hậu tế đều đoạn là do biết sợ một niệm động. Đó quả là thấu rõ cái nguyên nhân của thế giới đên đảo vậy.

Kinh: “Anan, do nhân thế giới hư vọng luân hồi, đên đảo về động, nên hòa hợp với khí thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tưởng bay lăn. Do đó mà có mầm trứng trôi lăn trong cõi nước: cá, chim, rùa, rắn... các loài đầy dãy.

“Do nhân thế giới tạp nhiễm luân hồi, đên đảo về dục nên hòa hợp với tư (phong nhuận, bồ báo) thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tưởng ngang dọc. Do đó mà có bọc thai trôi lăn trong cõi nước: người, súc vật, rồng, tiên... các loài đầy dãy.

“Do nhân thế giới chấp trước luân hồi, đên đảo về thú (thú hướng) nên hòa hợp với nōan (hơi nóng) thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tưởng nghiêng ngửa. Do đó mà có thịt mềm thấp sanh trôi lăn trong cõi nước: nhung nhúc, ngọ nguậy... các loài đầy dãy.

“Do nhân thế giới biến dịch luân hồi về đên đảo về giả nên hòa hợp với xúc thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tưởng mới, cũ. Do đó có thịt cứng hóa sanh trong cõi nước: lột vỏ, bay đi... các loài đầy dãy.

Thông rằng: Các pháp có trong ba cõi, tất cả do tâm tạo. Hết thảy không ngoài kiến phần và tưởng phần hòa hợp mà thành. Một niệm vừa động thì mới bắt đầu hư vọng phân biệt. Khi đã sanh ái thù thì thành tạp nhiễm. Càng ngày càng nhiễm sâu, bèn thành có bám chấp. Thế gian chưa từng có chuyện bám chấp hoài mà không nhả, vì rốt cuộc cũng phải theo biến dịch. Đây là cái cách thế tự nhiên của tình niệm trôi lăn vậy.

Cái động của niệm thì *tưởng* nhẹ mà *tình* nặng, nên trứng thì do tưởng sanh, mà thai thì bởi tình mà có. Trứng thì do khí giao nên tròn và động, mà tưởng nhiều thăng trầm nên cảm thành quả có cá, chim... khác nhau. Thai thì do tinh giao nên phong nhuận và nhiễm ô, mà tình thì có nghiêng, có ngay nên cảm thành quả có người, thú... các loại.

Chấp tình thì xu phụ chẳng rời, cũng là cái ý rằng mỗi thứ đam mê theo chỗ thú hướng của mình, nên *thấp* (âm ướt) nhân vào sự hợp cảm, chờ ngày khô ấm mới sanh ra. Tình mê thì khí trệ, chẳng nhờ giao hợp nên cảm ứng ra loài máy động.

Cái chấp tình đã biến đổi, lìa nơi đây nương nơi kia, cùng loại với biến dịch sanh tử, nhưng lại chẳng chân thật nên gọi là giả. Biến hóa thì dùng cái giả danh, xúc loại mà thành, hướng đến cái mới, chuyển đổi cái cũ. Đổi cũ thì như loài lột vỏ, đến mới thì như loài bay đi nhẹ nhàng. Tình đổi khí dời, mỗi thứ ứng với thể trạng của mình nên gọi là biến dịch luân hồi.

Mầm trứng mới nhập thai là hình thức thai và trứng chưa phân biệt. Bọc thai là hình thức thai và trứng đã dần dần phân biệt. *Thịt mềm* là hình thức ban đầu của thấp sanh, đã không nhập thai nên không có hai địa vị trên. *Thịt cứng* thì thoát vỏ mà thành hình, không có tướng nhuyễn mềm. Mỗi thứ có cạn sâu chẳng đồng, nhưng đều do sáu vọng tướng lộn loạn làm cái nhân điên đảo, cho đến đây dãy kết thành thế giới. Thế biệt Chân Tánh vô lượng, mà vô minh cũng vô lượng.

Thiền sư Khánh Thiện Năng thượng đường rằng: “Sự bất đắc dĩ mới cho các ông dây leo bám: hết thảy chúng sanh chỉ vì tâm, trần chưa chịu thoát, tình lượng chẳng trừ, thấy sắc nghe thanh, đuổi sóng bôn ba, trôi lăn ba cõi, lăn hụp bốn loài. Giả như chánh kiến chẳng minh, thì đụng đâu cũng thành vướng mắc. Nếu mà thị phi bỏ ráo, thiện ác mất tiêu thì yên ngồi đầu Báo, Hóa Phật, triệt hết lối nẻo thánh phàm. Đến chỗ ấy mới cho là có chút ít tương ứng. Dù cho như vậy, thì trên phần thầy tu chưa có gì là kỳ đặc. Vì sao như thế? Vừa có thị phi thì rối rắm mắt tâm. Ối!”

Có nhà sư hỏi thiền sư Báo Từ Tự: “Tình sanh, trí cách; tướng biến, thể thù (sai khác), chỉ như tình chưa sanh thì sao?”

Sư đáp: “Cách!”

Hỏi rằng: “Tình chưa sanh thì cách cái gì?”

Sư nói: “Cái anh chàng này, chưa gặp người vậy”.

Nếu luận về trên phàn thày tu thì tình tưởng chẳng sanh cũng còn phải đợi kèm dùi, huống chi là đuổi sóng bôn ba thì sao khỏi hụp lặn bốn loài?

Kinh: “Do nhân thế giới lưu ngại luân hồi, điên đảo về chướng nên hòa hợp với *trước* (bám níu) thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tưởng tinh diệu. Do đó mà có *yết nam sắc tướng*, trôi lăn trong cõi nước: lưu cữu, tinh minh... các loài đầy đầy.

“Do nhân thế giới tiêu tán luân hồi, điên đảo về cảm, nên hòa hợp với *ám* thành ra tám mươi bốn loạn tưởng âm ẩn. Do đó mà có *yết nam vô sắc*, trôi lăn trong cõi nước: không, tán, tiêu, trầm... các loài đầy đầy.

“Do nhân thế giới ảo tượng luân hồi, điên đảo về ảnh, nên hòa hợp với *úc* (nhớ) thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tưởng tiềm kết. Do đó mà có *yết nam hữu tướng*, trôi lăn trong cõi nước: thần quỷ, tinh linh... các loài đầy đầy.

“Do nhân thế giới ngu độn luân hồi, điên đảo về si nên hòa hợp với *ngohan* (ngu độn, ngoan cố) thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tưởng khô cằn. Do đó mà có *yết nam vô tướng*, trôi lăn trong cõi nước: tinh thần hóa làm đất, cây, sắt, đá... các loài đầy đầy.

Thông rằng: Sắc thuộc về tướng phần. Tướng thuộc về kiến phần. Tóm lại thì chẳng ra ngoài tú cú: có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không. Vậy là cùng tận sự biến thái của thế giới.

Hữu sắc thì bám níu nơi sắc, như sự thò phung mặt trời, mặt trăng, nước, lửa của ngoại đạo. Cái tướng đã kết thành tinh diệu cho nên chỉ có sắc mà thôi. Tinh diệu sanh nơi minh, minh sanh nơi “Giác”. Giác không có trụ tướng mà tinh diệu có dính mắc nên gọi là lưu ngại. Kinh Niết Bàn nói “Tám mươi vị thần đều nhân nguồn tướng lưu ngại mà thành cái tinh diệu này”. Bởi thế tất cả tinh minh, thần vật đều có thể dự biết trước, sự cát hung chưa từng rời Giác thể. Chỉ bởi chướng ngại nên chẳng lưu thông nên gọi là điên đảo về chướng.

Vô sắc thì bám níu nơi không, như sự chán cái có quay về cái không của ngoại đạo, mê cái vô văn (không nghe) hữu lậu nên gọi là hoặc (mê lầm). Mờ tối âm ẩn thì vào vô sắc giới. Hạng hữu tướng vô sắc này chẳng thành cái thân của nghiệp, nhưng sanh vô sắc giới nên cũng có yết nam tiêu tán.

Thần quý tinh linh không có hình trạng thật sự, hình như có, hình như không nên gọi là ảo tượng. Như cúng vái cầu đảo thì nương tựa nơi ảnh tượng, hết lòng cảm mộ ứng thông thì chỉ có nhớ tướng. Cái hình trạng tiềm kết chẳng phải có thực sắc nên chỉ có yết nam hữu tướng.

Đất, cây, vàng, đá có sắc mà không có tướng, ngoan không làm nhân nên gọi là si. Ngoại đạo cho sắt, đá cứng rắn là vô tình mà hữu mệnh bèn tập định ngưng đọng như tro tàn,

khô khan mê độn, gấp vật thành hình, giống như tiên Hoàng Đầu hóa thành đá, đó là yết nam vô tướng. Đây là do tà kiến ngoại đạo hóa ra vậy. Hữu sắc vô tướng không ngu ngoan mà làm cây, đá thì bám chấp mà làm tinh diệu, đó là tướng phần trồi vượt hóa nên mà làm vật vậy. Hữu tướng vô sắc chẳng ẩn mà làm quý vật thì tan ra mà làm không hình thể, đó là kiến phần trồi vượt hóa nên mà làm thần vậy. Thần Thuấn Nhã Đa (Hu Không) không có thân mà có cảm giác là thuộc về vô sắc giới.

Những thứ đó đều do sáu vọng tướng lộn loạn mà ra, chỉ vì đạo nhãnh chẳng sáng mà phải như vậy.

Có nhà sư hỏi thiền sư Kim Phong Chí: “Thân này vô tri, như đất, cây, ngói, đá. Ý này ra sao?”

Sư bước xuống thiền sàng, vặn tai nhà sư. Nhà sư đau quá la lên.

Ngài nói: “Ngày nay mới năm đầu được cái gã vô tri!”

Nhà sư làm lẽ, lui ra.

Ngài gọi: “Xà Lê!”

Nhà sư ngoái đầu lại.

Ngài nói: “Vào trong thiền đường, chớ có nói ra!”

Hỏi rằng: “Sao thế ?”.

Ngài nói: “Hắn có người cười tâm lão bà (12) của Kim Phong này”.

Lại có một hành giả ngồi trong tịnh thất, hào quang tỏa sáng ra, thiền sư trụ trì e mê hoặc trong chúng, nên đuổi đi. Đó là tu tập làm loạn, chẳng rõ cái chí lý bình thường vậy.

Quan Thiêm Phán Lưu Kinh Thần có viết thiên Minh Đạo Luận Nho để cảnh tỉnh đời, có câu “Minh Đạo ở chỗ thấy Tánh. Chỗ ngộ của ta là thấy Tánh mà thôi vậy”.

Ông viết tiếp: “Mạnh Tử nói: “Miệng ở nơi vị. Mắt ở nơi sắc. Tai ở nơi thanh. Mũi ở nơi mùi. Tú chi ở nơi thong dong. Đó là Tánh vậy”. Ông Dương Tử nói: “Thấy, nghe, nói nǎng, suy nghĩ là sở hữu của Tánh vậy. Thấy được như thế ắt là rõ Đạo.

“Phải biết Đạo chẳng xa người. Người ở nơi Đạo như cá ở trong nước, chưa hề có khoảnh khắc xa rời. Chỉ chẳng biết mình, chạy đuổi theo vật nên chung thân chẳng tự biết. Phật nói Đại Giác; Nho nói Tiên Giác, là chỗ Giác này vậy. Người xưa có câu “Xưa nay nào rót lọt, rõ ràng ngay trước mắt”.

Lại nói: “Đạo lớn chỉ ngay trước mắt. Chính vì trước mắt nên khó thấy. Muốn rõ Chân Thể của Đại Đạo thì chẳng rời ngôn ngữ, thanh sắc!”

Lại nói:

*“Đêm đêm ôm Phật ngủ
Sáng sáng lại cùng dậy
Đi đứng trọn theo nhau
Nói nín cùng yên ở*

*Muốn rõ chỗ Phật ư
Chỉ lời, tiếng là đó!".*

“Đó là chỗ nhà Phật nói Đạo là rất thân thiết vậy.

“Đứng thì thấy sờ sờ trước mắt. Ngồi trên xe liền thấy dựa nơi đòn ngang của xe. Ngắm xem thì ở trước, hốt nhiên là ở sau. Năm qua tả hữu thì gặp ngay đầu mối”.

“Đó là chỗ nhà Nho nói Đạo thật rất gần vây.

“Khôn nỗi, Đạo này chỉ có thể tâm truyền, chẳng lập văn tự. Bởi thế, Đức Thé Tôn đưa hoa lên mà diệu tâm truyền cho Ngài Ca Diếp. Đức Đạt Ma ngó vách mà tông chỉ phó cho Ngài Thần Quang. Sáu cánh đã bày (từ Tổ Đạt Ma đến Lục Tổ) thì ngàn hoa đua nở, phân tông khai phái mà mỗi mỗi môn định. Thế nên có nháy mắt, nhúóng mày, đưa nắm tay, dựng ngón tay, hoặc vung gậy, quát hét, dựng phất, dỡ chùy, hoặc cầm chĩa, dương cung, đá cầu, múa hốt. Hoặc đào đá, ban đất, đánh trống, thổi lông, hoặc nín hoặc nói, hoặc hô hoặc cười, cho đến hết thảy phương tiện đều chỉ thân thiết vì người. Nhưng chỉ vì cực kỳ thân thiết mà người ta phần đông hoang mang. Chớp mắt là thấy, chẳng cách mấy tơ! Giả như trầm ngâm thì xa vời muôn dặm! Muốn rõ Đạo này chớ để trượt qua! Tổ Tổ truyền nhau đến nay chẳng dứt, quả là đắc cái mà nhà Nho ta gọi là “Không đâu chẳng đẹp lòng, nghe gì cũng chẳng trái” đó vây.

“Chỗ tâm đắc của tôi thật ở môn này. Suy nghĩ lại thì đạo Nho tự có Đạo ấy. Lành thay lời nói của Đức Khổng Tử: “Im lặng mà biết đó, một thể mà suốt thông”. Cho nên mắt thấy mà

Đạo còn, tay chỉ mà ý dụ. Phàm như thế thì đều hợp với diệu chỉ của tông môn, đặc cái chân cơ của giáo ngoại biệt truyền vậy. Thế mà Đạo của Khổng Tử truyền cho Tử Tư, Tử Tư truyền cho Mạnh Tử, Mạnh Tử mất mà chẳng có ai để truyền, nên cái được truyền lại ở đời chỉ là văn tự. Bởi thế cái học của tôi ắt là cầu tự được mới thôi. Hạnh phúc cho tôi là một đêm nọ được khai ngộ nên phàm mắt thấy gì, tai nghe gì, tâm nghĩ gì, miệng nói gì, tay chân vận động gì đều không gì chẳng là mầu nhiệm (diệu). Được rồi càng lâu ngày càng thêm hiện tiền. Có khi đem trao cho người, người chẳng lãnh nhận, mới biết diệu đạo quả chẳng có thể lấy văn tự mà truyền.

“Hời ôi, Đạo là vậy, có được người thì truyền, không có người thì tuyệt mất. Tôi đã được thế, có ai giống vậy không nhỉ? Suốt đời tôi có người ư? Không có người ư? Trong chỗ “Chẳng thể đặc” mà biết vậy. Nên tôi làm lời ký, tụng, ca để lưu truyền việc này, lại trước tác thiên này để chỉ dạy học trò của tôi đó”.

Kinh: “Do nhân thế giới tương đẫn luân hồi, điên đảo về *nguy* nên hòa hợp với *nhiễm* thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tưởng nhân y. Do đó mà có yết nam “Không phải có sắc mà có sắc” trôi lăn trong cõi nước: những loài sứa lấy tôm làm mắt... các loài đầy dây.

“Do nhân thế giới tương dẫn luân hồi, điên đảo về tánh nhân hòa hợp với *chú* thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tưởng hô triệu. Do đó mà có yết nam “Chẳng phải vô sắc mà vô sắc” trôi lăn trong cõi nước: chú trớ, yếm sanh... các loài đầy dây.

“Do nhân thế giới hợp vọng luân hồi, điên đảo về *võng* nên hòa hợp với *dị* thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tưởng hồi hối. Do đó mà có yết nam “Không phải có tưởng mà có tưởng” trôi lăn trong cõi nước : các loài tò vò, lấy chất khác thành thân mình... các loài đầy dãy.

“Do nhân thế giới oán hại luân hồi, điên đảo về *sát* nên hòa hợp với *quái* thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tưởng ăn thịt cha mẹ. Do đó có yết nam “Không phải vô tưởng mà vô tưởng” trôi lăn trong cõi nước: như con thỏ kiêu ấp đất cục làm con, hay chim phá kính áp quả cây độc làm con, con lớn lên thì trở lại ăn thịt cha mẹ... các loài đầy dãy.

“Đó là mười hai chủng loại chúng sanh.

Thông rằng: Sắc, tưởng là có hay là không, cũng như nghĩa âm dương đủ bao gồm muôn biến hoá. Nhưng trong âm có dương, trong dương có âm, tựa như âm mà thật là dương, hình như dương mà thật là âm, sự biến hóa không lường nổi. Loạn tưởng không cùng, chúng sanh vô tận, chẳng phải cái Trí Đại Viên Cảnh của Phật thì ai mà thấu suốt cho nổi?

Tương đối luân hồi là nương mượn vật, nên gọi là ngụy. Con súra dùng con tôm làm mắt, nghĩa là chẳng phải có sắc mà đợi vật khác để thành sắc. Đây kia khác chất nên gọi là hòa hợp với nhiễm duyên.

Còn như tà nghiệp dẫn nhau chỉ nhờ chú thuật hô triệu, chẳng phải đây có tánh kia cũng có thể dẫn, nên gọi là điên đảo về tánh. Bùa chú trù yếm này cũng hay biến hiện được, chẳng phải là vô sắc tướng. Nhưng mượn âm thanh mà tạo ra

hình chất, không do sanh lý nên vốn là vô sắc. Cái sức chú này từ con người làm ra, không có gì lạ lăm.

Con tò vò vốn là sâu lá dâu, chẳng phải có cái tướng con ong mà lại thành cái tướng con ong, vì lấy chất khác nên chẳng phải như thai hay trứng là truyền mạng trong tướng, rốt là thành lẫn nhau. Chú kia theo ta, lấy vọng hóa ra vọng, cái khác mà lấy cho là của mình, nên gọi là hồi hố. Đây là loài khác nhau mà nương nhau, tuy gọi là hợp vọng cũng chưa là kỳ quái.

Như con thỏ kiêu, phá kính, lấy vật khác làm con, con lớn lên thì trở lại ăn thịt, mất hết luân thường đạo nghĩa, chẳng phải là cái lý thường nên gọi là kỳ quái. Tất cả đều do nhiều đời oán hại nên sanh lẫn nhau, giết lẫn nhau, đổi thương thành oán, đổi oán thành thương, vay trả trả vay mà thành ra một chủng loại.

Con thỏ kiêu ăn mẹ, con phá kính ăn cha chẳng phải là vô tướng, nhưng đất cục và quả độc thì “có tướng” sao? Đến như Ghé-Mặt-Người (13) của Quốc sư Ngô Đạt là mối thù oán nhiều đời giữa Viên Án và Triệu Thố, nơi một thân mà tự hại nhau, thì loài thỏ kiêu, phá kính cách thân mà hại nhau đâu có thể so sánh. Viên Án, Triệu Thố chẳng phải là vô tướng, mà cái Ghé-Mặt-Người chẳng phải là hữu tướng. Đây là do phiền não kết thành, mỗi mỗi có tám mươi bốn ngàn luân hồi, theo nghiệp đời đời không cùng. Một thời đầy đầy, thì không cõi giới nào chẳng có, nhiều kiếp đầy đầy thì không đời nào mà chẳng thé! Không có chúng sanh chánh báo lấy gì mà cảm thọ

y báo? Không có thể giới y báo lấy gì mà thành ra chánh báo? Vậy điên đảo của thế giới chính là điên đảo của chúng sanh. Cũng đều do phản bội cái giác, hợp với trần chứ chẳng có hai nhân nào hết vậy. Chỗ này đối với chúng sanh thì chỉ dạy sơ lược về nguồn gốc điên đảo, còn đối với thế giới thì chỉ rõ thực trạng của điên đảo. Điên đảo chính là nghiệp quả mà ở trước nói là “Ba cái tương tục”, là gồm chung hết vậy.

Nhà sư hỏi Tô Bách Trượng: “Như nay thọ giới, thân khẩu trong sạch, đã đủ muôn thiện, có được giải thoát không?”

Tô Trượng nói: “Giải thoát chút ít! Nhưng chưa được tâm giải thoát, cũng chưa được nhất thiết xứ (cả thảy chỗ) giải thoát”.

Hỏi rằng: “Thế nào là tâm giải thoát và nhất thiết xứ giải thoát?”

Tô Trượng nói: “Chẳng cầu Phật, Pháp, Tăng cho đến chẳng cầu phước trí, tri giải hết thảy đó. Cái tình sạch dơ hết ráo mà cũng chẳng giữ cái không cầu này cho là phải. Cũng chẳng trụ nơi chỗ hết này, cũng chẳng khoái thiên đường, sợ địa ngục, trói buộc hay giải thoát đều không ngại. Như thế thì thân tâm cùng nhất thiết xứ đều là giải thoát.

“Ông chớ nói có chút phần giới thân, khẩu, ý trong sạch bèn cho là xong, mà chẳng biết hằng sa giới định huệ, vô lậu giải thoát đều chưa ăn nhầm một mảy lông. Hãy nỗ lực tiến tới, cần dũng mãnh cứu xét lấy, chớ đợi đến tai điếc mắt mờ, da nhăn tóc bạc, già khồ đến thân, sầu thương rối buộc, nước mắt lưng tròng, tâm hồn sợ sệt, hoàn toàn không có chỗ tựa

nương, chẳng biết chở về. Đến lúc đó rồi thì sửa sang lo liệu chẳng được đâu! Dù có phước trí, danh văn, lợi dưỡng đều chẳng thể cứu.

“Cũng bởi tâm nhẫn chưa mở ra, chỉ nghĩ nhớ theo cảnh, chẳng hề chịu soi trở lại, lại không thấy Phật Đạo. Bao nhiêu nghiệp duyên thiện ác một đời hiện ra trước mắt, hoặc vui mừng hoặc khủng khiếp. Năm uẩn, sáu đường cùng lúc hiện ra trước mặt, phô bày nhà cửa đẹp đẽ, thuyền bè xe cộ tráng lệ huy hoàng. Tất cả đều từ thân tâm tham ái mà hiện ra. Đường ác mà mê mờ đều biến thành cảnh tốt đẹp, chỉ tùy theo chở nồng nặc của tham ái, sự dẫn dắt của nghiệp thức, theo chở bám níu mà họ sanh, tuyệt chẳng có chút gì tự do. Rồng, thú, tốt, xấu mịt mờ đều chưa định”.

Hỏi rằng: “Như sao là được phần tự do?”

Tô Trượng nói: “Ngay đây được thì được. Hoặc là đối với ngũ dục, bát phong, tình không lấy bỏ, tiếc lẩn, tham ái. Tình ngã sở tuyệt mỉm, dơ sạch tiêu vong. Như mặt trời, mặt trăng giữa không chiếu soi không dính dáng. Tâm tâm như gỗ đá, niệm niệm như cứu lửa cháy đầu, hay như con hương-tượng vượt sông, chặt đứt dòng mà qua, không còn nghi ngờ vướng víu. Người như thế thì thiên đường, địa ngục làm sao nghiệp giữ”.

Than ôi, Tô Bách Trượng định ninh răn dạy, chẳng tiếc từ bi. Cần ở nơi chở cẩn dặn mà dũng mãnh tinh thức, dựng đứng tâm tư, mới hay rằng cái nhân đên đảo nào có do ai, mới hay cái Chân Tam Ma Địa vốn tự sẵn đủ xưa giờ. Đến chở “Sạch

đo đều mất, thiên đường địa ngục làm sao nghiệp giữ” thì còn mười hai chủng loại nào mà xoay chuyển được ư?

Chú Thích q7

- 01 Trầm thủy loại thô, màu đỏ.
- 02 Nghe thật.
- 03 Người.
- 04 Có bốn nghĩa: muối, đồ dùng, nước và ngựa.
- 05 Sao chổi.
- 06 Chày báu.
- 07 Mười bài kệ của thiền sư Đường An Sát.
- 08 Bốn phần Luật.
- 09 Đức Sơn.
- 10 Sự cùng tột của Thiền.
- 11 Sấm sét, quẻ Dịch.
- 12 Tù bi.
- 13 Xem tích Ông Ngô Đạt trong kinh Thủy Sám. Ở đây sơ lược như sau. Ông Ngô Đạt, kiếp trước tên Viên Án, có hại một người tên Triều Thố. Kiếp này y đi theo báo oán: làm một cái mực ghê lồi lên hình mặt người, hành hạ đau đớn để trả thù.
- 14 Cả thảy chõ.

Quyển 8

III. KHAI THỊ BA TIỆM THỨ TU TẬP

Kinh: “Anan, như thế chúng sanh trong mỗi mỗi loài cũng đều đầy đủ hết mười hai thứ điên đảo. Cũng như dụi mắt thì hoa đốm cuồng loạn phát sanh, Chân tâm tròn sáng trong sạch nhiệm màu mà điên đảo thì đầy đủ loạn tưởng hư vọng như thế. Nay ông tu chứng Tam Ma Đề của Phật thì đối với các loạn tưởng làm nguyên nhân cội gốc của các điên đảo, phải lập ra ba tiệm thứ mới trừ diệt được. Cũng như trong đồ đựng sạch sẽ trừ bỏ mật độc, dùng nước nóng và chất tro, chất thơm rửa sạch đồ đựng, rồi sau mới chứa nước cam lồ.

“Thế nào là ba món tiệm thứ? Một là, tu tập trừ các Trợ Nhân. Hai là, chân tu, nạo sạch Chính Tính. Ba là, tăng tiến trái lại Hiện Nghiệp.

Thông rằng: Mười hai thứ điên đảo đều từ trong chân tâm minh tịnh biến khởi. Bắt đầu trong một niệm ái thủ. Có thương thì có ghét, có thủ thì có xả. Do đó, bốn thứ thai, nõan, thấp, hóa đều do tình, tưởng, nặng nhẹ tùy theo mỗi loài.

Các loài hữu sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng chỉ là hai cú hữu, vô. Nhưng do cái tưởng mà sanh hóa, thì tưởng càng ngày càng vi tế, sự sanh hóa càng lần lần thuần khiết. Các loài hoặc chẳng phải hữu sắc, hoặc chẳng phải vô sắc, hoặc chẳng phải hữu tưởng, hoặc chẳng phải vô tưởng gồm ở trong ấy hai cái “*cũng là*”, hai cái “*chẳng phải*”. Quả là do tình mà biến hóa, tình càng vướng mắc thì càng biến hóa càng khô. Tình,

tưởng, thương, ghét phô bày lỗn lộn, không loài nào chẳng có, nên trong mỗi loài mỗi đều đủ mười hai thứ điên đảo.

Tình, tưởng giống như mắt nhặt; điên đảo giống như hoa đốm lăng xăng. Hoa đốm lăng xăng ở trong hư không mà chẳng ngăn ngại được hư không. Điên đảo ở trong chân tâm diệu viễn mà chẳng thể chướng ngại tánh diệu viễn. Dù đủ loạn tưởng hư vọng thế kia, rốt ráo nơi chân tâm minh tịnh chẳng hề ngăn ngại, rồi sau thấy được cái diệu viễn vậy. Chân tâm diệu viễn tức là Tam Ma Địa, rỗng suốt nhiệm mầu bao la như hư không tịnh ráo. Mười hai thứ điên đảo chỉ do sáu vọng tưởng hỗn loạn làm bốn nhân. Mắt nhặt nếu trừ, hoa cuồng tự dứt.

Nhưng trừ loạn tưởng phải lập ra ba món tiệm thứ. Vì sao? Vì như một cái bình sạch, vốn là đồ chứa đựng nước cam lồ, một khi bị mật độc nhiễm dơ mà đổ ngay cam lồ vào thì cam lồ trở thành thuốc độc. Ất là phải súc rửa bằng nước sôi cọng với tro, chất thơm cho trơn sạch, trải qua tháng năm, thì độc khí dần dần tiêu, cam lồ mới có thể cho vào. Ba món tiệm thứ này chính là nước sôi, tro, chất thơm để rửa sạch loạn tưởng vậy.

Bốn thứ khuyên dạy ở trước là sát, đạo, dâm, vọng đã đủ chánh giới, đây lại trừ trợ nhân của dâm, nộ, si, nạo sạch cái chánh tính của sát, đạo, dâm, vọng, dần dần xa lìa vô minh hiện hành. Do đấy tăng tiến, ngược dòng toàn nhất, sáu cái dụng chẳng hiện hành, trái nghịch hiện nghiệp thì tâm không trôi dạt. Tình ái khô khan, loạn tưởng không tự khởi lên thì

điên đảo lấy đâu mà sanh? Chỉ một chân tâm rồi sau mới an lập các thánh vị. Bốn mươi bốn tâm để nhập chân Tam Ma Địa của Diệu Giác. Cũng như mật độc đã tiêu, bèn chưa được cam lồ vậy.

Thiền sư Đại Tùy Chân thượng đường nói: “Tánh này vốn xưa nay thanh tịnh, sẵn đủ muôn đức. Chỉ bởi hai duyên nhiễm, tịnh mà có sai khác. Cho nên các thánh ngộ nó thì cứ một bồ dùng trong sạch mà thành đạo giác. Người phàm mê nó thì cứ một bồ dùng do nhiễm mà chìm đắm luân hồi. Thế nó không hai, nên kinh Bát Nhã nói “Không hai, không hai phần vì không riêng không dứt vậy”.

Nếu tin được lời nói của Ngài Đại Tùy, “*Thế nó không hai*”, thì vốn là một bình chúa tinh sạch, chúa độc mật chẳng có hao bớt mà đựng cam lồ cũng chẳng tăng thêm. Thẳng đến Bồ Đề Vô Thượng, nhiễm tịnh đều không dính dáng, thì sau có dẹp bỏ chỗ nói về ba món tiệm thứ cũng không phải là không thể được vậy.

Kinh: “Thế nào là Trợ Nhân?”

“Anan, mười hai loài chúng sanh đó trong thế giới không thể tự toàn, phải nương theo bốn cách ăn mà sống, đó là Đoạn Thực, Xúc Thực, Tư Thực, Thức Thực. Vậy nên Phật bảo tất cả chúng sanh đều nương cái ăn mà sống còn.

“Anan, tất cả chúng sanh ăn thức lành thì sống, ăn thức độc thì chết. Vậy những chúng sanh cầu Tam Ma Đề phải dứt bỏ năm thứ rau cay trong thế gian. Năm thứ rau cay này, ăn chín phát lòng dâm, ăn sống thêm lòng giận. Trong thế gian,

những người ăn rau cay đó đều có thể tuyên thuyết mười hai bộ kinh, thì Tiên Thiên mười phương không thích hôi nhóp đều lánh xa cả. Các loài quỷ đói ... nhân lúc người ấy đang ăn bèn liếm môi mép. Thường ở với quỷ, nên phước đức ngày càng tiêu mòn, lâu dài không được lợi ích. Người ăn rau cay ấy, tu Tam Ma Địa, Bồ Tát, Thiên Tiên, Thiện Thần mười phương không đến thủ hộ. Đại Lực Quỷ Vương thừa cơ hội đó hiện làm thân Phật đến thuyết pháp cho, chê phá cấm giới, khen dâm, nộ, si. Khi chết tự làm quyền thuộc Ma Vương, hưởng phước Ma hết, đọa vào ngục Vô Gián. Anan, người tu Đạo Bồ Đề vĩnh viễn dứt bỏ năm thứ rau cay.

“Đó là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhất.

Thông rằng: *Đoạn Thực* cũng gọi là Đoàn Thực, nghĩa là lấy tay viên tròn lại mà ăn. Nhưng có thứ không thể vê tròn nên đổi thành đoạn. Đoạn là cắt ra từng khúc, như dao cắt. Các thức ăn cơm, bún, rau... ăn theo lối cắt. Đó là cách ăn của con người.

Xúc Thực là ăn theo lối căn, cảnh, thức tiếp xúc nhau mà thành. Chỉ tiếp xúc cái khí vị mà thôi, đó là cách ăn của quỷ thần.

Tư Thực là cõi Thiên không có đoạn thực, chỉ có ăn bằng tư tưởng, nên nói “*Nghĩ đến ăn thì được ăn*”.

Thức Thực là cõi Vô Biên Xứ, không ăn bằng tư tưởng mà chỉ có cái thức biết ăn, thức thủ (hiểu lấy) mùi vị Pháp đầy đủ nêno.

Các lối ăn xúc, tư, thức thực cũng đều có thể nuôi sống như đoạn thực, nên nói “*Đều nương theo cái ăn mà sống còn*”. Bộ Hiệp Luận nói: “Thức thực là A Lại Da Thức nương theo ba cách ăn trước mà tồn tại. Làm sao để biết? Năm thức trước là tướng phần tự chứng của A Lại Da. Thức thứ sáu và thức thứ bảy là kiến phần tự chứng của A Lại Da. Phạm vi của năm thức trước nương vào đoạn thực. Thức thứ sáu phân biệt nương vào xúc thực. Thức thứ bảy nương vào tư thực. Cho nên thức thực nương vào ba loại ăn trước mà tồn tại”.

Tất cả chúng sanh ăn thức ăn lành thì sống, ăn thức ăn độc thì chết, thì há năm loại rau cay nhớp mà không trợ dâm, sanh giận ư? Rốt cục Trời, Tiên xa lánh, thường ở với quỷ, cũng chẳng khác gì ăn thức ăn độc. Nhưng dâm, giận ngày càng tăng, hẳn là chê phá cấm giới, đọa vào ngục Vô Gián. Như vậy há có thể không cẩn thận ngay ở chỗ vi tế ư?

Hòa Thượng Kim Ngưu mỗi lần đến giờ ăn, tự đem thùng cơm đến trước tăng đường, mút cười ha hả mà rằng: “Bồ Tát ơi, đến ăn cơm!”

Ngài Tuyết Đậu nói: “Tuy nhiên như thế, Kim Ngưu chẳng phải hảo tâm!”

Nhà sư hỏi Tô Trường Khanh: “Cô nhân nói “Bồ Tát ơi, đến ăn cơm”, ý chỉ như thế nào?”

Tô Khánh nói: “Cũng giống nhân bữa ăn mà ca mừng”.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Trong bóng mây trăng cười ha hả
Hai tay bưng đèn trao người ta
Nếu quả Kim Mao Sư Tử nhỏ
Ngoài ba ngàn dặm thấy sai ngoa”.*

Lại có vị tăng hỏi Tô Triệu Châu: “Kẻ học nhân mới vào tùng lâm, xin thầy chỉ bày cho”.

Tô Châu nói: “Vậy ăn cháo rồi chưa?”

Vị tăng: “Dạ, ăn rồi”.

Tô Châu nói: “Thì rửa chén bát đi!”

Vị tăng (có) tinh ngộ.

Tô Văn Môn nói: “Hãy nói là có chỉ bày hay không chỉ bày? Nếu nói có thì Triệu Châu nói cái gì với ông ta vậy? Nếu nói không thì vì sao vị tăng kia lại ngộ?”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Cháo xong thì dạy rửa bát đi
Rỗng rang tâm địa tự dung thông
Như nay, khách tham thiền no đủ
Thứ nói khoảng này có ngộ không?”.*

Hợp lại chỗ để xương của các vị Lão Túc để rõ ràng mùi mè, thì dầu trăm thứ món ngon của lạ cũng cần móc ói ra,

huống chi thú thuốc độc năm loại rau cay há có thể cho vào miệng ư?

Kinh: “Thế nào là Chính Tính?

“Anan, chúng sanh như thế vào Tam Ma Đè trước hết cốt phải nghiêm trì giới luật thanh tịnh, vĩnh viễn đoạn trừ lòng dâm, chẳng dùng rượu thịt, chỉ ăn đồ ăn trong sạch nấu chín, không ăn đồ sống. Anan, người tu hành đó, nếu chẳng đoạn dâm dục và sát sanh mà ra khỏi ba cõi, thì không thể có. Phải quán sát sự dâm dục như rắn độc, như thấy giặc thù.

“Trước hết, hãy giữ gìn Tú Khí, Bát Khí của giới luật Thanh Văn, nắm giữ thân chẳng động. Sau đó, hành trì luật nghi thanh tịnh của hàng Bồ Tát, nắm giữ tâm chẳng khởi. Giới cấm thành tựu thì trong thế gian đời đời không còn nghiệp sanh sát nhau. Trộm cướp chẳng làm, thì không còn mắc nợ nhau, và khởi trả nợ đời trước trong thế gian. Người trong sạch đó tu Tam Ma Địa, ngay nơi thân xác thịt do cha mẹ sanh, không cần thiên nhãn tự nhiên xem thấy mười phương thế giới, thấy Phật nghe Pháp, chính mình vâng lịnh thánh chỉ của Phật, đắc đại thần thông, đạo khắp mười phương thế giới, túc mạng được thanh tịnh, được không khó khăn nguy hiểm.

“Đó gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ hai.

Thông rằng: Sát, đao, dâm sao gọi là *Chính Tính*? Kinh Viên Giác nói: “Hết thấy chúng sanh đều lấy dâm dục mà “chính (tạo thành)” tánh mạng”. Vì chánh báo của chúng sanh do cảm lấy dâm dục mà sanh ra, nên lấy dâm dục làm chính

tính, tức là ở trước có nói tánh nghiệp, giá nghiệp. Lại vì đối với trợ nhân mà nói, nên gọi là chánh tính. Nói là *nạo sạch*, ví như nạo khoét cây làm thuyền, dần dần làm cho trống không để mang chở. Nên tánh nghiệp, giá nghiệp đều không mới hợp với nghĩa nạo vét.

Cái căn dâm rất khó đoạn, phải xem như rắn độc, vì hại đến Pháp Thân vậy. Phải thấy như giặc thù vì làm tổn thương huệ mạng. Trước giữ giới Thanh Văn khiến không có thân phạm. Sau giữ giới Bồ Tát khiến không có tư tưởng phạm. Cấm giới thành tựu thì giới mà không có chỗ giới. Dâm dứt thì không còn nghiệp tương sanh. Sát dứt thì không có nghiệp tương sát. Trộm cắp dứt thì không có nghiệp trả nợ. Ngay nơi thân tâm này sáu căn thanh tịnh, không cần thiền nhẫn mà chứng ngũ thông. Nhẫn thông nên xem thấy mười phương. Nhĩ thông nên nghe Phật thuyết pháp. Thần thông nên có thể đạo khắp mười phương cõi. Túc mạng thông nên không có khó khăn nguy hiểm. Tha tâm thông, tự tại ở trong ấy. Duy chỉ có lậu tận thông thì không dễ chứng. Chỗ này giống kinh Pháp Hoa dạy rằng: “Thân hiện tại được sáu căn thanh tịnh tức là địa vị tương tự. Thế thì nghiêm giữ giới luật thanh tịnh đâu có thể tự trễ nải ư?”

Thiền sư Dũng Tuyền Hưng thượng đường nói: “Tôi bốn mươi chín năm ở trong ấy mà còn tự có khi lộn xộn (tẩu tác). Nay các ngươi chớ múa mỏ khua môi. Người kiến giải thì nhiều, người hành giải cả vạn, trong đó không có một người hiểu rõ lời lẽ biết suốt cái cần yếu. Nếu thức chẳng hết, dám nói hết chuyện luân hồi ư? Vì sao như vậy? Bởi vì thức lậu

chưa hết. Ông mà hết sạch ngay giờ mới được thành lập. Cũng gọi là *Lập Trung Công*, chuyển công tựu thành cái kia. Cũng gọi là *Tựu Trung Công*, thân với cái kia vậy. Bởi thế, tôi mới nói: Người thân chẳng được độ, hắn chẳng độ người thân. Thí dụ như vậy còn chẳng hiểu thì chỉ tiến lên hít lấy cái hơi mù mịt, chỉ nắm giữ cái tánh loạn động nơi đầu lưỡi. Chẳng thấy Tố Động Sơn nói “Tương tục, ấy là đại nạn”. Các ông cần biết có sự việc này, nếu không biết, có ngày rồi khóc lóc!”

Mới biết rằng giới hạnh dũng mãnh, cốt yếu là dứt sạch tức thì, chuyển công thành vị, vào Tam Ma Địa. Chẳng thế thì dùng huyễn để tu huyễn, uống công siêng nhọc, ăn nhầm gì đến Tự Tánh đâu!

Kinh: “Thế nào là Hiện Nghiệp?

“Anan, người giữ gìn cấm giới thanh tịnh như vậy, tâm không tham dâm, đối với sáu trần ở ngoài không hay giong ruỗi theo. Do không giong ruỗi nên tự quay về tánh gốc. Trần đã chẳng duyên, căn không chồ hợp, ngược dòng toàn nhất, sáu dụng chẳng hành. Mười phương cõi nước sáng suốt thanh tịnh, như ngọc lưu ly bên trong treo mặt trăng sáng. Thân tâm rỗng khoái, bình đẳng diệu viễn, được đại an ổn. Mật Viên Tịnh Diệu của tất cả Như Lai đều hiện trong đó. Người ấy liền được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Từ đó lần lượt tu hành, tùy chồ phát Hạnh mà an lập các Thánh vị.

“Đó gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ ba.

Thông rằng: Hiện nghiệp là nghiệp tạo ra của Vô Minh hiện hành, tức là các nghiệp sát, đạo, dâm ở trên.

Giữ cấm giới thì đối với sáu trần ở ngoài chẳng hay giong ruỗi theo, hay đoạn trừ phiền não khách trần, hay trừ được kiến hoặc. Trần đã chẳng duyên theo thì căn không chõ gặp hợp, hay phá vô minh vi tế, hay trừ được tư hoặc. Chưa trừ hai cái hoặc thì cũng còn tùy thuận theo hiện nghiệp, chưa chịu nghịch lại. Giờ tự quay về tánh gốc, ngược dòng toàn nhất, thì lặng trong hợp vào lặng trong, nghịch lại với hiện nghiệp vậy. Vì giong ruỗi nên sáu dụng hiện hành, thế là trái với Giác, hợp với trần thành sáu vọng tưởng loạn khởi ra nghiệp hiện giờ. Bởi ngược dòng nên sáu dụng chẳng hiện hành, thế là trái với trần, hợp với Giác thành một tánh trong lặng tròn sáng, Mật Viên Tịnh Diệu của tất cả Như Lai đều hiện ra trong đó. Lý mật trí viên tịnh hành nhiệm màu phù hợp không dấu vết. Pháp Thân thanh tịnh như ngọc lưu ly. Chân Trí trong suốt giống như trăng sáng. Thân tâm rỗng khoái, căn, cảnh đều dung thông, diệu viên bình đẳng, được đại an ổn bèn được Vô Sanh Pháp Nhẫn mà vào Tam Ma Địa. Từ đó tiệm tu, an lập Thánh vị cho đến bậc Đẳng Giác.

Cái Giác này mới được vị Càn Tuệ Địa ban đầu trong Tâm Kim Cang, bèn chứng Tam Ma Địa của Phật, cứu xét tận hết bốn nhân, cùng tột vị Diệu Giác vậy. Đây là chõ bước vào, đoạn văn sau là chõ tu, rốt ráo chõ chứng, đều là Tam Ma Địa của Phật, đó gọi là “*Cửa vào một đường Niết Bàn của mười phương chư Phật*”.

Chõ này cốt ở Đốn Chứng, có sao lại lập thêm các món tiệm thứ để tăng tiến? Bởi vì Lý cần đốn ngộ, Sự theo đó lần hồi dứt trừ. Trước hết, trừ cái trợ nhân, kế nạo sạch chánh

tánh, rồi trái với hiện nghiệp. Tất cả đều ở trên sự mà tiêu dung dần dần. Cảnh càng vào Chân thì công phu càng thêm tέ mật. Tuy chủ đốn ngộ, chẳng bỏ tiệm tu. Đây là gồm trọn cả ba căn thượng, trung và hạ nên là Pháp Môn Viên Đốn vậy.

Thiền sư Kính Sơn Liễu Nhất thượng đường, nói: “Người học Đạo chạm cảnh, gặp duyên mà không thể lập tức thoát (tỏ suốt) đều vì nghiệp thức sâu nặng, vọng tình gắn chặt. Sáu cửa chưa dứt thì một chõ chẳng thông. Cái tánh thuần túy trong sạch không một điểm vết thì phàm phu khó đến. Cần ngay “*Vào rừng không động lá, vào nước không nổi sóng*” mới có thể thuận dòng sanh tử, vào với nhân gian. Chư vị ơi, có hiểu chẳng?”

Bèn lấy cây gậy quơ vẽ mà nói: “Chỉ hướng trong ấy mà tiến nhận”.

Giả sử có tay nào ở đây tiến nhận được, giống như lưu ly trong sạch ngậm trăng sáng ở trong, thì có gọi là người xong việc không, nhỉ?

Chẳng thấy Tô Nam Tuyền đang cùng Ngài Triệu Châu thưởng trăng.

Ngài Châu nói: “Bao lâu thì được tương tự như cái kia?”

Tô Tuyền nói: “Vương lão sư này hai mươi năm trước đã từng như vậy đó”.

Ngài Châu: “Nay thì sao?”

Tô Nam Tuyền bèn quay về phương trượng.

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Hai mươi năm trước đế
yên đó. Hai mươi năm sau làm sao đây? Có biết chỗ bước của
Vương lão sư chăng? Trong nhà không linh sàng, vợ đâu mặc
đồ tang!”

Ôi, “*Thanh tịnh như lưu ly bên trong treo trăng sáng*” tức
là chỗ đoạn sau nói “*Càn Huệ Địa*” vậy. Mật Viên Tịnh Diệu
của tất cả Như Lai đều hiện ra trong đó thì chỗ thấy chốn nào
chăng sáng tỏ, nhưng còn thiếu bước dãm đi. Thế nên, có biết
chỗ dãm đi của Tô Nam Tuyền thì hai mươi năm trước được
tương tự cái kia cũng là chưa xong.

MỤC HAI: AN LẬP CÁC THÁNH VỊ

I. CÀN HUỆ ĐỊA

Kinh: “Anan, người thiện nam ấy, dục ái cạn khô, cẩn cảnh chẳng phối hợp, cái thân tâm hiện tại không còn sanh tiếp nữa. Nắm lấy tâm rỗng sáng, thuần là trí huệ. Tánh huệ toàn sáng tỏ sáng mười phương thế giới. Mới có cái huệ khô khan, gọi là Càn Huệ Địa.

Thông rằng: Dục ái thấm nhuần thành nghiệp, cẩn và cảnh tạo nghiệp nên sanh tử nối tiếp, mê muội chẳng quay về. Nay lòng dục khô cạn, cảnh lui đi, nên cái thân tâm nhân thế chẳng còn sanh tiếp. Ngược dòng toàn nhất át giữ lấy cái tâm rỗng sáng. Sáu dụng chẳng hiện hành tức thuần là trí huệ. Chẳng dùng gì nơi dục ái thì huệ chẳng lìa ngoài tự tánh, như ánh sáng viên ngọc không dùng soi chiếu vật mà chỉ tự chiếu cái thể của nó.

Đây là cái sáng suốt cho đến chõ không lập ra cái sở, thì cái sáng toàn vẹn vậy. Mười phương cõi nước rỗng sáng thanh tịnh, ví như lưu ly ở trong treo trăng sáng, nên nói là “tỏ sáng”. Đây là dục ái cạn khô nên phát huệ, mới gọi là càn huệ. Lại chỉ mới có cái huệ khô khan, chưa đến chõ diệu viên, nên là sơ địa. Trong thập địa của kinh Đại Phẩm thì địa đầu tiên gọi là Càn Huệ. Trong Viên Giáo của Ngài Thiên Thai, trước Thập Tín lập ra Ngũ Phẩm Vị, gọi là nghĩa Thôi (chuyển đổi từ bỏ) cũng giống như Càn Huệ Địa của kinh Đại Phẩm. Kinh này chưa đến chốn này mà chõ lập ra danh vị của Ngài Thiên

Thai đã thâm hợp với Tâm Phật. Chẳng phải là bậc tự thân đến được hội Linh Sơn thì làm sao có được như thế!

Quan Đại Phu Lục Tuyên thưa với Tô Nam Tuyền: “Đệ tử cũng hiểu sơ sơ Phật Pháp”.

Tô Tuyền bèn hỏi: “Trong mười hai thời, ông làm gì?”

Đáp: “Chẳng dính mây lông”.

Tô Tuyền nói: “Còn là kẻ dưới thềm”.

Lại nói: “Ông há chẳng nghe “Quân Vương có đạo chẳng thu bầy tôi có trí” ư?”

Về sau, có nhà sư hỏi thiền sư Kim Phong Chí rằng: “Khi “Ngàn núi không mây, ngàn dặm tuyệt ráng” thì sao?”

Tô Chí nói: “Ngọn Phi Thiên Lãnh, phía nào mà chẳng mưa hết ra!”

Quả là cùng Tô Nam Tuyền trước sau một vết bánh xe. Thế biết Càn Huệ Địa cũng là chỗ tạm nghỉ. Bằng như cùng tận Diệu Giác thì cái ý rót ráo phải tự riêng khác.

II. THẬP TÍN

Kinh: “Cái tập khí của ngũ dục mới khô cạn chưa tiếp thông được với dòng nước pháp của Như Lai. Tức nhân tâm này, ngay giữa lần vào viên diệu mở bày, theo diệu giác viên chân thật, càng phát ra chân diệu. Diệu tín thường trụ, tất cả vọng tưởng hết sạch chẳng còn. Trung Đạo thuần chân, gọi là Tín Tâm Trụ.

Thông rằng: Ngay giữa lần vào, chẳng nghiêng về Không, chẳng nghiêng về Giả, đó là Trung Đạo diệu quán vậy. Vừa mới vào Quán, Tam Đế viên dung, như ba điểm của chữ Y nên gọi là viên diệu, đây là chỗ sức người có thể làm. Nơi Quán đã thành, theo cái Chân phát ra Diệu, khé hợp với lý Viên, nên gọi là Diệu Viên, đây là chỗ sức người không thể đáp ứng nổi.

Trung Đạo thì y nơi Chân, Diệu thì có cái chẳng phải do Chân. Từ Chân phát ra Diệu thì Diệu đó là Chân Diệu. Diệu mà chẳng phải do Chân nên chẳng thể thường. Trung Đạo thuần Chân nên Diệu ấy thường trụ. Cái diệu đã thường trụ thì hết thảy vọng tưởng không còn đất để chân vậy. Cái gọi là Diệu ấy chỉ riêng người ấy rõ biết ý thú của Diệu này, không thể dùng lời nói chỉ bày cho người được. Đức tin này rất chân thật nên gọi là Tín Tâm Trụ.

Tổ Quy Sơn nói với Ngài Ngưỡng Sơn: “Ông nên riêng tự hồi quang phản chiếu, người khác không biết chỗ tri giải của ông. Ông thử đem cái kiến giải chân thật trình lão tăng xem!”

Ngài Ngưỡng Sơn nói: “Như dạy con tự xem thì vào trong ấy không có viên vị, cũng không có một vật, một cái hiểu nào để trình Hòa Thượng”.

Tổ Quy nói: “Chỗ không có viên vị là chỗ kiến giải của ông thì chưa rời tâm, cảnh”.

Ngài Ngưỡng Sơn nói: “Đã không viên vị, chỗ nào có pháp? Lấy không vật làm cảnh”

Tô Quy nói: “Vừa rồi, chính ông có kiến giải ấy, phải không?”

Ngài Ngưỡng đáp: “Đẹ, phải”.

Tô Quy nói: “Nếu như thế thì đây đủ tâm, cảnh lẩn pháp, chưa thoát khỏi tâm ngã-sở. Nguyên vì có kiến giải trình tôi. Cho ông rõ được Tín Vị, còn Nhân Vị thì chưa!”

Về sau, Ngài Ngưỡng Sơn hỏi Ngài Song Phụng: “Sư đệ, gần đây chỗ thấy thế nào?”

Đáp rằng: “Theo chỗ thấy của tôi, thật không có một pháp để lưu tình”.

Ngài Ngưỡng nói: “Kiến giải của ông còn ở trong cảnh”.

Đáp rằng: “Tôi chỉ như vậy. Sư huynh thì sao?”

Ngài Ngưỡng nói: “Ông há chẳng biết “Không có một pháp để lưu tình” ư?”

Tô Quy Sơn nghe được, nói: “Một câu của Huệ Tịch e giết hết người trong thiên hạ”.

Xét nghiêm như vậy, ché bửa như vậy mới biết “*Theo Tánh Chân Thật, Diệu Viên càng phát ra Chân Diệu*”. Cái chỗ Chân Tín cách nhau xa hẳn với con đường tri giải vậy.

Kinh: “Chân tín sáng rõ, hết thấy viên thông. Ba thứ ám, xú, giới không thể ngăn ngại. Như vậy cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai tất cả tập khí bỏ thân, thọ thân đều hiện ra trước mắt, người thiện nam này đều có thể nhớ tưởng không quên mất, gọi là Niệm Tâm Trụ.

Thông rằng: Niệm Tâm Trụ ở trong Thập Tín này là túc mạng thông. Trước có nói “Cấm giới thành tựu, sáu căn thanh tịnh không cần thiền nhã, xem thấy mười phương túc mạng thanh tịnh, được không khó khăn nguy hiểm, cũng lần lần ra khỏi ngăn ngại” Ở đây, cả quá khứ, vị lai trong vô số kiếp đều có thể tưởng nhớ, át viên thông sáng rõ. Đây là trong Chân Tín phát khởi, Tánh Không đâu chẳng toàn khắp, nên suốt thông không đâu chẳng thấu đến. Đây là đã chứng Chân nêu địa vị “Tương Tự” chẳng thể sánh được. Không chứng Chân thì ấm, xú, giới làm ngăn ngại, nên không thể thông suốt. Nay nắm giữ cái tâm rỗng sáng; căn, cảnh chẳng dính nhau, lâu ngày thì Chân Diệu một mình bày lộ, siêu vượt lên căn, cảnh. Do đó, tất cả tập khí do Tu Hoặc kết thành như quá khứ bỏ thân, vị lai thọ thân đều rõ ràng trước mắt, mà không quên mất.

Cái niệm tâm vốn thuộc sanh diệt, nay lấy chân tín mà nắm giữ nó thì niệm cũng an trụ, túc niệm túc chân, lấy chân, vọng dung nhau thành một. Túc mạng thông từ bậc A La Hán cho đến cõi Phi Phi Tưởng, các ngoại đạo thì biết trước sau đến tám vạn kiếp. Nhưng vô số kiếp túc là a tăng kỳ kiếp thì ngoài Phật không ai chứng được. Xứ này, người biết quá khứ thì cũng đã có, còn người biết vị lai thì không nhiều.

Thiền sư Huệ Trung ở núi Ngưu Đầu nghe thiền sư Uy ra đời bèn đến thăm.

Thiền sư Uy vừa thấy, nói rằng: “Sơn chủ đến vậy”.

Ngài Huệ Trung cảm ngộ, ở lại hầu hạ.

Sau này, Huệ Trung xin đi các nơi tham học.

Một hôm, thiền sư Uy thấy cây Lăng Tiêu nơi Viện Cụ Giới gặp mùa Hạ nên héo úa. Có người muốn chặt đi, Ngài bảo: “Đừng chặt, khi Huệ Trung về, nó sẽ sống lại!”

Sau, Ngài Huệ Trung trở về, quả như lời nói, bèn giao Sơn môn cho Huệ Trung.

Lại như Ngài Linh Thọ, suốt hai mươi năm không có Thủ Tòa. Ngài thường nói: “Thủ Tòa của ta đã sanh rồi! Thủ Tòa của ta đang chăn trâu! Thủ Tòa của ta đang hành cước!”

Một hôm, bảo đánh chuông, ra ngoài tam môn tiếp đón vị Thủ Tòa. Đại chúng ra đón thì quả là Ngài Vân Môn đến, bèn mời thăng vào liêu Thủ Tòa.

Mở gói hành lý xong, trình thơ cho Tô Linh Thọ, viết rằng: “Đây là vị Thủ Tòa trong chùa, con mắt của trời, người”.

Ngài bèn mời Tô Vân Môn khai đường.

Hai vị Tôn Túc trên, có thể nói là đắc Niệm Tâm Trụ.

Kinh: “Diệu Viên thuần Chân, Chân Tinh phát hóa ra, các tập khí vô thủy thông thành một Tinh Minh. Chỉ nhân Tinh Minh ấy tiến đến chỗ Chân Tịnh, gọi là Tinh Tiến Tâm.

Thông rằng: Từ Chân Tín lần vào nén có thể tưởng nhớ. Từ Thuần Chân lần vào nén được cái Tinh Minh. Chân hay chuyển hóa cái vọng thì Chân Tinh phát hóa là không thể nghĩ bàn, nên tập khí từ vô thủy hóa thành Tinh Minh. Ở trước nói “Tập khí hiện tiền”, đến đây hóa thành Tri Giác Vô Thượng vậy. Tịnh mà đối với nhiễm thì chưa là Chân Tịnh. Chẳng dơ,

chẳng sạch mới là Chân Tịnh. Nhân dùng cái Tinh Minh này tiến đến Chân Tịnh, ấy là muốn dẹp bằng dấu vết của cái “*Thông thành một Tinh Minh*” mà đều chuyển hóa hết vậy. Sự chuyển hóa này chẳng thể làm được thì sự Tiên cũng chẳng *Tinh* vậy.

Nhà sư hỏi Tô Hoàng Bá: “Thế nào là Tinh Tiên?”

Tô Bá nói: “Thân tâm chẳng khởi, đó là tinh tiến mạnh mẽ đệ nhất. Vừa khởi tâm hướng ngoài tìm cầu thì gọi là “Vua Ca Lợi ưa đi săn bắn”. Tâm chẳng đi rong ở ngoài tức là “Tiên nhơn nhẫn nhục”. Thân tâm đều không, đó là Phật đạo”.

Kinh Pháp Cú nói: “Nếu khởi tâm tinh tiến, đó là vọng chư chẳng phải tinh tiến. Nếu tâm thường chẳng vọng, đó là Chân Tinh Tiên”.

Ngài Thiên Thai Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa ở núi Nam Nhạc đến chỗ phẩm Dược Vương: “Đó là Chân Tinh Tiên, đó gọi là chân pháp cúng dường Như Lai”, ngay đó ngộ nhập Pháp Hoa Tam Muội, được gọi là Toàn Đà La Ni, thấy Pháp Hội Linh Sơn rõ ràng chưa tan.

Đây có thể nói là tập khí vô thủy thông thành một Tinh Minh vậy. Hắn là tiến đến chỗ thân tâm đều Không, mới gọi là Chân Tịnh. Lìa ngoài Chân Tịnh mà riêng cầu chuyện tinh tiến đó là vọng vậy.

Kinh: “Tâm Tinh hiện tiền, thuần dùng Trí Huệ, gọi là Huệ Tâm Trụ.

Thông rằng: Càn Huệ Địa ở trước sao không gọi là Huệ Tâm Trụ? Trước nói: “Năm giữ tâm rỗng sáng”, là còn có năm giữ vậy. Đây nói: “Tâm Tinh hiện tiền”, tức là cái năm giữ đã chuyển hóa rồi vậy. Trước nói: “Thuần là Trí Huệ”, tức còn mang lấy cái “Là”. Đây nói: “Thuần dùng Trí Huệ”, tức đâu đâu cũng là cái dùng của Trí Huệ, đều mất cái Là vậy.

Chỗ này nếu chẳng phải Tinh Minh rõ suốt, linh quang hiển hiện thì chưa dễ nói ra được. Ban đầu thì nói có cái Trí Huệ ấy. Đến chỗ *thuần là Trí Huệ* thì có mà an trụ rồi, lại tiến thêm một bước.

Trong thiền môn thuần dùng Trí Huệ, duy chỉ có một tay Lâm Tế thật khó gặp một người thứ hai. Ngài thường nói: “Sơn tăng chốn này đoán định ba thứ căn khí: như hàng căn khí trung hạ đến, ta bèn đoạt Cảnh nó mà chẳng trừ Pháp nó. Nếu là hàng căn khí trung thượng đến, ta bèn Cảnh, Pháp đều đoạt. Như hàng căn khí thượng thượng đến, ta bèn Cảnh, Pháp, Người đều đoạt. Như có người kiến giải xuất cách đến thì sơn tăng chốn đây bèn toàn thể tác dụng, chẳng cần căn khí. Các Đại Đức, đến trong ấy mà chỗ nõ lực của học nhân chẳng thông rõ phong đại, lửa đá, chớp xẹt tức qua liền vậy. Người học mà con mắt định nếu động, liền mắt giao thiệp. Tâm nghĩ tức sai, động niệm tức trái! Có người nào rõ biết, chẳng lia trước mắt. Các Đại Đức, các ông mang bát phǎn, vác con chạy nhà người, cầu Phật, cầu Pháp nay cùng cái gì chạy tìm thế? Các ông chẳng biết nó chẳng? Sóng sờ sờ ra đó, chỉ cái chẳng bám níu. Ôm lấy chẳng tụ, vứt đi chẳng tan. Tìm cầu liền mất xa, không cầu là trước mắt”.

Linh âm phó chúc bên tai, như chẳng có tin uổng nhọc
trăm năm lần lửa. Như tin được “*Sóng sờ sờ ra đó*” thì với
Huệ Tâm Trụ đâu có xa!

**Kinh: “Nắm giữ Trí sáng, lặng trong cùng khắp, lặng lẽ
nhiệm màu thường lặng đọng, gọi là Định Tâm Trụ.**

Thông rằng: Đã thuần dùng trí huệ thì Huệ Tâm thường
trụ, sao lại còn dùng sự nắm giữ? Nói nắm giữ ý là quên cơ bỏ
trí. Trí huệ thường dùng, dùng tức ứng vật, bèn ở trong thể
lặng trong chẳng được tổng trì. Nay gom lại ánh sáng rực rỡ,
giữ mà chẳng dùng. Như Tô Lâm Tế nói: “Kiếm xuy mao
dùng xong cần mài ngay!”, tức là trong Tánh Diệu Trạm được
tổng trì vậy.

Tổng trì tánh chẳng động thì thường lặng đọng. Phàm,
tánh lặng trong, bản nhiên thanh tịnh, toàn khắp pháp giới, vốn
không động lay, lặng mà chẳng phải lặng, chẳng đồng với
tịnh-chết, nước đọng, nên gọi là Tịnh Diệu.

Cái Định Tâm Trụ này là “Khi Định thì Huệ ở tại Định”,
hoàn toàn chẳng liên can gì với cái thuyết “Trước Định sau
Huệ, trước Huệ sau Định” do sức người tu trì.

Ngài Trí Hoàng ban đầu ra mắt Ngũ Tổ, sau đó ở trong
am ngói thiền suốt hai mươi năm.

Ngài Huyền Sách, đệ tử của Lục Tổ, đến thăm, hỏi rằng:
“Ông ở đây làm gì vậy?”

Đáp: “Nhập định”.

Ngài Sách nói: “Ông nói nhập định, là có tâm nhập hay không có tâm nhập? Nếu không tâm nhập thì tất cả vô tình cỏ cây, ngói đá cũng là đắc định. Nếu có tâm nhập thì tất cả hữu tình các loài hàm thức cũng đều đắc định”.

Ngài Hoàng nói: “Chính khi tôi nhập định chẳng thấy có tâm “có-không”.

Huyền Sách nói: “Chẳng thấy có cái tâm có-không, đó là thường định, nào có xuất nhập! Nếu có xuất, có nhập ắt chẳng phải là đại định”.

Trí Hoàng không đáp được.

Giây lâu hỏi rằng: “Thầy ông là ai?”

Ngài Sách đáp: “Thầy tôi là Lục Tô”.

Trí Hoàng hỏi: “Ngài Lục Tô lấy gì làm thiền định?”

Huyền Sách đáp: “Thầy tôi nói rằng: “Cái Diệu Trạm Viên Tịch, thể dụng như như. Năm ấm vốn không, sáu tràn chẳng có. Chẳng xuất chẳng nhập, chẳng định chẳng loạn. Tánh thiền không trụ, lìa trụ thiền tịch. Tánh thiền vô sanh, lìa sanh thiền tướng. Tâm như hư không, cũng không có cái lượng hư không””.

Ngài Trí Hoàng nghe nói vậy, bèn đến ra mắt Lục Tô, kể lại hết sự việc.

Lục Tô nói: “Quả đúng như vậy. Ông chỉ tâm như hư không, chẳng giữ không kiến, ứng dụng không ngại, động tĩnh

vô tâm, tình phàm thánh mất, năng sở đều tiêu. Tánh tướng như như, không lúc nào mà chẳng là định”.

Trí Hoàng ngay đó đại ngộ, cái tâm sở đắc trong hai mươi năm trọn chẳng có ảnh hưởng gì. Đêm ấy ở Hà Bắc (03), quan dân nghe trên không có tiếng nói “Hoàng Thiền Sư ngày nay đắc đạo!”

Ngài trở về Hà Bắc khai hóa cho bốn chúng.

Lại có vị tăng hỏi thiền sư Hiển Đoan: “Lắng đọng lặng trong thì như thế nào?”

Tổ Đoan nói: “Chẳng phải là chỗ an thân lập mạng của Thầy Xà lê”.

Hỏi: “Như sao là chỗ an thân lập mạng của học nhân này?”

Đáp: “Mây có thể ra núi, nước không tiếng vào khe”.

Ngay đây hiểu được thì hằng vắng lặng mà chẳng lìa hằng tò soi. Đủ biết Định Huệ là pháp môn không hai vậy.

Kinh: “Ánh sáng của Định phát ra vào sâu tánh sáng, chỉ có tiến chó không lui, gọi là Bất Thối Tâm.

Thông rằng: Do Huệ vào Định, Định ấy chân chánh. Do Định phát sáng, cái sáng đó thâm sâu. Cái sáng không do định lực sanh thì nồng cạn, không có gốc nên chẳng thể vào sâu. Nay Định Huệ giúp nhau nên tánh sáng càng thấu suốt, có chỗ nhỏ nhiệm nào mà chẳng soi, có chỗ mật nhiệm nào mà chẳng tốt, cho nên có thể tìm đường hướng thượng. Tiến tới không

thôi, chỉ có tiến không có lui, đủ để thấy ánh sáng ấy là sâu xa vậy. Nếu có chút chǎng sáng thì phải có ý thối lui. Địa vị chǎng thối này do vô minh từ vô thủy bị đào thải gần hết, không thể bị chao động lầm lạc, cho nên chǎng thể lui sụt vậy.

Ngài Càn Phong thượng đường rằng: “Pháp Thân có ba loại bệnh, hai loại ánh sáng. Mỗi mỗi cần phải thấy suốt mới hiểu việc về nhà ngòi yên. Cần biết lại còn có hướng thượng nhất khiếu nữa”.

Ngài Văn Môn bước ra hỏi: “Người trong am có sao không biết chuyện ngoài am?”

Tô Phong ha hả cười lớn.

Vân Môn thưa: “Đó cũng là chõ nghi của kẻ học nhân này.”

Tô Phong nói: “Ông là cái tâm hạnh nào đó?”

Vân Môn nói: “Cũng xin Hòa Thượng giải quyết cho”.

Tô Phong nói: “Ngay đây cần cái gì thêm nữa mới hiểu chõ ngòi yên?”

Ngài Văn Môn cất tiếng: “Dạ, dạ”.

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Ngòi kẹt, bệnh hết thuốc chữa. Dùng kẹt, ánh sáng chǎng thấu thoát. Đầu cho tung hoành ngang dọc, toàn chuyển nhất-cơ cũng là chưa biết còn một cái *Hướng thượng nhất khiếu*. Còn được cái địa vị ngòi yên đây chǎng? Rót cùng, sương trắng tối, mặc nhiên rót đầu khe”.

Vân Môn thật là người trong cửa, còn chẳng biết việc ngoài cửa bởi vì đặc “Địa vị ngồi yên”. Nếu chưa đến chổ phần hạn của Vân Môn thì phải hướng về câu nói của Tô Càn Phong nhai nhẩm một phen mới rõ đường mạch chân thật của Bất Thối Tâm.

Kinh: “Tâm an nhiên tiến tới, giữ gìn chẳng mất, giao tiếp với khí phần của mười phương Như Lai, gọi là Hộ Pháp Tâm.

Thông rằng: Định huệ dung nhau vào bất sanh diệt. Tâm mà không cái tâm, tiến mà không chổ tiến. Một niệm tương ứng, không có tạo tác nên nói là an nhiên. Chưa đến chổ an thì còn mượn sự nỗ lực gìn giữ. Đã đến chổ an thì gìn giữ chẳng mất vậy.

Nói rằng chẳng mất là chẳng mất vật gì? Giữ gìn là giữ gìn việc gì? Đây là mạng mạch của chư Phật, xuyên suốt mười phương. Nay ta đã được tổng trì, át mạng mạch của chư Phật là ở ta, tinh thần có thể thông nhau, khí phần tự nhiên giao tiếp. Khí phần của ta giao tiếp với Phật, đó là ta hộ trì chánh pháp của Như Lai. Khí phần của Phật giao tiếp với ta, đó là Phật hộ trì chánh pháp của ta. Đến chổ này thì tư hoặc về ba cõi hết sạch, ấy là Chánh vị của sáu căn thanh tịnh vậy. So với Đại Phẩm là tương đương với Phật Địa, nên nói là “Chỗ hộ niệm của Chư Phật”.

Xưa, Đức Lục Tô giặt áo trên tảng đá bỗng có một nhà sư đến lê bái, bạch rằng: “Tên là Phương Biện, người xứ Tây Thục, mới rồi ở Nam Án mộng thấy Tô Sư Đạt Ma phú chúc rằng “Phương Biện hãy qua ngay Trung Thổ, ta truyền Chánh

Pháp Nhãm Tặng từ Đại Ca Diếp và y Tăng-Già-Lê nay đã đến đời Thứ Sáu ở Thiều Châu Tào Khê, ông đến đó mà chiêm lỄ”. Phương Biện này từ xa đến mong được thấy y bát của Tô Sư truyền lại”.

Lục Tô bèn đưa cho xem.

Đây là một chứng nghiệm về khí phần giao tiếp.

Ngài Phong Huyệt ban đầu đến Tô Hoàng Long.

Tô Long hỏi: “Sừng đá xuyên đường mây, ý nghĩa áy thế nào?”

Ngài Huyệt đáp: “Ráng hồng lồng tượng ngọc. Ngăn che chiêu đầu sông”.

Tô Long nói: “Theo nhau đến vậy”.

Ngài Huyệt nói: “Hòa Thượng nói nho nhỏ!”

Ngài Đầu Tử tụng rằng:

*“Chỗ tối châu ngồi vô giá treo
Đêm khuya định nắm mộc nhân (04) xeo
Ai ngờ lại bị trâu bùn thấy
Nuốt trọn ráng hồng sóng biếc theo”.*

Nhà nghè gặp nhau thì chưa từng chẳng lấy sự hộ trì trân trọng mà khuyên gắng. Chỗ này cũng có thể thấy Tâm Hộ Pháp của chư vị vậy.

Kinh: “Giữ gìn tâm giác sáng có thể dùng diệu lực xoay từ quang của Phật lại nơi mình và hướng về Phật mà an trụ, như

hai tấm gương ánh sáng đối nhau, trong ấy các bóng nhiệm màu trùng trùng tương nhập, gọi là Hồi Hướng Tâm.

Thông rằng: Xoay từ quang của Phật lại là xoay Quả mà hướng về Nhân vậy. Hướng về Phật mà an trụ là xoay Nhân mà hướng về Quả vậy. Quả, Nhân một niệm khé hợp thì ánh sáng giao nhau, nhập vào nhau, chỗ nhiệm màu này khó dùng lời lẽ tả bày. Chỉ có cái diệu lực chư chẳng liên quan đến công phu. Ánh sáng nhân tâm Từ mà hiển, chẳng cần phương tiện. Chỗ trụ đồng với Phật, nên không còn thứ bậc. Bồn Giác và Thủy Giác hai cái Giác dung hòa lẫn nhau, ví như ánh sáng đối nhau trong hai tấm gương. Có cái diệu lực này mới có diệu ảnh này. Giữ gìn tâm Giác sáng, không trở lại cái biết hư vọng thì cái Minh này là Diệu Minh vậy. Diệu Minh Minh Diệu, một tức tất cả, tất cả tức một, diệu ảnh trùng trùng dung nhập vào nhau. Nói là diệu ảnh thì chẳng phải ảnh của tiền trần hay pháp trần. Ở đây, ảnh trộn lẫn trong ánh sáng, ánh sáng cũng hòa lẫn nơi ảnh, tương tự Một Trí Đại Viên Cảnh vậy.

Xoay trí Phật làm trí mình, xoay trí mình về trí Phật, tâm tâm ché nhau, gần như đồng với Phật há chỉ có khí phần giao tiếp thôi ư!

Tổ Quy Sơn một hôm bảo các học trò trình ra chỗ hiểu biết.

Tổ nói: “Ngoài thanh-sắc, cùng ta thấy nhau”.

Ngài Ngưỡng Sơn qua ba lần trình lời đều nói: “Như hai mặt kính soi nhau, trong đó không có hình tượng”.

Tổ Sơn nói: “Lời này chân chánh nhưng ta phải mà ông chẳng phải, vì đã sớm lập hình tượng rồi”.

Ngưỡng Sơn lại hỏi Tổ: “Con tinh thần tối tăm, đối đáp vụng về. Chưa rõ Hòa Thượng khi ở với Sư Ông Bách Trượng trình lời ra sao?”

Tổ Quy Sơn nói: “Khi ở với Tiên Sư Bách Trượng, ta trình lời như vậy: “Như trăm nghìn gương sáng soi hình tượng, bóng sáng chiếu nhau, tràn tràn, sát sát, mỗi mỗi chẳng mượn nhau”.

Ngài Ngưỡng Sơn liền lẽ tạ.

Hai vị Tôn Túc khéo nói Lăng Nghiêm. Một đằng như hai tấm gương ánh sáng đối nhau. Một đằng như diệu ảnh trùng trùng tương nhập. Hợp lại mà nói, ý nghĩa mới đầy đủ.

Tổ Tuyết Phong thượng đường: “Cần rõ việc này, như gương xưa trên đài, (người) Hò đến Hò hiện, Hán đến Hán hiện”.

Ngài Huyền Sa ra khỏi chúng, nói: “Bóng gấp gương sáng đến thì thế nào?”

Tổ Phong nói: “Hò, Hán đều ẩn”.

Ngài Huyền Sa nói: “Gót chân lão Hòa Thượng còn chưa chấm đất!”

Biết được vì sao Ngài Huyền Sa không chịu lời Tổ Tuyết Phong thì biết ngay chỗ Ngài Ngưỡng Sơn lẽ tạ Tổ Quy Sơn vậy.

Kinh: “Tâm quang thầm xoay lại, được chồ thường lăng đọng vô thượng diệu tịnh của Phật, an trụ vô vi, được không bỏ mất gọi là Giới Tâm Trụ.

Thông rằng: Tâm quang thầm xoay lại, hướng về Phật mà an trụ được chồ thường lăng đọng tịch diệu của Phật, đối cảnh mà chẳng động. Được chồ vô thượng diệu tịnh của Phật thì giao thiệp với trần mà chẳng nhiễm. Đây là Tự Tánh Thiên Chân Phật, vô vi chân thật vậy. An trụ trong đó thì không tạo không làm, không chứng không đắc. Phàm có được ắt có mất, không được thì không mất. Có mất thì cần dùng giới. Không mất thì đâu cần dùng giới. Tự Tánh vô vi, tức đó là Giới. Giới mà không có chồ Giới, đó là Chân Giới. Giới này tại tâm quang, chồ âm thầm xoay lại mà gọi là mật vì không thể lấy ý thức đo lường, há có thể nói đồng với giới luật tầm thường sao? Tức giới tức định, tức giới tức huệ, chỉ một thể mà khác danh thôi.

Xưa, Ngài Thạch Đầu ban đầu đến Tô Thanh Nguyên tham lense.

Tô Nguyên nói: “Ông chốn nào đến?”

Đáp: “Tào Khê”.

Tô Nguyên nói: “Đem được cái gì đến vậy?”

Đáp: “Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất”.

Tô Nguyên nói: “Nếu như thế, đến Tào Khê làm gì?”

Đáp: “Nếu không đến Tào Khê, sao biết là chẳng mất”.

Ngài Thạch Đầu lại nói: “Đại Sư ở Tào Khê có biết Hòa Thượng không?”

Tô Nguyên nói: “Nay ông có biết tôi chăng?”

Đáp: “Biết thì lại làm sao biết được?”

Tô Nguyên nói: “Loài có sừng tuy nhiều mà một con kỳ lân là đủ rồi vậy”.

Về sau, Tô Dược Sơn một hôm đang ngồi trên tảng đá, Ngài Thạch Đầu hỏi: “Ở trong ấy làm gì thế?”

Ngài Sơn nói: “Một vật cũng chẳng làm”.

Ngài Đầu nói: “Như thế là ngồi chơi (nhàn tọa) vậy”.

Ngài Sơn nói: “Nếu ngồi chơi tức là làm”.

Ngài Đầu: “Ông nói chẳng làm là chẳng làm cái gì?”

Ngài Sơn nói: “Ngàn thánh cũng chẳng biết”.

Ngài Thạch Đầu nhân đó dùng kệ ca ngợi rằng:

“*Xưa nay cùng ở ch้าง hay danh
Nhậm vận cùng nhau chỉ thế hành
Từ cổ thánh hiền còn ch้าง rõ
Phàm phu há biết, nhọc lăng xăng*”.

Ngài Đơn Hà tụng rằng:

“*Huyền vi cùng tận vốn an nhiên
Nếu cho y rộng tâm vạn thiên
Trăng in sông lặng, nào tăm cá
Đâu mệt ông câu thả lưới nôm*”.

Xem chõ nói “*chẳng làm*” của Ngài Dược Sơn, chõ nói “*chẳng mất*” của Ngài Thạch Đầu thì rốt ráo chẳng thể đo lường hiểu biết, ấy khá mật nhiệm vậy. Có thể qua cửa ải này bèn được chõ thường lắng đọng vô thượng diệu tịnh của Phật, có thể gọi là Giới Tâm Trụ.

Kinh: “Trụ giới tự tại có thể dạo khắp mười phương, đến đâu tùy nguyện, gọi là Nguyện Tâm Trụ.

Thông rằng: Trụ giới tự tại thì quên luôn cái gì là giới. Thường lắng đọng nơi chân tịnh, thích gì mà chẳng được, nên có thể đi dạo khắp mười phương, đến đâu tùy nguyện. Trong viên giáo của Thiên Thai Tông, nếu chưa đoạn vô minh thì sanh sang cõi Đồng cư, gọi là nguyện sanh, quả là phù hợp với đoạn kinh này. Thiên Thai Tông lại nói hàng Thập Tín ra khỏi Giả Quán mà làm lợi ích cho chúng sanh. Đoạn này nói “*Dạo khắp mười phương*” thì cũng hợp với nghĩa ấy.

Thiền sư Thủ Sơn Niệm vào giờ Ngọ, ngày mồng Bốn, tháng Chạp năm Thứ Ba niên hiệu Thuần Hóa, thượng đường nói bài kệ:

“*Năm nay sáu mươi bảy
Già bệnh tùy duyên qua tháng ngày
Năm nay ghi nhớ việc năm sau
Năm sau nhớ rõ sáng hôm nay*”.

Đến ngày tháng của năm sau không sai chạy, thượng đường từ biệt đại chúng, rồi nói bài kệ:

*“Thế giới bạch ngần vàng sắc thân
Tình với vô tình cùng Nhất Chân
Sáng, tối hết rồi đều chẳng chiếu
Mặt trời sau Ngọ trọn bày thân”.*

Rồi an tọa mà tịch.

Đệ tử của Ngài Phàn Dương Chiếu có tình cố cựu với Dōan Lý Hầu ở phủ Long Đức. Hầu sai người đến chùa Thùa Thiên mời Ngài. Sứ giả ba phen mời không được, bị phạt nên muốn được Ngài cùng đi.

Ngài cười rằng: “Cái nghiệp của lão tăng là chẳng ra khỏi chùa ba mươi năm nay rồi. Nếu đi thì phải có trước sau, cần gì cùng một lúc!”

Rồi bảo thiết trai, chuẩn bị hành lý và bảo đại chúng: “Lão tăng đi đây, người nào theo được?”

Một vị tăng bước ra thưa: “Con theo được”.

Ngài bảo: “Mỗi ngày ông đi mấy dặm?”

Vị tăng đáp: “Năm mươi dặm”.

Ngài nói: “Ông theo ta chẳng được!”

Lại có một vị tăng bước ra, nói: “Con theo được”.

Ngài bảo: “Mỗi ngày ông đi mấy dặm?”

Vị tăng đáp: “Bảy mươi dặm”.

Ngài nói: “Ông cũng theo ta chẳng được”.

Vị thị giả bước ra nói: “Con theo được, Hòa Thượng đến đâu con đến đó”.

Ngài bảo: “Ông theo được đó”.

Nói xong Ngài bảo với sứ giả rằng: “Tôi đi trước nghe”. Rồi vui vẻ ngồi tịch. Vị thị giả liền đứng mà tịch.

Đây chẳng phải là “Đến đâu tùy nguyện” ư? Chẳng phải đã chứng Thập Tín thì chưa dễ đến chỗ này. Tin là chân thật không hư vọng, vì tương ưng với Thật Tế Lý Địa vậy. Nên có câu: “Chỉ một sự thật này, dư hai ắt chẳng chân”. Ban đầu ắt dục ái cạn khô, giữ tâm rỗng sáng rồi sau mới có thể vào chân tánh diệu viễn. Chân tánh phát hóa, tập khí nhỏ nhiệm đều dung thông. Lại nhờ định huệ mà giữ gìn, lấy sự hộ trì mà tiến tới; xoay từ quang của Phật, được tịnh giới của Phật. Từ đó, sanh vào nhà Như Lai, mà chỗ đi tùy nguyện vậy. Thập Tín chẳng phải là Thập Trụ nhưng tại sao đều gọi là Trụ? Bồ Tát Vô Trước lập ra mười tám địa vị, phán định địa vị trước sau của kinh Kim Cang, do đó bậc Sơ Trụ cũng được gọi là Trụ, vì y vào trí vô trụ, vĩnh viễn chẳng bị thối chuyển, nên được cái tên *Trụ*.

III. THẬP TRỤ

Kinh: “Anan, người thiện nam đó dùng phương tiện chân thật phát được mười cái tâm ấy. Tâm tinh phát huy mười cái Dụng xen lẫn vào nhau, viên thành một tâm, gọi là Phát Tâm Trụ.

Thông rằng: Từ chân diệu viên trùng phát chân diệu, đây gọi là phương tiện chân thật. Dùng phương tiện chân thật mà phát được mười thứ Tín Tâm này. Tin ấy là chân. Chân ấy là tin, không dung chứa niệm nào khác xen tạp vào, thì cái Tâm ấy tinh thuần vậy. Sự tinh minh của tâm tự phát ánh sáng. Hoặc định hoặc huệ, hoặc giới hoặc nguyện, mười cái dụng xen lẫn vào nhau: ngay trong định mà huệ, giới đều sẵn đủ, ngay nơi giới mà định, huệ đều tròn đầy. Tóm lại, là phát minh cái bốn lai, hướng nơi Phật mà an trụ, nên gọi là “*Viên thành một tâm*”. Mười cái dụng chưa tròn thì tâm lượng chưa đầy, hẳn phải mười cái dụng viên thành mới có thể gọi là Phát Tâm Trụ.

Ngài Thiên Thai Trí Giả lấy mười Tâm Anh Lạc (chuỗi ngọc) đối với mười quán pháp Đại thừa, ước định Sơ Trụ của Viên Giáo, tỏ đủ mười đức thì ý nghĩa cũng phù hợp nhau.

Xưa, Đức Lục Tổ canh ba vào thất, Đức Ngũ Tổ lấy áo cà sa che quanh không để người thấy, nói cho kinh Kim Cang, đến câu “*Üng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (Hãy trong Không-chỗ-trụ mà sanh tâm), Lục Tổ ngay nơi lời nói đại ngộ, rõ tất cả muôn pháp chẳng lìa tự tánh, bèn bạch cùng Ngũ Tổ:

*“Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh
 Nào ngờ tự ánh vốn chẳng sanh diệt
 Nào ngờ tự tánh vốn tự sẵn đủ
 Nào ngờ tự tánh vốn không động lay
 Nào ngờ tự tánh sanh ra muôn pháp”.*

Đức Ngũ Tổ biết đã ngộ Bốn Tánh, nói rằng: “Chẳng rõ bốn tâm, học pháp vô ích. Như rõ bốn tâm mình, thấy bốn tánh mình thì gọi là trượng phu, thầy của Trời, Người, là Phật”.

Cho nên *viên thành một tâm*, như chỗ ngộ của Đức Lục Tổ mới có thể nói là Phát Tâm Trụ.

Kinh: “Trong tâm phát sáng, như ngọc lưu ly trong sạch, ở trong hiện chói sắc vàng ròng. Dùng cái diệu tâm trước kia bước đi thành địa vị, gọi là Trị Địa Trụ.

Thông rằng: Chỗ thấy rõ ràng mới có thể bước đi. Chỗ thấy không rõ ràng đâu có cát bước đi nữa cũng chẳng phải là un đúc tự tánh, chỉ là chạy theo việc ngoài, ví như cát nhà trên đất người khác, đối với ta có dính dáng gì?

Cái “Trong tâm phát sáng” đây tức là vô sư trí, tự nhiên trí, từ trong pháp giới tánh mà hiện bày, như ngọc lưu ly trong sạch, ở trong hiện chói sắc vàng ròng. Thấy rất chân thật, ngộ rất thấu suốt, chỗ thấy cùng Phật không hai nhưng chỗ hành chưa tới. Từ đây gìn giữ, từ đây bước đi. Dùng mười thứ tâm màu nhiệm trước kia, mỗi mỗi tự thân hành đạo, thân tâm như nhất, bước bước vững vàng như đất. Hễ cát nhà thì trước sửa sang nền đất. Đây là chỗ bắt đầu khởi bước, nên gọi là Trị Địa Trụ.

Thiền sư Vân Cư Ứng thượng đường: “Người xưa nói “Muốn kham giữ việc này cần hướng về đảnh núi chót mà đứng, đáy bể thăm thẳm mà đi mới có đôi chút hơi hám”. Bằng các ông chưa rõ đại sự hãy nên dẫm bước trên đường huyền”.

Có nhà sư hỏi: “Thế nào là chỗ bước đi của người hướng thượng?”

Tô Cư nói: “Thiên hạ thái bình”.

Lại có nhà sư hỏi thiền sư Quảng Pháp Viện Nguyên: “Từ xưa các Thánh hướng chỗ nào mà đi?”

Tô Nguyên nói: “Đầu đường chữ thập (+)”.

Hỏi: “Thế tức là hư khuyết vậy”.

Đáp: “Biết ông chưa đến đất đai ấy”.

Hỏi: “Đến rồi thì sao?”

Tô nguyên nói: “Nhà thường cơm nước”.

Cho nên lấy cái chỗ mà các vị Tôn Túc gọi là dãm bước thì rõ Trí Địa Trụ. Cái dãm bước này thật nhiệm màu vậy.

Kinh: “Tâm địa biết khắp, đều được tỏ rõ, đạo đi mười phương, được không ngăn ngại, gọi là Tu Hành Trụ.

Thông rằng: *Tâm*, do đâu mà biết là *Địa*? *Địa*, do đâu mà biết là *Tâm*? Tâm ấy là Diệu Tâm. Hạnh ấy là Diệu Hạnh. Trí ấy là Diệu Trí vậy. Lý, Hạnh, Trí ba đức viên dung mới có thể nói là Tâm Địa biết khắp, sáng tỏ chẳng mờ, rõ ràng thường biết. Tâm tức là hạnh, hạnh tức là tâm, đạo đi mười phương, có gì ngăn ngại. Đã không ngăn ngại nào cần dùng đến tu hành, mà ở đây gọi là Tu Hành Trụ? Một là dãm bước trên Thật Tế, không giữ bám chấp, nên lấy sự đạo đi làm tu. Một là nắn chặt cái tâm sáng tỏ bền là ngăn ngại, nên lấy sự không

ngăn ngại làm tu. Thật ra, là hành mà không chố hành, tu mà không chố tu vậy.

Thiền sư Thạch Sương chỉ dạy đại chúng rằng: “Hàng sơ cơ chưa rõ đại sự trước cần biết nắm cái đầu thì cái đuôi tự đến”.

Ngài Sơ Sơn bước ra, hỏi: “Thế nào là đầu?”

Tô Sương nói: “Cần biết ngay đang có”.

Ngài Sơ hỏi: “Thế nào là đuôi?”

Tô Sương nói: “Hết sạch hiện giờ”.

Hỏi: “Có đầu không đuôi thì sao?”

Đáp: “Mưa được vàng ròng còn làm gì nữa?”

Hỏi: “Có đuôi không đầu thì sao?”

Đáp: “Vẫn còn nương dựa”.

Hỏi: “Được ngay đầu đuôi tương xứng thì thế nào?”

Đáp: “Y chăng làm cái hiểu biết, cũng chưa cho là y có đó!”

Về sau có nhà sư hỏi thiền sư Cửu Phong Kiền: “Thế nào là đầu?”

Tô Phong đáp: “Mở mắt chăng hiểu biết”.

Hỏi: “Thế nào là đuôi?”

Đáp: “Chăng ngồi sàng muôn năm”.

Hỏi: “Có đầu không đuôi thì thế nào?”

Đáp: “Rốt là chẳng quý”.

Hỏi: “Có đuôi không đầu thì thế nào?”

Đáp: “Tuy no mà không có sức”.

Hỏi: “Được ngay đầu đuôi tương xứng thì thế nào?”

Đáp: “Con cháu đắc lực, trong nhà chẳng biết”.

Ngài Cửu Phong hiểu được ý Tô Thạch Sương như từ cùng một ấn in ra.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“Quy thì tròn, củ (06) thì vuông
 Dùng thì làm, bỏ thì cắt
 Vụng chậm loài chim nương ố, quanh quẩn
 Thú dê đụng rào
 Ăn cơm nhà người, nằm giường của mình
 Mây kéo đổ mưa, móc kết thành sương
 Chỉ ngọc qua lỗ kim vừa hợp, tơ dài chẳng
 dứt ruột thoi ra
 Gái-đá máy ngừng, hè, màu đêm sấp Ngo
 Người gõ chuyên đường, hè, bóng nguyệt dời khuya”.

Bài tụng này đầu đuôi tương xứng. Phải tu như thế, hành như thế mới có thể tương ứng cùng pháp môn viên đốn.

Kinh: “Hạnh đồng với Phật, lãnh nhận khí phần của Phật, như thân trung âm tự tìm cha mẹ. Cái âm tín thâm thông vào dòng giống Như Lai, gọi là Sanh Quý Trụ.

Thông rằng: Hạnh đồng với Phật là tùng phần Chân Trí bình đẳng với Cứu Cánh Trí. Nhận khí phần của Phật là tùng phần Chân Lý bình đẳng với Cứu Cánh Lý. Đoạn trước nói: “Khí Phân giao tiếp” thì còn là hai, Đến đây, vào dòng giống Như Lai thì cơ hồ hợp làm một vậy.

Thân trung âm là cái âm này đã hết mà cái âm kia chưa sanh, ở khoảng giữa hai cái âm này, lơ lửng giữa hư không bốn mươi chín ngày tự tìm cha mẹ. Nghiệp duyên tương tự thì đến thác sanh. Chỗ này là âm tín thầm thông, chẳng phải do suy tính tìm cầu. Quyền trí như cha, thực trí như mẹ, nhậm vận tương hợp, chẳng mượn công sức, cái quả đức âm thầm bằng nhau. Đâu thể biết sự tự nhiên nhi nhiên, do đó như *âm* như *thầm* mới có thể vào dòng giống Như Lai.

Nói là Sanh Quý cũng giống như Vương Tử còn trong thai mà ngôi vị đã khác thường dân, nên nói rằng Quý. Quý ở chỗ đốn chứng Vô Thượng Đệ Nhất Pháp Môn vậy.

Tổ Động Sơn có họa đồ Ngũ Vị Vương Tử. Một là Đản Sanh. Hai là Triều Sanh. Ba là Mạt Sanh. Bốn là Hóa Sanh. Năm là Nội Sanh. Tất cả đều dùng để phát minh cơ duyên hướng thượng.

Tổ Thạch Sương tụng về “Ngũ Vị Vương Tử Đồ” như sau:

Một là Đản Sanh:

*Sang cả tự nhiên vốn chẳng công
Đức hợp càn khôn nuôi thịnh dòng*

*Đầu đuôi một giống không sai khác
 Cung phân sáu trạch (nhà) cũng đồng tông
 Trên hòa dưới kính, âm dương thuận
 Cộng khí (phản) liền cành, khí lượng đồng
 Muốn rõ Đản Sanh Vương-Tử-Phụ
 Vút ra lồng bạc hạc thong dong.*

Hai là Triều Sanh:

*Khổ học tình đời luận khó bì
 Ra rồi phàm sự đã vô vi
 Thơ thành năm chữ, ba đông tuyết
 Bút phẩy tơ hào, bốn biển mây
 Công chúa muôn pho nê thời thánh
 Một lòng trung hiếu giúp minh quân
 Mặn chua chắng phải sanh hay (biết) được
 Nào nhọc bảng vàng hiển đại công.*

Ba là Mạt Sanh:

*Nương lâu hang hốc dụng công phu
 Giường cỏ cửa cây giữ chí cô (đơn)
 Nghe, thấy mười năm tâm tự chúa
 Một thân đông hạ, áo y không
 Trong lặng mỉm cười ba thu ý
 Thanh khổ cao danh thương triết đồ
 Nên nghiệp cao khoa đèn chí cũ
 So ra quan tướng chắng ai bằng.*

Bốn là Hóa Sanh:

Nương phần đế mệnh để truyền tri
 Muôn dặm sơn hà hiển chánh uy
 Mặt trời đỏ bóng ngừng cõi dưới
 Mây đồn gió mát lúc oi nồng
 Thấp cao há bỏ tôn ti lệnh
 Năm khó xa gần biết phục sinh
 Tay cầm diệu ấn biến cương lăng
 Ngôi trời nào lộ chút cơ vi.

Năm là Nội Sanh:

Thầm chốn cửu trùng há lại tuyên
 Khoác xấu xa để hiển diệu truyền
 Chỉ thò một đắng trời đất quý
 Theo kia các đạo tự phân quyền
 Tử La màn khép, vua tôi cách
 Hoàng Các rèm buông, cấm chế toàn
 Vì người chốn chốn cung thần mến
 Mượn lá vàng ngưng nín khóc liền.

Có nhà sư hỏi Tô Thụy Nham: “Thế nào là Vương Tử Đản Sanh?”

Tô Nham nói: “Thâm cung dãy chẵng ra”.

Ngài Đầu Tử tụng rằng:

“Quý lạ thiên nhiên hẵn có thì
 Vườn Xuân sáu viện ít tương tùy
 Nửa đêm sao hợp thiên luân khác
 Được chiếu trong cung lăng rủ rèm”.

Cho nên một đường Sanh Quý là tông phong của Tào Động, rất là miên mật. Chẳng vào thất này khó cùng nói nǎng.

Kinh: “Đã vào đạo thai, chính mình nhờ được sự nuôi sống của Tánh Giác, như thai đã thành, tướng người không thiếu gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.

Thông rằng: Thánh thai đã thành thì không chỉ nhận cái khí phần mà chính mình còn được sự nuôi sống của Tánh Giác, tiếp nối mạng mạch của Phật, ứng cơ tiếp vật, đủ đầy phương tiện. Tuy chưa đến chỗ viên mãn, nhưng cũng cụ thể chi tiết, như người ở trong thai, tướng mạo đầy đủ. Tướng mạo hiển bày để có thể thấy được, đó thuộc về phương tiện ứng dụng, nên gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.

Ngũ Tô Hoằng Nhẫn đại sư, người ở xứ Hoàng Mai Kỳ Châu. Kiếp trước là đạo giả Tài Tùng ở Phá Đầu Sơn, từng hỏi Đức Tứ Tô: “Có thể nghe được đạo pháp chẳng?”

Tô đáp: “Ông đã già, có nghe được rồi làm sao rộng hóa? Nếu sanh lại được thì tôi còn chờ ông”.

Đạo giả bèn đi, đến bờ sông, thấy một cô gái đang giặt áo, chắp tay hỏi rằng: “Ở nhờ được chẳng?”

Cô gái nói: “Tôi có phụ huynh, có thể đến đó mà xin”.

Nói rằng: “Đồng ý tôi mới dám đi”.

Cô gái gật đầu ưng chịu. Đạo giả bèn quay gậy mà đi.

Cô gái là con út nhà họ Châu, khi về nhà thì có thai. Cha mẹ rất xấu hổ, đuổi đi. Cô gái không chỗ nương tựa, ngày thì

quay tơ mướn trong xóm, tối thì ngủ nhờ trong quán tiệm. Rồi sanh ra một đứa con trai, cho đó là chǎng lành, nên đem ném xuống một rạch nước đục. Sáng ngày thấy trôi ngược trở lên, khí phách tươi tốt, rất kinh sợ, vớt lên nuôi nấng. Đứa bé theo mẹ đi xin ăn, người làng gọi là thằng bé không họ.

Có hôm, gặp một vị trí giả than rằng: “Đứa bé này thiếu mất bảy tướng tốt nữa, nên chǎng bằng Như Lai”.

Sau này, gặp Đức Tứ Tố, Tố hỏi: “Cậu bé tánh (họ) gì?”

Đáp rằng: “Tánh (họ) thì có, nhưng chǎng phải tánh (họ) thường”.

Tố hỏi: “Là tánh (họ) gì?”

Đáp rằng: “Là tánh Phật”.

Tố hỏi: “Con không có tánh (họ) ư?”

Đáp rằng: “Tánh Không vậy”.

Tứ Tố biết là pháp khí, bảo thị giả đến chõ ở bà mẹ để xin cho Ngài xuất gia. Bà mẹ vì duyên cũ, nên không cản trở, cho theo làm đệ tử, về sau nối ngôi Tố.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Hoàng Mai quả chín, sen trắng hoa khai
Hỏi, chỉ họ Phật, thân khác phàm thai
Y truyền Nam Lãnh người đem mắt
Tùng lão Tây Sơn, trở lại đây
Hai lớp túi da thành nên chuyện
Một bầu trắng gió lặng bụi đời”.*

Ngài Thủy Am tụng rằng:

*“Hẹn đi, Tài Tùng, ấy lão nhơn
Trở lui vui pháp cậu đồng chân
Thân có mẹ sanh, cha Không Tánh
Linh miêu ngoài kiếp chẳng phạm xuân”.*

Nếu đạo giả chưa đến Phương Tiện Cụ Túc Trụ thì làm sao đến đi tự do, gần được đầy đủ tướng tốt Như Lai?

Kinh: “Dung mạo như Phật, tâm tướng cũng đồng, gọi là Chánh Tâm Trụ.

Thông rằng: Dung mạo ví dụ cho sự ứng dụng, tâm tướng ví dụ cho chân trí. Dù cho bè ngoài giống nhau mà bên trong hơi khác thì chẳng phải chánh tâm vậy. Chánh tâm cũng khó nói ra, vì phải phàm thánh đều quên, tình hết sạch, thể hiện bày, mới có thể nói là *chánh*.

Thiền sư Nam Tháp Quang Dũng lên miền Bắc gấp Tô Lâm Tế rồi trở lại hâu Tô Ngưỡng Sơn.

Tô Sơn hỏi: “Ông đến làm gì?”

Đáp: “Ra mắt thân cận Hòa Thượng”.

Tô Sơn hỏi: “Có thấy Hòa Thượng chẳng?”

Đáp: “Dạ, thấy”.

Tô Sơn nói: “Hòa Thượng sao giống con lừa?”

Đáp: “Con thấy Hòa Thượng cũng chẳng giống Phật”.

Tô Sơn nói: “Nếu chẳng giống Phật thì giống cái gì?”

Đáp: “Nếu có chỗ giống thì đâu khác con lừa”.

Ngài Ngưỡng Sơn rất kinh ngạc, nói: “Phàm Thánh đều quên, tình dứt, thể lộ. Ta lấy chỗ này để xét nghiệm người, hai mươi năm nay không người rõ thấu. Ông giữ gìn đi”.

Ngài Ngưỡng Sơn thường chỉ sự mà nói với người khác: “Ông ấy là nhục thân Phật vậy”.

Xem đây thì “*Dung mạo như Phật, tâm tướng cũng đồng*”, chỉ có Ngài Quang Dũng là gần đó vậy.

Kinh: “*Thân Tâm hợp thành, ngày càng tăng trưởng, gọi là Bất Thối Trụ.*

Thông rằng: Địa vị Bất Thối Tâm (07) ở trước chỉ sự vào sâu trong Tánh Sáng, có tiến không có lùi, thì chỉ mới nói về phương diện tâm. Còn địa vị Bất Thối Trụ ở đây là *thân tâm hợp thành, ngày càng tăng trưởng*, là tiến tới gồm cả trong lẫn ngoài. Tức là ở địa vị trước đây, dung mạo, tâm tướng thoái mái, nhàn hạ mà chờ tự tăng trưởng, chứ chẳng phải chừa công dồn hạnh mà so sánh được.

Có nhà sư nêu lên bài kệ của thiền sư Ngọa Luân:

*“Ngọa Luân có tài khéo
 Hay dứt trăm tư tưởng
 Đổi cảnh, tâm chẳng khởi
 Bồ Đề ngày tăng trưởng”.*

Đức Lục Tổ nghe xong, nói rằng: “Kệ này chưa rõ Tâm Địa, nếu nương theo đó mà tu hành thì càng thêm trói buộc.

Nhân đó chỉ bày bằng bài kệ:

*“Huệ Năng không tài khéo
Chẳng đoạn trăm tư tưởng
Đổi cảnh, tâm tâm khởi
Bồ Đề nào tăng trưởng”.*

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Hoa quỳ hướng nhật, tơ liễu tùy phong”.

Ôi, một khiếu hướng thượng, chẳng tăng chẳng giảm, chỉ vì thức tình tiêu ma chưa hết nên thấy có tăng trưởng, có thối sụt đó thôi. Nếu có cái thấy nơi chỗ chẳng tăng chẳng giảm mà xu hướng theo đó, liền đồng như hoa quỳ hướng theo mặt trời. Nếu có cái thấy nơi chỗ chẳng tăng chẳng giảm mà bỏ quên đi, liền đồng như tơ liễu tùy theo gió. Như vô tâm đối với cả hai, tùy thời ăn cơm mặc áo, nuôi lớn thánh thai, mới được gọi là Bất Thối Trụ.

Kinh: “Linh tướng của mười thân, cùng lúc đầy đủ, gọi là Đồng Chân Trụ.

Thông rằng: Mười Thân là Bồ Đề Thân, Nguyện Thân, Hóa Thân, Lực Thân, Trang Nghiêm Thân, Uy Thé Thân, Ý Sanh Thân, Phước Thân, Pháp Thân và Trí Thân vậy. Linh Tướng đầy đủ so với “Tướng người không thiếu” ở trước thì đã viên mãn. Tuy cả hai đều đầy đủ cái thể mà ở đây đã thành đứa bé, nên gọi là Đồng Chân Trụ.

Thiền sư Phan Dương Chiêu thượng đường rằng: “Phàm thuyết pháp, cần phải đủ mười Trí Đồng Chân. Nếu không đủ

mười Trí Đồng Chân thì tà chánh chǎng rõ, tăng tục chǎng rành, không thể làm bậc tai mắt cho trời, người để quyết đoán phải quấy. Như chim bay giữa không mà gãy cánh, như bắn tên mà đứt dây cung. Cánh gãy chǎng thể bay lên không, dây cung đứt bắn chǎng trúng đích. Dây cung chắc, cánh cứng thì đích bắn hay hư không đều thấu suốt. Thế nào là mười Trí Đồng Chân? Xin chỉ ra cùng quý Thượng tọa. Một là Đồng Nhất Chất (08). Hai là Đồng Đại Sự (09). Ba là Tổng Đồng Tham (10). Bốn là Đồng Chân Chí (11). Năm là Đồng Biển Phổ (12). Sáu là Đồng Cụ Túc (13). Bảy là Đồng Đắc Thất (14). Tám là Đồng Sanh Sát. Chín là Đồng Âm Hồng (15). Mười là Đồng Đắc Nhập (16).

Ngài lại nói: “Cùng với người nào Đồng Đắc Nhập? Cùng với ai Đồng Âm Hồng? Thế nào là Đồng Sanh Sát? Vật gì Đồng Đắc Thất? Cái gì Đồng Cụ Túc? Cái gì là Đồng Biển Phổ? Người nào Đồng Chân Chí? Ai có thể Tổng Đồng tham? Cái gì Đồng Đại Sự? Vật nào Đồng Nhất Chất? Có chỉ ra được chǎng? Chỉ ra được thì chǎng tiếc từ bi. Chỉ không ra thì chưa có con mắt tham học vậy. Cần thiết chọn lấy, biết rõ phải quấy cái mặt mũi hiện tại. Chǎng thể đứng lâu, trân trọng!”

Mười Trí Đồng Chân này chỉ bày tỏ sự việc bên phía Trí Thân. Mười thân mà đầy đủ lại phải càng nhập vào chõ vi diệu. Tuy thế, tất cả chỉ là một thể Bồ Đề, tùy chõ khác tên mà thôi. Như riêng có chõ đặc sắc thì làm sao có thể “cùng lúc đầy đủ” ư?

Kinh: “Thành đú hình hài, ra khỏi thai, chính mình là Phật Tử, gọi là Pháp Vương Tử Trụ.

Thông rằng: Tự mình thọ nhận khí phàn của Phật, vào dòng giống Như Lai, lần hồi thành thai, tiến tới “*dung mạo*”, tiến tới “*tăng trưởng*”, tiến tới “*đồng chân*” mới được hình thể hoàn thành mà ra khỏi thai làm Pháp Vương Tử. Đã nhập Phật Tri Kiến mà còn được bảo nhậm như thế mới càng sáng càng suốt, thay Phật hoằng hóa. Sự thành tựu quả là không dễ dàng vậy.

Ngài Xá Lợi Phất tự miệng Phật sanh, từ Pháp hóa sanh làm trưởng tử của Phật. Ngài là trí huệ đệ nhất, từ nhiều kiếp đến nay chứ chẳng phải là sức lực một sớm một chiều vậy.

Tổ Quy Sơn đang ngủ, Ngài Ngưỡng Sơn đến thăm hỏi. Tổ bèn quay mặt vào vách.

Ngài Ngưỡng nói: “Hòa Thượng sao được như vậy?”

Tổ Quy Sơn ngồi dậy bảo: “Ta vừa có một giấc mộng, ông thử suy đoán giùm ta xem!”

Ngài Ngưỡng Sơn bèn đem một thau nước đến cho Tổ rửa mặt.

Lát sau, Ngài Hương Nghiêm cũng đến thăm lễ.

Tổ Quy Sơn nói: “Ta vừa có một giấc mộng, Huệ Tịch đã suy đoán giùm ta rồi, ông suy đoán giùm ta xem nào!”

Ngài Nghiêm bèn rót một chén trà bưng tới.

Tô Quy nói: “Chỗ kiến giải của hai ông vượt cả Ngài Thủ Tử” (17).

Ôi, trí huệ như Ngài Xá Lợi Phất mà còn lại vượt qua thì há chẳng phải “*thành đủ hình hài, ra khỏi thai*” mà còn “*lại ra khỏi thai*” nữa ư?

Kinh: “Cốt cách đã thành người lớn, như vị quốc vương phân công ủy nhiệm các việc nước cho vị thái tử, khi vị thế tử trưởng thành, sát lợi vương kia bày ra lễ quán đánh, gọi là Quán Đánh Trụ.

Thông rằng: Vị Pháp Vương Tử vì phuơng tiện, tâm tướng đều giống như Phật, đủ sức nối tiếp địa vị Phật, thay Phật làm việc cho nên lấy ví dụ quốc vương và thái tử, cũng như sát lợi vương và thế tử bày ra lễ Quán Đánh.

Con quốc vương gọi là thái tử, con chư hầu gọi là thế tử. Cốt cách đã thành người lớn, sắp được phó thác ngôi vua, cũng tương tự như Lê Đội Mū. Dùng nước biển lớn rưới trên đầu để biểu trưng rằng làm vua thì nên dùng các bậc trí, như biển thu nạp trăm sông. Dùng nước biển là dùng tất cả nước vậy. Đây chỉ lấy việc nước nhà phân công ủy nhiệm, khiến nǎm lấy mà lo liệu chứ chẳng phải chánh thức giao phó ngôi báu để được “*tức chân*” vậy.

Bởi địa vị này thàm đủ các đức, đủ sức phân hóa mười phuơng mà làm Phật sự nên gọi là Quán Đánh Trụ. Đến hàng Thập Địa, hạnh viên mãn, gần với bức Đẳng Giác, mới có thể chánh thức được giao phó chức vị Phật. Vì thế, Pháp Vân Địa

gọi là Quán Đảnh Bồ Tát, đó là Túc Chân vậy, chẳng còn trụ nơi trụ.

Vị Tăng hỏi Tô Tào Sơn: “Thế nào là sư tử?”

Tô Sơn đáp: “Các thú chẳng thể gân”.

Hỏi: “Thế nào là sư tử con?”

Đáp: “Nuốt mất cha mẹ”.

Hỏi: “Đã là các thú chẳng thể gân vì sao lại bị con nuốt?”

Đáp: “Há chẳng nghe nói: “Con mà gầm rống, tổ phụ đều mất sạch” ư?”

Hỏi: “Mất sạch rồi thì thế nào?”

Đáp: “Toàn thân về với cha”.

Hỏi: “Chưa rõ khi tổ mất thì phụ về chỗ nào?

Đáp: “Chỗ nào cũng mất hết”.

Hỏi: “Vậy sao mới vừa nói “Toàn thân về với cha”? ”

Đáp: “Ví như con vua hay thành việc của cả nước”.

Tô lại nói: “Thầy Xà Lê, nơi chuyện này, chẳng được vướng hẹp. Ngay như bây giờ, trên cành khô lại tung ra một ít hoa!”

Đây là từ trong thế khởi ra cái dụng, đó gọi là diệu trạm vậy.

Ông Tư Mã Đầu Đà từ Hồ Nam đến, thưa với Tô Bách Trượng rằng: “Vừa rồi ở Hồ Nam, tôi có tìm được một ngọn

núi tên là Đại Quy. Đó là chỗ ở của vị thiện tri thức của một ngàn năm trăm đồ chúng vậy”.

Tổ Trưởng nói: “Lão tăng ở được chăng?”

Đầu đà đáp: “Chăng phải chỗ ở của Hòa Thượng”.

Tổ hỏi: “Sao vậy?”

Đầu đà đáp: “Hòa Thượng là người xương mà kia thuộc về núi thịt, giả sử có ở thì đồ chúng chưa đủ ngàn người”.

Tổ nói: “Trong chúng của ta không có ai ở được sao?”

Đầu đà đáp: “Xin chờ xem qua đã!”

Khi ấy Ngài Hoa Lâm Giác đang làm Đệ Nhất tòa. Tổ Trưởng bảo thị giả mời đến rồi hỏi: “Người này thì sao?”

Ông Đầu Đà mời Ngài tăng hắng một tiếng và đi vài bước; rồi nói: “Không được”.

Tổ Trưởng lại bảo gọi Ngài Quy Sơn khi ấy đang làm Diễn tòa.

Đầu Đà vừa thấy bèn nói: “Đây chính là chủ nhân của Quy Sơn vậy”.

Tổ Trưởng đêm đó gọi Ngài Quy Sơn vào thất, phó chúc rằng: “Ta hóa duyên ở đây. Thắng cảnh Quy Sơn ông nên ở đó để nối tiếp Tông ta, rộng độ lớp sau”.

Ngài Hoa Lâm Giác hỏi: “Con ở địa vị đâu chúng, sao vị Diễn tòa lại được trụ trì?”

Tổ Trưởng nói: “Nếu có thể ở trước đại chúng nói được một lời xuất cách thì sẽ trụ trì”.

Liền chỉ cái tịnh bình hỏi: “Không được gọi là tịnh bình thì ông gọi là cái gì?”

Ngài Hoa Lâm nói: “Không thể gọi là khúc bông cây vậy!”

Tổ Trưởng bèn hỏi Ngài Quy sơn, Ngài đá đỗ tịnh bình, bỏ đi ra.

Tổ Trưởng cười rằng: “Đệ Nhất tòa thua mất hòn núi rồi vậy”.

Ngài Quy Sơn bèn sang núi kia ở, hoằng hóa thịnh hành đất Hồ Nam, gọi là Quy Ngưỡng Tông.

Nếu chẳng có cái thấy xuất cách làm sao có thể rộng hóa một phương, phân công ủy thác Phật sự như vị thái tử một nước được? Hàng Thập Tín còn phải bỏ vọng về chân, hàng Thập Trụ thì thuần chân vậy, chỉ vì sức lực chưa sung mãn nên có giai cấp như thế.

IV. THẬP HẠNH

Kinh: “Anan, người thiện nam đó đã thành Phật Tử, đầy đủ diệu đức của vô lượng Như Lai, tùy thuận mười phương, gọi là Hoan Hỷ Hạnh.

Thông rằng: Diệu đức của Như Lai là “*Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên*”. Ở chốn trần ai mà chẳng nhiễm nên gọi là Diệu. Đã thành con Phật đầy đủ diệu đức. Can gãy tùy

thân, gấp trường sân khấu thì làm trò múa men, nên có thể tùy thuận với mười phương, lấy cái vui thích của thiền mà tự vui chơi. Hoan Hỷ Hạnh này tùy thuận với chúng sanh, phương tiện mà tiếp dẫn chính là muôn hiển phát diệu đức của Như Lai vậy. Còn cứ một bè nương bám thì diệu sao được?

Tổ Triệu Châu trên tám mươi tuổi mà vẫn còn hành cước. Một hôm đến chỗ Ngài Văn Cư.

Tổ Cư nói: “Già cả lăm rồi sao chẳng tìm cái chỗ trụ?”

Tổ Châu nói: “Chỗ nào trụ được?”

Tổ Cư nói: “Trước núi có cái nền chùa xưa”.

Tổ Châu nói: “Hòa Thượng tự trụ lấy!”

Sau lại đến Ngài Thủ Du.

Tổ Thủ Du nói: “Già cả lăm rồi sao chẳng tìm cái chỗ trụ?”

Tổ Châu nói: “Hướng về chỗ nào trụ?”

Tổ Du: “Già cả lăm rồi mà chỗ trụ cũng chẳng biết!”

Tổ Châu: “Ba mươi năm giỗn đùa cõi ngựa, hôm nay lại bị lừa đá!”

Ngài Văn Cư Tích nói: “Chỗ nào là chỗ Triệu Châu bị lừa đá?”

Sau này, có vị tăng từ giã Tổ Triệu Châu.

Tổ hỏi: “Đi đâu vậy?”

Vị tăng đáp: “Kẻ học nhơn định đến phương Nam học Phật Pháp”.

Tô Châu dựng đứng cây phật tử, nói: “Chỗ có Phật chẳng được trụ, chỗ không Phật chạy mau qua! Ngoài ba ngàn dặm gặp người, không được đè ra sai quấy!”

Vị tăng nói: “Như vậy thì không đi ư?”

Tô Châu nói: “Hái bông dương (liễu), hái bông dương!”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Đăm không, vướng vết; tay chạm mũi đâm đều chưa phải là chỗ nạp tăng tựu đến. Liền phải: chó vào hàng quán của người, chó ngồi giường phản ai khác. Chánh chẳng lập huyền, Thiên chẳng nương vật, mới có thể nắm-ở, buông-đi, có phần tự tại!

Chỉ có Triệu Châu đầy đủ diệu đức của vô lượng Như Lai, có phần tự do nên thường hành Hoan Hỷ Hạnh, tuy già lão mà chẳng mỏi mệt.

Kinh: “Khéo hay lợi ích cho hết thảy chúng sanh, gọi là Nhiêu Ích Hạnh.

Thông rằng: Sự lợi ích cho chúng sanh tuôn ra từ tâm từ bi. Có tâm từ bi thì có khả năng ấy, mà lại khéo làm được. Trí đã soi khắp, dụng cũng viên dung. Lòng từ cứu độ chúng sanh mà không có ý. Chẳng kể là tài thí hay pháp thí, chỉ cốt quy về sự lợi ích cho chúng sanh hữu tình mà thôi, nên gọi là Nhiêu Ích Hạnh.

Thiền sư Ngưu Đầu Dung đã được Đức Tứ Tô thọ ký, từ đó hoằng pháp rất thịnh hành. Vào niên hiệu Vĩnh Huy đời

Đường, đồ chúng thiếu lương thực, Ngài sang xứ Đơn Dương quyên gạo, cách núi tám mươi dặm. Tự mình vác bao gạo một thạch tám đấu, sáng đi chiều về cung cấp cho ba trăm vị tăng hai bữa ăn mỗi ngày. Đây thật là hay hành Nhiêu Ích Hạnh vậy.

Kinh: “Tự giác, giác tha, được không-chống-trái, gọi là Vô Sân Hận Hạnh.

Thông rằng: Tự giác để giác tha. Có trí thế gian, có trí xuất thế gian, có trí xuất thế gian thượng thượng để đem ra nói cho người, được không có sự chống trái, như đá thả xuống nước. Đó là chỗ nói “*Gặp rồi mới truyền, cùng đẹp lòng để hiểu rõ*”, nên không có sân hận. Cái sân hận này chẳng phải tình phàm có thể so sánh. Hận là hận tất cả chúng sanh đều có trí huệ, Đức tướng của Như Lai mà chẳng tự biết; mà sân là giận rằng ta chưa độ thoát cho hết.

Đức Lục Tổ có đoạn kệ:

*“Muốn định hóa độ người
Cần tự có phương tiện
Chớ khiến người có nghi
Tức là tự tánh hiện
Phật pháp tại thế gian
Chẳng lìa thế gian; Giác
Lìa thế kiếp Bồ Đề
Khác nào tìm sừng thỏ
Chánh kiến là xuất thế
Tà kiến là thế gian*

*Tà, chánh dẹp hết ráo
Bồ Đề tánh rõ ràng”.*

Thế nên dùng trí thế gian mà giác tha đó là cái nhân Trời, Người; dùng trí xuất thế gian mà giác tha là nhân Bồ Đề. Độc chỉ cái Vô Thượng Bồ Đề, cả hai đều phá bỏ mới gọi là thượng thượng trí. Dùng cái trí ấy mà giác tha là cái nhân Đẳng Giác, Diệu Giác vậy.

Kinh: “Theo loài mà sanh ra, cùng tột vị lai, ba đời đều bình đẳng, mười phương đều thông suốt gọi là Vô Tận Hạnh.

Thông rằng: Theo loài mà sanh ra, được Ý Sanh Thân, tùy theo loài mà dạy dỗ, dọc cùng ba đời, ngang khắp mười phương, không đâu chẳng phải là chỗ tự giác, giác tha. Đó là chỗ nói “*Hư không có tận, nguyện ta vô cùng*” vậy.

Vào đời Thái Bình, niên hiệu Hưng Quốc, ở Kiện Dương có nhà sư tên Biện Thông đạo chơi chùa vùng núi Ngũ Đài. Vị Thượng tọa chùa này đã già, bị trong chúng khinh rẻ, riêng một mình Biện Thông vẫn cung kính hầu hạ. Khi Biện Thông sắp về kinh sư, vị tăng già đó đưa cho ông một bức thơ, bảo tìm Bộc Hạ ở phía Bắc thành đưa giùm.

Giã từ đi, Ông Thông lén mở ra xem thì không viết gì khác, chỉ có mấy chữ: “Độ chúng sanh xong, gấp gấp trở lại, nếu gượng ở lại sợ rằng tạo nghiệp”. Biện Thông rất kinh hoảng, vội dán thơ lại.

Khi đến xứ Quảng Tế, bên bờ sông nghe trẻ kêu Bộc Hạ.

Ông hỏi: “Bộc Hạ ở đâu?”

Đứa bé chỉ con heo lớn nằm dưới chân bức tường phía Tây ngã tư đường, cổ có mang cái vòng vàng. Biện Thông hỏi: “Bác đồ tể là ai?”

Đáp: “Nhà Triệu Sinh”.

Hỏi: “Sao tên là Bộc Hạ?”

Đáp: “Vì chỉ ăn bạc hà nên trẻ trong xóm gọi thế. Mỗi ngày tôi làm thịt cả trăm, ngàn con, heo chạy tứ tán khó bắt, mà hễ con heo này dẫn tới thì ngoan ngoãn chịu chết, nên nuôi đã mười lăm năm nay!”

Ông bèn lấy thơ đưa cho nó, con heo ăn liền rồi bỗng đứng lên như người mà chết.

Do đây mà xét, thì ứng thân phân hóa theo loài làm sao mà suy lường được? Giới hạn nào cho cùng? Chúng sanh vô tận, sự độ thoát cũng vô tận, nên gọi là Vô Tận Hạnh.

Kinh: “Tất cả hợp thành đồng nhất, thảy thảy pháp môn đều không sai lầm, gọi là Ly Si Loạn Hạnh.

Thông rằng: Đã đầy đủ diệu đức của vô lượng Như Lai, tự giác, giác tha ích lợi cho đời vô tận, nào có đến nỗi si loạn sai lầm ư? Bởi thảy thảy pháp môn thì có đủ thảy thảy tam muội, nếu chẳng đủ con mắt pháp phân biệt thì chẳng thể phân biện. Nay tất cả đều hòa đồng mà dung hội, được sự không sai lầm. Như Khổng Tử đại thành Tập, Thanh, Nhiệm, Hòa mà đúng thời đưa ra, thì vốn lấy cái trí làm đầu. Trí ví như sự khéo giỏi, chẳng phải là sự gắng sức có thể so sánh, nên không có si loạn, ở ngay sau Vô Tận Hạnh vậy.

Tướng Quốc Bùi Hưu đề tựa cho cuốn thiền Nguyên Chu Thuyên Đô Tập của Ngài Khuê Phong Tông Mật rằng: “Những môn hạ trong các tông đều có người thấu đạt, nhưng mỗi tông đều theo chỗ tu tập của mình nên dung thông thì ít mà hạn cục thì nhiều, nên mấy mươi năm nay pháp Tổ càng băng hoại. Lấy chỗ học được làm cửa nẻo, mỗi mỗi tự khai trương, lấy kinh luận làm giáo mác công kích lẫn nhau. Tình theo cung tên mà biến cải. Pháp vào nhân ngã mà thấp cao. Phải quấy lăng xăng chẳng thể nào phân biện. Nếu các tông phái mà tranh luận nhau thì người hậu học càng tăng thêm bệnh phiền não, nào có lợi ích chi đâu!”

“Đại sư Khuê Phong đã lâu than rằng: “Tôi ở thời này không thể làm thịnh vượng!”

“Ngài bèn lấy ba thứ giáo nghĩa của Như Lai để ẩn chứng cho ba loại pháp môn của thiền tông. Nung chảy thoi, mâm, trâm, vòng thành độc một thứ vàng ròng, khuấy tô lạc, để hò thành một vị. Nấm giềng lưới đưa lên thì mọi chỗ đều thuận theo. Căn cứ vào yếu lý dung hội thì người đến cùng theo. Còn sợ hàng học giả khó minh bạch nên lại chỉ thẳng gốc ngọn của nguồn thiền, chỗ hòa hợp của chân vọng, chỗ ẩn hiển của Không tánh, chỗ sai khác của giáo nghĩa, chỗ giống khác của đón tiệm, chỗ hổ tương đắp đổi của che đậm và bày tỏ, chỗ sâu cạn của quyền thực, chỗ phải quấy của hạn cuộc và dung thông.

“Như Thầy tôi (Khuê Phong) quả là nâng mặt trời Phật mà soi chiếu mọi ngóc ngách thì các nghi ngờ, che khuất đều

trù sạch. Thuận tâm Phật mà ban rải đại bi, tột kiếp đều được lợi ích. Vậy thì Đức Thế Tôn là giáo chủ khai mở giáo pháp, Thầy tôi là người dung hội giáo pháp, gốc ngọn phù hợp nhau, xa gần soi rọi nhau. Có thể nói là “hoàn tất cái công việc một đời truyền giáo của Như Lai” vậy.

“Hoặc có người hỏi: “Từ Đức Như Lai chưa hề có tổng hợp mà thông suốt, nay một phen làm trái với tông thú mà chẳng chịu giữ, bỏ sự quan phòng mà chẳng chịu trông nom thì há chẳng trái với Đạo bí tàng thầm hợp ư?”

“Xin đáp rằng: “Đức Như Lai tuy ban đầu nói riêng ba thừa, về sau mới thông thành một Đạo. Bởi thế trong kinh Niết bàn, Bồ Tát Ca Diếp thưa: “Chư Phật có mật ngữ, không có chỗ chừa giấu bí mật!” Đức Thế Tôn mới khen rằng: “Lời nói của Như Lai mở tỏ rõ ràng, thanh tịnh không che lấp. Người ngu chẳng hiểu, gọi đó là bí mật chừa giấu. Người trí rõ thông thì chẳng gọi là chừa dấu”. Đây là chứng cứ vậy. Bởi thế vương đạo hưng thịnh, thì cửa nẻo chẳng phải đóng, chỉ cần giữ chốn biên cương. Phật đạo đầy đủ thì các pháp tự tổng trì mà chỉ để phòng ma ngoài. Chẳng nên giữ lấy tình chấp, mà tranh cãi lẫn nhau vậy”.

Như Ông Bùi Hưu, đắc pháp nơi Tô Hoàng Bá, rõ việc hướng thượng mà lại không bỏ một lối cát đằng của Ngài Khuê Phong quả có thể nói là “tất cả hòa đồng, được không sai lầm” vậy. Là người sanh trở lại ư?

Kinh: “Ở ngay trong cái Đồng mà hiện ra các cái Khác. Mỗi mỗi tướng Khác đều mỗi mỗi thấy Đồng, gọi là Thiện Hiện Hạnh.

Thông rằng: Đã lìa si loạn ắt lý sự vô ngại. Tức lý, tức sự ắt đồng chẳng ngại khác vậy. Tức sự, tức lý ắt khác chẳng ngại đồng. Ở trong thể hòa đồng, chẳng ngại hiện ra cái Khác. Ở trong chỗ khác tướng, lại mỗi mỗi thấy Đồng. Hiện đồng, hiện khác cả hai đều chẳng ngăn ngại nhau. Đó chỉ vì không si loạn, tách bạch rõ ràng cùng cực mảy tơ mới có thể biến hiện như thế, nên gọi là Thiện Hiện Hạnh.

Tô Quy Sơn đang cho quạ ăn, quay đầu thấy Ngươi Sơn, bèn nói: “Hôm nay vì nó mà thượng đường một phen”.

Ngươi Sơn: “Con cũng tùy lệ được nghe!”

Tô Quy: “Nghe việc ấy thế nào?”

Ngươi Sơn: “Quạ kêu tiếng quạ, bồ cát kêu tiếng bồ cát!”

Tô Quy: “Sao lại còn thanh sắc?”

Ngươi Sơn: “Hòa Thượng mới nói gì thế?”

Tô Quy: “Ta chỉ nói vì nó mà thượng đường một phen”.

Ngươi Sơn: “Vì sao lại gọi là thanh sắc?”

Tô Quy: “Tuy nhiên như thế, nghiêm suốt qua rồi thì không ngại”.

Ngưỡng Sơn: “Đại sự nhân duyên nghiêm ra làm sao?”

Tô Quy đưa nắm tay lên.

Ngưỡng Sơn: “Rốt cũng chỉ Đông về Tây”.

Tô Quy: “Ông vừa hỏi cái gì thế?”

Ngưỡng Sơn: “Hỏi Hòa Thượng đại sự nhân duyên”.

Tô Quy: “Vì sao lại gọi là chỉ Đông về Tây?”

Ngưỡng Sơn: “Vì vương nơi thanh sắc nên con mới hỏi qua”.

Tô Quy: “Thật chưa hiểu rõ chuyện này”.

Ngưỡng Sơn: “Như sao là được hiểu rõ chuyện này?”

Tô Quy: “Huệ Tịch thanh sắc, lão tăng Đông Tây”.

Ngưỡng Sơn: “Một mặt trăng ngàn con sông, Thể chẳng phân theo nước!”

Tô Quy: “Vậy nên thế nào mới được?”

Ngưỡng Sơn: “Như vàng với vàng rốt không khác sắc, huống có khác tên?”

Tô Quy: “Vậy thì cái đạo lý không có khác tên là thế nào?”

Ngưỡng Sơn: “Thoi, mâm, trâm, vòng làm quách cái chậu bồn”.

Tô Quy: “Huệ Tịch nói thiền như sư tử rống, làm các loài chồn cáo, giả can kinh hoảng tú tán”.

Xem cha con Quy Ngưỡng tơ lại sợi qua, trong đồng hiện khác, trong khác hiện đồng, nói đồng nói khác như hạt châu lăn trên mâm. Đó là chơn đắc Thiện Hiện Hạnh bí mật tạng. Chẳng phải là bậc mắt sáng thì có ai biết nỗi!

Kinh: “Như thế cho đến mười phương hư không đầy khắp vi trần, trong mỗi mỗi vi trần hiện mười phương thế giới. Hiện vi trần, hiện thế giới, không ngăn ngại nhau, gọi là Vô Trước Hạnh.

Thông rằng: Đây là từ Thiện Hiện Hạnh mà mở rộng ra. Không những đồng, khác hổ tương hiển lộ mà Một, Nhiều cũng hổ tương dung thông, hiện vi trần, hiện thế giới, trong mười phương giao thiệp lấn nhau. Trong một vi trần hiện bảy mươi phương cõi, gọi là hiện thế giới. Ngay chỗ hiện ra cõi không phá hoại hình tướng vi trần, gọi là hiện vi trần. Tương tự lưới ngọc Đế Thích trùng trùng, cảnh tượng của sự sự vô ngại. Mới bắt đầu vào cảnh giới này, nên chỉ gần với vô trước, chứ chưa đến chỗ nhiệm màu của tất cả thần hóa giải thoát thuần ròng chẳng thể nghĩ bàn. Hạnh vô trước này thì vô trước cũng không, nên so với cái vô trước ở đoạn bảy chỗ trung tâm hoàn toàn khác hẳn. Nếu có chút tơ hào cái chẳng bám trước chưa hết sạch thì không thể gọi là Vô, vì đã có đối đai làm sao khỏi ngăn ngại nhau ư?

Ngày khai đường, có vị tăng hỏi thiền sư Đại Huệ Tông Cảo: “Trời, người tụ hội, trường tuyển Phật mở, Tổ lệnh đang hành, rao bảo thế nào?”

Tổ Cảo nói: “Chim ngu bay ngược gió”.

Vị tăng hỏi: “Khắp cõi còn không nơi tìm thấy. Rõ ràng một điểm giữa tòa viêng”.

Tô Cảo nói: “Nhân gian muôn nước chảy về Đông!”

Lại có vị tăng giành bước ra, Tô Cảo ngăn đứng lại mà nói: “Giả sử nghiền nát trái đất thành vi trán, mỗi mỗi hạt bụi có một cái miệng. Mỗi mỗi miệng đầy đủ tướng lưỡi rộng dài vô ngại, phát ra vô lượng sai biệt âm thanh. Mỗi mỗi âm thanh phát ra vô lượng sai biệt ngôn từ. Mỗi mỗi ngôn từ có vô lượng sai biệt diệu nghĩa. Hàng nạp tăng nhiều như số vi trán trên, mỗi vị đều đầy đủ miệng như thế, lưỡi như thế, âm thanh như thế, ngôn từ như thế, diệu nghĩa như thế, cùng lúc đưa ra trăm ngàn vấn nạn, mỗi mỗi vấn nạn khác nhau, chỉ như một tiếng ho hen của lão tăng là đáp xong hết một lượt. Thùa khi ở tại giữa ấy, làm vô lượng vô biên Phật sự rộng lớn cùng khắp pháp giới. Đó là chỗ nói “Trong một mảy lông hiện thần biến, tất cả Phật cùng thuyết, trải khắp vô lượng kiếp không cùng ngàn mé”. Bèn như thế là xong.

“Còn làm náo nhiệt trong môn đìn, đứng trong chánh nhän mà xem, đó chính là nghiệp thức mang mang không gốc rẽ. Môn hạ của Tô Sư một điểm cũng chẳng có dùng, huống là gai góc cú chuong, đôi đáp giốn đùa. Chẳng những làm mai một tông thừa từ xưa, mà còn cười giốn lỗ mũi nạp tăng. Bởi thế mà nói “Tơ hào vướng niệm, là nhân nghiệp của ba đường. Thoáng chút sanh tình là muôn năm bị trói buộc”. Danh Thánh, hiệu phàm đều là tiếng tăm giả dối. Tướng tốt, hình hèn đều là huyễn sắc. Các ông cầu theo đó làm sao khỏi

mang lụy? Mà chán bở đi lại càng đại hoạn. Hãy xem Thánh xưa bảo dạy như vậy: “Như binh khí quốc gia, bất đắc dĩ mới dùng”. Trên “Việc bỗn phận”, không làm gì có chuyện ấy.

“Hôm nay sơn tăng rao bày như vậy, thật cũng giống như không mộng mà nói mộng, da thịt lành mà khoét cho thành ghẻ. Bậc hiểu biết mà đến thì quả đáng ăn gậy. Chỉ vì nay không có tay hạ được độc thủ ư? Nếu có thì có thể báo đáp cái ân không thể báo đáp, cùng chung hoằng hóa vô vi. Như không làm ngược lệnh này, tốt rồi vậy.”

Bỗng đưa cây gậy lên, nói: “Đưa ngang kiém thần toàn chánh lệnh. Thái bình hoàn vũ, chém si ngoan!”

Dộng gậy một cái, hét một hét, liền xuống tòa.

Theo chõ thấy của Ngài Đại Huệ thì hiện vi tràn, hiện thế giới cũng chưa là kỳ đặc. Đáng nói là “vô trước cũng không”.

Kinh: “Mọi thứ trước mắt đều là Đệ Nhất Ba La Mật Đa, gọi là Tôn Trọng Hạnh.

Thông rằng: Hiện vi tràn, hiện thế giới, hiện thân thể, hiện thuyết pháp đều chẳng ngăn ngại nhau, đều từ trong Tâm Bát Nhã tuôn ra. Sáu Ba La Mật gọi là Đáo Bỉ Ngạn (18), chỉ có Bát Nhã là tối cao đệ nhất. Bát Nhã là Đại Trí Huệ, vượt tất cả những gì tôn quý nhất nên gọi là Tôn Trọng Hạnh. Nếu chỉ nhận thấy, nghe, hay, biết, đuổi theo tràn trôi lăn mà cho là diệu dụng, đó là việc phía “*con tôi cái tớ*”, “*trước lừa sau ngựa*”, chẳng có gì là tôn quý.

Tô Cư nói: “Như người nơi mỗi thứ đều rõ. Nơi mỗi vật đều thông thì chỉ gọi là người rõ chuyện, rốt cuộc chẳng thể gọi là tôn quý. Hãy biết tôn quý là một đường tự khác. Tức đó là vật cực quý cực trọng, chẳng được rồi đem hướng về phía tôn quý. Hãy biết cái đó chẳng thể nghĩ bàn, chẳng đợi tâm mong. Bởi thế, người xưa nói: “Giống như hai tấm gương, ánh sáng mỗi bên đối nhau, quang minh cùng chiếu, chẳng hề thêm bớt há chẳng phải là một thứ sao?” Còn gọi là chuyện phía bên ảnh tượng. Như mặt trời mọc, chiếu sáng thế gian, một phần là sáng tỏ còn phần nửa kia gọi là gì? Như nay người chưa rõ được bóng sáng ở nơi đâu cửa, là chuyện nông cạn bên ngoài, mà cho là chuyện trong nhà thì sao được?”

Vị tăng hỏi Tô Vân Cư: “Như sao là chỗ tôn trọng của Sa Môn?”

Tô Cư nói: “Chỗ tâm thức chẳng đến”.

Có vị tăng hỏi thiền sư Quảng Lợi Dung: “Ngàn đường bất nẻo, nghĩ nói chẳng thấu thì thế nào?”

Đáp rằng: “Vẫn còn là kẻ dưới thèm”.

Hỏi: “Như sao là người trên thèm?”

Đáp rằng: “Lâu rồng chẳng giở tay”.

Rồi nói: “Thế nào là người tôn quý ấy? Thủ nói xem! Chớ có ngồi mãi trên thiền sàng, gắp người khác thì chẳng chịu đau. Bỗng bị bậc sáng mắt bức bách liền hướng về trong núi Thiết Vi ẩn mình. Nếu đến cửa Quảng Lợi này phải nói cho

được đệ nhất cú, liền mở một mối đạo, cùng huynh đệ thương lượng”.

Khi ấy có một vị tăng bước ra lễ bái.

Ngài nói: “Sắp nói ấy là chủ tàu bè nước khác, nào hay là người buôn bán xứ này!”

Chỗ này mà chẳng thấu rõ Đệ Nhất Ba La Mật Đa thì quả khó mà thấy suốt một đường Tôn Trọng rõ ràng như lăn chỉ tay.

Kinh: “Như thế viên dung, thành tựu quy tắc của mười phương Chư Phật, gọi là Thiện Pháp Hạnh.

Thông rằng: Ở địa vị trước hiện vi trần hiện thế giới, mọi thứ diệu dụng đều là Đệ Nhất Ba La Mật Đa từ trong chỗ bất tư nghì tuôn ra, nên viên dung vô ngại, thành tựu quy tắc lợi sanh của mười phương chư Phật. Quy tắc ấy là Pháp vậy. Viên dung không dấu vết, đó là Thiện Pháp. Chẳng phải Thiện Pháp thì không thể độ chúng sanh. Hạnh này đã viên mãn, dần dần hướng về Bi Nguyễn vậy.

Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo thượng đường: “Muốn rõ nghĩa Phật Tánh phải xem thời tiết nhân duyên. Thời tiết đến, Lý ấy tự sáng”.

Ngài dựng đứng cây phất tử mà nói: “Có thấy không?”

Gõ thiền sáng nói: “Có nghe không? Thấy, nghe rõ ràng là cái gì thế? Như hướng vào trong ấy đưa ra được thì ơn vua on Phật một lúc đèn xong. Nếu chưa như thế thì Kinh Sơn (19) phá dây leo cho”.

Lại đưa cây phất tử lên mà nói: “Xem đây, xem đây! Phật Vô Lượng Thọ trên đầu cây phất tử của Kính Sơn, phóng đại quang minh chiếu soi không thể nói, không thể nói, lại ở nơi cõi Phật số vi trần thế giới không nói hết chuyển đại pháp luân, làm vô lượng vô biên Phật sự rộng lớn. Trong đó, đầu phàm đầu thánh, đầu chánh đầu tà, đầu cỏ đầu cây, đầu hữu tình đầu vô tình gặp ánh sáng ấy đều đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Do đó, chư Phật ở đây mà đắc thì đây đủ Nhất Thiết Chủng Trí. Chư Đại Bồ Tát ở đây mà đắc thì thành tựu hết các Ba La Mật. Bậc Bích Chi, Độc Giác ở đây mà đắc, ra đời không có Phật, hiện thân thông quang minh. Các vị chúng Thanh Văn kịp tới nghinh đón năm trăm vị A La Hán, ở đây mà đắc, được tám giải thoát, đủ sáu thân thông. Trời, Người ở đây mà đắc thì tăng trưởng thập thiện. Tu La ở đây mà đắc thì trừ bỏ kiêu mạn. Địa ngục ở đây mà đắc thì đốn siêu Thập Địa. Ngạ quỷ, bàng sanh cùng bốn loại sanh, chín cách sanh, tất cả hữu tình ở đây mà đắc thì tùy theo căn tính đều được thọ dụng.

“Phật Vô Lượng Thọ phóng đại quang minh, làm xong các Phật sự, sau đó dùng nước bốn biển lớn rưới lên đỉnh đầu Đức Phật Di Lặc mà thọ ký A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, sẽ nơi ngôi Bồ Xứ làm đại Phật sự.

“Phật Vô Lượng Thọ có thân thông như thế, có tự tại như thế, có oai thần như thế, vào trong ấy, còn có biết ân, báo ân hay chẳng? Nếu có, đưa ra cho Kính Sơn này cùng xem. Nếu không, hãy nghe lấy một bài tụng:

“*Pháp giới mười phương trong miệng người
 Cả thảy pháp giới tức cái lưỡi
 Chỉ nhờ chót lưỡi với miệng này
 Chúc tôi, ông thọ không hở sót
 Đây ức vạn năm nhuần nguồn phước
 Như biển rộng sâu đời không cạn
 Sư tử hang, sanh sư tử con
 Phụng hoàng hẳn xuất Đơn Sơn động
 Là tốt là lành khắp chín trời
 Cây cỏ côn trùng trọn đẹp vui
 Đánh lê Bất Khả Tư Nghi Phật
 Như bầy sao chầu mặt trăng soi
 Khiến được rao bày vi diệu kê
 Trong Đệ Nhất Nghĩa nói Thật Chân*”.

Đoạn cát đằng dây leo này của Ngài Đại Huệ hiển bày đầy đủ quy tắc của mười phương chư Phật, đủ làm nghi thức Thiện Pháp cho khắp nơi. Chỉ tiếc là lúc ấy không có một tri âm tương kiến để liền lật ngược thiền sàng, xem coi Ngài còn lời nào chỉ dạy!

Kinh: “*Mỗi mỗi đều là Nhất Chân vô vi thanh tịnh vô lậu, vì tánh bốn nhiên là như thế, gọi là Chân Thật Hạnh.*

Thông rằng: Toàn Tánh là tu, nên thành quy tắc. Toàn tu là Tánh, nên vốn vô vi. Rõ được tánh vốn vô vi bèn chẳng hướng đến Bồ Đề, vì vốn tự trong sạch. Chẳng trừ phiền não, vì vốn tự vô lậu. Nhậm vận liền liền, trọn gọi là Thật Hạnh.

Nếu một niệm dính vào hữu vi thì trọn chẳng phải Chân vạy. Hữu vi thuộc về tạo tác, làm sao được là bốn nhiên.

Đức Mã Tồ khai thị cho đại chúng rằng: “Đạo chẳng dùng tu, chỉ không ô nhiễm. Sao là ô nhiễm? Hết có tâm sanh tử tạo tác hướng theo đều là ô nhiễm. Như muốn hội thăng vào Đạo thì bình thường tâm là Đạo. Sao là bình thường tâm? Không tạo tác, không thị phi, không nắm bỏ, không đoạn thường, không phàm không thánh. Kinh nói “Chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh thánh hiền đó là hạnh Bồ Tát”.

“Chỉ như nay đi, đứng, nằm, ngồi, ứng cơ tiếp vật trọn hết là Đạo. Đạo chính là pháp giới, cho đến hằng sa diệu dụng chẳng lọt ra ngoài pháp giới. Nếu chẳng như thế sao nói được là Tâm Địa pháp môn? Sao nói là vô tận đặng? Tất cả pháp đều là tâm pháp. Tất cả danh đều là tâm danh. Muôn pháp đều từ tâm sanh. Tâm là nguồn gốc của vạn pháp. Kinh nói “Rõ tâm, thấu suốt nguồn gốc, nên gọi là Sa Môn”.

“Danh bình đặng, nghĩa bình đặng, tất cả các pháp đều bình đặng thuần nhất không tạp. Nếu ở trong giáo môn được tùy thời tự tại, kiến lập pháp giới thì trọn cả là pháp giới, nếu lập Chân Như thì trọn cả là Chân Như, nếu lập lý thì tất cả pháp trọn là lý, nếu lập sự thì tất cả pháp trọn là sự. Đưa lên thì một thì ngàn theo, lý-sự không khác, trọn hết thảy là diệu dụng, không còn lý nào khác, tất cả đều do sự xoay chuyển ứng dụng của tâm. Ví như bóng trăng có biết bao nhiêu mà mặt trăng chỉ là một cái. Các loại nước có biết bao nhiêu mà tánh nước vốn là một. Mọi thứ lập thành đều do Nhất Tâm

vậy. Kiến lập cũng được, quét sạch cũng được, trọn cả là diệu dụng, đều là nhà mình, chẳng có lìa Chân Như mà có được chỗ lập. Chỗ kiến lập tức chân, trọn cả là chân thể của nhà mình. Nếu chẳng như thế lại là ai khác? Tất cả pháp đều là Phật Pháp. Hết thấy các pháp, đó là giải thoát. Giải thoát tức là Chân Như. Các pháp chẳng ra ngoài Chân Như. Đi, đứng, nằm, ngồi chính là hoạt dụng bất khả tư nghì, nào đợi thời tiết. Kinh nói “Chốn chốn, nơi nơi ắt đều có Phật”.

“Phật là Năng Nhân, tròn trí huệ, khéo cơ quyền, hay phá trừ lối nghi của hết thảy chúng sanh, khỏi ngoài trói buộc của hữu, vô, tình phàm thánh hết tận, nhân-pháp đều Không, chuyển pháp luân vô đắng, siêu vượt số lượng, chỗ làm không ngại, sự-lý suốt thông. Như trời nổi mây, thoát có liền không, chẳng lưu dấu ngại. Cũng như vẽ nước thành chữ, chẳng sanh chẳng diệt. Đó là Đại Tịch Diệt.

“Trong trói buộc (20) có tên là Như Lai Tạng. Khoi trói buộc (21) gọi là Thanh Tịnh Thân. Pháp Thân vô cùng, thể không tăng giảm, lớn được nhỏ được, vuông được tròn được. Ứng vật hiện hình, như trăng trong nước, lờ lờ vận dụng chẳng gieo mầm rẽ. Chẳng hết hữu vi, chẳng trụ vô vi. Hữu vi là cái thường dùng của vô vi. Vô vi là chỗ nương của hữu vi. Không trụ vào chỗ nương nên gọi là Như Không Vô Sở Y.

“Nghĩa tâm sanh diệt cũng là nghĩa Tâm Chân Như. Tâm Chân Như là như gương sáng soi hình tượng. Gương ví dụ cho tâm, hình tượng ví dụ cho các pháp. Nếu tâm bám nắm pháp

tức là dính líu với nhân duyên ở ngoài, đó là nghĩa sanh diệt. Chẳng bám nắm các pháp đó là nghĩa Chân Như.

“Thanh Văn thì nghe thấy Phật Tánh; Bồ Tát thì mắt thấy Phật Tánh. Rõ thấu vô nhị gọi là tánh bình đẳng. Tánh nào có khác nhau, Dụng thì chẳng đồng. Ở mê là thức, ở ngộ là trí. Thuận với lý là ngộ, thuận với sự là mê. Mê tức là mê bốn tâm chính mình. Ngộ tức là ngộ bản tánh chính mình. Liền ngộ thì vĩnh viễn là ngộ, chẳng trở lại mê. Như mặt trời mọc chẳng hợp với tối. Mặt trời trí huệ hiện ra thì chẳng còn tối tăm phiền não.

“Tỏ suốt tâm cùng cảnh giới, vọng tưởng liền chẳng sanh. Vọng tưởng đã chẳng sanh đó là vô sanh pháp nhãn. Xưa có, nay có, chẳng mượn tu đạo, tọa thiền. Không tu, không tọa đó là Như Lai Thanh Tịnh Thiền.

“Như nay mà thấy lý chân chánh này thì chẳng tạo các nghiệp, tùy phận qua một đời, một thân một áo, ngồi đứng có nhau, Giới hạnh tăng huân chúa trong nghiệp sạch. Chỉ là như thế, lo gì chẳng thông. Các người đứng đã lâu. Trân trọng!”

Đại sư Mã Tô nói về cái Bản Lai Chân Thật, không mượn tu làm, mà lại không phê bỏ giới hạnh tăng huân chúa trong nghiệp sạch. Quả là đắc pháp yếu Viên Đốn.

Mười Hạnh như vậy chẳng rời Mười Trụ ở trước, tùy theo địa vị tiến tới thêm, không Hạnh nào mà chẳng khai thác Tánh Giác, đó là thành thực quả Phật mà thôi.

Trụ, tiếp theo đó là Hạnh chính là muốn chặng trụ vào chỗ nương-y mà hành Bồ Tát Hạnh, rõ ràng như Đại Sư Mã Tổ chỉ bày. Đó mới là một vị Chân Thật Hạnh vậy.

V. THẬP HỒI HƯỚNG

Kinh: “Anan, người thiện nam ấy đầy đủ thần thông, thành tựu Phật sự rồi, thuần khiết tinh chân, xa các lối nạn. Hiện độ chúng sanh mà diệt dứt các tướng hóa độ. Quay tâm vô vi hướng lối Niết Bàn, gọi là Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sanh, Ly Chúng Sanh Tướng Hồi Hướng.

Thông rằng: Mười Hạnh đã đủ, hiện tràn, hiện sát, Một là Vô Lượng, Vô Lượng là Một, đó là thần thông. Hay thành tựu quy tắc của mười phương chư Phật, đó là Phật sự. Thuần khiết tinh chân chỉ một cái chân thật duy nhất, trong sạch không phiền não, xa lìa các lối nạn ngăn ngại, có thể nói là người tự độ vậy. Cứ thế mà một đường nhắm hướng vô vi thì gọi là người rõ xong, cho nên đảm đương việc độ thoát chúng sanh. Giả sử khi độ chúng sanh mà hình tướng hóa độ chưa diệt túc là bám mắc vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Cho nên phải diệt dứt những sự làm vẻ có cứu độ, quay cái tâm vô vi của ta, hướng về hết thảy chúng sanh kia mà cùng bước vào con đường Niết Bàn Tịch Diệt. Từ chứng Niết Bàn, tánh vốn vô vi. Hiện dẫn dắt chúng sanh hướng bước chốn Niết Bàn cũng chỉ là vô vi. Nên suốt ngày độ thoát chúng sanh mà thật không có tướng độ nào để đắc. Nếu thấy có người để cứu độ liền dính lấm hữu vi, trái ngược với đường Niết Bàn Tịch Diệt, chặng trở về được cội gốc quyết định chặng sanh chặng diệt vậy. Nên diệt dứt các tướng hóa độ gọi là Ly Chúng Sanh Tướng

Hồi Hướng. Tướng độ thoát còn không có, tướng chúng sanh nào đâu có được?

Có nhà sư hỏi Tô Hoàng Bá: “Phật có độ chúng sanh chẳng?”

Tô Bá nói: “Thật không có chúng sanh để Như Lai độ. Ngã chẳng thể đắc, phi ngã nào đâu để đắc? Phật, chúng sanh đều chẳng thể đắc”.

Nhà sư hỏi: “Hiện có ba mươi hai tướng cho đến việc độ chúng sanh, sao nói được là không?”

Tô Bá nói: “Phàm hễ có tướng đều là hư vọng. Như thấy các tướng chẳng phải tướng liền thấy Như Lai”.

Ông Sơn Nhân tên Sử hỏi thiền sư Khuê Phong: “Các kinh đều nói độ thoát chúng sanh, mà chúng sanh tức phi chúng sanh thì có sao phải nhọc nhằn độ thoát?”

Tô Phong đáp: “Chúng sanh nếu là thật có thì độ thoát hẳn là nhọc nhằn. Còn đã tự nói “tức phi chúng sanh” thì nào chẳng khác độ mà không độ”.

Hợp hai chuyện trên là đủ để chú giải đoạn kinh này.

Lại như Nam Nhạc Huệ Tư Đại Thiền sư khi nghe Ngài Chí Công sai người đến bảo rằng: “Sao chẳng xuống núi giáo hóa chúng sanh mà cứ một mực làm kẻ “đưa mắt trông mây” là sao?”

Ngài nói: “Ba đời chư Phật bị một cái miệng của ta nuốt ráo thì còn chỗ nào có chúng sanh để độ nữa?”

Ngài Bửu Giác Nhất tụng rằng:

“*Mắt nhìn hơi khói, nắm mây trắng
Kể gì dưới núi có càn khôn
Từ đâu lại có chúng sanh đó?
Một miệng, ba đời Phật, nuốt luôn*”.

Ni sư Nhàn Lâm An tụng rằng:

“*Một miệng nuốt luôn Phật, chúng sanh
Mảy may chẳng lập, mới rành rành
Đầu cây (gậy) khêu dậy vầng nhật nguyệt
Khua động tam thiên núi biển mờ*”.

Như Đại sư Huệ Tư (22) thật đắc Ly Chúng sanh Tướng Hồi Hướng vậy. Há chỉ chứng địa vị Thiết Luân mà thôi ư?

Kinh: “*Hoại diệt cái có thể hoại diệt, xa lìa các sự lìa, gọi là Bất Hoại Hồi Hướng*”.

Thông rằng: Hoại diệt cái có thể hoại diệt tức là lìa chúng sanh tướng. Xa lìa các sự lìa tức là chối lìa tướng cũng lìa bỏ. Hoại diệt các tướng là sở không, xa lìa sự lìa là năng không. Năng sở đều không mà bản giác chẳng hoại, nên gọi là Bất Hoại Hồi Hướng. Nói là Bất Hoại để mà phân biệt với cái ngoan không của Nhị thừa và đoạn kiến của ngoại đạo. Tuy hoại diệt các tướng mà cái bất hoại vẫn thường tồn, thế mới là Bất Hoại Hồi Hướng vậy.

Chân thiện sư hỏi Bổn Tịnh thiện sư: “*Đạo đã vô tâm thì Phật có tâm chẳng? Phật và Đạo là một hay là hai?*”

Tổ Tịnh nói: “*Chẳng một, chẳng hai*”.

Thiền sư Chân hỏi: “Phật độ chúng sanh vì là có tâm. Đạo chẳng độ chúng sanh vì là vô tâm. Một độ, một chẳng độ sao lại không hai?”

Đáp rằng: “Nếu nói Phật độ chúng sanh, Đạo thì không độ: đó là Đại Đức vọng sanh nhị kiến. Như sơn tăng thì chẳng thế. Phật là hư danh, Đạo cũng vọng lập, cả hai đều không thực, toàn là giả danh. Trọn trong một cái giả, làm sao phân hai?”

Hỏi: “Phật và Đạo nếu là giả danh thế ngay khi lập danh đó là ai lập? Nếu có người lập sao lại nói không?”

Đáp: “Phật và Đạo nhân tâm mà lập. Suy cho cùng cái tâm lập ra này thì cũng là không. Cả hai đều chẳng thực, biết như mộng huyễn liền tò ngộ cái Bốn Không. Gương lập hai danh Phật, Đạo đó là kiến giải hàng Nhị thừa”.

Nhơn đó nói bài kệ Vô Tu Vô Tác rằng:

*“Thấy Đạo mới tu Đạo
Không thấy lấy gì tu?
Tánh Đạo như hư không
Hư không chỗ nào tu?
Xem khắp kẻ tu hành
Bơi lửa tìm bọt nước
Hãy xem hình gỗ múa
Đây đứt cả thảy ngừng”.*

Hình gỗ múa rồi có thể hoại diệt, nhưng người làm cho hình gỗ múa rồi chẳng thể hoại diệt, nên khi tướng chúng sanh

hoại thì đó là hư không chǎng hoại, chứ chǎng phải lìa ngoài cái tướng bị hoại diệt mà riêng có cái gọi là chǎng hoại. Ngay hoại là chǎng hoại, nên gọi là Bất Hoại Hồi Hướng.

Kinh: “**Bản Giác lặng trong như nhiên, Giác ấy bằng cái Giác của Phật, gọi là Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hướng.**

Thông rằng: Hành tướng có thể hoại diệt, nhưng cái Biết sự hoại diệt thì chǎng hoại. Cái lìa có thể lìa, nhưng cái Biết sự lìa thì chǎng có lìa. Đây là Bốn Giác vậy. Lặng trong hợp vào lặng trong, thức tức là Trí, cũng có thể gọi là lặng trong như nhiên.

Chỗ này nói “**Bản Giác lặng trong như nhiên**” thì chǎng phải là chỗ không dao động của thức lặng yên vậy. Chỉ vì cái Bốn Giác này chǎng phải là thức, nên có thể ngang bằng cái Giác của Phật. Tình phàm thánh giải tất cả tiêu tan, chỉ còn một cái chân thật, nên có thể bằng ngang với tất cả chư Phật. Tuy ngang với cái Giác của tất cả chư Phật, nhưng không phải là Đẳng Giác vì còn sự hồi hướng trong đó, còn có sự tiến đến ở trong đó, nên gọi là Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hướng.

Tô Hoàng Bá nói: “**Bậc Thanh Văn là do âm thanh mà đắc ngộ** nên gọi là Thanh Văn. Chỉ là chǎng rõ tự tâm, ở trên Thanh Giáo (23) khởi ra hiểu biết, hoặc do thần thông, hoặc nhờ tướng tốt, ngôn ngữ vận động, nghe có Bồ Đề Niết Bàn, trải qua ba tăng kỳ kiếp tu thành Phật Đạo, đều thuộc về đạo Thanh Văn, gọi là Thanh Văn Phật. Độc chỉ ngay đây tức thời rõ suốt tự tâm, xưa nay là Phật, không một pháp khá đắc,

không một hạnh để tu, đó là vô thượng đạo, đó là Chân Như Phật.

“Này người học Đạo, chỉ sợ một niệm có: liền cách xa Đạo. Niệm niệm vô tướng, niệm niệm vô vi, tức đó là Phật. Nay người học Đạo, như muốn thành Phật thì tất cả Phật Pháp đều chẳng dùng đến chuyện học, độc chỉ học không cầu, không bám mắc. Không cầu thì tâm chẳng sanh, không bám mắc thì tâm chẳng diệt. Chẳng sanh chẳng diệt, tức đó là Phật.

“Tâm vạn bốn ngàn pháp môn để đối với tâm vạn bốn ngàn phiền não, đó chỉ là cửa dẫn dắt giáo hóa, vốn thật chẳng có pháp nào. Lìa tức là pháp; biết lìa, đó là Phật. Chỉ lìa tất cả phiền não thì liền chẳng có pháp nào để đắc”.

Ném được mùi vị “Biết lìa là Phật” của Tô Hoàng Bá thì rõ ràng cái ý kinh “*Bản Giác lặng trong như nhiên, Giác ấy bằng cái Giác của Phật*”.

Lại như Ngài Huệ Siêu hỏi Tô Pháp Nhã: “Như sao là Phật?”

Tô Nhã nói: “Ông là Huệ Siêu”.

Vị tăng hỏi Tô Sơ Sơn: “Như sao là Phật?”

Tô Sơn nói: “Sao chẳng hỏi cái lão già Sơ Sơn?”

Như lời đáp ấy là quá chừng nhiều. Thảy cốt đề tinh Bản Giác, thì ngay đây bình đẳng với Phật.

Kinh: “Tinh Chân phát sáng, địa như Phật Địa, gọi là Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hướng.

Thông rằng: Cái Tinh Chân của Bản Giác chẳng phải chỉ là linh nhiệm sáng suốt vững bền mà thôi, lại có thể phát sáng rải bày, bước đi để thành Địa Vị. Địa Vị như Phật Địa, đối với Trị Địa Trụ ban đầu thật khác xa vậy. Có cái thể của Chân Như toàn khắp pháp giới như thế thì cũng có ngay cái dụng của Chân Như toàn khắp pháp giới như thế. Cho nên, cái Giác của Phật cùng khắp tất cả chỗ thì cái Hành của Phật cũng khắp tất cả chỗ. Có chỗ chưa khắp thì chẳng phải là Phật Địa. Đây chỉ mới có thể như Phật chứ chưa có thể là một với Phật, nên gọi là Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hướng.

Vị tăng hỏi Tố Lâm Tế: “Thế nào là Tam Nhã Quốc Độ?”

Tố Lâm Tế nói: “Ta cùng ông vào trong quốc độ Tịnh Diệu, mặc áo thanh tịnh, thuyết nói Pháp Thân Phật. Lại vào trong quốc độ Vô Sai Biệt, mặc áo không sai biệt, thuyết nói Báo Thân Phật. Lại vào trong quốc độ Giải Thoát, mặc áo quang minh, thuyết nói Hóa Thân Phật. Tam Nhã Quốc độ này đây đều là Y Báo biến hóa. Theo các kinh luận gia thì lấy Pháp Thân làm căn bản, Báo Thân, Hóa Thân là Dụng. Chỗ thấy của sơn tăng thì Pháp Thân chẳng mượn đến lời nói. Bởi thế cổ nhân nói “Thân (Pháp, Báo, Hóa) y theo nghĩa mà luận, Độ căn cứ nơi Thể mà luận”. Pháp Tánh Thân, Pháp Tánh Độ rõ ràng là pháp kiến lập. Quốc độ y-thông là nắm tay không, là chiếc lá vàng để đối gạt trẻ nít. Trái tật lê, củ ấu sừng hột khô queo thì tìm nước gì đây? Ngoài tâm không pháp, trong cõi chẳng thể đắc thì cầu vật gì?

Thiền sư Thiên Y Hoài thượng đường: “Vô biên cõi Phật, đây kia chẳng cách hở mảy lông. Hãy nói Bát Động Như Lai thế giới Diệu Hỷ thuyết pháp gì đó? Bao đời xưa nay thủy chung chẳng lìa đương niệm. Vậy như trong một hội tối sơ Phật Oai Âm Vương độ người nhiều ít? Như thật là người suốt khắp thử nói xem!”

Giây lâu, Ngài nói: “Đường đi khó! Đường đi khó! Đầu núi muôn tầm ông tự thấy!”

Bởi thế, ngộ Pháp Tánh Thân, Pháp Tánh Độ cốt yếu là quay về Vô Vật (24), đó là Chân Phật Địa. Nếu có chỗ đắc thì đã có nơi chốn, làm sao “Đến khắp tất cả chỗ” (25)?

Kinh: “Thế giới, Như Lai hổ tương, dung nhập, được không chướng ngại, gọi là Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hướng.

Thông rằng: Thế giới tức là Chân Như Pháp Giới, thuộc tướng phần. Như Lai tức là Chân Như Bản Thể, thuộc kiến phần. Kiến phần và tướng phần vốn đồng một nguồn nên tuy cẩn thận phân minh, mà đây kia vẫn là dung nhập. Nếu kiến phần thì tướng phần ở ngay trong đó. Nếu tướng phần thì kiến phần ở ngay trong đó. Tức Kiến không gì chẳng phải là tướng, tức tướng không gì chẳng phải là kiến. Thế nên, thế giới, Như Lai hổ tương dung nhập. Vốn không chướng ngại mà chẳng khỏi có chướng ngại, là cái thấy chưa dung thông vậy.

Tinh chân phát sáng đến khắp mọi chốn nhưng vẫn còn ở mọi nơi chốn thấy có hai. Nay hổ tương dung nhập, tinh chân

là tất cả mọi chốn, tất cả chốn chính là tinh chân. Tâm, cảnh trọn dung thông, cả hai không ngăn ngại. Lý chẳng ngại sự, sự chẳng cản lý, đầy ắp tất cả chỗ, nên gọi là Vô Tận Công Đức Tạng.

Vô Lượng Công Đức của mười Hạnh trước chỉ đủ đức ở thân, còn Vô Tận Công Đức Tạng này là kho công đức không cùng, dùng mà chẳng hết, lấy ra chẳng cạn, ấy là chỉ cái Biển Tạng Thức Như Lai vậy. Hầu như ngang bằng với Hu Không Tạng Bồ Tát, thân và cõi dung nhập mà hay rộng làm Phật sự, tùy thuận chúng sanh.

Ngài Ngũ Tổ Diễn thượng đường rằng: “Ngàn núi bảy xanh, bến liễu rủ vàng, lão tiều ca hát, ngư ông nhảy múa, sênh phách rộn ràng, chim hát líu lo, người đẹp phấn hồng, công tử phong lưu, mỗi mỗi đều vì các ông mà phát tỏ cái thượng thượng cơ, mở ra Chánh Pháp Nhã. Nếu hướng trong ấy mà tiến cử được thì Kim Sắc Đầu Đà (26) không chỗ dung thân. Nếu chẳng am hiểu, ăn cháo, nhai cơm, chịu cho ông bảy hang tám lỗ (27)!”

Lại như Ngài Pháp Đăng nói bài kệ:

*“Ai tin Thiên Chân Phật?
Hưng Bi khắp vạn đường
Bờ xưa, hoa Liêu nở
Cò trắng đứng bãi vàng
Sương rơi sân cỏ mọc
Mây thâu, lạnh trắng khe*

*Mỗi mỗi: nơi bày chi
Tử tế, hãy nhìn xem”.*

Đây là thế giới, Như Lai chung thành một phiến. Theo đây mà ngộ nhập gọi là chân giải thoát. Dùng công đức này tiếp dẫn chúng sanh, vì thế giới vô tận nên công đức cũng là vô tận.

Kinh: “Ở nơi đồng với Phật Địa, trong áy mỗi mỗi sanh nhân thanh tịnh. Nương nhân áy mà phát huy, giữ lấy đạo Niết Bàn, gọi là Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hướng.

Thông rằng: Đồng Phật Địa, đồng thanh tịnh, đồng Niết Bàn sao lại nương nơi nhân mà phát huy mỗi mỗi chẳng đồng? Đó là do các thiện căn đã tròng trong những đời trước, mỗi cái do sự huân tập mà có đặc tánh riêng. Tánh thiện tuy bình đẳng mà do căn (rễ) nảy mầm, nương nhân chứng quả mà muôn vật chẳng đồng. Dầu chẳng đồng vẫn không ngại sự tự tu tự ngộ, chứng lấy Niết Bàn. Đúng là chẳng cần cố chấp một pháp môn, mỗi mỗi phải đều theo một lối.

Nói tùy thuận nghĩa là tùy theo căn cơ mà tiếp dẫn, chứ chẳng miễn cưỡng làm chõ không thể được. Đây mới là quyền nghi lớn để độ khắp chúng sanh vậy.

Ngài Tuyết Phong ở nơi Tô Động Sơn làm đầu bếp.

Một hôm, đang đái gạo, Tô sơn hỏi: “Đái cát bỏ gạo, hay đái gạo bỏ cát?”

Ngài Phong rằng: “Cát gạo đồng thời bỏ”.

Tô nói: “Đại chúng lấy gì ăn?”

Ngài Phong bèn dậy bồn gạo lại.

Tô nói: “Theo cái nhân duyên của ông thì hợp với Đức Sơn”.

Về sau quả nỗi pháp Tô Đức Sơn.

Ngài Đầu Tử nêu ra rằng: “Này đại chúng! Tô Động Sơn nói như vậy là đạo lý gì thế? Tuy là một sắc càn khôn, khốn nỗi núi cao sông rộng. Bởi thế lão dã này nói Công phu chẳng tới, chẳng vuông tròn. Ngôn ngữ không thông chẳng phải bà con”.

Bèn thay thế, nói: “*Đãi cát bỏ gạo, đãi gạo bỏ cát*: Cây quế trường sanh không ảnh, trải qua sương tuyết kết trái đều”. “*Đại chúng lấy gì ăn*: Chim Kim Phụng hái bông ngậm chẳng hết, Ngọc Sô (28) ăn nhụy lá tươi hoài”.

Tụng rằng:

“*Hiện đầy bình bát: không một vật
Há đồng Hương Tích hóa đồ ngon
Nhật nguyệt xoay hoài soi chǎng thấu
Người gỗ múa tay hướng lò hồng*”.

Ngài Đầu Tử rất rành ý chỉ của Tô Động sơn, biện biệt rất rõ ràng.

Có nhà sư hỏi Ngài Ngũ Tô Diễn: “Thế nào là chuyện nhà Lâm Té?”

Tô Diễn nói: “Kẻ phạm tội ngũ nghịch nghe sấm sét!”

Hỏi: “Thế nào là chuyện nhà Vân Môn?”

Đáp: “Cờ hồng sáng lòe”.

Hỏi: “Thế nào là chuyện nhà Quy Ngưỡng?”

Đáp: “Dẹp cái bia ngang lối xưa”.

Hỏi: “Thế nào là chuyện nhà Tào Động?”

Đáp: “Đem thơ chǎng tới nhà”.

Nhà sư làm lẽ.

Tổ Diễn nói: “Sao chǎng hỏi chuyện nhà Pháp Nhãn?”

Đáp: “Để lại cho Hòa Thượng”.

Tổ Diễn nói: “Người đi tuần phạm tội đi đêm”.

Ở đây, thiện căn của năm Tông, mỗi Tông đều có chỗ khé hợp riêng. Chẳng phải chỉ có Tổ Động Sơn chỉ dạy Ngài Tuyết Phong đến Tổ Đức Sơn mà thôi.

Từ Tổ Huệ An ở Tung Sơn chỉ cho Ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng đến ra mắt Đức Lục Tổ, Tổ Thạch Đầu chỉ Ngài Được Sơn ra mắt Đức Mã Tổ, rồi Đức Mã Tổ chỉ Ngài Đơn Hà đến Ngài Thạch Đầu đều là tùy thuận thiện căn bình đẳng, khiến nương nơi nhân mà phát huy, giữ lấy đường Niết Bàn. Nào có từng cố chấp theo riêng một pháp môn để chứng Cực Quả đâu?

Kinh: “Chân Căn đã thành, mười phương chúng sanh đều là Bản Tánh của mình. Tánh tròn vẹn tựu thành, không bỏ sót một chúng sanh, gọi là Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sanh Hồi Hướng.

Thông rằng: Thiện căn là cái thiện căn ai cũng săn đú. Nương thiện căn này, giữ lấy đường Niết Bàn thì thiện căn hóa thành Chân Căn vậy. Không còn cái thiện nào để chỉ ra, độc chỉ một cái chân thật, thể tánh viên dung toàn khắp pháp giới, nên chúng sanh mười phương đều là bản tánh của mình. Bản tánh đã tròn vẹn, đã tự thành tựu, nên gọi là Viên, không ngại mà hội với chúng sanh thành một thể, nhưng cũng chẳng bỏ mất tướng chúng sanh. Chúng sanh chưa hẳn mỗi mỗi đều thành tựu, nhưng tánh ta tròn vẹn thì không một chúng sanh nào chẳng phải là Phật Tánh. Bởi thế tánh tròn vẹn thông suốt tựu thành, cho đến không bỏ sót một chúng sanh nào cả.

Sự *Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sanh* này thì chẳng kể người, vật, thiện, ác... dưới đến các loài xuẩn động hàm linh đều có Phật Tánh. Không chỉ tùy thuận bình đẳng thiện căn mà thôi, như Ngài Thường Bát Khinh Bồ Tát, gặp ai cũng lễ lạy mà nói: “Tôi chẳng dám khinh các người. Các người đương nhiên sẽ thành Phật”, thật hợp ý chỉ này.

Thiền sư Dục Vương Dụ thượng đường: “Trọn khắp đại địa là con mắt của Sa Môn, khắp mười phương là ánh sáng của tự mình. Vậy thì cớ sao ở Đông Phất Du Đãi đánh trống thì Tây Cù Da Ni chẳng nghe? Nam Thiệm Bộ Châu đốt đèn, Bắc Uất Đơn Việt vẫn tối. Dù cho hướng vào trong ấy nói được đầy đủ thì vẫn còn ở trong bóng dáng mà làm kế sanh nhai!”

Ngài rung cây phật tử, nói: “Trăm thứ tạp nhạp nát rồi, sao là một đường thoát thân?”

Ném cây phật tử đi, nói: “Hãy tham!

Chuyện này mà chẳng thực tham, thực chứng, làm sao trộm thấy tin tức của Chân Căn?”

Ngài Tuyết Phong dạy rằng: “Ở đinh Vọng Châu đã cùng các ông tướng kiến rồi! Ở đinh Ô Thạch đã cùng các ông tướng kiến rồi! Trước tăng đường đã cùng các ông tướng kiến rồi vậy!”

Khi ấy, có nhà sư bước ra hỏi: “Trước tăng đường hãy để đó, còn đinh Vọng Châu, đinh Ô Thạch chỗ tướng kiến là thế nào?”

Tô Phong hốt nhiên lui về phuơng trượng.

Đây là thấy được thì mới tin mười phuơng chúng sanh đều là bốn tánh của mình.

Kinh: “Tức cả thấy pháp, lìa cả thấy tướng. Cả Tức và Lìa đều không chỗ dính mắc, gọi là Chân Như Tướng Hồi Hướng.

Thông rằng: Ở trước, nói “*Lìa cả thấy tướng, tức cả thấy pháp*” ấy là nơi tướng mà lìa tướng, vẫn còn có tướng của pháp vậy. Ở đây, nói “*Tức cả thấy pháp, lìa cả thấy tướng*” ấy là nơi pháp mà lìa pháp, quên mất cả pháp tướng vậy. Có Tức có Lìa thì tuy không có pháp tướng nhưng chẳng phải không có cái *không pháp tướng*, đó cũng còn là sự trừ bỏ pháp tướng. Ở đây thì đồng đều là không có, mảy tơ hết sạch, chỉ một Chân Thể như như bất động. Đó gọi là Chân Như Tướng, chẳng thể lấy các thứ tướng như tướng, pháp tướng cho đến sự trừ bỏ pháp tướng mà so sánh được.

Chỗ nói “*Lìa cả thảy tướng*” tức xem sự lìa tướng chúng sanh là nhiệm mật. Chỗ nói “*Cả hai đều không dính mắc*” tức xem sự xa lìa các thứ lìa là nhiệm mật. Đến đây thì sở tri chướng đã được trong sạch, cái Chân Tánh hiện tiền, đến không từ đâu, đi không về đâu, vốn tự như như, nên gọi là Chân Như.

Thiền sư Dục Vương Dụ thượng đường: “Khi hành bắt mắt dấu của hành, khi thuyết không có vết của thuyết. Hành, thuyết mà có chỗ đến át có đích sanh ra thì tên liền tới. Hành, thuyết chưa sáng rõ át mũi kiếm linh quyết đoán vạch rõ. Dù cho thuyết không có sấm lậu, hành chẳng mê nơi chốn thì vẫn còn vướng mắc ở xác thân. Nếu là đại bàng cánh vàng thì vút lên trăm ngàn do tuần. Nếu là ngựa Thần Câu thập ảnh thì ruồi nhanh bốn phương tám cõi, chẳng cần thứ lớp ăn uống, chẳng theo chốn mà chôn thân. Tóm lại, chẳng có dựa nương thì lại có cái phần dãm bước, thực hành không nhỉ? Chốn chốn, mảy mẩy, chính là Bờ Giác!”

Lời dạy này có thể nói là đắc cốt tuy Chân Như. Chỗ đó mà được siêu thoát bèn khế hợp Như Như.

Kinh: “*Thật đắc Như Như, mười phương không ngại, gọi là Vô Phược Giải Thoát Hồi Hướng.*

Thông rằng: Xa lìa các tướng, chỉ một Chân Như thì gọi là Vô Phược, không trói buộc. Còn cái tướng Chân Như, ấy là còn bị cái vô phược trói buộc, chưa thể vô ngại, nên chưa là Chân Giải Thoát.

Thật đắc Như Như thì ở đâu cũng Như Như, không còn trệ ngại, ngay cái tướng Chân Như cũng quên mất. Ban đầu trừ bỏ chấp pháp gọi là Hữu Phược Giải Thoát. Nay trừ bỏ cái không chấp pháp gọi là Vô Phược Giải Thoát. Đã không có phược (29) để thoát thì còn có phược nào nữa? Đã không có chỗ trói buộc thì chỗ nào chẳng Như Như? Cái “*Mười phương không ngại*” này nếu chẳng đắc cái Tối Chân trong Chân Như thì chẳng đủ sức để nói vậy.

Ngài Lạc Phổ ban đầu làm thị giả của Tô Lâm Tế. Tô thường giữa chúng khen Ngài rằng: “Ấy là mũi tên chiếc trong môn hạ Lâm Tế, ai dám đối đầu với mũi nhọn ấy?”

Ngài Lạc Phổ tự cho là đã đầy đủ, từ giã Tô đi du phương về Nam.

Tô Lâm Tế nói: “Môn hạ Lâm Tế có con lý ngư sạch chút đinh, ngoắt đầu quặt đuôi hướng về phía Nam, chẳng biết hướng về trong hũ dưa muối nhà nào mà chết vùi đây?”

Ngài Lạc Phổ đi du phương xong đến thăng Giáp Sơn dựng am, suốt năm không hỏi thăm Tô Giáp Sơn. Tô bèn viết thơ bảo một vị tăng đưa sang. Lạc Phổ tiếp thơ bèn cát luôn, lại đưa tay đòi nữa, vị tăng không đáp được.

Ngài Lạc Phổ bèn đánh mà nói: “Về nói y lại cho Hòa Thượng”.

Vị tăng về kể lại cho Ngài Giáp Sơn, Tô nói: “Ông tăng ấy mà mở thơ ra thì trong ba ngày phải đến đây. Còn chẳng mở thơ thì không cứu nổi ông ta rồi”.

Ba ngày sau, quả Ngài Lạc Phổ đến ra mắt Tô Giáp Sơn, không lẽ bái, ngay trước mặt Tô mà đứng.

Tô Sơn nói: “Gà nương ồ phụng, chẳng cùng đồng loại. Lui ra!”

Ngài Phổ: “Từ xa nghe tiếng đến đây, xin thày tiếp đón một lần”.

Tô Sơn: “Trước mắt không có Xà Lê, nơi đây không có Lão tăng!”

Lạc Phổ bèn hét: “Một chữ Vô (không có) cũng chẳng cho lập!”

Tô Sơn: “Chớ có hấp tấp vội vàng! Phải biết mây, trăng thì đồng, mà núi, khe mỗi khác. Cắt đứt đầu lưỡi thiên hạ thì chẳng phải là không có, còn làm sao dạy người không có đầu lưỡi mở lời?”

Lạc Phổ không có lời đáp.

Tô Sơn bèn đánh. Lạc Phổ bèn khuất phục. Quả nhiên là hướng vào trong hũ dưa muối của Giáp Sơn mà chết vùi.

Ngài Đầu Tử nêu lên rằng: “Đến trong ấy, làm sao đây? Nói được một câu thì đồng thân, cùng mạng, một hơi thở, liền lá cành!”

Rồi nói thay: “Đôi phụng không mắt đủ năm màu. Vọt lên trời không thâu mây xanh!”

Tụng rằng:

*“Người đá không bạn đêm vào núi
Mây lồng đỉnh đỏ áo lục hàn
Hết khai điêm kiếp ba chót đỉnh
Bưng áo vàng (31) ra, dưới nhật xem”.*

Hai câu đầu tụng ý chỉ: Dứt hết đầu lưỡi người trong thiên hạ, chõ ẩn thân, mất dấu vết.

Hai câu sau tụng ý chỉ: Người không có lưỡi lại mồ lời, chõ mất dấu vết, chớ ẩn thân.

Cái ông Lạc Phổ lộn xộn, chỉ được một cái hàm thiết, đã bị Tỗ Lâm Tế khám phá. Giả sử không gặp Tỗ Giáp Sơn thì cơ hồ bị cái Vô Phược trói buộc mà tống táng một đời vậy.

Kinh: “Tánh Đức viên thành, hạn lượng về pháp giới diệt mốt, gọi là Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hướng.

Thông rằng: Từ Chân Như Tánh phát khởi cái đức dụng. Ba Đức Lý, Trí, Hạnh đều tròn vẹn. Lý, sự vô ngại, không, có đều chẳng phải. Thành tựu thuần nhiên Một Tánh, rốt ráo không còn dấu vết. Ở trước nói “Đến tất cả chõ” là dường còn cái thấy có hạn lượng (32), nên pháp giới tánh chưa lìa hữu lượng. Nay hạn lượng về pháp giới diệt mốt (33), nên gọi là Vô Lượng (không có sự vật).

Tỗ Phật Quả Khắc Càn gấp cư sĩ Trương Vô Tân, đàm luận ráo riết về yếu chỉ kinh Hoa Nghiêm.

Tỗ nói: “Cảnh giới hiện lượng của Hoa Nghiêm thì lý, sự toàn chân. Ngay ban đầu đã không có giả pháp, bởi thế, ngay Một mà Muôn, rõ Muôn là Một, Một trở lại Một, Muôn trở lại

Muôn, mênh mông không cùng. Tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt. Cuốn, mở tự tại, vô ngại viên dung. Chỗ này tuy là tốt lý, nhưng rốt cuộc cũng là không gió mà nỗi sóng vòng vòng!”

Cư sĩ này không lãnh hội nỗi, lúc lắc cái giường ngồi.

Tổ Khắc Càn bèn hỏi: “Đến chỗ này thì cùng với ý Tổ Sư từ Tây sang là giống hay khác?”

Cư sĩ: “Dạ, giống”.

Tổ Càn nói: “Hãy được cái chỗ không có giao thiệp”. Cư sĩ có sắc giận.

Tổ Càn nói: “Chẳng nghe Vân Môn nói “Núi sông đất đai không mảy tơ lầm lỗi”. Đó còn là chuyền cú. “Chẳng thấy một sắc” mới là một nửa đè. Còn phải biết cái toàn đè của thời tiết hướng thượng. Các Tổ Đức Sơn, Lâm Tế há chẳng phải là toàn đè đấy sao?”

Cư sĩ bèn gật đầu đồng ý.

Hôm sau lại bàn về Sự Pháp Giới, Lý Pháp Giới cho đến Sự Lý Vô Ngại Pháp Giới.

Tổ Khắc Càn lại hỏi: “Đây có thể nói thiền chẳng?”

Cư sĩ đáp: “Chính nên nói Thiền vậy”.

Tổ cười nói: “Chẳng phải! Chính vì còn trong cái suy lường về Pháp Giới nên hạn lượng về Pháp Giới chưa diệt mệt. Nếu vào đến Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới, hạn lượng về pháp giới diệt mệt, mới nên nói Thiền! Như sao là “*Phật là que cứt*

khô”? Như sao là “*Phật là ba cân gai*”? Thê nên Tô Chân Tịnh có kệ rằng:

“*Sự sự vô ngại*
Như ý tự tại
Tay nắm đầu heo
Miệng tung tịnh giới
Lướt khỏi nhà thổ
Chưa trả nợ rượu
Đầu ngã tư đường
Mở banh túi bố!”.

Cư sĩ: “Chỗ luận bàn tuyệt thay! Há dễ được nghe ư?”

Như diệu nghĩa này, chẳng bàn luận sâu xa như vậy thì không thể giải bày hết yếu chỉ.

Mười địa vị Hồi Hướng ở trên là hồi Chân, hướng Tục, hồi Trí hướng Bi khiến Chân-Tục viên dung, Trí-Bi bất nhị. Đến đây hạn lượng, tình kiến đều đã hồn hóa, mới có thể đăng địa, chứng quả Bồ Tát vậy.

VI. TỨ GIA HẠNH

Kinh: “Anan, người thiện nam đó tu hết bốn mươi mốt tâm thanh tịnh ấy rồi, tiếp đến thành tựu bốn thứ Gia Hạnh diệu viễn: tức lấy Phật Giác dùng làm tâm mình, như ra mà chưa ra, cũng như dùi cây cho ra lửa để đốt cái cây, gọi là Nōan Địa.

Thông rằng: Bốn mươi mốt tâm ở trên, từ Càn Huệ đến Mười Hồi Hướng lần hồi sửa trị, lần hồi điều phục, đào thải

phàm tình, đã thành cùng cực thanh tịnh. Nhưng thánh vị khó lên, thánh quả khó chín muồi. Đến miếng đất này, "Thần" không thể xét đến, 'Hóa' chẳng thể giúp tăng trưởng. An nhiên mà thong dong, chờ cái tự nó đến mà thôi vậy.

Đức Thế Tôn nhiều kiếp tu hành, suốt thấu rõ ràng chỗ huyền vi, ở đây lại lập ra bốn thứ Gia Hạnh diệu viễn. Giữa khoảng sắp thành tựu và chưa thành tựu, quả thực là có bốn địa vị này, chẳng phải là Phật nhân thì ai mà biện biệt ra được?

Ở trước, nói "*Giác bằng cái Giác của Phật*", ấy là ở trong tâm rõ ràng mà chưa thể dùng được. Đến đây thì "*Lấy Phật Giác dùng làm tâm mình*", đưa lên xem ngắm mà chẳng ra, giống như dùi cây cho ra lửa mà cây chưa cháy, nên gọi là Nōan (35) Địa. Lửa có ra thì cũng vô tâm, dùi lâu thì cây tự cháy. Giác mà dùng thì cũng vô ý, định lâu thì huệ tự hiện, trong khoảng ấy chẳng để cho sức người góp vào vậy.

Tô Thúy Nham Chân thượng đường, nêu lên bài tụng của Tô Long Nha rằng: "Học đạo như dùi lửa, thấy khói chưa thể ngừng, chờ đến Kim Tinh hiện, về nhà mới đến nơi!" Và bài tụng của Tô Thần Đỉnh rằng: "Học đạo như dùi lửa, thấy khói có thể dừng, chờ chờ Kim Tinh hiện, cháy cẳng lại cháy đầu!"

Tô Chân nói: "Nếu luận Đốn thì Long Nha quả ở nửa đường! Nếu luận Tiệm thì Thần Đỉnh mới ngộ ít. Ở đây thì thế nào? Nay các nhân giả, năm nay nhiều lá rụng, chỗ nào quét về nhà?"

Theo chõ thấy của Ngài Thúy Nham, cháy chǎng hết thì hiện củi, dùng chǎng hết thì hiện lửa, thế dùng sự dùi làm chi? Tuy thế, phải là người xuất cách mới xong!

Kinh: “*Lại lấy tâm mình thành chõ hành vi của Phật. Hình như nương mà chǎng phải nương, như lên núi cao, thân đã vào hư không mà bên dưới còn chút ngăn ngại, gọi là Đảnh Địa.*

Thông rǎng: Chõ thấy cùng Phật không khác, nhưng còn phải quý trọng hành vi cho tương xứng. Nếu đã có thể lấy cái Giác của Phật dùng làm tâm mình thì có thể lấy tâm mình thành chõ hành vi của Phật. Ở nơi hõ tương đối đãi mà nói thì vì còn có cái thấy của Phật, của mình nên hình nhưng nương mà chǎng phải nương, là thấy có quy tắc của Phật. Hình như nương nơi Phật thì đó chỉ là quy tắc của mình. Nếu không có chõ nương, đó là hành vi của Phật không vết tích. Nay có chút so nghĩ, tính toán, bởi vì lǎn vết chưa mất. Giống như lên núi cao, thân đã vào hư không mà bên dưới còn chút ngăn ngại.

Cho là *nương* thì thân ở hư không nên chǎng phải nương vậy. Cho là *chǎng phải nương* thì chân còn dẫm trên đảnh nên chǎng phải là *không nương*. Sắp vào chõ *Thần Hóa* mà còn chút đầu lông chưa tiêu dung, nên hình như có ngăn ngại. Kinh Đại Bát Nhã cho sự chấp trước hư không là Pháp Thân gọi là Đǐnh Đọa, rời nơi đǐnh, chính thật tương đương với chõ này.

Nhà sư hỏi Tô Triệu Châu: “Như sao là cô đǐnh Diệu Phong?”

Tô Châu nói: “Lão tăng không đáp câu ấy của ông”.

Hỏi: “Vì sao không đáp câu ấy?”

Tổ Châu nói: “Ta đáp cho ông, sợ rơi trên đất bằng”.

Ý vị thay! Rõ ràng đã đáp rồi vậy.

Về sau, hai Ngài Bửu Phước và Trường Khánh đang dạo núi.

Ngài Bửu Phước lấy tay chỉ, nói: “Chỉ trong ấy bèn là đỉnh Diệu Phong!”

Ngài Trường Khánh nói: “Đúng là như vậy thì đáng tiếc cho!”

Có nhà sư kể lại với Ngài Cảnh Thanh. Ngài Cảnh Thanh nói: “Nếu chẳng phải là bậc Tôn Công thì thấy sợ khô đầy đồng!”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Diệu Phong cô đánh cỏ đầy đầy
Nếu được rõ ràng, phó chúc ai?
Chẳng phải tôn công phân đích xác
Sợ khô đầy đất, mấy ai hay! ”.*

Tôn Công Trường Khánh khá tiếc cho chính là sợ rót trên đất bằng. Nếu rót nơi đất bằng mà thương lượng thì trước sợ khô thấy quỷ ma vô số!

Lại như Tổ Động Sơn hỏi nhà sư: “Chỗ nào đến?”

Đáp: “Đạo núi đến”.

Tổ Sơn nói: “Có đến đỉnh chẳng?”

Đáp: “Đã có đến”.

Tô Sơn nói: “Trên đỉnh có người không?”

Đáp: “Không người nào”.

Tô Sơn: “Như vậy chắc chưa tới đỉnh”.

Đáp: “Nếu chưa tới đỉnh sao biết là không người?”

Tô Sơn: “Sao chẳng ở (trụ) lại?”

Đáp: “Tôi chẳng từ chối ở, chỉ vì Tây Thiên có người chẳng chịu”.

Tô Sơn nói: “Vậy mà lâu nay ta lại nghi gã ấy!”

Như nhà sư này, đến đỉnh chẳng trụ thì còn gì ngăn ngại? Tức là cái hoạn nạn *đỉnh đọa* còn không có, lo gì tai họa *đất bằng* ư?

Kinh: “Tâm, Phật cả hai đồng, khéo được Trung Đạo, giống như người biết nhẫn nhịn, chẳng phải ôm ấp, chẳng phải phát ra, gọi là Nhẫn Địa.

Thông rằng: Tâm mình và hành vi Phật, cả hai dấu vết đều dung thông, hòa thành một thể, không còn ngăn ngại. Đã không phải *Túc Tâm tức Phật*, cũng không phải *Phi Tâm phi Phật*, chỉ nói là “*Chẳng phải vật*”, đó chõ gọi là Trung Đạo.

Ban đầu thì ngay chính giữa mà lèn vào, cho đến khi Trung Đạo thuần chân. Thứ lớp Tín, Trụ, Hạnh, Hướng đến đây mới có thể khéo được Trung Đạo. Gọi là *khéo được* thì chẳng phí mảy lông công lực, ấy là đắc cái Không-chõ-đắc. Đã

không chõ đắc thì cũng không chõ thuyết. Như người nhẫn nhịn, đã không ôm áp lòng nghi mà cũng không nói ra, chỉ có im lặng ẩn chứa mà thôi, nên gọi là Nhẫn Địa.

Quan Long Đồ tên là Vương Tiêu, tự là Quan Phục, một hôm ở chùa Chiêu Giác, nghe tiếng bản *ra thiền* mà có tinh ngộ.

Bèn hỏi Tô Nam Đường: “Tôi có cái chõ-tháy, bỗng bị người hỏi, lại mở miệng chẳng được, chưa rõ lỗi ở đâu?”

Tô Đường nói: “Lỗi tại có cái *chõ-tháy*”.

Tô hỏi lại: “Ông đến nhậm chức hồi nào?”

Ông đáp: “Dạ ngày mồng Bốn tháng Tám năm ngoái”.

Tô lại hỏi: “Ông rời nhiệm sở khi nào?”

Đáp rằng: “Ngày Hai Mươi tháng trước”.

Tô Đường nói: “Vậy tại sao nói là mở miệng chẳng được?”

Ông Tiêu bèn khép miệng.

Ông Vương Long Đồ tương tự chứng Nhẫn Địa, nhờ vài câu của Tô Nam Đường mà chõ-tháy liền mất.

Nhưng cũng có trường hợp đã siêu quá Nhẫn Địa mà chưa thấu thoát. Như Ngài Ngũ Tô Diễn được Ngài Phù Sơn Viễn chỉ đến ra mắt Tô Bạch Vân Đoan. Ngài Ngũ Tô Diễn đem chuyện nhà sư hỏi Tô Nam Tuyền về ngọc ma-ni để xin bày

dạy yếu nghĩa. Tô Đoan liền quát nạt cho. Ngài Diễn lãnh ngộ, trình bài kệ Đầu Cơ rằng:

*“Trước non một mảnh đất đai nhàn
Hầu Tô chấp tay bạch hỏi han
Tự bán bao phen rồi mua lại
Vì thương tùng trúc giỗn gió trong”.*

Tô Đoan đặc biệt ấn khả, cho làm Tri sự trong chùa. Chẳng bao lâu, Tô Đoan đến nói rằng: “Có mấy vị thiền khách ở Lư Sơn tới, đều có chõ ngộ nhập. Bảo y nói, cũng nói được có mối manh. Nêu nhân duyên hỏi y, cũng bày tỏ được. Bảo y hạ một câu chuyền ngữ, cũng buông ra được. Chỉ có điều là chưa ở trong đó”.

Ngài Diễn ở chõ này phát đại nghi, tự suy nghĩ rằng: “Đã ngộ rồi thì cũng nói được, rõ cũng đã rõ, thế sao lại chưa ở trong đó?”

Bèn tham cứu lâu ngày, bỗng nhiên tinh ngộ, lòng tiếc của báu trước kia một phen buông bỏ hết, chạy đi tìm Ngài Bạch Vân Đoan. Tô Đoan đậm chân múa tay. Ngài Diễn cũng cười xòa một tiếng mà thôi.

Tô Diễn về sau nói với người ta rằng: “Tôi nhờ đó mà ra khỏi một xác chết, liền rõ được cái việc *chở gió trong*”.

Thế nên biết, mảy tơ chưa hóa thì vẫn còn lý chướng. Bốn thứ Gia Hạnh diệu viễn như thế, đâu chỉ có bốn mối ư?

Kinh: “Số lượng tiêu diệt, sự mê, giác và Trung Đạo cả hai đều không danh mục, ấy là Thế Đệ Nhất Địa.

Thông rằng: Tâm, Phật cả hai đồng, là đã quên đây, kia; khéo đắc Trung Đạo là đã lìa hai bên. Nhưng có hai cái đồng nhau, thế là còn *tin tức* trong đó. Đó là số lượng, đó là danh mục vậy. Số lượng là chỗ thế nhân có thể đo lường, danh mục là chỗ thế nhân có thể chỉ ra, tức là chẳng vượt khỏi thế gian.

Phật Thân là vô vi, chẳng rơi vào số lượng. Tiêu diệt số lượng đo đếm đi thì chẳng có việc rơi vào vậy. Sao gọi là tiêu diệt? Cái gì có đồng, có khác, có mê, có giác, có được, có mất đều thuộc vào số lượng, đều có thể xếp thành danh mục. Hiện nay độc chỉ khéo đắc Trung Đạo, nên không thể cho đó là mê, lại sắp cùng với chỗ sở đắc mà quên mất, nên không thể cho đó là giác. Chẳng thể suy đoán, chẳng thể hình dung, chính là chỗ chân thật tiêu diệt mọi số lượng vậy.

Cái chỗ tình suy lượng của thế nhân có thể đến, là biết có Phật, biết có Đạo mà thôi. Nay nói: “Tâm chẳng phải Phật, Trí chẳng phải Đạo”, thì chỗ nào đâu mà suy nghĩ dung thân? Cái chỗ mà danh mục của thế nhân có thể thấy đến là đồng như vậy, đắc như vậy mà thôi. Nay nói, “Đồng không chỗ đồng, đắc không chỗ đắc”, thì chỗ nào đâu để trộm thấy cái nhiệm màu?”

Đến đây thì nội phàm đã hết, sắp vào Thánh vị. Chỉ có Thánh mới biết được Thánh, chẳng phải ý kiến người đời mà trộm thấy được, vì cao vượt cái cao của người đời, nên gọi là Thế Đế Đệ Nhất Địa. Nếu vào Thập Địa, đến tột Diệu Giác thì lại gọi là Xuất Thế Đệ Nhất Địa.

Có nhà sư hỏi Tô Động Sơn: “Trong ba Thân, Thân nào chẳng sa vào số lượng?”

Tô Sơn nói: “Ta thường ở trong ấy không cách hở”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Chẳng nhập thế, chưa theo duyên
Kiếp bâu “Không Xứ” có gia truyền
Sông thu gió nhẹ, rau tần trắng
Bến cảng thuyền chiều một giải sương”.*

Bài tụng này ở chỗ chẳng rơi vào số lượng lại càng thân thiết.

Thiền sư Đồng An Chí kế thừa Tô Động An Phi. Khi sắp thị diệt, Tô Phi thương đương nói: “Trước Đa Tử tháp (36) toàn con cháu tuẫn tú, việc của năm vị trưởng lão tiền bối là thế nào?”

Nói ba lần, không ai đối đáp được.

Cuối cùng Ngài Đồng An Chí bước ra, nói: “Đêm sáng ngoài rèm bày trải vũng, muôn dặm vui ca đạo thái bình”.

Tô Phi nói: “Phải là cái tên lừa ấy mới được”.

Sau, khi trụ trì, có nhà sư hỏi Ngài: “Chỗ hai cơ chẳng đến, cử xướng thế nào?”

Tô Chí nói: “Khắp nơi chẳng gấp, trong Huyền chẳng mất”.

Ngài Đơn Hà tụng rằng:

*“Mé kia bờ nợ khó tương phùng
 Vô tư hai chữ cũng không trong
 Vầng hồng Tây lặn ngoài kia núi
 Luống lưu có ảnh chiếu khe đông”.*

Chỗ này thì Mê-Giác và Trung Đạo, cả hai đều không chỗ chỉ gọi, chính là chỗ hai cơ duyên chẳng đến nơi. Nhưng Ngài Đồng An Chí thì hai bên chẳng lập, Trung Đạo chẳng dừng, sắp Trung Đạo cũng chẳng ở. Thế mới là Chân Tông Vô Trước (không dính mắc), trong tông môn là cao tột thứ nhất. Đâu phải chỉ là Thế Đệ Nhất Địa mà thôi sao?

VII. THẬP ĐỊA

Kinh: “Anan, người thiện nam đó trong Đại Bồ Đề, khéo được thấu suốt. Giác thông với Như Lai, suốt hết cảnh giới Phật, gọi là Hoan Hỷ Địa.

Thông rằng: Nói Đại Bồ Đề đó chính là “*Một đường hướng thương*”, chỗ quan yếu của mệnh mạch chư Phật. Nơi đây mà thấu suốt, đắc đại triệt ngộ, “*Thấy các tướng chẳng phải tướng, bèn thấy Như Lai*”. Đã thấy Như Lai, nên suốt hết cảnh giới Phật.

Cảnh giới Phật thì chỉ Phật cùng với Phật mới có thể thông suốt cùng tột, đó là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Lấy ba Đế (Không, Gia, Trung) viên dung để tương ứng cũng chưa cùng tột. Trung Đạo thuần chân dường như không khác Bồ Đề, nhưng biết cái Trung Đạo chẳng an trụ, đó là Đại Bồ Đề vậy. Địa vị Hoan Hỷ Hạnh ở trước đầy đủ vô lượng diệu đức, mười phương đều tùy thuận, lấy chỗ công đức mà nói, nên

thuộc về Hạnh. Ở đây bèn thấu suốt Vô Thượng Bồ Đề, vượt phàm vào Thánh, đã rảo bước trong cảnh Phật, đã lên quả vị nên gọi là Địa.

Bắt đầu được sự hoan hỷ của Pháp, hỷ là do thấu suốt, đắc không có gì chướng ngại, mà thật là đắc không chõ đắc, hỷ không chõ hỷ, chẳng phải là cái hoan hỷ của thế tình có thể suy lường nổi.

Quan Thiêm Phán Lưu Kinh Thần, nhỏ tuổi nhờ có tài mà ra làm quan, đối với Phật Pháp chưa có tin. Nhờ gặp thiền sư Chiếu Giác Tông chỉ dẫn nên say mê Tô Đạo.

Khi đến kinh sư, ra mắt thiền sư Huệ Lâm Xung, gặp lúc vị tăng hỏi Tô Tuyết Đậu: “Như sao là bốn nguyên Chư Phật?”

Đáp rằng: “Sắc lạnh ngàn núi”.

Lời dứt, có tinh ngộ.

Hơn năm trời chờ bổ nhậm, ông tham học với Ngài Thiều Sơn Cảo. Khi sắp đi nhậm chức, từ giã Ngài, Ngài căn dặn rằng: “Ông cứ thế mà dụng tâm, lo gì chẳng ngộ. Về sau hoặc có cái cảnh giới phi thường, hoan hỷ vô lượng thì thu thập cho mau. Nếu thu thập được liền thành pháp khí. Nếu thu thập chẳng được, liền có bệnh chẳng an mà thành cái lối làm thất tâm đó”.

Chẳng bao lâu ông lại đến kinh sư, theo thiền sư Chánh Giác Dật mà thưa hỏi nhân duyên.

Tô Dật nói: “Người xưa nói “*Bình thường tâm là Đạo*”. Nay ông trong mười hai thời phóng quang động địa, chẳng tự

biết lấy, lại hướng ngoài chạy rông tìm kiếm, ngày càng lâng lâng xa!"

Ông càng thêm nghi, chẳng hiểu.

Một đêm vào thât, Tô Dật đem chõ trong Truyền Đặng Lục: "Quốc Vương Hương Chí hỏi Tô Ba La Đề Tôn Giả: "Cái gì là Phật?" Tô Đề nói: "Tánh Thầy là Phật", ra mà hỏi ông.

Ông không nói nǎng đưốc, càng nghi dũ. Bèn về chõ ngủ, ngủ say.

Đến canh năm, tinh giác, vừa chợt nhớ lại thì thấy đủ thứ tướng lâ, trong ngoài thông suốt, sáu căn chấn động, trời đất cùng quay, như mây mỏ trăng hiện, vui không gì hơn. Bỗng nhớ lại lời dặn dò của Tô Thiều Sơn khi từ biệt mà nén lại, đợi đến sáng mới thuật lại chõ biết đưốc.

Tô Dật ấn chứng cho, và nói: "Lại phải dùng đưốc mới là đưốc".

Ông nói: "Chẳng cần thực hành ư?"

Tô Dật nói: "Cái áy là việc gì mà lại nói đến thực hành?" Ông lặng im khé họp.

Về sau, có viết Phát Minh Tâm Địa Tụng tám bài, và thiêng Minh Đạo Dụ Nho để cảnh tỉnh thế gian.

Như chõ chứng của Ông Lưu, đối với Sơ Địa chưa biết ra sao, nhưng cái hoan hỷ phi thường là đã chẳng cô phụ sự thọ

ký của Ngài Thiều Sơn. Cũng là việc hiện thân Tề Quan mà đến đó ư?

Kinh: “Tánh Khác nhập vào Đồng, tánh Đồng cũng diệt, gọi là Ly Cầu Địa.

Thông rằng: Ở trước thì Tâm, Phật hai cái đều Đồng, số lượng tiêu diệt là chỉ quy về một cái Tánh Thiện của ta mà luận. Nay thì tánh Khác nhập vào Đồng là nêu bày chúng sanh, quốc độ đồng một Tánh đây. Rắn, rồng lẩn lộn, phàm Thánh xen nhau, đó là cảnh giới của Bồ Tát. Nếu chẳng giác thông suốt ý chỉ chẳng dơ chẳng sạch của Như Lai thì chưa dễ thấu đạt chỗ này. Nếu thấy Tánh chúng sanh là khác, tức thấy chúng sanh dơ. Nay đã nhập vào Đồng là đã lìa cái dơ của bờ mé dơ vậy. Nếu thấy chúng sanh tánh Đồng thì tánh Đồng chưa mất, ấy là pháp dơ. Nay tánh Đồng cũng diệt mất, tức là lìa cái dơ của bờ mé sạch vậy. Cái Ly Cầu Địa này là chỗ tôn trọng trong địa vị Bồ Tát: dứt lìa cái dơ của bờ mé thanh tịnh, trở về bản thể vốn không dơ của Như Lai, chứ chẳng phải lấy sự lìa cái dơ của bờ mé dơ mà có thể bàn đến.

Nhà sư hỏi Tô Thụy Nham: “Như sao là Phật?”

Đáp: “Trâu đá”.

Hỏi: “Như sao là Pháp?”

Đáp: “Trâu đá con”.

Hỏi: “Như vậy tức chẳng đồng ư?”

Đáp: “Hợp chẳng được”.

Hỏi: “Vì sao hợp chǎng được?”

Đáp: “Không có cái đồng để đồng với thì hợp cái gì?”

Lại có nhà sư hỏi Tô Tào Sơn: “Tuyết phủ ngàn núi, vì sao đỉnh cô chót ấy chǎng trắng?”

Tô Sơn nói: “Phải biết có cái khác trong cái khác”.

Hỏi: “Như sao là khác trong khác?”

Tô Sơn nói: “Chǎng sa vào màu sắc các núi”.

Tô Thụy Nham khéo nói cái đồng, Tô Tào Sơn khéo nói cái khác. Hợp hai tǎc trên mà xem, ắt biết tánh khác nhập vào đồng thì không có cái đồng nào để đồng. Lìa dơ thì thành khác, hóa ra là khác ở trong khác. Ở đây há có thể lấy sự nồng cạn mà nhìn vào được ư?

Kinh: “Thanh tịnh cùng tốt, sáng suốt sanh ra, gọi là Phát Quang Địa.

Thông rằng: Như tấm gương tròn lớn bụi bặm không còn, đã gọi được là thanh tịnh, nhưng chǎng phải thanh tịnh cùng tốt vì còn pháp cầu (39). Pháp cầu đã lìa, cái sở tri chướng sạch, rồi sau cái sáng suốt của Bổn Giác sanh ra, từ định phát huệ, tự có một phần ánh sáng rực rỡ, chǎng phải sự giác chiếu tầm thường có thể so sánh. Bài kệ ở trước đã nói: “Tịnh cực, sáng thông suốt. Lặng chiếu trùm hư không”, cảnh giới như thế thì mỗi mỗi đều tự sáng tỏ, vật vật đều tự suốt thông, há chõ ấy còn có sự lờ mờ ư?

Tô Động Sơn hỏi Ông Mật Sư Bá: “Làm gì thế?”

Đáp: “Cầm kim”.

Tô Sơn nói: “Việc cầm kim ra làm sao?”

Đáp: “Mỗi kim đều như nhau”.

Tô Sơn nói: “Hai mươi năm đồng hành, lại nói lời thế ư?”

Ông Mật hỏi: “Còn trưởng lão thì thế nào?”

Tô Sơn nói: “Đại địa lửa phát!”

Ngài Thiên Đồng nêu rằng:

*“Đại địa lửa phát
Trong chǎng dung sợi tóc
Nam Hải, Côn Luân
Trời lạnh chǎng mang vớ
Tổ Tổ truyền nhau
Một thứ dơ ué!”.*

Đó là chỉ ra cái Chân Ngộ đã phát, liền cùng Phật, Tổ tâm
tâm ấn nhau. Cái Phát Quang Địa này chǎng thể dễ dãi đàm
luận.

Hòa Thượng Ân Sơn có bài kệ:

*“Ba gian nhà lá xưa nay ở
Một đạo thân quang, vạn cảnh nhàn
Chớ đem phải quấy ra xét tới
Phù sinh xuyên tạc, há tương quan? ”.*

Chỗ Ngài nói chǎng phải là “Thanh tịnh cùng tột, sáng
suốt sanh ra” đó ư?

Kinh: “Sáng suốt cùng tột, Giác đã đầy khắp, gọi là Diệm Huệ Địa.

Thông rằng: Sáng suốt đã cùng tột, Giác đã đầy khắp, giống như đống lửa lớn, đụng vào là cháy thiêu, cả thảy bóng duyên (duyên ảnh) đều thiêu tuyệt. Không chỉ nói là Huệ mà nói Diệm Huệ (40) là Huệ đến tột mức vậy. Cái ấy chẳng thể gần, tức là Bát Nhã Trí.

Như con trùng rất nhỏ nhặt, chỗ nào cũng đậu vào, nhưng không thể đậu trên ngọn lửa cháy sáng. Cái thức lự (tâm luân hồi) chốn chốn đều duyên ra, nhưng không thể duyên ra trên Trí Bát Nhã, nên gọi là Diệm Huệ Địa.

Tổ Bàn Sơn thượng đường: “Cái tâm-nghuyệt một mình tròn vẹn kia, ánh sáng nuốt muôn tượng. Ánh sáng chẳng phải chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn. Ánh sáng và cảnh đều mất, đó là vật chi?”

Tổ Động Sơn riêng nói rằng: “Ánh sáng và cảnh chưa mất, đó là vật gì?”

Tổ Bửu Phước đem ra hỏi Ngài Trường Khánh: “Theo hai vị thì rốt cuộc chưa tuyệt hết, vậy làm sao tuyệt hết đây?”

Ngài Trường Khánh lặng im giây lâu.

Tổ Phước nói: “Rõ ràng ông hướng vào trong hang quỷ mà sanh nhai!”

Ngài Khánh hỏi: “Ông lại làm sao?”

Tổ Phước nói: “Hai tay đỡ con trâu nước cao quá đầu gối!”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Đều mất, chưa mất, đoạt người, đoạt cảnh. Vì sao Tổ Bửu Phước không chịu Ngài Trường Khánh? Thái bình vốn do tướng quân đem lại, chẳng để tướng quân thấy thái bình”.

Theo chõ thấy của Tổ Bửu Phước thì Diệm Huệ Địa cũng không cho yên níu, huyền lại càng huyền vậy.

Kinh: “Hết thấy có Đồng, có Khác không thể đến được, gọi là Nan Thắng Địa.

Thông rằng: Trí của bậc chưa vào Địa gọi là Khác, Trí của bậc đăng địa gọi là Đồng, tức như trong chõ vốn Đồng lại có Đồng, Khác. Lìa dơ (Ly Cầu) là thanh tịnh, mà thanh tịnh cùng tốt thì sáng suốt sanh ra. Phát ra ánh sáng (Phát Quang) là sáng suốt, mà sáng suốt cùng cực thì Giác đầy khắp. Chưa đến hết mười phần thì còn có Đồng và Khác để nói; đã đến hết mười phần thì không còn Đồng, Khác để chỉ ra. Như vàng đã có màu như cũ thì đâu còn thêm bớt, theo đâu mà chỉ ra đó là Đồng, nương đâu mà chỉ ra đó là Khác? Đã không có cái Khác để chỉ, tức phàm tình không thể đến. Đã không có cái Đồng để chỉ, tức Thánh giải không thể đến.

Phàm tình có thể đến, ắt cái phàm được hơn thắng. Thánh giải có thể đến, ắt cái Thánh được hơn thắng. Nay thì hết thấy Đồng, Khác, thánh, phàm, trí, lự đều chẳng thể đến. Cái đến đã không có thì cái gì vượt thắng đây? Nên gọi là Nan Thắng Địa.

Đức Phật nói: “Nếu như có một pháp hơn cả Niết Bàn, ta cũng nói là như mộng huyễn”.

Niết Bàn như thế là Pháp Tối Nan Thắng vậy.

Tổ Lâm Tế đến Ngài Phụng Lâm.

Ngài hỏi: “Có chuyện nhở nhau, hỏi được chăng?”

Tổ Tế nói: “Sao lại khoét thịt làm vết thương?”

Ngài Lâm nói: “Biển trăng ngàn không ảnh. Cá (lội) chơi riêng tự mê!”

Tổ Tế nói: “Biển trăng đã không ảnh, cá (lội) chơi sao lại mê?”

Ngài Lâm nói: “Xem gió nhìn sóng dậy. Ngắm trăng mặc buồm trôi”.

Tổ Tế nói: “Cô luân (42) độc chiếu non sông lặng. Hú dài một tiếng đất trời sầu”.

Ngài Lâm nói: “Cứ đem “Ba Tắc” sáng trời đất. Một câu gấp chuyện (lâm cơ) nói ra xem”.

Tổ Tế nói: “Đường gấp kiêm khách nên trình kiêm. Chẳng phải nhà thơ chẳng tặng thơ”.

Ngài Lâm bèn thôi.

Tổ Tế bèn tụng rằng:

*“Đại đạo bắt đồng
Tùy ý Tây Đông
Lửa đá chǎng kịp
Điện quang không thông”.*

Tổ Quy Sơn hỏi Ngài Ngưỡng Sơn: “Lửa đá chǎng kịp, điện quang không thông thì từ xưa chư Thánh lấy gì mà vì người?”

Ngài Ngưỡng nói: “Ý Hòa Thượng thế nào?”

Tổ Quy rắng: “Chỉ có lời nói, toàn không thực nghĩa”.

Ngài Ngưỡng nói: “Chǎng phải vậy”.

Tổ Quy nói: “Vậy ông thế nào?”

Ngài Ngưỡng nói: “Quan chǎng cầm kim, riêng thông xe ngựa”.

Đại đế, Lâm Tế cùng Phụng Lâm tương kiến, tuy là điển quang, lửa đá không thể thí dụ cho nổi, mà Ngưỡng Sơn lại cho là riêng thông xe, ngựa. Chính đó là chỗ nói là “Ngộ thì Ca Diếp chǎng che giấu, chǎng ngộ thì Như Lai có mật ngữ” vậy.

Cái chỗ “Hết thấy Đồng, Khác không thể đến được” này nếu chǎng phải khé ngộ chân thật thì ai rõ được chỗ Nan Thắng của nó ư?

Kinh: “Tánh Chân Như vô vi thanh tịnh bày lộ rõ ràng, gọi là Hiện Tiền Địa.

Thông rằng: Đồng, khác chăng đến được, không thể tạo tác. Đã không tạo tác, đó là Chân Như. Tánh Chân Như này, nơi mê chăng giảm bớt, nơi ngộ chăng tăng thêm. Chỉ vì tình kiến ô nhiễm mà chăng bày lộ rõ ràng. Duy chỉ thanh tịnh cùng tốt, sáng suốt cùng tốt liền “tròn vo vo, sáng rõ rõ, trong leo leo” không thể cầm nắm. Cái thể tịch diệt liền được hiện tiền, nên gọi là Hiện Tiền Địa.

Ngài Đại An sấp qua đất Hồng Châu, trên đường qua khỏi huyện Thượng Nguyên thì gặp một ông già bảo rằng: “Ông sang Nam Xương sẽ có chỗ đắc”.

Ngài An bèn đến Tô Bách Trượng, làm lễ mà hỏi: “Kẻ học nhân muốn cầu biết Phật, cái ấy là gì?”

Tô Trượng nói: “Thật như cõi trâu lại tìm trâu!”

Ngài An ngay nơi lời nói có tinh ngộ, hỏi rằng: “Biết được rồi thì như thế nào?”

Tô Trượng nói: “Cũng giống cõi trâu về nhà”.

Ngài An nói: “Chưa rõ trước sau giữ gìn thế nào?”

Tô Trượng rằng: “Như người chăn trâu cầm roi trông coi, khiến chăng động đến lúa mạ của người”.

Ngài Đại An từ đó lãnh nhận ý chỉ, chăng còn tìm kiếm, sau kế pháp trụ trì ngọn Quy Sơn.

Ngài thượng đường, nói: “Hết thảy các ông đều tìm đến An này, để tìm kiếm cái gì thế? Như muốn làm Phật, chính ông tự là Phật. Vác Phật chạy qua nhà người, khác nào con nai

khát nước đuối theo bóng nắng, bao giờ mới được tương ưng đây? Ông muốn làm Phật, chỉ việc không có những thứ đên đảo, bám níu, vọng tưởng, ác giác, dơ sạch là cái tâm chúng sanh, thì đó bèn là sơ tâm Phật chánh giác. Còn hướng đi đâu nữa mà toan tính? Bởi thế mà An này ở Quy Sơn ba mươi năm, ăn gạo Quy Sơn, đi phân Quy Sơn mà chẳng học thiền Quy Sơn. Chỉ trông coi một con trâu đực, nếu lạc đường vào cỏ liền năm mũi kéo lui, vừa phạm đến lúa mạ người liền roi vọt ngay, đã lâu điều phục. Khá thương kiếp sanh ra chịu lời lẽ của người, như nay hóa thành con trâu trắng bày lộ rõ ràng, thường ngay trước mặt, suốt ngày bày hiện sờ sờ ra đó, đuổi chẳng chịu đi.

“Này các ông, mỗi người đều hiện đang tự có vật báu vô giá, từ cửa mắt phóng ánh sáng soi suốt đất đai, sông núi. Nơi cửa tai phóng ánh sáng, gồm góp hết thảy tiếng vang lành dữ. Sáu cửa như thế, ngày đêm thường phóng ra ánh sáng rực rỡ, cũng gọi là Phóng Quang Tam Muội.

“Ông chẳng tự biết giữ lấy, nó hiện ẩn trong thân tú đại, giúp giữ trong ngoài, khiến chẳng nghiêng ngã. Ví như người mang nặng qua cầu độc mộc, nó khiến khỏi trượt chân. Hãy nói đó là vật gì kham giữ mà được như thế? Lại không có mảy tơ đẻ có thể thấy! Há chẳng nghe Hòa Thượng Chí Công nói: “Trong ngoài tìm kiếm rốt lại không. Trên cảnh rộn ràng toàn thực có”. Trân trọng!”

Có nhà sư đến hỏi Ngài Đại Ninh Khoan: “Như sao là trâu trắng sờ sờ?

Ngài Khoan lấy đũa gấp lửa khươi trong lò, nói: “Hiểu ư?”

Nhà sư nói: “Dạ, chẳng hiểu”.

Ngài nói: “Đầu chẳng thiếu, đuôi chẳng dư”.

Hai vị Tôn Túc trên nói việc tánh thanh tịnh bày lộ rõ ràng một cách vui khoái, đáng cùng nhau lên Hiện Tiền Địa vậy.

Kinh: “Cùng tột bờ cõi Chân Như, gọi là Viễn Hành Địa.

Thông rằng: Thanh tịnh chưa cùng tột, sáng suốt chưa cùng tột, cái Đồng, Khác có thể đến thì chẳng thể gọi là bờ cõi Chân Như. Đồng, Khác đã mất, sanh diệt đã diệt, Chân Như vô vi đã bày lộ rõ ràng đã lâu, trong ngoài rỗng suốt, tột mười phương thế giới đều là bờ cõi Chân Như, khắp hư không, đầy Pháp Giới, toàn thể trình bày hiển lộ thì chẳng chỉ có hiện tiền mà thôi vậy.

Lý vốn không bờ mé, cái bờ cõi không bờ mé kia mới là bờ cõi Chân Như. Chân Như không bờ mé thì hành cái Hành của Chân Như, há có xa gần ư? Gọi đó là Viễn Hành là để rõ rằng sức người chẳng thể đến được.

Hết cái mà hành có thể đến được thì tuy tích lũy qua năm tháng, cũng chẳng gọi là Viễn (43). Chỉ cái mà hành không thể đến được mới gọi là Chân Viễn. Giống như ví dụ của Trang Tử, ở nước Kiến Đức, trông ra chẳng thấy bến bờ, đi khắp mà không chõ cùng tột. Tiễn đưa người đi, đều đến bến bờ rồi lui, từ đây người xa vây. Ví dụ đủ hình dung cái Địa này.

Có nhà sư hỏi Thượng Lam Hòa Thượng: “Đồng tử Thiện Tài sau khi ra mắt đức Văn Thù, vì sao lại qua phương Nam?”

Ngài nói: “Học y nơi nhập thất. Biết mới khắp suốt thông”.

Nhà sư hỏi: “Đến thành Tô Ma vì sao Đức Di Lặc trở lại bảo ra mắt Đức Văn Thù?”

Ngài nói: “Đạo rộng không bờ, gặp người bất tận”.

Ngài Đầu Tử nêu ra rằng: “Đạo không mê, ngộ; Pháp chứng do thầy. Chẳng trụ Thánh, phàm; trang nghiêm diệu hạnh. Bởi thế Văn Thù khiến đi lên núi Tu Di, bờ biển gặp thầy, chợ triền lẽ bạn. Hoặc núi đao, phường điếm, tù tội, cung ma. Hoặc đồng nữ, đồng nam, Cù Di Thánh Hậu. Di Lặc khảy móng tay, Phổ Hiền đích thân chiêm ngưỡng. Trở lại ra mắt Văn Thù lại có chuyện gì đây? Tin thì biết: khắp nơi là bạn, đạo rộng không bờ, chẳng mờ dấu sáng, khắp chốn cùng tột nhiệm màu. Nay các nhân giả, lại biết chẳng còn có một người mà vì sao Thiện Tài chẳng đến ra mắt (tham)? Thủ nói đó là người nào?”

Giây lâu, Ngài nói:

*“Đây đầu tóc bạc lìa hang núi
Khuya tối xuyên mây vào chợ triền”.*

Tụng rằng:

*“Mặt trời lên không, khắp thấp cao
Chi nhánh Côn Luân các sông vào*

*Núi xuân mây gió hòa vô tận
Nhạn bỏ về Nam đất trời sâu”.*

Đây có thể làm khuôn mẫu của Viễn Hành Địa, vì thấu suốt hết thảy pháp, cùng tột bờ cõi Chân Như vậy.

Kinh: “Một Tâm Chân Như gọi là Bất Động Địa.

Thông rằng: Cùng tột bờ cõi Chân Như, phóng ra thì khắp cùng vũ trụ. Một Tâm Chân Như, cuốn lại thì không vết. Hành không vết tích, đó gọi là Viễn Hành. Đã cùng tột bờ cõi Chân Như tức là tròn vẹn cái thể, ứng hiện muôn loài mà Chân Như chẳng động.

Cái Bất Động Địa này là trong chõ Viễn Hành mà thấy vốn chẳng động vậy. Bờ cõi (tế) chính là Tâm, Tâm chính là bờ cõi. Mé (tế) trước, mé giữa, mé sau, ba bờ mé đều bất khả đắc. Quá khứ, hiện tại, vị lai, ba tâm đều bất khả đắc. Rốt đây toàn một Chân Như thì có cái gì là đi, gì là dừng, gì là động, gì là bất động ư? Tuyệt không động tịnh, thế mới có thể nói là Chân Bất Động vậy.

Thiền sư Đông Kinh Tuán ban đầu ra mắt Tổ Đầu Tử.

Tổ hỏi: “Đêm qua ngủ chốn nào?”

Ngài Tuán nói: “Đạo tràng bất động”.

Tổ nói: “Đã nói bất động, do gì đến đây?”

Ngài Tuán nói: “Đến đây há có động sao?”

Tổ nói: “Thì vốn ngủ chõ chẳng dính bám”.

Bèn im lặng hứa khả cho.

Tổ Tịnh Từ Phật Hạnh thượng đường, nói: “Nhạn qua trời không, ảnh lồng nước lạnh. Nhạn không có ý để lại dấu vết, nước không có tâm lưu giữ bóng hình. Được là như thế mới nên mua giày cỏ du phuong. Bởi vậy, mới nói “*Động thì bóng liền hiện, biết tức thì băng sanh*” Còn chăng động, chăng biết thì thật ở trong nước chết (ngoan không). Ông Lão Tiên Phúc (Phật) xuất đầu chăng được thì hãy để đó, thế ông A Dục Vương ngày nay lại làm sao?”

*Hướng đạo, chớ đi đường dưới núi
Quả nhiên vượn hú tiếng đoạn trường.*

Bất Động Địa đây cần phải tự thân thấu đến một lần mới được. Chăng thế thì mấy ai không ngồi trong nước chết mà làm kế sống!

Kinh: “**Phát cái Dụng Chân Như, gọi là Thiện Huệ Địa.**

“**Anan, các vị Bồ Tát đó từ đây về trước công hạnh tu tập đã xong, công đức viên mãn. Cũng gọi Địa này là Tu Tập Vị.**

Thông rằng: Từ Tâm Chân Như phát cái dụng Chân Như. Đó là Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí, Nhất Thiết Trí, Tứ Vô Ngại Trí diễn nói vô lượng a tăng kỳ cú nghĩa không có cùng tận. Làm đại pháp sư khắp độ sanh linh, Trí Bi đồng vận dụng, ứng thời hợp tiết, nên gọi là Thiện Huệ.

Diệm Huệ Địa ở trước thì chỉ nói “*Ánh sáng rực rỡ của chính mình*”, nay Thiện Huệ Địa thì lấy thiện pháp ban bố cho người, hiển bày cái dụng của Huệ nên chăng đồng.

Từ Viễn Hành Địa đến Bất Động Địa thì đã chứng Tịch Diệt, Vô Công Dụng Đạo sao còn gọi Địa này là Tu Tập Vị? Vì sau Thập Địa công đức viên mãn mà so ra thì còn thiếu đôi phần nên gọi Địa này là Tu Tập Vị. Nghĩa là bắt đầu phát cái dụng của Huệ, chưa quên cái Huệ, so với Pháp Vân Địa trùm khắp không thiếu không dư, thì hình như còn khoảng cách vậy. Lại nữa, đây tu mà không tu, tập mà không tập, như thuyền sắp đến bờ, sào, chèo chằng dùng mà vẫn còn trong sự vận hành vậy.

Ngài Ngưỡng Sơn một hôm đang nằm, mộng thấy vào nội viện của Đức Di Lặc, mọi vị trí đều đủ người, chỉ có tòa thứ hai còn trống. Ngài Ngưỡng Sơn bèn đến ngồi.

Có một vị Tôn Giả bạch chùy (đánh bản), nói: “Nay là Đệ Nhị Tòa thuyết pháp”.

Ngài đứng lên bạch chùy, nói: “Đại thừa pháp, lìa túc tú, tuyết bách phi, nghe kỹ, nghe kỹ!”

Đại chúng giải tán.

Khi tỉnh dậy, Ngài kể lại cho Tô Quy Sơn nghe.

Tô nói: “Ông đã vào Thánh Vị”.

Ngài bèn làm lễ.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“Mộng về được dịp thăm kỳ cựu
Bên phải chư Thánh ngồi thật đông
Tù bi chằng sụt, đánh bản kêu

*Thuyết pháp Vô Úy, sư tử rống
 Tâm an như biển, lượng chứa như đấu
 Mắt cá giao lệ rời, ruột trai phanh lòi ngọc
 Lời mộng ai hay lộ cơ ta
 Ông lão nên cười việc bày xấu nhà mình
 Lìa “túi cù” tuyệt “bách phi”
 Cha con thầy Quy bệnh hết chữa! ”.*

Ngài Ngưỡng Sơn trong mộng phát cái Dụng Chân Như, nào mượn tu tập. Tổ Quy Sơn tự mình ấn chứng cho. Do đó mà biết: Nhân vị thì đã liễu, còn tín vị không đủ nói vậy.

Kinh: “Bóng Từ mây Diệu trùm biển Niết Bàn, gọi là Pháp Vân Địa.

Thông rằng: Công đức Trí Huệ viên mãn, không còn tự lợi, thuần ròng lợi tha nên bóng mát của đại từ đầy ắp khắp Pháp Giới. Vô tâm, vô duyên mà ứng với tâm duyên tất cả. Ban rải lợi ích thấm nhuần mà vốn tịch diệt không tạo tác. Như mây trùm trải vô tâm, che khắp tất cả.

Bảo rằng mây diệu túc cái diệu của Tánh Giác diệu minh. Từ vốn là tự diệu, chẳng mượn tu tập nên gọi là che trùm biển Niết Bàn vậy. Tự Tánh Niết Bàn, vốn không sanh diệt, mây từ của biển Giác xứng Tánh mà khởi ra, cũng không sanh diệt. Tất cả chúng sanh vốn ở trong Niết Bàn, lại khiến chúng sanh chứng quả Niết Bàn: như thế mà che, như thế mà trùm, không thiếu không dư mới có thể xứng là diệu vậy.

Pháp mà ví dụ như mây vì Pháp vốn vô tâm. Mây mà tương hệ với Pháp thì túc mây túc Pháp, nên chẳng nói là cái

dụng của huệ mà chỉ nói là mây. Vì đã hồn đồng tạo vật, chẳng còn cái thấy có hai.

Pháp Vân Địa này gần với Phật Địa, gọi là quán Cảnh Bồ Tát Vị.

Đức Lục Tổ khai thị đại chúng rằng: “Này các thiện tri thức, nếu muốn thể nhập pháp giới thậm thâm cùng Bát Nhã Tam Muội, hãy tu hạnh Bát Nhã, trì tụng kinh Kim Cang Bát Nhã liền được thấy Tánh. Phải biết kinh này công đức vô lượng vô biên, trong kinh rõ ràng tán thán không thể nói hết. Pháp môn đây là Tối Thượng Thừa, vì người đại trí mà nói, vì người thượng căn mà nói. Người ít căn, ít trí nghe qua sanh lòng chẳng tin. Vì sao thế?

“Ví như rồng lớn làm mưa ở cõi Diêm Phù Đề thì thành, áp, xóm làng thấy đều trôi hết như cỏ lá trôi dạt, nhưng mưa ở biển lớn thì chẳng thêm chẳng bớt. Như người Đại Thừa, như người Tối Thượng Thừa nghe thuyết kinh Kim Cang thì Tâm khai tỏ ngộ. Do đó mà biết bốn tánh tự có Trí Bát Nhã, tự dùng trí huệ thường quán chiếu, không mượn nhờ văn tự. Ví như nước mưa, chẳng phải từ trời mà có, nguyên là do rồng tạo ra, khiến hết thấy chúng sanh, hết thấy thảo mộc, hữu tình, vô tình đều được thẩm nhuần. Trăm sông, ngàn suối đều vào biển cả, hợp làm một thể. Bản tánh chúng sanh tức là trí huệ Bát Nhã cũng lại như thế.

“Này các thiện trí thức! Người căn ít nghe qua Đốn Giáo này đây thì cũng như cỏ cây, căn tánh nhỏ mà bị mưa lớn ắt đều nghiêng ngã, chẳng thể tăng trưởng. Người ít căn cũng

như vậy đó, vốn có Trí Bát Nhã không khác gì người đại trí, vậy có sao nghe pháp chẳng tự khai ngộ? Bởi vì tà kiến nặng nề ngăn ngại, gốc rễ phiền não sâu dày. Giống như đám mây lớn che mặt trời, nếu không được gió thổi đi thì ánh sáng mặt trời chẳng hiện.

“Cái trí Bát Nhã vốn không có lớn, có nhỏ. Chỉ vì tất cả chúng sanh tâm họ mê ngộ chẳng đồng. Mê làm cái Tâm, ở ngoài mà thấy, tu hành tìm Phật, chưa ngộ tự tánh tức là căn ít. Như khai ngộ đốn giáo, chẳng chấp vào bên ngoài mà tu, chỉ trong tự tâm thường khởi chánh kiến, trần lao phiền não thường chẳng có thể nhiễm dính, tức là thấy tánh.

“Này các thiện trí thức, trong ngoài chẳng trụ, đến đi tự do, hay trừ tâm bám nắm, thấu suốt không ngại. Thường tu hạnh này thì cùng với kinh Bát Nhã vốn không có gì sai khác”.

Đức Lục Tổ chẳng biết một chữ mà thuyết pháp như mây, như mưa. Lại có thể phân biệt chỗ khác nhau của căn khí lớn, nhỏ nơi người nghe pháp, cũng đủ bổ sung chỗ chưa nói rõ thêm về Bậc Thập Địa vậy.

VIII. ĐẮNG GIÁC VÀ DIỆU GIÁC

Kinh: “Như Lai ngược dòng, còn vị Bồ Tát như thế thuận dòng mà đến. Ranh giới của Giác thế nhập vào nhau, gọi là ĐẮng Giác.

“Anan, từ Tâm Càn Huệ đến ĐẮng Giác rồi, cái Giác này mới được Sơ Càn Huệ Địa trong Tâm Kim Cương.

Thông rằng: Quyền trí (Hậu đắc trí) của Như Lai, xuống tùy theo cơ cảm nên ngược dòng mà ra. Thực trí của Bồ Tát (căn bản trí) lên mà hợp với Giác Tâm nên thuận dòng mà vào. Kinh Anh Lạc nói: “Đẳng Giác chiếu tịch, Diệu Giác tịch chiếu”, tức là nghĩa này. Ranh giới của hai Giác nên gọi là nhập vào nhau. Thể nhập vào nhau tức là tiếp hợp với dòng nước pháp của Như Lai vậy. Bèn ở chỗ này gọi là Đẳng Giác Vị, tức nói cái Giác cùng Như Lai bình đẳng không sai khác, chỉ chưa cùng tốt trong chỗ Diệu đó thôi. Tức thời từ biển Đại Tích Diệt ngược dòng mà ra, Diệu đồng khắp vạn vật, mới gọi là Diệu Giác.

Sơ Càn Huệ Địa trong Tâm Kim Cương tức là Tâm Càn Huệ ở trước, sao đến đây mới được ư? Chưa cùng dòng nước pháp tiếp hợp thì chỉ mới có cái không kiến về thể. Đã cùng dòng nước pháp tiếp hợp mới là chứng nghiệm cái thật. Như ánh sáng của trăng non đã lộ ít nhiều hình tướng tròn sáng, vốn chẳng phải thiếu kém, rồi đến lưỡi liềm, rồi đến trăng rằm mới đầy đủ tướng tròn sáng. Đó cũng chỉ là tướng tròn sáng lúc mới thấy ban đầu, chẳng phải là hai vậy.

Kim cương là nói do phá tan các pháp mà có tên. Các pháp có thể phá hoại, độc chỉ cái huệ kim cương này không thể phá hoại. Ở trước là muôn tu tập cái Sơ Càn thuần là trí huệ, trí huệ đó không hai, chỉ có cái khô (càn) là không cùng tận. Từ địa vị Thứ Mười trở về trước, cứ lấy một địa để phá hoại một địa, cho đến khi không có một pháp nào để đắc, nên nói: “Cái Giác này mới được Sơ Càn Huệ Địa trong Tâm Kim

Cương”. Kinh Niết Bàn nói “*Phát tâm và rốt ráo, hai cái chǎng khác nhau*”, là nói chỗ này ư?

Nhà sư hỏi Tố Hoàng Bá: “Tâm xưa nay đã là Phật lại còn tu lục độ vạn hạnh không?”

Tố Hoàng Bá nói: “Ngộ ở nơi tâm, chǎng liên quan gì lục độ, vạn hạnh. Lục độ, vạn hạnh là chuyện bên phía tiếp vật độ sanh của pháp hóa độ. Giả sử Bồ Đề, Chân Như, Thực Tế, Pháp Thân giải thoát cho đến Thập Địa, Thánh Vị, Tứ Quả cũng đều là pháp môn hóa độ, chǎng liên quan gì đến Phật tâm. Tâm tức là Phật, bởi thế trong tất cả độ môn thì Phật tâm là đệ nhất. Chỉ không có hết thảy các tâm phiền não, sanh tử... thì chǎng dùng chi các pháp Bồ Đề, giải thoát... Bởi thế, nói rằng “*Phật thuyết tất cả pháp để độ cho tất cả tâm của mình. Mình không có tất cả tâm thì đâu dùng tất cả pháp*”.

“Từ Phật đến Tố, đều chǎng luận bàn việc gì khác. Độc chỉ luận Nhất Tâm, cũng gọi là Nhất Thùa. Bởi thế, mười phương cầu chân thật thì không còn thừa nào khác. Chỉ những người chân thật đó mới không lạc vào cành lá rườm rà. Thế nên ý này khó tin!”

Đức Đạt Ma qua đất này, đến hai nước Lương, Ngụy chỉ có một mình Khả Đại sư thầm kín tin lấy tự tâm, ngay nơi lời nói liền trực nhận tức tâm là Phật, thân tâm đều không, ấy là đại đạo. Đại đạo xưa nay bình đẳng, do vì tin sâu trọng hết sanh linh đồng một chân tánh. Tâm với tánh chǎng khác nhau, tánh tức tâm. Tâm chǎng khác tánh, gọi đó là Tố. Bởi thế nói

rằng “Khi nhận được tâm tánh có thể nói là không thể nghĩ bàn. Chính cái tâm chẳng khác tánh ấy gọi đó là Tồ”.

Có thể thấy rằng khi cái cảnh tượng *ranh giới* *Giác Ngộ* *thể nhập vào nhau* thì mọi thèm bậc trước kia hoàn toàn không liên quan gì nữa, chỉ là Nhất Tâm, cùng Phật không khác.

Kinh: “Lớp lớp như vậy, đơn hay kép mười hai địa vị, mới cùng tột Diệu Giác, thành Vô Thượng Đạo.

Thông rằng: Đơn có bảy địa vị, đó là Càn Huệ, Nôan, Đảnh, Nhẫn, Thé Đệ Nhất, Đẳng Giác và Diệu Giác.

Kép có năm địa vị, đó là Tín, Trụ, Hạnh, Hướng và Địa.

Mỗi địa vị lại có mười bậc nên gọi là kép. Lớp lớp như vậy, tiệm tu tiệm chứng, gồm tất cả mười hai tầng bậc mới đến Diệu Giác mà thành Vô Thượng Đạo. Nên bậc Đẳng Giác vẫn còn ở địa vị Thứ Mười Một nên chưa cùng tột, chỉ có địa vị Thứ Mười Hai mới cùng tột vậy.

Cái Diệu này há có thêm cho Càn Huệ ư? Thật ra chỉ là Càn Huệ nhưng chà xát lau chùi cho rực rõ trong treo thì hiển bày cái Diệu. Hiệp Luận nói: “Ba đời chư Như Lai trao truyền cái pháp thức tu chứng cho tất cả Bồ Tát: Chọn lựa lực dụng sâu cạn, phân biệt các chỗ sai biệt của các địa vị. Bắt đầu từ Thập Tín nhưng vì cái Tín này còn thuộc sanh diệt nên phải trụ tâm, bèn lập ra Thập Trụ. Lại vì Trụ còn thiếu vốn liéng để phát khởi cái Dụng của phương tiện nên thành tựu hạnh tâm, bèn lập ra Thập Hạnh. Lại vì Hạnh này mới chỉ tự lợi, chưa

phổ cập đến chúng sanh, nên bày việc Hồi Hướng, bèn lập ra Thập Hồi Hướng”.

Từ Thập Tín cho đến Trụ, Hạnh, Hồi Hướng là địa vị Tam Hiền. Lại từ Tam Hiền thì lên Sơ Địa, vì đại từ đại bi phát sanh, được nuôi dưỡng sum xuê tươi tốt cho thành tựu mà có tên là Địa. Ở Sơ Địa mới cho là chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, cho đến hết Thập Địa, do công hiệu mài xát, tôt luyện các tập khí còn sót bèn đồng đẳng với Chân Như Bản Giác, nên gọi là Đẳng Giác. Giống như Kinh Dịch nói “*Cùng Thần tri hóa*” vậy. Đến khi nhập Diệu Giác thì chỉ Một mà thôi, không có tướng nào nữa. Như chỉ nói là Thần thôi vậy.

Chỗ đặc biệt của kinh này là trước Thập Tín có thêm Càn Huệ Địa; trước Thập Địa lại thêm Nōan, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất Địa.

Kinh Hoa Nghiêm, ở Thập Trụ nói là chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn. Các kinh khác thì nói chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn ở Thập Địa. Tất cả còn ở trong số năm mươi lăm địa vị. Đức Thế Tôn ở chỗ này bèn lập ra ba món tiệm thứ, chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn. Ba món tiệm thứ là phương tiện an lập, ra ngoài số năm mươi lăm kia. Ý của Đức Thế Tôn là muốn khai thị theo phàm phu để có thể thật chứng Pháp vậy.

Tổ Hoàng Bá nói với Ông Bùi Hưu rằng: “Phật cùng chúng sanh thật không sai khác. Chỉ vì chúng sanh bám tướng cầu ngoài. Càng cầu càng thêm mất, đem Phật mà tìm Phật, lấy tâm mà bắt tâm, cùng kiếp hết đời, rốt chặng thể được. Chẳng biết là dứt nghĩ quên suy thì Phật tự hiện tiền. Tâm đây

chính là Phật. Phật tức là chúng sanh. Khi là chúng sanh, Tâm đây chẳng giảm. Khi là Phật, tâm đây chẳng thêm. Cho đến hằng sa công đức, lục độ, vạn hạnh vốn tự sẵn đủ, chẳng nương mượn tu để có thêm. Gặp duyên thì bày trải, hết duyên thì lặng yên.

“Nếu chẳng quyết định tin đây là Phật mà muôn bám tướng tu hành để cầu công dụng, đó đều là vọng tưởng, cùng với Đạo tự trái. Tâm đây tức là Phật, chẳng có Phật nào khác, cũng chẳng có tâm nào khác. Tâm này sáng sạch, dường như hư không, không có một điểm tướng mạo. Khởi tâm, động niệm liền trái pháp thể, tức liền bám tướng. Từ vô thủy đến nay không có Phật bám tướng! Tu lục độ, vạn hạnh muôn cầu thành Phật tức là thứ lớp. Từ vô thủy đến nay không có Phật thứ lớp! Chỉ ngộ Nhất Tâm, rốt không chút pháp gì khá đắc, đó là Chân Phật.

“Phật cùng chúng sanh, Một Tâm không khác. Giống như hư không, không xen tạp, không hư hoại. Như mặt trời chiếu khắp bốn thiên hạ. Khi mặt trời lên cao, sáng khắp thiên hạ, hư không chẳng hề sáng. Khi mặt trời lặn, tối khắp thiên hạ, hư không chẳng hề tối. Cảnh sáng cảnh tối tự lấn đoạt nhau, cái tánh của hư không rõng nhiên chẳng đổi. Tâm của Phật cùng chúng sanh cũng như thế. Nếu xem thấy Phật cho là cái tướng trong sạch, sáng rõ, giải thoát; xem thấy chúng sanh cho là tướng do bẩn, tối tăm, sanh tử, khởi cái thấy hiểu như vậy thì trải qua hằng sa kiếp rốt cuộc chẳng nắm được Bồ Đề, vì bám tướng vậy. Độc chỉ Nhất Tâm đây, ngoài ra chẳng có vi trần pháp nào có thể đắc. Tức Tâm là Phật!”

Nhiệm màu thay! Nhiệm màu thay! Chẳng phải Tố Hoàng Bá thật chứng Diệu Giác, không rơi vào tầng bậc thì làm sao thông suốt như thế? Được lời dạy này mà lưu lại, để gần với ý chỉ Viên Đốn của kinh này bởi cả hai chẳng ngại nhau vậy.

Kinh: “Các thứ Địa này đều dùng Trí Kim Cương quán sát Như Huyền mười thứ ví dụ sâu xa. Trong Xa Ma tha (Chỉ) dùng Tỳ Bà Xá Na (Quán) của chư Phật mà thanh tịnh tu chứng, lần lượt thâm nhập.

“Anan, như thế đều dùng ba tiệm thứ tăng tiến, khéo có thể thành tựu năm mươi lăm Vị của con đường Bồ Đề Chân Thật.

“Làm cái Quán như vậy, gọi là Chánh Quán. Nếu Quán khác đi gọi là Tà Quán.

Thông rằng: Mười thứ thí dụ sâu xa là nên Quán rằng:

1. Hết thảy nghiệp như huyền;
2. Hết thảy pháp như bóng hơi nóng (48);
3. Hết thảy tánh như bóng trăng trong nước;
4. Sắc diệu như hư không;
5. Tiếng diệu như vang;
6. Quốc độ Chư Phật như thành Càn Thát Bà;
7. Phật sự như mộng;
8. Phật Thân như ảnh;
9. Báo Thân như hình tượng;

10. Pháp Thân như hoá.

Tất cả đều không thể nắm, bỏ bởi vì tất cả Không vậy. Thâm nhập cái Không này mới gọi là thật tướng. Đây chẳng phải là cái Pháp làm ra nên vốn không hoại diệt. Nếu khác với cái Quán này tức là pháp sanh diệt. Ở đây không chỉ quán pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt nước, bóng dáng mà cho đến quán Pháp Thân Phật cũng như mộng, huyễn, bọt nước, bóng dáng nên là ví dụ thâm sâu.

Quán sát như thế thì chẳng phải quán pháp của Tiểu thừa có thể so được, mà đó là Diệu Quan Sát Trí của Nhu Lai, sẵn đủ Kim Cương Huệ: do Tịch nên Chiếu, do Chỉ nên Quán. Giống như nước thật trong chẳng nhiễm một chút bẩn, như gương tột sạch chẳng dung một hạt bụi. Lấy đó mà tu thì tu mà không tu. Lấy đó mà chứng thì chứng mà không chứng. Nên do Càn Huệ lần lượt thâm nhập cho đến Diệu Giác, đều chẳng rời cái Trí Kim Cương quán sát này. Địa địa đều hoại, pháp pháp đều khô (49) nên hợp với Diệu Giác.

Ví dụ sâu xa như thế, thâm nhập như thế, đâu có ra ngoài ba tiệm thứ tăng tiến, nghịch dòng toàn nhất, chờ đến được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Theo đó tiệm tu, tùy chỗ hành phát mà an lập Thánh Vị, khéo thành tựu năm mươi lăm địa vị của con đường Bồ Đề Chân Thật.

Tín, Trụ, Hạnh, Hướng, Địa là năm mươi, cộng với Càn Huệ và bốn Gia Hạnh là năm mươi lăm. Không nói đến hai Địa vị Đẳng Giác và Diệu Giác, vì hai Giác chính là Chân Bồ

Đè, là Giác chứ chẳng còn là con đường. Năm mươi lăm địa vị là nguyên do, là con đường nhập Giác vậy.

Mười phương Như Lai thành tựu Bồ Đề đều có phương tiện ban đầu là Xa Ma Tha, Tam Ma Bát Đề, Thiên Na mầu nhiệm. Cho đến Trí Kim Cương Quán Sát, Như Huyền Tam Muội thì chỉ Đức Quán Thế Âm là Đệ Nhất. Do đó, năm mươi lăm Vị của con đường Bồ Đề cũng do trong ba tiệm thứ tăng tiến, ngược dòng toàn nhất. Bắt đầu là xoay lại cái Nghe, cái phương tiện tối sơ này cũng là Như Huyền Quán Sát theo thứ lớp: hết nghe cũng chẳng trụ, giác và sở giác đều Không; Không, Sở Không diệt, sanh diệt đã diệt đó là Tịch Diệt Hiện Tiễn.

Làm cái Quán như thế đó là *Một đường vào Niết Bàn của mười phương chư Phật*. Nếu Quán khác đi, chẳng trụ trong mươi thứ thí dụ sâu xa của Kim Cang Quán Sát tức thuộc về sanh diệt, tức là tà quán vậy.

Ngài Trừng Quán (50) đời Đường có bài kệ Trụ Địa Tu Chứng:

*Tu tập “không hoa” vạn hạnh
Yên ngồi “trăng nước” đạo tràng
Hàng phục Thiên Ma “gương ảnh”
Chứng đắc Phật Quả “trong mộng”.*

Cũng nói lên vấn tắt mười thứ ví dụ sâu xa.

Tổ Giáp Sơn thượng đường: “Từ khi có Tổ đến nay, người đời làm hiểu. Cùng nhau thừa thọ cho đến nay, cứ lấy

lời lẽ của Phật, Tỗ làm kiểu mẫu cho người. Nếu mà như thế tức thành người cuồng, là người không có trí vậy.

Kia chỉ bày dạy rằng: “Ông không có pháp, cái không có pháp đó là Đạo. Đạo không có pháp gì, không có Phật để thành, không có Đạo để đắc, không có pháp để nắm, không có pháp để bỏ.

“Bởi thế, lão tăng này nói rằng: Trước mắt không có pháp, trước mắt là ý. Cái kia chẳng phải là pháp trước mắt. Nếu hướng về phía Phật, Tỗ mà học thì người đó chưa ở chỗ đầy đủ con mắt. Sao thế? Vì đều thuộc về chỗ nương dựa, chẳng có tự tại, đó chỉ là gốc rễ sanh tử mang mang, là cái thức tánh trói buộc. Ngàn dặm muôn dặm tìm cầu thiện trí thức, phải cần đầy đủ cái chánh nhän, cầu thoát cái thấy biết sai đối. Xác định lấy sanh tử trước mắt là thực có hay là thực không? Ai mà định được, cho người ấy thoát thân! Người thượng căn nghe xong, rõ Đạo; người trung, hạ căn lại bôn ba theo sóng. Sao chẳng hướng về trong sanh tử mà định ngay ra? Còn chỗ nào đi mong Phật, mong Tỗ dẹp bỏ sanh tử cho nữa bây giờ! Người trí cười vào mũi ông.

Như chưa chịu hiểu thì nghe bài tụng:

*“Nhọc giữ pháp sanh tử
Chỉ hướng phía Phật cầu
Mê chánh lý trước mắt
Khươi lửa tìm bợt sao?”*

Chỗ này có thể làm cái cân để định chánh quán hay tà quán vậy.

MỤC BA: CHỈ DẠY TÊN KINH

Kinh: **Bấy giờ** Ngài Pháp Vương Tử Văn Thủ Sư Lợi ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lối chân Phật mà bạch Phật rằng: “Phải gọi tên kinh này là gì? Tôi cùng chúng sanh phụng trì như thế nào?”

Phật bảo Ngài Văn Thủ Sư Lợi: “Kinh này tên là **Đại Phật Đánh Tất Đát Đa Bát Đát Ra, Vô Thượng Bảo Ân, Thập Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhã**”.

Thông rằng: Từ chỗ ban đầu phân biệt chọn lựa hăn chân, vọng, tuyên bày tánh chân thăng nghĩa trong thăng nghĩa, là kiến đạo phần. Từ chỗ muôn do cửa mà vào nhà rực rõ của Thiên Vương, lựa chọn hai mươi lăm viên thông, cho đến phụng trì thần chú Phật Đánh là tu đạo phần. Lại từ chỗ phàm phu rốt đến Đại Niết Bàn, chỉ rõ con đường chân chánh tu hành vô thượng là chứng quả phần. Ý chỉ lớn lao của bộ kinh đủ rồi vậy. Nên Ngài Văn Thủ nhân ấy mà thura hỏi.

Đã hỏi tên kinh tức là phải phụng trì mà thành phần Lưu Thông, có sao có những điều chưa phát huy ra hết mà lại hỏi tên kinh? Bởi vì, năm mươi lăm vị của con đường Bồ Đề chân chánh đó thật là nhân chánh, quả chánh. Chỉ là chẳng rõ Chân Tâm, tu tập làm loạn nên mới có luân chuyển các nẻo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, người, trời vậy. Hai mươi lăm viên thông đều trong Tam Ma Địa, vốn không có chuyện Ma. Chỉ bởi chẳng biết Chân Tâm, tu tập làm loạn nên mới có năm

mươi thứ Âm Ma, đều là chõ nói “*Nếu quán khác đi, gọi là tà quán*”. Đoạn sau sẽ kê rõ số mục.

Kinh này, tuy nhân Ngài Anan thưa hỏi, mà lấy thần chú Phật Đánh nêu bày pháp môn vô thượng. Bởi thế, Đại Bách Tân Cái (50) này, thể nó bao trùm hết thảy, siêu tình, lìa kiến, tức là Như Lai Tạng Tâm Ân vậy. Soi chiếu cùng tột biển vô biên cõi Phật, sạch trong tuyệt không mảy bụi, tức là con mắt pháp Kim Cương vậy. Ân nói là vô thượng, vì chẳng phải là Tối Thượng Thừa thì không thể Ân được. Nhãm nói là thanh tịnh vì nếu còn một mảy bụi thì chẳng soi trùm được. Ân, gọi là Bảo vì vốn thường trụ chẳng hoại. Nhãm, gọi là Biển, ắt bao trùm vô tận. Thần Chú bất khả tư nghì này tức là cái Tánh bất khả tư nghì vậy. Tánh cùng Chú bình đẳng, bất khả tư nghì, há có hai được ư!

Tổ Phong Huyệt ở Trình Châu Nha thượng đường, nói: “Tâm Ân Tổ Sư giống như then chốt của con trâu sắt. Đi thì án đứng, đứng thì án phá. Chỉ như chẳng đi, chẳng đứng thì án là phải hay không án là phải?”

Khi ấy có Trưởng Lão Lư Ba bước ra, nói: “Tôi có then chốt của con trâu sắt, xin thầy đừng ráp thêm án vào!”

Tổ Huyệt nói:

*“Quen câu kinh nghè đầm lặng rộng
Lại than éch nhái bì bõm bãi cát bùn”.*

Ông Lư Ba đang lưỡng lự suy nghĩ thì Tổ Huyệt quát: “Trưởng Lão, sao chẳng nói đi?”

Lư Ba định nói, Tô Huyệt đánh một cây phát tử: “Lại nhớ được thoại đầu ư, thử nói xem!”

Lư Ba định mở miệng, Tô Huyệt lại đánh một phát tử.

Ông Mục Chủ nói: “Phật Pháp cùng vương pháp là một thứ”.

Tô Huyệt nói: “Thấy cái gì nào?”

Ông Mục Chủ nói: “Cần đoạn chăng đoạn, lại chiêu thêm loạn!”

Tô Huyệt bèn xuống tòa.

Ngài Thiên Đồng tung rẳng:

*“Then chốt trâu sắt, ấn trụ ấn phá
Suốt khỏi đỉnh Tỳ Lô mà đi
Lại đến ngồi đầu lưỡi hóa Phật
Phong Huyệt thử xem, Lư Ba rót té
Đầu gãy héo rồi: Điện quang, lửa đá
Rờ rờ rõ ràng, ngọc trên mâm
Nháy mắt, nhăn mày: lại than lối”.*

Lại Ngài Mân Súy sai sứ giả đưa Ông Châu Ký đến Tô Bửu Phước.

Tô Phước thượng đường, nói: “Đi thì ấn trụ, trụ thì ấn phá”.

Nhà sư nói: “Chẳng đi chẳng trụ, dùng ấn làm gì?”
Tô Phước bèn đánh.

Nhà sư nói: “Như thế thì ở trong hang quỷ núi đều nhân vì ngày hôm nay vậy”.

Tổ im lặng.

Hợp hai tǎc trên mà xem thì Vô Thượng Bảo Ân, lửa đá, điện quang túc là lầm lỗi vậy. Há có thể suy nghĩ tính toán ư? Cho nên chẳng phải là Hải Nhãn thanh tịnh thì không đủ để thấy!

Kinh: “Cũng gọi tên là Cứu Hộ Thân Nhân, độ thoát Anan cùng Tánh Tỳ kheo ni trong hội này, đắc Bồ Đề Tâm, nhập Biển Tri Hải”.

Thông rằng: Phật Đảnh Thần Chú thật không thể nghĩ bàn, khiến cho Tánh Tỳ kheo ni lòng dâm liền khô cạn, cứu hộ Ngài Anan khỏi bị phá giới, cũng đã là lạ lùng. Như Tánh Tỳ kheo ni mới đầu đắc quả A Na Hảm, rồi chứng đạo A La Hán, bèn ngộ tánh dâm vốn không, đã được ra khỏi ràng buộc, thể nhập Chánh Biển Tri. Bồ Đề Tâm thuộc về Chánh Tri, vì rõ chuyện bốn phận vậy. Ở trong ấy chọn rõ chân vọng, gạn lọc để tu sửa điều trị, thì hết thảy nhân quả chẳng còn nghi hoặc, là thuộc về Biển Tri (51). Ông Anan đã được Pháp Thân, đắc Bồ Đề Tâm, nay trong tất cả đên đảo, lầm loạn tu tập, đều không gì chẳng thông suốt; đó là thể nhập Biển Khắp Biết vậy. Thế đó, rõ được Một thì vạn sự xong. Chỉ ở nơi Chân Tâm không hoa mắt thì biến thái của thế gian, chõ nào mà chẳng suốt thông, vì tất cả do tâm tạo vậy.

Thiền sư Nham Đầu Khoát trải qua mùa Hạ ở nhà Ông Cam Chí.

Một hôm, đang cầm cây kim thì Ông Chí ở ruộng về cầm cái mai đứng sát trước Ngài. Tô Khoát cầm kim làm thế đâm móc.

Ông Chí vội vàng vào nhà, mặc áo muôn ra lạy tạ ơn.

Bà vợ hỏi: “Có chuyện gì thế?”

Ông Chí nói: “Chẳng được nói!”

Bà vợ nói: “Cần biết chỗ biết của ông”.

Ông Chí kể lại chuyện lúc nãy.

Bà la lên: “Chuyện ách yếu này ba mươi năm sau, phải biết một phen uống nước là một phen mắc nghẹn!”

Cô con gái nghe cha nói ra, bèn nói: “Mới biết tánh mạng người ta khắp đại địa đều bị một đầu mũi kim của Thượng tọa xuyên suốt!”

Lạ thay, lạ thay! Nào ngờ trên mũi kim may của Tô Nham Đầu có đủ Đại Phật Đảnh Tát Đát Đa Bát Đát Ra Thần Chú, khiến cho cả nhà Ông Cam Chí trong khoảng sát na nhất thời đắc Bồ Đề Tâm, vào Biến Tri Hải vậy.

Kinh: “Cũng tên là Như Lai Mật Nhân, Tu Chứng Liễu Nghĩa.

Thông rằng: Chú ngữ không thể giải thích, đó là mật ngữ của Như Lai. Một đường hướng thượng, ngàn Thánh chẳng truyền, cũng là bí mật của Như Lai vậy. Đã bảo là bí mật há có chỗ để tu, có chỗ để chứng ư? Phàm có tu, có chứng đều thuộc về bất liễu (52). Độc chỉ không tu, không chứng mới là tu

chứng liẽu nghĩa vậy. Đã không thể lấy tu chứng mà được, ắt phải là mật ngộ, một niệm huân tu thiện nghiệp vô lậu, chẳng lấy cái trí mà biết, chẳng lấy cái thức mà hay. Phàm có tri thức tức là hữu lậu, chẳng được là mật. Lấy cái mật này làm nhân, như trì chú... ấy gọi là bất tư ngì huân tu vậy. Cái bất tư ngì này làm nhân, ắt chứng quả bất tư ngì. Như Lai, đó là chẳng thể nghĩ bàn. Đã chứng Như Lai, thì chỗ nào chẳng tỏ suốt ư?

Tổ Triệu Châu, nhân có vị ni hỏi: “Như sao là *mật mật* ỷ?”

Tổ Châu lấy tay phất.

Vị ni nói: “Hòa Thượng còn có Cái Ấy, nhé!”

Tổ Châu nói: “Ấy, chính ngươi lại có Cái Ấy, đó!”

Ngài Từ Thọ Thâm tung rằng:

“*Mật mật, thâm thâm, ý tốt cùng
Bao người lầm lạc giữa hư không
Sư cô nếu hiểu lay tay đó
Chắc nát tâm can cũng đoạn trường!*”.

Hòa Thượng Đức Sơn Viên Minh dạy chúng rằng: “Cho đến hết rồi, dầu có được miệng của ba đời chư Phật treo trên vách thì vẫn còn có một người ha hả cười lớn. Nếu rõ người này, việc tham học xong ngay!”

Ngài Thiên Đồng tung rằng:

“*Ôm nǎm chõ quan yếu
Gió mài, mây quét, nước lặng, trời thu*

*Chớ cho vẩy gấm không mùi vị
Lièm trăng câu hết cả sông Thương”.*

Ngài Đâu Tử nêu ra rằng: “Tuy là như vậy, nhưng Đức Sơn quả giống như “*Cát hết trăng trời Sở. Vẫn còn sao đất Hán*”.

Tụng rằng:

*“Đôi mày vào tối nẻo gập gènh
Trời lặn nương lều tạm sống yên
Cũng tự nửa đêm người gỗ ngủ
Khỏi học Thuần nhường chịu ở rừng
Phải hay hoa rụng can gì mộc (cây)
Không cẳng vừa đi sớm gặp đường
Sáng qua gió nổi Trường An đạo
Nguyên đó Côn Luân tiến quốc đồ”.*

Các công án như thế cũng không thể đo lường được. Nếu rõ mật ngữ này thì việc tham học bèn xong!

Kinh: “*Cũng gọi là “Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương, Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú”.*

Thông rằng: Về Viên Giáo thì không gì bằng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Về Đốn Giáo thì không gì bằng kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Về Phật Mẫu Thần Chú, không gì bằng Chú Đại Chuẩn Đề. Nay kinh Lăng Nghiêm gồm có cả, có thể gọi là pháp môn cực viễn, cực đốn, cực bất khả tư ngiệm vậy. Đại là thường khắp, chỉ Pháp Thân. Phương là nắm trọn, chỉ Bát Nhã. Quảng là rộng trùm, chỉ giải

thoát. Ba đức Lý, Trí và Dụng đầy đủ, thế chẵng gọi là Viên sao? Hoa sen mọc lên từ bùn dơ mà chẵng nhiễm. Diệu Liên Hoa Vương tức là hoa Ưu Đàm Bát, khác với loại thế gian trồng vậy.

Trong khoảnh khắc gảy móng tay nhập Tri Kiến Phật, đó là hy hữu, chẵng phải là Đốn thì không thể đảm đương. Viên ấy, Đốn ấy chỉ việc gì thế? Việc ấy không thể nghĩ bàn, tức gọi là Thần Chú của Tâm vậy. Mười phương Như Lai nhờ Chú Tâm này đắc thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác, cho đến sau khi diệt độ cùng nhờ Chú Tâm này mà phú chúc việc Phật Pháp ... Thì há chẵng phải là chỗ từ đó mà ra của mười phương chư Phật ư? Nên có thể gọi đó là Phật Mẫu Thần Chú đắc Đại Tống Trì vậy. Hợp cả ba cái thì giáo pháp của cả Đại Tạng Kinh đều gồm đủ.

Tô Thanh Nguyên Hành Tư một hôm hỏi Ngài Thạch Đầu rằng: “Có người nói: Lãnh Nam có tin tức”.

Ngài Đầu nói: “Có người chẵng nói: Lãnh Nam có tin tức”.

Tô Nguyên nói: “Nếu thế thì Đại Tạng, Tiêu Tạng từ đâu mà đến?”

Ngài Đầu nói: “Đều từ trong ấy hết!”

Tô băng lòng.

Tô Vân Môn mở lời rằng: “Nháy mắt ngang cả mười phương, trên lông mày suốt đến càn khôn, dưới suốt đến suối vàng. Núi Tu Di lắp nghẹt cuống họng của ông. Có ai hiểu

không? Ai mà hiểu được thì đem dẫn xứ Chiêm Thành đánh nhau với xứ Tân La!”

Ngài Diệu Hỷ nói: “Là Đại Thần Chú, là Đại Minh Chú, là Vô Thượng Chú, là Vô Đẳng Đẳng Chú hay trừ tất cả khổ, chân thật không hư. Các ông có rõ Vân Môn không? Há chẳng nghe nói “Tam đài (tam quán) cần phải chính ông thúc giục”.

Tổ Vân Môn, Diệu Hỷ quả là người trong hội, tuyên nói lại Chú Tâm, chỉ ra cảnh giới không thể nghĩ bàn. Ai mà diệu khé ý chỉ này, tự cai quản giữ lấy mà thành Phật không sai!

Kinh: “Cũng tên là “Quán Đánh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh, Thủ Lăng Nghiêm”. Ông hãy phụng trì”.

Thông rằng: Muôn Hạnh của chư Bồ Tát đều đầy đủ, cho đến tất cả Sự rốt ráo kiên cố thì gọi là Quán Đánh Bồ Tát. Vị Bồ Tát này sắp thành Diệu Giác thì ở trên cõi trời Sắc Cứu Cánh hiện ra tòa Đại Bửu Liên Hoa Vương rộng lớn trăm vạn a tăng kỳ Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới. Bồ Tát muôn lên tòa này trước hết ở trong thân phóng hiện mười đạo quang minh trăm báu, chiếu soi loài hữu tình, sau cùng từ cửa đỉnh đầu phóng ánh sáng nhập vào chân chư Phật. Khi ấy, chư Phật từ nơi mặt phóng ra quang minh trăm báu chảy tuôn rót vào đảnh đầu của vị Bồ Tát ấy, thăng đến nguồn tâm. Ở đây, chỉ lấy ánh sáng tuôn chảy tương giao hòa nhập mà gọi là Quán Đánh, thọ lãnh chức vụ Phật.

Ở trước, có nói “*Ranh giới của Giác thể nhập vào nhau*” tức là cảnh tượng này. Nếu từ địa vị Diệu Giác thì chẳng còn lời nói, duy từ Quán Đánh trở xuống thì có chương

cú. Như ánh sáng giao nhập vào nhau, chương cú cũng không có. Ở trong chõ không có chương cú mà có chương cú, nên mới gọi là chõ này là “*Diệu Trạm Tống Trì, Thủ Lăng Nghiêm Vương, đầy đủ muôn hạnh, một đường diệu trang nghiêm siêu xuất của mười phương Như Lai*” vậy.

Cho nên, nói “Muôn hạnh đầy đủ” mà sau là “*Rốt ráo kiên cố*”, đó là Tiệm chứ không phải Đốn. Nói rằng “*Tự Tánh kiên cố mà không nhờ muôn hạnh*”, đó là Đốn chứ không phải Tiệm. Chẳng hay biết rằng con đường diệu trang nghiêm này vốn tự đầy đủ muôn hạnh trang nghiêm, chẳng mượn đến sự trau làm, tất cả vốn kiên cố. Không phải chỉ có thân tâm trong ngoài đặc đại định lực, mà trong Bản Tánh trùm khắp pháp giới, núi sông, đất đai, sáng tối, sắc không, tất cả mọi sự, tất cả mọi Pháp, hiện đây là tịch diệt, vốn trong Đại Định. Chính đây là Chân Tâm thường trụ, chính đây là Diệu Trạm Tống Trì, vốn là viên đốn, sẵn sàng đầy đủ. Nên gọi đó là Thủ Lăng Nghiêm kinh.

Chưa đến địa vị Quán Cảnh Pháp Vương Tử thì sao mà biết được chõ nhiệm màu, bởi thế nói rằng “*Ông hãy phụng trì*”.

Hòa Thượng Phật Giám khai thị cho đại chúng.

Ngài kể chuyện: Nhà sư hỏi Tố Triệu Châu: “Thế nào là nghĩa chẳng biến đổi?”

“Tố Châu dùng hai tay làm cách thế nước chảy.

“Nhà sư có chõ tinh ngộ”.

Ngài lại kể chuyện: Nhà sư hỏi Tổ Pháp Nhãn: “Chẳng giữ lấy tướng, như như chẳng động. Thế nào là chẳng giữ lấy tướng mà thấy chỗ chẳng động đó?”

Tổ Pháp Nhãn nói: “Mặt trời mọc phương Đông, lặn phương Tây!”

“Nhà sư cũng có chỗ tinh ngộ”.

Ngài nói tiếp: “Ngay nơi đó mà thấy được, mới biết rằng “Khí núi trùm non, bốn lai thường lặng. Sông nước cuộn chảy, nguyên tự chẳng trôi”. Chưa được như vậy thì không khỏi lại phải nhiều lời. Thiên xoay trái, Địa chuyển phải, xưa qua nay lại trải bao lần biến đổi. Mặt trời bay qua, mặt trăng chạy mất vừa mới ló trên biển lại chìm sau núi xanh. Sóng sông nước mịt mù, Hoài, Té (53) gọn xa xăm, thăng vào biển cả ngày đêm trôi chảy”.

Rồi lớn tiếng rằng: “Này chư Thiên Đức, có thấy như như bất động chẳng?”

Hòa Thượng Vân Cái Trí khai thị cho đại chúng rằng: “Độc chỉ là cái thân liền kín kiên cố kia trong tất cả trần bảy hiện. Nay đây Vân Cái này nói: Ngàn núi sum xuê, cầm thú hót kêu, trăm hoa đua nở, muôn cây nảy cành, hết thảy đó là chư Phật, mỗi mỗi Chân Như. Các ông đạo chơi non nước phải kíp đê con ngươi ngay đó, chó đê bị nó lừa!”

Hai vị Tôn Túc ấy, ngay trong tất cả trần cảnh mà ném ra cái như như chẳng động, cái thân chân thật liền kín kiên cố. Ấy là chẳng lìa muôn hạnh mà đắc rốt ráo kiên cố, quả là thâm

nhập ý chỉ Lăng Nghiêm vậy. Ở chỗ này mà cắn nát được mới được gọi là phụng trì. Còn bám suông chuơng cú, chưa biết lối vào thì dù có trang nghiêm muôn hạnh, rốt cuộc cũng là chuyện sanh diệt. Trong tự tánh kiên cố, Diệu Trạm Tống Trì sao những cách xa như trời đất vậy ư?

CHƯƠNG V: PHÂN BIỆT CÁC NGHIỆP QUẢ TẠO THÀNH TAM GIỚI. CHỈ RÕ CÁC CẢNH GIỚI TU CHỨNG VÀ CÁC CHƯỚNG NGẠI

I. HỎI VỀ SỰ SANH KHỞI VÀ NHÂN QUẢ CỦA LỤC ĐẠO

Kinh: Phật nói lời ấy xong, liền khi đó, Ông Anan và cả đại chúng nhò được Như Lai khai thị ý nghĩa mật ẩn Bát Đát Ra, lại nghe được những tên gọi liều nghĩa của kinh này, đốn ngộ được diệu lý tăng thượng để tu, tiến vào các Thánh Vị trong Thiền Na. Tâm tư rỗng lặng, đoạn trừ sáu phẩm phiền não vi tế tư-hoặc thuộc về tam giới.

Ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, chắp tay cung kính, bạch Phật rằng: “Đại oai đức Thế Tôn, Từ Âm không che ngại, khéo khai ngộ những lỗi lầm sâu kín nhỏ nhiệm của chúng sanh, khiến chúng tôi ngày nay thân tâm khoan khoái rỗng nhiên, được lợi ích lớn.

“Thưa Thế Tôn, cái Chân Tâm diệu minh trong sạch nhiệm màu này bỗn lai toàn khắp viên mãn, như thế cho đến đất đai, cỏ cây, các loài máy động vốn nguyên là Chân Như, đó là Chân Thể thành Phật của Như Lai. Nếu Phật Thể vốn chân thật như thế thì có sao lại có các nẻo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, người, trời. Bạch Thế Tôn, những nẻo ấy là bỗn lai tự có hay do tập khí hư vọng của chúng sanh khởi ra?

“Bạch Thé Tôn, như Tỳ Kheo ni Bảo Liên Hương giữ Bồ Tát Giới, lén làm việc dâm dục, rồi nói càn rằng hành dâm chẳng phải sát sanh, chẳng phải trộm cắp, không có nghiệp báo! Phát ra lời ấy rồi, trước hết nơi nữ căn sanh ra ngọn lửa hùng lớn, rồi sau nơi mỗi mỗi đốt xương lửa cháy phùng phùng, đọa địa ngục Vô Gián.

“Như Đại Vương Lưu Ly và Tỳ Kheo Thiện Tinh: Lưu Ly vì giết hai họ hàng Cù Đàm; Thiện Tinh vì thuyết bậy rằng tất cả pháp đều rỗng không mà thân đang sống đọa vào địa ngục A Tỳ.

“Các địa ngục này là có chỗ nhất định, hay là tự nhiên mà khi mỗi người kia phát nghiệp thì mỗi mỗi riêng chịu?

“Xin Phật rủ lòng Đại Tù, khai thị cho kẻ non dai mê muội, khiến cho tất cả các chúng sanh trì giới nghe nghĩa quyết định, hoan hỷ đội đầu, cẩn thận giữ gìn không phạm”.

Thông rằng: Ông Anan nghe Phật bảo rằng “Mật án liễu nghĩa chỉ là một con đường hướng thượng rõ ràng, hẳn không có sự Tu vậy”. Nhưng vô minh bao kiếp bời bời há có thể trừ hết ngay sao? Do đó, nơi diệu lý tăng thượng tu lên các Thánh Vị được cái cửa ngộ vào thì tuần tự mở tỏ thân tâm, tâm tư rỗng lặng, đã được đoạn trừ sáu phẩm phiền não nhiệm của Tư Hoặc thuộc về tam giới.

Tam Giới (55) phân ra chín Địa, mỗi Địa có chín Phẩm. Đoạn trừ chín Phẩm của Dục Giới: Trừ sáu Phẩm đầu chứng quả Thứ Nhì, trừ ba Phẩm sau chứng quả Thứ Ba, A Na Hảm.

Đoạn trừ hết mười tám Phẩm của hai giới Sắc và Vô Sắc, chứng bậc Vô Học A La Hán.

Đoạn trừ sáu phẩm phiền não vi tế này là chỉ Thân Kiến, Biên Kiến và Tà Kiến đoạn trừ ở địa vị Sơ Quả. Kiến Thủ, Giới Thủ và Tham đoạn trừ ở địa vị Nhị Quả. Còn lại Sân, Mạn và Si đến địa vị Thứ Ba mới đoạn trừ. Ông Anan mới chứng Nhị Quả nên chỉ đoạn trừ được sáu Phẩm.

Chẳng đoạn vô minh thì chẳng chứng Vô Sanh. Tuy chứng Vô Sanh mà phiền não vô minh vi tế chưa hết thì chưa đắc chân ngộ vậy. Nên ông xin Phật nói rõ sâu xa về bảy nẻo luân hồi để mở chỗ nghi lầm, khiến cho người trì giới cẩn thận giữ gìn không phạm.

Chỗ nghi của Ngài Anan tuy tương tự với cái nghi “*Bốn nhiên thanh tịnh sao bỗng sanh núi sông đại địa*” ở trước. Nhưng ba thứ tương tục là do vọng kiến mà sanh ra, lại nữa, mười hai loại sanh đều là do đên đảo. Ông Anan há chẳng lãnh hội sao mà lại có nghi vấn này? Đó chính là vì sợ có người diệu ngộ trở lại chấp cái Chân Tâm trong sạch nhiệm màu này xưa nay toàn khắp viên mãn, bèn nhận là đại địa, cỏ cây vốn một Chân Như, chân thể thành Phật, sao còn có các thứ địa ngục v.v... Đây là chấp cái diệu viễn mà bác bỏ các nẻo, chỉ riêng rõ ràng việc hướng thượng mà chẳng đoạn dứt phiền não thì thường thường có cái bệnh này.

Nếu quả không có các nẻo địa ngục v.v... thì Tỳ Kheo Thiện Tinh và Tỳ Kheo ni Bảo Liên Hương đúng ra không có báo ứng rõ ràng. Nay cảm ứng rõ ràng, chẳng sai chạy thì các

nេះ địa ngục phải là có. Há chă̄ng do tu tập làm loạn mà đưa đến ư? Chỉ do nơi tu tập làm loạn, nên không được chấp chặt nhất định là có, cũng không được chấp chặt nhất định là không. Tu tập chă̄ng làm thì có cũng thành không. Tu tập đã làm thì không cũng thành có. Chỗ này hoàn toàn do ở sự tu tập vậy. Trì giới luật, đoạn phiền não há có thể chă̄ng chăm chỉ cẩn thận ư?

Khi Tô Bách Trượng thượng đường thì thường có một ông già nghe pháp rồi theo đại chúng đi ra.

Một hôm ông chă̄ng về, Tô hỏi: “Đứng đó là ai?”

Ông già nói: “Vào thời Phật Ca Diếp tôi đã từng ở núi này. Có người học Đạo hỏi rằng: “Người tu hành còn *roi vào* (*lạc*) nhân quả không?” Tôi đáp: “*Chă̄ng roi vào* nhân quả”, bị đọa vào thân chồn năm trăm kiếp. Nay xin Hòa Thượng thay thế cho một chuyền ngũ”.

Tô Bách Trượng nói: “Chă̄ng mê mờ nhân quả”.

Ông già nghe xong đại ngộ, cáo biệt rằng: “Tôi đã khôi thân chồn rồi, ở phía sau núi, xin theo nghi thức tăng qua đời mà thiêu cho”.

Tô khiến Ông Duy Na (56) đánh bản, báo với đại chúng sau khi thọ trai thì mòi hết, đi đưa vị tăng qua đời. Đại chúng không hiểu gì.

Tô dẫn đại chúng đến cái hang ở sau núi, lấy trượng khều ra một xác chồn, rồi theo nghi thức hỏa táng.

Đến buổi tham học chiều, Tô đang nêu lại câu chuyện thì Ngài Hoàng Bá bèn hỏi: “Người xưa đáp sai một chuyen ngữ mà đọa vào thân chồn hoang. Còn ngày nay chuyen chuyen đều chẳng làm thế nào?”

Tô nói: “Đến gần đây ta nói cho nghe!”

Hoàng Bá đến gần, đánh Tô một cái.

Tô vỗ tay cười rằng: “Sắp nói Hồ râu đỏ, lại có đỏ râu Hồ!”

Ngài Thiên Đồng tung rằng:

*“Một thước nước,
Một trương sóng!
Năm trăm kiếp trước chẳng hề gì
Chẳng “lạc”, chẳng “mờ” thương lượng đi
Y xưa, rót vào bông cát đằng
Ha ha ha, hiểu vậy chẳng?
Nếu mà ông liên miên lối lạc
Nào ngại ta ha ha cười hoài
Thần ca thánh múa thành ra khúc
Khoảng ấy vỗ tay hát lý la”.*

Viên thiền sư ở trong hội của Tô Nam Công nghe hai nhà sư nhắc lại câu chuyện trên. Một vị nói: Chỉ như “Chẳng mờ nhân quả” thì cũng chưa thoát được thân cáo chồn!

Vị kia lên tiếng: Vậy thì “Chẳng sa nhân quả” thì cũng có bao giờ đọa vào thân cáo chồn ư?

Ngài Viên hoảng hồn, kinh dị với các lời trên, vội lén Tô Hoàng Bá, khi qua cái khe đầu am Tích Thúy, bỗng nhiên đại ngộ. Gặp Tô Nam Công, kể bày câu chuyện chưa xong mà nước mắt ướt má.

Tô Nam Công bảo Ngài lại chồ nằm của ông thị giả mà ngủ.

Bỗng Ngài ngồi dậy đọc bài kệ:

*“Chẳng “lạc”, chẳng “mờ”
Tăng tục vốn không kiêng cữ
Trượng phu khí phách như Vương
Nào chịu túi, chăn che đây
Một cảnh liễu táo mặc tung hoành
Chồn cáo nhảy vào đàn sư tử”.
Tô Nam Công cười lớn.*

Vậy thì một cái anh chồn cáo này, trước kia sao là có, về sau sao là không? Các nhà ở nơi cái nhân duyên này, che đậm biết bao kẻ, mở thoát biết bao người. Thế mới biết chồ đáng quý là Chân Ngộ vậy. Nếu chấp Diệu Viên mà bác bỏ các nẻo nghiệp thì quả là kiến giải của loài tinh chồn cáo vậy.

II. KHAI THỊ VỀ PHẬN TRONG, PHẬN NGOÀI CỦA CHÚNG SANH

Kinh: Phật bảo Ông Anan: “Hay thay lời hỏi đó, khiến cho chúng sanh chẳng rơi vào tà kiến. Nay ông hãy nghe kỹ, ta sẽ vì ông mà nói.

“Anan, tất cả chúng sanh thật ra vốn chân tịnh, nhân tự có vọng kiến mà có các tập khí hư vọng sanh ra. Do đó mà có phân ra phận trong và phận ngoài.

“Anan, *phận trong* tức là trong phần của chúng sanh. Do các ái nhiễm phát khởi vọng tình, tình tích chứa mãi không ngừng thì hay sanh ái thủy. Bởi thế chúng sanh hễ tâm nhớ món ăn ngon thì trong miệng nước chảy ra; hễ tâm nhớ người trước, hoặc thương hay ghét thì trong mắt lệ tràn. Tham cầu của báu thì tâm phát ái diên (nước dãi), cả mình đều tron nóng. Tâm dính vào chuyện hành dâm thì hai căn nam, nữ tự nhiên chảy nước dịch.

“Anan, các ái tuy có khác nhau, nhưng kết quả chảy nước là đồng, thấm ướt không lên được, tự nhiên theo đó mà sa xuống, ấy gọi là Phận Trong.

“Anan, *phận ngoài* tức là ngoài phần của chúng sanh. Nhân các lòng khao khát, trông mong, phát sanh ra các hư tưởng. Cái tưởng chứa chất mãi không thôi thì hay sanh ra sự trội hơn về khí. Bởi thế chúng sanh tâm giữ giới cấm thì cả thân mình nhẹ nhàng trong suốt. Tâm giữ chú án thì mắt nhìn hùng dũng, nghiêm nghị. Tâm muốn sanh cõi Trời thì chiêm bao thấy bay lên. Tâm để nơi cõi Phật thì thánh cảnh thầm hiện. Phụng sự bậc thiện trí thức thì tự coi nhẹ thân mệnh mình.

“Anan, các tưởng tuy khác nhau, nhưng sự nhẹ nhàng cất lên thì đồng. Cất bay lên không chìm xuống, tự nhiên vượt lên, ấy gọi là Phận Ngoài.

“Anan, hết thảy thế gian sống chết nối nhau: Sanh thì theo tập khí quen thuộc; tử thì theo sự đổi dòng. Lúc mệnh chung, chưa hết hơi ấm thì thiện ác một đời cùng lúc liền hiện ra. Sống thuận, chết nghịch, hai tập khí giao nhau.

“Thuần là tưởng thì bay lên, hẩn là sanh trên cõi Trời. Nếu trong tâm bay lên đó gồm cả phước đức và trí huệ cùng với tịnh nguyện thì tự nhiên tâm mở tỏ, thấy tất cả Tịnh Độ của mười phương chư Phật, rồi tùy nguyện mà vãng sanh.

“Tình ít, tưởng nhiều thì cát lên chẳng xa mà làm các loài Phi Tiên, Đại Lực Quý Vương, Phi Hành Dạ Xoa, Địa Hành La Sát đạo trong bốn cõi trời không bị ngăn ngại. Nếu có thiện nguyện, thiện tâm hộ trì Phật Pháp hoặc hộ trì cấm giới thì theo người trì giới, hoặc hộ trì chán chú thì theo người trì chú, hoặc hộ trì thiền định thì giữ an pháp nhẫn, hết thảy đều được gần gũi dưới pháp tòa của Như Lai.

“Tình và tưởng ngang nhau thì không bay lên, không đọa xuống, sanh nơi cõi người. Tưởng sáng thì thông minh, Tình tối thì ngu độn.

“Tình nhiều tưởng ít thì trôi dạt vào cầm thú: Nặng thì làm giống mang lông, nhẹ thì làm loài có cánh.

“Bảy phần tình, ba phần tưởng thì chìm xuống Thủy Luân, sanh nơi mé Hỏa Luân, chịu ngọn lửa mạnh, thân làm ngạ quỷ, thường bị thiêu đốt. Vì nước có thể hại mình nên trải trăm ngàn kiếp không ăn không uống.

“Chín phần tình, một phần tưởng thì xuống thấu Hỏa Luân, thân đi vào ranh giới giao nhau của Phong Luân và Hỏa Luân, nhẹ thì sanh vào Hữu Gián, nặng thì sanh vào Vô Gián, hai thứ địa ngục.

“Thuần là tình thì chìm sâu vào ngục A Tỳ. Nếu trong tâm chìm đắm đó mà có sự hủy báng Đại thừa, phá cấm giới của Phật, nói pháp láo dối, tham bội của tín chủ, lạm nhận sự cung kính hoặc phạm ngũ nghịch, thập trọng thì lại sanh vào địa ngục A Tỳ mười phương.

“Theo sự tạo ác nghiệp, tuy tự chuốc lấy nhưng trong nghiệp đồng phận chung đó vẫn có chỗ săn.

Thông rằng: Đây là trả lời chung câu hỏi “*Các nẻo là vốn tự có hay là do tập khí hư vọng của chúng sanh sanh khởi ra?*”

Căn cứ theo chỗ chiêu cảm của bảy nẻo tùy nghiệp thọ sanh, hoặc thiên đường, địa ngục... hoặc cõi người thì khổ vui chẳng đồng, nhưng mỗi nẻo đều có đồng nghiệp tương thành, tức là trong đồng phận vốn có chỗ săn, không thể cho là không có, vì nó vốn là do tập khí hư vọng sanh ra vậy. Tánh của chúng sanh vốn là chân tịnh, chẳng rơi vào thánh, phàm. Bởi tự đấy khởi tình kiến, chẳng biết đó là hư vọng, hư vọng mà huân tập hoài thì không bỏ được nữa.

Từ thân xác khởi vọng niệm thì cái vọng kiến đó, tập khí hư vọng đó ở trong phần của thân xác. Từ ý tưởng khởi vọng niệm thì cái kiến, cái tập khí hư vọng đó ở ngoài phần của thân xác. Trong phần của thân xác, do ái mà mắc tình: miệng đối

với vị, mắt đối với sắc, tâm đối với của cải hay sanh ra ái thùy. Tánh nước chảy xuống nên theo đó mà rót xuống. Ngoài phần của thân xác, do suy mà mắc vào tưởng: hoặc để tâm nơi cõi Phật, hay muốn sanh lên cõi trời, hoặc giữ thiện pháp, nên hay sanh ra cái khí trội hơn. Khí thì bay lên, nên theo đó mà đi lên.

Thuần là tưởng thì sanh từ cõi Đao Lợi trở lên, có tịnh nguyện thì sanh cõi Tịnh Độ. Chín phần tưởng thì làm Phi Tiên; tám phần tưởng thì làm Đại Lực Quý Vương. Bảy phần tưởng thì làm Phi Hành Dạ Xoa. Sáu phần tưởng làm Địa Hành La Sát. Bởi vì tưởng trội vượt nên chỗ đi không ngăn ngại vậy.

Nhưng tình có tà, chánh. Chánh thì không rời pháp tòa của Như Lai, bởi trước giờ giữ giới, trì chú, phụng sự thiện tri thức, nên rốt cuộc làm thần Hộ Pháp. Tình và tưởng ngang nhau thì sanh ở cõi người. Sáu phần tình thì làm cầm thú. Bảy phần tình thì làm ngạ quỷ. Tám phần tình thì sanh vào địa ngục Hữu Gián. Chín phần tình thì sanh vào địa ngục Vô Gián. Thuần là tình thì chìm vào địa ngục A Tỳ. Có thêm các tội chê Phật, báng Pháp thì lại sanh vào địa ngục A Tỳ mười phương không có ngày ra. Ấy là vọng nghiệp tự chuốc lấy, sạch dơ có khác vậy.

Nếu chẳng vướng mắc nơi tình át địa ngục không. Chẳng vướng mắc nơi tưởng át thiên đường không. Tình, tưởng đều không thì tuy ở nhân gian mà tâm đạo nơi cõi Phật. Bảy nẻo nghiệp vẫn có sẵn thì Tịnh Độ cũng có sẵn rõ ràng vậy. Trở lại

cái bốn lai chúng sanh chân tịnh của ta mà chẳng sanh nơi Tịnh Độ thì sanh về đâu?

Có nhà sư hỏi Tô Bách Trượng: “Đối với tất cả cảnh, như sao mà được tâm như gỗ đá nhỉ?”

Tô Trượng nói: “Tất cả các pháp vốn chẳng tự nói không, chẳng tự nói sắc, cũng chẳng tự nói trái phải, dơ sạch, cũng không có tâm trói buộc người. Chỉ tại con người tự hư vọng dấy nghĩ mà vướng mắc, tạo ra đủ thứ giải thích tìm hiểu, khởi bao nhiêu thứ tri kiến, sanh bao nhiêu thứ thương ghét. Chỉ rõ các pháp vốn chẳng tự sanh, hết thảy đều từ một niệm vọng tưởng điên đảo bám giữ tướng của tự mình mà có. Biết tâm cùng cảnh vốn chẳng đến nhau, ngay đây là giải thoát. Mỗi mỗi các pháp, hiện đây tịch diệt, hiện đây là đạo tràng. Cái Tánh vốn hiện có, chẳng thể đặt tên, phân hạng. Xưa nay chẳng là phàm, chẳng là thánh, chẳng là dơ sạch, cũng chẳng không hay có, cũng chẳng phải thiện, ác. Tương ứng với các pháp nhiễm ô thì gọi là cảnh giới Trời, người, Nhị Thùa.

Bằng như tâm dơ sạch hết tuyệt, chẳng trụ ràng buộc, chẳng trụ giải thoát, không có hết thảy tâm lượng hữu vi, vô vi, ràng buộc, giải thoát, thì ở ngay trong sanh tử, mà tâm đó tự tại. Rốt ráo chẳng cùng các thứ trần lao hư huyền, uẩn giới sanh tử giả dối. Các thứ nhập, hòa hiệp rỗng nhiên không nhờ gởi. Hết thảy chẳng dính giữ, ở đi không ngăn ngại. Tới lui sanh tử giống như cửa thường mở hoác!”

Tô Bách Trượng đại từ thuận lời phát huy, thầm hợp với ý chỉ đoạn kinh này. Nơi đây mà thừa thọ, đảm đương được

ngay thì tình, tưởng liền vượt thoát, chẳng kẹt vào tà kiến. Rốt là Như Lai hẵn khen “*hay thay*” vậy.

III. CHỈ RA MUỜI TẬP NHÂN VÀ SÁU GIAO BÁO

Kinh: “Anan, những điều như thế đều do nghiệp báo của các chúng sanh tự chiêu cảm lấy: Tạo mười Tập Nhân thì chịu sáu Giao Báo.

“Anan, thế nào là mười Tập Nhân? Một là thói quen dâm dục giao tiếp, phát sanh nơi sự cọ xát lẫn nhau. Cọ xát không thôi, như vậy cho nên trong ấy có ngọn lửa lớn phát động ra, như người lấy hai tay xoa xát lẫn nhau thì cảm giác nóng hiện ra. Hai cái tập khí thiêu đốt nhau, nên mới có các thứ giường sắt, cột đồng. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem việc hành dâm đồng gọi là lửa dục. Bồ Tát xem thấy dâm dục như tránh hầm lửa.

“Hai là, thói quen tham lam, so đo tính toán, phát sanh nơi sự thu hút lẫn nhau. Hấp thu ôm áp chẳng ngừng, như vậy cho nên trong ấy có chứa hơi lạnh thành giá cứng đồng đặc, như người hút hơi gió vào thì cảm giác lạnh sanh ra. Hai cái tập khí lấn nhau, nên có những sự tra tra, ba ba, la la, sen sanh, đở, trắng, giá lạnh v.v... Bởi thế tất cả mười phương Như Lai xem việc Tham nhiều đồng gọi là nước tham. Bồ Tát xem thấy tham như tránh biển độc.

“Ba là, thói quen kiêu mạn lấn lướt lấn nhau phát sanh nơi chố ý thế với nhau, giong ruỗi không thôi, như vậy cho nên có sự phóng túng, bôn ba, chứa sóng thành nước, như người miệng lưỡi tự chép làm cho nước bọt sanh ra. Hai cái tập khí

chọi nhau nên có các việc sông máu, sông tro, cát nóng, biển độc, nước đồng bắt uống... Thế nên, tất cả mười phương Như Lai xem lòng ngã mạn, đồng gọi là uống nước si mê. Bồ Tát xem thấy kiêu mạn như tránh vực thẳm lớn.

“Bốn là, thói quen nóng giận xung đột lẫn nhau, phát sanh nơi sự chống đối lẫn nhau. Chống đối hoài không thôi, tâm nổi nóng phát ra lửa, nấu cái khí thành kim loại, như vậy cho nên có núi dao, đòn sắt, cội cây gươm, bánh xe gươm, búa rìu, thương, cưa, như người bị hàm oan thì sát khí nổi lên. Hai tập khí đánh nhau, nên có các sự thiến, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đập, đánh. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự nóng giận đồng gọi là kiếm, dao bén. Bồ Tát xem thấy nóng giận như tránh chém, giết.

“Năm là, thói quen giả dối, dụ gạt lẫn nhau, phát sanh nơi sự lôi kéo lẫn nhau. Dẫn dụ chẳng ngừng, như vậy cho nên có dây, cây thòng lọng, căng nọc, như nước thấm xuống ruộng thì cỏ cây sanh trưởng. Hai tập khí kéo nhau nên có các sự gông, cùm, xiềng xích, roi, gậy, qua, bỗng. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự giả dối đồng gọi là sàm tặc. Bồ Tát xem thấy gian dối như sọ sói, beo.

“Sáu là, thói quen lừa gạt, phỉnh dối lẫn nhau, phát sanh nơi sự phỉnh gạt lẫn nhau. Phỉnh gạt chẳng thôi, phát tâm gây điều gian dối, như vậy cho nên có bụi, đất, đại tiện, tiểu tiện, dơ nhớp chẳng sạch; như bụi theo gió không thấy lẫn nhau. Hai cái tập khí dìm nhau nên có các sự chìm đắm, nhảy, ném, bay, rơi, trôi lăn. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự

lừa gạt đồng gọi là cướp giết. Bồ Tát xem thấy việc lường gạt như dãm rắn độc.

“Bảy là, thói quen thù oán, hiềm khích lẩn nhau, phát sanh nơi chỗ ôm áp lòng giận. Như vậy cho nên có quăng đá, ném gạch, cùi nhốt, xe tù, bình đựng, đáy bọc, như người hiềm độc ôm áp điều dữ. Hai cái tập khí nuốt nhau, nên có các việc ném, quăng, nǎm, bắt, đánh, bắn, vất, ôm. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự thù oán đồng gọi là quỷ Vi Hại. Bồ Tát xem thấy thù oán như uống rượu độc.

“Tám là, thói quen tà kiến, tranh cãi với nhau. Như thân kiến, giới cấm thủ và các nghiệp hiểu biết sai lầm, phát sanh nơi chỗ chống trái lẩn nhau. Như vậy cho nên có quan lại chứng thực, nǎm giữ giấy tờ, nhiều như người đi đường qua lại gặp nhau. Hai cái tập khí giao nhau nên có các sự khám hỏi, mưu chước, vặn hỏi, đòi hỏi, gạn xét, cứu tra cho rõ ràng và những đồng tử thiện ác tay cầm sổ sách, biện bạch, hạch sách. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem ác kiến đồng gọi là hố kiến chấp. Bồ Tát xem thấy các thiên chấp hư vọng như nhìn xuống hố độc.

“Chín là, thói quen vu vạ làm hại cho nhau, phát sanh nơi chỗ phao vu, bài báng. Như vậy cho nên có núi khép, đá khép, cối nghiền, cối xay, như kẻ sàm tặc, áp bức vu oan người lương thiện. Hai cái tập khí bài xích lẩn nhau, nên có các việc áp giải, đè đập, ép máu, tuốt mình. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự vu vạ đồng gọi là cọp sàm báng. Bồ Tát xem thấy sự vu vạ như bị sấm sét.

“Mười là, thói quen thưa kiện, cãi vã lẩn nhau, phát sanh ở chỗ che đây. Như vậy cho nên có gương soi, đuốc chiếu, như giữa ban ngày chẳng thể giấu bóng. Hai cái tập khí phơi bày lẩn nhau, nên có các việc bạn ác, kiêng soi nghiệp, hỏa châu phơi bày nghiệp xưa mà đối nghiệp. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự che đây đồng gọi là giặc ngầm. Bồ Tát xem thấy sự che đây như đội núi cao lội trong biển lớn.

Thông rằng: Đức Thέ Tôn nói về mười Tập Nhân, mỗi mỗi phối hợp với sự việc trong địa ngục, không sai mảy tơ. Tập quán thì hẳn có nguyên nhân. Cái nhân đó chỉ có thể sanh ra các tướng nước, lửa, nhưng chưa có cái dụng, lại thêm vào các thói quen giao tiếp đối đai nhau mà thành sắt nóng, giá lạnh... các thứ. Nhưng mười phương Như Lai ở ngay trong chỗ nhân sanh khởi mà thấy suốt sự tốt, xấu nên chẳng có sự gì để tu. Bồ Tát thì biết rõ đó là cái họa hại nên thận trọng thanh khiết mà không phạm nên xa lánh chúng. Dù có địa ngục mà trước đã không có nhân, nên chỉ có Phật cùng Bồ Tát mới có thể nói là không có địa ngục vậy. Còn chưa đến tâm, hạnh như thế làm sao mà cho rằng tất cả là không.

Đức Di Lặc nói: “Trong Dục Giới có ba mươi sáu chốn. Đó là tám đại địa ngục. Sao là tám? Một là Đẳng Hoạt, hai là Hắc Thằng, ba là Chúng Hợp, bốn là Hiệu Khiếu, năm là Đại Hiệu Khiếu, sáu là Thiêu Nhiệt, bảy là Cực Nhiệt, tám là Vô Gián. Các chốn địa ngục này rộng mười ngàn do tuần.

“Ngoài những chỗ này lại có tám chốn địa ngục lạnh. Sao là tám? Một là Pháo, hai là Pháo Liệt, ba là Hắc Phàm, bốn là

Hác Hác Phàm, năm là Hổ Hổ Phàm, sáu là Thanh Liên, bảy là Hồng Liên, tám là Đại Hồng Liên. Từ chỗ này xuống ba mươi hai ngàn do tuần thì đến Đắng Hoạt. Từ chỗ này lại cách bốn ngàn do tuần thì có địa ngục khác như chốn đại địa ngục Đắng Hoạt. Chốn địa ngục lạnh ở trước cũng vậy. Từ chỗ này lại cách hai ngàn do tuần có các địa ngục khác nữa”.

Ngài lại dạy: “Ở trong đại địa ngục Đắng Hoạt chịu nhiều cực hình khổ sở. Các hữu tình kia phần nhiều hướng về chỗ tạo nghiệp tăng thượng, sanh ra đủ thứ khổ, lần lượt khởi lên mà tàn hại lẫn nhau, chết giác nằm lăn lóc trên đất. Khi ấy trên không có tiếng nói lớn, xướng lên rằng “Các hữu tình kia được sống trở lại hết thảy”. Liền đó, các hữu tình lại bỗng đứng dậy”.

Xem đây thì rõ là địa ngục không phải là không có chỗ nhất định.

Kinh Tịnh Độ Tam Muội nói: “Xưa Quốc Vương Tỷ Sa và Thủy Vương Duy Đà đánh nhau. Vua Duy Đà thua, phát thệ nguyện làm vua dưới đất. Khi ấy, bè tôi vua có mười tám người dẫn một trăm vạn người nguyện trên đầu mọc sừng theo vua giúp trị theo pháp để xử trị người có tội. Nay gọi là vua Diêm La, Ngưu Đầu, A Bàng đó vậy”.

Xem đây thì rõ ràng địa ngục cùng thân thể chẳng phải từ mười phương đến, mà chỉ do ác nghiệp trói buộc sanh ra thân địa ngục vậy.

Mười Tập Nhân: dâm, tham, mạn, sân, trú, cuồng, oán, ác kiến, vu vạ và kiện tụng tương tự như năm mươi mốt Tâm Sở:

phẫn, hận, nǎo, phú, cuống, siết, kiêu, hại... Nhưng vì sao tóm lại thành mười? Ở đây, chỉ kể các nghiệp bất thiện. Cho nên tham, sân, mạn và tà kiến thuộc về ý nghiệp, mà mạn được gọi là uống nước si, thì trong đã có si vậy. Oán, sân và dâm thuộc về thân nghiệp mà tập khí oán, sân, sát... thì sát, đạo đã ở trong đó vậy.

Cuống, trá, vu vạ, kiện tụng thì ý nghĩa cũng tương tự. Vì sao phân ra bốn? Vì đó là bốn cái thuộc về khẩu nghiệp. Cho nên cuống là vọng ngữ, trá là ý ngữ, vu vạ là lời ác, và kiện tụng là lưỡng thiệt. Dâm là chỗ tự đến của thân kiến, lại là gốc ban đầu tạo nghiệp nên đầu hết nêu ra dâm. Dâm do cọ xát mà sanh lửa. Tham do thu vào mà sanh nước. Tương tự như người dương thịnh thì nằm mộng thấy lửa, người âm thịnh thì nằm mơ thấy nước. Giường sắt, cột đồng là cái thói quen chồng chất của vọng tưởng ôm giữ, nằm nghỉ lâu dài vậy.

Ba ba, tra tra, la la là âm thanh rên chịu lạnh. Đó là tên khác của hổ hổ, hác hác. Sen xanh, đỏ, trắng là màu của băng lạnh vậy. Nước si ở Thiên Trúc có, hễ uống vào thì si mê, cùng loại với nước suối tham, uống vào thì á khẩu, to bụng. Sự kiêu dật cũng có mùi vị ấy nên người cùng siết nịnh thì như ngâm trong nước bẩn mà chẳng tự biết.

Thói quen dâm dục do nóng bức mà phát hỏa, tự hao tinh khí.

Thói quen nóng giận do nghịch khí phát hỏa, làm mạnh thêm khí nóng. Hỏa khắc kim nên nung đốt cái khí khiến cho khí tuy cứng mà phải tự thương tổn.

Thói quen dối trá nương nơi gian dối mà khởi ác, ban đầu là cười vui, kế đến là lan man. Cái trí xảo như nước nên giả dối lấy trí mèo làm đầu, nhưng beo sói tuy rất nhỏ mà có thể ăn copor.

Thói quen lừa gạt thì giả vờ có đức hạnh khiến người khác mê mờ, ví như gió nổi bụi khiến người không thấy. Bởi thế sự cướp hại, lừa người không thấy cũng như rắn độc bất ngờ cắn người vậy.

Giận dữ lộ ra ngoài nên sát khí nổi lên, thuộc về sát. Oán ghét chúa bên trong nên ôm giữ độc ác như lấy bao trùm người mà đánh, đó là việc ám muội, tức thuộc về trộm. Quý Vi Hại, rượu chim Cưu đều là âm độc.

Thói quen tà kiến có năm: Một là thân kiến, là chấp thân có thực nên toan tính đủ điều. Hai là biên kiến, đó là với tất cả các pháp chấp là đoạn, là thường. Ba là tà kiến, là hiểu sai ngô lầm, bác bỏ không có nhân quả. Bốn là kiến thủ, đó là chẳng phải thật quả mà cho là quả, ví như lấy cõi trời Vô Tưởng mà cho là Niết Bàn. Năm là giới cầm thủ, đó là chẳng phải nhân mà cho là nhân, ví như giữ giới chó, bò... mà cho là nhân để sanh cõi Trời. Năm tà kiến này gọi chung là ác kiến, tương phản lẫn nhau, như người đi đường, kẻ đi người lại, chõ thấy biết trái khác nhau, nên cần phải khám hỏi. Ép uổng người lương thiện, chẳng vặn vẹo mà làm ra vặn vẹo, nên bị ép cái xác, khô kiệt máu huyết, hoặc cân đo máu và xác cho đúng lượng, như loài súc vật vậy.

Thói quen kiện tụng thì do đây kia, sanh ra chuyện kiện thưa, đậm ra nhọc nhằn, giống như đội núi mà đi dưới biển, Bồ Tát há chịu làm ư?

Năm kiến chấp và tham, sân, si, mạn đoạn rồi thì chúng quả Thú Ba là đoạn trừ hoặc của chín phẩm của địa dưới. Còn các hoặc (56) này chẳng có đoạn thì tạo nghiệp không ngót, có nhân thế nào thì quả phải thế ấy.

Xưa, có Ông Lý Lưu Hậu, tự Đoan Nguyên hỏi thiền sư Đạt Quan rằng: “Người chết rồi đi về đâu?”

Tô Quan nói: “Chưa biết sống sao biết chết?”

Ông Lý nói: “Sống thì Đoan Nguyên này biết rồi”.

Tô Quan nói: “Sống từ đâu đến?”

Ông Lý trầm ngâm.

Tô vỗ vào ngực, nói: “Chỉ tại trong ấy, suy nghĩ cái gì?”

Ông Lý: “Dạ, hiểu. Chỉ biết đường ham, ngờ đâu lạc nẻo!”

Tô khoát gạt ra, bảo: “Trăm năm một giắc chiêm bao”.

Ông Lý lại hỏi: “Địa ngục rốt cùng là có hay không?”

Tô đáp: “Chư Phật hướng về trong Không mà nói Có: mắt thấy Không-hoa. Ông lại ở trong Có tìm Không: tay mò trăng dưới nước. Nực cười thay trước mắt thấy nhà tù mà không tránh, ngoài tâm thấy thiên đường mà muốn sanh về! Đâu biết

thích sợ tại tâm thì thiện ác thành tựu. Ông chỉ rõ biết Tự Tâm, tự nhiên không nghi hoặc!”

Ông Lý hỏi: “Tâm làm sao rõ?”

Tổ đáp: “Thiện ác thảy chẳng suy lường!”

Ông lại hỏi: “Chẳng suy lường rồi, tâm về chốn nào?”

Tổ nói: “Mời Thái Úy về sở làm”.

Tổ Động Sơn hỏi nhà sư: “Ở đời cái gì là khô nhất?”

Nhà sư đáp: “Địa ngục khô nhất”.

Tổ Sơn nói: “Không phải đâu! Ngoảnh về dưới sợi chỉ dệt áo này mà chẳng rõ chuyện đại sự, ấy mới khô”.

Ngài Đơn Hà tung rẳng:

*“Vacsôilòlửabao nhiêu chuyện
Địa ngục, tam đồ khô hết than!
Phải tin Tổ Động, lời thân thiết
Dưới lớp cà sa chờ mơ màng!”.*

Rõ đại sự thì không có nhân địa ngục, nên địa ngục chưa phải là khô. Còn chẳng rõ Tự Tâm thì khô hết chõ than!

Kinh: “Thế nào là sáu Giao Báo? “Anan, hết thảy chúng sanh sáu thức tạo nghiệp nên chiêu lấy ác báo từ sáu căn ra.

“Thế nào là Ác Báo từ sáu Căn ra?

“Một là, ác báo về thấy chiêu dẫn ác quả. Nghiệp giao báo về thấy này là khi lâm chung, trước hết thấy lửa hùng đầy cả mười phương, thần thức người chết bay đọa theo khói vào

ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng: Một là, thấy sáng thì thấy khắp các thứ vật dữ, sanh sợ hãi ghê gớm. Hai là, thấy tối thì lặng soi chǎng thấy gì sanh hoảng sợ vô cùng. Lửa-thấy như vậy đốt cái nghe thì có thể làm thành vạc sôi, đồng chảy; đốt hơi thở thì có thể làm thành lửa đỏ, khói đen; đốt cái ném thì có thể làm thành hòn lửa, cơm sắt; đốt cảm xúc thì có thể làm tro nóng, lò than; đốt tâm thức thì có thể sanh sao lửa rưới khắp, làm rung động cõi hư không.

“Hai là, ác báo về nghe chiêu dẫn ác quả. Nghiệp giao báo về nghe này là khi lâm chung, trước hết thấy sóng cuộn ngập chìm trời đất, thần thức người chết sa xuống theo dòng nước vào ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng: Một là, nghe rõ thì nghe đủ thứ ồn ào, tinh thần bấn loạn. Hai là, điếc hǎn, lặng ngắt không nghe thấy gì, thần phách chìm đắm. Sóng nghe như vậy rót vào cái nghe thì có thể làm thành trách móc, cật vấn; rót vào cái thấy thì có thể làm thành sấm, thành tiếng rống, làm hơi độc dữ; rót vào hơi thở thì có thể làm thành mưa thành mù, rưới các sâu độc đầy khắp thân thể; rót vào cái ném thì có thể làm thành mủ, máu, các thứ do bẩn; rót vào cảm xúc thì có thể làm súc vật, làm quỷ, làm phân, làm nước tiểu; rót vào tâm ý có thể làm thành chớp, mưa đá, đập nát tâm phách.

“Ba là, ác báo về ngửi chiêu dẫn ác quả. Nghiệp giao báo về ngửi này là khi lâm chung, trước hết thấy hơi độc đầy dẫy xa gần, thần thức người chết từ đất trỗi lên vào ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng: Một là, ngửi thông thì bị các hơi độc xông tột bức làm cho tâm rối loạn. Hai là, nghẹt mũi, hơi ngạt không thông, nằm chết giấc trên đất. Hơi ngửi như vậy xông

vào hơi thở thì có thể làm thông, làm ngạt; xông vào cái thấy thì có thể làm thành lửa, thành đuốc; xông vào cái nghe thì có thể làm chìm ngập, làm chết đuối, làm nước lớn, làm nước sôi; xông vào cái nếm thì có thể làm sình, làm thối; xông vào cái cảm xúc thì có thể làm xấu, làm nát, làm ra núi thịt lớn có trăm ngàn con mắt, hút ăn không cùng; xông vào ý nghĩ thì có thể làm ra tro, ra khí độc, làm gạch đá bay lên đánh nát cơ thể.

“Bốn là, ác báo về nếm chiêu dẫn ác quả. Nghiệp giao báo về nếm này là khi lâm chung, trước hết thấy lưỡi sắt nung đỏ che khắp thế giới, thần thức người chết từ dưới tung lên, mắc lưỡi treo ngược đầu xuống vào ngực Vô Gián, phát sanh hai tướng: Một là, nuốt vào thì kết thành giá lạnh làm nứt nẻ thân thể. Hai là, mửa ra thì bay lên thành lửa hùng, tiêu rụi xương tủy. Nếm biết như vậy, qua cái nếm thì có thể làm ra nhận ra chịu; qua cái thấy thì có thể làm ra các thứ kim thạch đốt cháy; qua cái nghe thì có thể làm bình khí sắc bén; qua hơi thở thì có thể làm lồng sắt rộng che hết cõi nước; qua cảm xúc thì có thể làm thành cung, thành tên, làm nổ, làm bắn; qua ý nghĩ thì có thể làm sắt nóng bay, từ trên không rưới xuống.

“Năm là, ác báo về xúc chiêu dẫn ác quả. Nghiệp giao báo về xúc này là khi lâm chung, trước hết thấy núi lớn bốn mặt áp lại không còn lối ra, thần thức người chết thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, cọp sói, sư tử, lính ngực đầu trâu, la sát đầu ngựa tay cầm giáo chĩa lùa vào cửa thành hướng về ngực Vô Gián, phát sanh hai tướng: Một là, hợp xúc thì núi ép kẹp mình, xương thịt nát ra máu. Hai là, lìa xúc thì đao kiếm chạm đụng mình, tim gan cắt xé. Xúc hợp như vậy qua cái xúc thì có

thể làm ra đường, ra quán, làm nha sảnh, làm tòa án; qua cái thấy thì có thể làm đốt, làm nung; qua cái nghe thì có thể làm thành đập, đánh, đâm, bắn; qua hơi thở thì có thể làm thành trùm, đẩy, tra, trói; qua cái ném thì có thể làm cày, làm kềm, chém, chặt; qua ý nghĩ thì có thể làm rót, làm bay, làm nấu, làm nướng.

“Sáu là, ác báo về ý chiêu dẫn ác quả. Nghiệp giao báo về ý này là khi lâm chung, trước hết thấy gió dữ thổi nát cõi nước, thần thức người chết bị thổi lên trên không, xoay roi theo gió, sa vào ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng: Một là, không biết, tột mê thì hoang mang, rông chạy không ngừng. Hai là, chẳng mê, hay biết thì khổ, bị nung đốt không cùng, đau buốt không chịu nổi. Ý làm lạc như vậy kết vào ý nghĩ thì có thể làm thành nơi, làm chốn; kết vào cái thấy thì có thể làm gương soi, làm chứng có; kết vào cái nghe thì có thể làm ra núi lớn xáp vào nhau, làm ra giá, ra sương, ra đất, ra mù; kết vào hơi thở thì có thể làm ra xe lửa lớn, làm thuyền lửa, làm rọ lửa; kết vào cái ném thì có thể làm kêu la to, làm ăn năn, làm khóc lóc; kết vào cái xúc thì có thể làm ra lớn, làm ra nhỏ, làm cho trong một ngày vạn lần sống, vạn lần chết, làm té sấp, té ngửa.

“Anan, đó là mười Tập Nhân và sáu Quả Báo của địa ngục. Nhân quả ấy đều do cái mê vọng của chúng sanh tạo ra. Nếu các chúng sanh tạo hết các nghiệp dữ thì vào địa ngục A Tỳ, chịu vô lượng khổ, trải qua vô lượng kiếp. Các căn trong sáu căn tạo riêng và nghiệp tạo ra gồm cả căn lẫn cảnh thì người ấy vào tám địa ngục Vô Gián. Ba thứ thân, khẩu, ý làm

ra sát, đạo, dâm thì người đó vào Thập Bát Địa Ngục. Không đủ cả ba nghiệp, trong đó chỉ có một cái hoặc sát hay đạo thì người ấy vào trong Tam Thập Lục Địa Ngục. Chỉ có một Căn riêng phạm một nghiệp, người ấy vào Nhất Bách Bát Địa Ngục.

“Đó là do chúng sanh riêng làm, riêng tạo, nên ở trong thế giới vào chỗ đồng phận, duyên từ vọng tưởng phát sanh, chẳng phải vốn là tự có.

Thông rằng: Chỗ hiện báo chuốc lấy của mười Tập Nhân là từ kiến phần sanh ra. Có nhân ấy thì có báo ấy, mỗi tùy theo loại. Sáu cái giao báo ấy là do sáu thức căn trần gồm thành tướng phần. Hiện báo lúc lâm chung và quả báo sanh vào địa ngục tuy chẳng lìa các căn nhưng khi tạo ác nghiệp của mười tập nhân thì sáu căn đều sử dụng, nên một căn chịu ác báo thì sáu căn cũng giao nhau cái ác báo đó vậy. Ví như một cái nghiệp tham mùi vị: Lưỡi nếm sanh mạng khiến các cái kia cũng chịu lây. Cho nên khi lưỡi chịu quả báo vì món ăn này mà dùng lửa nấu nướng, nên cái thấy là sắt đá nóng; vì món ăn này dùng dao cắt xé, nên cái nghe là dao kiếm bén, vì món ăn này, quay nướng thơm tho nên hơi thở là lồng sắt lớn. Vì món ăn này bắn giết thú, chim nên xúc là tên cung nỏ. Vì món ăn này, mong tưởng khát khao nên ý nghĩ là sắt nóng bay. Đó là sáu giao báo của thiệt căn, các căn khác có thể từ đó suy ra vậy.

Bộ Hiệp Luận dẫn kinh Dịch để chứng minh: Ly là mắt, Khảm là tai, Cấn là mũi, Đoài là miệng, Khôn là thân, suy

nghĩ lại là Ly Hỏa của địa vị tâm. Đốt cái nghe thì Ly Hỏa biến nơi Khảm Thủy nên làm ra vạc sôi, đồng chảy. Đốt hơi thở thì Ly Hỏa biến nơi Cấn Thổ nên làm ra khói đen, lửa đỏ. Đốt cái ném thì Ly Hỏa biến nơi Đoài Kim nên làm ra hòn lửa, cõm sắt. Đốt cái xúc thì Ly Hỏa biến nơi Khôn Thổ nên làm ra tro nóng, lò than. Đốt tâm thức thì Ly Hỏa biến nơi Ly Hỏa của địa vị tâm nên làm ra lửa sao rưới khắp. Đối với sự đốt cái thấy thì nghĩa đồng nhau, nên không lập lại, chứ không phải sót. Mỗi mỗi suy ra khá phù hợp, có vẻ mới lạ.

Sáu căn cùng tạo tác đủ cả mười nghiệp thì quả là đọa vào địa ngục A Tỳ Vô Gián. Nghiệp đã không gián đoạn thì khổ cũng vô gián. Nếu một căn mà gồm đủ ba, bốn căn; trong mười nghiệp mà thiếu hai, ba nghiệp; và ba thứ thân, khẩu, ý chẳng hết cả sáu căn, tạo nghiệp sát, đạo, dâm không đủ cả mười tập nhân, hoặc đủ hai khuyết một, hoặc phạm một thiếu hai thì nghiệp nhẹ hơn nên khổ ít hơn. Nghiệp tuy mỗi người tạo riêng nhưng khổ thì cùng chịu, nặng nhẹ chẳng bằng nhau, mỗi mỗi đều có chỗ săn, hết thảy do sáu căn làm môi giới vậy.

Ở đoạn trước, mười phương vi trấn Như Lai khác miệng đồng lời, nói với Ông Anan rằng: “Lành thay! Anan, ông muốn biết về cái câu sanh Vô Minh. Cái khiến ông luân chuyển, kết căn của sanh tử chỉ là sáu căn của ông chứ chẳng phải gì khác. Ông lại muốn biết Vô Thượng Bồ Đề, khiến ông chóng chứng an lạc giải thoát tịch tĩnh diệu thường, cũng là sáu căn của ông chứ chẳng phải gì khác!” Ôi, một căn tạo nghiệp thì sáu căn chịu ác báo là như vậy. Một căn thanh tịnh thì các căn được thanh tịnh cũng là như vậy. Cơ mê ngộ chỉ

trong khoảng sấp ngửa bàn tay! Bởi thế, thấy biết mà xoay lại thì lửa chẳng thể đốt. Thấy, nghe xoay về thì nước chẳng thể chìm. Chỉ khiến một căn về nguồn, sáu căn liền giải thoát. Đã không có nghiệp nhân thì cái gì là nghiệp quả? Vọng tưởng chẳng sanh, khắp khắp là chân tịnh. Lại còn có địa ngục nào ư?

Tổ Dược Sơn chỉ dạy đại chúng rằng: “Tổ Sư chỉ dạy các ông bảo hộ. Tham, sân nổi lên, một mực đề phòng, ngăn cấm. Chẳng có dạy thôi cảm xúc. Ấy là tự ông muốn như cây khô, tảng đá! Lại cần gánh vác, thật không có lá cành chi khá được. Tuy nhiên như thế, lại nên tự xem, chẳng được tuyệt bỏ lời lẽ nói năng. Ta nay vì các ông nói ra cái lời lẽ ấy, hiển bày cái không lời. Cái ấy xưa nay vốn không có các thứ tai, mắt!”

Khi ấy, có nhà sư hỏi: “Sao có sáu đường chúng sanh?”

Tổ Sơn nói: “Ta nơi yếu luân đây, tuy ở trong đó, vốn là chẳng nhiễm!”

Hỏi: “Chẳng rõ phiền não trong thân thì như thế nào?”

Tổ Sơn nói: “Phiền não là cái tướng trạng gì? Ta lại muốn ông xét xem coi, lại có một thứ gì chẳng? Chỉ xem trên lưng giấy ba thứ ngũ ngôn ghi chép thì đa phần bị Kinh, Luận làm cho lầm lạc. Tôi chẳng từng xem sách vở, Kinh, Luận gì ráo! Ông chỉ vì mê nơi sự mà bỏ chạy. Tự mình chẳng định nên bèn có sanh tử tâm! Chưa từng học được một lời hay nửa câu, một Kinh một Luận nào thì nói cái gì Bồ Đề với Niết Bàn, thế với xuất thế? Còn cứ Bồ Đề, Niết Bàn, thế với xuất thế, đó là sanh tử. Như chẳng bị sự được, mất ấy ràng buộc tức là không

có việc sanh tử. Ông có thấy luật sư nói các đề mục trong giới luật thế ấy chính là cội gốc sanh tử. Tuy nhiên như thế, nghiên cứu rốt ráo sanh tử bèn chẳng thể đắc.

“Trên đến chư Phật, dưới đến sâu kiến, trọn cả đều có Cái Ây, dù cho dài ngắn tốt xấu chẳng đồng. Cái Ây chẳng từ ngoài đến thì chỗ nào có người rồi rảnh đào địa ngục chờ ông? Ông muốn biết nẻo địa ngục thì nay đây chỉ cái kẽ náu vạc nước sôi là đó. Muốn biết nẻo ngạ quỷ thì nay đây chỉ cái kẽ nhiều dối, ít thật, khiến người không tin là đó. Muốn biết nẻo súc sanh thì hiện đây kẽ không biết nhân nghĩa, không rõ thân sơ là đó. Há đợi gì mang lông đội sừng, chặt cắt, treo ngược ư? Muốn biết trời, người thì chỉ nay đây người oai nghi trong sạch, ôm bát trì bình là đó. Thiết thân bảo nhậm thì khỏi đọa các nẻo. Thứ nhất là chẳng được vất bỏ Cái Ây. Cái Ây chẳng phải là dễ được. Cần hướng về đỉnh núi chót vót mà đứng, đáy biển mịt mù mà đi! Chỗ ấy không dễ dàng đi đứng mới có chút phần tương ứng.

“Như nay bày ló ra đều là người lăm chuyện, thì làm sao mà tìm cái người si độn kia cho được! Đừng chỉ ghi nhớ lời lẽ trong sách mà làm cái thấy biết của mình, thấy người không hiểu thì sanh ra khinh mạn. Cái đám đó đều là ngoại đạo, xiển đề có ăn nhầm gì cái tâm ấy đâu! Cần miên mật mà xét cho thấu suốt! Có nói như vậy cũng vẫn còn là chuyện bờ mé của tam giới!

“Ở dưới lớp áo thầy tu chớ có bỏ luống qua. Đến trong ấy lại càng té vi nhặt nhiệm! Chớ có rỗi nhàn, cần nên trân trọng!”

Lại như Tô Mục Châu cùng vị giảng sư đang uống trà.

Tô Mục Châu nói: “Tôi cứu ông chẳng được đâu!”

Nhà sư đáp: “Dạ, tôi không hiểu, xin thầy chỉ bày”.

Tô Châu chỉ cái bánh chiên, hỏi: “Đó là cái gì vậy?”

Nhà sư đáp: “Sắc pháp!”

Tô Châu nói: “Cái gã chun vào vạc dầu sôi này! Chẳng kể tại gia hay xuất gia, chỉ là tự gây nghiệp, gồm căn, gồm cảnh mà chẳng được giải thoát!”

Kỳ dị thay lời lẽ của hai Ngài Dược Sơn, Mục Châu!

Kinh: “Lại nữa, Anan, nếu các chúng sanh đó chẳng phá luật nghi, phạm Bồ Tát Giới, hủy báng Niết Bàn của Phật mà chỉ phạm những tạp nghiệp khác thì sau nhiều kiếp bị thiêu đốt, đền hết tội rồi thì chịu những hình quỷ.

“Nếu noi bản nhân do tham vật mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gấp vật thành hình gọi là Quái Quỷ. Do tham sắc mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gấp gió thành hình gọi là Bạt Quỷ. Do tham đối trá mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gấp súc vật thành hình gọi là Mỵ Quỷ. Do tham hận mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gấp sân thành hình, gọi là Cổ Độc Quỷ. Do tham ghi nhớ mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gấp sự suy tàn thành hình, gọi là Lê Quỷ. Do tham ngạo mạn mà gây

nên tội thì khi đèn tội xong, gấp khí thành hình, gọi là Ngã Quý. Do tham lừa gạt mà gây nên tội thì khi đèn tội xong, gấp u uẩn thành hình gọi là Áp Quý. Do tham vạch bày mà làm nên tội thì khi đèn tội xong, gấp tinh hoa thành hình, gọi là Vọng Lượng Quý. Do tham thành tựu mà gây nên tội thì khi đèn tội xong, gấp bóng sáng thành hình, gọi là Dịch Sứ Quý. Do tham bè đảng mà gây nên tội thì khi đèn tội xong, gấp con người thành hình, gọi là Truyền Tống Quý.

“Anan, những người ấy đều do thuần Tình mà đọa lạc, khi lừa nghiệp đốt khô rồi thì lên làm Quý. Các thứ ấy đều do cái nghiệp tự vọng tưởng chiêu dẫn tới; nếu ngộ được Bồ Đề thì trong tánh diệu viên minh, vốn nào đâu có.

Thông rằng: Thuần tình, nghiệp nặng ắt là đọa lạc. Lừa nghiệp thiêu khô, thần thức chẳng mê muội nên lại đói nghiệp mà lạc vào néo Quý. Ai nhiễm thì sanh tình, tình bắt đầu ở tham nên mười tập nhân đều lấy tham mà nói vậy.

Tham vật thì làm Quái Quý, vì lấy chẳng đúng lý. Đời Tân, có Thạch Ngôn, Vật Bằng là đó vậy.

Tham sắc thì là Bạt Quý, gió dâm càn quét làm tiêu tan mây, mưa. Đất Trung Châu gấp hạn hán thì cầu khắp Bạt Quý ở mồ mả, đầu lớn hơn cái đầu.

Tham dối trá thì làm Mỵ Quý, thói quen gian trá chưa quên nên biến hiện dáng dấp đẹp đẽ để lừa người.

Tham hận thì làm Cổ Độc Quý, kết oán hòn nơi ý nên chịu làm loài rắn độc để phun nọc độc. Ở Vân Nam, Quý Chân có nhiều, chỉ có điều là theo ý người.

Tham ghi nhớ thì làm Lệ Quý, giận hòn chảng bỏ, khắc sâu vào cốt tủy, luôn luôn chờ người suy vi mà báo thù.

Tham ngạo mạn thì làm Ngạ Quý, trong không có đúc, bụng rỗng mà lòng công cao, áy là trước tự khinh đối lấy mình vậy.

Tham lừa gạt thì làm Áp Quý, thói quen dối trá lừa người, giống như dối gạt người ngủ say.

Tham vạch tội chỉ trích thì làm Vọng Lượng Quý, mỗi chấp lấy tà kiến của mình, làm yêu tinh ở núi, đầm, giống như ngũ hành hóa thành yêu quái.

Tham thành tựu thì làm Dịch Sử Quý, thói quen lao tâm uổng phí, để thành lối cho người, cứ mãi miết không thôi.

Tham bè đảng thì làm Truyền Tống Quý, thói quen kiện tụng úp mở, đưa lời chuyền lẽ, quả báo ở loài Quý mà còn nương nơi người để báo đền họa phước.

Mọi thứ này đều là nghiệp báo tự mình chuốc lấy. Như ngộ được Bồ Đề thì giống như mộng bỗng tỉnh, đâu có lời nói mớ, nên nói là “*Vốn không có gì*”.

Có nhà sư hỏi thiền sư Linh Ân Phật Hải: “Xưa, có một ông Tú Tài làm xong bài luận *Không có Quý* thì có một con Quý quát rằng: “Còn ta thì sao?” Ý ra làm sao?”

Ngài lấy tay gãi trán, nói: “Đâu giống!”

Nhà sư hỏi: “Còn như Ngũ Tô lấy tay làm mỏ chim Bột Cưu mà kêu: “Cúc cu cu!” lại là thế nào?”

Ngài nói: “Tự đốc xuất đây. Tuy vậy chẳng đặng cứ một bè”.

Xưa, thị giả Hữu Ngộ thấy chõ ném củi cháy tàn, có sự tinh ngộ, bèn đến phương trượng báo chõ tò ngộ với Lặc Đàm Thâm thiền sư.

Tô hét đuổi ra.

Hữu Ngộ vì thế thất chí, tự đến nhà cầu của Tô Diên Thọ Đường, sau đó không ra nữa.

Đại chúng lấy làm lạ.

Thiền sư Trạm Đường Chuẩn nghe được, một mình đến nhà cầu, vừa mới cởi áo thì Hữu Ngộ liền đưa nước sạch đến.

Tô Chuẩn nói: “Chờ ta cởi áo đã!”

Cởi áo xong, Hữu Ngộ lại đến, chốc lát lại dâng cây chùi đít.

Tô Chuẩn rửa sạch xong, kêu đem thùng nước đi. Hữu Ngộ vừa cầm lấy, Tô Chuẩn nắm lấy tay, nói: “Ông là Ngộ thị giả đây ư?”

Đáp rằng: “Đạ, phải”.

Tô Chuẩn nói: “Có phải là khi ở liêu tri khách, ông thấy khươi củi đỏ mà có chõ ngộ đây không? Chuyện tham thiền

học Đạo chỉ cốt yếu là biết chõ an trụ của bốn mệnh nguyên thần. Ông gượng ép làm vậy thì khó thành tựu. Khi ông ở tàng điện, dời giày của vị Thủ Tọa, há chẳng phải là sự ngộ đắc ngay khi ấy ư? Do đâu mà không biết chõ an trụ ấy? Lại ở trong cái ấy mà làm phiền rối đại chúng!”

Tổ Chuẩn xô mạnh, tan tác như vách đố. Từ đó không còn thấy nữa. Chỗ tay Ngài nắm nỗi lằn, hơn nửa tháng mới hết.

Đây là chưa vào địa ngục mà làm Quỷ, vốn không có cái nhân địa ngục nên địa ngục chẳng nhận! Được thứ đại cam lồ đây mà uống thì liền vãng sanh tùy ý nguyện. Như Tổ Trạm Đường Chuẩn thì không chỉ biết tình trạng của quỷ thần mà lại còn có thể vì chúng quỷ mà thuyết pháp cho nữa.

Kinh: “Lại nữa, Anan, nghiệp quỷ đã hết thì hai thứ tình và tưởng đều không, mới ở thế gian cùng người nợ cũ oán đối gắp nhau, thân làm súc sanh, để trả nợ xưa.

“Loài Quái Quỷ thì khi vật tiêu tan, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm chim Curu. Loài Bạt Quỷ thì khi gió tiêu tan, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài báo điềm kỳ dị. Loài Mỵ Quỷ thì khi súc chết, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chồn, cáo. Loài Cổ Quỷ thì khi sâu bọ diệt, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài có độc. Loài Lệ Quỷ thì khi sự suy dứt, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun. Loài Ngạ Quỷ thì khi khí tiêu, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài bị ăn thịt. Loài Áp Quỷ thì khi u uẩn tiêu, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cung cấp đồ mặc. Loài

Vọng Lượng Quý thì khi tinh hoa tiêu, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm chim mùa. Loài Dịch Sứ Quý thì khi bóng sáng diệt, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài báo điềm lành. Loài Truyền Tống Quý thì khi người chết, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài thuần hóa.

“Anan, các loài ấy đều do lửa nghiệp đốt xong, sanh làm súc vật để trả nợ cũ. Hết thảy cũng đều tự hư vọng chiêu dẫn lấy nghiệp mà ra. Nhưng ngộ Bồ Đề thì các vọng duyên ấy vốn không chỗ có!

Thông rằng: Tình, tưởng đã không, đàng ra không còn chỗ vướng mắc, vượt ngoài sự vật, nhưng chẳng khỏi làm súc vật vì trả nợ cũ vậy. Đây là chỗ nói “*Rõ, liền nghiệp chướng bốn lai không; chưa rõ, bèn đèn xong nợ cũ*”.

Bởi do lửa nghiệp thiêu khô nén tình, tưởng tạm thời chẳng sanh. Giống như người vác nặng đi xa, khí lực kiệt quệ nên muôn mối lo nghĩ đều không, cái ấy chưa thật là Không vậy.

Chim Cưu nương cục đất cho là con, chẳng lìa nơi Quái, đều do tham vật mà ra. Loài báo điềm xấu như chim Thương Dương báo về thủy tai, con Hạt Vũ báo về hạn hán. Bạt Quý quạt gió dâm cũng là thú không lành, nên làm loài báo điềm xấu. Mỵ Quý thường nương chồn, cáo nên làm chồn, chồn nhiều xảo trá vì thói quen còn sót vậy. Cổ Quý nhóm tụ nhiều trùng độc mà ra, nên làm loài có độc, sự oán độc sâu xa nên nhiều lần biến đổi mà chẳng quên. Lệ Quý dựa tai, nương họa, vào trong thân người chuyển làm loài giun sán nương tựa

trong thân, là sự sót lại của sân hận vậy. Ngã Quỷ thì chịu đói, chuyển làm loài bị ăn thịt đó là do thói quen ngao vật kiêu mạn, nên làm cái cho người nhai. Áp Quỷ nương tựa người, nên sanh làm trâu, ngựa hay tằm kén để người may mặc, rốt cuộc biểu lộ sự lừa dối tai mắt vậy. Vọng Lượng Quỷ là do thói vạch lối hòa với khí ở núi, đầm thì sanh làm loài chim mùa, như chim Xá Yến, Hàm Hồng, ứng với thời tiết bốn mùa, mỗi thứ cũng có cái sở kiến riêng vậy. Dịch Sứ Quý có sao làm loài báo điềm lành? Ấy là do ban đầu ĐIÊN ĐẢO thị phi, cái tâm thị phi chẳng phải là không sáng soi, nên khi tình chấp, hư dối hết thì tâm chân thật sanh. Nay làm loài báo điềm lành bởi vì chấm dứt sự nhọc nhầm bị sai sử vậy. Truyền TỐNG QUỶ vì sao phần nhiều làm loài thuần hóa? Vì trước nương người nên thường thuận theo người, nay quả báo có trí khôn, có thể nuôi dạy, ấy cũng là cái tâm tranh cạnh mà cam chịu nghe lời vậy.

Các thú vọng duyên này do vọng kiến sanh. Như ngộ BỒ ĐỀ, như mắt không nhầm thì đâu có bóng lòa, nên nói rằng “*Vốn không chỗ có*”.

TÔ HUYỀN SA thương đương: “Ông đã có cái chỗ xuất thân rõ ràng hiện giờ kỳ đặc như thế, sao chẳng phát minh lấy? Vì đâu lại theo phía khác để hướng trong miếng thân ngũ uẩn, trong chốn néo Quỷ làm kế sanh nhai? Ngay đây mà tự lừa dối rồi đó! Bỗng nhiên QUỶ VÔ THƯỜNG giết hại đến đây thì với cái mắt mũi lừa dối, thân kiến, mạng kiến làm sao đảm đương cho nổi. Khác nào đang sống mà đòi thoát khỏi mu rùa, khổ thay!

“Này các nhân giả! Chớ có nắm giữ cái kiến giải ngủ gật đó, dẹp bỏ ngay đi! Chưa chịu hiểu thì đâu lông trùm phủ đó, ông có biết không? Ba cõi không yên, giống như nhà lửa, và chăng ông chưa phải là người đã an lạc, chỉ rặt ròng gây nhóm, tạo bầy, liên can đến đời người khác, bay đi mé này, mé kia, khác nào nai hoang chỉ tìm ăn mặc. Nếu như vậy là tranh giành vương đạo của người khác, biết chăng?

“Quốc Vương, đại thần chăng bó buộc ông; cha mẹ để cho ông xuất gia; mười phương thí chủ cúng dường các ông cõm áo; Thổ Địa, Long Thần la mắng, giữ gìn ông. Vậy cần đủ hổ thiện, biết ơn mới được. Chớ cô phụ lòng tốt của người, cứ mãi xếp hàng trên sàng, bám níu, rục rã mà cho là an lạc. Chưa ở trong đó thì đều là hạng được nuôi cõm cháo để tương tự như trái bầu lông chín héo.

“Thay đổi đi! Chôn xuống đất đi thôi! Nghiệp thức mang mang, không gốc gác để nương nhờ. Sa Môn mà do sao đến nỗi thế này? Chỉ giống như sâu bọ loi nhoi trên đất, tôi gọi là đời ở địa ngục!

“Như nay mà chăng rõ, mai kia mốt nọ vào trong thai lửa, bụng ngựa, xỏ mũi kéo cày, mang yên đóng hàm, cõi đâm chày già, nước lửa nấu thiêu, không dễ gì chịu nỗi, phải biết khủng khiếp. Ấy là tự ông làm lụy, biết chăng?

“Như rõ được ấy, thì liền đây vĩnh viễn chăng nói với mấy ông có các chuyện ấy. Còn không rõ cái ấy thì nhân duyên phiền não, ác nghiệp chăng phải một hai kiếp là hết đâu, mà

còn sống thọ như thế kim cương của chính các ông, biết
chăng?”

Tổ Huyền Sa đại từ bi, chẳng tiếc khô miệng, đủ để làm vị
lương được cứu trị đời mạt pháp, đáng để cho người ta chép
mà để bên phải chõ ngòi vậy.

Ngài Mật Sư Bá đang cùng đi với Tổ Động Sơn, thấy con
thỏ trắng chạy qua trước mặt.

Ngài Mật nói: “Giỏi thay!”

Tổ Sơn rằng: “Là sao?”

Ngài Mật: “Giống như thường dân mà được bái tướng
(57)”.

Tổ Sơn: “Bậc già cả mà nói lời lẽ ấy!”

Ngài Mật: “Thế ông thì sao?”

Tổ Sơn: “Lâu đời quý phái, tạm thời bơ vơ”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Sức bằng sương tuyết
Nhẹ bước núi mây
Hạ Huệ bỏ nước
Tương Như qua cầu
Túc (59), Tào (60), mưu lược nên nhà Hán
Sào (61), Hứa (62) thân tâm muốn tránh Nghiêu
Vinh nhục bỏ rồi, thêm tự tín
Chân tình theo dấu lão ngư, tiều”.*

Đại đế, chõ thấy của Ngài Mật là cần phải mượn sự tích lũy tu hành. Chõ thấy của Tổ Động Sơn là riêng bày tỏ chõ bốn lai tôn quý. Người xưa ngay nơi vật mà minh tâm, thường thường như thế.

Lại như Tổ Tuyết Phong đang cùng đi với Ngài Tam Thánh, thấy một bầy khỉ.

Tổ Phong nói: “Bầy khỉ này, mỗi con đều là bè trái của một mặt gương xưa!”

Ngài Thánh nói: “Bao kiếp vô minh, sao cho đó rõ ràng là gương xưa?”

Tổ Phong nói: “Tỳ vết sanh ra rồi vậy”.

Ngài Thánh: “Thiện tri thức của một ngàn năm trăm người mà cái thoại đâu cũng không biết”.

Tổ Phong: “Việc trụ trì của lão tăng này phức tạp lắm!”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Ngay khi ấy mà thấy Tuyết Phong nói: “Tỳ vết sanh ra rồi” thì hãy đến gần trước mặt mà nói: “Dạ, dạ”. Hãy nói có sao như thế? Tranh thì chẳng đủ, nhường thì có dư!”

Xem đây thì biết cơ dụng của nhà Thiền, há lấy chuyện mạnh yếu mà luận sự hơn thua ư?

Kinh: “Như lời ông nói, nhóm Bảo Liên Hương, Lưu Ly Vương và Tỳ Kheo Thiện Tinh đều vốn tự mình bày đặt ra nghiệp dữ. Nghiệp ấy chẳng từ trời rơi xuống, cũng chẳng từ đất chui lên, mà cũng chẳng phải do ai trao tặng. Chính là tự

hư vọng rước lấy rồi tự lãnh nhận. Trong Tâm Bồ Đề chúng đều là hư huyễn vọng tưởng ngưng kết.

“Lại nữa, Anan, các súc sanh ấy đều trả nợ trước mà nếu trong lúc trả nợ, trả quá nợ cũ thì những chúng sanh ấy trở lại làm người đòi lại chồ dư. Nếu bên kia có sức lại có cả phúc đức thì ở trong loài người không rời bỏ thân người mà hoàn lại chồ thura đó, còn nếu không có phúc đức thì phải làm súc sanh để đền lại chồ thura.

“Anan, ông nên biết, nếu dùng tiền của hoặc sức người ta thì đền đủ là xong, còn như trong ấy có giết thân mạng, hoặc ăn thịt, như vậy trải qua nhiều kiếp ăn nhau, giết nhau, giống như bánh xe quay hoài, chồ cao thấp thay đổi nhau liên hồi không nghỉ. Trừ pháp Xa Ma Tha hoặc gấp Phật ra đời chư chẳng thể nào thôi nghỉ được.

Thông rằng: Lưu Ly Vương phạm tội giết hại, Đức Thế Tôn bảo rằng sau bảy ngày sẽ chịu lửa đốt mà vào ngục Vô Gián, ông bèn trốn trên nước, lửa từ trong nước bốc lên mà cháy tiêu. Đây là quả báo của lửa sân.

Tỳ kheo ni Bảo Liên Hương phạm dâm, nơi nữ căn bèn sanh ngọn lửa lớn, sau đó mỗi cốt thể đều bị thiêu cháy. Đây là quả báo của lửa dục.

Tỳ kheo Thiện Tinh phạm đại vọng ngữ, tuy có thể nói mười hai bộ kinh, được bốn thiền quả nhưng bác bỏ nhân quả, nói rằng Lưu Ly Vương giết hại giòng Cù Đàm mà chắc không có quả báo. Ấy là quá sức bất nhân nên ngay thân đang sống mà đọa vào địa ngục A Tỳ. Đó là chẳng từ trời rơi xuống,

cũng chẳng từ đất chui lên, hay người đem cho, mà do tự hụt hụt rước lấy vậy. Trong tâm Bồ Đề, xưa nay vô sự. Chỉ vì vọng tưởng ngưng kết, ngưng kết mà chẳng chuyển hóa, đó là cái nhân chịu nghiệp. Mười phần ngưng kết thì chịu mười phần quả báo, càng giảm thì càng nhẹ đi. Xuống đến làm súc vật để trả đền nợ trước, trả quá số nợ lại đòi chõ dù. Nếu ăn nhau chưa xong thì rốt cuộc không có kỳ ra khỏi, trừ phi tự có định lực Xa Ma Tha, thoảng thấy mặt mũi Bồ Đề, thì sự ngưng kết đó mới hóa tiêu. Lại được gặp Phật ra đời, phát minh đại sự, át nghiệp chưa trũ phải tự tiêu tan. Chẳng như thế thì xoay vần mãi nơi ba cõi không hề ngưng nghỉ.

Kinh Kim Cang nói “Nếu bị người khinh khi thì với các nghiệp đời trước, người đó đáng lẽ đọa vào đường ác mà nay bị người khinh khi nên các tội nghiệp đời trước át bị tiêu diệt”.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Minh châu nỡ tay
 Có công thì thưởng!
 Hán, Hồ chẳng đến
 Trọn không tài nghè!
 Tài khéo đã không
 Ba Tuần hết lối
 Cù Đàm, Cù Đàm!
 Biết ta không nhỉ?”*

Ngài lại nói: “Khám phá rồi vậy”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“Mắc mưu công tội
 Dính liền nhân quả
 Ngoài gương, điên chạy Diễn Nhã Đa
 Đầu trương đánh tan ông bếp rót (63)
 Bếp rót tan, đến chúc nhau
 Lại nói trước đây cô phụ tá!”.

Bài tụng trước là “*Bị người khinh tiễn, ít kẻ biết ta*”.

Bài tụng sau là “*Tội nghiệp tiêu trừ, cốt là Đốn Ngộ*”.
 Công phu tu tập cũng chẳng quý vây.

Hãy theo bài kệ của Ngài Phó Đại Sĩ mà điểm hóa ra.

Tụng rằng:

“*Thân trước có báo chướng*
Ngày nay thọ trì kinh
Tạm bị người khinh rẻ
Chuyển nặng thành ra nhẹ
Rõ được Y Tha Khởi
Liền trừ Biến Kế Chấp
Thường y Bát Nhã quán
Chỗ nào chẳng Viên Thành?”

Có nhà sư hỏi Tô Vân Cư: Kinh giáo có nói: “*Với tội nghiệp đời trước lẽ ra người ấy phải đọa vào đường ác, nay đời này bị người khinh khi nên tội nghiệp đời trước được tiêu diệt. Ý này là sao?*”

Tô Vân Cư nói: “*Động thì phải đọa đường ác, tĩnh thì bị người khinh khi*”.

Tổ Sùng Thọ Trì nói: “Ngoài tâm có pháp, phải đọa đường ác. Trụ giữ tự kỷ, bị người khinh khi”.

Các vị Tôn Túc đều khéo chuyển kinh thay! Ý chỉ cùng đoạn này đồng, nên trích ra cho đủ.

Kinh: “Nay ông nên biết, loài chim cừu kia, trả nợ đủ thì trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng ngoan cố. Giống cừu trung kia, trả nợ đủ thì trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng quái dị. Loài chồn kia trả nợ đủ thì trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng ngu dại. Những loài có độc kia, trả nợ đủ thì trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng nham hiểm. Những loài giun kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng hèn nhát. Những loại bị ăn thịt kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng nhu nhược. Những loài cung cấp đồ mặc kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng lao nhọc. Những loài chim mùa kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng văn hoa. Những loài đem điềm lành kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng thông minh. Những loài thuần hóa phải trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng thông đạt.

“Anan, các chúng sanh đó đều do trả hết nợ cũ, trở lại hình của cõi người đều do từ vô thủy đến nay điên đảo mà gây nghiệp, sanh sát lẫn nhau, chẳng gặp Như Lai, chẳng nghe chánh pháp, ở trong trần lao cứ vậy mà xoay vần. Chúng ấy gọi là đáng thương xót vậy.

Thông rằng: Chúng sanh không nghe chánh pháp thì đều gọi là ăn giết lẫn nhau, số phận hắn nhiên là thế. Không chỉ nghĩ đến chuyện Tào Tháo gạt người cô quả, xem như thịt dọn trên bàn; về sau bị Tư Mã Ý trả báo, như cầm giấy nợ xét đòi, tơ hào chẳng sai lọt. Mượn người một con trâu thì trả lại người một con ngựa, trong chỗ u vi há cho kẻ ác chung thân đắc chí mà khỏi đền nợ sao? Bởi thế, oán đối gặp nhau thìắt phải trả đền. Trả hết thì trở lại hình người mà thói quen còn sót chưa chuyển hóa nêu hạng mê muội, ngu si thì nhiều mà hạng thông minh sáng suốt thì ít, tham hợp tùy hạng loại.

Loài chim cưu hắn làm hạng ngoan cố, vì tham vật, nương hòn đất mà ăn nhau, suốt đời ngu ngoan bất nghĩa. Loài báo điềm dữ hắn làm hạng quái dị, vì thói quen dâm bôn, phóng đảng, tập quán còn sót nên làm hạng yêu dị vậy. Loài cáo, chồn hắn làm hạng ngu hèn, tráo trở, không có trí, chưa có kiến thức cao siêu. Loài có độc hắn làm hạng nham hiểm, oán hận có dư, nên truyền độc chẳng cùng. Loài giun sâm hận cớ sao làm hạng hèn nhát, vì khí giận tiêu tan mất hết vậy. Loài bị ăn thịt kiêu mạn cớ sao làm hạng nhu nhược, bởi vì đã làm cao thì bị hạ thấp vậy. Loài cung cấp đồ mặc cớ sao làm hạng lao nhọc, bởi vì uổng phí tâm thần nhọc mệt không ngớt vậy. Loài chim mùa kiến chấp cớ sao làm hạng văn hoa, vì theo khí hậu mùa màng mà có vẻ đẹp đẽ vậy. Loài báo điềm lành mà hợp vào hạng thông minh, bởi vì cong vạy hết thì trở lại ngay thẳng, nên tánh linh chẳng u ám. Loài thuần hóa mà hợp vào hạng thông đạt vì kiện tụng phân biệt họa phước nên thông đạt không vướng mắc.

Nói rằng *tham hợp* là tham hợp với cội nguồn, theo nẻo người mà sanh vậy. Các loài ấy theo nẻo người sanh ra: Tình, tưởng tuy ngang nhau mà chẳng phải không có thông minh ngu muội. Nay từ trong ba nẻo Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh mà ra, thì hợp với cái tình u mê có đến tám phần mười, tham dự với cái tưởng là hai phần mười.

Vị tăng Thiên Trúc là Ngài Kỳ Vực, đời Tấn Huệ Vương vào đất Lạc Dương, các vị Tỳ Kheo làm lễ, Ngài ngồi ngay thẳng mà nhận, rồi chỉ nhà sư tên Pháp Uyên, nói rằng: “Xứ này cả vạn vị tăng, nhưng vị Bồ Tát này từ loài dê đến”.

Ngài lại chỉ nhà sư người Thiên Trúc tên Pháp Hưng mà nói: “Vị Bồ Tát này từ cõi Trời đến”.

Ngài nhìn ra xa, thấy lâu đài, nói rằng: “Cũng giống như trời Đao Lợi, nhưng chốn kia do đạo lực mà đến, còn cõi này là do sức tịnh nghiệp của chúng sanh thành tựu”.

Ngài bảo với vị Sa Môn tên là Kỳ Xà Mật: “Người làm cung điện này từ cõi trời Đao Lợi xuống, thành việc rồi thì về trời. Dưới mái ngói, trên rường nhà, hẳn có đồ nghè!”.

Tìm ở đó quả thật có một ngàn năm trăm món đồ.

Ngài Kỳ Vực biết người thợ cả là từ cõi trời đến thì bảo Pháp Hưng là từ trời xuống, Pháp Uyên từ loài dê đến ắt hẳn không làm.

Nhà sư Đàm Dực, hông có lông chim Trī, nên tên là Dực (64), nhân nghe kinh Pháp Hoa mà được độ thoát.

Lại có cô họ Vương tên Trī nghe kinh Pháp Hoa gần nửa bộ mà được độ thoát. Điều là từ loài chim Trī mà đến. Trī là loài văn minh, sanh trong nhân đạo, bèn có thể chứng quả.

IV. KHÔNG TU THEO CHÁNH GIÁC: THÀNH CÁC THÚ TIÊN

Kinh: “Anan, lại có chúng sanh từ loài người, không nương theo chánh giác tu pháp Tam Ma Đề, mà riêng tu vọng niệm tồn giữ tư tưởng, cung cố hình hài, đi vào rừng núi, người chẳng đến được, thành mười loại Tiên.

“Anan, các chúng sanh kia bền gắng dùng đồ bỏ không ngừng nghỉ, khi đạo ăn được thành tựu, gọi là Địa Hành Tiên.

“Bền gắng dùng cỏ cây không ngừng nghỉ, khi đạo thuốc được thành tựu, gọi là Phi Hành Tiên.

“Bền gắng dùng kim thạch không ngừng nghỉ, khi đạo hóa chất được thành tựu, gọi là Du Hành Tiên.

“Bền gắng làm những động tác không ngừng nghỉ, khi đạo khí tinh được thành tựu, gọi là Không Hành Tiên.

“Bền gắng luyện nước bọt không ngừng nghỉ, khi nhuận đức đã thành tựu, gọi là Thiên Hành Tiên.

“Bền gắng hấp thụ tinh hoa không ngừng nghỉ, khi hấp thụ tinh túy thành tựu, gọi là Thông Hành Tiên.

“Bền gắng làm chú thuật không ngừng nghỉ, khi thuật pháp được thành tựu, gọi là Đạo Hành Tiên.

“Bền gắng chuyên chú tâm niệm không ngừng nghỉ, khi chuyên niệm được thành tựu, gọi là Chiếu Hành Tiên.

“Bèn gắng về thủy hỏa giao cấu không ngừng nghỉ, khi cảm ứng được thành tựu, gọi là Tinh Hành Tiên.

“Bèn gắng tập luyện biến hóa không ngừng nghỉ, khi tinh giác được thành tựu, gọi là Tuyệt Hành Tiên.

“Anan, những người này đều ở trong loài người mà luyện tâm, chẳng tu theo chánh giác, chỉ riêng được sanh lý, thọ ngàn vạn năm, nhàn nghỉ trong núi sâu hay trên hoang đảo giữa đại dương, dứt tuyệt với cảnh người. Đó cũng là ở trong vọng tưởng trôi lăn của sự luân hồi. Chẳng tu pháp Tam Muội nên khi quả báo hết thì trở lại tản vào trong sáu nẻo.

Thông rằng: Từ Địa Ngục, Nga Quỷ, Súc Sanh mà đến thì dư nghiệp chưa hết, chỉ tu theo Nhân Đạo là đủ rồi. Lại có hạng từ Nhân Đạo đến thì sáng suốt, không còn dám tập nhiễm ác nghiệp, họ cũng biết chỗ nên tu luyện là cái tâm tánh xưa nay, nhưng chẳng nương theo chánh giác Như Lai mà vào Tam Ma Địa, lại chỉ tu riêng theo vọng niệm, tồn giữ tư tưởng, củng cố hình hài thành ra ngoại đạo. Do đó mà có mười thứ Tiên.

Tiên nghĩa là thay đổi, có thể khiến hình hài thay đổi mà không chết, cho là có Thần Ngã. Thần Ngã là thần thức, đó là chủng tử sanh diệt từ vô thủy đến nay; cho nên dầu có thọ ngàn vạn năm mà khi quả báo hết thì lại tản vào trong sáu nẻo. Chánh giác Như Lai y vào cái bất sanh bất diệt làm nhân địa căn bản, năm ấm đều Không, đốn siêu ba cõi, dù cõi trời Phi Phi Tưởng cũng chẳng trụ huống gì là Tiên ư?

Mười loại Tiên là: Một là, ăn thuốc bổ như thu thạch, hồng nguyên... chỉ có thể sống lâu mà không thể bay nên làm Địa Hành Tiên.

Hai là, ăn tùng bá, phục linh, hoàng tinh, thương truật... lâu ngày thân thể nhẹ nhàng nên có thể phi hành, nên gọi là Phi Hành Tiên

Ba là, luyện kim thạch, diên hồng, chuyển hóa chín lần thành Đan, có thể điểm hóa, đầy nhà bay đi nên làm Du Hành Tiên.

Bốn là, nương theo động tĩnh của Âm Dương, Hùng Kinh, Điều Thân (65) để điều Khí, cố Tinh. Lâu ngày Tinh hóa thành Khí, Khí hóa Thần, Thần hoàn hư, dời thân trên không trung, nên gọi là Không Hành Tiên.

Năm là, nhai nuốt nước miếng, Thủy thăng lên, Hỏa giáng xuống, da dẻ như băng tuyết, mềm mại như trẻ thơ, chẳng có giao hòa với thế dục, không khác gì người trời, nên gọi là Thiên Hành Tiên.

Sáu là, hút nuốt tinh hoa, ăn ráng uống mây, thâu thái tinh hoa nhật nguyệt, âm thầm thông với cái khí tinh túy nên có thể đi suốt qua, xuyên núi, qua đá không bị ngăn ngại. Loài giả mô (66) hút cái tinh hoa của mặt trăng, ở chân mày có cục hột cóc nên ẩn lánh giỏi. Được cái khí ấy còn có thể thông giỏi như thế huống là cái khí tinh hoa của trời đất? Gọi là Thông Hành Tiên.

Bảy là, kiên trì chú thuật, ngưng thần chẳng loạn, chú ấy hồn linh hiển, cũng có thể bay cao. Tây Vực (67) hay truyền chú này, ở trong giếng trì tụng ba năm thì tự có thể bay ra khỏi. Về nơi tự nhiên không thể nghĩ bàn, nên gọi là Đạo Hành Tiên.

Tám là, bền gắng chuyên niệm, âm thầm chầu về Thượng Đế, hoặc để tâm tưởng vào đỉnh môn, buộc tâm nơi rún, chỉ mà hay chiếu, chỉ dùng cái tâm soi chiếu mà chứng quả nên gọi là Chiếu Hành Tiên.

Chín là, phối hiệp Khảm Ly (Thủy Hỏa), Âm Dương giao cấu, trong ấy có tinh mà chẳng phải là phàm tinh. Kia cho rằng thu thái khí Âm để trợ cho Dương, mà tự mất của báu nhà mình là sai lầm. Ở đây cảm ứng một cách tự nhiên, trong khoảnh khảy móng tay liền có thể sanh ra thuốc để thành đan, ấy là khó gấp mà dễ thành vậy, nên gọi là Tinh Hành Tiên.

Mười là, tồn giữ cái tưởng về thế gian thì đều thành ra biến hóa, chỉ chuyên tịch lặng chẳng biến đổi, bèn là một vị thanh tịnh, tâm tĩnh thân khô, hành vi dứt tuyệt thế gian, hơi tương tự như Duyên Giác, Nhị thừa nên nói là Tịnh Giác. Tây Vực phần nhiều tu tập theo lối này, sanh lên cõi trời Phi Phi Tưởng.

Tóm cả lại, đều chẳng ngộ Chánh Giác, đều quy về vọng tưởng mà thôi.

Lữ Nham, tự là Động Tân, người Kinh Xuyên, sống vào cuối nhà Đường, ba lần đi thi không đỗ, ngẫu nhiên ở Trường An gặp Chung Ly Quyền trong quán rượu, được trao cho thuật

trường sanh, thường đạo chơi chùa Quy Tông ở Lư Sơn, viết lên vách lầu chuông rằng:

*“Một ngày thanh nhàn tự tại thân
Lục Thần hòa hiệp, áy bình an
Đan điền có báu, thôi tìm Đạo
Đối cảnh vô tâm, chó hỏi thiền”.*

Sau đó không lâu, dạo qua núi Hoàng Long thấy khí màu tía tỏa thành lợng, nghi có dị nhân, bèn vào ra mắt, gấp lúc Tô Hoàng Long cho đánh trống lên tòa thuyết pháp.

Tô Long thấy, biết là Lữ Động Tân, bèn lớn tiếng rằng: “Cạnh pháp tòa có kẻ trộm pháp”.

Lữ nghiêm nghị bước ra, hỏi rằng: “Trong một hột dẻ chúa thế giới, nồi thịt nấu thăng nấu núi sông”. Hãy nói ý này như thế nào?”

Tô chỉ ra rằng: “Ây là quỷ giữ thây ma”.

Ông Lữ nói: “Nào ngại, trong túi có thuốc trường sanh bất tử!”

Tô Long nói : “Dầu trải tám vạn kiếp, rốt cuộc cũng lạc không vong”.

Ông Lữ coi thường, phóng gươm vào hông, mà kiếm không đụng được, bèn làm lễ xin chỉ dạy.

Tô Long hỏi vặn: “Nồi thịt nấu thăng nấu núi sông, thì chẳng hỏi, như sao là Trong một hột dẻ chúa thế giới?”

Ông Lữ ngay lời nói liền khé hợp, làm bài kệ:

*“Vất quách túi bầu, đập đàn cầm
Như nay hết khoái Hồng Trung Kim (68)
Từ lần gặp được Hoàng Long đó
Mới rõ trước giờ lạc dụng tâm!”.*

Tổ dặn dò gắt giữ gìn nghiêm mật.

Sau, ông ra mắt thiền sư Trí Độ Giác ở Đàm Châu, có nói rằng: “Tôi ngao du Sâm Huyện ở Thiền Châu, hướng Đông xuống đến sông Tương, nay gặp Tổ Giác, thấy Ngài thiền học tinh minh, nguồn tánh thuần khiết, xếp gối tịnh tọa, thu quang nội chiếu, ngoài một cái áo thô không còn áo nào khác, ngoài một bình bát không còn thức gì khác, đến bờ bên kia sanh tử, đập nát vỡ phiền não.

“Nay đây y (69) Phật lặng bất, hè, không truyền. Thiền lý diệu huyền, hè, đâu tuyệt. Giữ gìn hưng vượng, ở thầy tôi chẳng?”

Bèn làm một bài ký rằng:

*“Người đạt, đổi tâm mới cứu đời
Thánh hiền truyền pháp chẳng rời Chân
Thỉnh thầy khai nói Tây lai ý
Đến nay thất tổ vẫn không người”.*

Như Ông Lữ đã nhờ Tổ Hoàng Long chỉ bày, bèn y Chánh Giác tu Tam Ma Địa, không đến nổi làm vị khách của mười hai loại Tiên vậy.

V. CÁC CÕI TRỜI

A. DỤC GIỚI

Kinh: “Anan, các người thế gian chẳng cầu cái thường trụ, chưa thể lìa bỏ được thê thiếp, ân ái, nhưng tâm không buông lung trong tà dâm. Do lắng trong sanh ra sáng suốt, sau khi mạng chung, gần với mặt trời, mặt trăng. Hạng như vậy gọi là Tứ Thiên Vương Thiên.

“Đối với vợ nhà, dâm ái ít ỏi, trong khi tịnh cư chưa được toàn vẹn mùi vị. Sau khi mạng chung, vượt sức sáng của mặt trời, mặt trăng, ở trên đỉnh của nhân gian. Một hạng như vậy, gọi là Đao Lợi Thiên (Tam Thập Tam Thiên).

“Gặp cảnh dục tạm theo, qua rồi không nghĩ nhớ, ở trong cõi nhân gian động ít tĩnh nhiều. Sau khi mạng chung, an trụ sáng rõ ở trong hư không. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng soi chiếu chẳng bằng. Các người ấy tự có ánh sáng. Một hạng như vậy, gọi là Tu Diệm Ma Thiên (Thời Phân).

“Luôn luôn yên tĩnh, nhưng khi có cảm xúc đến, chưa thể nghịch hẳn. Sau khi mạng chung, bay lên cõi tinh vi, không giao tiếp với các cảnh nhân thiên cõi dưới cho đến thời kiếp hoại, tam tai cũng không đến được. Một hạng như vậy gọi là Đâu Suất Đà Thiên (Tri Túc).

“Chính mình không có lòng dâm, đáp ứng với người mà hành sự, trong lúc phô diễn vô vị như sáp. Sau khi mạng chung, sanh vượt vào cõi biến hóa. Một hạng như vậy, gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.

“Không có tâm thế gian, chỉ đồng theo thế gian mà hành sự, trong khi làm việc ấy, suốt thông siêu việt. Sau khi mạng chung, vượt trên tất cả cảnh biến hóa và không biến hóa. Một hạng như vậy, gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.

“Anan, sáu cõi trời như vậy thì hình thức tuy ra khỏi Động, nhưng tâm tính còn dính mắc. Từ các cõi ấy trở xuống gọi là Dục Giới.

Thông rằng: Cõi trời Tứ Thiên Vương ở nửa chừng núi Tu Di, nhô lên khỏi biển bốn vạn do tuần. Mặt trời, mặt trăng mọc ở trước cung, xoay quanh chiếu bốn cõi thiên hạ, trên tới cõi trời Đao Lợi. Lên bốn vạn do tuần là đỉnh núi Tu Di, bốn góc, mỗi góc có tám cõi trời, gồm ba mươi hai cõi trời, do Đề Thích làm chủ tể. Hai cõi trời này gọi là Địa Cư Thiên. Bốn cõi trên gọi là Không Cư Thiên, chẳng cần mặt trời, mặt trăng mà vẫn thường sáng, do hoa sen nở khép mà phân ngày đêm, nên gọi là Thời Phân. Do phước đức cảm ứng mà sanh lên cõi Đâu Suất, gọi là Tri Túc hay là Hỉ Túc, hoặc là Diệu Túc. Sanh lên cõi trời này, thì sau bảy ngày, Đức Di Lặc phóng quang mưa hoa, dẫn vào điện Tiếu Ma Ni của Ngoại Viện, thuyết pháp cho để phát khởi sức tinh tấn. Sau đó dẫn cho vào Nội Viện. Ngoài hai Viện, còn có trời Tổng Báo do nghiệp quả hữu lậu mà thành. Người tu thập thiện nghiệp đã sanh lên đó, đây là chỗ Tam Tai có thể hoại diệt được. Còn ở đây nói “*Tam Tai không đến được*” là chỉ chỗ Đức Di Lặc ở, là cung điện do Hậu Đắc Trí của thánh giả biến hóa ra. Từ Tổng Báo Thiên mà mong đến Ngoại Viện thì còn cách xa như tiên và tục, huống gì đến Nội Viện ư? Ngoài chỗ này đều thuộc cảnh giới quả

báo, trên đén cõi trời Lạc Biển Hoá, hễ có cần gì thì tùy theo niệm mà đén, vượt hẳn cõi trời ở dưới, nên gọi là Việt Hóa. Lên đén Tha Hóa Tự Tại Thiên thì các cảnh dục lạc khỏi phải nhọc sức tự biến hóa, mà đều do chõ khác biến hóa ra (tha hóa) mà tự tại dùng.

Sáu cõi này tuy vượt khỏi nhân thế, nhưng chưa thể lìa dục. Luận Câu Xá tụng rằng: “Sáu cõi hưởng dục, ôm nhau, nắm tay, cười, nhìn là dâm”.

Lòng dục càng nhẹ thì quả báo càng lên cao, bởi vì dục ái dẽ đọa lạc vậy. Hễ có dính bám tức là dục. Bởi thế, ngay khi ứng xúc hành sự, suốt thông siêu việt, không một mảy may tưởng vướng mới được tự tại. Đâu chỉ có riêng dâm mà thôi.

Theo Tông Thiên Thai thì nghiệp báo của sáu cõi trước đều lấy Thập Thiện làm gốc. Nếu kiêm thêm tâm hộ pháp là nghiệp Tứ Thiên Vương Thiên. Nếu kiêm thêm lòng Từ hóa độ người, là nghiệp Dao Lợi Thiên. Nếu kiêm thêm lòng chẳng nãy hại chúng sanh, thiện xảo thuần thực, là nghiệp Diệm Ma Thiên. Nếu kiêm thêm thiền định, thô trụ và tέ trụ, là nghiệp Đâu Suất Thiên. Dục Giới Định là nghiệp Biến Hóa Thiên. Vị Đáo Định là nghiệp Tha Hóa Thiên.

Đây đều là chặng cầu Chân Tâm thường trụ, chưa rời nhân quả hữu vi, phước báo tuy khác nhau, nhưng chặng thế nói là Đại Giải Thoát vậy.

Tổ Thứ Hai Mươi Ba là Tôn Giả Hạc Lặc, đi giáo hóa đến miền Trung Ân Độ, Vua nước ấy là Vô Úy Hải sùng tín đạo

Phật. Tố đang thuyết pháp cho vua nghe, bỗng có hai người mặc áo lụa đào, lụa trắng lê lạy Tố.

Vua hỏi: “Ấy là ai vậy?”

Tố nói: “Đó là Thiên Tử Nhật, Nguyệt, xưa tôi đã từng thuyết pháp cho nên đến lê bái”.

Giây lát không thấy nữa, chỉ còn nghe thấy mùi hương dị thường.

Nhà vua hỏi: “Cõi nước Nhật, Nguyệt được bao lớn?”

Tố đáp: “Là thế giới của ngàn Đức Phật Thích Ca hóa độ, mỗi cõi có trăm ức Tu Di mặt trời, mặt trăng. Tôi nói rộng ra thì không thể hết”.

Bồ Tát Thiên Thân từ Nội Viện của Đức Di Lặc xuống.

Bồ Tát Vô Truớc hỏi rằng: “Bốn trăm năm tại nhân gian thì cõi kia chỉ là một ngày đêm. Đức Di Lặc ở trong một thời thành tựu cho năm trăm ức vị Thiên Tử chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, chưa rõ là thuyết pháp gì thế?”

Bồ Tát Thiên Thân nói: “Chỉ là cái Pháp Ấy, chỉ là Phạm âm thanh nhã khiến người vui nghe!”

Như mà tin được “*Chỉ là cái Pháp Ấy*”, ở trên trời, khắp dưới đất vốn không dơ sạch thì thường trụ Chân Tâm, có chỗ nào mà chẳng Giải Thoát ư?

Chú thích q8

- 01 Tạo thành.
- 02 Chuyển đổi, từ bỏ.
- 03 Chỗ ở của Ngài Trí Hoàng.
- 04 Người gỗ.
- 05 Hãy trong Không-chỗ-trụ mà sanh tâm.
- 06 Quy, củ: hai khí cụ để đo đạc.
- 07 Trong Thập Tín.
- 08 Đồng Một Chất.
- 09 Đồng Việc Lớn.
- 10 Đồng Tham Khắp.
- 11 Đồng Chí Chân Thật.
- 12 Đồng Trái Khắp.
- 13 Đồng Đầy Đủ.
- 14 Đồng Được Mất.
- 15 Đồng Âm Rồng - Tiếng rồng sư tử.
- 16 Đồng Được Thấu Vào.
- 17 Xá Lợi Phất.
- 18 Đến Bờ Kia
- 19 Đại Huệ.
- 20 Tại triền.
- 21 Xuất triền.
- 22 Sơ Tổ Thiên Thai tông.
- 23 Giáo pháp dạy bằng lời nói.
- 24 Xưa nay không một vật của Ngài Huệ Năng.
- 25 Chí nhất thiết xứ.
- 26 Ngài Ca Diếp.

- 27 Thất xuyên bát huyệt.
- 28 Chim giả bằng ngọc.
- 29 Trói buộc.
- 30 Không có.
- 31 Kim lan.
- 32 Theo chõ có sự vật.
- 33 Cõi Pháp dứt hết sự vật.
- 34 Không có sự vật.
- 35 Nõan: ấm.
- 36 Chõ Phật phân nửa tòa ngồi với Tô Ca Diếp.
- 37 Không dính mắc.
- 38 Không, Giả, Trung.
- 39 Sự do do chấp Pháp.
- 40 Huệ Cháy Sáng.
- 41 Tâm luân hồi.
- 42 Vàng đơn độc.
- 43 Xa.
- 44 Ngoan Không. (OK)
- 45 Phật.
- 46 Đánh bản.
- 47 Càn.
- 48 Diệm.
- 49 Càn.
- 50 Tô Thứ Tư Tông Hoa Nghiêm.
- 51 Cây Dù Trắng Trùm Khắp.
- 52 Biết Khắp.
- 53 Chẳng rõ ràng, chẳng rốt ráo.
- 54 Tên hai con sông.

55 Ba cõi.

56 Quản chung.

57 Lầm lạc.

58 Phong tướng.

59 Lỗ Túc.

60 Tào Tháo.

61 Sào Phủ.

62 Hứa Do.

63 Ông bếp rót túc là Phá Táo Đọa, công án đánh bể bếp lò
ngộ Vô Sanh. Xin đọc ở trước.

64 Cánh chim.

65 Tiếng của Đạo gia.

66 Con chàng hiu.

67 Ân Độ.

68 Hồng trung Kim: theo Tiên Gia, tu luyện để thu lấy tinh
hoa trong thủy ngân

69 Áo

Quyển 9

B. SẮC GIỚI

Kinh: “Anan, tất cả những người tu tâm trong thế gian mà không nhờ Thiền Na thì không có trí huệ. Người có thể giữ cái thân không làm chuyện dâm dục, khi đi khi ngồi đều không tưởng nhớ, ái nhiễm chẳng sanh thì không còn ở trong Dục Giới. Người ấy liền được bản thân làm Phạm Lữ. Một hạng như vậy gọi là Phạm Chúng Thiên.

“Thói quen dâm dục đã trừ, tâm ly dục hiện ra, đối với các luật nghi thì yêu thích tùy thuận. Người ấy liền có thể thực hành Phạm đức. Một hạng như vậy gọi Phạm Phụ Thiên.

“Thân tâm diệu viễn, uy nghi chẳng thiếu, cấm giới trong sạch, lại thêm minh ngộ, người ấy liền có thể thống lãnh Phạm Chúng, làm Đại Phạm Vương. Một hạng như vậy gọi là Đại Phạm Thiên.

“Anan, ba hạng trỗi vượt này, tất cả khổ não không thể bức bách được. Tuy chẳng phải chân chánh tu hành Tam Ma Địa mà trong tâm thanh tịnh các lậu chẳng động, gọi là Sơ Thiên.

“Anan, kế đó hàng Phạm Thiên thống nghiệp Phạm Chúng tròn đầy Phạm hạnh, lóng tâm chẳng động, trong lặng sanh ra ánh sáng. Một hạng như vậy, gọi là Thiếu Quang Thiên.

“Ánh sáng soi nhau, chiếu sáng vô tận, dọi mười phương cõi, khắp hết thành lưu ly. Một hạng như vậy, gọi là Vô Lượng Quang Thiên.

“Vẹn giữ ánh sáng tròn đủ, thành tựu giáo thể, phát ra sự giáo hóa thanh tịnh, ứng dụng không cùng. Một hạng như vậy, gọi là Quang Âm Thiên.

“Anan, ba hạng trỗi vượt này, tất cả lo buồn không thể bức bách được. Tuy không phải chân chánh tu hành Tam Ma Địa, mà trong tâm thanh tịnh các lậu thô đã dẹp xuống, gọi là Nhị Thiên.

“Anan, hạng người trời như vậy, ánh sáng toàn vẹn thì thành âm thanh, mở âm thanh bày lộ sự mầu diệu, phát nên hạnh tinh thuần, tiếp thông với cái vui tịch diệt. Một hạng như vậy, gọi là Thiền Tịnh Thiên.

“Trống rỗng, thanh tịnh hiện tiền, rộng phát không bờ bến, thân tâm khinh an, thành cái vui tịch diệt. Một hạng như vậy, gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên.

“Thân tâm, thế giới tất cả đều vẹn toàn sáng sạch, cái tánh đức trong sạch đã thành tựu, cảnh giới thù thắng hiện tiền, quy về cái vui tịch diệt. Một hạng như vậy, gọi là Biến Tịnh Thiên.

“Anan, ba hạng trỗi vượt này, đầy đủ chỗ tùy thuận bao la, thân tâm an ổn, được cái vui vô lượng. Tuy chẳng phải chân chánh được Tam Ma Địa mà trong tâm an ổn, đầy đủ hoan hỷ, gọi là Tam Thiên.

“Anan, kế đó, những hạng người trời thân tâm không còn bị bức bách, cái nhân khổ đã hết, nhưng cái vui chẳng thường trú, lâu rồi cũng tiêu hoại. Bởi thế, đồng thời bỏ ngay hai cái

tâm khổ, vui. Những tướng thô nặng diệt mất, tánh phúc thanh tịnh sanh ra. Một hạng như vậy, gọi là Phúc Sanh Thiên.

“Tâm xả bỏ viên dung, sự hiểu biết thù thắng càng trong sạch, trong cái Phúc không gì che đậy đó, được sự tùy thuận mầu nhiệm cùng tột vị lai. Một hạng như vậy, gọi là Phúc Ái Thiên.

"Anan, từ cõi trời này có hai đường rẽ: "Nếu ở cái tâm sáng suốt trong sạch vô lượng trước kia mà tu chứng an trú nơi phúc đức tròn sáng, một hạng như vậy gọi là Quảng Quả Thiên.

"Nếu nơi tâm trước kia, nhảm chán cả khổ lẫn vui, lại nghiền ngẫm cái tâm xả bỏ tiếp tục không ngừng, đến cùng tột sự buông bỏ, thân tâm đều diệt, tâm ý dứt ngưng, trải qua năm trăm kiếp. Người đó đã lấy cái sanh diệt làm nhân thì chẳng có thể phát minh cái Tánh không sanh diệt. Nên nửa kiếp đầu diệt, nửa kiếp sau lại sanh. Một hạng như vậy, gọi là Vô Tưởng Thiên.

“Anan, bốn hạng trỗi vượt này, tất cả cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể làm lay động. Tuy chẳng phải địa bất động chân thật của vô vi, mà cái tâm có chỗ đắc thì công dụng thuần thực, gọi là Tứ Thiền.

Thông rằng: Sáu cõi trời Dục Giới ở trước thì hình thức tuy đã ra khỏi động, đã lìa khỏi hai nẻo người và tiên, nhưng dấu vết tâm thức vẫn còn, cái Dục Niệm chưa hoàn toàn hết hẳn, nên chẳng thể nói là Phạm hạnh được. Nếu người tu Phạm hạnh mà chỉ biết giữ giới, tu đạo Thập Thiện, chẳng biết

Thiền Na thì không có trí huệ. Bởi thế nơi các cấm giới, chỉ có dâm là khó dứt trừ. Thêm cái nỗ lực trừ dâm, thì không còn ở Dục Giới, đó là hàng Phạm Chúng. Tâm đã lìa dục thì giới là chân giới, đối với các luật nghi vui thích tùy thuận, đó là Phạm Phụ. Cấm giới thanh tịnh lại thêm minh ngộ, nghĩa là ngộ dục tức là Tánh. Giới mà không chố giới, đó là Đại Phạm. Giới và Định tương ứng, được cả Định lẫn Giới, đã lìa tám thứ khổ của cõi Dục, nên cái tướng thô của khổ não không thể bức bách, gọi là Ly Sanh Hỷ Lạc Địa. Tất cả đều thuộc Sơ Thiền.

Từ đây trở lên, không có ngôn ngữ, chỉ dùng định tâm phát ra ánh sáng. Ánh sáng có mạnh, yếu mà phân ra cao, thấp. Thiếu Quang là ánh sáng còn yếu. Lần lượt phát ra nhiều ánh sáng là Vô Lượng Quang, còn chưa thành âm thanh vậy. Đến khi thành tựu cái giáo thể, khiến cho người thấy ánh sáng thì biết tu đức hạnh trong sạch, tùy theo căn cơ mà được lợi ích, ứng dụng không cùng thì ánh sáng tròn vẹn thành âm thanh đó vậy. Khi cái định này sanh thì cùng với sự hoan hỷ phát ra, gọi là Hỷ Câu Thiền. Những lo buồn vi tế không thể bức bách được, gọi là Định sanh Hỷ Lạc Địa. Đây đều thuộc về Nhị Thiền.

Từ đây trở lên, lìa cái động hoan hỷ trước kia mà sanh ra cái vui thanh tịnh. Cái vui này chẳng phải là cảnh, mà xuất sanh từ Bản Tánh thanh tịnh, tương tự với cái Tịch Diệt là vui. Ban đầu nói là tiếp thông thì sự thanh tịnh còn yếu, còn đã nói là thành tựu thì thân tâm khinh an, hợp với bản tánh nhiệm màu, nhưng chưa đến chố cùng khắp. Duy chỉ thế giới, thân tâm, tất cả toàn vẹn trong sạch, đây là cảnh giới thù thắng hiện

tiền. Nương nơi cảnh giới thù thắng chứ chưa phải thật là tịch diệt hiện tiền. Chỉ tùy thuận theo bản tánh thanh tịnh, quy về cái vui tịch diệt, công đức của cái Định này cùng phát ra với cái vui khắp thân thể, gọi là Lạc Cu Thiền. Tuy là cái động hoan hỷ ở trước mà hoan lạc đầy đủ, gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc Địa. Đây đều thuộc về Tam Thiền.

Cái động hoan hỷ là nhân của khổ bức. Là Hỷ thì cái nhân khổ đã hết, được vui vô lượng. Cái vui này do hữu vi mà có, vui lâu thì cũng phải hoại diệt, hoại diệt thì thành khổ. Bởi thế, khổ vui đều xả bỏ thì tướng thô nặng diệt mất. Niệm xả bỏ thanh tịnh thì tánh phúc thanh tịnh hiện ra. Cái phúc do tịnh đức mà ra nên tam tai không đến được, gọi là Phúc Sanh. Khổ vui đều mất, xả bỏ không chõ xả bỏ, chỉ vui thích tùy thuận tánh phúc không gì che đậy, gọi là Phúc Ái. Điều gọi là Xả Cu Thiền. Từ đây có hai đường rẽ: Nếu nơi ánh sáng vô lượng, thanh tịnh vô lượng, phúc đức tròn sáng mà không sanh khởi dị chấp, không có tâm sanh diệt thì hướng thẳng về Quảng Quả Thiên. Đó là cái quả do phúc thanh tịnh rộng lớn mà cảm ứng vậy. Nếu nơi cái tâm trước kia nhảm chán cả khổ lẫn vui, chuyên nghiền ngẫm cái tâm xả bỏ, thì xả bỏ được cái tâm thô mà vào tâm vi tế. Lại bỏ cái tâm vi tế mà vào cái tâm rất vi tế. Từ cái tâm rất vi tế mà tiếp tục không ngừng cho đến chõ xả bỏ tất cả tâm tướng, tâm ý dứt ngưng. Tướng vọng tướng này gọi là Vô Tướng Định, bèn theo con đường xa hút nghiêng lệch mà sanh cõi trời Vô Tướng. Người đó không rõ bản tánh của vọng tướng là Không, vọng túc là Chơn, nên nhảm chán cái sanh diệt đây mà cầu cái chẳng sanh diệt. Dẫu đến thân tâm

đều diệt cũng chẳng phải là tánh chẳng sanh diệt chân thật vậy. Như cá ép trong nước đá thôi!

Ban đầu, sanh lên cõi trời đó chưa hẳn là vô tưởng, trải qua nửa kiếp mới thật được không có tưởng. Đến khi quả báo sắp hết thì nửa kiếp sau có tưởng mà tâm tướng hiện ra nên kinh nói “Nửa kiếp đầu diệt, nửa kiếp sau sanh”. Trong khoảng bốn trăm chín mươi chín kiếp, một bồ là không có tưởng, do sức Định nắm giữ, tất cả khổ vui không thể lay động. Đây đều là Tứ Thiền.

Ở Sơ Thiền, Nhị Thiền, nói là “Chẳng phải chân chánh tu hành Tam Ma Địa”.

Ở Tam Thiền, thì nói là “Chẳng phải chân chánh được Tam Ma Địa”.

Đến Tứ Thiền, nói là “Chẳng phải Địa Vị Bất Động chân thật của Vô Vi”.

Sơ Thiền thì tu Giới. Nhị Thiền thì tu Định. Từ trong Phạm hạnh thanh tịnh mà tu, tuy không đến nỗi là tà định của quỷ thần, nhưng chẳng phải là từ Tam Ma Địa chân thật mà phát tâm. Đây là chỗ phân biệt giữa hữu vi và vô vi vậy.

Tam Thiền thì có chỗ đắc, đắc nên vui. Có đắc, có vui tức là chẳng phải Tam Ma Địa chân thật. Đây là chỗ phân biệt giữa có đắc và không đắc vậy.

Đến Tứ Thiền thì cái tâm có chỗ đắc cơ hồ xả bỏ hết sạch, có thể gọi là vô vi, nhưng đó là do dụng công thuần thực mà ra chứ chẳng phải là Bất Động Địa chân thật. Nếu là chân Bất

Động Địa thì các thứ khổ không thể đến, đến còn chẳng thể được thì cái gì lay động ư? Nay lại lấy chõ mà các cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể động đến mà cho là Tam Ma Địa, thì Tam Ma Địa đó có thể tu đến nơi vậy. Có thể tu đến nơi thì chẳng phải là chân Tam Ma Địa vậy. Cho nên cái Tam Ma Địa chân thật thì chẳng đủ Trí Huệ Bát Nhã bèn không thể nào biết được. Nay hạng Tứ Thiền tu tâm, chẳng ở trong Thiền Na thì không có trí huệ, nên ở Tam Ma Địa chân thật có chõ chẳng biết vậy.

Hòa Thượng Chân Tịnh khai thị đại chúng rằng: “Ngày này đã qua, mệnh đời cũng theo đó mà dứt giảm, như cá ít nước, thế có vui gì?”

Duy bậc Nhị Thừa thì thiền định tịch diệt là vui, đó là cái vui chân thật. Bồ Tát học Bát Nhã thì pháp hỷ, thiền duyệt là vui, đó là thật vui. Ba đời chư Phật thì Từ, Bi, Hỷ, Xả, bốn Vô Lượng Tâm đó là thật vui.

Thạch Sương Phổ Hội nói rằng: “Ngừng đi, thôi đi! Lạnh lẽo u sâu đi! Đó là cái vui tịch diệt của Nhị Thừa”.

Vân Môn nói rằng: “Nhất Thiết Trí suốt thông không chướng ngại”.

Cầm cây quạt đưa lên, nói: “Thích Ca Lão Trượng đến!”

Đó là cái vui pháp hỷ thiền duyệt.

Đức Sơn đánh, Lâm Té hét, đó là cái vui từ bi, hỷ xả của ba đời chư Phật. Ngoại trừ ba thứ vui đó, chẳng có gì là vui vậy.

Thử nói xem một chung Quy Tông đây, trong ba thứ vui đó hay ngoài ba thứ vui đó?

Chập lâu, nói rằng: “Hôm nay trang chủ bày biện cơm canh, biếu tiền, biếu của. Tham dự rồi, trong tăng đường khắp mời uống trà đi”.

Hét một tiếng.

Lại như thiền sư Nga Hồ Đại Nghĩa được vua Hiến Tông mời vào nội điện luận kinh nghĩa.

Có vị pháp sư hỏi: “Dục Giới không Thiền, Thiền nơi Sắc Giới, thì cõi này nương gì mà lập?”

Ngài nói: “Pháp sư chỉ biết Dục Giới không Thiền, chẳng biết Thiền Giới không dục”.

Hỏi: “Thế nào là Thiền?”

Tổ Nghĩa lấy tay điểm hư không.

Pháp sư không chõ đối đáp.

Nhà Vua nói: “Pháp sư giảng kinh luận vô cùng, thế mà chỉ một điểm ấy, lại chẳng biết là sao?”

Cho nên cái chân Tam Ma Địa thật chẳng dễ biết. Biết thì thoát ngay khỏi ba cõi, kể gì đến bốn cõi thiền ư?

Kinh: “Anan, trong đó lại có năm Bát Hoàn Thiên. Đã diệt hết tập khí chín phẩm Tư Hoặc ở cõi dưới, khổ vui đều mất, bên dưới không còn chõ ở, nên an lập chõ ở nơi chúng đồng phận của tâm xả.

“Anan, khổ vui cả hai đều diệt, tâm tranh đấu chăng còn liên lụy, một hạng như vậy, gọi là Vô Phiền Thiên.

“Thênh thang độc hành, không còn chỗ so đo, một hạng như vậy, gọi là Vô Nhiệt Thiên.

“Khéo thấy mười phương thế giới, tròn vẹn lặng trong, không còn tất cả dơ nhiễm nặng nề của trần cảnh, một hạng như vậy, gọi là Thiện Kiến Thiên.

“Cái thấy trong suốt hiện tiền, trui rèn không ngăn ngại, một hạng như vậy, gọi là Thiện Hiện Thiên.

“Rốt ráo các cơ vi, cùng tột tánh của sắc pháp, thể nhập cõi không bờ bến, một hạng như vậy, gọi Sắc Cứu Cảnh Thiên.

“Anan, những bậc Bất Hoàn Thiên đó, chỉ riêng bốn vị Thiên Vương Tứ Thiên được sự kính nghe, nhưng không thể thấy biết. Như hiện giờ có các thánh, đạo tràng nơi rừng sâu, đồng rộng thế gian đều là chỗ trụ trì của các vị A La Hán, mà người thô thiển của thế gian chăng thể thấy biết.

“Anan, mười tám hạng Trời đó, độc hành không giao thiệp, nhưng chưa hết cái lụy của hình sắc. Từ đây trở lại, gọi là Sắc Giới.

Thông rằng: Năm Bất Hoàn Thiên chăng thọ sanh trở lại ở Dục Giới, tức là bậc Tư Đà Hàm, gọi là Bất Lai nhưng thật không phải Bất Lai vậy. Quả Thứ Ba có thể đoạn trừ tập khí của chín phẩm, chủng tử và hiện hành đều diệt. Ở Dục Giới

không còn nghiệp thọ sanh nên bảo rằng “Dưới không có chỗ ở”.

Năm hạng trời này tức là bậc Tứ Thiên mà cái xả niệm thanh tịnh, nhập vào chỗ vi tế mà lập ra cái tên vậy.

Ở trước, đối với khổ, vui có bõ, có chán thì tâm cùng cảnh còn xung đột, không thể không có phiền não. Nóng nảy, sôi nổi gọi là Phiền. Còn nay khổ vui đều diệt, không còn có cái để xung đột, nên gọi là Vô Phiền Thiên.

Tâm tuy chẳng so đo, nhưng vẫn còn chỗ cho sự so đo, vì chưa nhô hét gốc rễ vậy. Nay tâm cơ không còn đối đãi, nên diệt được ảnh duyên, và sự nóng nảy sanh ra phiền não cũng không còn, nên gọi là Vô Nhiệt Thiên.

Bậc Vô Phiền và Vô Nhiệt này chỉ mới trừ được cái thô thiển ở ngoài chứ chưa hiển bày được cái trong sạch nhiệm màu. Nay cái Thấy nhiệm màu lặng trong tròn vẹn, ngoài chẳng nương theo tràn cảnh mà sanh, trong chẳng nương theo dơ nhiễm thô phù mà có, bèn soi chiếu mười phương thế giới như ngọc lưu ly trong treo, đó gọi là Thiện Kiến Thiên.

Cái thấy trong suốt ở nơi mình có thể trui rèn thành diệu sắc không ngăn ngại. Mười phương thế giới từ nơi ta phát hóa, gọi là Thiện Hiện Thiên.

Cơ là cái vi tế của động. Một cái vi tế đã Không thì tất cả các tế vi Không, tất cả các tế vi Không nên một vi tế Không. Ở đây tột cùng tánh của sắc pháp. Tánh sắc tức Không, tánh Không là Giác. Giác là Tánh của sắc pháp vậy. “Không” sanh

trong Đại Giác, như bọt nước trong biển thì không những cùng tột tánh của sắc, mà sự rốt ráo của tánh không có chỗ đến, thì sắc trong chỗ cứu cánh mới sạch hết vậy.

Kinh Lăng Già nói “Trụ ở cõi trời Sắc Cứu Cánh, lìa các chỗ lỗi làm, nơi ấy thành Chánh Giác”. Lời này có ý vị thay! Nói là Chánh Giác là chẳng trụ nơi sắc, chẳng trụ nơi không. Duy chỉ cõi trời Sắc Cứu Cánh, thì sắc trước đây đã hết, không sau này chưa đến, nên ở đó có thể chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vậy.

Đức Di Lặc nói: “Mười tám chỗ của Sắc Giới là ba cõi trời của Sơ Thiền, là do ban đầu huân tu pháp Thiền Na của thượng phẩm trong Nōan Pháp. Ba cõi trời của Nhị Thiền là do huân tu pháp Thiền Na thứ nhì của thượng phẩm trong Nōan Pháp. Ba cõi trời của Tam Thiền là do huân tu pháp Thiền Na thứ ba của thượng phẩm trong Nōan Pháp. Bốn cõi trời Tứ Thiền là do huân tu pháp Thiền Na thứ tư của thượng phẩm trong Nōan Pháp. Lại có năm chỗ tịnh cư tâm bất cộng của chư Thánh ở, do huân tu pháp Thiền Na thứ tư của thượng phẩm trong Nōan Pháp”.

Cõi trời Bất Hoàn này vì sao từ Tứ Thiền trở xuống không thể thấy biết? Vì, ở các cõi trời phía dưới chỉ tu pháp định hữu lậu của phàm phu, còn cõi trời này tu Thánh nghiệp vô lậu. Thánh phàm cách biệt nên không thể thấy được.

Ngài Văn Cư Ứng kết am ở núi Tam Phong, suốt tuần không đến trai đường.

Tổ Động Sơn hỏi: “Gần đây sao không đến thọ trai?”

Ngài Ứng đáp: “Mỗi ngày tự có thiên thần dâng bữa ăn”.

Tổ Động Sơn nói: “Ta định cho ông là Người Ây, vậy mà còn cái kiến giải thế ư? Chiều đến đây, nhé!”

Buổi chiều Ngài Ứng đến.

Tổ Sơn gọi lớn: “Ứng Xà Lê!”

Ngài Ứng cất tiếng dạ.

Tổ Sơn nói: “Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, đó là cái gì?”

Ngài Ứng về am tịch nhiên an tọa.

Từ đó, thiên thần tìm kiếm mãi chẳng ra. Trải qua ba ngày mới thôi.

Lại như Ngài Thần Tăng Pháp Bổn thường đến thiền viện Tương Châu cùng với một vị tăng an cư kiết hạ.

Ngài thường nói: “Bần đạo trụ trì chùa Trúc Lâm trong núi Tây Sơn đất Tương Châu. Trước chùa có một trụ đá, ngày nào có rảnh xin mời đến thăm”.

Nhà sư nhân qua nơi đó, nhớ lại lời nói ấy, bèn tìm kiếm. Đến một xóm dưới chân núi qua đêm, hỏi vị tăng trong xóm rằng: “Đây cách chùa Trúc Lâm gần xa?”

Vị tăng bèn chỉ mé một ngọn núi ở xa, nói: “Chỗ ấy đó. Các cụ già tương truyền đó là chỗ ở của thánh hiền ngày xưa, nay chỉ còn cái tên thôi vậy”.

Nhà sư sanh nghi, sáng hôm sau đến trong rừng trúc, quả là có một cục đá. Nhớ khi từ giã, Ngài Pháp Bổn có dặn “Chỉ gõ cây trụ, liền thấy được người”.

Bèn dùng cành cây gõ vào trụ vài tiếng. Bỗng mây gió bốn phía nổi lên, trong vài thước chẳng thể nhìn thấy. Chốc lát quang đãng lại thì thấy lâu đài cao ngất, mà mình đang ở ngoài tam môn, còn lưỡng lự thì Ngài Pháp Bổn từ trong bước ra. Trông thấy rất mừng, hỏi han chuyện cũ ở Nam Trung, rồi dẫn nhà sư qua các cửa, lên trên điện bí mật ra mắt Tôn Túc.

Vị này hỏi lý do, thì Ngài Pháp Bổn nói: “Năm ngoái cùng qua Hạ ở Tương Châu, hẹn thăm nhau ở chốn này”.

Vị Tôn Túc nói: “Sau khi dùng bữa, nên mời ra về. Ở đây không có tòa vị”.

Ăn xong, Ngài Pháp Bổn tiễn đến tam môn từ giã.

Rồi thì trời đất tối tăm, chẳng biết đâu mà đi, lại thấy mình ở bên trụ đá.

Vậy là đạo tràng của bậc thánh đều là các bậc A La Hán trụ trì, nên người đời không thể trộm thấy. Huống lại nghi về các cõi trời Bát Hoàn ư? Tuy chẳng thể thấy, nhưng còn có sắc chất, nên đều gọi là Sắc Giới.

C. VÔ SẮC GIỚI

Kinh: “Lại nữa, Anan, từ chỗ cao tột của Sắc Giới này lại có hai đường rẽ.

“Nếu nơi tâm xả bỏ, phát minh được trí huệ, ánh sáng trí huệ viên thông, thì ra khỏi cõi trần, thành vị A La Hán, vào Bồ Tát Thùa. Một hạng như vậy, gọi là Hồi Tâm Đại A La Hán.

“Nếu nơi tâm xả bỏ, thành tựu sự chán bỏ, biết thân là ngăn ngại, trên cái ngăn ngại ấy vào cái Không. Một hạng như vậy, gọi là Không Xứ.

“Các ngăn ngại đã tiêu, nhưng cái vô ngại không diệt, trong đó còn lưu lại thức A Lại Da nguyên vẹn và nửa phần vi tế của thức Mạt Na. Một hạng như vậy, gọi là Thức Xứ.

“Sắc, Không đã hết, cái thức tâm diệt xong, mười phương vắng lặng, tuyệt không qua lại. Một hạng như vậy, gọi là Vô Sở Hữu Xứ.

“Thức tánh bất động, do nghiên cùng cái diệt, trong nơi vô tận, bày ra cái tánh dứt hết, như còn mà chẳng còn, như hết mà chẳng hết. Một hạng như vậy, gọi là Phi Tưởng, Phi Phi Tưởng Xứ.

“Những hạng đó nghiên cùng cái Không, mà chẳng tột hết lý Không. Từ Bất Hoàn Thiên, thì cái thánh đạo đã đến giới hạn tột cùng. Một hạng như vậy, gọi là Bất Hồi Tâm Độn A La Hán.

“Nếu từ cõi trời Vô Tưởng của các ngoại đạo, nghiên cùng cái Không mà chẳng quay lại, mê làm không nghe chánh pháp thì sẽ vào luân hồi.

“Anan, trên các cõi trời đó, mỗi người trời là những phàm phu theo sự báo đáp của nghiệp quả. Quả hết thì rơi vào luân

hồi. Thiên Vương của các cõi ấy tức là Bồ Tát, đạo qua Tam Ma Đề mà lần lượt tăng tiến trên đường hướng về Phật Đạo.

“Anan, các cõi trời Tứ Không đó, thân tâm diệt hết, cái tánh định hiện tiền, không có sắc pháp của nghiệp quả. Từ đó đến cuối cùng, gọi là Vô Sắc Giới.

“Những hạng đó đều chẳng rõ tánh Diệu Giác Minh Tâm, chưa nhóm vọng tưởng mà phát sanh, vọng có ra ba cõi. Ở trong đó, hư vọng theo bảy nẻo chìm đắm, mỗi một chúng sanh theo loại của mình.

Thông rằng: Bốn cõi trời Vô Sắc là chỗ ở của bậc định tính Thanh Văn. Nếu hồi tâm, tức là hồi Trí hướng Bi, cứu giúp chúng sanh, lợi lạc cho đời, chẳng trụ quả vị nhỏ thấp, vào Bồ Tát Thùa, gọi là Đại A La Hán. Bậc căn cơ ám độn, chẳng thể phát minh được trí huệ, lại do tâm định ưa trên, chán dưới. Chán sắc nương Không, vào Không Vô Biên Xứ. Sự chướng ngại của thân đã tiêu, chẳng nương nơi sắc. Cái Không của không-ngại cũng diệt, lại Không luôn cả cái Không-có-chỗ-Không.

Sáu thức của thân căn đều đã dứt tuyệt, chỉ còn lưu lại toàn vẹn thức thứ tám và nửa phần thức thứ bảy. Thức thứ bảy Mạt Na vốn không có vị trí cố định, ngoài thì duyên theo sắc, không, ấy là nương theo sáu thức, gọi là thô; trong thì duyên theo thức thứ tám chỉ có chấp lấy bên trong, không có duyên ra ngoài, gọi là tế. Sự nhảm chán cái Không, nương theo cái thức này gọi là Thức Vô Biên Xứ. Tiến tới nữa, toàn phần thức thứ tám và nửa phần thức thứ bảy của thức tâm đều diệt,

nhưng chẳng phải có thể diệt thật sự. Đó là chỉ lấy cái chõ trong lặng không động lay của thức tâm, hoàn toàn không qua lại mà cho là cái Vốn-Không-Chõ-Có. Chân Tánh xưa nay không một vật, nên chõ thức này diệt hết cũng có vẻ tương tự. Nhưng đây là lấy cái sanh diệt làm tâm nhân địa nên cái tâm sanh diệt chưa diệt, ví như dòng nước chảy xiết, xem qua giống như đứng yên, nên không thể nói đó là cái chõ Vô Sở Hữu của Chân Tánh vậy.

Cái thức tâm đã diệt, thức tánh thì chẳng động, mà lại nghiên cùng rồi cho là cái bất động cũng diệt. Phàm cái bất động thì toàn khắp, vốn là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh, vốn tự chẳng sanh, vốn tự vô tận. Nay ở trong tánh vô tận gượng bày bối ra cái tánh tận thì cái gọi là tận này cũng là nương nơi thức diệt mà thấy là tâm, mà cái tánh kia vốn nào có từng tận. Cho nên trong thức tánh chẳng động mà cho là thường còn, tức là chẳng phải vô tưởng, nên tâm tư ngưng bặt. Lại thấy hình như chẳng thường còn, cho đó là tận, tức là chẳng phải tưởng, nên sự trôi chảy vi tế chẳng ngừng. Lại hình như chẳng tận, tức là Phi Phi Tưởng. Cái Phi Tưởng, Phi Phi Tưởng này một nửa thì nương nơi cái chẳng sanh chẳng diệt, một nửa nương vào sanh diệt, chính là lãnh vực của thức ấm, bị thức ngăn che, chỉ ở trong niệm tưởng mà suy gẫm, chẳng thật là thấy tánh. Sanh cõi trời này vào vạn kiếp vô tưởng, hết kiếp đó thì lại có tưởng. Hạng này nghiên cùng cái Không, mà chẳng tột diệu lý Chân Không, chẳng ngộ cái Không sanh ra trong Đại Giác vậy.

Tuy từ thánh đạo của năm cõi trời Bất Hoàn mà nghiên cùng, nhưng chẳng rõ Chân Tánh, cái ý chỉ tánh Giác chân Không, tánh Không chân Giác, chẳng vào Bồ Tát Thùa nên rốt cuộc gọi là Bất Hồi Tâm Độn A La Hán. Hạng căn cơ này tuy độn nhưng còn có lúc hồi tâm. Đâu như hàng ngoại đạo theo cõi trời Vô Tưởng mê với lâu hoặc hữu vi mà cho là vô lâu, để khi quả báo hết liền rót lại luân hồi.

Ngay các cõi trời Tứ Không cũng chẳng khỏi luân hồi, thì Dục Giới, Sắc Giới đều là sự thù đáp của nghiệp quả. Thù đáp hết thì rót lại luân hồi, còn nghi gì nữa? Duy những vị Thiên Vương là chư vị Bồ Tát đăng địa phân thân ứng hóa, đạo chơi Tam Ma Đè, quyền biến thị hiện ra thứ bậc, hồi hướng Phật Đạo, cũng là con đường tu hành tăng tiến dần dần vậy. Các cõi Tứ Không này, thân tâm diệt hết, tánh định hiện tiền, tuy không có sắc pháp của nghiệp quả, mà còn cái sắc pháp của Định quả. Từ đây đến cuối cùng, hết luôn cái sắc pháp của Định quả. Nếu chẳng tỏ ngộ tánh Diệu Giác Minh Tâm, vượt khỏi ba cõi, chẳng đủ để bàn chõ này. Chẳng tỏ ngộ tánh diệu giác thì chẳng ra khỏi ba cõi, hư vọng chuyển theo bảy nẻo chúng sanh, xoayวน chìm đắm, đều do chúa nhóm hư vọng mà ra. Dục Giới là do vọng thấy dục; Sắc Giới là do vọng thấy trong sạch; Vô Sắc Giới là do hư vọng thấy không. Hư vọng mà có ba cõi, mỗi cõi mê theo cái nẻo của mình. Chúng sanh chọn giữ lấy các nẻo tương lai, đó là thân Trung Hữu (Trung Âm).

Kinh Niết Bàn nói “Năm ấm của thân Trung Hữu thì nhục nhãnh chẳng thấy được, thiên nhãnh thấy được. Hư vọng theo

mỗi loại mà chạy theo luân chuyển. Nói tóm lại là do thức thần chưa chuyển hóa nên mới như vậy. Nếu có thể chuyển thức thành trí thì tự chẳng có cái lụy này”.

Ngài Địa Tạng hỏi Ngài Tu Sơn Chủ: “Xứ nào đến?”

Ngài Tu: “Phương Nam đến”.

Ngài Tạng: “Gần đây Phật Pháp phương Nam thế nào?”

Ngài Tu: “Thương lượng mênh mông”.

Ngài Tạng nói: “Nào như ta trong ấy tròng ruộng mênh mông no đủ”.

Ngài Tu: “Còn ba cõi thì sao?”

Ngài Tạng nói: “Ông gọi cái gì là ba cõi?”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Bày ra lầm thứ giả gượng làm
Lưu truyền tai miệng, ấy chi ly
Tròng ruộng no đầy, nhà thường sự
Chẳng phải “tham (thiền) no” mấy kẻ hay!
No thiền rõ biết “không chố cầu”
Tử Phòng nào quý chuyện phong hồn
Quên ráo, vè thôi, đồng chim cá
Rửa căng sông xanh, khói nước thu”.*

Ngài Thúy Nham Chân khai thị đại chúng rằng: Chẳng thấy “một pháp” là lối lầm lớn! Núi sông đất đai, nhật Nguyệt, tinh tú, sắc, không, sáng tối chẳng phải là “một pháp”!

Đưa cây gậy lên, nói rằng: “Phàm phu thấy cây gậy, gọi đó là cây gậy. Người Thanh Văn thấy cây gậy, nhận được cái *ngoan không* mà bắc không có cây gậy. Người Bồ Tát thấy cây gậy, hầu như được thêm đồng bạn. Đói tới thì ăn, mệt tới thì ngủ, lạnh tới thì hơ lửa, nóng gắt thì quạt mát. Chẳng nghe nói “nhất thiết trí trí thanh tịnh” ư? Nói được lời đó thì cười bể lỗ mũi Thần Thổ Địa!”

Chỗ này cùng một vị thanh tịnh với *trồng ruộng no đầy*, là dáng dấp vượt khỏi ba cõi vậy.

D. BỐN GIỐNG A TU LA

Kinh: “Lại nữa, Anan, trong ba cõi ấy, lại có bốn thứ A Tu La:

“Nếu từ loài Quỷ, do sức hộ pháp, nương thần thông nhập vào Không. Hạng A Tu La này từ trứng mà sanh, thuộc về loài quỷ.

“Nếu từ cõi trời, đức kém phải sa đọa thì chỗ ở gần với mặt trời, mặt trăng. Hạng A Tu La này từ thai mà sanh, thuộc về loài người.

“Có Tu La Vương nắm giữ thế giới, sức mạnh thấu triệt không phải sợ ai, có thể tranh quyền với Phạm Vương, Đề Thích và Tứ Thiên Vương. Hạng A Tu La này do biến hóa mà có, thuộc về loài trời.

“Anan, lại có một số Tu La thấp kém, sanh trong lòng biển cả, lặn trong đáy vực, ngày dạo chơi trên không, tối về

ngủ dưới nước. Hạng A Tu La này do thấp khí mà có, thuộc về loài súc sanh.

Thông rằng: Phuortc lực của Thần A Tu La bằng hàng trời mà không có cái hạnh của trời, nên gọi là Phi Thiên (chẳng phải trời).

Kinh Thập Địa nói: “A Tu La có năm loại: Một là hạng rất nhu nhược, ở trong núi rừng của nhân gian. Trong hang sâu lớn của núi phương Tây (Ân) có cung điện của phi thiên. Hai là, ở núi Diệu Cao phía Bắc, dưới biển lớn hai vạn một ngàn do tuần có cung điện của La Hầu, tay có thể che mặt trời, mặt trăng. Ba là, xuống thêm hai vạn một ngàn do tuần có cung điện của Dũng Kiên, tánh nóng giận mà chẳng phải do uống rượu. Bốn là, xuống thêm hai vạn một ngàn do tuần, có cung điện của Hoa Man, loài này nữ thì rất đẹp mà nam thì xấu. Năm là xuống thêm hai vạn một ngàn do tuần có cung điện của Tỳ Ma Chất Đa La, gọi là Tịnh Tâm, có thể làm cho sóng biển gầm vang, là quê nhà bên vợ của trời Đế Thích”.

Kinh Trường A Hàm nói: “Loài A Tu La trong một ngày một đêm chịu khổ ba lần. Chuyện khổ tự đến mà vào trong cung”.

Bởi thế, biết rằng loài này có một phần thiện báo gọi là *Người-Trời*. Nếu luận về sự chịu khổ, thì quả là ở dưới loài người, nên kinh Chánh Pháp Niệm liệt vào hai loài quý và súc sanh. Kinh Lăng Nghiêm này lấy thai, trứng, thấp, hóa cùng với bốn loại thiên, nhân, quý, súc mà nói rõ tình trạng của hàng A Tu La, đại khái phù hợp với kinh Thập Địa.

Thiền sư Thanh Lâm Kiền thượng đường: “Môn hạ của Tổ Sư, đường chim huyền nhiệm, công cùng thì chuyền, chẳng thâm cứu thì khó rõ. Các ông ngay đây cần phải lìa tâm, ý, thức mà tham, ra khỏi nẻo Thánh, phàm mà học mới có thể bảo nhậm. Nếu chẳng như thế, chẳng phải con cháu của ta”.

Có nhà sư hỏi: “Dựa, vác lâu rồi mà chẳng gặp thì sao?”

Đáp: “Bảng mời của vua đời xưa!”

Hỏi: “Xin thầy đáp lời”.

Đáp: “Bàn tay Tu La ở mặt trời, mặt trăng”.

Lại có nhà sư hỏi thiền sư Phật Hải: “Tức tâm tức Phật thì thế nào?”

Đáp: “Đầu chia hai sừng tóc”.

Hỏi: “Chẳng phải tâm chẳng phải Phật thì thế nào?”

Đáp: “Tai rót vòng đeo tai”.

Hỏi: “Chẳng là tâm, chẳng là Phật, chẳng là vật, lại là thế nào?”

Đáp: “Trên đỉnh trọc, Tu La hát múa”.

Lời lẽ như thế, nếu chẳng ra khỏi nẻo Thánh phàm mà học, lìa tâm, ý, thức mà tham thì làm sao dò được bến bờ.

VI. KHAI THỊ SỰ HƯ VỌNG CỦA BẢY LOÀI ĐỀ KHUYÊN TU CHÂN CHÁNH

Kinh: “Anan, xét kỹ ra thì bảy loài Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Người và Thần Tiên, Trời và A Tu La như thế đều là các tướng hữu vi tối tăm chìm đắm, do vọng tưởng mà thọ sanh, do vọng tưởng mà theo nghiệp, trong Bản Tâm diệu viễn minh vô tác thì đều như hoa đốm giữa hư không, vốn không dính bám, chỉ thuần là hư vọng, tuyệt không gốc rễ, mối manh.

“Anan, những chúng sanh đó chẳng nhận biết Bản Tâm, chịu sự luân hồi như kia trong vô lượng kiếp, chẳng được cái thanh tịnh chân thật đều là do thuận theo sát, đạo, dâm vậy. Còn ngược lại ba thứ đó thì lại sanh ra không sát, không đạo, không dâm. Có sát, đạo, dâm thì gọi là loài Quỷ; không có gọi là loài Trời. Có, không đắp đổi nhau, khởi ra tánh luân hồi.

“Nếu nhiệm màu phát huy được pháp Tam Ma Đề át là thường hằng tịch lặng nhiệm màu, trong đó hai cái có và không đều không, mà cái không có cả hai cũng diệt. Cái không sát, không đạo, không dâm còn không có, lấy đâu mà lại thuận theo việc sát, đạo, dâm?

“Anan, chẳng đoạn ba nghiệp thì mỗi mỗi chúng sanh đều có phận riêng. Nhân mỗi mỗi phận riêng đó mà có đồng phận chung của các cái riêng, không phải là không có chỗ nhất định. Ấy là do tự hư vọng phát sanh ra, cái hư vọng phát sanh ra đó vốn không có nhân, không có nguồn gốc ở đâu cả.

“Ông khuyên người tu hành muốn đắc Bồ Đề, cốt yếu phải đoạn trừ ba cái Hoặc. Ba Hoặc chẳng hết thì đâu có được

thần thông cũng đều là công dụng hữu vi của thế gian. Tập khí mà chẳng diệt thì lạc vào đường ma, tuy muốn trừ vọng, lại càng thêm hư dối, sai lầm. Như Lai nói là rất đáng thương xót. Đó là tự mình tạo ra hư vọng, đâu phải là lỗi nơi Bồ Đề.

“Nói như thế gọi là lời chân chánh. Nếu nói khác thế, tức là lời của Ma Vương.

Thông rằng: Ở trước, Ông Anan hỏi rằng: “Cái Diệu Tâm toàn vẹn cùng khắp mà sao lại có các nẻo Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Tu La, Người, Trời... Vậy là có chỗ nhất định hay là tự nhiên? Mỗi mỗi phát ra nghiệp mà mỗi mỗi tự chịu là xưa nay vốn tự có hay là do cái hư vọng của chúng sanh tích tập mà sanh ra?”

Bởi thế, ở đây trả lời chung rằng: “Bảy nẻo tối tăm chìm đắm đều là tướng hữu vi. Ở trong cái Bản Tâm vô tác tròn sáng nhiệm màu vốn không có gì, như hoa đốm trong hư không, có gì là can thiệp? Bốn lai chẳng phải tự có vậy. Chỉ là do vọng tưởng mà thọ sanh, vọng tưởng mà theo nghiệp, nên bảo là “Thói quen hư vọng sanh khởi” vậy. Đã có thói quen hư vọng, thì có quả báo hư vọng. Mỗi mỗi phát ra nghiệp mà mỗi mỗi tự riêng chịu phần mình, thì chẳng phải là không có chỗ nhất định. Tự hư vọng mà phát sanh, cái mê lầm (Hoặc) làm nhân của hư vọng, mà hư vọng là nhân của nghiệp thì chẳng phải là tự nhiên vậy. Hư vọng sanh ra đó vốn không có nguyên nhân, không có nguồn gốc ở đâu cả, vì vốn tự thường tịch vậy. Do ba cái sát, đạo, dâm làm căn bản. Thuận theo nghiệp sát, đạo, dâm đó là vọng thấy ra có, đã có thì phải chìm đọa bốn

néo ác mà thấp nhất là loài Quỷ. Chẳng thuận theo ba nghiệp mà ngược lại thì vọng thấy ra không, đã không thì hẵn sanh vào đường thiện, mà loài Trời là cao nhất. Thiện, ác tuy khác đường nhưng có, không đắp đổi nhau nên luân hồi ba cõi không có thôi nghỉ. Đó là do con người tạo ra, chẳng phải lỗi nơi Bồ Đề”.

Nếu nhiệm mầu phát huy được Tam Ma Đề, nhận biết Bản Tâm mình, đắc cái thanh tịnh chân thật thì gọi là Diệu: chẳng lìa ba cõi mà đốn siêu ba cõi! Trong chánh định tịch thường ấy không có hai thứ có, không để đắc! Đã trừ cái hư vọng của tục để thì cái Không của Không Hai cũng mất. Lại đoạn trừ cái Chân của Niết Bàn thì căn bản vô minh tiêu tan ráo sạch, mê lầm từ đâu sanh khởi, hư vọng từ đâu phát sanh? Thiện còn chưa có được huống gì theo nơi ác. Chỗ này cũng như mắt vốn không nhặt thì hoa đốm không đâu mà tự có được.

Ba Hoặc, các kinh thường chỉ Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc. Kiến Tư Hoặc cũng gọi là Thông Hoặc vì chung cho cả ba thừa cùng đoạn trừ. Trần Sa Hoặc còn gọi là Biệt Hoặc, vì chỉ hàng Bồ Tát mới đoạn trừ nổi. Vô Minh Hoặc là chủng tử của nghiệp thúc, chỉ có hàng Bồ Tát Đại Thừa mới đoạn trừ nổi.

Chẳng trừ mắt nhặt thì tuy muốn trừ hoa đốm, đó là càng thêm hư dối, sai lầm, dẫu cho có được thần thông cũng lạc vào Ma đạo. Ma đạo nghĩa là không trừ sát, đạo, dâm mà tu tà định. Bởi thế, muốn đắc Vô Thượng Bồ Đề phải trừ ba hoặc,

rửa sạch tập khí. Ba hoặc đã không còn thì có đâu ba cõi. Nếu chẳng biết lời nói này mà bảo rằng Bồ Đề vốn không, cần chi trừ hoặc: đó là Ma nói vậy.

Có một cư sĩ hỏi Tô Tây Đường Trí Tạng: “Thưa có thiên đường, địa ngục không?”

Tô Tạng nói: “Có”.

Hỏi: “Có Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo không?”

Tô Tạng nói: “Có”.

Người ấy lại hỏi nhiều điều nữa, Tô đều đáp có.

Ông nói: “Hòa Thượng nói thế chẳng có làm ư?”

Tô Tạng nói: “Ông từng gặp vị Tôn Túc nào rồi?”

Cư sĩ: “Tôi đã từng tham hỏi Hòa Thượng Kính Sơn”.

Tô Tạng nói: “Ngài Kính Sơn nói với ông thế nào?”

Đáp: “Ngài nói thảy cả đều không!”

Tô Tạng hỏi: “Ông có vợ không?”

Đáp: “Dạ, có”.

Tô Tạng nói: “Hòa Thượng Kính Sơn có vợ không?”

Đáp: “Dạ, không”.

Tô Tạng nói: “Hòa Thượng nói Không thì được!”

Đây là nơi lời lẽ tầm thường mà chỉ ra tin tức đốn siêub cõi, nhiệm màu thay!

Lại có nhà sư hỏi thiền sư Động Sơn Thuyên: “Hành giả thanh tịnh chǎng lên thiên đường, Tỳ Kheo phá giới chǎng vào địa ngục, thì như thế nào?”

Tô Thuyên nói:

“Độ tận không lưu ảnh
Về kia, vượt Niết Bàn”.

Ngài Đơn Hà tung rǎng:

“Tướng hảo nguy nguy đại trượng phu
Một đời không Trí hụt như ngu
Xưa nay Phật, Tô còn khó ngóng
Địa ngục thiên đường, há buộc ư?”.

Đây có thể chứng minh cho sự nghiêm túc phát huy Tam Ma Đè vậy.

VII. PHÂN BIỆT CÁC ÂM MA

A. NGUYÊN DO KHỎI CÁC MA SỰ

Kinh: Lúc bấy giờ, Đức Như Lai sắp chấm dứt thời thuyết pháp, ở nơi Sư Tử tòa, vịn ghế thắt bảo, xoay về Tử Kim sơn, trở lại dựa nơi ghế, bảo khắp đại chúng cùng Ông Anan rằng:

“Các ông là hàng Duyên Giác Thanh Văn hữu học, ngày nay hồi tâm, hướng về Vô Thượng Diệu Giác Đại Bồ Đè. Nay ta đã nói pháp tu hành chân chánh, nhưng các ông còn chưa biết những ma sự vi tế khi tu hành Xa Ma Tha, và Tỳ Bà Xá Na.

“Cảnh ma nếu hiện ra, mà ông không thể nhận biết thì việc làm trong sạch tâm không được đúng, lạc vào tà kiến. Hoặc bị Ma Ngũ Âm của ông, hoặc bị Thiên Ma, hoặc mắc Quỷ Thần, hoặc gặp Ly Mỵ mà trong tâm không rõ thì nhận giặc làm con. Lại nữa, ở trong đó được ít mà cho là đủ, như Tỳ kheo Vô Văn được Đệ Tứ Thiên, vọng nói là chứng Thánh, khi quả báo chư Thiên hết, tướng suy hiện ra, bài báng quả vị A La Hán là còn phải thọ sanh, nên đọa vào địa ngục A Tỳ. Các ông nên nghe kỹ, nay Ta vì các ông mà phân biệt rành rẽ”.

Ông Anan đứng dậy cùng các hàng hữu học trong hội, hoan hỷ đánh lễ, kính nghe lời dạy bảo từ bi.

Phật bảo Ông Anan cùng cả đại chúng:

“Các ông nên biết cái tâm thể tò biết vẹn toàn, Bản Giác Diệu Minh của mười hai loại chúng sanh trong thế giới hữu lậu cùng mười phương chư Phật không hai, không khác. Do vọng tưởng của các ông, mê chân lý thành ra lỗi lầm. Si, ái phát sanh, sanh mê cùng khắp nên có hư không. Biến hóa ra cái mê không ngót nên có thế giới sanh ra. Vậy thì mười phương cõi nước nhiều như vi trần này chẳng phải là vô lậu, đều do vọng tưởng mê lầm kiến lập.

“Phải biết, hư không sanh trong tâm ông cũng như điểm mây trong bầu trời, huống chi các thế giới ở trong hư không ấy! Một người trong các ông phát khởi sự về nguồn chân thật thì mười phương hư không ấy thảy đều tiêu mất. Làm sao các cõi nước trong hư không ấy lại không rung đổ? Các ông tu

thiền, trau dồi pháp Tam Ma Địa thì cùng với mười phương Bồ Tát và các vị Đại A La Hán vô lậu tâm tinh thông hợp thầm nhiệm, đương xứ trong lặng như nhiên. Còn tất cả ma vương, quỷ thần, loài Trời phàm phu thì thấy cung điện mình không có gì đồ vỡ, đất đai rung động, các loài thủy lục bay nhảy đều kinh sợ.

“Hạng phàm phu hôn muội không rõ, nên nghĩ làm, còn hạng kia đều được năm thứ thần thông, trừ lậu tận thông, luyến tiếc cảnh trần lao này đâu để ông phá hoại chỗ ở. Bởi thế, quỷ thần, thiên ma, vọng lượng, yêu tinh trong khi ông tu Tam Muội đều đến quấy phá.

“Nhưng các ma kia, tuy rất giận dữ mà họ ở trong trần lao, còn các ông ở trong diệu giác, thì cũng như gió thổi ánh sáng, như dao chặt nước, chẳng hề hấn gì. Ông như nước sôi, họ như giá cứng, vừa gần hơi ấm thì chẳng bao lâu mà tiêu tan. Chúng ỷ lại suông thần lực, nhưng chỉ là Khách. Nếu chúng có thể phá rối được, là do người Chủ ngũ ấm trong tâm ông. Chủ nhân mà mê làm, Khách mới được dịp quấy phá.

“Đương xứ thiền định, giác ngộ không làm thì các Ma sự kia không làm gì ông nổi. Khi ấm tiêu tan vào trong tánh sáng; sáng phá được tối, tối đến gần sáng thì tự tiêu mất, mà chúng tà ma kia đều tối tăm làm sao còn dám ở lại quấy phá sự thiền định? Nếu không tỏ ngộ sáng suốt, bị ngũ ấm ngăn che, mê làm thì chính Ông Anan là con của Ma và thành người Ma. Như Cô Ma Đặng Già, sức còn yếu kém, chỉ dùng chú thuật bắt ông phá luật nghi của Phật, trong tám muôn hạnh chỉ phá

một giới, nhưng vì tâm ông thanh tịnh nên chưa bị chìm đắm. Còn chúng Ma này thì phá hoại toàn thân Bảo Giác của ông, giống như nhà quan tể tướng bỗng bị tịch biên, long đong xiêu lạc, không thể thương cứu!

Thông rằng: Ma túc là Ma La, nghĩa là Sát, cũng nghĩa là Đoạt, vì hay giết huệ mạng, cướp đoạt thiện pháp của mình vậy. Đại để có năm thứ Ma: ngũ ám ma, phiền não ma, sanh tử ma, thiên ma và quý ma. Hợp lại thì chỉ có ám ma và thiên ma mà thôi.

Âm ma túc là sanh tử, phiền não nương ngũ ám mà khởi lên. Thiên ma là do tu tà định, ưa hại người tu chánh đạo. Lại như Tỳ Kheo Vô Văn, được ít cho là đủ, chê báng Phật, vọng nói A La Hán còn phải thọ sanh, đó là tà kiến ma, thuộc về ám ma lẫn thiên ma vậy. Bởi hủy báng chánh pháp nên đọa vào ngục A Tỳ.

Một người phát khởi sự về nguồn chân thật thì mười phương thế giới đều tiêu mất. Tất cả Ma Vương, các Trời phàm phu thấy cung điện của mình đổ vỡ, thủy lục kinh sợ, bèn đến quấy phá thiền định. Hạng thiên ma này làm hại không nhiều, chúng ỷ thần lực, nhưng vẫn là khách. Chủ nhân ở ngay nơi mình, nên dùng cái Diệu Giác mà phá tràn lao thì như lấy nước sôi làm tiêu nước đá, lấy sáng phá tối vậy. Chủ nhân mà mê, khách liền tiện dịp, nó phá hoại luật nghi của mình, hư hao cái Bảo Giác của mình, khác nào quan tể tướng bị tịch biên, long đong xiêu lạc vậy. Âm ma này làm hại sâu xa. Quấy phá được là hoàn toàn do chủ nhân, nên tu thiền định

cần phải tỏ ngộ sáng suốt, chẳng để cho năm ấm làm mê làm thì đó là đệ nhất nghĩa.

Âm là sự che lấp của thức tình, giống như mây nổi. Sáng suốt là sự hiển lộ rõ, giống như bầu trời. Âm tiêu tan, vào tánh sáng, tức là hoàn lại tánh Bản Giác. Thế nên, cái Bản Giác Diệu Minh cùng mười phương chư Phật không hai, không khác. Chỉ do vọng tưởng si ái, theo mê mà chuyển biến thì có thế giới sanh. Có thế giới thì có sắc ấm. mê luyến cái trần lao này liền có các ấm thọ, tưởng, hành, thức.

Ta muốn phá tung cái ấm mà nhảy ra để hoàn lại cái tâm thế viễn giác cho đến khi các lậu hết sạch. Còn các hàng hữu lậu kia luyến tiếc chẳng buông, ý có sức thần thông nên đến phá rày. Nếu hủy giới, phá luật, hòa đồng với chúng thì tuy đặc thần thông, hẳn là con của ma. Ở đây mà thấu suốt được, đó gọi là Bảo Giác. Cái Giác này là chủng tử để thành Phật. Y vào cái Bảo Giác này, vào trong chánh định mà chứng Pháp Thân, tâm tinh thầm hợp với mười phương Bồ Tát và chư Đại A La Hán vô lậu. Thường xứ tịch nhiên, lặng chiếu ngậm trùm hư không thì hư không cũng còn không có thay, huống là lại nương hư không đó mà kiến lập các cõi nước hữu lậu ư?

Có vị Tọa chủ giảng kinh Hoa Nghiêm hỏi Tô Trưởng Sa Sầm: “Hư không quyết định có hay là quyết định không?”

Tô Sa nói: “Nói có cũng được, nói không cũng được. Hư không có thì chỉ có cái *giả-có*, hư không không có thì chỉ có *giả-không*”.

Hỏi: “Như Hòa Thượng nói, thì có trong kinh giáo nào không?”

Tổ Sa nói: “Đại Đức há chẳng nghe Thủ Lăng Nghiêm nói “Mười phương hư không sanh trong tâm ông như điểm mây trong bầu trời”, vậy há chẳng phải khi hư không sanh là chỉ sanh cái giả danh thôi ư? Kinh lại nói “Một người trong các ông phát khởi sự về nguồn chân thật thì mười phương hư không ấy thảy đều tiêu mát”. Thế chẳng phải khi hư không diệt là chỉ diệt cái giả danh ư? Bởi thế, lão tăng nói: “Có là giả có, không là giả không”.

Ngài Trưởng Sa thấu suốt cái Bản Giác Diệu Minh nên xem hư không khởi diệt cũng là như huyền, huống là các thứ khác!

Có Thượng Tọa Bằng Ngạn bác học, nhớ nhiều đến tham hỏi thiền sư Báo Ân Minh để đối luận về tông thừa.

Tổ Minh nói: “Nói nhiều càng xa Đạo. Nay có chuyện tạm hỏi. Vậy như xưa nay chư Thánh cùng chư Tiên đức lại có ai chẳng ngộ không?”

Đáp rằng: “Như là chư Thánh, Tiên đức há có ai chẳng ngộ ư?”

Tổ Minh nói: “Một người phát khởi sự về nguồn chân thật, mười phương hư không thảy đều tiêu mát. Nay núi Thiên Thai sờ sờ ra đó, làm sao mà tiêu mát đi?”

Thầy Ngạn chẳng biết bày tỏ làm sao.

Một khối đại nghi này mà không thể tiêu mất, làm sao dám nói chuyện phá tan Năm Âm ư?

B. PHẠM VI CỦA SẮC ÂM

Kinh: “Anan, nên biết, ông ngồi đạo tràng, tiêu diệt các niệm, niệm ấy mà hết thì tâm lìa niệm thuần túy sáng suốt thảy cả, động tĩnh chẳng dời, nhớ quên như một. Đang khi an trú nơi đó mà vào Tam Ma Địa thì như người sáng mắt mà ở chỗ rất tối. Cái tinh thuần của Tánh thì trong sạch nhiệm màu, nhưng tâm chưa phát sáng. Thế gọi là phạm vi của Sắc Âm. Nếu mắt sáng tỏ, mười phương mở suốt, không còn tối tăm, gọi là Sắc Âm hết. Người ấy có thể siêu vượt khỏi Kiếp Trược. Xét lại nguyên do Kiếp Trược thì gốc rễ là Vọng tưởng kiên cố.

“Anan, ngay tại trong đó, nghiên cứu tinh tường Tánh Diệu Minh, bốn Đại chẳng kết hợp thì trong khoảng chốc lát, tâm thức có thể ra khỏi sự ngăn ngại, đây gọi là tinh minh tuôn tràn ra tiền cảnh, đó chỉ do dụng công mà tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Anan, lại dùng cái tâm này nghiên cứu tinh tường Tánh Diệu Minh, trong thân thành rỗng suốt, người ấy bỗng nhiên ở trong thân mình nhặt ra các thứ giun sán mà thân thể vẫn y nguyên, không bị thương tổn, đây gọi là tinh minh tuôn tràn nơi hình thể, đó chỉ do tu hành tinh tiến mà tạm được như vậy,

chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh túc lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy nghiên cứu tinh tường trong ngoài, khi ấy hồn phách, ý chí, tinh thần, ngoài cái thân chấp thọ ra, đều ăn nhập vào nhau, đắp đổi làm khách, làm chủ. Bỗng nhiên ở trong hư không nghe tiếng thuyết pháp, hoặc nghe mười phương đồng diễn bày mật nghĩa. Đây gọi là sự thành tựu thiện chủng của tinh phách thay nhau lià hợp, tạm được như vậy, chẳng phải Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh túc lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy lắng trong, hiện ra sáng suốt, ánh sáng bên trong phát ra, mười phương biến thành sắc Diêm Phù Đàm, hết thấy mọi loài hóa là Như Lai. Bấy giờ bỗng thấy Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài Thiên Quang, có ngàn Đức Phật vây quanh. Trăm úc cõi nước cùng với hoa sen cùng một lúc hiện ra. Đây gọi là sự tiêm nhiễm của tâm thức linh ngộ. Do ánh sáng của tâm phát ra soi sáng các thế giới mà tạm được như vậy, chẳng phải Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, túc lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy nghiên cứu tinh tường Tánh Diệu Minh, quan sát chẳng ngừng, đè nén hàng phục, ngăn dứt thái quá, khi ấy bỗng nhiên mười phương hư không thành sắc bảy báu hay sắc trăm báu, đồng thời cùng khắp, không ngăn ngại

nhau: xanh, vàng, đỏ, trắng mỗi mỗi hiện ra rõ ràng. Đây gọi là công sức đè nén quá phần, tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy nghiên cứu, lặng suốt sáng trong chẳng loạn, bỗng nhiên giữa đêm, ở trong nhà tối thấy thấy vật không khác gì ban ngày, mà những vật trong nhà tối đó cũng không diệt mất. Đây gọi là tâm tế nhiệm lặng đứng mà thấy, nên thấy suốt chỗ tối tăm, tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy vẹn nhập vào chỗ hư dung, bốn vóc bỗng đồng như cây cỏ, lửa đốt, dao cắt hoàn toàn không cảm giác, lửa ngọn không thể đốt cháy, dầu cho cắt thịt cũng như chẻ cây. Đây là gọi là cùng như trần, do bài trừ bốn Đại mực, nhập vào sự thuần nhất, tạm được như vậy, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy thành tựu sự trong sạch, dụng công trong sạch tâm tột bực, bỗng thấy mười phương đất đai, sông núi đều thành cõi Phật, đầy đủ bảy báu chói sáng cùng khắp. Lại thấy hằng sa chư Phật Như Lai đầy khắp hư không, lâu điện rực rỡ. Dưới thấy địa ngục, trên thấy thiên cung, được không chướng ngại. Đây gọi là ưa thích đè nén ngưng tưởng

lâu ngày mà tưởng hóa thành, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy nghiên cứu sâu xa, bỗng nhiên ở giữa đêm thấy rõ chợ búa, làng xóm bà con họ hàng ở phương xa, hoặc nghe lời nói của họ. Đây gọi là bức bách cái tâm tột bức nên nó bay ra, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì cũng gọi là cảnh giới lành, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Lại dùng cái tâm ấy, nghiên cứu tinh tế cùng tột, thấy được thiện tri thức, thân thể biến hóa, trong giây lát không duyên có gì mà biến đổi đủ thứ. Đây gọi là tà tâm bị loài Ly Mị hoặc Thiên Ma vào trong thân thể, không duyên có gì mà thuyết pháp, thông suốt diệu nghĩa, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu chẳng cho là chứng ngộ thì Ma sự tự tiêu mất, còn cho là chứng ngộ việc Thánh, tức lọt vào tà.

“Anan, mười thứ cảnh giới hiện ra trong thiền định như vậy đều thuộc về Sắc Âm, do dụng tâm giao xen lẫn nhau nên hiện ra cái việc đó. Chúng sanh mê dại, chẳng biết tự xét, gặp nhân duyên ấy, mê chẳng tự biết, cho là lên bậc Thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục Vô Gián.

“Sau khi Như Lai diệt độ rồi, các ông nên tuyên bày nghĩa này trong đời mạt Pháp, chớ để Thiên Ma được dịp quấy phá, giữ gìn che chở cho người tu hành thành đạo vô thượng.

Thông rằng: Thiền Na tức là sự tiêu diệt các niệm của pháp môn *Chỉ Quán*. Chỉ là dùng sự trong lặng xoay lại cái hư

vọng, dứt mắt sự sanh khởi. *Quán* là các niệm đã hết nhưng còn cái tâm lìa niệm, hết thảy sáng suốt. Chỉ Quán vốn không hai, át là động tĩnh chẳng dời đổi, nhớ quên đều là một. Không hồn trầm, không tán loạn là chánh niệm. Theo đây mà vào, mới đắc Tam Ma Đề chân thật. Còn nếu tĩnh thì có mà động thì không, nhớ thì còn mà quên thì mất, ấy là thuộc cái cảnh ngộ ngừng tưởng, chẳng phải là chánh định.

Ban đầu, vào Chỉ Quán, cái sắc ấm chưa phá, như người sáng mắt mà ở trong chỗ rất tối tăm, chưa thể phát ra ánh sáng, bị sắc hạn cuộc, đó gọi là phạm vi của Sắc Âm.

Sắc ấm đã phá, như mắt sáng suốt, mười phương mở suốt, sức nhìn soi khắp, chẳng bị cảnh trước mắt ngăn ngại. Như thế là có thể siêu vượt Kiếp Trược. Kiếp Trược là do sắc pháp đan nhau với cái thấy mà thành. Nay cái thấy chẳng bị sắc pháp làm cho mê lầm, nên có thể siêu vượt. Sắc ấm này do đâu mà có ra? Ấy là do vọng tưởng kiên cố làm gốc. Vốn do noi ba cái vọng tưởng của cha, của mẹ, của mình giao kết nhau mà thành ra cái sắc thân bốn đại cứng chắc này. Tướng cứng là Địa, lỏng là Thủy, hơi nóng là Hỏa, lay động là Phong. Do bốn cái ràng buộc này mà thành sáu căn. Sáu căn làm chìm tánh tròn sáng, che đậm Chân Tánh nên gọi là *Âm*.

Nay vào Thiền Na, nghiên cứu tinh tường tánh diệu minh, lìa nơi tiềng tràn, thân cảnh đều không, bốn đại chẳng đan kết nhau, tâm thức tinh thuần và sắc pháp lìa nhau. Ban đầu thì tinh minh tuôn vào, thân ra khỏi ngăn ngại, đó là ở ngoài quên đi tràn cảnh. Rồi thì trong thân rỗng suốt, nhặt ra giun sán, đó

là bên trong quên mất thân vậy. Kế là tinh phách thay nhau lìa hợp, trong thân, ngoài thân đắp đổi làm chủ, khách; ở trong hư không nghe thuyết pháp yếu, áy là gần quên luôn cái hình thể vậy. Kế đó ánh sáng bên trong phát ra, thấy cảnh giới Phật, áy là tiêm nhiễm sự linh ngộ mà tạm được như vậy, chứ không thể thường xuyên. Còn niệm Phật Tam Muội, thấy cảnh Tịnh Độ, áy là tâm cảnh tương ứng gọi là chánh tướng, không thể kề vào đây. Kế là đè nén quá độ mà thấy nhiều sắc báu. Đè nén cực độ thì ánh sáng sanh ra, đó cũng là chõ thành tựu của pháp Quán Thập Tưởng. Kế là làm tể nhiệm lặng trong cái thấy nên thấy đồ vật trong chõ tối. Chõ thấy ở trước là cảnh huyền, chõ thấy ở đây là cảnh thực. Nếu chẳng phải dưỡng tâm tể nhiệm thì không thể được. Kế là bốn vóc hư dung, đồng như cây cỏ, dao chém, lửa đốt không có cảm giác, nếu chẳng phải thuần giác quên thân thì không thể được. Kế là quán chiêu cùng tột, thành tựu sự thanh tịnh, bỗng thấy mười phương cõi Phật, thiên đường, địa ngục đều không trở ngại, gần như đắc thiên nhãn thông vậy. Kế là đè nén cùng tột, không chỉ thấy được vật trong chõ tối mà làng mạc, chợ búa ở xa cũng thấy, không những nghe tiếng thuyết pháp trong hư không mà nghe cả những lời nói của bà con ở xa, gần như đắc thiên nhãn thông vậy. Đến chõ nghiên cứu tinh tế cùng tột thì trong ngoài xen nhau, đắp đổi làm chủ, khách. Tinh thần hồn phách bỗng quên chõ về. Do đó, Ma được dịp vào trong thân thể khiến cho hình thể biến hóa, đủ thứ đổi thay, vô cớ thuyết pháp, thông suốt diệu nghĩa. Đó há chẳng phải do phá sắc ấm, chẳng phải bị sắc pháp ràng buộc ư, mà chẳng biết là bị Ma bám, dựa.

Mười việc này đều do nghiên cứu cùng tột Tánh Diệu Minh, dùng tâm Thiền Na mà giao chiến với vọng tưởng kiên cố. Sắc chưa có thể tức là Không, Không chưa có thể tức là sắc, thay nhau thắng bại, chưa thể dung đồng. Đó là chỗ ma sắc ấm thùa cơ hội mà vào vậy. Chúng sanh mê lầm, chẳng biết tự xét sự thấy biết hàng ngày cùng với Phật nào có giống, công hạnh hàng ngày cùng với Phật nào có như nhau? Ngẫu nhiên thấy các cảnh ấy bèn cho là Thánh chứng. Chẳng phải Thánh mà cho là Thánh, chẳng phải chứng mà cho là chứng, trong thì mê nơi ấm ma, ngoài thì cảm với thiên ma, thành ra đại vọng ngũ, đọa địa ngục Vô Gián, thật đáng thương xót. Bởi thế, Đức Thế Tôn tuyên dạy cho đời mạt Pháp để bảo hộ chúng sanh thành tựu đạo vô thượng. Nếu công sức tu hành đã đến mức, có thể phá sắc ấm, thì dầu các việc trên có hiện ra cũng chẳng cho là chứng ngộ việc Thánh. Trong Thiền cũng có nhiều sự việc như vậy.

Như thiền sư Nga Hồ Trí Phu, một hôm chẳng đến trai đường, vị thị giả đến mời Ngài.

Tổ Phu nói: “Hôm nay tôi ăn du-tư ở trang trại no rồi!”

Thị giả nói: “Hòa Thượng chẳng hề đi đâu cả!”

Tổ Phu nói: “Ông chỉ việc đi hỏi trang chủ”.

Thị giả vừa ra cửa, bỗng gấp trang chủ đến tạ ơn đã tới trang trại dùng bữa du-tư”.

Đây há chẳng phải là thân có thể ra khỏi sự ngăn ngại đó ư!

Thiền sư Đoan Nham, một hôm có bà lão đến viếng chào.

Ngài nói: “Bà vè gấp đi để cứu mấy ngàn sanh mạng!”

Bà lão vè, thấy cô con dâu đang mang ốc bắt ở ruộng vè, bèn thả đi.

Lại nữa, thiền sư Tô Chiếu trong định thấy chuyện xảy ra trong vòng mấy mươi dặm mà người khác chưa từng biết. Sau này các tăng trong trang trại nghe được, đồn đại ra ngoài. Ngài e làm mê hoặc đại chúng nên nhập diệt.

Đó đều là việc có thể làm, nhưng chẳng cho đó là chứng ngộ việc Thánh vậy.

C. PHẠM VI CỦA THỌ ÂM

Kinh: “Anan, thiện nam tử ấy tu Tam Ma Đè, trong Xa Ma Tha khi sắc ám hết, thấy Tâm chư Phật như trong gương sáng hiển hiện hình tượng. Hình như có được nhưng chưa thể dùng, như người bị Mộc đè: tay chân y nguyên, thấy nghe không lầm, nhưng tâm gặp khách tà mà không cử động được. Đó gọi là phạm vi của Thọ Âm.

“Nếu Mộc hết đè thì cái tâm lìa thân, trở lại xem mặt mũi, đi ở tự do, không còn ngăn ngại, gọi là thọ ám hết. Người ấy có thể siêu vượt Kiến Trược, xét lại nguyên do thì gốc rễ là vọng tưởng hư minh.

“Anan, thiện nam tử ấy, ngay ở trong đó, được rất sáng tỏ, cái tâm phát minh, bên trong đè nén quá độ, bỗng ở nơi đó phát lòng Bi vô cùng, như vậy cho đến xem thấy muỗi mòng như con đóm, tâm sanh thương xót, bất giác chảy nước mắt. Đây gọi là công dụng đè nén quá mức. Biết thì không có lỗi, chẳng phải là Thánh chúng. Hiểu biết chẳng mê, lâu tự tiêu mệt. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Bi vào trong lòng dạ, thấy người thì thương xót, khóc thương vô hạn; sai mắt chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Anan, lại các thiện nam tử ấy, ở trong định, thấy sắc ám tiêu rồi, thọ ám tỏ rõ, thăng tướng hiện tiền nên cảm kích quá độ, bỗng ở trong đó sanh lòng dũng mãnh vô hạn. Cái tâm mạnh bén, chí bằng chư Phật, nói rằng một niệm có thể vượt khỏi ba tăng kỳ. Đây gọi là công dụng lấn lướt quá mức. Biết thì không lỗi, chẳng phải là Thánh chúng. Nếu cho là hiểu biết

việc Thánh thì có ma Cuồng vào trong lòng dạ, thấy người thì khoe, ngã mạn không ai bằng, đến nỗi tâm người ấy trên không thấy Phật, dưới chẳng thấy người; sai mắt chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Anan, lại các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ám tiêu rồi, thọ ám tỏ rõ. Tới trước thì chưa có chỗ chứng mới, lui lại thì mất chỗ cũ, trí lực suy kém, vào địa vị Trung Hủy, hoàn toàn không thấy gì. Trong tâm bỗng nhiên sanh ra rất khô khát. Trong cả mọi thời thầm nhớ không thôi, cho như vậy là tướng chuyên cần tinh tấn. Đây gọi là tu tâm không trí huệ, tự sanh lầm lạc. Biết thì không lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Nhớ vào trong lòng dạ, ngày đêm nắm cái tâm treo vào một chỗ; sai mắt chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ám tiêu rồi, thọ ám tỏ rõ, cái sức huệ quá định, sai lầm nơi chỗ mạnh mẽ, sắc bén, ôm giữ các thăng tánh trong tâm, tự ngò mình là Phật Lô Xá Na, được ít cho là đủ. Đây gọi là dụng tâm quên mất suy xét, đắm vào tri kiến. Biết thì không lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Dẽ Biết Đủ Nên Hèn Kém vào trong lòng dạ; thấy người thì tự nói “Ta đắc Đệ Nhất Nghĩa Đế vô thượng”; sai mắt chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ám tiêu rồi, thọ ám tỏ rõ, chỗ chứng mới thì chưa được mà tâm cũ thì đã mất, xem cả hai bên, tự cho là khó hiểu, trong tâm bỗng

sanh lo lăng không cùng, như ngồi giường sắt, như uống thuốc độc. Tâm không muốn sống, thường cầu người khác sát hại mạng mình để sớm giải thoát. Đây gọi là tu hành sai mất phương tiện. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có một phần thứ ma Thường Lo Buồn vào trong lòng dạ, tay cầm dao, kiếm tự cắt thịt mình, thích được bỏ mạng, hoặc thường lo buồn, chạy vào rừng núi, không muốn thấy người; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại nữa, các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ám tiêu rồi, thọ ám tò rõ, ở trong thanh tịnh, tâm an ổn rồi, bỗng nhiên tự sanh ra mừng vui vô hạn. Trong tâm mừng rõ không thể tự dừng. Đây gọi là sự khinh an mà không có huệ tự ngăn lại. Biết thì không lỗi, chẳng phải là Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có một phần thứ ma Thích Vui Mừng vào trong lòng dạ, thấy người thì cười, ở bên đường cái tự ca, tự múa, tự bảo rằng đã đắc vô ngại giải thoát; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại nữa, các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ám tiêu, thọ ám tò rõ, tự bảo đã đủ, bỗng nhiên vô cớ sanh đại ngã mạn, như vậy cho đến lòng mạn, quá mạn, và mạn quá mạn, hoặc lòng tăng thượng mạn, hoặc ty liệt mạn đồng thời phát ra. Trong tâm còn khinh cả mười phương Như Lai, huống gì các địa vị dưới như Thanh Văn, Duyên Giác. Đây gọi là thăng giải quá mức, không có huệ để tự cứu. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có một phần ma Đại Ngã Mạn vào trong lòng dạ, chẳng lạy tháp, miếu, phá hủy kinh tượng, bảo với người đàn việt rằng “Đó là

vàng, đồng, hoặc gỗ, đất. Kinh là lá cây, hay là giấy lụa. Xác thịt chân thường không tự cung kính, lại sùng bái gỗ, đất, thật là điên đảo”. Những kẻ quá tin theo đó mà đập nát, chôn bỏ trong đất; do gây nghi ngờ làm lạc cho chúng sanh, đọa vào ngục Vô Gián; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại nữa, những thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ám tiêu rồi, thọ ám tò rõ, trong chỗ tinh minh, viên ngộ tinh lý, được đại tùy thuận, tâm ấy bỗng sanh vô lượng khinh an, tự nói đã thành Thánh, đắc đại tự tại. Đây gọi là nhân cái huệ mà được các sự nhẹ trong. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chúng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có một phần loại ma Thích Sự Trong Nhẹ vào trong lòng dạ, tự cho là đủ, chẳng thèm cầu tiến. Hạng này phần nhiều làm như Tỳ Kheo Vô Văn, gây nghi lầm cho chúng sanh, đọa vào ngục A Tỳ; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại nữa, các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ám tiêu rồi, thọ ám tò rõ, trong chỗ minh ngộ, được tánh hư minh, trong ấy bỗng xoay hướng về sự vĩnh viễn đoạn diệt, bác bỏ không có nhân quả, một mực nhắm vào Không. Tâm Không hiện tiền đến nỗi tâm sanh chấp chặt là đoạn diệt mãi mãi. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chúng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Không vào trong lòng dạ, bèn bài báng sự giữ giới cho là Tiểu Thừa, còn Bồ Tát ngộ Không có gì mà giữ hay phạm! Người này thường ở chỗ thí chủ tín tâm, ăn thịt uống rượu, làm nhiều điều dâm uế. Nhờ có sức Ma mà nghiệp phục người ta, khiến chẳng sanh nghi báng. Quỷ vào tâm lâu ngày: ăn uống cút đái cũng không khác gì rượu thịt, cứ cho là

mọi thứ đều Không. Phá luật nghi của Phật, làm người khác làm lạc mắc tội; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Lại nữa, các thiện nam tử ấy ở trong định, thấy sắc ám tiêu rồi, thọ ám tò rõ, tham ném cái hư minh, ăn sâu vào tim cốt, trong tâm bỗng có lòng yêu vô hạn sanh ra. Yêu thương quá phát cuồng, bèn làm chuyện tham dục. Đây gọi là cảnh định an thuận vào tâm, không có huệ tự giữ, làm vào ngũ dục. Biết thì không lỗi, chẳng phải Thánh chứng. Nếu cho là hiểu biết việc Thánh thì có ma Dục vào trong lòng dạ, một bồ nôì Dục tức đạo Bồ Đề, dạy hàng cư sĩ bình đẳng mà hành dục, những người hành dâm gọi là đệ tử giữ Pháp. Do sức thần quý nghiệp phục người phàm phu trong đời mạt pháp nhiều đến cả một trăm, hai trăm, năm trăm, sáu trăm, nhiều đến ngàn vạn. Khi tâm ma sanh chán, lìa khỏi thân thể, oai đức đã không còn thì sa vào lưới pháp luật. Gây nghi làm cho chúng sanh, vào ngục Vô Gián; sai mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

“Anan, mười thứ cảnh hiện của Thiên Na như vậy đều thuộc về Thọ Âm, do dụng tâm giao xen lẫn nhau mà hiện các việc đó. Chúng sanh mê dại, chẳng biết tự xét, gắp nhân duyên ấy, mê chẳng tự biết cho là lên bậc Thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục Vô Gián. Sau khi Ta diệt độ, các ông hãy đem lời nói này của Như Lai truyền dạy cho đời mạt pháp, khiến khắp chúng sanh đều tò ngộ nghĩa đó, không để cho Thiên Ma được dịp quấy phá, giữ gìn che chở cho người tu hành thành đạo vô thượng.

Thông rằng: Sắc ám chưa tiêu thì tâm bám vào sắc mà thấy các cảnh khác lạ, vậy là ma chưa nhập vào tâm vậy. Đây là sắc ám diệt mà thọ ám còn. Thọ ám là chỉ năm thức trước, hư vọng thường thọ nhận, thường thu lanh, như trong gương sáng hiện ra cảnh tượng. Cái thể hư minh, vốn đó là tâm Phật, mà vì sao cho là vọng tưởng? Chỉ vì sanh ra một việc chấp trước muộn chứng đắc mà cho là thật, bèn bị thọ ám ngăn che, nên chẳng được chánh định. Cho nên thọ ám chưa phá thì chẳng lià nỗi năm căn, ví như tâm gấp khách tà, bị Mộc đè thì tuy có cái hư minh mà chẳng làm gì được. Thọ ám đã phá trừ thì sự sáng suốt chẳng còn nương theo căn, như đã hết Mộc đè thì tâm đi hay ở đều tự do, mà có thể trở lại xem cái mặt mình, hư minh đắc dụng, tức là siêu vượt Kiến Trược. Cái kiến đại nhận lãnh các cảnh, đan nhau mà thành trược, nay thì hư minh rỗng sáng không còn ngăn ngại, ấy là trước hết đã nhổ bật cái thấy. Gốc rẽ của cái thấy đã nhổ bật thì còn có gì làm cho cái thấy bị nhận lãnh để mà thành cái trược?

Sắc ám chưa tiêu thì tâm chưa phát sáng. Sắc ám đã hết thì được sáng suốt lớn, đó là vọng tưởng hư minh. Người chánh ngộ thì xem sự hư minh này cũng chỉ là cảnh. Duy chỉ có hạng nghiên cứu tinh tường tánh Diệu Minh mà bên trong đè nén quá độ, tức là quên mình cùng tột, thấy vật đều là mình nên xem muối mòng như con đỏ mà tâm Bi sanh ra.

Hư minh hiện tiền, cảm kích quá độ, nên cho rằng có thể sánh bằng chư Phật mà tâm dũng mãnh sanh ra.

Định mạnh mà huệ yếu thì trong khoảng cái mới (thọ ám) và cái cũ (sắc ám) mờ mịt không có chỗ nương, nên thầm nhớ chặng thôi, tâm treo vào một chỗ mà tự cho là tinh tấn.

Sức huệ vượt quá định bèn tự nghi mình là Phật, dẽ sanh đầy đủ yên nghỉ, nên chìm đắm vào tri kiến, tự nói là đã được quang minh chiếu khắp, chỉ có chư Phật mới bằng được mình.

Tiến thôi mất chỗ căn cứ, tự sanh hiềm khó, cho rằng ta có nỗi lo lớn vì có cái thân này nên thường cầu người giết mình đi, để sớm được giải thoát, chứ không chỉ là thầm nhớ không thôi.

Ở trong thanh tịnh, tâm an ổn rồi, không còn lo lắng khó hiềm, liền sanh ra cái mừng vui vô hạn. Vui mừng được vô ngại giải thoát mà ca múa vô độ. Ấy là do không có huệ để tự cầm.

Mừng hết mức thì tự cho là đủ, liền sanh Đại Ngã Mạn. Mạn có bảy thứ: mạn, quá mạn, mạn quá mạn, tăng thượng mạn, hạ liệt mạn, ngã mạn và tà mạn. Mạn là chặng kính. Quá Mạn là cho mình hơn người mà kiêu ngạo. Mạn Quá Mạn đủ cả hai mạn trên: đã không kính trọng lại còn có ý lấn lướt. Tăng Thượng Mạn là cho mình hơn. Hạ Liệt Mạn là khinh thường bậc đáng kính. Ngã Mạn là cho rằng năm uẩn này có ngã. Tà Mạn là khinh thường cái Chánh. Vì ở trong định, duyên theo chánh pháp nên chặng nói về tà mạn. Tăng Thượng là chưa đắc mà nói là đắc. Ty Liệt là hèn kém mà tự khoe, nên khinh thường bậc đáng kính.

Nếu có sức huệ, viên ngộ tinh lý, sắc ấm tiêu, sự sáng suốt tròn đầy, được đại khinh an. Khinh an ở trong bảy Giác Chi, thể của nó thuộc về định. Định mà gồm cả huệ thì thông suốt chánh đạo. Chỉ vì cho vậy là đủ, không cầu tiến nên ngồi ở trong hang của sự trong sạch nhẹ nhàng mà làm vị Tỳ Kheo Vô Văn vậy!

Nếu cái xả niệm thanh tịnh, một mực nhập Không, sanh ra kiến giải đoạn diệt, rồi bác bỏ nhân quả, hủy báng người giữ giới, cho là quả Tiêu Thùa, còn ta là Bồ Tát ngộ Không thì làm gì có giữ hay phạm! Do đó, phá hủy luật nghi, tuy người ấy tự cho là siêu thoát, mà không ngờ là bị ma sai sứ.

Thọ ấm hư minh mà chẳng tham mùi vị của nó thì ái dục chẳng sanh. Còn như tham đắm hư minh thì yêu thương đến phát cuồng, làm vào ngũ dục, thì hai cảnh phiền não và dục đều phát khởi.

Ngài Thiên Thai nói “Dục sắc sanh ra, chế phục có thể ngừng”.

Nay chỗ phát sanh sự mê làm quá mạnh. Nếu thấy ngoại cảnh, tâm cuồng, mắt mờ như con sư tử ngủ, đụng tới thì gầm thét. Nếu chẳng rõ biết thì có thể dẫn người đến chổ phạm các tội rất nặng. Một niệm Ái sanh ra gây độc hại đến vậy. Do nắm giữ cảnh định, nên sự phát ra rất mạnh mẽ, nên cái hại rất là lớn.

Mười thứ cảnh của Thiên Na như vậy đều do được tánh hư minh, dùng cái tâm thiền định cùng với vọng tưởng hư minh giao tranh thua thắng, nên có các sự dính mắc như bi,

cuồng, nhớ, khinh, lo buồn, hành dâm... đều rõ ràng là mắc vào Ma.

Kinh Đại Bát Nhã nói “Ma có thể vào tâm của tất cả chúng sanh, khiến quy y phe đảng của Ma, như keo như sơn. Chặt tay cắt chân không có gì khó vì sức Ma nghiệp giữ nêu như vậy”.

Cho đến chõ an ổn khinh an, cái tâm Không hiện tiền, tự tin là Phật, sao lại sai mất chánh định? Bởi vì, chánh định thì chưa hề chẳng hư, chưa hề chẳng minh, mà trọn chẳng có cái kiến giải Hư Minh. Kinh Pháp Hoa nói “Bám sâu pháp huy vọng, giữ chặt chẳng thể bỏ, bèn bài báng các người trì Giới”. Thế nên, hễ còn giữ cái Phật Kiến trong tâm thì tức là ma đó vậy.

Ngài Hàng Ma Tạng gặp Ngài Bắc Tông Tú.

Ngài Tú hỏi: “Ông tên là Hàng Ma, ở đây không có quy núi, ma cây, ông đổi lại thành Ma chẳng?”

Ngài Tạng: “Có Phật thì có Ma”.

Ngài Tú nói: “Ông nếu là Ma thì hẳn là an trụ cảnh giới bất tư nghì?”

Ngài Tạng nói: “Chính Phật cũng không, cảnh giới nào có?”

Lại nữa, Hòa Thượng Kỳ Lâm thường quát mắng Văn Thù, Phổ Hiền là yêu my, tay Ngài cầm kiếm gỗ tự nói là hàng phục ma. Vừa thấy nhà sư lại tham hỏi thì nói “Ma đến vậy! Ma đến vậy!”

Rồi lấy kiếm quơ loạn xạ, trở về phuơng trượng.

Như thế đến mười năm, sau đó cất kiếm đi mà không nói gì nữa.

Có nhà sư hỏi: “Mười hai năm trước, vì sao hàng ma?”

Đáp rằng: “Giặc cướp không đánh con nhà nghèo!”

Hỏi: “Mười hai năm sau vì sao chẳng hàng ma?”

Đáp rằng: “Giặc cướp không đánh con nhà nghèo!”

Cho nên, ban đầu thì lấy sự hàng phục để hàng ma, rồi thì lấy sự chẳng hàng phục để hàng ma. Theo như hai cách hàng ma ấy, mới thật là chẳng khởi tâm Thánh giải vậy, chỉ vì chẳng khởi tâm Thánh giải, nên chẳng phải là ma làm vậy.

Tô Lâm Tế đến tháp của Sơ Tô.

Viện chủ hỏi: “Lễ Phật trước hay lễ Tô trước?”

Tô Tế nói: “Phật, Tô đều chẳng lễ!”

Viện chủ nói: “Phật, Tô với ông có oan thù gì?”

Tô Tế phát tay áo mà đi ra.

Đây chẳng phải là chẳng lễ tháp miếu đây ư?

Tô Đơn Hà ở chùa Huệ Lâm gấp lúc tiết trời rất lạnh, lấy tượng Phật gỗ đốt hơ ấm.

Viện chủ la rằng: “Sao được đốt tượng Phật gỗ của tôi?”

Tô Hà lấy gậy bươi tro nói: “Tôi đốt để lấy xá lợi”.

Viện chủ nói: “Phật gỗ sao có xá lợi!”

Tổ Hà nói: “Đã không có xá lợi thì lại lấy hai vị đốt nữa!”

Viện chủ từ đó về sau, râu, mày rụng hết.

Ngài Đầu Tử nêu ra rằng: “Chẳng hiểu thì làm khách, phiền nhọc ông chủ nhân!”

Tụng rằng:

*“Hang xưa rêu lấp cửa lạnh tanh
Bay áy kinh nguy, chạy áy mê
Đêm khuya lạnh ấm Đinh Châu lửa
Chẳng hiểu, ông câu bỗng tự nghi”.*

Đây chẳng phải là phá hủy kinh tượng đấy ư? Chính vì hai vị viện chủ có Phật-Tổ-ma, có Kinh-Tượng-ma chắp ngang trong lồng ngực, nên hai Tổ Lâm Tế, Đơn Hà dùng thủ đoạn xuất cách để nhở bật đi, rốt cuộc lại chẳng tỏ ngộ. Cảnh giới của bậc đại nhân, chẳng phải là chổ biết, chổ tin của hạng tầm thường vậy.

D. PHẠM VI CỦA TƯỞNG ÂM

Kinh: “Anan, thiện nam tử kia tu Tam Ma Đề, khi thọ ấm hết rồi, tuy chưa hết các lậu, nhưng tâm rời khỏi hình hài như chim ra khỏi lồng. Từ phàm thân này tiến lên, trải qua sáu mươi Thánh Vị Bồ Tát, được Ý Sanh Thân, tùy ý đi lại không ngăn ngại, đã có thể thành tựu như vậy. Ví như có người ngủ say nói mớ, người ấy tuy không hay biết gì, nhưng lời nói đã thành âm vận, thứ tự khiến những người không ngủ đều hiểu được lời nói ấy. Đây là phạm vi của Tưởng Âm.

“Nếu động niệm hết, vọng tưởng vật vờ tiêu trừ, thì nơi Tâm Giác Minh như bỏ hết bụi dơ, một dòng sanh tử đầu đuôi soi sáng khắp, gọi là hết tưởng ảm. Người ấy mới có thể vượt khỏi phiền não trực, xét lại nguyên do thì gốc rễ là vọng tưởng dung thông.

“Anan, thiện nam tử kia, thọ ảm đã hưu diệu, không còn mắc các tà lỵ, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa thích sự tròn đầy sáng suốt, thúc đẩy tư tưởng thêm tinh nhạy, tham cầu thiện xảo. Bấy giờ Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, tự nói đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu thiện xảo kia, trải tòa thuyết pháp. Thân hình người đó giây lát, hoặc làm Tỳ Kheo cho người kia thấy, hoặc làm Đề Thích, hoặc làm phụ nữ, hoặc làm Tỳ Kheo ni, hoặc nằm trong nhà tối mà thân có hào quang chói sáng. Người tu hành kia mê dại làm cho là Bồ Tát, tin theo lời dạy, chao đảo cái tâm, phá luật nghi Phật, lén làm việc tham dục. Miệng Ma ưa nói sự rủi may, biến đổi, hoặc nói Như Lai ra đời chỗ này chỗ nọ, hoặc nói về kiếp hỏa, hoặc nói có đao binh làm người ta sợ hãi, khiến cho nhà cửa, sự nghiệp vô cớ hao tán. Đây gọi là Quái Quỷ, lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Anan, lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ảm đã hưu diệu, không còn mắc các tà lỵ, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam

Ma Đề tâm lại ưa thích đi chơi, cho tư tưởng bay đi, tham cầu trải qua nhiều chốn. Bấy giờ Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người ấy không biết bị Ma gá vào, rồi tự nói đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử muốn ngao du kia, trải tòa thuyết pháp. Hình người đó không thay đổi, nhưng những người nghe pháp bỗng tự thấy mình ngồi trên hoa sen báu, toàn thân hóa thành sắc vàng sáng chói. Cả thảy thính chúng, mỗi mỗi đều như vậy, được sự chưa từng có. Người tu hành kia mê dại làm cho là Bồ Tát, tâm trở nên dâm dật, phá luật nghi Phật, lén làm việc tham dục. Miệng Ma ưa nói các Đức Phật ứng hóa ra đời, người ấy, chỗ ấy là Đức Phật ấy. Người kia hóa thân đến đây tức là vị Bồ Tát kia, đến giáo hóa nhân gian. Người tu hành thấy thế, tâm sanh ngưỡng mộ, tà kiến âm thầm nổi lên, Chủng Trí tiêu diệt. Đây gọi là Bạt Quỷ lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ấm đã hưng diệu, không còn mắc các tà lỵ, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa thầm hợp, lặng đứng cái tư tưởng, tham cầu sự khế hợp. Bấy giờ Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết bị ma gá vào, rồi tự nói đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử muốn cầu khế hợp kia, trải tòa thuyết pháp. Hình người đó và những người nghe pháp bè ngoài không có gì thay đổi,

nhưng lại khiến cho các thính giả, trước khi nghe pháp, tâm đã tự khai ngộ, niêm niệm dời đổi. Hoặc được túc mạng thông, hoặc được tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết các việc lành dữ trong thế gian, hoặc miệng nói kệ, hoặc tự tụng kinh, mỗi mỗi đều vui vẻ, được sự chưa từng có. Người tu hành mê đại, làm cho là Bồ Tát, tâm sanh ra mê luyến, phá luật nghi Phật, lén làm chuyện tham dục. Miệng Ma thích nói rằng Phật có lớn, nhỏ, Phật X là Phật trước, Phật Y là Phật sau, trong đó cũng có Phật thật Phật giả, Phật trai, Phật gái. Các Bồ Tát cũng thế. Người tu hành thấy vậy, bỏ mắt bản tâm, dễ vào tà ngộ. Đây gọi là My Quỷ lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê làm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ấm đã hưu diệu, không còn mắc các tà lỵ, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đè, tâm lại ưa biết cái cội gốc, nơi sự vật biến hóa, muốn xét rõ cùng tột chung thủy. Thúc cái tâm sáng suốt thêm, tham cầu phân biệt, chia chẻ. Bấy giờ Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó thật không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu biết cái cội gốc kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó có uy thần làm cho những người cầu pháp đều kính phục, khiến cho thính chúng dưới pháp tòa tuy chưa nghe pháp, tự nhiên tâm đã phục rồi. Cả bọn họ đều cho rằng Niết Bàn, Bồ Đè, Pháp Thân của Phật chính là cái xác thịt

hiện tiền của ta đây; cha con sanh nhau, đời này sang đời khác, tức là Pháp Thân thường trụ chẳng dứt; đều chỉ hiện tại tức là cõi Phật, không có Tịnh Độ và Tướng Sắc Vàng nào khác. Người tu hành tin nhận, quên mất Tự Tâm, đem thân mạng mà quy y, được sự chưa từng có. Người ấy mê dại, làm cho là Bồ Tát, tu hành theo tâm ấy, phá luật nghi Phật, lén làm chuyện tham dục. Miệng Ma ưa nói rằng mắt, tai, mũi, lưỡi đều là Tịnh Độ; hai căn nam, nữ là chỗ đích thực của Bồ Đề, Niết Bàn! Hạng không biết kia đều tin lời do uế đó. Đây gọi là Cố Độc Quỷ và Áp Thắng Quỷ, lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tò biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê làm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ấm đã hưu diệu, không còn mắc các tà lỵ, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề lại ưa biết các việc trước sau, cứu xét cùng khắp, tham cầu được thầm cảm. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi cũng tự bảo đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu cảm ứng kia, trải tòa thuyết pháp. Có thể khiến cho thính chúng tạm thấy cái thân như đã trăm ngàn tuổi, tâm sanh ái nhiễm, không thể rời bỏ; đem thân làm nô bộc, cung đường tú sự chẳng biết mệt mỏi. Lại khiến cho mỗi ai nghe pháp dưới tòa tâm biết đó là vị tiên sư, là vị thiện trí thức của mình, riêng sanh lòng yêu pháp, khắn khít như keo sơn, được sự chưa từng có. Người tu hành mê dại, làm cho là

Bồ Tát, gần gũi tâm Ma, phá luật nghi Phật, lén làm chuyện tham dục. Miệng Ma ưa nói ta ở kiếp trước, trong đời X độ người Y, lúc đó là thê thiếp, anh em của ta, nên nay lại đến độ cho nhau, ta sẽ cùng các người theo nhau về thế giới X cúng dường Đức Phật Y. Hoặc nói có cõi trời Đại Quang Minh riêng biệt, Phật trụ nơi ấy, là chỗ nghỉ ngơi của tất cả chư Phật. Hạng không biết kia tin những lời lừa gạt đó, bỏ mất tự tâm. Đây gọi là giống Lệ Quỷ, lâu năm thành Ma, khuấy phá người tu. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ấm đã hưu diệu, không còn mắc các tà lỵ, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa đi sâu vào, cần khổ ép mình, thích chỗ vắng vẻ, tham cầu sự yên lặng. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu thầm lặng kia, trải tòa thuyết pháp, khiến cho thính chúng mỗi người đều biết nghiệp cũ của mình. Hoặc ở nơi đó, bảo với một người: “Ngươi nay chưa chết đã làm súc sanh”, rồi bảo một người khác đẹp cái đuôi đằng sau, thì khiến người đó đứng dậy không được. Cả thảy chúng ấy đều hết lòng khâm phục. Có người móng tay thì liền biết ý. Ngoài luật nghi của Phật ra, nó lại còn gia thêm khắc khổ, chê bai Tỳ Kheo, mắng nhiếc đồ chúng, phơi lộ việc người ta chẳng tránh sự cơ hiềm. Miệng Ma ưa nói những việc họa phúc chưa đến và khi

đến thì không sai mảy may. Đây gọi là Đại Lực Quỷ, lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử cùng thầy đều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ấm đã hưu diệu, không còn mắc các tà lỵ, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa thấy biết, cần khổ xét tìm, tham cầu biết túc mạng. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chõ thiện nam tử cầu hiểu biết kia, trải tòa thuyết pháp. Người tu hành bỗng nhiên ở chõ thuyết pháp được hạt châu báu lớn. Hoặc có khi Ma hóa làm súc sanh, miệng ngậm hạt châu cùng những vật kỳ lạ như đồ trân bảo, giản sách, phù độc, đến trao trước cho người tu hành, rồi sau đeo vào mình. Hoặc có khi Ma bảo người nghe pháp có hạt châu minh nguyệt chôn dưới đất chói sáng chõ đó, làm cho các thính giả được sự chưa từng có. Ma thường ăn cây thuốc chứ không ăn cơm. Hoặc có khi mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, hoặc hạt mạch, do sức Ma giữ gìn, thân hình vẫn béo tốt. Ma lại chê bai Tỳ Kheo, nhiếc mắng đồ chúng, chẳng tránh sự cơ hiềm. Miệng Ma ưa nói kho báu ở phương khác và chõ ẩn cư của Thánh Hiền thập phương. Những người đi theo sau Ma thường thấy có những người kỳ lạ. Đây gọi là giống Quỷ Thần Rừng Núi, Thổ Địa, Thành Hoàng, Sông Núi lâu năm thành Ma. Hoặc có khi kêu gọi làm điều dâm dục, phá giới luật Phật, cùng với kẻ thừa sự lén làm

việc ngũ dục. Hoặc có khi tinh tấn, ăn toàn cỏ cây. Việc làm không nhất định, cốt để khuấy phá người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa thì đệ tử và thầy phần nhiều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê làm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ấm đã hưu diệu, không còn mắc các tà lỵ, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa các thứ thần thông biến hóa, nghiên cứu nguồn gốc biến hóa, tham cầu có thần lực. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu thần thông kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó hoặc tay cầm ngọn lửa, nắm chia ngọn lửa trên đầu bốn chúng nghe pháp, ngọn lửa trên đỉnh đầu những người nghe pháp đều dài vài thước mà không nóng, cũng không đốt cháy. Hoặc đi trên nước như đi trên đất bằng, hoặc giữa hư không ngồi yên không động, hoặc vào trong bình, hoặc ở trong đáy, hoặc vượt cửa sổ, hoặc xuyên qua tường không chút ngăn ngại. Chỉ đối với đao binh thì không được tự tại. Người đó tự bảo là Phật, thân mặc bạch y, chịu Tỳ Kheo lễ bái, chê bai luật Thiền, mắng nhiếc đồ chúng, phơi lộ việc người không tránh sự cơ hiềm. Trong miệng thường nói thần thông tự tại, hoặc cho người thấy cõi Phật cạnh bên. Đó là do sức quỷ mê hoặc, không có gì chân thật. Người đó khen ngợi việc hành dâm, không từ bỏ những việc làm thô tục, đem những việc bậy bàn với nhau cho là truyền pháp. Đây gọi là những giống Sơn Tinh, Hải Tinh, Phong

Tinh, Hà Tinh, Thổ Tinh và những loài Tinh My của tất cả cỏ cây đã sống nhiều kiếp có sức lớn trong trời đất. Hoặc là Long My, hoặc là tiêu hết kiếp sống lại làm My. Hoặc tiêu đến hồi hết quả báo, kể năm thì phải chết, nhưng hình hài không tiêu mất, nên loài quái khác bám vào. Bọn ấy lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy rối chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy phần nhiều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê làm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ấm đã hư diệu, không còn mắc các tà lỵ, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa vào các chỗ diệt hết, nghiên cứu tánh biến hóa, tham cầu cái rỗng không sâu nhiệm. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc vô thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu rỗng không kia, trải tòa thuyết pháp. Ở trong đại chúng, hình người ấy bỗng hóa thành không, cả chúng không thấy gì, rồi lại từ hư không bỗng hiện ra, khi còn khi mất rất tự tại. Hoặc hiện cái thân rỗng suốt như ngọc lưu ly. Hoặc duỗi tay chân xuống phát mùi hương chiên đan. Hoặc đại, tiểu tiện như đường phèn cứng ngắc. Người đó chê phá giới luật, khinh rẻ bậc xuất gia, trong miệng thường nói không nhân không quả, một lần chết là xong hết vĩnh viễn, không còn có thân sau. Lại nói phàm, Thánh tuy đắc không tịch, vẫn lén làm chuyện tham dục, thọ dục ấy mà vẫn đắc tâm không, bác không nhân quả. Đây gọi là những giống Tinh Khí của Nhật, Nguyệt giao che; vàng, ngọc, chi

thảo, lân, phụng, quy, hạc trải ngàn vạn năm không chết trở thành tinh linh, sanh ra trong cõi nước, lâu năm thành Ma, khuấy rối người tu hành. Khuấy chán rồi, bỏ thân người không gá nữa, thì đệ tử và thầy phần nhiều sa vào lưới pháp luật. Ông nên tỏ biết trước thì khỏi lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Lại nữa, thiện nam tử kia, thọ ấm đã hưu diệu, không còn mắc các tà lỵ, Định tròn đầy phát sáng, trong Tam Ma Đề tâm lại ưa sống lâu, cần khổ nghiên cứu tinh vi, tham cầu sống mãi, bỏ cái sống phần đoạn mà trông mong cái tướng vi tế của biến dịch được thường trụ. Bấy giờ, Thiên Ma chờ được dịp ấy, cho tinh thần gá vào người khác, miệng nói kinh pháp. Người đó không biết bị Ma gá vào, rồi tự bảo đã đắc Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ thiện nam tử cầu sống lâu kia, trải tòa thuyết pháp. Người đó ưa nói đi qua phương khác rồi trở về không trở ngại, hoặc trải qua muôn dặm, giây lát trở lại mà đều lấy được đồ vật ở phương kia. Hoặc ở một chỗ hay trong nhà, cách chỉ vài bước bảo người ta đi từ vách phía đông qua vách phía tây, nhưng người ta đi mau cả năm không đến. Nhân đó người tu hành tin tưởng, cho là Phật hiện tiền. Miệng Ma thường nói mười phương chúng sanh đều là con ta, ta sanh chư Phật, ta sanh thế giới. Ta là Phật nguyên thủy, tự nhiên ra đời, chẳng nhờ tu mà đắc. Đây gọi là Thiên Ma trụ thế tự tại, nó khiến bọn quyến thuộc chưa phát tâm như bọn Giá Văn Trà hay đồng tử Tỳ Xá cõi Tứ Thiên Vương thích cái hưu minh đến ăn tinh khí người tu hành. Hoặc không nhân ông thầy, người tu hành chính tự mình xem thấy bọn đó đến xung là thần Chấp

Kim Cang ban cho trường thọ. Bọn đó hiện thân gái đẹp, thịnh hành việc dâm dục, làm cho chưa đến một năm, gan óc người tu khô kiệt, miệng lấm bẩm một mình nghe như yêu my. Người ngoài chưa rõ biết, nên phần nhiều mắc phải lưới pháp luật, và chưa kịp xử hình đã chết khô trước. Thế là bọn Ma khuấy phá người tu hành đến phải ốm chết. Ông nên tỏ biết trước thì chẳng lọt luân hồi, còn mê lầm không biết thì đọa ngục Vô Gián.

“Anan, phải biết rằng mười thứ Ma đó, trong thời mạt pháp, hoặc xuất gia tu hành trong giáo pháp của Ta, hoặc gá thân người, hoặc tự hiện hình, đều nói là đã thành Chánh Biến Tri Giác, khen ngợi dâm dục, phá luật nghi Phật. Trước là thầy Ác Ma cùng đệ tử Ma dâm dục truyền nhau, tà ma như vậy mê hoặc lòng dạ, ít thì chín đời, nhiều thì trăm đời, khiến cho người tu hành chân chánh đều làm quyền thuộc của Ma. Sau khi chết đi hẳn làm dân Ma, bỏ mất Chánh Biến Tri, đọa ngục Vô Gián.

“Các ông nay chưa nên vội nhận lấy Niết Bàn tịch diệt trước. Dầu đắc quả Vô Học, cũng phát nguyện vào trong đời mạt pháp kia, khởi tâm đại từ bi mà cứu độ cho chúng sanh tâm địa ngay chánh, lòng tin tha thiết, khiến họ không mắc vào tà ma, được tri kiến chân chánh. Nay Ta đã độ các ông ra khỏi sống chết; các ông tuân theo lời Phật, đó gọi là báo Phật ân.

“Anan, mười thứ cảnh hiện của Thiên Na như vậy đều thuộc về Tưởng Âm, do dụng tâm giao xen lẫn nhau mà hiện các việc đó. Chúng sanh mê dại, chẳng biết tự xét, gắp nhân

duyên ấy, mê chẳng tự biết, cho là lên bậc Thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục Vô Gián. Sau khi Ta diệt độ, các ông hãy đem lời nói này của Như Lai truyền dạy cho đời Mạt Pháp, khiến khắp chúng sanh đều tò ngộ nghĩa đó, không để cho Thiên Ma được dịp khuấy phá; giữ gìn che chở cho người tu hành thành Đạo Vô Thượng.

Thông rằng: Thọ ấm đã hết, tướng ấm chưa trừ, làm sao được thành tựu sáu mươi địa vị Thánh? Ấy là đã nhở bặt năm căn, tâm đã rời khỏi hình hài. Từ phàm thân đó, tiến lên trải nghiệm Bồ Đề: ban đầu dùng ba thứ tăng tiến, kế là dùng năm mươi lăm địa vị chân chánh của Bồ Đề, kết cuộc là, dùng hai cái Đẳng Giác và Diệu Giác, cộng thành sáu mươi Thánh vị. Gọi là Thánh là để phân biệt với phàm vậy.

Chưa thoát khỏi căn trần thì bị căn trần ngăn ngại, như chim ở trong lồng. Căn trần đã tiêu tan, thì sự sáng suốt theo căn mà phát ra, như chim ra khỏi lồng, được Ý Sanh Thân. Từ Sơ Địa đến Thập Địa, có ba thứ Ý Sanh Thân. Một là, *Nhập Tam Muội Lạc Ý Sanh Thân*, tức là tâm vắng lặng không động, tương tự với Sơ Tín đến Thất Tín, vào Không Vị. Hai là, *Giác Pháp Tự Tánh Ý Sanh Thân*, khắp vào Phật Sát, lấy Pháp làm Tự Tánh, tương tự Bát Tín, ra khỏi Giả Vị. Ba là, *Câu Sanh Vô Tác Ý Sanh Thân*, rõ chỗ chứng pháp của Phật, tức là Cửu Tín, Thập Tín, tu hành Trung Vị vậy. Ý Sanh Thân ở đây là bắt đầu của *Nhập Tam Muội Lạc Ý Sanh Thân*. Nhưng tướng ấm chưa phá, tức là như cái thấy trong nhà tối nói trước kia, như người ngủ nói mơ, lời nói đã thành âm vận thứ lớp, đó là do vậy mà tiến lên trải nghiệm sáu mươi Thánh vị, quyết định thành tựu,

khiến cho những người hết tưởng ám không còn ngủ say đều hiểu lời nói mớ ấy. Đây gọi là phạm vi của Tưởng Ám.

Nếu cái vọng tưởng vật vờ tiêu trừ, thì như mộng đã tỉnh thức, không còn bị cái tưởng ngăn che, trong bản thể Giác Minh tuyệt không mảy bụi, một dòng sanh tử đầu đuôi vẹn toàn, sáng tỏ. Sanh tử với Niết Bàn không khác tưởng, nên gọi là một dòng sanh tử. Sanh ấy là đầu, diệt ấy là đuôi. Chẳng thấy tưởng sanh, chẳng thấy tưởng diệt, nên nói là “Đầu đuôi soi sáng khắp”. Như cái gương sáng hết bụi, ánh sáng rực rỡ không còn nhiễu loạn, gọi là tưởng ám hết.

Tất cả phiền não, do tưởng niệm mà có. Thế nên, niệm hết tưởng tiêu, tâm sanh diệt liền diệt, phiền não từ đâu mà khởi, nên có thể vượt khỏi phiền não trược. Nguyên do sanh khởi của tưởng là vọng tưởng dung thông làm gốc. Tưởng hay hòa hợp, biến đổi, khiến tâm theo cảnh, cảnh theo tâm. Bằng cái động niệm hết, tâm cảnh liền đồng đều tiêu mất, nên có thể phá trừ cái vọng tưởng dung thông vậy.

Tham luyến cái thể hư minh thì Ma vào trong tâm. Nay chẳng đắm luyến hư minh, tựa hồ có cái nhiệm màu của sự dung thông, nên nói “Thọ ám hư diệu”, không còn mắc các tà lỵ. Nhưng trong Tam Ma Đề, cái ý dung thông chưa tiêu mất thì Ma bèn nương cái dung thông đó mà mê hoặc. Bởi thế, tâm mà ưa sự tròn đầy sáng suốt, tham cầu thiện xảo thì giống quái quỷ có tập quán tham lam, lâu năm thành Ma gá vào, nói và biến hóa các pháp thiện xảo để mê hoặc.

Tâm ưa ngao du phóng đãng, tham cầu dạo chơi thì giống Bạt Quỷ có tập quán dâm dục, lâu năm thành Ma gá vào, nói và biến hóa những pháp tà kiến để mê hoặc.

Tâm ưa thầm hợp, tham cầu được khé hợp thì giống Mỹ Quỷ có tập quán oán thù oán và giống Áp Thắng Quỷ có tập quán dối trá lâu năm thành Ma gá vào, nói và khai mở các pháp tha tâm và túc mạng thông để mê hoặc.

Tâm ưa biết cội gốc, tham cầu phân biệt chia chẻ thì giống Cổ Độc Quỷ có tập quán lừa dối lâu năm thành Ma gá vào, nói rằng hiện tiền là Phật để mê hoặc.

Tâm ưa sự cảm ứng huyền nhiệm, tham cầu sự cảm ứng linh nhiệm thì giống Lê Quỷ có tập quán giận dữ, lâu năm thành Ma gá vào, nói các pháp linh ứng huyền nhiệm độ thoát để mê hoặc.

Tâm ưa sự thâm nhập, thích ở chỗ vắng vẻ thì giống Đại Lực Quỷ có tập quán kiêu mạn lâu năm thành Ma gá vào, nói các pháp nhân quả vị lai để mê hoặc.

Tâm ưa tri kiến, tham cầu túc mạng thì giống quỷ núi rừng, thổ địa, thành hoàng, sông núi có thói quen dòm ngó lâu năm thành Ma, nói các pháp châubáukỳdịđểmêhoặc.

Tâm ưa thàn thông, nghiên cứu nguồn gốc biến hóa thì giống Quỷ nương theo người có thói quen tranh tụng, tất cả loài tinh my của núi sông, cây cỏ đã sống nhiều kiếp và loài tiên đến số chết bị loài quái bám vào, những loài ấy lâu năm

thành Ma gá vào, nói các pháp thần thông nắm ánh sáng, đi trên nước, đi qua vách, vào trong hũ... để mê hoặc.

Tâm ưa nhập diệt, tham cầu cái rỗng không sâu nhiệm thì giống hưu trưng có tập quán cong vạy, giống tinh khí của nhật, nguyệt, giống vàng ngọc, chi thảo, giống lân, phụng, quy, hạc không chết thành linh, lâu năm thành Ma, gá vào nói các thứ thuyết không nhân quả, ra vào hư không... để mê hoặc.

Tâm ưa sự sống lâu, tham cầu sống mãi, muốn bỏ cái thân phần đoạn để cầu cái tướng biến dịch vi tế cho là thường trụ, bèn đoạn trừ kiến hoặc và tư hoặc mà sanh sang cõi Pháp Tánh Thổ. Ma của thế gian không thể mê hoặc được, nên Thiên Ma Trụ Thế Tự Tại ở cõi Trời thứ sáu của Dục Giới sai các quyến thuộc Tỳ Xá, Giá Văn Trà đến khuấy phá người tu. Trong đám Tỳ Xá Giá, nếu đã phát tâm thì hộ trì chánh pháp, còn chưa phát tâm thi ăn tinh khí của người cho đến hiện thân làm gái đẹp khiến cho não, tuy của người khô kiệt, cũng thật ghê gớm vậy. Ấy là Đạo càng cao thì Ma càng thịnh, cho nên sự đề phòng không thể không nghiêm mật.

Phàm thiện xảo viên minh, du lịch cõi Phật, miên mật khế chứng, biện rõ cội nguồn, cảm ứng u huyền, thâm nhập tịch tĩnh, biết suốt túc mạng, thần thông vô ngại, vào diệt tận định, vĩnh kiếp chẳng hoại, đều là việc trong phận sự của người chân tu. Ở những điều đó mà cứu xét tinh tường cũng chẳng có gì là lỗi lầm, nhưng chỉ vì bắt đầu thì ưa, kế đó lại tham cầu, nên tâm có chõ vướng mắc, có vướng mắc tức là dục. Bởi thế, Ma nhân cái ưa này thỏa mãn cái tham cầu này mà dẫn dắt

bằng sự dâm dục, cho đến nỗi phá luật nghi chǎng hè lưu ý. Ma cũng để tâm nghiên cứu Niết Bàn, mà chỉ vì không thể đoạn dâm, nên lạc vào tà định của quý thần mà lấy việc phá hại người tu hành chánh đạo làm việc của mình. Hại người tu chánh đạo để họ về phe đảng của Ma, chǎng muỐn chánh đạo thành tựu vì chánh đạo mà thành tựu thì ý và tướng đều diệt, cung điện của loài Ma kia bị đố vỡ hết, há chǎng trăm mưu ngàn kế để phá ư?

Ngài Anan sau khi chọn lựa pháp viên thông nguyện độ hết thảy chúng sanh đời mạt pháp, Ngài suy nghĩ sâu xa rằng đời mạt pháp hạng tà sư nói pháp nhiều như cát sông Hằng, nên thừa hỏi cách an lập đạo tràng, lìa các Ma sự, trong Bồ Đề Tâm được không lui sụt, khuất phục. Đến đây Đức Thế Tôn chỉ rõ về tất cả các Ma sự, khiến cho những ai đã phát nguyện cứu độ chúng sanh đời mạt pháp khởi tâm đại từ bi khiến cho chúng sanh chǎng bị mắc vào tà ma, đắc Chánh Tri Kiến. Đinh ninh dặn kỹ về giới dâm, vì sợ rằng cơ dâm khó đoạn trừ vậy. Như Cô Ma Đǎng Già súc yếu, dùng loại thần chú Phạm Thiên cũng chưa có gì là độc đáo mà còn suýt phá luật nghi Phật, suýt hủy một giới, huống gì loại Ma cho tinh thần gá vào người, hiện ra đủ thứ thần biến thì há chǎng dễ bị mê hoặc ư?

Đại khái, Ma chỉ có ngũ thông mà thôi, mê hoặc bằng ngũ thông, mà cốt yếu là khen ngợi dâm dục, tài nghề chỉ có vậy. Nếu phá tướng ám, chúng lậu tận thông, trong không có gì ứng theo, thì ngoài có thể làm gì được? Như thế, Ma còn không thể nhìn thẳng mặt há dám khuấy rối ư?

Thiền sư Thiên Y Hoài khai thị đại chúng rằng: “Hai ngàn năm trước, Đức Đại Giác Thé Tôn muốn đem các Thánh Chúng lên cõi Trời Thứ Sáu để nói kinh Đại Tập, ra lệnh cho tất cả quỷ thần hung ác ở phương kia hay cõi này, dù nơi nhân gian hay trên trời đều đến tụ hội để nhận sự phó chúc của Phật mà ủng hộ chánh pháp. Nếu có ai không đến thì bốn vị Thiên Vương cõi bánh xe sắt lửa bay đi tìm bắt đến nhóm hội. Khi đã tụ hội rồi, không có ai không theo lệnh của Phật, mỗi vị đều phát nguyện rộng lớn ủng hộ chánh pháp.

“Chỉ có một vị Ma Vương nói với Thế Tôn: “Ngài Cù Đàm! Tôi đợi tất cả chúng sanh thành Phật hết rồi, cõi giới chúng sanh không còn, không còn cả cái danh từ chúng sanh, tôi mới phát Bồ Đề Tâm”.

“Lâm nguy chẳng đổi, chánh thật đại trượng phu!

“Này các nhân giả! Làm sao nói được một chuyền ngữ cho ông lão Cù Đàm mặt vàng hả hơi? Cái thần thông diệu dụng, trí huệ biện tài hàng ngày đến chỗ này đều xài chẳng được! Người khắp cõi Diêm Phù đại địa chẳng có ai không thích Phật. Đến trong ấy, cái gì là Phật? Cái gì là Ma? Liệu có ai biện ra được không?”

Giây lâu, Ngài nói: “Muốn rõ Ma ư? Mở mắt thấy sáng. Muốn rõ Phật ư? Nhắm mắt thấy tối. Ma với lại Phật, lấy cây trụ trượng xuyên suốt lỗ mũi cùng một lúc!”

Ngài Diệu Hỷ thay thế nói một chuyền ngữ: “Xém nữa gọi làm ông là Ma Vương!”

Câu này có hai cửa phụ, có người nào chỉ điểm ra được, hứa cho là đủ con mắt của ông tăng tu Thiền!

Hòa Thượng Bí Ma Nham ở Ngũ Đài Sơn thường cầm một cây gậy chảng hai, khi thấy vị tăng nào đến lễ bái liền lấy chảng hai kẹp cổ mà nói: “Con ma quý nào dạy ông xuất gia? Con ma quý nào dạy ông hành cước? Nói được thì xả chết tươi, nói không được cũng xả chết tươi. Nói mau, nói mau!”

Đám học trò ít ai đối đáp được.

Ngài Pháp Nhãn thay thế nói rằng: “Xin tha mạng!”

Ngài Pháp Đăng thay thế nói: “Chỉ cần đưa cổ ra dạy cho!”

Ngài Huyền Giác thay thế nói: “Này ông già, ném cây chảng hai đi được rồi đấy!”

Hòa Thượng Hoắc Sơn Thông đến thăm Hòa Thượng Bí Ma Nham, vừa thấy chảng lẽ bái, liền ném tuốt cây chảng hai vào trong bọc.

Ngài Nham vỗ lưng Ngài Thông ba cái.

Ngài Thông đứng lên, vỗ tay, nói: “Sư huynh ngoài ba ngàn dặm gạt tôi, nhé! Ngoài ba ngàn dặm gạt tôi, nhé!”

Rồi bỏ ra về.

Ở đây, các vị Tôn Túc hiển lộng thần thông, ngay đó mà khiến Ma nhìn không ra.

Một hôm, Tổ Quy Sơn hỏi Ngài Ngưỡng Sơn: “Kinh Niết Bàn bốn mươi quyển, nhiều ít là Phật nói, nhiều ít là Ma nói”.

Ngài Ngưỡng: “Đều là Ma nói”.

Tổ Quy nói: “Về sau không có người nào chịu ông cho nói”.

Ngài Ngưỡng: “Huệ Tịch tức là chuyện một lần, đi đứng tại chỗ nào?”

Tổ Quy nói: “Chỉ quý trọng con mắt ngay chánh của ông, chẳng nói sự đi đứng của ông!”

Cho nên nếu có thể có đủ con mắt pháp phân biệt thì không lo gì việc Ma vậy.

Quyển 10

E. PHẠM VI CỦA HÀNH ÂM

Kinh: “Anan, thiện nam tử kia, tu Tam Ma Đè, khi Tưởng Âm hết rồi thì những mộng tưởng bình thường của người ấy tiêu diệt. Thức, ngủ là một, tánh Giác Minh rỗng lặng như hư không trong trèo, không còn những sự tưởng tiền tràn thô trọng. Xem những núi sông, đất liền của thế gian như gương soi sáng, đến không chố dính, đi không dấu vết, rỗng thọ chiếu ứng, rõ ràng không còn các tập khí, chỉ thuần một tính Tinh Chân.

“Căn nguyên của sanh diệt từ đó phơi lộ ra, thấy được mười hai loài chúng sanh mười phương, rõ hết các loài. Tuy chưa thông suốt mạnh mẽ của mỗi chúng sanh nhưng đã thấy cái cơ sở sanh diệt chung, giống như bóng dã mã, vùn vụt lặng xăng sơ tượng hiện ra, làm cái then chốt phát sanh của phù cản trần. Đây gọi là phạm vi của Hành Âm.

“Nếu cái nguồn gốc của những chớp nhoáng lặng xăng đó nhập vào tánh lặng trong bản lai, những tập khí nguồn gốc lặng trong thành một phiến, như sóng mòi diệt hóa thành nước đứng, thì gọi là hành âm hết. Người đó liền vượt khỏi Chúng Sanh Trược. Xét lại nguyên do, cội gốc là vọng tưởng u ẩn.

“Anan, ông nên biết rằng các thiện nam tử được sự Chánh Tri trong Tam Ma Đè thì Chánh Tâm đứng lặng sáng suốt, mười loài Thiên Ma không còn được dịp khuấy phá, mới được cứu xét cùng tột cái cội gốc sanh loại. Nơi cái cội gốc sanh loại, nguồn gốc sự sống bày lộ ra. Xét cái cội nguồn máy động

lǎng xǎng tròn khắp gián phác u ẩn kia ở trong Tánh vốn toàn vẹn lại mống tâm so đo suy diễn, thì người đó rơi lọt vào hai thứ luận Vô Nhân.

“Một là, người đó thấy cái gốc vốn không có nhân. Vì sao thế? Người đó đã phá lộ hoàn toàn được cơ quan của sự sanh diệt, nương theo tám trăm công đức của nhẫn căn, thấy được trong tám muôn kiếp tất cả chúng sanh đều theo dòng nghiệp lực mà xoay vần, chết đây sanh kia. Chỉ thấy chúng sanh luân hồi trong đó, ngoài tám muôn kiếp thì mờ mịt không thấy gì, bèn khởi tâm suy diễn rằng những loài chúng sanh mười phương trong thế gian này trước tám vạn kiếp không có nhân, mà tự có. Do sự so đo suy diễn này, bỏ mất Chánh Biến Tri, rơi lạc vào ngoại đạo, mê làm Tánh Bồ Đề.

“Hai là, người đó thấy cái ngọn không có nhân. Vì sao thế? Người đó nơi sự sanh diệt đã thấy cội gốc, biết rằng người sanh người, rõ chim sanh chim, quạ xưa nay đen, hộc xưa nay trắng, người, trời thì thân đứng, súc sanh thì thân ngang, màu trắng không phải do tẩy mà thành, màu đen chẳng phải do nhuộm mà ra. Suốt tám muôn kiếp không hề dời đổi, sống hết đời này cũng lại vẫn vậy, mà mình xưa nay chẳng thấy Bồ Đề, làm sao có chuyện thành tựu Bồ Đề, rồi cho rằng tất cả sự vật ngày nay đều vốn không có nhân.

“Do so đo suy diễn như vậy, bỏ mất Chánh Biến Tri, rơi lạc vào ngoại đạo, mê làm Tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Nhất, lập ra luận Vô Nhân.

Thông rằng: Tưởng ám chưa hết thì khi thức bám lấy hình tướng, khi ngủ thành ra mộng mỵ, bởi thế đuối theo bóng dáng tiền trần thô trọng. Tưởng ám đã hết, bên trong giữ lấy sự yên tĩnh, vắng vẻ, thức ngủ là một, sự giác minh rỗng lặng như gương soi sáng, tuy không có dấu vết tới lui, vẫn còn có bóng dáng quang minh, vẫn còn là việc bên phía pháp trần. Trước đây, tiền trần ám che quấy nhiễu, chỉ tùy sanh diệt mà trôi lăn, chẳng thấy cái gốc nguồn, nay đã rỗng thọ chiêu ứng, chỉ thuần một tính Tinh Chân, sanh diệt đã dừng, do đó mà cái căn nguyên hiển lộ, thấy được cái cơ sở sanh diệt chung, miên miên mật mật, đổi dời vi tế, áy là sóng lăn tăn mà không gió. Đã mã là bụi lăng xăng, vùn vụt là chớp nhoáng vậy. Hành ám vi tế giống như bụi lăng xăng khi mặt trời chiếu qua khe cửa. Vùn vụt chớp nhoáng thì rõ là không có tướng trụ, chợt sanh chợt diệt, không còn ảnh tướng nặng nề nên gọi là lăng xăng sơ tượng (thanh nhiễu). Bốn Đại, cái lăng xăng sơ tượng là căn nguyên của phù căn tứ trần, thể của nó vốn không, là cái then chốt phát sanh, thật là ở chỗ này. Dính che tánh lặng trong mà phát khởi, thì có sáu căn. Từ người, trời cho đến trùng, kiến, không loài nào không có bốn đại, sáu căn, nên cái lăng xăng sơ tượng của bốn đại là cơ sở sanh diệt chung của mười hai loài chúng sanh. Đây gọi là phạm vi của Hành Ám.

Nếu thông đạt được biệt tướng thì có thể thấy mối manh của chúng sanh, huệ phước chẳng đồng đều vì do nhiều đời tích tập chủng tử mà phát hiện ra. Đó thuộc về phía thức ám, cho nên mới đến hành ám thì không suy lường được. Nhưng cái tánh lặng xăng ban sơ này của hành ám vốn tự không có

lặng xẳng, nên nói là nguyên tánh. Cái chõ không thể không bị nhiễu loạn ấy là do tập khí nhiều đời vậy, nên gọi là tập khí nguồn gốc. Tập khí không thể làm lặng đứng tập khí, chỉ có tánh về nguồn thì có thể lặng trong, dùng cái tánh lặng trong mà lặng đứng tập khí nguồn gốc thì sự trôi lăn dứt hết, như không có gió thì sóng lăn tăn diệt, liền hóa thành nước đứng vậy. Nước đứng yên cho đến chõ lặng trong chǎ̉ng chao động thì gọi là hành ấm hết, người ấy liền siêu việt Chúng Sanh Trược.

Chúng sanh trược nghĩa là sanh diệt chǎ̉ng dừng, dòng nghiệp thường trôi dời. Nay cái chǎ̉ng dừng đã dừng, chõ thường trôi dời ấy chǎ̉ng trôi dời nữa, hầu như vào Diệt Tận Định, nên là siêu việt. Nhưng hành ấm âm thầm dời đổi, chưa từng là Giác Ngộ, lấy cái vọng tưởng u ẩn làm gốc. Ở chõ u nhàn ẩn mật mà phá trừ được, chǎ̉ng phải là người triệt ngộ thì không thể làm nổi. Người đó thức ngủ là một, đó là được Chánh Tri, cũng như ở trước, "Động tĩnh chǎ̉ng dời, nhớ quên như một, trụ ngay chõ ấy mà vào Tam Ma Đề", cùng một đường mạch. Dùng đó làm tầng bậc phát ngộ thì nên, còn nǎm giữ mà cho là thật chứng thì không nên.

Bởi thế, tưởng ấm hết thì chánh tâm lặng sáng, các tà lụ tự chúng không từ đâu mà sanh, át mươi loại Thiên Ma cũng không có cơ duyên gì để vào. Thiên Ma chưa từng rời tà tưởng mà hiện được thần biến, nay tưởng ấm hết sạch, xem xét thấy cái cội nguồn lay động u ẩn giản phác là đã vào cõi trời Vô Tưởng vậy. Thiên Ma của sáu cõi trời Dục Giới chǎ̉ng thể trộm thấy được.

U ẩn giản phác là vốn không có chỗ động. *Lăng xăng tròn khắp* là động mà chưa từng động vậy, nên gọi là cội nguồn máy động. Cái cội nguồn máy động tuy là tròn khắp mà chẳng lìa sanh diệt, nên ở đây mà sanh so đo suy diễn thì đều là ở trong sanh diệt mà suy diễn ra sự Vô Nhân vậy.

Một là, thấy cái gốc vốn không có nhân, chẳng ngộ được nghiệp duyên thiện ác là duy thức tạo ra. Chỉ bằng vào cái sanh tướng tạm thời không có mà cái hành ám trôi chảy chẳng ngừng, ở trong Định này phát ra túc mạng thông, thấy trong tám vạn kiếp chúng sanh luân hồi như chiếc vòng không có đầu mối, bèn cho chúng sanh là không có nhân, tự nhiên mà có. Ngoài tám vạn kiếp mờ mịt không thấy gì, nên chẳng biết Bồ Đề là chánh nhân vậy.

Hai là, thấy cái ngọn không có nhân, chẳng ngộ được nghiệp quả thiện ác là do tâm chiêu cảm. Chỉ cậy vào sức thần thông có thể thấy sau tám vạn kiếp, mà cái tướng chưa dời đổi của nghiệp quả lâu dài, bèn cho rằng người, vật, đen, trắng, dọc, ngang xưa nay như vậy, chẳng phải do tu mà được, nên không biết Bồ Đề là cực quả.

Mê lầm tánh Bồ Đề thì chẳng gọi là Chánh Tri. Chỉ biết trước sau tám vạn kiếp thì chẳng gọi là Biến Tri. Ngoại đạo Mạt Già Lê nói rằng khổ vui của chúng sanh không do hành vi mà được, đều tự nhiên như vậy, chính là kiến giải này. Hai cái thuyết Vô Nhân này chỉ thấy đến chỗ thức thứ bảy không có gốc, nên sự truyền tống vào thức thứ tám tạm ngừng mà sanh ra sự so đo này. Vì thức thứ bảy bên trong chỉ nương theo thức

thứ tám, sanh mà không có gốc, nên cho là gốc vốn không nhân. Vì thức thứ bảy bên ngoài chỉ nương theo thức thứ sáu, nên cho là vô dụng, bèn bảo là ngọn không có nhân. Chỉ thấy sự trôi chảy không ngừng của thức thứ bảy, bèn cho rằng tự nhiên như vậy.

Thầy Kính Thanh hỏi Tô Linh Vân : “Hồn độn chưa phân thì thế nào ?”

Tô Vân nói: “Cây lộ trụ mang thai!”

Thầy Thanh: “Phân rồi thì thế nào?”

Tô Vân nói: “Như điểm mây trong bầu trời”.

Thầy Thanh: “Thế thì bầu trời có bị chấm không?”

Tô Vân không đáp.

Thầy Thanh rằng: “Như thế thì cả hàm linh chẳng có đến vậy?”

Tô Vân cũng không đáp.

Thầy Thanh: “Ngay đây được ròng trong không một điểm thì thế nào?”

Tô Vân nói: “Vẫn còn là cái chân thường trôi chảy”.

Thầy Thanh: “Như sao là chân thường trôi chảy”.

Tô Vân: “Tương tự gương thường sáng”.

Thầy Thanh: “Hướng thượng lại có việc gì chẳng?”

Tô Vân: “Có”.

Thầy Thanh: “Như sao là việc hướng thượng?”

Tổ Vân: “Đập vỡ gương rồi; cùng ông tương kiến!”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Phân với chưa phân: khung cửi ngọc ban đêm động. Điểm với chặng điểm: thoi vàng trong tối vất. Dầu là một sắc vàng ròng trong, chưa được mười phần yên ổn. Hãy nói đập vỡ gương rồi hướng về đâu tương kiến? Có hiểu chặng?”

*“Thở ngọc mất rồi trời thu sáng
Nước trong rồng thoát cốt tức thời”.*

Cái chân thường trôi chảy nhặt nhiệm này vừa vặn phù hợp với hành ấm, Tương tự gương thường sáng, cũng là gương soi sáng của Kinh không khác. Nếu đập vỡ gương đi mà tương kiến, như rồng nơi nước trong thoát cốt mà ra khỏi thì chuyển ngay thành trí vậy. Đâu phải chỉ phá hành ấm mà thôi ư?

Kinh: “Anan, trong Tam Ma Đề đó, các thiện nam tử chánh tâm lặng sáng, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường máy động kia, trong Tánh Viên Thường lại khởi lên so tính thì người ấy sa vào bốn cái Luận Biến Thường.

“Một là, người ấy xét cùng tánh của tâm cảnh, cả hai đều không có nhân. Tu tập biết được trong hai vạn kiếp mười phương chúng sanh, chỗ có sanh diệt đều là xoay vần, chưa hề tan mất, nên chấp đó là thường.

“Hai là, người ấy xét cùng nguồn gốc tú đại, thấy bốn đại thường trụ. Tu tập biết được trong bốn vạn kiếp, mười phương

chúng sanh, chỗ có sanh diệt đều nằm trong bản thể thường hằng, chưa hề tan mất, nên chấp đó là thường.

“Ba là, người ấy xét cùng sáu căn, trong tâm, ý và thức của mặt na thức chấp thọ thì thấy cái gốc gác nguyên do tánh vẫn thường hằng. Tu tập biết được trong tâm vạn kiếp, tất cả chúng sanh xoay vần chẳng mất, bần lai thường trụ. Xét cùng cái tánh chẳng mất đó, chấp ấy là thường.

“Bốn là, người ấy đã hết tưởng ảm, cái lẽ sanh diệt không còn, sự trôi chuyển dừng lặng, tâm tưởng sanh diệt nay đã vĩnh viễn diệt dứt. Trong lý tự nhiên thành ra cái chẳng sanh diệt. Do tâm so tính mà chấp đó là thường.

“Do những sự chấp thường ấy, bỏ mất Chánh Biến Tri, sa vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Hai, lập ra những luận Viên Thường.

Thông rằng: Lập ra luận Vô Nhân là vì thấy đoạn, lập ra luận Viên Thường là do thấy thường. Suy ra "Cũng đoạn cũng thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường" đều không ra khỏi tà kiến đoạn-thường. Cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại cho đến cội nguồn máy động thì thấy nó hư rỗng mà càng phát ra, động mà chẳng cùng, bèn chấp là thường. Từ rộng đến hẹp, từ thô đến tinh, đại khái có thứ lớp: Một là, thông đạt rằng năm ảm, bốn đại, tâm cảnh cả hai đều không có nhân mà tự có, tuân hoàn chẳng mất. Hai là, chỉ thấy cái tánh của bốn đại thanh tịnh, có thể thành cái sắc ảm của chúng sanh, thể thường bất biến. Ba là, chỉ thấy tâm thức, sáu căn nương vào thức thứ

bảy Mạt Na, chấp thọ là tâm, chấp thọ là ý, chấp thọ là thức. Bốn nguyên của các thứ này là hành ám. Chúng sanh tuy có tuần hoàn mà hành ám chẳng mất, thì cái thức thứ bảy này là tánh thường trụ. Như nhìn nước chảy xiết mà cho là đứng yên. Đây chính là "Vô thủy đến nay, nguồn sanh tử. Người si lại gọi Bốn Lai Nhân".

Bốn là, nhận làm hành ám là lý Tự Nhiên, cho rằng cái tâm tưởng sanh diệt đã diệt hết, thì chỗ diệt dứt vĩnh viễn đó tự nhiên thành cái chẳng sanh diệt. Vậy là ở trong sanh diệt mà chấp là chẳng sanh diệt. Ví như thấy hư không bèn cho là thường trụ, chẳng biết hư không cũng có thể diệt. Lại nữa, nhân nơi tâm mà so tính cho là thường, thì chẳng thể so sánh với cái thấy chân thật cái thường vậy.

Bốn cái chấp này còn chưa thấy được sự trôi chảy thường hằng của thức thứ tám, huống là chuyên thức để thấy tánh Bồ Đề ư?

Thầy Thụy Nham hỏi Tô Nham Đầu: “Như sao là lý bốn thường?”

Tô Đầu nói: “Động”.

Thầy Nham: “Khi động thì sao?”

Tô Đầu: “Chẳng thấy lý bốn thường!”

Thầy Nham dừng lại suy nghĩ.

Tô Đầu nói: “Chịu thì chẳng thoát căn Trần. Không chịu thì mãi chìm sanh tử”.

Thầy Nham lẽ bái.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Viên châu (ngọc) chẳng xoi lỗ
Ngọc khỏi chẳng phải mài
Đạo nhân vốn quý không góc cạnh
Khẳng định vất đì, căn Trần không
Thoát thể vô y, đời tự tại”.*

Đây là chỗ xưa nay thường trụ, thấy cái cực chân. Một chữ Khẳng (01) còn vất bỏ đi, huống là so đo chấp thọ Thần Ngã để sa vào hang tối Viên Thường, rốt rồi chìm đắm, há có thể Thường được ư?

Kinh: “Lại nữa, trong Tam Ma Đè, các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường máy động kia, lại khởi tâm so tính ra cái Ta và cái khác Ta, thì người ấy sa vào bốn kiến chấp đên đảo, là những luận Một phần Vô Thường, một phần Thường.

“Một là, người ấy xét thấy cái tâm diệu minh lặng nhiên khắp mười phương cõi, cho là Thần Ngã rốt ráo. Từ đó suy diễn rằng Ta khắp cả mười phương, lặng sáng chẳng động, còn tất cả chúng sanh, ở trong tâm Ta tự sanh tự chết. Vậy thì tâm tánh của Ta gọi là Thường, còn các thứ sanh diệt kia là tánh Vô Thường.

“Hai là, người ấy không xét xem cái tâm, lại xét xem khắp mười phương hằng sa cõi nước, thấy chỗ kiếp hoại thì cho là

chủng tánh rốt ráo vô thường, còn chỗ kiếp chẳng hoại thì gọi là rốt ráo thường.

“Ba là, người ấy xét xem riêng cái tâm mình, thấy nó tinh tế nhỏ nhiệm giống như vi trần, lưu chuyển mười phương, tính không dời đổi. Có thể khiến thân này liền sanh liền diệt. Cho cái tánh chẳng hoại đó là tính thường của mình, còn tất cả sự sanh tử từ tánh ấy sanh ra thì gọi là tánh vô thường.

“Bốn là, người ấy biết tưởng ám hết, thấy dòng hành ám, chấp rằng sự trôi chuyển không ngừng của hành ám là tánh thường, còn sắc, thọ, tưởng nay đã diệt hết thì cho là vô thường.

“Do sự so tính Một phần Vô Thường, một phần Thường đó mà sa lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Ba, lập ra những luận Một Phần Thường.

Thông rằng: Đây là kiến chấp Cõng Thường, cũng Vô Thường vậy. Cái Tâm vốn diệu minh, khắp cả mười phương cõi chưa từng chẳng phải, chỉ vì chấp đó là Thần Ngã thì liền chẳng phải vậy. Riêng chấp đó là ngã, chính là cái ý thức chấp thọ vào Mạt Na Thức, tuy nói là lặng sáng chẳng động mà thật ra trong đó trôi chảy nhỏ nhiệm, ấy là chủng tử sanh diệt lại chẳng tự hay biết. Đã lấy cái tâm tánh tạm thời chẳng động mà cho là thường, lại lấy sự sanh diệt của tất cả chúng sanh mà cho là tánh vô thường, bèn cái cùng khắp mười phương ấy hóa ra có hai cái ngã, há chẳng điên đảo ư?

Không luận tâm tánh, chỉ luận về cõi nước, thì Tam Thiền trở xuống còn chịu Tam Tai nên cho là vô thường. Tứ Thiền trở lên chẳng còn Tam Tai nên cho là rốt ráo thường.

Không luận về cõi nước, chỉ luận tâm tánh, thì tánh không dời đổi cho đó là tánh thường của mình. Chết đây, sanh kia thì cho là tánh vô thường.

Ban đầu, hợp cái Ta và cái khác Ta gồm lại mà tính thường với vô thường. Rồi phân cái Ta và cái khác Ta để mỗi cái cho là thường, vô thường. Rồi lại lấy hành ấm làm cái Ta, sắc, thọ, tưởng làm cái khác Ta. Hành ấm thường trôi chuyển, bèn cho là tánh thường. Sắc, thọ, tưởng đã diệt hết thì cho là tánh vô thường. Ở trong Nhất Tâm mà phân ra thường với vô thường, thế là tâm có hai vậy. Há chẳng điên đảo ư? Ở đây so với luận viên thường ở trước thì sự không câu chấp ít hơn, nhưng cái Đầu Nguồn (Nguyên Đầu) chẳng rõ nêu đều thuộc về sự so tính lầm lẫn.

Quốc sư Huệ Trung hỏi nhà sư: “Phương nào đến?”

Đáp rằng: “Phương Nam đến”.

Quốc sư rằng: “Tri thức phương Nam dạy người như thế nào?”

Nhà sư đáp: “Tri thức phương kia chỉ bày cho người học Đạo ngay đây tức Tâm tức Phật. Phật là nghĩa Giác. Hiện nay các ông hẵn sẵn đủ cái tánh của thấy, nghe, hay, biết. Cái Tánh này đây thiệt hay nhường mày, nháy mắt, vận dụng tới lui khắp ở trong thân. Chạm đầu, đầu biết; chạm chân, chân hay

nên gọi là Chánh Biến Tri. Lìa ngoài cái ấy không còn Phật nào khác. Thân này thì có sanh diệt, còn Tâm Tánh vô thủy đến nay chưa từng sanh diệt. Thân sanh diệt thì như rồng thay cốt, rắn đổi da, người ra nhà cũ. Tức thân là vô thường, tánh ấy là thường vậy. Lời dạy phuơng Nam đại khái là thế”.

Quốc sư nói: “Nếu vậy, thì khác gì Tiên ni ngoại đạo đâu? Họ nói rằng: Trong thân này của ta có một Thần Tánh. Tánh này hay biết đau, ngứa. Khi thân hoại rồi, cái thân ắt ra đi, như nhà bị cháy thì chủ ra đi. Nhà thì vô thường, chủ nhà thì thường.

“Xét xem như vậy, thì tà chánh chẳng biện, gì là phải đây? Ta từng du phuơng, thấy nhiều loại này, gần đây lại càng thịnh hành. Nhóm lại năm, ba trăm chúng, mắt thấy mơ hồ, bảo đó là “Tông chỉ Nam Phuơng”. Lấy cuốn Đàm Kinh kia mà sửa đổi, thêm thắt lộn xộn, bỏ tiêu Thánh ý, làm cho lầm loạn người hậu học, há thành lời chỉ dạy ư? Khô thay cho tông chỉ nhà ta lấp vùi đó vậy. Nếu cho thấy, nghe, hay, biết là Phật Tánh thì lẽ ra Đức Tịnh Danh chẳng có nói. Pháp lìa thấy, nghe, hay, biết: Nếu hành thấy, nghe, hay, biết thì chỉ là thấy, nghe, hay, biết chẳng phải thật là cầu pháp.

Nhà sư lại hỏi: “Kinh Pháp Hoa Liễu Nghĩa khai Phật Tri Kiến, đó lại là tại sao?”

Quốc sư rằng: “Đấy nói “Khai Phật Tri Kiến, chẳng nói Bồ Tát, Nhị Thừa”, thì há có thể lấy chuyện si mê điên đảo của chúng sanh mà cho là đồng tri kiến của Phật ư?”

Thầy Hành Xương hỏi Đức Lục Tổ: “Đệ tử thường xem kinh Niết Bàn mà chưa hiểu nghĩa thường với vô thường. Xin thầy giải thích cho”.

Tổ nói: “Vô thường đó, tức là Phật Tánh vậy. Hữu thường đó, tức là hết thảy các pháp thiện, ác của tâm phân biệt vậy”.

Bạch rằng: “Chỗ nói của Hòa Thượng rất trái với kinh văn”.

Tổ nói: “Ta truyền tâm ấn Phật, đâu dám trái kinh Phật”.

Bạch rằng: “Kinh nói “Phật Tánh là *Thường*, Hòa Thượng lại nói là *Vô Thường*. Các pháp thiện ác cho đến Bồ Đề Tâm đều là *Vô Thường*, Hòa Thượng lại nói là *Thường*. Thế là trái nhau, khiến cho học nhân này càng thêm nghi hoặc”.

Tổ nói: “Kinh Niết Bàn ta đã nghe ni cô Vô Tận Tạng đọc tụng một lần, bèn giảng nói cho nghe, không một chữ, một nghĩa nào chẳng hợp với kinh văn. Đến nay vì ông cũng không nói khác”.

Bạch rằng: “Chỗ biết của học nhân cạn cợt tối tăm, mong Hòa Thượng chỉ bày tường tận”.

Tổ nói: “Ông biết không? Phật Tánh nếu thường thì còn nói gì các pháp thiện ác, vì cho đến cùng kiếp cũng chẳng có một người nào phát Bồ Đề Tâm, cho nên ta nói vô thường, chính là cái mà Phật nói là đạo chân thường vậy. Lại nữa, tất cả các pháp nếu vô thường thì mỗi vật đều có tự tánh, dung chứa sự sanh tử thì cái tánh chân thường có chỗ chẳng cùng khắp, cho nên ta nói thường, chính là cái mà Phật nói là nghĩa

chân vô thường vậy. Xưa, Phật vì hàng phàm phu ngoại đạo chấp vào cái tà thường, hàng Nhị Thừa ở nơi thường lại cho là vô thường, cộng lại thành Bát Đảo. Nên trong kinh Niết Bàn Liễu Nghĩa, phá các biên kiến kia mà hiển bày cái Chân Thường, Chân Lạc, Chân Ngã, Chân Tịnh.

“Ông nay nghịch với nghĩa kinh, lấy cái vô thường đoạn diệt với cái tử thường cố định mà hiểu làm lời dạy tinh tế viên diệu sau cùng của Phật. Dẫu có xem cả ngàn lần, phỏng có ích gì?”

Thầy Hành Xương hốt nhiên đại ngộ, bèn đọc bài kệ:

*“Bởi giữ vô thường tâm
Phật nói hữu thường tánh
Chẳng biết pháp phương tiện
Dường lượm sỏi ao xuân
Giờ chẳng phải thi công
Mà Phật Tánh hiện tiền
Chẳng phải thầy trao cho
Tôi cũng không chô đặc”.*

Tổ nói: “Giờ ông đã thấu triệt, nên gọi là Chí Triệt”.

Thầy Hành Xương lễ tạ, lui ra.

Cái nghĩa Thường, Vô Thường rất sâu xa như thế này, thì các hàng ngoại đạo cũng chưa hề mộng thấy.

Kinh: “Lại nữa, trong Tam Ma Đề các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản

phác u ẩn thường máy động kia, lại sanh so tính về phận vị, thì người ấy sa vào bốn cái luận Hữu Biên.

“Một là, người ấy so tính cái cội nguồn sanh diệt lưu chuyển không ngừng, chấp quá khứ, vị lai là Hữu Biên, còn cái tâm tương tục là Vô Biên.

“Hai là, người ấy xét xem trong tám vạn kiếp thì thấy chúng sanh, còn trước tám vạn kiếp thì bất không thấy nghe gì, rồi gọi chỗ không thấy nghe gì là Vô Biên, còn chỗ có chúng sanh là Hữu Biên.

“Ba là, người ấy cho rằng mình biết cùng khắp là được cái tánh Vô Biên, còn tất cả các người kia hiện ra trong cái biết của mình mà mình không hề biết cái tánh biết của họ, vậy thì họ không được cái tâm Vô Biên, chỉ có tánh Hữu Biên.

“Bốn là, người ấy xét cùng hành ám là không, dùng chỗ thấy biết của mình mà so lường, trừ tính rằng trong một thân của tất cả chúng sanh đều là nửa phần sanh, nửa phần diệt, và chấp rằng tất cả sự vật có ra trong thế giới đều một nửa là Hữu Biên, một nửa là Vô Biên.

“Do sự suy tính Hữu Biên, Vô Biên này mà sa lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Tư, lập ra những luận Hữu Biên.

Thông rằng: Đây là ở nơi thường, vô thường theo đó mà khởi ra cái hữu biên, vô biên. Luận về thường, vô thường thì dùng cái Tánh mà nói, thuộc về kiến phần. Về hữu biên, vô

biên thì dùng phận vị mà nói, thuộc tướng phần. Một là, phận vị ba đời. Hai là phận vị thấy, nghe. Ba là, phận vị ta-người. Bốn là phận vị sanh diệt. Tất cả đều giới hạn trong phận vị của hành ám mà vọng sanh ra so tính.

Một là, do hành ám lưu chuyển không ngừng nên cho sự lưu chuyển là tam tế quá khứ, hiện tại, vị lai mà gọi là hữu biên. Còn cho sự không ngừng là tiếp nối không có bờ mé, mà gọi là Vô Biên.

Hai là, chỉ so tính trong chỗ thấy, nghe được chúng sanh trong tám vạn kiếp mà gọi là Hữu Biên, còn ngoài tám vạn kiếp không thấy, nghe gì nên gọi là Vô Biên.

Ba là, cho rằng mình biết cùng khắp tất cả chúng sanh, đó là tánh Vô Biên, còn Tánh Biết của chúng sanh có cùng khắp hay không thì chỉ họ tự biết, chứ mình chẳng hề biết. Vậy chúng sanh bị hạn cuộc nơi sự tự biết, chẳng thể thông tiếp với mình, nên chỉ có tánh Hữu Biên.

Bốn là, xét cùng hành ám là không, thấy rằng trước có mà nay không. Do đó, so tính rằng chánh báo của chúng sanh nửa sanh, nửa diệt, thế giới y báo cũng nửa sanh, nửa diệt. Nửa sanh là Hữu Biên, nửa diệt là Vô Biên.

Bốn cái luận Hữu Biên này đều không ra khỏi sự tuẫn hoàn sanh diệt của chúng sanh và các kiến chấp kiếp hoại hay chẳng hoại nói ở trước, chỉ đặc biệt so tính về hữu biên và vô biên.

Có nhà sư hỏi Quốc Sư Huệ Trung (tiếp theo đoạn trước): “Có vị trí thức chỉ bày kẻ học nhân này rằng: “Chỉ tự biết tánh. Khi rõ vô thường, ném bỏ cái xác phiền não một bên rồi, cái chỗ cao linh trí tánh, rỗng rang mà lui về, gọi là giải thoát”. Theo đây thì thế nào?”

Quốc sư nói: “Trước đã nói rồi, vẫn còn là cái hạn lượng của hàng Nhị Thừa, ngoại đạo. Nhị Thừa chán ghét sanh tử, ưa thích Niết Bàn. Ngoại đạo cũng nói “Ta có hoạn nạn lớn, vì ta có thân”, bèn vui về Minh Đế. Tu Đà Hoàn buộc vào tám vạn kiếp, ba quả kia buộc vào sáu, bốn, hai vạn kiếp. Bậc Bích Chi Phật trụ trong Không định một vạn kiếp. Ngoại đạo trụ trong Phi Phi Tưởng tám vạn kiếp. Nhị Thừa hết kiếp còn có thể hồi tâm hướng Đại Thừa, còn ngoại đạo liền trở lại luân hồi”.

Hỏi rằng: “Phật Tánh một giống hay khác?”

Quốc sư nói: “Chẳng thể một giống”.

Hỏi rằng: “Sao vậy?”

Quốc sư nói: “Hoặc có thứ toàn chẳng sanh diệt, hoặc nửa sanh nửa diệt, nửa chẳng sanh diệt”.

Hỏi rằng: “Vì sao mà giải thích như vậy?”

Quốc sư nói: “Phật Tánh ngay đây của tôi hoàn toàn không có sanh diệt, Phật Tánh phương Nam của ông thì nửa sanh nửa diệt, nửa chẳng sanh diệt”.

Hỏi rằng: “Phân biệt chỗ nào?”

Quốc sư nói: “Đây thì thân tâm nhất như, ngoài thân không có gì khác, thế nên toàn vẹn chẳng sanh diệt. Còn phương Nam của ông thì thân là vô thường, Thần Tánh là thường, bởi thế mà *nửa sanh nửa diệt, nửa chẳng sanh diệt*”.

Hỏi rằng: “Cái sắc thân của Hòa Thượng há đồng được với Pháp Thân chẳng sanh diệt ư?”

Quốc sư nói: “Sao ông lại vào tà đạo thế?”

Thura rằng: “Học nhân này sao mà vào tà đạo?”

Quốc sư nói: “Ông chẳng thấy kinh Kim Cang nói “Thấy sắc, cầu thanh đều là hành tà đạo” ư? Nay chỗ thấy của ông chẳng phải vậy sao?”

Thura rằng: “Tôi đã từng đọc giáo lý Đại Thừa, Tiểu Thừa, cũng thấy có nói cái chỗ trung đạo chánh tánh chẳng sanh chẳng diệt, cũng thấy có nói rằng âm này diệt, âm kia sanh, thân có đổi thay mà Thần Tánh chẳng diệt. Đâu có thể bác bỏ hết giống như hai kiến chấp đoạn, thường của ngoại đạo?”

Quốc sư nói: “Ông học cái đạo chân chánh xuất thế vô thượng hay là học hai cái kiến chấp đoạn, thường sanh tử của thế gian? Ông há chẳng thấy Tô Triệu Công nói “Nói chân thì ngược tục, theo tục thì ngược chân” ư? Ngược với chân nên mê tánh mà chẳng quay lại. Nghịch với tục nên lời nói đậm bậc không mùi vị. Hạng trung căn nghe thì như nhớ như quên. Hạng hạ căn nghe thì vỗ tay mà cười. Nay ông muốn học theo người hạ liệt mà cười Đại Đạo ư?”

Đáp rằng: “Thầy cũng nói “Túc Tâm là Phật”, bậc trí thức phương Nam cũng nói thế, có gì là khác đâu? Thầy lẽ ra chớ nên cho mình phải mà họ quấy”.

Quốc sư nói: “Hoặc là tên khác, thể đồng; hoặc là tên đồng mà thể khác. Bởi đó mà lầm lộn. Chỉ như Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tánh thì danh khác mà thể đồng. Còn Chân Tâm, vọng tâm, Phật Trí, thể trí thì tên đồng mà thể khác. Vì phương Nam lầm đem cái vọng tâm mà cho là Chân Tâm: nhận giặc làm con. Năm giữ cái thể trí mà xưng là Phật Trí, giống như con mắt cá mà lầm lộn với ngọc minh châu. Không thể phụ họa theo được, cần phải phân biệt đúng sai rõ ràng”.

Hỏi rằng: “Làm sao lìa được lối ấy?”

Quốc sư nói: “Ông chỉ khéo quan sát rõ ràng trở lại ấm, giới, nhập, xứ, mỗi mỗi đều tìm xét tận cùng, coi có được mảy tơ hào nào chăng?”

Thura rằng: “Rõ ràng quan sát đó, chẳng thấy có một cái gì khá được”.

Quốc sư nói: “Ông phá hoại tướng thân tâm ư?”

Đáp rằng: “Thân tâm tánh lìa, có gì để hoại?”

Quốc sư nói: “Ngoài thân lại có vật chăng?”

Đáp rằng: “Thân tâm không có ngoài, đâu lại có vật ư?”

Quốc sư nói: “Ông phá hoại tướng thế gian ư?”

Đáp rằng: “Thế gian tướng chính là vô tướng, nào dùng đến chuyện hoại”.

Quốc sư nói: Như thế đó, tức lìa lõi vậy. Kinh Hoa Nghiêm nói “Một niệm quán khắp vô lượng kiếp, không đi, không đến, cũng không trụ. Như thế rõ biết sự ba đời, siêu các phương tiện thành thập lực”.

Đây là chỗ nói “Tự, tha chẳng cách hở mảy lông, thủy chung chẳng rời ngay đương niệm”. Chẳng biết cái kiến giải Hữu Biên, Vô Biên do đâu mà kiến lập?

Kinh: “Lại nữa, trong Tam Ma Đề các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường mảy động kia, trong chỗ tri kiến lại khởi sanh so tính thì người đó sa lạc vào bốn thứ luận hư vọng biến kẽ điên đảo, Bất Tử càn loạn.

“Một là, người ấy quan sát cái cội nguồn biến hóa, thấy chỗ dời đổi thì gọi là biến, thấy chỗ tương tục thì gọi là thường. Thấy chỗ thấy được thì gọi là sanh, chỗ không thấy được thì gọi là diệt. Chỗ các nhân tương tục, không có gián đoạn thì gọi là tăng, chính trong tương tục, chỗ rời nhau ở giữa thì gọi là giảm. Chỗ sanh ra của mỗi cái thì gọi là có, chỗ mất đi của mỗi cái thì gọi là không. Dùng lý quán sát tất cả, dụng tâm thấy riêng biệt nhau. Có người cầu pháp đến hỏi nghĩa lý thì đáp rằng “Ta nay cũng sanh, cũng diệt, cũng có, cũng không, cũng tăng, cũng giảm”. Trong mọi thời đều nói nũng lộn xộn, khiến cho người nghe làm loạn chữ nghĩa.

“Hai là, người ấy quán kĩ cái tâm đắp đổi không nơi chốn, nhân cái Không mà cho là chứng, có người đến hỏi, chỉ đáp một chữ, chỉ nói là Không. Ngoài chữ Không ra không nói gì cả.

“Ba là, người ấy quán kĩ cái tâm mỗi mỗi đều có chỗ, nhân cái Có mà cho là chứng, có người đến hỏi, chỉ đáp một chữ, chỉ nói là Phải. Trừ chữ Phải ra, không nói gì cả.

“Bốn là, người ấy chấp cả Có và Không. Cái cảnh đã phân chia như vậy thì cái tâm cũng lộn xộn. Có người đến hỏi thì đáp rằng: Cũng Có tức là cũng Không, trong cái Cũng Không chẳng phải là Cũng Có. Tất cả đều càn loạn, không thể nói hết được.

“Do những so tính, càn loạn trống rỗng như vậy mà sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Năm, lập ra bốn thứ luận hụ vọng Biến Kế điên đảo, Bất Tử càn loạn.

Thông rằng: Đây vẫn là kiến chấp Cũng Có cũng Không vậy. Ở trên nói “Thường, Vô Thường”, “Hữu Biên, Vô Biên” thì còn có phân biệt, chưa đến nỗi lộn xộn. Ở đây thì nói “Tức Thường, tức Vô Thường”, “Tức Hữu Biên, tức Vô Biên” tất cả đều càn loạn, không thể nói cho cùng. Thật là một thứ lý luận hư vô hoang đường, quá sức điên đảo vậy.

Theo sự trôi dời của chỗ hữu biên ở trên thì gọi là Biến, chỗ vô biên tương tục thì gọi là Thường, chỗ thấy trong tám vạn kiếp thì gọi là Sanh, chỗ không thấy ở ngoài tám vạn kiếp

thì gọi là Diệt. Lại ở trong chõ tương tục không gián đoạn so tính cho là Tăng như mặt trăng mọc đầy dần lên, ở trong chõ lìa nhau thì cho là Giảm như mặt trăng khuyết dần dần. Lại ở nơi chõ sanh ra của mỗi vật mà gọi là Có, chõ mất đi mà gọi là Không.

Ở nơi sự sanh diệt của một cái hành ám mà phân làm tám nghĩa. Dùng lý quán sát tất cả thì cả hai đều đúng, không thể xác định mạnh mői, nên trong mọi lúc, nói năng lộn xộn. Chìm đăm trong Hành Âm, không thể siêu vượt ra khỏi hành ám nên bị sự sanh diệt làm trôi lăn vây.

Lại nữa, do từ cái Có, Không mà phân ra, ở chõ niêm niêm diệt mà cho là chứng thì chỉ nói là Không; còn ở chõ niêm niêm sanh mà cho là chứng thì chỉ nói là Phải. Lại nữa, từ hữu vô mà hợp lại thì nói “Cũng Có tức là cũng Không, cũng Không tức là cũng Có, trong cái cũng Có chẳng phải là cũng Không, trong cái cũng Không chẳng phải là cũng Có”. Lời nói thì thấy giống, nhưng so với trước có sai khác.

Ở trước thì hai bên đều bày ra hết nên không thể xác quyết, còn đây thì chỉ đề ra một bên mà cả hai bên đều có trong đó. Nói rằng “Cũng Có tức là cũng Không” thì không chỉ một bê nói Không. Nói rằng “Trong cái cũng Không chẳng phải là cũng Có” thì không chỉ một bê nói Phải. Chõ tri kiến lầm lộn, chẳng thể quyết đoán, mơ hồ lung tung, rốt rồi lầm lạc.

Ngoại đạo cho rằng trời là thường trụ, gọi là bất tử, cho rằng đáp được chẳng làm loạn thì sanh về cõi trời đó. Nếu quả

thật chẳng biết mà trả lời thì e thành càn loạn. Phật quở trách rằng: “*Đó thật là nghị luận càn loạn*”. Cho nên gọi là thứ Luận hư vọng “*biến kẽ điện đảo, bất tử càn loạn*”.

Gọi là Biến Kế, nghĩa là so tính khắp cả, nào là Có-Không, Sanh-Diệt, Tăng-Giảm, Thường-Biến, thật vô ích cho sự tu chứng, đều là hý luận cả. Tuy nhiên, bậc thông suốt nhà nghèè thì nói Có cũng được, nói Không cũng được, chốn chốn đều có nẻo xuất thân.

Nhà sư hỏi Tô Triệu Châu: “Con chó lại có Phật Tánh không?”

Tô Châu nói: “Có”.

Hỏi rằng: “Đã có thì sao lại chun vào cái bì da kia?”

Tô Châu nói: “Vì vẫn biết mà cố phạm”.

Lại có nhà sư hỏi Tô Triệu Châu: “Con chó lại có Phật Tánh không?”

Tô Châu nói: “Không”.

Thưa rằng: “Hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh, con chó vì sao lại không có?”

Tô Châu nói: “Vì ở y có nghiệp thức”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“*Con chó, Phật Tánh có
Con chó, Phật Tánh không
Đi câu mà câu tha mạng cá*

*Theo gió tìm hương, khách nước-mây
 Om sòm, loạn xạ phân quen lạ
 Bằng an trải khắp, thư thả rộng bày
 Chớ lạ nhà nông chẳng biết lo
 Chỉ ra vết ngọc lại đoạt châu
 Vua Tần chẳng biết Tương Như Lạn! ”.*

Lại có bài tụng khác rằng:

*“Triệu Châu nói có, Triệu Châu nói không
 Con chó, Phật Tánh thiên hạ phân chia
 Mặt đỏ chẳng bằng nói thẳng
 Lòng ngay át hẳn lời thô
 Cái lão thiền sư bảy trăm chúng
 Cứt ngựa gấp người hóa nhân châu (ngọc mắt) ”.*

Lại có nhà sư hỏi thiền sư Duy Khoan: “Con chó lại có Phật Tánh chẳng?”

Sư nói: “Có”.

Hỏi: “Hòa Thượng lại có chẳng?”

Sư đáp: “Ta không có”.

Hỏi: “Cả thảy chúng sanh đều có Phật Tánh, vì sao chỉ một mình Hòa Thượng lại không có?”

Sư nói: “Ta chẳng phải là cả thảy chúng sanh!”

Hỏi: “Đã chẳng phải chúng sanh thì chắc là Phật?”

Sư nói: “Chẳng phải Phật”.

Hỏi: “Rốt ráo là vật gì?”

Sư nói: “Cũng chẳng phải vật”.

Hỏi: “Thấy được, nghĩ được không?”

Sư nói: “Nghĩ chẳng tới, bàn chẳng được, nên gọi là không thể nghĩ bàn”.

Hàng ngoại đạo thì ở chỗ có thể suy nghĩ, có thể luận bàn mà muốn so đo, lập luận, há chẳng điên đảo ư?

Kinh: “Lại nữa, trong Tam Ma Đè các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường máy động kia, ở nơi dòng sanh diệt vô tận khởi sanh so đo thì người ấy sa vào cái chấp điên đảo là sau khi chết có tướng.

“Hoặc tự củng cố sắc thân, bảo sắc là Ta. Hoặc thấy cái Ta tròn đầy, bao trùm khắp các cõi nước, bảo ta có sắc. Hoặc thấy các tiền trần kia theo ta mà xoay trở lại, bảo sắc thuộc về Ta. Hoặc thấy cái Ta nương trong hành ấm mà tương tục, bảo Ta ở nơi sắc. Họ đều so tính mà cho rằng sau khi chết có tướng, tuần hoàn như vậy có đến mười sáu tướng.

“Từ đó mà suy tính rằng rốt ráo phiền não và rốt ráo Bồ Đè, hai tánh đó đi song song, không tiếp xúc nhau.

“Do sự so tính chấp rằng sau khi chết có tướng như vậy mà sa lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đè.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Sáu, lập ra những luận điên đảo Trong năm ấm, sau khi chết có tướng.

Thông rằng: Năm sự suy tính ở trước thì hoặc Có, hoặc Không, hoặc Cũng Có cũng Không, chưa ra khỏi ba cú, chưa thấy cả hai đều chẳng phải, còn mắc vướng trong hành ấm. Nên ở đây thì so tính việc sau khi chết có tướng hay không có tướng, và có, không đều chẳng phải. Rồi lại ở sau có và không, khỏi lén hai kiến chấp về Niết Bàn đoạn diệt. Ấy là hành ấm đã gần không nên trộm thấy thức ấm vậy. Bởi đến thì trước, đi thì sau, chỉ do thức làm chủ, nên chỗ này nói cả năm Âm.

Đức Long Thắng nói: “Chúng sanh trong năm đường do nhân duyên của lực thân kiến mà thấy có bốn thứ Ta: Sắc hợp là Ta, Sắc là Ta, Ta trong Sắc, Sắc trong Ta. Hợp lại mà nói: Chỉ duy Sắc là Ta, chỉ duy lìa Sắc là Ta, Ta ở trong Sắc, Sắc ở trong Ta. Suy tìm như thế, rốt ráo chẳng thể đắc. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy”.

Thế mà ngoại đạo lại chấp là có tướng. Hoặc tự củng cố cái thân, tức Sắc là Ta vậy. Hoặc trùm khắp cõi nước, tức là Sắc ở trong Ta. Hoặc các tiền trần xoay trở lại, ấy là Lìa Sắc là Ta. Hoặc nương theo hành ấm tương tục, tức là Ta ở trong Sắc vậy. Nương theo bốn lối suy tính này thì thọ, tưởng, hành, thức cũng đều vậy cả. Cho đến chỗ Hành là Ta, lìa hành là Ta, Ta ở trong hành, hành ở trong Ta. Cái suy tính đó là Ta, tức là thức ấm vậy. Thảy đều suy tính rằng sau khi chết lại có mà thành ra mười sáu tướng (03). Phiền não do ấm mà sanh, Bồ Đề do Ta mà chứng. Hai tánh Bồ Đề, phiền não song hành cho

đến đời vị lai, đều rốt ráo là có, thế nên nói là lập ra luận điên đảo Trong năm ấm, sau khi chết có tướng. Đây là theo mỗi mỗi chỗ có, rồi nhân có mà cho là chúng, nên lập ra các Luận này.

Thủ Tọa Bổn Am Đạo Quỳnh từng nêu lên câu chuyện ‘Một chiếc dép đi về Tây’ (chuyện Tổ Đạt Ma sau khi tịch), rồi nói với đại chúng: “Ngồi chết, đứng tịch, chổng ngược đầu mà hóa thì chẳng phải không có. Nhưng chưa có ai tịch rồi mà sau lại để lại chiếc dép. Vậy là con cháu đời sau không bằng Tổ Sư hay là Tổ Sư có thừa một chiếc ấy?”

Rồi cười lớn mà rằng: “Con chồn già!”

Mùa Đông Canh Thân, đời Thiệu Hưng được đón về kinh nhưng không đi, để lại bài kệ cho đệ tử đắc pháp là Huệ Sơn rằng:

*“Miệng mồm chẳng trùng lão già lành
Thích hướng tùng lâm đóng thị phi
Dặn dò Tuyết Phong ông Thủ Tọa
Vì ta nhiếc mắng chờ tha y!”.*

Quay về vị sứ giả đến đón, nói rằng: “Nói với quan Thị Lang giùm tôi rằng việc đi vội quá, không kịp bồi đáp!”

Dứt tiếng thì hóa.

Có nhà sư hỏi Tổ Động Sơn: “Nhà sư sau khi tịch rồi thì đi đâu vậy?”

Tổ Sơn nói: “Cháy rồi một cọng tranh!”

Ngài Đầu Tử tung rẳng:

*“Khi lửa đồng thiêu, thêm đổi mới
Đến nay khí nóng khó mưa, mây
Đất hạn sen hồng che nhật nguyệt
Không rẽ, xanh hoài, mát bóng cây”.*

Nếu biết cái “hữu tướng” này thì tuy nói là có tướng cũng chẳng sao.

Kinh: “Lại nữa, trong Tam Ma Đề các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường mây động kia, ở trong các ẩm: Sắc, thọ, tướng đã diệt ở trước khởi sanh so tính, người ấy sa vào những tư tưởng đên đảo là sau khi chết không có tướng.

“Người ấy thấy sắc ẩm diệt, hình hài không nhân vào đâu. Xét tướng ẩm diệt, tâm không ràng buộc vào đâu. Biết thọ ẩm diệt, không còn dính dáng. Tánh các Ẩm đã tiêu tan, dù có sanh lý mà không có thọ, tướng: đồng như cỏ cây. Cái hình chất hiện tiền còn không thể nắm được, vậy sau khi chết làm sao còn có các tướng? Do vậy mà cho rằng sau khi chết không có tướng. Xoay vần như vậy mà có tám thứ Vô Tướng.

“Từ đó mà suy tính rằng: Niết Bàn, nhân quả, tất cả đều không, chỉ có danh tự suông, chứ rốt ráo là đoạn diệt.

“Do sự suy tính, chấp sau khi chết không có tướng này mà sa lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Bảy, lập ra những luận điên đảo: Trong ngũ ám, sau khi chết không có tướng.

Thông rằng: Cái đoạn kiến này là căn cứ nơi sự tiêu diệt của các ám sắc, thọ, tướng mà suy tính rằng cái sanh lý của hành ám về sau sẽ rốt ráo đoạn diệt. Hành ám diệt thì quy về biển Tạng Thức. Chỗ so đo của người ấy chưa là vô kiến, nhưng cái Tạng Thức chẳng thể diệt. Người ấy chỉ thấy cái diệt bèn cho rằng Niết Bàn, nhân quả tất cả đều không, rốt ráo đoạn diệt, mà chẳng biết rằng cái vô tướng này không phải là không có sanh lý. Bởi thế, ước đoán cái nhân đã mất của bốn ám hiện tại mà cho rằng quả tương lai sẽ tiêu diệt, hợp lại thành ra tâm thứ vô tướng, bèn lập ra những luận điên đảo *Trong Ngũ Ám, sau khi chết không có Tướng*. Đây cũng là theo cái tâm đắp đổi không nơi chốn, nhân cái Không mà cho là chứng, mà tạo ra luận này.

Tổ Trưởng Sa Cảnh Sầm nhân có vị tăng qua đời, lấy tay rờ mà nói: “Này đại chúng! Vị tăng này lại chánh thực vì các ông mà đè khởi cương yếu, thương lượng đó! Hiểu không?”

Rồi đọc bài kệ:

“Trước mắt không một pháp
Hiện đây cũng không người
Rỗng rang Kim Cương Thể
Chẳng vọng cũng chẳng chân!”.

Lại nói:

“Chẳng rõ Kim Cương Thể
 Lại gọi ấy duyên sanh
 Mười phương: Chân Tịch Diệt
 Ai trụ, lại ai hành? ”.

Tổ Động Sơn sắp viên tịch, nói với đại chúng: “Ta có cái tên tuổi suông ở đời, người nào vì ta đẹp được?”

Đại chúng đều không đáp được.

Khi ấy, có vị Sa Di bước ra, nói: “Xin cái pháp hiệu của Hòa Thượng”.

Tổ Sơn nói: “Cái danh tiếng suông của ta đã rụng rồi!”

Tổ Thạch Sương nói: “Không có người để kẻ khác chấp nhận”.

Tổ Vân Cư nói: “Nếu có danh tiếng suông thì chẳng phải là Tiên Sư của tôi”.

Tổ Tào Sơn nói: “Từ xưa đến nay, không người biện được”.

Tổ Sớ Sơn nói: “Rồng có cách ra khỏi nước, không người biện được”.

Thầy Đại Dương Minh An hỏi Tổ Lương Sơn: “Như sao là đạo tràng vô tướng?”

Tổ Sơn chỉ tượng Quan Âm, nói: “Đây là bức họa của Ngô cư sĩ”.

Thầy An định nói, Tô liền hỏi: “Cái đó là cái hữu tướng, như sao là cái vô tướng?”

Thầy An ngay lời nói có tinh ngộ, làm lễ rồi quay về chồ đứng.

Tô Sơn nói: “Sao không nói lấy một câu!”

Thầy An: “Nói thì chẳng từ chối, chỉ e lấm giấy mực!”

Tô Sơn cười lớn, nói: “Lời này gắn trên đá rồi!”

Về sau quả đã khắc trên bia.

Ngài Đầu Tử nêu rằng:

*“Đạo suốt cổ kim
Bộ hành khó trải
Núi cao hiểm tuyệt
Leo không chồ nương
Hoặc chẳng phát minh dấu trước
Thuở nào dãm bước được đâu
Thế nên ngộ ở tự mình
Ấn chứng nhở nơi thầy
Thay nhau chứng minh
Nối Phật huệ mạng
Nơi đây tốt đường hỏi lỗi, sức tận để chỉ bày
Vách ngắt trời không cửa, sức hết chồ tới lui
Rồng vàng đã mất nước, cánh màu cắt cánh mau!
Thấu qua sóng lớn, lại về bốn vị”.*

“Này các nhân giả, chính đang lúc ấy, lại có biết chồ thoái vị của người xưa không? Như biết được, thì có thể nói là núi

muôn trượng đố, ngàn sóng hết gầm. Long cung và cõi Trời chung mái, cung điện cùng tinh tú hợp vẹ. Nham Tùng lồng đẹp, giòng mốc (mưa mốc) cỏ thơm. Chẳng phạm đến hóa môn mà ngàn núi đều lộ ra hẵn. Bằng chẳng biết chõ về thì hang rộng không người hỏi, rồng buồn biển cả sâu”.

Tụng rằng:

*“Vách núi cùng đường hỏi sơn ông
Lại chỉ ngọn Tây ngọn cận Đông
Định tiến, mốc roi thêm khí núi
Quay đầu bỗng thấy mặt trời hồng”.*

Nếu ở chõ Vô Tướng này mà được cái tin tức, thì tuy nói không có Tướng cũng chẳng hề gì.

Kinh: “Lại nữa, trong Tam Ma Đề các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường máy động kia, trong chõ hành ám còn tồn tại và thọ, tưởng ám đã diệt, lại so tính cả cái Có và Không, tự thể phá nhau, thì người ấy lọt vào những luận điên đảo Sau khi chết, Có và Không đều chẳng phải.

“Người ấy trong sắc, thọ, tưởng thấy Có mà chẳng phải Có, trong hành ám chuyển biến thấy Không mà chẳng phải Không. Xoay vần như vậy cùng tột các ám thành ra tám Tướng đều chẳng phải. Tùy gặp duyên gì đều nói sau khi chết có tướng, không tướng.

“Lại suy tính hành ám tánh nó dời đổi nên tâm phát ra thông tỏ, cho rằng Có, Không đều chẳng phải, hư thật lộn lạo.

Do sự so tính, chấp “Sau khi chết, Có và Không đều chẳng phải” mà việc về sau tối tăm mù mịt, không còn lối đi, sa lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Tám, lập luận điên đảo: Trong ngũ ám, sau khi chết, Có và Không đều chẳng phải.

Thông rằng: Đây là kiến chấp Chẳng phải Có, chẳng phải Không vậy. Đó là do nơi sự so tính cả Có lẫn Không, tự thể của chúng phá nhau. Không chỉ sắc, thọ, tưởng ám diệt nên cho là Có tức chẳng phải Có mà hành ám dời đổi cũng cho là Không tức chẳng Không. Ở chỗ này mà xoay vần lui tới xét xem thì thấy cái đã diệt (sắc, thọ, tưởng) trước đây đã từng có, nên tuy là Không mà chẳng Không. Cái hiện tồn tại (hành) thì rốt rồi cũng diệt, thì tuy Có mà chẳng phải Có. Do so tính nước đôi về bốn ám như vậy nên thành ra tám thứ Chẳng Phải. Tùy nêu ra duyên gì đều đủ cả có tướng và không tướng. Đây chỉ ở nơi duyên mà xem thấy sự Có-Không của tướng, chưa phải là tinh vi vậy.

Lại ở trong sự dời đổi sanh diệt của tánh hành ám, thấy trong sanh túc có diệt, nên chẳng phải Có, thấy trong diệt túc có sanh, nên chẳng phải Không vậy. Ở trên tánh hành ám mà quán xét để thấy Có, Không đều chẳng phải thì chẳng phải là người tâm đã phát thông tỏ làm sao thấy được. Có mà chẳng Có, đó là Diệu Hữu. Không mà chẳng Không, đó là Chân

Không. Đó mới là Đệ Nhất Nghĩa Đế Diệu Chân Như Tánh vậy.

Người ấy chỉ ở nơi tánh hành ám thấy *Có* và *Không* đều chẳng phải, còn thức ám ở sau vẫn còn mù mịt không thấy gì, nên hư thực lộn lạo chẳng biết chỗ về. Đã không có chỗ quay về an nghỉ thì không thể trọn xong cái Đạo. Tuy muốn phát huy cái cảnh giới chẳng phải sanh, chẳng phải diệt của Tạng Thức, cũng không thể được, huống nữa là cái chân lý bất sanh bất diệt của Chân Như Đệ Nhất Nghĩa Đế ư? Cái gọi là thông tỏ của người ấy thì gần giống với cái ngộ của bậc Duyên Giác, chứ chưa có thể nói là chánh ngộ.

Thứ luận Có, Không đều chẳng phải này cũng từ lối nói càn loạn ở trước: Cũng Có tức là cũng Không, trong cái cũng Không chẳng phải là cũng Có. Suy tính cùng cực về việc sau khi chết mà sáng lập ra luận này, đều gọi là điên đảo.

Ngoại đạo hỏi Phật: “Chẳng hỏi hữu ngôn, chẳng hỏi vô ngôn”.

Đức Thé Tôn im lặng chập lâu.

Ngoại đạo tán thán rằng: “Thé Tôn đại từ đại bi, mở vẹt đám mây mê mờ cho tôi, khiến được thể nhập!”

Sau khi ngoại đạo đi rồi, Ông Anan hỏi Phật: “Bạch, ngoại đạo chứng chỗ gì mà nói là được nhập?”

Đức Phật nói: “Như ngựa hay trong đời, thấy bóng roi mà chạy!”

Đức Thê Tôn ví người ngoại đạo với con ngựa hay, vì tâm ấy cũng phát thông tỏ vậy.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Máy tạo chưa từng chuyền
Chuyển ắt chạy hai đầu
Gương sáng bỗng trên đài
Ngay đó phân đẹp xấu
Đẹp xấu phân, hè, mây mê vẹt
Cửa Từ sanh bụi chốn nào đâu?
Nhân đây ngựa giỏi theo roi bóng
Lướt gió dặm ngàn kêu được về
Kêu được về, búng tay ba tiếng!”*

Có nhà sư hỏi Tô Pháp Nhã: “Như sao là nhà sư tịch, trước mặt chạm mắt là Bồ Đề?”

Tô Nhã nói: “Đó là trước mặt ông!”

Lại hỏi: “Nhà sư tịch thiên hóa về chốn nào?”

Tô Nhã nói: “Nhà sư tịch thiên hóa hồi nào?”

Nhà sư hỏi: “Thê bây giờ thì sao?”

Tô Nhã nói: “Ông chẳng biết nhà sư tịch”.

Tô Pháp Nhã tận lực hô hoán mà chẳng biết quay đầu ở đây mà tỉnh ra thì có thể nói “Tú cú đêu lìa, linh căn độc lộ”.

Kinh: “Lại nữa, trong Tam Ma Đề các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng kiên cố, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản

phác u ẩn thường máy động kia, sanh ra so tính rằng về sau này là Không, thì người ấy lọt vào bảy thứ luận Đoạn Diệt.

“Hoặc chấp thân này là diệt, hoặc chấp hết dục là diệt, hoặc hết khổ là diệt, hoặc cực lạc là diệt, hoặc tột xả là diệt. Xoay vần như vậy cùng tột bảy cách, cho rằng hiện tiền là tiêu diệt, diệt rồi không trở lại nữa.

Do sự so tính “Sau khi chết là đoạn diệt” như vậy, sa lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Chín lập ra luận điên đảo “Sau khi chết là Đoạn Diệt”.

Thông rằng: Ở trước thì thấy có hành ám mà không có thọ, tưởng; ở đây thì hành ám cũng không, nên nói rằng “Về sau này là Không”. Ở trước là sau khi chết vô tướng, chỉ thuộc về một cách thân diệt. Ở đây cùng tột bảy cách, diệt chẳng sanh lại.

Thân thuộc về cõi dục, gồm người và trời. Hết dục thuộc về sơ thiền, hết khổ thuộc về nhị thiền. Cực vui thuộc về tam thiền. Hết xả thuộc về tứ thiền và vô sắc. Tuy nói năm thứ Diệt, thật ra gồm bảy Cách. Đây là vào ngoại đạo Vô Tưởng Thiền, đại khái đồng một đoạn kiến như Tỳ Kheo Vô Văn, cho rằng đã chứng quả chẳng thọ Thân đời sau, nên lập cái luận *Sau khi chết là đoạn diệt*.

Thiền sư Khai Tiên Chiếu thượng đường nói rằng: “Quy củ tùng lâm, gia phong cổ Phật, một tham một hỏi, một cháo một cơm. Hãy nói huých toẹt ra là cái gì vậy? Chỉ như các

ông, tâm tâm chẳng dừng, niệm niệm chẳng trụ. Bằng như khéo dừng ở chỗ chẳng dừng, vô niệm ngay trong chỗ niệm, bèn tự hợp lý Vô Sanh. Nói thế này thì cười bể miệng người khác. Tham đi!”

Nhà sư hỏi Tô Vân Môn: “Không khởi một niệm, lại còn có lỗi không?”

Tô Môn nói: “Núi Tu Di!”

Ngài Bạch Vân Đoan tụng rằng:

“*Núi Tu Di, hè, nghẽn vũ trụ
Đại bi ngàn mắt nhìn không qua
Trù phi tự biết cõi ngược trâu
Một đời khởi phải theo sau đít*”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“*Chẳng khởi một niệm, núi Tu Di!
Thiều Dương thí pháp không lưu giữ
Chịu đến, hai tay phân phó cho
Định đi, ngàn tìm, không thể bám
Biển xanh rộng, mây trắng nhàn
Chớ đem mây tóc đặt trong đây
Giả tiếng gà kia khó gạt ta
Chưa chịu mơ màng cho qua ải!*”

Hai bài tụng này quả có phân biệt. Nếu bám níu “Chẳng khởi một niệm”, không biết tin tức “Cõi ngược trâu” thì tức là “Giả tiếng gà gáy”, chẳng khởi “Theo sau đít người” vậy, sao có thể thấu qua cái cửa ải hướng thượng ư?

Kinh: “Lại nữa, trong Tam Ma Đè các thiện nam tử đó chánh tâm đứng lặng vững chắc, Ma không còn cơ hội. Người ấy cứu xét cùng tột cội gốc sanh loại, xem thấy cái cội nguồn giản phác u ẩn thường máy động kia, lại sanh ra so tính rằng sau này là Có, thì người ấy sa vào năm luận Niết Bàn.

“Hoặc lấy dục giới làm cái chuyển y chánh thật, do xem thấy sáng suốt vẹn khắp mà sanh yêu mến vậy. Hoặc lấy sơ thiền làm cái chuyển y chánh thật, vì thấy tánh cõi này không có lo âu. Hoặc lấy nhị thiền, vì tánh nó không có khổ. Hoặc lấy tam thiền, vì rất vui đẹp. Hoặc lấy tứ thiền, vì khổ vui đều hết, chẳng chịu luân hồi sanh diệt. Vậy là mê làm cõi trời hữu lậu là tánh vô vi, cho rằng năm chõ yên ẩn trên là nơi quả báo thù thắng thanh tịnh. Xoay vần như vậy cùng tột có năm chõ.

“Do suy tính chấp trước năm thứ Niết Bàn hiện có như vậy mà sa lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề.

“Đây gọi là ngoại đạo Thứ Mười, lập ra những luận điên đảo: Trong năm Âm có năm thứ Niết Bàn hiện có.

“Anan, mười thứ cuồng giải Thiền Na như vậy đều do hành ấm và tâm dụng công xen nhau, nên hiện ra những nhận thức đó. Chúng sanh mê dại, không biết tự lượng xét, gặp các cái đó hiện ra, lấy mê làm ngộ, tự cho là chứng Thánh, thành tội đại vọng ngữ mà đọa ngục Vô Gián.

“Các ông quyết phải đem lời của Như Lai, sau khi Ta diệt độ rồi, truyền dạy cho đời mạt pháp, khắp giúp chúng sanh hiểu rõ nghĩa này, không để cho tâm-ma tự gây nên những tội lỗi sâu nặng, giữ gìn che chở cho chúng sanh tiêu diệt các tà

kiến, dạy cho thân tâm họ khai mở giác ngộ chân nghĩa, không mắc vào các đường rẽ trong Đạo vô thượng. Chớ để họ được một ít đã cho là đủ, và nêu ra lời chỉ dạy thanh tịnh của vị Đại Giác.

Thông rằng: Đã nói “Về sau Không” rồi sao trở lại “Về sau Có” vậy nhỉ? Bởi vì, cái cội nguồn trong tréo thường máy động kia là cái diệt chẳng được. Chẳng phải đắc đạo tràng tịch diệt chân thật, ở chỗ diệt mà vọng thấy có sự chứng đắc, nên gọi là “Về sau Có”. Bởi vì, Hành Âm trong sát na tạm dừng, cái sáng suốt vẹn khắp thoáng hiện bày, bèn cho đó là vô sanh diệt, là Niết Bàn. Rồi ở năm chỗ suy tính là quả Niết Bàn, khiến Niết Bàn mà có năm thứ, thế thì có thể gọi là Niết Bàn ư?

Bảy cách trên đã diệt hết, lại lập ra năm thứ Niết Bàn, yêu mến sự sáng suốt vẹn khắp. Đó là chỗ chung của người và trời, khổ vui đều hết, chẳng chịu sanh diệt. Tứ Thiền cùng cõi trời Vô Sắc đồng nhau. Năm chỗ yên ẩn này không ra khỏi ba cõi, ba thứ dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu vẫn ẩn náu như cũ, đó chỉ là do cái công dụng hữu vi, thuần thực mà thành tựu. Kia chỉ mới chứng Vô Tưởng Định mà cho là được quả vô vi, trong chốn hữu lậu mê làm mà không tự biết, hết kiếp lại rơi vào luân hồi, há cho là Niết Bàn chân thật được ư?

Thầy Chí Đạo câu hỏi Đức Lục Tổ rằng: “Kẻ học nhân này từ khi xuất gia, đọc kinh Niết Bàn có hơn mươi năm mà chưa rõ đại ý, xin Hòa Thượng chỉ dạy”.

Tổ nói: “Ông chưa rõ chỗ nào?”

Bạch rằng: “*Các Hành vô thường. Là sanh diệt pháp. Sanh diệt diệt rồi. Tịch Diệt là vui*”. Dạ, nghi hoặc chõi đó”.

Tô nói: “Ông nghi làm sao?”

Bạch rằng: “Tất cả chúng sanh đều có hai thân, đó là Sắc Thân và Pháp Thân. Sắc Thân thì vô thường, có sanh có diệt. Pháp Thân thì hữu thường, vô tri vô giác. Kinh nói “*Sanh diệt diệt rồi. Tịch diệt là vui*” thì chưa rõ thân nào tịch diệt, thân nào hưởng vui. Nếu là sắc thân thì khi sắc thân diệt, bốn đại phân tán, hoàn toàn là khổ, khổ không thể nào nói là vui. Nếu Pháp Thân tịch diệt thì đồng với cỏ cây, ngói đá, ai hưởng vui đây? Lại nữa, pháp tánh là thể của sanh diệt, năm ấm là dụng của sanh diệt. Một thể năm dụng, sanh diệt là thường. Sanh thì từ thể khởi ra dụng, diệt thì thu nghiệp dụng về thể. Nếu cho là sanh trở lại thì loài hữu tình chẳng đoạn chẳng diệt. Nếu chẳng cho là sanh trở lại, thì vĩnh viễn quy về tịch diệt, đồng với vật vô tình. Như thế thì tất cả các pháp đều bị Niết Bàn ngăn cấm, sanh còn không được, làm sao có vui?”

Tô nói: “Ông là con nhà Phật, sao lại huân tập tà kiến đoạn thường của ngoại đạo mà luận bàn pháp Tối Thượng Thừa! Cứ như ông nói thì ngoài sắc thân lại riêng có Pháp Thân. Lìa sanh diệt mà cầu tịch diệt. Lại từ chối Niết Bàn vốn thường lạc, nói là có riêng cái thân để thọ dụng. Đó là tiếc rẻ sanh tử, đắm mê cái vui của đời.

“Giờ đây, ông phải biết: Phật vì tất cả những người mê lầm, họ nhận lấy năm ấm hòa hiệp cho là tướng tự thể, lại phân biệt tất cả pháp làm ra tràn tướng bên ngoài, thế rồi tham

sống ghét chết, niệm niệm trôi dời mà chẳng biết là mộng huyễn hư giả, để uống chịu luân hồi. Lấy Niết Bàn thường vui đói ra cho là tướng khô, suốt ngày tìm kiếm bôn ba. Phật thương xót mà chỉ bày cái Niết Bàn chân lạc, không sát na nào có tướng sanh, không sát na nào có tướng diệt, lại không có sanh diệt nào khá diệt, đó là Tịch Diệt hiện tiền. Ngay đang hiện tiền cũng không có cái lượng hiện tiền, mới là thường lạc. Cái Lạc này không có cái thọ, mà chẳng không có cái gì chẳng thọ. Há có cái tên “Một Thể Năm Dụng”, huống lại còn nói “Niết Bàn trừ diệt các pháp, khiến cho vĩnh viễn chẳng sanh?” Nói vậy là chê Phật, phá Pháp.

Hãy nghe kệ của ta:

*“Vô Thượng Đại Niết Bàn
 Sáng đầy hằng lặng chiếu
 Người phàm cho là chết
 Ngoại đạo chấp là đoạn
 Các người cầu Nhị Thừa
 Thấy đây là vô tác
 Thấy theo tình suy nghĩ
 Gốc sâu hai tà kiến
 Vọng lập danh hư giả
 Dính dáng gì nghĩa chon
 Chỉ người vượt suy lượng
 Thâu suốt, không nếm bở
 Vì biết pháp năm uẩn
 Và cái ta trong ấm
 Ngoài hiện các sắc tượng”*

*Mỗi mỗi tướng âm thanh
 Bình đẳng như mộng huyền
 Chẳng khởi thấy thánh, phàm
 Chẳng thành Niết Bàn giải (hiểu)
 Nhị biên, tam tế dứt
 Thường ứng (thành) dụng (của) các căn
 Mà chẳng khởi dụng tướng
 Phân biệt tất cả pháp
 Chẳng khởi tướng phân biệt
 Kiếp hỏa thiêu đáy biển
 Gió thổi núi chạm nhau
 Chân thường tịch diệt lạc
 Niết Bàn là như vậy
 Ta nay miễn cường nói
 Khiến ông xả tà kiến
 Ông chớ theo lời hiểu
 Cho ông biết ít phần”.*

Thầy Chí Đạo nghe kệ xong đại ngộ, làm lễ rồi lui ra.

Như chõ luận của Đức Lục Tổ, chỉ thẳng chân nghĩa, thật nêu ra lời chỉ dạy thanh tịnh của bậc Đại Giác Vương. Khé hợp được lời nói này thì các kiến chấp rẽ nhánh chẳng sanh, tâm ma tự hết, ngõ hầu phá được hành ám mà vượt khỏi chúng sanh trước vậy.

F. PHẠM VI CỦA THỨC ÂM

Kinh: “Anan, thiện nam tử ấy tu Tam Ma Đề, hành ám hết rồi thì cái then chốt chung u ẩn giản phác máy động sanh ra

các loài thế gian bỗng chốc nát tan. Gièng mối vi tế, mạch ngầm gây nghiệp chịu quả báo của ngã thể chúng sanh, cảm ứng đều dứt bật. Người ấy hồn như sắp đại minh ngộ trong bầu trời Niết Bàn, ví như gà gáy lần chót, ngắm về phương Đông đã có sắc tinh sáng. Sáu căn rỗng sạch, không còn rong ruổi, trong ngoài trong lặng sáng suốt, nhập vào cái Không Chỗ Vào. Thấu suốt nguyên do thọ sinh của mười hai loài mười phương. Xét thấy nguyên do nắm lấy cội nguồn, các loài không còn hấp dẫn được. Nơi mười phương thế giới đã được tính Đồng. Cái sắc tinh sáng chẳng chìm, phát hiện uẩn bí mật. Đây gọi là phạm vi của Thức Âm.

“Nếu trong tính Đồng đã chứng được của các loài mà tiêu tan sáu căn, khi hợp, khi chia được thành tựu, thấy nghe thông nhau, dùng thay lẫn nhau một cách thanh tịnh, mười phương thế giới cùng với thân tâm như ngọc lưu ly, trong ngoài sáng suốt thì gọi là thức ấm hết. Người ấy có thể siêu vượt Mệnh Trực. Xét lại nguyên do, cội gốc là vọng tưởng điên đảo, ảo tượng rỗng không.

Thông rằng: Tánh của thế gian không ra ngoài tánh của mười hai loài sanh diệt. Cái hành ấm giản phác uẩn máy động thì tuy không có tướng sanh diệt thô, nhưng cái cội nguồn máy động mỗi mỗi chẳng ngừng. Đó là then chốt chung sinh ra các loài. Hành ấm hết thì cái then chốt này tan nát. Gọi là then chốt (cơ) vì sâu xa không thể thấy, vi tế không thể chỉ ra, như gièng mối của lưới, như bâu cổ của áo. Cái gièng mối then chốt này là căn nguyên của sanh diệt. Ngã thể chúng sanh (Bồ Đắc Già La) là cái thân trung ấm hướng theo các nẻo, đèn

nhân trả quả, mạch lạc cảm ứng, mảy tóc không sai. Nay thì cái then chốt sanh khởi nát tan thì nghiệp nhân đã tiêu mất, lấy gì dẫn quả? Đã không có báo thân, lấy gì đền nhân? Nhân, quả đều mất, cảm ứng dứt bặt, ấy là tuyệt mất cái mạch ngầm sâu xa vi tế truyền tống chung tử vậy. Sự chuyển động của mạch ngầm rất là vi tế. Mạch ngầm không dứt thì mệnh căn chẳng đoạn. Mạch dứt, then chốt tiêu vong, mới có thể vào cảnh vô sanh vậy.

Ở trước, ba âm hết thì như gà mới gáy, chưa phân sắc tinh sáng, vẫn còn tối tăm. Ở đây, hành âm hết thì như gà gáy lần chót, ngắm về phương Đông đã có sắc sáng. Thấu vào cái thức âm này, sâu căn liền rỗng sạch, không còn cái tướng giong ruỗi khởi động, trong lặng sáng suốt im phắc suốt ngàn. Nhập vào lại vào thêm, sâu xa lại sâu thêm, cho đến nhập vào cái Không Chỗ Nhập, thẳng thấu đến chỗ bốn nguyên. Bởi thế, ở trước thì chưa rõ cái mồi manh của mỗi sanh mạng, chỉ mới thấy cái then chốt sanh khởi chung. Nay thì rõ thông cái nguyên do thọ mạng của mười hai loài. Ấy là đã thấy cái Đồng mà chưa thấy cái sanh khởi. Xét thấy nguyên do nắm lấy cội nguồn, chẳng cho dời đổi, chẳng để giong ruỗi. Đây đã không đầu mối, thì kia tự chẳng hấp dẫn. Hết cả mười phương cõi, duy Tâm duy Thức mà thôi. Còn đâu có được cái chẳng đồng?

Đã được tánh Đồng, thì trời đất cùng ta đồng gốc, vạn vật như ta một thể, thuần nhiên một biển Tạng Thức vậy. Ngắm qua cái sắc tinh sáng, không đến nỗi mờ chìm (hôn trầm). Ất chẳng thấy, chẳng nghe gọi là cùng cực huyền áo; không tiếng,

không mùi gọi là cùng cực thâm mật. Ở đây, dần dần phát hiện lộ bày. Tuy phát hiện mà chưa đến chỗ trong suốt sáng rõ, còn bị thức âm ngăn che, nên gọi là phạm vi của thức âm.

Nếu ở chỗ nguyên do thọ sanh của mười hai loài mà đã được tánh Đồng, lại dùng cái sức Định Huệ làm tiêu tan sáu căn, khiến cho sự phân chia có thể hợp lại, sự nghẽn che có thể mở ra. Mở chia, đóng hợp tự do, sáng sạch chẳng nương theo căn, cái thấy ấy, cái nghe ấy gần với chỗ viên thông thì sáu căn thanh tịnh, có thể dùng thay nhau. Đó là chỗ ở trước nói “Ngược dòng toàn nhất, sáu dụng chẳng hành, ngay đây mười phương cõi nước rõ ràng thanh tịnh, như ngọc lưu ly, ở trong treo trăng sáng”. Ở đây cũng nói “Mười phương thế giới cùng với thân tâm như ngọc lưu ly”. Đó là trứng vàng của loài chim Kim Xí, trong treo sáng suốt rõ ràng như kim cương, không thể phá hoại vậy.

Trong là thân tâm, ngoài là thế giới đã trong ngàn sáng suốt, thì không những cái sắc tinh sáng phát hiện ra, mà cái Mật Viên Tịnh Diệu của hết thấy Như Lai đều hiện ra trong đó. Người ấy liền được Vô Sanh Pháp Nhẫn, tức là chỗ gọi là Càn Huệ Địa. Thức âm mà chưa hết thì chẳng thể đến đây được. Thức âm là cái tế vi khó đoạn, tức là cái mạng căn, nguyên do thọ sanh đều bắt đầu ở đó. Nay thức âm hết, át căn nguồn đều hết. Các loài không còn kêu mời đến được, bèn cùng với cái không-thể-mời mà vong mất. Mười phương đều đồng, bèn cùng với tính Đồng mà hết mất. Bởi thế, có thể siêu vượt mệnh trước vậy.

Các vị thầy xưa lấy hơi thở, khí âm và thức, ba cái hòa hợp thành mạng căn. Lúc thọ sanh thì thức âm đến trước hết. Còn thức đã ra khỏi thì hơi thở và khí âm diệt theo. Cái việc thức ra khỏi thì mạng chung này phàm phu đều vậy, đâu có thể gọi là siêu vượt mệnh trước được ư?

Nói “Thức âm hết” là đã không còn cái thức đến trước đi sau. Nói “Vượt khỏi mệnh trước” là đã chứng quả A La Hán, không còn chịu thân sau, đâu có thể bàn bạc mơ hồ ư?

Trước thì thân trung âm hướng theo các nẻo, mỗi mỗi tùy theo loại, hành âm hết thì đã dứt cái mạch này. Còn cái mạng mạch của thức âm lại càng vi tế, nên gọi là ảo tượng rỗng không. Ảo là hình như không. Tượng là hình như có. Hình như có, hình như không, lại rốt ráo rỗng không. Rỗng không chẳng sanh chẳng diệt là cái thể Chân Như vậy. Ảo tượng là cái bóng dáng sanh diệt trong tâm thức. Thế nên, y theo Chân Như thì gọi là Chánh Giác, y vào thức thứ tâm liền hệ lụy với vọng giác. Trái Giác, hợp trần nên gọi là vọng tưởng đên đảo. Thức âm hết sạch túc là chuyển thức thành trí, chuyển sanh diệt mà trụ nơi chẳng sanh diệt. Trừ cái vọng tưởng đên đảo vi tế Ảo tượng rỗng không này đâu có dễ gì ư?

Nhà sư hỏi Tô Hương Nham: “Như sao là Đạo?”

Tô Nham nói: “Rỗng ngâm nga trong cây khô”.

Hỏi rằng: “Như sao là người trong Đạo?”

Tô Nham rằng: “Con người ở trong sọ khô”.

Nhà sư đem hỏi Tô Thạch Sương: “Như sao là “Rồng ngâm trong cây khô”?”

Tô Sương nói: “Còn đeo cái vui trong ấy”.

Hỏi rằng: “Như sao là con ngươi trong sọ khô?”

Tô Sương nói: “Còn mang cái thức trong ấy”.

Nhà sư lại hỏi Tô Tào Sơn: “Như sao là Rồng ngâm trong cây khô?”

Tô Sơn nói: “Huyết mạch chẳng đoạn”.

Hỏi rằng: “Như sao là con ngươi trong sọ khô?”

Tô Sơn nói: “Chưa khô hết!”

Hỏi: “Chưa rõ lại có người được nghe chẳng?”

Tô Sơn nói: “Khắp đại địa chưa có một ai chẳng nghe”.

Hỏi: “Chưa rõ Rồng ngâm là chương cú gì?”

Tô Sơn nói: “Chẳng cần biết đó là chương cú gì, người nghe qua đều chết mất”.

Tô Sơn lại dùng bài kệ chỉ dạy cho:

“*Cây khô rồng ngâm, thật thấy Đạo
Sọ khô không Thức, mắt tinh mơ
Vui, Thức hết rồi, tin tức hết
Đâu người để biện sạch trong dơ?*”.

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Vua ở trong cửa, thần chẳng ra ngoài, nên cái vui, Thức đều hết, ắt con về với cha”.

Gọi là “Khô ráo hết” tức là thức ám hết vậy. Chẳng có chương cú như vậy làm sao rõ được chương cú này?

Kinh: “Anan, phải biết thiện nam tử ấy đã cùng tốt tánh Không của các hành, về đến nguồn thức, đã diệt sanh diệt nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Người ấy có thể khiến nơi thân mình, các căn khác nhau khi hợp, khi chia và cùng với các loài mười phương thông chung Tánh Giác. Cái giác tri thông suốt một màu vắng lặng, có thể nhập vào nguồn viên mãn.

“Nếu ở chỗ quay về, lập ra cái nhân chân thường mà sanh thắng giải, thì người ấy sa vào cái chấp Nhân Sở Nhân, thành bạn bè với đám Sa Tỳ Ca La, quy về Minh Đế, mê làm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Nhất, lập ra cái tâm có chỗ đắc, thành cái quả có chỗ quy về, trái xa tánh viên thông, ngược với đạo Niết Bàn, sanh vào giống ngoại đạo.

Thông rằng: Cái thức ám trong lặng sáng suốt, do hành mà trôi chuyển. Hành ám đã Không, đã diệt cái tướng trôi chảy sanh diệt, nhưng còn nương cái nguồn thức trong lặng chẳng trôi, nên ở chỗ tịch diệt, sự tinh diệu chưa viên mãn. Tịch diệt nghĩa là sanh diệt đã diệt, không còn phải dùng cái diệt để diệt sanh diệt nữa vậy. Ở đây thì diệt sanh diệt tức là còn thuộc về sự dùng công phu, nên chưa là Diệu, nguồn thức vẫn còn, nên chưa được Viên. Nhưng đã về nguồn thức, tiêu tan sáu căn, về trong một chỗ nên có thể khiến nơi thân mình sáu căn ngăn cách nhau mà có thể dùng thay nhau, hợp chia

không ngại. Mượn căn mà phát ra sự sáng suốt, nắm bồ tự tại như nhiên, không chỉ cái Tự Giác bên trong sáng rõ mà còn cùng với với các loài mười phương thông chung tánh Giác. Tánh Giác của tất cả các loài tức là cái Giác của ta, Tánh Giác của ta tức là cái Giác của tất cả các loài. Cái Giác Tri thông nhau, dung hợp không hai. Có thể vào nguồn Giác, viên dung không vướng ngại. Cái cội nguồn này viên mãn cùng cực là cội nguồn thọ mạng của các loài, cũng là cội nguồn phát ra cái giác của các loài. Mạng do đấy mà lập, giác do đấy mà khởi.

Đã là phát xuất từ cái giác nhưng không thấy có tướng tri giác, nên cho cái giác này là chẳng phải thường, vô giác mới là thường. Thế nên, Giác trở về với Vô Giác đó là Chân Thường, về đến nguồn thức, đó là cái nhân của Chân Thường. Vậy là lấy cái mơ màng mờ mịt của lúc tám thức chưa thành hình mà làm chỗ nương náu, cái đó ngoại đạo gọi là Minh Đế vậy. Đã có chỗ trở về, lại có cái sở nhân, mà năng nhân và sở nhân đều là hư vọng. Lập cái tâm có chỗ đắc, để thành ra cái quả có chỗ đắc thì nhân ấy quả ấy đều sa vào cái sở vọng. Có sở thì chẳng phải Viên, có sở tức chẳng Chân, nên nói là trái xa tánh viên thông, ngược với vô thượng Niết Bàn mà giong ruối vậy.

Thiền sư Vân Cái Sơn Chí Nguyên nhân có Ông Đạo Chánh ở Đàm Châu dâng biểu xin Mã Vương mời sư luận nghĩa.

Nhà vua mời Ngài lên điện, ra mắt uống trà xong, sư đến xin vua cây gươm, rồi cầm gươm hỏi Đạo Chánh: “Trong giáo pháp của ông có nói “Mơ mơ màng màng trong ấy có vật”, đó

là vật gì? “Mờ mờ mịt mịt trong ấy có tinh”, đó là tinh hoa gì? Nói được không chém, không nói được thì chém!”

Ông Đạo Chánh hoang mang mờ mịt, bèn lẽ bái sám hối.

Thiền sư nói với Vua: “Bệ hạ biết người này không?”

Vua đáp: “Biết”.

Sư nói: “Là ai thế?”

Vua nói: “Đạo Chánh”.

Sư nói: “Chẳng phải! Đạo ấy mà chánh thì đã đối đáp khé hợp được với sơn tăng. Đó chỉ là cây hòe côi vô chủ”.

Giá như ông đạo sĩ chẳng có phân vân mà đối đáp liền được rõ ràng thì cũng chẳng ra khỏi Minh Đế! Đối cùng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cách nhau quá xa vậy.

Kinh: “Anan, lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh không của hành ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của Tịch Diệt. Nếu ở chỗ quay về mà ôm làm tự thể của mình, tất cả chúng sanh trong mười hai loài khắp cả hư không đều ở trong thân mình tuôn khởi ra, rồi sanh thăng giải thì người ấy sa vào kiến chấp Năng, Phi Năng, thành bạn bè với Trời Ma Hê Thủ La, hiện thân Vô Biên, mê làm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Hai, lập ra cái tâm Năng Vi, thành cái quả Năng Sự, trái xa tánh viên thông, ngược với đạo Niết Bàn, sanh vào giống Đại Mạn Thiên, cho cái Ta là cùng khắp viên mãn.

Thông rằng: Ở trước là luận Thường, Vô Thường, ấy là xem thấy cái tâm diệu minh cùng khắp mười phương cõi, trong lặng như nhiên mà cho là Thần Ngã rốt ráo. Từ đó suy tính rằng cái Ta thì cùng khắp mười phương, lặng sáng chẳng động, còn tất cả chúng sanh tự sanh tự chết ở trong tâm mình. Tức là ở đây nói “Đều ở trong thân mình tuôn khởi ra”. Nhưng ở trước là chỉ thấy cái hành ám, nên so tính về sanh diệt, còn đây là cái thấy cội nguồn nên so tính về cái Năng Vi (cái làm ra, cái tạo ra). Tuy chấp rằng mình có khả năng sanh các thứ loài mà thực ra không có khả năng đó, nên nói là cái chấp Năng, Phi Năng.

Nguyên do thọ sanh của mười hai loài nằm ở tại Ta, thì cho là từ Ta mà ra, không gì chẳng được. Cớ sao lại nói rằng “Phi Năng”? Bởi vì, Ba cõi duy Tâm, vạn pháp duy Thức, không có cái ngã tướng để đắc nên có thể làm chủ muôn tượng vậy. Nay ở nơi nguồn thức mà ôm làm tự thể của mình, rồi cho rằng vũ trụ ở nơi tay, vạn vật hóa sanh từ nơi thân. Ấy là trộm thấy biến cả sanh ra bọt nước, mà tự thân chưa lìa khỏi bọt nước, thì bọt nước có thể sanh bọt nước ư? Một khi có cái Năng Chấp thì tuy hiện thần thông quảng đại, đều quay về chỗ kiêu mạn, vì Bất Năng mà gắng gượng cho là Năng vậy.

Ma Hê Thủ La (06) ba mắt tám tay, cõi trâu trắng, cầm phất trắng hay biến hiện vô biên thân chúng sanh, rồi nói rằng chúng sanh từ ta tuôn khởi ra. Sóng ở cõi Trời Sắc Đánh (07), chưa có thể vượt khỏi tam giới mà cho rằng có thể sanh tam giới thì há chẳng ngạo mạn ư? Lập ra cái tâm “Mình có thể sanh kia”, cho rằng “Mình có thể thành tựu chuyện của kia”.

Hết còn một chút nǎng kiến thì chǎng tự viên mǎn, nên gọi là trái xa tánh viên thông, ngược với đạo Niết Bàn.

Tô Tuyết Phong khai thị đại chúng rằng: “Khắp cả đại địa giüm lại thành hạt gạo lớn, ném ngay trước mặt. *Thùng sơn* (danh từ Thiền chỉ lúc chưa ngộ) chǎng hiểu thì đánh trống khắp mòi xem!”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

“*Hết đâu trâu, tới đâu ngựa*
Trong gương Tào Khê tuyệt bụi trần
Đánh trống xem kia, sao không thấy
Trăm hoa xuân đến, nở vì ai?”.

Ngày khác, Tô Tuyết Phong lại nói: “Khắp cả đại địa là một con mắt lẻ của Sa Môn, các ông hướng về đâu mà đi cầu?”

Tô Triệu Châu nghe kể lại, nói: “Nếu ông trở về, cho gởi cái mai!”

Ngài Hải Ân Tín tụng rằng:

“*Mắt lẻ Sa Môn không chứa vật*
Muôn tượng sum la từ kia xuất
Cái mai, ai nhỉ, biết Triệu Châu
Cái chuyện “phóng hành”, cần miên mật”.

Ngài Biệt Phong Ân tụng rằng:

“*Tuyết Phong đi cầu chõ nào*
Mà Triệu Châu gởi cái mai?

*Con mắt lẻ Sa Môn
Bùa bãi mới như vậy
Ha! Ha! Ha!
Trong nước Đại Đường tiếng trống nổi
Trong nước Tân La múa quá chừng! ”.*

Xem cái cử xướng này của Tô Tuyết Phong, chỉ cốt yếu biết lấy cái bốn lai tuôn khởi ra tất cả, cái chõ thật té rốt ráo không chút bóng dáng dấu vết. Nếu nói “Hay Hiểu”, “Hay Ngộ”, “Hay làm Nguồn Cội cho muôn pháp”, ấy là tay nói tào lao, cần sử dụng cái mai của Triệu Châu mới được.

Kinh: “Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh không của hành ám, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chõ tinh diệu của tịch diệt. Nếu ở chõ quay về mà có chõ nương tựa, tự nghi rằng thân tâm mình từ chõ kia phát sanh ra, và cả mười phương hư không cũng đều do chõ kia sanh ra, rồi ngay nơi cái chõ sanh ra tất cả đó cho là thể chân thường không sanh diệt. Vậy là ở trong sanh diệt sớm chấp là thường trụ. Đã làm là chẳng sanh, mà còn mê sự sanh diệt. An trú trong mê làm trầm trọng mà sanh thắng giải thì người ấy sa vào cái chấp Thường, Phi Thường, thành bạn bè của những kẻ chấp Tự Tại Thiên, mê làm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Ba, lập ra cái tâm Nhân Y, thành cái quả Vọng Kế, trái xa viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra dòng giống Đảo Viên.

Thông rằng: Trước nói “*Nếu y noi chõ quay về mà lập ra cái nhân Chân Thường*”. Quay về đã có chõ, ấy là mình có chõ về. Cái chõ ta trở về quả thật có thể sanh ra ta, do vậy mà tự nghi thân tâm mình từ nguồn thức kia tuôn phát ra, mươi phương hư không cũng do kia sanh khởi. Không tự mình khởi, nên nói là đều khởi. Chẳng tự mình phát, nên nói là tuôn xuất ra. Khi chưa có ta thì trước đã có thức này, không chỉ sanh mình ra mà còn sanh tất cả. Do đó mà mơ hồ thấy Thần Ngã là vô thường, còn nguồn thức là thường. Thần Ngã còn thuộc về thức thứ bảy. Nguồn thức thuần là thức thứ tám, cái ban sơ chưa động vậy; bèn lấy nguồn thức làm cái thể chân thường không sanh không diệt. Ở chõ lặng trong không động này, trong chõ sanh diệt vi tế mà sớm chấp là thường trụ. Không chỉ không thấy tánh chẳng sanh chẳng diệt chân thật mà còn mê, không biết pháp sanh diệt hiện tại. An trụ trong mê làm trầm trọng mà cho là thăng giải. Đó là lấy cái chẳng phải thường làm thường, nên sa vào cái chấp Thường, Phi Thường. Như cho là Tự Tại Thiên sanh ra mình mà cho đó là thường, chẳng biết Tự Tại Thiên cũng chẳng phải là cõi trời thường Trụ.

Đạo Thư nói: “Thái Ât là cái khí nguyên nhất. Ban đầu sanh ở trên Thái Hư, có cõi trời Ngọc Kinh. Bốn phương, mỗi phương đều có tám cõi trời, ba mươi hai vị Đế ở đó. Ở trên cõi Ngọc Kinh có ba cõi Trời Tam Thanh: Ngọc Thanh, Thượng Thanh và Thái Thanh. Ở trên cõi trời Tam Thanh lại có mười cõi trời Hư Hoàng, là chõ ở của Nguyên Lão Nguyên Tôn và Thiên Hoàng Cửu Hoàng”. Đó là cõi trời Sắc Đảnh và Không

Cứ, ngoại đạo không thể biết rõ, bèn cho đó là cội gốc sanh trời sanh đất. Và chõ nói rằng “Thiên Hoàng giáng cửu khí làm ra cái Hỗn Độn” thì cũng như bên Tây Vực cho Đại Phạm Thiên làm chủ tể của vũ trụ, đều phát xuất từ kiến chấp trên. Đó là lập ra cái tâm Nhân Y(09), nương vào cái nhân là nguồn thức, cho là sanh ra mình mà thành cái quả Vọng Kế (10), làm cho là thường trụ, chẳng phải do mình vậy.

Trước kia thì suy tính rằng ta sanh ra tất cả vật, ở đây thì nghĩ rằng mình hoàn toàn do cái kia sanh, nên gọi là Đảo Viên. Đó là muốn quên Ngã, quên Năng mà không thể mất hết cái tướng sanh, nên nói là “*Trái xa tánh Viên Thông, đi ngược đạo Niết Bàn*”.

Thiền sư Đại Ninh Khoan khai thị đại chúng, đưa cây gậy lên, nói: “Tánh mạng của Phật trước, kỷ cương của Phật sau đều trọn ở trong ấy. Như nay sử dụng đến thì làm mây, làm mưa, làm điềm tốt, làm điềm lành, lợi người, lợi trời, ra sanh vào tử. Thế giới tha phương khởi chìm, cuốn mở. Dù cho suốt thân là miệng, nói cũng chẳng cùng, suốt thân là mắt, soi chẳng hết. Một niệm tương ứng, sát na vạn kiếp!”

Tổ Từ Minh khai thị đại chúng: “Đạo Ngõa giống trống, bốn đại bộ châu cùng dự. Trụ trượng quo ngang, quẩy hết càn khôn đại địa. Bình bát mà chuyền, che hết hằng sa thế giới. Thủ hỏi tất cả các ông hướng về chốn nào để an thân lập mệnh? Nếu mà biết chõ an thân lập mệnh: Bắc Cu Lô Châu ăn cơm, xơi cháo. Nếu mà chẳng biết: Ngồi mãi trên sàng xơi cháo, ăn cơm!”

Đây là các vị Tôn Túc chỉ thảng ra cái chảng sanh chảng diệt, là thể chân thường. Thử nói xem là có về nương hay không về nương? Đừng ngại, nghi đi!

Kinh: “Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh không của hành ám, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu nơi chỗ hay biết, nhân sự hay biết cùng khắp mà lập ra cái nhận thức rằng cỏ cây mười phương đều gọi là hữu tình, không khác với người. Cây cỏ làm người, người chết rồi trở lại thành cỏ cây mười phương. Ở nơi cái hay biết cùng khắp, không có chọn lựa và cho là thắng giải. Người ấy sa vào kiến chấp Tri, Vô Tri, thành bạn bè của bạn Bà Tra, Tiễn Ni chấp tất cả đều có hay biết, mê làm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Tư suy tính cái tâm Viên Tri thành cái quả sai lầm, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Đảo Tri.

Thông rằng: Ở trước thì quay về Minh Đế, mờ mịt không biết, nhưng cái biết thì không thể diệt được, nên nhân cái biết lập ra nhận thức rằng nguồn thức có biết, mà tất cả các pháp đều do cái biết biến khởi ra. Bởi cho rằng cái thể của tánh Biết trái khắp cùng các pháp, đến nỗi nói rằng loài vô tình đều có biết, không có chọn lựa. Đó là lấy cái Không Biết làm cái Biết, nên gọi là Đảo Tri (11).

Bộ Hóa Thơ của Ông Đàm Tử (12) có nói: “Cây Phong già hóa làm đạo sĩ. Hạt lúa mục hóa làm bướm. Đó là từ vô tình mà thành hữu tình vậy. Cô hiền nữ hóa thành bia đá, con

trùn núi hóa thành cây bách hợp. Đó là từ hữu tình mà thành vô tình vậy. Thế thì cái gì là người, gì là ta, gì là có thức, gì là vô thức? Vạn vật là một vật, vạn thần là một thần vậy”.

Đó là kiến chấp “Cỏ cây làm người, người làm cỏ cây” vậy.

Có nhà sư hỏi Quốc sư Huệ Trung: “*Cỏ đúc nói “Xanh xanh trúc biếc trọn là Pháp Thân, rờ rỡ hoa vàng đâu không Bát Nhã”*”. Có người không chịu, bảo là tà thuyết. Cũng có người tin, nói bất tư ngã. Không biết như thế nào?”

Quốc sư nói: “Đây là cảnh giới của Đức Phổ Hiền, Văn Thủ chẳng phải hàng phàm phu tiểu khí có thể tin nhận. Ý chỉ hợp với kinh Đại Thừa Liễu Nghĩa. Bởi thế, kinh Hoa Nghiêm nói “Phật Thân đầy tràn Pháp Giới, khắp hiện trước tất cả chúng sanh, tùy duyên cảm hiện không đâu chẳng khắp mà chẳng tại tòa Bồ Đề này”. Trúc biếc đã chẳng ngoài Pháp Giới, há chẳng phải Pháp Thân đây sao? Lại nữa, kinh Bát Nhã nói: “Vì sắc vô biên nên Bát Nhã cũng vô biên”. Hoa vàng đã chẳng vượt ngoài sắc, há chẳng phải là Bát Nhã đó sao? Lời nói sâu xa, kẻ chưa tinh ngộ khó mà hiểu được”.

Nghe xong, thiền khách làm lẽ mà đi.

Lại có thầy Tòa Chủ giảng Hoa Nghiêm hỏi Hòa Thượng Đại Châu rằng: “Thiền khách có sao chẳng chịu “Xanh xanh trúc biếc trọn là Pháp Thân, rờ rỡ hoa vàng không chi chẳng là Bát Nhã”?”

Tổ Châu nói: “Pháp Thân không có hình tượng, ứng ra trúc biếc mà thành hình. Bát Nhã vô tri, đối hợp hoa vàng mà hiện tướng. Chẳng phải hoa vàng, trúc biếc kia mà có Bát Nhã, Pháp Thân. Thế nên, kinh nói “Chân Pháp Thân của Phật giống như hư không. Ứng vật hiện hình như trăng trong nước”. Nếu hoa vàng thật là Bát Nhã thì Bát Nhã đồng với vô tình. Trúc biếc nếu thật là Pháp Thân thì Pháp Thân là đồ ứng dụng. Tọa Chủ có hiểu không?”

Đáp rằng: “Chưa hiểu được ý này”.

Tổ Châu nói: “Như là người thấy Tánh thì nói phải cũng được, nói chẳng phải cũng được, tùy chỗ dùng mà nói, chẳng kẹt phải hay chẳng phải. Còn như người chẳng thấy Tánh, nói trúc biếc thì dính mắc trúc biếc; nói hoa vàng thì dính mắc hoa vàng; nói Pháp Thân thì kẹt Pháp Thân; nói Bát Nhã chẳng hay Bát Nhã. Bởi thế mà đều thành ra tranh luận”.

Vị Tọa Chủ lẽ tạ rồi đi.

Tổ Diệu Hỷ nói: “Trong chúng thương lượng Đạo, hai vị Tôn Túc thiết tha thế kia. Một người được cái thế, một người được cái dụng. Được cái dụng thì trên sự mà kiến lập, được cái thế thì trên lý mà quét dẹp. Đó là chỗ nói là “*Thật Tế Lý Địa không nhận hạt bụi, trong cửa Phật sự chẳng bỏ một pháp*” vậy. Ta làm Pháp Vương, nơi pháp tự tại, hoặc đè hoặc nâng, không được không mất, cái kiến giải như vậy gọi là anh lùn xem kịch! Chỗ thấy của Diệu Hỷ, các ông cũng cần chung biết. Há chẳng nghe nói “*Đập tan xương sống con lừa, leo lên chân con ruồi xanh*” ư?”

Lại có nhà sư hỏi Tô Vân Môn: “Như sao là Thanh Tịnh Pháp Thân?”

Tô Môn nói: “Hoa Dược Lan”.

Nhà sư hỏi: “Bèn cứ như vậy thì sao?”

Tô Môn nói: “Sư tử lông vàng”.

Ngài Tuyết Đậu tung rẳng:

*“Hoa Dược Lan, chó mơ màng!
Vạch số ở cán, không tại bàn cán
Bèn như vậy, thật không mồi manh
Sư tử lông vàng, tay tổ ngắm”.*

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Giặc đến cần đánh, khách tới cần đãi. Vân Môn, Tuyết Đậu, cả hai đều là tay tóm. Trong ấy làm gì có chuyện “Bèn cứ như vậy” đâu? Rất kỵ chạm đầu, đụng trán đấy!”

Căn cứ theo chổ thấy của các vị Tôn Túc trên thì cái Viên Diệu còn không thể “Bèn cứ như vậy”, huống gì trong ấy lại so tính cái tâm “Biết hết” để thành cái quả sai làm ư?

Kinh: “Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh không của hành ấm, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chổ tinh diệu của tịch diệt. Nếu ở trong chổ viên dung của các căn dùng thay lẫn nhau đã được tùy thuận, bèn ở nơi tánh viên dung biến hóa phát sanh các thứ mà cầu cái ánh sáng của hỏa đại, ưa cái trong sạch của thủy đại, thích cái tràn khắp của phong đại, ngắm cái thành tựu của địa đại. Mỗi mỗi đều sùng phụng cho các đại kia là bản nhán, lập thành cái nhận thức

thường trụ thì người ấy sa vào cái kiến chấp sanh vô sanh, thành bè bạn của nhóm Ca Diếp Ba và Bà La Môn, đem hết thân tâm thờ nước, thờ lửa để cầu ra khỏi sanh tử, mê làm Bồ Đề của Phật, bỏ mắt Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Năm, chấp trước sùng phụng, mê tâm theo vật, lập ra cái nhân mong cầu hy vọng mà đợi cái quả giả dối, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống ĐIÊN HÓA.

Thông rằng: Hành ám đã không, thì sáu căn dùng thay nhau. Các căn đều viên dung, phát sanh biến hóa, tùy thuận không ngại bèn ở nơi tánh viên dung biến hóa tất cả đều có thể phát sanh mà cho rằng sáu căn này do bốn đại thanh tịnh mà có, cái tánh của bốn đại thanh tịnh là thường trụ ở thế gian, chưa từng ngừng diệt. Đã có thể hóa khởi sáu căn thì tất cả tiền tràn đều do đó mà phát khởi, vậy bốn đại thanh tịnh là bốn nhân khởi ra mọi thứ. Trước mắt thì địa, thủy, hoả, phong biến diệt vô thường mà cái địa bốn nhân thì thường trụ không đổi, nên cầu cái ánh sáng của hỏa đại, nghĩa là cầu cái tánh thường trụ của ánh sáng vậy. Ưa cái trong sạch của thủy đại, nghĩa là cái tánh thường trụ của trong sạch. Thích cái tràn khắp của phong đại, nghĩa là cái tánh thường trụ của tràn khắp. Năm cái thành tựu của địa đại, nghĩa là cái tánh thường trụ của thành tựu vậy. Ở mỗi cái đều sùng phụng, cầu ra khỏi sanh tử. Chẳng phải sùng phụng cái tướng suông, mà muốn nhân cái tướng mà được cái tánh. Như đồng tử Nguyệt Quang ban đầu tu tập pháp Quán Nước, qua nhiều kiếp mới có thể làm một vòi nước. Cái ý sùng phụng của ngoại đạo cũng mường tượng như vậy,

muốn hợp làm một với cái tánh của bốn đại, thường trụ ở thế gian mà gọi là chẳng sanh diệt. Đây chẳng phải là chỗ cầu mà lại cầu, nên gọi là “Cầu hư vọng”, chẳng phải chỗ đợi mà đợi nên gọi là “Đợi giả dối”.

Việc sanh của bốn đại, là cái sanh của hữu vi. Sự hóa của bốn đại, là cái hóa của hữu vi. Bốn đại là cái bị sanh chứ thật chẳng có thể sanh. Bốn đại là cái bị hóa, chứ thật chẳng có thể hóa. Chấp cái không có sanh này mà cho là sanh thì điên đảo cái lý biến hóa, nên gọi là Đảo Hóa. Tâm vốn là nguồn gốc của vạn hóa. Tất cả vạn vật đều do tâm mà có ra. Nay đây chẳng biết tâm mà chạy theo vật, bỏ gốc theo ngọn mà muốn ra khỏi sanh tử, lại ngược vào sanh tử, bỏ mất Chánh Tri Kiến, ngu si đến nỗi như vậy thì há chẳng trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn ư? Do thế mà quên mất cái Biết, hết mất chỗ thấy thì mong cái chẳng sanh diệt quả là khó vậy!

Xưa, Ngài Lỗ Tố hễ thấy có nhà sư đến bèn quay mặt vô vách.

Tố Nam Tuyền nghe vậy, nói: “Tôi bình thường hướng về người khác mà nói: Hãy nhận lãnh cái “Không kiếp về trước”, hiểu lấy cái “Thuở Phật chưa ra đời” mà còn chưa được một phần, nửa phần. Kia như vậy, thì đến tết năm Lừa thôi!”

Ngài Bửu Phước hỏi Tố Trưởng Khanh: “Như Ngài Lỗ Tố, phẩm hạnh ở chỗ nào mà bị Tố Nam Tuyền nói như thế?”

Tố Khanh nói: “Lui mình nhường người, trong muôn người không có được một”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

*“Trong nhạt có vị
Diệu thoát tình phàm
Miên miên nhược tồn, hè, trước khi hình tượng
Lù dù như ngu, hè, đạo kia thật quý
Ngọc chạm mắt đi thuần diệu
Châu trong vực hằng tự tươi
Mười phần khí trong, hè, nắng thu sạch bóng
Một mảnh mây nhàn, hè, xa phân trời nước”.*

Chỗ này há hạng Bà La Môn “nhìn vách” có thể góp lời được ư?

Lại Tô Tuyết Phong hỏi nhà sư: “Chốn nào đến?”

Đáp: “Thần Quang đến”.

Tô Phong nói: “Ngày thì gọi là Nhật quang. Đêm thì gọi là hỏa quang. Thế nào là thần quang?”

Nhà sư không chỗ trả lời.

Tô Tuyết Phong tự thay thế nói rằng: “Nhật quang, hỏa quang. Có nói nhật quang, hỏa quang thì hãy dẹp quách cái thần quang cho xong!”

Cần phải thấy các tướng chẳng phải tướng mới liền hợp với ý chỉ Vô Sanh!

Kinh: “Lại nữa, thiện nam tử áy đã cùng tột tánh không của hành ám, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Nếu ở nơi chỗ viên minh, chấp sự

trống không trong viên minh, bác bỏ tiêu diệt các sự vật biến hóa. Lấy sự vĩnh viễn diệt mất làm chỗ quy y, rồi sanh thăng giải thì người ấy sa vào kiến chấp Quy Vô Quy thành bè bạn của nhóm chấp Không trong Vô Tưởng Thiên, mê làm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Sáu, vẹn thành tâm hư vô, kết nên cái quả Không Vong, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Đoạn Diệt.

Thông rằng: Ở trước thì vọng chấp bốn đại là chẳng sanh diệt, bèn sa vào thường Kiến. Ở đây thì phá diệt các sự vật biến hóa mà nương về cái vĩnh viễn diệt mất, đó là sa vào đoạn kiến.

Cái trống không trong cái sáng, cái sáng trong cái trống không, thì hình như bày hiện tánh Viên Minh, độc chỉ chấp chặt cái trống rỗng ở trong tánh sáng, lấy cái vô quy làm quy, trụ yên nơi tánh không bèn sa vào quả Vô Tưởng Thiên.

Nhóm Chấp Không không có thân cảm xúc, ở trong hào quang của Phật, ánh sáng khiến tạm thấy. Do lấy Không làm nhân, nên cũng lấy Không làm quả, thế bèn dứt mất chủng tánh Như Lai, nên gọi là “Cháy mầm, hư giống” vậy. Ngoại đạo lấy đó làm Niết Bàn, nên cách xa Niết Bàn chân thật ngàn dặm muôn dặm!

Có nhà sư hỏi Tố Vân Môn: “Khi cây héo lá rụng thì thế nào?”

Tố Môn nói: “Thể lộ gió vàng!”

Ngài Tuyết Đậu tung rǎng:

*“Hỏi đã có Tông
Đáp cũng tương đồng
Ba câu rõ được (13)
Một cú rộng không
Đồng rộng hè, gió mát rào rào
Trời cao hè, mưa xa lát phát
Anh chẳng thấy
Thiếu Lâm ngồi mãi, khách chưa về
Yên nương Hùng Nhĩ, chùa rộn rịp”.*

Tổ Huyền Sa thượng đường rǎng: “Phật Đạo mênh mông không đường lối nhất định. Không có cửa là cửa giải thoát, không có ý là ý đạo nhân. Chẳng ở ba mé (quá khứ, hiện tại, vị lai) nên không thể thăng trầm. Kiến lập thì trái với Chân nên chẳng thuộc về tạo tác. Động ắt khởi lên cội gốc sanh tử, Tịnh thì mê muội nơi chốn hôn trầm. Động Tịnh đều mất thì lạc vào Không Vong. Động tĩnh đều thâu thì mơ hồ Phật Tánh. Hắn phải đối trần, đối cảnh như tro lạnh, cây khô. Lúc đến hợp dùng, chẳng mất phép tắc. Như gương soi hình tượng, chẳng loạn ánh sáng. Chim bay trong không chẳng lầm vé không. Bởi thế, mười phương không có ảnh tượng, ba cõi bất dứt hành tung. Chẳng sa vào cái cơ lui tới, chẳng trụ nơi cái ý trung gian. Trong chuông không có tiếng vang của trống, trong trống không có tiếng vang của chuông. Chuông trống chẳng tương giao, câu câu không sau trước. Như tráng sĩ duỗi tay chẳng nhờ tha lực, sư tử đạo chơi nào cần bạn lửa? Hur không hết nhặt, nào do soi suốt! Một dải quang minh chưa hè mờ

tối. Đến vào trong áy, thê bất bất, thường sáng quắc, mặt trời chói rực, bày bố vô biên! Trong Viên-Giác-Không chẳng động lay. Nuốt sáng càn khôn soi tột khắp”.

Tổ Huyền Sa, Vân Môn thấy suốt chân thê Niết Bàn vốn không sanh diệt, phát huy chõ tinh diệu như vậy đủ cho hàng ngoại đạo dựng tóc gáy.

Kinh: “Lại nữa, thiện nam tử áy đã cùng tột tánh không của hành ám, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chõ tinh diệu của tịch diệt. Nếu nơi tánh Viên Thường củng cố cái thân cho thường trụ như tánh áy, mãi không suy mất mà sanh thắng giải, thì người áy sa vào cái chấp Tham Phi Tham, thành bè bạn của nhóm A Tư Đà, cầu được mạng sống lâu dài, mê muội Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Bảy, bám níu cái mệnh căn, lập cái nhân củng cố vọng thân hướng theo cái quả khổ nhọc lâu dài, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Vọng Diên (15).

Thông rằng: Thoáng thấy tánh Viên Minh, bèn chấp theo tướng “Trống không trong cái sáng”. Thoáng thấy chõ viên thường bèn chấp theo cái tướng thường chẳng hư hại. Chõ này thì người trí cũng không tránh khỏi. Nhưng tánh Viên Minh chưa từng chẳng trống không, mà cái trống không đó chẳng thể chấp níu. Chấp nắm cái trống không áy thì sa vào *Không*. Cái tánh thuần trong toàn vẹn chưa từng chẳng thường, mà cái thường kia không thể chấp níu. Chấp nắm cái thường át chạy theo khổ nhọc.

Trang Tử nói “*Đại khói làm nhọc ta vì cái sống*”. Các cách tu luyện như gấu vươn vai, chim ngẩng cổ, nôn cũn thâu mới cũng là chuyện nhọc nhằn, nên gọi là “*Khổ nhọc lâu dài*”. Vả chăng, cái sắc thân bốn Đại này bị định nghiệp ràng buộc. Cái phân đoạn sanh tử chăng thê làm cái biến dịch sanh tử, cái biến dịch chăng thê làm cái phân đoạn. Thân vốn vô thường, thật chăng thê tham mà nay lại bám níu muốn được lâu dài, nên gọi là cái chấp Tham Phi Tham. Tuy các vị tiên trưởng thọ có được cái thuật này mà chứng sự trưởng thọ chăng qua là củng cố cái vọng thân mà thôi, đối với tánh Chân Thường không hư hoại rất là xa cách, nên gọi là trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn.

Bám níu mạng căn, lặng đứng cái Thức Tinh, lắng trong chăng giao động bèn có thể vượt khỏi Vô Tưởng Thiên mà sanh cõi trời Phi Phi Tưởng. Đây gọi là hạng ngoại đạo Đệ Nhất ở Tây Vực, trọng việc củng cố thân cho thường trụ, cùng lắm là hết tám vạn kiếp lại lọt vào luân hồi. Thế thì sao có thể thường trụ ư?

Tổ Huyền Sa nhân uống làm thuốc, cả người đỏ rần, có nhà sư hỏi: “Thế nào là Pháp Thân kiên cố?”

Tổ Sa nói: “Cõi đất mủ giọt lộp độp!”

Hòa Thượng Hoài tụng rằng:

“*Nhều nhều suốt thân là mủ thối
Trên thuyền câu cá, hiển gia phong
Người đời chỉ ngó trên dây nhẹ
Chẳng thấy hoa lan đối liễu hồng*”.

Hòa Thượng Đoan nói: “Từng có người hỏi Ngài Pháp Hoa “Thế nào là thanh tịnh Pháp Thân?”, thì Ngài chỉ đáp “Cứt thói ngắt trời”. Lại nói: “Trên lá hoa sen hóa làm trẻ nhỏ”. Thủ nói là đồng hay khác với cỗ nhân?”

Ngài Pháp Hoa cũng có bài tụng:

*“Cứt thói ngắt trời cũng ngẫu nhiên
Pháp Hoa đâu dám vì ông tuyên
Mũi kia mà có thông thiên khiếu (16)
Cứ việc hoành hành khởi xở xiên”.*

Ở đây, các vị Tôn Túc đối với cái Pháp Thân kiên cố trong đàm luận mà còn muốn nôn ra, huống gì cái sắc thân thô lậu này mà muốn giả dối kéo dài ư?

Nhưng cũng có vị nương nguyện lực mà trở lại, chẳng phải nhờ tu luyện mà đắc.

Như Ngài Thiên Tuế Bảo Chưởng người Trung Ân, sanh năm Thú Mười Hai đời Châu Uy Việt, bàn tay trái nắm lại, đến năm bảy tuổi làm lẽ cao tóc mới mở ra, do đó mà có tên là Bảo Chưởng (17). Khoảng đời nhà Ngụy Tấn, sang Trung Hoa, vào đất Thục làm lẽ Đức Phổ Hiền. Thường không ăn, hằng ngày tụng các kinh Bát Nhã hơn ngàn cuốn, có bài vịnh rằng:

*“Nhọc nhằn răng ngọc lạnh
Tợ giòng suối tuôn nhanh
Có lúc đêm thâu ngồi
Trước thềm quý thần khóc”.*

Một hôm, Ngài bảo đại chúng: “Ta có lời nguyệt ở thế ngàn tuổi, năm nay là sáu trăm hai mươi sáu năm!”

Bởi thế có danh xưng là Thiên Tué (18).

Kế đó, Ngài dạo núi Ngũ Đài, dời đến ở chùa Hoa Nghiêm, núi Chúc Dung, núi Song Phong ở Hoàng Mai; rồi chùa Đông Lâm ở Lư Sơn, đều tìm đến để xây dựng. Gặp lúc Tô Đạt Ma vào nước Lương, bèn đến hỏi ý chỉ, được khai ngộ. Vua Võ Đế tôn kính tuổi đạo cao, mời vào trong triều. Chẳng bao lâu lại vào đất Ngô, có bài kệ rằng:

*“Thành Lương gặp Đạo Sư
Tham thiền rõ tâm địa
Rong chơi hai xứ Triết
Hết trọn non nước đẹp”.*

Thuận giòng xuống miền Đông giáp Thiên Trúc, ở núi Mậu Phong, lên non Thái Bạch, vượt qua núi Nhạn Đảng, bàn luận ở núi Thúy Phong, cả thảy bảy mươi hai cái Am. Trở về Xích Thành, dừng nghỉ ở các nơi Vân Môn, Pháp Hoa. Trở lại núi Phi Lai, ngủ ở non Thạch Đậu, đi hết bốn trăm Châu của Trung Hoa. Trong xứ này gọi là Đạo Nhân du phương. Đó là năm Thứ Mười Lăm niên hiệu Trinh Quán. Sau ở chùa Bửu Nghiêm đất Phố Giang, kết bạn hiền với Lãng thiền sư. Mỗi khi thăm hỏi thì cho con chó trắng mang thơ sang, Ngài Lãng cũng sai một con vượn xanh làm sứ giả. Nên nơi vách sư Lãng có câu “Chó trắng ngậm thơ đến. Vượn xanh rửa bát về”.

Ngày mồng Một Tết năm Thú Hai niên hiệu Hiển Khanh, Ngài tự đắp một bức tượng, đến mồng Chín thì xong, mới hỏi đệ tử là Huệ Văn: “Cái này giống ai?”

Đáp rằng: “Đạ, chẳng khác Hòa Thượng”.

Liền đó đi tắm, thay áo, ngồi kiết già, bảo Huệ Văn: “Ta trụ thế một ngàn lẽ bảy mươi hai năm, nay sắp từ giã.

Hãy nghe kệ ta:

*“Bốn lai không sanh tử
Nay cũng bày sanh diệt
Ta đang tâm ở-đi
Lại về đây năm khác”.*

Chốc lát lại dặn dò: “Sau khi ta tịch sáu mươi năm, có nhà sư đến lấy hài cốt ta thì đừng ngăn cản”.

Nói xong, thì đi thoát.

Hơn năm mươi bốn năm sau, có Trưởng Lão Thích Phù từ Vân Môn đến tháp, làm lễ rồi nói: “Xin tháp mở rộng ra”.

Chốc lát cửa tháp quả nhiên mở rộng, bộ xương liền nhau như màu vàng ròng. Thích Phù bèn mang sang đất Tân Vọng xây tháp chôn thờ.

Từ năm Đinh Mão đời Châu Uy Liệt đến năm Đinh Ty niên hiệu Hiển Khanh đời Đường Cao Tông đúng một ngàn lẽ bảy mươi hai năm! Đến nước này trải qua hơn bốn trăm năm. Hàng ngoại đạo cầu sống lâu mà có thể như Ngài Bảo Chưởng có mấy người ư?

Kinh: “Lại nữa, thiện nam tử ấy cùng tột tánh không của hành ám, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Xét mệnh căn thông lẫn với nhau, lại muốn giữ lại nơi trần lao, sợ nó tiêu hết. Bèn ở giới hạn này, ngồi cung liên hoa, hóa ra nhiều thứ bảy báu cùng nhiều mỹ nữ, buông lung tâm mình mà sanh thắng giải. Người ấy sa vào cái chấp Chân Vô Chân thành bè bạn của nhóm Tra Chỉ Ca La, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Tám, lập cái nhân Tà Tư (19) thành cái quả Xí Trần (20), trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Thiên Ma.

Thông rằng: Thức ám là cái cội nguồn mang sống của mười hai loài chúng sanh. Mệnh của mình thông với kia, mệnh của kia thông với mình, nên gọi là thông lẫn nhau. Nếu thức ám hết thì mạng của chúng sanh mười phương lập tức hết ráo, mạng mình cũng hết, ai chứng lý Chân Thường? Ai giáo hóa chúng sanh? Chỉ có Chân Thường mà không có người chứng Chân Thường, nên sợ tiêu hết, muốn ở lại nơi trần lao mà độ thoát chúng sanh. Ban đầu ngồi cung liên hoa, biến hóa ra nhiều các thứ bảy báu, ý chẳng phải xấu. Ké rồi thêm nhiều mỹ nữ, phóng túng tâm mình thì cái tà tư xen vào rồi vậy. Nương theo cái tà tư này mà muốn chứng chân thường, khởi ra cái dụng biến hóa mà không biết lỗi lầm nên gọi là cái chấp Chân Vô Chân.

Tra Chỉ Ca La là trời Tha Hoá Tự Tại ở trên đỉnh Dục Giới, hay biến hóa ra cảnh dục để tự vui thích. Trời Tha Hoá

chưa hẳn đều là ma, nhưng việc thần biến của Ma Vương cũng cùng loại nên cùng ở chung. Chỉ vì dục trần như lửa nên gọi là Xí Trần. Mười loại Thiên Ma ở trước (Tưởng Âm) đều lén làm việc tham dục, đó là chỗ phát ra của tà tư, chẳng thể cấm ngặt. Không bám trước thì gọi là Trời, có bám trước thì gọi là Ma. Kinh Pháp Hoa nói: “Các ông chớ nên thích ở cái nhà lửa của ba cõi. Không nên tham các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc thô tệ. Nếu tham bám sanh ra ái liền bị thiêu đốt”.

Xưa, Ông Uất Đầu Lam Phật dùng cái trí thế tục hàng phục được những mê lầm bậc thấp, được Phi Tưởng Định, đủ năm thứ thần thông. Nhà vua bấy giờ tôn trọng, mời vào cung, các cung nữ đón lấy chân ông mà làm lễ. Ông Uất Đầu Lam Phật tiếp xúc với tay người nữ, bèn sanh ham muốn, liền mất thần thông. Ăn xong, đi bộ từng bước về núi.

Nên chi có bài kệ rằng:

*“Vừa sanh một niệm dục
Liền mất ngũ thần thông”.*

Loại Thiên Ma thích biến hóa này, do trấn áp thức ấm mà được, nên hễ nghĩ bậy phát ra là mất. Quả báo thần thông đã hết thì rơi vào sự chìm đắm. Cái vui này đâu có thể thường, nên gọi là Chân Vô Chân vậy.

Như chỗ hiện thần lực của Đại sĩ Duy Ma, lúc ấy Phật Tu Di Đẳng Vương khiến cho ba vạn hai ngàn tòa sư tử rộng lớn nghiêm tĩnh đến nhập vào thất của Đức Duy Ma Cật. Các vị Bồ Tát, Đại Đệ Tử, Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương

thấy điều xưa giờ chưa từng thấy là cái thất rỗng lớn mêm mông chứa trọn ba vạn hai ngàn tòa sū tử không hề trở ngại.

Thiền sư Bửu Giác nói: “Cho tòa sū tử là cao rộng, thất Tỷ Da là nhỏ hẹp, nghĩ đến cái khoảng chất chứa liền thành ra trở ngại. Đây là lực thần thông chân thật, nên chẳng thể nghĩ bàn!”

Kinh: “Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh không của hành ám, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chỗ tinh diệu của tịch diệt. Ở trong chỗ cội gốc rỗng sáng của mạng căn, phân biệt cái tinh, cái thô để quyết rõ chân, ngụy. Nơi nhân quả đèn đáp, chỉ cầu cảm ứng, trái ngược với đạo thanh tịnh là thấy Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo mà ở nơi chỗ Diệt cho là xong, không chịu tiến tới rồi sanh thắng giải. Người ấy sa vào hàng Định Tánh Thanh Văn, thành bạn bè của nhóm tăng Vô Văn là những người tăng thượng mạn, mê lầm Bồ Đề của Phật, bỏ mắt Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Chín, cố viên thành cái tâm Tinh Úng, thành cái quả Thú Tịnh, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra giống Triền Không.

Thông rằng: Thức ám hiển lộ nên gọi là gốc mạng căn rỗng sáng. Cái thức thì ngậm chứa chủng tử hữu lậu và vô lậu. Nay ở trong đó phân biệt lựa chọn: Khổ, Tập là hữu lậu, gọi rằng thô, rằng ngụy; Đạo, Diệt là vô lậu, gọi rằng tinh, rằng chân. Chọn bỏ đi cái Khổ, Tập thô, ngụy mà giữ lại cái Diệt, Đạo tinh, chân. Tu Đạo là cảm, chứng diệt là ứng. Ý chỉ muốn nắm lấy điều này, chẳng chịu tiếp thêm. Đây là pháp luân Tứ

Đé, vốn tu viên quán Pháp Giới bình đẳng, lìa cái dơ nhị biên, gọi là Thanh Tịnh Đạo.

Nay lại phát khởi cái tri giải “ura, ghét” của Tiếu Thùa, chẳng rời nhân quả, dừng ở chỗ Diệt Đé mà ngừng nghỉ, đó là cái dơ của phía thanh tịnh, nên gọi là trái ngược. Hướng về chỗ tịnh lặng, bị ràng buộc nơi cái trống không, chứng nơi pháp chân riêng lệch, so với cái đoạn diệt ở trước có hơi khác. Ở trước là một bè hướng về Không, thuộc về trời Vô Tưởng. Còn đây thì có Diệt Đé để chứng, thuộc về Tứ Không Thiên hay là ràng buộc nơi cái Không, mong viên thành tâm cảm ứng nên bị sự tịch lặng ràng buộc, không thể hướng về Đại Thùa.

Hàng định tánh Thanh Văn đã chứng Bát Đinh nhưng chưa chứng Lậu Tận, vướng mắc vào giáo pháp Tứ Đé, nên Phật gọi là Thanh Văn, không thể phát ngộ cầu tiến đến Vô Thượng Bồ Đề. Khi nghe đức Phật nêu lên pháp môn Đốn Giáo thì bèn bỏ chỗ rút lui, ấy gọi là tăng thượng mạn. Chưa đắc cho là đắc, rốt rồi thuộc về nhóm Tỳ Kheo Vô Văn.

Người xưa nói “Chớ giữ cỏ lạ xanh hang lạnh. Mây trắng ngồi yên chẳng nhiệm màu”. Bởi thế, am chủ Liên Hoa đưa cây gậy lên, chỉ bày đại chúng: “Người xưa đến trong ấy, vì sao chẳng chịu trụ?”

Đại chúng không có lời đáp.

Tổ tự thay thế nói rằng: “Vì kia đường lối chẳng đắc lực!”

Lại nói: “Rốt ráo là sao?”

Lại tự thay thế nói rằng: “Đòn gánh vác ngang chǎng đeoái người. Thǎng vào ngàn, muôn đỉnh núi đi”.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

*“Trong mắt: cát bụi; trong tai: đất
Ngàn ngọn, muôn ngọn nào chịu ở
Hoa rơi nước chảy cùng man mác
Dụng đứng lông mày, chõ nào đi?”*

Lại có nhà sư hỏi thiền sư Vân Cư Giản: “Đỉnh côi độc ở thì thế nào?”

Tô Cư nói: “Trong chín gian tăng đường chǎng có nằm, ai dạy ông đỉnh côi độc ở?”

Ngài Đơn Hà tụng rằng:

*“Pháp thế, không tu, vốn tron phần
Bình thường thù đáp quá phân minh
Tuy rằng chỉ thǎng Trường An lối
Khổ nỗi khách chơi chǎng bộ hành!”*

Bậc Thanh Văn hướng về tịch lặng, còn thuộc về công phu tu tập. Pháp là như thế, chǎng có sự Tu, đó là chân tịch diệt. Hạng độn cǎn kia chǎng chịu rõ chõ này.

Kinh: “Lại nữa, thiện nam tử ấy đã cùng tột tánh không của hành ám, đã diệt sanh diệt, nhưng chưa viên mãn trong chõ tinh diệu của tịch diệt. Nếu ở trong tánh Giác Minh thanh tịnh viên dung phát minh chõ thâm diệu bèn lập đó là Niết Bàn mà không tiến tới, sanh làm thǎng giải, thì người ấy sa vào hàng định tánh Bích Chi, thành bạn bè của các vị Duyên Giác,

Độc Giác chẳng hồi tâm hướng Đại Thừa, mê làm Bồ Đề của Phật, bỏ mất Chánh Tri Kiến.

“Đó gọi là hạng Thứ Mười, viên thành giác tâm vắng lặng, thành cái quả trạm minh, trái xa tánh viên thông, đi ngược đạo Niết Bàn, sanh ra hạng giác viên minh, mà không dung hóa được tánh Viên.

Thông rằng: Đã thanh tịnh viên dung, thì những gì trái ngược với Đạo chẳng thể bì kịp. Đối trong bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh đã gần rồi vậy, chỉ vì chấp mà chưa dung hóa đó thôi. Kia lấy Giác làm Minh, thấy cái Viên thì vướng kẹt nơi Viên, thấy cái Minh thì vướng kẹt nơi Minh. Minh nên không làm nơi chỗ cảm ứng nhân quả. Viên nên chẳng lấn nơi chỗ Diệt cho là xong, ở chỗ này mà phát minh được sự thâm diệu. Thâm lại càng thâm nên chẳng sa vào cái Có, Diệu lại càng Diệu nên chẳng lọt vào cái Không. Ngay nơi "cái Chẳng phải Có, chẳng phải Không" này mà lập làm Niết Bàn chẳng sanh chẳng diệt rồi chẳng còn tiến thêm, đó là quả định tánh Bích Chi.

Bích Chi có hai hạng: Ra đời có Phật, gọi là Duyên Giác. Ra đời không có Phật, gọi là Độc Giác. Cả hai đều do quán sát nhân duyên mà ngộ Đạo, đến chỗ chẳng còn giao động, tiếp hợp với Viên Giác. Nhưng chỉ một chữ Giác không thể trừ được, mắc vướng nơi một đường Viên Minh, cố chấp chẳng dung hóa nên nói là Chẳng Hồi Tâm. Đó là chỗ thiền gọi là “Ngoài rèm đêm sáng, khó chuyển thân” vậy.

Nhà sư hỏi thiền sư Kim Phong Chí: “Bốn biển lặng trong thì thế nào?”

Tô Phong nói: “Còn là kẻ dưới thèm”.

Ngài Đơn Hà tung rẳng:

*“Bốn biển khói Trần đã lặng nhiên
Ngang hiên trăng sáng chiếu người nhàn
Tướng quân công lớn, không ban thưởng
Ngựa quý, thương vàng bỗng biếng xem”.*

Có nhà sư hỏi Tô Tào Sơn: “Trăng sáng trời không thì thế nào?”

Tô Sơn nói: “Còn là kẻ dưới thèm”.

Thưa rẳng: “Xin thày tiếp lên thèm”.

Tô Sơn nói: “Trăng lặn rồi đến tương kiến, chính lúc ấy đồng”.

Tô Đầu Tử khai thị chúng rẳng: “Nếu luận đến chuyện này, như chim loan, chim phụng bay ngút trời, chẳng hè để vết; dê rừng treo sừng, đâu thấy tăm hơi. Mặt trời chẳng giữ lại nơi đầm lạnh, mặt trăng há trú ở tại vết đen. Hoặc như lập ra khách, chủ thì phải ngoài nẻo Oai Âm lắc đầu. Hỏi, đáp, nói bày là việc đè xướng một bên huyền lộ (21). Nếu được như vậy, vẫn còn tại giữa đường. Bèn mới đứng tròng, chẳng phiền tương kiến”.

Tụng rẳng:

“Trăng đầy, nước lặng, đạo nhân sâu
 Hết diệu, không nương giống chǎng thâu
 Ngoài kiếp: “Chánh, Thiên kiêm đói” néo
 Trên cành không nảy (mầm), biện xuân thu”.

Bằng như ở các công án này có néo thấu triệt, bèn có thể làm thầy cho các bậc Duyên Giác, Độc Giác. Bậc Duyên Giác, Độc Giác này vốn là một giống hạng, trước kia phân ra thì chǎng phải.

Kinh: “Anan, mười loại Thiền Na như vậy, giữa đường hóa điên, do nương mê làm trong chõ chưa đủ lại cho đã chứng đủ, đều do thức ấm và tâm dụng công xen nhau mà sanh các thứ vị như thế. Chúng sanh mê dại, không biết tự xét, gặp cái đó hiện tiền, mỗi mỗi dùng cái tâm mê làm còn ưa thích những tập quán cũ mà tự dùng nghỉ, cho đó là chõ quay về rót ráo, tự bảo đã đầy đủ Vô Thượng Bồ Đề, thành đại vọng ngữ. Các tà ma ngoại đạo khi nghiệp báo chiêu cảm hết rồi thì sa vào ngục Vô Gián. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác thì không thể tiến tới thêm.

“Các ông để tâm giữ gìn Đạo Như Lai, sau khi Ta diệt độ rồi, đem pháp môn này truyền bày trong đời mạt pháp, khiến khắp chúng sanh hiểu rõ nghĩa này, không để cho những ma tà kiến tự gây ra nạn lớn cho mình. Giữ gìn thương cùu, tiêu dứt các tà duyên, khiến cho thân tâm vào Tri Kiến Phật, từ bắt đầu đến thành tựu, không mắc các lối rẽ.

Thông rằng: Mười loại Thiền Na của hành ấm ở trước cho đến năm thứ Niết Bàn hiện ra là cùng tột, đã có cơ duyên tò

ngộ nhưng còn chưa chứng quả. Ở đây, mười loại Thiền Na của thức ám thì đến Niết Bàn của bậc Bích Chi là cùng tột, đã vào quả vị nên gọi là “*Sanh các thứ vị như thế*”.

Tám loại trước là ngoại đạo, trái với hai lý Chân và Trung, khởi lên các tà kiến Trong Tam Giới, hết nghiệp báo thì lại vào luân hồi. Hai loại sau là hàng Nhị Thừa, trái với Trung Đạo Đế, khởi cái tà kiến Ngoài Tam Giới, hồi tâm liền vào Đại Thừa, nên có thể tăng tiến. Hồi về Trí, hướng về Bi, tức là đạo Bồ Tát. Trước bảo rằng Tâm Ma, đây nói rằng Kiến Ma. Tâm thì còn lưu động gồm cả thức thứ sáu. Kiến thì chỉ nắm giữ, gồm cả thức thứ bảy. Tóm lại, không ra ngoài hai tập khí từ vô thủy là Kiến Hoặc và Ái Hoặc. Do nương theo mê hoặc nên chẳng thể rốt ráo. Trong chỗ chưa đủ mà sanh tâm cho là đã chứng đầy đủ. Đã đến chỗ trong lặng chẳng chao động của thức thứ tám, nhưng chưa thể chuyển thức thành trí nên gọi là “Mê Lầm Tánh Bồ Đề”, bỏ mất Chánh Tri Kiến. Tri kiến này là Phật Tri Kiến, chẳng phải đắc quả mà mất đi vậy. Mê nơi Thức Âm, chẳng được sáng suốt, vì bị thức ngăn che, nên trái xa tánh viên thông.

Thức Thứ Tám là tánh của Như Lai Tạng. Ngộ nó thì chuyển được thức thành Chánh Quả, mê nó thì bị thức chuyển mà vào luân hồi. Bởi vậy, có thể “Khai, Thị, Ngộ, Nhập” Tri Kiến Phật thì từ bắt đầu vào cửa là được thành tựu, chẳng bị các kiến chấp ngõ rẽ làm mê lầm.

Tổ Vân Phong Duyệt thường đường rằng: “Gốc của loài hữu tình là nương Biển Trí làm nguồn. Loài hàm thức đều lấy

Pháp Thân làm Thể. Chỉ bởi Tình sanh nên Trí cách; Tưởng biến hóa mà thể sai thù. Đạt Gốc thì tình vong, biết tâm thì thể hợp. Quý thiền đức hiểu chăng? Cố Phật cùng cây lô trụ tương giao, điện Phật cùng cây đèn lồng cung trán. Như nếu chăng hiểu thì: Đơn, Trùng, Giao, Chiết (22)!"

Nhà sư hỏi Hòa Thượng Ba Tiêu Triệt: "Có một người chăng xả sanh tử, chăng chứng Niết Bàn, thì thầy có nắm tay nhau với y không?"

Đáp rằng: "Chăng nắm tay nhau".

Hỏi: "Vì sao chăng nắm tay?"

Đáp rằng: "Lão tăng cũng biết chút ít tốt xấu!"

Ngài Đầu Tử tung rằng:

*"Trẻ thơ trăm tuổi ra cửa rồi
 Đây người rần đỏ rực trán ai
 Trong lửa đạo nhàn nơi mát mẻ
 Người biết không sao dám gần nâng".*

Nếu biết "Người Ấy", liền nhập Tri Kiến Phật, không mắc vào lối rẽ.

Kinh: "Pháp môn như thế, các Đức Như Lai như số vi trần trong hằng sa kiếp quá khứ đều nương cái tâm mỏ tò này mà đắc đạo vô thượng. Khi thức ám hết sạch rồi thì ngay hiện tiền, các căn của ông đều có thể dùng thay lẫn nhau. Từ chỗ các căn dùng thay lẫn nhau, bèn vào Kim Cang Càn Huệ Địa Bồ Tát, cái tâm tinh diệu viên minh ở trong đó phát hóa ra như ngọc lưu ly thanh tịnh bên trong ngâm mặt trăng báu. Như thế mà

vượt lên Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh Tâm và Thập Địa Kim Cang là chỗ Hành của Bồ Tát, cho đến địa vị Đẳng Giác Viên Minh mà thể nhập vào Biển Diệu Trang Nghiêm Như Lai, viên mãn Bồ Đề, về trong Vô Sở Đắc.

“Đó là những ma sự vi tế mà các đức Phật Thế Tôn đời quá khứ trước đã giác ngộ, nghiệm rõ và phân tích trong pháp Chỉ Quán. Nếu cảnh ma hiện ra mà ông rõ biết thì sự do nhiễm của tâm được rửa trù, không lạc vào tà kiến, Âm Ma tiêu diệt, Thiên Ma tan tác, Đại Lực Quí Thần hết hồn chạy trốn, Ly My, Vọng Lượng chẳng còn sanh ra, thẳng đến Bồ Đề, không có những thiếu sót. Hàng hạ liệt cũng được tăng tiến, đổi trong Đại Niết Bàn tâm không mê muộn. Nếu các chúng sanh mê dại trong đời mạt pháp chưa hiểu Thiền Na, chẳng rõ lời thuyết pháp mà ưa tu Tam Muội, ông e rằng họ lạc vào đường tà thì phải một lòng khuyên bảo họ trì chú Phật Đánh Đà La Ni của Ta. Nếu chưa có thể tụng niệm, hãy viết nơi thiền đường hoặc đeo trong thân thì tất cả các ma không thể động đến. Ông nên kính vâng sự dạy bảo cuối cùng về đường tiến tu rốt ráo của mười phương Như Lai.

Thông rằng: Đoạn kinh này đầu đuôi tương ứng với đoạn ở trước, chỗ Ông Anan thành khẩn thưa hỏi các phuơng tiện ban đầu Xa Ma Tha, Tam Ma Bát Đề, Thiền Na để thành tựu Bồ Đề của mười phuơng Như Lai. Đó là những ma sự vi tế mà các đức Phật Thế Tôn đời quá khứ trước đã giác ngộ, nghiệm rõ và phân tích trong pháp Chỉ Quán, nên Ma không vào được.

Nương cái Tâm mở tỏ này mà đắc đạo Vô Thượng. Cần yếu là Thức Âm hết sạch mà thôi vậy.

“Đà Na Thức (23) vi tế, tập khí thành dòng xiết, sơ mê Chân, phi Chân; Ta thường chẳng khai diễn”. Bởi thế, nên không biết Thức Âm thì giữa đường thành ra cuồng mà các Ma lùng lẫy. Hễ ngộ được thì chuyển Thức thành Trí, Bồ Đề hiện tiền. Nếu mỗi mỗi dùng cái tâm mê làm còn ưa thích những tập quán cũ mà tự dùng nghỉ, chưa đắc mà cho là đắc, chưa chứng mà cho là chứng. Có đắc có chứng đây thuộc về Ma. Thức Âm nếu hết, thì Thần Ngã đều tiêu tan, ngược dòng toàn nhất, các Căn dùng thay nhau. Trong chỗ dùng lẫn nhau thấu vào Kim Cang Càn Huệ Địa, ở trong đó phát khởi cái Chân Trí, như ngọc lưu ly thanh tịnh, trong ngâm mặt trăng báu. Cái mật viên tịnh diệu của tất cả Như Lai đều hiện ra trong đó. Ngay đó liền được Vô Sanh Pháp Nhẫn, bèn vượt lên Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh Tâm cho đến Kim Cang Thập Địa là chỗ Hành của hàng Bồ Tát, chứng nơi Đẳng Giác. Đẳng Giác viên minh, thể nhập vào Biển Diệu Trang Nghiêm Như Lai, tức là địa vị Diệu Giác. Ở đoạn trước nói rằng “*Có Tam Ma Đè, tên Đại Phật Đánh, Thủ Lăng Nghiêm Vương săn đủ muôn hạnh, mười phương Như Lai néo diệu trang nghiêm, nhất mòn siêu xuất*” là chỗ này vậy.

Kinh Lăng Nghiêm nói “*Viên mãn Bồ Đề, về Vô Sở Đắc*”. Kinh Kim Cang nói “*Nếu có một Pháp để đắc thì Phật Nghiêm Đẳng chẳng thọ ký cho Ta*”. Thế nên, đắc Vô Sở Đắc, chứng Vô Sở Chứng đó là thấy Tánh. Thấy Tánh tức thành Phật vậy.

Do Càn Huệ Địa chứng ngay Bồ Đề, gọi là Siêu. Siêu nêu Đốn vậy. Do Càn Huệ Địa mà an lập Thánh vị cho đến chỗ viên mãn Bồ Đề là Đốn mà Viên vậy. Đây là pháp môn Viên Đốn, lập tức chuyển thức thành trí. Các ma sự gốc gác ở thức ấm, từ đâu mà sanh ra? Bởi thế, nói rằng “Chẳng bám giữ thì không có cái phi huyền, cái phi huyền còn chẳng sanh thì pháp huyền nương đâu lập?” Huyền còn không có, sao có được ma sự? Nên chi, người phàm phu mà biết điều này thì thẳng đến Bồ Đề, không còn thiếu sót. Hàng Nhị Thừa mà biết chỗ này thì hồi tâm tiến tới, đắc Đại Niết Bàn. Cái pháp Xa Ma Tha, Tam Ma Bát Đề, Thiền Na vi diệu này bởi thế là phương tiện ban đầu, cũng là sự dạy bảo cuối cùng, chỉ có thể bỗng nhiên tự ngộ, chẳng do bởi người mà đắc được, cũng chẳng phải quán hạnh tu chứng tầm thường mà đắc. Đó là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Như tu Tam Muội mà trì chú thì tất cả các Ma không có thể động đến. Điều ấy cũng không thể nghĩ bàn, nên ở đây lấy sự trì chú để kết thúc, tương ứng với Đại Phật Đảnh ở trước, vì để bày tỏ cái pháp môn Đệ Nhất cực tôn cực quý vậy.

Thiền sư Thanh Nguyên Hành Tư hỏi Đức Lục Tổ rằng: “Nên làm gì để không rơi vào thèm bức (24)?”

Tổ nói: “Ông từng làm gì?”

Hành Tư đáp: “Thánh Đề cũng chẳng làm”.

Tổ nói: “Rơi vào thèm bức nào?”

Hành Tư đáp: “Thánh Đề còn chẳng làm thì có giai cấp nào đâu!”

Tô bằng lòng và khiến Ngài cầm đầu trong chúng, rồi dạy đi hóa độ một nơi khác.

Kê rằng:

*“Tâm địa chứa các giống
Mưa khắp át mầm sanh
Đốn ngộ hoa tình ấy
Bồ Đề, quả tự thành”.*

Ngài Đầu Tử tung rằng:

*“Vô Kiến Đỉnh lộ, mây vẹt nhanh
Cành linh ngoài kiếp chặng hơi xuân
Chặng ngồi mé ấy, Không Vương điện
Đâu chịu cày bùa hương vàng hồng”.*

Ngài Đơn Hà tung rằng:

*“Cao trồi khó đem chánh nhän nhìn
Siêu việt xưa nay chặng sánh bằng
Rêu phong cổ điện không hâu cản
Trăng phủ cây già, phung chặng nương”.*

Có nhà sư hỏi Tô Thụy Nham: “Thương lượng làm sao để không rơi vào thèm bức?”

Tô Nham nói: “Bày chặng ra!” (25)

Hỏi rằng: “Vì sao bày chặng ra?”

Đáp rằng: “Kia xưa nay không giai cấp”.

Hỏi rằng: “Chưa rõ ở vị thứ nào?”

Đáp rằng: “Chẳng ngồi điện Phổ Quang”.

Hỏi rằng: “Vậy có sửa sang giáo hóa không?”

Tô Nham nói: “Danh nghe đầy ba cõi, chốn nào chẳng chầu về?”

Biển Diệu Trang Nghiêm đầy đủ Phước Huệ, vạn hạnh sẵn đủ, thật không thể nghĩ bàn. Thánh Đế còn chẳng đủ nói, huống là tục đế ư?

VIII. SANH TỬ LÀ VỌNG TƯỞNG NĂM ÂM MÀ CÓ, LÝ TUY ĐÓN NGỘ, SỰ PHẢI TIỆM TRỪ.

Kinh: Ông Anan liền từ chồ ngồi đứng dậy, nghe Phật dạy bảo, đảnh lẽ kính vâng, ghi nhớ không sót, ở trong đại chúng lại bạch Phật rằng: “Như lời Phật dạy, trong tưởng ngũ ấm có năm thứ hư vọng làm cái tâm tưởng cội gốc. Chúng tôi bình thường chưa được nhờ Đức Như Lai khai thị tỉ mỉ. Lại năm ấm ấy là tiêu trừ một lượt hay theo thứ lớp mà hết? Năm lớp như vậy đến đâu là giới hạn? Xin nguyện Đức Như Lai phát rộng đại từ làm cho con mắt tâm của đại chúng này được trong sáng để làm đạo nhân tương lai cho tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp”.

Phật bảo Ông Anan: “Tánh Tinh Chân thì Diệu Minh, tánh Bản Giác là Viên Tịnh, chẳng có vết tích của sanh tử và các trần cấu, cho đến hư không cũng đều nhân vọng tưởng mà có ra. Tất cả cái ấy nguyên là Bản Giác diệu minh chân tinh vọng phát sanh ra các khí thế gian, như chàng Diễn Nhã Đa mê cái đầu mà nhận bóng trong gương. Vọng vốn không có nhân, mà ở trong vọng tưởng lập ra tánh Nhân Duyên. Mê làm

Nhân Duyên thì gọi đó là Tự Nhiên. Cái tánh của hư không kia còn thật là huyền hóa sanh ra huống là Nhân Duyên hay Tự Nhiên đều là sự so tính của vọng tâm chúng sanh.

“Anan, biết là hư vọng khởi ra mà nói nhân duyên hư vọng. Như hư vọng gốc vốn không có thì cái nhân duyên hư vọng đó không chỗ có, huống gì là không biết mà suy rằng Tự Nhiên.

Thông rằng: Chỗ hỏi của Ông Anan: “Tiêu trừ một lượt hay theo thứ lớp mà hết?”, là chọn lựa dứt khoát hai pháp môn Đốn, Tiệm để làm con mắt Đạo cho hàng trời, người tương lai. Đức Thế Tôn trước hết dùng một đường tối thượng, nương ngộ mà tiêu trừ hết một lượt để khai thị cho. Độc chỉ tại ngộ, Thể nhập Tánh Tinh Chân diệu minh của Bản Giác viên tịch. Cái thể này chẳng dung chứa vọng nghiệp sanh tử và các vọng duyên trần cầu nào. Cho đến cả hư không chẳng phải nghiệp, chẳng phải duyên. Thể Tánh ấy như biển lớn chẳng chứa thây ma, tức là các tướng hư không, tử sanh, trần cầu cũng không có chỗ nào mà dính bám. Thấy rõ được tánh Diệu Minh vốn tự tinh chân như thế thì còn có vọng gì? Tánh Bản Giác hằng nhiên tự toàn vẹn trong sạch, có do nhiễm nào đâu?

Cho nên sự trôi lăn sanh tử của thế gian đều thuộc nỗi thọ, tưởng và hành ấm, trần cầu vẫn đục thuộc sắc ấm. Nương hư không mà khởi lập thuộc nỗi thức ấm. Tất cả đều do vọng tưởng sanh khởi. Đã là Bản Giác diệu minh chân tinh thì nhân đâu mà khởi vọng để phát sanh các khí thế gian, kiến phan, tướng phan v.v...? Vọng vốn không có nhân, như ở trước đã

nói “*Chàng Diên Nhã Đa mê cái đâu mà nhận bóng*”. Ai ai cũng biết là vọng, thì cái vọng ấy từ đâu mà khởi ra?

Cho là nhân duyên thì chẳng phải là nhân duyên, cho là tự nhiên thì chẳng phải là tự nhiên. Chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên thì không phải là tánh hư không ư? Cũng chẳng phải là tánh hư không vậy. Tánh hư không kia như một bọt nước phát ra trong biển. Trong tánh Đại Giác mà xem thì rõ ràng là huyễn, huống gì các thứ sanh tử trần cầu nương nại hư không mà khởi lập, há chẳng phải là Huyễn ở trong Huyễn ư? Thế nên, nói tánh nhân duyên, nói tánh tự nhiên đều là sự so tính của vọng tâm, vốn nào thật có. Đã chẳng phải nhân duyên, tự nhiên thì cái vọng của năm ấm nguyên không có tự tánh. Đã không có tự tánh thì vốn tự chẳng sanh. Vọng vốn chẳng sanh, chốn nào tìm vọng? Cho nên biết chỗ khởi của vọng mới có thể nói nhân duyên của vọng. Cái vọng này làm sao mà sanh, rồi phải làm sao mà dứt?

Nghĩ thế mới có chuyện năm ấm tiêu diệt theo thứ lớp. Bằng như vọng vốn không có, thì tức vọng tức chân. Cái chỗ khởi ra còn chẳng có thì từ đâu mà gọi là nhân duyên, lại từ đâu mà suy tính là tự nhiên? Như mắt không có bệnh nhặm, độc chỉ thấy một mặt trăng. Vốn làm gì có mặt trăng thứ hai, thì chốn nào lại tìm mặt trăng thứ hai để luận nhân duyên với tự nhiên?

Cái chỗ nương ngộ mà tiêu hết một lượt đây là pháp môn Viên Đốn tối thượng. Bởi thế mà chẳng luận làm sao tiêu trừ mà cũng chưa từng không tiêu trừ hết một lượt! Chỉ việc ngộ

nhập Bốn Giác tinh chân diệu minh viễn tịnh thì chẳng còn chuyện gì khác.

Có nhà sư hỏi Tồ Trưởng Sa Cảnh Sầm rằng: “Con người bốn lai thành Phật phải chẳng?”

Tồ Sa nói: “Ông nói Thiên Tử nước Đại Đường trở lại cắt cỏ, cắt tranh sao?”

Ngài Đầu Tử tụng rằng:

*“Trùng trùng khí tía thăm điện rêu
Sao phân ngôi vị trí càn khôn
Kim Luân (26) chẳng ngự Diêm Phù cảnh
Há với chư hầu bảo ấn tôn”.*

Lại có nhà sư hỏi thiền sư Cửu Phong Mân: “Ai ai cũng nói “Xin dạy nghĩa”, chưa rõ Thầy có cứu giúp không?”

Tồ Mân nói: “Ông nói núi lớn kia lại thiếu tấc đất nào ư?”

Hỏi: “Bốn biển tìm cầu là vì chuyện gì thế?”

Tồ Mân nói: “Diễn Nhã mê đầu, tâm tự cuồng”.

Hỏi rằng: “Lại có người (hoặc: cái) chẳng điên không?”

Tồ Mân nói: “Có”.

Hỏi rằng: “Thế nào là người chẳng điên?”

Tồ Mân nói: “Hốt nhiên hiểu giữa đường, mắt chẳng mờ”.

Đây là trong Giác Minh mà làm ra lỗi, rồi lìa dứt vọng căn. Thế nên, chàng Diễn Nhã mê cuồng, đâu có từ đâu mà khởi. Chẳng phải là người thật thấy bản lai diện mục, dễ gì thấu rõ chõ này.

Kinh: “Thế nên Như Lai phát minh cho các ông rằng bản nhân của năm ám đồng là vọng tưởng. Thân thể của ông trước hết nhân cái tưởng của cha mẹ mà sanh. Tâm của ông nếu chẳng phải là tưởng thì đâu có đến trong tưởng mà gá mạng. Như Ta đã nói ở trước, tâm tưởng đến vị chua thì trong miệng chảy nước bọt. Tâm tưởng việc lên cao, trong lòng bàn chân thấy ghê ghê. Đốc cao không có, vật chua chưa tới, thân thể của ông nếu chẳng cùng loài hư vọng thì có sao nghe nói tới chua thì nước miếng chảy ra?

“Thế nên, phải biết sắc thân hiện giờ của ông chính là Vọng Tưởng kiên cố Thứ Nhất.

Thông rằng: Tưởng sanh ra ở đâu? Sanh ở nơi thức vậy. Chõ thức vừa bắt đầu động, đó là nguồn gốc cái tưởng. Thức là mệnh căn, nương tưởng mà truyền. Thức động ắt tưởng sanh, tưởng sanh thì mạng lập, mạng lập thì bốn đại đầy đủ, đó là chõ nói “Ba thứ mệnh, tưởng, thức hòa hợp mà thành người” vậy. Bởi thế, cái tưởng của mình hợp với tưởng của cha mẹ thì phước đức tốt xấu tùy theo chõ nguyện mà cái sắc thân kiên cố ở đó hiện ra vậy. Trước khi chưa sanh thì chỉ có tưởng. Trước khi chưa có tưởng thì chỉ có thức. Cái thức thân chẳng chết gọi là mệnh căn. Mệnh căn muốn sự kiên cố trường

cửu, nên đã hiện ra sắc thân thì chỉ sợ tiêu mất. Đây là chứng có rõ ràng của Vọng Tưởng kiên cố.

Nếu cho rằng nương cái khí Âm Dương trời đất mà thật có thân này, chứ chẳng phải hư vọng mà lập ra, thì nghe nói đến me hắn không sanh nước miếng, nghe nói đến bờ vực không cảm thấy ghê ghê, không theo vọng mà trôi lăn được! Đàng này trong miệng thì nước miếng chảy ra, dưới chân thấy rợn rợn; chưa hắn là cảnh thật, chỉ nhân tưởng mà sanh ra thì quả thân này rõ ràng thuộc cùng loại vọng tưởng, nên cùng với vọng hoặc tương ứng. Thế thì còn lạ gì thân này chẳng do cái tưởng của cha mẹ mà sanh ra ư? Chỉ có tưởng theo với Tưởng, như tưởng me sanh ra thì có nước miếng, tưởng vực thì ghê chân. Cái sắc thân hiện có đây rõ ràng là một vọng tưởng kiên cố. Thế nên nói đến sắc âm thì gốc là vọng tưởng kiên cố. Nếu biết rõ cái tưởng này chẳng phải nhân duyên sanh, chẳng phải tự nhiên sanh, toàn là hư vọng, ngay đó là tịch diệt, vốn tự không có sắc, thì có cái gì đan dệt mà làm ra Kiếp Trược ư? Bởi thế mà hóa Không cái Kiếp Trược vậy.

Huệ Trung Quốc Sư thượng đường rằng: “Cây thanh la bám nương lên trên đỉnh cây tòng khô. Mây trắng lững lờ tụ tán trong thái hư. Muôn pháp vốn nhàn mà người tự náo!”

Tô Vân Môn thượng đường: “Này quý Thượng Tọa, chớ có vọng tưởng! Trời là trời, đất là đất, núi là núi, nước là nước, tăng là tăng, tục là tục!”

Im lặng giây lát, rồi nói: “Cùng ta đem đặt vững ngọn núi lại đây!”

Có nhà sư bèn hỏi: “Kẻ học nhân thấy núi là núi, nước là nước thì thế nào?”

Tô Môn nói: “Ba cửa để làm gì mà lại cõi Phật điện từ trong ấy đi qua?”

Hỏi rằng: “Như vậy thì đừng có vọng tưởng vậy”.

Tô Môn nói: “Trả lại thoại đầu của ta đây!”

Phàm kẻ học nhân rõ biết muôn pháp vốn nhàn, sắc ấm chẳng có, biết rõ vọng tưởng là hư vọng, ăn nhầm gì đến ta thì có gì mà chẳng “không” cái sắc ấm. Chỉ vì chưa rõ thoại đầu của Vân Môn. Tham đi!

Kinh: “Ngay nơi cái tâm tưởng tượng lên cao vừa nói đó mà có thể khiến thân ông thật thọ sự ghê rợn. Do các Thọ sanh ra mà có thể giao động sắc thân.

“Vậy hiện nay hai thứ Thuận Ích và Trái Tốn đang giong ruỗi nơi ông chính là Vọng Tưởng hư minh Thứ Hai.

Thông rằng: Tưởng ở tâm mà thân thấy ghê rợn, thì ắt là có thọ rồi sau mới làm giao động sắc thân. Có tưởng tức có thọ, có thọ tức có hiện hành. Bởi thế, thọ vui là thuận, là ích. Thọ khổ là trái, là tốn. Bởi thế, hai thứ hiện hành đắp đổi, giong ruỗi chẳng ngừng. Cái gì là Thọ? Hễ hư thì thọ, hễ minh thì lanh nạp. Cái Hư Minh Vọng Tưởng này thuộc năm thức trước, tức là kiến phần. Kiến phần và tưởng phần lẩn lộn nên gọi là kiến trước. Nếu biết cái thọ này chẳng phải nhân duyên sanh, chẳng phải tự nhiên sanh nên là hư vọng; tuy hư minh nhưng vốn không có tự thể. Đã không có tự thể thì vốn tự

chẳng sanh. Đã vốn chẳng sanh thì cái gì là thọ, cái gì là kiến phàm? Thế nên, có thể phá tan kiến trước vậy.

Tổ Triệu Châu thượng đường rằng: “Bồ Đề Niết Bàn, Chân Như Phật Tánh đều là y phục dính nơi thân, cũng gọi là phiền não. Chỗ Thật Tế Lý Địa có gì mà bám níu? Một tâm chẳng sanh, vạn pháp không lối. Ông chỉ tham cứu cho suốt, ngồi xét xem hai, ba mươi năm, nếu chẳng hội cứ chặt đầu lão tăng đi. Mộng huyễn, Không hoa uổng công nắm bắt! Tâm mà chẳng khác, vạn pháp nhất như. Đã không từ ngoài mà được thì còn nắm giữ làm gì? Tương tự như con dê, tóm lung tung thứ bỏ vào miệng. Lão tăng nghe Hòa Thượng Dược Sơn nói: “Có người hỏi đó, chỉ bảo: “Ngậm mõm chó lại!” Lão tăng cũng dạy: “Ngậm mõm chó lại!” Giữ lấy cái Ta là dơ, chẳng giữ cái Ta là sạch. Thật như con chó săn chuyên muốn có được vật gì để ăn. Phật Pháp ở tại chốn nào? Ngàn người, vạn người đều là những tên tìm Phật, trong đó tìm một đạo nhân cũng không có. Nếu cùng Không Vương làm đệ tử, chớ bảo tâm bệnh nan y!”

Lại có nhà sư hỏi Tổ Động Sơn: “Mỗi mỗi siêng chùi lau (27), vì sao chẳng được y bát?”

Tổ Sơn nói: “Dù cho nói “Xưa nay không một vật” cũng chẳng được y bát kia!”

Hỏi rằng: “Chưa rõ người nào thì được?”

Tổ Sơn nói: “Kẻ chẳng nhập môn”.

Hỏi rằng: “Chỉ như kẻ chǎng nhập môn lại có đắc không?”

Tô Sơn nói: “Tuy vậy, chǎng được thì chǎng trao kia”.

Lại nói tiếp: “Dù cho nói “Bốn lại vô nhất vật” vẫn còn chǎng được y bát. Hãy nói người như sao thì hợp được? Trong ấy hợp được, hạ một chuyền ngũ, hãy nói hạ được lời gì?” Một vị Thượng Tọa hạ chín mươi sáu chuyền ngũ mà chǎng khé hợp, sau cùng nói: “Giả sử có đem lại đi nữa, kia cũng chǎng lãnh thọ”.

Tô Sơn rất chịu.

Ngài Tuyết Đậu nói: “Kia đã không nhận là có mắt, đem đến thì át hǎn là mù”.

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng: “Trường Lư (28) thì không thế! Cần nên đem lại, nếu chǎng đem lại, làm sao biết chǎng thọ? Cần nên chǎng thọ, nếu chǎng có chǎng thọ làm sao khỏi đem lại? Đem lại hǎn nhiên là mắt, chǎng thọ đích thật là mù. Có hiểu chǎng?

*“Chiếu khắp, thể không nương
Thông thân hợp Đại Đạo”.*

Đây là từ hai chỗ thua rót của Tỳ Kheo Trường Trảo (29) mà giáo hóa hàng vị lai. Cần phải ngay cái “Chǎng thọ” cũng chǎng thọ nhận, mới có thể siêu khỏi Kiến Trược.

Kinh: “Do những niệm lụ sai khiến sắc thân của ông, nếu sắc thân chǎng phải cùng loại với niệm thì có sao thân ông lại theo niệm mà bị sai sứ, mỗi mỗi nhận lấy hình tượng, tâm khởi

nắm giữ hình tượng tương ứng với niệm? Thức là tưởng tâm, ngủ làm chiêm bao.

Vậy vọng tình, tưởng niệm giao động của ông chính là vọng tưởng dung thông Thứ Ba".

Thông rằng: Niệm lự thì vô hình, thân thể có hình chất. Niệm động thì thân theo, do đâu lại bị sai sứ? Do cái tưởng dung thông vậy. Tâm sanh cái tưởng hư vọng mà thân giữ nhận vật thật, mỗi mỗi thù đáp, tương ứng với niệm. Do cái tưởng dung thông nên khiến tâm theo cảnh, khiến cảnh tùy tâm. Cái Vọng Tình giao động, thức ngủ không gián đoạn, đó thuộc về gốc rễ vọng tưởng, sức có thể dung thông không ngăn ngại. Ấy là tác dụng của thức thứ sáu, là sào huyệt của phiền não.

Nếu rõ cái tưởng này chẳng phải nhân duyên sanh, chẳng phải tự nhiên sanh, đương thể hư vọng, tức đương thể không tịch. Tưởng vốn không sanh thì phiền não nào có ra gì nữa?

Xưa, Ngài Ngưỡng Sơn đang chánh định trong tăng đường, nửa đêm không thấy núi sông, đất đai, chùa chiền, người vật cho đến mắt luôn thân, toàn vẹn đồng như hư không.

Sáng hôm sau Ngài kể lại với Tố Quy Sơn.

Tố Quy Sơn nói: "Tôi hồi ở với Tố Bách Trượng cũng được như vậy, đó là công dụng tiêu minh cái vọng tưởng dung thông. Ông về sau thuyết pháp, có người vượt hơn thì không đâu có chuyện đó".

Ngài Thiên Đồng nêu kinh Viên Giác: “Ở tất cả mọi thời, chẳng khởi vọng niệm *chẳng*? Ở nơi vọng tâm cũng chẳng dứt diệt *chẳng*? Trụ cảnh viên thông chẳng thêm sự hiểu biết *chẳng*? Ở chỗ không hiểu biết chẳng phải biện chân thật *chẳng*? ” (Ở đây Tô thêm các chữ “*chẳng*” để thành câu hỏi).

Tụng rằng:

“*Đường đường nguy nga, lỗi lỗi lạc lạc*
Chỗ nào cắm đầu, chỗ ẩn hạ chân
Dưới chân dây đứt, tự do thay!
Đầu mũi hết bùn, ông khỏi cao!
Đừng động đây,
Giấy cũ ngàn năm đúng là thuốc!”.

Tô Lang Nha Giác có lần hỏi một vị tăng giảng kinh: “Thế nào là ở tất cả mọi thời chẳng khởi vọng niệm?”

Đáp rằng: “Khởi túc là bệnh”.

Lại hỏi: “Thế nào là ở nơi vọng tâm cũng chẳng dứt diệt?”

Đáp rằng: “Dứt túc là bệnh”.

Lại hỏi: “Thế nào là trụ cảnh vọng tưởng chẳng thêm sự hiểu biết?”

Đáp rằng: “Biết túc là bệnh”.

Lại hỏi: “Thế nào là ở chỗ không hiểu biết chẳng phân biện chân thật?”

Đáp rằng: “Phân biện túc là bệnh”.

Tổ Giác cười mà rằng: “Ông biết thuốc đấy, nhưng chưa biết cái kỵ trong thuốc vậy”.

Ngài Bửu Giác làm bài kệ:

*“Hoa vàng ắp ắp, trúc xanh ràng ràng
Giang Nam đất ấm, ải Bắc xuân han
Khách du đi rồi không tin tức
Còn lại Vân Sơn ngắm đến già!”.*

Các vị Tôn Túc ở đây có thể nói là “Dưới chân dây đứt”, tung hoành tự do, đủ để làm quy tắc phá Tưởng Âm.

Kinh: “Sự chuyển hóa không dừng, xoay vần âm thầm dời đổi, móng tay dài, tóc mọc lên, khí lực tiêu, dung mạo nhăn, ngày đêm thay thế, không hề hay biết. Anan, nếu cái đó không phải là ông thì có sao thân ông lại thay đổi? Còn nếu nó thật là ông, thì có sao ông không hay biết?

“Vậy các hành ấm của ông niệm niệm chẳng dừng chính là Vọng Tưởng u ẩn Thứ Tư.

Thông rằng: Vọng tưởng kiên cố thì chẳng rời sắc tràn. Vọng tưởng hư minh còn đổi đai với sắc tràn. Vọng tưởng dung thông thì thuộc về nội tràn, có hình tượng để nắm giữ, có cảnh để đắc. Đến cái vọng tưởng u ẩn thì không còn hình tượng để nhìn thấy, không có cảnh để bám giữ, thay đổi chẳng dừng, xoay vần âm thầm dời đổi. Về phương diện sanh thì móng tay mọc, tóc dài ra; về phương diện diệt thì khí lực suy, dung mạo nhăn, ngày đêm thay nhau biến dịch trước mắt mà ta chẳng hay biết. Nếu cho rằng chẳng phải là mình thì thân thể

ngày mỗi thay đổi, nếu cho rằng túc là mình thì mình lại chẳng hay biết! Bởi cái vọng tưởng rất u ẩn, niệm niệm trôi lăn không thể xác định, kẻ không biết thì chỉ quy cho sự chuyển hóa mà thôi.

Hành ấm thuộc thức thứ bảy, đã lìa các tưởng nên không thể biết, mà sự sanh diệt trôi chuyển rất là vi tế cũng đều chẳng ra khỏi sự luân chuyển của ba cõi, nên gọi là Chúng Sanh Trước. Nếu nơi chỗ “niệm niệm chẳng dừng” mà có chỗ dừng thì chẳng chịu sự luân chuyển của chúng sanh.

Có nhà sư hỏi thiền sư Long Nha Độn: “Khi hai con chuột cắn dây leo thì sao?”

Tô Nha nói: “Cần có chỗ ẩn thân mới được”.

Nhà sư hỏi: “Thế nào là chỗ ẩn thân?”

Tô Nha nói: “Lại thấy nhà ta không nhỉ?”

Ngài Đơn Hà tung rằng:

*“Đỉnh xa trăng lạnh trôi mơ màng
Bình Hồ muôn mầu sáng miên man
Ngư ca đánh thức cò sông bãi
Bay khỏi Lư Hoa, dấu chẳng còn”.*

Bởi thế mà biết chỗ ẩn thân kia quỷ thần nhìn ngó cũng chẳng ra, nên hành ấm đâu còn có thể mê hoặc. Bởi vì sự sanh diệt vi tế, tức là hai cảnh sáng tối, ngày đêm thay nhau mà hình thể đổi dời, như hai con chuột cắn dây, ngày càng tiêu diệt. Chỗ này thuộc về vọng tưởng u ẩn, nhưng cái chỗ ẩn thân không tung tích thì đủ để phá đi vậy.

Kinh: “Lại chỗ tinh minh đứng lặng không giao động của ông mà gọi là thường hằng thì nơi thân ông chẳng ra ngoài những sự thấy, nghe, hay, biết. Nếu nó thật là tinh tinh chân thì chẳng chừa nhóm hư vọng, vì sao các ông trong năm xưa đã từng thấy một vật lạ, trải qua nhiều năm không hề nghĩ đến, về sau bỗng nhiên thấy vật lạ đó thì nhớ lại rõ ràng, không hề sót mất. Vậy trong cái tinh minh đứng lặng không lay động này, niệm niệm chịu sự huân tập không thể tính toán hết được.

“Anan, nên biết cái trong lặng này chẳng phải chân thật, như dòng nước chảy xiết, trông như đứng yên, vì chảy nhanh nên không thấy chứ chẳng phải không chảy. Nếu chẳng phải là nguồn tưởng thì đâu chịu tập khí hư vọng. Nếu sáu căn của ông chưa được chia hợp, dùng thay lẩn nhau thì cái vọng tưởng đó không khi nào diệt được. Vậy nên hiện nay cái tập khí tập hợp quán xuyến những sự thấy, nghe, hay, biết của ông là cái tưởng tinh vi tế nhiệm, điên đảo, ảo tượng rỗng không Thú Năm trong tánh trong lặng thấu suốt của ông.

“Anan, năm cái Thọ Âm đó do năm Vọng Tưởng tạo thành.

Thông rằng: Sự sanh diệt của hành ấm, niệm niệm chẳng dừng, chỉ là u ân không thể thấy. Còn đến chỗ lặng trong chẳng giao động là đã diệt sự sanh diệt, vì sao còn gọi là vọng tưởng? Vì còn cái thức thể tinh minh vậy. Cái thức thể tinh minh này, thiện ác chẳng mạnh động, ý thức đều mất, trong lặng thường ngưng, tương tự cùng loại với Bản Giác tinh chân nhưng thật chẳng phải là Bản Giác tinh chân. Cái Bản Giác

tinh chân chẳng rơi vào thấy, nghe, hay, biết nên không chịu sự huân tập. Nay cái chỗ lặng trong chẳng giao động, cái biết không còn, lạc vào chỗ vô ký. Tánh của vô ký thông với hiện lượng, chẳng ra ngoài cảnh giới thấy, nghe, hay, biết của năm thức trước. Cái thấy, nghe, hay, biết này tuy không suy nghĩ so tính, nhưng có thể lãnh nạp, chịu sự huân tập. Bởi thế hễ thấy vật lạ, dầu không nghĩ đến, nhưng một lần thấy lại là nhớ rõ ràng. Thật giống như con cá bị băng giá ép, gấp cảnh bèn nhảy ra, thì sự sanh diệt chưa từng mất hết vậy. Thế nên biết rằng cái trong lặng này chẳng phải chân thật, niệm niệm chịu sự huân tập, quán xuyên tập hợp các tập khí, tinh vi tế nhiệm thường huân tập chẳng ngừng, giống như xâu chuỗi kết nhau vậy.

Có cái tinh minh này tức là có cái thấy, nghe, hay, biết này. Có cái thấy, nghe, hay biết này tức là chẳng lìa căn trần thì hay quấy loạn cảnh mà chịu huân tập, dung chứa kết tập vọng nghiệp, nên chẳng phải là tánh trong lặng chân thật. Hắn phải ngược dòng toàn nhất, tiêu tan sáu cửa, thoát suốt căn trần, sáu căn dùng lẫn nhau. Chỉ một cái Tinh Chân, nương căn phát sáng, đóng mở tự do, tập khí hư vọng không có chỗ nương tựa. Bởi thế, miệng như lỗ mũi, mắt tựa lông mày! Lấy tai xem sắc, sắc chẳng động lay. Lấy mắt nghe thanh, thanh không níu kéo. Như thế mới là Diệu Trạm Tổng Trì, vọng tưởng không do đâu mà vào được.

Năm thức trước chưa hợp vào tư duy thì cái thể gần với thức thứ tám. Cho nên thức thứ sáu và thức thứ bảy chuyển ở trên nhân thì thức thứ tám và năm thức trước mới viên mãn ở

trên quả. Nếu chẳng có Hậu Đắc Trí thì không thể chuyển năm thức trước. Cho đến khi chuyển thức thành Trí, đắc cái trong lặng chân thật thì sau đó mới tin thức thứ tám là chủng tử vi tế sanh diệt, chảy nhanh nên không thấy, chứ không phải không chảy, tuy giống như lặng yên, không thể gọi là trong lặng chân thật. Trong tánh trong lặng thấu suốt cái tưởng tinh vi tế nhiệm, ảo tượng rỗng không, hình như có hình như không, nhưng chưa từng không có cái tưởng. Cho nên cũng gọi đó là vọng tưởng vậy. Thức thứ tám nương nơi cái chẳng sanh chẳng diệt hòa hợp với cái sanh diệt mà thành. Bằng như ngược trần hợp Giác, y vào cái chẳng sanh diệt thì gọi là Chánh Trí. Nếu ngược Giác hợp trần y vào nơi sanh diệt thì gọi là điên đảo. Cội nguồn tưởng tức là cái chõ động ban sơ của thức, năm thứ vọng tưởng đều do đây mà khởi. Do một niệm mê làm hư vọng, nhận lấy nó, giữ lấy nó mà tự che khuất. Thế nên mới gọi là năm thọ ám, hay năm thủ ám đều do vọng tưởng làm gốc vậy.

Thiền sư Vĩnh Gia nói: “Biết rõ trong một niệm đủ cả năm ám: Rành mạch phân minh tức là thức ám. Thu lanh nơi tâm tức là thọ ám. Tâm duyên theo lý ấy tức là tưởng ám. Hành dụng lý ấy tức là hành ám. Làm do Chân Tánh tức là sắc ám. Năm ám này toàn thể là một niệm. Một niệm khởi lên toàn là năm ám. Rõ ràng thấy trong một niệm không có gì là chủ thể, tức là Huệ Nhân Không. Thấy như huyền hóa tức là Huệ Pháp Không”.

Hắn như chõ Tổ Vĩnh Gia nói: “Nhân Pháp đều Không thì thức ám mới hết rồi sau mới có thể siêu vượt mệnh trước vậy”.

Ngài Triệu Châu hỏi Tố Đầu Tử: “Khi người chết sống lại thì sao?”

Tố Đầu Tử nói: “Chẳng được đi đêm, đến trong chõ sáng”.

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng:

“Trong “sống” có mắt lại như “chết”
 Thuốc ký khỏi cần khám “tác gia”
 Phật xưa còn nói “chưa từng đến”
 Chẳng biết ai đây thoát trần sa”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“Thành (hạt) cải kiếp đá diệu tốt sơ
 Mắt “sống” “trong Không chiếu rỗng hư
 Chẳng được đi đêm, về ngày sáng
 Tin nhà chưa khứng phó chim, sò”.

Cái Diệu này tuyệt hết “Nguồn Tưởng”, không dung chứa tập khí hư vọng. Ấy là Thật Tế Lý Địa, không động bước mà tới, rõ ràng cái cách chuyển Thức thành Trí vậy.

Kinh: “Ông nay muốn biết nhân do và giới hạn sâu cạn, thì Sắc và Không là biên giới của Sắc Âm; Xúc và Lìa là biên giới của Thọ Âm; Nhớ và Quên là biên giới của Tưởng Âm; Diệt và Sanh là biên giới của Hành Âm; lặng trong nhập hợp với lặng trong là biên giới của Thức Âm.

Thông rằng: Ở trước, Ông Anan hỏi rằng “Năm lớp như vậy đến đâu là giới hạn?” Ở đây trả lời rõ ràng, có nguyên nhân, có giới hạn từ cạn đến sâu. Sắc không tự nó là Sắc, nhân

Không mà hiển Sắc. Biên giới của Sắc và Không là Sắc Giới vậy. Thọ chẳng tự nó là Thọ, nhân Xúc Chạm mà có Thọ, thì biên giới của Xúc và Lìa là Thọ Giới. Tưởng chẳng tự nó là Tưởng, nhân Nhớ mà gọi là Tưởng, thì biên giới của Nhớ và Quên là Tưởng Giới. Hành không tự nó là Hành, nhân sanh diệt chẳng ngừng mà gọi là Hành, biên giới ấy của sanh diệt là Hành Giới. Thức gọi là trong lặng thấu suốt đã diệt sự sanh diệt, tánh nó nhập với nguồn tánh bất động mà hợp với lặng trong. Mà có nhập, có hợp tức là có biên giới, đó là Thức Giới vậy. Vì cái “Trong lặng nhập vào” là thức ấm, còn tánh “Trong lặng chân thường” là tánh thức minh tri. Minh tri là Trí. Giữa thức và Trí còn có biên giới vậy.

Chân Tánh không gọi là “Trong lặng nhập vào” vì toàn khắp pháp giới không hề có ra vào. Cái trong lặng mà xuất ra là Hành, cái trong lặng mà nhập vào là Thức. Suốt cả bên trong lặng sáng, nhập không-chỗ-nhập, tức là địa chảng sanh diệt. Đây là lần lần vào chổ tinh diệu. Từ năm tràn, năm thức trước, thức thứ sáu, thức thứ bảy cho đến thức thứ tám là giới hạn cạn sâu của năm ấm vậy. Đã hợp cùng tánh lặng trong rồi, được Vô Sanh Pháp Nhẫn thì còn có biên giới nào để xem xét nữa ư? Đã không biên giới, tức không năm ấm, năm ấm đều Không, tức siêu năm trước. Ở trước, nói “Các ông phân Diệu Giác Minh Tâm trong lặng toàn vẹn của mình làm ra cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết từ đầu đến cuối thành năm lớp vẫn đực”. Đến đây thì đồng quy về tánh trong lặng vậy.

Sách Hoàn Nguyên Quán nói “Do nơi tràn túng mà niệm niệm dời đổi, đó là sanh tử. Do quán tràn túng mà túng sanh diệt dứt hết, rõ ràng không, không có thật, đó là Niết Bàn”.

Cuốn Trí Chứng Truyện viết: “Nơi sắc thanh các pháp niệm niệm phân biệt, gọi là dời đổi. Quán sắc thanh các pháp ấy không từ đâu khởi lên, không từ đâu diệt mất, ngay đây giải thoát”.

Cuốn Tiên Quán Kỹ Nhãm viết: “Thật vậy, con mắt không thể tự thấy cái thể của nó. Tự thể còn chẳng thể thấy, làm sao thấy gì khác?”

Cuốn Thứ Quán Tiên Cảnh viết: “Nếu cái thấy là cây thì đâu còn cây? Nếu cái thấy chẳng phải cây, thì làm sao thấy cây?”

Cuốn Thứ Quán Tam Tế viết: “Nếu hiện tại là có thì quá khứ, vị lai đáng lẽ cũng có. Nếu quá khứ, vị lai là không có thì hiện tại đáng lẽ cũng không”.

Đây là yếu chỉ về nguồn vậy.

Tổ Quy Sơn thượng đường: “Phàm cái tâm của đạo nhân thì thẳng ngay không giả dối, không sau, không trước, không đổi trá hư vọng. Trong hết mọi thời, thấy nghe bình thường, không quanh co khuất lấp, cũng chẳng bịt mắt bưng tai. Chỉ là tình chẳng dựa vật, thì thật như chư Thánh xưa nay chỉ nói cái lầm hại bên phía dơ uế. Như không có các thứ túng tập, biết bậy, tình kiến bèn như nước thu trong lặng, thanh tịnh vô vi,

trong ngàn không ngại. Gọi đó là đạo nhân, cũng gọi là người vô sự”.

Đôi lời của Tô Quy Sơn chỉ thăng cái tin tức của *Lặng trong nhập hợp lặng trong*. Chỉ việc tiêu hết thức ấm thì đâu còn chuyện gì nữa?

Kinh: “Năm ấm áy vốn trùng điệp sanh khởi. Sanh thì nhân Thức mà có, diệt thì từ Sắc mà trù. Lý ắt đốn ngộ, nương Ngộ tiêu sạch. Sự chẳng phải đốn trù, theo thứ lớp dứt hết.

“Ta đã chỉ cho ông về cái nút khăn Kiếp Ba La, có chỗ nào chẳng suốt tỏ, mà phải hỏi lại như vậy. Ông nên dùng cái tâm được khai thông về căn nguyên vọng tưởng này, truyền dạy cho tương lai những người tu hành trong đời mật pháp, khiến cho họ rõ hư vọng, tự sanh nhảm chán sâu xa, biết có Niết Bàn, chẳng luyến mê ba cõi.

Thông rằng: Ở trước, Ông Anan hỏi là tiêu trù hết một lượt hay theo thứ lớp mà hết? Trước hết, đáp ngay rằng “Một đường hướng thượng, độc chỉ ở chỗ ngộ nhập Tánh Tinh Chân Diệu Minh, Bản Giác Viên Tịnh, thì chẳng còn vọng tưởng nào để trù, không còn thứ lớp nào để chỉ bày”. Ấy là chỗ nói “Nương ngộ tiêu sạch”.

Ở đây trả lời rằng “Sự chẳng phải đốn trù, theo thứ lớp dứt hết”, là do lòng từ bi, lắc rắc chút mưa phùn, chỗ gọi là Đốn mà chẳng sót Viên vậy.

Căn nguyên này của năm ấm trùng điệp sanh khởi, đã sanh thì có nguyên nhân. Cái Sở nhân là nguồn tưởng của thức

thú tám, sanh khởi ra kiến phần và tướng phần. Do trong tạo ngoài, từ té đến thô. Nay muốn diệt năm ám này, sự diệt phải lần lần. Trước hết từ sắc ám tiêu trừ, do ngoài vào trong, từ thô vào té, không phải là không có thứ lớp.

Nếu luận cái lý Chân Như thì một Ngộ liền đến Phật Địa, có đâu tầng bậc giai cấp? Rõ ám không có tự thể, đương thể toàn Không, nên nương ngộ tiêu sạch một lượt, ngay đây vô sự. Thế nhưng tập khí từ vô thủy huân tập ô nhiễm lâu ngày, cái vô minh đang hiện hành, năm lớp buộc ràng đâu thể nhỏ sạch một sớm một chiều. Bởi thế, phải đào thải dần dần, theo thứ lớp mà hết sạch. Giống như cái nút của khăn Kiếp Ba, khăn vốn không khác mà nút phải mở tháo lần lượt. Trước được Nhân Không, kế đắc Pháp Không, sau nữa là đắc Không Không, bèn được Vô Sanh Pháp Nhân, tịch diệt hiện tiền.

Cho nên, chẳng rõ căn nguyên hư vọng thì tâm đuôi theo thức mà chuyền, chẳng thể khai thông. Nay biết rõ ràng là vọng, vọng vốn không có nguyên nhân, ngay ấy tâm khai, chứng cái vui Niết Bàn. Đã chứng Niết Bàn, vào chỗ chẳng sanh diệt, thấy năm ám kia là hư vọng, không nhân tự sanh, nguyên không tự tánh, quả đáng nhảm chán sâu xa vậy. Nếu năm ám chẳng diệt thì lưu chuyền ba cõi, sanh tử xoay vần, có gì mà vui để mê luyến chẳng bỏ ư? Sự Giác Ngộ căn nguyên hư vọng này, xa lìa năm mươi thứ ma sự lại là phuơng tiện ban đầu: các pháp Xa Ma Tha, Tam Ma, Thiền Na vi diệu của Phật Thê Tôn xưa trước, phải theo thứ lớp mà tu, đều đủ để làm lời minh huấn cho đời mạt pháp, nên Thê Tôn dặn dò khiết cho lưu thông.

Thiền sư Khuê Phong trả lời mười câu hỏi của Ông Sứ Sơn Nhân:

Câu hỏi Một: Thế nào là Đạo? Thế nào là Tu? Phải Tu mới thành hay chẳng cần mượn công dụng?

Đáp: Vô ngại là Đạo. Biết vọng là Tu. Đạo tuy vốn tròn đầy mà vọng khởi thành vướng mắc. Vọng niệm hết ráo túc là tu thành.

Câu hỏi Hai: Đạo nếu do tu mà thành, túc là tạo tác, thì giống pháp thế gian, giả dối chẳng thật, thành rồi lại hoại, sao gọi là xuất thế được?

Đáp: Tạo tác là kết nghiệp, gọi là “Thế gian giả dối”. Vô tác là tu hành, túc xuất thế chân thật.

Câu hỏi Ba: Sự Tu đó là Đốn hay Tiệm? Tiệm thì quên trước, mất sau, làm sao tập hợp mà thành tựu. Đốn thì vạn hạnh đa phương, làm sao một lúc mà viên mãn được?

Đáp: Chân Lý thì ngộ mà đốn viên. Vọng tình dứt mà hết lần lần. Đốn viên như trẻ nhỏ sơ sanh, trong một ngày mà cơ thể đã đầy đủ. Tiệm tu như nuôi lớn thành người, nhiều năm thì chí khí mới lập.

Ba câu trả lời này có thể chú giải cho đoạn kinh văn này.

Lại nữa, thiền sư Khuê Phong trả lời cho quan Thượng Thư Ôn Tháo: “Chân lý tuy là đốn đạt, vọng tình ấy khó trừ ngay. Như gió tạm ngừng, sóng mòi tạm lặng, đâu có thể chố tu một đời bền đồng với cái dụng của Phật. Chỉ khá lấy Không Tịnh làm tự thể, chớ nhận sắc thân; lấy Chân Như làm tự tâm,

chớ nhận vọng niệm. Vọng niệm khởi lên đều trọn chẳng theo. Như vậy thì khi mệnh chung tự nhiên nghiệp không thể ràng buộc”.

Tô Hoàng Long Hối Đường đáp lời hỏi của quan Thị Lang Hàn Tông Cố rằng: “Như thế, ngoài tâm không có pháp gì nữa. Chẳng biết phiền não, tập khí là gì mà muốn dứt hết đi, thì nếu khởi cái tâm như vậy bèn thành ra nhận giặc làm con. Từ xưa đến nay chỉ có lời nói, ấy là tùy bệnh cho thuốc. Nếu có tập khí phiền não mà chỉ cần dùng tri kiến Như Lai để đối trị, đó đều là lời nói dẫn dụ, phương tiện thiện xảo quyên biến. Nếu thật có tập khí để trị, bèn là ngoài tâm có pháp để dứt diệt, giống như con linh quy kéo lê cái đuôi trên đường, quét dấu mà dấu sanh! Có thể nói rằng “Lấy tâm dùng tâm, càng thấy bệnh nặng!” Bằng như rõ suốt ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, tâm pháp đã Không lại còn muốn dạy ai chóng hết đây?”

Cứ theo chõ Thầy của Tô Hối Đường thì “Xưa nay không một vật. Chõ nào nhuốm bụi trần”. Cứ vào chõ đáp của Tô Khuê Phong thì “Thường thường siêng lau sạch. Chớ để nhuốm bụi trần”. Hối Đường chủ về đốn, ví như người nằm mộng thấy bị xiềng xích, tỉnh dậy lại phải cởi thoát xiềng xích ư? Hiển nhiên không có chuyện đó vậy. Khuê Phong chủ về tiệm, ví như nước kết thành băng, không dùng tắm rửa được, phải gần ánh mặt trời mới thấy lưu thông.

Tông Cảnh Lục nói: “Vào Tông ta, trước tiên cần biết có. Sau đó giữ gìn. Lại đầu đuôi cần phải tương xứng, không thể

lý, hạnh có chõ thiếu sót, tâm miệng trái nhau. Nếu vào Tông Cảnh, Lý Hạnh đều tròn vẹn”.

Căn cứ theo sự quyết đoán của bộ Tông Cảnh thì Ngài Đại Giám (Huệ Năng) chỉ đủ một con mắt lẻ, Ngài Đại Thông (Thần Tú) thì hai mắt tròn sáng. Sao thế? Ngài Đại Giám đầy đủ Lý mà không có Hạnh, vì “Xưa ngay thường thanh tịnh, chẳng mượn lau chùi”. Ngài Đại Thông, “Đã ngộ cần phải tu, lau bụi thì gương sáng”. Bởi thế mà nói “Chánh tuy Chánh lại Thiên, Thiên tuy Thiên lại Viên”. Chẳng tham dự lâu ngày cái Tông tõ suốt thì chưa dễ bàn luận chõ này.

Chú thích

01 Chịu.

02 Ngọc mắt.

03 Bốn cách suy tính này lồng vào bốn Âm: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành.

04 Chuyện Tổ Đạt Ma sau khi tịch.

05 Cái làm ra, cái tạo ra.

06 Đại Tự Tại Thiên.

07 Cao nhất cõi Sắc Giới.

08 Danh từ Thiên chỉ lúc chưa ngộ.

09 Nương cái nhân.

10 Suy lầm.

11 Biết Ngược.

12 Thuộc Đạo Gia.

- 13 Vân Môn có tam cú.
- 14 Quá khứ, hiện tại, vị lai.
- 15 Kéo dài sự hư vọng.
- 16 Lỗ thông trời.
- 17 Nắm tay quý báu.
- 18 Ngàn năm.
- 19 Nghĩ Bậy.
- 20 Trần Cảnh Lãy Lừng.
- 21 Đường huyền.
- 22 Đơn, Trùng, Giao, Chiết dùng để chỉ các hào trong quẻ bói Dịch. Đơn: hào dương, Trùng: hào dương động. Giao: hào âm động. Chiết: hào âm.
- 23 Thức Âm.
- 24 Giai cấp.
- 25 Hay: “Đuổi chặng ra”.
- 26 Phật.
- 27 Bài kệ của Thần Tú.
- 28 Tự xung.
- 29 Cậu của Ông Xá Lợi Phat tên là Kausthila. Ông nói với Phat: “Này Thầy Cù Đàm, ta đây chặng lãnh thọ các pháp” ...

PHẦN THỨ BA: PHẦN LUU THÔNG

I. ĐƯỢC PHƯỚC, TIÊU TỘI HƠN CẢ

Kinh: “Anan, ví như có người đem các thứ thất bảo đầy dãy hư không cùng khắp mười phương, dâng lên Chư Phật như số vi trần, vâng thờ cúng dường, tâm không lúc nào xao lãng. Ý ông thế nào? Người ấy do nhân duyên cúng dường Phật như vậy được phước nhiều chẳng?”

Ông Anan đáp rằng: “Hư không vô tận, trân bảo vô biên. Ngày xưa có chúng sanh cúng Phật bảy đồng tiền, đến lúc bỏ thân rồi còn được địa vị Chuyển Luân Vương, huống gì hiện tiền hư không cùng tốt, cõi Phật đầy khắp, đều là trân bảo, thì dù suy nghĩ cùng kiếp còn chẳng thể thấu, phước ấy làm sao có bờ bến”.

Phật bảo Ông Anan: “Chư Phật Như Lai lời không hụt hụt. Nếu lại có người thân đủ các tội Tứ Trọng, thập Ba La Di, giây lát phải trải qua địa ngục A Tỳ phương này phương khác, cho đến cùng hết các địa ngục Vô Gián mười phương, không đâu chẳng trải mà có thể trong một niệm đem pháp môn này khai thị cho người chưa học đời mạt pháp, thì tội chướng người ấy trong niệm đó liền được tiêu diệt, biến cái nhân phải chịu khổ địa ngục thành An Lạc Quốc, được phước siêu vượt trăm lần, ngàn lần, vạn lần, úc lần hơn người thí cúng trước, như thế cho đến toán số thí dụ không thể nói hết được.

Thông rằng: Đài dây thắt bảo khắp cả hư không, thế gian làm sao có chuyện áy ư? Lấy Phật Nhãm mà xem, quây sông dài làm thành tô lạc, biến đại địa thành vàng ròng cũng là chuyện tầm thường vậy. Huống chi Tánh Diệu Chân Như, thanh tịnh bốn nhiên toàn khắp pháp giới, đó là gia bảo. Chứng Thanh Tịnh Pháp Thân thì đến kho báu (bảo sở), kho báu đó há chẳng toàn khắp hư không ư? Bởi thế, dùng bảy báu: vàng, bạc, trân châu, xa cù, mã não, san hô, hổ phách của thế gian để cúng Phật còn được phước vô lượng huống là “Nguyện đem toàn thể thâm tâm này phụng sự cõi nước nhiều như bụi, thế mới gọi là báo Phật Ân”, thì có thể khiến cho người người đều đến kho báu. Cái của báu xuất thế này phân biệt với đồ báu của thế gian, nên đồ báu thế gian nào so sánh được. Không chỉ được phước, mà còn tiêu tội. Phước thì có phước báo, tội thì có tội báo. Phước, tội cả hai không đo lường nhau được. Nên tuy được phước cõi trời, cũng chẳng miễn khỏi cái khổ địa ngục. Tội thì không gì nặng hơn tội ngũ nghịch: giết cha, hại mẹ, làm thân Phật chảy máu, phá sự hòa hợp của Tăng Già, đốt thiêu kinh tượng. Đây chỉ nêu ra bốn, vì cha mẹ xem như một, còn Tam Bảo thì không thể thay đổi. Ở trước, nói Tứ Khí là chỉ sát, đạo, dâm, vọng, lại nói Bát Khí; ở đây nói Thập Khí tóm lại đều chẳng ra ngoài mười ác nghiệp, tức là mười tập nhân và sáu giao báo ở trước. Tội nghiệp nặng thì địa ngục Vô Gián phương này hư hoại lại dời qua phương khác, cho đến Vô Gián mười phương, mỗi mỗi đều trải qua, khổ sở biết bao.

Chỉ một niệm hồi tâm, đem pháp bảo này chỉ bày cho người chưa học, chuyen mê thành ngộ, chuyen phiền não thành Bồ Đề thì tuy ở trong biển sanh tử mà tự có cái vui Niết Bàn. Đây là tự gây tội thì tự sám hối, tự gây nghiệp thì tự giải thoát, tuy Phật cũng không thể giúp cho sức về chỗ đó. Không có tội, tức là được phước. Không có khổ tức là hưởng an vui. Bởi thế, đem pháp bảo mà chỉ bày cho người thì không những tự mình khỏi tội mà còn khiến người người khỏi tội. Không những tự mình được phước mà còn khiến người người được phước. Không chỉ tự mình được của báu mà còn khiến người người đều được cái rất báu. Cái báu đầy ngập thế gian, nào có nơi chốn. Há chỉ lấy cái phước do cúng Phật bảy thứ báu mà so sánh được ư?

Lời Phật chân thật, khỏi tội được phước, có vô lượng công đức như thế rõ ràng tán kinh này, thanh tịnh bản nhiên, toàn khắp pháp giới, không cùng không tận, tôn quý không gì so sánh nổi.

Có nhà sư hỏi thiền sư Đại Lãnh: “Sao là tất cả chốn thanh tịnh?”

Tổ Lãnh nói: “Bè cành cây quỳnh, tấc tấc là của báu. Cắt cây chiên đàn, miếng miếng toàn là hương”.

Ngài Đơn Hà tung rẳng:

*“Khắp cùng trời đất thiệt xá lợi
Vạn hữu toàn bày tịnh diệu thân
Ngọc Nữ ngược trần không khéo vụng
Linh miêu hoa trổ chẳng hay xuân”.*

Nếu vậy thì không còn các tướng địa ngục ư? Có sao Ông Điều Đạt (30) đang sống mà sa vào địa ngục?

Điều Đạt báng Phật, nên đang sống mà sa vào địa ngục.

Phật khiếu Anan hỏi rằng: “Ông ở trong địa ngục yên ổn chăng?”

Ông Điều Đạt đáp: “Tôi tuy ở trong địa ngục mà vui như trời Tam Thiền”.

Phật lại khiếu Ông Anan hỏi: “Ông có câu ra khỏi không?”

Ông Điều Đạt đáp: “Tôi chờ Thé Tôn đến thì ra khỏi!”

Ông Anan nói: “Thé Tôn là Đại Sư ba cõi há có phận vào địa ngục ư?”

Ông Điều Đạt nói: “Tôi há có phận ra khỏi địa ngục ư?”

Tổ Thúy Nham Chân nói: “Lời thân quen xuất từ miệng thân quen!”

Ông Điều Đạt là anh em chú bác với Đức Phật, là anh ruột của Ông Anan, đã đặc thần thông, xô núi đè Phật, khi ấy có thần Kim Cang hộ trì, nhưng cũng làm Phật bị thương, ngón chân út bị thương chảy máu. Ông muốn hại Phật để thu nghiệp hết đại chúng, mới đi nửa đường, thân đang sống mà sa vào địa ngục. Nhưng Ông Điều Đạt từ khi làm Lộc Vương đã cùng tu hành với Phật, nay tình bà con ruột thịt thì lại có sự biến đổi này. Cũng là tâm mê quá nặng, chưa dễ quay đầu, cần phải thiêu sạch nơi lửa nghiệp địa ngục mới có thể phát ngộ.

Phật thọ ký cho Ông Điều Đạt sau nhiều kiếp cũng sẽ thành Phật. Ngay trong địa ngục mà không thấy có chuyện ra vào thì làm sao biết biến địa ngục thành cõi an lạc ư?

II. TRỪ MA HƠN CẢ

Kinh: “Anan, nếu có chúng sanh tụng được kinh này, trì được chú này như Ta nói rộng ra thì cùng kiếp chẳng hết. Y theo lời dạy của Ta, như lời dạy mà hành đạo, thẳng vào Bồ Đề, không còn ma nghiệp.

Thông rằng: Một niệm chuyển hóa bèn tiêu tội nghiệp, phước đức vô lượng. Nếu thường tụng được kinh này, thường trì chú này phước đức cùng kiếp chẳng hết. Như y theo giáo pháp mà hành đạo ắt thành Chánh Giác, không còn nghiệp ma. Kinh này, chú này phát huy tánh Diệu Giác đến sáng rõ hoàn bị, chố đề phòng ám ma chu đáo, Ma không thể mê hoặc mà đạo Giác thành tựu vậy.

Nếu trì chú, tụng kinh mà không rõ ở trong Tự Tánh thì lại bị Ma trói buộc.

Nhà sư hỏi Tô Bách Trượng: “*Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan. Lìa kinh một chữ, liền đồng Ma thuyết*”. Thì thế nào?

Tô Trượng nói: “Do giữ động niệm, tam thế Phật oan. Ngoài đây riêng cầu liền đồng Ma thuyết”.

Sau này, nhà sư hỏi Tô Đồng An: “*Y kinh giải nghĩa, tam thế Phật oan. Lìa kinh một chữ, liền đồng Ma thuyết*”. Lý ấy thế nào?

Tô An nói: “Cô phong (đỉnh cô) ngút mắt, chẳng khoác ráng, sương. Vầng nguyệt giữa trời, bạch vân tự khác”.

Ngài Đơn Hà tung rǎng:

*“Mây tự cao bay, nước tự xuôi
 Mênh mông trời nước lắc thuyền không
 Đêm khuya chẳng hướng bờ lau đậu
 Khỏi hẳn trung gian với hai đầu”.*

Chỗ này nơi nghĩa kinh, chẳng tức, chẳng lìa, tự có chỗ xuất đầu. Nếu ngộ chỗ này thì Ma không thể mê hoặc.

Thiền sư Thọ Châu Đạo Thụ dưới lời của Ngài Thần Tú biết được chỗ vi diệu, bèn cất am cỏ ở Thọ Châu Tam Phong. Thường có con dã nhân, mặc đồ trắng đơn giản, nói năng kỳ dị, ngoài chuyện cười nói còn hóa ra hình Phật, cho đến các hình Bồ Tát, La Hán, Trời, Tiên... hoặc phóng hào quang, hoặc phát lộ âm thanh tiếng dội. Hàng học trò thấy vậy đều không thể đo lường được. Như vậy trải qua mười năm, sau lặng mắt, không còn hình ảnh.

Sư nói với đại chúng: “Dã nhân làm lấm màu mè mê hoặc người tu. Chỉ phải lão tăng không thấy, không nghe. Màu mè của y thì có chỗ cùng mà cái không thấy, không nghe của ta thì vô tận”.

Nếu hiểu cái ý chỉ “*Chẳng thấy, chẳng nghe vô tận*” này thì thăng vào Bồ Đề không hề thiếu hụt, ám ma tiêu ráo, Thiên Ma nào để phải lo!

III. LUU THÔNG CHUNG

Kinh: Phật nói kinh này xong, hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ, tất cả thế gian Trời, Người, A Tu La cùng các vị Bồ Tát, Nhị Thừa, Thánh Tiên, Đồng Tử ở phương khác và các Đại Lực Quỷ Thần mới phát tâm thảy đều hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Thông rằng: Phật nói kinh này là pháp môn Tối Thượng Viên Đốn. Phật dùng một âm diễn pháp, tùy mỗi loại đều riêng hiểu, nên tùy chỗ chứng lượng đều được cái vui của pháp, hồn hở mà đi. Vì sao thế? Tánh là cái vốn có, ai ai đều sẵn đủ.

Cho nên, Tô Triệu Châu khai thị đại chúng rằng: “Xem kinh cũng ở trong sanh tử, chẳng xem kinh cũng ở trong sanh tử. Vậy các ông làm sao ra cho khỏi?”

Một nhà sư bèn hỏi: “Vậy như trọn chẳng lưu lại thì sao?”

Tô Châu nói: “Thật vậy thì được, còn chẳng thật vậy làm sao ra khỏi sanh tử”.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng:

“*Xem kinh cũng ở trong sanh tử
Ngồi trong rá cơm không biết ăn
Không xem kinh cũng trong sanh tử
Ngập đời áo ấm không ai mặc
Bỗng nhiên chim khách kêu một tiếng
Quay thân nhảy nhót khắp nhà vui
Thôi suy nghĩ!*”

*Như nay vất ra trước mọi người
Đại Bi ngàn tay không giở nổi!".*

Vị Tọa Chủ Tây Xuyên đến Ngài Hoa Nghiêm hỏi rằng: “Tổ Ý, Giáo Ý là đồng hay khác?”

Ngài Hoa Nghiêm nói: “Như hai bánh của xe, như hai cánh của chim”.

Tòa Chủ nói: “Ngỡ rằng Thiên Môn riêng có chỗ kỳ đặc, té ra chẳng ra ngoài giáo ý!”

Sau này, nghe Tổ Giáp Sơn giáo hóa thịịnh hành, lại bảo đệ tử sang hỏi câu trên.

Tổ Sơn nói: “Chạm cát không đủ bàn chạm ngọc, đèn on trái với ý đạo nhân!”

Đệ tử về kể lại với Tòa Chủ, vị này khen ngợi, hướng về phía Tổ Sơn làm lễ mà nói: “Ngỡ rằng Thiên Môn và giáo ý chẳng khác, té ra có chuyện kỳ đặc”.

Há chẳng nghe có nhà sư hỏi Tổ Mục Châu: “Tổ Ý, Giáo Ý là đồng hay khác?”

Tổ Châu nói: “Núi xanh tự núi xanh, mây trắng tự mây trắng”.

Ngài Thiên Đồng nêu rằng: “Nếu hướng về ấy biết được Mục Châu thì Thích Ca ra đời, Đạt Ma Tây sang đều là tay không biết thủ phận! Lại biết được chẳng? Tay dài, ống áo ngắn; chân gầy, giày cỏ dư (rộng)!”

Có nhà sư hỏi Tô Lạc Phố: “Tô Ý, Giáo Ý là đồng hay khác?”

Tô Phố nói:

*“Trời, trăng cùng xoay sáng
Ai nói có riêng đường”.*

Nhà sư hỏi: “Như vậy thì sáng tối khác đường, phải quay một lối?”

Tô Phố nói: “Chỉ tự chẳng quên dê, nào phải lo đường rẽ!”

Ngài Đơn Hà tung rẳng:

*“Trăng rọi bóng tùng, cây cao thấp
Nhật chiếu lòng ao, trời dưới trên
Rực rỡ đương không, chẳng chánh Ngo
Đêm thu vành vạnh, biết chi tròn”.*

Hiểu chỗ này thì chỗ mặt trời, mặt trăng chẳng đến, riêng có một càn khôn! Đâu phải hạng bo bo Tông Giáo làm kế sanh nhai có thể nghĩ lường sao!

MƯỜI CÔNG ĐỨC ĂN TỐNG KINH, TƯỢNG PHẬT

Một là, những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.

Hai là, thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm cướp, đao binh, ngục tù.

Ba là, vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cùu oan trái của đời trước cũng như đời này.

Bốn là, các vị hộ pháp thiện thần thường hộ vệ nên những loài dạ xoa ác quỷ, rắn độc hùm beo tránh xa không dám hăm hại.

Năm là, tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiền sáng mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.

Sáu là, chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y phục đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời.

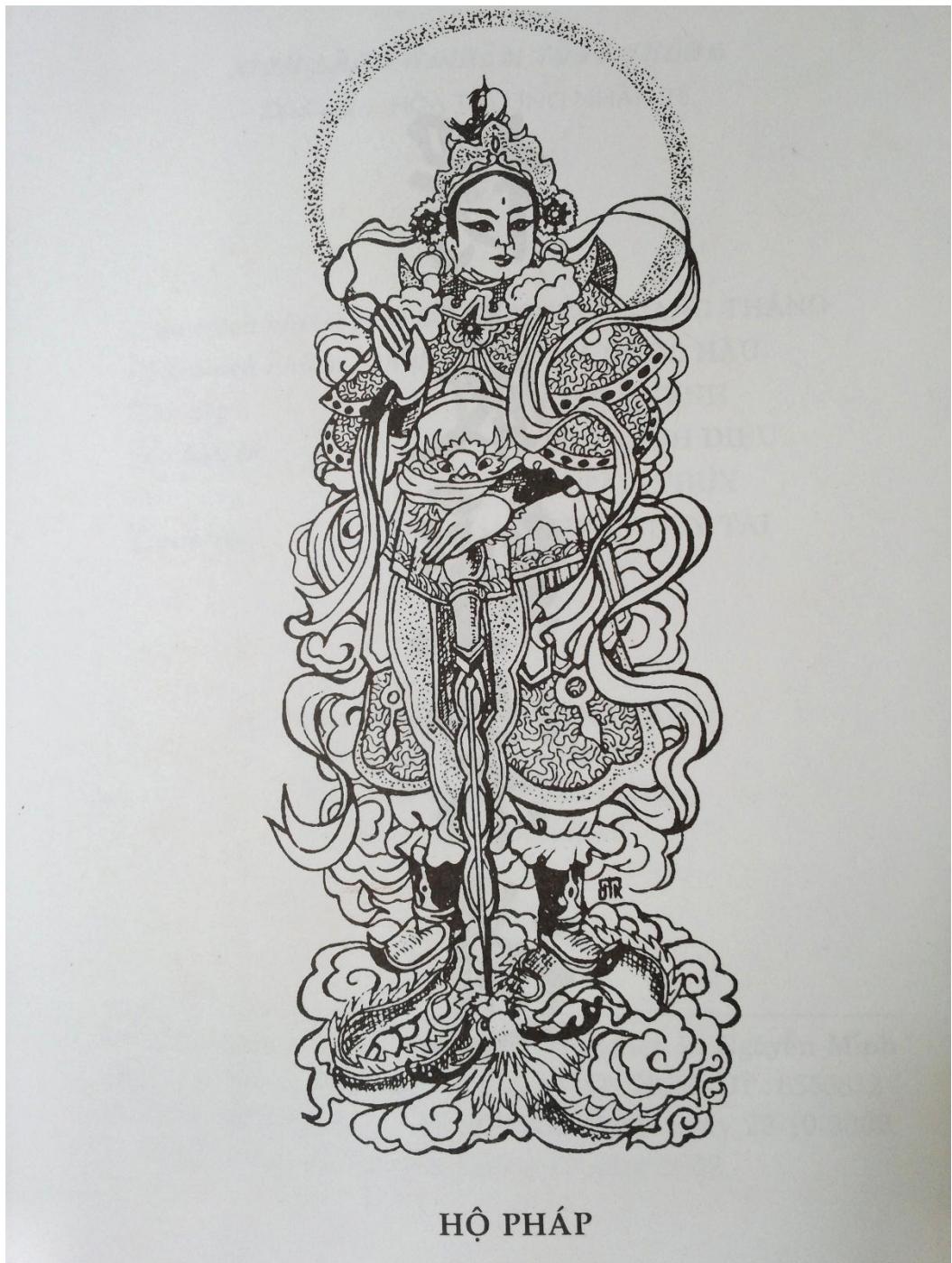
Bảy là, lời nói việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.

Tám là, ngu chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khốn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhảm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.

Chín là, vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.

Mười là, hay vì tất cả chúng sanh tròng các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm ruộng phuớc điền cho mình. Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phuớc quả thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng được thấy Phật, nghe Pháp, phuớc huệ rộng lớn, chúng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

ÂN QUANG TÔ SU DẠY: Ân tống kinh, tượng Phật được công đức thù thắng như vậy, nên gấp khi chúc thọ, thành hôn, cầu phuớc, thoát nạn, sám hối, cầu tiêu trừ tật bệnh, cầu siêu độ hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ Đề ân tống để tròng cội phuớc đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.



楞嚴經宗通

KINH LĂNG NGHIÊM TÔNG THÔNG
Dịch giả : HÒA THƯỢNG NHÃN TẾ

-//-

Chịu trách nhiệm xuất bản: THIỀU QUANG THĂNG

Chịu trách nhiệm bản thảo: PHẠM NGỌC HẬU

Biên tập: ĐỖ THỊ QUỲNH

Sửa bản in: THÍCH MINH DIỆU

Bìa: HOA TÂM THỦY

Trình bày: NGUYỄN DUY TÀI

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

10 Chu Văn An - Hà Nội

ĐT: 080.48106-080.48312

FAX: (08).080.48240